

NGUYỄN  
TUÂN  
TOÀN TẬP  
TẬP V



vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

VĂN HỌC HIỆN ĐẠI VIỆT NAM

---

**NGUYỄN TUÂN  
TOÀN TẬP**

( Năm tập )

V

(TÁC PHẨM TỪ 1976 - 1984)

NGUYỄN ĐĂNG MẠNH

bìa soạn và giới thiệu

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC  
Hà Nội - 2000

NGUYỄN ĐĂNG MẠNH  
sưu tầm và giới thiệu

## **PHẦN I**

**TÁC PHẨM TỪ 1976 - 1984**

**KÝ \***

*(Tập tùy bút, bút ký)*

\* Nhà xuất bản Văn học - 1976.  
- Chúng tôi lược bớt 4 bài đã in trong tập "Hà Nội ta đánh  
Mỹ giỏi"

## SUỐI QUĂNG

Có cái suối nhỏ chỉ ba bước đã lội qua, có con suối to như một dòng sông mỗi lúc sang ngang lại phải lụy đò. Và đứng trước một con suối, cũng nhiều cách nhìn khác nhau. Ví dụ anh chuyên viên giao thông thủy bộ nhìn con suối không giống anh địa chất của các đội tìm kiêm.

Trông thấy suối, nghĩ đến cầu đường. Qua con suối bằng cầu nồi hay cầu chìm? Mở con đường mới này, thì nên đi tuyến định cao tránh được cầu cống, hay là cho đi tuyến thấp dưới lũng, cứ dọc theo mép suối mà dựng nền đường?

Cán bộ địa chất nhìn con suối lại có những xúc động và nghĩ ngợi khác. Anh không nghĩ cách vượt ngang, mà thường là hay đi dọc theo con suối; không đi dọc men bờ mà dầm ngay mình vào giữa lòng suối nước ngập bụng ngập ngực, rồi cứ thế mà lội ngược dòng. Cứ đi cả giày vào giữa dòng, rồi càn ngược lên có khi đi liền một tuần có khi nửa tháng, có khi ba

tuần liên miên từ cửa suối cho đến thượng nguồn con suối lạ. Có khi phải bắc thang trèo lên chõm thác, có khi chui luồn qua cái màn nước thác trắng ngắn, tay lăm lăm cái búa cán dài. Đá lăn, đá gốc mà còn nước dênh lên, tức là còn xa nguồn. Bao giờ thấy chân đá chỉ còn xâm xấp tí nước, thì mới là sắp tới nguồn. Ngọn nguồn thương là một cái lòng chảo, trong lòng chảo thượng nguồn, không có nước mà chỉ là hơi ẩm đọng dưới một lũ đá hoặc một đám lá già. Thương nguồn nhiều khi chấm đúng vào con đường phân thủy chấm đúng vào chỗ đường giáp giới địa đầu hai tỉnh. Anh địa chất rú nhau đi tìm quặng quý, đi tìm via quặng ngay trong lòng suối. Càn ngược vào lòng suối mỗi ngày chỉ lội được khoảng hai cây số. Vừa đi, vừa bới đá. Lòng suối và vách đá chõc lát dội lại cái tiếng búa khảo đá để tim kim quý. Tiếng thổi mạt đá phù phù. Vừa đi, vừa dừng trên lòng suối mà ghi chép vào “Nhật ký của người địa chất”. Ngày xưa Lưu Nguyễn thấy hoa đào trôi ra, liền ngược dòng hoa mà tìm được Thiên Thai, không rõ trên lộ trình cánh đào hai người có thường trò chuyện với nhau không. Nhưng ngày nay thì suối mơ của người địa chất thường có những phút những quãng thật là suối nhộn. Một nhóm năm ba người vừa lội, vừa khảo đá, vừa ghi sổ, vừa đánh dấu các mẫu quặng. Bỗng lòng suối văng bật lên tiếng người reo to. Rồi i ới gọi nhau. Áy là một ngày vui

trên suối, phát hiện được quặng quý trong lòng con suối, và quên hẳn đi cái chuyện nước đã ăn chân mình từ lâu rồi. Nhưng cũng có những đêm dòng suối lạnh đèn lại vô hồn đồng vọng lại những tiếng hú của tổ tiên địa chất lạc đội lạc đường đang giao cao tàn đuốc tìm nhau.

Một buổi trưa nào đó của Tây Bắc, tôi bước theo một đàn ngựa thồ lội qua một khúc suối trong. Nắng rừng rọi xuống, xuyên qua tấm kính mặt suối băng. Sỏi, đá cuội, đá lăn, đá dầu sứ, đá hộc, đá gốc, hiện lên băng hết. Bỗng thấy nơi đâu hòn này nơi đâu hòn kia ẩn ẩn hiện hiện, những vết sứt rất mới. Toàn thân viên đá mòn đều một chất rêu lưu cữu, chỉ riêng chò vết thương mới là không có rêu, và lộ ra những hạt cấu trúc của đá. Đàn ngựa thồ nào qua đây, chắc là tải hàng nặng lắm, mỗi con chở tới bốn thùng dầu hỏa là đúng 80 cân! Thồ nặng, trượt chân trên trán đá, ngựa vấp mạnh móng sắt vào, làm sứt sẹo lùi đá lồng nước chứ gì! Tôi nhìn kỹ những cái sẹo đá lóng lánh cát bạc cát vàng và lì ti nỗi gân xanh đỏ. Móng sắt ngựa thồ không đời nào vấp bật tóe đá đến như thế được. Chỉ có đánh búa vào thì mới vỡ to vỡ gọn như thế. Thôi, đúng là quanh vùng đây có một đội địa chất nào đang đi tìm hiểu thêm đất nước, và phát hiện thêm của nỗi của chìm cho Tổ quốc đây. Và dựng lên một tấm bản đồ cụ thể hơn nữa về đất nước mình. Tổ

quốc không phải chỉ có núi sông, thị thành, làng mạc cùng là những con người chủ nhân ông của sông núi đó, mà nó còn gộp cả một cái nền móng đá quặng im lặng trong lòng đất, nó còn là cả một cái hạ tầng cơ sở vật chất của địa chất này. Mới thấy rõ thêm hơn nữa rằng, lòng yêu Tổ quốc là một thứ tình yêu không dung nạp sự mơ hồ, và tình yêu đó ngày càng đòi hỏi những cơ sở những phương hướng thật là cụ thể.

Ngồi bên con suối mơ trưa rừng quạnh, thấy nhớ nhở đến anh bạn trẻ tên là Tịnh, đội trưởng của đoàn địa chất 35. Tịnh lúc đầu định hướng sự học vào nghề y, nhưng sau lại xoay sang địa. Trong đầu anh lúc ấy toàn thấy vo vo tàu bay địa chất bốn cánh đi khảo sát những khu vực địa chất cõi dì từ. Nhưng từ ngày vào nghề địa, anh không ngồi vào cái tàu bay nào là lá sát ngọn rừng, mà chỉ toàn đi bằng đôi bàn chân mình, mỗi năm bục đến mấy đôi giầy cấp phát, đi theo một cái đà chật, đã chật mà lại hay ngừng. Tịnh đã qua nhiều khu vực tìm kiếm. Càng đi càng thấy mình được hiểu sâu thêm về Tổ quốc. Và Tổ quốc càng thật là một niềm bao la vô cùng. Tịnh vẫn không gạt bỏ hẳn các chuyến máy bay địa chất, nhưng càng đi sâu vào đất, vào nước, Tịnh càng thấy yêu cái nghề của mình. Đúng, phải có hàng không địa chất để nâng chất lượng khôi lượng công việc địa chất, nhưng việc chính của mình vẫn là bám sát lấy mặt đất và dui vào

lòng nó mà làm. Trong Tình, thấy rằng đó là một người yêu nước chân chính. Và ngành địa chất Việt Nam là một trường đại học đào tạo ra ngày càng nhiều những người yêu nước cùng một thế hệ với Tình.

\*

\* \* \*

Tỉnh núi Hà Giang là một tỉnh biên giới có cồng giòi, rất nhiều cồng giòi cứ úp mặt xuống đất mà leo miết, và ngẩng đầu lên thì chỉ thấy có mây gần mây xa. Đã thế, anh địa chất Hà Giang lại còn thêm thắt ra một vài cái cồng giòi địa chất nữa. Con ngựa chuyên đi linh lương gạo và cốt mìn cho đội cũng xin hàng, không bám được đá cồng giòi mà đành đi vòng thúng theo tuyến lũng thấp. Lên được cái cồng giòi Long Bánh Chè gối này thì con ngựa cốt mìn phải chết. Cách đây hai ngày đường, bên kia phia Bắc Mê trên lối vào xã Đường Am, có một cồng giòi khác mang tên là đèo Con Ngựa Trụy Thai. Tim tôi đập thình thình như tiếng gó cửa đài cấp cứu. Dù sao, tôi cũng hãy quay đầu lại vài lần, để nhìn con suối dưới chân cồng giòi mình vừa lội qua lội lại ban này tới hai mươi lần. Nhìn lại, mới thấy mình đã lên cao khá nhiều. Con suối trông lại thấy sâu hoắm! Nó bé như một thời

thiếc chuốt dài, và nó ánh lạnh hệt một thời thiếc. Hết cổng giời, trên một thoi rừng lọt thóm vào đáy một vạt ruộng lầy, nghe có tiếng mõ canh giữa ban ngày. Chỉ nghe mõ mà tinh không thấy bóng người. Nước bậc thang ruộng trên rót xuống bậc ruộng dưới gõ luôn vào một ống tre. "Nước xanh gõ hòn đá xanh. - Nửa năm nghe tiếng mõ canh cổng giời", anh địa chất vừa đọc lén, vừa bước thoăn thoắt. Anh liền kể về một anh bạn khác, cùng ở trong đội tìm kiếm của anh. Vừa rồi anh bạn nghỉ phép về xuôi để chuẩn bị tiến tới lập gia đình. "Đối tượng" hạnh phúc lứa đôi ở ngay giữa Hà Nội. Hai anh chị ấy cùng đi bách bộ trong vườn hoa Thống Nhất. Chị đi thong thả, còn anh thì quen chán, cứ tranh thủ mà đi, tướng đâu như con đường sỏi cuối hoa viên vẫn còn là tuyến lộ trình trên áy. Chị đối tượng có vẻ mồi, liền gợi ý: "Anh đi đã lâu rồi, nên ngồi xuống một lúc ở cái ghế đá trước mặt kia nhé!" Tính anh bạn tôi cũng giàn đơn, không chú trọng đến những ý tứ mình chưa quen, liền trả lời một cách thẳng thắn: "Đi bộ thế này thám gì. Tôi thường đi cả ngày, từ sớm đến xẩm tối không nghỉ gì cả". Câu chuyện tim hiểu áy, hình như chưa tiến lên được mấy, vì cái bước chân chưa đều nhau giữa hai người định đồng hành.

Đội bộ của đội tìm kiếm là những cái lán cỏ tranh dựng ngay bên bờ suối. Chị nuôi của đội là một cô dai

mẫu chuyên-dai vàng tám các vung cát suối cát sòng, và nay tạm rút về đây để dài sạn rá gạo vo ngay trên bọt suối ầm ầm. Chiều chiều, suối lại nhộn lên những trao đổi cuối ngày của anh em đào hào phát tuyến đang giặt quần áo, gột giày. Lán nằm lọt vào khe suối, cái chớp núi cỏ gianh phía đi Mã Lùng ở ngay đỉnh đầu mình kia, vẫn còn giữ lại tia nắng quái, mà trong lán đã phải thắp đèn rồi.

Căn nhà lá tôi ở, nguyên là cái buồng đồ họa của một chuyên gia người Âu làm cố vấn cho đoàn cho đội, hôm vừa rồi tôi có gặp trên đường ra tỉnh.

Trên con đường đi Bắc Mé đó chao ôi, biết bao là nỗi lòng! Gần ba chục năm trước đây đường vào Bắc Mé là một tuyến đường không vui. Người lính tập giài tù cũng chả vui thú nỗi gì mỗi lần đi trên lối mòn đường ngựa. Từ ngày sinh ra cái cảng Bắc Mé ấy cho tới lúc ta nỗi lên triệt hạ nó, nếu tôi nhớ không sai thì có tất cả là bảy chuyến tải tù chính trị. Và chuyến lưu xứ phát vãng nào thì cũng chia cung chặng đúng như thế. Đêm đầu, ngủ ở bến Bắc Biều, đêm thứ hai ngủ ở dốc Nà Cáp, và đêm thứ ba thì đã ngủ ở Cảng rồi. Chặng thứ ba này uất nhất, vì dài hơn, vì gần tới địa điểm chốt, thằng quan mệt giám binh Ragu càng hách, ngồi trên mình ngựa rượt lên lùi xuống, đốc thúc toàn bằng lời lẽ thô tục khinh mạn. Tôi đã dám theo đúng cái lộ trình khổ lụy đó của người tù xưa, và

tự hỏi xem trước đây, một góc tư thế kỷ trước đây, có đồng chí nào đi cảng Bắc Mê mà lại nghĩ đến chi tiết của hai mươi nhăm năm sau này, người đi đồng trên đường dây, lại là những con người địa chât đang thèm giàu mạnh cho đất nước đã độc lập và có chủ quyền?

Chỗ miệng suối Nậm Nứng đó, gần đó ra ngoài sông Nho Quế, có một cái cầu gỗ trụ sắt, ván gỗ, và móng đá xây. Bảy đoàn tù chính trị giải vào cảng Bắc Mê trong kia đã, năm này qua năm khác, nối tiếp nhau qua cái cầu Nậm Nứng đó, trước đây một phần tư thế kỷ. Nay trên cầu xiêu vẹo, chỉ còn mấy bụi phong lan ra hoa và thẳng tắp trên cầu xưa, cảng thẳng một đường dây thép điện báo mảnh như một sợi tơ nhện. Dưới cầu, trong lòng suối, mặc dù ngày đã gần tắt, nhưng nắng tàn ngày, qua làn nước suối vẫn còn soi rõ những gòc đá chìm mang những cái sẹo rất mới của búa đanh đội tìm kiếm địa chât.

Trong bản Nậm Nứng nỗi khói lam cờm chiều, có ông cụ trước đây phải đi phu tải đan cho đồn Tây trong cảng Bắc Mê. Đàn vịt bầu của ông cụ cứ xê mông xuống, cổ xanh biếc một vành áp lực, mỗi con nặng ba bốn cân, vịt bầu Chợ Bến không địch nổi. Nói chung quanh bản Tày này, chó bông xù đẹp, mèo to bằng con báo sữa, gà thiến phải đan lồng riêng cỡ to. Và con người thì đàn ông cởi mở, và đàn bà thì mắt người chưa ở riêng cũng như người đã từng làm mẹ, ai ai cũng có một khoe nhìn ánh trong như con suối

lúc êm trời. Có anh trong đoàn đi định nài lại ông cụ tài đạn Tây ngày xưa vài con vịt, ông cụ báo vịt này nuôi không phải để ăn thịt ngay, mà để cho nó rúc vàng tẩm cát suối đây. Đêm ngủ lại bắn Tàu Nậm Nứng - nó cũng là một trạm nghỉ của địa chất vốn dựa vào dân địa phương, và nó ở ngay mép con đường đi cảng Bắc Mê ngày xưa, - tôi cũng bị một đêm thao thức. Tự nhiên lại vụt nghĩ đến ông bà Lénin ba năm ở Sútxenxcôie. Đây cũng là một dòng nước tù của người đi đây xưa. Mà giờ thì ở đây ầm ầm xây dựng một thứ thủy điện nay mai thấp sáng toàn cõi Xibéri, và sẽ là cái nhà máy sản xuất điện to nhất thế giới, thằng Hoa Kỳ còn xơi mới theo kịp.

Dịch vào phía trong kia, tôi nằm gần đầu nguồn con suối mà càng tiếp tục những đêm khó ngủ. Chả phải lạ cảnh lạ người mà cũng chả phải là vì con suối nó kêu to quá. Ccn suối của anh địa chất nó kêu cả ngày đêm không phút nào ngừng, nó cũng bao la bất quyện như sóng bể không biết mệt mỏi là gì.

Đội địa chất đây là một đội tìm kiếm. Mặc dầu suối kêu dữ dội, nhưng khu vực tìm kiếm đây vẫn là một góc trận địa im lặng. Cứ âm thầm mà phát tuyến, mà đào hào, mà đuổi quặng loài kim hiêm quý. Nếu bắt đúng mạch, nếu nó có nhiều thì sau đó trận địa thầm lặng này mới trở nên tấp nập hối hả, khi có đội khai thác đóng lại. Có thể nơi đây rồi sẽ ầm ầm sự khai thác, có thể nơi đây sẽ mở đường từ tế cho đội thám

dò đưa máy to vào. Nhưng dù có tiếp tục hay không tiếp tục các giai đoạn sau bao giờ đội tìm kiếm cũng lại rút quân đi. Và cò gianh lôi mòn lại khép lại. Họ rút đi đâu? Đoàn quân biệt động đội ấy lại đi về một điểm nào đó trên miền Bắc lâm rừng nhiều suối, và nhiều thứ của chìm của nỗi cần phát hiện. Trong cuộc chiến đấu thầm lặng này, họ thật là những con người dũng sĩ mở đường. Mở đường lặng lẽ, nhưng trong im lặng, đã chợt bắt thấy cái tiếng của ngày mai. Phải chăng vì chưa quen được với tính thầm lặng của người dũng sĩ tìm kiếm, mà con suối gần đầu nguồn càng về đêm càng to giọng phát biểu một cách vô tổ chức như thế? Càng về sáng, suối kêu càng tha thiết. Nó như linh cảm điều đó, và nó như muốn niu lại cái bước chân những dũng sĩ chuyên môn ngược dòng sấp sửa đến lúc chia tay cùng bạn đồng.

Con suối nhớ thương một cách ôn ào, mà tôi thì đang tương tư đến một viễn ảnh tương lai gần nào ở quanh bờ này. Biết đâu tại đây rồi lại chả mọc lên một cái gì có quy mô lớn của bàn tay Xã hội chủ nghĩa chúng ta? Biết đâu nỗi nhớ dữ dội đêm nay của dòng suối, lại không là cái tiếng vui reo khỏe mạnh sắp tới của những ống tuyéc bín chạy điện trắng của một nhà máy lọc quặng luyện kim nào trên đất Hà Giang nhiều suối này?

## NHẬT KÝ LÊN MÈO

Cuộc sống Tây Bắc ở một nơi địa đầu, ở một xã vùng cao tại một khu vực biên giới, khó mà thuần nhất được. Nhất là ở chỗ biên giới Lào đó. Vùng này toàn người Mèo. Mèo Việt Nam, Mèo Ai Lao. Lúc họ đi, lúc họ về. Một đôi khi, lại kèm một vài người lạ mặt. Có khi vào nhà này nhà khác. Có khi chỉ ngồi chờ ngoài bãi cỏ gianh. Hôm nay người ấy đi rồi mai rồi một người ấy lại về. Và ngược lại. Cuộc sống là một cái gì phức tạp, chỗ biên giới lại càng ít sự giản đơn. Thân người đó ở đất Việt Nam, lòng họ cũng ở Việt Nam, những nương ngô của họ, những cái lều canh nương ngô lại ở trên đất Lào lại ở cái núi bên kia.

Quanh đồn biên phòng Việt Lào này không có dân cư nào hết. Sự sống có bóng người có hơi người tiếng người, là cái đồn biên giới này, với một đơn vị công an nhân dân vũ trang. Muốn thấy nhân dân, phải băng núi có gianh, đi hàng chục cây số. Tôi rời đồn biên

giới, tìm đến cái xóm Mèo có dăm sáu gia đình áy. Hồi Pháp đại bại ở Điện Biên Phủ có một toán tạt qua xóm này định rút tắt sang Lào, nhưng du kích Mèo ở đây cũng làm được dăm thằng. Bà cụ Mèo áy rất tốt trước đây cũng bình thường thế thôi, nhưng mấy năm nay bà cụ chịu khó hoạt động trong khắp xã biên giới. Người ta quen gọi là cụ Cho Thóc Giống.

Thóc ở dưới nông trường Quốc doanh kia là một phần do bà cụ Mèo này xin giống ủng hộ cho. Nhưng có một việc mà hàng ngày cụ Mèo Cho Thóc Giống làm rất hăng say là đi vận động nhân dân, giải thích nhân dân cảnh giác âm mưu địch, chống bọn tay sai địch lén vào đất ta lừa phỉnh bà con vùng cao và rủ người đi Lào.

Bà cụ Cho Thóc Giống nói được tiếng phổ thông, nhưng ít thôi. Bà cụ mừng gọi tên từng người, mỗi tên đều kèm hai chữ cán bộ “cán bộ Tường, cán bộ Tuân, v.v..). Gia đình bà cụ có con gái, và con dâu góa chồng. Cả chúng tôi nữa là tám người ăn một bữa cơm có rượu ngô và cả một con lợn vừa mới chục tiết lúc sớm. Người Mèo nổi tiếng là chăn nuôi lợn giỏi. Bà cụ ép ăn thịt lợn, đúng với truyền thống hiếu khách của người Mèo. Đã có khách quý là giết lợn, giết con lợn như giết con gà. Mổ lợn dài khách, còn bao nhiêu phoi ướp và mỡ để dành thắp đèn dần, chứ tịnh không có

đem bán, và cũng không khi nào đánh đụng mồ chung lợn với bất cứ ai.

Bà cụ Mèo thương con dâu cùng bằng cái tình thương đối với con gái. Con dâu và con gái đều có sắc đẹp và tuổi trẻ, người con dâu hay nói hay cười hơn cô con gái. Ba mẹ con cùng ngồi ăn, ăn bằng thia, vừa ăn vừa chuyện với khách vừa mời khách uống rượu. Thỉnh thoảng lại hát những câu hát lanh man miền núi, những câu hát thuộc loại "tình sử" Mèo. Cái không khí thật là thân mật, và tôi cứ nghĩ như mình đang là một người thực khách của một gia đình Trung Âu nào.

Chỉ tiếc rằng xóm Mèo này dựng ở một lườn núi lũng xuống, ngồi trong nhà nhìn ra thiêu mát cái mènh mông bát ngát núi xa núi gần mọi ngày vẫn hăng háy. Bữa cơm rượu uống được nửa chừng thì có bà Mèo hàng xóm sang chơi, noi cười don đả: "Nghe có cán bộ về, tôi sang chào đây". Lai thêm cái chén uống cái thia ăn, và lại thái thêm thịt lợn, cái quầy thịt tươi ở giữa nhà. Bà cụ chủ nhà vừa cười vừa bảo là cứ ăn cho hết đi. Bà Mèo hàng xóm giọng cám động: "Có cán bộ về, giờ như gân lại". Từ phút đó, tôi không muốn ăn thêm nữa, chỉ uống thôi, cầm chén lên đặt chén xuống mà cứ nghĩ đến câu chí tình của bà Mèo vừa sang chơi. Và thấy rằng người Mèo thường hay nói đến giờ. Phải chăng vì ở núi cao, mà hình

ảnh giới đã luôn luôn phảng phát trong tâm tư người Mèo? Trong cái nói năng thông thường làm ăn sinh sống hàng ngày, và trong thơ ca Mèo, trong cuộc sống từ xưa để lại, thấy giới thành ra một hình ảnh rất quen rất thuộc của họ. Đôi tình nhân Mèo nhớ nhau: “Thở vào, nghĩ đến giới gần. - Thở ra, nghĩ đến giới xa”. Gặp cảnh uất ức: “Giới bỏ đi xa rồi”. Chiu đựng lâu ngày oan khổ, và gần hết tin vào công lý, thì “Giới hết mất rồi, không có giới nữa”.

Cái hình ảnh giới của đồng bào Mèo thật là một hình ảnh nhiều khả năng gợi thức. Có sống ở cái thế giới núi cao lồng lộng những nắng những gió những mây những giới của vùng cao Tây Bắc thì mới nhập hết được cái ý giới trong tập tục đồi sông đồng bào Mèo. Tôi thỉnh thoảng mới có dịp leo lên xóm Mèo, nhưng mỗi lần tới núi Mèo mỗi lần đăng cao là tôi đều có cái cảm tưởng hình như mình gần với giới hơn ở những chỗ khác, và trong xúc cảm chớm lên những hào hứng tự do những nghĩ lớn làm lớn. Tôi nhớ những đêm ngủ giữa giới trên một cái gác thượng ba bốn tầng nào đó của Hà Nội. Những đêm thơ áu nầm ngừa ấy thấy đâu sao, đối với những chùm sao trên đầu mình, mình cũng gần hơn, gần hơn trải chiếu nầm ở vỉa hè phố. Nằm ở xóm Mèo, nhìn lên sao cao, lại càng thấy gần sao hơn nữa, gần giăng hơn nữa, gần giới hơn nữa. Và giới Mèo, ánh sáng trong vô

cùng, sáng vò ngăn, lọc vò tận. Trên núi Mèo lồng lộng giờ mây, nhưng cái chân giờ của người Mèo cũng không hoàn toàn giống cái chân giờ của người đồng bằng đồng bể có cá giờ cả mây nhưng lại có cá nước nữa. Nếu chân giờ của người đồng bể là một ngán nước thẳng tắp, thì chân giờ của người Mèo là một cái gì cũng không kém lồng lộng nhưng lô xô nhấp nhôm, một cái gì mở ra lồng lộng ở sau một cái đỉnh đèo họ đang đi miết lên kia. Đã có nhiều lúc, tôi là một cái bóng lè té sắc cạnh in hằn lên cái chân giờ đó, bóng mây thì thừa mà lại thiếu hằn cái bóng buồm nước.

Bữa cơm thịt lợn rượu ngô đã xong. Con dâu và con gái bà cụ Cho Thóc Giống đã đeo lên lưng cái lù cờ mây đan, sấp đi nương, một cái nương ngó gần gần phía đồn biên giới. Một người trong bọn tôi vừa đi trẩy ổi chín về. Đầu xóm có một vườn ổi quả rất sai. Cành bồng cành là đều chi chít quả. Quá rụng cả xuống cỏ mặt đất. Lúc sớm, đi qua vườn, tôi cũng đã để ý.

Bà cụ chủ nhà thay bày ổi ra bàn, có vẻ không bằng lòng, nhưng nét mặt đã vui trở lại và chỉ tay vào đống ổi, lại chỉ tay ra phía vườn ổi đầu xóm, bà Cho Thóc Giống bảo: "Tôi khuyết điểm là quên không dặn cán bộ. Cán bộ Lưu đã lấy nhầm ổi của cái gia đình chạy sang Lào rồi. Vườn ổi nhà ấy quả tốt, nhưng chủ vườn không tốt đâu. Nó đi Lào một tháng rồi. Nó có

ruộng bên Lào. Nó giả vờ đưa đồ đặc đến chòi canh nương. Mỗi lần chuyển đi một tí, rồi là đi hẳn. Nó xấu lấm, nó nghe theo bọn xấu mà đi. Cho nên ở đây không ai thèm đựng đến ổi nhà nó. Ôi nhà nó không ai thèm ăn, chỉ có chim đến ăn thôi. Chim không ăn, thì mặc kệ cho nó rụng xuống thôi đi. Bao giờ nó về, thì nó nhặt lấy, mặc kệ nó rụng”.

\*

\* \* \*

Hoa ban Tây Bắc, mùa ban pún hoa, nở rộ lung linh, hoa trắng núi trắng giờ (cũng trắng núi trắng giờ như mưa mùa ở Tây Bắc) hoa ban nở không kịp rụng.

Ban đúng là thứ cây và thứ hoa đặc thù của Tây Bắc. Cùng là núi là rừng của chung của Tổ quốc, nhưng bên Việt Bắc không có hoa ban. Và ngay ở Tây Bắc, vào hẳn địa giới khu tự trị rồi mới thấy hoa ban chứ ở phía Suối Rút mà ngược lên mấy chục cây số quá cái mốc hết địa giới tỉnh Hòa Bình vẫn chưa có bóng một cây ban nào.

Trên đường trục số 6, có nhiều quãng ban mọc tập trung hai ven đường. Như quãng Đại Cò Nòi, quãng Tiểu Cò Nòi, đèo Pha Đin và đèo Khau Ma Hòng ở Lai Châu v.v.. Mùa ban nở tháng hai hoa trắng có tí má

hồng xếp hàng sẵn bên đường như một buổi liên hoan đón khách quý vào thăm khu tự trị. Không phải là cưỡi ngựa xem hoa, mà là ngồi commāngca mà xem hoa; ngồi bên cái máy nổ vận tải mà xuyên qua dãy hoa ban, cái xe hiện tại đi qua cà một thiên tình sử cũ của người Thái vẫn còn lưu lại một chút hương mát mát xa xa.

Theo chồ tôi biết ở Tây Bắc, có một khu vực rừng ban rất dài rất rộng, cứ đi bộ với một đà bước vừa phải, thì đi đường rừng hai ngày liền mà không hết hoa ban. Từ bờ sông Đà qua Nậm Giin rồi bắt ra đường trực số 6, quãng rừng này toàn là ban. Hạnh phúc thay cho người đi công tác mùa xuân mà lọt vào trận địa hoa này vào lúc nó mẫn khai thi đua nở cho hết để đóng mùa. Đứng ở bên phía Quỳnh Nhai nhìn sang núi bén Tuần Giáo, cứ thấy xanh xanh đùn đùn, lên những chùm khói bằng cái nong, giống hệt tán khói đạn cao xạ nổ giữa bầu trời. Sang sông Đà, đi gần mãi lại thì mới sực nhớ là mùa xuân ban gần, rừng ban đang ra những tàn nhũng tán hoa trắng.

Ban ở sau lưng anh, ban ở trước mặt, ban ở bên phải, ban ở bên trái, ban ở trên đầu ở trên đỉnh, ban ở dưới chân ở trong lòng lũng. Ban ngang ngang tẩm người anh nhưng lại nép ở bên kia mép vực đá. Nếu không sợ sa xuống vực, cứ vừa bước vừa ngược lên, thấy mây trời cứ vờn vào nhì vào cánh ban trong suốt,

ánh sáng như lọc qua một thứ giấy thông thảo hồng hồng. Nếu không sợ vấp, vừa bước vừa nhìn xuống vực sâu, thấy rừng hoa trắng như đang loang ra trên dòng suối thăm thảm xanh ve dưới lũng sâu. Trắng trời trắng núi một thế giới ban. Người anh ròng rá hai ngày quyên trong một mùi thơm mát nhẹ đắng đắng ẩn ẩn hiện hiện một mùi phong lan rừng cẩm. Từ trên thinh không phả xuống cái hương tình của tình sử Thái, luồng thơm này liên tiếp những luồng thơm khác. Đôi lúc, một luồng gió nóng tạt ngang vào, thổi từ một quả đồi người Mèo đang đốt cỏ gianh làm nương tra bắp. Có hơi nóng đốt hương, hương ban bốc mạnh lên như cái ngào ngọt hấp hơi của một gian buồng nhiều vòng hoa hồng nau cánh vì tiếng nhị tiếng sáo và hơi trầm hơi nến. Con ngựa thồ tài liệu đi trước, móng ngựa trước móng ngựa sau đều bết những cánh ban vừa giẫm lên, còn hăng lên cái mùi hoa tươi bị nghiến nát.

Hoa ban tiếng Mèo gọi là pà lầu. Pà là hoa. Chữ lầu còn có nghĩa là già, người già. Một anh bạn Mèo cắt nghĩa cho tôi nghe: "Hoa ban là thứ hoa có thể làm cho người già trẻ lại như là cô gái Mèo mặc váy chép bằng lanh trắng. Màu trắng hoa ban làm cho bà già Mèo nhớ lại tuổi thanh xuân mình mặc váy trắng in hình lên núi xanh mùa xuân".

Ngày xuân công tác vùng cao, con ngựa đi trước, anh đi sau. Hoa ban cứ rụng xuống suốt dặm dài, ngày hôm đâu vừa nở vừa rụng, ngày hôm sau vẫn liên tiếp nở và rụng. Con ngựa xem chừng đã mỏi cổ mỏi đuôi lầm rồi. Cá hôm qua cà hôm nay, nó luôn lắc bờm và quất đuôi hắt những cánh hoa đã ùn lên mình nó. Nhìn cái hoa hôm nay rụng giữa rừng gianh mà sững sững lại hiện về không biết bao nhiêu cái xuân Mèo cũ ở vùng này hồi chưa giải phóng. Cá cái rừng ban nở trắng phau và kéo dài mấy chục cây số này cũng là một khu lịch sử. Lịch sử chiến đấu, lịch sử gây cơ sở địch hậu Tây Bắc, lịch sử giải phóng của Tuần Giáo, lịch sử chiến đấu của người Mèo Tuần Giáo và thành tích địa phương của anh hùng Mèo Sùng Phái Sinh.

Ở đây thiên nhiên và con người, con người xuôi con người ngược, ở đây địa dư, văn hóa lịch sử, quân sự và kinh tế, chuyện cũ người mới, việc mới người cũ, việc hôm qua công tác hôm nay, cứ thấy nó chen vào nhau mà nối nhau tiếp nhau. Cách đây tám năm, rừng hoa ban thơm mát này là rừng của máu tanh, chó săn đi ngửi từng gốc có gianh để đánh hơi người...

Bản Nậm Nam và bản Nậm Mát - chỗ sát bờ phải sông Đà chỗ bắt đầu của rừng ban với những hành lang tiên tiêu hoa nở hôm nay. Nó đóng hai bốt nguy, khoảng một trung đội có quan hai Pháp. Đất Quỳnh

Nhai bờ đổi diện bên kia, ta diệt địch ở Pa Ma, đêm suông hàng đàn hàng đàn lợn sề đi gặm thịt sò xác địch. Quỳnh Nhai hoàn toàn giải phóng. Bên này bờ sông Đà địch tảng cho bốt Nậm Nam một tiểu đoàn lê dương rút ở binh đoàn cơ động GM1. Eô đội và du kích bên Quỳnh Nhai nổ súng sang đồng Đà. Bọn ở bốt Nậm Nam, cả cái tiểu đoàn lê dương ấy xô nhau mà lùi vào cái khe nước độc nhất của vùng này ở Na Mèo, úp mặt xuống bùn nhão mà chết khát chết sơ, và rút mãi và Nậm Giin (chỗ ta đặt kho và cửa hàng mậu dịch bây giờ) rồi lại chạy bắn ra đường “thuộc địa” số 41.

Đồng chí N... lúc ấy vẫn là cán bộ của tỉnh ủy bí mật, và lúc ta đánh tan bốt Nậm Nam bờ sông Đà, lúc tan ta thu gọn chiến lợi phẩm, đồng chí nhất định giữ lấy bốn bánh thuốc lào Vĩnh Bảo của đám ngụy ở đồn. Có người nhắc đồng chí N... về kỷ luật chiến lợi phẩm, có người xì xào những là óc tư hữu cùng là chủ nghĩa cá nhân. Đồng chí N... trước sau chỉ đưa ra có một lý do “Tôi nghiện thuốc lào nặng, bộ phận cơ sở địch hậu tôi rất nhiều đồng chí nghiện thuốc lào và mấy năm nay đều thiếu chất khói”.

Quanh Nậm Giin lúc ấy nhân dân cứ quang cả đi. Người Mèo bỏ chạy hết. Dịch phản tuyên truyền ta: “Việt Minh có đuôi, Việt Minh ăn ca sống cắn ngang cả con, Việt Minh ăn thịt lợn sống, Việt Minh ăn thịt

người” đã có một số người Mèo tưởng nó nói thật, nghe ta tiến quân vào Nậm Giìn mà bỏ đi hết. Nhưng số đông người Mèo bỏ vào rưng xa núi vắng vì sợ nó bỏ bom tạ trả thù vỡ bốt rút chạy. Nay phải an dân, phải “tiếp cận” nhàn dân Mèo, giải thích cho bà con Mèo về mà yên ổn làm ăn, dựng lại nền nhà cũ, và mở lại cái nương mùa trước. Ngay cả bọn thống quán phản động ba xã Tuần Giáo, ta cũng phân hóa đến cùng.

Ngày nay, đồng chí N... đi tìm người Mèo. Chỉ thấy cỏ gianh và núi xanh. Lối mòn đây đó vương vãi cái ca cái mũ quân thù. Kinh nghiệm cũ là, muốn tìm người Mèo, thì cứ đi vào những chỗ thật cao, đã cao mà lại có mỏ nước khe nước mạch, thì thế nào cũng thấy. Ban ngày mà chưa thấy thì cứ đứng quanh đây mà đợi mặt trời lặn, như cái kiểu con đười ươi tay giữ cái ống tre mắt nhìn đau mắt giờ chuyển chỗ trên đầu áng cò nhọn. Đợi đó cho đến xẩm tối, cứ thấy chỗ nào có cái tia khói lam phut lén trong núi, thì cứ tìm đến, thế nào cũng được gặp nhân dân. Cứ tìm khói cứ người hơi lửa mà lăn xả đi tìm người Mèo. Một hôm đến một chân núi thắt cổ bồng. Chú liên lạc bám dây leo chân đẹp vào vách đá mà lên, đồng chí N... người nặng hơn chú liên lạc, dây leo đứt, ngã xuống. Lại đợi chú ấy ở trên bên dây bó chập ba chập bốn, thả xuống cho mà lên. Đi một quãng thấy có cứt lợn.

Mừng quá. Cho nó bò cái công leo vách thành đá.  
Phát hiện được ba gia đình Mèo.

Đồng chí N... nói luôn: “Bộ đội đánh tan đế quốc rồi, bộ đội vừa đuổi hết Pháp rồi. Giờ thì ta trở về nhà cũ xóm cũ mà làm ăn. Thiếu muối, Chính phủ sẽ cấp cho từng gia đình”. Người Mèo liền giết gà. Nhưng đồng chí liên lạc và đồng chí N... suốt bữa cơm, chỉ nhấm nháp mỗi người vài miếng thịt gà, chấm chấm vào cái chõ muối mình đưa theo đi. Hai “thầy trò” anh cán bộ Kinh chi ăn có mấy miếng, nói nhiều nhưng ăn thì ít, ăn vài miếng cho nó có cái hơi thịt. Để lấy sức mà leo núi này núi khác đi tìm tất cả những người Mèo có bụng với mình, giai thích cho ai nấy đều trở về xóm cũ (kể đến đó, đồng chí N... nhấn mạnh với tôi rằng lúc đấy mà mình ăn thịt nhiều không lợi cho công tác, nhân dân sẽ coi thường mình cho là mình trốn tránh lâu ngày, bị địch vây hãm rồi khổ sở dói khát v.v..).

Trong những ngày vạch cỏ bám núi đi tìm dân, đi tìm đồng bào Mèo, mấy bánh thuốc lào Vinh Bảo thật là có tác dụng. Gặp gia đình Mèo nào Mèo nọ đều véo cho mỗi người một ít, họ rất vui sướng. Người Mèo nào cũng cảm động, cho là cán bộ ta thật là chu đáo với dân quá, đến một chút khói cũng không quên. Không những thế, lại còn chọn thứ khói thật đượm thật êm mới đưa cho. Kể đến đó, đồng chí N... lại bảo tôi: “Mấy bánh thuốc lào thù ở đồn địch san phẳng,

tôi đã biết trước là nó có tác dụng chính trị như thế đó. Cho nên kệ anh em họ ngờ oan mình tự tư tự lợi, việc mình làm đúng thì rồi tự nó sẽ phục hồi cho mình, nếu thật có người thanh kiến nồng với mình”.

Sau câu chuyện bánh thuộc lào dân vận, đến chuyện cái hang ngô đá ở Phiêng Ta Ma. Hồi địch hậu gian khổ, người Mèo cơ sở vùng này rất thương cán bộ, chỉ thấp thỏm nó tập trung nhân dân không ai đi liên lạc với cán bộ, cán bộ sẽ đối mặt. Họ bèn tự phát góp ngô, mỗi gia đình một ít, gộp lại được ba tạ ngô, và tìm hang bí mật cho cán bộ đem cất đi, để phòng những chuyển biến khó khăn của tình hình. Cẩn thận hơn nữa người Mèo lại đốt lửa rang sắn ngô. Ngô rang rồi, cất hang bem, không còn sợ một không sợ hơi ẩm mок mâm. Nhưng mấy năm ròng, gửi hàng bao nhiêu ngô thì vẫn nguyên vẹn bấy nhiêu bong nẻ, vì cơ sở vùng này mỗi ngày mỗi sáng lên, cán bộ toàn được ăn ngô tươi hàng năm của nhân dân Mèo tiếp tế đều kỳ. Cho đến lúc giải phóng 1952. Cán bộ cũ ở cơ sở bàn giao đủ mọi thứ lại cho cán bộ mới tới. Bàn giao nào là bao nhiêu người tốt, bao nhiêu kẻ xấu. Nào là mấy khẩu súng trường, mấy khẩu súng tiểu liên. Lại bàn giao cả một ống tre toàn ớt khô, quý lầm đầy nhá. Tất cả lại cho vào hang đá. Cuộc bàn giao diễn ra trên áng cỏ gianh. Cùng là bàn giao miệng, chẳng có giấy tờ gì cả. Người giao xong lại đi công tác mới, người nhận xong, cũng lại có nhiệm vụ của mình, bàn giao với vã và vã chia tay nhau giữa vùng núi đá.

Có một hôm, trông nhau mà thương quá. Cá cán bộ cũ của cơ sở, cá cán bộ mới vào, trông nhau mà thấy nó nhếch nhác quá. Quần áo mặt mũi trông dong nhan quá tiêu tuy. Những chiếc áo quần lây ở ngoài mà người chết mặc cũng đã bướm hết. Vá chằng vá đụp, lấy cỏ may buộc tum chỗ rách. Áo mát ống tay, quần mát gấu mát cạp, toàn xé gấu vá vai. Liên hoan với nhau một con lợn, và cơm là bột ngọt nấu lên. Muỗi miếng cơm ngọt, chiêu đến mấy thia canh suông mà miếng cơm không chịu xuống. Nước mắt cứ trào ra. Đồng chí cũ đồng chí mới nhìn nhau nhòa hết cả, cứ như là nhìn nhau qua khói lửa nó đốt rừng gianh dồn vây mình. Cũng không rõ nghẹn ngào vì cơm bột ngọt hay vì thương cảm, hay là vì vui quá. Thật là mừng mừng tủi tủi. Trông thấy nhau, thế mà lại cứ tưởng đã hy sinh anh dũng cả rồi. Lại cứ nhớ những ngày khó khăn, khó khăn quá đến nỗi có nơi cơ sở vốn tốt mà cũng ra hàng địch. Đem hai mươi đồng bạc trắng cùng là đôi gà sống thiến đến nói với thống quán thống lý, nhưng được cái còn tốt là bảo thật cán bộ, và ăn với cán bộ một bữa cơm cuối cùng, gói gói cho một đùm cơm ngọt cuối cùng, và tiến ra chỗ cửa rừng... Cái bữa cơm liên hoan hôm giải phóng này, cũng là hôm chính thức thành lập đội du kích Mèo đầu tiên. Mà việc đầu tiên của đội du kích Mèo này chưa phải là đi đuổi địch, mà là tản ra quanh đấy thu hồi tất cả bắp ngọt vương vãi, vào các nương ngọt mót lấy những bắp những hạt còn sót. Rồi đi cắt bí ngọt về

tập trung lại để giải quyết vấn đề lương thực trước mắt.

Lúc ấy là giữa tháng mười cách đây sáu năm, rừng ban quanh Nậm Giìn không phải là mùa hoa ban chỉ toàn lá, thứ lá giống cái hình quả tim bỗn đôi.

\*

\* \* \*

Tôi nghỉ lại một đêm, nửa ngày hôm trước và nửa ngày hôm sau tại nhà vợ một anh bạn Mèo ở cách thị xã Lai Châu khoảng hai chục cây số. Anh Mùa Sí Giàng vừa được phong quân hàm. Anh lại được nghỉ phép, anh vui lắm, anh rủ tôi leo đèo trèo dốc về chơi nhà anh. Anh chính quê vùng núi Điện Biên kia, hồi địch hậu làm liên lạc cho tỉnh ủy Lai Châu lúc ấy đóng ở xã Tòa Tình. Nhà chí Giàng sống lối đại gia đình, từ đại đồng đường, bà cố bốn đời, nǎm nay đã 120 tuổi. Cụ trông thấy bóng thằng Pháp từ ngày còn là cô gái 19 tuổi, cụ đã ba lần thấy chiến tranh: Cờ đen đến - Pháp lên Tây Bắc lần đầu - và Kháng chiến vừa qua. Ở gần xóm Mèo này, vẫn còn di chỉ cái bẫy đá hộc chống Tây, đường dốc độc đạo, Tây chịu đáy.

Chiều hôm ấy nhiều mây, mây xô cả cửa mà vào nhà vợ chồng anh Giàng. Tôi ngồi nhìn lửa ánh lên những tấm gỗ vách bóng nhạy đau khói mồ hóng. Những tấm gỗ không bào, chỉ đèo bằng rìu, gợn lên cái đẹp chạm trổ của vẩy rồng vẩy cá. Con điêu hâu

phía đường đèo xa tạt nhanh vào xóm đây, liệng cánh chao cánh sà xuống định quắp gà con, cả xóm Mèo la hú lên, con ác điểu lại bay mất, lại liệng ra phía đường cái. Xa xa dưới chân tôi, xa tít ngoài núi kia, đường quốc lộ tráng nhờ nhờ như con bạch xà xoán khúc. Và mây chờn vờn dài đường như điểu hâu xám là cánh. Con đường rắn tráng hắt xuống lòng vực cái đầm mây ờm ờ kia.

Tối hôm ấy tôi nghe sáo Mèo, thứ sáo hình như chỉ có hai nốt: í lên rất cao, rồi ô xuống rất thấp, như một cái gì bừng lên rồi sa làn xuống mà hăng đi. Nghe hai nốt sáo, tôi cứ thấy nhạc Mèo lên dốc xuống dốc, một thứ nhạc khỏe nhưng cũng dễ mời chân người quen đi núi nay phải đi bước bằng dưới xuôi. Tôi hôm ấy, trên cái trán ruộng bé bằng vài cái nong, tôi xem múa Mèo. Gọi là nhảy Mèo thì đúng hơn.

Hai anh thanh niên Mèo gò người trên cái khèn, vừa thổi vừa nhảy vòng tròn. Phụ nữ Mèo không nhảy múa. Hai anh khèn vờn nhau. Hai chiếc khèn gù gù nhau, vào miếng. Như hai cái nòng súng muốn gat nhau. Như hai cái súng trâu chơi thi. Múa trên cọc gỗ như thi võ điệu mai hoa quyền. Anh thanh niên Mèo đẹp như tượng tạc trên đế gỗ. Nghe nói ai mà nhảy khèn trên cọc mà không lỡ bước không tut thì được thưởng mấy cân thịt mấy cân rượu ngô. Nếu ngã, người khác lên thay ngay. Lửa bẹ ngô áo bắp ngô khói ton, phải luôn tay giờ lửa. Lửa bắp bùng soi người nhảy đang múa gói múa gót, bấm ngón chân và múa cả gót chân, múa và đổi chân này sang chân khác.

Anh thanh niên vừa múa vừa quay, quay chín vòng. Vẫn những cái bó được những người đi xem chậm đến một lúc một đồng thêm. Quanh tràn ruộng, đủ cả mươi hai anh du kích Mèo của cả xóm.

Sớm hôm sau, mây lại vờn lên dài đường quốc lộ xa xa. Nắng ửng dần. Dài đường như búp chỉ hồng hoàng rồi không gỡ được. Cả nhà thay quần áo mới để chụp ảnh kỷ niệm. Váy lanh trắng chép nếp, áo sa tanh đen có khoang vòng xanh lam ở hai cánh tay. Và những chiếc vòng bạc.

Tôi xin đi. Cả nhà không bằng lòng. Lên chơi với bạn Mèo, phải ở một tuần lễ là ít, ở một hai buổi, bạn Mèo coi như mình ở ngoài phia đường cái tạt vào nhà xin tí lửa rồi lại vội đi ngay về dóm bếp nhà mình. Như thế không phải là đi chơi thăm nhau. Có thể giận đáy. Mà sao lại ra đi ngày chẵn, kiêng đáy, sái đáy. Phải đi ngày lẻ cho nó còn có ngày về, đi ngày chẵn là đủ đôi dù cặp rồi về thời gian, và sẽ không nghĩ đến trở lại nữa.

Tôi ngoại cổ lại con đường dốc, vẫn thấy em Muờ đứng trên dốc trông theo, lưng cong đưa con nhỏ anh Giàng. Muờ là em gái Giàng, đôi mắt đen láy như hạt nhãn.

\*

\* \* \*

Tôi trở về Thủ đô đường băng mà càng thấy nhớ mây Mèo. Giữa Hà Nội, thật khó tìm ra cái cảnh mây chiều mây sớm xô cửa mà vào giữa nhà mình. Thấy nhớ nhớ cái đôi mắt cô bé Muờ hút theo cái dốc núi hôm nào, đôi mắt thăm thẳm xanh lắc như cái lối nhìn của người lính thủy bồi sóng chân trời. Hà Nội quay tít cù đèn hàng vạn hàng vạn xe đạp boóc-tê nhau. Sau lưng người trai đạp nhanh, cánh tay đan bà mặc áo ve sầu đang đan len ngay sau yên xe. Vành bánh xe đạp quay, bàn tay đan len quay. Lại thấy nhớ những bàn tay ngón tay cánh tay đan mà Mèo guộn lanh nỗi sợi gai quay chì lanh, vừa cuộn vừa nỗi vừa đi trên dốc núi. Đèo dốc vông lên vông xuống như bờm sóng bể động, trên đó nhấp nhô liên hoàn hai nốt nhạc i lên ô xuống. Hà Nội vẫn loáng xanh phố cây dù bóng to cũ và bóng mới trống. Nhưng vẫn thấy tơ vương cái chất diệp lục ở ven sông Thái ở chân đèo Mèo.

## MỘT BÀI THƠ ĐƯỜNG

Chuyến bay này, trời xấu thật. Chỉ được cái băng lòng là cô phục vụ đưa khay nước trà đường bốc khói, trao tách trà vào tay khách, không lúc nào ngọt cái nụ cười vắn minh. Mấy lần trước tôi đi tàu bay của Cục hàng không dân dụng này, vẫn cái cười dễ dàng đó. Qua khỏi quãng sông Đà, trời căng cẳng. Bầu trời đúng là một đại dương không khí cũng rất là nhiều lạch, nhiều vật, nhiều luồng, nhiều cái xoáy, cái hút. Chiếc tàu bay vắn minh giữa một bể lớn không khí chồ chắc chồ lép chồ đặc chồ loăng không đều nhau. Không khí vẫn vào chiếc cánh. Cuống đuôi bị quần nhiều nhất là lúc tàu bị sa vào mép ổ gà không khí. Có lúc thấy như mình ngồi tụt vào lòng chiếc thuyền đuôi én sông Đà, bị sóng ở ghềnh thác sông Đà dội lên dội xuống. Có lúc lại thấy như tàu bay say rượu vì sóng lừng giữa cái biển trời, và tàu đang húc vọt lên trần may, cố ngoi lên mặt đại dương không khí mà tìm đường ra. Nhìn những con người trẻ tuổi nước ta áo xanh ehẽn tay quần xanh chẽn ống đang làm việc

trong buồng lái, trong lòng rưng rưng lên một nỗi niềm chỉ có lúc đi trên trời mây này là mới cảm khái được đây đủ rõ ràng như thế. Tiến trình của con đường Việt Nam là từ đường cỏ tự nhiên, rồi đường đất, đường nước ngọt, đường nước mặn, đường đá, đường sắt, rồi nay là đường mây do mình khiến láy cái hướng bay của tàu mình! Bất giác lại thấy mình đang nghĩ lùi về hai mươi năm trước đây, mươi năm trước đây. Lúc ấy hình như giờ sinh ra là chỉ có Tây được bay trên trời và chỉ thân phận ta là bò dưới đất. Và ngay chỗ Điện Biên mà chiếc tàu bay dân dụng sớm nay đang phi tới đó, ở bầu trời Điện Biên mươi năm trước đây cũng chỉ toàn là tàu bay Pháp Mỹ và bọn lính dù của chúng. Sự có mặt của ta lúc bấy giờ tại giữa bầu trời Điện Biên, cũng mới chỉ là những viên đạn cao xạ tỏa ra những cái nòng khói bắn trúng tàu bay nó hoặc đan lưới lửa vây nó. (Đúng một tháng sau khi mở màn chiến dịch Điện Biên Phủ, cao xạ của ta đã hạ chiếc tàu bay thứ 50 của nó). Toàn thắng, mới từ núi rừng mà dồn tất cả bọn cướp đất cướp trời ra phía biển. Và nay ta chấp lấy cánh mà bay trở lại bầu trời của một Điện Biên đang xây dựng không ngừng. Tôi nhìn đau đớn một em nhỏ nằm ngủ gọn trong vòng tay một chị công nhân chăn nuôi của nông trường Điện Biên ngồi bên hàng ghế đối diện với mạn tàu tôi. Chồng chị trước đào hào và đánh bộc phá tại

Điện Biên, nay lái máy kéo cúng tại Điện Biên. Chị vừa đưa cháu về tại một hợp tác xã vùng biển, để bà cụ xã viên mẹ chồng được xem mặt cháu nội, và bây giờ chị lại đi tàu bay lên để tiếp tục chăn đàn lợn nông trường chóng nhơn. Em nhỏ cựa quậy trong vòng tay người mẹ và đạp tung một cái tã lót lốm đốm những chấm xanh đậm trên một nền lụa màu xanh nhạt. Một cái tã trẻ em cắt ngay vào vải dù, thứ vải dù Mỹ của chiến tranh xâm lược!

Lòng chảo Điện Biên đã hiện ra dần dần, bên cửa kính mi ca tàu bay. Dài đường Pom Lót - Điện Biên lướt qua nhờ nhờ như một sợi chỉ gai. Trong 56 ngày và đêm, để quốc hung dữ đã thả xuống lòng chảo này 6 vạn chiếc dù vàng trắng đỏ xanh để tiếp tế xuống nào là súng là đạn, nào là lính đánh thuê. Nào là mề đay và rượu sâm banh cho tá Đorcáttori thăng cấp tướng. Không kể đạn cỡ 155 ly, đã có 3 vạn viên đạn súng cối 120 ly và 5 vạn viên trái phá 105 của địch bắn ra và cắt xé vào lòng đất Điện Biên này. Quan và lính địch nhảy dù xuống, tinh ra là 4277 thằng, theo lời của tên Đại tá Lăng Gòlê chỉ huy đạo quân dù. Chúng nó nhảy như chết, nhảy chết thôi. Mỗi ngày nó nhảy xuống trung bình là 100 thằng. Trong số hơn 4 ngàn ác ôn dù xuống, thì có đến 700 thằng chưa tốt nghiệp đủ 6 môn khoa nhảy dù. Nó thả ban ngày, nó thả cả ban đêm. Trong liền 56 ngày Điện Biên, lúc nào nó cũng có 2 chiếc Đacôta bay túc trực trên bầu

trời đêm, thả đèn dù xuống để soi vào trận địa mình. Những chiếc đèn chỉ điểm ấy, sáng đúng 4 phút và như những chiếc đèn ma lơ lửng giữa đêm trăng. Một đêm sáng trăng nhân tạo đó, pháo của ta bắn như đổ đạn vào sân bay nó. Chúng phải chuyển cơ man là phuy xăng dìm xuống lòng sông Nậm Rốm. Đạn ta lại nổ giữa lòng sông. Liên đốt cháy vèo con sông étxăng của nó. Đêm ấy, chả cần cái sáng trăng giả tạo của nó, ta từ trên lưng núi, nhìn xuống con sông lửa bùng bùng chiếu hắt lửa dầu vào trận địa thù rõ như ban ngày.

Tôi đã nghe thấy tiếng bánh cao su bụng tàu bay móm nhẹ xuống mặt đất Điện Biên, chạm miết xuống sân bay, đúng cái sân bay mà cuối mùa thu mưa năm 1958, tôi đã ra đó, theo gót anh em công binh gỡ mìn, và theo những kíp thợ vặt quả lu đầm sân bay, giải phên sắt hoa mai lên đường băng. Rồi là hôm chiếc tàu bay thứ nhất của ta từ Thủ đô lên khánh thành sân bay Điện Biên, chở lên chuyến nhật báo đúng ngày hôm đó và chở chuyến thư thứ nhất về. Tôi đã bút một cái lá hoa ban, đóng lên đây một con dấu nhật ấn bưu trạm Điện Biên, và nhờ cái tàu bay hòa bình đó chở hộ một chiếc lá tươi chiến trường cũ gửi về Hà Nội cho một vài người trong chõ tâm giao.

\*

\* \* \*

Đêm xuân 1964 này nóng quá, không chừng gió Lào lại thổi về lúc nào đây. Nghe canh gà mà thấy nhớ cái đồn biên giới Tây Trang. Con đường Tây Trang đã nối liền với tỉnh Phong Xa Ly đã được những người làm đường làm cầu anh dũng của ta sang khảo sát, thiết kế và làm giúp, theo tinh thần viện trợ không hoàn lại<sup>(1)</sup>. Trong kháng chiến, anh bộ đội ta đã chung sức với anh bộ đội Pa thét Lào mà đánh đế quốc Pháp trên chiến trường Lào. Nay, người công nhân cầu đường Việt Nam đoàn kết với nông dân Lào mà đấu tranh với thiên nhiên gian nan của xứ Lào. Lại nhớ đến một buổi chiều nào, tôi đứng ở chân dốc bên kia đồn Tây Trang, nhìn ra con đường Việt Lào hun hút và bè ngoặt vào núi Lào cỏ gianh chạy dài về phía Sopp Nao. Hồi bị vây hãm tại Điện Biên, trước khi bị hoàn toàn tiêu diệt, quân bộ Viễn chinh Pháp đã mở một mũi dùi từ Mường Thanh thăm dò đường rút về Sopp Nao này. Chỗ Sopp Nao ở tỉnh Phong Xa Ly giờ đã mở rộng đường quốc tế ấy, nay người làm đường Việt Nam đã để vương lại trên cỏ trên đá trên lá Lào những giọt mồ hôi hữu nghị của mình. Chao ôi, sao mà có thời giờ để ngay trong đêm xuân vội vã này lần theo bóng trăng mà đi tìm cho được một vài anh em làm đường Lào đó mà hỏi chuyện! Có

(1) Theo nghị định thư ngày 10-3-1962 ký giữa Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với Chính phủ Vương quốc Lào.

một vài người nghe như còn đang nằm gần cái thành đất Bản Phủ dưới phía Long Nhai kia thôi. Lại nghĩ cái ngày nào đưa hai anh bạn Ba Lan đi thăm biên giới Tây Trang, qua quãng Bản Phủ Pom Lót, đường lầy, bùn ngập lên đến đầu gối con ngựa Mèo. Giờ thì đường tốt rồi, cầu bê tông rồi, nhưng bạn đường cũ thì nay ở xa quá lầm. Sớm ngày sau, vùng dậy, đi theo đoàn qua sông sang thăm sự làm ăn đổi mới bên kia Cò Mì và thăm những đơn vị chăn nuôi bò trâu và nhất là lợn. Càng đi về phía núi, hoa riềng dại càng nở đầy mặt ruộng.

Những đóa hoa riềng màu tím hường, cánh hường lấm tấm trên một đài cánh trắng, mỏng tan cánh xác như lụa dù trắng nhân tạo, chưa vẩy bùn chiến trường. Hồi đánh Điện Biên nhiều chiến sĩ hy sinh của ta đã được liệm bằng dù trắng chiến lợi phẩm. Hồi ấy là mùa hoa riềng nở quanh chiến trường, và đã nở trên mộ chiến sĩ dưới chân đồi. Cái chấm hoa riềng tươi tươi những đốm máu của những người nằm xuống nhưng tin rằng mình vẫn còn sống trong lòng mọi người hàng ngày đang chiến thắng cuộc sống quanh mình.

\*

\* \* \*

Nói đến đường vào Điện Biên, nói đến con đường 42 ấy từ Điện Biên ra ngã ba Tuần Giáo bắt vào đường quốc lộ 6, phải nói đến những cái cầu bắc trên suối. Những con suối mùa xuân trong hiền hiền thế, mà động mùa thu về, nước mưa rừng thu đổ về một cái thì, y như rằng, con suối nào cũng đều là hiểm hóc đáo để ra trò cà. Từ thuở khai thiên lập địa, từ thuở Tây thám-hiểm-chỉ-điểm Pavie xông xáo vào Mường Thanh bắc đường dây thép sang Lào năm 1890 rồi đến cái hối sau này Tây Bắc có đường cái vào trong đồn khố xanh khố đỏ Điện Biên đầu thế kỷ XX, ở đây chưa bao giờ có chiếc cầu bê tông, cầu sắt nào. Người, ngựa, xe, toàn là đi xuống suối cà. Lúc đánh Điện Biên xe tải của ta và các cỗ pháo nặng của ta cũng vẫn là lội suối, nghĩa là toàn đi cầu chìm. Từ sau ngày chiến thắng Điện Biên, sư đoàn 316 về xuôi rồi trở lại miền ngược để chuyển quân chiến đấu sang làm người làm ruộng nông trang, làm người bắc cầu làm đường xã hội chủ nghĩa, chỉ từ ngày đó đường vào Điện Biên mới có cầu. Rất nhiều anh bộ đội 316 ta đã chuyển thành công nhân cầu đường nòng cốt của công trường 426. Cũng như ở khắp thiên nhiên Tây Bắc, thiên nhiên Điện Biên toàn là những mảng những khói xù xì gập ghềnh mấp mô lồi lõm nhùng nhằng, loáng ngoáng, nó vô tận những chuỗi xúc xích bầm đỏ và rì rì xanh trên đó con chim bay trọn đời cũng không qua

hết nỗi. Nay những đường nét hoang rợ ấy đã được con người cầu đường ta nắn lại. Cái cua hẹp đường cũ không đúng tiêu chuẩn xe to phải đi đến ba đò, thì nay mở rộng cua, mở phía bụng (lúc mới mở đường, một số non tay kỹ thuật, cũng đã mở cả phía lưng đường). Những khuynh đường vòng chử chi cả thuận cả nghịch, tay bánh lái đưa xe vào tim đường êm như ru, chân rết bánh hơi cứ mút lấy trực đường rào rào đá dăm và sỏi bi. Những quăng vòng nó vênh vênh lồng chổng, chụp cái ảnh mà đưa vào an bum Bộ giao thông hoặc Công ty du lịch ta thì hấp dẫn biết mấy! Uốn những cua vòng cho nó phình tròn nữa ra, nắn lại quăng cong cho nó thẳng tắp đi, đẹp thay cái trí cái mắt cái tay những người mở đường Điện Biên. Xây một cái cầu vắt qua suối, vuốt lại tuyến đường chõ vào cầu ra cầu cho nó êm mắt êm bánh lăn. Đoạn dốc đường gấp gãy thì rõ ra nét gãy, chõ vòng thì đường tròn như căm compa vào mà quay, chõ nào cần vuốt thẳng ra cho ngăn lại, thì cũng thật là thẳng băng thẳng tắp. Quà thật là con người cầu đường đã làm cho phong cảnh đất nước Tây Bắc vốn dĩ là đẹp thì nay càng thêm đẹp. Cái đẹp nhân tạo do con người công nhân đem hình học vào giữa cõi tự nhiên. Làm chù đất nước tức là tống cổ hết bọn xâm lăng nó phạm vào bờ cõi mình, nhưng cũng còn có cái nghĩa khác nữa, tức là phải thuần hóa được cõi tự nhiên đất nước

mình, càng ngày càng mở thêm cơ sở vật chất khoa học và kỹ thuật, cái kỹ thuật cầu đường tiện lợi, cần tốt mà cần cả đẹp nữa. Trời trao cho mình ăn săn một giang sơn “thưa hồng rậm lục” muôn vẻ núi sông hùng vĩ như thế này, càng thấy phải mở đường và bắc cầu. Phong cảnh tự nhiên ta thật là lớn đẹp, con người mình cũng phải lớn theo, phải lớn đẹp theo lên với nó. Núi sông như lúc nào cũng nhắc nhở ta lớn lên hơn nữa, mỗi ngày trưởng thành lại đem thêm cái đẹp hình học, cái đẹp kỹ thuật, cái đẹp nhân tạo và hiện đại vào giữa cái đẹp thiên tạo đủ cả núi dựng thành, sông uốn khúc, ruộng mặt bằng kéo dài cây lúa cây ngô ra tận ngoài những quần đảo biển Đông. Làm đường bắc cầu, phải mở nữa, phải bắc nữa! Để cho ánh sáng và an ninh con người và thấu chỗ cuối núi, chỗ đầu nguồn, chỗ hết đầm mây chót cùng của không phận sơn phòng!

Tôi ra và vào Điện Biên cũng đã nhiều lần. Lần đi mùa xuân 1964 này mới thật là một chuyến đi hà hê thoái mái, đường đã có cầu nối, chiếc thì bằng sắt và gỗ, chiếc thì bê tông, xe không phải lội suối như trước đây nữa. Thấy xong rồi cái giai đoạn xe tải mười bánh trực cái tàu hỏa lô qua suối, khi phần đường trên yêu cầu quả lu máy quăng dưới lên lăn cho máy quăng đường mới sắp dài đá dăm phủ mặt. Thấy nó hết hẳn rồi cái sơ mùa mưa nghẽn đường, nước lũ cầm tù

có khi hàng tuần chiếc xe tải bên dòng suối. Mùa thu con suối ngoan ngoãn của mùa xuân mới đó bỗng chốc hóa ra tràn lan ngập ngựa, nước chảy rống lên. Con suối lũ như là khiêu khích chiếc xe tải, có khi là cả một tố xe một đoàn xe: “Anh là cơ giới chính trực, nhưng hãy mời anh tắt máy đi. Anh đi đường dọc, nhưng đường ngang lúc này là của tôi. Đấy, có giỏi thì cho xe xuống cái xem nào!”. Đã có anh lái xe không nhẫn nhục trước sự khiêu khích của con suối láo. Hình như trong mùa mưa 1958 gì đó. Trên xe tải, toàn cá hộp nhà máy cá hộp Hạ Long chuyển những mẻ sản xuất đầu tiên lên Điện Biên cho anh em bộ đội đang cải tạo chiến trường gài mìn cảng dây kẽm gai cũ thành một nông trang quy mô. Thấy lâu lâu vắng cá hộp hồi đó chưa kịp dán nhãn hiệu, mới biết rằng xe qua suối ở quãng ngoài bị nạn giữa suối, và con suối mất dạy đã lấy của mình không biết bao nhiêu là hộp cá. Con suối ấy vốn chưa có tên. Từ khi suối làm cái việc xấu ấy, suối bỗng lưu danh. Người bộ hành trên đường Điện Biên ra Tuần Giáo cứ đến quãng lội ấy, đều thống nhất với nhau gọi nó là “Suối Cá Hộp”.

Một vài mùa thu trên đường Điện Biên Tuần Giáo chưa bắc được cầu, tôi đã có dịp ngồi trên xe mà sang suối lũ. Anh bạn công nhân cầm tay bánh lái xe tải ấy thật là tài quá. Phải những tay cù khôi như thê

thì mới tri nối bọn suối phá ngang vào đường rừng. Anh dừng xe, ra lệnh cho người phụ lái hãy lôi chân qua trước, đo chiều sâu của nước, kê đá đầu sú vào những ổ gà bị xoáy suối khoét sâu xuống. Trên nay, cứ thong thả mà tháo cánh quạt đầu máy cho tí nữa nước khỏi cản vào. Rồi lấy ni lông buộc budi lại. Thế là sang ngang. Nó chịu mình, mình ăn thua nó là chuyển sang này đây. Xe mình sang lọt là anh em xe sau cứ thế mà sang tiếp thôi. Mà phải sang thật nhanh để khỏi chết ngạt máy ở giữa dòng. Ngạt máy giữa suối là bỏ mẹ, có mà trời cứu. Nước suối đánh rào rào bùng bùng vào thành xe camiong. Anh ra lệnh cho tôi là ngồi cho vững. Nó như cái tiếng quát thán mệt của ông lái Thái trên sông Đà mỗi lần vượt thác lao thác. Phía dưới bánh xe, đá hộc lòng suối kêu lục đục lục đục như là sóng trên nhồi đá dưới. Có những hòn đá hộc bẻ ngang đi cái lớp bánh trước, đòi cướp tay bánh lái, đánh vào ngực anh cầm lái. Đầu bánh trước đã bám vào chân gốc bờ bên kia ngập đến nửa dốc đang đỏ vàng xoáy tít những chiếc lá tù. Cái xe vút lên đầu dốc, nhẽ nhại đầu máy khói mù như một cái bếp cháy bằng củi đầm mưa. Anh lái xe trí dũng và tôi cả cười, héto động viên hai xe tải đang sang sau. Đã có máy chiếc cũng bị đung ở suối ấy đây. Cho nên cũng nhiều chiếc đến đây mà gặp nó đổ nước về, là cứ chịu khó bỏ nồi bỏ gạo ra ăn rồi nặm lại đó

buổi, vài buổi, cái đó tuỳ. Sốt ruột quá thì mang sách mang tài liệu ra mà học, và chờ lú rút, cứ chờ lại là tốt hơn.

Nhưng mà đó là chuyện cũ rồi của con đường 42 này. Nay thời không còn thời giờ chết nữa, thời gian không chết phút nào ở bất cứ quãng nào đọc khắp đường này. Chao ôi, thấy biết ơn khôn hết lời đối với cầu đường Tây Bắc đấy. Ngày nhỏ tuổi, đọc tiểu thuyết Nga, thấy có nhân vật một khi lòng thật là chấn động vì cái lẽ thiện lẽ ác của sự sống, thì lại quỳ xuống ngã ba ngã tư đường cái đông người mà dập dập trán lên mặt đất và quỳ hôn lên mặt đường. Nay trong phút dào dạt sự biết ơn người bắc cầu, tôi cảm thấy như hiều rộng được thêm cái nhân vật hôn đường nò. Tôi nhìn cái cầu bê tông vừa mới hoàn thành, trên mặt cầu còn phủ lá phủ đất và còn cả cái ngang tre ở chỗ mỗi đường vào cầu. Mỗi cầu cả phía Điện Biên cả phía Tuần Giáo đều chưa có tý ngán nước lũ thu nào. Mới quá. Hôm xe tôi qua cầu ở quãng đường mới lán ấy, cũng là nhờ ở ông trưởng đoàn có giấy công tác đặc biệt. Chính ra mươi hôm nữa mới cho thông xe kia. Tôi nhìn cái cầu mới, đây đó chưa gỡ đi hết những lề giấy lót cốt pha bê tông chắc cũng vừa mới tháo xong hôm gần đây thôi. Nay cầu xong rồi, đường rẽng thưa người lúc ấy chỉ vền vẹn có cái khuỳnh đường ngoặt một con suối chảy ngang, và vắt

trên con suối, hiên ngang mây vì cầu bê tông mới bóc cốt pha. Rừng vắng. Nhưng tôi vẫn thấy nó như đang lao xao cái tiếng động của đám đông, của lao động tập thể chia thành ra từng kíp. Một vài năm trước đây lúc khởi công làm cầu, những chỗ suối bắc cầu đó, đông đúc ầm ầm rào rào chứ đâu có lặng lẽ im ắng như thế này. Nào là tiếng chí cha chí chát của hiệp thợ chạm ngôi tây mặt và góc đá hoa cương dành cho mố cầu. Tiếng lách ca lách cách chàng đục thợ mộc. Tiếng cưa miết đều mạch gỗ của hiệp thợ xe. Tiếng cút kít nghiên trực gỗ, tiếng vành sắt xe bò nghiên xuống đá đường. Và cái tiếng máy dũi húc đất. Tiếng búa đập lén đe rèn những đinh đỉa cho ván cầu. Tiếng bẽ phì phù, tiếng máy bơm xình xịch, hút cạn nước để đào móng xây mố cầu. Máy bơm hỏng, tắt tiếng xình xịch để chờ thợ sửa bơm từ khu lén, thì lại có tiếng tát nước bằng guồng đập. Bên dòng suối, vợ bộ đội công nhặt nối nhau và gánh cát cáp phôi mặt đường. Và giữa lòng suối là cái tuyểcbin thủy điện con con đủ chạy vài chục ngọn đèn, chạy cái máy radio, làm vui thêm sinh hoạt hàng ngày, và làm sáng thêm cái Tết rừng của những người thợ làm cầu bên suối. Gần cái cầu đang nghiên cứu này là một cái nhà an dưỡng của bệnh viện cầu đường. Gần cái cầu đã bắt đầu khởi công kia là một cái nhà đất dùng làm lớp học kỹ thuật ngăn ngày cho những người làm đất, làm sỏi, làm đá,

làm công: nói chung là làm đường. Cái lớp học lý thuyết mở ngay trên phần đường lại lấy ngay mặt đường trên tuyến đường làm nơi bô túc và thực tập. Quanh quanh nơi đó là một vài công trường làm đá và đúc công, trưa trưa chiều chiều đồng vọng lên cái tiếng mìn nổ bắn đá tan tành mỗi buổi làm.

Tất cả những tiếng sinh động của những khu vực từng đại đội đường đại đội cầu, đều đã biến nhanh đi đâu hết. Cái hồi thật náo động cả ngày có khi cả đêm nữa ấy, thì cái cầu chưa thành hình. Nay cái cầu đã vắt trên suối đêm cái lạc quan vào chỗ đường rừng thì sao lại thấy quang đường đây vắng lặng đi như thế này? Người xưa trở lại vườn cũ chỉ còn thấy có hoa đào nở thường hay động lòng về cố nhân chủ vườn. Nay qua cầu bê tông, thấy lòng bồi hồi về lại ít khuôn mặt đáng yêu của những con người ở kíp ở đội làm cầu. Rừng quang này nay chỉ còn có tiếng suối và tiếng chim, cùng là cái tiếng nổ giòn của máy xe đang lướt đi. Tất cả, họ đi đâu mất cả rồi? Họ kéo nhau đi sang những phương nào? Đồng chí Bí thư đội trưởng đội cầu 30 đó, nay đang lăm cầu cho suối cho sông chỗ phần đường nào? Cái đám cưới nhà gái là đội cầu nhà gái là đội mặt đường mà tôi có được mời đến dự ấy, thì nay cô dâu chú rể đã được máy con rồi? Và hai đứa nhóc sinh đôi của vợ chồng anh lái tàu lăn, nay đã

biết chạy ra đường cái quan chưa, và đang theo xe lăn của đấng mẹ cha ở những phần đường mới nào đây?

Cái xe cứ bon bon mà chạy, mà qua hết cầu này cầu khác. Nhà cửa, lều, lán, kho, trại, sân, cổng, vườn, bến, cột cờ, chòi phát thanh, đâu hết cả rồi? Chỉ còn có rừng xanh một dải và đường trắng cũng một dải. Thấy tênh tênh mà tan quạnh cả đi như người và lâu Liêu Trai sau tiếng gà gáy sáng. Nói cho đúng hơn thì nó như là trở lại một cái phố trong lòng rừng Việt Bắc những năm tàn cư kháng chiến hàng quán tấp nập là thế, mà nay tìm hỏi thì trước sau chỉ còn thấy có giọt nắng gieo trên lá cũ. Cuộc sống thật là luôn luôn chuyển lén và đổi mới. Họ rút đi khỏi nơi đây để hòa vào những cái mới hơn lớn hơn đang hình thành ở mọi nơi khác quanh vùng. Thật ra, muốn tìm lại người của phố cũ đường xưa, cũng không có gì là khó lắm. Con người tàn cư năm xưa thì cứ về các hợp tác xã làng quê và hợp tác xã thủ công các thành tinh, thì lại gặp lại cá đáy mà! Còn những người làm đường cũ, thì nay vẫn đang nhộn nhịp ở nhiều quãng mở đường khác của khắp miền Bắc. Túi dết tôi vẫn có những địa chỉ công trường mới nhất của họ.

Cái miếng đất bằng kia đúng là Xuân Tre ngày nọ. Tôi sống ở Xuân Tre ba bốn chuyến, có đợt nằm đây mấy tháng đã quen lâm rồi với những tiếng mìn của người mở đường. Cho đến bây giờ đây, xe chạy qua

một vùng Xuân Tre lảng tờ, vẫn còn như vang trong lỗ tai mình những tiếng mìn công trường ấy. Khách qua đường hôm nay qua trước cổng công trường 426 cũ mà không chú ý, thì cũng khó mà biết được trước đây chỗ này là một thị trấn. Và linh hồn của thị trấn xã hội chủ nghĩa Xuân Tre là cái công trường làm đường. Hoàn thành con đường vào Điện Biên với tất cả hệ thống cầu nối của nó, tôi rất mừng cho đơn vị công trường và tiếc rằng chưa có dịp thăm lại anh Thông anh Thuần và tất cả những người bạn cũ ở các đại đội, trung đội hiển vinh cũng lắm mà gian truân thử thách cũng nhiều. Nạn nước, nạn lửa, đủ cả.

. Trận lụt lũ mùa thu 1959, nước ào về như voi đàn tràn qua vườn chuối nhà. Gắn đội làm đá, có mấy cây to tường phải đánh đến mấy cân bộc phá mới bật được gốc, thì nước lũ xiết vào có mấy vòng là gỡ luôn cả cây cuồn mang đi, đứt cả cái gốc to ấy vào cống ngầm, tắc công, và phá luôn mảnh đường dưới. Có hai chiếc xe GMC thì một chiếc đi cứu xi măng, qua suối sa hố, đổ xe và chết luôn cả chõ xi măng chạy lũ. Chiếc thứ hai đi cứu gạo kho chuyển lên chõ đồi cao, mới chờ xong được 4 tần, quay ra định cứu gạo tiếp, thì là vỡ mất đường. Nước nó lên nó đuổi theo xe, phải vứt xe cho nước lũ mà chạy lấy người. Trước công trường bộ, ngổn ngang các thứ bàn đúc chồng chất đủ các thứ chǎn màn, radiô, máy chữ, vân vân. Nước lũ liềm vào

mặt bàn, vào đúng đít cái máy chữ. Bên trung đoàn bộ, phải leo lên dờ mái nhà để chui ra. Nước nó ập vào, trôi tuột cả nhà và bao nhiêu là xèng cuốc. Người nào cũng trôi nhiều, trôi băng đi hàng quãng, tay quơ được cái rẽ cái rẽ con nào là bám chặt lấy. Giỏi nhất là chị Nga vào cứu người ốm nằm trong nhà bệnh xá đã ngập mứt dần cửa sổ, nước đã gần bit hết các ô cửa. Sau trận lũ, vững lắm mới không chán đời. Đất vùi kín lũ rau tảng gia. Tôm cá khô trong kho ướt sũng hôi rình. Gạo ẩm mục lên men. Muỗi kêu như ong. Giun dế chết hôi thối. Nhà cửa tan hoang, nhìn nhau ngơ ngác. Chẳng khác gì vừa qua một trận Tây càn. Sự mất mát tài sản vật liệu của công trường 426 trong trận lũ ấy, kể cũng đã nhiều thứ.

Nhưng đau hơn nữa là trận cháy. Mùa thu năm trước bị vỡ đường. Mùa xuân năm sau liền ngay đó thì cháy nhà. Cả một cái công trường cháy hết. Nhà cửa đồ đạc xe cộ. May mà không cháy vào kho xăng đáy. Công nhân dũng cảm đã đánh gục mái nhà xuống, lửa các nhà bên không bắt ngang vào được. Nhiều người lo chạy của công. Không kịp chạy của riêng, nên đồ đạc áo quần mất hết. Tôi cũng để trong đám lửa ấy ít đồ dùng, nhưng tiếc nhất vẫn là mấy cuốn sổ tay ghi tài liệu. Cháy vèo hết, mà chỉ trong có 15 phút. Quá trưa cháy, lại có gió Lào. Cái gió Lào thổi đè ngang ngọn lửa xuống, lửa quạt ngang ấy rống

lên hồng hộc và bắt vào những nhà khác cách nó hai chục thước. Đám cháy công trường để lại ở tay bỗng tối một vết sẹo.

Chiếc xe mùa xuân này cứ bon bon chạy qua hết đâ lâu cái quang Xuân Tre nhiều kỳ niệm thấm thia của người làm đường. Tay tôi vẫn chưa mất đi cái sẹo Xuân Tre trận cháy mùa xuân 1960. Mùa xuân 1964 đây đã hết cả hoa ban. Từ trong Điện Biên tới ngã ba Tuần Giáo, cái sự thật mới nhất thích nhất đáng nhớ lại nhất suốt dọc đường là cầu sắt cầu bê tông đã hoàn thành hết cả rồi, từ nay không lo gì lũ suối mùa mưa tắc xe vào xe ra nữa.

Ngã ba Tuần Giáo trông vui hơn ngày cũ, mỗi ngày cứ hơn bù kẽm là có ba chục chiếc ô tô qua đây, đổ về từ ba ngả Lai Châu, Điện Biên, Sơn La. Cửa hàng ăn mậu dịch, trung bình một ngày phải xuất ra hai trăm bữa cơm cho khách qua đường. Nhà cửa lợp ngói mới, nó đã hồng hộc lên rồi một cái ngã ba mấy năm chỉ thấy xanh lạnh một màu mưa núi. Hai ngàn bà con Thái Bình (người bản địa gọi đùa gọi yêu là Thái Nâu) đã đưa gia đình lên đây làm ăn khai khẩn. Đồng bào Mèo đã có người Mèo quê Nậm Din đỗ bằng Y sĩ. Anh trưởng phòng bưu điện quê Bến Tre Nam Bộ đã lập gia đình, mà chị ấy lại là công nhân làm đá ở cái công trường 426 rất là quen quá. Cơ quan Huyện ủy, ủy ban tươi vui hơn trước. Ông chủ tịch Thư cho

tôi biết rằng sấp xây chợ, gạch ngói đã quy đống lại săn rỗi. Tuần Giáo có mấy đặc điểm: dân công Mèo, Thái phục vụ chiến dịch Điện Biên; - đất Tuần Giáo là nơi giàu cát nhiều kho tàng lương thực hồi đánh Điện Biên trong kia; - và đất Pú Nhung là nơi nhiều cơ sở bí mật nuôi dưỡng cán bộ Kinh, Mèo của huyện nhà, và của các huyện bạn tinh ban mót đất phải lưu vong dọc sông Đà. Nói tiếp về chuyện xếp sǎn gach ngói xây đình chợ mới, ông chủ tịch còn nói tiếp: "Dân Tuần Giáo đây, một số người dị đoan về kiến thiết gạch ngói. Chả là năm 1940, Pháp cũng xếp gạch định xây đồn thì Nhật đánh lên và Pháp chạy, bỏ gạch lại đáy. Hồi chiếm đóng, Tri châu Tuần Giáo là Bạc Cầm Lanh cũng xếp sǎn ngói gạch định xây cái này cái nọ, thì là ta giải phóng Điện Biên... Nay ta mở mang trong Điện Biên, nhà ngói đồ ối, đường sá phong quang, càng ngày các dân tộc càng yên tâm vào sự làm ăn lâu dài.

Đêm xuân Tuần Giáo, điểm vào tiếng ô tô vượt qua ngã ba, là những tiếng con bắt cò trói cột. Ôn quãng đường vừa chạy xe qua từ trong Điện Biên ra, thấy hiện lên rất nhiều bóng cũ. Cái bóng những người làm cầu làm đường. Đóng lầm. Hình như trên con đường vắng ấy, họ vẫn đang đứng bên đường mà sung sướng nhìn cái xe tôi lúc ban ngày qua hết bấy nhiêu nhịp cầu mới. Họ sung sướng và kao xào như trân gio chiều

reo vào rừng hõm. Gió chiều nổi lên, con đường vắng mà vẫn như rầm rập tiếng chuyển quân của cả một cái công trường hoàn thành đường Điện Biên Tuân Giáo. Theo tiếng gió rừng, tất cả các đội đang chuyển quân đi mở các phân đường mới miền Tây Bắc. Bông của hoa gạo bay là là theo gió luồng xe tôi đang chạy, và bay theo bước đi của bóng người đã khuất nèo từ bao giờ.

Tôi cảm thấy giữa quãng không gian ngã ba Tây Bắc này, mình đích thị là một người bộ hành có hạnh phúc. Cái hạnh phúc của người thây được cả cái quá trình hình thành của một sự việc lớn, - của một con đường cái quan. Cái hạnh phúc của một người khách qua đường đã may mắn có được cơ hội để nhìn thấy con đường này từ lúc nó còn chưa tốt chưa đẹp như bây giờ. Tuy chưa hiểu được họ thật kỹ, nhưng dẫu sao tôi cũng đã sống những ngày nước lửa của công trường 426 của người làm cầu đường. Tôi đã thấp nén hương lòng bên mộ chí nơi mép đường đang làm, tôi đã dự những đám cưới của các cặp cầu đường, tôi đã vào bệnh viện của người làm đường mà chúng kiến cái phút lọt lòng của những em bé trong các gia đình công nhân. Lụt lũ đã áp tới họ, lửa cháy đã đốt vào cuộc đời họ. Nay đường đẹp rộng rồi, cầu tốt rồi, mà họ thì kéo đi hết, tan ra các công trường khác. Tôi trở lại đây, họ đã đi hết, nhưng trên đường vắng, tôi thấy

họ vẫn đang có mặt trong giữa lòng mình. Lòng tôi như một cuốn nhật ký nhựa phim trung thực ghi lại bóng hình đậm nét của những con người lớn đẹp mãi lên với sự lớn dần lên của hệ thống cầu đường đất Bắc. Đẹp lớn dần lên với sự trưởng thành của giai cấp mình về nhiều mặt, và nhất là về kỹ thuật cầu đường. Đám cháy công trường năm nọ đốt mất của tôi sổ tay ghi tài liệu cầu đường, nhưng cái nhật ký người làm cầu đường tôi đã ghi tạc trong lòng dạ đêm xuân ngã ba Tuần Giáo đây, thì không có một thứ nước lửa nào ở đời làm mát nổi được. Tôi tin điều đó.

Con bát cò trói cột vẫn cứ kêu gióng một ngoài đầu rừng. Trong tôi, thâu đêm, kéo dài một đám rước đường. Con đường 42 cũng vừa xong vào dịp đón kỷ niệm Mười năm chiến thắng Điện Biên, con đường mới này có khác gì một cái đòn gánh dài, hai đầu đòn gánh là hai cái thúng Điện Biên Tuần Giáo đang nhô dần ra hai mái ngôi đền đình chợ huyện miền núi.

## TÂY BẮC VÀ LÀO CAI

**T**hưa anh, đúng thế. Hà Nội đi Điện Biên mà đi đường quốc lộ 6 thì là 476 cây số nghìn. Nhưng vẫn đi đường 6 lên Điện Biên mà không qua hai phà Chợ Bờ, Suối Rút thì không phải là 476 km đâu, mà là hơn năm trăm cây số đường trường kia. Vâng, thưa anh, đi Tây Bắc giờ không phải lụy phà lụy sông Đà nữa rồi. Khỏi thị xã Hòa Bình ba cây gì đó, đến ngã ba Chăm, anh đừng rẽ tay phải nó lại dẫn anh ra cái phà cổ hữu sông Đà, mà xin anh rẽ tay trái lên Dốc Cun, cái Dốc Cun thân mến mà chúng ta lên lên xuống xuống không biết bao nhiêu lần trong lần Kháng chiến trước. Đến Mản Đức rẽ tay phải, ngã ba này đường to lắm. Từ đây bắt đầu đoạn đường mới, tên hiệu đường 6 Bé, dài 38 km, nối ra đường quốc lộ 6 ở chỗ Bãi Sang. Vâng, của ta làm, hoàn toàn ta làm, công sức của nhân lực công trường 111 và hoàn thành năm 1967. Qua một cái đèo đá, nhìn xuống lung đêp Mường Mai Châu, thấy yêu quý thêm những người mở đường mới, không những chỉ mở đường mà còn là mở

cho ta nhiêu thêm góc độ mà nhìn vào cảnh đẹp giàu và hùng vĩ của đất nước ông bà. Lòng đường không vi đại lăm, nhưng kỹ thuật rất chi là xuya, những quãng vòng gấp góc chữ chi cả thuận cả nghịch đưa tay lái vào cứ êm như hút lấy tim đường; hướng tâm ly tâm, mổ bụng mổ lung, không còn chê bắt được vào đâu. Thưa anh, tôi có cảm giác như anh chưa xúc động cùng tôi về đoạn đường núi này. Nếu linh cảm của tôi mà không trật, thì tôi chắc là anh đang bận tâm về chỗ phải chi tiêu rất nhiều về ba bốn chục cây số đường núi đá mới mở này; thêm nữa, đường trường đã xa nay lại còn dài thêm ra nữa. Nói một cách khác, muốn cho nó thật vừa ý anh, thì làm sao vẫn chỉ dài 476 cây số từ Thủ đô đến Điện Biên mà lại vẫn tránh được hai cái phà ác dữ đó của sông Đà mùa lũ. Anh à, muốn được như thế, thì đừng về lý thuyết, cũng dễ tinh thoi, tức là ta bắc hai cái cầu treo dây cáp hoặc cầu gỗ, hoặc cầu bê tông qua Chợ Bờ và Suối Rút. Không phải là ta không bắc nổi được đôi cầu này, nhưng sẽ tồn của tổn công tổn ngày giờ lăm đây. Trong khi ta không bắc cầu qua sông Đà mà ta chỉ cần nối con đường liên tỉnh số 12 vào quốc lộ 6, anh có thấy đó là một cách giải quyết thật là tài tình không. Không phải bắc hai cầu trên sông Đà rất tổn tiền, mà chỉ phải mở ba bốn chục cây số đường núi cũng tổn tiền, nhưng ít tổn hơn rất nhiều, phải thấy

rằng đó là một điều vui có tính chất lạc quan xã hội chủ nghĩa trong thực tiễn của ta đó anh ạ. Xem ra anh cũng là một người thèm bắc cầu trên sông Đà. Thì sông Đà cũng đã có cầu cho ô tô qua lại hai bờ, cầu thật chứ không phải cầu chim hoặc cầu phao. Nói để anh mừng. Tức là từ mấy năm nay, đã tuyệt đối chấm dứt cái nạn tắc giao thông vận tải cơ giới, mùa lũ sông Đà bỏ tù xe cộ ở bến phà, có khi hàng đăm bảy tuần lễ, chiếc xe cứ nằm chênh ềnh ra đó mà nhỉn thời gian Tây Bắc trôi theo mưa thượng nguồn hàng tháng không đứt chân mây. Cái lần đầu tiên tôi qua chiếc cầu đầu tiên và duy nhất bắc qua sông Đà, ngồi trên ô tô đang lăn bánh qua mặt sông Đà, mặt cầu cách mặt sông độ bốn con sào, nước mắt tôi cứ thế mà trào ra, nghẹn ngào giây giây rồi mới trả lời được bạn đường cùng xe đang hỏi mình đã bao lần vượt con sông này rồi, và bắt đầu vượt nó từ mùa nước năm nào. Chao ôi, làm sao mà nói hết được những nỗi niềm sông Đà mùa mưa. Mưa sông không cần những năm xưa tuôn rơi đôi mắt, và nước mắt sung sướng của tôi đang ôn lại tất cả mưa xưa trên suốt dài sông này, bắt cứ vào mùa nào, bắt kể ở bến nào, ghênh nào, thác nào. Tôi nghĩ rằng đây là cái phút của những giờ hạnh phúc nhất trong đời viết văn của một người gắn bó với sự trưởng thành của Tây Bắc: sớm đạt được cái mơ ước ngồi xe máy chục ngựa máy mà qua sông Đà

bằng cầu bắc (chứ không cứ nhất thiết chỉ ngồi mãi trong đò ngang, ngồi mãi trong phà, dù là phà máy).

Từ cầu sông Đà qua gần hai trăm cây số đường cái quan cấp phôi vào thâu Sa Pa, tôi nghĩ giá trong xe mình lại nhét được một thằng Tây lục lộ cũ thì còn thú biết mấy nữa. Cho phép nó đi xem giao thông vận tải quy mô của ta ngày nay, để cho nó mở mắt ra mà nhìn, để cho nó ngâm xem thời nó, nó đã bắc được cái cầu nào chưa trên sông Đà, nó đã đi qua cà vũng Sin Hồ, Phòng Tô, Bình Lư, Sư Va, Trạm Tôn này như thế nào? Rồi lại từ Lao Cai về Yên Bai thì nó đi như thế nào để về Hà Nội, nếu nó không dùng đường sắt duy nhất của nó?

\*

\* \* \*

Tôi nhớ một lần đó, anh có hỏi rằng “Nếu sau này, khi mà ta giải quyết xong giặc Mỹ, nếu trong tương lai gần đây, bạn anh đây được chuyển công tác sang bên công ty Du lịch Việt Nam, thì anh có vui lòng làm cố vấn của tôi không?”. Nhân tiện đang nói về Tây Bắc và tình hình mới về giao thông trên sông Đà, tôi cũng trả lời luôn anh rằng “Con người ta ở đời, ai có chút khả năng mà lại không muốn đem ra thi tho trong cuộc sống kiến thiết. Nay chút tài mọn này được bậc tri kỷ biết đến thì còn gì hả dạ bằng”. Anh hấy

tin rằng tôi xin tận tâm làm cố vấn cho anh về mặt kinh doanh du lịch để làm lợi cho nhà nước ta. Và tôi thử bàn ngay với anh về cách tổ chức một chuyến du lịch Tây Bắc. Ví dụ đi Điện Biên. Xin nói ngay là có ba cách đi.

Một là từ Hà Nội đi đường quốc lộ 6, qua Sơn La vào Điện Biên rồi lại lộn về Hà Nội bằng quốc lộ 6, sau khi qua tỉnh Hòa Bình.

Hai là từ Hà Nội đi Điện Biên bằng quốc lộ 2, quốc lộ 7, quốc lộ 11, 12, qua Vĩnh Phú, Yên Bai, thị xã Lào Cai, qua hai cầu lớn sông Hồng sông Đà rồi vào thị xã Lai Châu, qua cầu Nậm Mức, qua Mường Pôn, rồi dọc theo cánh đồng Mường Thanh, qua cái cầu con Mường Thanh Nậm Rốm mà tiến vào giữa đất lịch sử Điện Biên Phủ. Lại từ Điện Biên mà lộn về tới Hà Nội, đi trở lại hai tỉnh lỵ Lai Châu Lào Cai; gần cầu Mường Thanh, mốc thạch tiêu quốc lộ chỏm đỏ “Điện Biên - Hà Nội” đè rình rình 655 cây số.

Cách đi thứ ba là đi một đường về một đường. Đi quốc lộ 6 tới Điện Biên, ta đi thẳng luôn sang Lai Châu, qua Phòng Tô, qua Bình Lư, qua Sa Pa, qua Lào Cai và quất luôn một mạch về Thủ đô. Tuyến dài mà rất khung tròn này tổng cộng 1131 cây số, và nó ôm gọn lấy cả vùng Tây Bắc - cho phép tôi quan niệm tỉnh Lào Cai cũng là Tây Bắc. Lào Cai không nằm trong tổ chức hành chính khu tự trị Tây Bắc, nhưng trên bản đồ nó nằm đúng vào hướng Tây Bắc đó.

Không dụng gì đến tổ chức hành chính, tôi chỉ liệt Lào Cai vào vùng Tây Bắc theo cái phương hướng địa lý của nó mà thôi.

Theo tôi nghĩ, trong ba phương án tham quan Điện Biên lịch sử và Tây Bắc, thì cái phương án thứ ba là có tính khoa học hơn cả. Nó dội cây số hơn phương án một, nhưng nó lại rút bớt cây số so với phương án hai. Cũng áng chừng bấy nhiêu thời giờ bấy nhiêu xăng dầu và cây số đường trường mà người có lòng với đất nước lại xem được nhiều nơi danh tiếng, nhiều thắng cảnh hơn.

Đã đi Điện Biên Lai Châu được, mà không nhân chuyến ấy mà lái sang tỉnh bạn Lào Cai, thì đó cũng là một điều không nên có đối với cái việc mở rộng thêm kiến thức nói chung của mình về các tỉnh biên thùy nó là những lá bình phong bằng đá che giữ mặt sau của Thủ đô. Thêm nữa, tuyến đường từ tỉnh lỵ Lai Châu sang tỉnh lỵ Lào Cai rất tốt. Rộng lầm, có những quãng ba xe đai xa dàn hàng ngang mà đi cũng vẫn cứ không hết mặt đường. Sông Đà từ ngày bắc cầu xã hội chủ nghĩa, tuyến đường này càng nhiều thuận tiện cho sự lưu thông của cả một vùng Tây Bắc trọng yếu này. Bấy lâu nay, người Lai Châu có việc về đồng bằng về Trung ương đều là dùng con đường Lào Cai, ít đi đường số 6 nữa. Không có nghĩa là tuyến đường Lai Châu Lào Cai sẽ thay thế cho đường Sơn La Hòa Bình quốc lộ 6 nó vẫn có cái giá trị nội

tại cửa nó, nhưng đường thông sang phía Lào Cai tốt hơn, nhiều kỳ quan hơn, và cảnh đẹp luôn luôn thay đổi nối tiếp.

Chỉ trong một ngày xe tốc độ không cần nhanh lăm, buổi sớm tan sương, anh lăn xe qua mặt cầu sông Đà, thì vàng mặt giờ xe anh đã tới Cốc Lếu. Lại vượt cầu to mà sang sông Hồng, dừng lại ở mép phố Lào Cai chồ bờ sông mà nhìn cái mặt trời của anh, buổi sáng nó còn chiếu xuống mặt cầu sắt sông Đà thì buổi chiều cùng ngày nó lại tô đỏ thêm sông Hồng đây, và nhuộm tia cả mấy ngọn núi lam Ngù Chỉ Sơn đang như cái bàn tay Lào Cai xòe đủ năm ngón mà chào khách từ xa lại. Chao ơi, chỉ trong một ngày mà vượt hai con sông hùng vĩ của miền Bắc; qua đất Tam Đường núi nhú nhú lên như chín mươi chín cái bánh bao tay đình; qua cánh đồng Bình Lư mà ao nhớn ao con là chín mươi chín cái đĩa đựng tài báo; băng qua chân dãy Pu Cam Cáp ngọn lênh khênh trên trời Tây Bắc; rồi là lọt vào trận địa tiền tiêu của sơn hệ Hoàng Liên hiểm trở, và chọc thủng xong mấy dặm sương mù buốt óc, thì lồ lộ bên tay phải anh là đỉnh Phăng Xi Păng cao nhất Tổ quốc tươi đẹp ta đây! Lại mây Ô Quy Hồ đang đội mũ cho Phăng Xi Păng tuyệt đỉnh, và hết đèo Ô Quy Hồ thì qua khu thừa lương Sa Pa mà thẳng ruổi về thành phố biên phòng Lào Cai.

Lào Cai đáng quý đáng mến lắm chứ anh. Con người ở đây, ở lanh đạo chỉ đạo cũng như ở phía thực

hiên, tất cả nói chung đều có những đức tính đáng quý của những con người xây dựng và bảo vệ một vùng núi phiền phức nhưng giàu có về triển vọng công nghiệp. Ngoài những mỏ giàu chất quặng, Lào Cai còn biểu thị cái vui sống của mình qua cả một hệ thống thủy điện thủy luân. Đã có kha khá hợp tác xã tuốt lúa quạt thóc bằng sức điện, và bật đèn điện lên mà bình công chấm điểm. Đêm đêm, đứng ở mặt đường về huyện Bát Xát mà nhìn lên lưng chừng núi, thấy điện nhấp nhánh ở các già đình người Dao mà lòng lâng lâng một nỗi vui mới. Bất giác lại nghĩ đến câu nói của một tên phì báy lâu lán trốn nay ra đầu hàng ta: "Mày mở đường nhiều, mày xây nhà máy, mày lại thắp đèn điện, thì tao phải ra hàng". Lào Cai có những kinh nghiệm xương máu mồ hôi về làm đường quốc lộ, đường liên tỉnh liên huyện; ở đây cũng là nơi đi đầu trong vấn đề đúc kết kinh nghiệm tiêu phì; ở đây cũng là nơi đi đầu trong việc đúc chữ mới cho dân tộc Mèo. Quả trái mẩy mùa ở đây thường được liệt vào loại quý. Cảnh ở đây đẹp và tôn hơn bất cứ tranh vẽ ảnh chụp nào, và con người ở đây thì không phải là không có kè dữ, nhưng người hiền người tốt quả là tuyệt đại đa số. Công nghiệp hóa địa phương, mọi việc ở đây kêu gọi nhiều cố gắng, đòi hỏi những biện pháp cụ thể nhưng cũng đã nhiều hứa hẹn. Có lẽ vì thế mà trời đất đã biệt đãi Lào Cai những hai khu vực an dưỡng Sa Pa và Bắc Hà trữ tình để mọi người chân

chính lao động xã hội chủ nghĩa Lào Cai lấy lại và tăng thêm sức sáng tạo của mình.

Sông Hồng nhập cảnh nước ta, kéo một dải đỏ qua Thủ đô rồi tuôn ra bể Đông, trên một đường nước dài 510 cây số, bắt đầu làm quen với lòng núi ta ở quãng cây số 639 (tỉnh từ nguồn Vân Nam sang) vùng Mèo A Mú Sung của Lào Cai. Lào Cai là tỉnh được đăng ký hộ khẩu cho con sông lớn nhất miền Bắc. Lào Cai còn là nơi đột khởi lên một ngọn Phăng Xi Păng cao nhất nước. Từ thuở đầu dựng nước cho tới nay, chưa có tinh thần tinh xa nào phá được cái kỷ lục vươn cao 3142 thước tột đỉnh của Lào Cai. Sông thì đâu nguồn, núi thì tuyệt đỉnh, non nước Lào Cai thật đã chí tinh. Tôi có llop ngóp lên tới tuyến đỉnh Phăng Xi Păng rồi. Trên ấy, tuyệt đối không một con vắt, không một con muỗi, không một con ruồi. Không khí trong lành. Tốt giờ thì đêm nhìn thấy quầng ánh sáng khu công nghiệp Việt Trì. Bụi thì hiếm mà trúc thì giống như cái phát trân và mặt núi thì như mâm xôi. Mâm núi nào hoa đỗ quyên (rô-dô-đen-đơ-rông) ngũ sắc cũng nở bạt ngàn. Tôi nghĩ rằng mâm núi đỗ quyên nở trên đỉnh Phăng Xi Păng đó là hoa để dành cho tất cả những người Lào Cai đang bảo vệ tốt đât nước dưới chân dãy Hoàng Liên Sơn, và quản lý giỏi của cải vật chất và tinh thần trong toàn tỉnh.

## CẮM CỘT MỐC GIỚI TUYẾN

*Gửi ba cô A, B, C vừa ở Pháp  
ở Xiêm ở Tân thế giới trở về Hà Nội*

*Hàng cây dọc sông Vittuyn lao xao lên  
Tất cả những gì tôi cảm tôi thương,  
Tất cả những gì tôi chưa kịp cất lên  
thành giọng hát".*

(BORÒ NHIÉPXKI, nhà thơ Ba Lan)

Lạ thật đây, các cô ạ. Cái con sông giới tuyến ấy  
lạ thật đây. Các cô xa rời đất nước quê hương gốc, từ  
những cái thuở chưa lọt lòng mẹ (nếu trí nhớ của tôi  
vẫn trung thực với tôi, thì cô A sinh ở Numêa Thái  
Bình Dương; cô B sinh ở Vọng Các vịnh Xiêm; cô C  
sinh ở Mạcxây Địa Trung Hải), các cô để ra và lớn lên  
ở những nơi góc bể chân giới hoàn toàn khác hẳn, xa  
lạ hẳn với Tổ quốc Việt Nam, nay vì nhớ thương quê  
cha đất tổ, các cô trở về Việt Nam. Trở về để góp vào

đó cái tuổi trẻ, cái óc trẻ, cái tâm trẻ và đôi cánh tay trẻ. Vừa đóng góp vừa tìm hiểu, sự gắn bó với đất nước ở các cô mỗi ngày mỗi tăng lên cùng với những khao khát tìm hiểu ở các cô. Có một số việc một số cảnh làm cho các cô ngạc nhiên. Tuổi trẻ sao mà không ngạc nhiên được trước mọi biểu hiện của sự sống, một sự sống cứ quyện lấy kinh tế, cứ quyện lấy chính trị mà đi về phía trước. Tôi đánh giá cao sự ngạc nhiên của các cô. Tôi muốn xếp loại nó vào những ngạc nhiên nặng chất yêu đời của những người trí thức thường có những mối ngạc nhiên tích cực, nó giúp họ, nó kích thích họ lao mình vào thực tế, nó tạo điều kiện cho họ càng làm việc càng thấy không thể nào mà không quý yêu cái mình đang làm ra giữa quê hương mình.

\*

\* \* \*

Bây giờ ta nói chuyện về một con sông lạ ở nước ta. Con sông tuyến ấy, lạ thật đây. Lạ mắt, nghịch tai. Chả cú gì các cô lấy làm lạ, mà ngay như tôi ra ra vào vào Vĩnh Linh nhiều lần, tôi vẫn chưa hết ngạc nhiên về dòng sông không bình thường đó của cuộc sống giữa quê hương ta. Sao mà không lạ được cho một con sông không đủ cả hai bờ sông mà lại chỉ có

một bờ sông! Sao mà không ngạc nhiên được cho một con sông chỉ có một nửa cai câu với với trên dòng như ống tay áo thông anh thương binh cụt tay! Sao mà không lạ được cho một con sông mà bất cứ người lái đò nào cũng đều thấy vướng vướng nơi đầu mũi chèo và cứ phải miết thuyền mình vào cái bờ duy nhất của mình. Thà nó là biển cả như Thái Bình Dương ngoài kia mà mình chỉ có được một bờ, một tí bờ, thì nó cũng đành một nhẽ. Đằng này, hai cái bờ song hành cách nhau chỉ một mái chèo, mà sao biên biệt đằng dảng như mù sương trên bể rộng. Bờ này sông đông người cày cây chài lưới, bờ kia sông cũng nhanh nhẹn ruộng vườn, hai bên cùng một ngôn ngữ, một giọng nói, cùng người một tinh, một huyện, bờ bên này có bến thì bờ bên kia cũng có chợ. Sao lại không lạ được khi giữa hai bờ đó, đã bảy năm nay, không một tiếng gọi đò nào cất lên! Vào những dịp hội hè nào hàng năm, bờ bên này thấp điện, bờ bên kia cũng thấp điện. Dòng sông tuyến sáng lên như càng bể. Và hai bờ sáng lên như hai chiếc tàu buôn lớn, mạn tàu đầy hàng hóa gần cọ vào nhau, ôn ào, nhưng cuộc đối thoại vẫn chưa thành, vì mỗi tàu bể nói một giá và nói riêng một thứ tiếng. Tiếng nói nhân dân ở đâu bao giờ cũng giàu, ngày càng giàu. Nhưng ở dọc sông lạ này, từ vị con người ven sông đã mất hẳn đi danh từ “đò ngang”, động từ “sang ngang”.

Kể chuyện về giới tuyến, về sông tuyến thì sách báo ta nói cũng không ít đâu. Nay giờ đến phần tôi kể, tôi chỉ muốn cung cấp cho các cô một số tài liệu về địa lý và nhất là về lịch sử. Về thời kỳ đầu của giới tuyến, ta cùng đổi phương thực hiện hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam theo đúng hiệp định Giơneo. Lệnh ngừng bắn ở Trung bộ, bắt đầu từ 7 giờ sáng ngày 1 tháng tám 1954 (Bắc bộ ngừng bắn sớm hơn 6 ngày, Nam bộ chậm hơn 11 ngày nữa). Nhưng mãi cho đến cuối năm đó mới đi vạch được đường giới tuyến quân sự tạm thời trên thực địa. Và đóng cọc mốc, đóng biển gỗ. Đóng trên mặt ruộng khu đệm, đóng trên bờ sông đệm, một con sông của tỉnh Quảng Trị.

Trên tinh thần và trên nguyên tắc thì bờ Bắc bờ Nam, số cọc tuyến đều ngang nhau. Nhưng khi thực hiện thì cần thể tất trước yêu cầu khách quan của thực địa. Cho nên bờ Nam đóng những 141 cọc mà bờ Bắc đóng có 133 tấm biển địa giới khu phi quân sự và ranh giới quân sự tạm thời. Ở đây cũng không phải là vấn đề hơn thua nhau vì chênh nhau 8 cọc mốc, cũng như sự hơn thua không tính theo số đồn đóng bên sông mỗi bờ (bờ Bắc 9 đồn, bờ Nam 8 đồn), hoặc số ván gỗ trên cầu Hiền Lương (mỗi bên quản lý đúng 89 thước cầu sắt số thước nhịp cầu ngang nhau, nhưng nửa tay cầu Bắc gồm 450 tấm ván, mà nửa cầu Nam chỉ có 444 tấm. Ai cũng biết rằng miền Bắc,

miền Nam là hai chế độ kinh tế chính trị hoàn toàn khác nhau, miền Bắc đang hòa bình kiến thiết xã hội chủ nghĩa và miền Nam Mỹ - Diệm đang tàn phá và chiến tranh hòng biến nửa Tổ quốc ta thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ. Cái hơn thua của hai chế độ, không ai lầm cẩm đi so đo về mấy cọc tuyến bên hơn bên kém<sup>(1)</sup>; mà chính là ăn nhau ở cái phẩm chất chính trị của chế độ mình nó có triển vọng lịch sử, hay là nó sẽ cùng đỗ mạt lộ như tất cả bè lũ phát xít trên thế giới. Nói về chỗ hai miền hơn thua nhau, tôi muốn

(1) Về chuyện cọc và mốc tuyến, trong bản giải thích quy chế khu phi quân sự (của Tiểu ban Liên hiệp Bình - Trị - Thiên ở phái đoàn quân đội nhân dân Việt Nam, trong Ban Liên hợp trung ương) đã nói cụ thể: “(...) Đường giới tuyến quân sự tạm thời và hai đường ranh giới Nam và Bắc của khu phi quân sự không phải là biên giới.

“Đường giới tuyến quân sự tạm thời lấy con sông Hiền Lương làm đích để tách quân đội hai bên xa nhau, để phòng xung đột, để thực hiện định chiến và hòa bình. Đường giới tuyến quân sự tạm thời sẽ xóa bỏ sau khi Tổng tuyến cứ toàn quốc vào tháng 7 năm 1956. Lúc đó nước ta sẽ thống nhất, đường giao thông sẽ thông suốt, nhân dân ta được di lại dễ dàng không bị han chế, và khu phi quân sự cũng không còn nữa. Điểm nay đã nói rất rõ ở hội nghị Giơnevo. Trên đường ranh giới khu phi quân sự sẽ có những cái mốc và những cái biển để đánh dấu từ bờ biển cho lên tận biên giới Lào Việt. Và trên đường giới tuyến quân sự tạm thời, ở những nơi nhân dân qua lại đông, cũng có những cái biển yết rõ ràng”.

Những cái cọc mốc đó, không nên nhổ đi, khi đổ hoặc xiêu, ta nên trồng lại cho cẩn thận, tổng tuyến cứ xong rồi, sẽ nhổ bỏ đi luôn thê”?

lấy cái ý của nhà thơ Đức, Bécton Borét mà phát triển thanh ra “*Tổ quốc là thuộc quyền sở hữu của chế độ nào làm cho đất nước đó tốt đẹp hơn lên*”.

\*

\* \* \*

Sông giới tuyến chảy qua huyện Vĩnh Linh, chảy qua tỉnh Quảng Trị. “Chảy qua” hiểu theo nghĩa “cắt vào”. Nó chảy từ Tây qua Đông. Nó lăn sỏi lăn cuội từ đầu gối núi Trường Sơn mà nhoài ra phía Thái Bình Dương. Chỗ gối núi ấy, chỗ mõm 820 ở lưng dãy Trường Sơn đó, cũng là đường phân thủy của sông giới tuyến và sông Sê Bang Hiên nước Lào hàng xóm phía Tây. Sông giới tuyến tên thật là sông Bến Hải (mà thường gọi lầm là Bến Hải) và nó còn một tên nữa là Rào Thành. Bề rộng của sông Bến Hải, chỗ rộng nhất như quãng đồn Tùng Luật thì tới 200 thước, chỗ cầu cấm Hiền Lương rộng 170 thước. Chỗ lưỡi cát Cửa Tùng con sông ăn ra biển, chỉ có 30 thước; hình như sông cũng thắt bụng mình lại để hai đồn gác chung nơi hai bờ tiện việc kiểm soát thuyền cá ra vào những lúc buồn buồn chiều hôm cửa biển. Quang Bến Tắt sát khu vực đi đạo và nhà dòng ép xác Phước Sơn, hai bờ trông đã hoang dại nguyên thủy lắm, và hai bờ chỉ cách nhau có 20 thước. Cứ Bến Tắt mà ngược lên nữa, cứ hướng vào núi Trường Sơn mà ngược lên nữa, thì gặp những quãng vọt mạnh qua được mà không ướt đến mũi giày vải. Có chỗ hẹp quá,

nhân dân ngồi ở bờ Bắc quăng cái dây câu mà lười câu lại mắc vào bụi gai bên bờ Nam. Có chỗ hẹp quá, trẻ em muốn lấy mảnh vỏ dừa khô ném thia lia, thì mặt nước không đủ nước cho mảnh thia lia trượt đi.

Lòng sông tuyến rộng hẹp đại khái là như vậy. Còn chiều dài của nó, tính theo đường chim bay, từ nguồn từ núi Tây ra biển Đông, thì sông Bến Hải chỉ dài có 60 cây số - cái dài của đoạn đường nhựa quốc lộ I nối Thủ đô Hà Nội với thị xã Phù Lý (Hà Nam). Đi theo sát đường sông uốn khúc quanh co lườn núi thì sông dài chừng 100 cây số.

Nguồn sông lao xuống đồng bằng thường thường hay đổi lòng thay lòng. Theo với lượng mưa, đá lũ, đá lụt, với chất đá lót lòng sông, chất đất cát dòng sông, con sông hay nén lại cái phong cách chảy trôi của mình. Đến nguồn sông có lúc ăn bớt được một kẽ núi lách đôi vượt qua, có lúc phai vòng quanh mua thêm đường. Thế kỷ này, có thể thân con sông dài ra, để đến thế kỷ khác, thân nó lại rút ngắn đi. Thời Lý, thời Trần, thời Lê, thời Trịnh - Nguyễn, triều Tây Sơn, con sông Bến Hải dài hơn hay ngắn hơn con sông Bến Hải của cuối thế kỷ hai mươi bảy giờ? Câu hỏi bác học này vượt quá kiến thức và sức trả lời của tôi. Nhưng nếu hỏi tôi rằng sau hôm búa rìu lịch sử đóng mốc giới tuyến lên hai bờ sông này, sông tuyến thêm ra hay bớt đi những khuỷu những khúc uốn của nó, thì tôi

có thể dứt khoát mà trả lời rằng: con sông đã dồi thêm ra nhiều khuynh nhiều vòng. Cũng dễ hiểu thôi. Ai đã giãm xéo lên một con giun thì biết. Con giun quắn lên. Nếu ví sông tuyến đen mốc như một con trăn gió, trườn từ núi ra biển, thì gần ba trăm cái mốc nhọn ấy đóng lên thân nó sao mà nó không quắn quại được. Trong cảm nghĩ của tôi, con sông không thể không là một sinh vật hữu cơ của Tổ quốc. Và nó cũng có cái cách phản ứng của nó. Chúng ta đau như thế nào vì chia cắt hai miền, thì con sông ấy cũng quắn lên như thế, khi Mỹ - Diệm muốn lâu dài chia dòng và cắt bờ. Trong máu lũ ta hôm nay, tôi dám cho phép tôi nghĩ rằng vẫn vón cục lại, vẫn ứ lên cái máu phân dòng tách bờ của một con sông Bến Hải.

Và nói đến sông tuyến cùng là lịch sử giải phóng của dân tộc chúng ta, thỉnh thoảng tôi hay nghĩ đến cái câu nói mang máng của một cụ đồ Ai Cập chờ khách du lịch trên sông Nin: "Theo dòng sông, các dân tộc tự kiểm tra lại mình. Đọc theo những con sông của họ, họ chứng minh cuộc sống dân tộc họ. Tên mỗi dòng sông tóm tắt lại những chặng lịch sử họ, vừa tóm tắt một đoạn sử vừa khẩn cầu da diết đến lịch sử".

\*

\* \* \*

Nghĩ lùi lại tám năm trước đây, tôi hay nhớ đến mấy niên hiệu:

- 7-5-1954 : chiến thắng Điện Biên.
- 20-7-1954 : hiệp định Giơneo.
- 27-7-1954 : lệnh ngừng bắn ở khắp Bắc bộ.
- 10-10-1954 : tiếp quản Thủ đô Hà Nội.

Vừa tiếp quản Hà Nội, vừa đẩy mạnh việc làm đường xe lửa Hà Nội lên biên giới Bắc, nối liền ta với cái khói lớn xã hội chủ nghĩa liền khoảnh vĩ đại trên lục địa hồng. Trong không khí bừng bừng của tiếp quản, những người vùng giải phóng trầm trồ đi xem múa sạp đưa từ rừng kháng chiến về. Trong số người Hà Nội đi xem ca múa mới, có những người hỏi nhau nho nhỏ: "Này, thế anh ấy đi hay ở... Thế chị ấy ở lại hay là cứ đi?" Và ngay quanh đây, lại cũng có những người khác bô bô hỏi nhau: "Bao giờ thì tàu hỏa đi Lạng Sơn khánh thành và chở hành khách?" Báo chí luôn luôn phản ánh về những công trường làm đá, làm đường sắt Hà Nội - Nam Quan. Đập vụn một quả núi, hai quả núi để lấy đá trải đường sắt lên biên giới. Ghè núi thành đá dăm, đá tảng, đá cù đậu. Đá núi ghè ra bốc lên cái mùi thum thùm, công nhân gọi luôn hòn đá đó là cái đầu thằng đế quốc Mỹ. "Đập cho vỡ đầu thằng Mỹ ra" trở nên khẩu hiệu chìm của công trường và có tác dụng thi đua tăng năng suất. Tiêu

chuẩn làm đá, từ 80 lít đá dăm cân đạt, đã vọt lên thành 5.880 lít. Dọc con đường quốc lộ I lên biên giới Bắc, khắp mọi công trường làm đá, chí cha chí chát những tiếng búa “đập cho vô đầu thằng Mỹ ra”.

Cùng lúc đó, tận phía cực Nam Thủ đô Hà Nội, cách Hà Nội 553 cây số, thành lập xong đoàn binh sĩ liên hợp đi vạch đường giới tuyến, làm dấu cự thể cho sự tạm thời chia cắt Bắc - Nam. Bấy giờ là tháng chạp năm 1954, bấy giờ Vịnh Linh đang là mùa mưa. Thứ mưa “mang mang vô tuyệt kỳ” kéo dài qua cả Tết tây qua cả Tết ta. Mưa loại mưa Huê, mưa thủy đát thủy cỏ, mưa thấu qua tơi nón, mưa thấu vô trong tủy xương nhức nhức, nó là cái thứ mưa làm sống lại những ngày tê thấp, những ngày sốt định kỳ băng suối băng ngàn chiến khu Bình - Trị - Thiên.

Cái binh đoàn Liên hợp nhỏ ấy gồm cả binh sĩ ta và cả quan lính Tây. Phía họ có quan ba Bétxina, trung úy da trắng; quan hai Môhamét người Marốc; quan hai Phan Kế Ninh người da vàng; và 3 cảnh sát. Người nào cũng nai nịt súng ống đầy đủ và kéo ra từ quận Trung Lương bên bờ nó.

Phía bên ta có thượng úy Lê Xuân Sơn, người quê Quàng Trị anh dũng kiên cường, và 5 đồng chí bộ đội vừa học xong về thắng lợi cự thể của hiệp định Gioneo. Từ Hồ Xá, ta đã sơn săn 170 biển gỗ giới

*tuyến quân sự tạm thời* - *Ligne de démarcation militaire provisoire* - nền trắng chữ đen. Bên họ cũng làm sẵn biển gỗ mang theo, cũng viết những dòng chữ rúa rúa, nhưng chữ Tây lại thượng lên đầu biển gỗ. Cũng như nơi băng vài bờ rátxa cánh tay họ, phía trên là ba màu Pháp, thứ đến mới là ba gạch nền vàng vua.

Cả ta cả họ đều từ giã chiếc cầu Hiền Lương lúc ấy vẫn lũ lì người qua người lại, lúc ấy chưa khóa tuyến đóng cầu như bây giờ. (Lúc bấy giờ, phòng đón tiếp đồng bào miền Nam ra còn ở phía dưới chợ huyện và đồng bào miền Nam đêm đêm đọc báo miền Bắc, say sưa mà đọc băng thứ đèn dầu hỏa chứ chưa có đèn điện như Vĩnh Linh ngày nay. Lúc bấy giờ hàng quán lù lù, toàn lợp tranh kiều bánh ú, chứ làm gì đã có ba tầng lầu gạch như khách sạn quốc doanh Vĩnh Linh ngày nay). Tất cả ta và họ đều rời đầu cầu tuyến, xuống ca nô máy, ngược lên phía sông trên. Phía chợ Phà đầu cầu phía Nam, vẫn có những bà mẹ áo dài thăm vừa bán cá, vừa nhìn theo đoàn người đi đóng cọc giới tuyến. Những chiếc ca nô máy M2 vượt qua Võ Xá chưa lắp chợ mái tôn Mỹ, vượt qua cái xác cầu xe lửa Tiên An, vượt qua cái bến vắng nhà thờ đạo dòng ép xác, rồi đồ lại ở Bến Tắt. Hôm trước chó sói vừa về đây. Cả cọp mẹ nữa. Vết chân cọp in xuống bùn bén, to bằng cái đĩa tây.

Đến Bến Tắt, phải bỏ ca nô máy lại, mà chuyển sang đò. Năm chiếc đò thuê của bà con nông dân sống ở Phước Sơn Bến Tắt này. Họ cho Chính phủ ta thuê đò của họ, và họ nhận chèo chống luôn thế. Họ là hai chục tay sào tay chèo, làm ruộng cũng giỏi mà làm thuyền cũng giỏi. Phần đông là đi đạo. Có người đã ở Phước Sơn trên mấy chục năm nay, làm cho nhà dòng. Họ là những người nghèo, quê ở rải rác khắp Bình khắp Trị khắp Thiên. Trước cách mạng, có người từng kéo xe tay loong coong cái nhạc đồng khắp phố Huế, ngày kéo sang tòa Khâm vô trong thành nội, và tối chở đò trên sông Hương. Có người quê ở Quảng Bình làm nghề đốn củi dọc sông Gianh. Có người quê Quảng Trị, chở đò cỏ. Có người đã từng gánh gánh nồi đồng lang thang đi bán, đi đổi qua khắp làng mạc trên một dải cát trắng cát vàng ba tỉnh Thiên, Trị, Bình. Có người gây được ít vốn rủ bạn bè hùn nhau lại, buôn một chuyến nồi đất, trách đất vượt đèo Lao Bảo chở sang bán bên Lào. Cụ Thượng thư đi đạo là Nguyễn Hữu Bài đã tìm đến những người nghèo đó, và nói chung là tìm đến những người dân cày nghèo khổ. Cụ Thượng Bài mở năm sáu cái đồn điền trên rú, đang cần đến nhân công khai phá. Có nhiều người nghèo rủ nhau đến Bến Tắt bán sức lao động với giá rẻ mạt. Cụ Bài vừa bóc lột họ, vừa xúi họ đi đạo, đem Thiên đường ra đánh lừa những người nông dân cả tin.

đó. Vùng Phước Sơn, Bến Tắt, trước Gió neo ngừng bắn, cũng là nằm trong khu du kích của ta. Cho nên người thiêng chúa giáo nghèo đã thấy được đâu là chân lý và hạnh phúc. Nhiều người đã giúp đỡ cán bộ qua lại. Và hôm đi đóng cọc giới tuyến, họ đều nhận chèo nhận chống đò. Thấy có cả Tây trắng, Tây đen và lính nguy, lúc đầu họ muốn lui, nhưng ta giải thích, hai chục chân sào đó cũng yên tâm mà theo đoàn và theo đò.

Từ Bến Tắt ngược lên, toàn là chống băng sào. Đã có thác. Mũi sào cắm vào đá lòng sông, cái đinh sắt mũi sào bật lên những âm nhọn gắt. Một vài tay chờ đò quê Huế liền nổi lên tiếng hát Huế. Người hò, người xô theo:

Sâu đâu<sup>(1)</sup> trong héo ngoài tươi  
Có vui thì vui vây  
Có cười thì cười khuây... ớ... à... σ

Có những chặng thác, chặng ghềnh, chân sào và nhả đò phải nhảy tòm cà xuống lòng sông tuyến mà un thuyền, đẩy thuyền. Nước sông cứ này gấp mưa thảm, đổ từ nguồn xuống nghe nặng nặng. Cán bộ ta và bộ đội cũng cởi phăng quân phục ra, mặc quần lót, nhảy xuống sông, cùng hè nhau vào mà đẩy thuyền giúp lái đò. Quan ba Bétxina nằm trong đò mà đọc

(1) Người Thừa Thiên gọi cây xoan là cây sâu đâu.

sách, vừa đọc vừa lơ đãng nhìn ra khung sông ào ào tiếng thác. Quan ba Pháp lấy làm lạ cho 6 binh sĩ Việt Nam đang ướt át đầy đò ngược thác với 20 “cu li” chờ đò. Bétxina đang đọc cuốn *Điện Biên Phủ* ở Pháp vừa gửi qua cho ông. Cuốn *Điện Biên Phủ* của Lucien Bornert đó vừa in xong ngày 25-5-1954 (tức là 18 ngày sau khi mất Điện Biên Phủ, quan ba Bétxina nghỉ thê). Cái tay sỉ quan Việt Minh kia, lon và chức cũng quan ba như mình, y cũng nhảy xuống sông đầy thuyền như những lính Việt Minh, như những “cu li” chờ đò. Vừa nghỉ thêm, viên quan ba Pháp vẫn đọc tiếp. Và ngừng lại ở cái đoạn tàu bay bắn phá trên các đường trục Tây Bắc, ném bom tạ, bom bướm xuống những trọng điểm giao thông. Nhưng mà tàu bay đó cũng bất lực không thể ngăn lại được “hai vạn cu li gánh hàng trong lòng rừng có những lối đi hiểm”. Và rừng dày Tây Bắc đã phá được tàu bay Mỹ, và bảo vệ cho những người “cu li nguy hiểm” đó. Đến cái câu “*Điện Biên Phủ tức là cái chiến thắng của đám cu li*”<sup>(1)</sup> thì, không còn nghi ngờ gì nữa, viên quan ba này biết ngay tác giả sách đang đọc là một thằng cha tác giả bối láo viết bậy. Chả rõ đám quan lính họ bàn nhau thế nào mà hôm sau, ở một vài

---

(1) Theo cách gọi chủ quan của bọn thực dân vốn gọi công nhân của mình. Họ nhìn dân công phục vụ tuyển tuyển của mình cũng như vậy.

chẳng phải đầy thuyền, thấy bọn họ cung nhảy xuống sông, bám tay vào mép đờ. Sông Bến Hải (ở khúc nguồn này, sông đã thay tên là Rào Thành) có những đoạn ghềnh thác dài đến gần nửa cây số.

Vượt qua những đoạn khó, nhiều người đã giờ cần câu ra câu cá. Cá sông tuyén nhiều thứ. Cá buôi, cá vược, cá mòi, cá úc (cá trê). Từ Bến Tắt ngược lên, lại còn nhiều cá hơn nữa. Cá bóp, cá xênh, cá tróc, cá lâu. Và có những con cá mát, con cá to bằng bắp đùi con người ta. Câu được cá ngon, ngày thuyền thứ hai đó, ta cũng mời đám quan và lính Liên hợp Pháp ăn. Hôm nay, họ cười cười mà nhận cá tươi. Khác hẳn với hôm đầu, ta biểu cá tươi “để mấy ông cùng ăn cho đỡ xót ruột”, họ làm phách làm điệu, quan giữ kẽ với lính, lính giữ miếng với quan, và đều khước từ. Hôm nay họ đã nhận cá tươi của những người chiến thắng họ, vì thấy xót ruột cũng có, nhưng cũng vì lè khác nữa. Có lè họ, nhất là viên quan ba da trắng, đã thấy rằng có giữ thể diện gì đi nữa thì đế quốc Pháp thực dân trên nước Việt Nam cũng đã cáo chung ở Điện Biên Phủ rồi. Có nhận thêm ít con cá tươi của “cộng sản” cũng là một việc nên bình thường nó đi. Và chẳng, chỗ đồ hộp đem theo ăn đường đó ăn không tốt bằng, nuốt nó ít vô bằng thức ăn tươi nóng này vừa câu lên đó. Hôm qua đục khui ra mấy cái đồ hộp Mỹ vốn tiếp tế cho Pháp, quan và lính họ đã to tiếng chửi

Mỹ. Thằng Mỹ thả dù xuống cho họ toàn thứ đồ hộp thiu, quá hạn bảo đảm. Nếu không cần giữ ý với bộ đội ta ngồi trong thuyền, hẳn họ còn chửi bới Mỹ hung hăn hơn nữa.

Họ ăn cá của ta, họ cũng biếu lại ta ít gói thuốc Bát tôt làm tại Bắc Phi và nhiều thuốc lá Anh, thuốc lá Mỹ. Anh em chở đò cười cười không nhận, với cái lý do đưa ra: “Bầy tui hút thứ nứ khói nhạt lắm. Tụi tui phải hút thứ thuốc do tay mình trồng lấy, cuốn lấy. Đậm khói hơn”.

Cũng như đêm thứ nhất, đêm thứ hai, cả đoàn Liên hợp đổ bộ lên bờ ngủ ở nhà sàn. Nhà của đồng bào Vân Kiều mà bọn họ thường gọi là Mọi Cà lơ. Thấy quan ba Pháp và lính bảo an lên nhà, đồng bào Vân Kiều lo ngại, mặc dầu từ mấy tháng trước, cán bộ đã giải thích cho là hết đánh nhau rồi. Trong thấy đám người ấy, người Vân Kiều lại như thấy nhà cháy vù vù và tiếng khóc của đàn bà bị hiếp và trẻ con nó quăng vào đống lửa. Bọn kia, xem chừng cũng nhớ ra những lúc mình đốt nhà “Mọi Việt Minh”, muốn xí xóa kỷ niệm, đưa kẹo giấy bóng ra mời, nhưng trẻ em Vân Kiều đều chạy tránh khỏi nơi bếp lửa. Chúng chạy sang bếp đó nhà sàn hàng xóm không có Pháp và ngụy, móc túi ra nướng hạt mít khô, gau gáu nhai những hạt mít cổ điển của những ngày còn chiến khu

Ba Lòng, Thùy Ba chống Tây và ăn lương khô hạt mít nướng.

Ngày thứ ba, lòng năm chiếc đò dọc đã vơi đi nhiều thứ. Những đống cọc giới tuyến biển gỗ đã ngót xẹp hẳn đi, chứ không có ngọn lên như bữa mới ra đi. Và năm cái đò lịch sử ấy vẫn tiếp tục đi đóng định lên cây to bờ Bắc và bờ Nam. Biển gỗ rành rành chữ để giới tuyến, đóng vào cây xanh. Mặc kệ cho bọn hắn loay hoay với nhau mà leo cây bờ Nam đóng cọc, đóng biển cho bên nó, những người lái đò chân sào chỉ leo trèo riêng bên bờ Bắc, giúp đỡ bộ đội mình đóng mốc, đóng biển. Bực nhất là mấy thằng cha lính nó cũng lại chơ mõm vào: "Thôi, một định thôi cũng đủ. Hai năm là tổng tuyển cử và xóa tuyển, đóng một định là đủ rồi. Máy thứ nó rồi quăng, đóng định chỉ cho nhiêu, cho mệt". Bọn lính họ, xem ra sung sướng quá vì hòa bình đã trở lại. Họ cũng nói ra miệng với ông đò rằng họ ra lính, chẳng qua cũng để kiếm cơm, kiếm lương, nhưng có hòa bình, thi họ sẽ làm những nghề khác nó vui hơn, hiền hơn là cái nghề cũ.

Có máy tên đó cao hứng vì không khí chan hòa trong đò, đòi tuông ra bắn đòn khi bờ sông. Ta lại phải giải thích đây là trong khu phi quân sự, không nên vi phạm, nổ súng sẽ làm động bào sơ và hôm nay là ta phải thực hiện đúng những quy định của Gioneo. Nó liền thôi.

Lại đến một cái thác dữ. Cả nhà đò, cả ta, cả Tây cùng nhanh nhẹn nhảy xuống mà đầy thuyền. Quan ba Bétxina người beo béo, không râu, không cao, không lùn, giọng thân mật: “Có Điện Biên Phủ, tôi càng được trở về bên Pháp sớm hơn”. Dòng sông vang vọng lên tiếng người lên thác. Ta dò hò theo lối ta, Tây dò hò theo điệu Tây. Chao ôi, cái tiếng hò dô ta trong hòa bình nơi khu phi quân sự, trên dòng sông đệm, nó gồm cả tiếng mình, cả cái tiếng của những con người hôm qua đây ta còn muốn tiêu diệt cho đến cái súng thù cuối cùng!

Ngày thứ tư, cả đoàn Liên hợp đã tới Cơn Tăm, một cái bến vắng nằm chêch chõ cửa rừng. Trên cái vật đất xinh bé như một cái nương ngô nương săn, lơ thơ ít nhà sàn Vân Kiều, và nhà đất của bà con vùng Cam Lộ trong tê tản cư ra. (Lúc ấy Cơn Tăm làm gì đã có kho máu dịch và mở rộng mặt đường, và mở trường phổ thông và họp tổ Đảng như ngày nay). Đoạn sông giới tuyến này, ngày xưa gọi là Ô Giang. Mặc dù đã được giải thích từ trước, một vài gia đình Vân Kiều thấy Tây, thấy nguy đến, liền bỏ xác nhà đó mà qua đèo, mà dọn ngay ra vùng Ô Lâm cách Ô Giang đây một ngày núi. Cũng trước ngày hôm đó một hôm, đồng bào có nhà có vườn ở bờ Nam đều ùn ùn kéo qua bờ Bắc, bỏ lại bên tê nhiêu thứ không đem theo được.

Đêm Cơn Tăm đó, cũng như mọi đêm đó trên sông Tuyến, Tây vẫn thấp đèn măng xông sáng hung. Bọn họ cùng muôn “dân vận” chan hòa, phát kẹo giấy bóng, ký ninh, thuốc gói, nhưng đồng bào không ai chịu cầm vô. Chuyện trò đễnh đoảng. Ta đánh tú lơ khơ cùng với đồng bào. Bên cạnh cỗ bài, gió rừng lạnh tạt vào, lật đi lật lại cuốn tài liệu “Hiệp định Gioneo” ta vừa xuất bản. Anh cán bộ đang coi lại cái đoạn nói về đường giới tuyến. Gió đêm lật qua cái đoạn ấy, anh cán bộ bèn lật lại. Quan ba Pháp đưa đèn măng xông qua cho ta dùng, ta bình tĩnh nói rằng “Chúng tôi quen dùng thứ ánh sáng của chúng tôi đem theo đi”.

Ở bản tuyến bố cuối cùng của hội nghị Gioneo ký ngày 21-7-1954 giữa 9 nước kể cả Cộng hòa dân chủ Việt Nam, và có cả số đại biểu chính thức của Mỹ - Diệm, khoản thứ 6 trong 13 khoản nhán rất rõ: “(...) và giới tuyến quân sự chỉ có tính chất tạm thời, hoàn toàn không thể coi là một ranh giới về chính trị hay về lãnh thổ”.

Trong hiệp định Gioneo ký ngày 20-7-1954, trong hiệp định đình chỉ chiến sự tại Việt Nam, ở bản phụ lục kèm theo, điều I, tiết a có ghi rõ:

“Giới tuyến quân sự tạm thời định từ Đông sang Tây như sau:

*“Cửa sông Bên Hải (sông Cửa Tùng) và dòng sông đó (trong vùng núi, sông này tên là Rào Thành) cho đến làng Bô Hô Su, rồi vỉ tuyến Bô Hô Su cho đến biên giới Lào - Việt”.*

“Bô Hô Su” là đây đây. Từ Cơn Tăm đây lên đó không xa mô. Chính tên nó là xứ Bò Ho, chứ không phải là “Bô Hô Su” như Tây thường hay viết quấy lên bản đồ nước ta. Mở bản đồ Tham mưu Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân ta, thấy từ khe Cây Tăm (bờ họ) lên xứ Bò Ho, phải qua Baxi thuộc bờ mình, phải qua Khe Thúc bờ họ, rồi tới khe Bò Ho cũng về bờ bên kia. Xứ Bò Ho chỉ có dãm gia đình Thượng xóm Xà Lời. Đồng bào Vân Kiều đã quang nhà đó mà băng qua bên ni rồi.

Ông quan hai Phan Kế Ninh đeo bờátxa tam tài và ba vạch, nói giọng Bắc với đồng bào Cam Lộ tản cư ra Cây Tăm: “Lúc nào đây, chúng tôi muốn mời đồng bào qua thăm lại bờ bên kia”. Đồng bào cười: “Chúng tui quen ăn mắm ruốc. Bờ bên nớ chỉ có bơ và phó mát, sợ qua không ăn nổi món lạ”. Quan hai Phan Kế Ninh hơi đỏ mặt, chữa thẹn, hỏi thêm: “Thế tôi qua bờ Bắc có được không? ” Đồng bào lại bình tĩnh trả lời: “Đã có nhiều người bên nớ về với bờ bên ni. Ông săn sàng về thì đồng bào cũng sẵn sàng đón, như đã đón nhiều người về”. Ngoài kia ánh đèn măng

xông, vẫn có tiếng bếp của con đập đuôi rình con dê của một gia đình mới qua sông buổi sớm ni.

Ngày hôm nay là ngày cuối cùng của phái đoàn Liên hợp cắm mốc giới tuyến. Đúng lý ra, còn phải đi thêm ít ngày nữa, từ Căn Tầm đây cho đến mỏm 820 dãy Trường Sơn trong kia, kéo qua "Bô Hô Su". Nhưng sau một ngày vất vả đi đóng được 5 cọc từ Cây Tầm đến Bò Ho, quan ba Bétxina đã thiếu bình tĩnh mà tuyên bố: "Thôi, để bảo đúc cột bê tông cho tàu bay thả xuống, thả tiếp từ Bô Hô Su đến biên giới Lào. Không nên tiếp tục đi đóng cọc bằng người nữa". Cả ngày hôm đó lên xứ Bò Ho rồi từ Bò Ho lội về căn cứ Cây Tầm, leo lên cầu khỉ một cây, Bétxina ngã nhiều lần và trượt chân thì không nhớ là bao nhiêu lần. Như thế là từ Cây Tầm lên xứ Bò Ho, cả ngày hôm đó chỉ đóng vèn vẹn có 5 tầm biển lên 5 gốc cây. Cái cây mốc cuối cùng là một cây bún. Lá cây bún, giống lá sắn, đóng bao vẫn muối dưa ăn. Quả cây bún lúc chín, dùng làm mồi câu cá.

Trước cái mốc cuối cùng xứ Bò Ho là cái mốc ở khe Thúc, biển gỗ đóng lên một cây trổ. Quả trổ ăn được; những ngày lũ lụt chấm quả trổ vào muối vùng mà ăn thay cơm.

Những vùng cây bún cây trổ mọc nhiều hai bờ nguồn sông tuyến, cũng là vùng hay qua qua lại lại

của đàn voi rừng hàng trăm con không hiểu biết gì về giới tuyến của con người. Có cây trổ mốc tuyến đã bị con voi một ngà đầu đập xô đổ chổng kẽm.

Đêm đó cả bọn họ đọa liệt và họ ngủ như chết. Còn phía ta thì vẫn thấp đèn dầu hỏa đánh tú lơ khơ với bà con quê vùng Cam Lộ chiến khu cũ.

Sớm mai, ngày sau, năm thuyền của đoàn Liên hợp vạch giới tuyến lại xuôi về. Trong thuyền mình, còn thừa 37 tấm gỗ biển giới tuyến không dùng đến.

1964

## CÂU MA

Tôi đã may mắn hơn nhiều đồng bào tôi, tôi đã có cái vinh dự được qua cầu Hiền Lương. Qua Hiền Lương, qua sông giới tuyến, rồi qua Huế, rồi đi thẳng vào Sài Gòn, rồi lại bình an mà trở ra Hà Nội. Cái lần tôi qua chỗ cầu qua chỗ sông Hiền Lương đó, trên nước ta chỉ mới có giặc Pháp chưa có giặc Mỹ. Hồi đó Ngò ĐÌnh Diệm chưa mặc Tây kiểu cao bồi mà còn sùm sụp một cái khăn gỗ kiểu vua An Nam. Y loay hoay lèm nhèm trong phạm vi một cái thành Huế, chứ chưa có cái hình thù một con rồng gian tặc như bây giờ. Cũng như tất cả người Việt Nam vô Nam ra Bắc làm ăn sinh sống trên quê hương liên khoảnh của mình, giữa Hà Nội Sài Gòn, tôi vẫn đi di về về và, thầm lén mà yêu thương mà ngợi ca đất nước muôn vẻ muôn màu của mình. Tôi đi bằng tàu hỏa, tôi đi bằng tàu bể, tôi đi bằng ô tô hàng.

Xe lửa ngày trước vượt giới tuyến ngày nay ở quãng thương lưu cầu Hiền Lương, cách đồn Hiền

Lương ngày nay chục cây số chi đó, chồ ga Tiên An mà nay chỉ còn có chiếc cầu xe lửa nằm thoi thóp giữa lòng sông tuyến như một người đuối sức phải bơi ngửa mà ngửa trông một sự cứu vớt nào. Tôi đi tàu hỏa vào Nam bộ. Tôi đi tàu bể từ Sài Gòn ra Hải Phòng, ghé qua Đà Nẵng Cửa Hàn. Nhìn núi xanh một vệt dài sơn hệ kéo theo hướng Bắc Nam, nhìn bể sóng nhìn cát bờ đất bãi, trong cái lòng phiêu lưu “bất đắc chí”, thấy còn dâng lên cái thèm khát bao giờ được làm chủ lấy giang sơn đất nước mình. Trên boong tàu biển, cảm thấy mình dầu sao cũng cứ là một con chim hải âu, mặc dù nơi cánh vẫn nặng những hòn chì chưa biết gấp ra bằng cách nào. Thỉnh thoảng thèm Sài Gòn nhớ Huế, lại theo một cái xe hàng mà bon bon trên quốc lộ I đi thấu một hơi từ Bắc mưa qua Trung bộ mưa vô thấu Nam bộ nắng, nắng giòn nắng khô nắng đậm. Đất nước ta sinh sắc trù mật quá đi, tụi bay ơi! Càng vào đàng trong, tiếng nói Việt Nam càng như tiếng hát. Cùng một tiếng Việt Nam chung một gốc, nhưng âm điệu sắc của mỗi nơi mỗi vùng đi qua lại như nhiều cành nhiều lá nhiều quả trái hoa nụ khác nhau, nó làm cho cái cây tiếng nói Việt Nam càng như một thứ cây nêu Tết kỳ diệu lung linh giọng gió trước sóng Thái Bình Dương. Từ cái tiếng nói một dân tộc mất nước gần trăm năm gần đây, với Cách mạng với kháng chiến, tiếng nói ấy đã vươn lên thành

tiếng nói của một quốc gia có chủ quyền và độc lập tự do hạnh phúc. Nhưng hôm nay đây, trong nhạc điệu tiếng nói vẫn nhói lên âm ba của bom của súng chiến tranh miền Nam. Hòa bình nửa nước và sao cho cả nước sẽ phải được thanh bình. Có ngày nào có đêm nào trong bảy tám năm nay, mà trong lời nói của anh trong câu nghĩ của tôi, lại thiếu được cái cảm đó cái ý đó cái từ đó. Trong tâm tư mình như là không chịu được, bao phen đã té lên đã lồng lên vô số là âm là vang là ảnh bóng của miền Nam

Hôm vừa rồi, tôi lại bỏ Hà Nội, hướng vào Nam mà đi. Tôi bây giờ đi không được nhanh được nhiều như hồi kháng chiến, bám sát vào lưng anh bộ đội mà hành quân hàng một qua núi qua sông, nhưng chân tôi đã lắp thêm bốn chiếc bánh cao su lăn băng hơi xăng. Chỉ trong hai ngày, xe tôi đã tới chỗ sông Bến Hải và cầu Hiền Lương. Còn có 96 cột lô mét nữa là tới Huế. Anh công nhân lái xe cũng là một người nhớ Huế nhớ Sài Gòn, mặc dầu từ bé đến nay anh chưa có dịp nào vô trống (trong ấy). Cái hào hứng của đà đi ở anh hiện ra qua câu nói: "Còn gần trăm lít xăng nữa bác ạ. Xe vừa trung tu xong, máy nổ giòn ghê". Hai ngày ô tô vừa qua vui quá, đi qua tám chín tỉnh và tám chín thành, thấy đâu đâu cũng đều làm ăn cần cù mà tiền lên cho bằng được. Vui với dọc đường, chúng tôi gần như lãng quên mất Lịch sử. Và đến bên

cầu Hiền Lương, mới nhớ ra rằng tới đây là mảnh đất cuối cùng của miền Bắc. Cho đến ngày mai của lịch sử, thì chưa biết chúng tôi sẽ được đi tới những đâu nữa trên cái hướng nam trước mặt này, nhưng hiện tại lúc này, thì đâu cầu Hiền Lương đây là đất chót. Trời không có gió. Bên kia đầu cầu, lá cờ vàng bệch Ngô Đình Diệm rủ rủ xuống như một cái dấu chấm than! Và anh lính gác cầu của chế độ Mỹ Diệm, cái bao súng lục trông hung hăng thế, nhưng trong mắt anh, vẫn ánh lên cái thèm thuồng muốn biết Hà Nội muốn thấy Hà Nội, Hà Nội Thủ đô chính, Thủ đô duy nhất, Thủ đô chung cho cả miền Bắc cho cả miền Nam. Anh lính miền Nam từ trên lưng cầu tiến gần hơn lại hơn nữa. Anh ngắm chiếc ô tô kiểu đường trường của chúng tôi, anh ngắm cái chấn bùn đầy bụi, anh ngắm số hiệu xe có chữ H, N Hà Nội. Anh lặng lẽ hút điếu thuốc. Nhìn theo cái nhân vò bao thuốc anh vừa quăng, tôi biết anh đang hút thuốc Mỹ. Khói Mỹ ở điếu thuốc hôm đó, tôi tin rằng anh thấy không những nó nhạt mà lại còn cay nữa.

Anh công nhân lái xe, hỏi tôi bằng một giọng dứt khoát: "Thôi, ta quay về được rồi chứ bác? " Tôi tòm tim mà trả lời anh: Ủ, về, dĩ nhiên là quay xe về, trở về Hà Nội. Lịch sử chưa mở cầu, thì chúng ta hãy ráng chờ, quay về Hà Nội mà chờ cái tiếng còi hôm nào đây của lịch sử ra hiệu thông xe cho tất cả loại

xe, cả cơ giòi cả thô sơ, băng qua cầu Hiền Lương mà đi Sài Gòn. Trên đường lộn về Hà Nội, người lái xe, giọng vẫn nhiều tiếc, tiếc cho một chuyến đi nửa đời nửa đoạn: “Còn gần trăm lít xăng!” Nghĩa là còn lăn bánh được trăm cây số nữa. Nghĩa là nếu không tắc cầu, nếu Mỹ Diệm không nút cầu Hiền Lương lại, thì xe sẽ tuốt vào Huế, tuốt vào Tuaran, vào Quảng Nam vào Quảng Ngãi, vào Bình Định, vào đến ruột Khu Năm, vào đến địa đầu Phú Yên gì đó mới phải ăn thêm xăng dọc đường. Mẹ cha hai cái thằng khốn nạn bán nước Diệm và cướp nước Mỹ!

Bác công nhân chở phà Quán Hầu đã nhìn cái xe đường trường chúng tôi mà nói như là khiêu khích gì tôi: “Ồ, xe mới vô bữa đó mà đã trở ra rồi! Mau, hè!” Xin lỗi ông chở phà máy Quán Hầu, nếu suốt thời khắc phà vượt sông rộng tỉnh Quảng Bình, thái độ tôi có kém bình tĩnh khi ông muốn bắt chuyện với tôi, xin ông cũng thông cảm cho. Cũng như lượt vô, nay từ tuyến trở ra Thủ đô Hà Nội, vẫn phải bày lắn sông bày lắn phà. Mỗi lúc xe sang phà, lại nghe cái điệp khúc của anh lái xe tiếc tiếc một cách khá dai dẳng: “Còn gần trăm lít xăng!” Máy lần trước tôi vào giới tuyến anh vẫn cầm tay bánh xe lái cho tôi đi. Máy lần đó, anh đều có kêu rên như vậy về chỗ trăm lít xăng chở đi để chở về. Những lít máu của chiếc xe trẻ tráng có thể lây cái sôi nóng giật của người đang vẩn

nó lái nó kia. Bảy năm liền, với chính quyền du côn  
miền Nam, ta đã kiên trì và 72 lần bàn với họ lập lại  
quan hệ bình thường giữa Bắc - Nam. Tính trung  
bình, như thế tức là mỗi năm, ta có tới hơn mươi lần  
đề nghị cho các loại xe trong xe ngoài đều qua cái cầu  
Hiền Lương kỳ dị đó. Thôi, anh lái xe bạn đường của  
tôi ơi, ta cứ yên chí quay về. Thế nào mà anh và tôi  
chả có lần được đi Sài Gòn. Thế nào mà Thống nhất  
tất thắng lại chả nối liền Bắc Nam. Một dải đường  
quốc lộ dài 1758 cây số xuyên Việt của ông cha ta đắp  
bằng máu xương lao động là để nối liên Hà Nội với  
thành Gia Định Sài Gòn, chứ không phải để nó hôm  
nay bị nghẽn ở quãng Hiền Lương đó mãi. Cùng với  
đồng bào ruột thịt miền Nam, chúng ta không ngừng  
đấu tranh vì Thống nhất cho Thống nhất, chúng ta  
cùng đồng bào trong đó làm ra Lịch sử nhưng đồng  
thời chúng ta cũng phải biết chờ Lịch sử nữa. Ai dám  
khẳng định với chúng ta rằng đấu tranh trường kỳ  
mà lại không có nhảy vọt? Biết đâu đấy một buổi sớm  
cuối xuân hoặc đầu thu nào đó, anh và tôi vừa mở tờ  
báo sớm mai ra đã thấy ngay ở trang đầu nhật báo  
kéo dài một cái tít lớn, và un đẩy nhau và nhảy múa  
lên những con chữ in lớn cỡ 24: “BẮT ĐẦU TỪ 0 GIỜ  
HÔM NAY (GIỜ HÀ NỘI) XE VÀ BỘ HÀNH QUA CẦU  
HIỀN LƯƠNG. - CẦU YẾU, ĐỀ NGHỊ GIÁM TỐC ĐỘ XE”.

Mỗi lần vô tuyến, tôi mang về Bắc một ít kỷ niệm. Hột cao su, vỏ trai vỏ ốc Cửa Tùng, vỏ đầu tôm hùm, khô mực, và nhất là cái tang hồ tiêu. Làm quà cho bạn, bạn cùng nước và bạn nước ngoài. Lấy cái hạt tiêu Vĩnh Linh ấy làm đầu câu chuyện của một chuyến đi vào khu phi quân sự. Câu chuyện tuyển có nhiều nét khác nhau, nhưng vẫn như cái mảnh hồ tiêu nơi đầu lưỡi nó có một dư vị xé lòng.

Tôi đem về không phải chỉ có hạt tiêu Vĩnh Linh. Tôi còn đem theo về một ít tài liệu. Nay đem kể lại với các anh ít điều ít cảnh về cái biên giới phía Nam đó của miền Bắc. Anh có vẻ không đồng ý dùng danh từ “biên giới phía Nam” khi nói đến vĩ tuyến 17 độ của Hiệp định Giơneo phải không? Tuỳ anh thôi. Tôi cũng nhất trí với anh rằng đường giới tuyến đó chỉ có tính cách tạm thời chỉ có tính cách quân sự, chứ tuyệt đối không khi nào là một biên giới chính trị của Việt Nam chung ta toàn vẹn lãnh thổ. Tôi cũng đã nhất trí với anh về những điều thiêng liêng đó, ngay từ năm đầu ngừng bắn và hòa bình. Nhưng nay mỗi lần vô tuyến, mỗi ngày một thấy lộ thêm âm mưu của kẻ thù, mỗi ngày mỗi ló ra những kế độc của Mỹ Diệm âm mưu chia cắt lâu dài, thì tôi nghĩ rằng cái chỗ đầu giáp giới của hai chế độ khác nhau, theo chủ quan tôi, vẫn có thể gọi đó là cái biên giới phía Nam, cái biên giới tạm thời hôm nay về mặt Nam của miền Bắc xã

hội chủ nghĩa ta. Và xin phép nói thêm một chút nữa về từ và ảnh biên giới, trước khi đi vào chi tiết cụ thể của cái cầu Hiền Lương.

Miền Bắc ta Đông giáp bể Đông, Tây giáp Lào, Nam là miền Nam thân yêu và Bắc là Trung Hoa anh em. Theo chiều dọc mà ngắm, miền Bắc ta có hai biên giới, một trên và một dưới, một cố định và một tạm thời. Gần đây, tôi không muốn quan liêu với Tổ quốc tôi về mặt địa lý, tôi muốn hiểu Tổ quốc tôi hơn nữa về mặt lịch sử, tôi đã đi dọc cả hai biên giới Bắc và Nam đó. May lần viễn biên, rất có kết quả đối với tôi. Kết quả ấy là đúc lại được một hình ảnh hữu cơ về Tổ quốc lúc này. Thấy Tổ quốc như một bàn tay mình đang xòe ra; thấy Tổ quốc còn như một bàn chân đang đạp tôi. Tổ quốc như chìa sang anh bạn Trung Hoa, một bàn tay hữu hảo mở rộng: ngón tay cái là chỗ Mang Nhai (Móng Cái) - Đồng Hưng; ngón tay trỏ là đỗ Đồng Đăng - Mục Nam Quan; hai ngón giữa là Tà Lùng - Thùy Khẩu và Hà Giang - Thanh Thuỷ; và ngón út là chỗ Lào Nhai (Lào Cai) Hồ Kiều. Bốn cái cầu biên giới đều coi như bốn cái nhẫn thép bốn cái vuốt đàn thập lục, đeo vào cho nó đanh thém ngón tay. Và cửa quan chỗ ngón tay trỏ Đồng Đăng là một cái nhẫn mặt đá nhiều tia sáng; nếu có một lúc nào đó, cửa phong kiến nhà Minh, mặt nhẫn mờ tối đi vì Nguyễn Phi Khanh qua ái, thì ngày nay mặt nhẫn

càng ngày càng ánh lên cái sáng nhiều khía của kim cương giao hảo. Đì lại giao lưu văn hóa giữa ta và anh bạn Trung Hoa, giữa kẽ nấm ngón tay xòe ra đó, còn những con đường nhỏ nào nữa không thì tôi không được biết, nhưng tôi thấy nấm ngón tay đó như nấm hướng đường quan lộ quốc tế. Cái bàn tay xòe áy đặt nấm lên biên giới phía Bắc, sao mà đẹp mắt thế!

Đúng thế đó, Tổ quốc không phải là một cái gì trùu tượng mà Tổ quốc là một cơ thể dân tộc có cả thể có cả hình có cả dáng đi. Hình thể Tổ quốc ta như một người đầu đội ánh sao Bắc Đầu chân đạp sóng Thái Bình Dương, ngang tầm trán nâng lên một bàn tay, một bàn tay không phải nắm lại co lại mà là bàn tay của một người chủ nhà hiếu khách xòe rộng tay, bắt tay các bạn hữu ở phía đó đang tìm gặp mình. Qua các bộ lạc tráng không sử sách, qua cả các triều đại đã có quốc sử, con người Tổ quốc đó cứ dần dần mà đi tới và, cách đây vài thế kỷ, đã bấm được ngón chân cái mình lên mũi Cà Mau. Tổ quốc ta là một người tráng sĩ áo vải, nghèo nhưng không buồn vì nghèo bởi tin rằng ruộng, rằng mỏ, rằng trái quả chim hoa cá cây của vườn mình tất phải đem lại giàu đẹp cho cháu con mình. Gần đây, hôm qua đây của lịch sử, bọn ăn cướp Mỹ lái hạm đội 7 vào ngang miền Nam định cán vào bàn chân Tổ quốc. Có tên thiên chúa giáo Duda phản chúa phản nước là Ngô Đình Diệm còn mượn

súng giặc mà bắn vào chân Tổ quốc nữa. Người tráng sĩ Tổ quốc bị thương, bị thương ở ngón chân cái, ngón chân cái co về, châm đúng cái vạch vĩ tuyến 17 trên quả địa cầu.

Tôi nghĩ rằng ai ngày nay có dịp vào giới tuyến mỗi lần đà chân mình đưa mình lên cầu Hiền Lương không qua được, là thấy chân mình đang ướm ướm vào cái bàn chân bị thương của Tổ quốc.

Có người còn thấy như mình vừa vấp mõ cầu, ngón chân cái bật máu tươi.

\*  
\*      \*

Bây giờ nói về chi tiết cái cầu Hiền Lương ám ảnh đó. Lòng nhớ thương miên Nàm của anh của tôi thì dài, dài lắm, nhưng cái cầu này là một chiếc cầu ngắn, thuộc loại ngắn. Nếu thằng con anh thằng con tôi chơi súng cao su, nếu chúng nó đứng bên này sông thấy thằng cố vấn Mỹ đang chỉ chỉ trả trả ba toong bên kia sông, trong cái áo đen tu sĩ ngụy trang kia, nếu anh không kịp ngăn thằng con anh nghịch tinh mà cứ để nó bắn súng cao su, thì vẫn dễ trúng lắm. Hòn cuội không vào mũi thì cũng vào mắt vào ngực thằng Mỹ bên kia bờ. Nếu anh đứng bên đầu Bắc mà trông thấy người nhà phát pháo chỗ đâu cầu Nam bên

tè, nếu anh không sợ liên lụy cho người quen sẽ bị Mỹ - Diệm khủng bố, nếu anh muốn nhắn đài lời qua sông thì người bên kia câu nghe vẫn rõ mồn một. Mà chả cần lấy bàn tay làm loa liếc gì, cứ nói không như thế là nghe được cả, sông tuyến chỗ rộng nhất gần ra biển cũng chỉ rộng hai trăm thước. Và cầu Hiền Lương chỉ dài có 178 thước.

Kể chiêu dài, thì có bấy nhiêu thôi. Nhiều anh em công an nhân dân vô trang vẫn luôn luôn thấy người làng mငnh đi lại bên kia bờ Nam, nhưng “tắc gang mà lại bằng mười quan san”. Cầu có 7 nhịp, cả 7 nhịp cộng lại chỉ dài có 178 mét. Và ván cầu tổng cộng chỉ có 894 miếng ván. Chiêu dài cầu, miền Bắc miền Nam mỗi bên giữ 89 thước nhưng ván cầu thì 450 tấm thuộc về Bắc, và như thế là ta hơn mây tấm.

Nhưng mà cả cái cầu bảy nhịp đó, một trăm bảy mươi tấm thước khung sắt đó, tấm trăm chín mươi tư gỗ ván đó, nhưng mà cái cầu đó là của ai? Là thuộc về ai? Thuộc về tài sản miền Bắc hay là miền Nam? Con sông tuyến không có bến đò (đò ngang) như thế có nghĩa là chiếc cầu cũng trở nên vô chủ không? Sông nước giới tuyến đây gió máy không ít, thương tích cũng lắm, chuyện hay cũng nhiều, chuyện không hay cũng có, những lúc cái cầu vật mình khó ở hoặc giờ chúng trái nét, thì ai chịu trách nhiệm về nó? Tổ chức quốc tế nào hay là cơ quan nào trong nước? Hay là

trôi kệ nó đò như là một đứa con hoang thai của thời thế? Chao ôi, thấy thương quá là thương, cho bảy nhịp **Hiền Lương** cầu tuyển! Nó lù lù vô duyên như một con bù nhìn khung nan sắt đang quá đỗi tèn tò trên khúc sông đậm.

Thân cầu, mặt nền cầu, không một cái chồi miền Bắc cái chồi miền Nam nào quét tổng vệ sinh cả, mà sao nó sạch đến thế. Liên liên dăm bảy năm nay, cái cầu cứ sạch sẽ như thế. Sạch, đã hóa ra trơ trụi, trắng băng, nhẵn thín trơn bóng. Tôi muốn được ngó thấy trên mặt cầu, chỗ nhịp cầu phần Bắc cũng như chỗ nhịp cầu phần Nam, đây đó hây vương vãi bừa bộn ít rác rưởi: mẩu lạt buộc, vỏ diêm, tàn đóm, lá bánh, giấy bóng keo, mảnh vỡ chai lọ, tàn thuốc, bã tràu, và tất cả những tàn dư nhò bé linh tinh gì gì nữa, nó là cái dấu hiệu của một sự sống bình thường hàng ngày, nó có hơi hướng của con người qua qua lại lại, ngược xuôi, ra vào, bán mua, trò chuyện thăm hỏi. Liên liên mấy niên trái bao thỏ lặn ác tà, tư ngày Mỵ bảo Diệm đóng cầu, trên cầu không một bóng ai qua. Tuyệt vô nhân ảnh. Gặp ngày mưa mặt cầu săt bóng loáng gợi đến cái lạnh sạch dội nước của một bàn giải phẫu vừa mổ xong một trường hợp khó. Trời, tôi cứ nhớ mãi cái hình ảnh của anh Năm nói cách đây ba bốn năm, ở một lớp chính trị, khi nhận định về đặc điểm tinh hình hai miền. Anh Năm nhấn mạnh vào chỗ cắt đôi

của Tổ quốc, không cắt ngang mà lại cắt theo một chiêu dọc. Thực ra cắt ngang hay cắt dọc cũng đều là khô cá, đã cắt thì bao giờ cũng đau, bao giờ cũng là mau chảy. Cho đến hôm nay, vết thương vẫn chưa cắt chì chưa thay băng. Mà thằng Mỹ thằng Diệm khát máu Việt Nam, vẫn hung hăng ở bên kia đầu cầu, con dao nó vẫn đò bầm máu cũ máu mới. Diệm một tay lám lâm thập ác một tay cầm dao máu, đứng dưới một cột cờ. Vài cờ Diệm vàng ra cái màu mủ bông băng cũ nhợp, ba sọc đò nham nhở máu khô chui vào.

Cầu Hiền Lương không một ai qua. Không một cái xe thô sơ, không một chiếc xe cơ giới nào qua. Chỉ có trận gió là còn qua cầu. Trận gió bắc đưa qua cầu ít hạt mưa sa chênh chêch về trong ấy. Trận gió nam đun cát qua cầu, mặt ván cầu thỉnh thoảng khói lên cái xoay của con lốc cùt đầu. Mặc dù trên mình cầu Hiền Lương không có lưu lượng xe cộ qua, bộ hành qua, nhưng cái cầu sắt vẫn hư hỏng được. Xem ra cái cầu cũng mỏi lấm rồi, cái xương sống tê thấp có khớp đà vông xuống mặt sông buồn. Mà đã có nhiều tấm ván hỏng rồi đây. Bảy nhịp cầu bảy giờ cưa đôi ra, ba nhịp rưỡi là của miền Bắc, ba nhịp rưỡi nữa là của miền Nam. Bên Bắc cùng có ván cầu cần phải thay. Bên Nam đã hỏng nhiều ván cầu. Ván cầu đều là gỗ của Hoa Kỳ, gỗ thông của bang Viêcdinia. Cầu ta mà sao lại gỗ Mỹ? Bom Mỹ, đồ hộp gia vị Mỹ, cỗ ván Mỹ,

còn đĩa Hoa Kỳ lối xáo ngầu, giấy định Mỹ, nay lai gỗ Mỹ? Nước ta không có gỗ làm ván cầu? À, cầu Hiền Lương này có một cái do lai rắc rối của nó, nó cũng có một cái lý lịch của nó, nó đầu thai lên trên sông đó cũng mới hơn chục năm nay. Ngày trước, tôi qua chỗ Hiền Lương đây, không có cầu. Trước Cách mạng, ai đi qua đây cũng đều giống nhau về cái điểm sang sông là phải lụy đò. Mày là ông vua hòn quan, mày là mụ hoàng hậu đi đạo, mày là lão toàn quyền Tây xô lá đánh người như chớp, hoặc, các người chỉ là những người An Nam mất nước, tất cả đều phải lụy ông đò và cái phà. Không có cầu chỉ có phà Hiền Lương. Bình Trị Thiên kháng chiến anh dũng hết một đợt ba năm, rồi trên sông mới mọc ra cái cầu sát đó.

Cầu Hiền Lương bắc năm 1950. Có bảy nhịp kháp vào nhau. Sắt cầu của Anh “Made in England”, ván cầu gỗ Mỹ “US - Virginia”, nhân công cầu là đám công binh trong quân đội viễn chinh Pháp cộng với một số nhân lực PMT, tức là những anh em du kích ta, chiến sĩ ta bị Pháp càn bắt làm tù binh. Cầu tháo rời từng mảnh và từ trên trời, tàu bay lao xuống cho đám dưới đất lắp lại. Pháp thả dù sét hoa mai xuống xây sân bay và cầu Mường Thanh hồi 1952 ở Điện Biên Phủ như thế nào, thì nó cũng thả dù cầu Hiền Lương xuống như thế. Cái diện mạo cầu Hiền Lương hao hao mặt mũi cầu Mường Thanh - Điện Biên, vì chúng nó

đều là con đẻ của dã chién đế quốc. Cùng một dòng ho cầu kiểu BoIay, tức là thứ cầu của hành quân dã ngoại dã chiến. Nghĩa là trông xấu lám. Bây giờ dùng tạm cho được việc, chứ sau đây mà có điều kiện làm cầu tốt cầu đẹp, thì vứt mẹ nó đi, chứ ai tiếc gì những cái hình thù sáng-đá áy trên sông. Cầu Hiền Lương, quân Pháp phải bắc hai lần. Lần thứ nhất làm ẩu, một trận lũ ở nguồn sông Bến Hải dồn về, cây nguồn cày rú trôi về, thúc băng cái cầu dã chiến ra phía bể Cửa Tùng. Tây phải làm lại. Trước khi có cầu sắt, chỗ đầu cầu phia Nam vẫn có một cái chợ, gọi là chợ Phà. Chợ Phà của phà Hiền Lương. Cầu sắt linh Tây bắc xong mấy năm rồi, bỏ phà rồi nhưng vẫn còn chợ Phà. Nó là một cái chợ kiểu chợ vùng Tề. Sau hiệp định Gioneo một thời gian, vẫn còn chợ Phà. Chợ Phà tan hǎn, đâu vào thời kỳ đóng biển gỗ căm cọc cụ thể cho đường giới tuyến quân sự tạm thời.

\*

\* \* \*

Cầu sắt Hiền Lương trước Gioneo sơn đồng đều một màu. Từ ngày Mỹ Diệm àm mưu chia cắt lâu dài đất nước, cầu Hiền Lương sơn hai màu. Nửa nâu, nửa xanh lá cây. Xa trông, như cái áo thay vai của một tay hoàng phái Huế nào già nghèo già khổ, mặc áo

khoanh vai ra đó chơi chua với phong cảnh sông nước  
Quảng Trị. Xin kể ra đây ít chuyện sơn cầu.

Năm 1950, lính Tây bắc cầu để chiếm đóng mạch sông, và sơn lên cầu cái màu gỉ sắt. Sau Gióneo, ta nhìn cái cầu thấy nó là tài sản quốc gia cần bảo quản. Trong ban Liên hiệp quân sự, ta đưa ý kiến sơn lại cầu hồi năm 1955. Pháp nhận sơn rồi tính tiền với ta. Tiểu đoàn 26 công binh Pháp trong trung đoàn thứ 4 đã sơn xong cầu ngày 17 tháng 7 năm 1955. Không có chuyện gì lớn xẩy ra, ngoài mấy việc thuộc về tình cảm hai bên. Chẳng hạn như sĩ quan ta có người trước đây có dạy học ở Huế. Nay thời thế biến chuyển, thầy giáo cũ gặp lại học trò cũ trên cầu Hiền Lương. Người học trò cũ không cầm sách cầm bút như ngày nào è a nơi bờ Sông Hương. Mà nay lại đi cầm vào một cái thép sơn để sơn cầu giới tuyến, dưới sự điều khiển của sĩ quan Tây. Thầy va trò nhận ra nhau. Sau ít cầu chuyện về tiền đồ nước nhà, ai lại trở về bờ này, thầy về bờ Bắc, trò về bờ Nam.

Cho đến ngày 9 tháng 11 năm 1958, ta lại sơn cầu. Thời kỳ này Mỹ đã bật hết Pháp đi rồi, hời Diệm phút thở từ trong áy ra sắc nguyên một mùi Mỹ. Sơn cầu lần này, ta đưa ra ba biện pháp. Một là ta ngoài này sơn cả cầu. Hai là Diệm trong đó sơn cả cầu. Ai thích màu gì thì sơn màu đó. Màu chi cũng được, miễn là sơn. Sơn để bảo quản cầu, cầu là tài sản nước nhà,

cầu là của chung của Tổ quốc, của giao thông vận tải cả hai miền. Nếu cái thằng ngoan cố Diệm vẫn ngu bướng, thì có cái biện pháp thứ ba: chia đôi cầu, mỗi bên phải sơn cái nửa của mình. Sơn và thợ sơn của ai, bên đó sẽ đem tới cầu mà làm. Sơn riêng nhưng đồng màu thì vẫn là hơn. Thằng Diệm mần ngơ không trả lời ra rắng cả, bởi vì bản chất Diệm là mất dạy, là không có dám trả lời bất cứ câu bàn đúng đắn nào của ta. Việc lớn như hiệp thương tuyển cử cũng như việc nhó sơn cầu, nó đều đánh bài lảng. Biết nó cù nhây, ta không lê cứ mặc gió mưa làm hư mòn cốt cầu, ta phải chủ động sơn. Lúc sơn, có mời tổ quốc tế ra chứng kiến.

Ta đưa một hiệp thợ sơn cầu hai mươi anh em đầy xe sơn xì lên cầu, với ba tạ sơn đã pha sẵn. Tính ra nửa cái cầu tinh nguyên đường dài là 89 thước phần của ta, và thường là 1 cân sơn mà sơn một nước thì sơn được 5 thước vuông. Nhưng diện tích cầu sơn đâu chỉ có những diện bằng phẳng đi tuột một mét đơn. Nó còn nan hoa khúc khuỷu khù khì, nhiều kẽ nhiều mâu, ăn tốn sơn lắm. Sơn cả phía trên, phía thành cầu, còn cả dưới gầm, và chân cột nữa.

Nó đứng bên kia sông xem ta sơn. Rồi dài nó nói đều, kêu Việt Cộng già vờ sơn cầu để ngụy trang cán bộ quân sự lên cầu nghiên cứu đánh nó. Thực ra hiệp thợ sơn cầu hôm đó là công nhân chân chính của ty

giao thông của ta. Những con chó Mỹ Diệm vẫn cứ sửa bên bờ Nam, và mặc nó sửa, người thợ sơn miền Bắc vẫn cần cù sơn đi sơn lại từng thanh sắt cầu, từng cái đình bù loong cầu. Nghi tay sơn, người thợ cầu lấy tay áo xanh gạt ngang những hạt mưa đọng trên mi mắt mình. Mưa trên sông buồm, nhưng cái mũi sơn giông giống cái mũi súng lục kiểu cổ, vẫn xì xì vui tai mà phun một thứ mưa phún sơn xì lên những giông sắt lạnh cầu tuyến. Hết mồi ngày, lại đầy ba máy sơn có bánh xe lăn xuống khỏi cầu, đưa máy đưa ống bơm ống phun về ngủ cẩn thận trong đồn bờ mình. Ở, với cái bọn láo leu bên ấy, không chịu khó xe máy sơn xuống cầu, thì đêm khói nào nó chà lén ra mà phá máy mình, và có khi nó vứt tôm xuống sông, thì rồi ngày mai lấy gì mà sơn! Đối với thằng Mỹ thằng Diệm, thì cẩn thận và cảnh giác, là không có khi nào là thừa cả.

Ta vẫn cứ tiếp tục mà sơn, chỉ còn vài bữa nữa là xong ba vì rưỡi cầu thuộc về miền Bắc. Nó rối rít báo cáo và trong Đông Hà Quảng Trị Huế Sài Gòn. Nó điều thêm ở phía trong ra thêm một trung đội nữa, luôn phiền lên gác thêm trên lô cốt chòi canh đầu cầu Nam.

Thé rồi sĩ quan nó lên cầu. Sĩ quan ta cũng lên cầu. Tổ quốc té cũng lên cầu. Thiếu úy nó cũng điều điệu mà bắt tay sĩ quan ta. Con tên thiếu tá nó gồm

gờm sợ không dám cầm vào tay sì quan ta xòe ra, nó sợ Diệm hạ lon nó vì “cầm tay Việt Cộng”. Tên đó cứ lùi lùi. Rồi y bàn là mỗi bên chỉ nên sơn 84 thước mét chứ không phải là 89 thước mét. Nước sơn bờ Nam không nên nối liền ngay vào chỗ hết nước sơn của miền Bắc. Mà giữa hai nước sơn nên có một khoảng cách 10 thước. Quang trung lập mươi thước giữa cầu ấy coi như một cái “no man's land” nghĩa là một thứ vành đai không người gì đó. Nghĩa là giới tuyến đã có khu định rõ, đã có sông định bể định rồi, nhưng trên cái cầu của sông định, theo ý tên sĩ quan Diệm có một thứ tâm lý tâm hồn định đó, vẫn nên định thêm mươi thước nữa giữa cầu. Cái cầu sắt, khắp bàn dân thiên hạ, dưới gầm trời thế giới, đâu đâu cũng chỉ sơn có một màu. Tôi cầm chắc rằng khắp năm châu cũng chỉ có cái cầu Hiền Lương nước ta là sơn hai màu. Trong cũng đã khi lăm rồi. Nay cái thằng sĩ quan phúc tạp của Diệm lại còn bày ra định cầu 10 thước màu khác nữa, thì cầu thành ra sơn những ba màu! Tay sĩ quan Án Độ trong tổ quốc tế cũng phải phì cười một cách trích thượng mà bảo sĩ quan miền Nam: “Anh cứ hay bày chuyện. Hay vẽ chuyện thêm”.

Những người công nhân miền Bắc đã sơn đến cái tắc mét cuối cùng của thước cầu thứ 89. Có nên tạm ngừng ở đó? Cái đám công binh Pháp năm 1955 sơn cầu, lại đánh dấu phần đầu cầu Pháp lùi mãi về bên

đó, cách chỗ giữa cầu này khoảng mười mét. Người sơn cầu của ta nghĩ rằng đến chỗ cũ công binh nó đánh dấu trước đây, thì mới đúng là hết địa giới cầu mình. Họ cứ bình tĩnh sơn, mặc cho linh Diêm hung hăng bắt đầu khiêu khích. Cảnh sát nó lắp bằng ba sọc lên cầu. Công an ta cũng băng đỏ sao vàng cánh tay mà lên cầu, bảo vệ cho công nhân sơn cầu. Linh nó un bộ đội ta. Bộ đội ta áp tiểu liên vào ngực, hai bàn chân như gắn vào ván cầu. Linh nó gùn ghè, lấy cùi trò đánh đánh dữ vào cánh tay bộ đội mình. Linh nó cứ khiêu khích. Và bên cạnh anh bộ đội, anh công nhân cứ xì sơn lên sắt cầu. Linh nó dọa vứt đồ làm xuống sông. Nó ném cát ném đất vào sơn. Nó còn đá đồ cả thùng nước axít vào chân anh công nhân miền Bắc. Và sau đó, nó cũng bắt chước mà sơn cầu. Lù lù từ trong Huế đưa ra mấy cái máy sơn xì pittôlê.

Máy của nó lại không có bánh xe như của ta, phải chằng dây thừng đủ các thứ to thứ nhỏ, và lồng đòn gánh vào mà khiêng lên cầu. Lêu nghêu, lờm chởm, lủng củng, vục vạc như là ngụy quân khiêng xác ngụy quyền. Máy cụ máy chị chở thuyền dọc đò cát lèn qua gầm cầu, không nép được cười. Linh nó xấu hổ chửi tục, và có thằng cảnh sát nó mất dạy lại đứng ngay trên cầu mà cởi cúc quần ka ki Mỹ ra. Nó lại còn bắt anh em công nhân bờ Nam không được mặc đồ xanh công nhân. Phải mặc đồ trắng vô cho bánh mà lên sơn

cầu. Sơn được mây tua, quần áo trắng đậm ra nham nhở hết. Nó cũng nham nhở như mây vì cầu phía Nam nó đang giở trò sơn siếc kia. Khốn nạn, thằng Diệm nó có xót xa gì cầu Hiên Lương mà thăng cảnh sát nó chả làm bừa làm ẩu. Chả nhẽ bên Bắc sơn mà nó lại không sơn. Nhưng mà trông cái cung cách nó sơn thì biết ngay tâm địa nó. Trước khi sơn thật, phải sơn lót thứ sơn miniom hồng hoàng; trước khi sơn lót, phải cao gì và lấy vòi nước xì đi cho thật sạch. Nó không làm thế. Nó cần gì làm thế. Nó chỉ cần sao quét nhanh lên nửa mình cầu một thứ nước sơn khác, cho nó khác màu sơn miền Bắc. Ta sơn nâu rồi, thì nó liền sơn xanh. Cái màu xanh cao su. Vừa quét xanh xong, mưa xuống trôi sơn xanh tung mảng, lòi cái màu hồng hoàng sơn lót ra, như là rắn bị thuốc chu sa thằn sa và hiện nguyên hình ngày Tết mùng năm tháng năm Đoan Ngũ. Mấy vi cầu trông xanh xanh đỏ đỏ hồng hoàng, như một thứ sâu quảng ăn loen ra. Bọn nó lăng xăng trên cầu, lấy dây mà đo, lấy que mà đo, làm như bắt lịch sử nước ta phải vĩnh viễn đứng lại ở cái ngắn sơn xanh của bọn đó. Nó còn lấy giẻ túp lau lau chùi chùi. Cho có chuyện. Giẻ rót tôm xuống sông, có thằng còn điệu điệu rút mùi xoa Mỹ in đàn bà cởi truồng ra mà lau chõ sơn nâu của ta búng sang sắt phân cầu nó. Mấy đứa bừa đó, đúng là bọn phá đám chửi sơn siếc gì nó. Nó xóa xóa sơn sơn, cái cầu hai

màu lại càng nham nhở thém mãi ra. Trè con chán trâu trên ruộng phi quân sự gần cầu, nhịp nhịp hiphoph thành cái điệp khúc buồn cười: "Sơn sơn! Xoa xoa! Sơn sơn!" Nó lam nham nhở ra, rồi vứt đó hơn một năm. Mãi cho đến cái ngày 26-10-60 gọi là "Cuộc khánh Thống Diệm", nửa thân cầu miền Nam mới có người ra bôi sơn cho đều. Sơn xanh. Làm ra cái đều như là thằng khát máu Diệm đó cũng biết ưa những màu mát.

Vào tuyển, phải nhìn cái cầu sơn hai thứ nước sơn đến là bực. Nguyên cái cầu ấy đã là một nỗi bực mình rồi. Bởi vì còn có cái gì hình thức chủ ghĩa mà cụ thể đến như cái cầu Hiền Lương ấy nữa không? Đã thế lại còn bẩy ra hai ba nước sơn. Từ khi nó lấy màu khác để sơn phần đầu phía Nam, tâm địa chia cắt của Mỹ - Diệm càng lộ thêm nữa. Nó không cần sơn cầu khác màu thì cũng cự biết âm mưu nó nhưng có nước sơn ấy, mặt nó càng lộ thêm. Mỹ và Diệm nghèo sáng kiến hay đánh cắp của miền Bắc, rồi đem về làm trái khoáy trái cưa đi. Nếu hôm nào đây, ta thử sơn màu xanh lá cây, thế nào nó cũng hộc tốc tìm một thứ sơn gì khác để bôi lên cầu. Cho nó thành ra hai thứ cầu. Nay, tại sao cái phân ban Ủy ban quốc tế ấy không sơn trắng bêng cái cầu Hiền Lương đó đi. Ủy ban quốc tế cờ trắng xe màu trắng rồi, nay ủy ban đem màu trắng hòa bình ấy lên cầu cũng tốt chư sao! Chả gi,

trong cái cầu chỉ một màu, nó cũng đỡ nghịch mắt. Cứ nghĩ to lên như ông cụ 99 tuổi ở Vĩnh Sơn đó mà cũng phải: "Hồi đó, tinh đội bộ miêng đã gài bom mìn vô chân cầu Hiền Lương. Sắp nổ cầu thì có lệnh ngừng bắn của Gioneo. Chỉ chập một chút nữa là giật thôi. Không có cầu, thà không cầu còn hơn là còn cầu mà trong hắn cứ ra mìn rǎng nör!" Ông cụ cũng thêu thào hỏi tôi rửa thì cầu ni chừ đây là của ai? Tôi nghĩ rằng đó là của ta thôi chừ còn của ai vô đó nữa. Mai đây thằng Diệm đổ, thằng Diệm tầu qua Ý tầu qua Mỹ, chả lẽ hắn tháo ra mà mang đi biếu Giáo hoàng hoặc Tổng Ken Hoa Kỳ? Nhân dân cả hai bờ đều thấy chính phủ ta thiết tha với việc bảo quản cầu tuyến như thế nào. Và đồng thời cũng thấy những cung cách tuế toái của Diệm sơn cầu. Bảo quản mặt cầu, ta và Diệm cũng vẫn khác nhau. Tất cả có 894 tấm ván cầu. Phía Nam cầu, ván gỗ Hoa Kỳ vẫn nguyên ván Mỹ. Có lẽ Diệm muốn bảo tồn những thứ Mỹ đó, nên có 60 tấm ván Mỹ hỏng mòn, nó vẫn không chịu thay chỉ kính trọng mà lật sấp lại. Ván Mỹ phía Bắc thân cầu đà một mặt 80 thanh. Ta thay vào 80 thanh gỗ từ thiết mới của rừng Khu Tu.

Nhưng mà cái cầu rắc rối ấy, nay là của ai? Cái cầu ấy là tài sản của nước ta, và nước ta là chỉ có một thôi. Và nói như kiểu nhà thơ Đức Béctôn Bờét thì "Vật đó thuộc về sở hữu của kẻ nào làm cho nó tốt

hơn lén". Nghĩ đến nết nếp chắt chiu, hàn gắn, băng bó, giữ gìn của miền Bắc, mà tôi lại cứ thấy tờ giấy viết đây lung linh mãi lén cái bóng rợp của năm gốc xoan mọc cạnh cầu giới tuyến chói nắng. Năm gốc xoan đào do tay bộ đội ta trồng ở sát chỗ đầu cầu Hiền Lương. Gió neo rồi lệnh ngừng bắn, rồi anh bộ đội đóng quân bờ Bắc sông tuyến đã trồng ngay năm gốc đó. Lúc mới hạ thổ, xoan cao bằng em bé bảy tuổi. Nay bóng đã tròn đã rộng, mỗi bóng đủ ôm lấy một đôi nam nữ thanh niên nào đứng dưới nó. Hồi anh bộ đội trồng xoan, anh hiền lành từ tốn: "Để lấy cái bóng mát mà đứng gác. Thêm nữa, cho rẽ nó giữ lấy đất bờ sông và chắc thêm chân cầu". Cái bóng xoan đào tròn rộng mãi, cao mãi và nay bóng cù leo dần lên phía đầu cầu.

Đầu cầu Bắc có bóng mát. Nhìn sang đầu cầu Nam, chỉ có bóng linh Diệm, không có tí bóng cây. Có lẽ Mỹ đã rắc bột hóa học giết cây từ ngày đó ở bờ Nam sông tuyến. Có lẽ Mỹ đã dùng chõ đầu cầu Nam đó làm thi điểm giết cây bằng khoa học. Và việc gân đây ở Biên Hòa Sài Gòn và các nơi nó giết ngàn ngàn mẫu vườn cây mẫu rừng xanh, chỉ là Mỹ quy mô hơn ma tiếp tục một cái việc nó đã làm thử từ lâu rồi với cây cỏ chõ đầu Nam cầu tuyến.

Trong cuộc sống phát triển không đều nhau của các dân tộc trong nhàn loại trên vỏ trái đất, cái cầu

bao giờ cũng là hình ảnh của yêu thương, của giàu có, của hạnh phúc. Yêu thương, giàu có, hạnh phúc ở một con người, ở hai con người, ở một dân tộc, ở một quốc gia. Bằng tre một cây, bằng gỗ, bằng gạch, bằng đá, bằng sắt, bằng bêtông cốt sắt, cái cầu bao giờ cũng là một niềm vui một nét sống. Một trái tim và một nhịp cầu. Trên cầu, vương vân những trái tim chân chính. Trong tim, bắc được những nhịp cầu. Bình thường, cái cầu là như vậy. Và cầu Hiền Lương dẫn ra đây là một cái cầu không bình thường, một cái cầu đòi phải được trở lại bình thường. Thường mỗi khi gặp sông mà sông lại có luôn cả cầu, ta yên chí như là đã chục sẵn tại đó một ông đồ quen thuộc, chắc tay, và đúng hẹn. Nhưng tới bờ sông đậm mà nhìn cầu tuyến, chưa khi nào và chưa có người bộ hành yêu nước nào ở Việt Nam lại thấy được mày may yên lòng. Nếu lịch sử tiến lên dạy chúng ta phải qua được cái cầu đó, nếu lịch sử dạy chúng ta rằng hạnh phúc dân tộc ta thế tất phải qua cái cầu đó, và quan hệ bình thường Bắc Nam là phải qua lại được nơi cầu đó, thì hôm nay đây tôi cũng muốn rằng trong nhân loại trên thế giới, ở Á, ở Phi, ở Mỹ Latinh, ở Âu, đừng ở đâu, đừng nước anh em nào phải bắt hạnh có một cái cầu như cầu Hiền Lương hai màu nước tôi. Tôi cầu nguyện cho mọi lực lượng hòa bình yêu nước, cho mọi phong trào giải phóng dân tộc, cho chủ nghĩa xã hội, cho chủ nghĩa

cộng sản mỗi ngày mỗi lớn mạnh hơn lên nữa, để cho khắp các dòng nước chảy trên lục địa, không một cửa sông ngọn nguồn nào phải có một cái cầu - bàn mổ, một cái cầu - bù nhìn, một cái cầu giả vờ như cái cầu ở vĩ tuyến 17 giữa quê hương tôi. Tôi ấp bàn tay ấm tôi lên trái tim tôi đập chưa bình thường này, mà câu cho đứng một Tổ quốc nào trên năm cõi đại châu phải vấp tóe máu vào một chân cầu cẩm bắc ngay trong nội địa mình.

Tôi kể với các anh về chuyện một cái cầu đương ngong ngóng thời sự miền Nam thời sự miền Bắc sớm sớm khôi phục lại cho nó cái chức năng của nó. Vì Mỹ bảo Diệm đóng cầu, tôi nói rằng hôm nay trên cầu Hiền Lương không một bóng người qua. Đồng thời tôi cũng nói rằng bóng lịch sử vẫn đang qua qua lại lại trên cầu. Mỹ và Diệm cẩm cầu cẩm người này người kia qua cầu, nhưng thời sự miền Nam hàng ngày mỗi ngày mỗi chứng minh rằng càng ngày Mỹ Diệm càng không ngăn nổi bước đi lịch sử. Không một phút ngừng, lịch sử qua cầu, vượt qua đầu Mỹ Diệm mà từ Nam thông ra Bắc, mà từ Bắc thâu vô cực Nam.

(Rút ở tập *Sông Tuyên*)

## THI BOT

Cái tên rước máy chém lưu động ở Sài Gòn, lục tỉnh, nay tại giới tuyến, lại bày ra rước nữa. Diệm làm “cuốc khánh” 26-10-1959! Đồng bào bờ Nam khắp mấy mươi xã Trung Sơn, Trung Giang, Trung Hải bị dồn ra mép sông xếp hàng thành một cái đám có đuôi.

Chợ Vỡ Xá bên đó bữa ni vắng tanh. Diệm bắt mọi người phải nghỉ chợ để hấn ta “cuốc khánh”. “Mỗi nhà một cây cờ sòng sọc, một bức ảnh phóng đại Tổng thống, rửa là mười lăm đồng đó, anh nè!”. Tôi quay lại. Người đang nói là một chị nông dân bỏ ruộng bỏ Diệm và nay làm xã viên hợp tác xã bờ Bắc. Một bà mẹ chuyên chống đò ngang giữa đôi bờ, nay phải chuyển ra làm đò dọc, liền nói tiếp vô: “Ngô Tổng thống là cái chi? Là cái thằng cha hết ngăn sông thi lại cám chợ. Và bữa ni là cái thằng cha đi phạt đèn. Máy dây đèn bánh ú móc lên cột bê tông bờ Nam trước mặt tè là có đi kiểm soát cả đó. Mỗi nhà phải “cuốc khánh” ba ngọn. Một ngọn ở cửa nhà. Một ngọn

thấp ở đương qua nhè. Một ngọn ở bờ sông. Cứ ba nhà liên gia lại mà kiểm soát lẫn nhau". Cảnh chòi tôi đứng ở bờ sông, thành ra một cuộc phân tích về đời Thông Ngô. Rồi có người phái kêu lên: "Chà chà, bữa ni hắn bắt bà con phụ nữ bên nớ phải mang áo dài hết. Mỗi cái áo dài rửa là mất không năm bảy gánh cá bán chợ rồi". Tôi nhìn qua bên đó. Áo dài, áo dài. Nón Huế, quần trắng, áo dài trắng. Mũ trắng, áo dài đen. Cái đầm rước đi ngược từ phía biển lên phía rú, cờ vàng, cờ xanh, cờ vàng. Cảnh sát Diệm cũng vừa dựng xong cái cổng chào. Và những chùm loa Diệm òm òm: "Thưa quý vị đồng bào..." Một anh thanh niên của căn cứ du kích đây hồi kháng chiến, lay tay áo tôi: "Đó đó, thằng Cửu P. cũng đang đi trong đầm rước đó... Chính sách của Chính phủ ta sau ni đổi với Cửu P. rồi ra răng đồng chí hè? " Hỏi thêm, mới hay Cửu P. là tay đắc lực của Diệm trong mọi việc tố cộng và bắt bớ. Cái đầm rước bên kia sông đang tiếp tục kéo một đoàn dài tổng lý áo thảm và Cửu P. đang động chân múa tay trong hàng. "Thằng Cửu ni nhiều chuyện lắm. Cõi, mệ mô, ông mô ra giặt chiếu, rửa rau, vo gạo, xách thùng quẩy nước, mô già, ngồi câu mà hắn gấp thấy nhiều lần như vậy ở bờ sông là hắn cho là có vấn đề hướng về bờ Bắc, bờ Cộng".

Một cái thuyền gỗ buộc sẵn từ sớm được rời bến, và độ chục người cởi trần bắt đầu chèo và lái. Chèo

lên chèo xuống, vẫn một cái thuyền duy nhất đó. Từ ban nãy, dài phát thanh của ta ở bờ Bắc tiếp tục phát thanh một bài kịp thời: "Nhân ngày "cuộc khánh" công hòa Diệm, xin nhắc lại sự nghiệp bán nước của Ngô Tổng thống". Bên bắc đá chân đòn Võ Xá bờ Nam, đồng người tụ tập lại nhìn sang ta, theo dõi dài ta. Không, cái đám nghênh ngang đứng đối diện sang bờ Bắc đó đều là người làm việc của Diệm cả đó, đồng bào chân chính ở bờ Nam ai dại chi mà đứng vô đó. Muốn nghe dài bờ Bắc, đồng bào tản ra xa kia, ra các bến xa, các đầu vườn vắng kia. Góc một cái vườn cau mép sông vắng kia, bóng tàu cau xanh ròn đổ xuống một cái nón trắng, áo trắng dài gợi gợi đến một cái gi của Huế, Huế cách đây có hơn chín chục cây số. Cái bóng trắng ấy xem chừng như muốn tránh xa cái đám mit tinh đang đồn người lên, đồn người xuống.

Dưới sông tuyến, cái đò độc nhất của Diệm bắt đầu khoa chèo mờ cuộc đua chài. Một chục mái chèo múa lén, múa xuống như có vẻ khiêu khích dài phát thanh bờ Bắc đang tiếp tục nhắc lại sự nghiệp bán nước của Ngô Tổng thống. Bất ngờ nhất và lý thú nhất là cái nhịp đồi của điệu bài chòi của dài ta lại cầm trịch cho nhịp chèo thuyền Diệm. Cuộc đua chài đâm ra trơ trẽn. Hình như một vài tay chèo cảm thấy cái trơ đó, bởi chèo thay chèch choạng giữa dòng. Loa phát thanh ở Huỳnh Thượng liền bồi thêm cho một đòn âm nữa:

“Quảng cáo đua thuyền rắng lại chỉ có một chiếc?” Thế là cái thuyền thi duy nhất cúp đuôi vào bến. Bờ Bắc nhiều người hể hả khen cái đòn gió dài Huỳnh Thượng ta kịp thời đánh trúng đích tại trận trên sông.

Trên bờ sông, đám mít tinh chuyển người từ biển lên rú như một đám rước đạo áo dài trắng, áo dài đen. Đám rước vòng ra vòng vào con đường 76. Bóng nắng giới tuyến loang loáng trên những cái vành xe đạp mới toanh của cảnh sát Diệm đi ốp người. Trong những cái boong ke bờ sông, những con mắt bí mật của “cán bộ phong trào” Diệm đang dõi theo diền biến của đám rước áo dài. Mỗi cái áo dài trắng kia là một câu chuyện. Có người sợ Diệm quy cho là muốn bắt chước Cộng sản mặc áo ngắn, quần thâm, nên cũng phải mặc áo dài. Có người đã mất không đi máy gánh cá ở chợ để may áo dài, quần trắng. Muốn làm phồn vinh giả tạo, Diệm đã ép dân mặc áo dài. Không rõ Diệm đã có đạo dụ nào về quần áo đàn bà miền Nam không, nhưng sự thật về áo dài bờ Nam là những sự thật của áp bức, dọa dẫm, vu cáo. Có lẽ muốn làm sự chia cắt đất nước lâu dài như kiểu chúa Nguyễn, chúa Trịnh bờ sông Gianh, nên Diệm cứ làm khác hết cả đi. Chuyện áo dài của Diệm chẳng qua cũng vẫn là chuyện cái váy của một ông vua chúa gì đó thôi. Nhà Nguyễn ở Nam Hà muốn làm khác Bắc Hà đã ra chiết chỉ cấm đàn bà miền Nam mặc váy, phải mặc

quần cho được. Cái lố áy của một tên phát xít về một cỗ áy cũng là một cái dịp để văn học dân gian miền Bắc thời áy lưu lại những câu còn truyền tụng đến bây giờ:

*Tháng tám có chiếu vua ra  
Cám quần không đáy, người ta hãi hùng  
Không đi thì chợ không đông  
Đi thì phải lột quần chồng sao đang!*

\*

\*           \*

Đám rước vẫn kéo lên kéo xuống. Nhưng ở bờ Nam, vẫn có những bóng người áo ngắn không đi rước. Họ đi ngược lại cái đám rước. Họ từ phía rú rậm đổ xuống, trên vai là một gánh cỏ. Nếu không là một gánh cỏ thì là một gánh cùi chặt từ trên rú Bến Tắt về. Người họ, áo quần, cái nón, bó cùi, bó cỏ khô đều đồng màu, cái màu đất Quảng Trị đau thương. Bát giác tôi nhớ lại, cổ hình dung lại quang cảnh cả hai bờ Hiền Lương thời kháng chiến. Bờ Bắc, hồi áy, phong trào lại không bằng bờ Nam. Căn cứ du kích bờ Bắc mới lan xuống đến ga Tiên An đường xe lửa, thì ở bờ Nam, căn cứ của ta đã tràn xuống tháu tới cát biển, tới quá quốc lộ số 1. Hồi áy, chồ tôi đang đứng nhìn qua đám mít tinh kia, còn đang là một

vùng giằng co giữa quân viễn chinh Pháp và kháng chiến. Và những lúc bị o ép, khó khăn thì cán bộ bờ Bắc ta lại vọt sang bờ Nam. Và bờ Nam có những thôn xóm luôn luôn họp mít tinh lửa và cờ giăng lồng địch. Cho nên nhìn cái đám rước bờ sông hôm nay, tôi vẫn tin rằng có nhiều chị, nhiều mẹ mặc áo dài chân vẫn đi trong đám rước, mà lòng lại không ở trong đám rước, mà lòng lại vẫn vẫn vương với những hình ảnh cũ của chiến khu Cùa trong đó, chiến khu Thùy Ba ngoài này.

Buổi sớm bữa nì, lúc Diệm còn đi lùa người chuẩn bị cho đám rước chiêu lê, tôi đứng ở một quãng thương lưu dòng sông Hiền Lương ở quá phía trên cầu sắt xe lửa. Nhìn sang đồn Hải Cụ bên tè, tôi đã nghĩ đến những người lái đò kháng chiến giữa ban ngày đám bảo con đường dây giữa hai bờ. Chéch quãng sông đôi bờ um tùm, rậm rạp và xuyên qua địa giới của đại chủng viện Dòng tu ép xác này là con đường thông Nam - Bắc của ta. Bây giờ, những chị, những chú, những cô chờ đò áy có còn ai không hay là Diệm đã tổ công, thủ tiêu hết mà ta chưa điều tra ra hết được?

Cái đám rước bờ sông Nam lấp lánh dưới nắng chiều. Chỗ mố cầu sắt bờ Nam có những người áo cộc đang ngồi câu ống. Bờ Bắc cũng có những người ngồi câu ống. Cả hai bên nhau nhưng không nói với

nhau. Người bờ Nam dĩ nhiên là không dám cất tiếng lên, vì Diệm vẫn rình quanh đấy. Còn bên bờ Bắc, cũng không nói qua, sợ lụy cho bà con bên đó. Họ không nói. Nhưng trên đầu họ vẫn thường xuyên có cuộc giao tranh đấu lý liên tục của làn sóng tín điện của đài phát thanh. Có vào đến bờ sông tuyến mới thấy rõ vai trò của tiếng nói Tổ quốc ta, chế độ ta, và thấy được cái vị trí quan trọng hàng đầu của sóng đài chiến đấu trong hòa bình và sát ngay mép sông tuyến.

Chiều mùa thu về trên một khúc sông nước chảy không bình thường trong một ngày không bình thường. Cái cổng chào Diệm cho dựng ở cổng đồn Võ Xá, mái tôn Mỹ viện trợ, cái cổng lá đang khô dần lá tươi. Trên các lùm cây xoan, cây cau thôn xóm bờ Nam, cờ vàng sọc dưa của Diệm phê phẩy như những cái lá tre khô chờ gió to gỡ xuống. Đam rước giải tán. Những chiếc áo dài mệt mỏi tản về các xóm xa - những cái xóm phía trong bờ sông đêm nay sẽ rộn lên những tiếng giầy của các đội biệt kích Diệm vừa đưa trái phép vào khu phi quân sự. Và, ngay tối bữa "cuốc khánh" Diệm 26-10-1959 đó, tại thị xã Quảng Trị, có bốn cổ ván Mỹ đập các thùng cốc của tiệc rượu Diệm chiêu đãi quan thầy.

Tôi đã tưởng Diệm làm xong trò. Nhưng mà sớm ngày 27-10 lại có cuộc đua thuyền nữa, ở chỗ sông Canh Hòm đổ ra sông Bến Hải, cái chỗ sông Canh

Hòm mà Diệm bịt lại làm đường chiến lược để nhân dân bị nạn lụt và vỡ đường vừa rồi. Ba xã Trung Sơn, Trung Giang, Trung Hải phải tiếp tục góp đủ người bơi chài, mỗi chài 12 người. Cả đàn ông, đàn bà, cả bà già quận trướng cầm dùi trống gỗ ba hồi, mỗi thuyền đua năm vòng. Quãng sông Canh Hòm đây, hồi kháng chiến đã đục ngầu lên mỗi lần lính địch càn quét kéo qua, thì nay lại tung tóe nước lên lần nữa. Kết quả cuộc đua là có hai thuyền chìm. Bên ta cũng có ra xem để cười thầm. Đúng là nó “tự ái” bị dài Huỳnh Thượng chiêu qua đánh một cú: “đua chi mà chi có một ghe” nên hôm nay nó phải vớt lại, chứ hội hè chi, bữa qua đã xong ngày “chinh ky” rồi kia mà. Chưa có ai hội hè trái khoáy như vậy. Đúng là nó bị động. Nhất là bữa chơi nhị hỷ ni, hắn không dám đua ở chỗ sông chính bữa qua, mà kéo nhau ra góc sông con ni vậy. Một tên cảnh sát Diệm ra giữa sông hung hăng hỏi: “Có biết bữa ni là ngày chi không?” Một người đứng gần đó liền nhẹ nhàng nói sang một việc khác: “Có cái số 200 lưỡi cày và 50 bộ cày 51 miền Bắc ủng hộ đồng bào bờ Nam bị lụt vừa rồi vẫn còn xếp đống ở đầu cầu đó. Dài bờ Bắc nhắc luôn các anh qua mà nhận đưa về cho bà con bờ Nam cày cấy vớt lại vụ mít. Chắc các anh bận “cuốc khánh” chưa qua lấy. Nay “cuốc khánh” xong rồi, thì qua mà lấy về đi chớ? Tên cảnh sát lính nhanh lính nốt, đúng như cái kiểu Diệm vẫn lùi lùi trước mọi đề nghị hòa bình lợi dân, lợi nước của ta từ trước tới nay.

## BUU ĐIỆN THANH ĐÁNH MỸ

*Sóng dài Nam không bao giờ ngót,  
Đường dây Bắc không bao giờ đứt.*

Bócsét, nhà báo Úc trong chuyến vào miền Nam Việt Nam lần thứ hai cùng với chí Tám Riphô phóng viên Pháp của tờ *Nhân đạo*, có nói một cách rất lạc quan tin tưởng về tổ chức thông tấn và truyền thanh của khu giải phóng ta. Bócsét dựng lại không khí bí mật của những nhà in, thông tấn xã và đài phát thanh trong rừng giải phóng. Không cần trống cột, mà cứ mắc dây qua thân cây rừng, cành cây rừng, nhưng để bớt đi công việc nối dây đứt khi tàu bay Mỹ ném bom, thường là tuyến dây ít mắc nối mà kéo chìm. Dây cáp đi chìm và điện báo điện thoại và vô tuyến điện đều đặt dưới hầm chìm. Những cái hầm bem trong lòng đất, trong lòng rừng. Những ụ thông tấn rất kiên cố, những ụ phát thanh khoét sâu và tràn ụ rất dày chắc có thể chống được sức phá của bom tạ, bom tấn. Máy phát điện có cái năng hơn một tấn, nghi

trang rất gọn. Công việc phát tin, đánh điện, phát thanh đều do những người trẻ tuổi đảm nhiệm, trai cũng như gái, thường là lứa tuổi hai mươi, cái tuổi thật là đẹp. Phụ trách việc phân phối các bản tin của thông tấn xã giải phóng là một chị quê ở ngay Ấp Bắc, tuổi hai mươi. Chuyên viên về bắt luồng sóng các đài địch là một chị quê ở Bến Tre anh dũng, cũng vào cái trac tuổi hai mươi. Va trong số các phát thanh viên của đài giải phóng, có chàng thanh niên con trai đồng chí chủ tịch Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Nguyễn Hữu Thọ. Đài phát thanh giải phóng hàng ngày phát thanh tiếng Việt sáu lần, và tiếng Miên tiếng Hoa thì ba lần. Từ ngày có đài, tiếng nói của giải phóng miền Nam vẫn đều đều mà gióng giả sang sảng. Mỹ càng tìm cách bắn phá xóa bỏ thì càng tỏ ra bất lực. Hầm của đài phát thanh bao giờ cũng duyên dáng hơn mọi hầm bê tông khác; tường hầm lót cói dày và phủ lúa - thứ lụa hóa học của dù Mỹ chiến lợi phẩm. Máy tổng đài đủ các nguồn nước ngoài, Đức có, Mỹ có, cả máy Pháp cả máy Nhật, đủ cả. Vô tuyến điện thì máy phát đi là một hộp máy của Mỹ, mang nhãn hiệu TEMCD, cũng như nhiều thứ súng đạn ta dùng ở miền Nam đánh Mỹ thường là giành từ tay Mỹ cả.

Tôi đọc W. Bócsét nói về bưu điện thanh vùng giải phóng trong áy thấy bối rối vô hạn và nhớ đến nhiều con người bưu điện thanh vừa mới gặp trong mùa

xuân lửa đây: các anh Nhuận, Từ, Châu, Châm, Đá, Ngoạn, Hòe, Tá, Dựa, Bình, Vương, các chị Chành, Nhũ, Thọ, Thanh và nhiều anh chị em trong đại gia đình đường dây đường dai chưa nhớ hết được tên tuổi... Nhát là nhớ tới một số hầm bí mật tôi vừa đi thăm về trong chuyến vào Quảng Bình và Vĩnh Linh vừa rồi. Ấy là những cái hầm bí mật của điện báo dự bị, của tổng đài điện thoại dự bị, của đài vô tuyến điện dự bị. Từ đã lâu, dây trời ở các vùng này đều đã hạ xuống thành dây đất, màng lưới dây vẫn còn căng nổi trên cột nhưng cho kéo chìm nhiều hơn. Trên một cánh đồng bao la, gợn lên hầm dự bị của bưu điện truyền thanh mà không có người chỉ cho thì cũng khó mà đoán được. Cỏ mùa xuân đang trại dài một màu xanh hiền lành, và, quanh quất vùng dây, nơi đâu cành dương xanh vẫn còn vương cái mùi thuốc tólit bom lửa Mỹ mấy trận ném bom vừa qua. Trong lòng hầm, có hai anh và một chị, tuổi cả ba người cộng lại cũng khó mà quá được sáu chục. Một hộp phát moóc xinh gọn, một máy ragônô cứ 3 phút là có thể mỏi tay rồi, và mỏi thì lại đổi tay, hai người cùng đổi tay. "Điện đánh đi, quay nặng tay lắm. Nghe ragônô quay ù ù như tiếng cối xay lúa". Chị điện tá vô tuyến điện đánh thử moóc cho tôi nghe. Tôi ra khỏi hầm, đi quanh mặt hầm, nghe dưới áy như tiếng chim hót đang thoi thót về rừng. Lúc tôi trở xuống, chị điện tá

đoán được ý tôi, giải thích “Quanh đây đều có bảo vệ cá. Tự vệ cơ quan, và cá bộ đội nữa”. Trên bàn có một cây đèn dầu con con và một cây đèn bão, và mấy chồng sách. Sách của khóa trình phổ thông cấp III. Và sách chuyên tu ngành bưu điện thanh. “Mấy hôm tàu bay Mỹ bắn phá, chúng em đều sẵn sàng tại vị trí, có lệnh một cái, là đài này hoạt động ngay. Còn những ngày thường, thì chúng em học. Học trong hầm, quanh hầm, ngoài hầm”. Buổi chiều mùa xuân đi thăm hầm vô tuyến điện ấy, tôi cứ nhớ nhở cái không khí vùng căn cứ du kích mười mấy năm trước đây, có những ngày nằm hầm rất dài, và nằm lọt vào giữa vòng tross càn. Vẫn có những cán bộ tà ngạn nắm vững quy luật địch, bình tĩnh đọc nốt chương sách của Mác in bằng giấy bẩn, đọc xong rồi mới chịu chuyển cơ quan xuống đè sang bên huyện bạn. Hoa mùa xuân lấm tấm tươi tắn trong sương chiều của cánh đồng vô tuyến điện, nhưng tôi thì trong đầu toàn hiện nổi lên những hình nét đường dây đường dài. Trên đường dây, hẵn lên cái bóng hun hút những anh chị em giao liên băng đồng, vượt sông, xuyên rừng, phá cây, nâng đường dây lên, hạ đường dây xuống, và lúc cần thì mờ đường máu mà xuyên dây qua. Sự sống đúng là sự giữ vững liên lạc, cái đường dây của mình phải giữ cho thật vững. Và nhỡ bị đứt, thì phải nối lại, nối lại ngay cho bằng được, và bất kể bằng giá nào.

Thợ dây ty Vĩnh Linh là anh Nguyễn Đình Đồng, giữa hôm phản lực Mỹ đang ầm ầm bom đạn xuống Hồ Xá, đã dùng dùng lao thăng từ trong khu phi quân sự ra mài miết một hời về tận ty để đòi được đi nối các dây đang bị đứt. Dọc đường, bom Mỹ gạt ngang anh xuống, phủ đất lên cả anh, anh ngoi ra tuông ra, và lồng lên mà đi tới chỗ đầu dây. Bom đạn đang bời bời, đi đâu? Chạy đi đâu? Dân quân tự vệ giữ xe đạp anh lại. Anh Đồng nói gọn: "Tôi là thợ đường dây". Đường dây thành ra một khẩu lệnh, ai nghe đến đều phải nhường đường, phải mở ngáng. Nhưng anh em công an lại hỏi, nhưng bộ đội lại hỏi, anh vẫn nói gọn: "Tôi là đường dây" và anh lại chạy tiếp. Từ khi có phương án săn sàng chiến đấu, ty Vĩnh Linh đã hạ nhiều dây nổi trên trời xuống thành dây chìm dưới lòng đất, nhưng bom Mỹ vẫn phá mất một số quãng. Anh Đồng đi vội nối dây cũ, và đặt màng dây mới. Anh nối chiều, anh nối đêm, anh nối luôn cả buổi hôm sau. Trước đây, tàu bay Pháp ám ám bắn qua tai qua đầu, anh vẫn bình thản nối hết máy chục cặp dây trần qua cầu sắt trên sông Khu 5. Và hôm nay nguyễn vọng của anh Đồng là sau này thống nhất Nam - Bắc hoặc khi nào quan hệ bình thường Bắc - Nam, đến cái ngày đó, anh vẫn chỉ thèm thuồng được nối máy cặp dây trần qua cầu Hiền Lương qua sông giới tuyến. Anh bảo: "Cột dây thép mỗi quãng cách là

50 mét. Chiều dài cầu Hiền Lương chưa được 4 cột dây thép". Chao ôi, vĩ tuyến 17 là một nơi không có dây thép vắt qua, dây nồi cũng không, dây chìm cũng không. Trên sông trên cầu chỉ có luồng sóng bá àm tạt qua chứ từ ngày định bắn Gioneo, tịnh không một sợi dây trần điện nào kéo qua sông, qua cầu. Trong tương lai trước mắt, Đống chỉ đòi cảng cái đường dây sông tuyến áy. Tôi gặp anh Đống trong khu đêm. Đúng như nhiều người đã nói về anh, anh Đống ít nhời ít nói. Anh Đống thuỷ mị ít nói, nhưng tôi nghĩ rằng cái nguyễn vọng nỗi dây trên sông vĩ tuyến cắt đôi kia, cái nguyễn vọng áy của anh đã thừa nói hộ anh về tấm lòng yêu nước và yêu nghề của một người nhất tâm với đường dây bình sinh của mình.

Tôi vào trong khu đêm Vĩnh Linh cũng đã nhiều lần, mỗi lần có một nếp cảm xúc riêng, lần vừa rồi, đi cái xe thuyền bình bịch của bưu điện Vĩnh Linh vẫn đi công văn hỏa tốc, anh Châu cầm tay lái, rồi lại đến anh Từ lái, và mô tô đỗ lại ở phòng bưu điện chợ Do sát Cửa Tùng, ăn liền hai bữa cơm trưa với anh Sanh, trưởng phòng bưu điện chợ Do. Quả có thể, đúng anh trưởng phòng chợ Do có những ngày làm việc tối 24 tiếng liền, tức là không phải là một người làm việc bằng hai nửa mà chính là bằng ba kia. Và cái người làm việc bằng ba người ấy lại chỉ có một tay. Một bàn tay, cổ tay kia, anh gửi lại ở vùng chiến khu Ba Lòng

hồi kháng chiến. Tàu bay phản lực Mỹ vi phạm khu đệm, thường là vẫn bay qua nóc nhà bưu điện anh Sanh. Tông dài chợ Do luôn luôn đổ các lá báo, 3 lá đổ, 5 lá đổ, 10 lá báo cùng đổ. Ào ào tiếng phản lực qua đầu, và keng keng chuông gọi, cách cách là báo đổ. Cầm cái bát cơm lên, anh trưởng phòng chợ Do lại đặt xuống mà nấm vào máy. Thả máy cầm vào đói đưa là tống dài lại rụng xuống những cái lá đồng. Cơm nguội canh lạnh nhưng mà tin tức nói lên nói xuống thì cứ sôi sục lên. Cả ngày như thế cả đêm như thế. Đêm, phòng bưu điện vui nhộn mà thành cái câu lạc bộ của dân quân tự vệ. Cái dây thần kinh chõ đầu mũi chợ Do này nhạy cảm lắm nghĩa là cung căng đầy, người không quý nghề thì cũng khó mà cảng xuể.

Tôi ngủ ở ty bưu điện Vĩnh Linh, thấy như mình có dịp đi sâu vào vấn đề thần kinh. Thần kinh trong mình mình, thần kinh ở con người không lồ Tổ quốc thân yêu bị cắt ngang chõ thắt lưng Hiền Lương. Và nhát là thần kinh khỏe và nhạy của toàn bộ ty Vĩnh Linh nhiều thành tích sản xuất và chiến đấu này. Đêm vẫn không ngọt tiếng alô điện thoại. Bầu trời trong khu vực ty suốt đêm cứ vo vo lên như sáo diều. Ban ngày nó vẫn vo ve tích te cái tiếng moóc có dây và không dây đó, nhưng đêm nó thanh vắng hơn, nên nghe càng rõ và càng dữ hơn. Tích tích te te. Mắt mắt tai tai! Tôi không biết ký hiệu moóc, tôi không hiểu gì

về cả mặt mā cả ngôn ngữ của điện tín, nhưng tôi biết rằng hệ thần kinh chō đầu ngón tay ngón chân giới tuyến đang đánh tin nóng tin lạnh về cho đầu não Hà Nội. Bưu điện thanh, thật không có gì là ngoa ngoắt khi người ta gọi nó là thiên lý nhī thiên lý nhơn của nhân dân của Đảng và của chính thể mình. Tích te tích te. Mắt tai mắt tai. Sóng moóc cứ tỏa thành vòng xoáy tròn trên đầu, sóng âm cứ nở rộng ra mãi, nở từ vòng 17 vĩ tuyến tới vòng Hà Nội 21 vĩ tuyến lè mấy gì đó. Đêm xuân vo vo cái tiếng diều nhiều âm sóng. Anh Lai tổ trưởng điện báo lại vừa cho biết là đêm nay hạm đội 7 nó vào gần bờ ta lăm, cứ phải chuẩn bị sẵn sàng. Chị gì nhỏ nhắn vẫn ngồi bán tem và đóng nhặt ấn vào thư chuyển ngân, lại đã khoác súng trường nhận tua gác đài và đi đi lại lại bên giao thông hào lút đầu người. Văn Cao và Xuân Diệu cùng tôi trong đêm xuân khó ngủ, trên đất giới tuyến chưa nguội lửa bắn qua Mỹ vừa rồi, đang tự coi mình như ba sợi dây xúp vừa được lồng thêm vào cái màng lưới cáp của ty bưu điện truyền thanh Vĩnh Linh.

Tổng đài Vĩnh Linh không đóng lá báo, chỉ có một trăm ruồi lá đồng, chứ không như Thủ đô hàng nghìn lá. Nhưng mấy hôm đánh Mỹ ở tổng đài cứ ào ào như rừng mùa xuân thay lá giữa trận lốc cuốn cờ. Hàng chục hàng trăm lá báo đổ xuống cùng một lúc, có đèn phật Quan Âm bấm sáu tay hiện ra cũng không cấm

phích kịp. Bài Hà cũng xin, mười bảy xã đồng bằng cũng xin Đảng ủy khu vực. Rồi công an trật tự, công an vũ trang, bộ đội, rồi bên thương nghiệp chuyển kho, rồi bên giao thông chuyển xe, ui cha, tai là cứ loạn lên. Trên đầu là tiếng kêu của bầy quạ Mỹ, bom nổ bỏ quanh ty đã thổi hơi bom qua cửa phòng điện thoại, nghe cát sỏi rào rào bay qua đầu qua tai, thổi tấp vào gáy vào chân tóc. Cái câu “Trả lời ngắn gọn nhẹ nhàng - nhanh tay nhanh mắt săn sàng tiếp dây”, bây giờ vận dụng có khác đi. Tai ù đi, tay lại cứng ra, và miệng hép giọng khản đi. Mỹ bắn xuống và tất cả quân dân mình bắn lên đuổi quạ, tiếng lửa kéo dài 90 phút. Vậy mà ngôi tổng đài, cô Minh Sinh chỉ lâm có hai lần cắm phích. Người ta thường nói rằng bắt đầu ngôi và tổng đài điện thoại tức là vào vị trí chiến đấu, giống như người chiến sĩ phòng không khi đã ngồi vào mâm pháo cao xạ. Bom nổ gần quá, tổ trưởng Lai phải kéo Minh Sinh xuống hầm sát ngay sau ghế ngồi. Minh Sinh một chân đặt xuống đáy hầm rồi, nhưng thấy lá báo vẫn đổ lại phốc lên mà cắm phích... Anh em kể cho nghe về Minh Sinh. Thì đêm sau Minh Sinh đã về, vừa được đi dự Hội nghị quân khu 4 về. Tất cả tổ nữ cả ty lại nhộn hòn lên. Ô Minh Sinh, ô Phòng, ô Duyên, ô Hường, ô Tân, ô Thơm, ô Lực, mỗi người một tài một nét. Công việc thật nhiều, thật cấp thiết, nhưng bấy nhiêu cô đều là những người vui trẻ

và yêu đời. Tôi nghĩ đến một sợi dây truyền thống thiêng liêng và đầm thắm nối liền các chị thoại báo Vĩnh Linh với các chị Nguyễn Thị Điểu, Vi Thị Mến. Chiến sĩ giao thông toàn quốc Nguyễn Thị Điểu, mà nhìn cái tổ nữ Vĩnh Linh này hẳn phải vui lòng. Tôi nghĩ đến một cái tổ chim bồ câu. Loại bồ câu phục vụ cuộc chiến đấu đến hết sức mình. Nó giống như những con chim bồ câu thông tin tại các đồn biên phòng. Minh Sinh thì nhiều người bết tên và biết ảnh rồi. Nhưng ở Ty bưu điện Vĩnh Linh còn có một chị Phòng, cũng người Quảng Trị như sinh. Phòng là người huyện Nam (Triệu Phong), Sinh là người huyện Bắc (Vĩnh Linh). Phòng cũng tổng tài, nhưng là tổng tài di động. Nết của Phòng có rất nhiều tính hấp dẫn. Hai chị em Phòng, Sinh, người quý về đức, người quý về tài. Như là một cái nhan đề săn: "Hai chị em tổng tài". Phải nói đến một người con gái nữa của bưu điện thanh Vĩnh Linh: o Nhạn. Có đài truyền thanh Vĩnh Linh là có luôn tiếng và giọng o Nhạn. Nhạn người Huế nhưng có thêm giọng Quảng. O nói đều đều từ ngày hòa bình. Ngày nào cũng nói từ lúc gà gáy cuối canh tư cho tới gần khuya. Nói từ Hồ Xá thâu qua bờ Nam. Mỹ và tay sai Mỹ ở sát bờ Nam, nó ghét biết mấy cái giọng o Nhạn. Hôm 8-2 bom Mỹ bém Kỳ ném hỏng trường học và nhà hát nhân dân Vĩnh Linh thì bọn đài bờ Nam lu loa lên: "Đài bờ Bắc của Việt cộng

đã sập. Sập đổ tới 75%. Và con Nhạn chết rồi". Trong hai ngày, dọc cả hai bờ sông chỉ có tiếng nói của bầy quỷ sống. Mọi ngày quân nó mở miệng nói láo tới đâu là đài bờ Bắc đập lại ngay. Nay tại sao "đài ta bên nớ không nói chi", nhiều bà mẹ ngóng sang bờ Bắc phân vân, lo âu.

Từ ngày có đài, chưa khi nào đài Vĩnh Linh ngừng tiếng, chỉ trừ cái lần có trân bão 150 cây số/giờ hôm 22 tháng 9 năm 1964, bờ Bắc đổ gần 100 cột, dây đứt gần hết. Phải mất 3 ngày 3 đêm mới dựng lại toàn bộ hệ thống cột và dây. Vĩnh Linh là nơi của đầu sóng ngọn gió, là nơi xung yếu giáp địch, và cũng là cái túi đựng bão, không năm nào Vĩnh Linh không được sự thử thách của thiên nhiên và thiên tai. Lần ấy cũng là lần đầu trong lịch sử của đài Vĩnh Linh bị hai ngày trống tiếng nói (đài đổi phương bờ Nam thì cấm những 5 ngày). Rồi là kế đến vụ ngày 8-2 vừa rồi Mỹ thả bom. Thực ra, đài Vĩnh Linh vẫn nói đều ở Hồ Xá, loa truyền thanh vẫn phục vụ đặc lực cuộc bắn trả máy bay Mỹ trong phạm vi toàn khu vực. Duy chỉ có không phóng xuống được sát bờ Nam vì một vài quãng dây điện cao thế bị đứt. Sau 2 ngày, điện cao thế phục vụ đường dây trên sóng tuyển lại ngân vang tiếng nói của chính nghĩa! Mặt sông mấy bữa vắng tiếng đài bờ Bắc, ngó mà buồn thiu, nay bỗng nhiên thở phào. Sóng ám ọ ọ bờ ngõ một vài giây, rồi như cát lên từ

mặt sông mà phóng sang bờ Nam. Mấy bà mẹ ngồi giặt ở bậc đá bờ Nam lại nghe thấy đúng tiếng o Nhạn liền thở ra một tiếng nhẹ cả người và cũng thốt lên: "Tổ cha ba thằng cảnh sát ác ôn nó rửa đài miền Bắc chết rồi, tiếng loa bờ Bắc đó, tiếng o Nhạn hay tiếng bà cố nội mấy đứa hắn đó!". Lúc lên bờ vào gần lối chợ, khác với mọi ngày vẫn kéo mép nón xuống để tránh mặt chúng, lần này các mẹ nhìn thẳng vào mặt lũ cảnh sát, có mẹ lại còn nguyệt ngang nó một cái. Thằng cảnh sát cup mặt xuống. Tiếng nói đài bờ Bắc như là đỡ đỡ bước chân các mẹ đang tản vào các ngõ suốt dọc sông quăng Võ Xá Kinh Môn.

## CHỖ ĐÂU CẦU ĐÓ, CHỖ BỜ SÔNG ĐÓ, CHỖ BIỂN CÁT ĐÓ

Con đường 70 bắt ra Cửa Tùng, bụi đỗ bốc cuốn theo mấy chiếc xe hơi sơn màu trắng. Mấy o bán cá chợ Do quẩy nốt cá về bán phía chợ Cửa, nép vào bên đường, nhìn theo xe mà nói với nhau: "Xe Tổ quốc tế 76 hay đi kiểm tra buổi sớm, rặng bữa ni họ lại đi buổi chiều? Chắc họ định chộp mình cái chi đây!" Anh bán hàng mậu dịch bách hóa cười với mấy o bán cá: "Chộp chi! Họ đi tắm biển đó thôi. Bờ Nam thằng Diệm họ không chịu tắm. Biển ngoài mình tốt hơn, họ thường ra tắm ngoài ta." Mấy xe díp trắng đỗ lại dưới rặng dương xanh. Từ trong xe, vọt ra rất nhanh là một đại úy Ba Lan. Hình như đại úy đã tranh thủ thay luôn may ô tắm từ trong xe ô tô. Vui vẻ, đại úy Ba Lan lao xuống biển lam lam màu cánh chim trả. Tay quan tư Án Độ chậm rãi thay quần áo, ngồi trên cát khô nhìn biển, phân vân không biết nên xuống nước với bạn đồng sự Ba Lan, hay cứ ngồi tắm cạn như thế này để cho viên sỉ quan Gia Nã Đại khỏi lè

lơi trên bãi. Tên sĩ quan Gia Nã Đại đóng nguyên quân phục, chống nẹ một tay, mặt căng cẳng, nhìn thẳng ra biển như là đang duyệt binh những hàng sóng biển liên tiếp dồn vào lưỡi cát. Máy anh lái xe trẻ bỏ nhỏ vào tai nhau: "Trông cái thằng Gia mới dẽ ghét chứ. Không tắm thì ra đây làm gì, mà cứ đóng nguyên cả binh phục như vậy? - Hay nó cho nước biển mình thiếu vệ sinh, để chờ khi nào về bờ biển Hoa Kỳ thì mới cởi quần áo! - Lại còn anh Bảy Án hôm nay cũng điệu! - Chung quy, vẫn chỉ có mấy cậu Ba Lan là người nào cũng dẽ thương cả!" Anh phiên dịch của ta hè luôn cả bọn đi tắm, kệ đó những người nào không muốn tắm! Trước khi nhảy ào xuống nước, cả bọn tòm kẽ khai nốt các thứ ăn quý của vùng này: chim, thu, nụ, dé, trích, nục, đủ các loại cá; rồi tôm he tôm hùm, và lại còn bào ngư nữa. Đại úy Ba Lan rủ anh phiên dịch ta cùng bơi thi một lúc. Người sĩ quan Ba Lan trẻ đó, tắm ở biển Việt Nam thấy nó cũng như là tắm ở biển Ban Tích quê mình vậy thôi. Khoan khoái và tin cậy. Trên sóng trắng, họ nói đủ thứ chuyện.

- Biển Việt Nam nhiều màu sắc quá. Hôm nào tôi ra đây tắm, cũng đều thấy biển đẹp như thế cả. Chỉ tiếc Cửa Tùng ít người tắm. Có nhiều hôm, giữa mùa hè nóng, mà hình như không có ai tắm cả. Nước anh mấy nghìn cây số bờ biển, mà bây giờ mới bắt đầu có

hải quân. Nước anh có bãi biển đẹp, tốt, lại không có người xuống tắm. Tại sao thế anh?

- Đồng chí không tìm được ra lý do à? - Anh phiên dịch hỏi lại.

- Tôi không tìm được ra, thì tôi mới nhờ anh giúp tôi chứ! Đại úy Ba Lan năn nỉ một cách thảng thắn và hồn nhiên.

Có những con sóng dựng thành đố ủm ủm liên tiếp lên hai người tắm. Cá một cửa biển chiều hôm, chỉ có hai người tắm. Thuyền cá và buồm thuyền thì đông lăm, hàng mây trãm, nhưng người tắm thì chỉ có hai chấm đen đại úy Ba Lan và phiên dịch ta thôi.

- Đồng chí vẫn chưa tìm ra tại sao ở bãi biển lý tưởng rất đẹp Cửa Tùng này, lại ít người tắm à?

- Người Ba Lan chúng tôi thích biển lầm. Biển cũng là biểu tượng của tự do.

Người Việt Nam cũng rất thích biển. Cửa Tùng này không có người các tỉnh miền Bắc và người Hà Nội đến tắm nghỉ mát, chỉ vì nó nằm lọt hẳn trong khu phi quân sự. Theo lời của Ngô Đình Diệm tuyên bố tại Hoa Thịnh Đốn, thì biên giới Hoa Kỳ kéo dài đến tận cái chỗ chúng ta đang bơi đây đấy! Và như thế là tôi và đồng chí chiều nay đang bơi tắm trên bãi biển Hoa Kỳ đây!... Chắc đồng chí cũng thừa hiểu rằng không phải người thường dân nào cũng vào được

khu giới tuyến phi quân sự. Khi nào xóa bỏ giới tuyến, Nam Bắc quan hệ bình thường và thống nhất, xin mời đồng chí trở lại đây mà xem xem cả nước chúng tôi có biết nghỉ mát ở đây không. Mỗi tinh sẽ có nhà nghỉ mát riêng của mình. Mỗi ngành sẽ có khu cắm trại của mình. Đồng chí sẽ được tắm nhiều buổi liên tiếp, sẽ bơi thi riêng từng buổi với huấn luyện viên bơi lội riêng từng tỉnh.

Bãi biển đang phô ra mặt hàng dù bậc cấp lam xanh và chuyển nhanh màu như chớp giật. Mây biển xốp tươi, bông ánh. Nước biển dù mức sóng và vừa phải trong mức động gió. Biển tắm mênh mông trắng như một cái gì làm đi làm lại không mỏi mệt. Đọc theo một dải Đại Trường Sa, bãi Cửa Tùng óng lén như hạt ngọc đánh rơi trên sa trường một góc trán địa hòa bình này. Đại úy Ba Lan vừa sải dài sải dài qua sóng bạc đầu, vừa bơi sát anh phiên dịch ta, vừa trách thầm mình tại sao lại buột miệng hỏi cái câu vừa rồi. Tại sao người khắp các tỉnh miền Bắc và Thủ đô Hà Nội không vào được Cửa Tùng mà nghỉ hè, cái đó dễ hiểu là như vậy, sao lại còn hỏi?

Biển hõm nhạt nắng càng lồng lên những xanh hồng lam vàng tím, chỉ riêng vùng biển nhiệt đới mới xòe đủ hết bấy nhiêu nan quạt màu tươi. Cái Cửa Tùng nhàn nhạt nắng, càng ngày mát lên như chất bơ nguyên chất ướp lạnh. Năm giữa chiến tranh và hòa

bình, cái bãi biển Cửa Tùng này đẹp quá! Nhưng cũng hoang phi quá! Bao giờ cho hòa bình hoàn thành chiến thắng chiến tranh tại Việt Nam, để cho bãi biển Cửa Tùng được trở lại chức năng của nó? Cái chức năng bồi bổ lại chất máu cho những người con đau khổ của một Tổ quốc nhiệt đới mất máu đã lâu ngày. Đại úy Ba Lan đã từng tham chiến chống phát xít tại giữa Vácsava và sau gia nhập sư đoàn Ba Lan thành lập tại Liên Xô, đại úy hiểu cẩn kẽ đến giá trị của từng ngày hòa bình tại bất cứ nơi đâu của nhân loại.

- Nay, đồng chí Việt Nam của tôi ơi, buổi tắm biển chiều nay là lần tắm cuối cùng của tôi ở quê đồng chí đây!

- Đồng chí sắp chuyển công tác sang Lào phải không?

- Không, tôi trở về Ba Lan. Chỗc nữa qua cầu Hiền Lương. Lần cuối cùng đi qua cầu. Mai đi ô tô vào Huế, đáp máy bay từ Huế đi Sài Gòn. Và thăng qua Pari. Và từ Pháp về Vácsava. Lần trước sang nhận công tác ở Việt Nam, tôi đi theo tuyến đường Mạc Tư Khoa - Bắc Kinh.

- Theo chỗ tôi biết, thì hình như đồng chí Ba Lan nào sang công tác tại Việt Nam cũng đều giống nhau như thế. Lúc sang, đi đường Mạc Tư Khoa - Bắc Kinh - Hà Nội. Lúc về dùng đường Sài Gòn - Pari.

- Người Ba Lan chúng tôi ai cũng có cái máu đỗi ch襌 và đi khắp nơi. Nó như con chim thích bay ấy, muốn bay muôn đỗ ch襌 nào là tùy đôi cánh mình thôi.

Đại úy Ba Lan thấy mình không được bằng lòng mình lăm lăm về câu vừa trả lời, nó cũng không khác gì câu lỡ lời ban nãy “Tại sao người các tỉnh miền Bắc không tới Cửa Tùng mà tắm”.

Thiên nhiên tháng bảy trên biển Cửa Tùng càng về chiều càng như một bà thợ nhuộm quẳng cáo dần cho cái tủ thuốc màu bách biến vạn hóa của mình. Tất cả những cánh buồm nước ngọt buồm nước mặn trên bể đệm, ửng lù một sắc mai cua vỏ tôm nguội lửa. Ngoài khơi xa, nằm trên ngần Thái Bình Dương, đảo Hòn Cỏ bập bênh đỏ: một hòn than hoa chưa vạc hết ruột đá. Trên chỏm những đụn cát hồng, đồng sa sâm của những em bé đang đào cho đồng y, rực lên cái đầm thắm khoảnh khắc của ráng chiều. Cách chõ tổ quốc tẽ đang tắm độ hai trăm thước về phía Nam, huyech ra một cái miệng sông tuyến ngày càng ọc ra biển tất cả nỗi lòng của mình. Phù sa cuồn cuộn, và tạt lên mùi cay cay ngai ngái màu xanh rừng Trường Sơn trong kia của những người bạn Vân Kiều và Pa Thét Lào. Đè ngang lên miệng sông, lúc giới tuyến đang hoàng hôn đó, là chiếc đò ngang duy nhất của đòn liên hợp chiều chiều lại đổi lính gác.

Con đò ngang đổi đòn, rời bờ Nam qua bờ Bắc. Lố  
nhô những bóng người chen ống quần, đầu kéo lệch  
mũn nồi, và hông xệ xuống cái súng lục Mỹ. Họ hung  
hăng như thế đã tám năm nay. Cũng như, đã tám  
năm nay, bờ bãi Bắc chỗ cửa sông tuyến vẫn trăng  
tinh như thế một màu cát trăng của hòa bình. Trên  
mình cát mìn phau khô sáng, dấu giày đinh anh lính  
chiến tranh bờ Nam đọng ướt lại như những bàn chân  
khiêu khích bị sa lầy. Và chốc nữa, khi chòm sao mọi  
ngày đã chấm vào ngọn rừng dương, thì con nước độ  
lượng thủy triều dâng lên rút ra, lại xóa hết đi mọi  
vết chân anh lính Nam đã từng in lên cát bên kia bờ  
bên này bờ.

Đoàn xe dip sơn màu trăng lại nổ máy, đưa tổ quốc  
tế tám biển Cửa Tùng trở về đầu cầu Hiền Lương. Cái  
ngang cầu bật lên. Đoàn xe trăng, vẫn như bấy lâu  
nay quy định, đều ngừng lại, chỉ có người qua cầu  
thôi. Ba Lan, Án Độ, Gia Nā Đại lộ cop qua hết cầu,  
và đầu cầu bờ Nam bên kia, lại sẵn đó rồi một đoàn  
dip màu trăng đã nổ máy và xe mở cửa săn. Một ngày  
nữa đang chấm hết trên cầu, trên sông. Ngang cầu đã  
hạ xuống được vài phút. Chỗ hai bờ sông vắng dây,  
giá không có cái cầu sát vô tích sự đó, thì có khi con  
sông lại còn đỡ buồn hơn, đỡ quạnh hơn.

Ngày tàn cầu tuyến chưa nhợ hết mặt người. Từ  
đầu cầu Nam, đang tiến lại một người lính. Trên sông

trên cầu rì rầm một đoạn đồi thoại giữa hai người lính của hai chế độ. Mở đầu câu chuyện trên cầu ma sông ma, anh lính chiến tranh miền Nam bỗng đột luôn anh lính hòa bình miền Bắc:

- Nè, răng mấy eng lại không nổ súng hè?
- Nổ cái chi? Mà nổ vô mô?
- Nổ vô cái thằng cha nớ chứ còn nổ vô mô nữa?
- Thằng cha mô?
- Cai thằng cha chủ xe cam nhông chờ đá xây bên phà chờ đòn Huỳnh Hạ đó chứ còn cha mô nữa! Thằng cha nớ đến ngã ba đâu cầu các eng, không rè tay trái, lại bẻ bánh lái qua phải phóc lên cầu, chờ luôn cả đá cá công nhân qua bên bờ bụi tui.
- Hắn vô đến trong cầu rồi, công nhân mới biết là hắn vượt tuyến. Họ liền nhảy xuống hết. Gần đến chân cầu Nam, chỉ công nhân cuối cùng mới nhảy xuống được. Chỉ có thằng cha chủ xe đó qua thôi, chứ công nhân mô qua.
- Ủ, không có công nhân qua. Nhưng răng mấy eng không bắn theo cái thằng cha hắn bỏ các eng hắn đi như rứa?
- Bắn mẩn chi. Đứa xấu đã muốn chạy đi thì giữ mẩn chi. Thằng cha đó tưởng qua bờ Nam hốt bạc, dè đâu lại ăn tù trong Quảng Trị. Nè, eng có dám cãi với tui cái chuyện các anh đang giam giữ tên chủ xe vận

tại đó, ngày ngày tra tấn hắn, và luôn luôn tra hỏi: “Mì là tay sai của Việt cộng, cho nên họ mới cho mì lái xe qua để trả hàng, phải khai đi!”

Người lính chiến tranh miền Nam, một buổi chiều nhá nhem, thầm cái buồn giới tuyến, thấy nhớ nhà, định gã chuyện anh lính hòa bình miền Bắc, đem cái điệu khiêu khích cõi hữu ra để bịt cái trống tránh nơi lòng mình. Không ngờ cái anh lính hòa bình miền Bắc đó lại đốt lại rất dữ, chẳng khác gì một thứ ong không nên trêu vào.

Anh lính chiến tranh miền Nam định xí xóa một cái hờ của mình, rút gói thuốc lá Mỹ vê đàn bà cởi truồng ra mời anh “lính ong” bờ Bắc. Anh lính hòa bình miền Bắc cảm ơn không hút, nói rằng mình quen hút thú Trường Sơn nó hợp với khẩu vị người nông dân Trung bộ hơn. Hắn định trở về bên đầu cầu Nam hắn. Nhưng anh “lính ong” đã giữ lại, nói nốt:

- Eng hỏi rằng bờ Bắc sao không nổ súng vô xe cam nhông thẳng cha vượt tuyến bữa đó phải không?
- Ủ, rằng không nổ?
- Chính cái đó là chỗ khác nhau giữa chúng tôi và các anh đó.
- Khác rằng?
- Các anh quên mất chuyện xả súng tại giữa cầu đây rồi chẳng?

- Khi mô, hồi mô?

- Chuyện cũng mới đó thôi. Ba phát súng trường và hai loạt tiểu liên ở ngay giữa cầu này. Trong các việc vi phạm khu phi quân sự của các anh, chưa có vụ nào tràng tráo bằng vụ đó. Có thể là anh mới đổi về làm “chiến sĩ biên cương” ở đầu cầu đây, có thể là Mỹ - Diệm bịt kín được sự việc biên cương đó, và các anh không biết. Nhưng tôi kể nốt cho anh nghe. Bữa đó là ngày 27 tháng ba 1960. Hồi 10 giờ một khắc, đồn đầu cầu bờ Nam đã xả súng trường súng máy vào một chiếc xe Rơ-nô-n định vượt cầu qua bên bờ Bắc. Lốp xe bếp, xe quay ngang giữa cầu, người trên xe bị thương nặng. Số xe là HBU 489. Nhật báo miền Bắc đều có đăng vụ cảnh sát bờ Nam nổ súng này trong khu phi quân sự. Các eng đã thủ tiêu người chủ xe, và đánh cắp hết số vàng và mấy túi tài liệu của họ. Nói tóm lại, có người nào ở bờ Bắc qua anh, anh giam lại, tra tấn. Người nào ở bờ Nam vượt cầu sang bờ Bắc, anh nổ súng theo. Trong khu phi quân sự, có tiếng súng nổ nào, thì đó toàn là của bờ Nam vi phạm quy chế khu đệm. Nay, anh có cần tôi nói cụ thể thêm tên người và quốc tịch người lái chiếc xe bị các anh bắn trái phép bữa đó không?

“Anh lính biên cương” Mỹ Diệm đớ quá. Vì những chi tiết vạch ra trên, anh vờ không biết đó thôi, chứ chính anh ta có đóng dọc ở bờ Nam hôm xả súng đó.

Anh định đánh tháo, chia tay “bai bai, ô-rơ-voa!”, hẹn anh lính hòa bình bờ Bắc “bữa mô có trăng ta lại lên cầu trao đổi thêm hè”. Đêm đó, về đòn cảnh sát đầu cầu Nam, thuật lại mẩu chuyện bắn ô tô qua cầu đó, anh lính chiến tranh miền Nam kia liền bị cả tốp đồng ngũ nó nghiếc là hèn kém cho nên mới bị ăn cái “đòn hòa bình” vừa rồi nơi đầu cầu. Và trong bọn, có thằng cha ra vẻ du côn hung hăng tuyên bố: “Được, ba đứa bay để đó cho tau. Bữa mô, tau qua cầu đầu lý với bọn hòa bình hắn cho tụi bay coi!” Trông điệu dáng, đầu tóc, mũ quần anh ta, và nghe giọng lưỡi anh ta, phải nghĩ ngay đến cái lối choẹ của một thây quyền không khổ xanh khổ đỏ Pháp thuộc nữa, nhưng nay lại ngoặc vào một cái khổ Hoa Kỳ. Anh ta muốn làm ra ngỗng giáo Mỹ kéng giả cầy gì đi nữa, thì căn bản anh ta vẫn là một người nông dân Trung bộ thôi (có khi là ngay người của tỉnh Quảng Trị này đó thôi); một thứ nông dân tính bản thiện, nhất thời bị huyễn hoặc vì kỹ thuật Mỹ và những cái lờ lai giả tạo do điều ác án vào tay súng mình. Chao ôi, bao giờ cho thần hòa bình đập chết tươi quỷ chiến tranh trên xứ đồng ruộng này, để cho những người đi lính vô chính trị đó lại được trở về làng mà cầm vô cái cuốc cái cày, cái bay cái đục, cái cưa cái rìu, cái dây buồm bơi chèo cổ hữu của họ!

Một buổi chiều bữa sau, trên mình cầu sắt bù nhìn  
 Hiền Lương vắng quạnh, bỗng lại lộp cộp nổi lên cái  
 nhịp giày đinh. Ấy là mấy chú lính miền Nam chuyển  
 bưu thiếp đồng bào miền Nam gửi cho gia đình trên  
 khắp miền Bắc. Người bên ta liền nhận xét luôn về  
 mấy bó bưu thiếp họ trao đã chậm (con dấu đóng ngày  
 tháng của trạm Sài Gòn và trạm Tua Ran vẫn còn  
 rành rành trên bó thiếp đó, cái mà làm chi!) và nhận  
 xét luôn là mấy bó bưu thiếp sao đều xộc xệch, và  
 bướm rách quá. Cái thằng cha lính chiến tranh mặc  
 quần ka ki ống thông phong Mỹ và tóc bết kem cô ba  
 Mỹ đó, liền sững cồ:

- A, mấy eng không muốn nhận, thì chúng tôi lấy  
 lại ngay tút xuyt!

Ta vẫn ung dung mà nói:

- Việc gì mà phải lấy lại ngay. Mấy bó bưu thiếp  
 xộc xệch thì chúng tôi cần chỉ cho các anh thấy rõ. Bởi  
 vì có mấy lần chúng tôi chuyển qua bên các anh  
 những bưu thiếp của đồng bào miền Bắc gửi miền  
 Nam, các anh đều bắt bè những là không đúng quy  
 cách, mặc dầu những bó thiếp đó đã gói kỹ và buộc  
 chằng chúc thập đơn chúc thập kép thật gọn.

Thằng cha cố làm ra du con đó lại đòi lấy lại bưu  
 thiếp, ta gạt tay hắn xuống, nói tiếp:

- Đây không phải là thư của tôi hay là thư của mấy anh. Mà là thư của nhân dân hai miền đấu tranh tốn bao mồ hôi nước mắt mới giành được quan hệ thư tín. Nghĩ thương tối đồng bào, mà nhận, để chuyển cho đồng bào mong tin tức gia đình bị cưỡng ép đi Nam. Và bên các anh, từ nay cũng nên có thái độ như vậy. Nên bớt những chuyện khó dễ phi lý đi. Các anh nóng lòng mong thư vợ con như thế nào, thì bà con nhân dân hai miền cũng mong nó như vậy đó.

- Thôi, xin lỗi *mông se a mi*, hè tất phải lên giọng tuyên truyền nhau nữa. Biết nhau qua đài nhau mãi rồi mà! Thôi, ký nhận đi, và nếu muốn, thì ta du thuyết sang việc khác. Nè, hút chơi một điếu Ănglê.

- Tôi cũng mời lại mấy anh hút thử thuốc *Thăng long* bọc giấy bạc này.

- Tui này ngồi thêm một lúc nữa rồi lại qua cầu về. Hôm nay nhân dịp đưa và nhận bưu thiếp mà ta nói chuyện. Nhưng nói cái gì kia, chứ nghe mãi chuyện hòa bình mấy eng, ngấy quá rồi.

- Không nói hòa bình thì chỉ có nói chiến tranh thôi chứ gì? Đây là khu phi quân sự, nói chuyện hòa bình không nổ súng, sao các anh lại chán?

Thăng cha du côn đó (hình như đúng là cái thăng cha đêm nợ xác bạn nó bị “đòn hòa bình” và doa sang đấu lý với “bọn hòa bình”!) dâm tí. Và phía ta, lại cứ thế mà phát triển chuyện hòa bình.

- Bờ Nam các anh, đứng về thiên nhiên mà nói, thì có những điểm thuận lợi nhất định hơn bờ Bắc này. Ví dụ, nhiều ruộng tốt hơn. Ví dụ về cá biển, biển bên Nam cũng nhiều luồng cá hơn, thuyền cá bên Cát Sơn chiêu nào về cũng chở nặng.

- Eng lại định kết luận rằng bờ Nam của ngài Tổng thống chúng tôi là hòa bình cho nên làm ăn trùm mịt sao!

- Tôi không nói thế! Mà tôi nói là vì bên đó cứ thích chiến tranh nên, mặc dù có thiên nhiên thuận lợi, mà đồng bào vẫn khổ, vẫn không hòa bình, hạnh phúc...

- Thôi, xúp máy thứ chuyện đó. Nay tôi hỏi eng, chứ nay mai thời cuộc chuyển biến, thì các eng chạy bỏ đồn Hiền Lương, và chạy vô hay là chạy ra?

- Không, tôi chả chạy đi đâu cả. Đây là trận địa xung yếu của hòa bình. Có khi nào mà người chiến sĩ hòa bình lại bỏ cái tiền đồn hòa bình của mình. Các anh vừa nói đến sự chuyển biến tình hình nay mai. Chúng tôi cũng tin rằng trong một tương lai gần đây, sẽ có những chuyển biến. Những chuyển biến theo hướng hòa bình. Và cái cầu Hiền Lương đây, sẽ mở ra.

- Mở ra cho chiến xa của các anh qua?

- Không, mở ra cho máy kéo máy cày của bờ Bắc qua bờ Nam cày giúp ruộng bò hoang của đồng bào bên đó. Các anh muốn lâm nó là chiến xa thì cũng tùy các anh thôi. Dài phát thanh của các anh ở bờ Nam

có lần thấy chúng tôi cày máy ở ngay sát bờ Bắc, chả  
đã la lối lên rằng miền Bắc đưa chiến xa vào tập trận  
trong khu phi quân sự đó là gì! Đúng như vậy đó, hè  
quan hệ bình thường, những xe hòa bình máy kéo  
chúng tôi sẽ qua cày giúp bờ Nam ngay. Tất cả nông  
dân bờ Nam và cả máy huyệnnam tỉnh Quảng Trị sẽ  
vui mừng đón những cái xe hữu nghị đó. Và những  
cái thuyền lắp máy thành chiến thuyền mà các anh  
đưa vào một cách trái phép và giấu ở bờ đứa làng Cát  
Sơn đó, những người nông dân ở cả hai bờ, đều không  
phá đốt nó đi đâu. Họ bắt nó chuyển theo hướng hòa  
binh, cải tạo nó thành những cái thuyền máy làm việc  
cho hợp tác xã đánh cá biển, gồm xã viên nhân dân  
cả hai bờ, đã liền bến...

Chiều hôm đó, hình như hòa bình đã nổ ra giữa  
cái cục tối ở trong đầu máy anh lính chiến tranh bờ  
Nam. Và giống như việc bắn vỡ hạt nhân nguyên tử  
nó tác động dây chuyền, những đòi hỏi hòa bình đang  
loang dần loang mãi trên bờ Nam. Bầu trời khu phi  
quân sự mây bưa ni thấy nó xanh sáng lên một cái  
màu thép i-nốc-xi-đáp của một thứ mặt đồng hồ khổng  
lồ. Cái đồng hồ lịch sử, mà mặt trời đang lắc về  
hướng Lào Tây kia, là một cái kim giờ nó càng quay  
theo chiều thuận của lịch sử, càng ủng hộ tất cả  
những người ta đang hết sức mình ra mà tấn tới bình  
an.

## GIỮA CHIẾN TRANH VÀ HÒA BÌNH LÀ MỘT BÃI BIỂN CỦA TÙNG

**B**à tư sản dân tộc đó, liền chớp chớp đôi mắt phượng buồn ngủ mà lại nói lại cái câu tôi đã một lần nghe bà khoe từ mùa hè năm ngoái:

- Cửa Tùng là nhát nước ta đáy óng a. Tôi đã đi tắm mát ở khắp nước ta. Cửa biển bãi biển nào, ngày xưa tôi cũng có tắm qua cả, kể từ đầu Bắc cho đến cuối Nam. Trà Cổ, Đồ Sơn, Sầm Sơn, Cửa Lò, đèo Ngang, Cửa Nhật Lệ, Cửa Thuận, Cửa Đại (Quảng Nam), Sa Huỳnh (Quang Ngãi), Quy Nhơn, Nha Trang, Long Hải Ô Cấp (Nam bộ) không đâu bằng Cửa Tùng. Ông đã ở Cửa Tùng, có đúng thế không nào?

- Đúng như lời bà nhận xét. Tôi xin cam đoan là bà không nói sai không nói điều ti nào cho Tổ quốc. Chính bọn đế quốc, chính bọn cha cố phản động Pháp, chính bọn vua quan ta, thày đều công nhận Cửa Tùng là hòn ngọc các biển thưa lương. Cửa Tùng trước

kháng chiến có mấy khách sạn to và nổi tiếng là *Ó-ten Cáp*. Khâm sứ Trung kỳ có biệt thự riêng, khâm sứ Lào cũng biệt thự. Vua Bảo Đại biệt thự, cha nọ cố kia đều biệt thự cá. Ngày xưa, thực dân xoàng mới nghỉ ở Sầm Sơn, hạng bự hạng to thì phải ở Cửa Tùng.

- Ở Cửa Tùng, khôi là cá ngon, chim, thu, nụ, đé, đú. Tôm he, tôm hùm. Mà cạnh ngay tôm cá đó, tài thế, lại là những làng hồ tiêu. Cả làng Di Loan, cả tỉnh Quảng Trị, đều là hột tiêu. Nghe nói các nước bạn Liên Xô, Triều Tiên nay đều lấy giống mua dây hồ tiêu của ta nhiều lắm. Ngày xưa, cứ mỗi lần đi tắm Cửa Tùng, tôi lại làm một chuyến hồ tiêu sọ, cho luôn lên ô tô nhà, hoặc nhiều quá, thì cho lên ga xe lửa Tiên An. Một chuyến hạt tiêu như thế, tha hồ mà quanh năm đi nghỉ mát khắp nơi.

\*

\* \* \*

Cửa Tùng là một bãi tắm biển đặc biệt nhất ở nước ta. Đứng ở bãi biển, nhìn ra là một hòn đảo, Hòn Cò, hoặc Hòn Gió, làm sinh động thêm cái vạch chân trời biển Đông cách bờ khoảng ba chục cây số. Nhìn lên mặt Bắc là Mũi Sì, Mũi Lài, và vùng hợp tác xã điển hình *Vĩnh Kim*. Nhìn về phía Nam, những buối tối

trời, thấy cả núi Ngũ Hành Quảng Nam. Có thể ngó thấu tới núi Quảng Ngãi nữa kia; chỗ núi mờ mờ xanh nhọn nhọn lên là Quảng Ngãi đó. Cửa Việt trong tê cách ngoài ni Cửa Tùng cùng tĩnh, mờ có mấy chục cây. Đứng ở Cửa Tùng đây nhìn rõ rặng phi lao dương xanh Cửa Việt trong nớ đó, đó.

Độ mặn của chất nước biển Cửa Tùng, cũng khác với các bãi biển khác, trên khắp 3241 cây số bờ biển toàn nước ta, và trên khắp 875 cây số bờ biển riêng miền Bắc. Độ mặn độ muối nước biển Cửa Tùng, tác dụng bồi dưỡng của nó đối với cơ thể người nghỉ mát bãi biển, cũng tốt đú hơn nhiều chỗ khác. Cái bãi tắm của nó càng đặc biệt. Từ trong bờ lội ra thâu ngoài xa đến 600 thước, nước biển Cửa Tùng chỉ sâu đến ngang ngực, ít có nơi tắm mà địa thế lại thoai thoải một cách thuận lợi như vậy cho mọi người đi tắm biển.

Anh bạn tôi ở Công ty du lịch miền Bắc chỉ mong sớm có quan hệ bình thường (nếu chưa sớm thống nhất được), chỉ mong chóng xóa bỏ giới tuyến, để mau phục hồi cái chức năng cho biển Cửa Tùng. Anh say xưa mà chắc lưỡi rằng, hè mà đưa các đoàn nước bạn du lịch vào đây tắm, thì bao nhiêu là ngoại tệ thu về quỹ Nhà nước!

Cửa Tùng đẹp, lành, tốt. Mỗi năm cứ đến tháng bảy dương lịch, mọi người không cần nhắc nhau. Mà đều nhớ tới cái tháng đâu tranh thống nhất thường

xuyên. Và nhiều người, vào dịp tháng bảy oi nóng này, lại càng nhớ tới bãi biển Cửa Tùng bị năm lọt ngay vào trong vạch giới tuyến quân sự tạm thời chia cắt nước ta làm hai miền. Cái vạch vĩ tuyến ấy, chấm đúng ngay vào chính tâm bãi biển Cửa Tùng đẹp nhất của nước ta.

Bãi biển Cửa Tùng sóng vô đều, cây dương xanh đều, cá vô lưới chài đều đều, tôm đánh lên đều, muối đóng hoa đều trên nai trên ruộng, hô tiêu ra quả ra hột đều. Chỉ tội cái là Cửa Tùng thiếu người vô nghỉ mát. Mười bảy triệu người lao động miền Bắc, càng ngày càng cần thêm bãi biển để bồi dưỡng lại sức khỏe mình mà lao động hòa bình tốt hơn. Thế mà bỏ không đó một bãi biển Cửa Tùng. Cái thằng Diệm theo Mỹ mưu chia cắt lâu dài đất nước, đúng là thằng làm hai đất nước đủ mọi mặt. Lãng phí trong kia một cái cầu Hiền Lương không ai được qua lại. Lãng phí nơi cửa biển đây, một bãi tắm Cửa Tùng đẹp nhất Tổ quốc.

Trên bãi cát Cửa Tùng không có dây thép gai, nhưng máu kẽm gai nằm săn trong lòng mọi người chiều chiều “buồn trông cửa biển chiều hôm”. Bãi cát vắng, vắng quá đi mất. Bãi tắm, nay đúng là đầu một vành đai trắng chấm sát ra biển. Cái thằng Diệm đi đạo cao cấp và phản bội Chúa áy dám mở mồm nói rằng biên giới Hoa Kỳ keo đến tận chỗ tắm biển Cửa Tùng này, thế mà nó nghe được đấy! Thế mà cũng có

vài lũ khác cũng định nghe theo nữa kia đây! Không có thằng Mỹ, thằng Diệm, thì nắng ni mùa ni, chao ôi, Cửa Tùng vui biết mấy! Đóng biết mấy là đóng! Cá đó, bào ngư đó, tiêu đó, tôm đó, biển đó, bà con lao động ta các tỉnh và Hà Nội hàng năm tha hồ tới mà lấy lại sức khỏe.

\*

\* \* \*

Biển Cửa Tùng càng nhạt nắng càng khoe tươi. Đầu cấp bậc xanh và lam và hồng. Và chuyển nhanh, có lúc như chớp giật. Trời và sóng lộng lèn sinh sắc của thiên nhiên. Thật vậy, chỉ riêng duyên hải xứ nhiệt đới mới xòe đủ hết 17 nan của một tấm quạt màu như thế!

Bãi biển đẹp sáng Cửa Tùng nằm ngang nơi cửa khẩu một con sông không bình thường. Bờ Bắc con sông, làng xóm cày cấy tập thể, có những làng sát ven sông lại cày bằng máy kéo. Bờ Bắc con sông, gồm cả bãi biển tắm ngoài phía đông kia, cần cù làm nghề ruộng và nghề đi biển chài lưới. Mặc dù Mỹ không tuyên chiến, bờ Nam con sông là tình trạng của chiến tranh nóng. Đêm đêm, đèn pin soi bờ bụi bắt người, tiếng còi vây người, tiếng kêu mổ gan ăn tim người sống, tiếng súng đồn làng, tiếng súng giết người.

Chiến thuyền Mỹ-Diệm phạm cả vào khu bể đệm, lách cả vào sông đệm, và lù lù đồ ở sát bờ Nam.

“Buồn trông cửa biển chiều hôm”, buồn day dứt nhất là cảnh chiều chiều ra chỗ lưỡi cát cửa sông tuyến mà nhìn cái đò ngang chờ người lính gác. Bờ Nam một đồn liên hợp gác chung. Bờ Bắc cùng một đồn gác chung. Tuần này mình qua bờ họ mà gác chung cửa biển chiều có thuyền khơi trở về. Tuần sau, họ qua gác chung nơi bờ Bắc mình. Trên sông tuyến tuyệt nhiên không có đò ngang. Trừ một chiếc đò ngang duy nhất này. Cứ vàng mặt trời, anh bộ đội mình xuống đò sang bờ Nam, hoặc người lính Diệm xuống đò từ bên nơ mà qua ngủ bên bờ mình. Từ bên nơ qua mình, bao giờ cũng là cái người lái đò quần cụt màu đỏ đỏ công lưng lên mà chèo. Ta xuống đò sang gác bên bờ họ, bao giờ anh bộ đội mình cũng chèo lấy. Nhìn cái anh lính bờ Nam, dù anh có tập nhiễm cái hung hăng Mỹ kěng đến mức nào, vẫn thấy cái cẩn bản của anh là người nông dân nhất thời bị kỹ thuật Mỹ đánh lừa, và bị Diệm lừa dối thêm nữa về những thiên đường già tạo nào, về những địa ngục bịa đặt nào.

Mỗi ngày nước thủy triều biển Cửa Tùng dâng lên, lai xóa đi những vết chân hai người lính hai chế độ in dấu trên cát sông của cả hai bờ. Sóng biển Cửa Tùng nhiều đêm lồng lên như thủy triều của Mặt trận Giải phóng Miền Nam. Bao giờ cho hòa bình toàn thắng

chiến tranh ở miền Nam để cho tất cả những người lính bờ Bắc bờ Nam đều buông tay súng mà, chỗ biển chỗ sông, chỗ bãi chỗ đồng này, họ chỉ còn cầm vào búa, chàng đục, cày, cuốc, bơi chèo và dây buồm! Hồi còn chiến tranh ái quốc, nhiều cánh đồng bỏ hoang, cỏ tranh lút đầu người khắp vành đai trăng. Nay hòa bình đã trở lại cho nửa nước Việt Nam, bờ sông đệm giới tuyến và biển đệm giới tuyến nơi miền Bắc, vẫn còn bỏ phi bờ hoang đó một bãi biển tốt lành. Ngày ngày súng chiến tranh Mỹ-Diệm từ Cà Mau, Tiền Hậu Giang, từ nam Quảng Trị, từ bờ Nam đó, vẫn vọng đội qua tới bờ Bắc này. Không cần phải đặt ra-đa ở ngay bờ sông tuyến, ở ngay bờ biển Cửa Tùng mà ai ai cũng biết rằng thuyền chiến, rằng tàu bay thám thính, tàu bay chiến đấu Mỹ vẫn hăng vi phạm hải phận và không phận bờ Bắc. Nơi bãi tắm Cửa Tùng, tàn dư của sóng hạm đội 7 của Mỹ vẫn xô vào bãi biển tắm, và in ngắn trên bãi cát dài Cửa Tùng hoang dại đó.

Trên những tường cổng vin-la cũ quanh bãi tắm Cửa Tùng, vẫn lòng thòng những dây bìm bìm Tây màu tim, màu đỏ. Trên cái nền ximăng vinla Bảo Đại cũ, một vài già đình đã lọc nước biển bãi tắm làm muối lè, và dưới nắng tươi Cửa Tùng, muối ngày nắng vàng vẫn đóng hoa. Chỗ này chỗ kia các đụn cát bóng những em nhò đào củ sa sâm cho đông y viện Hồ Xá.

Sóng biển đùng đùng. Gió biển kêu chạy trong mây  
rừng dương xanh cap lầy bãi biển vắng. Cát cũng chạy  
theo. Mặc dù ồn ào cựa quậy, nhưng tất cả đều vẫn  
hoang vắng một cách thật là không hòa bình. Con cá  
tươi ở đây cũng thấy uơn uơn thế nào áy. Biển tắt  
sóng, gió tắt nắng, cát cũng tắt im trên bãi. Càng thấy  
ở đây thiếu hẳn hơi người. Trời hè, biển đây tươi, bãi  
đây êm mát, chỉ thiếu bóng người. Thiếu bóng những  
tập đoàn người, những tập đoàn người không mang  
dao súng, mà chỉ cầm những cây gọng lều cầm trại hè.

Quá trong nội địa kia chỉ dám ba cây số, là một  
cái cầu ma Hiền Lương tuyệt không bóng bộ hành qua  
lại. Cái cầu áy là một sự gì lun, một sự tàn chết, một  
sự lăng phi. Nay, ở biển này, lại thêm một bãi hoang  
nữa. Một bãi vắng lạnh, một bãi biển lăng phi. Tại sao  
hàng trăm hàng nghìn cán bộ khu vực Vĩnh Linh  
hàng năm cần bồi dưỡng sức khỏe, lại không xuống  
Cửa Tùng đây mà tắm, mà nghỉ ngơi sau những ngày  
lao động hòa bình? Từ Hồ Xá xuống bãi biển Cửa  
Tùng, chỉ hơn chục cây số, chiều chiều hết giờ làm  
việc, họ có thể đạp xe đạp xuống Cửa Tùng mà biển  
vẫn còn đủ nắng, đủ sáng. Tại sao những con người  
đó, mỗi lần muốn tắm, muốn nghỉ phép hàng năm, lại  
phải mua thêm đường đất ra tận cửa Nhật Lệ, ngoài  
kia Quảng Bình hàng sáu bảy chục cây số, cách sông  
cách phà? Tại sao thế? Tại vì, tại vì họ tôn trọng quy  
chế giới tuyến! Tại vì bãi Cửa Tùng vẫn còn nằm lọt  
trong vùng cấm: Tại vì chưa quan hệ bình thường,

chưa thống nhất đất nước! Tại vì Mỹ-Diệm muốn chiến tranh, không muốn hòa bình ở toàn cõi Việt Nam. Tại vì, cầm qua câu. Tại vì cầm ra biển tắm. Chỉ cần cái thằng hiếu chiến Mỹ đó cút hẳn về đất Mỹ đi thì mọi câu tại vì sau ở Việt Nam sẽ được trả lời, và mọi sự sẽ được trở lại cái lẽ thường của nó.

Trong moi cái không bình thường ở ta đang đòi được trở lại bình thường khi tháng bảy mùa hè tới đó, lại thấy âm âm ào ào lên tiếng sóng bãi biển Cửa Tùng. Nó đã bị bỏ đó lâu ngày, tám vụ tháng bảy nghỉ hè rồi. Nay nó đòi được trở lại cái chức năng hòa bình của nó. Tức là trên bãi cát mịn màng của nó, những con người lao động hòa bình phải được tìm đến mà lấy lại sức, mà hồi lại máu. Tức là trên bãi biển, phải xây nhà, nhà tranh, nhà gạch, nhà gác, nhiều nhà và nhiều nhà nghỉ mát. Ngày nắng, ngày gió trên bãi biển, cát dài dai Cửa Tùng nhắc nhở điều ấy. Đêm trăng, bể nhiều sao, cát dai cát dài trên bãi vẫn chỉ thầm thì có cái điều ấy. Cả ngày, cả đêm, hằng hà sa số cát dai bãi biển Cửa Tùng nổi bão cát, nổi sóng cát lên mà đòi Mỹ cút khỏi miền Nam, đòi hỏi chấm dứt chiến tranh miền Nam. Để cho Cửa Tùng chóng trở lại với chức năng hòa bình. Cái chức năng hòa bình của một bãi biển đẹp, lành, bổ, tốt, muốn được phục vụ mọi người con đau khổ (kể cả những người con đã lỗi lầm) của một Tổ quốc nhiệt đới thiếu máu đã lâu ngày.

## VỀ THĂM ĐẤT LỬA QUẢNG TRỊ

Càng vào càng xuống gần sát vỉ tuyến 17, cái xe càng nóng máy, két nước càng bốc hơi. Trong xe, không một ai mang quạt theo. Tôi có ngờ đâu rằng mùa xuân mà lại nắng nóng đến thế. Cách đây chỉ dăm hôm thôi, giữa Hà Nội - tức là vỉ tuyến 21 lè vài chục phut - trời rất là xuân của hòa bình đã giành được. "Lễ quanh năm, không bằng ngày rằm tháng giêng", hôm Tết Nguyên tiêu có hòa bình trở lại đó, đình đền chùa nội chùa ngoại Thủ đô, đâu đâu cũng thiều quang bắt tiếng súng, cây cỏ hoa lá đều ánh ròn một màu xuân mát xuân tươi xanh. Đền Quan Thánh đông là thế, hương khói mịt mùng như thế, đèn nép sáng lòa như thế, mà càng vào trong hậu cung nhìn bàn chân đồng đèn và ngón chân cái bóng loáng của Trần Võ, Thần bảo vệ Thủ đô mặt Bắc, càng thấy cái mát của quá trưa mùa xuân. Tôi đã được nghe trộm những lời khấn khứa của các cụ bà các mẹ các chị Phật tử miền Bắc đang túi túi mừng mừng cầu niệm

muôn năm chờ hòa bình vừa năm được mới vài tuần nay.

- Đến chỗ nào có bóng mát, cậu dừng lại cho xe nó thở, và cho bọn mình nghỉ một lúc dưới gốc cây nhé.

Từ lúc nói câu ấy với đồng chí lái xe, cái xe vẫn cứ hồn hồn nhẹ nhại mà lăn bánh trên quốc lộ 1, như là có ai đang đuổi theo mình.

Nắng cháy vẫn đuổi theo chiếc xe đang leo lên Dốc Miếu. Nhìn cái đòn trọng pháo Ba Dốc tan hoang bên quốc lộ, tôi mới hoàn toàn nhận thức ra cái điều mà đáng lý ra tôi phải thấy từ ban nãy kia. Thì ra mình vượt qua vĩ tuyến 17 được quá nửa tiếng rồi. Đây là chớm vào vĩ tuyến 16 rồi. Thành thử từ Hà Nội vào Quảng Trị, nay chỉ phải qua hai phà máy Bến Thủy và Đò Hầu, còn là đi cầu hết! Lần đầu tiên trong lịch sử Quảng Bình, sông Gianh đã bắc cầu. Cầu phao với 126 thuyền phao, cắt băng dưới cầu đúng vào cái buổi chiều xe bọn tôi vượt sông Gianh. Chân toe rồng rồng mồ hôi và, trong đầu, liền phục hồi lại những chi tiết về chiếc cầu sắt Hiền Lương cuối cùng miền Bắc vừa vượt qua mà không chú ý đầy đủ.

Cái cầu Hiền Lương bảy nhịp đó, bom đạn Mỹ đánh đổ rồi, ban nãy xe lăn qua sông Bến Hải là đi băng cầu phao ta vừa bắc vào dịp Tết hòa bình vừa rồi. Thằng phá hoại Mỹ bao giờ mới bồi thường cầu

Hiền Lương, chỉ biết mình cần đi, thì hãy bắc lấy cầu phao mà đi. Hồi kháng chiến chống Pháp, Mỹ cho Pháp nguyên liệu sắt và gỗ để dựng lên 7 nhịp cầu Hiền Lương kiểu dã chiến Bơlay. Cầu dài 178 mét có 894 miếng ván gỗ Mỹ. Cầu cưa đôi Bắc Nam mỗi miền ba nhịp rưỡi, nhưng miền Bắc lại dài hơn miền Nam những 6 tấm ván Mỹ. Thỉnh thoảng hai miền lại sơn lại cầu, mỗi miền sơn một màu. Và nguyên tắc là nội bất xuất ngoại bất nhập, không được ai qua cầu. Đã hàng chục lần tôi cùng đồng chí bộ đội ta leo lên cầu này, cùng đi đến cái chấm vạch giữa cầu, rồi cùng quay về vùng mình. Cái thứ chủ nghĩa hình thức đó, cái cầu vớ vẩn đó, thôi, cho nó lăn tòm xuống lòng sông cũng cho là được đi. Dứa nào đánh đổ vỡ thì phải đền, và ta thì hãy đi tạm bằng cầu phao đã.

Nắng hỏa thiêu cứ chụp lấy cái xe đang cố đi tới một bóng cây to nào. Chả có tí bóng nào, hàng chục cây số từ bờ Nam cầu Hiền Lương vào. Tôi thật là một người lên cung trăng, và trước mặt sau lưng, bên phải bên trái, chỉ có hố bom cũ bom mới, đúng là cái quang cảnh nguyệt cầu bị hám nóng. Lại nghĩ tới chị Ba Mô-ni-ka (một chị Ba Lan rất thân cận với Việt Nam) cũng vừa vào Quảng Trị, chị người đầy đà nhưng cũng không thấy chị kêu trời kêu nóng gì lắm. Tôi tự nhắc tôi rằng quê hương mình không liệt vào loại xứ ôn đới và Quảng Trị đây là đất lửa; lửa hiểu theo cả hai

nghĩa đấu tranh với thiên nhiên khắc nghiệt cùng là chống trả với xâm lăng hiểm độc. Quang Trị thật là xứng đáng nhận tấm huân chương *Thành đồng* hạng nhất.

Xe dừng lại chui mũi vào một hàng rào cây mà cành lá chuyển hết ra màu bụi đỏ gắt. Trong vườn nhỏ của một gia đình Gio Linh ấy sơ tán ra Vĩnh Linh và vừa về hồi cư, thấy một cành mai vàng đang xòe cành của ngày xuân chót. Trưa cháy đúng ngọ, nóng hầm hập mà gốc hoàng mai vẫn tươi tinh giữa một vùng chiến trường chưa nguội lửa. Mình nhìn mai vàng mà lòng có vẻ thèn thẹn, thấy hóa ra nó giỏi hơn mình.

Qua Quán Ngang tan hoang chiến sự và vụn gãy chiến cụ nóng bỏng, thấy cả một vùng đồng ruộng Gio Linh nhất đằng điền nay đã trở nên những trảng cỏ tranh cỏ lác điểm điểm đều đều những giếng bom ao bom. Trên những quang phòng tuyến Mich Nê-ma-ra đó, không một tiếng chim kêu độc kêu đàn. Qua cầu phao sông Hiếu vào “chi khu quân sự” Đông Hà. Mặt trời vẫn chưa chịu rụng đi sau gờ tím các triền núi Trường Sơn. Và nắng vẫn nung những cái đít đạn Mỹ trãm mấy chục ly đồng chói mắt. Trên Đông Hà đâu mối quốc lộ 9, không để đâu cho hết tội ác Mỹ Sài Gòn trước khi rút chạy hắn Đông Hà. Phố dọc hồ r้าง bừa, lều gạch mái ngói tan hoang, chùa miếu tung toé.

Buồn nhất là ngôi chùa trụ sở chi hội phật giáo, tường hoa cung xây bằng cuống ống đạn Mỹ. Ở đây tồn kho lại nhiều dấu vết của một thứ văn hóa ni lông Hoa Kỳ. Hoa tết mâm ngũ quả tết bằng nhựa cứng. Rổ rá lồng bàn bằng nhựa mềm. Đã nhà mái tôn có sóng ngói giả tạo nó hun nóng như nầm trong lò bánh mì, lại còn nầm trên chiếu ni lông nữa. Bà con ở đây bảo chiếu cói ruộng ta vẫn quý hơn, vì chiếu ni lông Mỹ mùa đông thì lạnh tới xương, mùa hè thì nóng rộp da. Con sông lớn của tỉnh Quảng Trị tên là Thạch Hãn (thạch là đá; hãn là mồ hôi, nếu tôi không lầm chính tả). Nóng tới mức đá đổ mồ hôi, mồ hôi hợp lại thành nước sông. Để cho thuyền con người miết chèo trên dòng hợp lưu mồ hôi đá; đẹp và cũng dữ vậy thay cái cách trữ tình đó! Thấy tôi trần trọc, một bà mẹ Cam Lộ đã giúi cho tôi cái quạt giấy vẫn quạt cho con nhỏ. Cái quạt giấy bẩn thì nay, trên mười bảy cái nan cũ đã phát lại bằng ni lông dù của xác đèn pháo sáng Hoa Kỳ. Tôi thiếp đi, mơ mơ thấy lại cái cảnh trào phúng giặc bay Mỹ (nay gọi tránh đi là nhân viên quân sự Hoa Kỳ) đêm hè trại giam miền Bắc, phe ph้าย những tấm quạt nan đan bằng lạt tre lạt dang để thay cho máy điều hòa không khí của máy bay vừa bị ta cho tan cháy ra bụi duyra. Và đứa nọ cầm nhầm vào quạt nan đứa kia, liền cãi nhau chửi nhau bằng ngoại ngữ.

Thế rỗi sáng và mặt trời, cho là chưa đủ cháy đều, hôm nay lại kéo thêm gió Tây ô về (thường gọi là gió Lào kéo về từ phía đèo Lao Bảo). Bọn tôi rủ nhau đi Ái Tử, coi như trời xuân đẹp mát ta rủ nhau đi thăm thú. Ái Tử là sân bay quân khu một Mỹ-ngụy hôm qua hôm kia, đồng thời là kho tổng hậu cần của chúng. Thêm nữa đây vốn là nơi phát tích của chúa Nguyễn vua Nguyễn từ cách đây 415 năm. Và cho đến đời Tự Đức năm thứ bảy, Ái Tử là lỵ sở của phủ Triệu Phong. Cầu Ái Tử lịch sử buôn buôn. Kho Cây Quế đó trên đất Hời xưa, nó có phải là cái chõ khúc sông Lai Phước mà xe bọn tôi vừa đi cầu chìm mà qua đó không? Cựu Dinh (doanh) của mười hai dinh doanh hành chính triều Nguyễn, thì nay, sau dăm trăm năm, là một quân khu I của Mỹ - ngụy vừa tháo chạy tung vỡ cả kho tàng của sân bay. Trên cái cơ nghiệp 9 chúa (không tính Nguyễn Kim) và 13 vua (kể cả phế đế), đứng ở sân bay Ái Tử Hoa Kỳ phải bỏ lại này, thấy muôn được biết rõ thêm về chi tiết địa lý của chặng lịch sử này. Thời Chúa Tiên Nguyễn Hoàng vào đây cắm đất dựng nghiệp, gió và nắng có gì khác khác cái buổi chiều sa trường Ái Tử 1973 này không? Và cát Ái Tử năm trăm năm trước đây nó hoàn toàn trắng, nó hoàn toàn vàng hay là cũng lẫn cả hai thứ như chiều nay? Và chợ Sãi bên kia sông có mây may gì liên quan tới Chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên không?

Chao ôi, chỉ thấy gió xoáy lốc trên mènh mông dặm cát sa trường. Trên cát rang nóng bầmt gió Tây ô, nhấp nháy hăng hè sa số vỏ đạn đít đạn Hoa Kỳ, có cái đến dặm bảy cản đồng. Đây thật là một cái thiên đường bày sẵn cho tập đoàn các bà đồng nát - chai-chè-cốc-vỡ - ni-lông-đứt. Có đựng vào triệu thùng cái cũng không hết. Chân giờ quanh quanh đây phút lên từ mặt đất những cọc bê tông những rào sắt lêu nghêu của những sân bay đã chiến. Nhà quanh đây thì mái là những túi ni lông nhồi đất quân sự chen lên những mảnh tôn lợp. Quân y viện, một lớp ngoại vi, cũng quây bầmt tường tôn. Chen vào cái thế giới lêu bạt và mái tôn đó, thấy lồ lộ vài mái nhà bầmt cỏ tranh, vừa lợp xong. Mái tranh như có tính được hạ hòa trong một buổi bị hun hâm. Tôi nhìn mái tranh cổ sơ càng thấy gần gũi, và quý nó hơn bất cứ nguyên liệu hiện đại nào chỗ Ái Tử này. Chiều oi đã nhạt nhạt nắng rồi mà tinh khôn nghe thấy tiếng thoi thót của chim hết ngày. Có, chỉ có mỗi một con chim cu trên một cái sào sắt bom đã bè gập ngang (trước khi tháo chạy xuống phía dưới kia, Mỹ - ngụy đã ném bom đã man vào tổng kho hậu cần nhiều thực phẩm đã ngoại Ái Tử này). Thường chim cu hay bay đôi đậu đôi, sao đầu sào sắt kia chỉ đơn độc một con? Hay là con chim bạn của nó đã đẹp phải kíp nổ Mỹ quanh đây rồi? Lỗ mõ chữ Hán như tôi mà mồm cũng buột

ra được một câu đường luật ngoại ngữ: “*Có điều bình sa thoi nhât môt...*”

Lắp lánh trước mắt là dòng sòng Thạch Hân, bờ Bắc cờ giải phóng, bờ Nam cờ rắn ri. Trông rõ thành cổ Quảng Trị. Phía bên phải xa xa kia là những dãy đồi La Vang đang dùng đóa súng những tiếng súng to. Khỏi nào không là quân đội Sài Gòn vi phạm hiệp định đồi nồng ra khỏi những đống da báo; và ta đang chốt nó lại. Phía bên trái xa xa là chợ Sài của Triệu Phong ta mới mở lại được hai chợ An Lợi và chợ Thuận. Có điều kiện mà về thăm được Bích La Đông nhỉ!

Đêm đêm năm ở ven sông Hiếu, vẫn nghe thấy súng to nổ ở ven sông Thạch Hân. Ấy nó cứ cái kiểu quay phá quay nồng ra đồi lán đất cẩm cờ, và súng ở các điểm chốt của ta lại phải chặn đứng những cái sự vi phạm vô trang ấy lại. Vừa lắng súng xa, vừa nghe cán bộ mình bàn cách kiến thiết lại thị xã Đông Hà. Làm sao cho Đông Hà trở nên một thành phố sầm uất chõ cực Bắc của miền Nam Việt Nam. Còn biết bao nhiêu công việc phải làm, phải đầu tư mạnh sức người sức của vào tỉnh Quảng Trị này. Sau mấy năm bắt tin, nay gặp lại đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Quảng Trị, tôi có vẻ ngạc nhiên trước nước da trắng hàn ra của người cán bộ già dặn và dày dạn này của Quảng Trị đất lửa. Người Quảng Trị, thường là thịt gân ai cũng

đanh chắc lại, và nước da thì óng lên như đồng hun. Anh mới cười hô hố: “Ít lâu nay mình ở rừng nhiều”. Bỗng thấy nhớ một câu thơ nhạy cảm của Tế Hanh “Trời vẫn xanh một màu xanh Quang Trí” (tôi gạch dưới dòng thơ - Ng.T.).

Năm nay nóng sớm, thảo nào hoa nước ta nở sớm hơn mọi năm, và mới đầu mùa xuân, mà những dây hồ tiêu ở Cùa đã đậu hết quả, có thể chả bao lâu nữa mà chim chào mào đã trở về mà ăn hồ tiêu chín cây. Hồ tiêu Cùa thì phải biết là nó bỏ xa hồ tiêu Gio Linh Vĩnh Linh. Đã cay đạm, lại thơm lừng, nhất thoi. Một bà mẹ thôn Cam Thanh gọt một tấm mo cau cho tôi làm quạt để đuổi gió Lào. Chiều ra nhìn một trại tập trung cũ, người Thượng ta đã giải phóng hết, giờ chỉ còn lại lũ nhà hang chuột. Lại ra ngắm mấy quả núi chi huy sở của trung đoàn pháo 56 quân Sài Gòn đã sang với ta toàn trung đoàn. Vùng này cũng là đất thánh của cây mít. Kháng chiến cũ, hột mít đồ lộn phơi khô, cho vào chum lợ, làm lương khô ăn dần để giết tia dần lũ giặc dựng lên trước đầu ruồi súng trường.

Cái sướng nhất của một vùng được giải phóng là đàng hoàng trưng lên lá cờ của mình, và tấp nập, từ muôn nẻo rú rậm, kéo nhau về làng cũ mà, trên những miếng đất cháy chưa hoàn thổ, trồng lên đầy những hột hạt của làm án yên lành. Vai cờ vai cuốc,

tay dây khoai, tay hom săn, hè nhau ta xuống thuyền. Sông Quảng Trị thiếu chi nước xuôi thuyền ngược đò xuôi. Mà thuyền đò đều lắp máy mà lướt trôi, máy nổ rầm rầm cộn sóng, thuyền hồi cư nào cũng phần phật lá cờ đỏ xanh đính sao vàng. Bờ sông và sâu tít trong bờ, ngọn tre tàu cau nào cũng treo cờ, cờ càng gọi gió, gió càng nài tre nài cau nở bung hoa cờ, chùm hoa mới đủ cả cánh vàng hòe cánh đỏ lụu cánh xanh lơ. Bữa trong Tết, mit tinh mừng hòa bình giành được, biết bao nhiêu là cổng khải hoàn dựng lên và, quanh những cổng chào “xanh một màu xanh Quảng Trị”, nổi lên hợp táu của trống cái trống con, của thanh la, của chiêng đồng, của mõ mít. Thùng sắt tây, mái tôn cũng khua góp vào; có cụ còn cầm cả đinh sắt mà đánh vào đui đạn ca nông Hoa Kỳ. Năm vạn lá cờ giải phóng bật lên. Tinh nhân số trong tinh ba mươi vạn, thì như thế là cứ sáu người là đã trương lên một cát cờ. Quảng Trị vẫn đang cần cờ, thịt cá cần, rau củ cần, và cờ giải phóng thì các nơi gửi vô càng nhiều thêm càng hoan nghênh.

Không kể trên các ngọn cây mặt đất, chỉ riêng trên mặt sông Hiếu sông Thạch Hãn đã thấy cơ man là cờ cắm, trên thuyền hồi cư, có thuyền mũi đâm cắm, nơi cuống lái còn thêm một lá nữa. Thuyền như lá nguồn trôi ra Cửa Việt. Có thuyền cả người lớn, ông bà già trẻ em cùng chung khoang với hom săn, đọt mía, bó

mạ, dây khoai, bu gà con, lồng mèo. Có thuyền chì chờ toàn những cuộn giấy dầu đem lợp nhà. Nhiều già đình sơ tán ra Vĩnh Linh nay lục tục kéo về bờ bắc sông Hiếu mà bước xuống thuyền, - những chiếc thuyền gắn máy nổ Ku-bô-ta. Ven sông lướt qua, khói vũ hoang diệt cỏ lác cỏ gianh cuộn trăng trời hòa bình. Nhiều người vũ hoang trên bờ, ngừng cánh tay gỡ dây kẽm gai vành đai mà chào những thuyền về quê cũ. Trên bờ, tênh hênh một cách thật vô duyên là những cỗ nhà thờ Mỹ của tuyên úy quân đội Hoa Kỳ cho lắp ráp bằng chất dẻo cứng. Đây là những cỗ giáo đường di động Hoa Kỳ xê dịch theo cố vấn và lính bộ Mỹ. Và muốn gì thì gì, trước khi rời Quảng Trị, mặc dầu lịch đi giờ giấc thiêt cảng, tôi xin phép được tắm một cái ở Cửa Việt, tắm lên mình chút mặn cứng của sóng muối cửa biển, đem theo về gọi là lấy khước.

Chỗ Cửa Việt, nó chia ra hai thứ quân cảng: cảng ngụy và cảng Mỹ; ngụy đóng trong sông, Mỹ đóng sát sóng biển. Ngay ở bãi cát nách cặp quân cảng cũ đó, ta vừa giọt cho nó một trận ném thận. Hiệp định ký đâu vào đó rồi, lại còn đòi lấn đất, mở thêm đóm da báo, để đến nỗi chết hàng trăm tên, bị trói sống vài trăm; và cái thiết giáp đoàn tháo cáy đó đứt cháy 100 cỗ tăng và chiến xa bọc thép, 13 cỗ bị bắt sống đưa về bày tại giữa chợ Gio Lễ để bà con mình thấy cho rõ.

Vừa tắm ở bãi cát mỏm Bắc Cửa Việt, vừa nhìn sang sa trường còn lõm đõm những xác chiến xa Mỹ-nghệ, đen thui xa xa như một lũ bọ hung quắt lại trên cát bóng. Một buổi trưa đó nghe sóng vỗ giữa giọc cát Đại trường sa và Tiểu tràng sa, tôi hỏi thăm đường về Cửa Tùng. Từ Cửa Việt Gio Hải đây về tới Cửa Tùng bằng tuyến cát bãi, mất ba bốn tiếng đi vã bộ. Đi xe đạp, lúc nước ròng, độ tiếng rưỡi. Qua hết thôn 9, thôn 8, thôn 7, thôn 6 của Gio Hải, rồi tới đất Cẩm Phô, Thủy BẠn, rồi là Cát Sơn đó. Sang cái đò ngang, là đồn Cửa Tùng mình mọi năm đó. Nay là mình chờ lấy đò, chứ không phải cái chú lái hờ mặc quần cụt đò của mọi năm còn ngụy ở bờ Cát Sơn nữa.

2-1973

## CÔ TÔ

**B**iết bọn tôi sắp chào bến tắm ra Mũi Ngọc rồi đi luôn Cô Tô, ông chủ tịch Trà Cổ liền bảo luôn: “Đêm qua, cũng vừa nhận được tin báo. Báo đang ở Phi Luật Tân và tiến vào bờ biển mình”.

Một đôi người bỗng kêu lên:

- Đáng tiếc! Khá tiếc!
- Tiếc gì? Tiếc cái gì?
- Đã dậy từ lúc gà gáy canh tư trên bờ cát đê, trước khi lên xe, ra đầu bến Sa Vỹ xem mặt trời mọc. Mắt công rình nửa tiếng, mà vẫn cứ nhở.
- Trời vẫn đang nắng, chứ tờ mờ đất đến giờ có mưa đâu. Cả ngày hôm nay còn tha hồ mà nắng, chả cần phải thèm thuồng mặt trời.
- Là người ta nói chuyện xem mặt trời mọc từ ngay ở chỗ ngắn bể Đông. Từ hòa bình tối giờ, mình vẫn là một anh chỉ thấy vắng dương mọc trên chân trời đất liền.

- À, tưởng là thế nào. Ngay cả đến anh đi nghỉ mát bờ biển cũng khói anh “nhỡ mặt trời mọc” cứ hàng nửa tháng liền. Nó mọc lên mà vướng mây vướng mù trên ngắn bể, thì cũng coi như là tấm ảnh phá sản. Thôi, ra ngoài đảo Cô Tô, sao chả gõ gạc được một vài mặt trời toàn vẹn.

- Xem mặt trời mọc ở Cô Tô 21 độ vĩ tuyến với xem mặt trời mọc ở Trà Cổ Đầu Cát 21 độ rưỡi là hai việc hoàn toàn khác nhau chứ! Biển Trà Cổ Sa Vỹ là chỗ hết rồi của sóng Trung Quốc và đồng thời cũng là chỗ mở đầu của sóng mình. Hùng đẹp vậy thay là quang cảnh mặt trời chiếu sáng trên chỗ rẽ sóng và chỗ mở ra cái chấm đầu chữ S của 2500 cây số cát Việt Nam!

Mũi Ngọc. Trên chòm nó là một cái đồn. Dưới chân nó là một tí phố cụt của cây số cuối cùng thuộc đường số 4. Mười căn nhà ngói, mái thảm ròn, hòn ngói đực xoắn xuýt lấy hòn ngói cái. Chỉ có trạm hàng giang là còn cái màu ngói của một trụ sở mới. Nước thủy triều vẫn rút xuống. Tìm cái tàu thủy đón đoàn ra Cô Tô thì chưa thấy nó đâu cả. Cát ở đây vàng rộm hoàn toàn khác hẳn cát bãi Trà Cổ xám xám sền sệt.

Biển càng hướng ra Cô Tô, càng thấy nóng. Vĩnh Thực, Cái Chiên, Núi Miêu, Núi Tui, vùn vụt lướt qua sườn tàu, mà trên boong tàu, mớ tóc trần trên đầu chí bạn vẫn không chịu rung lẩy nửa sợi. Đứng gió quá.

Chân đảo Thoi Xanh xa xa cát vàng như một nét chì mành tơ lưới kéo ngang nền giờ hâm hấp của biển chờ cơn giông. Nước đùng đục. Mặt biển lặng tờ và láng mềm đi như dầu mỡ nào đang cháy tràn tới tận cái cuống mây chân giờ. Nó gọi gợi một cái chảo khổng lồ nước xuýt vịt béo sôi giấu khói, mới trông qua rất dễ lầm với một nồi canh nguội. Có tí sóng nào dội lên phía chân vịt tàu, thì sóng chì xông thêm ong ong oi oi lên mặt tàu. Bầu trời tắt gió càng về quá trưa càng đặc sánh. Thấy nghẹn thở. Trời vàng vàng cái mặt màu da đồng.

Ngay tối đầu trên đảo Cô Tô, đã có ngay một buổi họp, - họp chạy bão, rất có thể ngày mai bão đã vào thâu tối quần đảo rồi. Sau cuộc họp giữa đảo ủy, đoàn văn nghệ đi tìm biển Bắc và hải vị, và đại diện Tổng cục Thủy sản, liền hình thành ba hướng đi về mọi hợp tác xã nghề biển trên đảo. Sớm mai, một tổ sẽ đi theo những người nuôi đồi mồi, đánh bào ngư, làm ruộng muối. Một tổ đi theo những người lặn mò ngọc trai. Một tổ vượt biển sang đảo Thanh Luân tìm gặp những người đánh cá hồng, nuôi hải sâm, trồng cam sành.

Đêm đầu ấy của tôi trên đảo Cô Tô cũng là một đêm chập chờn cái hình ảnh những người tìm ngọc trong lòng biển. Bí thư đảo ủy là đồng chí Chim Chim, trước đây, hồi quần đảo Cô Tô còn nằm trong khu vực tập kết ba trăm ngày của quân đội viễn chinh Pháp,

là một ông giáo công khai của trường Cô Tô. Trong người cũng dễ thấy ngay cái dày dạn sóng và gió muối của sự sống trên cái huyền biển này của tỉnh Hải Ninh. Hôm sau về, phải hỏi đồng chí ấy về mọi kinh nghiệm chống bão mới được. Trời vẫn bức bối, khó ngủ. Và nửa đêm, gió ở đâu dùng dùng kéo tới. Nó thổi bay cả gối cả chăn, xô băng đi cả chén cà ám để ở ngoài hiên gác đảo ủy. Gió như quăng gạch quăng đá vào cửa kính cửa chớp tầng trên tầng dưới cơ quan đảo ủy. Kiểu này cũng đến cấp 7 cấp 8 gì. Một anh trong đoàn, như mắng gió, bằng một giọng ngái ngủ: "Tiền trạm xích hầu của trận bão số 6 ngày mai đó phải không?". Đúng đùng, hồi lùng, mạnh hơn gió quẩn vùng núi Tây Bắc rung cột nhà sàn theo lối voi lắc gốc chuối rừng. Nó làm một chap dài. Tôi cứ nghĩ như đó là một cuộc nổi loạn của lính Pháp lính Mỹ nhất tề say rượu, đứa ném vỏ chai vào cửa kính đứa liệng ghế vào cửa chớp, đứa đánh báng súng vào tường, rú lên hú lên, kêu gào hồi hương và xô nhào lật ngửa chống kẽm mọi thằng cổ ván quân sự phiêu lưu.

Buổi sớm dậy, xem qua loa bản đồ 18 hòn lớn nhỏ của quần đảo Cô Tô, rồi vội đi theo luôn anh Quốc Sĩ dẫn đường về hợp tác xã đánh ngọc trai Tô Bắc. Trời vẫn còn nắng, nhưng không có tia nắng, và nó áp úng như cái cười nham hiểm của một anh giáo giờ sắp

tảng tận lương tâm. Cung cách này, phải nói với xã viên Tô Bắc tranh thủ ngay chiêu nay cho ra đánh ngay một chuyến trân châu gần bờ. Chứ mà dèn dang thì không khéo rồi cũng chỉ đến có xem bão, chứ cũng chả thấy trai thấy ngọc gì đâu.

Anh Quốc Sĩ và anh xã viên trẻ Thái Mao Hữu đã hỏi hả từ ngoài sān: "Có muốn xem biểu diễn mò lặn ngọc trai thì phải đi biển ngay bây giờ. Không thì không kịp đâu. Bão đang tới ta đây. Làm chóng và trở vào bờ ngay thì vẫn còn kịp được". Cả bọn liền ùa dậy, chạy ào ra bãi, đẩy thuyền tam bản xuống lưỡi sóng liềm bờ Tô Bắc. Cái thuyền ba góc đặc biệt của Cô Tô lù lù mà nhả bờ, Quốc Sĩ và Thái Mao Hữu cùng chèo chung một cuống chèo. Chèo lối này là lối chèo lụ, chèo cứ xoáy cứ khoan vào nước mà trườn cái thuyền đít bè đi tới, mũi chèo lúc nào cũng ngập sâu xuống dưới mặt sóng. Thuyền đánh ngọc trai xoay lưng vào đảo Cô Tô mẹ và hướng thẳng sang đảo Cô Tô con. Cả Thái Mao Hữu cả Quốc Sĩ đều buông chèo lụ, cởi quần áo, đeo kính lặn, và nhảy úm xuống biển. Thoáng một cái, họ đã ngoi lên, một tay bám mạn thuyền, một tay bỏ vào lòng thuyền hàng nạm con trai, hàng chùm trai ngao ngọt mùi bùn cát đáy biển. Tôi ngắm những chùm trai tươi, tôi ngắm biển, ngắm trời, ngắm cái bờ cát đảo Cô Tô mẹ đã mờ và cái bờ cát đảo Cô Tô con rõ nét nhà và nét cây xóm chài. Chân trời đàng Đông,

mây xám buông thông xuống sóng, như một thần nữ nào đang bực mình quạt phanh phách hong tóc trên thau nước gội bồ kết đục ngầu. Thấy người se se lạnh cái mùi gió của thứ gió dẫn mưa đang đi tới.

- Thôi, ta quay vào bờ thì vừa đây!

Mưa lộp bộp trên cái nón lấp mạo hình chiêng đồng của anh Thái Mao Hữu. Nước biển ngọc vẫn thông giọt dưới cầm dưới cổ anh thợ ngọc. Ngực anh chém một vết sẹo to bằng lưỡi dao bỗ trai ngọc. Anh xã viên trẻ cười trong mưa bão, cái cười sáng như ánh chớp giữa một trời biển đục xám. Thái Mao Hữu và Quốc Sĩ đẹp như những người diễn viên “đơn bom nhe” của một phim nào về người lao động của biển cả. Cả bọn chúng tôi lại hè nhau đầy cái thuyền ba góc lên quá trên bến cát. Chúng tôi ráo bước vào trong đất liền, bước nhanh theo một nhịp bão dồn, tay mỗi người nhẽ nhại một chùm trai ngọc.

Cái mõ gỗ hình con cá mổ bụng, cái con cá gỗ trước trụ sở hợp tác xã thông đuôi xuống một vòng đầu người chụm quanh mớ trân châu vừa đánh về. Máy chục con trai còn non chưa con nào đậu ngọc. Nhưng tôi vẫn vui như chính mình vừa tìm được ngọc bể. Trong mắt tôi vẫn chưa biến hết cái lung linh ban nãy của những người thanh niên lặn tìm trân châu giữa biển bão. Con trân châu tươi vừa bỗn ra, hai mảnh

vỏ óng lèn cái hào quang của một thứ pha lê nạm xà cừ. Buổi chiều vàng đùng đục trên hòn đảo, cũng như biển bão đang đục ngầu quanh trụ sở hợp tác xã Tô Bác. Nhưng vỏ trai ngọc vẫn tươi ánh thanh khiết, kết tinh lại tất cả những buổi tốt trời trên mặt biển vịnh Bắc bộ. Màu sắc mát nhẹ của lòng vỏ trân châu đang từ chối mọi cái mờ ám càng giờ càng tăng của bầu trời bao quanh mình. Vỏ trân châu xanh hồng huyền ảo, càng nhìn càng ưa, và thấy như lồng lên cái thảm kịch của sinh vật nằm dưới rốn bể mà vẫn không chịu nguôi lòng tương tư cái nguồn sáng cội gốc đang bị tràn sóng trên đỉnh đầu bẻ gãy hết tia chói. Màu vẻ lòng trai ngọc thật là kiêu diễm như nửa vòng cung cầu vồng bắc lên từ một thế giới đáy biển vẫn hoài bão ánh trời.

Buổi tối, nhiều thợ lặn ngọc trai đã tìm đến trụ sở hợp tác xã kể chuyện cho bọn tôi nghe về cảnh tìm ngọc trong hai chế độ, Cụ Hoàng, lão công nhân ngọc trai kể rất ti mỉ về trân châu. Cụ bảo rằng trân châu mát lấm, người thuyền chài chân chính nào cũng có một lọ ngọc gia dụng trong nhà để mài uống và ró cho sáng mắt. Thứ ngọc vững hạt nhỏ ấy nay Đông y rất chuộng. Ngọc lớn bằng hạt đỗ xanh thì bán cân, ngọc lớn bằng hạt ngô thì bán đếm. Chính cụ Hoàng trong đời làm ngọc cũ, đã tự tay đếm được mười hạt do mình tìm được trong lòng biển. Hạt ngọc vàng không

đẹp xanh cũng không đẹp. Quý nhất là hòn trân châu màu trắng. Trắng mà thật tròn thì thấy rõ bóng người trong mặt ngọc. Tôi nghĩ đến cái hình ngọc của người chở đò Trương Chi ngày xưa. Chuyện ngọc đến đây thì loa truyền thanh trong xóm nhắc mọi người về công việc chống bão. Bão đang thổi mạnh vào phía ngọc của bọn này. Đêm thứ hai ở Cô Tô, vẫn có những ngôi sao sáng thoi thóp giữa trời đục. Sao của đêm bão không tia nhấp nháy. Trời cao lại thẳm như đáy biển mình vừa tuột tay đánh rớt ngọc mình vào đáy vô biêん, và mình cũng đang lao theo.

Bữa cơm sáng nay chia tay với anh em xã viên hợp tác xã trân châu, cùng nâng chén, lại có cả bà cụ Lý, quê bên đảo Vân Hải Cẩm Phả, nhưng bị mẹ mìn đem ra đây từ lúc tấm bé. Gió mưa vẫn hắt vào mâm cơm. Thế nào chiều nay cũng phải về tới đảo úy. Cát thổi từ bãi ngoài qua trước sân hợp tác xã rào rào và trắng dài và nằm rạp xuống, lớp cát ấy đè sấn lên lớp cát khác chạy vào phía núi Đầu Chó, vừa chạy vừa lật ngửa hết lá dứa lá tre lá khoai lên, vừa chạy vừa xô gãy cả cành nhỏ. Gió vẫn thổi thốc vào nách vào gáy bọn tôi đang leo đèo Đầu Chó. Gió lật ngửa lá sim, lá mua, lá cỏ dàng dàng, và mỗi cái giật của đợt gió, cổ bị sái hắn đi, và đầu mình tưởng như cổ ngựa bị gió giật cương để chân mình khỏi sa thụt xuống ổ gà rùng. Đến đỉnh dốc Đầu Chó, gió càng giật dữ. Thế

này thì ít nhất cũng là gió cấp 8. Mặc kệ cấp 8, phải dừng lại, nhìn biển cái đã. Đây là mỏm của mũi đảo ăn thẳng hướng Bắc. Thấy được cả bãi biển phía Đông, thấy được cả bãi biển của phía Tây đảo. Bãi biển của Tô Bắc (chỗ kéo cái thuyền đi đánh ngọc trai chiều qua ấy) là một bãi cát hình vòng cung xoay lưng vào một bãi cát vòng cung khác của Tô Trung dài ba cây số. Cả hai mặt biển sóng đều không thấy một bóng buồm nào. Nước biển chỗ vòng cung phía Đông thì ngầu đục vàng ệnh, nước biển vòng cung mặt Tây kia thì xanh màu cánh trà. Nhiều mảng biển phía Tây, đứng trên đỉnh đèo nhìn xuống, thấy chòm chòm màu xà cừ uyển chuyển của mây mành vỏ trân châu bò kỵ trong đáy túi dết mỗi người.

Hình như gió bão chờ chúng tôi lọt hết vào trận địa cánh cung bãi cát, rồi mới tăng thêm hỏa lực của gió. Mỗi viên cát bắn vào má vào gáy lúc này buốt như một viên đạn mũi kim. Gió bắn rất từng chập. Chốc chốc gió ngừng trong tích tắc như để thay băng đạn, thì đầu cổ lại bật lên sau mỗi đợt gió giật. Gió liên thanh quạt lia lịa vào gối vào ngang thắt lưng, đẩy cả người chạy theo luồng cát mà bạt ra phía sát bờ biển của một bãi dài ba ngàn thước, rộng chừng trăm thước. Sóng cát đánh ra khói, bể đánh bọt sóng vào, trời đất trắng mù mù toàn bãi như là kẻ thù đã bắt đầu thả hơi ngạt. Tôi lảo đảo trên sa trường, đi

sâu mãi vào sa trường như cố tìm cho bằng hết mọi nỗi thương vong ở chỗ thiên hôn địa ám này. Hòn đảo gần hòn đảo xa, chỉ còn mờ mờ xám xám cái chóp đỉnh, còn chân đảo thì đã mất dần trong cái mịt mùng của bụi muối ẩm. Sóng tung vòi cao và đồ dài, bợt trắng tai thành hàng thành hàng. Sóng thúc lấn nhau mà vào bờ âm âm rền rền như vua thủy cho các loài thủy tộc rung thêm trống trận. Tôi đúng là một cái buồm thuyền chạy vát nhưng sắp đứt dây lèo. Gió đánh bật cả từng cụm sim biển mà lùa ra biển, bụi sim biển cứ thế mà nhảy cẳng cẳng, mà lộn tung phèo qua hết bãi cát rồi nhào đầu xuống những con sóng đứt chân đỗ vào bờ. Cát vẫn bắn đón đầu. Cát vẫn bắn theo sau. Cả cái bãi vắng sa trường bỗng trở thành cái boong hoang dại của một chiếc tàu say sóng bể. Và trên đó, tôi đang trườn đi như một người lính thủy cố lao về phía vị trí đăng mũi trước. Tất cả những vỏ ốc con đều bay lên như tàn vàng giấy. Gió đặt vỏ ốc vào lòng tay tôi đang che gió. Ốc ở đây màu rất đẹp và hình vẻ nhiều kiểu khác nhau, chưa thấy mấy bãi biển mà ốc đẹp như thế. Và cũng chưa lần nào tôi được trông thấy những cái lâu dài đã tràng nghiêng ngừa tan vỡ đến như thế. Bãi bị gió mài lì, trở thành một mặt bàn bi-a đại cổ lô trên ấy quay lồng lốc hàng triệu hàng triệu viên cát đã tràng đang tìm lỗ nè để thụt xuống. Cuối cùng, bàn tay gió, như

một anh chơi ngang phá đám đã gạt phăng hết chúng vào bát cứ con sóng đứt chân nào đổ bờ.

Về tối đảo úy mới biết rằng tất cả các đồng chí chia nhau về hết các cơ sở để chống bão.

Cuối canh một sang canh hai, bão thật sự bắt đầu. Gác đảo úy nhiều khuôn cửa kính bị gió vây và đồn, bung hết. Kính bị thứ gió cấp 11 ép, vỡ tung. Tiếng gió càng ghê rợn mỗi khi nó thốc vào, vượt qua những gờ kính nhọn còn giắt ở ô cửa vỡ. Nó rít lên rú lên như cái kiều người ta vẫn thường gọi là quỷ khóc thần kinh.

Phải coi như đây là một cuộc ăn vạ của gió, gió ập vào nhà mà đòi hỏi của. Cái gác bê tông mà rung lên như đài chỉ huy một con tàu đi trên sóng cuồng. Càng về gần sáng, gió Đông Bắc càng giật, đợt nào cũng là một đợt quỷ sứ ma vương ùa tới mà đậm gó hàng ngàn vạn cái thủng rách, mà nện vào ngàn vạn cái mâm đồng nát. Những lúc này thì cá dưới biển đang chạy đi đâu? Và dây thửng và cột buồm của thuyền Cô Tô có chịu đựng nổi cho hết trận bão không? Hòn ngói, mái tranh các xóm trên quần đảo có đứng được đầu gió này không? (Về sau này, trở về đất liền Móng Cái, đọc báo, được biết về sự chiến đấu dũng cảm của con người. Trong cơn bão số 6 ấy, trong đêm chúng tôi không ngủ ở đảo Cô Tô, thì ngoài đảo Bạch Long Vĩ,

những chiến sĩ khi tượng của ta đã bám bão 56 tiếng liền, giữ vững đường dây và cột ăng ten với đất liền).

\*

\* \* \*

Ngày thứ năm trên đảo Cô Tô là một ngày trong trèo sáng sủa. Từ khi có vịnh Bắc bộ và từ khi quần đảo Cô Tô mang láy dấu hiệu của sự sống con người thì, sau mỗi lần giông bão, bao giờ bầu trời Cô Tô cũng trong sáng như vậy. Cây trên núi đảo lại thêm xanh mượt, nước biển lại lam biếc đậm đà hơn hết cả mọi khi, và cát lại vàng ròn hơn nữa. Và nếu cá có vắng tăm biệt tích trong ngày động bão, thì nay lười càng thêm nặng nề cá già đói. Chúng tôi leo dốc lên đồn Cô Tô hỏi thăm sức khỏe anh em bộ binh và hải quân cùng đóng sát nhau trong cái đồn khó xanh cù áy. Trèo lên nóc đồn, nhìn ra bao la Thái Bình Dương bốn phương tám hướng, quay gót 180 độ mà ngắm cả toàn cảnh đảo Cô Tô. Nhìn rõ cả Tô Bắc, Tô Trung, Tô Nam, mà càng thấy yêu mến hòn đảo như bất cứ người chài nào đã từng đẻ ra và lớn lên theo mùa sóng ở đây.

Cũng buổi sáng đẹp trời ấy, bến Cô Tô lại vừa thêm một khách quý. Một thuyền ba buồm từ bên đảo Thanh Luân vừa ghé sát, áp vào bến đảo ủy. Thuyền

Châu Hòa Mân đây!<sup>(1)</sup> Đồng chí Châu Hòa Mân sang họp đảo ủy, báo cáo về tình hình cụ thể của đảo Thanh Luân trong trận bão 6, và rồi đến trưa lại về luôn bên ấy. Chúng tôi vội vàng khăn gói xuống theo thuyền anh hùng Châu Hòa Mân mà đi luôn Bắc Loan Đầu. Nghe nói đêm hôm kia bão, bên ấy cũng sóng gió dữ dội, nhưng được cái không thuyền ai không nhà ai suy suyển gì cả. Những gốc cam vườn bên ấy, chịu bão đã quen nên cam rụng cuống cũng chỉ một số nào thôi. Chỉ có cái khoản sóng xô vào đảo thì ác liệt hơn bên này Cô Tô. Nó lao từ ngoài mòm đá ke đá tạt vào mái ngói mới hợp tác xã, cứ như hoa tuyết lao ngang giữa trời.

Châu Hòa Mân cầm cuống lái cho chiếc thuyền ba buồm chạy vát từ Cô Tô sang Bà Loan Tử. Trông đồng chí chủ nhiệm hợp tác xã Bắc Loan Đầu trẻ tráng quá. Qua cửa Đại Môn, có sóng nhưng dưới sự điều khiển cuống lái của Châu Hòa Mân, chúng tôi cứ lướt êm đi như một chiếc du thuyền. Phải cái ghé vào Bà Loan Tử hơi lâu quá. Ở bến này có chợ, có cửa hàng mậu dịch, có phô, có trường. Châu Hòa Mân đã đáp

(1) Đại hội Anh hùng Lao động toàn quốc III bầu ra 3 anh hùng ngư nghiệp trong số 45 anh hùng các ngành. Đồng chí chủ nhiệm hợp tác xã Bắc Văn Tháu (Đảo Cô Tô) là Châu Hòa Mân là một trong ba anh hùng ngư nghiệp đó. Và nay là một đồng chí trong đảo ủy Cô Tô

đò con bơi ra kia, tay bụng một rá đường trăng về Bắc  
 Loan Đầu để liên hoan ngày mai. Tại sao lâu thế? Thi  
 ra ông chủ nhiệm Châu Hoa Mân húi đầu. Thảo nào  
 thấy càng trẻ thêm hơn lúc mới gặp ban nãy. Nắng  
 chiếu ánh trăng lén trên hàm răng đều đặn hồng.  
 Nắng rung mạnh, nắng nỗi gân trên bày cái nẹp buồm  
 cánh dơi, nắng nhuộm tươi lại lá buồm nâu cũ. Mỗi  
 lúc đảo dây lèo, nắng phồng lên từ phía này sang phía  
 kia, lá buồm như là một cái má phính ông Bụt đang  
 hú tim với tất cả trẻ em con nhà chài, lúc ngoeo đầu  
 sang bên này cột buồm, lúc ngoeo sang bên kia cột  
 buồm. Mạn thuyền xiên nghiêng vào nước, nước sủi  
 bọt kêu ro ro như tiếng máy nào đang ăn đều ét-xăng.

Nước bể Cô Tô sao chiều nay nó xanh quá quắt  
 đến như vậy? Ai dám bảo rằng mình đã thuộc tên của  
 hết thảy loài cá trên khắp biển lớn biển con? Ai đã  
 ghi chép cho hết những hình trang trí trên mình cá?  
 Cái màu xanh luôn luôn biến đổi của nước bể chiều  
 nay trên biển Cô Tô như là thử thách cái vốn từ vị  
 của mỗi đứa tôi đang nổi gió trong lòng. Biển xanh  
 như gì nhỉ? Xanh như lá chuối non? Xanh như lá  
 chuối già? Xanh như mùa thu ngả cỏm làng Vòng?  
 Nước biển Cô Tô đang đổi từ vẻ xanh này sang vẻ  
 xanh khác. Nó xanh như cái màu áo Kim Trọng trong  
 tiết Thanh Minh? Đúng một phần thôi. Bởi vì con

sóng vừa dội lên kia đã giàn giảm thêm một chút gì, đã pha biến sang màu khác. Thế thì nước biển xanh như cái vạt áo nước mắt của ông quan Tư mã nghe đòn tý bà trên con sóng Giang Châu thì có đúng không? Chưa được ư? Thế thì nó xanh như một màu áo cưới, được không? Hay là nói thế này: nước biển chiều nay xanh như một trang sử của loài người, lúc con người còn phải viết vào thân tre? Nghe hơi trừu tượng phải không? Mà kia, nhìn cho kỹ mà xem, nước biển đang xanh cái màu xanh dầu xăng của những người thiếu quê hương. Cũng không phải là sơ lai căng, nhưng nghe nó vẫn chưa trúng vẫn chưa được ổn phải không? Sóng cứ kế tiếp cái xanh muôn vẻ mới, và nắng chiều luôn luôn thay màu cho sóng. Mà chữ thì không tài nào tuôn ra kịp được với nhịp sóng. Đua với sóng, thì chì có mà thua thôi. Chao ôi, nước biển Cô Tô chiều nay xanh cái màu xanh của ngọc bích. Hoặc là chao ôi, nó xanh như một niềm hy vọng trên cửa bể. Nghe nó lại càng chung chung: chưa sướng gì, nhưng thôi, hãy tạm khoanh lại đó đã. Thuyền đã bắt đầu lượn vòng vào Bắc Loan Đầu. Đảo Lò Hương hồng lên cái nắng sắp hết một ngày thứ năm của tôi trên đất Cô Tô. Ở hợp tác xã Bắc Loan Đầu, gấp lại hầu hết cả đoàn, từ hôm xé lè ra mỗi tổ đi một nơi. Trong anh chị em đều vui vẻ, người nào cũng như tìm thêm được triển vọng cho sự sống giàu đẹp của quần đảo.

Mặt trời lại rơi lên ngày thứ sáu của tôi trên đảo Thanh Luân một cách thật quá là đầy đủ. Tôi dậy từ canh tư. Còn tối đất, cố đi mãi trên đá đầu sư, ra thau đầu mũi đảo. Và ngồi đó rình mặt trời lên. Điều tôi dự đoán, thật là không sai. Sau trận bão, chân trời, ngắn bể, sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi. Mặt giờ nhú lên dần dần, rồi lên cho kỳ hết. Tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Quả trứng hồng hào thăm thảm, và đường bệ đặt lên một mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hửng hồng. Y như một mâm lỗ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ của tất cả những người chài lưới trên muôn thuở biển Đông. Vài chiếc nhạn mùa thu chao đi chao lại trên mâm bể sáng dần lên cái chất bạc nén. Một con hải âu bay ngang, là là nhịp cánh. Cánh hải âu Cô Tô huyền diệu trong sương thu vàng hồng gợi tôi vùt nhớ đến hải âu bên trời Liên Xô. “Hải âu”, tên một vở kịch của Sêkhốp đáng yêu. Và “Hải Âu”, bí danh của chị phi công Valangtina Têrêchkôva đáng quý, khi chị đi công tác vào vũ trụ liền trong mấy đêm mấy ngày.

Khi mặt trời đã lên một vài con sào, tức là lúc nó trở về sự bình dị hàng ngày, thì tôi đang múc gầu nước giếng đội lên đầu lên cổ lên vai lên lưng, nghĩa là tôi cũng đang đi tắm như mọi người lao động bình

thường đang tắm quanh giếng. Cái giếng nước ngọt ở dia một hòn đảo giữa bể cái sinh hoạt của nó vui như một cái bến và đậm đà mát nhẹ hơn mọi cái chợ trong đất liền.

Cái giếng nước ngọt đào Thanh Luân sớm nay có không biết bao nhiêu là người đến gánh và múc. Múc nước giếng vào thùng gỗ, vào những cong những ang gốm màu da lươn. Lòng giếng vẫn còn rót lại vài cái lá cam lá quýt của trận bão vừa rồi quăng vào. Chỗ bãi đá nuôi sáu mươi vạn con hải sâm ngoài kia, bao nhiêu là thuyền của hợp tác xã đang mở nắp sập đổ nước ngọt vào. Sau trận bão, hôm nay hợp tác xã Bắc Loan Đầu cho 18 thuyền lớn nhỏ cùng ra khơi đánh cá hồng. Anh hùng Châu Hòa Mân cùng bốn bạn xã viên đi chung một thuyền. Anh quẩy nước bên bờ giếng, tôi né ra một bên. Anh quẩy 15 gánh cho thuyền anh: “Đi ra khơi, xa lăm mà, có khi mười ngày mới về. Nước ngọt cho vào sấp, chỉ để uống. Vo gạo thôi cơm cũng không được lấy nước ngọt. Vo gạo bằng nước bể thôi”.

Từ đoàn thuyền sắp ra khơi đến cái giếng ngọt, thùng và cong và gánh nối tiếp đi đi về về. Trọng chí Châu Hòa Mân địu con, thấy nó dịu dàng yên tâm như cái hình ảnh biển cả là mẹ hiền móm cá cho lũ con lành.

**“HÔM NÀO BẮC NAM ĐÃ ĐƯỢC  
QUAN HỆ BÌNH THƯỜNG, ANH SẼ  
VÒ THĂM ĐÂU TRƯỚC HẾT?”**

Lý, Trần, Lê đều ở quanh chõ Hồ Tây. Lý làm ở Tổng cục Lâm nghiệp, anh em hay gọi là Lý Rừng. Trần ở Ngoại thương, tên thật là Trần Ngoại Hồi. Còn cô Lê thì công tác ở Liên đoàn Du lịch. Chủ nhật mà tốt trời, là tôi lên góc Hồ Tây này câu tôm với Lý, Trần, Lê. Do biết Lê mà tôi làm quen với Lý, với Trần. Chúng tôi, người nhiều người ít, người đi vùng này vùng kia, tất cả bốn người trước Cách mạng đều có ở qua khu Năm và Nam bộ.

Lý, Trần, Lê và tôi, mỗi lần gặp nhau ở Hồ Tây, thường hay có ý kiến về Nam bộ, về lối sinh hoạt thoái mái của Nam bộ, đặc điểm làm ăn và chiến đấu của Nam bộ. Cô Lê thì thao thao bất tuyệt về Sài Gòn. Tôi ngờ Lê đọc sách nhiều, nghiên cứu lịch sử khá kỹ về Nam bộ. Bà mẹ Lê là người Bắc, cũng như ông thân của Lê. Nhưng bà mẹ Lê đẻ Lê ở Sài Gòn. Mẹ

Lê buôn guốc sơn, buôn tơ và bán ở Sài Gòn, và ngồi ở chợ Bến Thành bán luôn các món quà Hà Nội, nhất là Cốm Vòng, bánh cốm nén. Lê sống với mẹ ở gần phố Huyện Sĩ. Nam bộ giành xong chính quyền Cách mạng, Lê lại theo mẹ trở ra Hà Nội. Từ đó, Lê ở luôn miền Bắc. Để thỉnh thoảng có ai nhớ Nam bộ, là Lê nhớ theo và bắt vào ngay: "Bao giờ lại có dịp đàng hoàng ngồi xe lửa tốc hành vô Nam, xe rầm rầm qua sông Bến Nghé, chõ cầu Bình Lợi mà vào ga Sài Gòn! Xưa rày là 50 cái chợ mà chợ Bến Thành mẹ em bán tơ Bắc là chợ to nhất. Em nhớ nhất là những tiếng guốc không quai của các chị gánh hàng rong trên các via hè Sài Gòn. Nay số chợ ở Sài Gòn tăng lên hay rút đi nhỉ! Hà Nội - Sài Gòn 1738 cây số đường sắt đi mất 40 giờ xe lửa tốc hành. Tàu thủy thì bốn ngày. Thẳng cánh chim bay thì chỉ mất có 1300 cây số và bay mất bốn tiếng. Hà Nội dựng được mươi thế kỷ, Sài Gòn dựng sau, tuổi mới chừng ba thế kỷ. Cũng như ông A-dong và bà E-va thoát sinh từ cõi phù sa sáng thế, thành phố Sài Gòn đã thoát thai từ một vũng lầy. Lầy bùn khô dần đi và từ bùn khô đó mọc lên những xóm làng, và là dựng lên trên đất của bốn chục cái làng đó. Tôi có xem một bản đồ Sài Gòn cũ gồm 400 nhà tranh tường đất do một sĩ quan Pháp đồ họa cách đây đúng 101 năm...".

Câu nói đó của Lê, Lê như thuộc lậu, mỗi lần Lê có dịp nhắc lại, người nghe cứ tưởng đâu như là Lê đang trích dẫn sách nào. Tri nhớ kém nhạy như tôi mà cũng đã nhập tâm được cái “Bài hát Sài Gòn” đó của cô Lê. Tôi càng yêu Lê, yêu như mọi người du lịch chân chính vẫn biết yêu những chị hướng dẫn có phong cách thuyết minh riêng về lâu đài sự tích và thiên thoại. Lê lai còn lo sau đây thống nhất Bắc Nam không biết có còn xe thổ mộ hộp quẹt đó nữa không nha! “Tôi sẽ phải bố trí cho khách du lịch của tôi tham quan Sài Gòn Lục Tỉnh bằng xe thổ mộ. Dúng, các vị nào ít thời giờ, vội, muốn dùng xe hơi đi thăm quan Nam bộ, Liên đoàn Du lịch chúng tôi vẫn sẵn xe. Nhưng phải đi bằng xe thổ mộ thông thả thì em mới cho là thấy đủ về đất nước quê hương trong đó. Và em xin nhận phục vụ những khách nào đi theo công thức xe thổ mộ”.

Lê về làm việc tại Liên đoàn Du lịch, say mê khoa văn sử địa, có nhiều xúc cảm lãng mạn về đời sống đã qua của ông bà tổ tiên mẩy mươi đời vô mờ đất miền Nam, nhưng cũng rất chí tình với thực tại trước mắt và, trong trái tim cô Lê thông tuệ, cứ thấy nhich lại cả một chân trời đầm thắm những ngày mai. Tủ sách Lê, khá nhiều bản nháp sử địa, xếp loại theo từng tỉnh. Đủ các tỉnh miền Bắc, cái đó không có gì lạ. Nhưng lại đủ cả các tỉnh miền Nam nữa. Cô Lê mở

rộng từ bây giờ cả một màng lưới du lịch cho miền Nam, Lê đã có sẵn phác thảo tranh áp phích du lịch Cà Mau, vẽ một xuồng máy lai dắt một xe thồ môt trên dòng kênh tua tua những rẽ được, trông như những càn trục bắt ra lòng sông. Lê còn có một lọ hồ và một cái kéo kẹp bóng loáng rất sắc. Đọc bản tin, thấy đoạn chiến đấu nào của phong trào địa phương, là Lê cầm kéo trích ra ngay, lấy hồ dán luôn vào hồ sơ riêng của tỉnh miền Nam đó. Lê đặt cái kéo, chặn mẩu báo cắt cho gió hồ Tây khói bay, và nói quả quyết với tôi:

- Tôi vẫn cho địa lý là quan trọng hơn lịch sử. Khoa học của lịch sử kích thích tinh thần Quốc tế và bồi dưỡng nhiều cho lòng yêu nước. Do có kiến thức lịch sử mà tâm lòng càng gắn bó với đất nước. Nhưng cái điều đó cũng dễ thành một ý niệm trừu tượng, nếu không có sự bổ túc của khoa địa lý. Muốn yêu đất nước Tổ tiên mình cho thật đầy đủ, thì phải đi bằng cả hai chân lịch sử và địa lý. Muốn thật yêu một vùng nào, một tâm lòng chưa đủ, phải có đôi chân nữa. Phải đích thân tới hẳn vùng đó, chân mình đặt đúng lên cái chỗ đó; mắt mình nhìn vào đúng cái không gian đó, mũi mình ngửi đúng vào cái thời tiết chỗ đó. Địa lý có tính cách cụ thể hơn lịch sử. Không có sự phối hợp của địa lý, mà chỉ có toàn lịch sử thôi thì khác chi thấy cái bóng rồi mà chưa lần ra cho hết cái hình.

- Tôi chưa rõ ý cô Lê muốn nói chuyện gì ở ta đây.

- Chính là chuyện thời sự ở ta đó, giọng Lê hơi xâng. Tôi cho hạnh phúc thế giới là, trong nhân loại, giữa những dân tộc hàng xóm láng giềng với nhau về địa lý, luôn luôn có sự nhất trí về địa lý và lịch sử. Ví dụ như Ba Lan, và Nga láng giềng về địa lý và cũng là dân tộc Xla-vơ. Phong kiến hai nước đã đánh nhau. Nay hai nước đó đã nhờ chủ nghĩa cộng sản giải quyết tốt cho nhất trí về địa lý và lịch sử. Nói riêng về nội bộ Việt Nam ta thì đang có sự mâu thuẫn nặng giữa địa lý và lịch sử. Đứng về địa lý mà nhìn thì Bắc và Nam của ta là một khối toàn vẹn lãnh thổ không chịu được sự chia cắt nào. Nhưng đứng về lịch sử, thì từ 1954, bị tạm thời chia cắt. Nay đấu tranh thống nhất Tổ quốc cũng là cuộc đấu tranh để nhất trí lại về sử địa nữa.

- Chuyện mâu thuẫn Bắc Nam chúng ta do đế quốc Mỹ gây ra, tôi cũng giống chị về cách nhìn địa lý bị cắt đôi ra đó. Còn về cái điểm chị nói rằng địa lý giúp người ta yêu thương đất nước có tác dụng hơn là môn lịch sử, có lẽ ý kiến tôi có chỗ khác với chị đó.

- Thế anh có đồng ý là địa lý dề cụ thể. Mà môn lịch sử là dẽ đi vào trừu tượng, đi vào khái niệm không nào?

- Lịch sử cũng rất cụ thể chứ. Tôi biết rằng ở miền Bắc hiện nay có rất nhiều người chưa hề đặt chân tới khu Nâm và Nam bộ, cả đời chưa bao giờ biết mùi

Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn là gì cả. Nói như cô Lê thì cả miền Nam đó rất dễ thành trùu tượng với họ. Nhưng tôi lại thấy khác. Mặc dù là bước chân họ chưa đặt tới đó một lần nào, ngày nay trái tim họ vẫn cảm thông sâu sắc với gian khổ thiếu thốn của con người miền Nam, và phần khởi trước mỗi chiến công Tây Nguyên hoặc miền Tây Nam bộ. Đọc báo nghe tin có 222 cố vấn Mỹ bị giết, 102 cố vấn Mỹ bị thương, còn 4 cố vấn Mỹ bị bắt sống tại miền Nam, riêng năm 1962, những con người chưa biết khu Năm Nam bộ đó đều vẫn hào hứng không kém bất cứ ai đã từng sống rồi với hoàn cảnh trong đó. Phải thế không, cô Lê? Thông tin, truyền thanh, báo, sách tranh ảnh và phim giúp mọi người gắng đi vào khía cụ thể của tình hình miền Nam. Phim Mặt trận Giải phóng miền Nam càng chiếu trên màn ảnh miền Bắc càng bổ túc cho người ta về mặt cụ thể của mọi tin tức trong đó. Bằng mọi cách của khoa học, ta ngày càng cố gắng về tin tức và hình ảnh để giúp mọi người thấy rõ bước lịch sử trong áy mỗi tuần mỗi tháng hình thành tới đâu...

Chuyện mới tới đó thôi, thì Lý Rừng và Trần Ngoại Hồi ập vào, cái ống bơ đầy giun sống và tép con. Mà thôi, đi ra hô, câu tôm cũng vui. Chuyện bỏ dở thì lúc khác sẽ tiếp. Vả chăng, cũng là vấn đề lớn, làm sao mà xong được ngay.

Bữa câu tôm áy được nửa rổ con, cả bọn xoay ra rán bánh tôm. Chủ nhật, ăn bánh tôm Hồ Tây, lại cùng nhau nói chuyện miền Nam, gỗ rừng miền Nam. Lý Rừng kể chuyện xưa kia còn đi làm cán sự Kiểm lâm thời Pháp thuộc đóng ở Năm Căn Cà Mau, cả vùng này là nhà đất một tầng, chỉ có sở Kiểm lâm là có nhà gác. Gỗ được sáu tháng ngâm nước mặn rồi, làm cột nhà rất tốt. Được to, có cây đường kính một thước tây và cao tới ba chục thước; luôn vô rừng được, không thấy bóng mặt trời. Rễ được tảo xuống như rễ cây đa, như cái nơm to úp xuống bùn cá, như cánh tay cán bộ bám lấy đất mới và níu lấy dân chài dân đồn, và các ông tiều làm cùi. Năm Căn lúc đó là nơi của chủ tỉnh Bắc Liêu đặt làm tòa đại lý. Năm Căn là một thị trấn, là một cái chợ ngoi lên từ bùn mặn, từ biển bồi, cũng như cả huyện Cà Mau đó là một món quà phù sa của sông Cửu Long tặng riêng cho Nam bộ. Tôi cũng đánh bạo nói góp chuyện Cà Mau:

- Đất phù sa bồi từ lâu, đến chín mươi thế hệ và hơn thế nữa. Có chỗ phải đào sâu tới gần hai trăm thước mới xong cái giếng nước hiền nước ngọt. Thông thường là giếng cứ phải đào sâu hàng trăm thước một. Cà Mau có tới ba trăm cây số kênh rạch mà con người ở đây vẫn luôn luôn khát nước. Cho nên lòng thør thảo của người dân Cà Mau đối với anh cán bộ nó lõi rõ nhất ở cái bát nước ngọt múc ra từ chum nước mà

mời nhau giữa mùa nắng. Quý lăm. Có khi là hứng nước mưa để dành. Có khi là đi lấy từ ngoài đảo Hòn Khoai về. Hồi chưa Cách mạng, có những chủ ghe đi buôn nước ngọt từ Cần Thơ, Bát Sắc chờ đầy lòng ghe đem về đổi bán khắp Cà Mau.

Từ thời chúa Nguyễn vua Nguyễn, Cà Mau là một vùng bùn hoang để phát vãng những người vốn không uốn theo được vào cái trật tự của các thứ vua. Cái việc đầu tiên họ làm ở chỗ hết trời hết đất đó, là thổi đốt lên một hòn than để đốt cháy đi cái vết chàm triều đình thích hai chữ tội đồ lèn mặt lèn trán họ. Cho tới lúc đốt được hòn than đỏ đó, họ ăn cá sống mà đợi sự sống. Côn Đảo ngày lại đầy thêm người dạt về. Khi thì là một anh lính thú chăn ngựa cho nhà vua, bị dạ dày và trái tim hành hạ quá mà đành liều buông mình theo một cái bè mà đi tìm tự do theo cái đà sóng biển vỗ. Khi thì là một cung nữ trong số cung quyền nhà vua ký ở ngoài đảo, trong lúc vua chưa ở ngôi, còn lo chạy giặc Xiêm, và nhất là chạy đòn Nguyễn Huệ. Mặc dù là chuyện mây chục đời rồi, tại sao ta lại không có thể nghĩ rằng, trong một số bà con mình trong đó đang đánh Mỹ hăng say, lại không còn chảy trong máu họ một tí gì của cái huyết mạch ly cung và xồng ngực gần hai thế kỷ trước đây? Cà Mau từ xưa vốn là một nơi sơn thủy không bình thường.

Tới Nam Kỳ khởi nghĩa, Cà Mau là nơi tiếp nhận và nuôi giấu cán bộ võ phong trào chạy xuống. Hồi Gióneo ngừng bắn, Cà Mau là địa điểm tập kết ra Bắc. Hồi kháng chiến, Cà Mau là một nơi căn cứ địa. Đế quốc Pháp đã thả xuống bùn Cà Mau hàng tấn hàng tấn truyền đơn kêu ta đầu hàng. Ta liền rút súng vào rừng U Minh bắn lên tàu bay và truyền đơn Pháp, và Pháp đã đầu hàng. Đế quốc Mỹ nhảy vào, du kích Cà Mau già dặn chiến đấu và có lý luận chiến tranh ấy lại vẫn dựa lưng vào sóng ba biển mà đánh lối bối thủy, tin chắc rằng câu nói lịch sử cuối cùng của mình phải là cái bản thông cáo về sự cờ giáp của đế quốc Mỹ. Nay Cà Mau đang là đất sa lầy của Mỹ cơ giới, và là đất lập công của chiến tranh du kích. Không ngày nào không đêm nào mà Cà Mau không cưa quây. Cái quây cưa này hiểu theo chính trị, hiểu theo nghĩa chính trị kết hợp với đấu tranh võ trang, hiểu theo nghĩa của lịch sử đang làm ra đó, vẫn là đúng. Mà hiểu cái cưa quây đó, theo nghĩa địa lý địa hình chưa ổn định vì là đất trẻ, cũng càng là đúng. Cả tỉnh Bặc Liêu (của địa chủ ô tô chạy nửa ngày xe mà chưa qua hết phần ruộng tư hữu cá nhân nó), là tặng phẩm của sông Cửu Long dành riêng cho Nam bộ, là một vùng đất trẻ đất bồi, và hiện hay huyện Cà Mau chưa ngừng cái sự bồi chất bồi đó. Nhất là chỗ mũi Cà Mau. Chỗ này lạ lẫm. Bùn ướt, nước đặc,

muối loãng, và trời cứ ong ong tai tái mịt mùng. Bờ phia Đông thi lở vì sóng bể Đông. Bờ phia Tây thì bồi. Sóng dồn vào mà mỗi ngày mỗi thêm bãi bồi. Cái đầu mũi Cà Mau càng ngoặt về phía Tây đó. Thủ tướng Phạm Văn Đồng nước ta có nói một câu nói gợi rất nhiều: "Mặt nước ta hướng về phía Tây". Tôi muốn thấy thêm: Mũi Cà Mau như ngón chân cái, và ngón chân cái chưa khô bùn vạn dặm đó cũng trở về hướng Tây. Dáng điệu Tổ quốc ta như thế cũng là rõ rồi.

Lý Rừng tỏ về lý thú về những hình tượng nêu ra. Cô Lê im ả nhưng trong đâu chắc đang tổ chức ngầm một vài chuyến du lịch xe thô mộc tưởng tượng ở vùng bãi vùng biển Cà Mau xa xa đó.

Tôi vẫn nói tiếp:

- Cuộc càn man rợ tại huyện Cà Mau mà Mỹ Diệm gọi là chiến dịch *Sóng tình thương* (?) dưới sự điều khiển của tên quan năm thủy quân Hồ Tân Quyền vào dịp Tết dương lịch năm 1963 này, là gì, nếu không là một cách của Mỹ Diệm giải quyết nạn khan cùi cho vùng tạm chiếm Sài Gòn Chợ Lớn. Mỹ Diệm mở "Sóng tình thương" vì nhiều lý do khác, nhưng có cả cái lý do bí than cùi tại Sài Gòn và các đô thị khác. Mà con mụ Lê Xuân lại là người thâu than cùi. Một tạ ta (60 ký) mụ bán tới 150 đồng. Xưa nay, vùng Cà Mau vẫn được cái vinh dự mang tên là "lo lửa" cung cấp chín

phân mười tổng số than hoa cho cả Nam bộ. Trước Cách mạng có 838 lò than của Hoa kiều, và ghe của chủ lò, có thuyền than đậu ở cửa sông Bảy Háp chờ tới 80 tấn. Chờ về Sài Gòn Lục Tỉnh và còn lại xuất cảng đi nữa đi.

- Về nạn thiếu than củi cho các thành thị Nam bộ, tôi nghe nói nó có chờ than ở mỏ Nông Sơn từ ngoài Quảng Nam đưa vào anh Nguyễn à.

- Đúng đây. Mỹ phục hồi cho Diệm xe lửa tại miền Nam để chuyển quân chuyển súng ra tháu Đông Hà, nhưng cũng mở thêm đầm chục cây số đường mới từ ga Ba Ren, cách Đà Nẵng 9 cây số, cốt để đưa than khu Năm vào gỡ cho Sài Gòn bí than nấu đó anh Lý à.

- Nói đến than được Cà Mau nghe mà nhớ Nam bộ quá đi anh! Cái thứ than chè ra, nó đen ánh như than đá, và lửa nó liu riu lách tách và xèo xèo các thứ tôm cá Cà Mau đem nướng lên. Nói đến Cà Mau, phải nói đến than được, và những luồng khói trắng của lò hầm than. Và những hình lêu nghêu chòi củi xếp trên sinh bùn, một thứ bùn phù sa quánh lại, vì tôm cá cả ươn chết rồi lẫn những con còng tươi nhảy. Cà Mau xanh xanh và đen đen. Xanh xanh rừng được, rừng tràm, rừng vẹt. Và đen đen màu đất. Cát mũi và bờ Cà Mau đen đen. Nước kênh nước rạch cũng đen đen, và đặc

sệt như nước chè quặng. Những nơi đất khô của Cà Mau cũng một màu đen ái như thứ áo quần đen bạc màu vải gần rách. Mặt đất là một thứ than bùn có chồ dày tới một thước tây, mùa nắng vỏ, vô ý quăng tàn thuốc xuống là mặt đất cháy theo liền. Nó cháy có khi hàng hai ba tuần, nếu không tìm ra đầu mối lửa ngầm mà chữa cháy. Cứ như vậy mà khói bay hoài bay hủy. Cà Mau lại quanh năm lộng gió, gió Đông, gió Nam, gió Tây đều là gió biển gió mặn, và gió lừng nồng lên mùi tôm vị cá. Ở đất Cà Mau là đất chim sa cá nhảy. Chim sa lầy, và cá vương trên cành cây rừng, lúc thùy triều rút đi. Bờ sông bờ rạch xanh rì những lá vẹt lá đước và cánh tay đước bám bùn. Và trên sông đước tươi đó, là bóng những đoàn thuyền than đen chở xác đước đi các nơi xa.

- Buồn cười nữa, là có thằng nhà báo Mỹ đi theo các đợt nó càn Cà Mau, lại ví rừng U Minh với một vùng nào ở phía Cực Tây của Hoa Kỳ. Nó lại còn nói bùn nơi sông Cà Mau có cái gì gợi đến bờ sông A Ma Dôn (!).

- Chà, rừng U Minh muỗi không chê được, nhưng mít ong thì cũng không đâu bằng. Rừng tràm đó, thiếu chi hoa cho ong nó làm mật. Mật, sáp ong, hươu, hổ, lợn cỏ, khỉ vượn, tê tê. Thiếu chi loại rừng. Và thiếu chi loại biển. Le le, cốc, sếu, bói cá, cuốc, cú, cắt, rẽ giun, hải âu, và cò văn tự, thứ cò trắng bay hàng

ngàn con làm chói sáng lên mặt bùn đồng lầy. Lại còn cù cái bắp đùi, và đưa hấu đỏ vàng cúng Tết.

- Mà Cà Mau là một đất dữ, - dữ hiểu theo nghĩa khí phách con người. Cà Mau chính là cái nơi nuôi dưỡng phong trào từ cái hồi Nam Kỳ khởi nghĩa 40. Bon Mỹ quân sự nay càng thúc thăng Diệm đánh phá vùng này. Nay anh Lý! Anh có biết chùa Cao Dân ở Cà Mau không!

- Trước tôi có ở Cà Mau, nhưng để tâm vào rừng, ít biết đến chùa chiền Cà Mau. Cho nên cũng không rõ chùa Cao Dân đó là mới cất hay là đã có từ trước Cách mạng. Nhưng mà có chuyện chi đó về chùa Cà Mau?

- Trong phong trào Đức Phật từ bi rời tòa sen xuống đường, các phật tử toàn miền Nam bỏ chùa đi đánh Mỹ đánh Diệm áp bức tôn giáo và tín ngưỡng, đã có cả máu của sư sãi vùng Cà Mau nữa đó. Máu đã chảy trong chùa Cao Dân Cà Mau. Mỹ Diệm cho 300 quan lính công giáo bắn đại bác súng cối vào chùa. Trong chùa Cao Dân, mấy trăm sư sãi và phật tử đang làm lễ nhập hạ. Lối chừng hai ba chục người tụng kinh Phật đã chết ngay trong sân chùa. Hình như chùa Cao Dân ở phía gần Thới Bình phải không? Anh Lý có biết chỗ lối xóm Thới Bình?

- Ngã ba Thới Bình huyện Cà Mau tỉnh Bạc Liêu, sao tôi lại không biết! Thới Bình là chỗ ngã ba rẽ đi rừng U Minh.

- Tôi muốn nói tới mặt khác của Thời Bình. Trong ám mưu càn bình Cà Mau, ngày nay Mỹ thúc Diệm lập nhiều đồn áp ở vùng cực Nam này, và Thời Bình đã được nâng lên thành một chi khu quân sự của nó. Mỹ chụp lia lịa ảnh và phim Cà Mau, nghiên cứu kỹ lưỡng về việc tiến quân vùng sinh lầy Cà Mau, và có so sánh với vùng sinh lầy Dia Rông bờ biển Cu Ba mà nó đổ bộ thất bại trước đây. Trong số bếp Mỹ, cai Mỹ, thăng quan ba Mỹ đền tội ở chiến trường Nam nước ta mà báo Mỹ hay đăng tiếu sứ lâu nay, trong số đó, có thăng đã lấy xác ra mà bón cho rừng đước Cà Mau. Chó béc dê Mỹ cũng có một số sa lầy trên bùn Cà Mau và tắc thở dưới thủy triều Nam bộ dâng lên, Du kích Cà Mau ngày nay đang phấn khởi "Thi đua Ấp Bắc". Chỉ một tổ ba người săn trực thăng ở Tân Hưng Tây đã bắn lui cuộc tấn công của 15 trực thăng và hạ một chiếc. Trên tuyến sông Cái Tàu, Biện Nghị, Rạch Sop, du kích thu cơ man là súng đạn Mỹ, cánh quạt trực thăng Mỹ, mũ Mỹ, lon sao Mỹ, và giải thoát ba bốn ngàn bà con nông dân mình làm rừng làm biển Cà Mau bị nó dồn vào trại tập trung. Tháng tư vừa qua, Thời Bình nổ súng liền hai đêm tiêu diệt luôn 5 đồn Mỹ cầm cờ Diệm, bốn năm chục thăng mất tích và 180 thăng bị tiêu diệt. Cùng tháng tư đó, du kích chiến tranh Cà Mau hiện lên dưới một hình thái mới, độn thổ trong bùn vẹt bùn đước mà bắn đắm bắn hỏng

gần 100 tàu thủy Mỹ. Những đoàn giang đình hải đinh Mỹ này chở lính chở tre, gỗ, gạch, đá, xi măng đi xây bốt xây áp chiến lược. Nó vào kênh Xáng, nó đi về quận Cái Nước, nó về đồn Bầu M López. Ta bán tàu, tàu Mỹ có chiếc chạy trốn được nhưng gần năm chục xác địch thì chỉ chạy xuống được đáy bùn sông mà chết thôi. Kỳ tháng sáu vừa rồi, đêm mùng ba dù kích phá luôn một lúc bốn áp chiến lược, như áp Bà Nội, áp Bà Đặng, áp Hai Ngó, áp Bầu M López. Rồi đốt veo 6 trại lính Diệm và nhà cai Mỹ đội Mỹ, bừng đì bốn cây số hàng rào nhọn, và cao bằng đì 12 ngàn mũi chông. Chao ôi, bà mà Năm Căn của chợ tập kết 300 ngày, cái bà mẹ Cà Mau định gửi hũ mắm ra biếu cụ Hồ và định gửi cây đưỉc ra biếu thành phố Hà Nội trồng nó đúng vào chỗ Tháp Rùa, bà mẹ đó ngày nay đang làm công tác gì quanh chợ Năm Căn? Chợ Năm Căn nay cũng thành một chi khu quân sự nứa của địch. Nhà ngục Năm Căn giam 200 tù chính trị Diệm vừa chuyển tới theo lệnh Mỹ. Đầu tháng sáu vừa rồi, đồng bào Năm Căn liền giúp 47 người tù đó vượt ngục. Tôi tin là có bàn tay bà má Năm Căn - trồng cây đưỉc Hồ Guom, nếu bà má Năm Căn của chúng ta vẫn còn chung sống quanh chợ Năm Căn.

- Anh Nguyễn gợi chuyện gần đây của Cà Mau làm tôi càng nhớ nó quá. Lâu không vào đó, quên hết cả đường đất xa gần.

- Sài Gòn về tới huyện ly Cà Mau, lõi hơn ba trăm cột số chi đó. Lại từ đó xuống tháu đầu mũi Cà Mau, tức là chỗ xóm Ông Trang và xóm Mui đó, thêm một trăm rưỡi cây nữa chứ mấy!

- Anh Nguyễn có ở Sài Gòn và Cần Thơ, cái đó tôi biết rồi. Nhưng anh về Cà Mau năm nào?

- Tôi chưa ở qua Cà Mau một lần nào.

- Thiệt hay là đùa?

- Nói bằng thật đó. Chưa lần nào biết Cà Mau, riêng huyện Cà Mau và cả cái tỉnh Bạc Liêu nhiều đai địa chủ nữa.

- Vậy chớ sao anh nói về Cà Mau, anh nói giỏi và hay như vậy! Tôi cứ yên chí là trước đây anh có yêu một cô nào ở Cà Mau, được chị Cà Mau đó thương lại, luôn luôn đi đi về về trên dòng kênh lòng rạch đó, nên ngày nay nhắc tới cái vùng mênh mông xa xôi đó mới đậm đà được như vậy!

Tôi liền quay sang phía cô Lê mà trả lời câu của Lý Rừng:

- Tôi nhắc lại là tôi chưa bao giờ đặt chân tới Cà Mau. Chỉ có từ hòa bình Gio-neo là tôi mới để ý tới. Tôi đọc báo hàng ngày hàng tháng. Tôi hỏi chuyện các bạn tập kết. Tôi đọc sách ta sách Tây. Với sự tưởng tượng quen thói của người hành nghề văn xuôi, tôi hình thành trong tâm óc tôi một thế giới Cà Mau. Sau

này, có dịp vào mũi đất bối Cực Nam đó, đứng trên thực địa mà so sánh lại với sự tường tượng hôm nay, tôi ngờ rằng có thể sai về chi tiết và nhân sự, nhưng về cǎn bǎn cũng sẽ không có gì hỏng lầm. Tôi diễn tả một vùng Cà Mau tôi chưa đến bao giờ, anh không nỡ mang mà lại còn ban cho lời khen, tôi thật là lúng túng. Riêng với cô Lê, tôi muốn nói thêm rằng trong điều kiện không bình thường của lịch sử, thì lại phải dựa vào lịch sử mà giải quyết cho địa lý. Không cứ nhất thiết phải trực tiếp vào địa lý một nơi đang làm ra lịch sử đó mới thấy được lịch sử. Riêng về địa lý, có dịp đi thăm Cà Mau thì còn gì tốt bằng! Nhưng nay chưa thông nhất, ta chưa đi Cà Mau được, thì lấy tình cảm chính trị mà vận dụng vốn văn hóa trong mình ra để thấy cho bằng được sắc thái con người và sự việc những vùng mình chưa tới. Lòng thương của chúng ta đối với Cà Mau, lòng thương đem đặt tới đó tức là tới chỗ hết trời hết đất rồi. Mặc dù chân mình chưa trực tiếp với cát với sông với rừng rẫy trong đó, nhưng lòng mình đã giao cảm rồi với những trang sử mới đang hình thành ở chỗ đất thiêng Cà Mau đó.

Cô Lê nhìn tôi dịu dàng. Vẫn không quên công việc chuyên môn của mình, Lê hỏi tôi:

- Hôm nào Bắc Nam đã được bình thường quan hệ thì anh sẽ vô thăm đâu trước hết?

- Tôi xin đi thăm ngay mũi đất Cà Mau ta đang nhắc tới đó.

- Anh không muốn thăm Huế, thăm Sài Gòn hay sao?

- Dĩ nhiên là có thăm Huế và Sài Gòn, vì rằng thế nào mà lại không qua những nơi đó. Có lẽ trên đường về, tôi mới dừng lại lâu hơn tại hai nơi đó. Còn lúc đi, sao cho sớm tối được mũi Cà Mau thì tôi thấy phải hơn.

- Như thế, chắc anh không dùng xe thổ mộ?

- Cũng có thể lúc nào đó thì dùng xe thổ mộ. Cũng có thể là có đoạn phải xin trực thăng đã cái tạo hòa bình mà đi một số nơi. Chắc rồi cũng đồn dập lắm. Và phải đi lanh lén mà nhìn nghe cho kịp với lịch sử sang trang. Sự việc hằng ngày giờ hợp lưu cũng chóng mà nhòa trôi đi cũng mau.

## HUYỆN ĐẢO

Cả một vùng biển Vân Đồn cứ theo gió bắc như thế mà âm âm sôi bụng mây buổi liền. Bãi ướt vắng cả đến những bóng gầy của người đi bắt sa trùng (xá xung) càng làm cát trắng Vân Hải tăng thêm độ nhớ và nỗi minh. Đêm đảo về sáng, những gốc cùi lấy từ bên rừng Vân đó cháy như không bao giờ có thể tàn được; tiếc cái đống lửa đảo Vân mà thành ra như người mắc bệnh không ngủ, tôi nằm xuống ngồi lên nhại đúng cái dáng và cái tâm một gã si đang hờn với một cái hẹn sai nào. Gió mùa Đông Bắc vẫn lùa gốc lửa bùng và dựng dậy sóng biển ngoài. Trong tiếng lửa trong mùi gió trong hơi sóng, đã trở về quanh đây tất cả cái tấp nập nhộn nhịp cái dẻo bền cái năng động đáng yêu của đồi Trần. Trong sóng đứt chân và gió bắc mùa còn nghe rộn lên tiếng xáp trận của thủy quân ta đánh đắm các thứ Tàu Ô Nguyên Mông. Nhà hải học phương Tây ngày nay khẳng định rằng con sóng kia kia đứt chân và bạc đầu ở cái bờ của anh là một con sóng đã khởi nhô lên cách anh 9.000 cây số

và cứ từ khơi xa như thế mà toài vào cho tới mình anh, đúng như người phương Đông thường nói rằng “Bốn bể cũng là anh em tất”. Bao la không gian và nỗi nhấp nhô đều khoảng của một con sóng là như vậy, tại sao về thời gian, một người Việt Nam yêu nước lành mạnh và bình thường ngồi ở đảo Vân Hải này lại không nghe được cái tiếng chiến thắng ngoại xâm cũng ngay trên biển trên đảo đây dội vọng về từ cuối thế kỷ XIII? Đây dấu sao cũng chỉ là cách nói của một người thao thức trên cát Vân Hải, chứ làm thế nào mà ép được con người ta cứ phải nghe cho được tiếng sóng đời Trần, khi lòng người đó chỉ đang bận về những gì những gì ở mái đầu mái đầu. Sử sách người xưa gọi thương cảng Vân Đồn đây là “chỗ phồn hoa tại trán ngoài”. Trong gió giật trong sóng vấp, lại còn thấy như i ôi lao xao giọng lính thú của Vương Trần Khánh Dư tranh nhau mua nón Mā Lôi ta (hình như là tên thật của làng Nhội trong đất liền) kè trả một tiền kè trả một tấm vải, - tranh nhau đội nón mới - lệnh trên vừa xuống cho trang Vân Đồn là “quân đóng ở Vân Đồn để giữ giặc, không nên đội nón của phương Bắc, trong khi vội vàng, khó lòng phân biệt”. Trận Vân Đồn năm 1288, từ sa trường Vân Hải đây kéo qua biển đảo Ngọc Vừng mà vào thấu trong biển Lục (qua chỗ phà máy Bai Cháy, Hòn Gai ngày nay) đã tiêu diệt tổng hậu cần quân Nguyên Mông, và

vùng biển đây đã góp phần oanh liệt vào việc quân vương Trần tổng kết ba lần chiến thắng ngoại xâm Hốt Tất Liệt. Bấy giờ Nguyên Thế tổ Hốt Tất Liệt đã 78 tuổi, định cất quân sang nữa để rửa cái buồn còn vương trên bến ngọt Hàm Tử Chương Dương và trên bến mặn Vân Đồn Cửa Lục. Vua cha giận rồi vua cha chết và vua con là Nguyên Thành tông thấy có sang ta nữa cũng chả ăn gì, nên cũng thuận cho ta thông hoà; và bên ta thì lại được đưa đều đều các thứ ngà voi, ngọc trai, sừng tê vân vân sang bên ấy, như chẳng có gì đã xảy ra cả. Ngôi bó gối lăng lừa biếc gốc rừng Vân về sáng đang reo trong gió bắc, thấy yêu thêm thơ tướng vương Trần Quang Khải. May câu chữ Hán đó “Thái bình tu nỗ lực - Vạn cổ thử giang san” tôi muôn xin phép Vương mà hiện thời hóa nó ra câu dịch như thế này:

*Gianh được hòa bình càng cố gắng  
Cho non nước đó ngàn ngàn thu*

Chập chờn hết mấy đêm trên sa trường Vân Hải xưa cùng nay, thấy gió lòng quê lộng mãi lén hờn bất cứ thao thức nào đã đu đưa mình bao năm qua các triền núi quẩn gió lũng trong đất liền. Lại tự hỏi mình một lần nữa xem Tổ quốc ta là ai? Là gì? Là những cái gì? Là thuộc tính nam hay chất nữ? Thương ta hay nói tới Đất Nước Ông Bà. Sự nhớ lại tích xưa một trâm tr匡 rồng, năm chục con theo me lên núi mà

phát triển, và nǎm chục con đi theo cha ra phia biển. Vậy thi mấy phen ra Cô Tò Vân Hải đây, kẻ hàn sī này là theo mẹ hay là theo lèt cha? Không nên bày vấn đề ra như vậy thì phải hơn, bởi vì núi với người trong đất liền chúng ta vẫn yêu, và đảo với người miền biển chúng ta hằng vẫn quý. Và càng thấy rõ cái diều bình thường này: trong bờ cõi mình, ta có đi đến thiên sơn vạn thủy, có đi tới sơn cùng hải tận, thì đâu đâu cũng là Đất Nước Ông Bà. Đất nước mình có núi, có sông lở, có biển bồi, có đảo, có nhiều đảo. Riêng huyện Vân Đồn (tên cũ đáng yêu của huyện Cẩm Phả bày giờ) có trên sáu trăm hòn đảo lớn nhỏ, chia làm ba quần đảo. Biển là một đặc ân mà trời đã dành cho đất nước ta vậy. Biển nước ta dài vài ngàn cây số bờ, kéo từ cái bãi cát đầu Sa Vỹ xuống tới Cà Mau bùn cát, và vòng lên hết bờ núi Hà Tiên trong cực Nam kia. Thật ra không phải chỉ riêng mình ta có biển, nhưng cũng đừng nên quên rằng cũng khá nhiều Tổ quốc không có một tí bờ biển nào.

Lại nhớ chuyện đoàn đại biểu chiến sĩ thi đua Tây Bắc đất liền toàn núi rừng lắn áy được đi tham quan bờ biển miền Bắc. Cán bộ Kinh giảng cho chị Mèo của hợp tác xã rèo cao răng muối ăn là lấy ra từ lòng cái biển đang vỗ sóng trước mặt, nước biển bao la áy cho nó vào nai muối, sau vài kỳ nắng nở, cào ra thành muối hạt trắng phau, đóng thành bao cho lên xe tải.

cho lên lưng đoàn ngựa thô, và cuối cùng cho vào kho vàng trăng mậu dịch dựng ở lưng chừng đỉnh núi Mèo chót vót đáy. Sóng khơi và gió trùng dương đang dội mạnh vào lòng vào phổi vào tâm một cô Mèo ái quốc đang mím hai cánh mũi dọc dừa lại mà sợ biển ta, sợ hiểu theo cái nghĩa quý mến kính trọng và gắn bó với Đất Nước Ông Bà thật là muôn vẻ - cứ ở mãi tít trên núi cao núi xa thăm thì cũng chưa nghĩ rằng biển của Tổ quốc mình giàu có đến như đang bày ra trước mắt. Đến cái hôm đáng nhớ ấy trong đời mình thở đều leo dốc núi trong sâu tít đất liền, chị Mèo xâ viễn núi mới biết rằng trong người mình, bất kể là dân tộc nào, đều có mang nặng một cái tiền thân biển cả. Từ vạn vạn thế kỷ, sự sống động vật bắt đầu từ hô hấp bằng đôi mang rồi tiến lên thở bằng hai lá phổi, bắt đầu từ rốn biển rồi tiến dần vào đất liền. Biển cả là cái nôi gốc gác của Con Người. Thở ra hít vào nhịp đều đều, trong lòng chúng ta hằng diễn ra một thứ thủy triều nó gọi mình không thể không bằng khuông với một tuần trăng lịch con nước của biển cả thở lên thở xuống theo một tuần nhịp cũng đều đều. Trong cấu trúc cơ thể ta trong hóa hợp thân hình ta, có tới bảy mươi nhăm phần trăm là nước muối mặn. Đến lượt chị Mèo y sĩ mở cẳng đôi mắt voi với những mây cùng núi sâu xa, khi đồng chí phó đoàn tham quan bảo rằng một mét khối nước biển lọc ra được 35 cân muối

trắng và, nếu vua Thủy Tề hôm nào động cõm mà dâng nước biển lên cho thấm hết mặt toàn cầu, biển toàn cầu thành một bình diện ruộng muối thì muối đóng khô bất cứ nước bé nước lớn nào, nước nào cũng đều sẽ quân bình mà hưởng không 150 mét hạt muối, tính theo chiều cao của lớp muối đọng. Lòng người bộ hành muôn thuở trong đất liền rèo cao mang nặng một nỗi nhớ thương biển cả, nhất là vào những chặng dang sơn vượt các thứ cổng giới đứt ruột con ngựa tùy thân, mồ hôi vã xuống muối trong lòng toát hết ra ngoài da, cho nên phép giải khát đúng nhất của kẻ đi núi đường trường là càng khát càng nên uống muối. Có hạt muối nạp vào, đôi chân chuạch choạc bùn rùn trên đá tai mèo, bỗng hối sức và song song nước bước đều đều như một đôi câu đối đã trở lại đủ hai vế đăng đối: núi trong cùng là bể ngoài.

Mặt trời bể Đông đứng bóng rồi xế bóng mà gốc lửa rừng Vân của tôi vẫn cháy rực màu mai cua chín tối, chúng tôi bỏ lửa mà tìm đường lên núi. Cao điểm của xã Quan Lạn đây (Quan Lạn hay Quan Lan?) là ngọn đồn công an vô trang. Từ trên đồn nhìn ra bốn phương tám hướng của khu vực Vân Đồn. Máy buối trước đây mù sương dày đặc, nhưng gió bắc vừa quét quang vùng trời này. Nay trời, núi, biển cùng đồng đều một sắc thiêng quang. Có những tiếng nổ dữ tướng như tên lửa đang phóng lên, nhưng đây chỉ là những

tiếng mìn mỏ Cát Phá mở rộng khu than lộ thiên trên đất liền. Tiếng nổ dội ra các núi quần đảo đi thảng đường chim bay, âm vang trên nước biển, nghe sao thấy gần quá. Nhìn xuống một toàn cảnh năm xóm nhà tọt bát úp, lung linh nhấp nhánh bốn trăm sân phơi cùng bốn trăm nóc ngói. Hoàng hôn Vân Hải đúng là một lăng hoa nổi bènh trên sóng biển mè hiền. Vui biết bao cho cơ thể Tổ quốc khi tế bào của Tổ quốc lại hiện lên dưới dạng một bồng đảo nhấp nhánh trong nắng xuân động sóng chiều Quan Lạn này. Ông chủ tịch xã, đồng chí Từ, anh bạn vô trang của sư đoàn đánh đường số 4 những năm kháng chiến I, cho tôi biết rằng chỉ một lúc nữa thôi, chờ mặt trời ngâm sâu xuống đất liền, thì sẽ nhận thấy vầng điện quang của tỉnh Hải Phòng công nghiệp. Núi gần núi xa, đảo gần đảo xa rủ nhau cùng xuống màu. Riêng sóng chồ Cửa Vạn Tài chéch chéch tay trái là còn bắt được nhiều tia sáng cuối cùng của một buổi chiều xuân đang còn vương cái dư vị của Tết vừa qua. “Áy, mai các đồng chí về huyện ủy tổng kết chuyến đi Cô Tô Vân Hải, là phải qua Cửa Vạn Tài áy đây. Đồng chí Được thuyền trưởng giao thông, người rất vui tính, trước có đóng ở Cô Tô lớn rồi mới chuyển sang làm xã viên Quan Lạn. Huyện đảo nhà có ba tuyến giao thông đều kỳ, buồm lái đều do người các hợp tác xã chịu trách nhiệm cả. Anh Thụy, anh Phụng nói rất

đúng, lãnh đạo chỉ đạo huyện đảo nhà là moi măt, trong áy giao thông là một trong những mặt xung yếu...". Tôi nhìn mãi vệt xanh đảo Cái Làng đang chuyển sang lam tía mà lòng thêm bồi hồi thiên nhiên muôn vẻ của mình, bâng khuâng nhớ cái đẹp và băn khoăn tiếc cái đẹp ít ai ghi lại cho. Thấy hình như đã đến lúc cần phàn nàn thống thiết cho văn chương văn học và hội họa một nước Việt Nam mênh mông biển là như thế, - bờ biển dài tới 3241 cây số ngàn bãi cát mà sao còn gây guộc quá về trang viết và tranh vẽ có hình ảnh lớn, đẹp, giàu của biển mình; thật vậy, trong đời cầm bút của tôi, tôi chưa một lần nào được xem một triển lãm chuyên đề biển Việt Nam. "Ấy, đảo Cái Làng trước mặt, đúng là cái nền cũ của thương cảng Vân Đồn đây, hồi nó bắn phá, là Quan Lạn sơ tán hết về bên đất cũ áy... Cái vệt sáng lấp lánh phía tay phải là sông Cống Cái và bến Minh Châu đây. Cái vệt trên sườn đảo Trà Bán, đó là dốc Ba Ngơi bờ hơi tai sang Bản Sen đây... Lần sau về, các đồng chí muốn đi thăm Bản Sen, cơ sở kháng chiến trước, thì cứ đi theo các đồng chí vở trang thỉnh thoảng lại đổi đòn sang bên áy... Ấy trước đây, người Quan Lạn về huyện đảo có việc là phải đi và bộ từ đây sang Bản Sen, rồi đi gần mươi cây số nữa ra bến ria đảo Trà Bán mà chờ đò trạm. Nay thì thuyền giao thông của huyện đã hẵn ở bến Quan Lạn nhà rồi...".

Tôi đã có dịp tới thăm làng bể ở Cảnh Dương, làng cát Bảo Ninh trong quê ta Quảng Bình nó là những tết bào đầy sinh lực của Tổ quốc. Tôi đã leo lên gác chuông nhà thờ Tràng Lộ để nhìn cả một toàn cảnh làng Trà Cổ nó đúng là một cái mốc kiến trúc ngực và thuần chất Việt Nam cắm ngay đúng chỗ hết đất của nước bạn, và là địa đầu chữ S bờ biển nước ta, sát ngay bãi cát Sa Vỹ huyện Móng Cái tận cùng sông biển Việt Nam. Thấy càng yêu những cái biển làng đảo và quý mến những con người chở thuyền đánh cá và chở thuyền tải hàng.

Gần ba chục thuyền bốn mươi tấn của Quan Lạn đã vượt biển tải hàng vào thấu Quàng Bình Sông Gianh bất chấp bom và tên lửa của Giòn-xon. Hợp tác xã thuyền vận tải Quang Minh, được huân chương lao động, đã làm rạng danh thêm cho làng Quan Lan ăn hàng bốc hàng ở bất cứ sông biển bến nào, người làm ăn mặt nước tinh ý là nhận ra được ngay. Cứ nhìn lên đầu cột buồm gỗ gu, nhìn thấy cái tán cột buồm hình quả găng - người chài bên đảo Cô Tô gọi là pạc vài xương) thì biết đích thuyền ấy đúng là thuyền Quan Lan đất Vân Đồn “phồn hoa tại trán ngoài” nó khác hẳn thuyền Cát Hải tán cột buồm hình bẹt như một cái đĩa. Ngắm anh Út thủ trưởng đoàn thuyền có huân chương này, thây đậm thèm đậm mê cai thê lực một người vùng biển mà sóng gió không lúc nào bắt

nạt được. Nói chung người Ván Hải, cả ở Minh Châu trên mũi Bắc cả ở Quan Lạn mũi Nam đảo, đều là tâm thươn. Nhiều cụ bà rất đẹp lão, cặp mắt thăm thẳm không cần đeo kính tuổi, vẫn còn như gợi lại cái đương thi con gái lạnh lợi trên bãi sa trùng. Chao ôi, chỉ còn có một đêm nữa ngủ ngồi bên bếp gác rừng Ván, sớm hôm sau thì cả bọn tôi đã phải từ biệt cái làng đẹp này mà về huyện đảo. Chiếc đò trạm đã chờ sẵn ở bên cuối làng kia rồi. Tiếc chuyến này về Ván Hải không gặp anh Châu Thư trên Minh Châu, chắc anh lại đi tinh để linh thêm thuyền máy nữa cho hợp tác xã. Hồi trong năm anh ấy bám sát xã viên ra khơi đánh cá, giao thừa tận tít bể xa, mai mùng sáu tết mới quay về, thuyền nặng áp mây tần cá nục cá trích khai lươi đầu năm. Rất mong cho mùa cá vụ năm này, quan điểm đi khơi xa sẽ có nhiều điều kiện để thắng quan điểm đi lòng cổ truyền và, ở Minh Châu đầu đảo cũng như ở Quan Lạn cuối đảo, cá đánh về sẽ phơi đầy sân kho hợp tác, sân hợp tác bồng chõc biến thành những khoảnh vườn hoa trưng bày đủ quà trái thời trán hái về từ lòng biển khơi. Bàn về lương thực và chất bổ thức ăn cho con người trong kỷ nguyên trước mắt, các nhà bác học đều hướng ra biển khơi, coi đó là nông trường thiên tạo thừa cung cấp hoa quả cho tất thảy bàn tiệc bình dân của mọi người lao động ở khắp năm châu bốn biển. Nhận một buổi mạn đàm

tai huyện ủy về kinh tế đảo của huyện đảo Cẩm Phả sáu trăm hòn đảo dư, anh Thụy nói những câu thật là chí lý và chí tình về vai trò thày giáo cô giáo dạy ở các trường tại huyện biển. Các thày thường là gốc quê trong đất liền nhưng tính theo tuổi đảo thì có thày ở liền liền ngoài đảo đến mười mấy năm ròng, thật là một điều đáng quý. Quả là như thế đây, phải làm thế nào cho những lớp trò nhỏ yêu đảo hơn nữa, quý biển hơn nữa, thấy biển thấy đảo như là thấy đúng căn bản tương lai của mình. Các em quý các chú đi bộ binh, nhưng các em càng phải thích hơn nữa các chú ở hải quân, và tất cả những ai chèo lái giỏi, chở hàng và đánh lưới giỏi. Các em quý việc chăn nuôi, thích những gia súc nói chung, nhưng thày giáo cô giáo phải truyền cho các em những kiến thức những xúc động ban đầu về những hoa quả nấm chờ nơi vườn biển: con cá, con tôm, con chim bồ câu biển, con trai ngọc, con mực, sá sùng, rau câu, vân vân. Lại còn như thế này nữa: từ ngày ta trồng cây vải và vải thiều ở đảo này đảo kia trong huyện, thì rừng cây các đảo bỗng có thêm một thứ tiếng kêu của chim tu hú gọi mùa hè trên bãi biển; xưa, tu hú chỉ chuyên kêu trong các vườn đất liền. Ở trong thiên nhiên giàu có muôn vẻ của biển và mặt đảo có bàn tay con người tô điểm vào, thì còn bao nhiêu là cái vui cần phải có thày giáo giảng cho thì các em mới nâng thêm được lên sự

lạc quan của tuổi trẻ. Chà, cát Vân Hải mà không phải giảng cho kỹ ư?

Không hiểu gân bảy thế kỷ trước đây cha anh lớp trước đánh thắng giặc ngoại xâm tại thủy trận Vân Đồn, sa trường Vân Đồn có khác gì lầm với mỏ cát thủy tinh ta đang ngày nay bắc đường goòng khai thác tại thôn Sơn Hào không? Mõm núi ngay chỗ gân đường goòng mà “Gái Liễu Mai trai làng Vân” ngày ngày chuyên cát ra bến Thủy Tinh, mấy năm gần đây là một trận địa anh dũng hạ hai máy bay Mỹ bắn cháy một chiếc nữa, không hiểu hồi nhà Trần phá tan Tàu Ô Nguyên Mông, thì trái núi chống Mỹ kia có nhiều cây to không, và lính thú của Vương Trần Khánh Dư đã có độ bao nhiêu người phá rừng hạ cây cổ thụ mà hầm than Tàu? Cát Vân Hải, thực dân La-pic trước đây đã cướp của ta đổ vào tàu Nhật Bản độ chừng bao ngàn thước khối mất không đi rồi? Y cụ được cụ, cái phễu cái lọ có ngăn xăng-ti-quýp, bóng đèn phích nước hàng ngày chúng ta dùng trong đất liền là bắt đầu từ hạt cát chính cống Vân Hải ấy đây. Cát mõ cát sưa Vân Hải có chỗ đẹp hơn đường hoa mơ đường mõ gà, có chỗ ánh ngần in hệt đường kính. Cát ấy còn nhiều tính quý hơn nữa mà ở đây không tiện tiết lộ ra hết được. Tháo giày ra, xéo lầm trên cát bãi, vừa đi vừa nghe cát Vân Hải nó kêu như tiếng đé đứt hơi trong cò mùa thu, hoặc nói một cách cho mạnh hơn, thì cát Vân nó kêu như cái tiếng con rồng rọc

miết từng chặng mà nhích dần trên một sợi dây cáp căng thẳng. Cả người chỉ vén vẹn mảnh khổ tấm, lăn énh ra trên cát xốp đảo Vân mà nhìn vọng ra ngần trời chấm phá mây đường chân dung mờ quẩn đảo Cô Tô. Trong khoảnh khắc ấy, chao ôi, thấy như mình vừa cầm hẳn vào bàn tay của hạnh phúc, một thứ hạnh phúc mà chỉ có Tổ quốc tươi đẹp mới ban nổi cho, và đã ban cho ta đúng vào lúc ấy, đúng vào chỗ bờ cát Vân ấy nó xóm xốp đường hoa mơ, chứ không phải ở bất cứ bãi cát tắm nào khác.

Đò trạm của huyện đã trả chúng tôi đúng về bến huyện, mặt hẳn một ngày trái gió. Mọi khi nó còn ồ ạt bay vào bắn phá, thuyền huyện phải đi mất hai đêm liền, ban ngày ẩn náu ở nách một hòn đảo nửa đường. Nghĩ về hành trình ra đảo này mà đạt được cái mức ấy, thật là phải quý trọng sự giúp đỡ của đơn vị hải quân đã cho riêng bọn tôi một chiếc pháo thuyền loại nhỏ. Sóng gió cáp bảy như thế, thuyền nào, ca nô máy nào mà dám vượt Cửa Mô, Cửa Vành, Cửa Đôi phải không các đồng chí quân cảng Xuân, Khuê, Thắng, Túc, Động? Về tới sân huyện ủy rồi mà chòn bọn tôi vẫn còn lắc lư như chưa quên hết những con sóng lừng ở Cửa Thiên Môn biển ngoài. Cả huyện biển hôm trước đó mu sương hàng tuần lè, gió bắc mùa thổi về, thổi hết mù, phải tranh thủ mà đi ngay kèo nhỡ mắt nhặt kỳ.

Có lẽ khắp các huyện Miền Bắc, chưa có tru sở ủy ban huyện nào mà uy nghi như huyện đường Cẩm Phả dành hẳn một tầng lầu mười mấy gian làm nhà bảo tàng néu rõ công lao của nhân dân toan huyện trí dũng có thừa để xây dựng và giữ gìn đất đảo muôn hình muôn vẻ của mình. Đứng ở tầng gác huyện nhìn phóng qua xã Thạch Hà và nhìn quá ra tí nữa, thì đây đúng là cái vùng biển mà các chị đánh cá trích cá nục Thạch Hà đã bơi ra bắt sống mấy thằng quan tư phi công Mỹ tàu bay vừa bị trúng đạn huyện đảo. Chà, vui mắt quá, cái sân chế biến nước mắm, hàng ngàn chum kiệu mau da lươn thăm dụng đứng theo hàng lối từng khu, mỗi khu xếp theo tuổi của nước mắm. Có những chum nước mắm cá nục đã hàng chục niên tuổi, mở nắp ngửi thơm lừng như hương quý bốc lên từ một thứ rượu mặn. Uống một chén suông, chắc lưỡi một cái, thấy ngọt lừ và, không còn nghi ngờ gì nữa, đây là cái vị ngọt chân chất của hoa quả đem từ lòng vườn biển thảo thơm về mà chế biến ngay trên bờ. Lại thấy nhớ nhớ cái thơm lừng sáng khoái của nước mắm hòn những năm xưa ghe bầu đem từ hòn đảo Phú Quốc về. Để tránh mắt cú vọ Hoa Kỳ cướp biển hồi Giôn-xơm làm tội ác, những chum kiệu da lươn này phải đặt dưới một rừng cây um tùm, xa trông những khói hình ống chứa bụng màu nâu rỉ ống, có cái cảm tưởng như đây là một kho xăng tiếp sức cho một cỗ

xe tên lửa SAM nào quanh đây. Nay đều chắt hết cây, chum kiệu lồ lộ dưới nắng xuân, phẩm chất đậm của nước mắm rất liên quan tới dưỡng khí trực tiếp của mặt trời. À mà tại sao có những nước nhiều biển, nhiều cá hơn ta mà lại không chế biến con cá tươi thành chai nước mắm cốt nhỉ? Mình cũng không nên phạm vào tư tưởng sô-vanh nước bé về mặt này, nhưng tinh táo mà đánh giá, hẳn người Việt Nam mình từ Nam tới Bắc đều phải thấy rằng chế ra nước mắm là một đặc điểm của trí tuệ Việt Nam và nó rất có tính dân tộc đó. Nhân gập anh Giáo và anh Lệnh rất yêu quý nghề nước mắm, trong bọn tôi có người lại tiếp tục nói về Tổ quốc và hương vị Tổ quốc.

Mà nhắc lại rằng đồng chí đại sứ đầu tiên của nước ta tại Mạc Tư Khoa thường hay mời các phái đoàn ta tới ăn một bữa cơm gia đình tại sứ quán ta, sau mỗi chuyến hoàn thành công tác. Anh Cả, - bí danh rất thân mật của đồng chí Đại sứ, ngày nay là phó chủ tịch nước - bao giờ cũng dành cho anh chị em xa nhà một chén nước mắm ngon đặt giữa bàn ăn sáng trưng. Những cán bộ tha hương công tác, mỗi lần đặt chân vào sứ quán mình tại nước ngoài thì đã coi như gặp lại Tổ quốc rồi. Nhưng, hình như phải chấm vào cái chén nước mắm ấy ở giữa Mạc Tư Khoa, thi mới thâm hết cái tâm lòng Việt Nam mà không một

thứ nước chấm hảo hạng nào của cơm thế giới có thể làm khuây khỏa khẩu vị lúc xa quê.

Từ bến đò huyện Cái Rồng ra tới bến phà máy Tài Xá, lòng dâng lên một giấc mơ xã hội chủ nghĩa của năm hai ngàn lẻ một tại huyện đảo này. Lúc ấy, sáu trăm hòn đảo dư này trao đổi sản phẩm lương thực cá và quả với nhau, sẽ dùng trực thăng hay vẫn dùng thuyền máy? Đội đánh bóng dưới nước toàn nữ của huyện đảo có vào được sơ kết, chung kết tại diền kinh thể vận Đông Nam Á không? Vân vân. Có thể mắt mình không thấy được những phồn vinh sẽ nhất định phải diễn ra trên huyện đảo, nhưng cái đó không hề gì. Minh không thấy, thì rồi con cháu mình phải thấy. Máy lần trước từ Cửa (đức) Ông bước vào huyện, chỉ mới có đò máy. Nay lại có phà, ô tô hải quân, ô tô địa chất đoàn Chín H, ô tô hàng đi về tấp nập, thấy đảo biển ngoài và đất liền trong này cùng khăng khăng đập chung một nhịp máu.

Cái vui của một chuyến xuất hành đầu năm, bon tôi đã sot sét dèo kẽ lại với bà con trên đất liền tại hội trường thị trấn Cửa Ông, - nó vốn là cái đầu cầu muôn năm của huyện đảo bắc vào đất liền đại lục. Giữa câu lạc bộ thủy thủ Cửa Ông, tay bọn tôi cung chén mừng cái Tết kéo dài với các đồng chí Sam, Khoan, Quý, Huy, Thanh, Khánh mà lòng vẫn chưa nguôi hết những sóng dội của biển ngoài. Đồng chí Sam mới vui miệng mà kể rằng công việc của mình là

có những lúc phải uống khá nhiều rượu với thủy thủ quốc tế đưa tàu to vào ăn than tại Cửa Ông. Đôi với bạn bè bốn biển tới với mình, uống rượu mà việc chạy đều cho cả đôi bên hữu nghị, thì có việc gì mà lo xa, tôi nghĩ to như thế. Đồng chí Sam lại vui miệng nhắc đến ngày đầu năm vừa qua, ta xuống tàu Liên Xô chúc Tết các bạn Xô Viết, bạn theo tục lệ ta đốt một cối pháo, ta cũng đốt một cối pháo. Xác pháo toàn hồng của đôi bên đều song song mà tản vào sóng bến. Chỉ có cái đáng lý thú này, là các đồng chí Liên Xô quen đốt những pháo đồng pháo hỏa tiễn có bệ phóng, chứ còn đốt vào pháo tết, các đồng chí ấy châm ngòi chưa nhanh chưa thạo bằng ta. Cửa kính phòng ăn Câu lạc bộ Thủy thủ đậm nhẹ nhẹ như mỏ con chim biển nào thấy khung sáng chói thì dỗ xuống mà mổ vào. Cô Thoa Hợi Ly suốt buổi nghe chuyện đều vui cười, coi chúng tôi đúng như thủy thủ bạn ngày mai đã phải bần thần rời bến này. Gió Cửa Ông đang gó nhẹ kính cửa một tiệm ăn dành cho các khách đại dương. Tôi lại ngón ngang nghỉ rằng gió trong đất liền bao giờ cũng không nặng bằng ngoài đảo xa kia, có thể lúc này gió “bổ sung” ấy đang xui các thứ sóng xô tới các bờ đảo như là đòi ăn vạ ai, chẳng biết tới bao giờ mới hết xô vào lùi ra mãi mãi.

### Tái bút:

Bài ký *Huyện đảo* ghi lại một chuyến ra thăm Cầm Phà và các đảo Cô Tô, Vân Hải vào dịp đầu xuân vừa

rồi. Từ 1965, xuân Việt Nam đều là xuân lửa và suốt từ Bắc chí Nam, Tết nào cũng là Tết chống Mỹ. Giữa lúc Ních-xơn, tên kè cướp biển xảo quyết bàn tay vẩy máu đang nâng cốc và nói bậy về hòa bình cho thiên hạ, đang cà tiếng lửa bẹp thế giới tại một địa điểm cách vịnh Bắc Bộ hàng ngàn hải lý, thì chúng tôi cũng đang lệnh đèn lè một con đò trạm trên vịnh Báu Tử Long hùng vĩ và anh dũng. Chúng tôi là năm người viết văn xuôi, một nhà điêu khắc và một anh bạn nhiếp ảnh, cùng nhau ra biển để ghi lại những nét tài, dũng khỏe, đẹp của con người vùng huyền biển. Huyền Cẩm Phả đánh lưới giỏi, tải thuyền giỏi, đã bắn cháy hàng trăm "con ma" Mỹ. Biển của huyền Cẩm Phả càng đẹp càng làm cho mọi người không quên được những tội ác giặc Mỹ đã gây ra trên biển này và tại các làng trên đảo. Tội ác Mỹ chưa chút nào phai vết cũ thi nay lại chồng thêm lên những tội ác mới. Tiếp theo vào đợt bom B.52 hai giờ sáng ngày 16-4-1972 xuống cảng Hải Phòng vào lúc mọi người lao động đang yên giấc, thì chiều ngày 10-5-1972, Nich-xơn ném bom lại Cẩm Phả và Cửa Ông. Máu công nhân Việt Nam lại chảy trên bến, và tàu quốc tế ăn than ở bến cũng lênh láng máu thù Liên Xô. Biển Hải Phòng, biển Quảng Ninh âm ầm dựng sóng đánh Mỹ, phát huy cái truyền thống đánh Mỹ giỏi thời Giôn-xơn của mình. Đồng bào ta khắp mây nghìn hòn đảo và khắp ven biển hai tỉnh duyên hải đều chia

lửa với tất cả mọi người trong đất liền. Trong những ngày lửa bùng nước biển sôi và sóng cồn lèn những tiếng nổ chống Nich-xơn. Xúc động thay là những bản tin của Tổng cục Thủy sản thông báo về những luồng cá làn cá đang đi vào cửa biển nào và chiều sâu làn cá là bao nhiêu sải nước. Mùa này là vụ cá nam và vừa đánh Mỹ giỏi, những xã viên các huyện biển vẫn một tay súng một tay lưới, tiếp tục đánh cá giỏi, tùy tình hình cá mà kết hợp đi lông với đi khói.

Ngày 8-5, Nich-xơn khiêu khích dư luận thế giới xúc phạm vào chủ quyền nước ta về đất, về bờ biển mặt biển nước ta, xúc phạm vào nhân phẩm nhân dân lao động ta, - nhất là nhân phẩm những người chài lưới, vận tải trên biển ta, - khi hắn bày ra cái trò gài mìn phong tỏa biển Việt Nam và các cảng trên biển miền Bắc.

Công ước Quốc tế hàng hải về biển Quốc tế về biển cả (do các nước có biển ký kết với nhau tại Gio-neo ngày 29-4-1958) vẫn còn ràng ràng ra đó với cả chữ ký của nước Hoa Kỳ:

“Biển cả mở rộng cho tất cả các nước, không nước nào có quyền đặt một bộ phận nào của biển cả dưới chủ quyền của mình. Quyền tự do về biển cả thực hiện trong những điều kiện do công ước này và các quy tắc khác của pháp luật Quốc tế ấn định. Quyền tự do này bao gồm chủ yếu các quyền sau đây, đối với các nước có biên giới trên bờ biển hoặc xa bờ biển:

- 1- Quyền đi lại bằng tàu bể.
- 2- Quyền đánh cá.
- 3- Quyền đặt những đường dây điện hoặc ống dẫn dầu ngầm.
- 4- Quyền bay trên biển.

Điều 2 của công ước đó (có Hoa Kỳ đã điểm chỉ vào bằng chữ ký) đã nói rõ như thế. Kẻ cướp biển Nich-xon tưởng là khi hắn có hạm đội 7 thì hắn có quyền đặt mình ra ngoài pháp luật Quốc tế, và dọa dẫm cuộc sống làm ăn trên mặt nước của mọi người. Những quả mìn Nichxon gài trên sóng biển ta cũng không có gì là mới trong việc dọa dẫm, nó cũng cũ mèm như những bom Mỹ vứt vào bầu trời ta hàng chục năm nay. Cuối cùng tất cả những thiên lôi thủy lôi đó chỉ là những tiếng nổ rền cầm canh cho cái nhịp "Mỹ cút đi! Mỹ cút đi!". Đáng đời thay cho cái chết của chuẩn Đô đốc Mỹ Rôbinxon đã chết tươi trên biển ta đúng ngay lúc nó gài thủy lôi định vây vít biển ta.

Chúng tôi sống những ngày sôi nổi đánh Mỹ trong đất liền Thủ đô, mắt dán lên bầu trời trong xanh, và tai vọng ra phía biển ngoài mà chờ nghe những thành tích đánh Mỹ đợt mới của tất cả bà con mình ở tất cả các huyện đảo.

## VĂN CÁI TIẾNG DỘI CÀ MAU ẤY...

*Gửi Anh Đức*

“Bức thư Cà Mau” anh gửi cho tôi, đã tới Hà Nội vào buổi tối 11 tháng giêng 1964. Và liền hôm sau đó thì tôi đọc. Tôi đã nghe bức thư anh ở ngay giữa cái hầm thư viện của Hội Văn nghệ. Cuộn ruy băng nhựa ghi âm bức thư anh do Dài Giải phóng phát ra đó, có nhiều đoạn nghe rất khó. Cô Loan vốn có một cái tai nhiều khả năng thẩm nhạc và vẫn làm cho Hội Văn nghệ cái việc phiên âm ra giấy bất cứ giọng ai thu vào băng. Cô Loan bửa đó lại đi học vắng. Thành ra phải mấy người đấu nhau vào mới nghe trọn được toàn văn lời thư anh. Cuộn ri-coóc-đơ cứ phải quay đi quay lại, bấm nút đi, bấm nút lại suốt mấy buổi liền. Nghe thư anh mà càng thấy nhớ thương Cà Mau quá. Anh tin rằng thời gian sẽ ủng hộ chung ta, và rồi anh ra ngoài này viếng Thap Rùa cho sớm hơn “trẩy cùng một chuyến với các bà má Nám Căn, vai đeo bị bàng đựng những trái đước” để trồng nó ngay ở Hồ Guom. Anh

tha thiết ra Bắc cho sớm hơn như thế nào thì tôi cũng mong được vào Nam sớm hơn như thế ấy. Tôi nghĩ rằng thời cục chuyển biến gần đây của Cách mạng miền Nam cho phép anh và tôi được mong mỏi như vậy. Căn cứ vào khí thế cách mạng ở miền Nam, và căn cứ vào lòng căm thù của toàn miền Bắc đối với âm mưu của bọn trác tráo Mỹ hiếu chiến, và sẵn sàng đập tan mọi âm mưu Mỹ phạm vào miền Bắc, tôi càng tin rằng cái ngày anh ra Hà Nội, cái ngày tôi vào thăm Cà Mau đang nhích lại gần chúng ta đó - đúng như cái điều tôi nói mới đây với anh, trên tờ báo *Thủ đô Hà Nội* ở một trang chủ nhật 5-7 vừa rồi.

Trong thư nhắn tôi năm ngoái, anh có nhắc đến Cô Lê - một bóng dáng nhân vật của tôi trong bài *Khi nào Bắc Nam thống nhất, thì anh vô thăm đâu trước hết?* Cô Lê đó vẫn ở Liên đoàn Du lịch anh à. Cô vẫn theo dõi chiến sự miền Nam, sổ tay cô vẫn ghi đều quân số lính Mỹ quan Mỹ tử trận tại chiến trường miền Nam, cô vẫn sớm sớm tập ngắm súng, vừa rồi được liệt vào loại dân quân tự vệ cơ quan bắn ác nhất ở toàn thành Hà Nội. Không có cuộc biểu tình nào chống Mỹ tại Hà Nội mà cô lại không tham gia. Vừa rồi gặp tôi ở Thư viện Khoa học Trung ương, cô Lê lại nói về Cà Mau, và cô vẫn nhắc lại câu hỏi cũ: “- Hôm nào Bắc Nam bình thường quan hệ, thì anh vô thăm đâu trước hết? Ví dụ, tại sân bay Gia Lâm, buổi sớm

thanh bình nào đó có hai chiếc tàu bay đưa các nhà văn ta “đi thực tế miền Nam”. Một chiếc đi Huế đi Sài Gòn. Một chiếc đi Bạc Liêu đi mũi Cà Mau. Hai chiếc bay cách nhau mười lăm phút, chiếc đi Sài Gòn đây đủ tiện nghi hơn, và bay trước. Vậy anh sẽ vô thăm đâu trước hết?” Y như là ở tay cô Lê đã có sẵn vé tàu bay của hai tuyến đó rồi, và cô sẽ trao ngay một vé cho mình khi mình đã dứt khoát về đường bay. Tôi gật gàng trả lời cô Lê: “Tôi xin đi chiếc sau. Nếu tàu bay thẳng đến mũi Cà Mau càng tốt. Bằng chì đỗ lại Bạc Liêu rồi lộn ra Bắc, thì cô giữ chỗ và ghi cho tôi số xe ô tô đi tiếp về Cà Mau”.

Tết vừa rồi, *Văn nghệ giải phóng* trong Nam ta (Tập san *Mùa xuân 1964*) có đăng một bài tôi chúc Tết đồng bào trong ta. Trong lá thư, tôi tự coi mình như một chiếc lá tươi muôn hòa mình lẫn vào những khôi lá bạt ngàn dùng vào moi hình thái nghi trang trên chiến trường miền Nam, và cuối thư, tôi thấy “Tôi tưởng đâu như mình là một làn gió đang tạt qua đường số 9, nương theo hành lang lối mòn rừng Tây Nguyên, thổi qua rừng cao su, các tỉnh miền Đông Nam bộ, và ùa vào thấu khắp trong đó”. Sau kỳ Tết đó, tôi vẫn nghe ngóng Tết miền Nam một cái Tết thật là đặc biệt của miền Nam, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam ngừng bắn trong bảy ngày để cho binh sĩ đối phương được về làng xóm ăn Tết cho yên

lành. Và ngày 28 Tết đó, hơn 10 ngàn đồng bào nồng thôn Cà Mau đã biểu tình vào thị xã Cà Mau chống Mỹ và tay sai (theo Thông tấn xã *Giải phóng*). “Đồng bào đã giương cao nhiều băng, khẩu hiệu, vừa đi vừa rải truyền đơn, hô vang khẩu hiệu đòi để quốc Mỹ cút khỏi miền Nam Việt Nam... Hàng trăm gia đình binh sĩ, công chức... Bọn tay sai Mỹ hốt hoảng ra lệnh đàn áp... Các cụ đi biểu tình đã giải thích cho binh sĩ: “Đi biểu tình đuổi Mỹ và đòi ngừng bắn trong dịp Tết để binh sĩ về đoàn tụ với gia đình chứ!”. Đồng đảo binh sĩ đã đồng tình với đồng bào...” Trước đó, ngày 27-1, có 300 binh sĩ thuộc một tiểu đoàn chủ lực của địch đóng giữa thị xã Cà Mau, trong một cuộc biểu tình, đã đưa yêu sách đòi bọn chỉ huy phải để binh sĩ về nhà ăn Tết, đúng như chủ trương của bên Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam!

Lại còn đầu tháng 6-64 vừa rồi, cuộc biểu tình hô khẩu hiệu “Mỹ cút đi!” lại nổ ra giữa thị xã Bạc Liêu, dù một vạn người tham gia. Cái khí thế cách mạng của ta lúc này càng ngày càng rõ quá. Trước đó một tháng giữa bến Sài Gòn, ta đánh chìm nghìm một hàng không mảu hạm “Ca Đơ” của nó và tiêu diệt luôn 55 tên Mỹ nữa. Rồi cuối tháng 6-64 vừa rồi, vẫn giữa Sài Gòn, tạc đạn lại nổ tung giữa Cục tình báo của Mỹ đóng ở bờ sông Sài Gòn, rồi lại nổ tiếp giữa

sân bay Mỹ, giữa lúc tư lệnh Mỹ làm lễ đưa xác quan Mỹ lên tàu bay sắp rời sân bay Tân Sơn Nhất.

Bấy lâu nay, cứ suốt mỗi tuần, tôi vẫn mua một số báo *Thông nhát*, mở ngay hai trang cuối viết về địa lý nhất là lịch sử một mảnh đất nào đó của Liên khu Năm hoặc Nam bộ. Có khi nói về một xã chiến đấu, một tinh, một dòng sông hoặc một khu rừng. Công lao của dân quân mình giữ làng giữ nước chen với tội ác giặc phá mùa phá cây dồn dân giết người. Tôi đọc đều đếu những trang báo đó coi như là thêm một cách “bổ túc văn hoá”, một cách phát triển thêm vốn hiểu biết của mình về sử địa một nửa nước đang vùng lên trong lửa súng. Những trang *Thông nhát* cắt ra cất đi, tích luỹ qua bao tuần lê sứ địa, ngày nay dày cộm lên trong tập văn liệu sưu tầm đã gọi đã giúp tôi hình dung thêm ra về nửa phần đất nước quê hương trong đó. Tôi vẫn đọc đều thời sự miền Nam, trên cơ sở những dòng tin văn tắt mà gắng phát triển mối cảm nghĩ yêu thương phẩn đau của mình. Thỉnh thoảng trước một số bản tin nào đó vừa mới cắt ra để vào phong bì riêng, lại tự hứa hẹn trước với mình rằng mai đây mà có dịp thì phải tìm tới vùng đó, nhìn cho thấy rõ cái phố đó, cái rừng đó, cái xã đó, và gặp bằng được những con người vỏ trang trí dũng đó.

Nói chung là như vậy, nhưng đối với tỉnh Bạc Liêu và cái huyện Cà Mau xa cách Trung ương nhất, tôi

vẫn chưa phân tích được hết tại sao tôi lại có thể quyến luyến nó đến như thế. Gần đây có một cái tin của thị xã Bạc Liêu làm cho tôi nghĩ ngợi rất nhiều. Cái tin mình làm gọn ba chục sĩ quan Mỹ trong nháy mắt, ngày một tháng sáu 1964. Càng tin tưởng lực lượng vũ trang trong đó của ta ngày nay cho phép ta đánh mạnh, và tại giữa thành thị chúng kiểm soát, ta lại đánh nhanh đánh thật gọn nữa. Tôi nghĩ rằng cái tin đó báo hiệu một nét gì thiêt là mới của ta trong đó đó. Mìn du kích mình nổ giữa ban ngày (mà có nổ vào lúc mặt trời đã lặn thì lại càng đúng với giờ giấc của du kích, cũng không sao cả) mìn của mình đã nổ giữa thành phố, giữa phố Phan Chu Trinh, tại giữa một hiệu cao lâu Thanh Tâm. Ba chục thằng giết người Mỹ có lon sao có cấp đã chết tươi tại chỗ, bên cạnh những chai rượu mà chúng không kịp uống đến giọt cẩn. Đọc cái tin ấy, hồi hộp, ngừng lại, và đi lục lại một số bài báo Mỹ luận bình về tình hình của Mỹ ở miền Nam. Thì ra số báo *Điền đản thông tin Nữ Ước* cuối năm ngoái đã than vãn rằng: "Ngay tại cái thị xã nhỏ Cà Mau, các cố vấn Mỹ đã phải sống trong cảnh nguy hiểm và thất bại... Một nhân viên trong đội cố vấn do thiếu tá Mỹ Rôbóc Andorét chỉ huy đã tự sát. Ở khắp Cà Mau, không có nơi nào an toàn... Ở đây du kích Việt cộng đã thường xuyên o ép các đồn, bắn máy bay, tiến công các đồn và áp chiến lược cả

ngày lân đêm..." Tờ báo Mỹ *Diễn đàn Nữ Ước* cũng số ra ngày hôm đó lại cung than "Một cố vấn Mỹ chỉ huy ở Cà Mau đã nói rằng tình hình ở đó là tuyệt vọng...". Xem ra cái bọn giết người có lon này lại cứ nhè giữa "diễn đàn" Mỹ mà than thân sau mỗi lần đi giết người! Để chấm dứt những tiếng than Mỹ khó nghe ấy, tốt hơn hết thì Mỹ hãy cút đi! Những cái thằng Mỹ ác ấy còn là những thằng Mỹ lố nữa kia. Cút đi, chứ than gì tại đây!

Vậy là tháng trước, ba chục thằng sĩ quan Mỹ khổn nạn đã chết tươi vì mìn du kích Nam bộ, giữa một buổi lễ mừng của chúng kỷ niệm ngày thành lập sư đoàn 21. Tôi ngờ ngợ trước cái số hiệu sư đoàn 21 của địch. Phải đi lục ngay cái phong bì đựng tài liệu đã cắt riêng ra đó. Thì ra sư đoàn 21 này đã có gần một trung đoàn (trung đoàn 32) đem nướng ở đồn Chà Là ta đánh trong đêm và trong cả ngày 24-11-1963 đó, diệt gọn của nó 300 thằng, những thằng sống sót là nhờ vào chiến thuật "Phượng hoàng bay" dùng tàu bay thả pháo sáng cho mà rút chạy trên đêm bùn láy. Nó đã phải dùng tới 65 máy bay đổ bộ xuống 5 tiểu đoàn nữa, nhưng cũng không gỡ nổi cái đồn Chà Là đã nằm gọn trong tay quân giải phóng, mà chỉ là đưa thêm mồi và dù cho quân ta diệt viện. Không kể những chiếc tàu bay bị thương vì đạn ta, trong số 65

phượng hoàng, ta đã hạ trong trận này đúng 18 con Kền kền Mỹ.

Ở Cà Mau của anh có nhiều chim. Cũng như cá trong vùng anh, cứ lội ra giữa dòng mà bốc và cứ đi trên cát phù sa mà nhặt, chim trong vùng anh cũng đông lắm, đầy kín trời cứ quơ tay ra mà níu xuống. Anh Ngọc già và anh Ngọc trẻ cùng làm việc ở báo Văn nghệ, trước khi tập kết ra đây, đều có ở qua Cà Mau, và các anh ấy đã kê ra cho tôi hay về các thứ chim ở các vùng săn chim trong huyện Cà Mau. Nào là nhạn sen, ó cá, quạ đen, gà đáy, gà nước, cò trăng, cò xanh, cò quăm, điên điên, hồng hoàng, công cộc, cúm núm, bìm bìm... Tôi đã xin phép hai anh bạn Nam bộ đó mà thêm vào một thứ chim, một thứ vịt trời mới xuất hiện trên rừng bùn cực Nam. Ấy là con phượng hoàng Mỹ. Chim trong ta hay đậu quanh sông Bảy Háp. Và bọn chim Mỹ vừa rồi cũng gây cảnh cup đuôi ngay chỗ Bảy Háp, quanh quanh chỗ đồn Chà Là vỡ tổ đó. Tôi ngồi xa tận ngoài này mà vẫn như có thể nghe được cái tiếng sóng biển Nam ngày ngày dâng nước triều lên, và trong phong trào miền Nam, xác những con phượng hoàng Mỹ ngày càng lún thêm dưới lớp cát lầy mặn. Những cái xác chim Mỹ, xác mới chồng lên xác cũ trên vùng đất trè Cà Mau. Trong bùn miền Nam chỗ cực Nam không ai nghĩ rằng quốc huy Hoa Kỳ in trên minh phượng hoàng bay lại vùi ở

dưới lớp phù sa đó, kẹt vào dưới cái mó rẽ rau muống biển màu hoa tím đó, kẹt vào dưới những cánh tay rùng được. Sách Pháp cũ có nói rằng cứ mỗi năm bùn phù sa mũi Cà Mau lấn ra biển khoảng 70 đến 100 thước, lấn tới đâu thì rẽ muống bể hoa tím và tay được lại niu đất lại cho chắc, củng cố mũi lầy, và cứ thế mà lấn tới. Và từ mấy năm nay, cũng như thây xác sī Mỹ binh Mỹ làm phân bón cho rừng được, xác tàu bay Mỹ cũng vô tình dự phần nào vào cái việc sinh thành của mũi đất Cà Mau! Nói về cái đồn Chà Là nhổ đi đó, hai anh em Ngọc già Ngọc trẻ còn giảng cho tôi hiểu thêm rằng trong các thứ cây của Nam bộ, cây chà là thuộc về dòng họ cây dừa, giống giống lá dừa. Ở Irắc chà là có quả. Ở Nam ta nó không có quả, mà người ta chỉ chặt cái đọt nó, lấy ra từ đọt chà là một con sâu trắng muột, gọi là con đuôn. Con đuôn có giá trị một ca nước ngọt, nhưng khi trời nắng đi công tác mà khát nước thì cứ nuốt sống luôn một con đuôn. Đuôn mà hông xôi nếp, nhậu với rượu để thì ngon hết chỗ nói.

Anh Anh Đức à, tôi làm như vẫn nghe hai anh Ngọc già Ngọc trẻ bàn về cái ngon cái quý của con sâu chà là, nhưng thực ra trong đầu tôi, tôi đang nghĩ tới một số địa danh của Bạc Liêu của Cà Mau. Chà là là một cái từ thông thường để chỉ tên cho một thứ cây trong đó, rồi nó trở thành địa danh: chợ Chà Là bên

sông Bảy Háp. Cái chợ của nhân dân sau này chuyên thành cái đồn của giặc Mỹ kiểm soát và ta xóa đi. Tôi đã nhờ hai anh Ngọc và chú Chín kê hết ra cho tôi một danh sách gồm những địa điểm của tỉnh Bạc Liêu của huyện Cà Mau. Tôi nhầm nhầm những địa danh xa xôi đó, thấy nó có một cái gì buộc mình phải cảm phải nghĩ thêm nữa:

*Chà Là - Cái Nước - Cái Rắn - Cái Sắn - Cái Bát - Cái Tàu - Cái Cấm - Cái Keo - Cái Cùng - Nhà Thính - Nhà Thoản - Nhà Phấn -; Biển Nhãnh - Biển Nghị - Biển Bạch; Rạch Rán - Rạch Rô - Rạch Cây Khô - Rạch Đước - Rạch Bàn - Rạch Muỗi - Rạch Gốc - Rạch Chết - Rạch Cá - Rạch Bà Hội, Bà Đặng, Bà M López, Bà Keo, Rạch Huyện Kê, Ông Sâu - Ngã ba Cây Tân - Ngã tư Phó Sinh - Huyện Sử - Huyện Trần Văn Thời - Tân Bằng - Phong Lưu - Nghị Nguyệt - U Minh - Thời Bình - Thị Keo - Vành Đỉnh - Cây Me - Thơ May - Bồ Đề - Rừng Sào - Đầm Doi - Đầm Chim - Bó Đuốc - Bờ Đập - Bầu Tròn - Sào Lưới - Đá Bạc - Sáu Ngàn - Rau Dừa - Chà Là - Hòn Khoai - Giồng Bốm - Xóm Sở - Giấp Nước - Tắc Vân - Chắc Băng - Năm Căn - Sông Đốc - Trèm Trem - Giành Hào - Bảy Háp - Trí Phải - Xóm Ông Trang - Mũi Rạch Tàu...*

Những cái tên nghe thật là nôm na giản dị, thanh âm như là tập trung vào mà diễn tả cho bằng hết cái mặt chân chất của một vùng đất trẻ. Tên đất tên nước

nghe thật là thuần phác, nhưng sự việc xảy ra trên đó thì thật là dữ dội đồn dập. Tên đất nước nghe thật là hiền lành (có lẽ vì đất lành nên chim mới đậu hàng mây sân chim U Minh Hạ, Nhà Thính, Xã Thoàn, mỗi sân hàng vạn vạn cái tổ). Đất thì tên vốn lành, nhưng con người thì rất dữ, bọn Mỹ và tay sai hành quân và đóng quân ở những vùng kề tên trong danh sách đó, chính là cái bọn đã được thử thách với cái dữ đó, ăn đòn của cái dữ đó, và càng ngày càng sa lầy trên cái lành mà rất dữ đó. Trên một vùng bình địa phẳng lỳ phù sa, các địa danh vùng quê Cà Mau đã dựng đứng cả dậy như gươm trần, giáo dựng, súng ngựa trời. Đất nước đứng dậy, con người vùng lên, ào ào tiến tới, ầm ầm xô tới, ở đây không ai thương gì máu Mỹ, và ở đây không ai tiếc gì máu mình.

Nhân nghĩ về danh từ đất nước vùng quê Cà Mau nó thật là có đặc tính như vậy mà tôi lại nhớ đến thanh âm những địa điểm trên đất căn cứ xưa của Hoàng Hoa Thám chống Pháp trên miền Bắc hồi đầu thế kỷ này. Xin đọc anh nghe:

Những tên làng *Ngao - Nguôn - Hom - Sậy - Khuyên - Luộc - Lẻ - Lan - Lũa - Lèo - Thể - Hân - Hả - Góc - Da - Dẹn - Trung - Nứa - Chiềng*;

Những tên *Mỏ Trang, Mỏ Thổ, Mỏ Sét*;

Những tên *Rừng Phe, Rừng Tre, Rừng Ngầu, Rừng Báo;*

Những *Ngã Tư Biển, Bến Gầm, Phố Tràng, Điểm Tổng, cầu Quan Âm, chùa Âm Hôn;*

Những *Trại Cau, Trại Gai, Trại Cọ, Trại Cờ, Đồng Vương, Đồng Cờ, Đồng Mơ* (cái kho thóc của quan Đề);

Những *Dồn Cụ, Dồn Hom, Dồn Bà Già;*

Rồi *Bo, Phổng, Mệt Lục Ngạn, Lục Giới, Lục Liêu;*

Và rồi *Bờ Xôi, Giêng Mật, Khám Nghè, Chùa Thuông, Đền Cô, Tồ Cú, Suối Cáy, Sông Sỏi, Chợ Gỗ, Đèo Ính, Dinh Thép...*

Nghe có thấy dữ dội không anh? Bây giờ ở khắp các vùng đó đã thành hợp tác xã, trường học, cơ quan, xí nghiệp, khu vực công nghiệp, lúa xanh ngói hồng khói trắng. Nhưng thời quan Đề chống xâm lăng Pháp, tất thảy những vùng ấy đều là máu chảy. Máu của những bọn cướp nước, bán nước. Và cả cái máu thiêng của người giữ nước nữa.

Tôi không có ý gì đem ra so sánh ở đây về cách đặt tên gọi tên địa danh tại miền Nam tại miền Bắc. Tôi chỉ muốn nói với anh một cái điều bình thường chắc anh cũng đã thừa biết: sông, núi, kênh, giồng, xã, chợ, phố, bến, có được giá trị gợi cảm về thanh âm là vì sự việc con người, nhân phẩm con người đã tạo thanh tạo hình cho chúng, làm cho chúng đầm thắm mãi lên mà

cùng tồn tại với những con người chủ nhân ông của chúng. Mỗi lần tôi có dịp đi qua một vùng Đề Thám xưa đó, nghe lại những địa danh trên, thấy trong lòng có cái bồi hồi của một bài từ dài của một bài thơ lớn. Chao ôi, bao giờ tôi được đặt lòng chân tôi lên đất Cà Mau, để anh chì tận tay cho tôi biết đâu là cái lò than của anh du kích lấy luôn ụ lò làm giá súng, để lại trên má đứa con nhỏ một cái hòn than nóng cháy, trước khi bắn nốt viên đạn cuối cùng; và đâu là cái chỗ ăn ở của đội du kích Ba Búa, và đâu là những cái mồ vùi xác những con kền kền phượng hoàng Mỹ bị ta bẻ cánh. Cà Mau! Cái Cấm! Cái Nước! Cái Cùng!

\*

\* \* \*

Giữa hai chuyến đi núi, tôi viết thư cho anh. Vừa đi một chuyến Hoàng Liên Sơn về, và bây giờ lại sửa soạn ba lô túi dết (máy vật tuỳ thân này, tôi vẫn giữ nó từ ngày đầu toàn quốc kháng chiến cho tới bây giờ) để đi Hà Giang, Phó Bảng, Đồng Văn. Đồng Văn vừa hoàn thành đường ô tô, là một huyện miền núi giáp biên giới Trung Quốc, và đứng về chiều dọc của hình thể Tổ quốc, thì đó là một mảnh đất cao nhất của nước ta. Mũi Cà Mau của anh nằm ở vĩ tuyến 8 rưỡi, và huyện núi Đồng Văn nằm ở vĩ tuyến 23 rưỡi, bề dài nước chúng ta như vậy là đo đúng 15 độ địa cầu.

Lý thú nhất là hai cái huyện sơn cung và thủy tận Đồng Văn Ca Mau lại cùng nằm trên một vệt kinh tuyến 105°, huyện Đồng Văn như một cái bờm tóc mây nga ngả sang phía Đông, và mòm Cà Mau như một ngón chân cái đá đá về hướng Tây.

Tôi chưa vào đến đất huyện biển Cà Mau của anh, nhưng tôi biết rằng cả vùng Bạc Liêu đó là bình sa bùn cát phẳng lì. Nói chung thì Nam bộ là một cái thế giới của sông nước và kênh ngòi. Ngoài này thì đặc điểm là rừng dốc, núi và mây đèo. Bao giờ cút hết đi thằng Mỹ, tôi vô trong các anh, các anh sẽ cho tôi no nê nhiêu bữa về sông vàm kênh rạch. Và các anh ra thăm miền Bắc, cái món thiên nhiên mà chúng tôi có thể chiêu đãi cung cấp suốt bốn mùa là mây cao ngũ sắc và núi dựng thành xanh. Nói chuyện với nhau về lịch sử địa lý mà cứ bị cách bức thế này, càng thấy thù ghét thằng Mỹ âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta. Cuộc chiến đấu của chúng ta tiêu diệt tám trăm thằng Mỹ trong 6 tháng đầu năm nay, nói cho rộng ra thì cũng là để cho tất cả anh chị em chúng ta chan hòa đầy đủ cái tình núi sông đất nước đó. Ấy cũng là điều ở tôi nó gần thành một nếp cảm một nếp nghĩ: cứ mỗi lần đi núi mà lại gặp mây đẹp đá đẹp cây đẹp hoa đẹp là y như tôi lại chợt nghĩ đến rất nhiều anh chị em Nam bộ. Thằng Mỹ, đúng là một thứ vật chướng ngại càng ngày càng thấy phải đẩy bật nó đi. Nó vuông chúng ta quá.

Chuyến vừa rồi lên đỉnh Hoàng Liên Sơn có ngọn Phăng Xi Păng (Hoa Thạch Bàn) 3142 thước, cao nhất nước ta, trưởng đoàn điều tra tài nguyên là một đồng chí quê ở ngay bờ Nam sông tuyến. Đồng chí tiến sĩ thực vật Thái Văn Trừng trưởng đoàn, trước cách mạng có ở Cà Mau một thời gian khá lâu tham gia vào công việc trồng rừng tràm rừng được trong đó. Vừa leo núi hái cây lạ, anh Trừng vừa kể cho tôi nghe nhiều nét về cuộc sống Cà Mau. Trong đoàn có bộ phận tìm cây thuốc, và có bác sĩ Trần Văn Luân là người gốc ở Gia Định Sài Gòn. Thành ra trong một chuyến leo núi cao nhất, càng thêm nhớ thương miền Nam và nhiều con người Nam bộ. Trong nhớ thương da diết, có cả cái nghĩa đau đớn hữu cơ nữa. Cái điều mà anh chị em tập kết ra ngoài này mấy năm đầu có hay nhắc tới với cái hình tượng ngày Bắc đêm Nam đó thì ở chính tôi, mặc dù tôi không đi tập kết gì cả, nhưng tôi cũng sống cái cảnh một chốn đồi quê đó. Tôi nghĩ rằng tôi cũng đang là một người mới được sống có một nửa mình, và chỉ có khi nào hoàn thành thống nhất Bắc Nam thì cơ thể mọi con người Việt Nam chân chính mới phát triển được toàn vẹn. Càng chiến đấu, càng thấy cái ý nghĩa bình dị và thâm thúy của sự toàn vẹn về lãnh thổ. Toàn vẹn lãnh thổ, toàn vẹn về kinh tế chính trị, toàn vẹn về tiếng nói qua lại giữa hai miền, và toàn vẹn về sông núi.

Đoàn điều tra tài nguyên đất nước ngủ lại hai đêm trên đỉnh Hoàng Liên Sơn. Thị trấn nghỉ mát Sa Pa 1.500 thước ở dưới chân mình, trời mùa hè vẫn quang què và tươi nắng nhưng trên đỉnh Hoàng Liên Sơn thì mây vẫn gió giật và giông bão và mưa to. Lâu vải tốt có lót ni lông, nhưng luôn luôn phải chạy dột và lo gió bay mất lều. Cả một ngày mưa to gió lớn, ngồi hứng giọt lều lấy nước thổi nấu. Và mở tờ *rāngxito* theo dõi tình hình chiến sự trong ta. Giữa một thế giới buốt lạnh, mây trắng mịt mùng, giữa một cái điểm núi cao nhất toàn quốc, nghe cái tiếng nói phát thanh về tình hình trong Nam, nó có một cảm xúc lạ lẫm. Trên một ngọn núi cao nhất tôi lắng nghe cái tiếng sóng xa nhất chỗ quê anh đang động biển. Trong mây Hoàng Liên Sơn dày dày trắng trắng cái chất màn ảnh, thấy như ẩn ẩn hiện hiện liên hồi lên những bóng người áo quần bà ba đen, nhiệt tình những cái bóng đó đánh lui cái lạnh của khí đá đỉnh cao. Chúng tôi nằm ép vào nhau, mà nghe mưa như tháo cống trên mái lều. Chật chội ướt át như một cảnh đò dọc neo lại giữa sông mưa. Trong mây cao búa quanh lều, còn nghe như có nhiều tiếng đồng vọng bơi chèo mái chèo các mẹ các chị lao miết trên các dòng kênh tiến về néo biểu tình giữa thị xã Cà Mau. Ở trên Hoàng Liên Sơn thường là không có người... Ngoài anh em trong đoàn, anh em dân công mang vác lương thực lều vải và dụng cụ làm việc và mấy anh bộ đội đi bảo vệ đoàn,

thì không có một bóng ai khác trên dọc Hoàng Liên Sơn đó. Ở đây chỉ có hoa, có cây, và mây. Hoa đỗ quyên nở bạt ngàn. Giữa một cái thế giới u tịch như vậy, nổi lên cái tiếng nói của Đài phát thanh đang truyền lại những tin tức nóng hổi nhất về Liên khu Năm và miền Đông miền Tây Nam bộ đánh Mỹ khắp nơi. Ngoài cái lều vài ướt mưa đó, cả khu vực núi rừng quanh đây là không có ai hết! Chụm đầu nhau dưới lều, quanh một cái đài ánh ánh ngọn cần ăngten mạ kẽm, chúng tôi giống giống một cái tổ công tác đặc biệt nào bố trí tại chỗ vọng tiêu đỉnh Hoàng Liên Sơn, như là đang thử máy vô tuyến điện để bắt liên lạc với một đơn vị bí mật nào tận trong Cực Nam xa xôi và cần nối cho được nguồn tin nội trong đêm ấy. Đống lửa sặt hắt lên nóc lều những cái bóng lung nhùng đèn đèn lom khom, càng tăng vẻ bi ảo của cả bọn trong giữa một cái đêm cao nhất trên quê hương. Nay, anh có tin rằng trong một tương lai gần đây, khi mà đất nước đã toàn thắng giặc Mỹ, anh ra miền Bắc, và lại có dịp trèo lên đỉnh Hoàng Liên Sơn, anh dựng lều đúng ngay chỗ rừng sặt tôi năm nghe tờ rǎngxito phát thanh chiến sự miền Nam, anh có tin rằng cái điều ấy sẽ xảy ra trong một ngày mai nào gần đây của đời anh không? Và trong cái đêm mà Bắc Nam đã thống nhất, đã bình thường quan hệ đó, trong cái đêm anh ra thăm Hồ Gươm “cùng một chuyến với các bà má Cà Mau vai đeo bị băng đựng trái đưọc” để trồng ở

ngay Hồ Gươm, rồi là đi Hoàng Liên Sơn, và đêm Hoàng Liên Sơn đó, tôi lại ngồi trong lều mà ôn lại với anh một số hình ảnh tôi vừa ghi lại sau một chuyến đi thực tế sot đeo về Cà Mau đã chuyển sang giai đoạn hàn gắn vết thương chiến tranh và phục hồi kinh tế, anh có tin rằng cuộc sống mai đây giữa anh và tôi lại có những ngày những đêm như vậy không? Riêng tôi, giữa cái đêm nghe tờ rǎngxito trên đỉnh Hoàng Liên Sơn, tôi tin sẽ có cái ngày hội đậm áy giữa anh đã ra thăm núi Bắc và tôi đã vô thăm kênh rạch sông ngòi Cà Mau.

Trở lại câu chuyện đi núi Hoàng Liên Sơn, tôi thấy cần phải tin cho anh biết rằng tôi vừa có thêm nhiều người bạn mới đang sống ở chân Hoàng Liên Sơn, nhiều người quê tỉnh ở các tỉnh miền xuôi lên miền núi phát triển kinh tế, và ở chân Hoàng Liên Sơn hiện nay, cũng không ít những con người trẻ tuổi quê ở ngay Thủ đô Hà Nội, gia đình vốn ở quanh quanh Hồ Gươm cả. Trên suốt tuyến đường từ đèo Ô Quy Hồ vào đến Ngã ba Bình Lư, tất cả những người thanh niên ấy đang hăng hái tiến hành một cuộc đấu tranh với thiên nhiên, đang hào hứng mở đường cho ô tô mai đây nối liền hai tỉnh thượng du Lai Châu và Lào Cai. Từ mấy tháng nay, rừng núi sát dưới chân Hoàng Liên Sơn rền vang lên tiếng mìn bộc phá của đoàn thanh niên đồng bằng lên mở đường cho đồng rừng. Trời quang, đứng trên đỉnh Phẳng Xi Păng nhìn

xuống, vẫn thấy những cột khói mìn mờ đường của tuổi trẻ xã hội chủ nghĩa đó. Cuối xuân sang hè, trên Hoàng Liên Sơn mưa to và động sấm. Năm trong lều trên đỉnh cao, được nghe cả sấm giờ và tiếng sấm mờ đường vọng lên từ mặt con đường đang xé vào lưng núi dưới chân mình. Quả thực là tiếng đồng vọng của một chiến dịch, anh ạ. Những chiến dịch mờ đường miền núi trên miền Bắc xã hội chủ nghĩa trong mươi năm nay, tính ra cũng đã khá tốn vê tiền mìn và chất nổ bắn đá xé đường. Mình còn nghèo, các công trường phải tần tiện từng thỏi mìn, chõ nào mà sự nỗ lực của cánh tay người không bấy được đá thì mới đánh đến mìn. Chao ôi, lúc nào chúng ta giải quyết xong giặc Mỹ, Mỹ hãy cút về Mỹ, để chuyển ra ngoài này cái số cốt mìn bộc phá của du kích và quân giải phóng miền Nam! Khi mà cuộc sống Việt Nam ta không cần phải dùng tới chất thuốc súng để phê bình Mỹ xâm lăng nữa, thì tôi nghĩ rằng nhịp độ mờ mang kinh tế của ta sẽ tăng lên trông thấy, và tốc độ mờ đường của ta phải nhanh hơn nhiều lắm nữa. Lúc tôi viết thư cho anh đây, thì Hồ Gươm (ở cách căn gác tôi chừng nửa cây số chim bay) vẫn đẹp, liễu vẫn ròn xanh, nhưng thực ra tất cả Hà Nội tất cả miền Bắc đã sẵn sàng mọi kế hoạch để phá mọi mưu mô Mỹ muốn quay nhiều miền Bắc để gò bi ở miền Nam. Lúc tôi viết cho anh đây, ngồi cạnh Hồ Gươm nhưng tai vẫn đồng vọng cái tiếng mìn mờ đường kinh tế trên Tây Bắc, và

lại càng dội lên cái tiếng súng mở đường chinh trị từ miền Nam vọng ra.

1964

*Tái bút 1971...*

Từ vùng than Hòn Gai, Cẩm Phả, Cửa Ông, ra cho tới Khe Tù, cảnh cứ kéo dài một mét đều rú rập như vậy. Từ Tiên Yên cảnh mới chuyển, và cho tới Móng Cái thi nôi thị trấn nỗi trấn, tưởng đâu như Lỗ Tân đã có lúc mượn những bài trí đây làm khung cho truyện của văn hào. Những cái phố lòng ống thẳng ruột ngựa, những cái phố rắng bừa mái nhà toàn ngôi ông, những đường phố độc đạo không vỉa hè, mặt phố láng thứ xi măng vỏ sò vỏ hau và giọt tranh mái hiên rõ đúng xuống tim lòng đường vào những ngày mưa rào chóng cắt cơn. Đúng là những nét kiến trúc của những thị thành suốt một tuyến đường song hành với biên giới cực Bắc nước ta. Tới Móng Cái, góc này vèo nọ, càng gợi nhớ Phai Phô Hội An miền Trung nó có tới năm cái đình Hội quán các bang Hoa kiều. Bất giác nhớ tới vài anh bạn kiến trúc kiến đồ lâu nay có lẽ chuyên ngành vì không thấy ký tên vào công trình gì. Cách thi xã Đồng Thới là huyện ly Móng Cái không tới chục cây số, là biển tắm, là bãi nghỉ rồi. Chao ôi, sung sướng vây thay, đây đúng là cái chấm đầu chữ sờ (S) hình thể cổ lai của đất nước ta trên bản đồ Đông - Nam Á. Huyện biển Móng Cái rất tự hào với bãi tắm Trà Cổ. Tới Trà Cổ, người Việt Nam chân chính nào, không kể là mới tập kết ra hoặc vốn

sinh trưởng tại miền Bắc, cùng đều làm cho được hai việc không có gì là đặc biệt cả, nhưng hình như nó hàm một ý nghĩa không phải là bình thường. Với một người am tường địa lý nước ta và lại gắn bó với vận mệnh đất nước mình, tắm ở biển bờ Trà Cổ đầu chữ S không thể giống như tắm chơi tắm thật ở bất cứ dọc bãi biển nào. Đi tắm, rồi đi xem đình xem chùa Trà Cổ. Đi suốt một ngày đường xa lạ, vào ngồi ở cái đình Trà Cổ mà uống một ám trà Đường Hoa Cương pha bằng đúng cái nước giếng ngọt nổi tiếng gánh về từ Chùa Bà gần đó, thấy trong lòng yên tâm, và đặt dào lên một niềm tin vào đất nước cùng là sự sống đặc đáo của Việt Nam mình qua các đời. Và qua cả cái hôm nay không ít vất vả nhưng cũng thật là nhiều vê vang. Mà lần nào cũng y như lần nào, cứ ra tới biển Trà Cổ, là lòng lại dùng đúng gió len nỗi nhớ thương vời vợi một sắc xanh của sắc nước biển mây trời. Nhớ những bãi biển miền Trung mình đã ghé, nhớ những vịnh những mũi những bờ cát cực Nam mình chưa tới. Nước biển Móng Cái độ mặn rất cao. Và chất iốt kích thích gân não, hình như chỗ Trà Cổ giọng nói khé khé này cũng khá nhiều.

\*

\* \* \*

Đã một số lần rồi tôi tắm và ngủ lại tại đúng cái chấm đầu này của đất nước ta, tính theo đường biển của ven biển nước ta dài 3.241 cây số (tính theo đường

núi phia trong, và tinh theo lối chim bay thăng một  
đoc từ mũi núi Lũng Cú Hà Giang, tới mũi bùn Cà  
Mau thì chỉ có 1.650 cây số). Nhưng lần này, nghe  
sóng vỗ chồ địa đầu, tôi bằng lòng thức trắng cho trọn  
cả đêm, mặc dù bình rượu thuốc của tôi đã cạn tới  
giọt cẩn! Bởi vì, từ chiều hôm tới giờ tôi đã nghe  
chuyện anh Ngờ Vờ Bờ vừa ở Cà Mau ra đây dưỡng  
sức. Nghe anh nói rành rọt tỉ mỉ về sự sống làm ăn  
cùng là đánh giặc Pháp và giặc Mỹ của người Cà Mau  
mà tôi cứ như là một chàng trai buổi sớm thanh tân  
đã bị chuốc thứ men mạnh. Anh mệt, đang nằm thiu  
thiu trong biệt thự này. Lúc chợt vọng tôi, anh đã  
xúc động nhiều khi chiếc xe chúng tôi phóng mạnh  
trên bãi cát Sa Vỹ với một tốc độ 50 cây số giờ. Xe  
chạy vung vinh như chạy trên một thảo nguyên cổ  
điển nào, từ chồ Cổ Rùa Mũi Ngọc tới Cồn Máng Sa  
Vỹ này, gần hai chục cây số bãi cát vòng cung, mà cứ  
phẳng phẳng như chạy trên đường cái trong đất liền  
và, ở một vài quãng ngoặt, đèn pha rơi thăng vào  
những bờm sóng vấp bờ. Lăn trên cát với một tốc độ  
mạnh như thế, với một đường băng dài như vậy theo  
mèp biển, tôi nghĩ rằng khó có bãi tắm nào của nước  
ta đọ được với bãi tắm Trà Cổ.

Xe cứ chạy trên cát đêm, sóng thủy triều cứ thu  
hẹp mèp đường bãi cát, anh Ngờ Vờ Bờ cứ kể chuyện  
Cà Mau. Chuyện bốn người sém tràng đốn cây nơi

rừng Sào Lười năm 1963 giành lại một con lợn rừng từ miệng một con cọp. Ông Đại, một trong bốn sơn tràng bị thương, sau đó một tuần, có mờ tiệc ăn mừng. Tiệc tan, khuya khách ra về liền gặp ngay hổ nhảy ra vồ. Khách say rượu đều là võ nghệ cao cường, đã cùng nhau kịch chiến với hổ dữ, và cuối cùng đánh ngã con hổ. Hổ năm chết một đống như một con bò mộng nào. Xem lại thì đúng là cái mặt con cọp bữa trước bị mất mũi, nó định tới đòi lại con lợn rừng hụt ăn hôm nọ (Tin này báo *Trung lập* Nam Vang đầu năm 1964 có đăng).

Lại như chuyện ông Hùng giết cá sấu trên sông Bó Đuốc thuộc quận Đàm Dơi. Cá sấu lôi thuyền câu ông Hùng lê đi một quãng gần nửa cây số rồi mới chịu để cho ông Hùng lấy mác phanh thay nó ra mà trục lên bờ. Con cá sấu cân đúng 327 kilô, theo lời báo *Trung lập* ngày 22-1-1964, thì ông Hùng Cà Mau 72 tuổi đã nói: “Hễ cá sấu xuất hiện bất cứ ở đâu, thằng Hùng này mà còn sống thì quyết tới trừ hại cho bà con ta”. Ngờ Vờ Bờ còn kể rất nhiều về nghĩa khí và lòng hiếu khách của cô bác anh chị Cà Mau; một khi anh đà tới đò với người ta, thì người ta cho anh hết, không tiếc gì hết. Ở cái chốn cuối trời cuối đất Cà Mau, ở cái chõ ngón chân cái Tổ quốc chưa khô bùn vạn dặm mà trên ngán chân trời sóng bể, cùng trong một ngày, ai ai cũng đồng thấy mặt trời mới mọc đó lại cũng vừa

lần đó, thì chỉ có cái tám lòng, chỉ có sự sống cao cả là đáng quý, còn ra chỉ là chi tiết, chỉ là ngoại vật. Chỗ này đúng là cái quê hương bất diệt của những con người nếu chưa là dũng sĩ diệt Mỹ thì chí ít cũng là hào hán từ bao năm. Ở đây, vịt trời rất nhiều. Và người du kích Cà Mau, noi gương anh Ba Búa, ai cũng bắn trúng vịt trời. Vịt trời, nói theo cách nói người Cà Mau đánh dư trăm trận, đó là những cái tàu bay lên thẳng của mọi thứ trực thăng vận Mỹ - ngụy..

Tôi hỏi Ngờ Vờ Bờ về cái mũi nhọn nhất của Cà Mau có phải xóm Ông Trang, xóm Rạch Tàu không. Trả lời: "... Làm gì có mũi nhọn. Mũi nhọn đó chỉ là ở bến đồ. Còn như xóm Ông Trang, xóm Rạch Tàu là trong đất liền rồi. Cái chỗ ngoài cùng nhất, chót cùng nhất ăn sát ra tới biển bờ thì gọi là xóm Bãi Bùn". Huýt trời ơi, đêm nầm chỗ Đuôi Cát (Sa Vỹ), Móng Cái mà nghe Ngờ Vờ Bờ nói về cái chốn Bãi Bùn Cực Nam! Ngờ Vờ Bờ nói đã đi thuyền ra phía Hòn Chuối mà nhìn quay lại chỗ Bãi Bùn. Không, nó không có gì là nhọn như ta thấy ở bến đồ. Mà nó tăm túp mà tròn tròn là. Tôi nhất định tin là nó nhọn, tôi cãi lại: "Nếu ngồi trực thăng trên độ cao mà nhìn thẳng xuống thì nhất định mới thấy được cái mũi nhọn đó của mũi Cà Mau..." Ngờ Vờ Bờ ừ ừ và đã ngủ rồi. Tôi không ngủ, nằm suông đó mà chờ mặt trời mọc. Đang sau rặng phi lao, và trên bãi cát phóng ô tô đêm qua, đã thấy

loang loáng các bóng người nhún xe đạp xuống phía chợ Trà Cổ sớm náo cung họp từ lúc còn tối đất. Tôi chờ mặt biển quay nữa quay nữa xuống cho hé ra cái mặt trời hăng ngày, và trong tròng mắt mình, hình dung mãi lên một cảnh đang hiện thực một giấc mộng. Trên ngân biển nhô dần một chiếc hạm tàu chở một phái đoàn Cà Mau ra Sa Vỹ Móng Cái, trong một chuyến quan hệ bình thường lần thứ nhất. Trên tàu, dưới hầm tàu, theo với bà con ra thăm bãi cát đỉnh đầu nước ta, có biết bao nhiêu là thân đước. Những khúc đước đã hầm chín nục thành những thỏi than hình ống chắc nịch. Cả những khúc đước còn nguyên thân tươi. Đước mà người Cà Mau thấy rừng nó rậm rạp thẳng tắp thì gọi là nó như so đưa cắm trên bùn, nó như thấp nến trên sinh lầy vậy! Tàu than tàu củi này chuyển tới các lò gốm cổ truyền của Móng Cái. Các lò gốm Móng Cái đang tấp nập làm một mẻ chum, bát và đĩa riêng tặng bà con trong Cà Mau chở cuối trời ra thăm đồng bào nơi Móng Cái đầu chữ S duyên hải Việt Nam. Không có thứ than tàu nào đượm bằng than đước nhiệt độ rất cao. Nước men da lươn càng chuốt, những mảnh vân lửa cháy càng óng à mà tuôn mượt trên thành bát và mình chum mình kiệu. Huýt trời ôi đất của Móng Cái đang hiện hết cái chất mình sau cái màn lửa đước của Cà Mau! Còn có mè gốm

nào ra lò mà men da lươn thâm thủy và vân óng như  
mè gốm kết nghĩa sâu sắc này!

Mùa xuân năm nay lại về trên bãi cát Sa Vỹ. Biển  
ám và đỡ gắt. Và mặt trời chõ Đuôi Cát lại lồng ánh  
thiều quang vào đúng cửa sổ biệt thự có kê giường an  
dưỡng của Ngò Vờ Bờ. Tôi hỏi anh về Sài Gòn. Anh  
đang mải nghe thấy sóng mùa xuân. Tôi đốt một bánh  
pháo, gọi là chào mừng trước cho bãi cát này rồi đây  
sẽ được cái vinh quang đón những con người thân  
thích ruột rà từ chõ xa xôi nhất tới thăm mình. Bãi  
cát xuân rộng mênh mông. Gió bãi lùa xác đỏ của  
pháo xuống gấp các bọt sóng đang lên của thủy triều.

## TÙ TÂN THẾ GIỚI MÀ VỀ

### I

Trong số đại biểu kiều bào Tân Thế Giới, Tân Đảo vượt mười hai ngày biển Thái Bình Dương về nước đợt đầu và được lên Hà Nội gặp Bác Hồ tại Phủ Chủ tịch ngay chiều hôm sau tàu cập bến, trong số bốn cô được Chủ tịch Hồ Chí Minh mừng thọ tặng huy hiệu của Người, có cụ Nguyễn Văn Tái năm nay đúng 80 tuổi.

Cụ Nguyễn Văn Tái quê ở một tỉnh đôn hậu chất phác miền Bắc, một cái tinh Hưng Yên nhăn lồng, có tàu ngoại quốc Hà Lan đến ăn bến và đặt thương điếm từ thế kỷ XV. Người thanh niên nông dân Nguyễn Văn Tái, vì khổ quá đã phải lìa làng lìa tinh minh, điếm chỉ vào bản giấy của sở mộ phu đóng tại Hải Phòng. Nói đến sở mộ phu Hải Phòng phe phẩy ngọn cờ màu vàng bệnh bà con kiều bào trở về thường hay nhắc đến tên một tên mộ phu là Ba Ngọc. Ba Ngọc cũng chỉ là một tay sai; tên mẹ mìn chỉ huy

những tổ chức buôn người da vàng ở Hải Phòng lại chính là lão chủ Kinh cũng người ta nhưng lại vào làng Tây. Nhưng trùm của phong trào buôn người này là Tây Ba-danh. Hồi ấy cờ vàng bệnh pháp phái bay khắp kè chợ miên què, bến đò, phố huyện, và ở ngay những nơi cửa rừng miền ngược cũng thấy nó. Ở đâu phe phái ngọn cờ vang ấy thì nơi đó ngày đêm nổi dậy tiếng than oán khóc meú ly tán, vợ tiên chồng, con tiên cha. Tiếng khóc sinh ly dưới cờ vàng mà thảm hơn cả những tiếng tử biệt. Hồi ấy, người cầm bút viết bài này còn là một đứa trẻ nhưng trí nhớ của đứa trẻ ấy ngày nay vẫn thấy lại được cái màu cờ vàng cũ nghệ ấy, và vẫn còn dội lại những tiếng khóc ở các chí điểm mờ phu Bắc kỳ thời ấy. Trở lại chuyện Ba Ngọc mờ phu cho chủ Kinh làng Tây và cái lán mờ phu Ba Ngọc ở Hải Phòng (ngày nay là miếng đất cát lén một khu vực bệnh viện Tiệp Khắc hữu nghị). Lán Ba Ngọc sở mờ phu cờ vàng Hải Phòng là một khu nhà san phén liếp tre nứa. Những lúc nào “cu li” mờ được mà về đóng ủn lén thì cơi thêm lên ít mái tôn nữa. Mưa thường là rò xuống lán. Lại chạy lên nhà giấy sở mờ lạy cai lạy ký mà trú mưa. Quanh lán là những lối ngõ vang vang tiếng nhặng xanh. Trước lán là một vũng ao không thấy ngọn bèo Nhật Bản bị lấp kín bởi những cụm ruồi đen. Giữa lán là một cái sân con đặc lại cả ruồi lẩn nhặng. Ruồi nhặng vo vo làm

nền nhạc cho khúc ly sầu thút thít chốc lại vút lên những tiếng roi mây, và bục lên những câu chửi rủa làm đỏ mặt cả đến khuôn mặt những à giang hồ giăng há đến tìm khách quanh lán. Ba Ngọc beo béo, lầm bẩm chửi bằng tiếng Tây bồi. Những cái áo the chùng các cai mỏ phu càng đồng càng xô đám đồng, và cai ký càng thô càng bạo. Nhà thầu Phúc Long vừa đóng cản tè trung cơm tù vừa thổi cơm cho “cu li” Tân Thế Giới, cá khô mủn ra nhu mật cưa, một quả trứng luộc cho chục người ăn, thịt trâu đánh đòn và rau muống thắt lưng được. Thế rồi in tay cặp ngón vào tờ giấy cam kết làm “chân đăng” hợp đồng năm năm bán sức lao động. Ký kết xong được nhận mười đồng bạc sở mỗ phu ứng trước cho. Có người có mẹ đưa con từ làng lên huyện sở tại, lên tỉnh và theo con ra tận bến Hải Phòng cho nó hết cái tình đoạn tuyệt. Có người không có mẹ đưa theo một khúc đường thì lại có vợ tiễn ra bến. Chỗ mười đồng bạc áy liền cưa đôi ra. Vợ hay mẹ cầm lấy một nửa; chia tiền rồi chia tay ngay, mặc dù tàu Tân Thế Giới còn mấy hôm nữa mới quay chân vịt và rúc những đợt còi khàn khàn. Biết rằng những người phu mỗ kia đang còn bàng khuâng nhớ mẹ, nhớ vợ, nhớ nhà nên chủ mỗ, cai mỗ đã tạo điều kiện cho đám “cu li” kia giải buồn. Bèn nhóm lên những chiếu bạc cho cai ký lấy thêm tí hồ. Bèn nhóm lên những mâm đèn thuộc phiện cho chủ bàn đèn thầu lại mè

xái. Đêm đêm tiếng kèng, tiếng mõ các vọng gác sở đê lao gân đáy. Những người phu mõ bước chân lên cầu tàu Tân Thế Giới, cái tiếng động cuối cùng đem theo đi của Tổ quốc lúc bấy giờ là những tiếng bóp canh nhà tù cạnh lán Ba Ngoc.

Ai cũng bảo rằng mõ phu Tân Thế Giới có từ 1920. Nhưng cái phong trào mõ phu trước khi quy mô nỗi biển trắng cờ vàng khắp nhà quê kẻ chợ, thì đã lè tè mõc lên từ lâu kia rồi. Cụ Nguyễn Văn Tái 80 tuổi tôi đang ngồi nghe chuyện đây là người làm chứng cho điều nói trên. Cụ Tái đã làm người phu mõ Tân Thế Giới từ năm 1902. Hải Phòng 1902. Sở mõ phu lúc ấy quây ở gần chùa Cẩm, người mõ phu trước đó đã làm khố xanh, khố đò có lon bạc Quần Kim, Quần Thăng, cai Năm. Những người lính mõ giả hạn lại đánh lửa những người phu mõ. Đi Tân Thế Giới, nhưng khi họ ứng cho vay trước ba đồng Đông Dương, họ lại bảo là đi Quảng Châu Vạn sáu tháng một năm gì đó thôi. Cụ Tái thêu thảo bảo: "Sáu tháng mà giờ tính ra thì thành ra gần sáu mươi năm, bác ạ. Tôi xuống tàu xinh xịch rồi mới biết là bị lửa. Quan ba tàu biển nó cứ nhìn mình cười ô ô rằng đi Quảng Châu Vạn xa lăm, lâu lăm. Sang Tân Thế Giới, tôi làm hai khóa hợp đồng năm năm, và một khóa chân đặng hai năm nữa. Lúc ấy Tân Thế Giới chưa có đường đi. Chưa có đường cái, chưa có mõ kền, mõ côn gì cả. Các cụ Văn

thân, Cần vương, Đồng kinh nghĩa thực nhà ta bị dày sang Tân Thế Giới, bị dồn từ Côn Đảo sang đều có dự phần khai sơn phá thạch cho Tân Thế Giới. Tôi thường có gặp các cụ. Tôi vừa đánh đá làm đường, vừa đục lỗ bắn đá, xúc cuốc, đùi cá. Cá ngày, cá tối, cá năm, tai ú điếc đi vì bắn cốt mìn, cho mỏ côm. Liên miên ba mươi năm, hết hạn hợp đồng chân đặng, nó cho phép mỗi lần tám ngày, để tìm chủ mới xin việc. Hết tám ngày rừng núi ma chưa tìm được chủ mới thì lại trở về với chủ cũ. May chục năm cứ cầm hết giấy tờ này sang giấy tờ khác. Cái lớp tôi sang *minnōpxāngđor* cùng là lớp thứ sáu, thứ bảy gì rồi. Sang Tân Thế Giới lớp *bomnhe*, lớp *đodem*, thường là chính trị phạm ta mǎn hạn Côn Lôn nò đưa sang an tri làm đường và mở rừng, hoặc làm bồi bếp cho họ. Có cụ lập gia đình với các bà Nam Dương, các bà đèn người ở đây cũng làm máy luồng rau cải, bầu bí quanh nha. Có cụ mồ mả nay cũng khó mà nhận ra được. Rừng chàm nhao-li ram rạp tối như rừng cao su, mưa lũ vô kỳ hạn, đất sụt, bia đá không có, nay tìm cũng khó lăm...

Cụ Tái lia nước mợ mạch từ 1902, bán sang cù lao giữa Thái Bình Dương từ những ngày đế quốc tư bản chưa mở cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất và tái diễn chiến tranh thế giới lần thứ hai. Năm 1902, cụ

Tái bước chân xuống tàu Tân Thế Giới thì cụ Đề Hoàng Hoa Thám ngừng bắn quân Pháp lần thứ hai ở Nhã Nam (tôi lúc ấy chưa được đầu thai vào thế kỷ hai mươi này). Nói như một thi hào nọ, thì thế kỷ đó mới 2 tuổi, - cái thế kỷ XX nhiều xương máu sa trường cả ở nơi rốn biển cả ở trên đất liền; cái thế kỷ đây bất công vô đạo nhưng cũng là cái thế kỷ lớn lên của chủ nghĩa cộng sản, cái thế kỷ của nguyên tử Liên Xô chuẩn bị đưa người hòa bình lên tinh cầu vũ trụ; cái thế kỷ chấm dứt cho cuộc đời tiền sử của nhân loại đau khổ, mở ra một thời đại ám áp hạnh phúc, trong ấy có hạnh phúc cụ già Tái hôm nay trở về quê gốc vừa được mươi lăm tuổi trẻ cộng hòa dân chủ 1902 - 1961!

Nhà gác, sân vườn trạm số 50, phố ga Hải Phòng vang động những tiếng ú tim những tiếng cười đi trốn đi tìm của bấy nhiêu em bé thác sinh từ Tân Thế Giới, và hôm nay đã quen dần dân với nền đất quê hương. Không cần đến lệ sa, nhưng trên câu chuyện hồi ức giữa cu Tái và tôi, thấy thánh thót mây giọt thương (không rõ của cụ hay của tôi) nhưng thấy nó se se ám ám trên lòng mình tủi tủi mừng mừng.

Bữa trước đây, cụ Tái cùng các cụ khác đã được lên Thủ đô gặp Bác Hồ. Hôm mới đặt chân tới cảng, cụ Tái chỉ mới thấy ảnh Bác Hồ, hôm vừa rồi giữa Phù Chủ tịch cụ Tái lại được thấy Người, thấy rõ

*Người.* Tôi không theo đoàn đại biểu kiều bào lên Hà Nội gặp Bác Hồ nhưng tôi không khỏi hình dung, tưởng tượng nhiều tới buổi gặp gỡ này. Chủ tịch nước Việt Nam chúng ta 70 tuổi thọ. Cụ già phu mỏ Tân Thế Giới 80 tuổi chẵn. Trong phòng đậm ấm, các cụ cầm vào tay nhau, như là những mảng Tổ quốc nay ghép lại thành một. Các bậc cao niên tiên bối áy đều là những người gốc biển chân trời. Lòng hoài bão ở mỗi cụ già có khác nhau, nhưng lúc ra đi, các cụ đều chung một nỗi niềm của người mất nước. Cụ già Tái thì bị động mà lìa nước xuống tàu. Cụ Hồ thì chủ động xuất dương mà bôn ba hoạt động khắp châu này biển nọ mưu hạnh phúc cho tất thảy những người đau khổ thế gian, trong ấy có những người đau khổ đi phu Tân Thế Giới. Lúc đi, mất nước, lúc trở về thì có Tổ quốc để mà về. Cụ Hồ về trước để khai sinh cho Tổ quốc dân chủ cộng hòa. Nay Tổ quốc trẻ tráng 12 tuổi dân chủ, và các cụ phu mỏ Tân Thế Giới cũng lục tục trở về để dự vào ngày hội lớn của Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, khu thép này thi đua với khu than nô, mỏ này mỏ nô đều âm ầm chuyển máy cho kế hoạch năm năm lần thứ nhất. Bây giờ khai mỏ là khai mỏ cho Tổ quốc giàu mạnh, chứ không còn như ngày nào khai mỏ đau đớn cho những ai ai. Đặt chân lên tới đây, tức là đã chấm dứt cho cái thế giới người áp bức người. Một vần hao Trung Âu nói rằng lịch sử là một bà thi sĩ bõ cục

tài tình cho các cuộc gặp gỡ con người trong đời sống. Tôi nghĩ rằng cái khoảnh khắc các cụ kiêu bào Tân Thế Giới gặp cụ Hồ tại Phủ Chủ tịch hôm vừa rồi đúng là những phút giây lịch sử Việt Nam rất nên thơ. Một bài thơ ít lời, nhưng bao la hình ảnh và hàm dưỡng nhiều nồng hậu, nhiều ý cao và cảm lớn...

**C**chan hòa với đồng đảo kiêu bào giữa sân trạm đón tiếp, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã gợi nhiều về hình ảnh Tổ quốc “Minh ở Tân Thế Giới, Tân Đảo, nhớ Tổ quốc chừng nào thì Tổ quốc ở đây cũng nhớ kiêu hùng chừng này. Tổ quốc chúng ta là vần đề con người, là chúng ta đây (...) Nay trở về có Tổ quốc. Tổ quốc chưa phải là giàu lăm, đẹp lăm, nhưng rồi Tổ quốc sẽ đẹp, sẽ giàu (...) Chúng ta vừa hàn gắn vết thương chiến tranh, vừa khôi phục vừa xây dựng. Nhưng năm ba năm Tổ quốc chưa làm giàu được (...) Sức mình sẽ làm cho cái giàu mọc lên trên đất mình. Tổ quốc ta giờ rất vinh quang. Làm cho Tổ quốc vinh quang...”.

Một bà cụ khăn vuông cũ kỹ, răng nhuộm đen, có năm con cùng trở về sau 23 năm Tân Thế Giới, đứng dậy phát biểu: “Ngày đi không mong có ngày về. Chân trời góc biển thế mà vẫn về được. Thật là sống lại. Lúc đi cũng chả nghĩ được ai là tốt ai là xấu. Nay về,

thấy mọi người đều thàn hơn cà ruột thịt mình. Giờ được về, thấy nước như non tiên..." Thủ tướng cười thân mật với bà cụ xúc động: "Tổ quốc là cảnh tiên, là tất cả, đúng. Nhưng cảnh tiên này, ta phải làm ra mới có cảnh tiên".

Hôm kiêu bào sắp phân tán về các tỉnh để bắt đầu đi dần vào cuộc sống mới của Tổ quốc, tôi có ý tìm bà cụ nước như non tiên, nhưng không gặp. Lại ngồi thêm với cụ Tái đi phu Thái Bình Dương từ cái năm thế kỷ XX này mới chỉ có hai tuổi. Cụ Tái cũng có vẻ lo nghĩ về tuổi mình 80, tất cả sức khỏe đã để cả vào phá đường khai mỏ bên ấy, nay hết sức lao động, chưa biết mình sẽ còn đóng góp được những gì cho Tổ quốc trùng phùng (cụ Tái có biết chữ nho ít nhiều còn nhớ được). Cụ đặt tay lên đùi tôi: "Hay là cho em làm bánh, làm kẹo. Yếu rồi, nhưng vẫn còn đủ sức để nấu kẹo đúc bánh khuôn bò lò". Tôi thầm trả lời cụ Tái: "Cụ sẽ nấu kẹo làm bánh mậu dịch hoặc cụ sẽ trồng cây ươm cây ở các trại nông lâm, cái này tùy cụ thôi, làm sao cho cụ vui được cái tuổi già 80 là mọi người bằng lòng. Nhưng thôi, cụ hãy thong thả đã. Chả mấy ngày nữa đã Tết rồi. Mùa xuân Tổ quốc chúng ta còn dài. Tết này, cụ sẽ nghe lại tiếng pháo xuân tiếng động thổ mới của Tổ quốc, sau sáu chục lần giao thừa thúc đêm nơi đất khách Tân Thế Giới". Trong người tôi, vẫn còn nao nao như gợn sóng Thái Bình Dương

dồn vào cửa Nam Triệu, một buổi từ mờ đất tối ra khơi dồn tất cả những tâm lòng cố quốc trở về quê cũ cố hương.

Cái anh thanh niên biết chữa máy ô tô vẫn lái xe cam nhông từ mỏ kẽm ra Numêa, hôm nọ tôi nhớ anh hỏi tôi về giá étxăng, chạy đến với tôi như một người quen biết đã lâu ngày. Tôi chào anh, rời trạm, lòng định ninh có hôm nào đây sẽ gặp lại anh trên những nẻo đường đất nước đang cần rất nhiều xe vận tải to, đang cần rất nhiều người vững bánh tay lái.

## II

Vụt nhớ lại những giây phút mới đó của lúc vượt phao dêrô mà ra nghênh đón con tàu Tân Thế Giới. Trời còn tối đất. Đêm chưa hết trên cửa khẩu Nam Triệu. Tiếng gà gáy trong bờ cát làng xa như gọi dậy những gì của sông Bạch Đằng dồn ra cửa bể từ nửa thế kỷ nay. Lạnh, gió giật, nhưng tôi vẫn ở ngoài boong ca nô. Gần một tiếng đồng hồ rời Kho Sáu cảng Phòng rồi, mà tàn thuốc không chịu tắt phút nào trên miệng tôi. Làm sao mà không tưởng tượng được về tâm lòng cố quốc tha hương của kiều bào sấp áp bến đất chân lên đất liền Tổ quốc, sau ba bốn chục năm ròng lèn đênh nơi bể người. Tôi hút nửa gói, cả gói,

tôi hút như một ống khói tàu thuỷ. Khói. Sóng. Tân Đảo. Tân Thế Giới. Nửa đời. Một đời. “Nơi thì lửa đảo nơi thì xót thương”. Tổ quốc lúc bấy giờ chưa được đăng ký vào bán cầu này. Những linh hồn chết, những người lính mộ, những người phu mộ, và “...vợ con có biết Hải Phòng là đâu...”. Ca nô áp vào sườn tàu *Hoàng hậu bể Đông* tôi ngược mắt lên mà nhìn con tàu sáng rộ như một hòn đảo hoa đăng. Tôi ngược mãi lên. Đồng bào tôi nhiều cô đơn thời đứng tựa lan can nhìn xuống. Tôi tự hỏi tôi rằng ở trong trái tim nữ kia, ảnh Tổ quốc là hữu hình hay là trừu tượng? Trên boong tàu sáng, trên một cái khung sáng, hiện lên mấy tấm khăn vuông đen, cái tấm khăn vuông đen cổ truyền của bà mẹ làng quê. Chân tôi đặt lên cầu thang thả xuống mà mắt tôi nhòe đi vì những nỗi niềm nghẹt lại. Cái bàn tay kiều bào đầu tiên tôi cầm vào là một bàn tay mềm của một em nhỏ đầu đội mũ phớt không bóp mũi. Cái bàn tay kiều bào thứ hai tôi cầm vào là một bàn tay gọn lèn những chai cứng. Tôi nhìn lại cả người ông cụ. Quần áo tây soviết đen, còng còng, giày vécni đen, rắng đen. Một sự lệnh đèn được trang phục khắc khổ. Tôi nhiều thiện cảm ngay với ông cụ đốt than châm đầu tàu mỏ kẽm bên Tân Đảo này. Lát nữa, phải gấp lại ông cụ! Trong khoang tàu, ngắn ngang mọi thứ ngắn ngang. Đồ đạc, va li, chăn chưa gấp của em nhỏ còn ngủ; bát đĩa bữa điểm tâm

cuối cùng trên bể Thái Bình Dương vào bờ; chốc nữa ào ào rời tàu, sà vào lòng mẹ Tổ quốc, chết đi sống lại thực đáy, nhưng ở quê làng còn ai còn những ai còn những gì? Toàn túi vài mỏm xác, toàn va li da, tịnh không có một cái bị coi nào, tay nải nào, lăng mây thúng nan nào. Bà con người lớn em bé ai cũng khỏe cả bình yên cả cởi mở cả. Tôi bắt chuyện với một vài cô đẹp sáng như bình minh trên bể Tổ quốc. Tôi nói tiếng Pháp để cho cô em yên tâm về cái vốn tiếng Pháp cô mang theo về với cái giọng rất đầm: "Cô yên chí. Làm ăn lúc thong thả, cô cứ trau dồi tiếng Pháp. Biết đâu chả nhận được những công tác như đánh máy những tài liệu văn học dịch ra Pháp văn. Biết đâu lại chả làm thông ngôn phiên dịch cho Công ty Du lịch ta những dịp nhiều khách dân chủ tới thăm Tổ quốc ta tốt đẹp khắp nơi. Vân vân...".

Một bác khác, đứng bên, chen vào: "Em đi từ năm *toóngđơ*. Có làm ở mỏ kẽm Tiô. Sau làm tàu. Rồi làm bếp riêng cho quan ba tàu thuỷ. Món Tây gì cũng nấu được". Con người chất phác có tuổi ấy vui hẳn lên, khi tôi nói rằng ở Giao tế Trung ương và bunggalu du lịch của ta mở ở Tây Bắc vẫn rất cần những công nhân biết nấu nướng lối Âu. Trời sáng lơ từ lúc nào trên khung cửa thang xuống boong hai. Tôi ngoi lên boong một, nhìn các mảng đồng kiều bào đau đớn nhìn luỹ tre các làng dọc cửa Nam Triệu. Tàu đã chuyển máy

dịch dân dịch dân về phía Hải Phòng. Những con hải âu bụng trắng là là theo tàu hồi hương, lượn vòng, đi kèm tàu, như những lời chào sớm mai tốt lành bình yên hạnh phúc gửi từ trong đất liền ra. Một chiếc tàu bay màu nước biển trên không phận sông Cửa Cấm cũng đang nhào lộn kiêu lá roi. Một khóm nhà máy công nghệ nhẹ vừa mọc ở ven sông. Thoáng vào tai anh những câu: “- Không quân của ta đây phải không? Hả dạ quá nhỉ? - Nhà máy gì đây? Ta có mỏ côm và mỏ kẽm không?” Tôi dừng lại, nói nhỏ thân mật vào tai bác lão công nhân đi phu mỏ Tân Thế Giới trở về: “Có, có, ở khu Bốn”. Bác cười lộ hai hàm răng đen, gật gật và hóm hỉnh: “*Bôòng!* Thế thì *bôòng* lăm! Đảm bảo tương lai rồi!” Máy anh thanh niên đều biết chữa ô tô biết lái xe con thạo lái xe cam nhông tíu tíu hồi tôi về giá étxăng và động cơ bón nổ của xe Liên Xô. Các cậu mời tôi hút thuốc hộp 50 điếu, tôi mời lại các cậu ít điếu *Thăng Long*. Trước mặt đã dùn dùn khói đen khói vàng nhà máy xi măng. Dưới sông xèo xèo bọt sóng nước, nhà chài vọng lèn tàu hồi hương mà vẫy chào, mà reo mừng, mà chan hòa xúc cảm. Mặt sông bỗng rên vang tiếng còi xiren các salúp tàu sông tàu bể và nhà máy. Tiếng chào của cả một cái bến Hải Phòng đón người vượt biển về nước. Thân tàu mạn trái tàu Anh Cát Lợi *Hoàng hậu bể Đông* chói thăm những băng vải đỏ khẩu hiệu chữ Việt: “Việt Kiều

Tân Đảo Tân Thế Giới biết ơn sự chăm sóc của nhân dân, Đảng, Chính phủ..." Anh Diara phóng viên báo "Nhân Đạo" Pháp vẫn đi vào các nhóm Việt kiều từng mảng như những quần đảo trên nước. Bác Boócsécxơ đi lấy tin cho Thông Tấn Xã Đức Dân chủ luôn tay máy ảnh không tiếc phim bấm. Tôi theo làn khói thuốc lá cùng là làn khói tàu mà nhớ chuyện qua chuyện cũ. Hơn hai chục năm đã đi qua, bằng đi không nhớ là gì nữa. Nay sức nhớ lại cái hồi đi làm phim thất bại ở Hồng Công Hương Cảng trở về. Lại cái hồi tay mình đeo còng xiềng bị giải từ Thái Lan về qua Nam Vang qua Sài Gòn trên chuyến *Chantilly* "Đầu ngựa Năm sao" cặp bến Hải Phòng cũng một buổi mờ mờ nhàn ảnh, và Tổ quốc lành lạnh như thế này đây.

Tàu áp dân vào Sáu Kho, người đứng trên người đứng dưới càng nhìn càng tỏ mặt nhau. Cuộc mít tinh đón tiếp mờ bằng những tràng pháo đốt trên boong tàu rơi bắn xuống. Những đám múa sư tử rước rồng bao khắp bến tàu gợi đến một cảnh Tết Hậu Giang Nam bộ. Bà cụ miệng mếu mếu: "Tết ở Tân Thế Giới bà, con cũng đánh đụng lợn bánh chưng giò chả, nhưng không được tự do đốt pháo vui vẻ như thế này. Ở bên ấy chỉ thèm bát canh cua đồng thôi ông ạ". Bà cụ quê vùng Gia Viễn Ninh Bình. Các thanh nữ thiếu nhi luôn tay vốc giấy séc păngtanh ngũ sắc và công-

phétti ném, nỗi vui nhộn thành hoa bay đậu lên tóc  
lên vai lên cổ mình, đậu lên tóc lên vai lên cổ đồng  
bào mít tinh đón ở bến. Hàng đoàn hàng đoàn xuống  
cầu tàu. Lâu năm không gần chân vào đất liền Quê  
Mẹ, có những khuôn mặt vừa xuýt xoa vừa rơm rớm  
mà nghẹn ngào. Đôi ba chục năm xưa ra đi với cái  
nón mè bộ quần áo tã làm người cu li của một nước  
An Nam “bẩn thiu”, nay trở về thì đất nước hồi xuân  
đã mang quốc hiệu Việt Nam. Còn mình thì mang cái  
tư cách là người công nhân của giai cấp và góp mình  
vào Tổ quốc phồn vinh.

Trong số người rời tàu xuống, cùng dự mít tinh, có  
cả ông Tây Tân Thế Giới Raoult tay cầm một bó hoa  
hồng vừa nhận được.

Cửa bể vẫn là cái chốn nhận lấy nhiều luồng ở  
ngoài từ ngoài đưa vào. Luồng bão. Luồng hàng.  
Luồng tin. Luồng gió lạnh, luồng hơi ấm đồng bào và  
dị bào. Hơi ấm của người tướng là biệt tích nay lại từ  
hòn đảo xa lắc mà về.

Túi túi mừng mừng cứ xoắn xuýt mãi không thôi  
trên một bến mai.

Trạm 50 đã nhộn nhịp, chiều 12-1-61 đó càng bừng  
bừng cái không khí đợt đầu hồi hương. Nhiều bà con  
Tân Thế Giới đã tướng Thủ tướng Phạm Văn Đồng trở  
về Thủ đô ngay sau buổi mít tinh sớm mai trên bến  
Sáu Kho. Đứng giữa 551 tấm lòng kiều bào nhiệt ái,

Thủ tướng như nói tiếp những điều mà ở buổi lê hồi sớm chưa nói hết: "... Cho nên tôi trở lại đây. Quây quần như thế này tốt hơn (...) Đến một chỗ mới, dù chỗ đó là quê hương mình, vẫn thường có những cái mình chưa quen. Mong đồng bào làm quen và quen một cách nhanh chóng (...) Sẽ có những điều rồi đây đồng bào nghĩ ngợi nhiều. Nếu lòng mình nghĩ chưa đúng, thì cũng có thể có điều buồn trong bụng đó". Một thanh niên sốt sắng hỏi Thủ tướng về tương lai thanh niên Tân Thế Giới hồi hương. Thủ tướng cười khà khà trả lời anh bạn trẻ về tiền đồ bạn trẻ hồi hương: "Giờ chờ tương lai của thanh niên thì dễ trả lời lắm. Tương lai thanh niên là của Tổ quốc. Tương lai thanh niên sáng sủa vinh quang như đất nước chúng ta. Mình mà muốn đóng góp thì không lo gì (...), nếu trong máu mình có cái máu Việt Nam..." Giữa sân trạm 50, vẫn khà khà cái tiếng cười trẻ tráng.

Chiếc tàu bể lại nhả bến Hải Phòng quay mũi ra Thái Bình Dương, tiếp tục lần lượt đưa nốt sáu ngàn có lè tâm hồn ái quốc trở về quê gốc. Có lè vào dịp giao thừa Tết ta này, tàu Tân Thế Giới Tân Đảo chuyến thứ hai lại ăn bến Hải Phòng giữa pháo mừng xuân kế hoạch năm năm lần thứ nhất trên khắp miền Bắc.

## MÔM LŨNG CỨ TỘT BẮC

*Ghi Đoàn Giới*

Hà Giang là một tỉnh biên giới nằm trên đỉnh đầu Tổ quốc. Người Hà Giang nhiều dáng nét, quả trái Hà Giang nhiều mùi vị. Núi Hà Giang hùng vĩ nhiều cồng trời, ngựa Hà Giang thon vó và mượt mã. Ở đây, cho đến hôm nay chưa một thằng giặc bay Mỹ nào hạ dù xuống, nhưng từ năm nọ Hà Giang đã nhiều công lao và kinh nghiệm tiêu phì trừ gian. Tỉnh đường ngược đó giống chè tốt, giống ngô giỏi, mờ đường làm đường nhiều, là một hậu phương lớn của các tuyến lửa nước ta. Tôi tới Hà Giang nhiều lần, và mỗi lần tới là lại được đi trên những khúc đường, những con đường mới mở. Hình như lúc nào Hà Giang cũng nắn đường, nối đường, mở đường. Mở đến đâu, khánh thành ngay, thông xe ngay, dù chỉ là từng cung một. Chưa xong Đồng Văn - Mèo Vạc đã mở đường vào Hoàng Su Phì, vừa xong Hoàng Su Phì lại tiếp luôn đường Bác Mê, chưa xong đường Bác Mê thì đã nghiên cứu cắm dần

cọc tuyến cho đường vào huyện mới Xin Mǎn. Trên đường đèo vào Mèo Vạc, xe tôi dừng ở đình dốc Mã Pi Lèng, đúng chân tám bia đá ghi công những người mở đường. Cá quãng Đồng Văn - Mèo Vạc hai mươi bốn cây số đường núi đá này phải làm mất một năm rưỡi, nhưng riêng chỗ dốc Mã Pi Lèng, Xống Mũi Ngựa này thì phải tốn mất mười một tháng treo mình trên vách đá để đục mìn, đánh mìn, bốc đá khác đá ra mà cấn mặt đường vào vách đá đúng thành vại. Ba năm trước, cũng vào tiết thu tôi đứng ở mép vực Mã Pi Lèng nhìn dòng sông Nho Quế như thế này. Hồi ấy, phá đá để khai đường, âm âm cây lao xuống vực, âm âm đá lao xuống dòng sông típ thấp dưới kia, có hòn đá to bằng cái tú áo nhưng chỉ lộn nhào vài chục vòng là tan vụn ra thành khói. Và âm âm vang dậy những trận cốt mìn, nhưng tan hết khói mìn, tan hết bụi đá, thì chỉ thấy tắc đường. Con đường chỉ đến chỗ đình dốc Mã Pi Lèng hiềm nghèo này là hết. Đến đây là cùng đường, và trước mặt chỉ có đá. Phải gọt đá đi mà tiến vào phía trước. Phải đục đá đi mà tiến tới. Trong trận đánh nhau này họ là nam nữ trai tráng gồm mươi sáu dân tộc, và quê hương thuộc tám tỉnh trên miền Bắc (Cao - Bắc - Lạng - Hà - Tuyên - Thái và Nam Định Hải Dương). Những người dũng sĩ mở đường ấy nay đều vắng mặt cả, nhưng trước mắt tôi là một con đường cái quan cộm lên một màu đá xanh

và ro ro xao động dưới lốp chiếc xe tiến vào huyên Mèo Vạc, càng vao càng mưa to. Mưa cả nửa ngày hôm ấy, mưa suốt cả đêm hôm ấy và không ngớt hạt lúc nào, trận mưa Mèo Vạc kéo dài sang luôn cả nửa ngày hôm sau. Mưa như thổi cỏ thổi đất ra, nhưng cất cơn mưa một cái là mặt ruộng lại nứt nẻ ra ngay. Đêm mưa không ngủ được, cứ thao thức về nông nỗi khan nước khát nước cổ truyền của bāi ngô cánh đồng Mèo Vạc. Mùa đông hạn hán, đốt đuốc ngồi rình nước rò ra từ hang đá, ngồi chờ thùng nước quay được về, có khi mất cả đêm. Mai cho đến mấy năm gần đây mới hoàn thành được mương nước chảy về từ trên nách núi cao. Nước xuống dốc, nước uốn khúc trong lòng đá máng, đá dã cap, bê tông, nước ngoặt chữ chi, nước nổi gió nổi sóng trắng mà chảy xộc về ruộng thấp dưới phố. Con đường thủy lợi trông xa xa cũng tựa như một con đường bộ nào trắng bệch trắng ngàn, những khúc rồng rắn cuộn từng. Cái năm 1965 nước thủy lợi chảy về đến cánh đồng huyên, thì cũng là năm con đường cái quan mở vào tới phố huyên. Mừng nước về, mừng đường vào, cả huyên mở hội liên hoan song hỷ! Hạnh phúc này chồng lên hạnh phúc nọ, hình như cho nó bõ với những ngày thiếc thốn cũ, đã thiếc mương nước lại thiếc cả xe ca xe tải vào. Năm ở huyên có hai đêm, nhưng cũng đã phần nào thám được cái khổ xưa và cái vui hôm nay của huyên núi

Mèo Vạc. Cũng như Hoàng Su Phì, Mèo Vạc đây là một túi mưa, một cái túi đựng mưa. Nhưng mà xong mưa thì bao giờ cũng vẫn là nắng. Nắng lên, chúng tôi bồi hồi cầm tay các đồng chí huyện Mèo Vạc hẹn hò ngày trở lại, và đi thẳng luôn xuống xã Lũng Cú. Chợ Đồng Văn đang họp đông lắm, nhiều thứ tươi vui lắm, nhưng thôi, đường còn xa, cứ phải đi nhanh đi thôi. Bỏ đường cái ô tô, đi vào đường mòn ngựa thồ, càng phải dẩn bước và ngủ lại ở Mã Lé. Bên tay trái Mã Lé kia kia là Mã Xồ, xóm Mã Xồ mà cách đây sáu cái tết quân dân ta còn phải nổ súng tất niên để tiêu diệt nốt tàn dư bọn thổ phỉ thua chạy từ chợ Đồng Văn kéo về và đêm hết năm đó, tiếng súng chiến thắng của Đồng Văn đã nổ giòn hơn pháo giao thừa tại bất cứ chợ biên giới nào. Đồng chí Bế Kim Môngh phụ trách tiểu khu Mã Lé - Lũng Cú đây là người quê bên Cao Bằng. Đêm ngủ lại Mã Lé, cũng là cái đêm tôi hay nhớ đến Cao Bằng, Cao Bằng có chợ to Bảo Lạc và người dưới xuôi trước đây lên mạn ngược đi chợ lớn Đồng Văn thì bao giờ cũng cứ phải qua chợ Bảo Lạc chuyển cát các thứ hàng.

Trong mấy năm gần đây chuyển mình lên chủ nghĩa xã hội, Hà Giang mở đường tỉnh và nối đường quốc lộ xuyên qua tỉnh mình, thì thanh niên Cao Bằng sang giúp sức cho Hà Giang cũng thật là nhiều, cứ hàng đại đội; chỗ nào hặt đá húc đá tai mèo thì có

bàn tay mở đường của những công nhân trẻ tuổi Cao Bằng.

Quá trưa thì tới trụ sở uỷ ban xã Lũng Cú.

Liên mấy năm và bấy nhiêu lần đi Hà Giang luôn luôn ván vương về cái mảnh đất tận cùng Tổ quốc là xã Lũng Cú này đây. Nay tôi được, nó như là giữ trọn được một lời hứa. Mở túi dết lấy bàn đồ ra mà xem lại, thấy nó đúng là như vậy. Lũng Cú tọt Bát này và Cà Mau cực Nam Nam bộ trong đó là hai cái mũi nhọn cùng nằm trên một đường kinh tuyến 105 độ, mũi Lũng Cú đây ngả ngả sang mặt Đông, và mũi Cà Mau trong ấy chênh chênh sang phia Tây. Nó cũng là một chữ ét xì hoa nhưng gấp góc hơn, so với chữ ét xì viền theo con đường biển từ bãi cát Móng Cái đến bờ núi biển Hà Tiên. Như thế là, về hình thể nước ta, ta có những hai chữ "S", một chữ ét xì ở biển ngoài và một chữ ét xì nữa ở lưng núi trong này. Và khi mà ta nói về chiều dài của nước ta, ta phải tính từ mũi Lũng Cú tới mũi Cà Mau, phải tính theo đường kinh tuyến xương sống đó thì mới là đúng.

Đồng chí phó chủ tịch Lý Xè Páo đã xăm xăm lên cầu thang gác, giọng ồm ồm: "Thế có đi ra bờ sông Nho Quê như đã bàn không? Chiều quá rồi đấy". Chúng tôi theo Bé Kim Mông và Lý Xè Páo đi ra cái xóm Sèo Lùng thượng cùng của đất nước Việt Nam.

Trong Lý Xè Páo thật là thích. Gặp được những người Mèo đồng chí như anh, ta thấy như núi non của mình thật là tốt lành, đẹp, khoẻ. Lưng Lý Xè Páo như lưng con báo, râu Lý Xè Páo như râu Phiđen Cáttorô tìa bớt đi. Lý Xè Páo đã tham gia tiêu phì, và nay anh là xã đội trưởng. Tôi muốn lo xa cho tính mạng những thằng phi công thổ phì Mỹ không may mà lạc dù vào đất Đồng Văn có nhiều Lý Xè Páo này. Mùa thu biên giới đứng ở hữu ngạn sông Nho Quế, tôi nhìn không mỏi mắt sang bên Trung Quốc, nhìn sang xóm Khuôr Sú Chuờ ẩn ẩn hiện hiện mảng nắng hanh chen lấn với những mảng bóng râm kéo xuống cả đến giữa lòng con sông chiều. Xa xa có tí bụi đỏ nổi lên từ con đường ô tô chạy về đồn Sàng Phùng chỗ bên kia biên giới. Nhà Mèo chúng tôi vào nghỉ chân là ngôi nhà dựng trên mây thước đất tận cùng miền Bắc nước ta. Sau lưng nhà cụ Mèo Lý Chúa Dênh sáu mươi nhăm tuổi đó là đã chuyển sang đất nước láng giềng rồi, cái luống ngô cao mướt tay ta với được ngọn đó là đã thuộc về nương ngô bạn rồi. Cụ Dênh bà đang xay đồ nành, đang khuôn bột đổ thành bìa đậu phụ trắng muốt. Hai ông bà Mèo muốn giữ khách lại để cùng luộc bìa đậu nóng đánh chén. Ngồi dưới mái nhà cụ Dênh chỗ tắc đất tận cùng nước ta, tôi vẫn trong đầu vẫn vương vè hình thể Việt Nam ta trên bản đồ. Cái dáng nét biên giới phía Bắc nước ta có khác gì một cái

mái nhà nó ngoi lên trên các lớp ngói đá của núi non Trung Quốc trùng điệp bát ngát. Mái nhà Tổ quốc, mái phía Tây sa xuống sát đồn A Pa Chải (Lai Châu), và mái phía Đông hơi héch lên để đón gió nắng biển Đông, đầu mái chấm xuống bãi cát Sa Vỹ ngoài Móng Cái. Ngôi ở mòm Lũng Cú này, ngồi ở nhà cụ Mèo Dênh đây, tưởng như mình là một người thơ ngõa nào khom mình trên một nóc thương lương để nghe Tổ quốc đang như một bậc thợ cả không ngót lời truyền cho mình những bài học thẩm thia về xây dựng cơ bản và giữ cửa giữ nhà. Lại còn thấy quý mến thêm Hà Giang, cái tình núi đã được đất nước ông bà giao cho cái trọng trách đặt một chiếc nón lá lên đầu người không lồ Tổ quốc. Và nếu mũi Cà Mau trong kia là cái ngón chân cái người khổng lồ chưa khô bùn vạn dặm, thì mũi Lũng Cú đây đích thị là cái chỏp nón một cái nón bài thơ muôn đời đó.

Quanh đây có khá nhiều gốc lê, để vài tháng nữa vị ngọt đậm hơn và hương sê nồng hơn, nhưng bây giờ cũng đã hái ăn được lăm rồi. Chúng tôi rủ nhau đi trảy lê mùa, xúm quanh một gốc lê sum sê quả, quả xanh, quả vàng, quả ửng má hồng. Lý Xè Páo bảo chúng tôi đứng dưới gốc mà đón lê, anh trèo lên cây rung cành lê. Lê rụng như mưa đá rơi. Ở đây vui quá. Gốc lê trĩu nặng hàng ngàn quả, và đi qua vài quả núi, ở xóm Thèn Ván, lại có một cụ Mèo thợ một trăm

linh hai tuổi tròn. Cụ Thào Phái Dư, mặc dù trên trăm tuổi vẫn ngày đi chật cùi, và làm việc đều cho hợp tác xã, công điểm cứ tính đều 6 điểm. Chao ôi, mùa thu biên giới, người và cảnh thật là hết chỗ trữ tình. Trên các triền núi láng giềng, nắng hanh như ráy bêt nghệ, và đá núi lượn chạy như xô bồ những con sóng đời đời không chịu tan. Nhìn sóng đá các triền núi bạn, thấy như biển cả đang vỗ bờ mà sao tự nhiên phim lại mất hẳn đi cái phần lòng tiếng. Ngồi trên núi cao mùa thu, nhìn ra sóng núi từ bể, cứ thấy nhớ biển, nghĩ về bờ biển. Lũng Cú cao hơn mặt biển khoảng hai ngàn thước và năm ở vĩ tuyến 23 độ lẻ 22 phút. Thẳng buông một quả dọi thả lên tảng bản đồ đất nước treo trên tường, cứ thẳng từ mũi núi này mà đổ xuôi xuống tháu vào vùng lầy phù sa đen chỗ vĩ tuyến 8 độ rưỡi giùm đó, thì là đúng mũi Cà Mau đó rồi. Ở đây rừng của lâm nghiệp bảo vệ rừng ngày càng lấn núi, và trong chỗ tít tắp chân giời Cà Mau kia thì đất càng ngày càng lấn biển. Tổ quốc ta ngày càng xanh vui và ngày càng cao lớn mãi lên. Ở đây chim họa mi rất nhiều, có ngày bắt giỏi được hàng mấy trăm con. Ở trong mũi biển xa xôi Cà Mau thì cá múa trong lòng rạch, lòng kênh. Anh Sáu tập kết ra Bắc, bảo tôi rằng đi trên cát cho giỏi, cát không níu được chân mình lại thì đi vã bộ nửa ngày mới qua tháu xóm mũi biển. Và chỗ xóm Ông Trang tận cùng Cà Mau, có bà mẹ chiến

sẽ lúc nào cũng đầy một sân tôm khô và bong bóng cá đường để dành cho bất cứ người yêu nước nào. Ở trong ấy, cá thành ra một thứ chim bay ngược lên cành được lòng kênh. Lòng kênh là một hành lang ước, chiếu thẳng ống dòm ra thì thấy đầu đàng kia hành lang, cù lao Hòn Khoai nhấp nhô như một tinh thể nhỏ đang bơi bơi về đất liền quê mẹ. Châu cha, hôm nào thanh toán xong ba thằng giặc Hoa Kỳ (ba thằng hay ba mươi vạn thằng thì cũng vậy), hôm nào đất nước yên hàn, tôi nghỉ rằng mình phải có những chuyến tàu bay trực thăng tốc hành đi thẳng từ mũi Cà Mau ra mũi Lũng Cú, cứ chiếu thẳng hướng Bắc mà đi, rồi đổ xuống cái vật núi Lũng Cú đang bốc khói lam chiêu này. Bà má Nam bộ muốn trồng cây được ở bờ Hồ Kiếm, xin má cứ đem trồng; nhưng tôi muốn người Cà Mau ra thăm chõ xa cao nhất miền Bắc hay đem tới Lũng Cú đây ít tôm ít cá, và một cái lồng áp đã đượm cháy săn mây hòn than đước.

Tôm cá ướp lạnh mà còn tươi thì càng tốt, nhưng phơi khô rồi, ở đây vẫn rất quý. Hòn than đượm cháy đỏ đem theo kia sê nướng luôn những bìa đậu phụ Lũng Cú vừa mới khuôn xong. Nhớ đem theo lên ít kilô muối trắng của nại muối biển Cà Mau. Muối ở đây là vàng trắng. Lại nhớ chuyện đoàn đại biểu dân tộc Mèo xuống núi đi thăm quan các tỉnh đồng bằng, thăm Hải Phòng, thăm Quảng Ninh và thăm ruộng muối. Khi có người cắt nghĩa làm muối là lấy ngay cái

nước bể ầm ầm mênh mông lụt sóng kia đem đổ vào nại muối, nắng và gió làm khô nó đi, nó cứng lại, thì là thành hạt muối đấy. Một chị Mèo liền chỉ biển Đông mà kinh hoàng reo lên: "Người nào có cái biển nước mặn mucus lên sản xuất muối không bao giờ hết cạn, thế thì người ấy giàu có quá nhỉ?" Đúng, người có cái biển muối thì nhất định tha hồ mà giàu có. Và người tỷ triệu phú ấy, không ngoài ai cả, mà chính là bà mẹ Tổ quốc của tất cả chúng ta đó.

Lý Xè Páo tụt đánh huych từ trên cành lê xuống, giọng ồm ồm làm đứt giấc mơ Cà Mau của tôi. Vừa rồi tôi cứ ngồi dưới gốc lê mà mơ ngồi, miệng còn nhai dở một miếng lê non. Trong Lý Xè Páo hay quá. Tôi chưa được biết mặt anh Ba Búa lừng danh du kích Cà Mau, nhưng tôi nghĩ anh cũng có thể giông giống đồng chí Lý Xè Páo của tôi đây.

Đêm ở ủy ban nghe đồng chí bí thư kiêm phó chủ tịch kiêm xã đội trưởng Lý Xè Páo báo cáo về tình hình mọi mặt của xã Lũng Cú, có những lúc tôi đăng trí mà nối theo giấc mơ Cà Mau. Thấy mình được theo đoàn Hà Giang đem đào, mận lê vào chợ Năm Căn, và thấy mình đang đứng trước ngàn ngàn người mà khoe hay khoe tốt về Lũng Cú đỉnh đầu, về Hà Giang nhiều ngựa lăm cổng giờ. Bỗng có người thính giả Cà Mau trong phút nghỉ giải lao hỏi tôi: "Nay bà con ở mũi cực Bắc gặp bà con ở mũi cực Nam, vậy Hà Giang chịu kết nghĩa thêm với Bạc Liêu của Cà Mau đây rồi!".

## ÔDETXA

Khách sạn Ôdetxa trông thẳng ra mặt biển và đúng là cái khách sạn (tên cũ của nó là khách sạn Luân Đôn) mà Marich cùng Tô Hoài đã ở cách đây vài năm. Buồng tôi hướng thẳng ra mặt bể đang lố nhố những cột buồm lóng lánh, và đang lù lù những con tàu cái thì rời bến cái thì nhập cảng. Hình như điều này cũng có tính chất quốc tế: bất kể là ở bến nhỏ làng nào hoặc cảng to nước nào, không khi bờ biển bao giờ cũng hay kích thích mạnh tâm đầu những người mới tới, nó mạnh hơn cả mọi dịp còi rúc trên các đầu sóng. Thấy khó ngủ, bèn chạy ra ngoài hành lang đầu cầu thang máy, và gẫu chuyện một lúc vây với chị Rôxita. Cái ngăn kéo bàn giấy chị ta, có đến hàng trăm thia khóa buồng bằng đồng, cái nào cũng đeo vòng số. Rôxita có cái đẹp của phụ nữ xứ Do Thái và nói được tiếng Pháp (người Ôdetxa thường tự phụ rằng mình nói được hết các thứ sinh ngữ trên thế giới).

- Thế là anh vừa từ phương Bắc mà xuống phương Nam này đây.

- Phải. Tôi vừa rời cảng Leningrat để tới thăm cảng Ôđetxa (lúc nói, tôi cố nhấn mạnh vào chữ cảng).

- Bằng đường nào? Đường trời hay đường biển?

- Mới lúc gần bảy giờ chiều vừa đó tôi còn trông thấy ánh tà dương đỏ ửng trên cửa sông Neva trên vịnh Phần Lan. Mà bây giờ tôi đã là người Ôđetxa của chị rồi đây.

- Chỉ có hai tiếng rưỡi Tê U, thế là nhanh là tốt. Nhưng đối với người du khách, con đường thẳng và cái cách thẳng đường chim bay, không nên coi là cách duy nhất của sự đổi chỗ. Con đường vòng nhiều lúc lại lý thú hơn. Giá mà anh lại đi từ Leningrat đến Ôđetxa này bằng đường vòng, bằng tàu bể, tôi chắc là anh sẽ còn bằng lòng anh hơn nữa. Qua bể Bantich, qua biển Bắc, vào Đại Tây Dương, vòng qua Địa Trung Hải rồi mới vào Bắc Hải này, ôi bao nhiêu là bến bờ khác nhau!

Thế là đã khó ngủ, giờ lại càng thao thức tợn. Rôxita vừa “giá mà... giá mà đi đường vòng bằng tàu biển”, để tôi lại phải ngồi một mình trong đêm dài Ôđetxa với tâm hồn đồ thế giới trải rộng ra kia, với tất cả tên bể tên bến. Lại nhớ tới thơ con tàu say, lại nhớ đến chiếc tàu Bồ Đào Nha trong hồi ký năm 1915

của Pauxtôpxki lão giang hồ. Lại nhớ đến mấy cái đêm dài vừa rồi ở Xibêri đi bộ trên mây quang phố vắng đêm Iarkut, Nguyễn Đình Thi cùng thốt lên với tôi rằng sao nó gọi gọi mây quang “phố Tây” phía Sáu Kho ở bến Hải Phòng đến thế. À, mà về Ôđetxa này, dễ thấy nhớ nhà thật. Bằng đường biển, từ Ôđetxa đây mà sang Hải Phòng, mất trên dưới hai tuần, nhanh thì 12 ngày (mỗi giờ chạy 25 hải lý) mà còn ghé cảng này cảng khác dọc đường thì cũng chỉ 18 ngày thôi. Máy ông voi ta làm quà tặng vườn Bách thú Matxcova đó là đi con đường bể này đấy... Ủ, cái hôm đó mình cắt cánh rời Hà Nội, thì máy bay Mỹ ta hạ trên miền Bắc chỉ mới là chiếc thứ 592...

\*  
\*      \*

Ở Ôđetxa, tất cả có ba đêm. Đêm đầu coi như không làm việc, hai đêm sau mới đi nói chuyện về tình hình Việt Nam đánh Mỹ và tình hữu nghị Việt Xô. Đêm đầu là nghỉ, vì gần mười giờ đêm mới hạ xuống trường bay, rồi về khách sạn nhận láy cái buồng 338, với tất cả mọi thứ thủ tục thông thường. Rồi tiếng là nghỉ, nhưng cả đêm đầu, mắt cứ thao láo để nghỉ xem ngày mai đêm mai làm gì, ngày kia đêm kia làm gì, và và... các thứ. Cả đêm đầu Ôđetxa trong

đầu một anh thủy thủ nước ngọt như tôi, thấy dâng lên mọi thứ sóng đại dương. Và chỉ chớp được mắt khi gần sáng bạch, cái sóng lòng đã tan bọt nước thùy triều mà xèo xèo loãng đi. Đêm thứ hai, nói chuyện với nhà văn nhà báo Ôđetxa, mà lại nói bằng tiếng Pháp (bọn tôi đều mù tịt tiếng Nga). Bạn đồng hành là anh Vlat cũng thông thạo tiếng Pháp một cách dễ thương và nhiều bạn Ôđetxa đều khen buổi đó là kết quả to, nội dung và hình thức đều hay. Lại có thu vào vô tuyến truyền hình. Và hai tờ báo liền đăng tin và in ảnh.

Đêm cuối cùng, nói chuyện với thanh niên đồng bào mình. Anh chị em ta học về hàng hải tại Ôđetxa, khá đông. Buổi nói chuyện tại giảng đường Đại học Ôđetxa với sinh viên Việt Nam bằng tiếng ta (dù nhiên) cũng hào hứng như buổi nói tiếng Pháp đêm qua với các bạn Liên Xô. Với đối tượng đồng bào sinh viên mình, có thêm cái mục về tình hình sinh hoạt các tỉnh và Thủ đô, nhất là những nét cụ thể về sơ tán. Khi nói về súng trường của ta kết hợp với cao xạ tối tân của các bạn viện trợ để đánh con thú dữ Mỹ, thì sự tự hào dân tộc của cả khối sinh viên Việt Nam càng truyền thêm hào hứng cho người nói. Quá khuya, Xuân Diệu mới mò về khách sạn. Tôi vẫn cứ thức, thức mãi, tâm và đầu toàn thấy vỗ sóng, lúc ào ào âm ầm, lúc lại óc ách nhịp đôi như là lý giải ôn tồn cho

một cái kè gỗ cầu tàu cỡ vừa. Chao ôi, con tàu đánh cá voi của Gaiđaenkô lúc này đã rút được bao nhiêu hải lý rồi? Chủ tịch Chi hội nhà văn Ôđetxa đây Gaiđaenkô (vốn là một nhà hàng hải từ chiến tranh Tây Ban Nha bị phát xít giam cầm trên đất Tây Ban Nha) đáng lẽ xuống tàu từ hôm trước, nhưng được tin có bạn văn thơ Việt Nam tới, anh lùi lại ngày nhổ neo; anh tới khách sạn bày ra một bàn rượu, trên bàn cầm đủ ba thứ cờ. Cờ Liên Bang Xô Viết, cờ bang Ucraina và cờ Việt Nam. Một bạn Ôđetxa bảo nhò tôi rằng chuyến này xuống tàu đánh cá voi sang tận Úc Đại Lợi cực Đông Nam, chính là Gaiđaenkô đang cần cách ly với sinh hoạt đất liền để hoàn thành cuốn tiểu thuyết cứ bị nhiều công việc làm ngứt quãng. Gaiđaenkô nâng cốc: "Chúng ta là những bạn cùng chiến đấu, chúng ta hãy uống cạn một chén! "Nhưng một chén của anh bạn Ivan Pêtrôvich (Gaiđaenkô) phong thái rất hào hùng hiệp sĩ kia, sao cái một chén ấy nó lại hóa ra đến vô số là chén kéo dài ra suốt cả chiều cả đêm áy như thế. Cái đêm về sáng áy, người linh thùy Gaiđaenkô áy đúng là một con sóng trên đất cạn, hai chân hai tay và cả người đều mềm khõe như một con sóng chỉ có xô đi. Hình như sau trận rượu giao hữu áy, tôi đã bắt đầu hiểu được cái độc đáo của tinh Ôđetxa và, sau này kể lại câu chuyện áy với các bạn Liên Xô khác ở Matxcova thì mọi người đều nhìn

tôi với bao nhiêu là tùm tím đầy độ lượng. Chao ôi, đêm nay tàu cá voi của anh bạn rượu Ivan đang ở kinh tuyến vĩ tuyến của biển nào đây? Chúc anh cười sóng mà viết cho tôi hết cái điều anh định nói nhé!

Và giờ này ở Maxcova, mấy anh Marich, Aliôsa và chị Mira đang thức ngủ ra sao? Mira, chị bạn hay ủng hộ tôi về cái sáng kiến sang thăm Liên Xô, ngoài con đường sắt và con đường mây, nên dùng cả con đường biển, đi từ Hải Phòng tới Vladivôxtôc (Hải Xâm Uy).

Bữa cơm đầu tiên không dùng ở khách sạn là một bữa trưa ăn một cách thoải mái chan hòa tại một gia đình lính thủy Ôđetxa. Chủ nhân Kônxtantin Kôvalenkô không phải chính quê ở cảng này, quê tận bên Axtrakhan sản xuất trứng cá cavia nổi tiếng, nó ở phía Lý Hải bên kia, ngay chỗ cửa sông Vonga đổ ra biển ấy mà. Kônxtantin trước là thủy quân đánh bộ, trong chiến tranh thế giới lần thứ hai, có gop phần máu huyết vào giải phóng Ôđetxa, và từ ngày ấy xây dựng gia đình ở cảng này, và nay tự coi mình là dân Ôđetxa chính cống. Nay Kônxtantin làm phó giám đốc cảng Ôđetxa. Anh to, cân nặng 110 kilô. Anh lại cao, cao tới 1 thước 80 phân, anh lại còn cười ô ô mà tự mia về cái tầm vóc của mình. “Ấy thế mà tại quân

đoàn tôi, hồi chiến tranh thứ hai, tôi chỉ là một thằng lùn. Ở đơn vị này, người nào cũng cao như cột buồm tàu bể. Khối người chiều cao tới 2 thước mét linh 5 phân, đúng cái tầm vóc của Sa hoàng Đại đế Pie thứ nhát!” Tôi còn mở hết tôi ra mà nghe Kônxtantin, tò ý thường thức cách nói ngoa ngoắt đáng yêu của người phương Nam. Ở đây, vẫn là nơi hào khí bốn bề là anh em một nhà, và nói đủ giọng và đủ các thứ tiếng. Kônxtantin kéo chúng tôi vào trụ sở Công đoàn Khuân vác, lấy phù hiệu càng Ôđetxa gắn vào ve áo tôi, mà đưa: “Anh đeo nó mà vào tất cả các bến lớn toàn cầu, thủy thủ quốc tế sẽ phải biết anh”. Anh đưa chúng tôi đi thăm càng quy mô cảng đang trên đà mở mang thiệt lớn. Việc kiến thiết dùng sức tay người rất ít, mà 98 phần trăm là dùng sức máy. Có 85 càn trục máy, trong ấy có 3 càn trục mặt nước một mình mỗi càn phao nổi bốc vác được 120 tấn nặng. Anh lại chỉ tay lên đỉnh cao cái chõ đang xây dựng kia nó nguyên là pháo đài ngày xưa của quân Thổ Nhĩ Kỳ: “Nhà khách sạn lớn của ga bể Ôđetxa, ba năm nữa sẽ xong và đón bạn quốc tế. Mỗi năm, Ôđetxa có cái vinh dự đón tiếp 2.500.000 khách du lịch khắp năm châu bốn bể tới chơi đây. Ba năm nữa xong khách sạn kia, anh hãy hứa là trở lại đây mà uống một ly cốt-nhát với tôi do tôi mời! Vợ tôi bảo tôi không nên hút thuốc lá mà chỉ nên uống cốt-nhát thôi”.

Kônxtantin lại dẫn chúng tôi xuống ca nô máy tua một vòng ra bể. Qua bao nhiêu là mạn tàu khổng lồ, đến lúc qua một chiếc tàu xinh xắn, bỗng Kônxtantin nắm tay tôi mà “kìa kìa, bạn đồng nghiệp của anh đây!”. Nhìn mãi theo ngón tay anh trỏ, mới thấy mạn tàu ấy mang chữ “Bielinxki” tên nhà phê bình xây dựng Nga rất là đáng yêu. Rời thủy lôi bộ, rẽ vào Câu lạc bộ cảng Ôdetxa mà thư viện có đến 20 vạn cuốn sách đọc. Cảm động nhất là chính Măcxim Gorki đã ăn ngủ giữa cái nhà này, 74 năm trước đây, với cái tư cách là một người phu bốc vác công nhật của cảng Ôdetxa.

Về đến nhà, Kônxtantin giới thiệu với vợ, mời chúng tôi đi rửa tay, và vào bàn ăn đã dọn sẵn sàng. Tôi ngắm cái mũ kēpi hải quân có lon vàng của chủ nhân treo trên măr̄c áo có treo cả bộ đồng phục (Kônxtantin đang mặc thường phục), lập tức Kônxtantin liền chụp lên đầu tôi cái mũ hải quân lon vàng thuyền trưởng mà vui cười: “Anh cũng là một thứ to đầu. Đầu anh cũng vừa cái cỡ mũ tôi đây”. Rồi vào bàn ăn, vừa ăn vừa uống cốt-nhát, bà Kovalenkô Cô để nguyên cả tạp dề trước ngực mà cùng ngồi tiếp khách với chồng. Bà rất săn sóc sức khỏe của chồng, vừa ăn vừa kể: “Anh Kônxtantin nhà tôi chuyến áy đi Việt Nam về, có mang vé làm quà cho tôi một con trăn hoa, tôi sợ quá. Sau anh áy đem tặng cho vườn bách

thủ Ôđetxa... Về vấn đề chiến tranh Việt Nam, tôi rất thông cảm với mọi gian khổ phải khắc phục của các bạn Việt Nam, vì tôi cũng đã trải qua năm năm chiến tranh lần thứ hai rồi...". Chồng liền nói luôn về Việt Nam, tay kéo luôn cái áo punôvơ len tím bể mà khoe: "Áo này tôi mua tại Việt Nam từ 1958. Chuyến ấy chở cả một tàu dầu hỏa cho Việt Nam. Lại cho chuyến cả ba bốn ngàn cái máy ướp lạnh đã nhiệt đới hóa cho Việt Nam đó. Tôi ở chơi trên bộ Việt Nam 6 ngày..." Rồi anh lại tiếp: "... Tôi 18 năm đi khắp các biển. Vùng Bắc cực tôi cũng đi rồi. Và liên tục thì chở dầu hỏa sang Cu Ba hai chục chuyến rồi. Đây này, anh chiếc tàu "Vácsava" chở dầu sang Cu Ba liên hai mươi chuyến đây này. Và đây, tôi vẫn còn giữ cái hộp xì gà Habana quà tặng của thủ tướng Phiđen Cátxtrô đây". Lúc chia tay, phó giám đốc cảng Ôđetxa là Kônxtantin đáng yêu ấy bảo chúng tôi: "Tình hình Việt Nam mà cần đến thì tôi lại sang bên Việt Nam ấy mà chiến đấu. Lại trở lại làm lính thủy đánh bộ...".

Ngày cuối cùng ở Ôđetxa là một ngày khá cập rập. Đi thăm cảng Ilisep xong rồi là đoàn sẽ chia ngay ra làm hai, một nửa đi sang bang Môngđavi, một nửa khác, tức là tôi, thì trở về Maxcova. Ilisep cách Ôđetxa dăm chục cây số, là một cảng mới, chiềng nước cắp tàu sâu được 12 thước, có nhiều khả năng nhiều triển vọng hơn cảng cũ Ôđetxa, nhưng tuổi cảng thì mới là

lên 8 (mà Ôđetxa thì tuổi càng đã lên tới 173 tuổi). Hai cảng cũ mới sẽ thi đua xâ hội chủ nghĩa với nhau mà phát triển giàu mạnh cho vùng kinh tế phía Nam này.

Đại úy Kôntaz phụ trách cảng Ilisep lại mời uống vòt ca, và lúc rời trụ sở, lại còn cố díu vào tay một chai rượu nguyên xi nữa rồi mới vui lòng cho ra thăm cảng. Letkôpxki, anh bí thư vui tính của Chi hội nhà văn Ôđetxa giờ mới tuyên bố: "Ta đi xuống thăm một tàu chở hàng Liên Xô từ Hải Phòng các anh vừa mới trở về đây". Tôi thân mật trách Letkôpxki sao không cho biết trước những chi tiết đó, ý muốn nói rằng giá biết trước thì sẽ gắng xem có quà có hoa gì mang xuống tàu thì nó phải hơn. Letkôpxki bình thản một cách hóm hỉnh mà trả lời: "Anh chờ quên rằng phong cách Ôđetxa là rất linh hoạt và ngẫu hứng". Tôi lại cười xòa, tỏ vẻ khâm phục những sự linh hoạt cụ thể rất hợp nhu cầu của bọn tôi như cái việc thăm tàu hàng này vậy.

Chiếc tàu "Thiếu nhi khẩn quang đỏ của Lênin" vừa chở 13 ngàn tấn hàng gồm máy kéo, xe cam nhông, máy gặt và phụ tùng thiết bị sang Hải Phòng và lại vừa từ Hải Phòng chở cao su Việt Nam, hột tiêu, thiếc Tinh Túc, và các thứ lộn về Ôđetxa. Tàu này đã hai chuyến sang ta, nhưng thủy thủ thì có

người sang ta đã sáu bảy chuyến. Nhiều thủy thủ tả cảnh Hải Phòng, tả cảnh Hà Nội mà họ nhớ nhất là “cái hồ gì có cả cái kiếng lịch sử và con rùa vàng nuốt kiếng”. Anh Beda, nói có thấy xác tàu bay Mỹ bay ở Hà Nội, và anh khen công nhân bốc vác ta ở Hải Phòng bốc dỡ hàng rất nhanh rất tốt, không có cái kiểu làm ẩu như ở một số bến khác. Cả tàu mang ra khoe quà Việt Nam mỗi người đem theo về, nào là đồ dan, nào là nón bài thơ, nào là cây, là hoa, có chậu vẫn còn tươi nhánh tươi cành. Có anh còn di cả chậu hoa vào mũi mình. “Này anh thử ngửi xem nó có đúng là mùi đất Việt Nam không”. Tiếc quá, giá không vội ra tàu mà ở lại đây cả ngày chơi với thủy thủ tàu bể này thì vui và nhiều chuyện biết mấy. Cả đến cơn rượu anh em bày ra ngay để đai mà bọn tôi cũng không dám nhận. Vội quá phải đi ngay. Rồi cứ quay mãi đĩ .. lại mà vẫy vẫy tay.

... Tôi bước lên tàu bay một mình trở về Matxcova, sau đúng mươi ngày xa nó. Bay trong bầu mây anh em, bỏ lại sau mình Ôđetxa thành phố anh hùng nơi phương Nam, mà tôi cứ tưởng như còn bồng bềnh trên sóng bể Hắc Hải. Bó hồng chị Liana ở Chi hội Xô Việt hữu nghị Ôđetxa vừa tiền tặng, vẫn nằm trong tay tôi. Bó hoa thấy giống như một phao bơi nó đỡ sức tôi

qua cái bể mây hướng về Bắc này. Quang sáng, và ánh đèn Maxcova quen thuộc đã ở dưới bụng dưới cánh mình rồi. Thấy càng nhớ bể nhớ người Ôđetxa, nhưng cũng càng thấy hồi hộp mà lộn về Maxcova. Nó có cái gì giống giống như ở quê nhà, mỗi lần đi làm việc xong ở các tỉnh lẻ huyện xa mà trở về Hà Nội, thì thấy hình như Thủ đô mình có phần đậm đà sinh sắc hơn lên.

## LÊNINGRAT TUYẾT ĐẦU MÙA

Đặt xong cành hoa cúc Mạc Tư Khoa trước mộ Tchekhov tại nghĩa trang Novodiévichi, tôi liền đi luôn Xibéri. Ngày trước Tchekhov và Dostoievsky đi Xibéri ròng rã bao nhiêu là tuần lễ thì nay chỉ thoáng có một buổi bay phản lực, và thêm mấy giờ bay bằng tàu có cánh quạt nữa, là chúng tôi đã đứng trước đài chỉ huy đập thủy điện Brastk đang xinh xịch hơn chục ống tuyếc bin khổng lồ chế tạo và chuyển vận từ phía Léningrad sang. Mùa thu Nga kéo dài một vệt vàng cổ đồng từ hàng cây phố Mạc Tư Khoa thấu tối rừng xa Iéccút - Bờát. Lá vàng đồng đều thăm thẳm như là mỏ vàng và các thứ ngai vàng thế giới đã tập trung cả về chốn Liên Bang Nga mặt trời không bao giờ lặn này. Ở Xibéri lộn trở lại Mạc Tư Khoa, màu vàng thu vẫn lỗ lộ nguyên vẹn trên ngoại thành Thủ đô. Cho đến cái đêm bọn tôi ra ga xe lửa đi Léningrad, vàng Nga vẫn còn như níu hoàng hôn lại giữa khu vườn Bách Thảo có một cặp voi Việt Nam đang mài ngà vào nhau mà nhớ một bụi chuối bên quê cũ.

Vladlen Tchesnokov cùng đi Léningrad với bọn tôi. Có lẽ người ta đã kể nhiều huyền thoại “thần thoại” về tôi với Vlad, nên mặc dù mới nhất kiến gặp nhau, anh đã cười mờ vui đùa và, lúc nào cũng dãi tôi như một người thanh niên cộng sản. Chai rượu anh rút ra mời tôi, đã vội một phần với cô bạn gái chia tay trước khi ra ga. Vlad nói: “Tôi đã ghi tôi vào những người tình nguyệt chiến đấu ở Việt Nam. Khi nào các bạn gọi ơi một cái, sẽ có Vlad tôi ngay... Tôi chưa phiên dịch anh lần nào, nhưng những mẩu chuyện kể của anh về bắt sống phi công Mỹ, tôi đã nghe cả rồi đây... Xong chén này, ta cùng chúc nhau ngủ đây giấc. Sớm mai là Léningrad rồi”.

Nhưng mà khó ngủ quá. Đi Léningrad, tôi cứ nằm mà nghĩ như là cái chuyên đi thăm một người bạn cũ vậy. Cách đây đúng mười năm, ở Phần Lan về, tôi có ghé Léningrad ít ngày. Và có tối thăm rừng Razliv, thăm ngôi lều cỏ Lénine, rồi xuống thăm tàu Rạng đông đã từng khai nổ tiếng súng đầu cho ngày hội lớn của tất cả những người nghèo toàn thế giới. Nhưng nếu không có những ngày Léningrad cũ cách đây mười năm ấy, nếu lần này là lần đầu đến chào Léningrad, tôi vẫn coi chốn đó là một nỗi cố tri ban cũ. Lại càng thấy Maiakovsky là chí lý chí tình: “Tôi muốn lớn lên và nằm xuống ở Paris, nếu không sẵn có rồi cái chốn Mạc Tư Khoa đó”. Chao ôi, làm sao mà

đi cho thấu hết được cái rừng văn học Nga cả cổ điển lẫn hiện đại, nhưng bấy nhiêu trang thơ văn của Pouchkine, Gogol, Dostoievsky v.v.. đã dần tôi vào các phố các khu nhà Pétersbourg biết bao nhiêu lần rồi. Nay lại tôi với Léningrad bằng cả hai chân mình nữa, nếu chưa thật là quen lâm với nhịp sống địa phương thì nhất định cũng không đến nỗi quá bỡ ngỡ lạc đường. Giá chuyến này tôi Léningrad mà có dịp gặp nhà thơ Olga Bergolhtz để bà kể thêm cho biết về giai đoạn 900 ngày Léningrad dũng cảm chống phát xít thắng lợi! Thăm nhà thơ và thăm đài phát thanh Léningrad trong ba năm liên không lúc nào không ngót ngàn mãi lòng tin chiến thắng của bà nó nhịp vang lên cùng với toàn dân Léningrad, cùng với tất cả những thành phố anh hùng Moscou, Volgograd, Odessa, Sébastopol. Trong chiến tranh thế giới thứ hai, giữa mùa thu 1941, bắt đầu có tiếng súng bao vây của Đức thập ngoặc, thì đài Léningrad đã mở đầu giai đoạn chống Đức phát xít bằng những lời phát thanh: “Chúng ta diệt phát xít bằng súng đạn Hồng quân nhưng chúng ta còn *diệt chúng bằng lời nói nữa...*” Gần ba năm, trước khi mở được đường máu trên hồ băng Ladoga để phá vây giải phóng Léningrad, sáu mươi vạn con người khắp các khu phố Léningrad đã hy sinh trong lòng phố lạnh của mình, nhưng tiếng đài vẫn dội vang át tiếng đạn trùng vây. Giữa mùa

tuyết giá đầu 1943, hôm phá vây, cũng là cái đêm mà đài phát thanh hát ca sáng đêm, lần đầu tiên tư hai năm bị vây, đài mới tòa sóng liên hồi tới lúc bình minh như vậy.

Con tàu đã vào ga Léningrad lành lạnh hơi hương thu tàn. Dưới cơn mưa mai, tôi cầm tay các bạn Doudine, Orlov, Savisky, không nói được bao nhiêu, nhưng tưởng như đã nói với nhau rất nhiều từ lâu. Các bạn tặng hoa, không phải cả bó, mà chỉ trao cho chúng tôi mỗi người đúng hai nhánh hoa. Người ta vẫn bảo tôi rằng Léningrad không phải là kém sôi nổi, nhưng nó đúng là phong cách trầm mặc của người phương Bắc. Nhớ một câu của Ehrenbourg có thơ về Léningrad:

“ (...) hãy nhận cho kỹ  
những cặp mắt họ nồng nàn  
nhưng sao mà khô ròn  
chao ôi sao nó khô ráo  
ngay cả lúc mọi phiến đá  
đều tuôn rơi dòng lệ”

Đoàn tôi ở Léningrad không đầy một tuần lễ. Nay lện về giữa Hà Nội vừa hạ xong chiếc máy bay Mỹ thứ 2300, và ngoài cửa sổ phòng viết, đang lơ lửng những quả bóng chống đường bay thấp của giặc Mỹ, tôi ngồi nhớ Léningrad hai năm đã qua. Giờ sổ tay cũ, và lọc

lai nhật ký ghi về một ngày Léningrad mùng 10 tháng 10 năm 1965 đó.

\*  
\*      \*

Đi ra nước ngoài, Ng. T có một cái rất bảy lá ăn ít, và đêm ngủ thì cũng chẳng được bao nhiêu. Cái cái về như là sơ ngủ đi thi phút sống nhỡn tiên của mình trong những ngày nhất định kia thế nào cũng có bị giảm tho đi đấy. Từ lúc chưa hừng sáng, tôi đã chồm chồm ngồi sẵn bên cửa sổ khách sạn Europe mà nhìn sang Viện Hòa nhạc, mà nhìn ra mặt phố Brodski chưa có mấy bong ai qua đường. Thơ Olga Bergolhtz những năm đại chiến lại phảng phất hiện về chỗ phía ngoài cửa sổ hai lán kính của khách sạn “Châu Âu”: “Những buổi tinh mơ Léningrad tăng tiếng súng trán, nơi mặt đất thì phố sáng và vắng, chỉ có tiếng người gác các khối nhà đang quét những mảnh kính các ô cửa tung vỡ, tiếng mảnh kính vỡ dội vào lòng phố mùa xuân, cùng đồng vọng với tiếng óc ách ngàn năm của sông Nêva vỗ bờ đá thạch hoa cương. Minh thấy từ hồn mà nhập vào số phận thành phố thân yêu của mình...”.

Dành cả buổi sớm hôm nay để đi thăm nghĩa trang Pieskariovskoié vừa là nơi yên nghỉ của sáu mươi vạn

tử sĩ bảo vệ Léningrad, vừa là bảo tàng lịch sử của Léningrad trong chiến tranh thứ hai vừa qua. Dọc đường, trông những đoàn tàu điện cổ điển và hòa bình đang lướt theo phố lát đá lăn phản mưa thu, mà thấy thân mật chẳng chút gi xa lạ. Hồi Léningrad bị giặc vây hãm cả thành phố mất điện, hệ thống tàu điện tê liệt, toa tàu điện lù lù giữa đường, tuyết cứ đóng mãi trên nóc những toa ma. Thế rồi những cái toa ma ấy một hôm chớp những tia xanh lè. Quân thù càng lòng lộn từ xa bắn vào những nguồn chớp nháy trong nội thành, vừa bắn, vừa phản ván mà cho tàu bay thám thính chụp ảnh. Giặc cứ bắn vào và trong này, những toa tàu điện (được tiếp điện từ đập thủy điện Volkhov vào, dây cáp bí mật xuyên ngầm đáy hồ băng) vẫn nổi chớp mà chuyển bánh âm âm qua các phố, chạy đến đâu là quân và dân đều không hết lời “hoan hô, hoan hô”. Tiếng tau điện chạy trong vòng vây, như là thách thức quân thù, và khua động thêm sức sống chiến đấu các khu phố đang đào thêm hố bẫy chiến xa Đức.

Nghĩa trang Pieskariovskoié dựng theo một lối kiến trúc giản dị, khỏe khoắn, rộng lớn. Trên một diện tích cỏ phẳng kết hợp với đá bằng, đột khởi lên ngôi tượng Bà Mẹ Vĩ Đại hai tay nâng cành nguyệt quế. Sau pho tượng Tổ quốc là tượng đá, tượng đá bia ghi công. Đứng giữa sự cấu trúc hình học quy mô của

nghĩa trang, thấy trong im lặng thiêng liêng có biết bao nhiêu là rộn ràng không nói lên lời. Im lặng, bất ngát, và trên đá trên cỏ như trầm trầm hơi nhạc “giao hưởng thứ bảy”.

Trời vẫn xám xám trên các nóc nhà. Nó đúng là cái bâu giờ của hoài niệm. Hình như cho tới bây giờ, tôi mới hiểu tại sao ở Nga ở Liên Xô hay dùng màu ve cỏ non, màu lơ hồ, màu phấn hồng, và trước đây hay thép vàng mạ vàng dát vàng lên các nóc nhà thờ, nóc tháp, nóc lầu. Trời đất ở đây nó mènh mong típ tấp như thế, trắng xóa bạt ngàn như thế, nếu không điểm xuyết những cái chấm màu và những chấm vàng chói sáng đó vào thì tầm mắt chì trôi đi, biết gửi gắm vào đâu và đọng lại nơi nào của muôn dặm băng tuyết trắng phau. Nó cũng như ở Việt Nam ta hay quét vôi màu trắng, vì ở đây đã đậm đặc um tùm nhiều chất xanh màu xanh nhiều chất diệp lục nhiệt đới quá rồi, con người phải cho thêm chất trắng vào cho cõi tự nhiên nó loãng bớt đi.

Buổi chiều đó, Vlad ở trên tầng ba khách sạn gọi xuống tầng dưới chúng tôi: “Tuyết, các bạn yêu quý của tôi ơi, tuyết bắt đầu rơi đây nhé”. Cú têlêphon chỉ có nói gọn có thể. Nhưng thật là một cái gì quả là nhiều ý nghĩa đối với tôi. Cả bọn chúng tôi đều chồm cả ra phía cửa sổ kép mà nhìn ra ngoài trời. Trời, đẹp quá. Cái điều mà từ trước tới nay, tôi mới chỉ được

biết ở văn thơ nước ngoài, ở sách, ở ảnh ở tranh ở phim nước ngoài, thì nay tôi được trực tiếp mà thấy bằng chính cảm quan đích thân của mình. Tuyết bay như hoa bay. Hoa tuyết nhẹ bay như sợi bông gạo bên ta. Gió lùa từ phía quảng trường Nghệ thuật, từ phía tượng Pouchkine lùa thổi về phía khách sạn Europe càng dồn hoa tuyết lao vào cửa kính phòng trọ. Nhiều cánh tuyết vấp miếng kính trơn bị trượt xuống gờ cửa sổ, đang xốp trắng, tươi tinh, bông trở màu, rồi xuống mặt, xẹp gầy và tan biến. Cánh tuyết tan loãng như một giấc mơ nhẹ trên miếng thủy tinh trơn tru loáng lạnh. Cứ đứng ngây ra mà nhìn xuống, hoa tuyết bay lên, có cánh tuyết bay lên, có cánh tuyết bay bay uốn khúc như là tự điều khiển được. Ngang trời Léningrad là một điệu vũ nhẹ nhàng và xóm xốp trắng phau. Các tán cây đã ướt dần từ lúc nào rồi là trắng dần. Có tuyết xuống, cảnh chuyển hết, y như là xem rửa ảnh, đang xem tấm ảnh dương, lại xem ngược lại miếng nhựa âm nguyên bản. Tuyết chuyển cảnh và chuyển tinh. Tôi nghĩ rằng được thấy tuyết trước mắt, tôi hiểu sâu thêm về thành phố lịch sử này, cảm thông thêm hơn nữa về con người Léningrad, cùng là nhập thần hơn nữa đối với sự cố của thành phố đáng yêu đáng quý Léningrad này. Tuyết Tổng khởi nghĩa, tuyết Cung điện Mùa Đông, tuyết Xô viết. Tuyết Lénine. Và trong tuyết, Lénine đang ủ những mầm

ám của mùa xuân nhân loại. Và tuyết liên ba đông (1941 - 1942 - 1943) bảo vệ Léningrad, bảo vệ thành quả xã hội chủ nghĩa.

Tôi xuống, đẩy cửa, ra ngoài đường. Từ hè phố tuyết sa, nhiều người đi đường mỉm cười, và một cách kín đáo, chào tôi đang đưa bàn tay ra mà đón hoa tuyết. Tuyết đối với người Léningrad là một nỗi lòng của họ, họ, những người đã từng gắn bó đời sống với Cách mạng tháng 10 từ lúc Cách mạng sơ sinh với bão tuyết, và cho tới hai mươi bốn năm sau, liên 900 ngày, tuyết lại đông trên tinh và phố bị vây, quần áo và quân trang nghi trang nguy trang lại trắng lớp một màu tuyết. (Kem cây (glace) Mạc Tư Khoa chô Hồng trường, nổi tiếng ngon trên thế giới. Lúc càng lạnh, lạnh 30 âm độ, người ta càng chuông cho được que kem Hồng trường. Mùa đông 1965 đó, chậm hơn Léningrad, mãi hai hôm sau, tuyết mới bắt đầu sa bay trên Hồng trường Mạc Tư Khoa). Những người bộ hành qua cửa khách sạn Europe thấy tôi đứng sững đẩy mà đón tuyết sa, ai ai cũng tỏ vẻ cảm tình với tôi - tôi, mà họ đoán trúng là một người bạn phương xa quê hương ở tít tắp những vùng nhiệt đới. Có người, trong cơn mưa tuyết hoa đầu mùa, còn tỏ nhiệt tình mà bốc tuyết ở cổ áo mình rồi đặt vào tay tôi. Những lúc này thấy không nói được tiếng Nga là một điều thiệt thòi. Có mây bà cụ cũng bốc tuyết bù vào tay tôi,

như là ở quê ta, người ta bóc tung dum cõm vòng đầu mùa bò vào long tay mình mỗi lúc bắt đầu nắng hanh vàng và có gió Tết giữa thu tron trăng. Chao ôi, nếu tôi nói được tiếng Nga, thi thế nào cũng được nghe các cụ bà kể tỉ mỉ về hồi chiến tranh ái quốc và bảo vệ Léningrad, các cụ đã chuyển được bao nhiêu mét khối đất đào hố bẫy chống xe tăng Đức và các cụ đã chờ xác đồng bào thương vong băng xe trượt tuyết như thế nào.

Bỗng có khách gõ cửa phòng trọ. Tưởng là ai đến thu thanh hoặc xin bài phát biểu gì. Té ra là các bạn đồng hương. Ở trên đất Nga, không một phút nào tôi phải nghĩ tới cái nồng nỗi “đất khách quê người”, nhưng lúc này có bạn bè Việt tới chơi, giữa một ngày tuyết sa, thấy cái phòng mình ấm hẳn lên. Các anh các chị sinh viên ta sang đây đều đã thành thục về tiếng Nga và đang nói tiếng ta, nghe vui nhẹ như chim đàm một buổi mai mờ. Léningrad là một thành phố công nghiệp nặng còn là một thành phố của trí thức và nổi tiếng về các trường các khoa đại học. Sinh viên ta lưu học ở Léningrad khá nhiều, và học đủ các môn. Trong phòng tôi, có anh học địa, có chị theo sinh, rồi toán, rồi lý, rồi hóa, vân vân... Trong những người bạn trẻ đồng hương đang học ở đây mà càng xúc động đến cái ngay, mai gần đây nhất đã dẹp xong cái loạn Hoa Kỳ, anh chỉ em ta lục tục vé nước để han gán vết

thương chiến tranh, và cùng mọi người đẩy mạnh lên cuộc sống quê nhà.

Buổi tối, tuyết xuống có nhẹ đi. Ông bà Jourba mời chúng tôi ăn cơm. Ông cho xem những cuốn sách ông đã viết, đến khi bà ra ngồi cùng vào bàn ăn, thì câu chuyện về tuyết những mùa đông cũ của Léningrad thật là càng đậm đà thâm thia. Hồi ấy, đồ đồng các khu phố, cứ bốn nhà thì có một nhà bị đạn Đức phá vỡ. Chỗ ông bà ở hồi đó, có hai mươi hai hộ thì chỉ còn sống có hai người. Ông bà đều là người bảo vệ Léningrad, có những lúc cả thành phố thiêu đói, phải ăn cỏ dại rau hèn. Uỷ ban thành phố đã cho in ronéo những tập sách nhỏ hướng dẫn cách tìm và chế biến một số cỏ dại, rau hoang. Và ngày nay ở bảo tàng lịch sử Pieskariovskoié vẫn còn giữ được cái bàn cân, trên cân vẫn còn lưu niệm cái miếng bánh khẩu phần bấy giờ chỉ có một lạng rưỡi một miếng ăn một ngày. Ông bà chỉ có một con trai là kỹ sư, hiện đang làm việc vùng Uông Bí, vừa mới đi làm chuyên gia Việt Nam được mấy tháng đó thôi. Chúng tôi kể chuyện chiến đấu ở Việt Nam, chuyện mình dùng tên lửa và tàu bay Mig như thế nào, và không quên nói thêm những chi tiết về khu vực Uông Bí. Rượu tối ấy uống hình như quá mức thường, không rõ tôi có thốt thõi điều gì không với ông bà Jourba rất là mến khách.

Đêm tuyết đầu mùa, lại mất ngủ nữa. Lần đầu tiên gặp tuyết, gặp tuyết ở giữa Léningrad, chứ không phải ở thành phố nào trên đại lục. Mà lại gặp vào đúng ngày 10 tháng 10, tức là ngày kỷ niệm tiếp quản Thủ đô Hà Nội được đúng mươi một năm. Chao ôi, cái buổi tiếp quản Hà Nội, tôi đứng ngắn ra mà nhìn phố phường Hà Nội bật đèn đường. Cách xa Hà Nội sau tám năm nambi rừng, cũng đã phải mất một lúc rồi mới làm quen lại với ngọn đèn đường cháy thâu đêm đầu Hà Nội giải phóng... Đêm Léningrad, càng về sáng tuyết càng bay đầy trời.

Sớm hôm sau đi thăm Smolny tôi cứ đứng ngắm mãi pho tượng Lénine đồng đèn, trên vai và đầu mũi giầy Lénine tuyết đóng trắng. Có tuyết, trông Lénine đẹp khỏe hơn hẳn lên.

\*

\* \* \*

Năm nay Liên Xô kỷ niệm Cách mạng tháng Mười được chẵn năm mươi năm. Tất cả những gì có thể thấp thoáng, cháy tỏa được trong ngày vui lớn mừng thọ Cách mạng tháng Mười, tất cả những gì có thể nổi đèn nổi lửa được lên trên đất nước Liên bang Xô viết đã điện khí hóa, thì rồi sẽ bùng bừng rực rỡ như chưa bao giờ cháy sáng đến thế trong các hội hoa

đang lớn của nhàn loại mỗi ngày mỗi rời xa bóng tối. Ở quê hương Việt Nam yêu dấu, bóng tối chưa đi hết, tất cả đang lao hối vao mà đánh Mỹ, nhưng lòng moi người bừng sáng hơn bất cứ lúc nào trong lịch sử chống ngoại xâm của người Việt Nam. Càng chiến đấu quyết liệt, tất cả ở Việt Nam đều hướng về nơi quê hương Cách mạng tháng Mười. Đêm hoa đăng tối, rồi ở Mạc Tư Khoa ở Leningrad, vẫn như mùa này mọi năm, tuyết lai bay đầy trời, tuyết lai sa khắp mặt đất. Nhưng đèn hội và pháo hoa thì chói tỏa hơn trong bất cứ mùa tuyết xưa nào. Vào những phút giờ kỷ niệm đó của đúng một nửa thế kỷ đường trường Cách mạng, tôi muốn biến lòng mình thành một cây sáp óng sáng đều tim nến, gió lùa không tat ngọn. Tôi còn muốn, tôi muốn được chuyển thành một tin chiến thắng mới nhất trong mùa khô Việt Nam này. Tôi muốn tôi được hóa thân làm một ngòi pháo cây bông lửa màu soi minh suýt đêm thâu đó trên pha lê tuyết ngàn của Mạc Tư Khoa tôi hằng quý mến, của Leningrad tôi hằng nhớ thương.

## HÀ NỘI TA DIỆT B.52

Năm 1972 này, thấy nhớ anh bạn trẻ Eptusenkô đã cùng sống với mình một đêm Nôen rất gân đày giữa phố phường Hà Nội - anh và tôi không đi dạo, nhưng chúng tôi đã rủ nhau đi dự lễ Chúa ra đời lung Tô Hoài tại nhà thờ lớn Hà Nội. Eptusenkô đã ngâm bài thơ "Con đương số Một" của Việt Nam giữa Văn Miếu rồi sau đó vài tháng lại ngâm đúng bài thơ ấy ở Hoa Kỳ. Năm nay Nôen 1972, anh đang làm thơ tại nơi nao trên Liên bang Xô viết mènh mông tuyệt sa? Hà Nội hạ hàng chục B. 52 sau tuần lè Bắc Việt Nam diệt pháo đài bay Hoa Kỳ định trùm bóng tối trung cổ lên Thủ đô tôi. Hà Nội vẫn đơ đèn phố trong đêm Nôen. Thật ra, ban này, nầm tiếng đồng hồ trước giờ Chúa giáng sinh, Hà Nội có báo động tắt đèn, và Hà Nội ha một F 111 ở bờ bên kia sông Hồng. Dêrô giờ, Nhà thờ chuông đổ hồi, đó Eptusenkô thi sĩ đoán được tôi đang làm gì giữa những phố đông dân cư cui Hà Nội? Tôi vẫn tay nâng cốc rượu mạnh như mọi lúc gặp anh, nhưng đêm nay, tay tôi run run cầm mèt tâm

thiép mời ăn cưới và lòng tôi bâng khuâng vì không tôi dự được một đám cưới rất Hà Nội tân thời bị bom rải thảm B.52 Mỹ cắt ngang vào. Nữ bác sĩ điên quang bệnh viện Bạch Mai N.T.N.T. cô dâu ấy đáng lẽ đêm Nôen này vui nhũng giờ đâu của hạnh phúc tiểu gia đình đã bị hăng đi vì B.52 Nichxơn. Tiếng chuông đóng hồi Nôen 1972 như báo tử cho đêm tân hôn vĩnh cửu không có của nữ bác sĩ Bạch Mai và cho tất cả nhũng đám cưới chân chính của dưới thế cả Đông lân Tây, nếu quý Nichxơn vẫn cầm cân này mực cho cái lối sống Hoa Kỳ bạo lực hơm mình hơm bom đó.

Cái buổi sớm vào viếng bệnh viện Bạch Mai từ thương đó vì Nichxơn đang vừa B.52 rải thảm vừa reo to “cánh cửa hòa bình đang rộng mở” chân tôi kẽn kẽn dẫm lên mảnh kính vỡ của tất cả các phòng các khoa y, phải dẫm lên tất cả vụn thủy tinh của nhũng gì trước đó đều là ống tiêm là phễu đo là bâu đựng là chai thuốc cứu người, mà lòng thấy vang hưởng lên cái tiếng giận trong trோ của pha lê khoa học bị Nichxơn cố tình xô đổ. Bệnh viện Bạch Mai sân rộng nhiều cây cao bóng cỏ, nhiều tổ chim. Không biết bao nhiêu là chim canh từ sớm 21-12 áy bị B.52 Nichxơn phạt đứt tổ, nhiều con còn thoi thóp qua kẽ bê tông vụn. Không cần hỏi lại mấy chú chim bị B. 52 úp trượt đó, nhũng tôi cảm chắc rằng chúng sẽ báo cho

đồng loại chớ có bao giờ hót ở một cành xanh nào chõ cửa kính Nhà Trắng diều hâu. Trong viện Tai Mũi Họng nay chỉ còn là một khối to của vụn rất nhỏ (cũng như nhiều phòng nhiều khoa của bệnh viện Bạch Mai) có một phòng còn giữ được tấm biển: "Phòng bệnh nhân nǎng, tuyêt đối giữ im lặng" bên cạnh số hiệu phòng là "B.5" (chỉ thiếu con 2 nữa là thành ra B.52!). Cái im lặng của viện này sớm nay là cái im áng của hậu quả bom Níchxơn. Và cái mà Níchxơn nói "hòa bình đang mở rộng cánh cửa" đúng là cái hòa bình lặng tờ của nghĩa địa đang lan mãi ra, nếu ta không kịp thời chặn đứng nó lại.

Chánh tổng (thống) Níchxơn đang là một tay huyết áp thấp, theo lời thiếu tướng Walter Tkach vốn là bác sĩ riêng của Níchxơn. Cứ lời khuyên của bác sĩ riêng thì Níchxơn nên nhiều nhiều vận động thân thể, làm như tất cả những hung hăng hung hăn từ mấy năm qua chưa đủ là vận động thân thể! Bác sĩ riêng lại còn khuyên Níchxơn nên có riêng một tháng để bơi lội, làm như người bơi Níchxơn có thể bơi thoát cái vũng bí tắc, nếu cứ bơi mãi cái lối bơi chó đó (Bản tin của UPI từ Beihesda, bang Maryland ngày 20-XII). Một kẻ rõ dại Níchxơn siêu côn đồ mà chưa bị nhốt vào nhà điên quốc tế thì đó cũng là một vấn đề của trái đất (trái đất theo nghĩa đối chiếu nó với mặt Trăng mà Apôlô 17 Hoa Kỳ vừa dời bay về) và của riêng cho

nhiều người Mỹ ở một nước Mỹ khỏe và mạnh thật thường như vậy.

Giữa bệnh viện Bạch Mai huỷ diệt rất nhiều gương dũng cảm hy sinh của người thầy thuốc y tá hộ lý Việt Nam cứu người không tiếc gì đời mình, tôi lại nghĩ tới vấn đề Nichxon vừa mới đi khám sức khỏe tại bệnh viện hải quân Bethesda. Nichxon đi khám sức khỏe ngày 20-XII thì canh tư gà gáy hôm sau 21-XII no cho B.52 chiến lược đánh sập cả bệnh viện Bạch Mai. Thằng kè cướp bắt lương đó muốn độc quyền về sức khỏe và thù ghét những sức khỏe của mọi người chân chính khác đáng được khám lại và bảo vệ hơn nó nhiều. Hiếu chiến Hoa Kỳ dọa đẩy sự sống Việt Nam kiên quyết chống Mỹ “vào và” về một kỷ nguyên đồ đá. Nhưng tan hoang bệnh viện Bạch Mai chỉ vạch rõ thêm Nichxon là thứ sinh vật đặc biệt của thời đồ đá có những động tác và bạo lực của thời đồ đá. Lại nhớ Bécnasô (Benard Shaw) có bảo rằng Hoa Kỳ là một nước đi thẳng một lèo từ hoang rợ tới đọa lạc mà không có qua một khau văn minh nào.

Thực ra cái phù hiệu gắn vào “buồng lái B 52 đó là một cái gì rất là trung cổ, chỉ gợi đến những cảm xúc trung cổ. Một quả đấm của một canh tay có áo “giáp sắt” nắm chặt ba tia sét và một cành nguyệt quế. Càng như hiếu thêm Picátxô khi dựng Chiến tranh và hòa bình, Picátxô đã tượng hình bộ máy chiến tranh dưới dạng một cỗ xe đòn đấm ma rất là

trung cổ trực trắc. Người Hoa Kỳ rất trọng cách biểu hiện tranh của Picátxô, nhưng có càng ngày càng thấy hết được chiến tranh Mỹ làm bằng mọi thứ giết người rất tàn thời đó chẳng qua cũng vẫn chỉ là một thứ cổ lỗ tối mờ trung cổ không? Tôi ngăm phù hiệu B.52 (hình vẽ chua thêm một dòng chữ Strategic Air Command bộ chỉ huy không quân chiến lược) của những tan vỡ B.52 trên các cánh đồng làng miền Bắc. Thị ra chả có cái gì là tuyệt đối cả. B.52 hay có thêm ra đến B.72, B.73 gì nữa thì cũng cứ bị kéo xuống cái mặt đất quê Việt Nam mà chúng mày định làm bình địa. Và giặc lái, trẻ em 12 tuổi 14 tuổi cũng bắt được, có thằng cho lên xe trâu, có thằng đìa cắn cho gân chết trước khi bị bắt sống. Hoa Kỳ hiểu chiến làm quảng cáo cho B.52 như là một thứ gì làm nản lòng mọi người không bằng lòng nó xúc phạm vào trán mây của mình. Cho đến lúc Chúa đang ra đời và chuông Nhà thờ lớn báo "Sáng danh Chúa trên khắp tầng trời bình an ân trách cho mọi người dưới thế" thì riêng Hà Nội đã diệt 11 cái tàu bay "vô khí tuyệt đối" B.52 đó, xác nó thi tan ra đó nọ, và giặc lái nó thì lũ lì ngồi ở trại giam kia kia. Mở đầu tuần lễ diệt B.52 ác ôn, tính từ đêm 18-12 đến đêm Chúa năm vào mảng cỏ này, riêng Hà Nội đã thịt tươi của Níchxon 11 chiếc B.52; đêm đầu tuần được ngay 3 B.52. Cái phù hiệu Strategic Air Command ấy có thể hiểu như thế này cũng được: cái nắm tay sắt thép ấy là nắm đấm Hà

Nội, và ba cái tia sét ấy là ba vong hồn B.52 bị bόp phợt ra, và cành nguyệt quế áy chì là một thứ cành phan của đám ma du côn Hoa Kỳ. Chưa nói các thứ bay khác, riêng B.52 mà trong bảy đêm liền Hà Nội minh xoi tái ngay 11 cỗ, Hà Nội (chúng) ta quả là có đánh giỏi thật. Tôi vẫn không quên rằng nên khiêm tốn, nhưng chiến công rực lửa như thế, làm thế nào mà lại nói khác đi được, phải không! Cả nước, cả Bắc cả Nam, cả bè bạn năm châu bốn biển đều hả lòng! Buồn chăng chỉ có những Công ty Nichxon. Mười một B.52 của riêng Hà Nội bảy đêm liền đánh giặc, kể cũng tương đối khá đầy chứ? Phải không các vị của vũ khí tuyệt đối?

Đêm Nôen này, ông bà Ni Ki Sùng xin lỗi, tôi nhầm -, ông bà Ni Khắc Tùng (tên Nichxon đã được phiên âm ra chữ Hán ở báo ngoài) cũng đang trang trí một cây thông Nôen để đón Chúa tại bang Pholorida. Tôi muốn mắc vào cây Nôen Nichxon một đôi dép nhỏ bé nhựa Việt Nam, đại diện cho tất cả bàn chân trẻ em Việt Nam bị bom Mỹ sát hại đê hèn. Tôi thêm vào đó các thứ nhiêu sợi, nhiêu chùm lóng lánh sự thiếc sự bạc của Mỹ thả xuống phá rada Hà Nội. Và tôi còn thêm vào cành thông Nichxon đó ít nhất là một mảnh Đuyara B.52 ở 11 chiếc của riêng Hà Nội vừa sơ kết tuần lễ đánh trúng giặc.

*Hà Nội, lại một đêm Nôen nữa*

## HƯƠNG HỒNG BUN(GARI)

Đây là núi Sípca, một trọng điểm của đất nước mà bạn Bun(gari) mình rất tự hào. Có lăng có bia các tướng sĩ của cả Bun và Nga đã gởi mình trên đỉnh đèo Sípca khi phải đánh đuổi quân bành trướng Thổ Nhĩ Kỳ. Chả là hồi ấy (một cái hồi ấy dài tới năm trăm năm lịch sử Bun) bành trướng Thổ đều, độc, dữ, hiểm, không thua gì bành trướng Tàu ở ta. Săn có bán đỗ, mua mấy cây nến nhỏ, cùng mọi người tâm thành viếng lăng, thắp lên giữa lòng tháp ký niệm. Ngoài lòng tháp, lạnh buốt không ché được, gió lại giật từng cơn, có thể đảo người sơ ý. Đỉnh đèo cao khoảng một ngàn bốn trăm giờ đó trên mặt biển mà trời chỉ là cuối thu, có chí mà gió phải nổi lên dữ dàn như vậy. Hay là vừa khởi động lên hồn tướng tá quân lính Bun - Nga như kiếp trong văn tế tướng sĩ trận vong ở trong văn học cũ của ta? Không, ở đây gió vẫn tợn bạo như vậy, chả có ai tới đèn hương, nó vẫn cứ gió đều đều như thế. Thôi, hẳn là lại nhớ tiếc bãi biển Vacna mát mè êm ám chứ gì. Đúng, gió núi ngàn thiêng khác xa

gió biển lành. Vácna, đúng là chỗ lành đẹp nhất nơi quê bạn Bun.

Lâu đài biệt thự khách sạn quán gió quán rượu kéo dài hàng cây số bãi tàu cờ quốc tế, Vécna hàng năm tiếp đón ba bốn triệu du khách phe ta và khói tư bản. Chúng tôi nghỉ tại khách sạn của Đảng bạn. Khách nghỉ tại đây là cán bộ, công nhân già. Gần bàn ăn chúng tôi có mấy bà cụ tóc bạc phơ rất nông dân. Chúng tôi nói nhỏ với nhau rằng đó là cơ sở cũ của cách mạng Bun và có thể có cụ bà từng làm liên lạc cho đồng chí Dimitrőp, có thể như thế lầm chứ.

Riêng bàn Việt Nam chúng tôi lúc nào cũng tươi tắn một bình hoa mới, cạnh bàn ăn là một bàn đù các thứ vang rượu mạnh Bungari, bữa nào mệt mệt không đụng tới, thì lại đã có một khay bưng lên phòng riêng mỗi người. Chúng tôi sẽ ngày ngày cơm rượu ở bàn ăn danh riêng đó trong hai tháng liền, và ai có bệnh tật gì thì bạn sẽ điều trị luôn cho. Tâm lòng hiếu khách của bạn Bun thật đã chí tình. Vậy cớ sao chúng tôi lại đòi bỏ Vécna đó, đòi bỏ cái mái nhà nghỉ lý tưởng ấy mà đi đó đi đây như lũ đàn ông tập nhiễm thói bệnh “giang hồ”? Các nhà văn Bun quả là những người đồng nghiệp thật là tri kỷ. “Các đồng chí cảm thông nỗi khó của nước tôi đánh nhau với đế quốc Mĩ, mời chúng tôi sang đây để điều dưỡng tám tuần lễ. Chà mây khi có dịp qua Bun nhiều cái cần mắt thấy

tai nghe, xin cho chúng tôi được đi nhiều nơi, chứ đừng buộc chúng tôi chỉ nằm một chỗ. Đi nhiều để tích lũy vốn sống, hẳn các đồng chí cũng thừa biết rằng đó là thứ sức khỏe của những người hành nghề lưu động chúng ta". Thế là Hội nhà văn Bungari cho chúng tôi xe con, một lái xe, và ba cô Kômxômôn thạo tiếng Pháp thay phiên nhau làm thông ngôn qua nửa nước, tưởng đã mấy khách tham quan nào được những điều kiện tối ưu như thế.

Gió tàn thu chớm đông buốt lạnh rít mạnh hơn trên đỉnh đèo Sípca. Cú lưng đèo phía Bắc mà xuống một chặng nữa thì tới Gabrôvô - nơi lừng danh thế giới và tiếng cười cả vùng Gabrôvô là những trạng cười của tiếng cười dân tộc Bun. Còn cứ xuống đèo về phía Nam thì là thung lũng hoa hồng Cagiânglúc cũng nổi tiếng toàn cầu. Vườn hồng Cagiânglúc tinh theo cây số vuông! Tám trăm kilômét vuông hoa hồng hương hồng và tinh dầu hồng. Hồng ấy mà nhô lên đỉnh đèo Sípca gió bão này thì mấy hoa mà chảng tàn. Hình như trời sinh ra núi chỉ cốt để bảo vệ hoa và nhất là hoa hồng, trên đất Bun cái chân lý ấy càng thơm sáng hơn bất cứ xứ nào. Diện tích Bungari không có gì là to rộng, nhưng kể về diện hồng thì bạn Bun ta quả là "xài" lớn. Từ đỉnh đèo Sípca mà hạ sơn xuống thung lũng hồng vào lúc chưa tan sương, bắt chót ánh mặt trời ban mai lồng vào các mảnh hồng

trắng hồng thăm, cả cái biển hoa áy đong đưa vì hương lộng, chao ôi, lung hoa kỳ diệu như một truyện ngắn say nồng nhất của tập truyện *Ngàn lẻ một đêm*. Ủ, hồng đẹp Cagiānglúc quê gốc tận Ba Tư. Hồng về làm bạn với người Bun từ cuối thời Phục hưng, đến nay cũng chưa mấy ai vạch rõ được hành trình của hồng, khẳng định xem cái hương trời cho đó là men theo các sườn núi đá Bancāng mà đi, hay là vượt biển Đen bằng thuyền buồm.

Cái mà mọi người ngày nay biết cặn kẽ nhất về hồng Cagiānglúc là nó là một thứ hoa khó tinh như bất kỳ giống gì có tài ở đời này. Thơ cổ điển Việt Nam có câu “vườn hồng, gió táp mưa sa” và hồng Bun thì lại không e mưa mà chỉ sợ gió “mặc dù là nằm ngay dưới chân một đình núi lộng gió”. Gió nóng như gió Tây ở ta thì hoa Bun càng tốt hơn. Hồng Bun ở nơi ôn và hòa. Từ 5 giờ đến 10 giờ sáng, lúc hoa mān khai mà hái là quý nhất vì hoa sẽ cho nhiều tinh dầu hồng. Xé chiều chiều là hương và dầu đã mất đi sáu chục phần trăm. Hái xong là lập tức chế biến ngay trong ngày. Để sang quá hôm sau, dầu sút gây mất một phần ba cái tinh tuý hương trời.

Hồng Cagiānglúc rộ nở vào cữ cuối xuân chớm vào hè. Chỉ vài tuần lễ đó là “ăn tiền hốt bạc thế giới”. Ngoài lịch hoa mấy tuần chính đó, hồng vẫn nở quanh năm, nhưng không cho tý tinh dầu nào. Chao ôi, hồng

Cagiānglúc, áy tánh nó thất thường như người đàn bà đẹp. Câu giàu hình ảnh đó không phải của kẻ đang ca ngợi hoa hồng này, mà là của giáo sư bác sĩ Vátxin Xtaikōp, viện trưởng Viện Hồng Cagiānglúc.

Giáo sư viện trưởng Viện Hồng có cái dáng dấp lớp cũ trí thức cười cười nghịch nghịch điểm vào câu nói. Chuyện hồng càng đượm càng thành một cái duyên, và tới một lúc, cô thông ngôn Valāngtina Traikōva bị hăng. Vì viện trưởng Vátxin Xtaikōp nói luôn với khách Việt Nam bằng tiếng Pháp, với giọng hào sảng của người đã từng ra nước ngoài ở phe ta và cả ngoài phe. Giáo sư viện trưởng cho biết rằng trước đây chỗ này chỉ là một khu vực để thí nghiệm, mãi tới năm 1944 mới thành một cơ sở nền nếp và có sáu mẫu đất. 1945, chính quyền nhân dân phát triển nó, và thành ra Viện nghiên cứu cây và tinh dầu thơm. Và nay trở nên viện Bảo tàng hoa hồng - chốc nữa, các bạn nên tham quan những căn buồng của bảo tàng. Ở Bun đây, năm 1912 thành lập Liên đoàn nấu tinh dầu hồng, năm 1932, thợ nấu dầu hồng Cagiānglúc biểu tình chống tư bản dầu hoa hồng với khẩu hiệu mít tinh là tiến tới hợp tác xã nấu hoa hồng. Cái việc xâu bẩn nhất của chính phủ bù nhìn là năm 1940 ăn tiền phát xít Hitle đi nhổ báng các gốc hồng Cagiānglúc để cho hồng nhân tạo hóa học Đức quốc xã khôi bị cạnh tranh trên thị trường nước hoa (nhưng mà chúng vẫn

sợ công luận của nhân dân Bun nên nước Bun tự hào là trong chiến tranh thế giới thứ hai, Bungari không có giao nộp người Do Thái nào cho Đức quốc xã).

Cuời cười, viện trưởng Xtaikốp đứng dậy mở ổ khóa chữ tủ két to. Và lấy ra một cái lọ tinh dầu hồng vàng óng màu hổ phách. Viện trưởng nói đùa một câu gì đó bằng tiếng Bun với cô thông ngôn, rồi tháo cái nút thủy tinh dài nhọn quết nước hoa đặc vào râu mép tôi trước rồi tiếp đến râu ông (râu người Bun thiệt là đẹp) và, vẫn nói với cô Valangtina, lần này bằng tiếng Pháp: "Xin lỗi, đây là một sự lè phép thông thường giữa những người đàn ông thôi mà". Cuối cùng, chỉ ba người đàn ông Việt Nam là nhận được ba miếng giấy thám (nhỏ bằng miếng giấy cuộn thuốc lá) có tẩm tinh dầu hồng. Nghĩa là cô Valangtina không có, tôi có ý thắc mắc và tiếc cho cô bạn đồng hành.

Trong Bảo hàng Hồng, ngoài những biểu đồ, và ảnh phóng đại về người thợ nấu hoa hồng và phong trào nấu hồng, đáng chú ý nhất là chiếc nồi đồng để nấu dầu hồng. Nó giống cái nồi cất rượu. Nó to gần bằng cái vạc. Nồi vạc đặt trên lửa lò từ năm 1904. Thế mà giờ người vào thành mép nó, vẫn thấy thơm thoảng. Vạc dầu cổ, đã có gì xanh đồng, nhưng bôi tay vào mà để lên mũi, vẫn phảng phát cái hương thơm xưa. Chả trách được những tay hóa chất, những tay bào chế nước hoa trên thế giới đều phải khen tinh dầu

hồng Bun hương thơm bốc mạnh và thêm một đức tính khác nữa là hương nó quyện một cách bền bỉ bền bỉ trung thành. Chả cần phải nói nước hoa ấy bám dai trên râu nam giới, trên tóc nữ lưu, mà ngay cả kim khí vạc nấu kia gần ba phần tư thế kỷ mà rồi, nay vẫn còn vẹn cái phẩm cách hương trời.

Sau đó, tôi còn biết thêm rằng có được một gam nhẹ tênh tinh dầu hồng, phải bứt một ngàn rươi đóa hồng Cagiānglúc - người hái giỏi nhất một ngày ròng chỉ hái được sáu chục ký hồng tươi. Và có một kilô hồng, là phải bứt ba tấn cánh hồng đem ra mà đun nấu. Và ba tấn hoa hồng nở rộn kia đòi hỏi một diện tích đất trồng từ 10 đến 15 mẫu.

Tôi còn biết rằng tại Đại hội quốc tế gần đây về các thứ dầu và tinh dầu hợp ở Bungari, trong số 267 đại biểu thì có 186 nhà bác học và nhà chế nước hoa, và trong 33 bản thông cáo khoa học thì có 6 bản báo cáo chuyên đề tinh dầu hồng. Dự họp có đủ các nước Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Ý, Bỉ, Đông Đức, Tây Đức, Thuỵ Sĩ, Liên Xô, Hà Lan, Ba Lan, Hoa Kỳ, Nam Dương v.v. . Và trong các loại nước hoa nói trên thế giới, thường là có tinh dầu Bun dự vào, nhiều khi với tỷ lệ một phần năm trong công thức chế biến. Đại biểu Pháp, và cũng là đại biểu cũ cho hãng nước hoa Pháp trú danh là nước hoa Hubigāng (Houbigant). Bạn đọc ở lớp tuổi người viết này, thị dân nữ hay

nam, hồi Tây thực dân còn làm vua ở ta, hẳn chưa quên cái “mác” nước hoa Pháp ấy, có 20% tinh dầu hồng Bun bạn mình đó.

Ngày nay người ta không nói đất như vàng, mà người ta nói đất như tinh hồng. Ngần ấy tinh hồng, đất gáp đôi ngần ấy vàng mười. Mới hay hoa hồng Bun là một niềm tự hào quốc gia, và là sự hánh diện của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa Bungari.

Ở thủ đô Xôphia, mỗi lần có dịp tới thăm sứ quán Việt Nam ta, sứ quán Bắc sứ quán Nam Việt Nam, tôi đều mượn văn phòng một cái kéo nhỏ, chạy ra vườn tìa vài nhánh hoa hồng Bun, đem về cắm ở phòng trọ Ria gọi là khuây khỏa chút nhớ nhà. Một lần ấy bạn Bun mời ăn tối để tiễn mình trở về quê nhà vẫn khói lửa, tôi phải mua hoa ngoài, 6 bông (kể cả hai nhánh nụ hoa đét nhỏ bằng đầu ngón tay) phải trả tới 2 đồng bạc lêva.

Sân bay Xôphia đầu thứ tàu, có cả những tàu bay không chở khách mà chỉ chở quả tươi hoa tươi đi khắp nơi, cả các nước khôi tư bản. Những lọ pha lê cao cấp chứa đựng tinh dầu hồng Bun cũng vượt biển bằng tàu bay. Dưới bụng chiếc máy bay du lịch Bancăng, đã thấy hiện ra cái trắng xóa của tuyết Nga quen thuộc. Hồi ôi, những bọn hiếu chiến phản động được Mỹ và Tàu xúi bẩy đang thắp cháy Mỹ latin, không

hiểu họ biết đến cái giá trị nồng hậu thanh thoát của hoa hồng hòa bình, hay là mùi chúng suốt đời chỉ độc đánh hơi được một thứ mùi khét lẹt của thuốc súng chất nổ?

Nhớ hôm kết thúc chuyến chủ động tham quan vung cả nước bạn Bun ấy, và rồi cũng chuẩn bị trở về nước nhà, chị Tảo có bảo mấy chúng tôi: "Sứ quán ta ở Xôphia sẽ chiêu đãi văn nghệ sĩ và trí thức Bun tại Thủ đô. Anh và các anh cùng tiếp khách với Sứ quán miền Bắc đó..." Bà Đinh Thị Tảo là người phụ nữ đầu tiên được cử ra nước ngoài làm đại sứ! Đây là ý của chị Tảo nhưng cũng là lệnh của bà đại sứ Việt Nam mà chúng tôi vui lòng được làm. "Chị bảo phát biểu cảm tưởng về chuyến đi thăm bạn Bun. Nhưng nói ra sao đây? - May anh văn nghệ thì thiếu gì cái để nói. Mà anh cứ nói đại bằng tiếng Pháp. Bạn Bun quan hệ lâu với văn hóa Pháp, nhiều người ở đây nói tiếng Pháp khá lắm..." Thế là trong buổi sứ quán ta chiêu đãi bạn, tôi lại vẫn cứ nói về hoa và hương hồng Bun. Cũng nói sơ sơ về thấy này nghe nọ, nhưng vẫn cứ nhấn vào hoa hồng. "Một thi sĩ Pháp lớn xưa nổi tiếng về tán cái hoa hồng, và nổi tiếng về hình ảnh hồng là đẹp nhưng bạc mệnh - Hồng tàn em đời chỉ một ban mai. Tôi dám được phép nghĩ khác hẳn về hoa hồng Bun. Trường thọ cho hồng Bun của chủ nghĩa xã hội khoa học và hòa bình thắng lợi".

Nay viết lại đoạn nhật ký Bun này, thấy nhớ cái quê xa xa gần gần ấy của hồng. Đã có bao nhiêu nước cháy dưới gầm cầu Đanuýp cùng là bao nhiêu nước sông Hồng cháy xuôi dưới gầm cầu Thăng Long Bờ Đè Long Biên; đã có bao nhiêu cây rừng cày phố cây vườn ở đây bị tàn tật bom đạn ba cuộc chiến nay đã lên seo vết thương và ra tán cây mới. Đã qua đi hồ hết mười năm, mà sao vẫn sức nức hương hồng Bun bên bì bám bền, mỗi khi mở lại cái miếng giấy thăm nhỏ lưu niệm tấm tình dấu hồng của Viện Hồng Cagiānglúc. Nhà thơ lục bát cổ điển và hiện thực trữ tình Nguyễn Du chả đã từng nói là “Hương gày mùi nhớ...”.

*Hà Nội, Thu 18-VIII-81*

## THĂNG LONG CẦU MỚI 15 NHỊP

Trong xe, là bảy tám người viết sách viết báo, ve áo lấp lánh cái huy hiệu cầu hữu nghị Thăng Long anh Đặng Trần Hậu đảng uỷ tặng lưu niệm chuyến trước thăm cầu. Lần này họ lại rủ nhau tất niên trên cầu mới hữu nghị. Trước khi xe vào cầu, cảm khái về sông Hồng lấp loáng bên đường, một người thốt lên rằng nói chung thủ đô các nước trên thế giới đều có sông vờn quanh “và ví dụ nơi đây không có sông Hồng thì vua nhà Lý có chịu đóng đô ở đây không”. Tất cả đều chỉ nói về cái cầu hiện đại.

- Như thế là ga xe lửa hữu ngạn sông Hồng là Phú Diễn và xe lửa đường ray rộng hơn mét tư sè sang tả ngạn đâu ở ga Vân Trì cách quốc lộ hai khoảng tám cây số và cách Phúc Yên gần hai chục cây số. Cuộc sống vùng Tây Bắc rồi sẽ đổi nhiều vì cầu mới hữu nghị này. Giá vươn và đất làm nhà ở huyện Đông Anh đang tăng dần lên.

- Như thế là cầu cũ Long Biên dưới hạ lưu kia cách cầu mới Thăng Long chỉ có hơn mươi cây nếu đi đường bộ viền lầy sông, còn tính theo chim bay thì chỉ có tám cây số. Cầu Long Biên hạ lưu nguyên nó mang tên Tây. Hồi ấy tất cả người Việt Nam đi bộ đi xe qua cầu, và cả toàn thể những người Việt Nam không qua cầu đều còn là nô lệ. Nó thông xe qua cầu Đume đó, có ông vua Thành Thái ra chơi đấu xảo và dự lễ cắt băng Đume năm 1902. Xong cầu, Tây thực dân liền phản bội ngay hòa ước nó ký với quan Đề Hoàng Hoa Thám và lũ lĩ vào đánh phá chiến khu quan Đề.

- Xưa, ta đi nhờ cầu của đế quốc thực dân, nay ta đi cầu của ta làm ra với sự giúp đỡ chí tình của bạn của phe.

- Chuyện cầu Thăng Long mà chả là một thứ chuyện vất vả ư? Ta và Trung Hoa làm cùng. Mới chỉ được có cái chân thứ 9, Trung Quốc chơi xấu, bắt bí ta, binh ra đó, bỏ đó, rồi cả ba trăm chuyên gia Tàu kéo nhau về Tàu. Và bảy tháng sau đánh úp mấy tinh binh giới Bắc. Ta vẫn đánh thắng giặc Khách phía bên giới, và vẫn lui hui làm tiếp cái cầu khập khiêng chân. Và bốn tháng sau việc binh lửa Tàu, các chuyên gia Liên Xô sang giúp ta hoàn chỉnh cầu. Đúng là cầu hữu nghị. Anh chị em công nhân ta được đưa sang học tập chuyên về cầu sắt ở Riga. Vậy ngày nay, công nhân, cán bộ xí nghiệp liên hiệp cầu là một cái vốn

quí để rồi tản ra xây các cầu khác sau đây trên các tuyến giao thông của đất nước ta.

Xe đã vào đến giữa cầu hữu nghị. Cả bọn chỉ trỏ, nghênh cà lèn ma khen cái tầng thượng cầu dành riêng cho ô tô bốn làn đi về. Theo thiết kế cũ của thây Tàu phá bĩnh, thì cái trần cầu có đà dọc lợp bằng các tấm bíchtoong cốt sắt khá nặng nề. Mà còn hẹp hơn về chiều ngang. Thép ở tầng thượng cầu ấy là thứ chuyên để xây boong các tàu biển sân bay. Một người gật gù tủm tỉm:

- Trong cái không hay cho họ lại có cái may cho ta nữa. Cái cầu theo kiểu trước thì nặng tổ bố. Cái bằng hợp kim hiện đại kia nhẹ nhôm chắc chắn và góp phần mỹ quan khá rõ vào dáng nét con cầu. Nếu nhìn cái trụ chân cầu là phần cơ sở hạ tầng của những người phá hợp tác, thì cả cái sân thượng ô tô kia phải rất có thể gọi là thương tầng kiến trúc - hiểu theo sát cái nghĩa kiến thiết và cấu trúc trong xây dựng con cầu chứ sao!

Một người có ý vặn một anh đang ôn chuyện cũ giữa ta và những ông láng giềng vì đại chúa hay sinh sự.

- Sao, anh bảo rằng sông Nhị Hà khúc khoảng Thăng Long Hà Nội dòng chảy ngược, cách đây hai thế kỷ? Tròn hai thế kỷ thiếu 5 năm, nước sông Hồng chảy ngược?

- Nó là như vậy mà không phải là như vậy. Hồi nãy, tôi nói chưa rõ ràng. Quy luật của tự nhiên thì

cố chí kim Đông Tây bao giờ nước sông lớn bé cũng đều xuôi dòng mà ra biển cả. Con sông Hồng lúc nào đó của lịch sử mà phải nước chảy ngược, ấy là do quân xâm lăng nhà... Tàu. Số là... xin cứ mở *Hoàng Lê nhất thống chí* ra mà đọc lại. Chả là giả vờ phù Lê mạt Chiêu Thống để che mưu thám hành trưởng, tổng đốc Lưỡng Quảng Tôn Sĩ Nghị với tướng hiệu Chinh Man (!) đại tướng quân đem năm mươi vạn quân tràn quân vào ta (so với lần đánh hành trưởng nữa hôm 17 tháng 2 năm 1979, thì nó vẫn thọc vào mấy nách biên ài cũ, và vẫn dùng những thứ quân của mấy tỉnh Quý Châu, Vân Nam, Quảng Tây, Quảng Đông). Vua ta Quang Trung bèn từ mạn trong đưa lính Nghệ cùng là voi ngựa thần tốc hành quân vào thẳng thành Thăng Long Đông Quan. Quân Tàu không còn mảnh giáp, hầm bà làng xô nhau mà tháo thân qua sông Hồng chạy về ải Bắc. Cầu phao bến Bồ Đề nào mà chịu nổi, vỡ cầu phao, xác Tàu nối nhau trên sông thành một con đê tử thi dính bờ Nam vào bờ Bắc sông Nhi Hà. Cứ vào lời văn *Hoàng Lê nhất thống chí* thì nước sông Hồng hôm ấy không chảy được. Xác lính Tàu làm ú nước sông lại. Nên nhớ rằng hai thế kỷ trước đây, con người ta chưa đốt phá rừng tè bằng bây giờ, sông mùa xuân khá cạn, nên dòng ú dội ngược lại. Buổi chiều lịch sử ấy lịch Tây là 30-1-1789 và lịch Tàu là năm Kỷ Dậu mùng năm tháng giêng. Quân dân ta và nhất là nhân dân Ngọc Hồi, Hạ Hồi và phụ cận bèn thổi xôi giết lợn mừng công lù bù. Ba chữ “ăn tết lại” có từ buổi chiến thắng huy hoàng ấy.

- Anh nói rằng lịch sử ta có một khúc sông lớn đã chảy ngược. Đứng trên cầu hiện đại Thăng Long đây mà nhìn xuống mặt sông, chúng ta cùng ngược dòng thời gian nào. Đâu, đâu là xác bọn xâm lăng trôi ngược, dù chỉ là một mảnh giáp mục?

- Ông không nên đùa thế. Bọn chúng ta hành nghề với vốn thực tế tích luỹ, và trên cái cơ sở đó, ta hứ cầu. Cũng như các nhà toán học thiên văn khoa học, chúng ta phải có cái nhỡn lực của tưởng tượng chứ.

Dưới hạ lưu cầu, chỗ bến Xù Gạc Phú Gia Phú Thượng đang qua lại mấy con đò ngang. Có một bạn liền lo cho số phận của người đưa đò nay mai sẽ thất nghiệp, người ta thấy đều đi cầu mới và bỏ đò.

- Đò ngang quãng dưới ấy vẫn cần cho người đôi bờ. Thêm nữa, nếu già thử một ngày nào đò có phải mất bến thì nhà đò lại chuyển ra nhà chài đánh cá nước ngọt chứ gì... A mà này, cái vua Chiêu Thống với vâ chạy theo Tàu bại tầu phải cướp đò dân mà sang ngang để theo lên ải Bắc, chắc là cũng quãng Chèm Vẽ Xù Gạc này thôi.

- Nay, ở đây có nghe đều đai Tàu không? Đã thấy họ xí xô xì xô nói nhả gì về con cầu hữu nghị của ta chưa?

- Thôi ông ơi kệ cho nó sửa, cái cầu ta cứ dần dần hoàn chỉnh trên sông ta... Nay, tiếng ta có chữ "cưới chợ" nói đến việc khánh thành một chợ mới, chợ buổi đầu nhận người bán người mua người đi chơi chợ.

Chưa chính thức cưới cầu Thăng Long, nay mới mở tạm thôi. Như là chạm ngõ vậy.

Một người vô tay đâm đốp tự thưởng cho cái ý vui vừa thoảng đến với mình: “Không ai trồng cây trên mặt cầu nơi lan can cầu. Nhưng sao ta lại không bung hai gốc đào đặt ở chỗ hai mố cầu. Như là sông xuân chúc mừng tất cả bộ hành qua lại. Nhưng hãy đem đào phai của ta ra mà trang trí cầu. Nó nhẹ nhõm, phơn phớt, chứ đừng đào Tàu đỗ bầm, còn gọi là bích đào trông nó nặng mặt lắm.

*Hà Nội, 2 tháng giêng năm 1984*

## **PHẦN II**

### **NGUYỄN TUÂN, NHÀ PHÊ BÌNH VĂN HỌC**

- Lời giới thiệu của Nguyễn Đăng Mạnh
- Những bài phê bình văn học của Nguyễn Tuân

## Lời giới thiệu

**NGUYỄN TUÂN ĐỌC SÁCH, BÌNH VĂN,  
DỤNG CHÂN DUNG VĂN HỌC**

*NGUYỄN ĐĂNG MANH*

Đối với Nguyễn Tuân, viết tiểu luận phê bình hay luận bàn về văn nghệ cổ nhiên không phải là mối quan tâm hàng đầu. Ông là người đọc nhiều và đọc đủ thứ, từ văn chương đến lịch sử, địa lý, từ hội họa, điêu khắc, điện ảnh cho đến cá địa chất học, cổ trùng học, giao thông vận tải v.v.. Nhán đọc mà thấy thích và có hứng thi viết. Người ta gọi ông là phê bình tài tử.

Thực ra có một thời Nguyễn Tuân chẳng tài tử một chút nào. Ấy là mấy năm tính từ cuộc chinh huấn 1953 (chuẩn bị cho cuộc phat động quần chúng giãm

tô và cải cách ruộng đất) đến khoảng 1955. Trong chinh huấn, ông nguyên từ nay “đứng trên lập trường nghệ thuật cách mạng sáng tác vì lợi ích công nông”. Phục vụ công nông thì cứ phục vụ, việc gì mà phải từ bỏ cá tính, phong cách, từ bỏ cái tôi độc đáo của mình. Nhưng hồi ấy tinh thần tả khuynh đã chi phối sâu sắc cả một thế hệ cầm bút. Nguyễn Tuân cũng vậy thôi. Ông đã kết tội cái tôi của mình là chỉ chứa chất toàn những “tư tưởng phong kiến suy tàn”, “tư tưởng hướng lạc phi vô sản”.<sup>(1)</sup>

Nguyễn Tuân mà từ bỏ cá tính, phong cách thì còn gì là Nguyễn Tuân và văn Nguyễn Tuân nữa. Vì con người ấy vốn bước vào nghề văn trước hết là để ném ra một cá tính khác thường, một phong cách độc đáo kia mà! Ta hiểu vì sao những bài viết của ông mấy năm ấy, dù là sáng tác hay phê bình (như truyện *Thăng càn*, *Bút ký đi thăm Trung Hoa*, bài ghi chép *Tổ đổi công chí Nhì ở Phù Yên*, các bài phê bình *Du kích về làng* hay *Lý Thới* v.v..) không gây được một chút ấn tượng gì trong lòng người đọc. Nghĩa là có mà như là không có vậy.

Cho nên nói đến Nguyễn Tuân - riêng trong hoạt động phê bình - người ta chỉ nghĩ đến một cây bút tài hoa tài tử, tác giả của những bức chân dung Tân Đà,

---

(1) *Nhìn rõ sai lầm* (Bản kiểm thảo chinh huấn). *Tạp chí văn nghệ* - 1953.

Vũ Trọng Phụng, những đoạn bình thơ Tú Xương, văn Sêkhôp, những bài phát biểu Về tiếng ta, về Tiếu lâm (*Cần cười*), về *Truyện Kiều* (*Tản mạn xung quanh một áng Kiều*) v.v..

Phê bình tài tử có nghĩa là chỉ viết theo sở thích riêng và tuỳ hứng, hoàn toàn không chịu ràng buộc vào một trách nhiệm nào - với tư cách là nhà phê bình - đối với nền văn học của đất nước.

Thực ra ở nước ta người sáng tác mà viết phê bình, không chỉ có Nguyễn Tuân. Có thể kể Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Nguyễn Đình Thi... và gần đây Bùi Hiển, Trần Đăng Khoa. Nói chung những người sáng tác viết phê bình thường cũng hay viết theo sở thích riêng. Tuy vậy phần lớn, dù ít dù nhiều, vẫn muốn có đóng góp vào việc giải quyết những yêu cầu nào đấy của công tác tư tưởng văn hóa, của sự phát triển của nền văn học nghệ thuật của đất nước. Chẳng hạn Xuân Diệu có cả một công trình bề thế và có hệ thống về các nhà thơ cổ điển Việt Nam, ngoài ra còn viết về thơ Hồ Chí Minh, Tố Hữu, về *Sóng như Anh*, *Bát khuất* v.v..., Nguyễn Đình Thi với trách nhiệm của người lãnh đạo văn nghệ trong nhiều năm thường trực tiếp đê cập và giải quyết nhiều vấn đề quan trọng của nền văn học nghệ thuật đất nước (*Máy văn đê văn học*, *Một số vấn đề đấu tranh tư tưởng trong văn nghệ hiện nay...*). Còn Chế Lan Viên thì rõ ràng muốn đóng

vai người đại diện ý thức của văn học thời đại mình: *Bay theo đường dân tộc đang bay, Thơ và lý luận thơ Xã hội chủ nghĩa v.v...*

Nguyễn Tuân thì khác, tuy rằng có một thời gian khá dài ông từng là Tổng thư ký Hội văn nghệ Việt Nam. Hãy thử duyệt lại những bài viết tám huyết nhất, đặc sắc nhất của ông mà xem: hầu hết chỉ xoay quanh những tài năng mà ông cảm phục, những cá tính mà ông ưa thích, những nhân cách mà ông quý trọng, dù đó là Sêkhốp, Đôxtôi bên Tây, là Lỗ Tấn bên Tàu, hay Tú Xương, Tân Đà, Vũ Trọng Phụng, Ngô Tất Tố, Nguyễn Hồng, Nguyễn Huy Tưởng trong nền văn học Việt Nam ta.

Đóng góp trội nhất của Nguyễn Tuân trong hoạt động phê bình văn học tập trung ở hai kiểu bài: chân dung văn học và phê bình tác phẩm (phê bình gọn một tác phẩm như *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố, *Thuốc* của Lỗ Tấn, hoặc thâm nhập vào toàn bộ thế giới nghệ thuật của một nhà văn như các bài viết về Tônxtôi, Sêkhốp, Đôxtôi, Tú Xương, Thạch Lam...).

Chân dung văn học gần như là một thể văn sáng tác - có thể gọi là một thứ bút ký về người thật việc thật - người thật ở đây là một nhà văn. Thể văn này thường rất được hâm mộ. Vì đây là chân dung của

những tài năng. Mà có gì trên đời này hấp dẫn con người ta hơn là tài và sắc. Tôi muốn nói một sự hấp dẫn lành mạnh và có ý nghĩa nhân văn. Đọc những bài chân dung văn học người ta háo hức muốn tìm xem mặt mũi của cái tài nó như thế nào chứ. Thú vị nhất là được thấy cái tài trong sinh hoạt đời thường, cái tài được tiếp xúc cụ thể, được quan sát cận cảnh. Con người ta xưa nay vẫn thường có cái thích như thế. Nhưng viết chân dung không phải dễ. Phải quan sát giỏi để tóm được những chi tiết tiêu biểu... Lại phải từ ngoại hình, từ cái ngoại hiện mà bắt lấy tinh thần của đối tượng. Người viết chân dung có tài còn phải làm sao thấy được sự thống nhất giữa văn và người của đối tượng để chỉ nói người mà thấy được văn. Tất nhiên thống nhất ở bề sâu, chứ ở bề nổi thì giữa văn và người nhiều khi lại dường như chẳng có gì ăn nhập với nhau cả. Như vậy có nghĩa là người viết chân dung phải hết sức thấu hiểu đối tượng của mình.

Trước Cách mạng tháng Tám, Nguyễn Tuân viết một lèo ba bài chân dung về Tân Đà in cả vào một số *Tao đản* khi nhà thơ qua đời (1939): *Chén rượu vĩnh biệt*, *Tân Đà một kiêm khách*, *Tân Đà tửu điếm*. Cái ăn tượng đậm nhất mà người viết chân dung muốn truyền cho người đọc là cái ngông của Tân Đà. Ngông nên làm toàn những chuyện khác đời, ngược đời. Con

người rất mực phong túng áy chỉ biết có rượu có thơ, và chỉ biết sống đến tận cùng cái cá tính độc đáo của mình. Ngoài ra không thiết đến cái gì hết, không coi cái gì là quan trọng hết. Cho nên làm khách của người ta mà tự tiện đào nén nhà người ta lén để trống hùng; người ta cất công từ Lục Tỉnh Nam Kỳ ra để hỏi chuyện thơ thì chỉ nói toàn chuyện ăn chuyện uống; rồi thì là hết lên rừng tịch cốc lại xuống biển để bơi đứng ra khơi nhấm rượu với loài hầu sông v.v.. và v.v.. Nhưng cái điều Nguyễn Tuân muốn nói không phải là bản thân những hành vi ngông cuồng quái đản ấy. Theo ông đây chẳng qua chỉ là những biểu hiện gai góc của một dáng tài hoa bất đặc chí, của một cái thiên lương lạc lõng giữa đời phàm tục.

Trong bữa rượu cuối cùng với Tân Đà ở Ngã Tư Sở, Nguyễn Tuân có được thi sĩ nói cho nghe về đặc tính của con cá diếc:

“Nội trong loài cá, chỉ có con diếc là sạch nhất và khó câu nhất. Giống nó chỉ hay ở chỗ nước trong và ăn toàn bột nước. Thả cái gì nó cũng chê cả. Định lấy một cái mồi thơm mà dù nó như là người ta dù con rô hay một con chuối, thực cái anh đi câu đã làm một việc tối vụng về”.

Tân Đà chính là con cá diếc áy. Cho nên mới bị đẩy vào cảnh bần cùng cho đến chết. Nguyễn Tuân đã ghi lại những gì gọi là tài sản cuối cùng còn lại bên giường bệnh của nhà thơ lúc tắt nghỉ: “Vẫn bên chồng

sách bừa bài đây đó mấy trang bán thảo. Tập di cảo! Trời! Và lè loi ở góc bàn vẫn cài hũ rượu cáp giới ngày nọ. Tất cả, chỉ có thể thôi, với một đoàn thê tử yêu và đuối”.

Bài viết về Vũ Trọng Phụng cùng thật độc đáo. Khi bài này được in lại trong *Tuyển tập Nguyễn Tuân*, nhà văn có nói với tôi: “Một bài như thế, giờ chịu không viết được nữa”. Để khóc một người chết, một đám bạn bè đã kéo nhau xuống xóm hát để nói, để cười, để đập trống chầu và để hút... Tôi nghĩ đến chuyện *Trang Tử cổ bồn* - Trang Tử gõ chậu hát ngao khóc vợ. Để giải tỏa được cái buồn nó đã kết thành nỗi uất nhiều khi người ta lại phải cắt tiếng cười. “Muốn khóc mà ta cứ hát tràn” - Bác Hồ trong nhà ngục Quảng Tây ngày nào cũng từng có lúc có tâm trạng ấy. Bài *Một đêm họp đưa ma Phụng* của Nguyễn Tuân đã diễn tả được cái tiếng cười đầy nước mắt ấy của một bọn cầm bút ngày xưa, trước cái chết của một đồng nghiệp, thay cần phải quay quần lại với nhau cho đỡ lạnh: “Một người nói. Một người hút. Một người không làm gì cả. Hai người áp mặt vào tường, cười và thở dài với cái bóng in trên tường đầy máu rệp và xác muỗi khô. Tôi đánh trống, gai hai chiếc roi chầu. Cố đánh cho tử tế, mà tôi nhận thấy tiếng trống của tôi chỉ là tiếng trống bán. Và tiếng phách của Tỷ

bà đú là những tiếng sênh chập hiệu cho một cõi đòn  
đám khởi hành xuống huyệt”.

Sau Cách mạng tháng Tám, có lẽ bức chân dung  
đạt nhất của Nguyễn Tuân là bức vẽ Nguyễn Hồng.  
Đây là đôi bạn văn rất xa cách nhau về phong cách  
sống và viết nhưng lại gần nhau về tư tưởng và nhân  
cách. Vẽ Nguyễn Hồng, Nguyễn Tuân đã tóm được  
những chi tiết thật đích đáng:

“Tôi (Nguyễn Tuân) là một thằng thích phá đình  
phá chùa, mà anh thì đúng là một người ưa chuyện  
tô tượng đúc chuông” - Ấy là văn Nguyễn Hồng.

“Nguyễn Hồng đã đưa vào phòng khách sạn thành  
phố tất cả phù sa quý hóa của đồng ruộng ven sông  
Hồng” - Ấy là con người Nguyễn Hồng.

\*

\* \* \*

Nói về những bài phê bình văn hay nhất của  
Nguyễn Tuân phải kể đến các bài viết về Sêkhôp,  
Đôxtôi, Tú Xương, Kiều v.v.. Vì chỉ viết về những gì  
mình thích nên Nguyễn Tuân chỉ bình chứ không phê.  
Tuy nhiên ông đã viết thì viết rất công phu và tỏ ra  
có quan điểm và phương pháp rất khoa học.

Công phu trước hết là dựng không khí lịch sử cụ  
thể để giải thích và đánh giá tác phẩm. Các nhà văn

học sử gọi thế là vận dụng quan điểm lịch sử. Nhưng nói về lịch sử, nhiều người chỉ biết nêu lên những sự kiện chính trị, xã hội này nọ theo cách viết của nhà sử học. Nghĩa là một cách khô khan truu tượng. Thực ra lịch sử chỉ ảnh hưởng tới văn chương một thời khi nó tác động tới tâm lý xã hội của con người thời ấy và tạo ra một bâu không khí lịch sử cụ thể. Người làm văn, làm thơ thò hít trong cái không khí đó và có cảm hứng sáng tác. Như thế, có nghĩa là vận dụng quan điểm lịch sử đối với người nghiên cứu phê bình văn học đòi hỏi phải có công phu và có khả năng tạo dựng nên được bâu không khí đó, tạo dựng nên được một thực trạng xã hội đầy áp những chi tiết sống động. Đây tất nhiên là một chỗ mạnh của những người sáng tác viết nghiên cứu phê bình.

Này đây, để giải thích thế giới hình tượng và cái giọng điệu vừa xót xa chua chát, vừa ngang ngược ác khẩu của thơ Tú Xương, Nguyễn Tuân đã gợi ra trước chúng ta cả cái không khí lịch sử rất cụ thể ở nước ta cuối thế kỷ XIX khi thực dân Pháp hạ thành Nam Định, lấp sông Vị Hoàng, khi những khoa thi Hán học cuối cùng có Tây đến ra bài, có bà đầm “đit vịt” đến dự, có tiệc rượu, có nhảy đầm, lê xướng danh có mặt thám lùng sục, có bắn súng ca nồng thị uy... để đề phòng phong trào chống Pháp của Đề Thám, của Kỳ Đồng vẫn âm ỉ, chỉ chờ dịp bùng trở lại... Nguyễn Tuân đã đê cập đến cái gì thi cũng quyết nói cho có

ngành có ngọn. Người khác có thể chỉ viết: “Năm 1873 sĩ quan thủy quân Pháp hạ xong thành Hà Nội thì xuống đánh luôn thành Nam Định...”. Nhưng Nguyễn Tuân thì nhất định phải viết tiếp: “Thành Nam Định ba cửa: cửa Tây, cửa Nam, cửa Đông cùng bị đánh một lúc, tướng Gácnehe bắc thang leo vào thành...”. Người khác có thể chỉ viết: “Năm 24 tuổi, Trần Tế Xương đã thành ông Tú Xương đỗ tú tài “Tú rốt” bằng khoa giáp Ngọ, nổi tiếng tài hoa...”. Nhưng Nguyễn Tuân thì phải nói đến nơi đến chốn: “Trường thi Nam Định năm 1894 đông như kiến cỏ. Năm 1891 Nam Định chỉ có 9000 sĩ tử, năm 1894 con số người đi thi lên tới 11 vạn. (...) Kỳ đệ nhất vào ngày 25-10-1894. Kỳ đệ nhị ngày 15-11 (...) Lễ xướng danh từ sớm cho đến chiều. Ghế hành của các quan chấm trường dự lễ tai ghế cao đến 4 thước mét...” (*Thời và thơ Tú Xương*).

Bài *Đôxtôi* cũng có những trang tạo không khí lịch sử rất đạt. Ở bài này Nguyễn Tuân không nói lịch sử đè ra tác phẩm của Đôxtôi ở nước Nga Sa hoàng ngày trước, mà lịch sử tiếp nhận tiểu thuyết Đôxtôi của giới trí thức Việt Nam trong những năm cuối cùng của chế độ thuộc địa Pháp. Một xã hội “giầy dưa quần quại trong nhục nhã, đau thương, tức thở, phẫn uất”. Thời đại của bọn mật thám bắt người yêu nước - có năm “tù chính trị lên tới 10 ngàn người và tử hình lên tới 699”. Thời đại của thằng bồi sám mà có quyền xin mề đay cho quan An Nam, của những á gái điếm được

ban tặng bằng tiết hạnh khả phong, thời đại của những con mụ trùm chợ đen dựa vào Nhật hống hách đi điều khiển giá hàng lậu “Xe hòm kính hai bên hai cờ Nhật”. Thời đại của những thằng con ép mẹ đi khai bị Tây hiếp để được vào làng Tây... Người ta nhẩy đầm, đánh cá ngựa, lột nhau trong sòng bài sứt, đồng thời làm nghệ thuật vị nghệ thuật, và tung ra đủ thứ học thuyết định mệnh. Cuộc sống thì khốn khổ mà lăm kẽ cứ hát vang “Sâm Sơn vui thú xiết bao!”. Giấy bạc lạm phát nhiều hơn lá rừng, cờ bài rượu, cờ bài thuốc phiện mở ra vô tội vạ để đắp cho ngân sách thực dân tiêu vào bộ máy chỉ điểm, đội xếp, linh tấp ngày một tăng. Năm 1939, cùng với đạo dụ cấm tuyên truyền Cộng sản, chính quyền thực dân đã tung ra thị trường 39 triệu lit rượu cồn và 70 tấn thuốc phiện ty... “Lúc ấy trông đến cái gì cũng thấy sơ. Ai ai cũng bắt nạt ăn hiếp được mình. Trong cái cuộc sống lộn tung phèo nhức xương ấy, có nhiều chàng trai thời ấy đã đọc Dostoevsky”.

Sưu tầm tài liệu, tra cứu sách vở để có thể viết được những trang như thế, thực đã là tử công phu!

Nhưng phê bình văn học, công việc quan trọng nhất và cũng khó khăn nhất vẫn là phân tích chính văn bản của tác phẩm. Công việc này chẳng những đòi hỏi tài hoa năng khiếu mà còn thử thách nghiêm ngặt nhà phê bình về mặt phương pháp nữa.

Tôi rất tán thành quan điểm của Nguyễn Tuân về khái niệm *tư tưởng nghệ thuật*. Trong bài *Đọc Sêkhôp*, ba lần ông nêu lên khái niệm này:

“... Nadia đây là cái hậu thân tất nhiên của những tiền kiếp đau khổ kia trong thế giới chúng sinh Sêkhôp. Nói một cách khác nữa Nadia đây là cái hóa thân cuối cùng của *tư tưởng nghệ thuật* của Sêkhôp”.

“Để hiểu rõ *tư tưởng nghệ thuật* của Sêkhôp và thái độ của Sêkhôp đối với cái thiên chức nhà văn, đối với cuộc sống...”.

*Tư tưởng nghệ thuật* Sêkhôp, có một lúc đã là một chú bé đi trại học phương xa, qua vùng thảo nguyên, nhìn anh đào thành ra “Mùa anh đào chín quả”...

Tuy không phát biểu định nghĩa rõ ràng, nhưng qua các bài viết của ông, Nguyễn Tuân có quan niệm rất chính xác về khái niệm tư tưởng nghệ thuật.

Trước hết đây không phải là một tư tưởng khô khan trừu tượng, là một ý niệm lý trí. Đó là một tư tưởng thấm nhuần tình cảm cảm xúc thẩm mỹ. Tư tưởng ấy chỉ có một cách diễn đạt duy nhất là hình tượng nghệ thuật. Nó là “thế giới chúng sinh Sêkhôp” nó là “một chú bé đi trại học phương xa”, là “Mùa anh đào chín quả”...

Nhưng làm thế nào để xác định được tư tưởng ấy? Ta lại bắt gặp ở đây quan điểm tiếp cận hệ thống của Nguyễn Tuân. Nghĩa là theo ông tư tưởng nghệ thuật toát ra từ toàn bộ thế giới hình tượng của nhà văn,

nó tác động tới người đọc như một chỉnh thể, một hệ thống sinh động. Hệ thống này luôn luôn vận động và thể hiện sự chuyển biến tư tưởng nghệ thuật của nhà văn theo thời gian: “Cái thế giới của nhà văn gồm một nhân loại nhân vật do mình sáng tạo ra. Những nhân vật ấy có những quan hệ mật thiết đặt trong một hệ thống nhất định do nhà văn cấu tạo. Nhân vật của nhà văn cũng có những biến hóa, biến chuyển theo các qui luật diễn biến tư tưởng nhà văn (...) Thế giới của nhà văn là một thế giới động luôn luôn có sóng gió. Sóng ngoài, sóng trong. Cho nên nhân vật của nhà văn hoặc là tiến bộ lên theo tác giả, hoặc là lùi xuống cùng với tác giả lạc dòng sống, ít khi chúng dãm chân một chõ”.

Nguyễn Tuân đưa ra quan niệm trên để bác bỏ một cách có lý ý kiến của Xuân Diệu cho rằng, Sékhôp “Nói tất cả cái xót đau rất thiêng tài, nhưng rồi dãm chân tại chõ...” Không, Nguyễn Tuân đã chỉ ra trong những tác phẩm cuối cùng của Sékhôp, nhân vật của nhà văn Nga đã nhìn thấy thế giới đang chuyển mạnh như giông bão: “... một cái gì to lầm đang chuyển bước, nó đang hình thành một trận giông bão dữ dội và ích lợi, nó sẽ tiến tới, nó đã đến gần đây, và nó sẽ thổi tràn lên xã hội chúng ta và quét tan đi bao sự hững, bạc nhược, suy đốn của vô liêu, bao nỗi bi thử sức lao động”, “... Nay đây là hạnh phúc, hạnh phúc đang cất bước, hạnh phúc đang đi tới phía ta mỗi lúc

gần thêm, tôi nghe rõ nhịp bước của hạnh phúc” (Vườn anh đào).

Nhờ quan điểm và phương pháp phân tích tác phẩm chính xác, Nguyễn Tuân đã khám phá ra chất trữ tình lâng mạn đậm đặc trong thơ Tú Xương, cái phía ánh sáng lạc quan trên bức chân dung chí Dậu trong *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố, cái chất sống ngôn ngữ dù màu sắc trong *Truyện Kiều* nó át đi, thậm chí “phản hẳn lại” cái màu thiền của đạo Phật, “tức là chiên già sắc sắc không không” mà tác giả *Đoạn trường tân thanh* không khỏi bị ám ảnh. Nguyễn Tuân muốn chứng minh tư tưởng nghệ thuật đích thực của Nguyễn Du không phải bằng suy lý logic mà qua các gam màu tươi sáng cứ “óng ánh cả lên như múa bằng hối quang của hào quang”: Thật là “cỏ lợt màu sương”, “thưa hồng rậm lục”, “một gian nước biếc”, “mặn phấn tươi son”, “bạc pha cầu giá, đèn rầm ngàn mây”, “non phơi bóng vàng”, “thành xây khói biếc”, và “xơ xác vàng” cho liêu, cùng là “trôi giạt thấm” cho hoa (...) Màu chữ của Kiều thỏa thuê mà tươi chói như màu các họa sĩ vị sắc phái Coloriste”.

Nhớ lại cách đây trên 40 năm, Nguyễn Tuân đã từng bị phê phán dữ dội do một ý kiến của ông về văn học phát biểu trong bài *Đọc Sêkhôp*. Phát huy quan niệm của Sêkhôp, ông chủ trương “Nhà văn có thể là một bác sĩ gọi ra bệnh của bệnh nhân, nêu lên bệnh, nhưng nhất thiết không phải kê đơn bốc thuốc (ai có sức kiêm được cả thì xin hoan nghênh), nó là cái việc

chuyên trị của người khác làm có kết quả hơn quả, trong một xã hội tiến bộ đã có sự phân công rành rọt”.

Quan điểm trên đây ngày nay không thấy ai bàn lại, đánh giá lại. Có lẽ Nguyễn Tuân xuất phát từ quan niệm không đơn giản về đời sống hiện thực.

Ngày nay hẳn ai cũng thấy rõ, con người ta dù thiên tài trác việt đến thế nào cũng không thể vô ngực tự cho mình có thể vạch ra và giải quyết một cách chính xác và thông suốt mọi vấn đề đặt ra trong đời sống xã hội, ngay cả những nhà chuyên môn cũng vậy.

Quan điểm nói trên có lẽ còn thể hiện thái độ của nhà văn đối với độc giả ngày nay. Nhà văn ngày nay, qua tác phẩm, chỉ nên đổi thoại bình đẳng với công chúng của mình. Đã qua rồi thời kỳ văn học muốn làm công việc dạy dỗ người đọc, coi họ chỉ như một lũ học trò ngây thơ và dốt nát.<sup>(1)</sup>

(1) “Mục đích của nghệ sĩ không phải là giải quyết vấn đề một cách không bắc bối được mà ở chỗ làm cho người ta yêu mến cuộc sống trong tất cả vở ván biểu hiện không bao giờ khóc cạn của nó. Nếu người ta bảo tôi rằng tôi có thể viết cuốn tiểu thuyết trong đó tôi xác định một cách không bắc bối được quan điểm mà tôi cho là đúng về tất cả các vấn đề xã hội thì chắc tôi sẽ không dành thời hai giờ đồng hồ cho cuốn tiểu thuyết như thế. Nhưng nếu như người ta bảo tôi rằng cuốn sách tôi viết sẽ được đám trẻ con hiện nay đọc sau hai mươi năm và chúng sẽ khóc, cười, mến yêu cuộc sống thì chắc tôi sẽ hiến dâng toàn bộ cuộc đời mình, tất cả sức lực của mình cho cuốn sách đó”. (Lê Tôn Tới - Trao đổi thư từ với các nhà văn Nga - Tập 2 - Dẫn theo Nguyễn Hải Hà - Thi pháp Tôn Tới - NXB Giáo dục 1992 - Tr. 16 )

Người ta thường nói văn phê bình rất gần với văn sáng tác. Tôi cho rằng đây không phải là chuyện hình thức hấp dẫn người đọc, mà là yêu cầu tự thân, yêu cầu nội dung của phê bình văn học. Văn phê bình tất nhiên cũng đòi hỏi người viết phải có tư duy logic chặt chẽ và trí tuệ sắc sảo, vì phê bình cũng là một thứ văn nghị luận, bình luận. Nhưng nhận thức cái đẹp, đánh giá cái đẹp còn đòi hỏi những năng lực khác nữa. Đối với các ngành khoa học khác, như Toán học chẳng hạn, tìm ra được đáp số thì coi như công việc đã cẩn bản hoàn tất. Nhưng trong phê bình văn học thì tìm ra đáp số, công việc coi như mới chỉ làm được một nửa. Bởi vì đáp số của "bài toán" văn chương đâu phải là một cái gì có thể cân đo đong đếm được, hay một định luật có thể diễn đạt bằng một phương trình hay một công thức.

Nó có thể chỉ là một trạng thái tâm hồn, một cung bậc tình cảm, cảm xúc. Nó có logic riêng của nó mà nhiều khi logic thông thường không hiểu được. Những đáp số như vậy thì lại chỉ có thể diễn đạt bằng văn hình tượng. Cho nên phê bình văn học, ở một chừng mực nào đây là sự sáng tạo ra một văn bản văn chương để làm sáng tỏ văn bản văn chương của người sáng tác. Nguyễn Tuân đã làm được như vậy - đúng ra đây cũng là chỗ mạnh của ông và nói chung của những người sáng tác viết phê bình.

Đây là đoạn văn Nguyễn Tuân nói về chủ đề của truyện *Thuốc* của Lỗ Tấn: Ông cho rằng cái ngắn của

thiên truyện này “chứa chất bao nhiêu sự sống, bao nhiêu là cuộc đời nhân dân lao động Trung Hoa úa héo đi như đám cỏ bón nghìn năm bị đè dưới đá tảng lịch triều. Lỗ Tấn viết truyện ngắn, đứng vào chỗ cái đám cỏ úa ấy mà viết, và muốn đem sinh khí sự sống nguyên chất đến cho cỏ kia xanh tươi trở lại”.

Có khi chỉ một hình ảnh, Nguyễn Tuân muốn tóm gọn cả một thiên tình sử: “Cả *Truyện Kiều*, theo tôi chỉ là câu chuyện hai cô con gái nhà lành. *Truyện* hai chị em. Em phúc hậu, cho nên mặc dù không biết bơi, nhưng động xuống nước thì nổi. Còn chị, bơi giỏi, nhưng nhẹ thịt nặng xương, càng bơi càng chìm, vì đau nghẽn nhiều, quẫy lắm, nặng mãi mình ra”.

Và đây là đoạn phân tích, đánh giá vị trí then chốt của hai câu thơ cuối cùng của bài *Đi hát mát ô* của Tú Xương: “Bài thơ nổi gió lên từ hai câu cuối cùng. Từ một chuyện ăn cắp đồ vật, đáng lý chỉ gây nổi một chút tiếc của, Tú Xương trang trọng nâng nó lên thành một nỗi niềm hồi hộp xót thương của những cặp tình nhân muôn thuở - vẫn trên cái cơ sở thực tế đè hạ áy mà nâng lên, chứ không vu đàm khoát luận gì cả... Bên cái tục tằn, Tú Xương lồng vào một nét thanh, Tú Xương lấy một cái trong trắng mà gạn lọc cái vẫn đục và hút nó lên theo với thơ mình”.

\*

\* \* \*

Văn phê bình của Nguyễn Tuân xem ra cũng chẳng khác văn sáng tác của ông bao nhiêu. Cũng vẫn là một thứ bút ký tùy bút vậy thôi. Chỉ khác ở đối tượng. Nếu văn sáng tác đi tìm cái đẹp trong đời sống, thì văn phê bình của ông đi tìm cái đẹp ở văn chương nghệ thuật, ở nhân cách đẹp của một số người cầm bút.

Nguyễn Tuân gọi viết tuỳ bút là “chơi lối độc đáo”, nhán vật chính trở đi trở lại vẫn chỉ là cái “tôi” Nguyễn Tuân mà thôi. Văn phê bình của ông cũng vậy. Tinh chủ quan rất đậm. Có ai đó nói rằng viết phê bình là đánh đàn đệm cho người ta hát. Phải lên dây đàn sao cho vừa với giọng hát, và chờ có lấn át lời ca. Ở một số trường hợp, Nguyễn Tuân cũng đã làm được như thế.

Nhưng trong nhiều trường hợp, tiếng đàn đệm của ông thường nổi trội quá mức, thậm chí có lúc lời hát không con nghe rõ được nữa. Tác phẩm và nhà văn được đề cập đến, những lúc ấy, chỉ còn đóng vai trò khơi nguồn, khơi hứng cho “nhà phê bình” phỏng bút viết tràn về một đề tài nào đó (chẳng hạn bài *Sóng mai với Thủ đô* hay *Kể chuyện vi tuyến mười bảy...*). Gặp những trường hợp như thế, người đọc nên xem như mình đọc sáng tác, đọc văn tuỳ bút của Nguyễn Tuân chứ không phải đọc văn phê bình của ông. Về những bài chân dung văn học cũng thế, Nguyễn Tuân thường cùng tö rất đậm cái “tôi” của mình trên những trang viết. Đọc những bài ấy, người ta thấy không chỉ

có một chân dung mà hai chân dung: chân dung một Tân Đà, một Vũ Trọng Phụng, một Nguyễn Huy Tưởng hay Nguyễn Hồng gi đó, và chân dung Nguyễn Tuân tự họa.

Trong một thiên truyện ngắn, Nguyễn Tuân có đưa ra hai khái niệm gọi là *tung* và *hoành* để phân biệt hai lối viết: Hoành là mục thước, thiếu cảm hứng mãnh liệt. Tung là tạo ra tiếng “vang dội âm lên một thời”, là “hành binh bằng một cuộc đại tấn công”, là những tìm tòi mạo hiểm, là cảm xúc mạnh, là hơi thở nồng... (*Đôi tri kỷ gương*) Cố nhiên, Nguyễn Tuân chủ trương lối *tung*, vì cái tang của con người ông là thế: “Tôi muốn mỗi ngày trong cuộc sống của tôi phải cho tôi cái say sưa của rượu tôi tân hôn” (*Một lá thư không gửi*). Con người này suốt đời săn tìm cái đẹp, nhưng là cái đẹp như thế: nếu là thiên nhiên thì phải là giông là bão, là đèo cao, thác dữ, nếu là con người thì phải như Thúy Kiều đẹp đến hoa phai ghen, liều phai hờn, đẹp đến đổ quán xiêu đình, nghiêng thanh nghiêng nước... Không phải ngẫu nhiên mà Nguyễn Tuân thích văn Đôxtô, Ăngđơrê Gitđơ, Lô Tấn, thơ Tú Xương, thích cái tính cách ngông cuồng quái dị của Tân Đà và thương tiếc vô cùng cái tài hoa chói lọi mà yếu mệnh của Vũ Trọng Phụng - đúng là “tài hoa bạc mệnh”... Trong cách bình văn của Nguyễn Tuân cũng vậy, cảm hứng bốc lên, ông ném ra đủ thứ ngôn từ sắc nhọn nóng bỏng nhất của mình để nói về một chữ, một câu trong một bài văn, một bài thơ của ai đó, nói

cho đến sơn cùng thủy tận, nói cho đến không ai còn có thể góp thêm, bàn thêm được điều gì nữa - đúng là uống rượu cà cấn, “đi tận vi độ”. Nhân đây cũng xin nói tạt ngang về một số phong cách phê bình: Hoài Thanh thì đúng là chỉ bình thô. Rất ít khi thấy ông giảng giải phân tích một cái gì. Chỗ mạnh của ông là chọn đúng những câu thơ hay thật và diễn tả đích đáng một cảm giác, một cảm xúc nào đấy của mình về câu thơ đó. Ông khiêm tốn lùi xuống, ẩn mình đi để nhường chỗ cho thi sĩ bước lên phía trước và cất tiếng. Xuân Diệu thì vừa bình vừa giảng. Đường như ông nhất thiết phải hiểu đến mức cặn kẽ nghĩa đen nghĩa bóng từng chữ của bài thơ, câu thơ, thì sự thường thức mới thấy được thỏa mãn. Và ông muốn người đọc cũng được hiểu như vậy. Vì thế bình phải đi với giảng, bình phải trên cơ sở giảng. Xuân Diệu, do đó, giống như một thầy giáo dạy người ta đọc thơ và làm thơ qua những trang phê bình. Chế Lan Viên thì rất ít khi bình giảng tác phẩm cụ thể. Chỗ sắc sảo của ông là suy nghĩ, bình luận một cách khái quát về một vấn đề văn học nào đấy, về một hướng đi nào đấy của nền văn nghệ đất nước, hay về phong cách chung của một nhà văn nào đấy...

Nguyễn Tuân thì *bình và tán*, vừa bình vừa tán và thường chỉ xoay vào một câu, một chữ nào đấy. Ông liên hệ ngang, liên hệ dọc. Ông tưởng tượng ra những tình huống này khác để suy luận. Ông phán đoán về những phản ứng tâm lý của nhân vật. Ông vận dụng

tri thức chuyên môn của nhiều ngành văn hóa nghệ thuật khác nhau để mổ xẻ, phân tích, bình luận, từ tri thức của hội họa, điêu khắc, âm nhạc, điện ảnh, đến cả tri thức vật lý đòn bẩy hay quang học, âm học v.v..

Hãy nghe ông bình và tán về một chữ “phong” trong thơ Kiều “*Cỏ lan mặt đất rêu phong dâu giấy*” “Một khoảnh sân đất, mấy vết chân in trũng xuống từ một trận mưa nào... Và trên những vệt đọng của dì vâng, ẩm ướt đã sinh nở một thứ rêu lưu cữu. Hoàn toàn là một tấm tranh tĩnh vật: sân mốc và vệt xanh của sự vắng mặt. Sự vật ở ngoài cảnh thì nghèo lạnh như thế, nhưng tiếng nói đặc sắc của người thơ đã làm cho nó ấm cúng hẳn lên. Mà cũng nên vận dụng thêm đến cái lối nói của điện ảnh ra mà tìm hiểu tinh kỵ càng về phẩm chất tạo hình của ngôn ngữ Nguyễn Du nhé. Khởi đầu là những miếng phim toàn cảnh thu cả cái sân rộng, rồi ống máy dí dần vào chi tiết trên diện sân, và cuối cùng dí máy vào một cái khuôn đất in hình một cái đế giày. Trên thành vết hài, ống máy soi thật sát vào những mảng rêu rờn rờn lên một điều hy vọng nào. Cái hy vọng của chàng dò la tung tích nàng - nàng mà rêu thương rêu nhớ vẫn “phong” lại gót hài. Rêu trong tiếng nói tinh diệu của Nguyễn Du đã thành hẳn một thứ phong bì xanh của bức thư tình bỏ quên lại giữa trời” (*Về tiếng ta*).

Và đây nữa, Nguyễn Tuân bình và tán về một tiếng chửi trong thơ Tú Xương: “*Ói thi ơi là thi, ơi khi*

*oi là khi*"; "Than sự thi, đến thế là đã nói hết cả nghĩa chữ rồi. Câu thứ tư của bài thơ ngũ ngôn vẫn trắc, khác chi một chữ xoắn cộc lốc của thế thơ yết hậu nó đánh đánh chát một cái vào những cái điêu tiêu lên mà vịnh mà đê. *"Ôi khi oi là khi!"* Buồn cười như anh không biết bơi bị uống nhiều ngum nước mùn thoát! Đò con khỉ nhe răng cười khi bị dội nước sôi! Khi mà công lý công luận bị nhục mạ thì hay sảng sắc lên cái hơi cười uất ức đó. Giữa bài thơ mình đọc cho chung quanh, chẳng lẽ lại văng ra đấy một con gì tục tĩu hơn cả mọi sự lõa lồ! Con khỉ đây là một biểu tượng thế phẩm cho cái (cái hay là con ?) hình tượng mà một nhà nho tự trọng đã vừa kìm nó lại kịp thời. Con khỉ đây chính là muốn nói cái con đó mà lại không chịu dùng cái tiếng đó. *"Ôi khỉ oi là khỉ!"*. Vừa cười, vừa chửi, vừa thét gào, vừa mếu cho mọi trò bú dù đang xảy ra chung quanh những cuộc đánh giá văn chương của một thời bô láo lợm mưa! Cần phải nôn thốc vào, cần phải cho oẹ oẹ ra cho kỳ hết" (*Thời và thơ Tú Xương*).

Văn Nguyễn Tuân là thế, dù là sáng tác hay phê bình, vẫn thường có một cái giọng riêng có phần gai góc, khinh bạc. Trước Cách mạng tháng Tám, giọng văn này nổi rõ hơn.

Chẳng hạn trong bài *Tản Đà một kiém khách*, đang nói về nỗi tiếc thương của người đời đối với thi sĩ Tản Đà, ông bỗng xoay ra giọng gay sứ: "... nếu ông Tản Đà còn đủ cái tình táo làm lá chuc thư có một

khoản xin đời đừng nên thương xót mình và nhun mình, khuyên người sống để dành cái nước mắt gừng ấy dùng vào những việc khác to hơn, thiêng hơn, người ta cũng không kiêng nể những cái ý muốn cuối cùng của ông và cứ khóc lóc như thường. *Không cho người bảy giờ khóc Tân Đà, thì định bắt người bảy giờ phải khóc những tên bán nước ở cái buổi giao thời còn kéo dài mãi này hay sao?*"

Ấy, Nguyễn Tuân thường hay dùng lối liên hệ tat ngang, đả kích bất ngờ như thế, đánh vào những đối tượng nào đây mà ông căm ghét bằng hình thức ám dụ và giọng mỉa mai châm chọc...

Sau Cách mạng tháng Tám, chất khinh bạc gai góc ở Nguyễn Tuân bớt hẳn đi, chỉ thấy còn xuất hiện rải rác ở một số bài như *Đọc Sékhôp*, *Cần cười* hay *Nhân đọc Tiểu lâm*, *Thời và thơ Tú Xương*, *Phim Chị Dậu* cùng là cảm nghĩ tắt niên với bác (Đầu) Xứ Tô...

Những cái gai ấy giờ đây thực ra cũng không mấy nhọn sắc nữa, thường chỉ chọc chọc vào một vài mặt tiêu cực chung chung của xã hội, đại loại như:

"Một nhà văn dí dỏm và biết cười (...) có công lao đóng góp thật sự cho tài chung tiếng nói Việt Nam (...) hơn là những câu hò hét sáo ngǔ hoặc lên gân một cách duy tâm của một vài nhà văn "duy vật" một cách huyền bí" (*Cần cười*).

"... Thực tình Bêlicôp đã mai táng rồi, nhưng mà biết bao kẻ mang áo bao vẫn nhanh nhản sờ sờ ra kia" (*Đọc Sékhôp*).

“Cái học lực của họ (những người Việt Nam trong tương lai - NDM) sẽ tạo cho họ nhiều độ lượng nhân ái hơn, tình cảm phong phú và thuần khiết hơn, và họ có thể còn cảm thông thâm thúy và quán triệt sâu sắc hơn nữa với hiện tại gần đây của lớp chúng ta. Thực ra cái lớp chúng ta đây cũng là một lớp người chưa thoát đờ ngang, cũng là vừa sang xong một vài chuyến, có những chuyến thuận chèo trót lọt, bén đông rộn lên như hội mùa, nhưng cũng có chuyến gian nan, tay lái không dẻo thì cũng dễ đắm con đò có lúc đã chiềng hẳn đi” (*Thời và thơ Tú Xương*).

“Thời thuộc Pháp, đói sinh ra đốt, vị trí của nó là số hai. Nhưng thời nay là thời ta, ta có chính quyền gần bốn chục năm, thế thì xếp loại mấy thứ “giặc đói” và “giặc đốt” như thế nào đây? Có ý kiến cho rằng hai thứ này ảnh hưởng qua lại nhau và nên xếp là đồng hạng” (*Phim chí Dâu...*).

Những lời gai góc như thế, vậy mà nhiều khi cũng có giá trị như là những hạt muối góp vào cái duyên mặn mà của văn phê bình Nguyễn Tuân.

*Quan Hoa, ngày 20-10-1998*

## **Những Bài Phê Bình Văn Học Của Nguyễn Tuân**

### **CUỘC TRUNG BÀY TRANH LỤA CỦA HỌA SĨ NGUYỄN PHAN CHÁNH**

Cái tên Nguyễn Phan Chánh không phải là một cố hữu danh từ mới mẻ trong nghệ thuật xứ mình. Người ta đã biết đến ông từ cái hồi Dấu xảo thuộc địa 1931. Tên ông đã vượt phạm vi xứ sở. Làng nghệ thuật nước ngoài đã bàn tán nhiều về cái tài An Nam này. Nhiều báo Pháp đã được một dịp ghép tên ông vào với Nam Sơn, Lê Phổ v.v.. để ca ngợi một cách sорт sáng. Báo Illustration số đặc biệt Noel 1932 có để dành mấy trang in màu, nói về những tác phẩm lụa của một học trò (ban thứ nhất) trường Mỹ thuật Đông Dương.

Các báo xứ mình đã có nhắc nhở tới Phan Chánh vào những dịp sau hồi Đáu xảo thuộc địa.

Ông thầy học Vichto Tacdiø (Victor Tardieu) hẳn lấy làm bằng lòng người học trò xứ Hà Tĩnh kia đã không phụ công đào tạo.

Cũng như mọi kỳ trước, kỳ này trong phòng triển lãm, Nguyễn Phan Chánh đều bày toàn tranh vẽ lụa. Môn sở trường của Đông Phương. Và của ông nữa.

Nhưng khác với lần trước, bây giờ những tác phẩm mới đều nhuộm những màu tươi sáng, nhẹ nhõm. Cái nồng nề của màu thuốc trong các tác phẩm đầu tiên đã nhường chỗ cho cái tươi tỉnh ngày nay trong sự ghép màu và dàn đẽ. Những bức họa ngày trước, nhiều người không ưa thích vì màu thuốc nghiêm nghị. Nghiêm nghị ở chỗ tối.

Bây giờ, cái không khí trịnh trọng, già nua phảng phát ở lớp tác phẩm cũ đã tan mất.

Cấu tạo nên bức tranh, công việc dàn màu thuốc nhiều khi quan hệ hơn cách dàn đẽ, với những cảnh vật vê lên. Vậy thì trong số đông những tác phẩm bày kỳ này, Phan Chánh đã làm cho màu thuốc mất trọng lực. Chúng nó bay bổng.

Đây có phải là một quan niệm mới của họa sĩ không? Nhiều người xem tranh chỉ biết sự thay đổi đó là một điều may mắn.

Họa sĩ đã tìm thấy con đường đi của mình. Và trong làng mĩ thuật phôi thai của xứ này họa sĩ cũng đã tìm được một chỗ gọn để đặt tên tuổi.

Nguyễn Phan Chánh yêu những cái bình thường trong cuộc sống. Họa sĩ yêu tả những cái êm dịu, thong thả có tính cách quê mùa. Những khách giàu sang muốn đặt tranh họa sĩ Phan Chánh, muốn họa sĩ vẽ cho mình những cái hoạt động tàn nhẫn hay cái túi bụi phồn hoa lồng vào khung xa xỉ ôn ao, thì những người đó đã tìm nhầm địa chỉ.

Nhận xét những tác phẩm hội họa của Phan Chánh, toàn thấy những đâu đề giản dị, êm ái, bình lặng. Một cô gái quê rửa chân. Một người đàn bà cù kỵ xin âm dương, khát đói. Một cảnh chim bồ câu có một cô bé ngày thơ cho ăn. Một sớm mai người nhà quê gồng gánh quẩy đi chợ. Một gã mục đồng cuội bò trong rừng hừng nắng v.v.. Với bao nhiêu màu xanh nhẹ nhõm đem lại cho tinh thần một cảm giác thư nhàn.

Tác phẩm của Phan Chánh khả ái ở điểm hoàn toàn Việt Nam. Không có một chút “lai căng” hồn đôn ở ngoài lèn được vào đây. Nó cho ta thấy cuộc sống đặc biệt của ta không giống với một cuộc sống nào hết. Họa sĩ đã tỏ ra là một người yêu tha thiết đến cái xứ sở đang bị ruồng bỏ này, nếu đem nó đọ với mọi tổ quốc khác, về một vài phương diện khác. Phái ch่าง đặc điểm này đã dẫn họa sĩ tới một thành tích rõ ràng hồi bày tranh ở Pháp?

Tôi nhớ tới cảnh thôn quê, khi ngắm mấy bức lụa *Đi chợ* và *Ở chợ về*. Một thi vị thấm thia đã tiết ra tự cái đám sương sớm và hơi nắng tàn kia, được họa sĩ ghi trên mảnh lụa tô màu: Bức vẽ một con bò ăn cỏ trong rừng nắng sớm. Một điều để giàn dị.

Đặt cảm giác nồng nàn vào cái đơn giản như thế, lấy cái đơn giản ấy tìm được sức cảm xúc mạnh ở người xem, nếu không chịu gọi thế là nghệ thuật thì còn gọi là gì? Cũng như trong phạm vi văn chương, khi mà người ta dám viết một truyện ngắn hay truyện dài bằng những tài liệu nhuhn nhẫn mà kè khác thì quẳng bỏ, khinh rẻ vì nó không có một giá trị kiến thiết, vì nó tầm thường, khi mà người ta viết thoát được thành một thiên truyện hay, với một cái cốt xoàng xĩnh như thế, nhất định người ta phải có quyền tự hào là đã đi tới nghệ thuật. Và người phê bình cũng không thể nghĩ khác được. Trong văn nghệ, cái chân tài có bao giờ chịu tạo tác phẩm theo một lối dẽ dái. Phải khe khắt trong sáng tác

Họa sĩ Phan Chánh vốn xuất ở nền học cũ. Những tranh lụa đã tố cáo cái tinh thần cũ và tinh thần kia phụng sự cái tài của cây bút lồng nọ.

Nói về người để lấy làm kiểu mẫu vẽ, họa sĩ tìm họ ở hoàn cảnh cũ. Như ở bức vẽ *Những người ca kỹ*, ta không thể nhầm đảo nương đó với một cô đầu mới của xứ Bắc. Đây là cô đầu Nghệ. Một thứ cô đầu làng Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, vốn biệt ra một tông phái riêng trong Giáo Phường. Cái hình ảnh ca nhi này nếu không ghi lại bằng tranh vẽ, thì trong ít ngày sẽ

mát mát. Đây là một thí dụ trong trăm nghìn, về lòng trung thành của ông đối với vật cũ.

Phan Chánh trung thành với quê hương. Cái tên tự HỒNG NAM và những đầu đề tranh lụa, cảnh và người ở đây đều nhuộm một mui xưa cũ và đã nói với ta như thế.

Là một người chịu sức đào tạo của trường Mỹ thuật, trong đám sinh viên tiên bối, Phan Chánh không chịu ảnh hưởng tinh thần Tây phương trong khi diễn tú tưởng mình trên lụa. Tác phẩm của ông hoàn toàn An Nam do ở tinh thần bảo thủ đó!

Những tranh lụa của Nguyễn Phan Chánh được nhiều người mua. Bán đã gần hết. Cái số người không mua chỉ tới xem cũng đông lăm. Dù thấy chúng ta bây giờ đã tỏ ra người nhận thấy việc cần dùng tìm món ăn cho tinh thần. Và cái công chúng Hà Nội, ngoài sự náo nức trong sa ngã vật chất, vẫn còn có một đám đông biết tự trọng giá người, đi tìm những cái “trò” chơi nhẹ nhàng, trong sạch, bổ ích cho tâm tưởng. Nên họ có ngông cuồng tìm thú xác thịt bỏ mấy chục bạc ra hát một đêm, thì họ cũng biết chuộc được phút truy lạc bằng sự biết săn sóc đến mỹ thuật, bỏ ra năm bảy đồng đóng một cuốn sách bìa da gáy vàng hay mua một bức họa đất tiền. Người ta không ghê lạnh với những cuộc giải trí trí thức nữa. Họ đã để tâm đến những món ăn lành bổ cho khói óc.

Những “đáng” tài hoa sống bằng nghề tự do phải cần đến một quần chúng hiểu biết và săn sóc tới nghệ

thuật. Nếu người ta thấy đều nghe một cuốn sách tiểu thuyết, một tập thơ in hay một bức tranh không bằng một bữa rượu thịt bày trước mắt, thì còn ai sống được với ai nữa. Thì ai còn dám viết văn và cầm bút vẽ nữa. Văn hay, nghệ sĩ đặt lòng yêu mình, nghệ minh lên trên hết cả mọi cái. Còn thì mặc kệ đời. Nhưng người ta nên hiểu rằng nghệ sĩ cũng chỉ là người. Nghĩa là cũng cần mưu sinh. Nếu có những nghệ sĩ phải đổi nghề hay là rửa nghề mình, công chúng phải chịu một phần trách nhiệm.

## CHÉN RUỢU VĨNH BIỆT

Cũ thương tuần tháng tư năm nay, tôi có chút việc phải về làng Mộc. Tôi nghĩ ngay đến việc ghé thăm ông Tân Đà. Từ chỗ ông ở đến làng Mộc tôi, cách nhau độ năm trăm thước. Sẵn có bó đóm diêm gỗ bô đê, tôi gói đi gọi là làm chút quà cho ông bạn già vốn đặt cái thú hút thuốc lào ngang với cái thú uống rượu. Con người ta chơi với nhau, đã mến được nhau, đã kinh nhau, thường hay có những cái tì mỉ như thế. Cái thanh đóm dùng để châm thuốc lào, ở người khác tôi không hiểu nó như thế nào, nhưng giữa ông Tân Đà và tôi, thanh đóm đã là một cái gạch liên lạc nối một trê vào một già.

Lần đầu tiên tôi giáp mặt ông Tân Đà là ở tòa soạn *An Nam tạp chí* phố Hàng Da. Đầu năm 1932 gi đó, sau cái hồi rời bỏ phố Hàng Khoai, lúc ông Hiếu còn cộng sự với ông Cử Ngô Thúc Dịch. Sau bài thơ trường thiên của tôi gửi đăng ở *An Nam tạp chí* lấy tên là *Tương Tư Hành*, Vũ Lang đưa tôi lại giới thiệu cùng ông Tân Đà. Tôi còn nhớ buổi đầu đó, chúng tôi

nói rất nhiều về bản dịch bài *Tỳ Bà* của Bạch Cư Di, mà nhiều người gán cho Nguyễn Công Trứ và một số người nữa thì bảo là của ông Đô Phù long (?) Những đoạn nhắc đến chữ dịch hay quá, hay đến nỗi hóa được cả chữ của nguyên văn như chữ *tâm* (biệt thời mang mang giang tắm nguyệt) mà dịch là *dầm* (nước mènh mông dầm vẻ trắng trong) chẳng hạn, ông Tân Đà hút một điếu thuốc lào, tôi cũng hút một điếu thuốc lào. Chúng tôi thông điếu lắn cho nhau và người hút thuốc thường giữ một thanh đóm lúc vẫn cháy để chờ người sau kịp dít một môi thuốc thứ hai vào nõ điếu. Lê cõi nhiên, tôi thông điếu và giữ thanh đóm cháy nhiều hơn ông Tân Đà. Tôi rất vui vẻ giữ cái địa vị đàn em như thế có đến nửa giờ đồng hồ vì hai cõi: cõi thứ nhất là trước mặt tôi, tôi có cả một cái tài hoa già dặn của thời đại; cõi thứ nhì là ông Tân Đà cao hơn tôi những hai chục tuổi đầu. Lúc đứng dậy xin cáo, ông Tân Đà tay sẫn thanh đóm còn cháy dở, nèo tôi hút một điếu thuốc lào nữa và cười khà khà:

- Ngon nhất là cái điếu thuốc lào hút thế nào cho được nhất khí.

Thấy bao diêm của tôi đã voi hết ruột, ông sẽ cho mấy chục que ở cái bao đầy của ông.

- Ngài cầm ít que dùng tạm. Bên đây quá bên vơi quá.

Tôi lĩnh mươi cái que đóm diêm sinh, cầm tình vô hạn cái buổi đầu gặp ông Tân Đà, buổi đó, để lại cho

tôi nhiều thiện cảm. Nhờ đến cái tàn lửa đóm của ngày cũ năm 1935, hồi ông Tân Đà thất thế lùi về Khê Thượng, tôi có gửi lên cho tiên sinh một bó đóm diêm gỗ bồ đề. Có người bạn quen, bắt gặp tôi ra nhà giây thép gửi cái bưu kiện đóm diêm lên tận tỉnh Đoài cho thi nhân, người đó đã đưa nhả một câu:

- Anh định diễn lại cái kịch rau sắng Chùa Hương,  
có phải thế không?

Bó đóm đi không bao lâu thì ông Tân Đà gửi lại một bài thơ lục bát trong đó có hai câu:

*Tay cầm bó đóm con con,*

*Nhớ người xa nước xa non như gần.*

Đã có bao nhiêu đêm đông lạnh, tôi ngồi xổm khoác mảnh chăn bông lên bà vai, châm một thanh đóm, và nhờ đến người xa xa tôi cất tiếng ngâm một bài “Thê Non Nước” giữa một vùng khói thuốc lào dây đặc, như màn đất núi.

Mãi đến đâu năm ngoái, tôi mới có dịp gân ông Tân Đà luôn luôn. Mỗi dịp gân nhau lại là một dịp để say sưa, để hút thuốc lào với thanh đóm cũ để nói chuyện dịch *Liêu Trai*, dịch *Đường thi* và phê bình về người và việc trong *Đồng chu liệt quốc*.

Biết là đóm đã hết, cũ này về làng Mộc, tiện đường qua nhà ông Tân Đà ở Cầu Mới, tôi đem vê biếu một bó đóm nữa.

Bấy giờ vào quãng chín giờ sớm. Ông Tân Đà đang uống nước trà, thấy tôi vào đã vội cười với một câu: “Cố nhân lai!” Cái mừng rõ này xiết bao thành thực. Đúng như vậy, đã mấy hôm nay rồi, ông Tân Đà đang khát gặp người nói chuyện. Những bạn nũng lui tới thường đã rõ ông Tân Đà vì sao phải rời xóm Bạch Mai chạy về vùng Ngã Tư Sở. Mở ngôi hàng xem sổ tử vi Hà Lạc, không có khách. Mở lớp quốc văn hàm thụ và lớp Hán văn diễn giảng cũng lại không có học trò nốt. Rốt cùng đến thiếu tiền nhà, chủ nhà đuổi người thuê nhà và giữ lấy đồ đạc. Chỉ tay vào chồng sách cũ xếp trên cái ghế mệt dài, chỉ tay vào hai chiếc ghế mây đã gần thành báy chân choai, ông Tân Đà vẫn còn hài hước:

- Nhiều lăm mà làm gì. Hai chiếc ghế cũng đủ chán. Chủ ngồi một chiếc, khách ngồi một chiếc.

Tôi bâng khuâng. Tôi cố tìm trong đầu tôi, lục lại trong cái mớ truyện Đông Tây cổ kim, để tìm lấy tên một thi sĩ giàu có. Thì ra, cái nghèo của thi nhân đã là một nghiệp dĩ. Sự giàu sang người ta chỉ thấy ở một kẻ buôn bán, ở một nhà viết tiểu thuyết. Có bao giờ, có mấy khi, một thi nhân được nǎm lên đồng vàng mười. Tôi muốn bỏ đi ngay, để được phơi những ý nghĩ đen ngòm này ra một chỗ thoáng.

Ông Tân Đà giữ tôi lại:

- Nay, đi đâu? Lâu lăm không uống với nhau một chén nào cả. Ở đây rồi ta tiểu ấm.

Rồi ông chỉ cái thầu rượu cỏ ngâm đôi ba con cáp  
giới còn nguyên hình;

- Của một ông bạn ngoài Quảng Yên làm quà cho.  
Để đợi hôm nào khỏe, chúng ta sẽ dùng hết. Cái giống  
này tráng dương lăm. Lai ơi!

Lai là tên một người hầu cận thi nhân, cũng là  
người Khê Thượng, theo ông từ ngày ông lùi về quê  
vùng Bất Bạt. Trước kia Lai thái học, nhưng từ ngày  
ở với ông Tân Đà đã biết đọc, biết viết và nhiều khi  
ngồi bên bếp lửa thăm dòm một bát canh, một niêu  
cơm, còn ngâm nga (!) nữa. Đã từ bốn năm nay,  
mọi việc chuyên trà, xào nấu món ăn và những lúc  
đêm hôm phải cầm cái hũ đi lấy rượu từ đầu làng đến  
cuối làng những lúc có khách, nhất nhất mọi việc đều  
qua tay Lai cá. Nếu ông Tân Đà ở lùi vào thời trước,  
thì nhất định Lai phải để hai trái đào như một hòn  
đồng ngày ngày đeo một cái lăng hoa quá theo thày  
lên núi lau một cái sườn đá cho thày để mấy vần thơ.  
Chiều cho được ông Tân Đà, tôi tưởng cũng chỉ có một  
minh Lai thôi. Lai lúc nào cũng vui vẻ đứng hầu rượu.  
Với những phong tục rất êm đềm ấy ở trong một  
khung cảnh rất thanh bạch ấy, hai thày trò ông Tân  
Đà đã gần như chọn nhâm thế kỷ.

Lai đã bưng siêu nước ra, đứng vòng tay chờ ông  
Tân Đà sai bảo:

- Nay Lai, con chạy ra đầu phố xem có cái gì mua  
về uống rượu. Con tuỳ tiện lấy.

Nghe mà thấy đài quá! Nghe mà thấy sang quá!  
Ai dám bảo ông Tân Đà là luôn luôn túng quẩn. Tôi  
tùm tìm cười.

Lai ở chợ đã về và đã nhanh nhau bày lên bàn  
những món tửu hào. Trên mặt cái bàn gỗ mộc tròn  
vốn dùng luôn làm bàn giấy (!) - những lúc dịch thơ  
Đường bán cho báo Ngày Nay, những lúc dịch *Liêu Trai* bán cho nhà Tân Dân, những lúc chấm sổ Hà lạc  
bán cho khách bốn phương trời - trên cái bàn gỗ mộc,  
Lai đã đặt lên đây một cái hỏa lò than hồng. Một đĩa  
bún Thanh Trì trắng phau điểm vài ngọn rau húng  
Láng xanh ngát. Và mươi gấp chả thịt lợn ba giọi có  
bóp diềng mè. Cái “tác phẩm” xinh xắn, gọn gàng này  
là của Lai.

*Khói mỡ bay đầy phòng  
Ngoài đường nắng chang chang  
Gió mồm quạt lửa hả vào nhà.*

Lai cũng phành phạch quạt nan quạt lửa than  
hồng vào người chúng tôi. Rượu nặng phân bắt đầu  
ngâm, bốc mài nhiệt độ trong người. Nếu không yêu  
và kính chủ nhân, thì có mà phải tội mới ngồi hầu  
một bữa rượu chín được người như thế này. Cũng như  
bao giờ, ông Tân Đà là người nói nhiều nhất trong  
những lúc cử tửu. Giữa cái nóng nực của bữa rượu

trời hè, tôi, mồ hôi chảy ròng ròng, ngồi nghe ông Tân Đà luận bàn về người trong thanh sứ. Nói xong cái tâm trạng Khổng Minh lục xuất kỳ sơn, ông quay sang cái cảnh Phạm Lái chu du Ngũ Hồ. Rồi ông chê người Đại phu Văn chủng, rút những câu trong sách cũ về đoạn ấy: "Cao điếu tận, lương cung tàn, giảo thò tử, tẩu cầu phanh, dịch quốc phá, mưu thảm vong...".

- Con người ta ở đời, có hai thái độ đáng quý, một là làm thánh hiền, hai là làm hào kiệt nhưng đem so sánh thì làm hào kiệt vẫn sướng hơn. Cái cuộc đời ấy mới là ô ạt.

Rồi không cần câu chuyện, ông Tân Đà đổi sang một câu chuyện khác.

- Nội trong loài cá, chỉ có con diếc là sạch nhất và khó câu nhất. Giống nó chỉ hay ở chỗ nước trong và ăn toàn bọt nước. Thả cái mồi gì nó cũng chê cả. Định lấy một cái mồi thơm mà dử nó như là người ta thường dử một con rô hay một con chuối, thực cái anh đi câu đã làm một việc tối vụng về.

Tôi liên tưởng mang máng nhớ tới câu tản văn của tiên sinh viết trong cuốn "Giác mộng con": "Có người, cho cái áo vải thì chê, đợi cho đến cái áo gấm mới mặc..." Vừa ăn, vừa triết lý, vậy mà mặt trời đã đứng hóng. Nhìn đồng hồ, ông Tân Đà nói:

- Đến một giờ, tôi phải ra ga. Hôm nay Nguyễn Tiến Lãng ở Huế về. Trước khi theo Hoàng Hậu đi Tây, hắn muôn về qua nhà, để bàn tinh cùng ông cụ

Huyên cho nó xong cái việc vợ con đi. Tôi muốn gặp mặt Lãng vì có tí chuyện.

Thế rồi ông Tân Đà đưa tôi xem một lá thư. Lá thư của ông Nguyễn Tiến Lãng gửi về giục ông Tân Đà gửi sách (?) vào để ông tàu với vua Bảo Đại “trợ cấp” cho một số tiền năm trăm đồng.

Tôi cũng biết thế vậy. Tôi lặng lẽ trao lại lá thư cho ông Tân Đà. Vẫn lặng lẽ, tôi nhấp một chén rượu. Rượu lúc này sao cay, sao đắng lạ - Ông Tân Đà sắp được triều đình Huế ban cho năm trăm đồng! Thi sĩ lúc túng còn gì bằng. Nhưng có phải lần này ông Tân Đà mới được cầm một số tiền to đùng. Từ năm xưa, năm xưa, có người hiệp khách ở Nam Kỳ đã biếu ông Tân Đà một số tiền lớn hơn thế. Những nghìn đồng. Người hiệp khách có bụng liên tài ấy đã biếu không số tiền đó và trái lại, không có đòi hỏi ông Tân Đà một điều kiện gì cả. Với số tiền ấy, thi nhân đã làm những gì? Thi nhân đã uống được mười vò rượu Bồ đào, dùng thêm được mấy mươi tháp trà tàu, và du lịch thêm được ít vùng nữa với sự thừa thãi hàng mấy tháng ròng. Giờ lại tập thơ làm vào thời kỳ ấy, đã thấy nhẹ hẳn phần tiêu sắt. Và có nhiều người đã không lấy làm thích lắm vì, đọc lên nó đã không làm cho người ta lạnh và rùng mình như cái khói tình thuở xa xôi. Số bạc ngàn lúc trước dùng cũng được có thể thì bây giờ nếu có thêm được nửa cái số trước nữa, đã chắc hơn gì chưa? Mà rồi từ giờ trở đi, người ta sẽ đưa thi nhân của chúng ta vào cái thế giới nào đây? Tôi tin

rằng từ nay trở đi, cái đời văn chương của một thi nhân sẽ bước sang một giai đoạn khác. Tôi ngờ rằng, với một số tiền trợ cấp kia, ông Tân Đà sẽ không già tay để hạ những vần rất sai và tác phẩm sau này sẽ nhanh nhảm những câu thơ rất có "hậu". Sao lại không như thế được?

Cái buồn của tôi vẫn không vơi, khi ông Tân Đà đọc lại mấy câu lục bát rất hay làm từ những bao giờ.

*"Cho voi hũ rượu, cho đây túi thơ  
Trăm năm thơ túi, rượu vò,  
Nghìn năm thi sĩ túc đồ là ai".*

San sẻ cho tôi một gấp chả sót, ông Tân Đà nói đến kế sinh nhai.

- Tôi có lên trên báo Ngày Nay, nói chuyện cùng Trần Giư để lại dịch thơ Đường. Nhưng ông ta có bảo công việc áy bây giờ giao cả cho ông Thạch Lam.

Chuyến tàu điện Hà Đông đã nổi hiệu chuông ra gần tới Ngã Tư Sở. Tôi lặng lẽ cầm tay ông Tân Đà, hẹn một ngày khác rất gần đây, sẽ xin trở lại.

Cái ngày khác rất gần đây mà tôi lại trở lại căn nhà 71 Ngã Tư Sở, là ngày hai mươi tháng tư, tây lịch là ngày 7 Juin 1939. Tôi trở lại để không bao giờ gặp lại ông Tân Đà nữa. Tôi, một kẻ ở đến để ngắm chủ nhân đã là một người về. Lúc bây giờ quá giờ Ngọ.

Sớm nay (7-6) ở thư viện ra, Vũ Bằng rủ tôi đi uống một cốc rượu mạnh. Dọc đường phố Hàng Bông, người trưởng Nam ông Nguyễn Khắc Hiếu mênh mông

tin cho tôi biết rằng ông già cậu vừa mất. Thế là từ phút này, làng rượu đất Bắc mất một tửu đồ và tao đàn mất một vị nguyên soái. Và cái bữa rượu bún chả tôi uống hôm đầu tháng ở Cầu Mới với ông Tân Đà là bữa rượu vinh biệt một thi nhân mà từ bấy giờ chúng ta có quyền gọi xách mé là Tân Đà, là Nguyễn Khắc Hiếu không cần chử đệm.

Ngồi ở một tửu điếm Bờ Hồ tôi vừa quay cốc rượu Borgia cho nồi bọt lên, tôi vừa nghĩ đến một câu mà ông Tân đã gở miệng nói giữa bữa rượu hôm trước.

“- Nay bác Tuân, làm thế nào mà lúc chết được để mả ở chỗ Hàm Rồng Thanh Hóa, ngay chỗ bèn cầu treo. Ở đây mát lắm”.

Rồi nghĩ đến cái việc trợ cấp năm trăm bạc chỉ một chút nữa là thành sự thực, tôi lại mừng cho cái thơm tho của một thi nhân. Có lẽ ông Trời muốn giữ cho thi nhân được trong sạch nên đã sớm gọi ông Tân Đà về. Người trích tiên đánh vỡ cái chén ngọc ở Tiên cung đã đến lúc mãn hạn đi đầy! “Cái hạc” đã “bay lên vút tần trời”! Năm mươi mốt tuổi đầu, thế cũng là đến cõi. “Của trời, tham được có ngàn áy thôi!” Tôi nâng cốc rượu còn đầy chỉ định nhớ chứ không thương thi nhân vừa đặt chân vào cõi Bất diệt.

Nhưng lúc tôi vào nhà 71 Cầu Mới, lòng tôi thắt lại. Ông Tân Đà còn hấp hối và đang thở hắt ra. Cứ đều đều, cứ nhẹ thế cho đến hơi thở cuối cùng. Hai môi mím khít lại, ông Tân Đà có nét mặt dǎn dùm của một người chết khó khăn. Phải, chung thân làm

một người bất đắc chí, sống đã chẳng được toai long, người nằm sóng sượt đây khó mà đi cho nó nhẹ nhõm được. Tôi bắt đầu cảm thấy hơi lạnh. Ở đầu giường bệnh, vẫn bên chồng sách bừa bãi đây đó mấy trang bản thảo. Tập di cảo! Trời! Và lè loi ở góc bàn vẫn cái hũ rượu cáp giới ngày nọ. Tất cả, chỉ có thể thôi, với một đoàn thê tử yêu và đuổi!

Cuối thế kỷ trước, một biểu chiêu Avril 1939, tại Paris, nhà viết kịch trú danh Cenri Becque đã nhấm mát giữa cảnh nghèo nàn và cô chiếc. Không có vợ, không có cha anh, không có thừa tự. Becque đã để lại cho đời vền vẹn có mấy vở kịch *Les Corbeaux*, *La Parisienne* v.v.. Cứ lời viên thừa phát lại thời bấy giờ làm bản kê khai, thì ngoài tác phẩm kể trên, gia sản của nghệ sĩ để lại, còn có mấy khoản này:

Một cái tượng bán thân do Rodin nặn cho, một cái nồi nấu, một cái nệm, tất cả bán đấu giá được 0f50;

Một chồng sách in, bán được 30f;

Một cái va li, bốn chiếc khăn mặt: 2f;

Và ba chai rượu vang Mariani (vẫn rượu)

Và năm vạn ba nghìn quan tiền nợ.

Cái đám ma của Bacque, lẻ tẻ vài lăm người.

Tạo Đàn số đặc biệt ngày 1-7-1939

## TÂN ĐÀ, MỘT KIẾM KHÁCH

Ông Tân Đà mắt. Đến như ai mà chả thương, chả khóc. Cái đó là sự dĩ nhiên. Ai mà căm ai khóc ai được. Thứ nhất là khi giọt nước mắt chính đáng kia được dịp để chan hòa. Và chẳng, nếu lúc hấp hối, biết mình sắp về và lại biết người sống rục rịch sắp khóc mình, nếu ông Tân Đà còn đủ cái tình táo làm lá chúc thư có một khoản xin đòn đừng nên thương tiếc mình và nhún mình, khuyên người sống để dành cái nước mắt gừng áy dùng vào những việc khác to hơn, thiêng hơn, người ta cũng cứ không kiêng nể những cái ý muốn cuối cùng của ông và cứ khóc lóc như thường. Không cho người bấy giờ khóc Tân Đà, thì định bắt người bấy giờ phải khóc những tên bán nước ở cái buổi giao thời còn kéo dài mãi này hay sao?

Tính theo lối tang lê chi hậu, cứ thất thát lai lai tuần, tính đến ngày số báo đặc biệt này lên khuôn in, thì ra nơi bàn thờ ông Tân Đà, cũng chỉ có ba bốn tuần đèn nhang.

Nơi nghĩa chung Quảng Thiện, làng Thanh Xuân có một cái mả mới, tắc cò vừa bén rẽ chưa đủ làm đều kín một cái màu xanh buồn bã. Có người đi Thanh minh vào lúc trái mùa, trông thấy cái mả mới, lại nhớ đến bài cổ phong thăm mả cũ bên đường, cất lên cái tiếng thương xót không mất tiền, đã hỏi một cách bằng quơ “Biết có quê đây, hay vùng xa”. Đối với những người như thế, thì “Suối vàng sâu thăm biết là ai” thực đấy. Nhưng với chúng ta, chúng ta đều biết rằng đây là ma.

*“...kẻ văn chương  
Chen hội công danh nhớ lạc đường.  
Tài cao, phận thấp, chí khí uất.  
Giang hồ mê chơi quên quê hương”.*

Không những chỉ thế, chúng ta lại còn biết thêm những sự thật về đời sống một Hù nhan, một người lõi lạc.

Thuật ra đây những sự thật thuộc về Tân Đà tôi muốn người ta hãy cởi bỏ khỏi đầu óc những thành kiến của đám thê nhân tâm thường đó đâ. Dũng nên tặng cho người chung quanh mình hai tiếng quái vật. Dũng nên gọi người chung quanh là điên, là loạn óc. Nếu thực ra trong nhân loại vẫn có một số người điên đặc biệt, thì chính cái thiểu số điên cuồng quái đản ấy, có những lúc, đã giúp đỡ, góp tốt và làm vui cho cuộc đời quá tệ, quá xấu và đáng buồn bức này.

Tôi tiếc rằng, thời tiết lúc này, không cho tôi đốt được một lò hương đàm để ngồi cho được ung dung mà kể chuyện người ngày xưa.

Người ngày xưa... lôi thôi lắm.

Tôi hãy bắt đầu bằng cái lôi thôi của Nguyễn Khắc Hiếu đi tắm bể Sầm Sơn. Thứ đến là cái lôi thôi của Tân Đà khi cuộc cá nèn nhà người ta lên để làm vườn trồng rau thơm. Rồi thứ nữa là đem ra giới thiệu một ông Tân Đà múa kiếm!

Gánh vân lênh bán Chợ Giời, gửi thư lên Thiên đình cầu hôn, xuống bể Sầm Sơn bơi đứng và ăn hải sản sống, lên rừng tịch cốc, uống rượu sâm banh với nem chua trên toa xe lửa tốc hành, đi xem mả vua Tây Sơn với cái lối khán ngang tàng: “Bắc Kỳ Sơn Tây nhân Nguyễn Khắc Hiếu kinh quá thử địa”, làm náo động cả quan nha một vùng địa phương Bình Định, quái gở ôi là quái gở vậy thay. Chưa cho là đủ ngông, chưa chịu chấm dấu hết, cái “quái tướng” ấy lại còn cầm đốc một thanh kiếm múa may quay cuồng nữa. Có đáng sợ không? Thật là “Đời chưa chán tớ, tớ còn chơi” có như thế, vong linh a!

Nhà thi sĩ của chúng ta là một người hoàn toàn của thời cũ, vốn không quen với sự Âu hóa về phục sức, hôm đi tắm bể, đã hết sức cầu thả. Người ta đừng vội tưởng thi sĩ đã hiện nguyên hình trên bãi cát bể Sầm Sơn đâu.

Thi sĩ cởi trần trùng trực, cái quần vài tây cổng có dây lưng lụa buộc hở ngoài, được buông hẵn cap lá tọa

xuống. Con người ta đã nặng về phần ăn, thì nhẹ về phần mặc, thường là thế.

Nơi đây lưng lụa, một bên thi sĩ cột một be rượu  
một bên giắt một con dao nhọn mũi.

Thế rồi là ông Tân Đà từ từ đi xuống nước mặn. Tây và đầm, buổi chiều đó, đã nguyệt một tên chài lưới bắn xúi bơi gần họ và dám gạt cái quả bóng cao su xanh đỏ mà họ đang tung ném cùng nhau nô rộn. Họ có biết đâu rằng đây là một cái nhân tài của nước Nam ta. Thế rồi ông Tân Đà cứ bơi đứng - bơi đứng, xin nhớ kỹ cho tôi - ra mãi ngoài xa, tìm được những tảng đá sống trâu nổi lên mặt nước mới chịu nghỉ. Đây là những miếng đá thừa thãi của mũi bể Cổ Rùa, ngoi xa ra biển, chỉ có những người biết bơi lặn mà mạo hiểm lặm thì mới dám ra nơi ấy. Ông Tân Đà cố bơi ra tận đáy để uống ngay tại trận một bữa rượu. Ông mở nút chai rượu giắt ở dây lưng, vừa nhìn cái sóng bạc đầu, vừa tu ừng ực. Lấy mũi dao nhọn, ông cậy những con hẫu bám vào đá giống như một vục khoáng chất, bồ đôi từng con hẫu ra, múc lấy ruột sống, ăn rất ngon lành, thỉnh thoảng lại chép miệng thiếu mất ít gia vị. Chả nhẽ giờ lại cắt công vào bờ vì một múi chanh, nhúm hô tiêu sọ quên mang theo! Bóng tịch dương phía bờ cát đã nhuộm đỏ ôi cánh rừng phi lao đang rung động nổi một cuộc hòa nhạc với cái hải triều âm. Bóng tịch dương viền cái hình thù ông Tân Đà một màu đỏ gắt. Đỏ gần được như mặt người say rượu. Màu đá lúc bấy giờ tím, nước xanh như cánh chim chà, sóng trắng như thủy ngân.

Giữa cái âm âm không mệt mỏi có màu sắc lạnh lùng như thế đang va đụng vào nhau, ông Tân Đà ngồi yên lặng nãy những con hâu với một cái mặt đỏ gay. Chúng ta đã có cả một ông Lý Thiết Quài cỗ quái đang ngồi áp một cái su đá, vọng ra cái mènh mông của bể Đông. Ăn no tắm mát rồi, lúc đặt chân lên dải cát vàng, thi sĩ của chúng ta nhìn cái mây nước vô hạn cảm, và muốn át cả tiếng bể Đông, nói rất to:

- Nhất sinh, chưa bao giờ ta được hả đến như thế.

Lại một lần, vào giữa hồi thát thế, tiên sinh được một người bạn liên tài vớt ra dưỡng nhàn tại vùng Quảng Yên. Cuộc ở đậu này là một cuộc ở nhờ dài hạn. Chủ và khách rất tương đắc.

Nhân một buổi chủ nhân vắng nhà, không biết buồn tay buồn chân thế nào mà ông Tân Đà cho dẹp hết cả bàn ghế bày ở phòng tiếp khách lại một góc tường. Rồi cầm lưỡi thuồng, tiên sinh đã cậy bật hết mấy lượt gạch đá hoa nơi nền nhà. Chợt thấy chủ nhân về, tiên sinh chống thuồng cười hề hề, chỉ cái đồng đất và cái ngón ngang trong lòng một thước vuông diện tích gạch hoa bị lật tung, hình như muốn ai cũng phải như mình, phải cùng thưởng thức với mình một công trình phá hoại nho nhỏ như thế. Thấy chủ nhân chậm linsk hội, tiên sinh phải cắt nghĩa:

- Ấy, định trồng ít húng láng, ăn thiếu rau cỏ, nhiều khi bức đến chết. Chén rượu nào cũng cứ nhạt phèo.

Bây giờ mới đến chuyện ông Tân Đà múa kiếm.

Hồi năm ngoái, vào tiết sen tàn đã cup lại trên mặt ao những chiếc nong rách, pha vào cái già nua của cây cỏ một màu gỉ sét, tôi và vài ông bạn nữa kéo nhau vào làng Hà Trì ở gần tỉnh Đơ. Ông Tân Đà đã định ước cùng chúng tôi là gặp nhau ở đây, hôm chủ nhật, để đánh chén. Gặp ông Tân Đà, thường bao giờ cũng lấy rượu ra làm đầu sai, nếu không đãi yến thì ít ra cũng phải tiểu ấm. Hôm ấy, thịnh soạn. Thi nhân khoe rằng vừa mới linh được một món tiền nhuận bút. Thảo nào, rượu hôm ấy có lần mùi đăng sâm. Và sáng hôm ấy, tôi thấy được một ngày không có giờ. Trong lúc chủ khách thụ ấm, sự đời cứ chậm chạp, nhà nho như cái hồi nước cổ Việt Nam chưa bị nhà nước Pháp tới ờ, có những người vào lớp cha anh chúng ta, bữa ăn gói cá sinh cầm mất những một ngày một đêm.

Lúc gần triệt soạn, tôi nắn nì với chủ nhân:

- Người ta đồn cụ múa kiếm có nhiều đường đẹp lắm. Anh em hôm nay muốn được xem. Mỗi người thêm một câu. Rút cùng, Phục - người con thứ thi sĩ - đã đưa cho cha con dao phay. Nhưng trước khi bình thân, ông Tân Đà thét người nhà lấy mấy tấm liếp bằng cót che kín mặt nhà trước lại. Và đóng kín cả hai tấm cửa sổ phía sau nhà trông ra vườn nữa.

Tôi đã hiểu thầm tại sao ông Tân Đà có sự cẩn thận này. Đây là dớp sợ hãi của những năm Đông Du và Đông Kinh Nghĩa Thục còn để sót lại trong người thi nhân. Cái sự đó, cái cẩn thận đó là những cái lo lắng chính đáng của những nhà nho sống vào thời cũ

Quận Thái Xuyên Hoàng Cao Khải, vào thời quan Khâm sai Lê Hoan, mà vẫn nhớ luôn là trong nhà mình có quyền sám Trạng Trình, một cuồn binh thư và trong cái đòn ống gác bếp, vẫn có một thanh quát ép lưỡi vào tám bìa một cuốn sách tinh số Thái ất, trước khi múa kiếm, ông Tân Đà nghiêm trang như một võ sĩ lên tỉ thí trận lôi đài nói với mọi người:

- Môn kiếm này của Tư Đạt truyền cho tôi.
- Tư Đạt?
- Con ông Đô Thống Thuật áy mà. Ngày xưa, tôi nǎng tập, công phu lả. Bò đã lâu lắm, chả biết bây giờ có đi được cả bài không. Áy thế mà dù có nhớ, cũng khó mà đi hết được.

Trong gian nhà tối lờ mờ, mọi người nhận thấy một cái bóng trắng lượn múa trên hai bộ ngựa ghép sát lại. Ông Tân Đà mặc áo trắng dài. Cũng tiến lên lùi xuống, bước đi gò theo một luật phép rất khắc khổ. Cũng múa trên, đỡ dưới. Chưa bao giờ, tôi tập đánh kiếm. Nhưng hồi còn ở lao, có mấy người tù đàn anh đã đi cho tôi xem cả môn độc kiếm, cả môn song kiếm, và giảng sơ sơ cho tôi môn kiếm thuật. Căn cứ vào những nhời xa xôi ấy, tôi thấy ông Tân Đà hôm áy múa tròn lấm, đường kiếm lúc nào cũng che kín người. Và có những đoạn loạn đả, ông Tân Đà có những miếng sà và tuốt cũng lợi hại lắm. Chả biết lúc sự thực phải cho đồ máu thì kiếm thuật sẽ như thế nào, nhưng ở phút múa kiếm sau cơn rượu, tôi thấy

thi nhân đẹp lắm. Và nhớ tới một cuộc bút chiến, ông Tân Đà đã lên án chém ông Phan Khôi mà tôi sợ.

Tôi nhìn xuống nhà dưới thì cửa nhà ngang, bà Tân Đà đang thập thò với vẻ khiếp sợ rõ rệt. Nghỉ múa kiếm, ông Tân Đà gọi thứ nam:

- Phục ơi! Ô, con bỏ quần áo vào và li cho cậu. Chiều nay cậu ra Hà Nội.

Rồi quay lại phía chúng tôi, ông nói về chuyện kiếm:

- Tứ phương, bát diện, những lúc tứ diễn thu dinh, những lúc hồi chiến, thanh kiếm sát phạt đã nhiều lắm chư vị ạ!

Vân không quên sắp hành lý để trèo ra Hà Nội, thi nhân bỏ vào và li một cái nghiên mực, một đĩa son và một tập cổ thi. Cái và li ấy là một cái và li cũ kỹ đã bật cà khóa, chẳng khác gì cái và li của một ông đồ nghệ mới ra Bắc làm thuốc. Say rượu, rồi múa kiếm, cất kiếm rồi hỏa tốc sắm và li lên đường như là một khách không nhà, sao người ta không sống vào thời Trung Cổ để làm một kẻ hiệp sĩ nhỉ? Chưa bao giờ, tôi buồn một cách rất thi vị như buổi chiều ấy.

Cái buổi chiều ấy là một buổi chiều ông Tân Đà khởi hành ra Hà Nội để đi mãi mãi, đi... thẳng luôn vào lịch sử, của nước Việt Nam văn chương.

## TẢN ĐÀ TƯU ĐIỂM

*"Muốn ăn rau sắng Chùa Hương,  
 Tiên đò ngại tôn, con đường thời xa.  
 Người đi, ta ở lại nhà,  
 Cái dưa thì khú, cái cà thì thâm"*

\*  
\*      \*

*"Cá sông Hoài, ta đã ăn,  
 Ức sao gỏi Sờ nem Tần mới ngon"*

Bạn tôi là một người hết sức yêu thơ Tản Đà. Mỗi lần đặt chân lên đất Hà Nội là anh lại hỏi:

- Ông Tản Đà vẫn ở trên này chứ? Chúng ta xuống thăm ông đi. Tôi mới chỉ nghe danh, chưa từng được gặp người.

Đã có bảy tám lần, bạn tôi bắt tôi đưa xuống ông Tản Đà. Bảy tám lần, bạn tôi đều không được toại ý. Không lần nào thi sĩ có nhà. Tôi chưa từng thấy người

nào đi vắng một cách tàn nhẫn như vậy và tôi chưa từng thấy người nào trong số bạn tôi kiên nhẫn như vậy, kiên nhẫn trong sự đi thăm quý nhân.

Lần này, tôi đã vui vẻ được giới thiệu bạn tôi cùng thi nhân, tại chính nhà thi nhân.

- Thưa cụ, đây là ông C..., cũng người trong mạch thư hương. Những bài xẩm và tàn văn của cụ, ông có thể đọc thuộc lòng.

- Mời chư hiền ngồi.

Tôi tòm tèm, đưa mắt cho bạn tôi rồi nói tiếp:

- Hôm vừa rồi, tôi có nói chuyện với cụ trên tàu điện là một người bạn xa, xuống hâu thăm cụ đã đến bảy tám bạn mà không lần nào được gặp. Chính là ông C... đây.

- Xin mời chư hiền ngồi.

Thi nhân có vẻ mệt nhọc, trên mặt còn bụi ra cái hơi rượu của một bữa tiệc nào. Ông Tân Đà ngồi chuyên trà tàu và chúng tôi uống nước để chờ đợi. Bạn tôi nhất định là đang quay lưỡi bảy lần, nghĩ một câu nói đầu tiên gì cho thực khéo để cởi mở đến cái túi thơ của ông Tân Đà. Thăm thi nhân không nói chuyện thơ thì bàn chính trị sao? Bạn tôi xoa hai bàn tay vào nhau yên lặng, một thứ yên lặng hiền lành. Bỗng ông Tân Đà, nhìn thẳng vào tôi:

- Hóng mắt ngài ạ.

- !?!

- Cái lối nem bì bóp thính mà chấm nước mắm thì láo toét. Đầu vị có bột thính đem chấm nước mắm, thính trôi tuột hết, thế thì mình, còn được cái gì của miếng nem gấp vào bát? Tôi rất lấy làm để tâm đến việc này lắm.

Tôi túm tím, bạn tôi, trên nét mặt, thoáng có sự bức mình. Ông Tân Đà vẫn luận về sự ăn, dưới một hình thức khác.

- Sao việc đời lắm cái trái ngược nhau thế, hở ngài! Tôi đã được biết một gia đình kia, vợ rất giỏi về món nấu nướng mà ông chồng thì thật là ăn tro bọ trấu. Bà ta lắm bữa, ngồi chè rau muống rất là tỉ mỉ. Những sợi rau muống quấn lấy nhau trông cứ như là hình con long, con ly. Trông đĩa rau ghêm, thực chỉ muốn ngắm cho nó đẹp mắt chứ không muốn ăn nữa. Nem, gỏi, cỗ bát, bánh trái cái gì bà ta làm cũng khéo cả. Mỗi lần làm, bưng lên thì ông chồng không xơi chỉ lấy đũa khảy qua mấy miếng. Đây cũng là một thứ thâm khuê oán.

Thấy chỉ có một mình ông Tân Đà nói về một vấn đề, và bạn tôi lặng thinh cố chờ lúc câu chuyện đổi làn từ chỗ ảm thực ra chỗ thơ văn, tôi chêm vào:

- Thưa cụ, đây cũng là một kiểu *người ngây cười con ngựa* hay của cụ trong cuốn *Giác mộng con* vậy.

- Có như thế, ngài ạ!

Ông Tân Đà vồ đùi, cười ha hả để rồi lại nói tiếp về cách ăn uống.

- Ăn uống, cần nhất là có người hầu. Trong việc ăn, cái thằng bộc là quan hệ nhất. Như ngài đến chén với tôi, ngài mang thằng bộc đi cho nó hầu ngài và nó giúp một tay đỡ thằng bộc nhà tôi. Mỗi vị có một tên bộc kèm, bữa rượu ấy nhất định phải ngon. Có thể mời đủ người sai bảo, ngài à.

Tỉnh ra có đến một giờ đồng hồ. Một giờ đồng hồ nói chuyện ăn. Bạn tôi bấm khẽ tôi, đứng dậy xin kiểu chủ nhân. Ông Tân Đà vái chào và còn dặn với một câu cùng tôi:

- Hôm nào mát trời, chúng ta họp nhau chén một bữa. Tôi kiểm con ba ba, ngài biện lấy những gia vị. Cái món “tam tam” làm cũng lôi thôi lắm đây.

Trên con đường về, bạn tôi cứ chảy cả người ra. Cặp môi cứ dầu ra. Bởi vì định đi nghe thơ mà bạn tôi chỉ thấy thi nhân, suốt một giờ đồng hồ, giàng mãi về cái triết lý ăn.

- Chán đời quá. Thật là sốt ruột hơn là nghe kẻ kia làm triết lý sức mạnh. Người ta bảo muốn yêu và trọng nhau, không nên tới gần nhau, đúng là.

\*

\* \* \*

Đã có bao nhiêu bạn trong làng văn tự phải kêu ca về cái bữa ăn của ông Tân Đà thật quá là bữa thuốc

phiên của người nghiên. Mắt cả ngày và có khi lại còn l่าน sang ngày khác nữa. Chính ông Tân Đà cũng đã phải nhận như thế.

- Nhất sinh, tôi có một điều này đáng hận nhất. La có một lần, tình cờ được biết một ông bạn trí thức vốn giữ chân vô tuyến điện dưới chiếc tàu bể chạy đường Trung Quốc. Ông ta và tôi nói với nhau nhiều chuyện lý thú lắm. Lúc chia tay, còn khao khát. Tôi có hứa với ông, sẽ đưa ông ra tàu, chủ tâm còn định gửi gắm một vài nhời tâm sự lúc bắt tay. Vì tôi uống quá mấy chén, lúc ra tàu, tàu đã chạy mất. Và từ bấy giờ đến nay, đã mười mấy năm rồi, tôi không có dịp nào gặp lại ông ta nữa.

Giá ông Tân Đà là một chính khách, là một người sống để hoạt động giúp xã hội và tuyên ngôn lên như thế, thì cái đức ăn uống ấy có thể khép vào tội được. Nếu những việc lớn ở đời thường hỏng vì có một người mải hênh mắt nhìn một cái bóng người vừa lướt qua với nụ cười chum chìm, thì cũng có những việc lớn khác không thành được vì một chén rượu uống thêm lúc cao hứng.

Nhưng, cả một đời ông Tân Đà chỉ là đời một thi nhân, sống không hại ai, không ngăn trở sự tiến hóa của ai và của cái gì. Tân Đà có quyền hạ chai bô, đánh ngã chai con, để rồi với bên hũ rượu thì lại được đầy phía túi thơ. Đây là cái quyền của những chân tài trong phạm vi văn nghệ. Những người như thế là những hạng người sống một cách lè loi ở giữa đám

đông không hiểu được mình, không muốn hiểu mình, để rồi lúc gần rũ áo, lúc tan một giấc mộng lớn, nói buông thõng một câu:

*“Ai định chung gì với thế nhân!”*

Tôi đã nghe thấy một số đông người có dịp gần ông Tân Đà đều kêu những là thất vọng và thất vọng. Phải, ông Tân Đà, khi nào không làm thơ, thì thực là chán mór đời. Oscar Wilde đã nói rằng không có gì tầm thường bằng một nghệ sĩ ở ngoài tác phẩm của họ. Còn ai anh hùng bằng Corneille trong những vở kịch trứ danh như tuồng *Lôi Xích*. Vậy mà khi làm một người như trăm nghìn người khác, ở thế kỷ mười bảy, có lẽ Corneille là người bẽn lẽn, nhút nhát nhất.

Tân Đà chỉ đáng kể ở những tập thơ êm như nhạc, buồn như lệ liễu, thiết tha như lời gọi của bầy nhiêu cung nữ của tất cả những nước quân chủ còn sống sót trên thế giới, và ngông nghênh như là những cái thiên tài phát phơ trong cuộc sống bằng sự thờ ơ đối với mọi cái ở chung quanh mình. Tân Đà đã để hết cái tinh hoa vào một bài thơ và ngoài câu thơ, người Tân Đà chỉ còn là ít cặn bã của một động vật. Người ta tìm đến gần Tân Đà, để chứng kiến cái cặn bã đó để rồi phàn nàn.

Nhưng làm gì đã đến nỗi chán như vậy.

Cái nghè thuật của Tân Đà không những chỉ trong một câu thơ mà còn ở trong một miếng ăn nữa. Nếu chúng ta không phải là hạng người chật đầu vịt ngang thở, xé mực theo chiều dọc và uống rượu vang với bát náu hải vị, thì nhiều khi ở gần Tân Đà, ngoài cái lúc đốt trầm bình văn, chúng ta cũng vẫn còn thấy đời là dễ chịu - dễ chịu hơn là cái lúc bị lạc vào giữa một đám người thích chiều chuộng kẻ quyền thế, quây quần lại để tìm cho ra một cái sở thích vật chất của một ông quan thầy. Cái ăn, đối với Tân Đà là một cách giải trí. Và cái thuật ăn uống của Tân Đà, có thể gồm lại gần như thế này:

Bên một đĩa rau luộc xanh rờn, có một cái gì đáng gân nhất là một quả ót đỏ hay một quả cà pháo trắng, trắng đến cả cái num. Nếu miếng thịt gà không được những sợi lá chanh hay những dọc hành hoa vờn lên, thì bữa ăn ấy đừng nên sát sinh làm gì cho uống. Ở xã hội văn sĩ chúng ta có cả một ông Cur Nonsky, một ông Paul Reboux v.v..

Vào quãng cuối 1937, bạn đồng nghiệp Hiên Chy xin phép mở một tờ tuần báo lấy tên là "Ngon", chuyên bàn về vấn đề ẩm thực nơi xứ mình, nội dung cũng có đủ phóng sự, phỏng vấn, xã thuyết, truyện ngắn, tiểu thuyết ngắn và tiểu thuyết dài. Sao lại không? Một tờ báo, có phải chỉ riêng phải phụng sự chính trị thôi không? Ông bạn Hiên Chy có bàn với tôi

để lập tòa soạn. Chúng tôi đều đồng ý mời ông Tân Đà làm chủ bút báo “Ngon”. Và cái việc làm thứ nhất là cứ mỗi số in phụ bản, sau chấp phụ bản lại thành một bức dư đồ ẩm thực của nước An Nam. Mỗi kỳ phụ bản nói rành mạch về một địa phương, có dấu chua vùng nào có vật nào là ngon, là quý. Người trong nước sê cẩn cứ vào những cái công trình vụn vặt, tì mỉ, nhũn nhẽn ấy mà đi về như trẩy chợ, đổi chác của nhau và rút cục sê yêu nhau như chưa bao giờ thấy có. Một người đàn ông ở tận xứ Nam Kỳ sê làm bạn trăm năm với một người đàn bà ở tỉnh Sơn Tây vì một người đã đem từ đàng trong ra một trái sầu riêng và vì một thiếu phụ tỉnh Đoài đã cho người đàn ông kia biết đến hương vị một củ khoai hương ngoài này. Ai cưới cứ cưới. Nhưng cái người được cưới vào lúc chót, là cái người thấy ở đây, người ta không còn gọi nhau là *coc cách nước* và *coc cách lửa* nữa. Nhiều người đã nhận rằng những tác phẩm của tiền nhân mình để lại đến ngày nay đều không được trường hơi. Cuốn nào cũng mỏng mảnh, vụn vặt. Phải chăng tại cha, anh mình đã suốt đời làm đứa con ốm của một dân tộc chỉ ăn rau muống và húp nước rau luộc vắt chanh? Ta xem lại Honoré de Balzac và Victor Hugo ăn uống như thế nào, rồi ta sẽ hiểu đến ảnh hưởng của ẩm thực về mặt sức khỏe làm việc. Bộ *Comédie humaine* há chăng là cái kết quả của những bữa ăn dữ dội của Balzac?

Tờ “Ngon” được phép vào cữ đầu 1938. Tôi có ngỏ ý cùng bạn Phùng Tất Đắc. Nhưng người sốt sắng hơn hết vẫn là ông Tân Đà. Tiếc thay, ông bạn Hiên Chy không làm được vì không đủ tiền và sau rốt cũng vì tiền, ông bạn Hiên Chy giờ rật mãi sang Vân Nam Phủ. Ông Tân Đà vẫn ở nhà để chờ một tờ báo còn nằm trong không tưởng. Nay giờ ông Tân Đà mất. Nếu trong báo giới sau này có nảy ra một tờ chuyên về ẩm thực và triết lý ăn uống thì chúng ta đã thiếu một cái thẩm quyền rất lớn.

\*  
\*      \*

Đã lâu nay, tôi đã thấy rõ tình cảnh một số người cầm bút sống những ngày rất thiêng thốn. Ăn thiếu, uống thiếu. Giữa những bữa ăn luộm thuộm, nhiều khi chúng tôi đã hỏi nhau:

- Sao chúng ta lại không có một nơi ăn cho tử tế? Nếu không thừa thãi, không sang trọng thì ít ra nó cũng phải đủ chớ?

Rồi chúng tôi đã bàn đến việc dựng tại giữa Hà Nội một cái túu điểm để cho bọn bán óc có nơi đến mà tụ họp, mà ăn uống cho nó phải chăng. Đây sẽ là cái câu lạc bộ nhỏ nhỉ của những kẻ sống bằng nghề tự do, sống với tư tưởng tự do. Đến đây, họ sẽ không

nguong nghiu như là khi lạc vào những gia đình nên nếp sống theo cái thời biếu nhất định và với những thành kiến rụt rè. Họ sẽ tha hồ đem những bụi bặm của cuộc đời nghệ sĩ đến đây mà rũ, mà tẩy. Tựu điểm sẽ là nhà của họ. Một khi vào đây ngồi ăn, ngồi uống, mỗi lúc phát biểu một ý kiến gì, một tư tưởng can đảm gì, họ có cái vui sướng được nói chuyện trong một cái gia đình mà mọi phần tử đều có thể hiểu nhau lấy ít nhiều. Họ sẽ không phải dè dặt vì những cái dòm ngó khiếp sợ và chế nhạo vô ý thức của một số người ngoài. Ở đây, một tên bồi bàn không được cái quyền cưỡi đến một bộ quần áo nhầu rách, một cái đầu không chải mượt hay một đôi giày há miệng. Và cái cô nữ kế toán ngồi ở quầy hàng, thường không bao giờ được sa sầm nét mặt xuống mỗi khi họ chậm trả tiền cũ và đã lấy sổ để biên thêm tiền mới. Và mặc dầu đêm đã khuya, họ vẫn có thể đến đâm cửa như thường để nhờ cái bàn ăn hàng ngày mà viết nốt ít trang giấy, trong một lúc cân kip.

Cái tựu điểm này dựng ở Hà Nội để chứa những người sống bằng cái óc của mình (không kể là nhà báo, nhà tiểu thuyết, thi sĩ, họa sĩ, kịch sĩ, nhạc sĩ) sẽ là hình ảnh của mấy tiệm Cà phê Văn chương ở Ba Lê, chúng ta sẽ gọi nó là “*Tân Đà tựu điểm*” vừa để nhớ đến một cái tên rất đẹp của Văn giới, vừa là để nhắc đến một cái thẩm quyền trong làng thơ rượu.

Dựng được nên cái tưu điểm này, chúng ta không nên chờ đợi ở người ngoài. Chúng ta chỉ chờ được người hiệp khách đó ở trong bọn chúng ta thôi. Có cùng hội cùng thuyền thì mới có được những cử chỉ này. Nếu trong bọn cầm bút - bút cứ là bút lông vẽ hay là bút sắt viết và ký âm - nếu có một người nào làm xong được việc này, ta có thể gọi đây là cái tác phẩm bể thế nhất trong đời nghệ sĩ đó và, nó còn đáng kể hơn hết cả những tác phẩm mà một thiên tài từ trước đến giờ có thể tạo được ở xứ này.

Chiều hôm 7-6, tôi gặp mấy bạn ở ngoài đường phố định rủ luôn xuống nhìn mặt ông Tân Đà trước khi tang gia đóng nắp quan. Tôi đã buồn rầu vô cùng khi nghe mẩu đồi thoại giữa mấy người bạn đứng ở đầu Hàng Bông:

- Nay, anh đưa tôi lại cái hiệu quen của anh để dùng đỡ đỡ cái gì vậy. Từ sớm giờ chưa ăn gì. Mà cái hiệu quen của tôi thì nó “đóng” sổ của tôi rồi.

- Phiền nhỉ, tôi định tìm anh, cũng chỉ vì từ sớm giờ tôi cũng mới uống có một tách cà phê thôi. Lão chủ hiệu cao lâu của tôi, đóng cửa hiệu, về quê những ba ngày. Nhà nó có việc cưới xin gì ấy.

Cái buồn của tôi đối với người sống, lúc bấy giờ, cùng ngang với cái buồn của tôi đối với một thi nhân nghèo vừa nằm xuống.

## MỘT ĐÊM HỌP ĐUA MA PHỤNG

Tôi bước vào nhà in báo *Con Ông* và hỏi luôn cái người to lớn lù lù đang cầm bút trên giấy:

- Gi mà điện thoại nhán nhe ầm lên thế?

Tam Lang - người to lớn lù lù áy - bảo tôi hãy ngồi xuống đâ, đợi một vài bạn nữa đang bận tay chữa bài dưới nhà in lên. Tôi nghĩ thầm chắc lại hội họp để cắt cử người đọc điếu văn Vũ Trọng Phụng ngày mai đây. Ngồi kéo nốt mồi thuốc đang tàn trong lòng điếu, tôi nghĩ đến người vừa nằm xuống và nghĩ luôn đến cái chết lạnh lẽo của các giống nghệ sĩ ở đời. Tôi nhớ đến một chiếc lá vàng vừa rụng khoảng đầu năm nay trên lối đi vắng vẻ nơi ruột rừng văn An Nam. Đầu năm nay, Tân Đà mát. Chiếc lá vàng áy chưa kịp mục, thì rừng mùa thu lại hái thêm một chiếc lá xanh ném xuống đất. Người ta tiếc thi nhân chưa nguôi, thì giờ người ta lại được khóc một văn nhân nữa. Cái làng văn An Nam vốn đã thưa thớt, lại càng quạnh quẽ muôn phần.

Chợ Hôm về chiều tháng chín mùa thu, vào lúc  
gần tan, càng gợi thêm cái mệt mỏi trong lòng một  
thứ người sống với một chút hoài bão riêng ở đời.

Tia nắng hanh cuối cùng đã tắt. Gió heo gùi vào  
cửa sổ tòa báo *Con Ông* một chiếc lá vàng cuộn tròn  
mép.

Tam Lang bó những bản thảo và giấy má bừa bộn  
vào tủ và không vui, không buồn, bảo tôi:

- Tí nữa đi sang sông. Böyle giờ đi ăn.
- Au de là du Rhin?
- Phải.

Thế nghĩa là tôi nay, nhân một cuộc hội họp về tin  
Vũ Trọng Phụng vừa mất, chúng tôi qua bên kia sông  
nghe hát à đào. Thường mỗi khi rủ nhau qua cầu sông  
Cái để thức đêm ở xóm Thượng Cát, chúng tôi sẵn có  
một câu nói lóng: Au de là du Rhin. Con sông Rhin  
đây là sông Nhị Hà. Và sau cái bờ sông Rhin này là  
những căn nhà hát... thứ nhà hát không sạch sẽ,  
không sáng sủa. Chúng tôi có cần gì đến căn nhà rộng  
sáng, đến con hát đẹp và hay. Chúng tôi tôi nay chỉ  
cần một nơi để họp nhau cho trọn đêm để sớm tinh  
mơ ngày mai, lại cả đoàn kéo nhau qua cầu chạy theo  
một cái xe đám ma người bạn chết non. Thấy người  
cùng tuổi cùng nghề phải chết một cách sớm sủa mau  
mắn như thế, chúng tôi thấy đời là ngắn lắm mà

chúng tôi càng phải gần sát mãi nhau lại cho đỡ lạnh. Hạng người cầm bút trong xứ không nhiều nhõi gì; mỗi khi có một người ngã vì bệnh nạn, chúng tôi càng phải dồn nhau lại để hàng ngũ đỡ trống trải. Cái giây phút này, ta thường buồn cho người vừa chết, ta thường buồn cả cho ta. Hỡi những người chỉ sống cho luân lý, sống bằng luân lý, tôi không khi nào van xin các người đừng cười chế chúng tôi sao lại dám khiêu vũ chung quanh một chiếc quan tài chưa gán kín sáu con cá. Có lẽ cũng chỉ vì những tiếng chày đang nện cá nặng nề bên quan tài kia đã dội nhiều vào lòng bọn người một cách hốt hoảng, vô thường định với cái cô quạnh của tinh thần như bọn tôi, nên chúng tôi đã rủ nhau đêm nay sang sông mà uống rượu cho say, mà nghe hát, cũng cho đến say, và điên cuồng mà nhảy đầm quanh một cái xác chết. Có như là gần thời chiến tranh, lúc này người ta lấy tốc lực ra mà sống cuộc đời mình. Biết đâu ngày mai chẳng là không còn gì nữa. Nếu lúc này gọi được hồn Vũ Trọng Phụng lên mà hỏi câu này, chắc anh lia lịa gật đầu.

Người bạn đồng nghiệp của chúng tôi chết. Ngày hôm sau đưa đám buổi sớm. Nhận cái tin buồn ấy - chúng tôi hát và hút thuốc phiện. Đã buồn chưa? Tôi muốn hỏi tất cả những người bạn tha thiết với Phụng, những người sống với phụng sự nghệ thuật bằng một

chuỗi ngày chìm chìm tê tê, xem những ai là người chịu ngủ cái đêm ấy ở nhà mình?

Đêm ấy, bên kia sông, nhà hát lạnh như nhà mồ. Bọn ca nhi trông người nào cũng cao lênh nghênh. Sự nghèo đói làm cho người họ dài hẳn ra. Ngọn đèn dầu lạc chỉ là một ngọn đèn thờ. Người kép khảng khui như một cây khô, cũng chỉ đủ là nhạc công một phường bát âm cho nổi lên một bản hòa nhạc chết khi người ta dâng cơm cúng. Chúng tôi cười một cách điên dại như đám thủy thủ một con tàu ngầm gặp nạn, tàu cắm và rốn biển cả.

Chúng ta thương nhớ thằng Phụng nhiều nhất là giữa giờ này. Hỡi ôi!

Một người nói. Một người hút. Một người không làm gì cả. Hai người úp mặt vào tường, cười và thở dài với cái bóng in trên tường đầy máu rệp và xác muỗi khô. Tôi đánh trống, gõ hai chiếc roi chầu. Cố đánh cho tử tế, mà tôi nhận thấy tiếng trống của tôi chỉ là tiếng trống bẩn. Và tiếng phách của Tỳ bà đủ là những tiếng sênh chấp hiệu cho một cỗ đòn đám khởi hành xuống huyệt. Cũng phong phanh như đám ca nô, chúng tôi cảm thấy đêm thu cứ thấm dần qua lần vải mỏng sơ mi và đi mãi vào lòng. Những manh sơ mi này phải nương nhẹ, giữ sao cho vẹn màu hổ để

ngày mai đưa Phụng nó lên đường. “Chúng ta nên đẹp, quanh cái chết một người thân”.

Đêm lạnh lâm. Nhà hát nghèo, không có chǎn. Chúng tôi hút thuốc lá nhiều như bọn lính Tây cho nó được ấm bụng. Và nằm dịch mài vào nhau. Một người kêu không khéo mai về ốm mát. Khói thuốc ba thứ thuốc, thuốc phiện, thuốc lào thuốc lá - đã có vị chát và ngửi nhiều quá, thấy lạc cả mùi ngày thường.

Bây giờ giữa cái thăm thia của đêm nhà hát, chúng tôi mới bắt đầu nói đến Vũ Trọng Phụng. Mỗi lúc nói đến chuyện bạn lại phải kèm thêm những câu: lúc sinh bình, hồi còn mồ ma hán.

- Nhiều người còn sống sờ sờ kia, oán thằng Phụng lầm. Chúng nhìn thấy hình ảnh chúng ở Nghị Hách, Xuân tóc đỏ v.v..

- Thằng Phụng mà đánh dàn nguyệt thì có giết người không? Ủ, nó dàn có những tiếng nán dẽ thương và lảng lơ lạt.

- Lại còn cái chướng nữa là hán thích làm thơ. Các anh thử tưởng tượng xem cái phản động lực văn chương của quần chúng độc già sành xem nó ra sao, khi họ đọc thơ Vũ Trọng Phụng?

Chúng tôi cười rộ. Và tiếp:

- Thế nghĩa là cụ Minh viên Huỳnh Thúc Kháng viết truyện ngắn đấy.

- Và cụ Phan Bội Châu nhận lời giữ mục phê bình “Màn ảnh và Sân khấu” cho một tuần báo văn nghệ.

Chúng tôi lại cười ô.

- Thằng Phụng, về đức tính, có điểm này khá nhất là nhận thầu tờ báo nào là không hay quyết tiền anh em viết giúp. Trong bọn cầm bút có những thằng đứng lên nhận “đầy” sách và bán bài giúp cho bạn, rồi lại ăn cả tiền nhuận bút không chia cho bạn lấy một đồng xu nhỏ, kể ra Phụng là một người đáng được nêu lên làm khuôn mẫu.

- Về tiền nong, Phụng phản minh về chỗ tài thương lầm, nhưng nhiều khi hắn cần thận như một con người công chức. Về xã giao, hắn quan tâm nhất về chỗ kẻ cười người khóc. Ai phúng nhà mình một nghìn vàng, một thè hương; ai mừng một chai rượu hắn đều có biện cả. Để rồi chờ đợi mà biếu lại, mà mừng lại. Có ai quen Phụng, đâu là sơ sơ, mà ôm, là Phụng là người đầu tiên vào cửa nhà thương để thăm hỏi.

- Thế là hắn tốt chớ sao? Nhiều người đọc sách của Vũ Trọng Phụng lầm nhiều về cái người ở Phụng. Họ đều cho Phụng là nham hiểm, là cơ tâm, là tâm điên xáu. Để sinh ra ngộ điểm ấy, cái lỗi của Phụng là đã đem những cái thói mọt, cặn bã nhân tâm vào trong tác phẩm mình đến đây rầy.

- Riêng gì Phụng, có chán vạn nghệ sĩ khác, từ trước tới đây, bị hiểu nhầm như thế.

- Những anh nào ở đây đi lại với Phụng nhiều nhất nhỉ? Bà cụ đẻ anh Phụng, đáng quý la. Thật là một bà mẹ chí từ. Hai mẹ con, một người chí từ, một người chí hiếu. Cái hối Phụng ốm lại về dạo sau này, Phụng nằm mãi, buồn tay muốn ngồi dậy viết, bà cụ ngăn nhiều lắm. Rồi cứ thế mà ngồi quạt cho con cả đêm.

- Phụng chết trẻ. Cái đáng tiếc nhất trong đời người bạn chúng ta là Phụng thiết thực quá. Đời Phụng chưa có một cái mông nào để mà ôm, chưa mờ màng đến một cái gì để thỉnh thoảng lìa khỏi cái tẹp nhè nhẹo mè nheo ở đời này. Trong đời Phụng, Phụng cứ hành động theo suy nghĩ nhiều quá. Chưa có một giây phút nào, hắn dám điên cuồng lấy một tí.

Tôi nằm tiêm thuốc bên khay đèn, tôi đã đánh cháy điếu thuốc... Tôi nhớ đến cái chuyện tôi mua một bức tranh lụa bày ở phòng triển lãm mùa đông năm ngoái. Hồi ấy, thấy tôi rước một bức thủy họa về để đến nỗi chậm cả áo mặc mùa rét đã dồn về từ lâu. Phụng tìm đến tôi, ngắm bức họa với sự chế nhạo và “chửi” tôi là một thằng điên và nói: “Tao không bao giờ lại có thể điên như thế”. Tôi lặng thinh. Từ đấy về sau, không bao giờ tôi thuật lại cho Phụng biết những cái phút điên khác của tôi nữa.

Bạn tôi, sống ở đời, thực là một người thích sự phai chăng quá. Phai chăng khi đụng chạm với người khác, phai chăng trong cái mặc, trong cái ăn. Nói đến cái ăn tôi lại thêm buồn cười. Từ khi đánh bạn với Phụng, tôi biết Phụng chưa hề “mạo hiểm” ăn một thực phẩm lạ bao giờ. Chỉ hết phở xào rồi lại áp chảo và quanh quẩn chỉ đậu rán, bún chả, bún bung. Có lẽ có một số tiền vài trăm giắt túi chằng hạn, Phụng cũng chỉ đòi ăn có thể và buộc bằng hữu ăn như thế. Nói đến ăn uống, tôi lại nhớ thêm đến một buổi họp có cả Phụng, có cả Tân Đà. Thấy có ông Tân Đà, Phụng thành tâm đi mua hai gói kẹo lạc và ni đưa về tiệm hút, cỗ mời người thi sĩ già.

- Mời cụ xơi kẹo lạc.
- Ông bảo cái gì?
- Dạ, kẹo lạc và ni, ròn và thơm lấm.
- Kẹo lạc! Ăn ra cái quái gì.

Buổi ấy, nhà thơ có tuổi đã làm tiêu hết chút ít cảm tình của Vũ Trọng Phụng. Ngày thường, Phụng, với cái tính cách thiết thực của một người phóng sự, đã không chịu được Tân Đà kèn kèn càng rồi... Hai người ấy giờ đã là ma, cùng thở hơi cuối cùng ở một xóm Cầu Mới, nhà số 71 và 73; cùng yên nghỉ ở một nghĩa trang. Chắc ở dưới ấy, giờ gặp nhau, hai người tránh sao được nhiều cái lùng cùng, nếu hai hồn ma không

chịu nghĩ đến cái tàn lạnh cuộc đời chung của tài hoa mà chịu đựng lấy nhau!

Trong cái sống phải chăng của Phụng, có một cái phải chăng này đáng cảm động hơn hết. Là những thứ văn phòng từ bảo. Mực anh dùng viết là một thứ mực tím ít khi tươi màu, phần nhiều là loang và luôn luôn là nhạt, là chết. Giấy anh dùng là thứ giấy sáu xu một thép đã kẻ sẵn. Đây là thứ giấy của vô danh với cái khuôn khổ của tất cả mọi người. Ngòi bút Phụng thích dùng nhất là cái thứ ngòi Incomparable, xu ba ngòi. Giấy, bút, mực ấy là giấy, bút, mực của học trò. Thật là bình dị quá. Thế mà lời văn dùng bút ấy mà ký thác lên giấy ấy lại chẳng xoàng xĩnh chút nào. Những người cầu kỳ về văn phòng từ bảo như chúng ta, nghĩ tới cái tiểu tiết này trong đời văn sĩ của Phụng, há chẳng nên lấy làm nghĩ ngợi? Phụng còn phải chăng cả đến những cái thèm muôn về tương lai. "Tao chỉ mong sao mỗi khi chúng mày đàn đúm kéo nhau về chơi tao, thi có được mãi mãi một mâm cơm cho tươm tất và cái khay đèn không phải thiếu thuốc". Đây là câu Phụng nói vào một buổi chiều Tết Trung thu năm nay, khi còn ở phố Hàng Bạc và trước hôm đơn về Cầu Mới được hai ngày. Dạo ấy, Phụng vì thấy bệnh ấy phá phổi mình rõ ràng quá, theo lời thầy thuốc, đã phải rước tĩnh về bày ở nhà. Nếu quá việc một người trẻ tuổi mà vướng nghiện a phiến là có lỗi

với danh giáo thì Phụng đã bằng lòng chịu xáu với dư luận để cố mà lùi lại kỳ hạn của ngày lên đường. Lên đường về xứ chết. Phong, lao, cổ, lại, tú chứng nan y! Vả chăng ông bạn đầu xứ Ngô Tất Tố cũng đã nói riêng với tôi rằng chả chắc Phụng có qua được mùa rét năm nay không. Mùa lạnh chưa tới. Mới là có tiết thu thôi mà cái lá xanh đã lìa ngàn, một cái ngàn vạn mà cây cối còn thiếu những cỏ thụ um tùm rắn rỏi.

Tôi đã lấy làm bằng lòng tôi là vào những ngày cuối cùng của Phụng, tôi đã phóng túng hình hài với con bệnh lao chờ lúc lên đường ấy mà ăn, mà uống, mà hút với Phụng cứ hàng nửa ngày. Phụng cười, chừng muôn hồi: "Một người thèm sống, sợ già, tránh chết như mày mà cũng dám coi thường vi trùng lao của tao thả ra sao?". Những buổi ấy, tôi không cần giữ gìn vì tôi tin rằng làm thế, sẽ tủi lòng người bạn thân mà ngày giờ đã bị đếm trước. Vả chăng, trong người tôi ngầm cũng đã nhiều vi trùng lấm rồi. Có thêm một ít của Phụng nữa cũng không sao.

Nhân Phụng vừa nằm xuống, tôi lại tìm trong đầu xem trong bọn nhà văn trẻ, những người nào là cầm lòng được cái chết. Thế Lữ, Tchya, Lưu Trọng Lư, Lan Khai, Đoàn Phú Tứ, Thạch Lam..., đều là những người đủ tư cách để sớm lên đường lăm. Ngực người nào cũng lép như cái đồng hồ Ômêga trông nghiêng. Những người trẻ trung này có nằm xuống cũng đều

nhe nhõm lâm đây. Tôi không độc mồm nguyên rùa ai. Trái lại. Và buồn thương lắm.

Ngẫm đến cái mỏng mảnh về thể chất người đồng điệu, tôi đã tự hào khoe với mấy bạn nằm trong nhà hát rằng tạng tôi vững vàng và cứ cái thể chất chắc chắn này thì cứ tha hồ mà lấy đêm làm ngày, cũng còn lâu tôi mới chịu mòn. Một anh bạn đã làm vở điệu tin tưởng ấy của tôi bằng một cái thí dụ lấy ở Đinh Huy Hạo, một người cầm bút có luôn cả sức khỏe và sức mạnh, đã từng viết cuốn "Nội giống tốt".

- Trong bọn ta, đứa nào khỏe bạo bằng tên Đinh Huy Hạo. Vậy mà cũng chỉ một sớm, một chiều thôi.

Tôi buồn rầu, thiếp dần. Thế rồi, trong gian nhà hát đã về sáng, như ngọn đèn bốc mạnh lúc gần tắt, cả bọn chúng tôi mệt mỏi lại muốn nhõm cả dậy để nói chuyện thương tâm. Thuốc đã làm chúng tôi vỡ giọng và tiếng nói ô ô.

- Phụng chết nhiều người thương tiếc hơn là Tản Đà. Một người chết trẻ bao giờ cũng lấy được nhiều nước mắt hơn là người chết đứng tuổi.

- Thăng Phụng còn hứa hẹn cho văn học nhiều tác phẩm lắm. Sao trong làng văn, những người như thế đã chết mà lâm thăng bất tài khác thì lại cứ sống mãi để anh em phải sốt cả ruột?

Tôi cho rằng nghệ sĩ nên chết trẻ, nếu mình có quyền chọn tuổi chết. Tài sắc con người ta ở đời, ai cũng chỉ có một thời thôi. Con tầm nhà được tơ ong

mãi hay sao? Sóng bấy lâu, nhiều khi cung hở. Nó chỉ tỏ ra rằng mình có cái da thịt cứng quá, trùng khó đục thủng mà thôi. Ai mà chịu được một nàng Tây Thi tóc bạc da mồi. Một người tướng tài mà không chịu hết tắt với dăm nghìn da ngựa mà lại chết già trong giường vợ, thì còn gì dại dột hơn nữa.

Chúng tôi thức cả đêm bàn tán về chuyện nên sớm nghỉ đến việc Hội Ái hữu nhà văn. Vào khoảng năm giờ sớm ngày chủ nhật 15-10, bọn tôi lại từ Thượng Cát kéo bộ về Hà Nội. Trời thu thả sương sớm tựa như vào một buổi thả lưới bắt chim mòng, chim két. Qua chín nhịp cầu Bồ Đề trên con sông lạnh, bụng chúng tôi cồn cào hết sức.

- Đám đi sớm quá nhỉ. 7 giờ đã cắt. Di hết cầu, về đến bờ bên kia sông ít ra cũng mất 45 phút. Lại còn kéo ra đến ga tàu điện Bờ Hồ. Và từ đây vào Cầu Mới. Thế mà cũng vừa thời giờ thôi đấy. Nhanh bước lên! Các anh.

- Phải tìm cái hàng cháo mà ăn chứ không có lạnh bụng lắm.

- Ừ phải đấy, chỉ giữ lại đủ sáu suất vé tàu điện thôi, còn thì chén hết. Còn được đồng bạc không?

Trời chưa hừng hêt. Cái phố Hàng Bè. Chúng tôi sà vào một hiệu cháo lòng vắng vẻ. Tiết canh, dồi mỡ, lòng chay. Và cháo khói. Sì sụp húp với nhau như một

lũ con đàn một gia đình kè khó ăn cháo canh bồi thay đồ ăn chắc, tôi vốn giàu tưởng tượng, tôi nghĩ đến một cuộc tụ họp của các bạn phóng viên báo hàng ngày, một buổi sớm tinh sương mùa lạnh ở một quán cơm Cửa Nam rồi đi “xem” hành hình ở cửa Hòa Lò vào khoảng những năm 1930, 1931. Chưa bao giờ tôi thấy một bữa điểm tâm cảm động như sớm nay. Sáng nay húp quanh lợi bát cháo nóng như người phải trả nợ dần, tôi tưởng đến người chết mà bùi ngùi, tôi nghĩ đến người còn sống lại mà thêm thương tiếc.

Thế mà đám đã khởi hành được mấy phút.

Tôi vốn có một tập phóng sự về tiệm hút. Chính Phụng đã xui gọi tôi viết thiêng “Tàn đèn dầu lạc” vào một tờ tuần báo và lúc góp những bài đăng ấy để đưa xuất bản thành sách, ở trang đầu, để lời tặng, tôi viết: “Những tập phóng sự này, biết nên tặng ai?” ngụ một cái ý đùa riết cả mình và luôn cả những bạn thân có duyên nợ với Á Phiên nghiệt chướng.

Theo xe tang, tưởng đến người bạn đã khuất, tôi đã đổi lời tặng trào lộng đó thành một lời tặng hoài niệm: “Kính, Thành, Tiếc tặng vong hồn Vũ Trọng Phụng”.

## CẢM XÚC DIỄN VIÊN

Đúng ba năm ròng, tôi không có dịp lên sân khấu và đặt cả người mình vào giữa những hồi hộp nội bộ một đêm kịch từ lúc chuẩn bị trong hậu trường cho đến lúc mở màn, đóng màn ở ngoài. Nhiều lần đỗ đèn, anh chị em sân khấu lưu động quen thuộc lại hỏi khẽ tôi xem bao giờ thì tôi có dịp trở về với gia đình diễn viên. Nhớ thật! Nhớ diễn cũng gây những cơn nhộn nhạo ngứa ngáy và thách thức mình như những lúc nhớ viết. Sân khấu đã in ấn tượng sâu vào nếp nghĩ nếp cảm của mình. Trong lúc chờ đợi một ngày thuận tiện được trở lại với đời sống nhán đạo cô đúc lại trên sân khấu khỏe mạnh rực rỡ tương lai, tôi tự kiểm thảo, mong được gián tiếp góp mặt mình vào cái phần rất sinh động của nghệ thuật diễn tả ở sân khấu hiện đại.

Năm 1947, tôi và hai chục anh chị em thanh niên say sưa lưu động ở khu IV làm kịch kháng chiến qua các làng xã. Nhưng mà cho tôi bất đầu bằng những

“thành tích” của trước thời kỳ được giác ngộ về sân khấu cách mạng.

Trong số những anh chị em đóng kịch diễn kịch có tài, tôi là một người đến sau và cũng đến với sân khấu bằng cái thái độ rất coi thường người xem. Hồi ấy, có nhiều cây bút đã không cần đến người đọc từ ngay trong lúc đang viết và cô đơn như một trang độc thoại giữa một thời gian tranh tối tranh sáng. Bên cạnh thái độ viết như thế cũng có một thái độ diễn như thế. Người đi xem, rất dễ biếu con người diễn trò, lại vẫn bò tiền ra mua vui lòng mua lấy sự miệt thị của “tài tử” sân khấu. Họ là những thi dân đáng tội nghiệp. Và cả ngay bản thân diễn viên chúng ta nữa cũng là những kẻ tội nghiệp lúng túng trong đêm đô thị. Chỉ vì ánh sáng cuộc sống chưa rơi vào đời sống của tất cả, mà người đi xem cùng người làm trò đã gặp nhau để tối đến là làm khổ lẫn nhau qua cái tạm ước của tiền bạc; hý viện, càng là Nhà Hát Lớn, lại càng là nơi đau khổ nhất, đôi khi cũng dội lên được tiếng cười, những tiếng cười của một cái vui giả tạo. Đêm hoa đăng của Nhà Hát Lớn là những đêm tối tăm của thế kỷ, là một cái chợ phiên của sự bày bán các mẫu thuốc thoát ly đắt tiền, là nơi của nghệ sĩ vi kỷ thiếu tiền mua thuốc độc để tự tử mòn, của đám khán giả ích kỷ phúc tạp đến đây để khinh người bên cạnh mình cũng đang mất tiền mua một cái ghế ngồi

không yên vững, để coi thường nhân phẩm người đang quay động trong lửa khung sân khấu, để sĩ diện hão, để hơm của, để khinh thường, để tàn nhẫn với tất cả và phủ nhận hết cả. Ở đây, không ai thương yêu ai, không ai thiết tha gân gùi với ai. Chất kịch đã có ngay từ giữa đám người mại bản nhơn, mại bản nhò, ngày ngày chạy hàng xách cuộc sống tạm bợ và đêm tối hời hợt nhìn lên lửa trồ. Chất kịch đã sẵn ngay giữa khoảng tối om ngôn ngữ người mua vui, mua quên và người trên sân khấu nói cười đi đứng để không biết gì đến người sờ sờ trước mắt. Thật là một cái buồng điều, một cái nhà xác của một lũ người chết đang giả vờ làm sống, một cái nhà giam của tội nhân bệnh nhàn, cần đến những luồng giòng bão thổi tan không khí dịch tễ trầm trọng của một thời nẫu nê. Với một tỷ lệ lớn hơn, sâu hơn, rộng hơn, cái không khí Nga Hoàng cuối thế kỷ XIX báo hiệu cuộc Cách mạng tháng Mười cũng mục rõng u uất cực độ, nên, một nhân vật vở kịch của Tchékhov hồi ấy đã than những câu: "... Vậy thì về phần tôi, tôi thấy rằng kịch mới cũng chỉ là những thói hủ bại và thành kiến. Khi mờ màn lên, trước ánh lửa biên, trong một gian phòng ba bức tường, tất cả những tài lớn ấy, tất cả những giáo sĩ nghệ thuật tôn nghiêm ấy cho chúng ta thấy kè này, kè no ăn, uống, yêu như thế nào, đi lại và may mặc như thế nào; khi mà họ cố công thâu tóm những

câu nói tầm thường và những cảnh lớp áy để rút ra một chân lý bần tiện phù hợp với mọi người, một thứ luân lý có tác dụng đặc biệt ở trong nhà; khi mà dưới trăm nghìn hình thức khác nhau họ chỉ đưa mãi cho tôi cũng chỉ một đồ vật, một vật áy mãi thôi, thì tôi trốn chạy...".

Năm 1941, đế quốc Pháp đày tôi đi trại tập trung phía tây tỉnh Hòa Bình. Năm 1942 về ngoại thành Hà Nội chịu quản thúc. Khi Bảo Đại ký giấy gán luôn ngoại thành cho nhượng địa và sát nhập làng tôi vào chu vi Thủ đô, nửa tháng một lần cầm sổ quản thúc lên sở Liêm phóng Hà Nội để xin dấu nhận thực. Trong thời gian này, tôi đã đến với sân khấu và cũng là lần thứ nhất trong đời mình. Lúc bấy giờ, người ta gọi là "chơi" kịch. Tôi đã chơi kịch với cái quan niệm nghệ thuật không vì cái gì cả. Cái tình chung đèn làm việc cũng từ đây mà đậm mãi lên với anh bạn già Thé Lữ đang cùng một số anh em nhiệt tâm khác găng tạo một nhân phẩm mới cho kịch trường. Trong túi, quyển sổ quản thúc ép luôn luôn bên cuốn vở chép vai kịch, tôi lách qua các phố mệt mỏi bụi bụi. Tôi nhảm vở trong túi quần vắng, trong toa tàu điện nhộn nhịp. Các nẻo vườn hoa, ngã tư, ngã ba và cửa ô, thỉnh thoảng tôi lại gấp một số mật thám quen mặt giữa ban ngày, trước mắt mọi người, đang mắc bãy bồ vây rình chộp thanh niên phản đế. Tôi vẫn ráo bước như

cái bóng lướt của một tâm thần bất định dạt trôi trên lòng phố không khác chi mảnh gỗ vỡ tàu đắm. Chắc hồi ấy, một số bạn cũ sớm tìm được hướng đúng mà hoạt động trong bí mật đã ái ngại nhìn tôi phiêu lưu giữa thị trấn, mỗi bước mỗi chìm xuống. Năm 1943 lần đầu tiên tôi đọc thấy tên mình in đậm nét trên những áp phích lớn bằng tấm chiếu đồi, có màu sắc dán ở mặt đường phố, tôi cũng sung sướng như những khi nhìn tên mình ở cuốn truyện đầu tay của mình bày trong tủ gương hiệu sách. Nhưng mà hạnh phúc không thể có được với một tâm hồn ngờ vực sự sống. Cai màn nhung huyết dụ Nhà Hát Lớn mỗi tháng mở lên một vài lần cho tôi nói cười đi lại, cho tôi cách điệu hóa từng câu nói, từng cử động, với những meo những thuật đường thẳng đường cong đường gãy của hình kỹ họa luôn luôn chuyển biến với không khí vở diễn. Tôi là một con bi gỗ tiện của một ván bi a và đụng té nhị nhịp nhàng với những con bi diễn viên khác, dưới ánh chói của lửa biển, lửa rèm tạo cho cá tính mình một hoàn cảnh thuận lợi để bốc đồng. Phố Thủ đô, hồi ấy có nhiều chiếc xe bò vận tải đồ đạc của những gia đình tản cư về quê tránh bom đạn Mỹ. Trên một vài xe bò ngát nghểu những chiếc ghế hành gỗ quý nệm tơ nhung. Bị lệch về thói quen nghiệp nghiệp, tôi muốn nhảy tốt lên đây mà nói dỗng thật to lên cái mẩu độc thoại của vở của vai trào lộng đã

học thuộc lầu. Tôi ra mắt công chúng, tôi làm quen với công chúng, lồng hổng và chộ người xem, để rồi thấy mình mệt mỏi thêm, bất thần nhớ đến thi lại tự hỏi: “Nhưng mà tất cả những cái áy, để làm gì? Và sẽ đưa mình tới đâu?” Đêm đêm, tan buổi diễn, mang ra một cái mặt chưa xóa hết sáp, hết son, tôi nghe tôi lẻ loi gó để giày qua vè phố Tây lạnh lẽo, túi quần kềnh kệch một cái chìa khóa buông con gác xonnie. Một hồi còi phòng thủ thụ động, còi báo động rống lên, tru tréo, rỉ rền. Trên đầu Hà Nội nếu không là pháo đài bay B.24 thì cũng là B.29 của Mỹ. Như là nổ cầu chì cái ở các bόp tόng đài điện, ánh sáng tắt phut. Tôi rẽ ngoặt vào một cái cổng tối. Ngoài phía ngõ sau lưng, vun vút những bóng xe, bóng người không rõ. Họ gọi nhau lao xao, giật giọng như tiếng gọi đò đêm của một cái bến ngoài thời gian. Cả người bị rút rỗng hết sau đêm diễn, tôi chỉ thèm chờ quạo được một vật gì mà diễn và cái rỗng tuếch nội tâm. Biết là chiến tranh đang treo trên đầu mình, nhưng tôi không còn một năng suất suy nghĩ gì, cả mình như một sợi dây đứt phut vì căng giãn quá. Rồi tôi đậm sợ những đoạn chót của mỗi tối diễn, sau khi màn đã hạ và mình lại trống trải lang thang trên phố vắng với cái thảm kịch lớn hơn của thời bệnh trong chính bản thân mình.

Có mấy lần phải diễn với sự gượng gạo, biết trước, tôi phải cố mời một số người thân nhất trong đời mình

đến ngồi ở hàng ghế đầu, trong rap để mình cứ nhìn đúng vào đáy mà chia câu nói và chuyển giọng thoại kịch. Thực tình cái điều an ủi tôi nhất trong những đêm sẩm kịch vẫn là cái công chúng sinh viên lấy vé ít tiền ngồi trên dây “chuồng gà” sát nóc Nhà Hát Lớn. Sau đó tôi theo đoàn kịch đi về các tỉnh nhỏ ở Bắc bộ. Rồi diễn ở Huế, Cửa Hàn, Phai Phô. Càng đi rộng vào sân khấu khắp nơi, tôi càng thấy mình đùa dai quá với sự sống. Đến cuối năm 1944 tôi nghỉ.

Cuộc Cách mạng đem đến cho mọi người một giải pháp màu nhiệm. Nhưng mãi đến Toàn quốc kháng chiến năm 1947, tôi mới trở về với sân khấu. Lầu nhà và gạch ngói sụp trên các thị trấn, đoàn chúng tôi diễn giữa giờ, lưu động ở thôn quê Thanh Hóa, Nghệ An. Nội dung mới, kỹ thuật mới, phương tiện công cụ mới, đối tượng mới. Các kinh nghiệm, chúng tôi đều thiếu hết cả, nhưng chúng tôi đã hiểu mình làm việc giữa giờ như thế để làm gì và công việc ấy sẽ dẫn tới kết quả nào. Cái sân khấu kê bằng tre buông gồ ghề dẽ vấp ngã, ánh đèn dầu ta tù mù lèch lạc, nhưng bọn tôi nghển thấy cái chân giờ tươi mạnh của sân khấu ngày mai. Bộ bài trí sân khấu cùng một màu vải với màu áo lính Cụ Hồ. Công chúng của đoàn kịch toàn là một màu vải nâu sì sì, đứng ngồi kệch cỡm nhưng đáng yêu đáng trọng. Lúc mới đến một địa điểm công

tác, đôi bên đều có những bức minh về vấn đề tổ chức biểu diễn. Nhưng lúc diễn xong, ngày hôm sau mình chào để lên đường thì người xem quyến luyến với người diễn và người làm nhiệm vụ kịch kháng chiến thì càng nhớ đến công chúng nhân dân của từng xã, từng huyện. Trên những con đường dài, mỗi lần xa xa thấy một mái đình to ngói thâm là bọn tôi đã nghĩ ngay đến chuyện mặc vào đáy bộ bài trí vải ka ki, dịch loa, nỗi mō, nỗi tróng đốt đèn lên diễn cho đồng bào xem. Đáng nhớ nhất là mấy chị diễn viên trong đoàn lưu động, mặt mũi tiêu tụy đi không phải vì mưa nắng của đời sống đổi chỗ luôn luôn mà chính là vì những son phấn hóa trang rẽ tiền, biến báo trong lúc thiếu thốn. Mỗi khi thấy điểm cơn mưa lớn, lo cho cơ thể thì ít mà nghĩ đến tôi diễn rất nhiều. Chúng tôi lo mưa to, lo gió lớn. Gió bay diềm bay màn bay cánh gà và đảo hết đèn. Thêm nữa, gió Lào bạt hết tiếng nói của kịch. Làm việc giữa giờ, đoàn chúng tôi đậm sơ thiền nhiên, sơ thời tiết nó quyết định lớn đến hoạt động chuyên môn của mình và càng thấy mình bất lực. Riêng với đối tượng khán giả, bọn tôi thân cận thông cảm và gắn bó. Lúc bấy giờ đồng bào còn rụt rè trong sự phê bình. Đồng bào khát thèm xúc động, mình đưa ra đến đâu, đồng bào nhận đến đâu và thâm

mến đoàn công tác khi ra đi chia đều nhau đeo cả bộ máy sân khấu lách kích trên lưng. Có em mới chỉ mười ba, mười bốn tuổi.

Tôi đã đóng cả Việt gian, thổ phì, Tây mũi đỏ, ông già Hoa kiều cảm tình với kháng chiến. Tôi không thắc mắc về chuyện sắm vai chính hay vai chạy hiệu. Bấy giờ sân khấu cần minh đến mức độ nào thì mình đóng đến mức độ ấy vai ấy. Những vai cướp giặc, gian tế thường không có gì là kéo dài, là nặng. Theo lối dựng vở một cách thô lậu, đơn giản thời ấy, nhiều khi nhân vật đó chỉ nói có được mấy câu sáo rồi lăn ra chết ngay trên sân khấu để cho người khác kéo xênh xệch vào, hoặc kêu van mấy câu hấp hối trong hậu trường. Theo nguyên tắc ra trò những vai ấy phải chết rất nhanh chóng để cho đồng bào bằng lòng và cho nó tiện việc xếp lớp, xếp vở chứ có mấy ai đã cần hiểu rằng kẻ thù chính và tôi từ chúng cũng nhiều tên còn khỏe lăm và ở thực tế vẫn còn sống để chúng ta còn chật vật trong chiến đấu. Nhưng đâu sao hồi ấy tôi cũng vất vả nhiều về mỗi lần hóa trang cho thành được cái mặt quỷ sứ tội ác. Tốn nhiều son, mực tàu quá. Mỗi lần đóng xong phải đi lau mặt là khổ nhất. Bao nhiêu công phu tô chuốt để phải chết ngay và lại bao nhiêu công phu để làm cho mặt mũi mình trở lại

bình thường. Thậm chí, chúng tôi đã bàn nhau làm sẵn mấy cái mặt nạ cho tội ác như kiểu tuồng cổ có mặt nạ ông Thổ thần ông Cọp. <sup>(1)</sup>

Tôi đã đóng vai nông dân, công nhân, gắng lột bỏ những thói tật ăn nói, cử động của giai cấp trí thức tiểu tư sản thành thị mình. Trong việc diễn tả bằng hình thù con người mình, tôi chưa đạt được tí nào, cũng như một số bạn khác chưa thành công trong việc viết về thơ thuyền và dân cày. Và từ cuối 47 đến nay, tôi chưa có dịp nào được trở lại sân khấu, lúc này đã gọi là tạm dù kinh nghiệm để giải quyết vấn đề sáng tác và biểu diễn. Tôi chưa được trở về với sân khấu, nhưng tôi đã biết chắc chắn rằng sân khấu hiện tại là một tổ chức lành mạnh và sân khấu tương lai là một công cuộc đây hứa hẹn. Ở sát mặt trận hoặc hậu

(1) Lần ấy rời Mac Tú Khoa, trên đường về nhà, tôi ghé chơi Bắc Kinh (hơn năm sau thì là biến cố Cách mạng văn hóa Tàu). Hội Nhà văn Trung Quốc coi bí thư Đảng đoàn mời chúng tôi đi uống rượu Mao Đài ở quán Sơn Đông trong một hèm hò đồng. Lai vê Hội sở nói chuyện này chuyện khác. Nhờ có Lão Xa, Nguy Nguy, và Tào Ngu. Vui tưng bừng, mỗi người hát một bài. Anh Đình Thị hat *cô lá cò la*, anh Xuân Diêu hát *Lý ngựa ô*, tôi hát chèo *Trấn thủ lưu đồn*, anh Tào Ngu hát *Đông phương hồng*. Dứt bài hát, về ngồi cạnh tôi, xoa xoa lưng tôi, nói vào tai: “Các anh sướng hơn tôi”. Tôi liền nói chuyện sân khấu Việt Nam với Tào Ngu và nói luôn rằng “tí nữa diễn viên tôi đã đóng Chu Phác Viên *Lôi Vũ* đấy..”. Bây giờ Tào Ngu lao động nghệ thuật ở sân khấu nào?! (Chú thích của tác giả, 1985)

phương chiến khu, trong đại gia đình diễn viên cũ lẫn mới không còn một tâm hồn bệnh ốm nào. Tại ngay tiền tuyến, chúng ta diễn cho các đồng chí Vệ quốc xem để các đồng chí càng lành mạnh sâu sắc hơn, quyết liệt hơn. Binh sĩ càng đánh mạnh hơn mở rộng thêm cây số vuông giải phóng để chúng ta dựng thêm nhiều sân khấu và nhất là để bảo vệ tương lai nghệ thuật của tất cả chúng ta. Tại hậu phương, ta ca ngợi sức sản xuất và thành tích cần lao. Hết đâ lâu rồi, cái tâm lý hoặc quá tự tôn, hoặc quá tự miệt mình. Chúng ta kẻ lông mày thoa phấn son ra trò, mặc áo đẹp, áo nâu vá đều có một tinh thần trách nhiệm đối với đồng bào người xem thành khẩn tìm ở sân khấu cách mạng những cảm xúc lành khỏe và thực của đời sống tập thể chiến đấu và sinh sản. Nhân dân sẽ mách bảo cho tác giả, cho diễn viên chúng ta những điều làm lắn về cách phô diễn, sẽ học tập ở sân khấu những cách điệu đời sống mới được phát huy bởi tài năng và thái độ người viết, người diễn. Dân chúng xem nghe chúng ta và nhớ tên tuổi chúng ta khi chúng ta nghĩ, nói, làm đúng và trả lời đúng với ý nguyện người xem. Cũng như số người đọc, số người xem kịch rồi càng nhân tăng mãi lên với thời gian chiến đấu, sản xuất, kiến thiết, chiến thắng và xây dựng hạnh phúc. Chưa nói gì đến những phong trào kịch sau này ở mọi nơi núi non đồng bằng bản xã

riêng nói về Thủ đô giải phóng trong tương lai gần đây, rồi cái Nhà Hát Lớn sẽ không thể nào dù chõ để diễn viên cung cấp cho đủ sự đòi hỏi xúc cảm của các tầng lớp dân chúng trở về. Sẽ mọc lên những sân khấu ở khắp các cửa ô, ở các bãi rộng nội ngoại thành, ở các chợ Hàng Da, Mới Mơ, Cửa Nam, Đồng Xuân, Chợ Hôm. Có thể là sân khấu sẽ dựng cả trên những nóc camiong ghép sát khít lại một bến ô tô bờ sông Hồng Hà. Những đêm tưng bừng liên hoan đô thị giải phóng như thế tôi tưởng không đợi ai phản công phát vở cho, mà phải tự động nhảy phắt lên khung sáng mà diễn, cương ra mà diễn ngay để người diễn viên cùng quảng đại khán giả đúc lại thành một khối tình cảm chắc vững lâu bền.

Tạp chí Văn nghệ 1950, số 26

**DU KÍCH VỀ LÀNG\***  
**Của TRỌNG XUÂN LÂM**

Tập sách này là một ký sự được giải thưởng khuyến khích Phạm Văn Đồng 50-51. Nội dung nói lên một phần nào những cuộc đấu tranh vũ trang nhân dân cướp chính quyền ở Nam Trung bộ, lấy chiến khu Ba Tơ Quảng Ngãi làm vết dầu loang cho phong trào, chiến sĩ Ba Tơ phản tán đi làm cán bộ cốt cán cho phong trào các địa phương. Không gian của ký sự là một khoảng làng vùng Quảng Ngãi và mối quan hệ hoạt động bí mật của nó với chiến khu Ba Tơ. Thời gian là giữa lúc phát xít Nhật lụn bại dần trong chiến tranh thứ hai và thời kỳ Tổng khởi nghĩa. Con người trong ký sự là nông dân giác ngộ, quân đội du kích và cán bộ, đông đảo mạnh mẽ, trùm lên một số hào lý tay sai của Pháp Nhật.

Pháp bán đứng Đông Dương cho Nhật. Ở Việt Nam

---

\* Chi hội Liên khu Năm xuất bản.

sau mồng chín tháng ba 1945. Nhật dùng bộ máy quan lại tổng lý để bóc lột và vét bát phu, phá hoa màu giống đay v.v...

Tiếng trống thúc thuế nỗi lên thảm khốc ở các làng. Trong một thôn Quảng Ngãi, các tầng lớp nông dân nói chuyện thời thế, có câu đúng có câu chưa đúng, người bi quan người hăng hái; nhưng nói chung, họ đều khoái trá khi thấy hoặc nghe thấy những vang dội xa gần về thiệt hại của Nhật. Cái nhìn sự việc thời thế đổi thay của họ chưa có hệ thống, nhưng đêm đêm cán bộ về giải thích giúp họ nhận định tinh hình rộng từ trong nước ra đến ngoài thế giới và trong cái tối tăm của thời cuộc, dùu dắt họ thấy được ánh sáng ngày tới.

Trống thuế cứ thúc. Chẳng ai đóng. Chẳng ai đến. Lý trưởng cho đi thúc từng nhà thì “ai cũng đi buôn bán xa vắng”. Nghĩa là một số đã đi hoạt động bí mật. Hoặc chỉ bí mật hiện về ban đêm để khai hội và đẩy mạnh tinh thần nhân dân. Trong một cuộc họp chi bộ xã, “đồng chí Nguyễn Ái Quốc” được bầu làm chủ tịch danh dự, và có cả đồng chí trong ban chỉ huy quân đội chiến khu Ba Tơ về họp bàn cách lây thêm du kích các địa phương về xây dựng cho quân đội “trên áy” mạnh thêm và chuẩn bị khởi nghĩa.

Thằng Lý trưởng có đi淑. Nhưng những cuộc khai hội quan trọng và bí mật như thế nó làm thế nào mà biết được. Nó dò la những gia đình có chồng con hoạt động, nhưng nhân dân đã bảo vệ cán bộ và che mắt bít tai nó.

Một số du kích xã thao thức một đêm trước khi lên đường. Chiến khu là một tiếng gọi thiêng liêng hấp dẫn. Họ ngụy trang gánh, già làm đi cùi đổi muối trên miền núi. Rồi những ngày tập luyện, chào cờ đỏ sao vàng, chen lấn với ngày đau yếu nước khe cơn nấm. Trong đời sống tập thể, buổi sinh hoạt nào cũng có mục kiểm điểm mớ rau cá nhân tự túc hàng ngày. Kinh nghiệm rau rừng nào không độc luôn luôn được phổ biến. Từ vùng xuôi, những tổ chức đò ghe bí mật ngược lên nguồn, tiếp tế muối gạo, cá khô cho chiến khu. Người trong xã bàn tán nhiều về những bà con đi hoạt động vắng làng. Nhất là sau khi Nhật cho quân tấn công lên vùng Ba Tơ thì làng xóm càng đặt nhiều giả thuyết.

Quân Nhật ô ạt tấn công lên Ba Tơ. Chiến khu phải di chuyển, bảo toàn được lực lượng chủ chốt, một số phân tán xuống đồng bằng đã có cơ sở nhân dân khắp nơi để chuẩn bị đấu tranh vô trang rộng rãi. Du kích xã đã giết được Nhật, phá xe Nhật. Rồi cướp chính quyền huyện. Chợ không họp, đò không chở. Sớm trống tập trung, chiều trống biểu tình, đi mai

phục Nhật trên quốc lộ, đi bắt Việt gian tại bến đò Trà Khúc. Nhân dân phấn khởi nghe tin quân đội Ba Tơ lấy đồn Ba Tơ, Trà Bông, Sơn Hà, Ninh Long và đang kéo về tỉnh. Các Ủy ban nhân dân Cách mạng thành lập. Người người nhíp theo bài ca của đoàn quân du kích.

Đây là tất cả những điều tác giả đã nói lên trong ký sự *Du kích về làng*. Nhưng cách nói của tác giả như thế nào? Tác giả đã tìm những cách thông thường nào hoặc phát minh ra một cách nói đặc sắc nào để đạt được nội dung trên?

Về điểm này, thấy tác giả còn lúng túng. Tình thần phụ trách của tác giả đối với sự trưởng thành của nhân vật trong phong trào thật là còn thiếu sót. Tuy tác giả đã có ý thức về công việc, nhưng do chỗ chưa điều tra nghiên cứu được nhân vật mà thành ra chưa sát việc sát người, chưa nắm được hẳn vấn đề, do đó cách diễn tả còn có chỗ quan liêu mệnh lệnh. Rất nhiều chỗ có tiếng nói, có tiếng động, mà không thấy bóng người. Rất nhiều đoạn có bóng dáng người chuyển động, nhưng người không có lý lịch, nhất là những con người ấy lại quan trọng cho không khí truyện. Nhiều người có tên đầy mà không có nghề nghiệp, thành phần, có xương thịt mà thiếu tâm hồn. Đúng là những biểu đồ về người (schéma) chứ không phải là cái hình ảnh trung thực về người, về đời sống đầy đủ (dù là tượng đối) của một người, của nhiều con

người đã sử dụng trong truyện. Cách thể hiện nhân vật phạm đúng vào cái bệnh đại cương chủ nghĩa (schématisme) trong văn nghệ mới hiện chúng ta đang vướng phải không ít.

Còn về bút pháp, thì nhiều dòng văn cộc lõc như lời đánh điện tín. Nhiều đoạn, câu khô đúc như báo cáo và nó phảng phát như cái dàn bài chi tiết cho một thiên một mục gì.

Về chữ, về danh từ, một đôi chỗ tác giả còn thiếu cảnh giác tư tưởng. Như lúc tả phát xít Nhật tấn công chiến khu Ba Tơ, chính mình hiện ra để nói cho có thái độ mà lại viết rằng “Nhật truy lên tận ổ”. Trong từng chữ, lập trường bạn và thù càng phải chú trọng.

Nói chung về toàn bộ ký sự thì cái nhược điểm lớn nhất của sáng tác là chưa nói được cái khó khăn của phong trào, tạo cho người đọc một ấn tượng dễ dãi, sự việc luôn chỉ có một chiều; văn đề tập hợp và phát động nhân dân, nắm những tổ chức quần chúng, văn đề lãnh đạo đấu tranh vũ trang đưa ra còn sơ sài. Cách trình bày sự việc thì nặng về tả mà nhẹ về diễn biến, nặng về hiện tượng ngoại cảnh mà quá nhẹ về biến chuyển tư tưởng của người trong việc. Nhưng cái ưu điểm của tác phẩm là đã lấy đề tài ngay trong phong trào đấu tranh quần chúng, đặt sự việc vào ngay giữa sinh hoạt nhân dân với mục đích phục vụ nhân dân.

Sáng tác kháng chiến của Liên khu Năm trôi về thơ ca. Văn xuôi ít. Truyền cảng thưa vắng. “Du kích về làng” góp phần kinh nghiệm cho việc xây dựng truyện và ký sự kháng chiến miền Nam Trung bộ. Ký sự và truyền Nam Trung bộ sẽ sầm uất hơn vì bắt nguồn ngay ở những cuộc vận động lớn đồng bào khu Năm nhiệt liệt thực hiện những chính sách hiện nay của Đảng và Chính phủ. Đà “Du kích về làng” mở lối cho những thành công sâu rộng hơn về văn truyện.

## VĂN NGHỆ ĐỌC “LÝ THỚI”\*

**K**ịch xảy ra ở một vùng tạm bị chiếm có tề ác phản động bắt phu bắt lính, lùng cán bộ, có bốt hương dũng xây trong làng, có cán bộ hoạt động lãnh đạo đấu tranh và tổ chức nhân mối trong bốt. Thời gian của vở kịch không rõ là thời kỳ chiếm đóng nào ở đồng bằng. Cốt kịch dựng trên mâu thuẫn cẩn bản trong đời sống địch hậu giữa chính quyền ta và những tổ chức của địch. Kịch hạ màn trên trân tiêu diệt đòn hương dũng, tên đòn trưởng phản động là Lý Thới bị bắt.

Nhân vật kịch gồm 5 người:

- Ông Hương, nông dân hạng trên, đại biểu cho tư tưởng cầu an thỏa hiệp.
- Bà Hương, tiến bộ, có hoạt động bí mật;
- Khoa, con ông bà Hương, cán bộ.

---

\* Kịch một màn của Lôeng Chương  
(*Hưng Văn Khu IV xuất bản*)

- Bác Sôp, một người trong nhân dân chống lại địch;
- Lý Thới, kỳ hào phản động, nhân vật gian ác.

Theo sự sắp xếp của tác giả, thì Lý Thới là trọng tâm của câu chuyện tại một vùng quê bị tam chiếm. Lý Thới hiện ra nghênh ngang, hiềm độc, lôi kéo dọa dẫm ông Hương. Bà Hương là người giữ được ông Hương khỏi sa vào hàng ngũ địch. Người cán bộ con trai ông Hương đã dự vào việc phá bốt trừ gian bắt được Lý Thới và đưa bố lánh ra vùng tự do. Ngoài mấy vai chính, vai bác Sôp điểm xuyết thêm cho không khí câu chuyện.

Nói chung về tác phẩm, vở kịch có thái độ phục vụ; trong cuộc sống phức tạp còn tranh tối tranh sáng của vùng sau lưng địch, tác giả đã nhìn được vấn đề và rọi vào đây cái ánh rực rõ của chính nghĩa chiến thắng. Ưu điểm khác nữa là về bố cục, thì đường nét của kịch đơn giản và gọn ghẽ; sự việc đi thấu một hơi một mạch từ lúc mở màn đến lúc đóng màn; cách đưa người chính và những người phụ vào kịch không có sự lãng phí, người nào cũng làm được vai trò của người này do tác giả phân công cho.

Nhưng đi sâu vào tư tưởng thi vở kịch còn nhiều điểm chưa thông. Nhìn cả 5 nhân vật và nhìn riêng từng nhân vật một, kịch có nhiều thiếu sót. Cái thiếu sót cản bàn là nhân vật rất bạc nhược về giai cấp tinh, về nghề nghiệp xã hội. Một vài chỗ có nhắc đến

thì cũng rất mỏng manh. (Chẳng hạn vai ông Hương, có rồng nương nhưng “không mó tay vào việc gì” thì cũng đoán được đại khái là phú nông hạng trên thường không tham gia sinh sản). Giai cấp tính của nhân vật không được chú trọng đúng với tầm quan hệ của nó nên động tác hành vi của nhân vật (cả tích cực lẫn tiêu cực) cũng lờ mờ, tâm lý thiếu rành mạch, sự diễn biến của tâm lý kém sâu sắc. Vì động cơ gì con trai ông chủ ruộng Hương được giác ngộ cách mạng, trở thành cán bộ hoạt động bí mật? Vì những lý do vật chất gì mà Lý Thới thành tề ác? Biết rõ vợ mình con mình tích cực hoạt động, biết rõ là diệt bốt trừ gian xong xuôi, tại sao tâm lý ông Hương vẫn không chuyển biến; tại sao ông Hương vẫn còn nhất định cầu an? Tất cả những câu hỏi trên xoay quanh quan điểm giai cấp của nhân vật. Không đúng trên quan điểm ấy mà nhìn xét nhân vật thì tâm lý đưa ra sẽ không cụ thể chi tiết, sẽ kém sinh động, lại có thể là trừu tượng và không đúng.

Cách dựng nhân vật về mặt thiện cũng như về mặt ác, mẫu người đưa ra không điển hình. Nhân vật tích cực nhất là Khoa con ông Hương, nhân vật tích cực thứ hai là bà Hương, cả hai người ở một gia đình khá giả. Thực tế của đấu tranh vùng sau lưng địch trong sáu bảy năm nay cho ta thấy rõ tầng lớp dân cây bần cố nông là những người đồng đảo nhất và trung kiên

nhất trong cuộc vật lộn hàng ngày với địch. Họ đã không được đưa vào kịch cho xứng đáng với vai trò của họ. Trong thực tế địch hậu thực ra, có những người giàu có giết giặc và trung thành với kháng chiến, nhưng về số lượng thì không nhiều và về chất lượng thì không điển hình. Khoa, con ông Hương làm cán bộ bí mật không đủ đại biểu cho các tổ chức Đảng lãnh đạo đấu tranh vũ trang trong vùng tạm bị chiếm. Lúc mới vào kịch, người xem có thể đoán nhầm Sôp là vai trò tích cực nhất, có công tác cụ thể; có thể Sôp là đảng viên, có thể Sôp là quần chúng cảm tình với Đảng, nhưng đoạn sau chứng tỏ Sôp chỉ là một người nào trong đa số nhân dân bị áp bức và trình độ chính trị Sôp còn ở mức chưa thấu nhuần chính sách đối với kẻ thù. Về kẻ thù tác giả đưa ra cũng không đúng. Kẻ thù chính là thằng Pháp, đầu trồ hiềm độc, còn Lý Thới, tuy có gian ác hiện ra đây, nhưng Lý Thới chỉ là một tay sai. Người xem vờ có cảm tưởng y là kẻ thù chính của nhân dân, kẻ thù duy nhất của dân tộc, còn giặc Pháp thì không đả động đến. Nhân vật mặt trái không có gì là điển hình và Lý Thới không có gì đặc biệt để được nêu thành cái nhan đề một cuốn sách in. Vai bà Hương, hình thù không đủ nét, công tác không rõ ràng, có cái vẻ tham gia chiến đấu vì một cái “chính nghĩa cảm” trừu tượng nào đó.

Về mặt chính sách đoàn kết và lương khoan hồng của Chính phủ đối với những kẻ lầm đường, nhiều đoạn trong vở kịch, nhân vật chưa thám đến chính sách ấy. Cho nên Sôp đã có những câu “Tha à? Dân làng sẽ bầm nhổ mày ra, vứt xác cho chó ăn”... “Giết mẹ nó đi”. Cho nên Lý Thới đã nói: “Việt minh.. nhà tôi... bị phá” - “Thú tội gì? Không được, họ giết chết! Không, không được, họ không tha tội đâu”. Rồi đến bà Hương cũng nói: “Bác đừng giết nó vội”. Một cái chính sách lớn vẫn thi hành có kết quả ở vùng sau lưng địch, tác giả chưa nắm được rành mạch nên nhân vật của tác giả đã thốt ra những câu không đúng; từ người hoạt động tích cực như bà Hương, đến nhân dân như Sôp và đến kẻ sai đường đều nói lung tung nhất là Lý Thới thì càng tỏ ra không hiểu gì, cho nên y nghĩ ngờ chưa tin chính sách của ta.

Về từ ngữ của các vai nhiều câu nhiều đoạn thiếu ban sắc dân tộc. Những người ở nông thôn đối đáp nhau mà điệu nói nếp nghĩ lại dập theo người thành phố theo đòi Tây học. Nhất là những đôi thoại giữa hai vợ chồng ông bà Hương. Họ buông câu bắt câu và giao lời liên láu như người ở tỉnh. Về lời lẽ của nhân vật, nhiều trường hợp không đúng với tâm tình nhân vật. Như bà Hương. Bà Hương hoạt động cách mạng nhưng trước hết bà Hương là vợ ông Hương, bà là mẹ anh cán bộ Khoa. Trong mối quan hệ vợ chồng, mẹ

con, bà Hương đã có những lời lẽ không đúng của một người vợ, của một người mẹ. Bà chỉ chiết mát mẻ với Lý Thới thi đúng; nhưng khi chồng lớn đanh đá bối chát với chồng thì những ngôn từ của bà đã làm cho tâm lý bà Hương sai lệch hẳn đi. Màn hạ với câu cuối cùng của bà bì thử chồng: "Thôi đi, còn lưu luyến gì nữa" càng làm cho người xem hiểu sai vai trò phụ nữ giác ngộ cách mạng trong vùng sau lưng địch. Chồng lạc hậu cầu an thì bà Hương càng phải đòn hậu và kiên nhẫn giáo dục đúng như một cán bộ đứng đắn vẫn thành khẩn giáo dục các phần tử quanh mình bị giặc bưng tai bít mắt mê tối trong mấy năm liền.

Tóm lại cái khuyết điểm rõ nhất của "Lý Thới" là thiếu cái tính chất cụ thể. Không gian của kịch không được cụ thể. Nhưng không gian chưa quan trọng bằng thời gian. Kịch xảy ra trong hoàn cảnh địch hậu nào? Ở thời kỳ nào của vùng tạm bị chiếm? Mỗi hoàn cảnh, mỗi thời kỳ chiến trường sau lưng địch có một sắc thái đặc biệt nó tạo cho tác phẩm một không khí nhất định. Giữa không gian và thời gian trùm tượng áy của vở kịch, tất cả nhân vật đều lờ mờ về giai cấp tính. Đảng và các thành phần nhân dân đưa vào truyện, cũng theo một lối dựng trùm tượng như thế. Đến như công tác của cán bộ, cũng không cụ thể. Cuộc đấu tranh gay go trong địch hậu là một cuộc đấu tranh rõ rệt về những quyền lợi rõ rệt. Đề tài địch hậu đòi hỏi

người viết phải đưa ra những sự việc cụ thể, những công tác những tổ chức cụ thể, những con người cụ thể trong quyền lợi và nguyện vọng, giữa những khu vực và tháng năm nhất định. “Lý Thói” chưa thành công vì thiếu cái tính cách cụ thể ấy về nhiều mặt. Tác giả Lộng Chương gần đây đi sát về các xã, tích cực phục vụ nhân dân. Thực tế phong phú trong sinh hoạt chiến đấu bảo vệ sản xuất của nhân dân đồng bằng, kinh nghiệm hoạt động các đội văn công Chi hội Liên khu 3 và phương pháp sáng tác tập thể sẽ bồi dưỡng nhiều cho tác giả. Nhất định tác giả sẽ có những vở kịch kịp thời mà không dễ dãi, đạt những tiêu chuẩn chính của sân khấu kháng chiến năm thứ 7.

con, bà Hương đã có những lời lẽ không đúng của một người vợ, của một người mẹ. Bà chỉ chiết mát mè với Lý Thới thì đúng; nhưng khi chồng lớn đanh đá bối chát với chồng thì những ngôn từ của bà đã làm cho tâm lý bà Hương sai lệch hẳn đi. Màn hạ với câu cuối cùng của bà bì thử chồng: "Thôi đi, còn lưu luyến gì nữa" càng làm cho người xem hiểu sai vai trò phụ nữ giác ngộ cách mạng trong vùng sau lưng địch. Chồng lạc hậu cầu an thì bà Hương càng phải đôn hậu và kiên nhẫn giáo dục đúng như một cán bộ đứng đắn vẫn thành khẩn giáo dục các phần tử quanh mình bị giặc bưng tai bịt mắt mê tối trong mấy năm liền.

Tóm lại cái khuyết điểm rõ nhất của "Lý Thới" là thiếu cái tính chất cụ thể. Không gian của kịch không được cụ thể. Nhưng không gian chưa quan trọng bằng thời gian. Kịch xảy ra trong hoàn cảnh địch hậu nào? Ở thời kỳ nào của vùng tạm bị chiếm? Mỗi hoàn cảnh, mỗi thời kỳ chiến trường sau lưng địch có một sắc thái đặc biệt nó tạo cho tác phẩm một không khí nhất định. Giữa không gian và thời gian trùu tượng ấy của vở kịch, tất cả nhân vật đều lờ mờ về giai cấp tính. Đảng và các thành phần nhân dân đưa vào truyện, cũng theo một lối dựng trùu tượng như thế. Đến như công tác của cán bộ, cũng không cụ thể. Cuộc đấu tranh gay go trong địch hậu là một cuộc đấu tranh rõ rệt về những quyền lợi rõ rệt. Đề tài địch hậu đòi hỏi

## QUAY VÀ CHIẾU PHIM VIỆT NAM KHÁNG CHIẾN

Sau khi thảo luận xong đề cương kịch bản phim, nhận định rõ đường lối cuốn phim và Trung ương Đảng đã cho ý kiến, đoàn điện ảnh chúng tôi rời căn cứ địa giữa mùa mưa lũ Việt Bắc. Các đồng chí Trung Quốc, cán bộ chuyên môn Việt Nam và các chiến sĩ đi phục vụ đoàn điện ảnh, tất cả chúng tôi chuẩn bị tinh thần và vật chất cho những cuộc đi dài ngày. Xe, ngựa, hòm máy, hòm phim, súng, xèng, đèn, nồi, gánh, thực phẩm chuyển theo bộ phận chúng tôi xuôi về đồng bằng. Vùng xuôi lúc này đang dồn dập thịnh thích những bước chân nặng của dân công và chủ lực chuẩn bị đánh to ở Hà Nam, Ninh Bình. Đoàn quay phim không nghỉ gì đến mưa lũ suối, sông, đồng lầy mà chỉ lo nhớ mất những thời sự các trận đánh mở màn. Giữa chiến dịch và sau chiến dịch, đoàn chúng tôi làm việc trong những hoàn cảnh không thuận lợi của thiên nhiên, của thời tiết: trời mưa dầm, ánh sáng thiếu, có khi âm u hàng tuần liền. Đuối theo các đơn

vị chủ lực chiến đấu và các đơn vị dân công phục vụ mặt trận, thật là rất khó cho điện ảnh. Tất cả những hoạt động vũ trang quy mô lớn của kháng chiến chúng ta thường là diễn ra trong ban đêm. Tất cả những sinh hoạt đông đảo của nhân dân cần quay vào phim và những cuộc tấn công của chúng ta vào mặt trận địch thường là diễn ra trong đêm sâu. Bởi vì “đêm là hoàn toàn của chúng ta” nên đoàn làm phim chúng tôi đã gặp nhiều thắc mắc lớn trong vấn đề thu hình. Ngoài ra, địch tăng thêm hoạt động không quân, càng trở ngại cho những cuộc tập hợp đông người ở bãi quay lộ thiên. Những ngày nắng tươi giờ đẹp lợi cho ống ảnh thu hình thì cũng là những ngày chúng nó bay bắn phá phách nhiều. (Tàu bay địch phá một cuộc mít tinh gần một vạn người, nhưng đồng bào vẫn ẩn nấp trật tự và đoàn điện ảnh vẫn thực hiện được cảnh quay vĩ đại này trong ngày ấy). Gắn liền với nhân dân và quân đội để làm cuốn phim phóng sự, đoàn chúng tôi bám sát đơn vị và đi sâu vào quảng đại nhân dân trong một thời gian khá dài. Cái khó khăn đoàn gặp phải khi đặt kế hoạch quay những sinh hoạt đơn vị là đơn vị vừa chiến đấu xong, đang tổng kết kinh nghiệm xương máu và bận rộn bước vào chỉnh huấn tư tưởng và kỹ thuật cả ngày cả đêm. Cái khó khăn đoàn gặp phải khi làm việc với đồng bào các địa phương là các giới, các ngành vừa đi dân công ở mặt trận về, mọi

người đang túi bụi ngoài đồng ruộng để khỏi lỡ thời vụ và bảo đảm cho kế hoạch tăng gia sản xuất. Trước những khó khăn này, chính ủy các đơn vị, các cấp bộ Đảng và Ủy ban địa phương đã giúp đỡ đoàn điện ảnh rất nhiều. Cảm động nhất là sự hướng ứng dèo dai anh dũng của các tầng lớp nhân dân lao động. Vô luận ở hoàn cảnh nào, thời tiết nào, nhân dân đều có nhiệt tình với một ý thức dân chủ và một tinh thần quốc tế rõ rệt. Có những xã đã hoãn ngày bầu Hội đồng nhân dân để tham gia phim. Có những chi bộ đã ra hết bǎi quay để tập hợp và phối hợp với đoàn để diễn tập và đóng phim. Đồng bào đã đem cơm nǎm theo đi hàng ngày đường đến tập trung ở địa điểm bǎi quay, không kể nắng to mưa to không kể sự khủng bố của tàu bay. Đồng bào không những tham gia vào việc đóng phim mà lại còn giúp đoàn rất nhiều nguyên liệu vật liệu cần thiết trong những cảnh quay lớn. Và nhân công để dựng những cảnh bố trí lớn, vẫn là sức lao động của đồng bào. Có những chiếc cầu phao, nếu tính ra tiền riêng về gỗ nứa tre trị giá đến bốn triệu đồng. Nhân tài vật lực dùng vào phim thật là nhiều quá và công sức của nhân dân thật là không lấy gì mà lường được. Ở đây, vấn đề tiền công không đặt ra. Nhân dân đều ủng hộ cả. Thật là đặc điểm của điện ảnh dân chủ nhân dân, nó khác hẳn cái căn bản điện ảnh tư sản sử dụng tiền bạc thuê người đóng và áp

bức người đóng, không yêu trọng nhân phẩm và phát huy sáng kiến của người đóng dù chính hay phụ.

Công việc thu hình vào phim ròng rã tiến hành trong bảy tháng qua những khu vực núi rừng đồng nội bãi biển, qua những thị trấn, những thôn xóm khác nhau, với sự cộng tác đông đủ các dân tộc miền núi miền xuôi, lương và giáo và gồm đủ nam phụ lão áu; công nông binh góp công sức vào phim vẫn là nhiều hơn hết. Cuốn phim lúc quay dài gần năm nghìn thước (lúc dựng lại ở xưởng Bắc Kinh có tia cắt bớt đi). Lúc tổng kết, đoàn nhận xét về công sức lao động của nhân dân thì số nhân công góp tất cả vào phim hoàn thành là đúng con số nhân công phục vụ một nửa chiến dịch nhỏ. Do đó càng nhận rõ thêm đặc tính nữa của phim này là một sáng tác tập thể phục vụ lợi ích nhân dân và có đông đảo quần chúng tham gia. Càng bật rõ lên cái tính chất quần chúng, giáo dục, và chiến đấu của tác phẩm điện ảnh “Việt Nam kháng chiến”. Trong quá trình tham gia vào phim, nhân dân đã được nâng cao về trình độ chính trị và cụ thể đi vào ý thức quốc tế. Trong hoàn cảnh khó khăn của kháng chiến, mỗi ngày quay xong một phần đề cương kịch bản là đoàn chúng tôi lại thấy đó là thêm một bước tấn công vào hàng ngũ địch. Cuốn phim có tính chất vừa thời sự vừa phóng sự, những cảnh quay ngay thực tế sot đeo cộng với những cảnh

bố trí. Và cuốn phim quay xong đem chiếu ra, đưa được sự thực của cuộc chiến đấu gian khổ và nhất định thắng lợi của Việt Nam ra giữa ánh sáng tự do dân chủ hòa bình thế giới đó là một chiến thắng trên mặt trận văn hóa tiến bộ. Địch thường lấp lại những cái ta vẫn dùng và lạm dụng khoa học và báo chí tranh ánh tuyên truyền lừa bịp và bưng bit làm sai sự thực của chính nghĩa kháng chiến. Gần đây chúng cũng bắt chước làm phim dùng xinêma bố tri lại những cuộc càn quét ở đồng bằng để lừa gạt nhân dân Pháp và phinh phờ lính viễn chinh, ngụy quân ngụy quyền và một số đồng bào vùng tạm chiếm. Tên quan năm Jules Roy trong phim “Trận Bắc Kỳ” xuyên tạc sự thực che đậm những xấu xa tàn bạo xâm lăng và hết sức đè cao bọn lính đánh thuê và Tátxinhì trước ngày chết trận.

Phim “Việt Nam kháng chiến” xuất hiện trên màn ảnh Pháp sẽ vạch rõ những xảo quyết và sai lệch chủ tâm của phim “Trận Bắc Kỳ”. Ở đây, chúng ta miễn bàn dài về giá trị nghệ thuật. Người làm phim là quan năm Jules Roy trong quân đội viễn chinh. Y ăn lương quân đội để quốc, nằm dưới trướng Tátxinhì, ca ngợi xâm lăng. Cái thứ “lính tẩy” đốt hết giết hết ấy thì còn có bao giờ xây dựng gì cho hạnh phúc nhân sinh, trong đời sống thực tại cũng thế và trong đời sống nghệ thuật cũng vậy.

Tôi được xem chiếu phim “Việt Nam kháng chiến” giữa đêm Trung thu vừa rồi, màn ảnh căng dưới bóng rừng Việt Bắc, trong lòng có cái hào hứng của một người cán bộ trong đoàn phim mà công tác cụ thể được “thấy rõ” ngay trước mắt. Tôi theo dõi hình ảnh nối tiếp nhau, đồng thời liên tưởng đến những địa phương những con người đồng đảo đã dự vào phim lúc thu hình năm ngoái. Quanh tôi, có rất đông đồng bào ở các thôn xóm đến dự mít tinh từ chiếu, đủ các tuổi các giới các thành phần dân tộc. Tất cả mọi người xem phim bối hồi say sưa nhìn không chớp mắt những hình ảnh quen thuộc yêu dấu trong đời sống kháng chiến của Tổ quốc đang biểu hiện trên màn ảnh. Những cảnh được đồng bào chú mục nhất là cảnh đồng bằng sản xuất rộng mông mênh, cảnh đò giang tấp nập bộ đội, cảnh chiến sĩ dũng cảm đánh đồn và hình ảnh Hồ Chủ tịch rất quen thuộc và kính yêu. Người xem không bỡ ngỡ với những hình ảnh trung thực phản chiếu lên đời sống có ý nghĩa và có triển vọng tươi sáng của mình. Sau buổi xem phim, tất cả đều thấy yêu đất nước mình hơn, thấy thù quân cướp nước rõ hơn, thấy Tổ quốc là một cái gì cụ thể, thấy giữ gìn Tổ quốc và bảo vệ hòa bình thế giới là một nhiệm vụ và vinh dự chung. Những cảnh trong đêm chiếu phim làm thâm sâu thêm những điều học tập mọi ngày ở sách báo kháng chiến. Cái cảm xúc băng

hình ảnh chớp chớp tiếp diễn thành một khôi một việc trong đêm xem phim Việt Nam kháng chiến là một cảm xúc lớn, trực tiếp, có cả chiêu rộng và lăng sâu dần vào trong lòng. Nhiều cảnh được xem chiêu và liên tưởng lúc quay, thật là vĩ đại và xúc động mạnh mẽ. Ở đây tôi không thể kể lại hết được, chỉ gợi nhắc lại một vài cảnh, có néu lên cái “mặt sau” công phu và phức tạp rộn ràng của thực tế làm phim.

\*

\* \* \*

Cảnh “Tình cá nước” nhân dân giúp đỡ bộ đội của mình qua sông đánh giặc.

Từ mấy hôm trước đoàn chúng tôi đã bắt liên lạc với Ủy ban, chi bộ và đồng bào một xã ven sông đã chuẩn bị cho chúng tôi một trăm chiếc đò nan và một chiếc thuyền đinh. Thuyền đinh dành cho bộ phận chỉ huy đặt máy đi lại trên mặt sông thu hình vào phim. Mỗi đò nan trừ người chờ đò, chờ được hai chiến sĩ. Đò phải ngâm nước trong ba hôm trước rồi mới mang ra dùng được. Các cụ các chị và hầu hết cán bộ địa phương đều nhân việc chờ đò. Đêm hôm diễn tập trên mặt sông, cũng là đêm đơn vị đào nhiều công sự trên thân đê cá hai bờ sông. Việc bảo vệ tính mệnh cho nhân dân và quân đội trong cảnh quay này được đề

ra một cách chu đáo. Có đến mười lăm cỗ súng cao xạ. Có đến mười lăm cây số dây điện thoại chằng chít trên đê vắt ngang qua sông và kèn đồng thông hiệu để chỉ huy cao xạ. Mặt sông và bờ sông tối hôm diễn tập nhộn nhịp. Dưới sông vui như thi bơi chài. Trên đê, đồng bào xúm qanh các cỗ súng lạ chưa bao giờ thấy.

Sáng sau, đò sang ngang của đồng bào đi chợ cho lùi xa xuống phía hạ lưu. Bộ phận cao xạ nhận được lệnh của Ban chỉ huy Đại Đoàn là tàu bay địch bắn vào đoàn thuyền lúc đóng phim thì cứ việc bắn lên bảo vệ cho nhân dân cho đơn vị và cho đoàn phim. Bờ sông hàng dãy thuyền chờ sẵn. Nhân dân sẵn sàng mái cheo, bộ đội um tùm ngụy trang. Máy chuyền ra thuyền hùng vĩ bao la tự do của Việt Nam, dựng được lên những người lao động cần cù can đảm hàng ngày sinh sống với sông nước bão táp. Giặc đến, tìm những địa điểm đổ bộ. Những người chài lưới liền chuyển việc đánh cá hàng ngày sang việc đánh Tây hàng ngay. Đồng bào miền bể vạm vỡ cao có khi đến thước tám, bắp thịt nồi cục, đóng khố, da thịt cả năm tẩm hơi muối phơi nắng mình đỏ bóng như đồng hun, nhất định vào phim sẽ tượng trưng cho du kích miền bể. Phong cảnh thì có cát cồn, rừng thông, buồm thuyền lớn, mảng, sông, dáng mây, có vệt ngang chân giời. Chúng tôi thao thức chờ bình minh.

Còn tối đất, chúng tôi đã đưa máy ra ngoài bãi. Một vài em bé chạy theo chúng tôi. Chúng tôi lên núi, cán bộ địa phương đi xe đạp theo lên núi. Bể lừa thưa vai chiếc mảng đánh cá đang vào bãi vội vàng. Phía chân giời, có máy chấm đen to in hình lên bể. Hình như là những chiếc tàu to. Đồng chí cán bộ địa phương cho biết đây là tàu chiến của Pháp, mới xuất hiện vài hôm nay ở đây và theo tin tức nhân được thì nó có thể đổ bộ ở phía sau chòm núi đang đứng đây. Vì có địch nên đồng bào không dám ra khơi đánh cá nên sớm nay mới vắng thuyền và mảng. Đoàn cảm ngay thấy có thêm vấn đề phát sinh trong thực tế khó khăn. Trở về chùa, sắp ăn cơm thì có tiếng phi cơ động và bay thấp. Rồi nhiều tiếng súng nổ, nghe không phải ở tàu bay, nghe như là nhịp của trung liên tiểu liên, bộ binh. Đoàn chúng tôi thu xếp đồ đạc, chuyển sang một địa điểm khác an toàn hơn. Hôm sau mưa. Bể động. Mưa luôn mấy ngày nữa, ruộng màu đất cát chan hòa nước. Thủy phi cơ địch tung truyền đơn, nói bao vây bờ bể Bắc bộ và Bắc khu 4, ai ra khơi đánh cá nó sẽ bắn chìm ghe mảng. Chắc nó hành quân từ Nam bộ ra tăng viện cho quân đội nó bị lay động vì chiến thắng Hà Nam Ninh Bình của ta. Đoàn tú cảng, nhìn mưa nhìn thời giờ chết. Các mẹ chiến sĩ, hỏi quần chúng đến thăm cho hàng trăm trái dừa tươi. Dừa tươi làm nhớ mong ngày khô nắng, không

có thằng giặc quay nhiễu, ra bái bể, quay mây sóng  
quay du kích thuyền chài trên cát khô, bộ phận anh  
em chiến sĩ, sinh hoạt cũng đâm ra thiếu chặt chẽ.  
Mấy con ngựa thô máy từ Việt Bắc về, luôn luôn bứt  
dày thừng.

Trong đoàn đã cử người đi liên lạc với Tỉnh ủy  
chưa về thì trên Ủy ban tỉnh đã cho người xuống gặp  
chúng tôi. Và đồng chí ấy mới kể cho nghe nhiều cái  
chúng tôi không ngờ đến. Thì ra hôm đoàn chúng tôi  
tới bể, tuy có đủ giấy má, nhưng địa phương cũng đặt  
ván đề một cách khá quan trọng, nhất là chúng tôi  
không có sự giới thiệu trực tiếp của cấp tỉnh. Tàu địch  
đang xuất hiện uy hiếp và có thể tràn lên vùng đây.  
Đoàn chúng tôi đến xi xồ, dị dạng, súng ống lại nhiều  
cái lạ, máy móc trông kỳ cục, địa phương càng khó  
nghĩ. Có người làm bối thêm sự hoang mang lên, đặt  
giả thuyết là đoàn người súng ống đáng nghi này có  
thể có liên lạc với tàu địch ngoài khơi. Đêm ấy họ đưa  
đoàn về chùa và đặt kế hoạch canh gác bí mật và bám  
sát động tĩnh và một mặt khác phi báo lên tỉnh để  
thỉnh thi. Họ còn huy động dân quân du kích xã đặt  
cách đối phó nếu đoàn them hành động gì đáng khà  
nghi hơn. Ý thức cảnh giác và nguyên tắc tinh của địa  
phương thật là đáng chú ý.

Hôm nay giỏi hùng. Đoàn cho bớt máy anh dân  
công về Bắc; máy anh ao ước ra bể được tắm một cái

cho biết, bây giờ phải đi về luôn nên cũng bin rịn. Đồng chí phó đoàn trưởng Vũ Thúc Chiêu và chúng tôi cho xem mấy làng có dừa mọc nhiều, có đem máy đi theo. Một buổi quay toàn quả ăn được: chuối, mít, dừa. Thấy quay một cách say sưa, tôi chưa quan niệm ngay được cái quan trọng của những hình ảnh nhỏ bé hiền lành này trong phim. Sau này, tôi càng nhận ra cái chỗ đáng yêu của hình ảnh hoa quả không lời của quê hương, nhất là đối với các nước bạn. Nó giới thiệu thêm cho mọi người biết sự giàu có về cây quả về tài nguyên tự nhiên của một bầu trời êm tươi tự do và cần lao. Mít, dừa, chuối hiền hành ngọt chen vào khói lửa chiến đấu anh dũng càng làm cho quê hương chúng ta thật hơn lên, đáng yêu thêm nữa cần gìn giữ hơn nữa. Và đem vào phim một chút hương vị riêng biệt của dân tộc.

Quay cây quả xong, đoàn rời khu vực bể, sẽ trở lại bể một ngày khác vậy. Bây giờ các đơn vị chiến đấu đang mong đoàn trở lại. Thời giờ chết ở biển mưa mất đúng một tuần lễ.

\*

\* \* \*

Đoàn điện ảnh làm việc với nguyên tắc là tranh thủ thời gian. Các đồng chí Trung Hoa say sưa với

công tác chuyên môn, chứng tỏ cái mức cao của nhiệt tình cách mạng. Hoàn thành nhanh việc quay phim và nắm vững nội dung tư tưởng phim, đó là phương châm của đoàn. Phim có ưu điểm là phục vụ kịp thời, nhưng cũng vì thế mà sự cung cấp nhanh và đủ về tài liệu thật còn có chỗ thiếu sót (như vấn đề tội ác của giặc). Trong những buổi kiểm thảo giữa các đồng chí Trung Hoa và chúng tôi sau những cảnh quay lớn, đồng chí trưởng đoàn Xương Hạc Linh và tất cả chúng tôi cũng đều nhận thấy là phim còn thiếu chiều sâu và chưa nói được đầy đủ cái tính chất trường kỳ gian khổ của cuộc chiến đấu. Riêng phần tôi, tôi càng mang nặng cái ánh tượng là trong phim còn thiếu một bàn tay thi nhân. Nhưng mà đoàn điện ảnh đã tiến hành công việc trong những hoàn cảnh nào? Về chuyên môn điện ảnh, chúng tôi còn bập bõm, lập trường điện ảnh nhân dân còn bị tàn tích điện ảnh tư sản pha trộn vào; mức yêu cầu về tài liệu của các đồng chí Trung Hoa chúng tôi chưa rõ hết; về phần các đồng chí Trung Hoa thì chưa nắm chắc thực tế Việt Nam; giữa chúng tôi thì ngôn ngữ bất đồng; tổ chức đoàn thì mới và bao gồm nhiều thành phần. Khắc phục được mọi khó khăn ấy để hoàn thành được cuốn phim, thật là nhờ sức đoàn kết và tinh thần quốc tế luôn luôn có trong nội bộ đoàn. Và bên ngoài thì có sự giúp đỡ của Đảng, Chính phủ và nhân dân luôn luôn đi sát với

đoàn. Tôi xem chiếu phim: “Việt Nam kháng chiến”. Cái lo lắng trước kia của tôi về điểm vắng mặt một người thi sĩ trong tác phẩm, đã được giải đáp phần nào. Khối lượng và chất lượng hình ảnh dựng lại ở xưởng Bắc Kinh liên tiếp chiếu ra có tiếng động có phần lời có nhạc kèm theo đã tạo cho tôi một cảm xúc sâu mạnh. Nói chung cả cuốn phim thì đây chưa là một bài trường ca toàn bích, nhưng bản thân nhiều đoạn phim đã có giá trị của những câu thơ hay rung động và vang ngân lâu trong nhớn quan người xem. Cảnh và người của quê hương Việt Nam yêu dấu đã hiện rõ lên với những nét trong lành đầm thắm; cuộc chiến đấu và nhịp sản xuất và những con người lao động cùng tiến lên giữ gìn tổ quốc, bảo vệ hòa bình thế giới đã hiện lên với tất cả cái anh dũng của dân tộc. Đối với đồng bào trong nước, cuốn phim khơi sâu thêm lòng yêu đất nước và gợi thêm cảm thù giặc và kiên định thêm lòng tin tưởng kháng chiến. Nếu cuốn phim chưa sâu xa nói được hết gian khổ thì ít nhất nó cũng đã mở rộng cho chúng ta thấy sự toàn thắng tất nhiên của chính nghĩa kháng chiến chúng ta. Các nước bạn, từ trước, mới chỉ thấy chúng ta qua sách báo tranh vẽ bàn nhạc. Những câu thơ những đoạn truyện những điệu nhạc ấy ngày nay đã trở nên một thế giới hữu hình. Nay giờ, bằng hình ảnh trung thực đào đạt một nguồn sống mới, điện ảnh hiện bật chúng

ta lên. Chúng ta sừng sững và linh hoạt trước thế giới đang theo dõi từng bước đi từng lời nói của chúng ta. Toàn thân toàn khối con người Việt Nam chuyển động, sự gian khổ và anh dũng của Việt Nam hiện lên thành sự việc thành lịch sử có nét mặt, có dáng điệu của cả một khối dân tộc. Con người Việt Nam với cây lúa, trai mít, con trâu, gốc đa, gốc đình làng dạy bình dân học vụ, chí du kích, anh pháo binh nòng dân, chúng ta đã cống hiến rất nhiều vào kho tàng chung về hình ảnh các dân tộc đấu tranh dựng thế giới mới. Chúng ta đã giúp thế giới tiến bộ hiểu, yêu tin khăng khít với vận mệnh chúng ta, đứng sát với chúng ta hơn nữa để cô lập và sớm đánh bại quân thù. Cái giá trị cuốn phim đã phục vụ được kịp thời lợi ích nhân dân, xứng đáng với những công sức của nhân dân góp vào phim. Cái giá trị của phim còn ở chỗ đánh dấu cuộc hợp tác chặt chẽ đầu tiên giữa Trung Hoa Việt Nam về mặt văn hóa chiến đấu chung cho hòa bình và hạnh phúc của nhân loại tự do.

## NHÌN RỎ SAI LÂM

Tôi là con một ông tú tài chữ Hán khoa thi cuối cùng. Tôi chịu ảnh hưởng nặng của tư tưởng phong kiến suy tàn do cha tôi truyền cho. Cuộc sống không nguyên vẹn cái trật tự của phong kiến ngày xưa nữa, tôi tự cho tôi là một người xấu số đến chậm, bất đắc chi. Trong người thấy có nhiều khát vọng mà tự biết trước là thực tế cuộc sống không giải quyết cho. Tôi tìm đến nghệ thuật, trồng cây vào văn chương làm con đường độc nhất để gửi vào đây những cái mà trước đây tôi thường gọi là cái tâm sự của những người lạc phách muốn xuất chúng. Lúc còn nhỏ sống nhiều với đại gia đình, cha tôi kể lại cho nghe mọi cách ăn trên ngồi trốc, mọi cách ngồi mát ăn bát vàng, mọi chuyện “tiêu giao tuế nguyệt” phù phiếm ngầm vịnh danh sơn thăng cảnh. Lớn lên tôi đọc kỹ thơ ca tản văn của Tân Đà. Tư tưởng giang hồ chơi ngông của Tân Đà càng khơi sâu trong tôi những tư tưởng hướng lạc hấp thu được của cha. Trên cái cơ sở hủ bại ấy của phong kiến tiêu giao, văn nghệ tản văn đôi bại của thời kỳ giữa hai

chiến tranh đế quốc đã làm mọc thêm lên nhiều cây nấm độc. Tất cả những cái thèm khát cá nhân của tôi về ăn chơi giang hồ, tôi đưa hết cá vào truyện và tùy bút của tôi. Lại còn muốn đặt nó thành một vấn đề băn khoăn với thời đại. Và riêng bản thân, tự cho mình là một người khôn ngoan đã tìm được một biện pháp để giải quyết những thắc mắc trong đời sống. Tôi hoài nghi tất cả, và sợ tất cả mọi thực tế, duy chỉ tin vào chủ nghĩa hành lạc, cho cuộc sống là một gánh nặng càng tránh được càng đặc sách. Chỉ có hành lạc là đáng kể, hành lạc được bao nhiêu rồi ghi lại tất cả những cảm giác ấy tức là có lãi trong đời sống, tức là không chịu lô vốn với định mệnh. Ngoài bấy nhiêu điều ra, mọi cái đều là hư ảo cả. Người nghệ sĩ của phái nghệ thuật hoàn toàn vì nghệ thuật ở trong tôi càng tin tưởng con đường hành lạc vô trách nhiệm đó là một con đường đúng nhất cho mình thoát ly khỏi những ràng buộc hệ lụy của cuộc sống mà muốn thế nào đi nữa mình ở trong đó chỉ là một nạn nhân vĩnh viễn. Trong sáng tác tôi khoe khoang những điều tôi đã tìm hướng được, tôi thắc mắc về những điều chưa tìm hướng được. Khi viết những cái đó ra, trong thâm tâm, tôi không cần biết đến ai, viết cho ai, viết để làm gì. Tôi viết ra để giải quyết cho tôi để tự trả lời cho tôi. Tôi muốn hướng lạc đến cùng độ, mỗi ngày càng đi sâu vào những truy lạc xa hoa dục vọng. Đi sâu

mãi vào mà vẫn thấy mènh mông? Tôi cần luôn lòn có những cảm giác mới lạ. Thực tế khách quan không cung cấp cho tôi được những cảm giác mới lạ, thì tôi bịa đặt ra, tự gây cho mình những cảm giác mới lạ, mặc dầu chỉ là những ảo tưởng. Thời kỳ viết những truyện “Yêu Ngôn” loại thần kỳ quái ảo là lúc sa sút cùng đường nhất của việc đi tìm cảm giác và hưởng lạc.

Tôi vào văn chương không gặp khó khăn. Trái lại tôi còn được ngay một số lớn những tâm hồn sa đọa khác ở các thành thị hưởng ứng theo. Những cái hư hỏng của tôi, tôi thêm nhiều xanh đỏ vàng bạc vào, họ cũng tưởng ngay tin ngay đó là cái đẹp cái tốt. Họ bèn liệt tôi vào hạng nghệ sĩ có tài. Tôi cũng nghênh ngang tự cho mình là đã có được một sự nghiệp trong văn chương. Và tự kiêu với cái hư danh xây dựng ‘rên đồng thối nát áy. Nay tôi đứng trên lập trường nghệ thuật vị nhân sinh, đứng trên lập trường nghệ thuật cách mạng sáng tác vì lợi ích công nông mà tự xác định về cái “sự nghiệp” trước kháng chiến đó.

Cuốn sách đầu tiên tôi in ra năm 40 là tập truyện ngắn “Vang bóng một thời”, xuất bản đến ba lần ở ba nhà xuất bản khác nhau. Cuốn sách đầu tiên đánh dấu ngay tên tôi vào làng văn. Cuốn sách ấy cũng là những tang chứng đầu tiên về tội lỗi của tôi đối với dân tộc, với cách mạng. Trong “Vang bóng một thời”

tôi đã đứng về phía bọn phong kiến ăn bám bóc lột thống trị nông dân lao động mà đưa ra một cái nhân sinh quan phản tiến bộ của bọn quan lại địa chủ tiêu giao hưởng lạc bất lực trước nhiệm vụ lịch sử. Tôi đưa những con người hủ bại đó lên thành những con người mẫu mực cho nghệ thuật sống. Nhân vật “Vang bóng một thời” của tôi tiêu biểu đầy đủ cho tư tưởng phong kiến địa chủ quan liêu. Tôi không có ruộng đất, tôi không trực tiếp bóc lột nông dân lao động, nhưng sáng tác của tôi đã đề cao lối sống, đề cao uy thế chính trị của địa chủ quan lại. Tôi đã đem tất cả những cái gì là đẹp nhất trong ngôn ngữ, chất gạn những cái gì là vàng son nhất để tô điểm cho bọn bóc lột áp bức. Thậm chí mở đầu tập truyện tôi đã ca ngợi ngay tên đao phủ đầy tớ của chúng đang múa đao chém vào đầu (truyện “Chém treo ngành”) những người trong giai cấp dân cây nỗi dậy chống sự áp bức của phong kiến cấu kết với đế quốc. Quan lại và địa chủ phong kiến là những nhân vật lâm liệt uy thế chính trị, cả đến bọn cường hào gian ác cũng được đề cao (truyện “Ném bút chì”). Năm 44 đế quốc Pháp đưa “Vang bóng một thời” vào giải thưởng Alexandre de Rhodes vì tập truyện ấy đã có tác dụng đề cao bọn phong kiến tay sai của chúng, trong một hoàn cảnh chính trị chúng đang cần gây thêm uy tín cho phong kiến tay sai để phá những phong trào cách mạng ngầm cháy trong

mãi vào mà vẫn thấy mênh mông? Tôi cần luôn lòn có những cảm giác mới lạ. Thực tế khách quan không cung cấp cho tôi được những cảm giác mới lạ, thì tôi bịa đặt ra, tự gây cho mình những cảm giác mới lạ, mặc dầu chỉ là những ảo tưởng. Thời kỳ viết những truyện “Yêu Ngôn” loại thần kỳ quái ảo là lúc sa sút cùng đường nhất của việc đi tìm cảm giác và hưởng lạc.

Tôi vào văn chương không gặp khó khăn. Trái lại tôi còn được ngay một số lớn những tâm hồn sa đọa khác ở các thành thị hưởng ứng theo. Những cái hư hỏng của tôi, tôi thêm nhiều xanh đỏ vàng bạc vào, họ cũng tưởng ngay tin ngay đó là cái đẹp cái tốt. Họ bèn liệt tôi vào hạng nghệ sĩ có tài. Tôi cũng nghênh ngang tự cho mình là đã có được một sự nghiệp trong văn chương. Và tự kiêu với cái hư danh xây dựng trên đồng thối nát ấy. Nay tôi đứng trên lập trường nghệ thuật vị nhân sinh, đứng trên lập trường nghệ thuật cách mạng sáng tác vì lợi ích công nông mà tự xác định về cái “sự nghiệp” trước kháng chiến đó.

Cuốn sách đầu tiên tôi in ra năm 40 là tập truyện ngắn “Vang bóng một thời”, xuất bản đến ba lần ở ba nhà xuất bản khác nhau. Cuốn sách đầu tiên đánh dấu ngay tên tôi vào làng văn. Cuốn sách ấy cũng là những tang chứng đầu tiên về tội lỗi của tôi đối với dân tộc, với cách mạng. Trong “Vang bóng một thời”

nhán dân. Để quốc tặng giải và tái bản sách. Vậy mà thời kỳ ấy tôi vẫn còn u mê tự dối mình là một văn sĩ làm nghề tự do, độc lập đứng trên mọi thứ chính trị để làm nghề thuật vị nghệ thuật. Giải thưởng Alexandre de Rhodes vạch rõ cho tôi thấy là tôi đã có làm chính trị, một thứ chính trị hoàn toàn lợi cho kẻ thù của Cách mạng. Đau xót hơn nữa là hồi đó và cả gần đây nữa tôi vẫn cho “Vang bóng một thời” là một sáng tác có dân tộc tính. Thực ra những nhân vật địa chủ quan lại trong truyện không tiêu biểu gì cho dân tộc tính Việt Nam cả, mà trái lại chúng còn phản bội lại cái thực chất dân tộc Việt Nam. Dân tộc tính Việt Nam là ở phía những nông dân bị đàn áp và luôn luôn trỗi dậy trong lịch sử dân tộc để chống lại mọi sự áp bức.

Truyện dài “Thiếu quê hương” in năm 43 là một tội lỗi nữa về sáng tác cũ. Cái mà tôi định ca ngợi ở đây vẫn không ngoài cái tư tưởng tiêu giao của phong kiến. Căn bản của nó vẫn là cái tư tưởng hướng lạc nhưng ở một khía cạnh khác, trong một khung cảnh khác. Nhân vật “Vang bóng một thời” uống trà đánh cờ đánh bạc bằng thơ Đường, tình tại nhân nhã. Nhân vật “Thiếu quê hương” đổi chỗ nhiều hơn, tính chất đã pha trộn trước sự xâm nhập của đế quốc thương mại, ở đây tầu thủy, tầu hỏa đã thay thế cho cái vông cái kiệu, chiếc va ly đã thay thế cho cái khăn gói phong

kiến. Nhưng về căn bản tư tưởng thì nó vẫn là tư tưởng phong kiến. Hình thức đã đá sang tư sản đã pha mùi Tây phương nhưng cơ sở vẫn là phong kiến tiêu giao vô trách nhiệm, thoát ly thực tế. Kiểm duyệt Pháp cắt một chương cuối cùng của truyện và cắt đi một chữ đầu của tên truyện (*Thiếu quê hương thành ra Quê hương*) để cho hợp với ba khẩu hiệu “Cần lao - Gia đình - Tổ quốc” lừa bịp của Pétain. Vì hiếu danh và hám lợi có sách in nên tôi đã làm theo ý của kiểm duyệt để quốc. Ngoài cái hư hỏng của nội dung tư tưởng đọa lạc làm cho một số thanh niên và học sinh sao lăng trách nhiệm đối với dân tộc và Tổ quốc, cái sai hỏng của “Thiếu quê hương” còn ở mặt thái độ của người văn nghệ chân chính đối với kiểm duyệt để quốc.

Tôi sang một tập truyện khác tiêu biểu cho cái cá nhân chủ nghĩa đến cao độ của tôi. Tập “Nguyễn” in sau ngày Tổng khởi nghĩa. Nguyễn là nhân vật duy nhất của tập truyện. Tôi tự suy tôn qua mọi hành vi ích kỷ tàn nhẫn kiêu bạc của Nguyễn. Nguyễn cho sống là để thể nghiệm cái cá nhân mình, là đưa cái cốt cách phong kiến suy tàn mình vào con đường phiêu lưu của chủ nghĩa siêu nhân Nietzsche, vào con đường cá nhân phiến loạn và hành động không lý do của Gide, Nguyễn cho cuộc đời nghệ sĩ là đứng trên cái thiện cái ác của sự sống hàng ngày. Tôi tự truyền

thân cái tôi thối nát và phá hoại đó vào tập “Nguyễn”, tự cho mình là một người hùng dám phủ nhận và đạp phá cái trật tự xã hội bấy giờ, tự đổi mình cho là tâm hồn mình vẫn thanh cao mặc dầu thân thể tẩm vào bùn nhơ của rượu, thuốc phiện, dâm ô. Thực ra, qua những cái hồn loạn áy của cá nhân Nguyễn, tôi không dám chống lại cái xã hội do đế quốc và phong kiến tay sai tạo ra, mà chính tôi đã đầu hàng cái sống đói bại đó, hèn nhát cam tâm thưa nhận cái sống giả tạo đó. Cách mạng tháng Tám bùng nổ có thức tỉnh Nguyễn. Tự biết mình lầm đường, Nguyễn muốn đi theo Cách mạng. Đoạn cuối tập truyện, Nguyễn đã nói lên cái thiện ý muốn “lột xác” đi theo con đường mới chói lòa ánh sáng của Cách mạng vĩ đại. Cuốn “Nguyễn” phát hành ngay sau Cách mạng tháng Tám, tôi cho đây là một cử chỉ chân thành của tôi chào mừng Cách mạng. Nhưng khách quan mà nhận định về cử chỉ ấy lúc ấy thì ngày nay tôi thấy nó chỉ là một thái độ cơ hội đồi với phong trào. Thái độ cơ hội ấy là của một người tự kiêu và chưa tự giác Cách mạng.

Tự kiêu và chưa tự giác Cách mạng của tôi còn biểu hiện cụ thể trong việc in truyện “Chùa Đàm” giữa năm 46. “Chùa Đàm” nguyên là một truyện thần bí quái dị rút ở tập “Yêu ngôn” phản khoa học, phản tiến bộ. Truyện ấy là chuyên một địa chủ điên loạn trong hướng lạc, muốn sống một cách dâm bạo như cái kiêu

của Musset: “Máu, khoái cảm, và chết”. Tôi thêm vào truyện đây một đoạn đầu và một đoạn cuối, đưa tên địa chủ đó vào hoạt động Cách mạng, sau khi nó đã đi tìm phiêu lưu trong mọi hướng lạc. In “Chùa Đàm” năm 46, tôi cũng tự cho là mình cũng hiểu Cách mạng nói được Cách mạng và dựng được truyện về những người làm Cách mạng. Thực ra tôi ngu dốt không hiểu Cách mạng là gì, nên “Chùa Đàm” đã nói sai về thực chất của Cách mạng đã nói sai về chiến sĩ Cách mạng vô sản. “Chùa Đàm” đã xuyên tạc Cách mạng Việt Nam giữa lúc Cách mạng tháng Tám đang có những khó khăn buổi đầu trong việc xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, giữa lúc một số địa chủ phản động đang chui vào các tổ chức đảng phái phản động để ám mưu phá hoại cách mạng tháng Tám. Sáng tác vô chính trị “Chùa Đàm” là một tội lớn đối với Cách mạng tháng Tám đối với quyền lợi của nhân dân. Gần đây nghe nói lũ bù nhìn bán nước cho một nhà xuất bản trong vùng tạm chiếm tái bản “Chùa Đàm” tôi càng nhận thấy rõ cái trách nhiệm của sáng tác của tôi và càng nhận thấy rõ cái nghiêm trọng của sai lầm đó.

Nói tóm lại, vừa truyện vừa tùy bút, không kể dài mòng, tôi đã in tất cả là mười cuốn, “Chùa Đàm” là cuốn cuối cùng trong những sáng tác từ Kháng chiến trở về trước.

Nay nhìn lại toàn tập thì nội dung mười cuốn đều là sai lầm, không nhiều thì ít, cuốn nào cũng đều phạm đến quyền lợi của nhân dân của Cách mạng.

Qua từng tác phẩm, hoặc lần vào kè dòng hoặc lộ liễu hiện lên trên từng chữ từng câu văn, chỗ nào cũng lòi ra cái khía cạnh của tư tưởng hướng lạc, trang nào cũng toát ra cái nhân sinh quan thối nát của một người bạc nhược trốn thực tế, sợ sống, sợ trách nhiệm, của một người lấy nghệ thuật dối mình và trí trá với người đọc. Nguy hiểm hơn nữa là những cái viết ra đó phần lớn đã làm lợi được cho bọn thù địch của dân tộc, cụ thể là thực dân Pháp và phong kiến địa chủ tay sai của nó. Nhờ ánh sáng chủ nghĩa Mác Lê của Đảng mở mắt cho thấy rõ ý nghĩa và phương hướng của nghệ thuật chân chính, sau mười ba năm in cuốn sách đầu tiên, nay tôi nhận rõ giá trị sự nghiệp văn chương cũ của tôi chỉ là một mớ sai lầm và tội lỗi. Cái mà tôi vẫn tự phụ là sự nghiệp đó thì chỉ là những tội lỗi mà nhân dân khoan hồng đã tha thứ cho để tôi thuộc minh từ nay bằng những sáng tác phục vụ được cho lợi ích cách mạng.

\*

\* \* \*

Nói cho thật đúng, không phải là đến hôm nay tôi mới tự phê bình lần đầu về toàn bộ sáng tác trước kháng chiến. Việc này tôi đã có làm năm 48 ở Đại hội Văn nghệ toàn quốc và năm 49 ở Hội nghị Tranh luận Văn nghệ, tự nhận về những sai lầm, tuyên bố muốn từ bỏ những sáng tác cũ, coi nó như những "đứa con

hoang". Nhưng thời kỳ ấy, việc làm này có tính cách sơ sài quá, cũng mới xác định một cách chung chung vây thôi. Hồi ấy tôi chưa hiểu "cách mạng hóa tư tưởng" phải tiến hành như thế nào, sáng tác đứng trên lập trường giai cấp tôi cũng chưa hiểu cụ thể là phải như thế nào. Hồi ấy tôi cũng chỉ mới cảm thấy một cách lờ mờ rằng những sáng tác cũ nay không hợp với thời đại nữa, đều coi như là những đồ cổ vô dụng thì cất nó đi. Tôi muốn từ bỏ chúng nó, để nhẹ nhàng chuyển sang những sáng tác mới, chủ quan cho việc đó cũng là một việc dễ dàng đơn giản, mình muốn dứt khoát với cái cũ thì chỉ có việc tuyên bố ra là xong xuôi cả. Lúc đó tôi chưa thấy rằng cải tạo mình là cả một vấn đề khó khăn, một cuộc đấu tranh gay gắt trong bản thân, không thấy rằng đó là cả một quá trình chiến đấu lâu dài gian khổ với chính mình.

Được học tập kỹ chính Đảng vừa rồi tôi mới hiểu được tôi, tôi mới nhìn rõ tôi cho có hệ thống. Nhờ có Đảng dùi dắt cho đứng sang cái chỗ đứng có một không hai của chân lý, tôi mới nhìn rõ được cái bản chất của tôi qua những sáng tác của tôi. Và mới thấy được cái tầm quan trọng của tư tưởng sai lệch từ trước đến nay. Tôi mới thấy được cái xấu cái hại của tư tưởng tự do hưởng lạc bao trùm lấy đời tôi và nó đã tác hại trong sáng tác trước Kháng chiến của tôi như thế nào. Ngay cả trong những sáng tác sau

Kháng chiến nữa, tư tưởng hướng lạc phi vô sản ấy vẫn còn đầy rẫy trong tôi.

Bản thân tôi trước kia là một người yếu hèn muốn yên thân mà lại tự cho là mình có một cái cá tính của người mạnh bạo, bừa bãi trong cảm nghĩ mà lại cho là phóng khoáng độc lập. Tôi thích một cuộc sống phát phơ (dilettantisme) không phải gắn bó vào một trách nhiệm gì, không phải cam kết gì với ai. Tôi làm “nghệ thuật thuần tuý” đuổi theo một cái đẹp hão huyền không có cơ sở trong thực tế (vì tôi rất sợ thực tế). Tôi chỉ nghĩ đến đẹp, tôi không cần nghĩ đến cái đẹp ấy có cần đúng không, thật không, và có tốt không. Tôi tìm sự yên thân trong một cái vỏ giả tạo và muốn sống cách biệt với cuộc đời bên ngoài, tự an ủi mình bằng những cái viết nghêu ngao phóng phiếm.

Cách mạng tháng Tám bùng nổ, tôi cũng thích, nhưng cái thích đó có tính chất bản năng của một người vừa bị ngợp chói trước ánh sáng vĩ đại. Cái thích đó chưa nâng được lên mức lý luận sâu sắc, nên tôi vẫn chưa dứt khoát đứng về phía nào. Cho đến toàn quốc kháng chiến, tôi mới thấy có sự chuyển hướng trong nhân sinh quan. Trong con người cái tốt cái xấu còn lẫn lộn xộn, nhưng tôi muốn làm việc có ích. Sau Kháng chiến tôi in được hai tập tùy bút “Đường vui”, “Tình chiến dịch” vào năm 49 và 50. Nội dung của những tùy bút viết sau Kháng chiến phản

lớn vẫn còn mang nồng những cái tư tưởng cũ, những cái hình ảnh cũ. Tôi vẫn còn luyến tiếc những cái cũ đó đem nó vào văn chương Kháng chiến, tuy miệng thì vẫn tuyên bố là đã dứt khoát rồi với những nếp cảm nghĩ ngày trước. Tôi muốn thay đổi nhiều, nhưng tư tưởng hướng lạc phong kiến của tôi vẫn còn bao vây tôi dày đặc. Chỉ có một điều một chút khác trước là ngày nay sự hướng lạc lần giấu kín đáo chứ không lộ nghênh ngang thường xuyên như trong sáng tác cũ.

Trong tập “Đường vui”, tôi ví trái tim người dân quân hy sinh với cái hình ảnh một cù thùy tiên nâu. Mới bước vào năm đầu của kháng chiến, tôi đã nghĩ ngay tới những “khải hoàn môn kết bằng hoa đào” của một mùa xuân chiến thắng dễ dãi sắp tới. Thấy chiến sĩ hy sinh trong một cuộc thử đạn Badôka, tôi đã nói lên cái thắc mắc cá nhân sợ khổ sợ chết. Sống với rừng cản cứ địa Việt Bắc, tôi cho là “thiếu chân trời”, “thiếu sinh lý”, thiếu người thiếu hướng lạc. Việt Bắc quân dân vừa chiến thắng thu đông 47, đã biến thành ra một nơi cô quạnh chỉ có cây rừng và sét rét. Bài “Gió Lào”, bài “Thiếu chân trời” tôi vẫn chỉ thấy có thiên nhiên không nhìn thấy người, và tôi đã nhìn thiên nhiên với cái nhìn của phong kiến thần bí.

Trong tập “Tình chiến dịch”, tôi nói là viết ra để phục vụ nhân dân phục vụ kháng chiến, nhưng thực ra tôi đã in ra để thỏa mãn nhiều cho những cái thích

thú riêng tay của cá nhân tôi. Ở đây tôi vẫn chơi chữ, ghép hình ảnh, ba hoa huênh hoang khoe mình thế này thế nọ. Cái cá nhân hưởng lạc của tôi vẫn sừng sững trong “Tình chiến dịch”. Trước kia vì thèm hưởng lạc, tôi đã tô son điểm phấn cho tất cả những cái thói nát của đế quốc và phong kiến. Ngày nay, cũng vẫn vì muốn tự do hưởng lạc tôi lại làm cho tầm thường đi thô bỉ đi và sai lạc đi nhiều cảnh tình đẹp mạnh nhất của nhân dân, của công nông trong cuộc chiến đấu anh dũng. Đó thật là một điều đau xót thầm thía. Tư tưởng hưởng lạc của cá nhân tôi vẫn cứ lẩn lén thực chất của sự việc khách quan. Tôi đi vào thực tế một cách hời hợt để phản ánh thực tế một cách sai lầm. Từ 46, Đảng đã tạo điều kiện cho tôi được gần gũi thực tế cách mạng trước Kháng chiến, và trong Kháng chiến Đảng càng tạo điều kiện cho tôi được gần gũi nhân dân ở những nơi nhân dân chiến đấu cao nhất. Nhưng con người hưởng lạc cũ ở tôi còn nặng nghiệp, nên tuy có gần thực tế tôi vẫn không thấy được thực tế. Thấy được thực tế là một quá trình lâu dài gian khổ bền chí. Con người sơ khổ sợ chết ở tôi chỉ mới phát phơ với thực tế Kháng chiến nên phản ánh thực tế, tôi đã phản bội thực tế.

Hưởng lạc quen thân, tôi không thấy được Trường kỳ Kháng chiến, tôi sốt ruột muốn được chóng tổng phản công chóng được về Hà Nội, rồi huênh hoang vỗ

ngực hách dịch với người bị vương trong Hà Nội (bài “Ngoài này trong ấy”) đến nỗi chạm vào chính sách căn bản của Đảng Chính phủ đối với các tầng lớp nhân dân trong vùng tạm bị chiếm.

Giữa cái sống gian khổ xương máu mồ hôi của quân đội nhân dân chuẩn bị đánh đồn Pháp, tôi nhìn thế nào mà những mô hình (maquette) của sa bàn nghiên cứu trận đánh biến thành ra một quang cảnh vui vẻ ăn uống có “nem Huế, bánh khao, gai bưởi nhẽ ốc” (bài “Bàn đạp Tây Bắc”).

Qua một thành phố Trung Quốc tôi nhìn thế nào mà biến nước Trung Hoa mới đang bắt tay kiến thiết thành một nơi thịt cá bừa bãi bên cạnh những đám đông lộn xộn vô tổ chức (bài “Ai khẩu Nam Quan”). Tư tưởng hưởng lạc ở tôi đã tạo cho tôi một cái nhìn quan (vision) ẩm thực và lúc sáng tác nào săn có dịp đưa vào là tôi không ngại đưa vào để thỏa mãn những cái thích thú cá nhân đã ăn sâu vào tiềm thức.

Bài “Đuốc dân công” (Báo *Lúa Mới* Chi hội khu III năm 51) nói về bần cố nông gánh thóc ra tiền tuyến, tôi cũng tìm sự hưởng lạc trong sáng tác, tập trung cảm xúc vào cảnh đốt đuốc đưa thóc lên kho. Diễn tả cái cảnh chói sáng bạt ngàn ấy tôi đã “choi” lửa, “choi” đuốc và xúc động đúng như một bạo chúa phong kiến ngày xưa. Cái phần hưởng lạc ấy trong bài viết, tôi coi nặng hơn là phần cảm thông với những khó khăn của vấn đề tổ chức và sử dụng dân công đang ở buổi đầu của phong trào.

Tôi đã dựa vào công sức của nhân dân, dựa vào mồ hôi và xương máu của công nông sản xuất và chiến đấu, mà, tìm hưởng lạc, khi sáng tác cố đưa vào sáng tác những cái thích thú cá nhân. Tư tưởng hưởng lạc ấy làm tôi tách lìa thực tế, xa rời quần chúng nhân dân và dần dần tự mình làm mình nghèo đi trong sáng tác, rồi bế tắc. Sáng tác nhơn tôi không làm nổi, sáng tác nhỏ kịp thời phục vụ tôi không muốn làm; tôi chỉ muốn làm chỉ muốn viết những cái gì trong đó tôi có thể gửi gắm vào một ít thích thú riêng của tôi. Cái thói xấu ấy đã làm cho tôi thiếu nhiệt tình giai cấp. Tư do hưởng lạc phong kiến làm cho tôi không nhìn thấy được cái lạc quan cách mạng trong cuộc sống mới, trong những con người mới trong tất cả anh hùng chiến sĩ thi đua ái quốc. Bản chất hưởng lạc ở tôi ghép với nhiều tinh xấu khác như vô tổ chức vô kỷ luật, muôn yên thân, muôn hưởng thụ, bấy nhiêu tàn tích của phong kiến đế quốc đang bao vây tôi làm cho tôi khó khăn trong sự cảm thông với những con người mới sống có tập đoàn có tổ chức, luôn luôn tìm cái vui trong nhiệm vụ trong công tác cách mạng, không ngại khó sợ khổ sợ chết, luôn tin tưởng, chỉ biết có lạc quan cách mạng mà không nghĩ đến hưởng lạc cá nhân. Tư tưởng hưởng lạc cá nhân ở tôi ngăn cách tôi với các phẩm chất mới của những con người lạc quan cách mạng, với những cuộc sống lạc quan cách mạng. Tư

tưởng tôi còn vẩn đục vì hưởng lạc cá nhân, nhân sinh quan tôi chưa được thanh sạch nên tôi chưa thấm được vào cái thực chất phong phú tinh tế của đời sống chung quanh của giai cấp đang tiến lên.

Bấy lâu nay tư tưởng hưởng lạc phi vô sản bưng bít tôi không cho tôi nhận chân được cǎn nguyēn của sai lầm và khó khăn sáng tác. Lý luận và lập trường Đảng gần đây đã mở mắt cho tôi. Tuy chưa phải là một cuộc phân tích kỹ từng tác phẩm, tuy chưa kiểm thảo kỹ về văn phong, tuy mới làm được về bề mặt các sáng tác, nhưng cũng đủ để thấy toàn bộ sáng tác của tôi trước Kháng chiến là tội lỗi, đa số sáng tác sau Kháng chiến là sai lầm về căn bản tư tưởng. Tôi liền bàng khuâng mắt một buổi, cảm thấy như có người vừa rút hết đất ở dưới chỗ mình vẫn đứng vững mọi ngày. Nhưng tình táo dắn lại, tôi thấy tôi không còn là một người cố bám níu lấy cái chỗ đứng suy sụp của tư tưởng hưởng lạc nữa. Chân lý của Đảng đang đưa tôi sang một chỗ đứng mới. Từ chỗ đó, tuy còn là non yếu, tôi sẽ cố gắng bước dần lên. Đảng và nhân dân dù dắt tôi dần lên. Cái vấn đề ở tôi hiện nay là xác định lại con người mình cho đúng, là không luyến tiếc cái hư danh của sáng tác cũ, là tin tưởng vào sự nghiệp đấu tranh của công nông có Đảng lãnh đạo, là thấy rõ quyền lợi sáng tác của bản thân mình là nằm trong cái sự nghiệp lớn lao đó của dân tộc. Thực tế

của đấu tranh giai cấp ở nông thôn trong các đợt phát động quần chúng nhất định sẽ bồi dưỡng thêm cho tôi về trách nhiệm và vinh dự của người sáng tác. Tôi quyết tâm từ nay sáng tác vì lợi ích của dân cày. Tôi phấn khởi đứng về phía bần cố nông mà thận trọng và cố gắng thể hiện cái tâm hồn sáng lèn của dân cày có Đảng lãnh đạo. Tôi tin tưởng những biến chuyển mới ở nông thôn từ đây sẽ thổi vào tâm hồn và sáng tác của tôi những luồng sinh khí mới

*Tháng bay 1953*

**THU GỬI NGUYỄN KHẢI NÓI VỀ  
CUỐN “THẮNG CÀN” (Nguyễn Tuân)  
VÀ “XÂY DỤNG” (Nguyễn Khải)\***

Ngày 5, tháng 3 năm 1952

*Anh Nguyễn Khải,*

*Tôi nhận được thư anh chiều 29-2, Ba lô, tay nải tôi đã sắp sửa để lên đường thì chú giao thông vừa đi bưu cục về lọc thư và trao cho vèn vẹn một cái thư của anh. Năm sáu trang viết vội của anh tả cái say xưa thèm sáng tác cho tả, hữu ngạn, tôi có cảm tưởng như được một người bạn (trẻ chứ không già) động viên mình một cách thân thiết và thành thực. Thư anh nói sắp sang tả ngạn đã đến với tôi giữa lúc tôi lên đường. Hướng công tác không tiện nói ở đây. Nhưng có thể nói với anh là chuyện này anh và tôi đều học tập và thể hiện cái tinh thần Nam Cao.*

---

\* Rút từ bài *Con đường dẫn tôi đến nghệ văn* của Nguyễn Khải (*Nguyễn Tuân, người đi tìm cái đẹp* - NXB Văn học - HN, 1997).

... Lúc cầm bút viết cho anh đây, là tôi đang ngồi ở một cơ quan đọc một số báo cáo về chiến tranh du kích, chuẩn bị một số tài liệu và tình hình trước khi qua sông. Tôi nghĩ đến anh rất nhiều.

Mến  
NGUYỄN

(Không đề ngày tháng)

Anh Khải,

Tôi có gửi cho anh một cái bản thảo truyện ngắn "Thắng càn". Gần đây tôi có chữa lại rất nhiều. Bốn lần. Nhưng rút cục vẫn chưa nêu được những khó khăn của làng Nghìn. Vẫn chưa đưa được nhân vật ra với những lo toan trong sinh sống hàng ngày ở đồng ruộng của họ. Nhân vật nhân dân như cô Xim có cảm tình của người đọc, nhưng còn đẹp quá, chưa có chiều sâu. Nhân vật chưa có cuộc đời.

Suy nghĩ về nhược điểm của truyện thì thấy rõ nguyên nhân. Nói là năm được chính sách trong truyện áy thì tôi vẫn có năm được. Nhưng năm như thế nào?

Tôi có nói được những điểm:

- Du kích sinh hoạt với nhân dân lúc thường cũng như lúc biến, và lúc đánh giặc vẫn có kế hoạch bảo vệ nhân dân.

- Không chiến đấu cô độc. Đoàn kết người trong làng và đoàn kết với xã bạn.

Nhưng vẫn thiếu cái phần khó khăn của địa phương. Những vai Dinh Tam rút vào “bem” tôi có chữa lại nhiều. Xim tô đậm nét lên. Nhân vật nhân dân là Xim vẫn chưa sống. Nguyên nhân của chỗ yếu của truyện? Thực ra tôi rất ít biết về đời sống thực tế ở nông thôn. Nên tuy có gấp du kích, gấp cán bộ xã và một số nhân vật khác, nhưng chỉ mới thấy họ qua các cuộc hội nghị tổ, nhóm, tổ Đảng. Còn vợ con, ruộng đất, ao vườn họ ra sao mình chưa biết đúng. Lo toan, thắc mắc, những suy nghĩ cụ thể để giải quyết những khó khăn hàng ngày có tính chất nhất định trong mỗi người. Do đó nhân vật vướng vào bệnh Schéma<sup>(1)</sup> chủ nghĩa sơ lược, dựng nhân vật một cách sơ sài vì thiếu thực chất của sự sống. So sánh với anh, tôi thấy anh cũng vướng vào schéma. Người ta chưa phân biệt được những nhân vật cán bộ ấy vì nó thiếu éléments humains<sup>(2)</sup>, nói chính sách nhiều quá. Chính sách ấy đáng lý ra phải lồng nó vào những mặt sống cụ thể của các nhân vật nhân dân, thì nó nhuyễn chính sách hơn và cuốn người đọc hơn.

Thân  
NGUYỄN TUÂN

(1) Schéma (Sê-ma): lược đồ.

(2) Éléments humains (Ê-lê-măng uy-manh): Yếu tố người.

Việt Bắc, ngày 10 tháng 1 năm 1953,

*Anh Khải,*

... Vì có anh Đ., ban giám khảo mới biết cuốn "Xây dựng" của anh. Đang họp chúng tôi đều vui sướng tố chức ngay việc đọc. Đọc chung. Đầu ban giám khảo, lại anh em ngoài ban nữa. Đọc xong, cảm tưởng chung, của tôi riêng là không được thỏa mãn. Có lẽ vì tôi trông chờ ở anh nhiều lắm. Theo cái mức tôi được gần anh từ trước (qua lớp Đông Môn, "Gặp mẹ", qua những thư anh viết cho tôi) thì anh không phải là người khô. Tác phẩm cho tôi một cảm tưởng khô.

Thân  
NGUYỄN

Việt Bắc, rằm tháng tám ta,

*Anh Khải,*

...

Nó (Tháng càn) cũng có những nhược điểm giống "Xây dựng" của anh, nghĩa là diễn tả cũng còn theo lối sơ lược chủ nghĩa. Tôi gần đây cũng thắc mắc về bệnh này. Dựng nhân vật còn "giấy bồi" như anh nói trong thư trước. Mỗi còn ở trình độ dựng được việc mà chưa dựng được tư tưởng của người trong việc - mỗi nói đến nhân vật thay chuyển lớn lên trong không gian sự việc mà chưa nói được sự trưởng thành diễn

*béén của họ trong thời gian sự việc. Căn bản vẫn là vì không nắm được tư tưởng, được tinh chất giai cấp của nhân vật nên người dựng lên cứng đờ, máy móc, công thức và kém khả năng hấp dẫn. Anh nói: "Vì không nắm được con người cũ, chỉ thấy phía mới hiện tại của họ nên đưa ra lệch". Ở đây, tôi vẫn thấy vấn đề chính là phải nắm được tư tưởng của nhân vật. Thật ra mình mới nói chính sách một cách thô thiển, chưa thấm chính sách của Đảng nên những cái đó thiếu nhuần nhuyễn, chưa nhuynh được ra thành những nét phong phú và tinh vi tế nhị của đời sống bên trong, đời sống bên ngoài nhân vật.*

...

*Anh cố gắng viết về địch hậu đi, nhất là anh đã đi được vào các khu mở rộng ở Hà Nam và Nam Định. Kỳ vừa rồi, đọc tin Nam Định thắng càn, diệt bộ chỉ huy của nó ở Đỗ Xá, Đông Phù, tôi tin ở bộ đội địa phương lớn mạnh, và thấy hữu ngạn hé dần ánh sáng. Tôi mong sau khi đi phát động quần chúng ở vùng tự do sẽ có dịp được phân công đi sau lưng địch nữa. Và chuyến sau ấy tin sẽ có truyện dài. Tôi mong đợi ở tôi và ở tất cả chúng ta. Phần anh, anh cũng cố gắng sẵn xuất đi.*

Thân  
NGUYỄN

## VÀI Ý KIẾN VỀ KHAI THÁC VỐN DÂN TỘC

*Trích diễn văn của Đại biểu Hội văn nghệ Việt Nam đọc tại Đại hội liên hoan Văn công toàn quân lần thứ nhất (6-7-54)*

... Sau khi dự những tối biểu diễn và ban ngày tham dự các buổi thảo luận ở một số các tổ, sau khi tìm hiểu một số thắc mắc của các đồng chí Văn công quân đội chúng ta, tôi thành khẩn góp với hội nghị một số ý kiến.

- Về tính chất và tác dụng của Văn công quân đội;
- Về mối quan hệ giữa Văn công quân đội và các Văn công nhân dân;
- Về vốn cũ dân tộc;
- Về thái độ phê bình của chúng ta đối với việc khai thác vốn cũ dân tộc...

...Mấy tối trình bày giới thiệu vốn cũ dân tộc cả miền núi miền xuôi, các điệu dân ca, hò, múa nhảy, tuồng chèo thật là những tối sân khấu lồng lẫy, cũng như một cảnh tượng trâm hoa dân tộc cùng đua nở khoe tươi tranh sáng. Cảm tưởng chung là một cảm tương vui sướng trước một sự phong phú. Nhưng đến khi thảo luận về mặt áp dụng khai thác vốn cũ thì ý kiến không tới được sự thống nhất. Ví dụ như bước thảo luận về vở chèo mới "Vũ Duy Hàn" của các đồng chí ở chủ lực 304 (đem hình thức chèo ra bàn ở đây, cũng coi nó như là mọi hình thức dân tộc khác, chứ không phải vốn dân tộc của ta chỉ có chèo là được chú trọng).

Nội dung vở chèo "Vũ Duy Hàn" là một nội dung hoàn toàn mới. Tên của vở, chính là tên của một chiến sĩ anh dũng và gương mẫu trong đơn vị 304. Bằng các điệu hát chèo, vở muốn nói lên cho bằng được về sinh hoạt chiến đấu gian khổ và anh dũng của quân đội ta; ý kiến của số đông càng tin tưởng vào khả năng của chiến sĩ trong việc xây dựng vở, và biểu diễn trên sân khấu; kết quả cũng mới được phần nào, nhưng phải công nhận đây là một sự thể nghiệm mạnh bạo gợi được suy nghĩ cho nhiều anh chị em ta. Xong phần ưu điểm, anh em mới nhận xét về khuyết điểm. Phần nhận xét về khuyết điểm đồng thời cũng là phần nêu thắc mắc, nêu những thắc mắc có tính chất nghiệp vụ. Như là đánh nhau thì phải dồn dập nhộn nhịp: ngoài

những cảnh cấp dưỡng hát điệu hè mồi và nồi niêu, toàn là hát sứ, tóm lại chèo về căn bản các điệu hát là lè mề, đời sống bộ đội là khẩn trương; nay thống nhất cái mâu thuẫn ấy như thế nào? Muốn diễn tả cái tư thế hiên ngang như khi giao mệnh lệnh khi nhận nhiệm vụ, dùng điệu chèo gì? Có điệu chèo gì thích nghi với trường hợp đó không?

Anh chị em khác thắc mắc là chèo có nói lên được dung cảm và cảm thù trong chiến đấu không? Chèo có đủ khả năng để diễn tả những cái đó cho sâu sắc không? Hay là những đoạn ấy phải nhờ đến thoại kịch?

Một số thắc mắc khác lại đi sâu vào bộ điệu và nhạc: "Đàn Vi-ô-lông có thay được đàn nhị của chèo không? Chèo hay diễn vòng quanh cả sân khấu; dùng bộ điệu công thức ấy của chèo để nói lên cái tác phong rắn rỏi của quân nhân có hiện thực không?".

Còn có những thắc mắc khác bao trùm cả vấn đề vốn cũ. Như là trong dân ca và chèo, nội dung đấu tranh với thiên nhiên thì có thấy, nhưng nội dung đấu tranh giai cấp thì ít thấy. Tại sao? Cả một thời Quang Trung, sao chỉ còn ghi lại ở riêng một điệu trống quân thôi? Một số ý kiến lại thắc mắc về chờ văn nghệ nòng dân lao động không được thuần chất cứ bị phong kiến pha trộn vào.

Những thắc mắc trên đây của anh em chúng tôi chúng ta đang gặp khó khăn, chúng ta đang phải suy

nghĩ nhiều về những khó khăn cụ thể của một vấn đề mà trước đây trong đợt học tập và liên hệ với bản báo cáo chung ở Hội nghị, chúng ta mới chỉ nêu vấn đề và chỉ mới giải quyết được căn bản nhận thức. Đợt học tập và liên hệ vừa rồi, về điểm vốn cũ dân tộc ta đã nói được ra những nét lớn của những sai lầm trong quan niệm và thái độ đối với di sản văn nghệ dân tộc. Như là cho vốn dân tộc ta nghèo nàn không có gì mấy về văn nghệ; hoặc là có thì cũng chỉ là những giá trị cho vào viện bảo tàng, không có tác dụng với cuộc sống mới. Hoặc là đi sưu tầm những cái lạc hậu, khảo cổ như thế là tách rời thực tế đấu tranh trước mắt và quanh mình. Hoặc cho vốn cũ chỉ có chèo thô thi, không nhìn thấy những hình thức khác. Và lúc nhìn thấy khả năng của chèo thì lại coi nhẹ kịch nói. Hoặc cho là chỉ có miền núi mới múa còn miền xuôi chỉ biết ca hát thô thi. Tất cả hiểu biết phiến diện đó về vốn cũ đã được nhận định lại. Đợt sơ kết vừa qua đã giải quyết thẳng vào những tư tưởng lúng chủng đối với vốn văn nghệ dân tộc và đã xác định được lòng tin của ta đối với vốn cũ dân tộc. Toàn thể các đồng chí đều nói là về căn bản, thì kết quả đợt học tập là đã giải quyết được lòng tin tưởng. Nhưng nay đứng trước những thực tế đó vấn đề đặt ra, ta kiểm điểm lại xem chúng ta đã hoàn toàn tin tưởng chưa?

Sau những tối giới thiệu một số vốn dân tộc đã sưu tầm và có phần cài biến nữa, ta thấy vốn cũ là súc tích. Đây mới là những kết quả đầu tiên trong sự tìm tòi vốn cũ. Còn nhiều hình thức khác ở nhiều địa phương khác, ta chưa với tay tới, nhưng ta đã biết được trước rằng có dịp khuấy động lên thì còn phát hiện lên nhiều. Kho tàng văn nghệ của nhân dân lao động tổ tiên truyền lại qua bao nhiêu đời nay, vốn bị phong kiến thống trị bao vây và bị tư sản xâm nhập vào và chèn ép mạnh. Cả một lịch sử đấu tranh của dân tộc ta chống thiên nhiên, chống vua quan cường hào, chống ngoại xâm lâu đời và bền bỉ như thế, nhất định còn được ghi tac ở nhiều hình thức văn nghệ trong dân gian, chứ không phải là chỉ có bấy nhiêu ở cuộc trình bày vừa qua.

Sưu tầm cho rộng cho sâu, đi mãi thì tới, tìm mãi thì gặp mà sẽ gặp hết. Về điểm này chúng ta có thể khẳng định là vốn cũ dân tộc đã thấy dồi dào và còn phát hiện lên phong phú vô kể. Lòng tin của ta đã có một cơ sở vững. Nhưng thắc mắc của ta hiện nay dồn vào một mặt khác trong câu chuyện quan trọng về vốn cũ dân tộc.

Ta biết rằng sưu tầm vốn cũ đây không có nghĩa là chiêm ngưỡng dĩ vãng một cách tiêu cực.

Cho nên vấn đề đặt ra cho tất cả các đồng chí chúng ta ở hội nghị đây giữa lúc này là phải dùng cho được cái vốn ấy và dùng nó vào cuộc sống chiến đấu và sản xuất trước mắt như thế nào? Vốn ấy không cố

định mà rất linh động. Tiếp tục mạch đấu tranh có truyền thống dân tộc, cuộc đấu tranh ngày nay của dân tộc Việt Nam đã tiến triển lâu trong những điều kiện mới. Thừa kế cái vốn cũ của văn nghệ dân tộc và muốn phản ánh cho được về đấu tranh vũ trang hiện tại, chúng ta có nhiệm vụ đẩy vốn đó phát triển lên và tạo cho nó những điều kiện để phát triển. Nhưng phát huy như thế nào? Phải tạo ra những điều kiện gì? Tìm ở sách nào và tìm ai mà hỏi? Những con người thiết tha được phục vụ bằng chuyên môn văn nghệ như chúng ta, không ai là không tự hỏi và hỏi chung quanh như vậy. Chính tôi cũng đang tự hỏi tôi và muốn hỏi lại anh chị em như thế. Và những câu hỏi này cấp thiết và yêu cầu trả lời ngay. Biết được những câu hỏi chi tiết đó, bản thân tôi cũng được sáng thêm về cốt bản của vấn đề. Dưới đây là những ý kiến chủ quan tôi góp bàn với các đồng chí.

Tất cả những thắc mắc như tôi nói trên, nói chung thì là những ý nghĩ chân chính của những người chuyên nghiệp muốn đi sâu vào chuyên môn để từ đây tăng khả năng cho sân khấu kháng chiến ở ngay hỏa tuyến cũng như ở hậu phương, để từ đây tăng năng suất phục vụ bàn thân mình. Nhưng trong thảo luận, ở một vài điểm tôi nghĩ rằng một số đồng chí ta đã có thiên hướng đi vào kỹ thuật (như là kỹ thuật chèo).

Riêng tôi thấy vấn đề khai thác vốn cũ dân tộc của Văn nghệ quân đội ta hiện nay chưa phải là tập trung

về mặt kỹ thuật mà căn bản vẫn là giải quyết về tư tưởng. Cái mà ở đợt liên hệ với báo cáo chung, chúng ta đã sơ kết và chúng ta tuyên bố là đã thông suốt về cái căn bản tin tưởng đối với vốn cũ; nói cho đúng ra, tôi thấy còn nhiều ngóc ngách cần tìm hiểu sâu hơn. Lòng tin tưởng vừa có được ấy, ta đã củng cố nó như thế nào qua cuộc thảo luận và thử thách với khó khăn do chuyên môn nêu ra?

Thật ra, ở đây, kinh nghiệm của ta sử dụng vốn cũ chưa có là bao nhiêu. Sự học tập nghiên cứu của ta đối với vốn cũ cũng chưa có những kinh nghiệm để phổ biến trong đơn vị. Do đó mà phần thực tế để góp vào sự trao đổi ý kiến còn mong manh. Khai thác vốn cũ là một công việc dài hơi, dai sức và không thể một mình một người làm được trong một lúc nhất định nào. Nó là cả một quá trình lao động tâm trí có tính chất tập thể và bản thân mỗi công tác văn nghệ ta là phải thật sự lao động trí óc trong cái nhiệm vụ lớn và chung đó, ta hãy thử kiểm điểm xem bản thân ta đã khơi cái di sản dân tộc ấy như thế nào, đến mức nào, đem ra thế nghiệm nó bằng phương thức nào, đã khắc phục những khó khăn “bình cũ đựng rượu mới” như thế nào? Ta đã học tập vốn dân tộc, ta đã học tập một số anh em nghệ nhân cũ và bồi dưỡng tinh thần trách nhiệm đối với vốn cũ cho anh em như thế nào? Anh em chiến sĩ là những phần tử ưu tú của giai cấp và

số đông có năm được vốn cũ, thì ta đã học vốn cũ đó ở quần chúng, ở chiến sĩ nông dân võ trang trong đơn vị như thế nào?

Đảng nêu ra đường lối văn nghệ dân tộc. Văn nghệ Liên Xô và Trung Quốc đã có những tác phẩm tổng kết nó nói lên và chứng minh lên những thành công văn nghệ trên con đường văn nghệ dân tộc. Trong thực tế đấu tranh ngày nay kế tục cái truyền thống dân tộc đấu tranh từ xưa, ta đã thấy được cái tương lai xán lạn của văn nghệ ta và thấy được tiền đồ cá nhân mình. Nhưng tin tưởng đường lối văn nghệ dân tộc, tin tưởng vào vốn cũ dân tộc không phải là một lòng tin suông. Nó phải là một hành động, một việc sáng tạo đưa được ra sân khấu. Nó phải là một sự đóng góp sức lao động của chính bản thân mình. Bằng hình thức cũ hoặc bằng hình thức mới, sự sáng tác và sự biểu diễn phục vụ kháng chiến đều có những gian nan lao tâm khổ trí như bất cứ công tác cách mạng nào. Riêng về văn nghệ, sự gian khổ còn có những khía cạnh ẩn súc của nó mà chỉ có những người yêu nghề đó, lao động với nó và thiết tha với nó, mới thấy hết được. Càng là người công tác văn nghệ, càng phải lấy tự lực cánh sinh làm chính.

Bản sắc độc đáo của một tác phẩm là gì, nếu không là cái kết quả của tự lực cánh sinh đó. Cho nên, việc khai thác vốn dân tộc, ta không thể khoán trăng

cho ai, mà chính là phải tự hẹn với mình. Không thể nghĩ rằng do có sẵn một cẩm nang văn đáp sẵn, có những câu trả lời thẳng, trả lời sát vào những thắc mắc trong nghề nghiệp mình. Nhưng nói thế không phải chúng ta không học tập những kinh nghiệm văn nghệ mà các nước bạn ta trong quá trình khai thác vốn dân tộc đã tìm ra và đúc kết lại. Những kinh nghiệm đó rất quý báu. Nhưng không phải những kinh nghiệm ấy đã đầy đủ hoàn toàn trả lời được cho ta trong mọi vấn đề. Vì vậy mỗi khi gặp khó, phải tự mình tìm lối thoát ra cái lúng túng của công việc khai thác. Vừa giải quyết khó, vừa học tập nước bạn, vừa học tập lẫn nhau, chúng ta vừa làm. Giải quyết dần, từ riêng đến chung, từ phương thức thô sơ đến phương thức tinh tế, một cuộc hội nghị, làm sao mà đã giải quyết được? Tìm ra được cách thức phương thức nghệ thuật để chấp hành cho được về đường lối văn nghệ dân tộc Đảng nêu ra, là một quá trình gian khổ trường kỳ. Song song với chịu đựng gian khổ nghiêm ngâm vấn đề; lẽ tất nhiên còn có cái phần hào hứng của những người làm công việc có tính chất sáng tạo. Nhiệt tình ta đặt vào khai thác vốn cũ có cái ý nghĩa của nhiệt tình đối với giai cấp và nó còn biểu hiện cái lòng yêu nước của mình. Nó biểu thị cái tình yêu nồng nàn của ta đối với đất nước, cỏ cây, non sông cùng với cảnh và môi con người các dân tộc sinh trưởng ở đó. Trong đêm giới thiệu vốn cũ, người tôi

nhộn nhạo. Theo dõi điệu hát quan họ, tôi không thể không liên tưởng đến đồng bằng, đến vùng quê Bắc Ninh yêu quý. Hình ảnh những anh trai làng và những thôn nữ đậm đà gợi nhắc đến anh chị em nông dân lao động ở những huyện xã của quê hương, tiếng hát yêu dấu ngày nay đang chống bát lình bắt phu để tiến nhanh lên thành khu giải phóng.

Ở hội nghị này, chúng ta mới nêu lên một số vấn đề cụ thể. Hội nghị này chưa kết luận về những vấn đề ấy. Nhưng hội nghị rất cần đến ý kiến của chúng ta. Những thắc mắc càng nhiều càng xây dựng thêm cho cơ sở thực tế của thảo luận. Và những ý kiến ta đưa ra đây không ngoài cái tính chất trao đổi?

Vậy đối với những sự tìm tòi và làm thử của các đơn vị đem trình bày ra đây, cũng như đối với những thể nghiệm văn nghệ phục vụ ở những sân khấu các nơi khác, lúc này việc kết luận cần tránh cho được mọi cái dễ dãi và hấp tấp. Đứng trước những công trình lao động, tâm óc có những động cơ cao quý như thế của mọi anh chị em, thái độ chung của chúng ta là một thái độ trân trọng và hết sức thận trọng. Thận trọng đây không phải là rụt rè, thủ tiêu đấu tranh bằng phê bình. Cần phê bình nhưng đặt rõ trọng tâm cho phê bình. Tiêu chuẩn nghệ thuật là chính hay tiêu chuẩn tư tưởng là chính?

Theo chúng tôi, thì tư tưởng chính của một sáng tác, vẫn là chính, yêu cầu về mặt nghệ thuật là một

yêu cầu tương đối, nhưng về mặt tư tưởng thì yêu cầu đối với sáng tác là một yêu cầu căn bản. Nói một cách khác, tức là về mặt chính trị, vô luận một sáng tác và biểu diễn nào không làm lợi ích cho cách mạng cho kháng chiến và lại có thể làm lợi (trực tiếp hoặc gián tiếp) cho kẻ thù là đế quốc và phong kiến thì chúng ta hết sức nghiêm ngặt mà phê bình. Nó dựng được cái hào nhoáng của bất cứ kỹ thuật gì đi nữa, thì cũng cứ phải chặn nó lại, không thể cho nó lọt ra ánh sáng của sân khấu Cách mạng chúng ta. Một mặt khác, đối với những sáng tác và biểu diễn đã vững về căn bản tư tưởng, mà về nghệ thuật tính nó mới đạt được một phần nhỏ nào và còn cần phải vượt lên nữa trong nghệ thuật thì ta vẫn biểu dương và chú ý đầy dần nó lên.

Tiêu chuẩn tư tưởng nêu ra đây cũng là tiêu chuẩn chính để đánh giá mọi sáng tác và biểu diễn trong Đại hội liên hoan Văn công toàn quốc mùa thu sắp tới...

## TRUYỆN NGẮN ĂNGĐÓCXEN

Văn hào Ăngđócxen (Hans Christian Andersen) của nước Đan Mạch sinh tại thành phố Ođenxơ vào đầu thế kỷ thứ XIX, tức là cái thế kỷ đặc biệt nổi bật lên ở châu Âu hai luồng văn chương lãng mạn và hiện thực. Năm 17 tuổi, Ăngđócxen đã viết một tập kịch thơ, và liên tiếp sáng tác trong 53 năm liền cho đến cái ngày không cầm bút được nữa. Lúc thôi viết, thọ 70 tuổi.

Ăngđócxen xuất thân ở tầng lớp nghèo thành thị. Bà mẹ muốn con mình trở thành một người thợ may lành nghề. Nhưng Ăngđócxen sớm có chí lớn và hoài bão sống bằng nghệ thuật và sống cho nghệ thuật. Năm 14 tuổi đã xin mẹ đi một mình lên lập thân ở Thủ đô Cöpeha. Trong một tiểu thuyết tự truyện, Ăngđócxen đã tâm sự với bạn đọc: “Tôi quốc tôi, nước Đan Mạch là một đất nước nên thơ, có rất nhiều cổ tích thần thoại phương Bắc, nhiều tập tục, nhiều điều

hát. Những rừng sến um tùm, những cánh đồng cỏ và đồng lúa mì phì nhiêu phủ kín các mặt đảo.

(...) Cha tôi rất chiều tôi. Ngày chủ nhật, cha tôi cắt những miếng bìa làm những phong cảnh bài trí từng mảnh tháo rời được và lắp lại được. Cha tôi làm cho tôi cái sân khấu tí hon. Cha tôi đọc cho tôi nghe từng đoạn kịch trích ra, và đọc cho nghe những chuyện *Thiên phương dạ đám* (...). Ở trường, giờ ra chơi, tôi ít dự vào trò chơi của bạn học; một mình ở trong lớp. Ở nhà, tôi thiếu gì đồ chơi cha tôi đã làm cho tôi rất nhiều. (...) Cha tôi làm nghề thợ giấy mót sớm. Mẹ tôi đi giặt thuê quần áo. Tôi làm thợ may, thích nghề này, vì nó cho tôi có những mảnh vụn dạ xanh đỏ để may áo cho búp bê (...). Chỉ đến các rạp hát là tôi mới thấy dễ chịu hơn bất cứ ở đâu. Thường tôi ít được ai đưa đến rạp hát. Tôi đánh bạn với người phát chương trình, ngày nào anh ta cũng cho tôi một bản. Tôi lánh ra một chỗ, đọc đi đọc lại, căn cứ vào tên vở và nhân vật tuồng diễn mà hình dung ra cả nội dung của vở. Đó là những bài thi ca thò sơ đầu tiên của tôi (...). Sau, đọc những bản dịch các vở tuồng Sécxpia. Và lấy những đồ chơi đem diễn trên sâu khấu cor múa rối. Tôi viết một vở, có rất nhiều người chết. Tôi có giọng hát và muốn trở thành con hát. Tôi theo gánh tuồng, đóng những vai chạy hiệu (...) Tôi có

viết những vở kịch, đưa các hý viễn, nhưng không được nhận diễn..."

Năm 24 tuổi, Ăngđớcxen, đi khắp nước Đan Mạch, vừa đi vừa thăm nhập vào cái tâm hồn Tổ quốc yêu quý, vừa đi vừa cảm thông với đời sống và tập truyền của nhân dân. Đến năm 28 tuổi, Ăngđớcxen đi nước ngoài, bắt đầu sang nước Đức; sau đó sang Thụy Sĩ, sang Pháp và sang Ý. Xuất thân từ nhân dân lao động nên, dù ở trong nước hay lúc ra nước ngoài, cái nhìn của Ăngđớcxen bao giờ cũng quyến luyến với con người quần chúng làm ăn. Trong các chuyến đi ra ngoài Ăngđớcxen rất chú ý đến đời sống các dân tộc. Trong sáng tác, khung cảnh của nhân vật truyện Ăngđớcxen rộng từ Hy Lạp đến Thụy Sĩ, và tác giả sử dụng luôn cả các vốn cũ dân gian các dân tộc Thụy Điển, Đức và phương Đông. Những bút ký tiểu luận về các chuyến đi đều nổi lên những nét hiện thực chứng tỏ một quan điểm nhân dân đầy xúc động. Ký sự *Tập ảnh không vẽ* chứa chan những tư tưởng dân chủ và bác ái của tác giả đối với mọi người và mọi dân tộc. Có một truyện tả lại cái thảm kịch của những người nông dân nghèo phải bỏ nước ra ngoài để tìm hạnh phúc. Tiểu thuyết *Người ứng khẩu* xây dựng cái uy tín trú tác cho Ăngđớcxen, là một tiểu thuyết tả sinh hoạt của nhân dân Ý, nhân vật chính từ trong quần chúng nhân dân hiện lên và tha thiết giúp ích

cho đời. Trong các truyện dài khác, nhân vật của Ăngđớcxen cũng đều là những người khao khát làm lợi cho nhân dân. Năm 30 tuổi, tập truyện ngắn đầu tiên của Ăngđớcxen ra đời. Ngày Tết năm đó, Ăngđớcxen viết cho bạn: "Từ nay, tôi bắt đầu sáng tác cho các trẻ em. Anh nên nhớ, tôi làm việc cho những thế hệ tương lai". Từ đó, năm nào cũng có những sáng tác mới cho thiếu nhi. Có lúc Ăngđớcxen đã nói ra: "Người người đều hờn dỗi với tôi, mỗi lần tôi để cho cái tháng chạp đi qua, mỗi lần người ta không có tác phẩm mới của tôi mà trẻ già đều ưa thích và trèo lên cành cây thông tết Nô En". Truyện ngắn ba tập đã được rất nhiều người nhắc luôn luôn tên tuổi Ăngđớcxen. Mười năm sau, tác giả đổi tên sách, không gọi là truyện thiếu nhi nữa, bởi vì lúc ấy, ngoài những độc giả trẻ em, có vô số người đứng tuổi đọc truyện ngắn Ăngđớcxen.

Truyện ngắn Ăngđớcxen có những riêng biệt đặc sắc. Nó không nghịch ngợm hoặc đóm dáng như truyện kể của Pe-rô-n nước Pháp, nó cũng không kỳ quái huyền ảo như truyện của nhà văn lâng mạn Đức. Mà nó dung dị, đậm ý vị thơ, bừng sáng trước cuộc sống xám mờ, dâng trào mãi mãi lên sự yêu quý con người. Truyện hấp dẫn người xem chính là ở đây. Những bài học của truyện Ăngđớcxen (ví dụ những truyện ngắn *Chim hoa mai*; *Truyện một bà mẹ*; *Áo mới*

của Hoàng đế v.v..) từ lòng câu chuyện kể mà toát ra, chứ không giáo điều ép gượng.

Người ta hay nói đến tấm lòng thơm thảo và xúc động tinh vi của Ăngđớcxen. Thực ra, những đức tính ấy của nhà văn chỉ hiện lên khi nào nhà văn đề cập đến những con người quẩn chung mình yêu mến. Cái khía cạnh khác ở truyện Ăngđớcxen, là cũng rất cay độc, châm biếm, chửi đời sắc cạnh. Chẳng hạn như đối với những cái hơm mình rởm đời thô tục, những cái đã ngu mà lại ác bạo của đám cửa quyền phong kiến và thượng lưu tư sản.

Đi vào cuộc đời nghệ thuật, Ăngđớcxen đã thử qua nhiều lối văn, nhiều thể cách: đã từng làm thơ, đóng kịch, viết tiểu luận, viết vở nhạc kịch ca kịch, viết truyện dài. Nhưng truyện ngắn là một hình thức sở trường và thành tựu nhất để Ăngđớcxen đột phá vào cuộc sống. Ăngđớcxen đã nổi danh vì truyện ngắn, và nội dung và hình thức truyện kể ấy đã tạo được vui sướng cho mọi lứa tuổi bạn đọc, trẻ em cũng như người lớn. Đúng như lời nhà phê bình Nga Bi-ê-lanh-xki đã nói về truyện thiếu nhi: "Sáng tác đi, viết cho thiếu nhi; nhưng phải viết thế nào để cả những người đứng tuổi cũng đọc và thấy thú vị...". Một em nhỏ nào đã đọc qua truyện ngắn Ăngđớcxen thì trọn đời không khi nào quên và dừng dung với thơ ca, mộng ước, tình thương yêu và lòng công bằng. Còn

trứng nước, người độc giả tí hon thấy ở truyện Ăngđớcxen cái thế giới tưởng tượng xa xôi có yêu tinh nhưng cũng có Nàng Tiên, và sớm biết rằng kẻ ác dù oai tồn đến đâu rồi cuối cùng cũng cứ lẩn chiêng đỡ nhào. Lớn dần lên tưởng tượng dồi dào hơn, người bạn đọc sẽ thấy nhân vật là những người cố gắng vượt khó để tiến gần lên công lý và nhích mãi tới chân lý. Đến tuổi rồi, thì người bạn đọc sẽ thấy ở truyện ngắn đó bừng lên những kinh nghiệm về lẽ đời và đạo người, thấy cái triết lý sinh động của sự sống, và cái lý giải chân xác về cuộc sống. Ở người độc giả lớn tuổi, Ăngđớcxen đã biết tinh gọi được lại cái phần hồn nhiên trong trăng văn đọng chìm, đánh thức lại những cái bồng bột chân chất của tuổi măng trứng để mà đối soi vào thực tế phiền phức.

Ngay cả ngày nay, bây giờ đây, với chúng ta đây, cuộc sống so với thế kỷ của Ăngđớcxen đã có nhiều tiến bộ, nhưng vẫn còn cảng thẳng, vẫn còn nhiều bóng đen muôn chụp vào ánh sáng, chúng ta vẫn thấy cái giá trị hiện thời của truyện Ăngđớcxen lúc nào cũng ca ngợi Hòa bình và Dân chủ.

Ăngđớcxen là một văn hào nổi tiếng trong nước, và danh vang ra nhiều nước ngoài như Nga, Đức, Thụy Điển, Anh, Pháp, Mỹ. Lúc sống đã như vậy và sau lúc nằm xuống, lại càng lừng lẫy. Sinh thời Ăngđớcxen là bạn thân của Henri Heine nước Đức, Victor Hugo

nước Pháp, Charles Dickens nước Anh; Gorki là người rất thích truyện ngắn Ăngđớcxen. Ăngđớcxen đã nói: “Tôi rất sung sướng thấy tác phẩm của tôi được đọc nhiều ở nước Nga vĩ đại và hùng cường mà tôi đã hiểu phần nào về văn học súc tích từ Karamzine, Pouchkine đến những thời cận đại”. Tự hào về cái phẩn của Tổ quốc Đan Mạch mình đóng góp vào văn học thế giới, Ăngđớcxen rất tha thiết với những thành quả của các nền văn học các nước. Ăngđớcxen đã được dịch ra từ lâu rồi ở trên thế giới, trong khối dân chủ và cả ở nhiều nước tư bản. Riêng ở Liên Xô, đã dịch ra 33 thứ tiếng khác nhau, xuất bản 190 lần gồm hơn 7 triệu cuốn, đã phổ nhạc cho kịch viện thiếu nhi, các hý viện soạn truyện thành kịch, và dài truyền thanh có những buổi phát thanh cho trẻ em Liên Xô và dành riêng cho các truyện Ăngđớcxen.

Truyện Ăngđớcxen có một sức mạnh kỳ diệu. *Tư tưởng nghệ thuật* và *tư tưởng* nói chung của Ăngđớcxen thể hiện qua truyện ngắn đã ảnh hưởng đến văn học dân chủ trong nước Đan Mạch và tác động đến trào lưu văn học nước ngoài lúc bấy giờ. Cho tới ngày nay, những truyện ngắn ấy vẫn còn tác động rất sâu và rất xa. Vì tác giả ấy đã là một nhà thơ rất hiện thực, nội dung truyện kể luôn luôn đi vào những chủ đề lớn: Sự sống còn; tình yêu thương; và sự lao động làm ra hạnh phúc con người.

Ăngđớcxen đã dựng lại cuộc sống thực tế với những quan hệ xã hội thực, có người giàu, người nghèo, với những cái bất bình đẳng và trái với công lý. Cái xã hội ấy nghẽu nghện những địa chủ trọc phú quyền chức, những tên tư bản thủ đoạn, rất tự mãn và nguy hiểm. Xuất thân là người bình dân, lớn lên trong lao khổ, phải chịu đựng những bất công, Ăngđớcxen đã kiên quyết phản đấu cho tất cả những người nghèo bị bóc lột và khao khát hạnh phúc chính đáng. Truyện ngắn Ăngđớcxen đã cụ thể hóa những hoài bão của tác giả. Càng am tường về sự mục ruỗng và đê tiện của đám quyền tước thống trị, mà tác giả lại càng nhận thức sâu sắc được về bản chất thuần phác của những con người nghèo, đói sạch, rách thơm, và tâm hồn có rất nhiều điểm rất cao quý. Truyện nào của Ăngđớcxen cũng phụng sự cho những người thường dân làm lụng, rất nhiều thiện ý nhưng cũng rất nhiều đau khổ. Cái xấu, các ác, tủi thương khổ não vẫn bao vây con người, nhưng nhà viết đoàn thiên tài của chúng ta vẫn là người tin chắc ở tương lai hạnh phúc, vẫn giữ độc giả mình đứng sát vào điều Thiện. Cái lòng lạc quan ở *Em bé bán diêm* ấy cũng là bao trùm toàn bộ trú tác. Cái lớn của Ăngđớcxen là đã đưa vào văn học Đan Mạch lúc ấy cái hình ảnh hiện thực của con người bình dân làm việc nhiều, nhiều sáng kiến và nhiều đức tính. Thêm nữa, vạch cho mọi người

thấy được chất thơ trong đời sống nhân dân. Đất nước Đan Mạch nhiều rừng sến, nhà gianh, cồn cát, lâu đài cổ hoang, và có rất nhiều truyền thuyết dân gian, ghi lại trong lòng dân chúng cái lịch sử nhân dân nhiều vô công nhưng cũng nhiều đầy ải. Dân ca là cái nguồn phong phú để Ăngđớcxen tìm chủ đề và nhân vật. Cái ngữ pháp chứa chan cảm xúc và rất sống mà tác giả vẫn dùng để kể chuyện, có rất nhiều nét hồn nhiên nhưng được người lớn rất thường thức, vì nó phản ánh được cái tư tưởng thâm thúy của tác giả. Thêm một lẽ khác nữa, mọi người đọc đều yêu thích cái ngữ pháp ấy là bởi vì đó là cái tiếng nói rất giàu có tươi lành của nhân dân; nó hiền, nó sáng, nó rất phổ cập. Bất chấp sự dèm pha của bọn phê bình tư sản, Ăngđớcxen lúc đã nổi tiếng rồi, vẫn đứng trên sâu khấu mà đọc truyện mình viết cho thơ thuyền và nhân dân lao động thường thức. Bọn quyền quý ve vãn, đai cái này cái nọ, nhưng nhà văn đã nổi tiếng ấy vẫn giữ vững cái tính chất nhân dân của mình và đã viết trong một tâm thư: "Tinh chất dân tộc của tôi là đã dùng tiếng nói của quần chúng trong sáng tác". Lại còn phát biểu: "Tôi cảm thấy cái sứ mệnh của nhà thơ có khả năng nói cho hàng ngàn người nghe, là cao cả và thiêng liêng biết bao!". Ngay cái cách dùng thể truyện kể để truyền đi tư tưởng dân chủ và bác ái của mình, cũng biểu hiện cái tinh chất nhân dân của tác

giả, bởi vì “truyện ngắn bao giờ cũng chứa chất nhiều khát vọng lớn lao của nhân dân” (Pôlêvôi) và nhân dân vẫn quen thuộc với thể truyện kể, và dễ cảm thông với nó.

Ngoài những đức tính dân tộc, nhân dân nói trên, Ăngđớcxen còn là một văn hào rất yêu tin khoa học. Nhà thơ mong ước về tương lai ấy vốn là một người viết truyện hiện thực, rất yêu cuộc đời và luôn luôn hướng vào sự cải thiện cuộc sống con người. Một mặt, tác giả dựng lại cái không khí thời trung cổ của Đan Mạch với tất cả những xâu xé phong kiến, áp bức nông dân, đã tất cả những cái lăng mạn phản động ca tụng dĩ vãng, mê tín và ngu dân. Mặt khác, ca ngợi con người chinh phục thiên nhiên; ca tụng việc đặt đường điện tín qua đại dương và nối liền tư tưởng con người giữa hai cõi đại lục Âu và Mỹ; ca ngợi sự phát triển kỹ thuật như dây thép, máy ảnh và đường xe lửa giúp cho đời sống. Trong truyện Ông tầng tổ Ăngđớcxen cảm động mà bộc lộ tâm lòng biết ơn đối với khoa học. Rất yêu tin khoa học và kỹ thuật, nhưng Ăngđớcxen là người rất ghét chiến tranh, đã từng lên tiếng ghét thù nó, và đã gọi chiến tranh là “một con quái vật ghê tởm khát máu và nuốt các thành phố bốc lửa”.

Ăngđớcxen là một văn hào lớn cách đây hơn một thế kỷ đã tự xếp mình vào hang ngũ những nhà văn

chiến đấu bảo vệ giá trị con người. Tuy chưa nêu lên được cái cách để giải quyết cụ thể những vấn đề của cuộc sống, nhưng đã rất tin tưởng ở quần chúng nhân dân, ở tương lai hạnh phúc nhân dân, luôn luôn nêu lên cái tinh thần khoa học, dân chủ và dân tộc. Giàu lòng yêu đất nước mình, Ăngđớcxen đã gợi lên cái tình hữu nghị các dân tộc và tha thiết với sự trao đổi văn hóa giữa các dân tộc. Ăngđớcxen thù ghét chiến tranh, cũng là trên cái tinh thần bảo vệ cho bằng được mọi công trình văn hóa các dân tộc cần phải tăng thêm sự gìn giữ và sự trao đổi.

Báo Văn nghệ, 1955

## SỔ TAY VĂN NGHỆ

Mới gần đây tôi có được xem một buổi biểu diễn múa rối của họa sĩ Mạnh Quỳnh trình bày tại Câu lạc bộ Đoàn kết Sân khấu múa rối hôm đó dựng lên tích truyện "Thạch Sanh". Có thể nói rằng trò rất xôm. Có người hoạt động (người đây là con rối) và có tiếng hát tiếng nhạc thu thanh đi kèm; có chim bay chim đậu; có thú dữ yêu tinh đánh nhau với người. Ánh sáng nhiều đoạn rất đẹp. Người xem, nhất là các bậc cao niên và các khán giả thiếu niên rất chăm chú. Sân khấu tay xinh bé, nhưng đứng xa vẫn nom rõ được. Rất nhiều tràng vỗ tay. Buổi xem múa rối đó, tôi cũng nghĩ rằng nó đã thành công phần nào. Và càng thấy rõ chung quanh chúng ta rất nhiều người thèm mong được giải trí. Nói một cách khác ta có thể tin rằng trò múa rối sẽ còn có nhiều khán giả. Do cái quan hệ của trò rối với quần chúng và nhân dân mà thành ra vấn đề vinh dự và trách nhiệm của sân khấu múa rối. Cho nên tôi cũng xin có ít ý kiến.

Tôi muốn nói về sự khai thác đề tài. Truyện cổ, truyện cũ trong vốn cũ dân gian có đủ chất liệu để thành nội dung ca nhạc kịch múa rối. Nhưng vẫn phải có sự lựa chọn, đưa khía cạnh tốt, và loại đi những khía không tốt. Cái sân khấu kịch múa rối tuy là bé, nhưng vẫn đòi hỏi chúng ta có một lập trường đúng không khác gì công việc của sân khấu lớn. Khán giả của chúng ta dù số đông là thiếu niên, thiếu nhi, vẫn đề bạn thù nêu ra cần phải rõ ràng. Song song với việc giải trí, sân khấu múa rối còn lãnh cái trách nhiệm giáo dục người xem nữa.

Tôi nói như thế vì cạnh tôi, người ta đang phân biệt: sân khấu to để hoàn toàn làm việc giáo hoá; còn sân khấu múa rối chỉ làm việc giải trí thuần túy thôi. Có lẽ vị này chê cái ánh sáng một cái sân khấu múa rối là bé nhỏ quá, không bõ cho việc soi lên sự thật. Không! Không thể nghĩ thế được. Cuộc sống chúng ta còn bị nhiều bóng tối đe dọa, ánh sáng nào cũng là cần, cũng là quý, dù nó chỉ là một tia nhỏ.

Cạnh tôi, nhiều người còn cho rằng sân khấu múa rối rất thích hợp với các nội dung cũ. Tôi thấy cần phải nói ngay lên là sân khấu múa rối rất có khả năng để nói lên những đề tài mới nữa. Nhân dân lao động Việt Nam đã có hình thức kịch múa rối từ lâu. Ngày nay phát huy cái truyền thống đó, ta có thể hiện đại hóa cái hình thức sân khấu múa rối, về trang bị mọi mặt vật chất và tinh thần cho nó. Và cái chủ yếu vẫn là vấn đề nội dung. Và nội dung mới vẫn là cần

hơn nội dung cũ. Tôi tin rằng những đề tài mới về Hòa Bình, Thống Nhất, những hình ảnh lãnh tụ, những chuyện anh hùng chiến sĩ; tất cả những câu chuyện chiến đấu anh dũng và kiến thiết cảm động của chế độ dân chủ chúng ta sẽ đem nhiều ánh sáng mới rất kỳ diệu vào sân khấu kịch múa rối, và nó truyền cảm rất mạnh rất sâu được; nó sẽ hấp dẫn nhiều khán giả mới, không những các em bé mà ngay cả những người lớn nữa.

Lúc mới giải phóng Hà Nội, trong Đại hội Văn, trong Toàn quốc, cũng có biểu diễn múa rối nước của anh em văn công khu tả ngạn tại hồ Thiền Cuông. Hắn bà con Hà Nội còn nhớ kịch múa rối hôm ấy diễn lại một trận càn của địch, và du kích ta đã chống càn thắng lợi như thế nào. Nhắc qua lại đây, để những anh em văn nghệ thấy rõ khả năng dồi dào của kịch rối triển vọng của múa rối. Với những anh em tha thiết làm kịch múa rối và định phát triển nó, chúng ta không nên quên cái khả năng chiến đấu và xây dựng của kịch rối để hướng nó vào cuộc chiến đấu chung bằng phương pháp hòa bình.

## **SỔ TAY VĂN NGHỆ**

**T**heo lời mời của Công ty biểu diễn nhạc “Colombia - Artisis management” ở Mỹ - nhạc sĩ nhân dân Liên Xô là Guylen đã rời Mạc Tư Khoa cuối tháng 9 vừa rồi, sang Mỹ. Nhạc sĩ Liên Xô sẽ biểu diễn ở Nữu Uớc, Hoa-thịnh-đốn, Phi-la-den-phi, Si-ca-gô, Bôt-stông v.v.. trong hơn một tháng.

Một mặt khác, công chúng Liên Xô đang mong đợi một đoàn ca kịch Nữu Uớc. Đoàn này đã rao trước là sẽ diễn ở Mạc Tư Khoa một vở kịch nổi tiếng ở Mỹ. Cho tới nay ở Liên Xô, nhiều người vẫn nóng lòng mong đợi đoàn ca kịch Mỹ mà chưa thấy. Thị tin gần đây cho biết thêm là chính phủ Mỹ từ chối không chịu cấp tiền cho đoàn ca kịch Nữu Uớc đi biểu diễn ở Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân. Người phát ngôn của Bộ Ngoại giao Mỹ đưa lý do:

1. Hành trình của nghệ sĩ Mỹ tốn kém nhiều.
2. Cuộc hành trình của đoàn nghệ thuật Mỹ có tính chất “hơi sớm về mặt chính trị”.

Nhưng tờ “Thời báo Nữu Ước” cho biết thêm là hiện nay đoàn ca kịch Mỹ vẫn tìm cách tự túc và nhất quyết đi Liên Xô.

Tiên đây cũng nên nhắc lại câu chuyện Mỹ cấm đoán nghệ sĩ Pôn Rôbison là một nghệ sĩ da đen châu Mỹ, được giải thưởng Stalin, vì tiếng hát hay và có nhiều tâm hồn. Rôbison là ủy viên Hội đồng Hòa bình thế giới; sau khi Rôbison đi dự Đại hội Hòa bình thế giới lần thứ nhất, là không lần nào Rôbison được cấp giấy thông hành ra ngoài nữa. Phát xít Mỹ đã quản thúc tiếng hát. Kỳ Đại hội họp ở Helsingki vừa rồi, cũng như một số văn nghệ sĩ tiến bộ Mỹ Rôbison không sao đi được, chỉ gửi điện đến chào mừng Đại hội thôi. Nhưng kỳ tháng bảy vừa rồi tiếng hát của Rôbison vượt qua biên giới Mỹ phát xít và vảng sang châu Âu, châu Á. Rôbison đã chọn một địa điểm giữa biển thùy Hoa Kỳ và Gia Nã Đại, và phát thanh ngay khoảng giữa trời. Rôbison hát bài “Tiếng hát của thế giới”. Thính giả thế giới đều say sưa và lòng sôi nổi khi nghe Rôbison hát đến những điệu hát của những người Cách mạng Ái Nhì Lan, những điệu hát của chiến sĩ Tây Ban Nha, và những điệu dân ca Nga, Anh, Ê Cốt, Gia Nã Đại. Và khi Rôbison hát cái bài hát *Do more* của những người da đen châu Mỹ, thính giả càng thấy rõ sức mạnh của tiếng hát vì tự do, và thấy rõ Rôbison là lực sĩ của những dân tộc bị áp bức.

Thành ra Rôbison bị câu thúc, nhưng tiếng hát của Rôbison vẫn cứ vang ra ngoài nước được.

Bọn Diệm ngày nay khùng bối tiếng hát chính nghĩa ở miền Nam, bày đặt ra tiếng hát trong vỉ tuyến và ngoài vỉ tuyến 17, cũng là dập đúng theo cái chính sách nội bất xuất ngoại bất nhập của Mỹ đối với tiếng hát. Và thường vien những lý do rất quanh co che đậy những âm mưu đen tối, cũng là nằm trong một cái hệ thống chủ trương của Mỹ thôi.

Nhưng thực tế đã nhiều lần chứng tỏ rằng con người ta có thể bị câu thúc giam hãm và tiếng hát thì bao giờ cũng bay bổng, nhất là tiếng hát của Hòa bình chính nghĩa thì bao giờ cũng vượt lên trên những thứ biên thùy nhân tạo và những thứ vỉ tuyến già tạo.

## SỔ TAY VĂN NGHỆ

Văn học văn nghệ Mỹ có nhiều người tiến bộ. Nhưng từ khi bọn thống trị Mỹ đi sâu vào độc tài, vi phạm hiến pháp và phát xít hóa chế độ thì một số lớn đều nín tiếng. Một số khác bị mua chuộc. Bộ Tư pháp Mỹ liệt kê ra 261 tổ chức quân chúng và nghiệp đoàn mà chúng gọi là những tổ chức có tính chất khiêu khích trị an, trong số đó có Ủy ban Bảo vệ Hòa bình ở Mỹ. "Ủy ban theo dõi những hành động Phi-Mỹ" mở rộng danh sách các tổ chức quân chúng, và con số các hội các đoàn thể nhân dân bị nghi ngờ theo dõi, cho vào sổ đen, lên tới 608. Trong số những nhà văn Mỹ vẫn nêu cao sứ mệnh nhà văn không khuất phục trước uy vũ, người ta thường nhắc đến Hao-oa Phát (Howar Fast). Hao-oa Phát là một nhà văn trẻ, đã viết hai mươi nhăm tác phẩm (mười sáu cuốn là truyện dài); những sáng tác của ông đều lấy đề tài ở những thực tế và thời sự nước Mỹ. Ông được giải thưởng Sta-lin. Cuốn truyện gần đây nhất viết năm 53. Truyện nói về một giáo sư Đại học, rất yêu tự do dân

chủ hòa bình. Nhà trí thức ấy ký tên hưởng ứng lời kêu gọi chống vũ khí nguyên tử. Tòa án Mỹ đã buộc “tội” ông và kết án ba năm tù.

Kỳ họp Đại hội Hòa bình thế giới tháng 6-55 tại Hensanhki, trong số đại biểu nhân dân Mỹ, đã ghi tên Hoa-oa Phát và Pôn Rôbison. Nhưng phát xít Mỹ không cấp giấy thông hành, cấm rời khỏi nước. Hao-oa Phát đành gửi thư đến Đại hội Hòa bình thế giới. Xin trích đăng:

“... Ngày nay, một sự thèm mong Hòa bình rất sâu sắc đã tràn lan từ đầu này đến đầu kia nước Mỹ và đi dần vào các tầng lớp trong đời sống ở Mỹ. Những điều trên đây không trở thành được những hình thức tổ chức như các bạn thường thấy ở nước các bạn, cái đó là một chuyện dĩ nhiên, bởi vì ở đây, một Chính phủ đã thẳng tay phá hủy tất cả những tổ chức có tính chất tiến bộ, và những hình phạt đều áp dụng rất nặng đối với tất cả những người hoạt động cho sự nghiệp Hòa bình. Dù sao, người ta không thể trị tội được cả một dân tộc mang chung một nguyện vọng. Và, dù có thiếu những hình thức tổ chức nó giúp cho những nguyên vọng đó biến thành thực tế cụ thể, sự nhất trí của nhân dân trong nguyên vọng đó sẽ được chú trọng và sẽ có kết quả. Nói tóm lại là bất cứ biểu thị bằng cách nào, nguyên vọng của chúng tôi, nguyên

vọng của nhân dân Mỹ là chung sống hòa bình với các nước trên thế giới...”.

Ngày nay ở miền Nam, Diệm học đòi phát xít Mỹ, làm phát xít và đàn áp tư tưởng, đàn áp Dân chủ Hoa bình. Nó cấm đoán, chia cắt, khủng bố tri thức, và không dám trả lời miền Bắc luôn luôn đòi nó đặt quan hệ bình thường giữa hai miền về mọi mặt, nhất là mặt văn hóa văn nghệ.

## SỔ TAY VĂN NGHỆ

Báo chí Sài Gòn đăng tin “Giám đốc nhà thông tin Nam Việt” triệu tập báo giới lại - buộc phải thi hành đúng luật lệ mới của Mỹ Diệm và nhấn mạnh: “Ngòi bút của các ký giả phải vượt qua vĩ tuyến 17”, họ phải đăng bài nói tốt cho Mỹ Diệm ở miền Nam và cũng theo cái phương pháp phản lại sự thật đó, họ phải luôn luôn nói xấu mọi việc ở miền Bắc. Với những ngòi bút vạch rõ sự thật ở miền Nam, chúng đe dọa, sau khi phàn nàn là “nói như thế sẽ có lợi cho cộng sản”. Với những người có quan hệ với hoạt động sân khấu, giọng kiểm duyệt thô bạo hơn: “Ranh giới quốc gia đã rõ rệt lắm. Nếu (!) các soạn giả và các chủ gánh hát nhận thấy chúng tôi kiểm duyệt mất hết tự do và thấy còn vùng nào khác có tự do hơn thì cứ lựa chọn”! Còn có thể có những lời đe dọa nào trêng tráo và ngu xuẩn hơn nữa không? Kiểm duyệt sân khấu miền Nam, bọn Mỹ Diệm đã đòi kiểm duyệt cụ thể và chi tiết về “khung cảnh trình diễn” các màn vũ, “cách ăn mặc”, “cách điều hòa ánh sáng”, “lối dàn cảnh”, đòi

kiểm duyệt cả những buổi diễn tập chưa ra mắt công chúng. Kiểm duyệt Mỹ Diệm rầy la các chủ gánh gần đây “trình diễn những vở có tính cách hơi thiên cộng”, cho nên chúng vừa nêu rõ phải cấm và kiểm duyệt “các chi tiết bài hát có xu hướng cộng sản”; cấm và kiểm duyệt “các tác giả có cảm tình cộng sản” ; cấm và kiểm duyệt tất cả “những điệu cũ lời mới làm cho người nghe thiện cảm với cộng sản”; cấm và kiểm duyệt “bài hát mà nhạc và lời gây thiện cảm cộng sản”. Gần đây chúng cấm vở kịch “Người mặt cháy” của đoàn Việt kịch Năm châu. Năm Châu cách đây mấy tháng đã bị chúng bắt vì thích hòa bình. Vở kịch của Năm châu được mọi giới miền Nam nhiệt liệt hoan nghênh. Chúng liền cấm, lấy cớ là kịch “bắt nguồn ở một cuốn sách Nga Xô”. Chúng hốt hoảng giữa đám lửa cháy đỏ miền Nam do chúng gây nên, chúng quay lảo đảo trong một chế độ báp bênh, chúng nhìn vào đâu, chúng nhìn bất cứ việc gì cũng đều nhìn thấy là cộng sản cả. Trước đây, chúng đã từng cấm những điệu hát có nói đến hòa bình, cấm múa săn xuất, cấm nông - tác vũ và các điệu múa mà chúng gọi là “Vũ của ngoài vi tuyến 17”. Thanh niên nữ sinh các trường công tư ở Sài Gòn tin yêu cuộc đời tuổi trẻ và tương lai, cất tiếng hát yêu hòa bình thế là Mỹ Diệm bỗng và hỏi khẩu cung. Thật là bạo nghịch.

Dẫn những việc trên, để nắm quy luật phát triển của tội ác, và để thấy rằng:

Tiếng nói, lời hát, điệu múa, bản chất là lành, là thật - là đẹp. Nó chỉ này nở viên mãn trong những chế độ tốt.

Bản chất bọn Mỹ Diệm là ác, là dối, là xấu, cho nên nó sợ tất cả những cái gì là lành là tốt là đẹp, nghĩa là nó sợ những cái thật. Vì nó thích bắn súng đốt phố đốt làng, nên nó sợ tiếng nói và tiếng hát hòa bình. Cũng như bắt cứ người lương thiện nào khác, người cộng sản hay nói thật, hay nói thẳng, hay hát. Nó chống cái thẳng, cái thật, nó chống hòa bình vui tươi, cho nên nó bày ra “chống cộng” để lấy cớ mà bỏ tù được bắt cứ tiếng hát nào. Cái chế độ Mỹ Diệm ở miền Nam không muốn nghe hát, không muốn người nào hát nữa, tức là chính thức mặc nhiên công nhận cái quyền chửi rủa của mọi người nhất là những người làm báo và làm sân khấu ở miền Nam.

## SỔ TAY VĂN NGHỆ

Trong tháng này, vừa rồi đây, ở Sài Gòn bọn ăn cướp giết người, bọn đầy tớ phát xít, bọn phát xít Diệm đang luận về ý nghĩa cái thiện và cái chân ở đời. Chúng cũng nghe phong phanh rằng văn nghệ là quý giá, chúng cũng lوم bóm rằng văn nghệ quan thiết đến chính trị, nên một lần nữa, chúng lại đi sâu vào việc lừa bịp mọi người. Giám đốc Nha chiến tranh tâm lý, ngày 12-11, đã thuyết trình về “phong trào văn hóa văn nghệ bình dân”. Nó nêu lên năm tiêu chuẩn để làm bật lên tinh chất khoa học của văn hóa mới (?). Hãy ghi lại đây cái tiêu chuẩn thứ ba của Giám đốc chiến tranh trong bộ máy phát xít: “Văn hóa văn nghệ không phục vụ căm thù, mà là để xây dựng những thiện cẩn thiện mỹ, nuôi dưỡng tình cảm đẹp đẽ của con người...”.

Tư khi Hòa bình lập lại Mỹ Diệm liên tiếp ăn cướp đốt nhà, cưỡng bức mọi người phải đi với chúng, và giết người, giết rất nhiều người. Chế độ của chúng sặc

sụa mùi khói cháy và mùi thuốc súng, luôn luôn dội lên những tiếng chửi, tiếng thù oán. Cho nên ngày nay, nó phải dùng đến luận lý để lừa phỉnh thêm nữa. Nhưng nó dụng vào lý luận tức là nó càng lộ cái bản chất xấu, độc, ác của nó ra. Hãy nhớ lại một số việc nó đã làm.

Nó bảo rằng văn hóa văn nghệ không phục vụ căm thù. Nhưng từ khi có hiệp định Gio-ne-vơ, chúng nó đã 4000 lần vi phạm Hòa bình Thống nhất và đều có giết người. Những người bị chúng lấy “chiến dịch tố Cộng” chia vào, đều là những người mà chúng nó trả thù cho bằng được vì đã tham gia kháng chiến và ngày nay tha thiết với Hòa bình Thống nhất. Sự trả thù tàn ác của Mỹ Diệm nó làm có trình tự, cũng có thí điểm, cũng sơ kết rút kinh nghiệm và chia ra nhiều đợt. Trong quá trình trả thù ấy, chính tên giám đốc Nha chiến tranh tâm lý, đã bắt buộc các báo chí miền Nam phải tham gia vào các đợt chúng nó làm trả thù, ai không a dua với nó viết xã luận mạt sát xuyên tạc, nói lên viết lên những lời trả thù đối với những chiến sĩ Hòa bình Thống nhất thì nó gọi lên chửi mắng, ép đảo tinh thần, dọa đóng cửa báo chí! Nó bắt buộc phải nói sự thù hận chia rẽ. Ở các trường học, chúng nó bắt những trò nhỏ vẽ tranh nói lên những thu hận của những tâm hồn trẻ con nước ấy đối với những người đang xây dựng Hòa bình Thống

nhất. Rồi chúng nó in những sách phát riêng cho học sinh tập dượt làm thù hằn theo đường lối chúng vẽ ra.

Tóm lại, hành động của bọn Mỹ Diệm đầy rẫy tội ác. Tội ác của Mỹ Diệm xuất phát từ thù hằn và chia rẽ. Ai cũng biết cả. Ngày nay nó lý luận, lại càng lộ cái thực chất của nó ra. Nó định dựa vào lý luận để lấp liếm việc đã làm, nhưng lý luận đã quật lại nó.

## SỔ TAY VĂN NGHỆ

**N**gày đầu Đại hội các lực lượng Hòa bình tại Hen-sinh-ki vừa đây, Việt Nam chúng ta đọc báo cáo về tình hình thi hành hiệp định Gio-ne-vơ. Đại biểu 68 nước vỗ tay hoan nghênh rền trong 5 phút. Nhiều đại biểu tỏ lời cảm ơn Việt Nam và đặt những bàn tay ấm áp vào lòng tay phái đoàn Việt Nam. Sau ngày đọc bản báo cáo tại hội trường, tại một rạp chớp bóng giữa Thủ đô Phần Lan, chúng ta liền chiếu luôn phim màu “Việt Nam trên đường thắng lợi”. Đi sau bản báo cáo bằng chữ đọc lên ở Đại hội, những buổi chiếu bóng ấy có cái tính chất kể chuyện Việt Nam cho đại biểu thế giới hiểu thấu về đất nước, về nhân dân, về lãnh tụ và nói chung là về tất cả những công việc vĩ đại chúng ta đã làm trong kháng chiến và ngày nay tiếp tục hoàn thành cho kỳ được bằng phương pháp Hòa bình. Sau hai buổi chiếu phim màu, trước khi ra về, các đại biểu thế giới biểu hiện tình cảm với Việt Nam nồng nhiệt hơn nữa. Nhiều người bằng nhiều tiếng nói nhiều dân tộc thế giới đã đồng thanh nói: “Phim các

bạn hay quá. Đất nước các bạn tươi đẹp. Có rừng có bể có đồng. Sông núi, chim muông hoa quả, rất đáng yêu thích. Người Việt Nam rất đẹp. Nhân dân Việt Nam anh hùng và rất đẹp..." Lại được một dịp lớn để nhận những lời cảm ơn chân tình của đại biểu các nước. Bàn tay các đại biểu quốc tế nắm vào bàn tay đoàn Hòa bình Việt Nam, hôm ấy, thấy ám hơn nữa và để lâu hơn nữa. Ở tiểu ban trao đổi văn hóa của Đại hội có những đại biểu lên tiếng ca ngợi phim Việt Nam, và lên tiếng chống chiến tranh, đầy mạnh trao đổi văn hóa "vì nếu chiến tranh, nếu không thắt chặt quan hệ văn hóa được, thì những phim hay phim tốt như phim Việt Nam sẽ không phổ biến được ở các nước, và như thế là một điều thiệt thòi lớn cho văn hóa...".

"Phim mau "Việt Nam trên đường thắng lợi" là một phim do các đồng chí Liên Xô quay. Văn nghệ Việt Nam có cộng sự vào đây, nhưng phần chính vẫn là công phu của các đồng chí Các-men, I-ê-su-rin, Mu-kin, những đồng chí đã nhận những huân chương Lao động do Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Việt Nam trao tặng trong dịp Hồ Chủ tịch có mặt tại Mac Tư Khoa. Phim màu đó, bắt đầu thể hiện được trong những năm cuối kháng chiến, các đồng chí Liên Xô cũng gian khổ lăn lộn với thực tế Việt Nam để dựng nên. Hòa bình lập lại, các đồng chí càng hào hứng và càng khẩn trương hoàn thành. Các đồng chí bạn để

hết nhiệt tình vào phim, ngày đêm làm cho thật nhanh thật tốt “Xong sớm ngày nào, càng lợi cho việc tuyên truyền của ta ra thế giới”, các đồng chí nghĩ thế và nói thế. Nhiệt tình đó đã làm cho chúng ta có phim tốt đẹp kịp thời đưa ra chiếu ở những Đại hội quốc tế như Đại hội hòa bình Hen-sinh-ki, Đại hội Thanh niên Sinh viên thế giới ở Vác-sô-vi v. v... Mỗi buổi chiếu ra giữa các nước là mỗi lần chúng ta thêm được rất nhiều người bạn các nước tán thành và ủng hộ cuộc đấu tranh của Việt Nam. Nói một cách cụ thể khác, về mặt tuyên truyền ra ngoài phim màu ấy đã thêm cho ta một tài liệu rất nên thơ để tranh thủ rộng hơn nữa, sâu hơn nữa cảm tình của nhân dân thế giới. Cho nên, càng thấy rõ sự giúp đỡ vô tư của Liên Xô đối với chúng ta có từ lâu; nó thật là bao quát, cụ thể và có nhiều mặt. Tình hữu nghị Liên Xô đối với ta thật là một sự chí tình.

Phim màu “Việt Nam trên đường thắng lợi” làm cho chúng ta quý yêu đất nước chúng ta thêm hơn nữa, làm cho nhân dân thế giới cảm tình với ta nhiều thêm nữa, và càng thêm một dịp để chúng ta yêu mến nghệ thuật Liên Xô hơn nữa.

Sự yêu mến đây, cũng là lòng biết biết ơn Liên Xô và cảm ơn các đồng chí điện ảnh Liên Xô.

## ĐỐT X TÔI

(Trích)

**Đ**ốt như một rừng đại thụ. Nay giới thiệu Đốt mà trích một vài đoạn tiểu thuyết, có khác gì định đưa ra một cành cây, một thân cây để giới thiệu cả một cái rừng già phức tạp, thăm thẳm, mênh mông một triền rừng đại ngàn. Nhưng tôi tạm đưa ra nét lớn một tác phẩm để thấy cái cách Đốt biểu hiện tư tưởng qua nghệ thuật. *Tội phạm và trừng phạt* nói tôi đây, chưa là tác phẩm tiêu biểu nhất của Đốt, nhưng vẫn mang những ý chính về nhân sinh quan Đốt. Vả chăng cũng là một tác phẩm nhiều người trên thế giới đọc, và đọc giả Việt Nam cũng đã từ lâu nhiều người có đọc qua bản dịch tiếng Pháp.

*Tội phạm và trừng phạt* là một truyện dài mới đọc thì tưởng đâu như là một tiểu thuyết trinh thám có giết người, có tìm ra kẻ sát nhân và xã hội đã bò tù kẻ giết người. Nhưng đọc kỹ *Tội phạm và trừng phạt* cũng như khi đã đi sâu vào hệ thống tư tưởng và

phương pháp tư tưởng nói chung của Dostoevsky trong toàn bộ sáng tác của Đốt, thì thấy được cái chủ đề của tiểu thuyết.

Đây là chuyên một chàng sinh viên nghèo, cuồng chữ, đòi hỏi một thứ tự do tuyệt đối, rất ngông trong nhân sinh quan, và cái lý luân rất ngông kia đã đưa anh ta vào việc giết người. Sinh viên Raskolnikov nhán vật chính của tiểu thuyết có một cách nhìn cuộc đời, và chia con người ra làm hai thứ: 1) Hạng tầm thường; - 2 ) Hạng thoát tục. Hạng tầm thường chỉ sống để mà tuân theo cuộc đời, mặc dầu cuộc đời ấy là nhổ nhăng không đạo lý. Hạng thoát tục là những người dám nghĩ và dám tạo làm ngược lại tất cả những cái mà những người tầm thường khác nép mình theo mà sống một cách cẩu thả. Lý luận như thế, và tự cho mình phái bắt thiệp xuất chúng, anh sinh viên Raskolnikov đã cầm búa chém chết một mụ già cầm đồ lấy lãi. "Ta giết mụ ấy, số tiền lớn kia sẽ tán phát ra dùng được vào bao nhiêu việc tốt ở đời. So với trăm ngàn cuộc đời từ đây sẽ cứu vớt khỏi nghèo khổ, thì cái sinh mệnh mụ già bỉ ổi kia, có nghĩa lý gì trên cán cân thế sự?". Raskolnikov say sưa với những ý nghĩ anh hùng chủ nghĩa kiểu Nã Phá Luân đó. Đối với Raskolnikov, mụ cầm đồ kia là một trò lục mà những kẻ siêu phàm như anh phải vượt, mà chỉ có cách vượt bằng việc diệt nó đi. Raskolnikov

bảo rằng “không phải là tôi hành thích một mạng người, mà chính là tôi đã tiêu diệt một cái nguyên tắc”. Diệt xong cái gọi là nguyên tắc ấy, anh sinh viên cho là sẽ được toại nguyện trong cuồng vọng làm siêu phàm. Nhưng trong thực tế, từ sau khi anh muốn thoát ra ngoài những điều kiện làm con người, thì chính là lúc anh sinh viên kia tự thấy mình bị câu thúc tâm hồn và thân thể mình hơn lúc nào hết, hơn ai hết. Anh khổ sở và đã thú tội. Anh chỉ thú tội với một người tri kỷ thôi. Người mắt xanh đó là chị Sônia, một người mãi dâm vì phải nuôi cha và dì ghẻ. Sonia bảo Raskolnikov là bây giờ đã như thế, thì chỉ còn có ở tù để đền tội, nhận lấy sự khổ thống và tự cải tạo mình trên cái cơ sở đau khổ tự giác ấy, lấy hối hận mà chuộc lại lỗi lầm và lấy nó ra mà mua lại cái tự do thật sự cho tâm tư mình. Và Sonia đã tự nguyện đi theo kẻ tội đồ Raskolnikov sang đất trích Tây Bá Lợi Á và tự nguyện góp phần mình vào công cuộc tái sinh làm người của Raskolnikov.

Truyện còn nhiều nhân vật khác, nhưng nói chung, đều là những con người phá cách hết thảy. Và ánh sáng tỏa ra, ở đây, lại là từ cái tâm hồn một cô gái truy lạc Sonia mà Raskolnikov tôn trọng và gọi là “hiện thân của tất cả sự thống khổ nhân loại”.

Nói qua loa về *Tội phạm và Trừng phạt*, để mong muốn độc giả Việt Nam chúng ta còn có dịp đi vào pho

truyện *Anh em Karamazov* nó biểu hiện cái thế giới thị dục tới một mức khùng khiếp, và nó chứng thực cái thiên tài tạo tác của Đốt về mặt dựng truyện từ kiếp người. *Anh em Karamazov* là một thiên tuyệt tác của Đốt, hoàn thành nó xong thì Đốt tắt nghỉ, nghìn sau còn ngàn mài cái dư ba tiếng hát con thiên nga.

\*

\* \* \*

Nếu nhân vật của nhà tiểu thuyết Pháp Balzac có thể chia thành hai loại: một thuộc về hạng người có tài, hai là những con người thuộc về hạng người có chí, thì nhân vật của nhà tiểu thuyết Nga Dostoevsky cũng có thể chia làm hai loại: một là những con người khiêm nhượng, hai là những con người ngạo mạn. Tiểu thuyết bao giờ cũng cầu tạo những quan hệ giữa người này với người nọ, những quan hệ gia đình xã hội, những quan hệ giai cấp. Riêng với Dostoevsky, ta lại còn thấy có thêm một mối quan hệ nữa: mối quan hệ giữa cá nhân nhân vật với đích thân họ. Những nhân vật của Dostoevsky là những con người đại diện cho cái thế giới của lòng dục không bờ bến. Họ là những con người đòi hỏi những điều kiện làm người ở ngoài thực tại này. Dostoevsky đã tập hợp họ lại, rọi ngang vào họ một thứ ánh sáng. Mỗi nhân vật đều có

một vùng bóng tối rất quan trọng cho phạm vi hoạt động của họ, họ tẩm vào cái bóng ấy mà suy nghĩ hoặc hành động. Những tranh biếm họa của Leonard de Vinci cho ta thấy tất cả những cái gì là dị thường trong một thân hình con người, nó khác với cái thân thể bình thường hàng ngày. Cũng cái kiểu Leonard de Vinci đó, Dostoievsky đã tóm con người đúng vào cái phút nó cuồng nhiệt nhất, kích động nhất, đúng vào cái giây phút con người muốn vượt qua cái giới hạn những khả năng của con người.

Đánh giá kỹ thuật Dostoievsky dùng luật tương phản giữa ánh sáng và bóng tối để hiện thực con người, một nhà phê bình văn học đã so sánh kỹ thuật ấy với bút pháp tạo hình của họa sư Rembrandt cũng sử dụng ánh sáng tương phản với bóng tối. Nhân vật tranh Rembrandt là những vị thánh trong Kinh Thánh, nhưng lúc vẽ các thánh thì họa sĩ đã đi tìm mẫu người ở ngay những con người nhân dân lao động khuân vác ở bến tàu. Những mẫu nhân vật của Dostoievsky lấy ra ở những người nông dân Nga, và những người can ác, những người cờ bạc rượu chè, và dưới cái nhồn quan của Dostoievsky, những con người hả đáng của thời áp bức ấy đã trở nên những vị thánh sống đang hành một cái đạo sống. Do chồ cùng chung một nỗi điêu linh trong thân thế, cùng bị những thế lực của xã hội tiễn bắc xúc phạm và bức hiếp, cùng bị

dồn dập đến cái chõ đáo để nhất của sự sỉ nhục về nhân tình thế cõi, mà hai con người họa sĩ Rembrandt và văn sĩ Dostoevsky, trong cách biểu hiện thực chất con người, mặc dầu xa cách nhau trong thời gian và không gian đã cùng chung một nhận thức, một phương pháp về hiệu lực sáng tạo của thuật tượng phản. Trong những hình thù đê hạ nhất của cuộc sống, cả hai người đều tin ở cái phẩm chất con người, đều gạn ra được những cái chất đẹp, chất quý. Cũng như Rembrandt, từ trong những chõ tối tăm, Dostoevsky đã lọc gạn ra những nét sáng của con người.

Dostoevsky là một người không thích những gì là hòa hợp, và thường hay đưa ra những cái tương phản nhau. Bên cạnh những cái rất bay bổng, rất thiêng liêng, Đốt kèm vào những cái rất phàm tục thô bạo. Dostoevsky đã dùng lời nói để đi sâu vào con người. Lời nói tâm tư là cái công cụ có hiệu lực nhất để Đốt làm những cuộc thám hiểm vào lòng người. Có những nhà văn diễn tả chủ yếu bằng mắt. Đốt diễn tả bằng tai, đôi tai rất lạ của Đốt. Hình như Dostoevsky tự đặt cho mình một phương pháp làm việc chung với nhân vật mình, giao ước với nhân vật: các anh, các chị, các ông, các bà, tất cả lú bay cứ nói đi. Dostoevsky có cái tật nói nhiều, lăm lời, nói rất nhiều, bởi vì nhân vật của Dostoevsky vốn nói dài, có

những đoạn độc bạch (monologue) rất dài. Đốt lặng nghe rất kỹ và sau đó viết lại cho họ những lời họ đã nói. Cuộc sống của nhân vật hiện lên đầy đủ nhất là những lúc họ được nghĩ to lên, họ được say nói. Có một số tác phẩm Dostoevsky được đưa lên sân khấu như các tiểu thuyết *Tôi phạm và trừng phạt*, *Anh em Karamazov*, *Chàng ngốc*. Những phỏng tác kịch dựa trên tiểu thuyết nguyên thủy của Dostoevsky chứng tỏ cái khía ngón ngoại thần tinh của tác giả. Những mảng lớn tác phẩm của Đốt là những đoạn giao thoại rất có tính kịch, như là có thể cứ thế mà đưa lên sân khấu. Những người sành đọc tiểu thuyết của văn hào Tolstoi thường nói rằng trong tiểu thuyết chúng ta *nghe thấy* nhân vật động tiếng, có tiếng nói, vì chúng ta *đã trông thấy* nhân vật đó. Với Dostoevsky, chúng ta chỉ *trông thấy* được họ sau cái khi *nghe thấy* họ nói chuyện một mình một bóng, hoặc nói chuyện với nhiều người khác. Nhân vật Dostoevsky lúc im lặng, khi họ mà còn chưa cất tiếng lên chữ nào thì họ đều là những cái bóng cô hồn. Người đọc Đốt có cảm tưởng như mình bước vào một căn phòng mờ mờ tối, sự vật và con người đều lờ mờ hình nét, và trong đó người ta *nghe thấy* xì xào, không rõ những lời lẽ phao phao đó là của những ai. Rồi người ta quen dần dần với những con người đó. Hiệu năng gợi cảm và truyền cảm do lời nói của Dostoevsky làm cho nhân vật của

Đốt hiện dần lên và rực sáng lên như những thời sát nung đỏ. Nhờ có thị dục mà nhân vật Dostoevsky hiện lên rừng rực. Hình ảnh nhân vật Dostoevsky chỉ động chung quanh những vấn đề gì thuộc về dục tính. Ngoài dục tính, nhân vật Dostoevsky rất nhạt nhẽo, và thị dục đó, khi được nhân vật Dostoevsky biểu hiện một mình hoặc giao tranh với nhiều người khác, và lại được Dostoevsky lèn tiếng thêm cho, thì những lòng dục ấy trở nên sống động một cách ghê gớm. Lời nói của Dostoevsky có những thần hiệu đặc biệt về mặt hiện thực. Mỗi chữ trong câu, và từng tiếng đã chọn lọc đều có cương vị nhất định. Nếu trong một câu có những tiếng bò đi hoặc không phát âm lên là đều có nguyên do tâm lý, đều có sự bố cục. Những đoạn ngập ngừng, những lời lắp đi lắp lại, những chỗ giọng ngọng nghẹu, cũng là những điều cần thiết cho sự tính toán của nghệ thuật diễn tả. Lời nói dùng trong câu văn của Dostoevsky có những dáng dấp lúc bóng gió, lúc nặng nề ưu tư, lúc hồi hộp vì lo âu, lúc ghê sợ vì âm mưu nó đồn dập bao nhiêu những hành động sắp xảy ra. Qua lời nói của nhân vật Dostoevsky, không những người đọc biết nhân vật sắp làm gì mà lại còn thấy được cả những việc họ định giấu giếm, những cái ý nghĩ họ không dám thốt ra.

Khung cảnh bài trí ra để nhân vật Dostoevsky hoạt động, không phải là những phòng khách to,

những khách sạn lộng lẫy, những lâu đài những bàn giấy sáng sửa. Dostoevsky toàn dát chúng ta vào những căn nhà tồi tàn nhu sáp sụp đổ, nồng lên một mùi cồn rượu, những căn phòng chật như quan tài thửa sẵn cho một số người sống. Dostoevsky đưa ta vào những cái phố cái ngõ tối om, những cái cầu thang gác nhiều bóng đèn cảm động của tội lỗi, những xà lim ngực tối, xóm chơi, nhà chứa. Đôi lúc Dostoevsky cũng nói đến một cái bóng trăng suông trong đêm dài. Nhưng cái chính mà Dostoevsky muốn nói và chuyên nói đến vẫn là con người, con người và những chốn hạ tầng nhất trong nội tâm những người uất ức, đòi khát ở linh hồn. Những con người của Dostoevsky hiện lên trên một cái nền u ám của sự nghèo túng. Họ không được tự do xê đi xích lại trong cuộc sống thật, họ ở trong cái vỏ bì bên của thị dục. Nhân vật Dostoevsky đủ hạng: nhà quý tộc, gái đĩ, những viên chức các công sở, ông già, con trẻ, sinh viên, lái buôn, đám tôi tớ, những người đàn bà ho hao, rồi những người du thủ du thực, những người ngông nghênh, những người bất đồng và vô sở bất chí mà vị trí xã hội rất là phiền phức. Dưới nhiều hình thù các tầng lớp xã hội, nhưng họ vẫn chỉ là những hóa thân của một thứ con người khát vọng tìm chân lý của sự sống. Không còn gì quái rợn bằng cái sự tương phản giữa cái tiêu tụy bên ngoài như thế với cái say sưa có

tính chất tri tuệ và sự phong phú trong tâm lòng của các nhân vật chính và phụ của Dostoevsky. Đốt thường đem đối lập những cái cao siêu với những cái thông tục và đâm kích động vô cùng sự cảm nghĩ của người đọc. Cái không khí tiểu thuyết Dostoevsky rất hiện thực. Nhưng nó lại tạo cho người đọc có một cảm tưởng bỡ ngỡ, cho như đó là những sự việc xảy ra ở một cuộc đời nào ở ngoài cái cuộc đời ta đang thực sự sống đây. Tác phẩm Dostoevsky vừa cuốn hút người đọc, vừa làm người đọc khó chịu muôn lánh nó. Đọc Dostoevsky rất căng não và mệt trí. Cái khuyết điểm của cả cuộc đời Đốt và cả nghệ thuật Đốt nữa, là không có sự nghỉ hơi. Trong các sách của Đốt, không có thiên nhiên. Đốt cũng lại là một người không chan hòa với âm nhạc và hội họa. Phong cảnh thiên nhiên, Đốt không bao giờ chú trọng đến. Tự nhiên và vũ trụ của Dostoevsky chỉ đóng khung vào con người, một thứ con người u ám, một thứ phong cảnh thê lương trong nội tình một con người “nhân dục vô nhai”, cuồng tín, có lúc cổ lỗ trong tình ý cảm giác, sống sượng đời hỏi vô biên cho xúc giác. Họ là những con người toàn tâm linh và toàn thần kinh. Không bao giờ ta thấy nhân vật Đốt ngồi ăn ra sao, uống ra sao, và hình như không thấy lúc nào họ ngủ. Họ toàn là thức giấc. Họ đứng sững lại trong cuộc sống, họ chợt nhớ ra điều ấy để chạy như ma đuổi. Họ nói, họ cảm, lúc

nào cũng như lên một cơn sốt rung cả một cuộc sống bên trong lén. Họ đều là những người ngoa ngoắt, và trong nhân sinh quan, đều mắc cái bệnh viễn thị. Họ sống với cái tâm lý của người định làm tiên tri. Nàng Nastassia Philipovna, một nhân vật chính trong tiểu thuyết *Chàng ngốc* của Đốt đã nói: “Anh đẩy tất cả mọi cái lên thành ra sự khát vọng đầm đuối”. Đốt sáng tạo trong mê sảng, cũng như sống trong mê sảng, suy nghĩ trong mê sảng. Thế giới Đốt là do thi đục sáng thế ra. Cho nên muốn thông cảm được và đánh giá nó đúng, người đọc cũng cần phải dịch mình vào gần những xuất phát điểm thi đục ấy.

Chúng ta chớ nên quên rằng tâm trạng họ là những tâm trạng người Nga giữa và cuối thế kỷ XIX, vừa mới rút ra khỏi những tập tục của chế độ thị tộc, và họ đang ở tình trạng một nước chuyên chế chính trị, và chế độ nông nô chỉ mới chính thức băi bỏ từ năm 1865.

Những cái thám kịch của mọi con người nhân vật “ngồi không yên ổn đứng không vững vàng” kia, không tách rời vận mệnh của cả dân tộc. Họ đang hoang mang tìm đường. Trong một cái thế giới chưa biết rồi đây sẽ ra sao, họ có những khát vọng, và những câu hỏi họ đặt ra đều chưa có sự trả lời. Vì phòng trước mắt họ đã là hạnh phúc rồi, thì họ cũng vẫn chưa chịu ngừng đứng lại đâu. Họ cứ cho thế giới của họ

phải là ở cái nơi đâu đâu nó đau thương khổ náo kia. Họ là những con người của một cuộc khởi hành. Họ là những con người của một buổi giao thời. Mỗi nhân vật đều muốn duyệt lại các vấn đề cốt bản của cuộc sống, duyệt lại các giá trị tinh thần và vật chất.

Trên con đường đạo lý căm mốc từ mười chín thế kỷ rồi, mỗi nhân vật đặt xuống một cái thạch tiêu riêng của mình, mỗi người tự đặt riêng lấy một cái ranh giới cho thiện ác. Cho nên lấy lý trí, lấy cái lẽ thường ra mà tìm hiểu họ, thì khó mà thấy. Mà phải vận dụng rất nhiều đến cảm tính. Một nhà phê bình đã gọi họ là bệnh nhân của một nhà thương điên. Dưới thời đại tàn bạo Nga hoàng nó cưỡi lên ngồi lên nhân phẩm con người như thế, không điên sao được! Cái điên này, phảng phát cái kiểu điên trong truyện *Nhật ký người điên* của Lỗ Tấn. Cái thế giới Nga mà Đốt dựng lên là một sự hồn mang mènh mong. Họ là những người lý luận cao siêu nhưng cũng là những tâm hồn ngôẠI, thơ mơ, hồng hoang. Họ muốn nhiều thứ. Họ là những người kích thước quá khổ với cở loài người. Họ ầm ầm đi tới, xô tới, bất kể là trèo những đình cao siêu hoặc sa xuống vực thẳm. Họ khởi hành từ lòng nhiệt ái, từ một điểm đắm đuối gì, rồi đi tới hối lỗi, từ hối lỗi lại đi tới hành động, từ tội ác đến thú tội, rồi ngây ngất và gục xuống. Nhân vật của Đốt là những con người “đã không biết sống làm vui - tám

thân nào biết thiệt thòi là thương". Đó là những con người loli thôi của một cuộc trường chinh ngoài thực tại. Nhân vật của Đốt không ai hiểu đạt cả, - hiểu đạt hiểu theo cái nghĩa thông tục hệ lụy của cuộc đời. Họ là những người được sinh ra chỉ để mà sinh sự với cuộc đời. Họ sống để nêu một số vấn đề mà cả đời họ không giải quyết được. Cuộc sống có lúc muốn níu họ ngừng lại, nhưng họ bứt áo đi thẳng. Với cái khí chất xiaof của dân tộc, họ đi trên những vùng thảo nguyên vô tận.

Họ không đi vào thực tế, mà họ lại muốn vượt ra khỏi thực tế. Đời của họ, chỉ có ý nghĩa riêng đối với cái tâm tư khổ thống của họ. Danh vọng quyền thế, tiền bạc, những cái vưu vật ở thế gian này không có nghĩa gì đối với họ. Mời nhìn qua, thấy họ như là những kẻ dại dột. Trong nhân sinh quan vũ trụ quan của một nhân vật, trong cái nhân vật phức tạp ấy, tình cảm xung khắc và những ý trái ngược nhau đều được chung sống. Những cái đó cùng chung sống nhưng không chung sống hòa bình. Những con người siêu phàm trác tuyệt ấy không tạo cho người đọc một phút nghỉ ngơi nào. Những con người bất nhất trong cảm tính lý tính ấy, đúng là những con người của một giai đoạn giao thời của nước Nga đang chuyển mình trong những quan hệ mới của xã hội tư bản Nga.

Nhân vật Đốt, không người nào bình tĩnh yên thân và thành tựu. Chả có người nào tới đích cả. Họ là bệnh nhân của một thứ thời bệnh tại nước Nga quê hương của đau thương. Hãy nghe lời than của người say rượu Marmeladoff trong truyện *Tội phạm và trừng phạt*: “Anh có hiểu được cái nghĩa của câu này không: chẳng còn có nơi đâu mà đi về nữa?”.

Tác phẩm của Dostoevsky là những chứng cứ sâu sắc và lớn rộng, nó chỉ cho chúng ta sinh sau đẻ muộn trong một xã hội mà công lý và nhân đạo đã thắng thế, được thấy hết cái thảm kịch của nhân dân Nga sống trong sự sỉ nhục của một thời chuyên chế. Nhân dân nước Nga sống dưới sự roi vọt, dưới bóng các tròng treo cổ. Sống trong sự tan rã của các mối quan hệ phong kiến đang nhuường chỗ cho các mối quan hệ tư sản, hằng triệu con người thường dân Nga quần quại. Gorki đã nói về Dostoevsky: “Không thể không xuất hiện một con người, một thứ người mà tâm hồn phải là sự hiện thân của hồi ức về những đau khổ ấy và phản ảnh được cái kỷ niệm đó”. Gạt ra xong một số sai lầm của Đốt, rồi đặt Đốt vào bên cạnh Tolstoi, Gorki đã viết: “Vì hiệu lực của tài năng mà hai văn hào ấy đã hướng sự chú mục kinh ngạc của cả châu Âu vào nước Nga”.

Ngày nay, thời gian đã gột rửa cho Đốt cái điều mà, vì quen một nếp nghĩ, người ta vẫn nghèn nghẹn đổi

với tác phẩm của Đốt. Đốt mà người ta đã liệt vào loại tác giả bất lương vô đạo. Có lúc người ta còn mệnh danh Đốt là “nàng thơ của trại hủi”. Cũng như có lúc những người chủ quan đã nghiêm khắc phê phán nhân vật Đốt là một lũ người sống không có ý chí, một bọn thiếu tinh thần trách nhiệm với sự sống của đích thân mình và đối với cuộc sống nói chung của tất cả chung quanh. Người ta hẹp hòi nói rằng những nhân vật ấy không có giá trị đại diện gì cho sự sống và chúng chỉ là những con ác mộng. Đúng thế đấy, những con người ấy là những con ác mộng của nhân loại. Những con ác mộng của nhân loại ấy, ở một tỷ lệ hẹp hơn, cũng đã từng diễn ra ngay trên đất nước Việt Nam chúng ta trước ngày có Tổng khởi nghĩa, có Cách mạng giành lấy chính quyền. Ngày nay chúng ta chờ nên nhân danh cuộc sống đang được đà tiến lên mạnh này mà đã vội quên mất đi cái xã hội trước đây của chúng ta. Có thử nhìn lại cuộc sống chúng ta trước đây mười mấy năm thì chúng ta mới đánh giá đúng những thành quả của cuộc đời nhiều triển vọng của chúng ta ngày nay.

Trước đây, ta là những người rất khồ sơ, khá nhiều cuộc đời Việt Nam chúng ta cũng phảng phát những tâm trạng nhân vật Đốt. Cuộc sống hồi ấy là một sự giãy giụa quằn quại trong nhục nhàn, đau thương, tức thở, phản uất. Xã hội ta hôm nay là cái

xã hội có trật tự cách mạng, nhưng ngược lên mười hai năm trước đây, là tất cả một sự ối a ba phèng và thối nát, sự sắp xếp bảng giá trị con người rất là lộn nhào. Thời đại lúc ấy là thời đại của những thằng mệt thám bắt người yêu nước, có những năm, tù chính trị lên tới 10 ngàn người và, tử hình lên tới 699 án. Thời đại lúc ấy có những thằng chỉ làm bồi sǎm mà lại có quyền xin mè đay cho quan An Nam. Có những cô gái điểm mà nhân phẩm lại cao quý hơn những bà được triều đình Huế tặng bằng “tiết hạnh khả phong”. Có những con người ngày ngày soi gương vuốt mũi cho nhọn và ép mẹ ra tòa Sứ khai là Tây hiếp để được vào làng Tây. Có những con mụ trùm chợ đèn chợ đồ, đưa vào phát xít để hành hạ những người tiểu thương đi điều khiển giá hàng lậu, xe hòm kính hai bên hai cờ Nhật. Có những con mụ tích trữ giấy in nhật trình hông hách hơn cả sở kiểm duyệt thực dân. Rồi những học thuyết định mệnh được in ra rất nhiều. Giấy bạc lạm phát nhiều hơn cả lá rừng. Trường nữ sinh là một chốn để con mụ đốc học ăn tiền hoa hồng dắt gái cho một tên Thống sứ quỷ sứ không có lông mày. Người ta nhảy đầm, người ta đánh cá ngựa, người ta lột nhau trong sòng tài sản, người ta làm nghệ thuật vị nghệ thuật. Cuộc sống rất là thiếu não nhưng người ta hát vang “Sảm Sơn vui thú biết bao!”. Trại tập trung ngày càng nhiều, bạn bè đi lưu xứ phát vãng cứ vợi vợi đi. Sự khủng bố của đế quốc lại có những khía tinh vi có hệ thống. Cờ bài rượu, cờ bài thuốc phiện

mở ra rất nhiều để đắp vào khoản ngân sách tiêu cho bộ máy chỉ điểm đội xếp lính tập mỗi ngày một tăng. Những người khinh bỉ cay độc nhất cái bọn bất lương làm với Tây để hại ta nhất thì, trào phúng rót nước mắt thay! Lại chính là những người đã bỏ tiền túi ra nuôi chúng, họ đã hút rất nhiều thuốc phiện, họ đã uống rất nhiều rượu ty. Trong một năm 1939 (tức là năm có đạo dụ cấm tuyên truyền chủ nghĩa Cộng sản, và cũng là năm Toàn quyền Đông Dương ký nghị định tịch thu và phát mại các tài sản của Đảng Cộng sản Đông Dương) - chúng nó đã bán ra gần 39 triệu lit rượu cồn và 70 tấn thuốc phiện ty. Lúc ấy trông đến cái gì cũng thấy sợ. Ai ai cũng bắt nạt ăn hiếp được mình. Trong cái cuộc sống lộn tung phèo nhύc xương ấy, có nhiều chàng trai thời ấy đã đọc Dostoevsky. Có nhiều thanh niên trí thức vào tù ra tội vì nghĩa lớn, đã thương cảm sâu sắc với cuộc đời và tác phẩm Đốt. Cũng có những chàng trai chưa có ý thức làm Cách mạng nhưng đã là những người đồng điệu nổi loạn của Đốt. Họ đã gặp những cái tư tưởng nổi loạn của Đốt nó chống lại cả một thứ trật tự giả tạo bất công, chống lại một thứ luân lý trái đạo lý làm người, và cuối cùng họ đã gặp những cái triết lý về sự khổ thống nó bằng bạc trong tiểu thuyết Đốt. Qua tác phẩm, hình như Đốt đã bảo riêng những người độc giả Việt Nam lỡ độ đường hồi ấy: "Chúng ta đau khổ, vậy là chúng ta tồn tại", hoặc: "Trên mặt đất này, chỉ trong đau khổ người ta mới thấy sự yêu thương nhau".

Nhiều lúc sự đau khổ kia đã đẩy người ta đi sâu vào thói quen tật xấu và tà dâm. Có người cũng muốn bắt chước những linh hồn siêu phàm bạt tục ngạo mạn như Raskolnikov của Dostoevsky. Người ta nguyên rúa cái xã hội Việt Nam đã bắt đầu lấy tiền bạc ra để nạt người để giết người như trong tiểu thuyết "*Chàng ngốc*" của Đốt. Rồi vẫn cái tiếng nói của Đốt nhắc lại mãi "Người cứ đau khổ đi đă, vậy là người tồn tại đó".

Nhưng mà ngày nay đây, chúng ta nhìn Đốt phải khác đi, rộng rãi hơn và sâu sắc hơn, đúng hơn. Ta đến với tác phẩm Đốt bằng cái thái độ của một người muốn gộp cái phần thiện ý và chân cảm của mình vào một việc sửa sai đối với một giá trị văn hóa đã được Hội đồng Hòa bình Thế giới khôi phục trước nhân loại. Cái vấn đề chính của Đốt không phải là tại vì cái triết lý nào đó nêu ra trong truyện, không phải là tại vì đã nêu ra một phương pháp duy tâm sai lầm nào để giải quyết sự sống trắc trở. Cái vấn đề của Đốt chính là nằm ở cái chỗ đã giúp ta thấy được những khát vọng cao cả của con người đối với chân lý, với tình yêu, với hạnh phúc. Cái thiên tài sáng tạo của nhà nghệ thuật vĩ đại Dostoevsky đã át hẳn con người tư tưởng ở Đốt. Con người tư tưởng ở Đốt có lầm lêch vì đã sống trong một thời tăm tối, chưa lấp ra ánh sáng. Cũng như Tolstoi, Đốt nhìn rõ cái đêm sâu, trong đó quần quại nhân dân Nga; nhưng Đốt không chỉ cho mọi người thấy được các ngôi sao sáng vẫn nháy nhánh trong đêm tối. Cái giá trị của Đốt

vẫn là nhận được ra cái đêm dài thế kỷ đó, và đánh thức mọi người chờ sáng. Vươn lên một cuộc đời toàn đắng cay ấy, Đốt vẫn có những điều tin yêu lạc quan với sự sống. Đốt đã từng nói: "Con người lang thang thất thểu của nước Nga thấy cần phải có hạnh phúc cho tất thảy thiên hạ thì mới nguôi lòng". Ngày nay con người Việt Nam vừa kinh qua một cuộc Cách mạng, vừa qua một cuộc Kháng chiến, đã nhận thức đầy đủ cái ý nghĩa của sự chết, sự sống qua một cuộc chiến tranh bom đạn lửa, ngày nay con người Việt Nam có những kinh nghiệm thực tế về xây dựng cuộc sống. Thời đại này người Việt Nam có những khát vọng khác, có những tấm lòng nhiệt ái khác, có những lo nghĩ khác. Đọc Đốt, không còn có cái cảm xúc ghê sợ nữa. Mà chúng ta cảm thấy như là vừa đi tham quan một cái bảo tàng viện về tâm khổ của con người thời Tiên Cách mạng. Cái cảm xúc lớn lao ấy do thiên tài nghệ thuật Đốt tạo ra cho chúng ta. Mới hay Đốt đã vận dụng được bao nhiêu yếu tố của trí tưởng tượng mènh mong của mình để phụng sự cho chủ nghĩa hiện thực, xứng đáng làm người thừa kế về truyền thống hiện thực của Pouchkine, Gogol. Con số hai mươi vạn trang in sáng tác lúc nào cũng vội vàng liên tiếp viết ra cho đến lúc sáu mươi tuổi tắt nghỉ, chứng tỏ một sức lao động phi thường của văn hào Dostoievsky. Bằng lao động nghệ thuật, Đốt đã tham gia vào cuộc sống xã hội. Đốt đã đưa ra những sắc thái độc đáo của chủ nghĩa nhân đạo và trong sự

nghiệp lập ngôn, có nhiều kỳ công. Tác phẩm của Đốt là một ký sự trường thiêng về cuộc đấu tranh của con người chống lại những bạo lực của bóng tối. Ở ta cái bóng tối ngày nay vẫn còn đe dọa cuộc sống một nước Việt Nam nửa hòa bình nửa chiến tranh. Tác phẩm Đốt đã gợi nhắc, đã cảnh cáo cho ta thấy được con người đã có thể hôn mê sa xuống vực thăm dến như thế nào. Đọc lại Đốt hôm nay, có nghĩa là ta được yên chí sống cuộc đời có ánh sáng bây giờ, và đồng thời rất có ý thức trong việc chặn lại mọi bàn tay máu của bóng tối muốn quờ quạng vào sự sống đang vươn lên của tất cả mọi người.

*Hà Nội, Câu lạc bộ “Đoàn kết” 21-XII-56*

Tái bút: - *Về thiên tài Picátxô, về thiên tài Đốtxtôi, thiên hạ ở Âu ở Mỹ viết rất nhiều. Dếm sao cho xuể những bài những cuốn viết về Đốtxtôi, những tiểu luận về bậc thầy kỳ tài Đốtxtôi. Ở Hà Nội đã khôi người say Đốtxtôi, thuở ấy tôi cũng là một chàng trai mê Đốt. Những năm nhiều nhương Nhật Pháp lùng bắt nhiều người “An Nam”, Tây cho tôi vào tù. Ngoài quà bánh gói vào sở Liêm phóng cho tôi, cha tôi còn gói một lá số Tử vi; và có cả ba cuốn tiểu thuyết Nga cũng là cuốn ký sự trại giam Xibêri (theo lời yêu cầu của tôi). Tháng mệt thăm ta dắc lực của Tây xem lá số Tử vi, xem xem bốn cuốn của Đốtxtôi, cười cười rất*

*lưu manh: "Số của ông tuy có quý nhân phù trợ, nhưng vẫn không thoát tù đây... Vào đây mà còn mang sách tác giả Nga vào theo, đi tù, còn oan nỗi gì..." (Chả cần phải nói thêm rằng thằng chó săn này sau Cách mạng ta thanh toán).*

Tù về, quản thúc, lại vẫn đọc tiếp Đôtxtôi và đến kháng chiến chống Pháp, lén rừng, băng đi không nghỉ thêm gì về Đôt nữa. Cho tới sau Đại hội lần thứ hai mươi Đảng Cộng sản Liên Xô, mới thấy chó này chó kia nói rằng truyện của Đôtxtôi tái xuất hiện nhiều nhiều ở các thư viện nơi quê hương Đôt, và sau tiếp quản Thủ đô hai năm, tôi được mời tới buổi lễ kỷ niệm Đôtxtôi để nói về đại văn hào. Vừa nói vừa đọc (như trên).

Sách đã viết về Đôtxtôi rất nhiều, tôi cũng chỉ biết được một số nào thôi, cuốn nào cũng đều có phân tích về thế giới tiểu thuyết, về bút pháp về kỹ thuật nghệ thuật của Đôtxtôi. Tôi ngờ rằng một số từ một số ảnh cùng là hình tượng nào đó đã nhập vào trong bài viết tôi đọc ở buổi kỷ niệm gần ba chục năm nay. Lấy và mượn của ai, ở đâu ở cuốn nào thì cứ dẫn ra thôi, chứ có gì và có sao đâu. Tôi một nỗi là chỉ mang máng ngờ, chứ thật ra cũng không nhớ được ở đâu và là của ai nữa.

Vậy mong bạn đọc lượng tình cho.

## ĐỌC LẠI TRUYỆN “GIÔNG TỐ”

**T**iểu thuyết *Giông tố* dài 30 chương và thêm một đoạn kết, nhưng sự việc xảy ra trong một thời gian cũng ngắn vậy. Như lời Vũ Trọng Phụng ghi vào lòng truyện, sự việc mở ra vào tháng 10-1932 và kết thúc vào mùa hè 1933. Những niên hiệu này nói lại rất nhiều về hoàn cảnh chính trị và xã hội nước ta lúc bấy giờ.

(...) Tiểu thuyết *Giông tố* gồm nhiều thứ người: thôn quê, thành thị và cả những nhân vật từ quê ra ở tỉnh. Có người là thôn nữ bị bán làm lê thứ mười hai cho nhà giàu, có người là thư ký, có người là du thủ du thực, có người là gái tân thời, có người là đốc học, có người làm cách mạng. Nhưng trội lên hết để người đọc suy nghĩ, để người đọc nhớ lại mà đặt thành vấn đề thì có hai nhân vật Thị Mich và Nghị Hách.

(...) Thấy rõ thực dân cai trị, một mặt đàn áp, bắn giết những người chống lại trật tự của chúng; một mặt khác, chúng tạo ra một bọn tay sai trác tráo. Nhưng

sự tràng tráo bẩn thùi của những kè chỉ sống với đồng tiền, lấy đồng tiền ra mà bắt nạt, ăn hiếp cuộc sống, điều khiển cuộc sống, đặt cho cuộc sống một khuôn phép theo đồng tiền bóp nặn ăn cướp được, cái sự tràng tráo áy (như đoạn văn trích trên đây của thiên truyện XXI), sự tràng tráo của cái xã hội lấy của đè người áy lại còn lèn tới cái mức mặt dạn dày vô liêm sỉ cao độ mà chỉ có ngoi bút Vũ Trọng Phụng mới phân tích nổi và tổng hợp được hết ở chương XXIX. Sau những tình tiết phức tạp của truyện (chính cuộc đời riêng của Nghị Hách là một sự phức tạp kinh rợn nhợp nhúa). Nghị Hách đã biết Long, cái người bị y cướp vợ kia, lại chính là con giai y mà y vẫn gả con gái của y cho Long như thường, và tràng tráo đến cái mức quảng cáo cho y bằng sự công nhận việc loạn luân đó giữa một bữa tiệc khoe mẽ đay, sau một cuộc phát chấn giả nhân giả nghĩa cho 4.000 người, chính những người y đã bóc lột và đầy đọa.

Chương này gần kết thúc *Giông tố*, đọc đến đây, thấy sơ Vũ Trọng Phụng. Trong các tác phẩm của Vũ Trọng Phụng, *Giông tố* là một chuyện dài đại diện rất nhiều cho tư tưởng tiến bộ và thái độ phê phán của nhà tiểu thuyết trước cuộc sống đảo điên của thời áy. Nhưng trong *Giông tố*, chương này là cái đoạn mà thấy tác giả mạnh nhất và cao tay nhất về nghệ thuật. Tôi vừa nói là sơ Vũ Trọng Phụng. Sơ, hiểu

theo cái nghĩa của những người trong nghề nghiệp văn chương biết kính phục trước một tài nhân, một chân tâm, một cái uy tín trong văn học cận đại nước ta. Trong dịp kỷ niệm Vũ Trọng Phụng này, sự kính phục ấy càng có nghĩa là sự thương yêu, kính trọng và nhớ tiếc không biết đếm đâu cho hết được.

\*

\* \* \*

Nói chung về tác phẩm Vũ Trọng Phụng và cả con người tác giả, lúc sinh thời và cả sau lúc nằm xuống để đường hoàng đi vào cõi bất diệt của văn xuôi Việt Nam, rất nhiều người đọc hay bàn tâm về cái khía dâm trong bát cứ trú tác nào của Vũ Trọng Phụng. Bận tâm đến cái mức độ ngộ nhận những văn phẩm có chân giá của hiện thực phê phán kia đều là những dâm thư. Những đoạn gọi là dâm ấy mà có vì sự cần thiết của cơ cấu một truyện dựng thì đây cũng chỉ là những hiện tượng. Thực chất của văn phẩm Vũ Trọng Phụng là vượt lên những hiện tượng ấy để nói một cái gì rất lớn và nói lên cái hoài bão rất lành, rất đẹp của tác giả.

Riêng về *Giông tố*, truyện dài đã đóng băng một việc tiêu cực tự hoại thân thể, và cũng mở đầu bằng một cuộc cưỡng dâm thô bạo có trả tiền. Rồi lại tiếp

diễn những cuộc tiền dâm hậu thủ và thông dâm, và vân vân. Nhưng cái chính không phải ở đây. *Giông tố* có nói đến nông dân, nhưng cái nhìn của Vũ Trọng Phụng còn chuêch choạc. *Giông tố* có nói đến chiến sĩ cách mạng, nhưng cái nhìn của Vũ Trọng Phụng còn viển vông, phiêu lưu. Cái mà Vũ Trọng Phụng đánh đánh trúng nhất trong *Giông tố* là đánh vào cái sự trâng tráo tàn bạo của thế lực đồng tiền, của những thế lực phản bội đã dựa vào để quốc và định cầm cân nẩy mực cho sự sống và ngự trị lên trên cái giá trị thật của đời sống. Cái mà Vũ Trọng Phụng xưa kia đã dành cái phần tráng kiện trong nhơn lực và bút lực để tấn công vào, vì hạnh phúc và công lý, thì ngày nay cuộc cách mạng của ta đã dồn nó vào chỗ Mỹ Diệm. Vũ Trọng Phụng mà còn, còn đánh nhiều thêm bằng nhiều truyện nữa, còn đánh mạnh hơn bao giờ hết và đánh cho kỳ hết. Không những đánh, mà Vũ Trọng Phụng còn kiến thiết nữa.

Nhân dân, số 966 ngày thứ bảy  
27.10.1956

**HƯỚNG ÚNG KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC  
NĂM 1956**  
**HIỆU TRIỆU CỦA BAN CHẤP HÀNH  
TRUNG ƯƠNG HỘI VĂN NGHỆ VIỆT NAM**

**C**ùng toàn thể anh chị em Văn, Họa, Nhạc, Kịch, Điện ảnh, Nhiếp ảnh.

Năm 1956 mở đầu với “Kế hoạch nhà nước 1956” của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nhằm cản bước khôi phục kinh tế ngang mức trước chiến tranh và bước đầu phát triển văn hóa.

Kế hoạch nhà nước 1956 có một ý nghĩa lịch sử to lớn. Thực hiện được kế hoạch này tức là chúng ta hàn gắn những vết thương chiến tranh, nâng cao dân đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, do đó củng cố miền Bắc về mọi mặt, để làm cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh của toàn dân đặng củng cố hòa bình và thực hiện thống nhất nước nhà.

Nhận rõ tầm quan trọng của “Kế hoạch nhà nước 1956”, kế hoạch đầu tiên của dân tộc, toàn dân ta đã

hưởng ứng nhiệt liệt, và thực tế ngành nào ngành nấy đã sôi nổi bắt tay vào việc thực hiện. Trên nửa phần đất nước được hoàn toàn giải phóng, dưới chế độ Dân chủ Cộng hòa, ở đồng ruộng, rừng sâu, trong hầm mìn, trong các nhà máy mới được khôi phục, các nhà máy mới đang vươn lên, trong những phòng thí nghiệm của các nhà trí thức, trên những ghế của nhà trường, trên trường kinh doanh công thương nghiệp, trong các đơn vị quân đội, khắp nơi từ thành thị đến nông thôn, từ đồng bằng đến miền núi, trên sông, ngoài biển, đồng bào chúng ta đang khắc phục mọi khó khăn, quyết tâm hoàn thành và hoàn thành vượt mức "Kế hoạch nhà nước 1956" với cái khí thế của những người chiến thắng, chiến thắng kẻ địch phá hoại và chiến thắng thiên nhiên.

Dân tộc chúng ta mở một trang sử mới, tiến lên một giai đoạn mới. Bộ mặt nước Việt Nam đang thay đổi từng giờ, từng ngày trong quang cảnh toàn dân thi đua rầm rộ, say sưa, tự hào là chủ nhân một quốc gia giàu đẹp. Họ là những người sáng tạo những bản anh hùng ca mới, hùng tráng như thiên anh hùng ca của cuộc kháng chiến chín năm.

Một chân trời bao la, bát ngát, muôn màu muôn sắc nở ra trước mắt giới văn nghệ. Tất cả chúng ta đều phấn khởi, hào hùng, thấy rõ trách nhiệm và vinh

dự được góp phần mình vào cuộc đấu tranh thực hiện kế hoạch.

Thay mặt toàn thể anh chị em văn nghệ từ Bắc đến Nam, Ban chấp hành trung ương Hội văn nghệ Việt Nam nhiệt liệt hoan nghênh “Kế hoạch nhà nước 1956” và kêu gọi toàn thể anh chị em ra sức công tác, sáng tác, biểu diễn, ca ngợi, động viên, cổ vũ, phục vụ nhân dân lao động chiến đấu xây dựng đất nước.

Anh chị em miền Nam hãy thúc đẩy nhân dân ủng hộ kế hoạch tích cực đấu tranh cho thống nhất. Anh chị em miền Bắc hãy nghiên cứu, học tập đường lối của kế hoạch, tổ chức đi vào thực tế, nắm lấy điển hình những con người mới, những tình cảm mới, biểu hiện những anh hùng của thời đại đang xuất hiện và còn xuất hiện nhiều trong đợt cải cách ruộng đất “chiến dịch Điện Biên Phủ chống phong kiến”, trong phong trào sản xuất nông nghiệp, công nghiệp trên các công trường xây dựng, trong công cuộc nghiên cứu, phát minh, sáng chế của các nhà lao động trí óc. Chúng ta hãy dùng biểu diễn, sáng tác, biểu dương, phát huy lòng yêu nước nồng nàn và những thành tích rực rỡ của tất cả gái trai già trẻ ưu tú của nước Việt Nam muôn ngàn lần yêu quý của chúng ta.

Để hoàn thành nhiệm vụ của văn nghệ phục vụ “Kế hoạch nhà nước 1956” chúng ta hãy cống cố và

mở rộng Mặt trận văn nghệ, thúc đẩy nhau, giúp đỡ nhau, góp ý kiến xây dựng cho nhau. Dưới sự lãnh đạo của Hồ Chủ tịch, Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa, chúng ta luôn luôn tích cực và tuyệt đối tin tưởng, cùng nhau phấn khởi tiến lên. Mở đầu năm mới, chúng ta chúc cho nhau thành công và lớn mạnh.

*Hà Nội ngày 30-1-1956  
Ban chấp hành Trung ương  
Hội Văn nghệ Việt Nam  
Tổng thư ký  
Nguyễn Tuân*

**DIỄN VĂN KHAI MẠC CỦA  
ÔNG NGUYỄN TUÂN - TỔNG THƯ KÝ  
HỘI VĂN NGHỆ VIỆT NAM**

*Thưa quý vị đại biểu!*

*Thưa các bạn thân mến!*

Hôm nay, Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ hai khai mạc giữa Thủ đô Hà Nội, anh chị em chúng ta họp mặt trong bầu không khí thân ái nhiệt tình thật chưa từng thấy.

Trong dịp khai mạc Đại hội hôm nay, toàn thể giới văn nghệ sĩ vui sướng hoan nghênh Thủ tướng Phạm Văn Đồng, đồng chí Trường Chinh, phó Thủ tướng Võ Nguyên Giáp. Sự có mặt của các vị làm cho tất cả anh chị em văn nghệ chúng ta phấn khởi và tin tưởng.

So với lần Đại hội trước thì lần này đại gia đình chúng ta thật đã đông vui, đã một bước trưởng thành. Tôi xin thay mặt Ban chấp hành Hội Văn nghệ Việt Nam và Ban trù bị Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần

thứ hai trân trọng giới thiệu và chào mừng các vị đại biểu:

- Của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
- Các vị đại biểu của Trung ương Đảng Lao động Việt Nam và các đại diện các Đảng phái và đoàn thể trong Mặt trận.
- Các vị đại diện Chính phủ, Ban thường trực Quốc hội, Quân đội nhân dân Việt Nam.
- Các đồng chí chuyên gia văn hóa và nước bạn.

Và nhât là các đồng chí đại diện đoàn Bình kịch Cáp Nhĩ Tân đã đem vào Đại hội tất cả cái nhiệt tình hữu nghị thăm thiết của nhân dân Trung Quốc.

Trong đại gia đình văn nghệ, chúng tôi nhiệt liệt chào mừng các vị lão thành văn nghệ, các nhà văn, nhà mỹ thuật, các nghệ sĩ đã hàng mấy chục năm góp công sức xây dựng những bước đầu cho nền văn nghệ hiện nay của chúng ta.

Nhiệt liệt chào mừng các bạn văn nghệ sĩ đại biểu anh chị em văn nghệ trên các chiến trường miền Nam về tập kết.

Nhiệt liệt chào mừng các bạn văn nghệ sĩ các dân tộc anh em ở miền Đông, miền Tây Nam Bộ, ở Tây Nguyên, các dân tộc Mường, dân tộc Thái ở Khu tự trị Thái Mèo, các dân tộc Tày, dân tộc Mán, dân tộc Nùng ở Khu tự trị Việt Bắc.

Nhiệt liệt chào mừng sự có mặt ở đây một lực lượng văn nghệ tươi trẻ, hùng hậu, là các bạn văn nghệ sĩ trong quân đội trẻ tuổi, hùng mạnh của chúng ta.

Nhiệt liệt chào mừng hết thảy các bạn văn nghệ sĩ các khu, các vùng trong miền Bắc đã được tập họp, đoàn kết đông đảo từ sau hòa bình.

Lúc này, trong khung cảnh ấm áp, đoàn kết, trước nhất chúng ta chạnh nhớ miền Nam ruột thịt, và các bạn văn nghệ của chúng ta đang phải sống dưới chế độ hung bạo của Mỹ-Diệm. Chính quyền miền Nam đã không dám để anh chị em văn nghệ sĩ trong Nam ra tiếp xúc, trao đổi, liên hoan với chúng ta trong dịp họp mặt Đại hội này, thật rất đáng tiếc. Bất cứ một âm mưu nào toan ngăn cách cản trở cuộc sống giao lưu văn hóa bình thường của dân tộc đều là những tội ác mà không một người Việt Nam nào tha thứ. Và những âm mưu đó nhất định thất bại. Và hết thảy chúng ta đều hy vọng rằng chỉ trong một tương lai gần đây, chúng ta nhất định phải được gặp gỡ anh chị em văn nghệ sĩ của chúng ta ở trong Nam.

Trong hơn tám năm, từ Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ nhất tới Đại hội này, hàng ngũ chúng ta đã lớn mạnh rất nhiều, nhưng cũng đã mệt mỏi, đau xót. Trong kháng chiến, ở dịch hậu, trên mặt trận, trên đường công tác, nhiều anh chị em chúng ta đã hy sinh vô cùng dung cảm.

Các nhà văn nhà thơ Trần Đăng, Nam Cao, Thời Hữu, Nguyễn Đình Thư, Nguyễn Văn Xe.

Các họa sĩ Tô Ly, Nguyễn Đức Vinh, Tô Ngọc Vân.

Các nhạc sĩ Lê Trần, Nguyễn Mỹ Ca, Nguyễn Hồng, Bằng Cao.

Hai đội Văn công địch hậu của Thừa Thiên và của Trung đoàn Lao Hà, đội chiếu bóng đầu tiên của Liên khu V đã hy sinh trong khi đi công tác trên mặt trận.

Và còn nhiều bạn công tác văn nghệ ở các địa phương, ở cơ sở huyện, xã mà chúng ta chưa thu thập được hết danh sách. Tất cả các bạn ấy hôm nay không còn có mặt ở đây, nhưng tinh thần các bạn đã vào lịch sử văn học nghệ thuật Việt Nam kháng chiến, đã thể hiện ở ý chí phấn đấu và tinh thần đoàn kết nhất trí trước kia và trong cuộc họp mặt to lớn hôm nay. Chúng tôi đề nghị tất cả chúng ta một phút đứng dậy tưởng nhớ những người đã khuất.

Đại hội lần này của chúng ta họp trong lúc toàn quốc đương tiến sang một giai đoạn cách mạng mới, công tác văn học nghệ thuật chúng ta cũng đương trong đà nỗ lực tiến lên. Đại hội này là một cái mốc đánh dấu ở đây bước đường hơn 10 năm qua. Chúng ta sơ bộ kiểm điểm, bước đầu đánh giá, rút kinh nghiệm. Trên cơ sở những kinh nghiệm đầu tiên nhưng cũng rất phong phú, chúng ta sẽ đề ra nhiệm

vụ, phương hướng công tác mới trong hoàn cảnh mới. Một mặt khác, công việc ngày một lớn, yêu cầu ngày một cao, lực lượng ta ngày càng đông đảo, cho nên, để thích ứng hoàn cảnh mới, chúng ta cũng phải thảo luận và quyết định những tổ chức mới thuận tiện cho sự phát triển và hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ mới của chúng ta. Do đó, Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ hai có một ý nghĩa quan trọng. Sự thành công của Đại hội này sẽ mở ra cho chúng ta những triển vọng mới rất to lớn trong công cuộc xây dựng văn nghệ dân tộc. Các tầng lớp nhân dân mong mỏi nhiều ở chúng ta. Anh chị em văn nghệ ở khắp miền Bắc, anh chị em văn nghệ ở miền Nam, anh chị em văn nghệ ngoài nước đang dõi theo những cuộc thảo luận của chúng ta và chờ đón những nghị quyết của Đại hội. Chúng ta hãy phát huy truyền thống vẻ vang của văn nghệ cách mạng và kháng chiến đem tinh thần đoàn kết, dân chủ và xây dựng, làm cho Đại hội chúng ta thành công rực rỡ.

Thay mặt Ban Chấp hành Hội Văn nghệ Việt Nam và Ban trù bị Đại hội, tôi xin trân trọng tuyên bố khai mạc Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ hai.

## THẠCH LAM

Trong văn học Việt Nam trước Cách mạng 45, Thạch Lam là một trong số những nhà văn được nhiều cảm tình của người đọc. Lời văn Thạch Lam nhiều hình ảnh, nhiều tim tài, có một cách điệu thanh thản, bình dị và sâu sắc. Dưới cái hình thức không những thoát ra khuôn sáo cũ của cách hành văn đương thời mà lại có rất nhiều đức tính sáng tạo ấy, văn Thạch Lam đọng nhiều suy nghiệm nó là cái kết tinh của một tâm hồn nhạy cảm và từng trải về sự đời. Thạch Lam có những nhận xét tinh tế về cuộc sống hàng ngày. Xúc cảm của nhà văn Thạch Lam thường bắt nguồn và nảy nở lên từ những chân cảm đối với những con người ở tầng lớp dân nghèo thành thị và thôn quê. Thạch Lam là một nhà văn quý mến cuộc sống, trang trọng trước sự sống của mọi người chung quanh. Ngày nay đọc lại Thạch Lam, vẫn thấy đầy đủ cái dư vị và cái nhã thú của những tác phẩm có cốt cách và phẩm chất văn học. Mặc dù in ra ít, sách Thạch Lam có đánh dấu lại được cái tâm hồn súc

tích, rộng rãi và tiến bộ của một nhà văn xuôi chân chính.

\*

\* \* \*

Thạch Lam sinh năm 1909, mất năm 1942, sự nghiệp văn học gồm truyện ngắn, truyện dài, truyện thiếu niên và những bài bình luận văn học. Tác phẩm đầu tay là một tập truyện ngắn in năm 1938, tập *Nắng trong vườn*. Và sau đó, tiếp theo luôn hai tập truyện ngắn *Gió đầu mùa* và *Sợi tóc*.

Thạch Lam có viết sách cho trẻ em. Cuốn *Quyển sách* và cuốn *Hạt ngọc* tả cảnh thôn quê cốt giới thiệu cảnh làm lụng nông thôn với một chú bé quen sống ở thị thành.

Tiểu thuyết dài của Thạch Lam in năm 1939, và Thạch Lam cũng chỉ viết có một truyện dài *Ngày mới*. Nhưng nói đến Thạch Lam người ta vẫn nhớ đến truyện ngắn nhiều hơn là truyện dài. Ngoài các tập truyện, Thạch Lam có viết một tác phẩm xinh gọn duyên dáng để riêng ca ngợi những phong vị và sắc thái của Thủ đô. Tập *Hà Nội ba mươi sáu phố phường* này, được truyền tụng nhiều, nhất là đối với những người có ít nhiều quan hệ trực tiếp với cuộc sống vật chất và tinh thần hồi đó của Thủ đô Hà Nội. *Hà Nội*

*ba mươi sáu phô phường* có giá trị của một tác phẩm văn học giúp ta nhận thức thêm về những khía cạnh nhiều màu nhiều vẻ của “Tổ quốc ta tươi đẹp”.

Thạch Lam còn có một số bài báo luận văn học, sau gộp lại in ra năm 1941, với tên sách *Theo dòng*.

Nói đến nghệ thuật của Thạch Lam, tức là nói cụ thể đến nghệ thuật viết truyện ngắn của Thạch Lam. Một số truyện ngắn của Thạch Lam có thể coi như là mẫu mực được. Có những truyện ngắn Thạch Lam, ở cái thời bấy giờ, đọc xong thấy nó đọng lại trong người ta như một câu hỏi bức thiết của tác giả, như là một lời trách móc kín đáo của nhân vật truyện. Những vi phạm vào quyền sống của hạnh phúc tuổi trẻ, những nỗi cay đắng oan uổng của cảnh bị ép duyên, đâm đầu xuống sông mà không chết ngay được, để sau đó phải mòn chết oan trái trong truyện *Hai lần chết*. Những cuộc sống phụ nữ hết lo cho em lại đến lo cho chồng, cứ chìm chìm xám xám như thế quanh một cái chợ. Những “cô hàng xén” tuy không lên tiếng đòi quyền sống trong truyện nhưng qua kê dòng truyện, vẫn như hỏi thăm người độc giả rằng ý nghĩa cuộc sống có phải là như thế không?

Truyện *Hai đứa trẻ* có một hương vị thật là man mác. Nó gợi một nỗi niềm thuộc về quá vãng, đồng thời cũng gióng lên một cái gì còn ở trong tương lai.

Đây là một mẩu sinh hoạt hàng ngày và kéo dài của hai chị em đứa trẻ thay mẹ trông nom một gian hàng vật ở một cái phố huyên, gần một cái ga xe. Đêm đêm có những bóng người bình thường lù mù đi qua trước gian hàng. Những bóng người ấy cũng lù mù như nhiều chấm lửa ở những nguồn ánh sáng quanh quất nơi phố huyên. Trong cái bốn bề chìm chìm nhạt nhạt, bỗng có những tiếng động mạnh và những luồng sáng mạnh của một chuyến xe lửa kéo qua hàng ngày. Hai chị em đứa trẻ ngày nào cũng chờ một chuyến tàu đêm kéo qua rồi mới chịu đóng cửa hàng. Nơi cái thế giới quan của đôi trẻ ở một phố quê, hình ảnh đoàn tàu và cái tiếng còi tàu đã thành một thói quen của cảm xúc và của ước vọng. Đọc *Hai đứa trẻ*, thấy bận bịu vô hạn về một tấm lòng quê hương êm mát và sâu kín.

Trong cái tấm lòng quê hương mát mè của Thạch Lam, đôi lúc vẫn lên cái bóng dáng một vài con người thực dân Pháp, cái bóng dáng một *Người đầm*. Mặc dù chỉ là vài nét chân dung chấm phá, lồng vào khuôn khổ hẹp của một câu chuyện kể lại theo thể thức một truyện ngắn, truyện *Người đầm* gợi nhiều. Nó không dám công khai hô hào cổ vũ, nó chỉ nói thầm, nhưng lại nói thầm một cách rành rọt. Dưới cái thời Tây còn làm chủ nước ta, Thạch Lam bỏ nhỏ vào tai bạn đọc mình những điều ghê gớm mà Tây thuộc địa không

muốn một người “bản xứ” nào bàn đến, hoặc là đặt ra đặt lại bằng bất cứ cách nào. Lòng yêu ám trâm đât nước quê hương ông bà đã luyện cho Thạch Lam một cách nhin ý nhị về người đầm xâm nhập trái phép vào ta. Thạch Lam đã lẽ phép mà trình bày một hình tượng của cái sự kiện lịch sử đó. Có người bảo lối viết hàm dưỡng kín đáo ấy, cũng là một cách để lọt lưới kiểm duyệt thời xưa. Có thể có cái khía ấy nữa, nhưng theo tôi nghĩ, đây chính vẫn là cái phong cách im ả thâm thúy của Thạch Lam. Qua cái hơi văn càng bình thản bề ngoài ấy, ta thấy thực dân cái (cũng như thực dân đức) càng trở nên kệch cỡm, nó dị dạng tới cái mức phải cho nó cút đi khỏi cái chân trời chung của cả tác giả lẫn độc giả.

Truyện *Người đầm* xem như là lối truyện không nặng về cốt câu chuyện. Nó nặng về biểu hiện mặt trong của suy nghĩ, hơn là diễn tả cái bên ngoài. Hầu hết là bút pháp của độc thoại nội tâm, trừ một vài chặng đối thoại, như chỗ bà đầm nói chuyện với chú bé bán kẹo vừng bên Hồ Kiếm. Đọc truyện, tôi thích những tác giả có cái bút lực dụng đậm đong tấp nập, ô ạt nhiệt náo, quát thét, vận động nhiều, hành động nhiều hơn là bàn bạc. Nhưng tôi lại thích cả những cách diễn đạt trầm trồ mà chuyển, đệm dài một bóng một đèn, một nhân vật đó và mình, thấy cũng thấm đáo đẽ. Nhà văn Thế Lữ có kể lại rằng câu

chuyện này là do họa sĩ Nguyễn Gia Trí thuật lại và Thạch Lam đã viết ra theo một cách diễn tả riêng. Nếu thật là như vậy, thì càng thấy rõ việc sáng tác chính là ở chỗ vận dụng được kinh nghiệm sự sống, vận dụng được cái vốn suy nghĩ và tưởng tượng của bản thân mình. Còn như có sống trực tiếp hay chỉ là gián tiếp cái cốt truyện cái khung truyện dựng ra kia, thì đó chưa phải là mặt quan trọng trong sáng tác văn học. Cái chủ yếu vẫn là cái cơ sở nhân sự thực tế, cái vốn thực tế đã từng trải, đã thể nghiệm, đã tích luỹ. Chuyện của người khác được sống lại một cách sinh động trong truyện kể hấp dẫn của mình, ấy là nhờ có cái sự tích lũy quý báu đó vậy.

Truyện *Nhà mẹ Lê* viết cách đây khoảng hai chục năm mà đọc đến thấy đâu như chuyện năm ngoái năm kia gì đó. Đọc *Nhà mẹ Lê*, có lúc cứ lầm tưởng đâu như là Thạch Lam có đi theo một đội phát động nào! Cũng cảnh đi làm thuê ở mướn. Cũng địa chủ tàn bạo. Cái thảm kịch của những người nhà quê sống những năm khủng hoảng kinh tế 1930-1935 dưới thời đế quốc. Cũng cảnh nhà nghèo mà lại đông những mươi một mụn con, đến nỗi người cùng xóm phải nhắc “thỉnh thoảng đêm lại con không quên mất”. Người mẹ muốn lao động mà không có quyền lao động. Kẻ giàu đã không cho vay gạo nuôi con, lại còn xùy chó Tây cắn chết. Bao nhiêu đoạn khổ tình thương.

muốn một người “bản xứ” nào bàn đến, hoặc là đặt ra đặt lại bằng bất cứ cách nào. Lòng yêu âm trầm đát nước quê hương ông bà đã luyện cho Thạch Lam một cách nhín ý nhị về người đàm xâm nhập trái phép vào ta. Thạch Lam đã lè phép mà trình bày một hình tượng của cái sự kiện lịch sử đó. Có người bảo lời viết hàm dưỡng kín đáo ấy, cũng là một cách để lọt lưới kiểm duyệt thời xưa. Có thể có cái khía ấy nữa, nhưng theo tôi nghĩ, đây chính vẫn là cái phong cách im ả thâm thúy của Thạch Lam. Qua cái hơi văn cảng bình thản bể ngoài ấy, ta thấy thực dân cái (cũng như thực dân đực) càng trở nên kệch cỡm, nó dị dạng tới cái mức phải cho nó cút đi khỏi cái chân trời chung của cả tác giả lẫn độc giả.

Truyện *Người đàm* xem như là lối truyện không nặng về cốt câu chuyện. Nó nặng về biểu hiện mặt trong của suy nghĩ, hơn là diễn tả cái bên ngoài. Hầu hết là bút pháp của độc thoại nội tâm, trừ một vài chặng đối thoại, như chỗ bà đàm nói chuyện với chú bé bán kẹo vừng bên Hồ Kiếm. Đọc truyện, tôi thích những tác giả có cái bút lực dụng đam đông tấp nập, ô ạt nhiệt náo, quát thét, vận động nhiều, hành động nhiều hơn là bàn bạc. Nhưng tôi lại thích cả những cách diễn đạt trầm trồ mà chuyển, đêm dài một bóng một đèn, một nhân vật đó và mình, thấy cũng thâm đáo đẽ. Nhà văn Thế Lữ có kể lại rằng câu

Để thấy rõ thêm con người và thái độ của tác giả *Nhà mẹ Lê* xin dẫn ra đây một đoạn văn Thạch Lam ghi vào lời nói đầu tập truyện ngắn *Gió đầu mùa*: “...Đối với tôi, văn chương không phải một cách đem đến cho người đọc sự thoát ly hay sự quên, trái lại, văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đắc lực mà chúng ta có, để vừa tố cáo và thay đổi một cái thế giới già dỗi và tàn ác, vừa làm cho lòng người được thêm trong sạch và phong phú hơn”.

Trong bài phê bình *Người nhà quê trong văn chương*, Thạch Lam còn có những mong muốn rất là cụ thể:

“...Sự thực người nhà quê chỉ yêu quý ruộng đất chừng nào mà họ là chủ ruộng đất...”.

“...Chúng ta phải đợi có một nhà văn nguồn gốc ở đồng ruộng, tự cày bừa lấy trang sách nói về người nhà quê, vạch một luống thẳng thắn và mạnh bạo trên đất màu...”.

\*

\* \* \*

Thạch Lam hay đi vào những cảnh ngộ nghịch trái, mà đồng thời cũng là đi sâu vào những tâm trạng, tâm tình, cảm xúc cảm giác. Truyện *Tôi ba mươi* dựng lên cái tâm trạng đau thương của những

người đàn bà phải lấy thẻ xác ra làm hiện vật buôn bán trong cái xã hội mà tiếng nói của đồng bạc là tiếng nói quyết định. Họ chịu đựng sự rè rúng của xã hội tiền bạc, nhưng đôi lúc, - như cái lúc hết một năm để sang năm khác của đời con người ta, - trong cái tâm hồn đọa lạc và đùng đục ấy, vẫn sáng lên những ý nghĩ và tình cảm trong lành. Truyện *Sợi tóc* ghi lại một cơn bão phút giây trong một tâm tư, ghi lại những cái tinh tế của một cuộc giao tranh luân lý giữa cái thiện và cái ác, giữa chính và tà, mà “chỉ một sợi tóc nhỏ, một chút gì đó, chia địa giới của hai bên”. Không dùng những chữ to tát, giọng Thạch Lam điểm tinh pha mìa mai nhẹ nhàng nó cũng là cái lối nói quen thuộc của tác giả. Với giọng đó, Thạch Lam trình bày một trường hợp về nhân phẩm con người, và ghi lại một chiến thắng của một cuộc đấu tranh tư tưởng trong cái bản thân một người. Trong cuộc sống phức tạp hàng ngày, con người đạo đức trong chúng ta, ở thời cũ đó, đã có dịp dẹp tan biết bao vụ ăn cắp ăn trộm xảy ra trong ý nghĩ chúng ta như thế, mà chúng ta, vì bận rộn quá, hay quên đi đó thôi! (Trong con người, vốn lai hay có những cái vỉ đại bị vết ố của hèn hạ). Nhìn qua *Sợi tóc*, vượt lên cái bề ngoài những đoạn văn hoài nghi, người bạn đọc sâu sắc sẽ tìm thấy thực chất của truyện *Sợi tóc* là một truyện đem lại sự yên tâm cho ta hơn là ngờ vực.

*Dưới bóng hoàng lan*, nhân vật có bà và cháu, cháu đi làm trên tỉnh. Một cô thôn nữ Nga vẫn chờ đợi xây dựng với cái anh Thanh đi làm việc trên tỉnh kia. Cái bóng cây có hoa thơm ở đây, dưới ngòi bút Thạch Lam, cũng đóng một vai nhân vật. Nhân - vật - cây - có - hoa ấy đem đến cho người đọc một cái gì nhẹ nhõm thơm lành, và mát dịu, và giúp thêm cho tác giả định nghĩa về danh từ quê hương nó là “một nơi mát mẻ và sung sướng để thường về nghỉ sau việc làm”. Bóng hoàng lan đây, là một cái bóng mát ở một chốn quê cũ của tuổi thơ trẻ, nó giúp cho người bộ hành nghỉ chân trên đường đồi, trước khi tiến lên nhiều chặng nhiều quãng mới. Những cái bóng mát này, rất cần, mặc dù trong thực tế cuộc sống nhỡn tiề, có nhiều chặng nghỉ, có nhiều cách nghỉ không hoàn toàn giống hẵn như trong truyện “có cái gì dịu ngọt chăng tơ đâu đây, khiến chàng vương phái”.

Di sâu vào sở trường của mình là tả những tâm trạng, Thạch Lam đã dựa trên một sự việc nhỏ bé hàng ngày như cái việc đi xe và mặc cả xe kéo hồi trước đây, mà dựng nên truyện *Một cơn giận* để nêu lên một cái sự thật thường xảy ra luôn luôn trong cuộc sống tình cảm: “Sự giận dữ có thể sai khiến ta làm những việc nhỏ nhen không ai ngờ”. Và “người ta có thể tàn ác một cách dè dàng”. Một cơn giận đây có giá trị của một sự kinh nghiệm về cuộc sống hay bày vê ra một số oan khiên vô ích. Cái kinh nghiệm ấy

được kể lại với sự chân thành nhiệt ái và lòng hối lỗi. Nó có cái tác dụng của những lời ân cần nhắc cuộc sống hàng ngày hãy coi chừng với bản thân mình, tinh táo hơn, tinh táo trong xúc động, trong phản ứng để cuộc sống mọi người bên mình thêm nhiều công bằng và nhịp nhàng hơn.

\*

\* \* \*

Đọc Thạch Lam, có người chê câu văn Thạch Lam và nói chung văn phẩm Thạch Lam là ít động tác ít hành động, và kết luận: “Cho nên Thạch Lam viết truyện dài không thành công”. Tôi đồng ý là truyện dài *Ngày mới* của Thạch Lam không thành công, nhưng rất dễ dặt về cái điểm “câu văn và văn phẩm nhất thiết phải có động tác, phải nhiều hành động” bởi vì nhiều khi, nhiều động tác quá thì lại hóa ra túi bụi. Cái chính trong truyện là nhân vật có làm, phải làm cái này cái kia, nhưng nhân vật còn phải có cảm có nghĩ, có suy nghĩ nữa. Và cái thế giới bên trong đó của một nhân vật của những nhân vật rất là cần cho sinh khí tiểu thuyết. Cái phần ấy mới đem đến cho nhân vật một cái chiều sâu và do cái thâm thúy đó, mới thỏa mãn được người đọc và giúp gì cho người bạn đọc.

Về Thạch Lam và đọc truyện ngắn Thạch Lam, tôi cứ nghĩ như đó là một người tinh tình nhẹ nhàng tinh

tế, từng trải sự sống ở một số mặt sống, vừa sống vừa lắng nghe chung quanh cùng là lắng nghe minh phản ứng trước mọi diễn biến cả bên ngoài bên trong mình. Rồi trang trọng đề nghị với mọi người cùng bàn về điều hơn lẽ thiệt, mặc dù cái điều hơn thiệt đưa ra bàn bạc có khi chỉ nhỏ như một sợi tóc... Nhưng đứng về mặt gop phần vào việc xây dựng một nền văn xuôi Việt Nam hay còn trẻ tuổi, đứng trên chỗ đó mà bàn về Thạch Lam thì cũng dẽ có sự đồng tình của tất cả, dẽ cùng thấy cái chỗ đóng góp của nhà văn xuôi Thạch Lam. Bằng sáng tác văn học, Thạch Lam đã làm cho tiếng nói Việt Nam gọn ghẽ đi, co duỗi thêm, mềm mại ra, và tươi đậm hơn. Thạch Lam có đem sinh sắc vào tiếng ta. Và theo tôi nghĩ, đứng bên cái tiêu chuẩn thái độ tư tưởng nó là cái tiêu chuẩn chung cho các thể các ngành văn nghệ, thì đây là một cái chuẩn quan trọng - nếu không là duy nhất - để nhận định giá trị của một nhà văn, nhà văn ấy dù qua đời rồi hoặc còn đang làm việc cho văn học. Và đánh giá một nhà văn, đứng về nghề nghiệp chuyên môn mà bàn, thì giá trị một nhà văn xuôi, cụ thể còn là những công đức lập ngôn của nhà văn đó mở mang thêm vốn liếng dân tộc về tiếng nói được tới mức nào, và đã gop được phần sáng tạo của mình vào ngôn ngữ Việt Nam như thế nào.

## ĐỌC SÊKHỐP

Sêkhốp là một họa sĩ vẽ tạo vật cũng tài như vẽ mặt người tim người óc người. Sêkhốp là con chim linh điểu của buổi tịch dương trên đồng cỏ dại nước Nga xưa. Sêkhốp là cái diều sáo vĩ đại, trên đôi cánh âm vang tiếng nói của hiện thực và nhịp thơ của lăng mạn. Sêkhốp là bậc thầy của tiếng Nga. Sêkhốp là một văn hào tên tuổi chói sáng trong lâu đài của chủ nghĩa nhân đạo. Sêkhốp là... là... Nhưng đối với người bạn đọc trung bình nước ta không hiểu một thứ tiếng nào của nước ngoài, thì tên tuổi Sêkhốp cũng không gọi gì bao nhiêu. Chỉ bởi cái lẽ rất đơn giản là tác phẩm Sêkhốp, cũng như biết bao nhiêu tác giả cổ điển khác trong kho báu văn hóa chung của thế giới tiến bộ, - chưa được dịch ra tiếng ta.

Thực ra, lúc mới xây dựng chính quyền cách mạng ở nước ta cũng đã có người dịch Sêkhốp. Tôi nhớ hồi đó, có thấy cái truyện Sêkhốp. *Cái chết của một người công chức*. Người dịch truyện kia tin rằng dưới chính

thể mới, cái kiêu và cái thói tật viễn chức, cái tâm trạng viễn chức cũ kinh khủng, khả ố và đáng thương ấy sẽ hết đi; người dịch định chào mừng cách mạng bằng cách phát giác ra những mẫu người cũ mèm như thế và tin rằng cuộc đời rồi đây chỉ còn rặt những cái mới. Không biết có phải đúng với thâm ý của người dịch Sêkhốp năm 1946 không?

Vậy là, từ 1946, tuy lèo tèo, nhưng Sêkhốp đã được dịch ra ở ta. Và liền sau đó là kháng chiến khắp cả nước, và chiến tranh ái quốc gần mười năm. Từ trong quần chúng nhân dân xuất hiện bao nhân tài trẻ tráng và đồng thời trong tầng lớp những người cần phải cải tạo, trong cái đám gio xám tiểu tư sản tiền cách mạng kia, cũng bùng cháy lên biết bao hòn than tưởng tắt lui từ bao ngày. Bên cạnh những võ công chói sáng, liền có bao nhiêu cuộc sống mè nheo rất rất là “kiểu Sêkhốp” đang tìm một ý nghĩa chính xác và rộng đẹp cho cuộc đời mình, và lao mình vào chính nghĩa vươn mình lên cho gần tới chỗ cao mình. Đã có những cái quán tản cư chuyển chỗ loanh quanh trong vùng tự do đến ba bốn chục lần, mà phương ngôn thì nói rằng: “Vài lần dọn nhà bằng một vụ cháy nhà”. Có những bà mẹ Việt Nam của tầng lớp dân nghèo thành thị cứ lóp ngóp theo cái đà kháng chiến như thế, mỗi lần chuyển chỗ là cái gánh giang sơn lại vội đi ít đồ dùng, và cái chỗ đỡ gánh lại kia đã thành một cái

quán để anh cán bộ, anh bộ đội, chị dân công dừng chân. Hình như sợ khách hàng còn nghi ngờ gì về tấm lòng chịu đựng gian khổ của mình, bà cụ cứ hay nói thêm: “Để cho nó trọn cái nghĩa với cụ Hồ”. Những con người nhân dân chiến tranh và tản cư như thế, nhiều lấm và ở khắp các ven đê, bến đò, chân đèo, mép suối. Có lúc tôi muốn kêu lên như một nhân vật Sêkhôp: “Trời ơi, nước Việt Nam chúng ta (trong nguyên văn: nước Nga chúng ta) thật là nhiều người tốt!” Cái tốt ở hậu phương, cái tốt trong nhân dân chúng ta nói còn ít quá đi thôi. Trong kháng chiến, bận nhiều quá, không còn lúc nào nói đến Sêkhôp nữa, cũng như có nhiều người đã không dám dụng đến cả hình tượng và nhịp điệu *Truyện Kiều*. Lúc này, người người nói đến và tìm đến Fađeep, Pôlêvôi. Cũng dễ hiểu thôi. Cho đến ngày hòa bình, mới lại giờ đến cũng đúng vào cái năm Hội đồng Hòa bình thế giới truy liệt Sêkhôp vào bức nhã văn hóa thế giới. Và ta đã kỷ niệm Antôn Sêkhôp ở miền Bắc Việt Nam vào cuối năm 1954.

*Tuyển tập truyện ngắn Sêkhôp* (Nhà xuất bản hội Nhà văn) chỉ gồm một số truyện ngắn mà không có vở kịch nào của Sêkhôp. Sau đây, tôi thấy cần phải dịch và in tiếp những vở kịch nói của Sêkhôp. Bởi vì luận đến tư tưởng nghệ thuật Sêkhôp mà chưa chứng minh được bằng những tư tưởng tiến bộ rải rác gửi

vào các vai kịch các lớp kịch, thì đó là một sự thiếu sót lớn. Trong kịch phẩm, Sêkhốp lấy lại một số nhân vật bàng bạc trong thế giới nhân vật Sêkhốp, và đẩy họ lên cao dần qua các lớp kịch viết về sau này. Lúc sáng tác kịch vào quãng cuối đời mình, Sêkhốp đã thử thách nhiều, đã chắc tay hơn, cái chín chắn sâu sắc của suy nghĩ đã càng làm sáng thêm tài hoa khí phách, và kinh nghiệm sống có nhiều thêm cạnh khía thâm trầm về chủ nghĩa nhân đạo. Nói một cách khác, tức là trong các vở kịch, thấy rõ được hơn về sự viên mãn của tư tưởng nghệ thuật và tư tưởng nhân đạo của Sêkhốp. Thêm nữa, trong thế giới kịch nói của thế giới, Sêkhốp có riêng một cái phần sáng tạo về mặt quan niệm và phương pháp góp vào. Nguyên tắc cơ bản của cơ cấu kịch Sêkhốp là tạo ra những cái gọi là “hành động gián cách”, tìm ra những động cơ bên trong của hành động và những “luồng nội tâm” cho nhân vật và nói chung cho không khí toàn vở. Cho nên, vở của Sêkhốp cũng có một sắc thái độc đáo riêng rất tế vi. Trên thế giới, nhiều đô thị và thủ đô đã diễn những vở của Sêkhốp. Người ta đã liệt Sêkhốp vào bức kịch tác gia cổ điển. Và cũng như trong truyện Sêkhốp, trong kịch Sêkhốp, vẫn hiện lên cái chất thơ nó là cái đặc tính của văn xuôi Sêkhốp. Sêkhốp là một nhà văn hiện thực, và chất thơ thường quyện lấy cái cơ sở hiện thực ấy. Nhiều người sành tiếng Nga bảo

tôi rằng trong hình thức nguyên thủy của Nga văn, tiếng nói của Sêkhôp lảng chuôt lại như lời thơ và gióng ngân lên như chuông.

\*  
\*      \*

*Tuyển tập truyện ngắn Sêkhôp* dịch ra chưa giới thiệu được hết cả cái nhân loại của Sêkhôp, nhưng cũng bước đầu đưa dần người bạn đọc đặt mình vào cái thế giới của nhà văn Sêkhôp. Sêkhôp hình tạo ra cái thế giới ấy, cũng là dựa trên những cơ sở thực tế của một thời đại ngạt thở của xã hội Nga dưới mây triều đại vua Nga chuyên chế, của xã hội nông nghiệp lạc hậu nước Nga chuyên dân lên kỹ nghệ hóa. Trong nước thi liên tiếp những vua độc tài cung như trong các gia đình Nga thì là những vị gia trưởng độc đoán. Cho nên, trong truyện Sêkhôp, luôn luôn bốc lên cái hơi ngạt độc đoán chuyên chế ấy nó làm nghẹn ngào và ngạt thở bao tâm hồn bao con người, kể cả người xấu lẫn người tốt. Nông thôn thành thị đều tức thở. Nhiều nét sinh hoạt ở các tinh xép được Sêkhôp dựng nên thành người, thành những nạn nhân của chế độ, thành những người làm chứng, thành những người im lặng mà lên án cuộc sống lúc bằng tiếng cười suông, lúc bằng giọt nước mắt khan, lúc bằng tiếng chửi

nghẹn giấu nơi đáy họng. Những người áy như bị lắc trong một cái hũ nút khổng lồ, cái đáng quý thì huy hoắc đi, cái đáng thù thì đem ra mà thờ, cái đáng yêu thương thì đem ra đáy đọa, cái đáng phải khinh ghét mà diệt đi thì lại đâm ra kiêng sợ. Rồi lục đục với nhau trong tiền bạc danh vong, đánh đấm oan nhau, bao che lắn cho nhau, bắt nạt nhau, nịnh hót nhau, đay nghiến nhau, cát chi nhau, rồi vẫn vơ, vớ vẫn, hàm hồ, băng nhặng, rối rít, phi lý đến nỗi lệ sa tiếp theo ngay tiếng cười khẽ nồng cồn rượu vòtca. Và cứ gì uống đến rượu, những người đương cục giả mè áy mới khóc. Và cứ gì phải có nước mắt rớt xuống, mà họ mới thật được là người đau thương trên đời. Thật là đồi phong, thật là bại tục. Dựng tất cả những thứ “tiểu nhân” áy lên, Sêkhôp hoài bão đến một cuộc sống có những hiền nhân và chân nhân. Một thứ người chân nhân như Bernard Shaw sau này vẫn hằng nghĩ đến, và có lần đã phải nói lên rằng: “Con người chưa thật là những con người, đáy mới chỉ là những bậc anh hùng và lũ ác nhân, những vị đáng tôn kính và bọn tội phạm. Bản chất họ là những đức hạnh và những thói xấu; những quy luật thiên nhiên điều khiển họ là những thần linh và ma quỷ; thân thế họ là những việc khen thưởng và những vụ đèn tội; sự cai lý của họ là một định thức về luật nhân quả, con ngựa kéo xe nhiều khi lại buộc vào phía sau xe

bò. Đầu ho chưa chất toàn những hư cấu mà họ gọi là “thế giới”, họ tìm đến tôi và hỏi về ý nghĩa những cái đó, làm như tôi hoặc bất cứ ai cũng đều là Thượng đế toàn năng toàn trí và có thể giảng giải được cho họ... Nhưng mà khi họ tù đầy, hình phạt, ám sát và nổ ra chiến tranh, dựa vào bạo lực để đặt nền cho những đạo giáo tức cười và những luật hình dãy án tích và gớm guốc của họ, thì tần hải kịch chuyển thành thảm kịch! Quân đội, thủy quân, nhà thờ, tòa án, hý viện, bảo tàng, thư viện, và các hội những người lao động đều phải bảo vệ mọi ảo tưởng cung dưỡng của họ...”.

Trong sáng tác, Sékhôp không chen vào mà giải quyết trực tiếp vấn đề, hoặc gián tiếp giải quyết bằng nhân vật này khác. Sékhôp cho ta xem, cho ta thấy hết ông kia bà nọ, cho ta gặp những thằng những con người và như ngu ý hỏi lại những người đồng điệu chúng ta rằng: “Ấy, trò đời nó là như rứa đó. Vậy thì có nên để cho nó tồn tại thế không? Có nên bắt chước họ mà sống một cách tồi tàn, bậy bạ như thế không?”.

Sékhôp vốn rất mến gia súc và trẻ nhỏ. Nhưng trong truyện *Lũ trẻ*, Sékhôp nhìn trẻ nhỏ như đã thấy được cái tương lai tất nhiên của chúng trong một cái xã hội oan khổ đang đi vào kỹ nghệ và tư bản. Lũ trẻ chơi cờ bài tây, ăn thua nhau bằng tiền thật. Năm bảy em bé cả gái cả trai, tinh nết mai sau đã hiện dần

lên qua cảnh bạc nhò. Có đứa bé đã phát tiết hết “anh hoa” làm tiền, và như dựng trước lên cái vị trí xã hội của nó sau này trong đời sống tiền bạc. Truyện kết bằng giác ngộ của lũ trẻ, mỗi đứa ngộ một kiểu, và bên cạnh chúng, tung tóe những xu hào “từ phút đó, đã mất hết phép màu, cho tới một ván bạc sau”.

Truyện em bé Vanca, phát giác thêm cái khổ gày nên do sự bóc lột, ông chủ bà chủ bóc lột người làm công, người học việc dù người tập việc mới chỉ chín mươi tuổi như em Vanca. Cảnh ngộ mệt thiêuf nỗi nhà quê ra tinh, thở than, một cách hồn nhiên với ông nội làm truong tuan ở làng, nói đã khá rõ về cả một cái thời đen tối ấy của nước Nga đang chuyển mình trong kinh tế. Thời kỳ này, người dân quê nước Nga vừa thoát ách nông nô, bỏ nhà ra tinh kiếm việc cung nhiều, mang cả ngựa cày ra tinh, con ngựa cày biến thành con ngựa kéo của xe chở khách thành thị. Cho nên, trong truyện *Nỗi nhớ*, thấy cả cái nỗi niềm của những người nông dân đau khổ bị lạc lõng giữa một cuộc sống đù thành túi bụi va tàn nhẫn.

Nhân vật thợ tiễn trong truyện *Vận xâu* cũng vẫn là câu chuyện người nông dân - một người nông dân làm thêm nghề thủ công - mơ ước được sống một cuộc đời làm ăn vui vẻ và đầy đủ hơn. Trong cái xã hội sống một cách giật gân cho tiền bạc và dục vọng, công danh, nay lên cái thứ bệnh của bệnh vi đại, khói kè

muốn làm to. Truyện *Người tu sĩ* vận đồ đen dựng lên tâm trạng một người lao động tri óc cật lực vì tưởng mình có thiên tài, có lúc như phát điên. Khỏi bệnh, ông ta mới nhận ra mình cũng chỉ là một kẻ trung bình như ai thôi, một con người tầm thường thế thôi, thì liền đâm ra dận dỗi căm uất mình và giận cá chém thớt, ông làm lụy đến cả vườn hoa cây cảnh, làm lụy đến cả vợ và bố vợ, chết người, chết cả cây cối quanh nhà.

Bạn thân thiết xưa cũ gặp lại nhau, nay người đã hiển hách và người còn chạy chọt cửa này cửa kia, không gọi nhau là anh anh chị chị tôi tôi nữa, mà nhất tự cách trùng, lại gọi nhau bằng cái giọng quyền môn: “Bẩm quan lớn ạ!”. Rồi mụ vợ và đám con cũng sung sướng mà “Bẩm quan lớn ạ” theo, (Truyện *Anh Béo và anh Gầy*). Sao mà chán đến thế! Sao mà lợn giọng đến thế!

Thế rồi cái xã hội áy cũng nảy ra cái tâm lý sinh trật tự, sinh một thứ trật tự cảnh sát, một thứ trật tự của độc tài chuyên chế, một thứ trật tự của lợi danh oai quyền đã nhất thời thắng những kẻ không có và chưa có những cái đó, một thứ trật tự chui vô vào mặt cuộc sống chân chính. Lão Quản Bi, lão Bichibép kia, là cái điển hình của sự đàn áp lối đội xếp, nó là một thứ Tân Thùy Hoàng chém giết vào cuộc sống hàng ngày của nhân dân, đè đầu cưỡi cổ lên

sinh hoạt bình thường của quần chúng, đòi tròng những thứ điều lệnh kỳ quặc vào cuộc sống nhân dân, cấm thấp đèn, cấm vui hát. Quản Bi bảo vệ trật tự đến đâu thì là đòi sống bị vi phạm đến đấy. Bao người đã điêu đứng vì lão quản giữ trật tự này.

Không khí thời chuyên chế, làm cho cuộc sống phải khiếp đảm đi vì trật tự, đến nỗi “người ta sợ nói to, sợ gửi thư, sợ đọc sách, sợ cứu mạng người khốn khó, sợ dậy chữ cho người mù học”. Truyện *Người mang vỏ óc* (mà tôi ngờ rằng - tôi không đọc tiếng và chữ Nga - phải dịch là *Người mang áo bao* thì mới đúng với lời và ý trong truyện) cũng là đưa ra cái hình thù và cái tâm địa một anh hay sợ và bất cứ cái gì cũng sợ, hình như anh ta sinh ra để mà sợ tất. Cái áo bao có tác dụng che cho một cái đồng hồ đỡ bụi, đỡ những cái va chạm mạnh; nó phủ lên mui một cái mui xe cao su nhà sơn đổi mới, nó phủ lên một cái máy chữ, nó trùm lấy một cỗ đàn; nó là cái áo bao chỉ làm bạn với đồ vật. Nhưng giờ đây, trong truyện, cái áo bao (*housse*) lại trùm kín lấy một kiếp người có ăn có nghĩ, nó lại sùm sụp trên đời một ông đồ già tên là Bêlicôp. Bêlicôp, người mang áo bao, là một kẻ giả nhân, giả nghĩa; một anh đạo đức giả đã nghĩ một cách kỳ cục là định đem ấn cả cuộc sống phong phú muôn ngàn người vào một cái áo bao. Bệnh chủ quan, bệnh sợ thực tế sinh động, bệnh sợ cái mới, sợ cái tiến triển

đã làm cho Bêlicôp dệt ra một cái áo bao. Rồi tình cảm, tính tình, và cuộc đời Bêlicôp, Bêlicôp đều cho vào áo bao. Từ ngày lắp mình vào áo bao, để áo bao đỡ che cho mình khỏi bị những gió mây cuộc sống bên ngoài thổi tới, Bêlicôp càng trông thấy thực tế càng sợ. Y sợ cuộc đời và cuộc đời cũng sợ y. Cho đến lúc Bêlicôp tắt thở, thì y mới hết sợ, yên tâm vì được ném vào một cái áo bao vĩnh viễn, một cái áo quan băng gỗ thừa. Trong mười lăm năm, một cách lố lăng và thảm hại, cái tác phong áo bao của Bêlicôp đè nặng lên cuộc sống của một trường học mà y làm giáo sư, đè nặng lên cuộc đời một thành phố. Đồ gìn Bêlicôp thật sự chết rồi, nhưng “cuộc sống tiếp diễn như trước đây, khắc khổ, nặng nề, lùng ca lùng củng, cũng không cầm đcán hẳn bằng thông tri, nhưng cũng không hoàn toàn tháo khoán hẳn: nó cũng chằng nhich hơn. Mà thật tình, Bêlicôp đã mai táng rồi, nhưng mà biết bao kẻ mang áo bao ấy vẫn nhanh nhanh sơ sơ ra kia!”. Truyện Bêlicôp là một áng văn đả kích lên đến tuyệt đỉnh: hình thù và tên họ nhân vật đã thành một cái sự, đã thành ra một hình dung từ ngày nay vẫn còn tác dụng lớn.

Tập truyện dịch Sêkhôp đã đóng lại bằng truyện *Cô dâu*. Chị Nadia, sắp sửa lấy chồng ở cái tinh nhỏ đầy đủ, lặng lẽ áy. Cuộc đời vu quy áy rồi sẽ như nước tù, sẽ mốc meo và chán ngấy. Cho nên chị Na quyết

tâm bò lại sau mình cái cuộc sống tinh xép với người vị hôn phu đó, và tìm lên học ở Xanh Pêtécuba. Chị Na quý văn hóa hơn là cho một người chồng tầm thường phàm tục và một cuộc sống an nhàn và ích kỷ. Đối với cô Na, cô muốn trao xương gối thịt cho một cái gì cao cả có ý nghĩa hơn là cho một người đàn ông nào ở cái tỉnh nhỏ hù lậu kia. Cô dâu Na nay đã hồi hôn và đính ước với tương lai, một cái tương lai mà cô tin rằng phải có nhiều tiến bộ có nhiều hạnh phúc do học vấn đem lại và nhất định nó sẽ khác hẳn cái cuộc sống bày ra kia.

Truyện *Cô dâu* viết năm 1903, trước khi Sêkhôp chết một năm. Danh sách truyện dịch trong tuyển tập xếp theo trình tự sáng tác, *Cô dâu* viết sau nhất, và xếp xuống cuối cùng. Nhưng truyện *Cô dâu* có đủ ý nghĩa nội dung để gói ghém lại tất cả những cảnh sống đã được đưa ra trong các truyện xếp ở trên. Nhân vật *Cô dâu* như kết thúc cả một cái quá trình sống khổ nhục chán mòn của bấy nhiêu nhân vật hình ảnh tiêu cực của một đời sống ngọt ngạt, cần phải bỏ đó mà đi ra, mà đi khỏi. Bỏ đi khỏi một cái hiện tại nặng nhọc dì nhiên của lòng người, nó rất con người, và nó rất đúng với hướng của tiến hóa. Nadia, người cô dâu của một tương lai tốt đẹp là cái hướng lên chung cho tất cả nhân vật Sêkhôp đã cho ra đời từ ngày đầu. Nói một cách khác, Nadia đây là cái hậu

thân tất nhiên của những tiền kiếp oan khổ kia trong thế giới chúng sinh Sêkhôp. Nói một cách khác nữa, Nađia đây là cái hóa thân cuối cùng của tư tưởng nghệ thuật của Sêkhôp. Cuộc đời tối tăm chết mòn của bao nhân vật Sêkhôp thác sinh ra trước Nađia rồi sẽ được ánh sáng của học vấn ở Nađia hóa kiếp cho Nađia sẽ giải phóng được cho tâm hồn hết thảy nhân vật Sêkhôp miễn là Nađia dám bỏ đi, chưa biết đi tới chỗ nào, bằng cách nào, nhưng cốt yếu là dám bứt áo ra đi để phủ nhận sự hiện diện của một cái trật tự kia đang muốn co mình vào nữa.

Có người phê bình đã suy diễn lầm về cái cách ra đi của cô dâu Nađia đây. Họ cho rằng Nađia ra đi đầy, tức là đi tìm cách mạng, và nhược điểm và khuyết điểm truyện *Cô dâu* đúng là ở cái điểm đi tìm cách mạng như kiểu Nađia. Vì theo họ bàn, những người giác ngộ cách mạng, thường đã tìm đến cách mạng bằng những con đường nó khác cái lối của Nađia kia. Họ đã đặt vấn đề khác hẳn cái cách Sêkhôp quan niệm. Nhưng tại sao lại cứ buộc cô Nadia đã giác ngộ cách mạng rồi mới được bỏ ra đi? Trong thực tế đời sống phức tạp này, đã có bao nhiêu người bỏ ra đi mà chưa phải là đã có ý thức hoạt động cách mạng. Bỏ ra đi vì chán quá, vì khổ quá, vì muốn tung hô cả đi đà, đã hết mà không luyến tiếc dĩnh chung gì với một ai quen thuộc cũ. Có những người ra đi với cái quyết tâm

bắt liên lạc ngay với tổ chức cách mạng, nhưng cũng có những người ra đi vì chỉ bát mân suông với cái sống nhỡn tiễn. Những tâm hồn bỏ ra đi này, có thể sau này lần bước ngày một ngày hai đến cách mạng; cũng có thể là cách mạng chủ động đến trước với họ; hoặc cũng có thể là họ ra đi lông bông như thế để rồi lại sảy bước nữa. Những bạn văn nghệ chúng ta đã từng hoạt động văn hóa bí mật, đã từng có công tác quần chúng lâu năm và lại săn đúc độ bao dung cuộc sống, hẳn còn biết nhiều, nhiều lắm về những sắc thái uyển chuyển và u ẩn của những việc ra đi này. Trở lại trường hợp cô dâu Nadia ra đi đây, phải quan niệm nó sao cho cái bước đi của nhân vật được thoải mái, và đừng gò bó, đưa chủ quan riêng của mình ra đến nỗi cho mất cái ánh sáng của truyện, và tê hon nữa, là gán cho người nghệ sĩ những cái người ta chưa hề nghĩ đến hoặc người ta không muốn nghĩ theo cái cách mình đưa ra cho bằng được, cố mà đưa ra lấy được.

\*

\* \* \*

Elsa Triolet ca ngợi Sékhôp mờ con đường của đại văn học cho loại ký sự và truyện ngắn, đã ban về nghệ thuật của Sékhôp: "... Chỉ cần Sékhôp đặt con mắt vào

một người để người đó trở thành một nhân vật, để người đó không còn chỉ là một kè qua đường nào và, từ trong đám đông vô danh xuất hiện ra, người đó đã được cấu thành nên một cái “diễn hình”. Ở những nơi trà trộn tứ chiêng, lờ mờ như những khuôn mặt của một biển người, những cái vệt xám, những chúng sinh mặt giăng, Sêkhôp tạo nên những người đàn ông những người đàn bà khó mà quên được. *Mỗi kè đực mỗi kè cái biến thành một thửa khóa để tìm hiểu hàng chục hàng ngàn đồng loại của họ...*

“... Với cái vẻ như là không đụng chạm đến Sêkhôp biết chắc cái việc mình làm và cái sâu sắc của truyện của tác giả không phải là sản phẩm của vô ý thức hoặc của sự ngẫu nhiên. Sự khiêm tốn của cách nói, của từ ngữ, cái cách ẩn mình sau nhân vật, nói ra hết mà không cần chỉ tên chỉ mặt, như cái kiểu vẫn hay dùng trong các bức tranh không lời, cái đó giúp cho Sêkhôp diễn tả được mà thoát được kiểm duyệt. Sêkhôp không hò hé, la máng, không đeo gọt câu cú, không kết tội ai, không tuyên ngôn gì, không yêu sách gì. Sêkhôp đưa ra những tang vật dần chứng, hết tang vật này đến tang vật khác: không chú thích! Trò đùa bất thường tự nó cát nghĩa lấy cho nó”.

Vào dịp kỷ niệm thập chu niên Sêkhôp, nhà thơ hiện thực xã hội Maiakovski, chống lại những thứ phê bình cường điệu đã bảo vệ Sêkhôp:

“Sêkhôp là một tác giả của những người bình dân. Là người đầu tiên đòi hỏi một hình thức ngôn từ cho mỗi bước tiến của cuộc sống...”.

“Cuộc sống loạn xạ của những thành phố mới mang thêm làm xuất hiện những con người mới nhanh nhau, và đòi hỏi phải có một tốc độ đối với nhịp của con chữ, để chữ nghĩa sinh động hơn lên. Và thế đó, thay cho những đoạn văn có đến hàng chục vé, đã xuất hiện những câu văn chỉ gồm dăm bảy chữ...”.

“... Ngữ pháp của Sêkhôp chính xác như “một lời chào” giản đơn như “cho tôi xin một chén trà”.

“Trong sự cô đọng của một truyện ngắn cái cách biểu hiện tư tưởng, đã gợi nhắc đến cái tiếng gọi cấp cứu của sau này “Tiết kiệm”.

“Những hình thức mới của sắc thái một tư tưởng, cái quan điểm đúng về những vấn đề chân chính của nghệ thuật, cho ta cái quyền nhắc đến Sêkhôp như là một bậc thầy về tiếng nói.

“Trong cái hình ảnh quen lệ mà anh tiêu tư sản thường tạo cho Sêkhôp ... càng in rõ lên những góc cạnh của một Sêkhôp khác nữa: *một bậc thầy về ngữ pháp, nhiều sinh lực và ròn tươi*”

Đại văn hào cổ điển Nga là Léon Tolstoi tỏ sự khâm phục đối với Sêkhôp:

“Ngữ pháp của Sêkhôp thật là dị thường. Tôi nhớ rằng lần đầu tiên tôi đọc Sêkhôp, ngữ pháp của Sêkhôp đối với tôi, đã hiện lên thành một sự kỳ lạ, quái áo. Nhưng lúc mà tôi đã hòa chan được vào, thì ngữ pháp đó chinh phục hẳn tôi: phải, phải, chính là do cái điểm dị kỳ của ngữ pháp ấy hoặc là... tôi cũng khó gọi được ra cho nó rõ, nhưng mà cái ngữ pháp ấy đã chinh phục ngài một cách đặc biệt và, mặc dầu ngài không muốn, ngữ pháp ấy đã thâm vào ngài bằng những hình ảnh tuyệt diệu của nó.

“... Sêkhôp là một nghệ sĩ vô song. Đúng, đúng thế: không sao bì được. Một nghệ sĩ của cuộc sống. Và cái ưu điểm của tác phẩm Sêkhôp là dễ hiểu và nó rất gần, không những với người Nga mà nói chung là rất gần với tất cả mọi người. Mà đó là cái điều cốt yếu.

“... Sêkhôp, đó là Puskin<sup>(1)</sup> trong văn xuôi”

Goocki văn hào Nga mà độc giả Việt Nam đã biết tương đối hơn là Sêkhôp, qua một số bài viết và sách dịch ra, Goocki là người sống cùng một thời với Sêkhôp, Goocki đã nói rằng: “Mỗi một truyện của Sêkhôp đưa thêm ra, là nhấn sâu thêm vào cái điểm dũng cảm và yêu thương cuộc đời, nó in một cái điểm rất quý và rất cần cho chúng ta. Mỗi một truyện ngắn

---

(1) Puskin, nhà thơ vĩ đại của nước Nga, có nhiều công lao lớn trong công cuộc xây dựng tiếng Nga.

là một cái thảm kịch nhỏ no cảm người một cách sâu sắc”.

Trân trọng với cuộc sống, rất hiếu khách, trang nhã trong sự dung dị, lè phép với mọi người, Sêkhôp lại là người căm thù sâu sắc đối với những cái gì gọi là tầm thường thô tục. Tầm thường thô tục trong ý ăn nét ở, trong lời tiếng phê phán đóng góp, trong một hành vi giữa một đồi sông bao la. Hãy nghe đây, những lời của Goócki vĩ đại nói về cái khía cắm thù không nguôi của Sêkhôp vĩ đại. Và tôi cho rằng bức chân dung dưới đây là những trang đẹp nhất trong những áng văn Nga đẹp nhất của Goócki.

“Ở những con người ít tuổi, sự phàm tục trông còn ngộ mắt và bỏ qua được, nhưng mà cái đó dần dần bao vây con người, cái mù xám của phàm tục tẩm vào óc và máu con người giống như thuốc độc hoặc ngọt thở, và do đó con người bong hóa ra một tấm biển chiêu hàng han rỉ: hình như cái biển hàng đó cũng quảng cáo cho một cái gì, nhưng mà là cái gì đây? Khó mà đoán ra được.

“Ở giữa cái đại dương của tầm thường và phàm tục, từ ngay những truyện đầu tiên, Sêkhôp đã biết phát hiện ra những trò hề u ám và thê thảm của sự phàm tục...

“... Kẻ thù của Sêkhôp là sự phàm tục; Sêkhôp đấu với nó suốt cả một đời mình, Sêkhôp chế nhạo nó và tinh táo dùng ngòi bút tinh nhuệ của mình để phát

giác ra những cái mốc meo của sự phàm tục, ngay cả những nơi mới trông tưởng như mọi sự đều tổ chức đâu ra đây, đây đủ tiện nghi và lại còn choáng lộn nữa kia...

“... Đọc truyện ngắn Antôn Sékhôp, ta cảm như sống một ngày ủ rũ lúc tàn thu, khi mà bầu trời trong trèo đến cái mực in hẳn lên đầy đủ những cây trại lá, những căn nhà nhung nhúc người ở, những con người lờ mờ diện sắc. Một cách kỳ dị, tất cả đều cô đơn, cứng ngắc, và không có sinh lực. Chân giờ xanh, thăm thẳm mà hoang vắng, tan lắn vào không trung nhợt nhạt, và thổi cái hơi thở lạnh ảm đạm xuống mặt đất đầy bùn giá buốt. Như một vầng dương mùa thu, trí tuệ của tác giả tỏa một vùng sáng gắt lên những con đường gồ ghề những lối phố khuất khúc, những căn nhà nghìn nghịt và bẩn thỉu, trong đó bao con người ti tiêu đáng thương đáng ngọt ngạt giữa cái sâu tê và biếng nhác và nhà cửa huyền náo lên vì những xuân động của họ...

“... Dưới mắt ngài, đang diễn qua một dòng không ngót những người nô lệ, nô lệ trong cuộc ái ân, sự dại dột và an dật, trong cái lòng tham đồi với phú quý trên đời này; qua mắt ngài, đang loang loáng những kè tôi mọi của một sự khiếp đờm tối tăm trước cuộc sống, họ diễn qua, mê muội đi vì những lo nghĩ mơ hồ, bít cái lỗ hổng đời họ bằng những câu nói rời rạc

bàn tính chuyện mai hậu, một khi mà họ cảm thấy rằng những kẻ như họ là đã hết chỗ rồi trong hiện tại...

“... Trong đám quân chúng tái tê áy, thản hoặc cũng đồng lên một tiếng súng nổ...

“... Trong bọn họ, cũng nhiều kẻ mộng tưởng cuộc đời hai trăm năm sau đây sẽ tốt đẹp, mà không một ai tự hỏi: nhưng mà rồi ai đây sẽ tô điểm cho cuộc đời, nếu họ, bọn họ chỉ ngồi đó mà mộng mị.

“Trước cái đám đông xám ngắt những kẻ bất túc, đã hiện ra một người lớn lao, tài trí, săn sóc đến mọi điều, người ấy đã ngầm những dân cư lù đù ấy của Tổ quốc mình và, bằng một giọng nói trung thực và sang sảng, buồn buồn và mỉm cười, với một nỗi sâu hoài tuyệt vọng trong tâm khảm và trên sắc mặt, giọng đầy quở trách dịu dàng mà thâm thuý, người ấy bảo cả bọn họ: Các vị sống bậy quá đi thôi!”.

Sékhốp cười không to tiếng mấy khi, khi cười đôi mắt rất đẹp rất dịu hiền. Goocki bảo rằng chưa thấy một người thứ hai nào trong đời mà lại có thể cười như thế, cười một cách “cũng đầy tuệ giác như thế”. Đây là cái tiếng cười đúng như Bernard Shaw định nghĩa về khoa hoạt kê “u-mua”: là “tất cả những cái gì làm bật lên được tiếng cười. Nhưng bên cạnh tiếng cười tạo nên do môn hoạt kê khá nhất, vẫn chen lấn vào một giọt nước mắt nữa”. Cái cười Sékhốp trào lộng, mỉa đời, nhưng đồng thời chan chứa biết bao yêu

thương con người chan chứa bao thiện ý đối với sự xây dựng cuộc sống tương lai. Không có cái gì liên quan đến sự tiến hóa xã hội mà Sêkhốp lại dừng đứng.

Nhà văn Sêkhốp còn là một bác sĩ y khoa (y khoa và nghệ thuật hình như có một tương quan mật thiết gì với nhau áy. Trước khi chiến đấu bằng ngòi bút và viết truyện, Lô Tấn chúng ta chả học thuốc là gì!). Ông thấy thuốc Sêkhốp chúng ta rất yêu quý những nhà giáo ở nông thôn và tinh xép vì Sêkhốp thấy rõ sự cần thiết nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân, thấy rõ vai trò của nhà giáo trong công cuộc áy. Cái người nửa đời Sêkhốp đã gắn bó với cuộc sống cũng chí tình như thế đó. Một tác giả nhiều nghệ thuật và đồng thời có nhiều tư tưởng nhân đạo chủ nghĩa như Sêkhốp, nhất định phải tác động đến cuộc sống, vì đã góp vào đời sống một cái cười độc đáo, thâm thúy và lành mạnh, để phá một cái gì và cũng để xây ngay trên đó một cái gì cho hạnh phúc loài người.

Cho nên cũng không có gì là lạ, nếu ở nước Anh, như lời nữ sĩ Anh Katherine Mansfield thuật lại rằng vào khoảng những năm 1920, có nhiều nhà văn trẻ nước Anh bắt chước viết đoán thiêng theo cái “kiểu Sêkhốp”. Ở cái quê hương của sương mù và trầm lắng đã có rất nhiều tâm hồn đồng điệu đối với cái chất Slavơ kết tinh một cách đặc biệt ở văn Sêkhốp.

Cho nên lại cũng phải gọi ngay những cái đó là sự xuyên tạc Sêkhôp một cách khá thô bỉ, khi mà người ta rêu rao lên rằng Sêkhôp là thi sĩ của những linh hồn tuyệt lò đã mất vò khỉ trong chiến đấu, là kịch tác gia của những cố gắng không có thành quả của những mệt mỏi hát hiu đơn chiếc, là tiểu hóa nỗi của những trái tim vô vọng đi xuống sau một hồi phát phο đi lên, là... là đặc đặc, người ta còn thiếu gì danh từ và hình dung từ để gán cho Sêkhôp. Nhưng mà cai tiếng cười Sêkhôp bất hủ vẫn phá vỡ những cái vòng xuyên tạc định vây quanh Sêkhôp. Phải đó, chính Sêkhôp hồi còn sống đã gọi một số các vị kiều trên kia, là “giống như con ruồi trâu ngăn trở con ngựa đang cày ruộng (ở Nga cày ruộng bằng ngựa. Ng.T.). Con nhặng có tinh hung hăng, muốn mọi người chú ý đến, như là muốn nói: tôi, tôi cũng có mặt trên mặt đất đây!”. Chính ở Anh cũng một hồi gần đây, người ta nói nhảm về Sêkhôp cũng nhiều, và báo *Daily Worker* của Đảng cộng sản Anh đã phải lên tiếng bảo vệ cho linh hồn trong lặng của Sêkhôp, và đã viết: “Cũng tới rồi cái thời kỳ hoàn lại nhà văn chàm chính Sêkhôp cho những người làm ăn chất phác. Bởi vì Sêkhôp đã chủ yếu sáng tác về nhân dân và viết cho nhân dân đó”.

\*

\* \* \*

Để hiểu rõ *tư tưởng nghệ thuật* của Sêkhôp và thái độ của Sêkhôp đối với cái thiên chức nhà văn, đối với cuộc sống, và nhất là hiểu xem Sêkhôp tò đen, bôi hồng hay là bôi xám, nghi ngờ sự sống hay là tin yêu cuộc sống hơn, có lẽ để tác giả nói láy thì tốt hơn. Rồi sau đó để cho nhân vật Sêkhôp tự nói lên nữa.

Bàn về thái độ và phẩm cách người cầm bút Sêkhôp hay nhắc đi nhắc lại về sự thảng thắn của nhà văn:

“... Trước hết, các bạn ơi, chớ có ăn gian nói dối! Cái đáng quý trong nghệ thuật, chính ở chỗ nó không cho phép ta gian dối. Người ta có thể xảo trá trong luyến ái, trong chính trị, trong y tế, người ta có thể sai lầm, chính ta và ngay cả đích thân Thượng đế nữa - đã có những việc như thế đó- nhưng không thể nào gạt lừa nhau trong nghệ thuật”.

“... Tôi căm thù sự điêu trá và sự cường bạo dưới mọi hình thái của chúng”.

“... Con bọ rệp cắn nhấm tíc cỏ, cái han gì ăn thổi sắt, và lời nói điêu ngoạm vào tâm hồn”.

“... Nói điêu là một điêu nhục mạ đối với người bị phỉnh gạt, và nó làm cho kẻ nói điêu trở nên thô bỉ”.

Nghĩ về phẩm cách khảng khái của nhà văn, Sêkhôp còn nêu ra những vấn đề thuộc về văn và công việc của nhà văn:

“... Trong những cuộc đàm thoại với những người viết lách, bao giờ tôi cũng nhấn mạnh vào cái điểm công việc người nghệ sĩ là không nằm trong phạm vi phải giải quyết những vấn đề đặt ra có tính cách chuyên môn quá. Rất bất lợi cho người nghệ sĩ khi họ phải ôm đồm những cái họ không nắm được. Về những vấn đề chuyên môn, chúng ta đã có những vị chuyên gia; công tác của họ là phán xét về tập đoàn, về số phận tư bản, về độc hại của rượu, về bia úng, về bệnh lý phụ nữ... Còn riêng người nghệ sĩ thì chỉ bàn định những cái mà họ hiểu biết: cái địa hạt của họ cũng có giới hạn như là đối với bất cứ chuyên gia nào khác - đây là cái điều tôi nhắc lại và tôi nhấn mạnh vào. Bảo rằng trong thế giới của nghệ sĩ, không có gì phải đưa ra thành câu hỏi, mà chỉ có trả lời ra thôi, chỉ có những kè nào chưa bao giờ sáng tác và chưa bao giờ sống với hình tượng thì mới dám thở ra như thế. Người nghệ sĩ quan sát, chọn lọc, ước đoán, bố cục - riêng bấy nhiêu việc ấy ngay từ đầu đã mặc nhiên công nhận cái hiện hình của một câu hỏi, nếu khởi thủy mà không có câu hỏi thì rồi cũng không còn gì để mà ước đoán, để mà lọc chọn”.

“... Rất đúng, khi ta đòi hỏi người nghệ sĩ phải có ý thức đối với công việc mình, nhưng chờ có lần lộn về hai khái niệm: việc giải quyết một vấn đề và việc nêu vấn đề cho đúng. Với nghệ sĩ, chí cần thiết là nêu

*được văn đề.* Chẳng có giải quyết gì cả trong *Anna Karênenine*, trong *Onêguine* nữa, nhưng những kiệt tác đó đã thỏa mãn ta đầy đủ, duy chỉ bởi vì rằng trong sáng tác nọ, những câu hỏi đã được đặt ra xác đáng. Tòa án phải đưa ra được những câu xét hỏi cho đúng, còn giải quyết là việc của các vị bồi thẩm, tùy theo cái nhỡn thức của mọi người..."

Tôi là kẻ hậu sinh của Sêkhôp cũng xin phép mà mạo muội nghĩ rằng: nhà văn có thể là một bác sĩ gọi ra bệnh của bệnh nhân, nêu lên bệnh, nhưng không nhất thiết phải kê đơn bốc thuốc (ai có sức kiêm được cả thì càng xin hoan nghênh) nó là cái việc chuyên trị của người khác làm có kết quả hơn, trong một cái xã hội tiến bộ đã có sự phân công rành rọt.

\*  
\*      \*

Sêkhôp sinh năm 1860, vào thời kỳ nước Nga vẫn còn chế độ nô nô. Ông nội Sêkhôp cũng là một nô nô. Cho đến năm mất (1901), Sêkhôp đã sống dưới triều ba vua Nga và hai vua Nga bị ám sát. Chế độ Nga hoàng rất hà khắc và người ta đã vì nước Nga hồi đó là một cái trại tập trung khổng lồ. Bắn, giết, tù đày. Chế độ mật thám và cảnh sát đàn áp luôn luôn uy hiếp tòa án, trường học, báo giới, văn đàn.

Hồi này đang khai các mỏ, và đang làm đường xe lửa. Xã hội xuất hiện ra giai cấp bình dân với những người sĩ phu (intelligenzia) của giai cấp đó. Thành phố chỗ này chỗ kia phun khói nhà máy. Người nhà quê kéo nhau ra tinh xin việc, đem cái cơ hàn cổ hữu nơi đồng ruộng đánh đổi lấy cái cơ hàn khác nơi ngoại ô và ngõ phố nghèo. Đây đó cũng có đình công. Nhưng phong trào lẻ tẻ. Thợ thuyền lại còn hay nhóm họp theo lối đồng quận đồng hương. Cuộc tranh đấu của vò sán chưa thành một mặt trận tổng công kích có tính chất giai cấp. Bộ máy Nhà nước của Nga hoàng nặng nề, tàn khốc lấn bánh nghiên lên hàng triệu sinh linh ta oán. Tiếng khóc vỡ ra dưới bánh xe đà trả lời cho những tiếng cười béo nồng trong xe reo lên như xu hào cướp được đang rơi vãi ra kia.

Ông thân của Sêkhôp mờ được một cửa hiệu tạp hóa ở tỉnh lẻ - tỉnh lẻ với những cảnh sống mòn của những con rệp. Sêkhôp rất ham học. Và được rời lên Mạc Tư Khoa và Đại học Y khoa. Sêkhôp bắt đầu viết bài cho các báo để thêm tiền ăn học. Những truyện ngắn viết rất ngắn cho các báo đều dựng lên bằng những mẩu đời những thực tế sinh hoạt tinh xép nó diễn biến ra trong cái quá trình phức tạp chung của xã hội Nga, cái xã hội thê thảm mà nhà viết sử sau này vẫn gọi là thời kỳ "Hoàng hôn của nước Nga". Năm 24 tuổi, Sêkhôp tốt nghiệp trường thuốc và trông

nom bệnh nhân ở một nhà thương gần Mạc Tư Khoa. Những truyện ngắn của bác sĩ Sêkhôp được nổi tiếng dần. Từ đây trở đi, những hoạt động của bác sĩ Sêkhôp đã dần dần nhường chỗ cho những hoạt động có tiếng tăm của văn sĩ Sêkhôp. Những kiến thức y học, những xúc tiếp với các kiểu con bệnh của thời đại “Buổi chiều tà trên thảo nguyên Nga” càng giúp cho nhà văn Sêkhôp đi sâu vào gan óc con người, giúp cho Sêkhôp hiểu thấu đến tâm óc người. Bên cạnh cái lòng thương của một nhà văn, còn có cả một tấm lòng nhân ái của một vị bác sĩ khoa học tinh táo trong tình thương:

“... Vì sự tất yếu, những bậc thương lưu, những người suy nghĩ, cũng đều theo chủ nghĩa duy vật. Họ tìm chân lý trong vật chất, bởi vì ngoài vật chất ra, họ không tìm đâu ra chân lý, bởi vì họ người thấy, nghe thấy và trông thấy chỉ có vật chất thôi. Do sự tất yếu mà họ tìm ra được chân lý chỉ ở những chỗ nào có thể sử dụng được kính hiển vi, ống dò và dao kéo... Cảm con người không theo xu hướng duy vật có nghĩa là cảm đi tìm chân lý. Ngoài vật chất ra không có kinh nghiệm gì, không có tri thức gì, tức là không có chân lý vậy.

“... Trong mạch huyết tôi tuôn chảy một dòng máu nóng dân lao khổ và những tinh nết của người nông

dân không có gì làm cho tôi phải kích động. Từ ngày nhỏ, tôi vẫn đặt hết tin nhiệm vào sự tiến bộ...”.

“... Trong tôi, có một cái gì lên tiếng phản kháng; ở tôi, cái khía bàn hơn tính thiệt, và cái quan niệm về công lý bảo tôi rằng, trong điện khí và hơi nước, nó còn có nhiều tình yêu thương con người hơn là trong cái đạo đức liêm khiết và trong cái lối từ chối ăn cá ăn thịt...”.

Mỗi lần đọc lại truyện và nhất là kịch nói của Sékhôp, thấy có một nỗi bâng khuâng, như là nhớ lại một cái tiền thân nào của sự sống, một cái sự sống vẫn còn chung sống với ta ngày nay. Trong nỗi bâng khuâng ấy, nghe vẫn như dội lại cái tiếng cười của Sékhôp rất êm nhẹ và lễ phép. Rời Sékhôp khỏi tay, cái còn lại, vẫn là những âm ba của một cái cười, cái cười của Sékhôp. Cho nên cũng dễ hiểu lắm Sékhôp, lắm những hiện tượng cười của Sékhôp với cái bản chất của Sékhôp nó nguyên là một bản chất vô cùng xót xa và yêu thương cuộc sống. Truyện và kịch mà Sékhôp để lại cho chúng ta ngày nay, chính là để lại cho ta một cái vốn nhân đạo, để lại cho ta một tấm lòng. Cho nên bàn về Sékhôp có nhà phê bình Pháp đã nói: “Cái đã làm cho một tác phẩm tồn tại qua các thời đại, cái đó là tấm lòng. Trên con đường vùn vụt các thế hệ, quả tim tội nghiệp của con người vẫn là

cái quả phao để cứu giữ ít nhiều thợ mỏ khòi sa xuống vực tối”.

Ông Xuân Diệu bảo Sêkhôp là “nói tất cả cái xót đau rất thiên tài, nhưng rồi dâm chân một chỗ...” (Báo “Nhân dân” số 1110) và nói rồi bỏ đầy mà đi. Vậy thời Sêkhôp có phù phiếm và vô trách nhiệm đến cái mức ấy không? Sêkhôp có “dâm chân một chỗ” không? Nhân vật truyện và kịch Sêkhôp tức là những hình thái tư tưởng nghệ thuật Sêkhôp - thực ra, có dâm chân tại chỗ không?

Trên kia, tôi nói rằng Sêkhôp có một thế giới nhân vật, có một nhân loại nhân vật. Nhà văn chân chính nào, dù lừng lẫy một thời một khoảnh hoặc lừng lẫy muôn thuở và tên tuổi vượt qua các biên giới, nhà văn chân chính nào cũng có một thế giới riêng. Cái thế giới ấy là những hình tượng sáng tạo ra do nhân sinh quan và vũ trụ quan của nhà văn, và phản ánh lên cái thực tế của một thời đại. Cái thế giới của nhà văn gồm một nhân loại nhân vật do mình sáng tạo ra. Những nhân vật ấy có những quan hệ mật thiết đặt trong một hệ thống nhất định do nhà văn cấu tạo. Nhân vật của nhà văn cũng có những biến hóa, những biến chuyển theo cái quy luật diễn biến của tư tưởng nhà văn. Nhà văn, có người có tư tưởng tiến bộ, có người lạc hậu trong tư tưởng, với hướng cao nhất của tiến bộ tức là tham gia cách mạng, cũng như với cái chiều lạc hậu đọa lạc nhất, tức là thành phản động.

Nói về một nhà văn, có những trường hợp tác giả được cái này lại thiếu cái khác, và ngay trong một tác phẩm của người ấy, có những trang mờ tối lại còn nguyên bên cạnh những trang chói sáng khác. Thế giới của nhà văn là một thế giới động luôn luôn có sóng gió. Sóng ngoài, và sóng trong. Cho nên nhân vật của nhà văn hoặc là tiên theo lên với tác giả, hoặc là lùi xuống cùng với tác giả lạc dòng sống. Ít khi chúng dẫm chân một chỗ. Nay thử xét xem Sêkhốp có dẫm chân một chỗ và nhân vật Sêkhốp dẫm tại chỗ như thế nào đây.

Nếu chúng ta đừng khó tính đòi hỏi Sêkhốp phải tiến bộ bất chấp cả điều kiện lịch sử của Sêkhốp, thì chúng ta sẽ công bằng hơn trong việc ghi lại những bước chuyển, những bước đi lên của một số nhân vật Sêkhốp nó cũng là những sứ điệp của Sêkhốp. Trong nhiều ví dụ, xin đưa ra một vai.

Trong truyện *Ba năm* tả cái cuộc sống ở một tỉnh lẻ kia, một nhà bác học kêu: “Cuộc sống nước Nga, phong phú và muôn vẻ thay! Anh có biết không, mỗi ngày tôi lại nhủ tôi rằng chúng ta đang đi gần sự chiến thắng huy hoàng có thể được, và tôi muốn sống tới lúc đó để góp phần mình vào”.

Rồi đến năm Sêkhốp 40 tuổi, một nhân vật kinh Sêkhốp quả quyết rằng: “Chúng ta phải thấy rằng, một cái gì to lầm đang chuyển bước, nó đang hình thành một trận giông bão dữ dội và ích lợi, nó đang tiến tới, nó đã đến gần đây, và nó sẽ thổi tan lênh xênh

hội chúng ta, và quét tan đi bao sự hờ hững, bạo nhược, suy đốn của vô liêu, bao nỗi bỉ thử sức lao động..."

Năm Sékhôp 43 tuổi, 1903, nhân vật *Cô dâu* của Sékhôp cũng cùng với tác giả mà thấy rằng sống không phải chỉ nhận xét ghi chép như thế không đủ nữa rồi, mà phải bạo bước đi hơn nữa. Tất cả tình cảm và tư tưởng của Sékhôp vốn là của một trí thức thù ghét sự phản tiến bộ của một cái cơ cấu xã hội phản động nó từ hâm nhân dân, cho nên Sékhôp hồi này càng *nhiều thắc mắc* về những nguyên tắc và ý nghĩa đời sống. Cho nên chất tư tưởng trong truyện và kịch càng đậm nét hơn. Cái Cô dâu, cái bóng dáng hóa thân ấy của tác giả, của tư tưởng Sékhôp đã bỏ cái hạnh phúc ích kỷ và tùn mòn ấy mà ra đi với những ý nghĩ: "Cho tung hô đi tất cả, tất thảy rồi sẽ đột biến như trong phép thần thông. Và rồi như thế đó, nơi đây sẽ mọc lên những lâu đài đồ sộ, những hoa viên kỳ diệu, những tia nước vòi rồng phi thường và những con người đáng yêu đáng kính...".

Trong truyện ngắn cuối cùng *Cô dâu*, cũng có hình ảnh anh sinh viên cầu học như là trong cái kịch cuối cùng *Trại anh đào* của Sékhôp. Qua nhiều hình thù phức tạp ở các nhân vật trong các truyện trước đây, anh sinh viên Nga tượng trưng cho lớp trí thức Nga, lúc này đã được Sékhôp hóa kiếp cho thành những

nhân vật tích cực, và nói lên những câu tin chắc vào tương lai. Nhân vật ấy trong *Trại anh đào* (soạn năm 1903, một năm trước khi Sêkhôp mất và nó là cái tiếng hát của một con thiên nga, một kiệt tác của Sêkhôp đã nói lên tha thiết: "... Này đây là hạnh phúc, hạnh phúc đang cất bước, hạnh phúc đang đi tới phía ta mỗi lúc mỗi gần thêm. Tôi nghe rõ nhịp bước của hạnh phúc. Mà ví phỏng chúng ta, chúng ta không thấy được hạnh phúc, phỏng thử chúng ta không biết nhận được ra hạnh phúc, thì nó cũng không phải là một điều đại bất hạnh. Biết bao người khác sẽ thấy!"

Ngay cả ngoài trang tác phẩm, Sêkhôp cũng nói lên với bạn bè thân thuộc cái lòng tin tưởng đó: "Cuộc sống ấy, tôi không được thấy đâu, nhưng tôi biết rằng nó sẽ khác hẳn, nó không giống với cuộc đời ta đang sống đây. Và cho tới cái lúc đổi đời ấy, tôi vẫn cứ nhắc lại: "Các vị có bằng lòng hiểu rằng các vị sống bệ rạc quá đi thôi, đời các vị sao quanh hiu đến thế".

Hồi còn 30 tuổi, Sêkhôp đi sâu vào thực tế, đi gần năm ngàn cây số để tới một bán đảo chỗ Thái Bình Dương, lúc nhìn một con sông vắng và trơ trọi giữa thảo nguyên vĩ đại của Tây Bá Lợi Á, Sêkhôp cũng có cái nhìn lạc quan của những người khoa học và tiến bộ: "Những bờ sông này sẽ ánh lên một cuộc sống đồng đúc, tinh anh và hào phóng".

Sêkhôp đã có một định nghĩa thâm thúy đáng yêu về phẩm chất người nghệ sĩ: "Cái người không ham muốn một cái gì, không mong mỏi một cái gì, và không lo ngại một điều gì, không thể nào gọi người đó là nghệ sĩ được".

\*  
\*      \*

Lúc còn sống, một lần đó Sêkhôp có bảo một người thân tín: "Thiên hạ đọc tôi trong bảy năm hay bảy năm rưỡi, sau đó người ta sẽ quên tôi". Một lần khác lại nói thêm: "Rồi, lại băng đi qua một thời gian và thiên hạ lại bắt đầu đọc đến tôi về lâu về dài" thật là những lời của một người đầy tin tưởng, cái tin tưởng của một người tin khoa học, tin tiến hóa, tin vào tương lai, tin vào nhân loại tiến bộ. Bởi có cái đức tin đối với cuộc sống lớn lao nên mới có cái tự tin ở đích thân mình, Sêkhôp thật là thú vị và đáng yêu thích thật! Những thiên tài tinh táo, hiền ngang và khiêm nhường! Sêkhôp là người nghệ sĩ cổ điển đã đem hoan lạc đến cho xã hội loài người và loài người tự hào có một nền văn hóa sang trọng và dễ thương như vậy. Sêkhôp tin khoa học, ngay từ khi bệnh lao "tú chứng nan y" đang phá mòn cơ thể mình, và ngay từ khi khoa học chưa đánh lui bệnh lao như ngày nay.

Tư tưởng nghệ thuật Sêkhôp, có một lúc đã là một chú bé đi trợ học phương xa, qua *Vùng thảo nguyên*, nhìn anh đào thành ra “Mùa anh đào chín quà, những cây thập ác và các phần mộ đây đó lấm tấm những nốt tươi như máu đào”. Rồi sau này lúc Sêkhôp đạt tới sự viên mãn của nghệ thuật thì trong vở *Trại anh đào* lại có một nhân vật thiếu nữ đứng giữa trại hoa sáp đổi chủ mà bảo mẹ rằng: “Chúng ta sẽ gây lại một cái hoa viên mới nó lộng lẫy hơn khu vườn này, đây rồi mẹ xem, rồi mẹ sẽ hiểu”. Và cái vườn tương lai ấy nó đúng như lời một nhân vật sinh viên kia đã nói: “Tất cả nước Nga sẽ là cái hoa viên chung của chúng ta”. Sêkhôp cũng đã tin anh đào sẽ mãn khai từ cái ngày mặt đất Nga còn ít hoa và còn nhiều bùn và nước mắt, từ ngày người ta chưa biết anh đào là tượng trưng cho hạnh phúc, từ cái ngày người ta chưa giống anh đào ở quanh ngôi mộ minh tại nghĩa địa Nôvô Đờvitchi. Chung quanh mộ Sêkhôp, anh đào ngày nay liên tiếp ra hoa để thăm tươi lại cái tình anh một nhà văn yêu người, yêu tạo vật, yêu cái sống tiến lên.

Nhưng mà nhắc lại đây cái đức tự tin của Sêkhôp đối với tác phẩm của mình, cũng là để nhấn vào cái tinh chất hiện thời (*actuel*) của tác phẩm Sêkhôp đối với chúng ta vốn cách biệt Sêkhôp trong thời gian và không gian. Ấy cũng là một điều thanh khí diệu kỳ,

một môi cám thông rộng rãi mà chỉ những nghệ phẩm trác tuyệt mới tạo được nên"... Rồi lại băng đi một thời gian, và thiên hạ lại bắt đầu đọc đến tôi...". Sêkhôp như là một nhà tiên tri, biết mình và biết cả đến những độc giả nửa thế kỷ về sau ở tận Việt Nam này sẽ thường thức mình nữa.

Đối với xã hội chúng ta đang đòi hỏi tiến lên, Sêkhôp là một tác giả có tinh chất hiện thời, trong một số vấn đề nhất định. Chế độ chúng ta là tốt, cái điều căn bản này thì chúng khẩu đồng từ, ai đã ăn cái miếng cơm trên mảnh đất Việt Nam đầm mê hôi, máu, nước mắt, và chưa hoàn thổ sau hòa bình này, thì cũng đều nhận thấy rõ như thế; có lẽ chỉ còn một mình Ngô Đình Diệm là không nhận thấy thế hoặc cố tình không nhận ra thế. Chế độ chúng ta là tốt, nhưng... nhưng còn nhiều cái ở trong nhiều con người hoặc ở trong mỗi... chúng ta chưa thật là tốt. Sự giáo hóa còn đòi hỏi rất nhiều công phu, và rất là bức thiết, "Nếu chúng ta hiểu rằng thiếu một nền giáo dục rộng rãi, Nhà nước sẽ sụp đổ xuống như một tòa nhà xây bằng gạch non lửa" (Sêkhôp). Và nay trong thực tế, việc tổ chức nâng cao trình độ văn hóa cho quần chúng nhân dân cũng là một cuộc trường chinh gian khổ lâu dài, đòi hỏi dung khi và hy sinh có khi. Theo thiền ý tôi, thì Sêkhôp giúp ta đẩy mạnh thêm cuộc giáo hóa kia; lúc sống viết truyện, hẳn Sêkhôp cũng

không bao giờ nghĩ rằng mình sáng tác cũng là để viện trợ phần nào sau này cho con người Việt Nam đang chống bóc lột và tiếp tục diệt dốt và diệt những tội ác của cái dốt gây nên! Tôi xin thành khẩn rút lui ý kiến trên, và sẽ xin rút luôn cái câu tôi thường hay dùng: “*Người dịch Sékhôp không có lỗi, người xem lấy đó răn mình*”, nếu có ai đây dẫn chứng ngay cho tôi thấy đây đủ rằng trong chế độ ta ở miền Bắc đây không còn mảy may hiện tượng của sự tệ lâu cùi lắn mới, và đã hết tiệt những “Quản Bí” những “Bêlicôp”, và những thứ người ngợm phảng phát hình bóng các nhân vật phức tạp Sékhôp đã dựng nên. Đúng thế đó, cuộc đấu tranh ngày nay của chúng ta phải tiến hành trên hai mặt: chống kẻ thù giai cấp, và chống những thói hậu thoái trong các tầng lớp xã hội.

Quả có như thế, tôi đọc *Lão Quản Bí*, tôi đọc *Người mang vỏ óc*, thấy tức giận và xấu hổ. Xấu hổ cho cái chất người khi nó xuống quá đén như thế. Sékhôp đã đặt những dấu hỏi nó nhói vào tôi và để cho tôi tìm lấy câu trả lời, trong khi tôi liên hệ với thực tế quanh mình. Trong cái cười Sékhôp, thấy lẩn vào ít nhiều mặn chát của nước mắt, những giọt nước mắt của xấu hổ. Trang sổ tay tôi ở kia, có đoạn văn Karl Marx nói về liêm sỉ: “Và cái đó cũng là một sự phát hiện, mặc dầu nó có tính chất tiêu cực. Đó là chân lý nó truyền

lệnh cho ta phải hiểu rõ về tình trạng bệnh hoạn của bộ máy Nhà nước, và lấy sỉ nhục ra mà thoa lên mặt... Biết xấu hổ đã là một việc cách mạng rồi... Xấu hổ là một sự phản khích hướng vào nội tâm. Và nếu toàn thể quốc dân cùng thật sự biết xấu hổ, thì cả dân tộc sẽ trở thành sư tử..."

\*

\* \* \*

Đọc Sêkhôp, nếu chỉ thấy rật có những Quản Bi và Bêlicôp thôi thì cũng nhức đầu thật. Nhưng tác phẩm Sêkhôp còn có bao nhiêu cái khía sáng của mơ ước lành mạnh, có những nhịp thơ nhạc nó phác trước lèn cái viễn cảnh rất gần của một cuộc sống tiến bộ.

Lại xin dẫn nốt ra đây những dòng cuối cùng của Goocki trong bức chân dung về Sêkhôp:

"Thật là một sự khoái hoạt khi tưởng nhớ đến một người như thế; lập tức, ta sẽ vững tâm, và cuộc sống lại trở nên có một cái hướng nhất định.

"Con người là cái trục của vũ trụ.

"Nhưng mà còn những tệ bệnh và khuyết điểm của con người? Người ta hỏi thế.

"Chúng ta đều đói khát tình yêu thương đồng loại... Nay vào lúc mọi người đói, tấm bánh có chưa chín đi nữa, cũng cứ là ngon".

## PHÊ BÌNH NHẤT ĐỊNH LÀ KHÓ

**T**rong quá trình biểu hiện thực tế nhiều mặt ở miền Bắc, tuần báo *Văn* đã được ông Thé Toàn xây dựng thêm cho bằng một bài luận đăng ở tạp chí *Học tập* số tháng 7-1957.

Ông Nguyên Hồng liền trả lời (báo *Văn* số 15) có những câu:

"... Sư nhận định của tạp chí *Học tập* về con người và sáng tác thể hiện trong tuần báo *Văn* không những lâm ban biến tập của tờ báo không đồng ý mà cả nhiều quan chúng cũng phải đề ra những câu hỏi: - Tại sao sự nhận thức và thái độ phê bình của tạp chí *Học tập* lại như thế? - Có phải vì giáo điều, sơ lược, công thức, nên mới có sự nhận thức và phê phán như thế? - Có phải vì tác phong quan liêu, thái độ trịch thượng và cái lối đao to búa lớn nên mới có sự nhận thức như thế?..."

(Tôi cũng xin hỏi tại sao ông Nguyên Hồng lại không gọi thẳng tác giả bài đó ra mà nói, mà lại cứ gọi một cách trùm lợp là báo *Học tập*? Mặc dầu đâu

bài đã nêu là trá lời bài viết của tác giả Thé Toàn, nhưng bạn đọc vẫn co thè hiểu nhầm).

Tiếp theo đó, trong *Học tập số* tháng 8-1957 lại có một bài bút ký của hai ông Hồng Chương và Trịnh Xuân An với những câu:

“... Chúng ta cũng kiên quyết phản đối thái độ của một số đảng viên phụ trách văn nghệ phạm khuyết điểm sai lầm được báo chí Đảng giúp đỡ phát hiện khuyết điểm sai lầm mà không chịu khiêm tốn kiểm điểm và thành tâm sửa chữa, trái lại, lại đả kích và mạt sát báo chí Đảng...”.

Ấy là thâu tóm ít nét diễn biến của vấn đề, và dưới đây là một số ý kiến nhỏ của tôi về công việc phê bình văn học trên cái cơ sở cụ thể của việc vừa nêu trên.

Tôi phải nói ngay rằng mười số *Văn phản ánh* con người mới lên báo còn yếu. Nguyên nhân? Cũng là do trình độ biểu hiện con người thời đại còn thấp mức, còn kém đây thôi. Ấy cứ tìm quanh quẩn chò lý do trình độ ấy, cứ xoáy vào đó, thì giải quyết đúng vào vấn đề, bằng không thì sẽ lạc mất tinh chất khách quan trong việc đánh giá.

Trong việc đánh giá, đặc biệt nhất là ba ông Thé Toàn, Hồng Chương, Trịnh Xuân An đã có những “thái độ trịch thượng và cái lối nói dao to búa lớn”. Tôi cũng đồng ý với ông thư ký tòa soạn báo *Văn* về cái nhận xét này. Thêm nữa, cá nhân tôi lại cảm thấy mấy ông đó đã làm cho người đọc phải hiểu rằng các

ông lấy Đảng ra để “doạ” anh em viết bài báo. Dù muốn hay không muốn, hậu quả của cái cách nhìn cách viết của mấy ông là đã tạo ra ấn tượng kia.

Hắn ông Hồng Chương còn nhớ buổi họp mờ rộng của tòa soạn tuần báo *Văn* để kiểm điểm báo, mà ông có dự? Có những ý kiến đưa ra để hỏi xem bài của ông Thé Toàn ở *Học tập* số 7-1954 là tiếng nói chính thức của Đảng hay đó chỉ là tiếng nói của một người viết bài? Riêng tôi vẫn nghĩ (và có nói ngay lúc ấy) rằng đây không phải là tiếng nói thật sự của Đảng, mà đây chỉ là một bài của một người, và tòa soạn đã nêu lên đầu bài một vài ý kiến gì đó của tòa soạn (cái việc này là một chi tiết nhưng rất quan trọng và người phụ trách tạp chí không thể không thận trọng, nhất là tạp chí của Đảng đều về thâuとり các chi bộ cơ sở). Ông Hồng Chương có trả lời ngay là cũng xin cứ coi nhau như là một bạn đồng nghiệp và phê bình giúp đỡ lẫn nhau. Kế sau đó ông về rồi cùng ông Trịnh Xuân An cho ra một bài bút ký đăng số 8-1957, quy cho báo *Văn* đã “đả kích và mạt sát báo Đảng”. Cái gì mà lại có tính cách hăm dọa như vậy? Cứ vào những chứng cứ gì mà hai ông quy cho người khác là mạt sát báo Đảng? Các ông há chẳng nhớ câu thành ngữ: “Ai muốn giết con muông của mình thì quy cho nó là chó dại”? Các ông có nghĩ đến cái sinh mệnh chính trị của những người đồng chí đồng nghiệp của ông khi họ bị vu như vậy không? Tôi rất phản ứng với cái “thói phê

bình có tính chất xuyên tạc và phá hoại có tính cách thô bạo, đàn áp ý kiến đó”. Tôi gạch dưới câu này, chính cái câu của đồng chí Trường Chinh trong văn kiện mà hai ông đã dẫn ra và trong bài bút ký hai ông còn nhắc thêm “chúng tôi đã thu hoạch được sau khi đọc bài nói chuyện ấy”. Cũng trong bài bút ký lịch sử của hai ông, sau khi đã gấp lứa bỏ tay người ta như vậy rồi hai ông còn đề nghị: “Anh chị em văn nghệ sĩ chúng ta không nên e ngại phê bình mà nên làm quen với lỗi phê bình thẳng thắn...”. Thế này thì quá quắt quá mắt. Có phải bây giờ chữ nghĩa dùng nô khác cả đi rồi không? Có phải vì một số danh từ và hình dung từ của chúng ta bị lâm vào tình trạng lạm phát không? Cái cách làm như vậy, nó thuộc vào loại con người cũ, hay là ta lại cũng gán cho “cái con người mới” để mà tô hồng hoặc bôi đen trát xám? Làm như vậy rồi, mà hai ông vẫn còn kêu (cũng trong bài ấy) rằng: “... Cảm thấy phê bình một số anh chị em văn nghệ sĩ là một việc “khó quá”. Mong rằng các anh chị văn sĩ sẽ hăng hái ủng hộ...” Xin nói ngay rằng bản thân tôi không những không thể ủng hộ được cái cách làm như hai ông đã làm mà tôi còn có bốn phật nói toạc ra rằng như thế là không tốt, không hay, không đúng.

Hai ông kêu phê bình là khó, có phải tại các ông đã tin vào cái câu của nhà phê bình Boa-lô nói rằng: “Phê bình là dễ dàng, và sáng tác là chất vặt”, cho

việc ấy là quá dễ dàng mà nay thấy nó đụng phải nhiều thực tế phức tạp (nhất là thực tiễn Việt Nam trên con đường phức tạp gian lao của chủ nghĩa xã hội ở xứ ta), mà các ông rên khó không? Tôi chỉ là một người sáng tác trung bình, nhưng tôi cũng cảm thấy thông cảm được với hai ông về cái khó khăn của công tác phê bình. Nếu dễ làm, làm không vấp, làm đến đâu cũng là hay là giỏi cả rồi, thì sao người ta đã lợi dụng được hai ông, đã lợi dụng được chúng ta?

Nhân nói đến cái khó khăn của phê bình mà những nhà phê bình khách quan chúng ta sẽ vượt được lên, tôi muốn nêu ra đây cái vấn đề kỷ luật phê bình. Ta mới chỉ nói đến kỷ luật sáng tác thôi mà sao chưa nói đến kỷ luật phê bình? Kỷ luật phê bình nếu ra đây, là tất nhiên cũng là một thứ kỷ luật tự giác, cũng như mọi thứ kỷ luật lao động, kỷ luật sáng tác, kỷ luật tuyên truyền khác ta vẫn làm.

Phê bình thiệt là khó. Theo tôi nghĩ, có khi còn khó hơn cả sáng tác (chứ không như Boileau nói đâu) vì chính bản thân cái công tác ấy, nó rất có tính chất sáng tạo, và nó cần phải được như thế. Làm đúng làm hay, nó có giá trị cả hai mặt: trước là đánh lui và đánh chết cái hư hỏng và cái ác, và mặt khác, nó đưa cái tốt lên, nó làm yên tâm và gây hào hứng cho những thiện chí và, nói theo tự vị kinh tế, thì nó đẩy mạnh lực lượng sản xuất, mức sản xuất và chất lượng sản phẩm. Trong một số khó khăn gây thêm ra do phê

bình, về mặt tiêu cực của công tác phê bình, gần đây, chúng ta cũng đã có một số kinh nghiệm xương máu nữa kia đó.

Theo chõ tôi biết thì đã có một số hiện tượng hách dịch đối với văn nghệ phẩm, xuất phát từ một số người phê bình cũng như từ một số cán bộ chính trị. Tôi rất đồng ý là văn nghệ mà nhất là nghệ sĩ có tài, càng cần phải khiêm tốn. Nhưng chung quanh, nhất là những người có trách nhiệm về phán đoán cái này cái kia, đề nghị cũng làm như vậy cho. Tôi tán thành cái ý kiến này là những "sĩ" của các ngành văn nghệ chúng ta chưa có gì là ghê gớm lắm đâu, về trình độ văn hóa, trình độ nghề nghiệp còn phải học cho nát xương lòi da ra, học cho đến chết mà chắc gì năm hết được quy luật của sự sống. Nhưng cũng không nên vì nó chỉ là "sĩ" của Việt Nam mà đánh giá nó quá thấp quá tôi về khả năng nhạy cảm đối với thực tế khách quan, cho nó là mít xoài tất trong mọi cảm xúc phiền toái và vĩ đại vừa gieo neo vừa lớn lao hiện nay của chúng ta. Trong mọi thực tiễn Việt Nam nói chung các mặt, nếu đã có những tác giả còn non nớt, nếu đã có những tác phẩm yếu xoàng, thì cũng đã có một số cán bộ thực hiện chính trị một cách cũng không cao tay gì lắm. Đối với nghệ phẩm, anh đến với nó (nhất là thứ tạo ra ở bản xứ) mà anh tham lam quá đáng hoặc hung hăng một cách không cần thiết, thì nó biến mất (như là một cái sự gì là duy tâm vậy!) Mà như thế kết

quà là gì? Là thiệt cho cả văn nghệ, cả chính trị, và quan trọng hơn nữa, là thiệt ngay cho cái cuộc sống muôn màu một hướng mà chúng ta đang động viên nhau mà phục vụ hết lòng.

Lại vẫn theo tôi nghĩ, cái đạo đức cách mạng lớn nhất của một người phê bình cách mạng là đức độ. Không phải đức độ sẽ ảnh hưởng này nọ đến lập trường giai cấp, mà trái lại, cái đức độ bao dung người ấy sẽ làm cho lập trường giai cấp chúng ta nhuần nhì hơn, mềm mại hơn trong cách làm mà vẫn cứng rắn về nguyên tắc. Đức độ sẽ giúp cho người phê bình (đều là lão luyện hoặc mới viết lời) đỡ chủ quan. Mà khuôn vàng thước ngọc của nhận định của phê phán là gì, nếu căn bản không đi từ khách quan mà đặt vấn đề?

Kết thúc một số ý kiến của tôi, tôi xin trân trọng gạch dưới một câu trong một đoạn của Hồng Chương, và Trịnh Xuân An ở ngay cái ván kiêm các đồng chí Hồng Chương và Trịnh Xuân An đã dẫn ra: “Chúng ta mong rằng trong quần chúng thường thức văn nghệ sẽ gây thành một tập quán mới đón chào và phê bình nhiệt tình những tác phẩm mới ra đời?”

## LỜI GIỚI THIỆU VỚI KỊCH “KIM TIỀN” CỦA VI HUYỀN ĐẮC

Đúng như cái tên nêu lên, từ đầu đến cuối vở “Kim tiền”, Vi Huyền Đắc đã chuyên nói về một câu chuyện tiền nong trong một cái xã hội An Nam trọng thị đồng tiền. Đây là một cái chuyện của người Việt Nam nhất định làm giàu, đòi phải làm giàu cho bằng được. Cái người có chí làm giàu này tên là Trần Thiết Chung và cái lịch sử một đời triệu phú này tính từ năm 1937 ngược về trước Nguyên là một kẻ nghèo quý trọng khi tiết và sự trong trắng của phẩm cách làm người, Trần Thiết Chung đã từ cái chỗ rất khai với đồng tiền, rất phẫn vì vợ con thằng thúc ma đì tơi chỗ chạy theo tiền, hùng hục lam tiền, cuồng tín trong sự vận dụng và kinh doanh tiền, say sưa ma điểu khiển tiền. Trần Thiết Chung là một người có chí, có cái chí và cái tư ái trớ nén giàu sụ cho đời biết tay ta. Cái người có chí áy đà làm nén. Trước vì khí khái nén muốn cam phản nghèo, nay vì dỗi hờn với vợ con, phản với chính mình ma Trần Thiết Chung lao vào

đời làm tiền. Lão đi trưng thuê đò thuê chợ, buôn gạo buôn ngô, chạy ô tô chạy xe kéo, buôn tàu, buôn bè, mỏ phu, khai mỏ, rồi lại gửi tiền vào nhà băng mua đường sắt và đầu tau tận bên Tây để khai mỏ nhiều hơn nữa. Từ một vợ, nay Trần Thiết Chung đã tiến lên ba vợ ở mỗi người một dinh cơ riêng: vợ cả ở quê gốc, vợ hai ở đồn điền, vợ ba tân thời nhất thì tậu hàng dãy phố nhà gạch và trưng thâu thực phẩm cho phu vùng mỏ. Nhưng mà cái người rất nhiều khả năng kinh tế kia lại là một kẻ rất thiếu hạnh phúc. Chỉ thấy nhà tư sản Trần Thiết Chung túi bụi rồi rít vì điều khiển tiền bạc, vừa cầm tiền vừa than vừa hoài nghi đồng tiền không tạo được ra hạnh phúc thật sự. Rồi cuối cùng, nha giàu này chưa hết của nhưng mà đã hết đời. Bên cái tủ két sắt oai nghi nọ, Trần Thiết Chung đã chết vì một phát súng nào đó của cuộc đời.

Bằng phương tiện của sân khấu và nhất là bằng độc thoại đối thoại, Vi Huyền Đức đã kể lại cả cho người đọc và người xem được nghe lại tấn kịch bi đát của một đời người làm giàu. *Kim tiền* là cái cơ cấu của một thảm kịch về tiền bạc, là cái quá trình làm giàu của một nhà tư sản Việt Nam. Trần Thiết Chung gợi đến một cái gì phảng phất như ông giáo Topaze (của Marcel Pagnol), hoặc như một số nhân vật nào của

Balzac với cái tâm lý có hưu của những người “mà đồng bạc 100 xu ngồi lọt ở đáy mọi lương tâm”. Qua cuộc đời nhân vật Trần Thiết Chung, như thấy cung hiện lên bao nhiêu cái tiểu sử làm giàu khoảng dăm chục năm đầu thế kỷ XX ở nước ta, mỗi anh làm giàu một nét, một thói, một cách, một tội.

Thời đại ấy, là thời thằng ác, thằng nịnh, thằng bôi.

Có kẻ chỉ bán đầu tiêm thuốc phiện cho quan cai trị mà rồi cứ thế mà phát mãi lên, rồi ngồi lên tội ác, rồi cười lên của chìm của nổi. Có anh thì thút cá cửa quyền Tây cả cửa quyền ta, sống bằng nghề mại bản các thứ phẩm hàm nhà vua, mề đay bảo hộ, mặt nhẵn như cái ghế buồng đợi khách các công sở. Có đứa đều hơn, làm giàu bằng việc ăn chặn tiền tuất quả của tất cả những người vợ những nông dân khổ đói bị bức đi đánh giặc Đức trên đất Pháp. Có anh được Tây giao cho đi mở đường cái, cứ nhè chõ nào nhiêu mô mà gia tiên nhà những người có máu mặt mà đòi mở đường cho tới khi nào nhận đủ lẽ thì mới ngầm phân đường chêch đi hướng khác; càng mở đường càng khổ người sống lẫn người chết, và càng phát tài riêng cho một thứ người mang máy ngầm. Có anh lại cứ chuyên môn xúi giục: người ta đánh nhau, giết nhau, đốt nhà

nhau, và sau đó xui người ta chạy tháo kiện để mình sê bò túi những số tiền hoa hồng của thầy kiện; cửa nhà đàng hoàng, hoành phi câu đối, cổng lên một cái biển đồng “a-dăng đáp-phe”. Có anh lại giàu vì vợ: sắc đẹp của vợ anh ta là một cái vốn lớn mà trong một quãng giao thời, anh ta đã đặt vào giữa đám quần quan. Có những tên bợm khác lại giàu vì chim được me Tây già rồi lập mèo chiếm cà vân tự hàng phố nhà gạch của cái thứ me Tây dại giai. Có anh lại bỗng chốc giàu tay lên vì tình cờ đào được vàng của một gia đình quan kiếc nào đó chạy loạn Tây sang thất thủ kinh thành. Vân vân...

Thế rồi người ta đi thâu thuế đò, thuế chợ, trưng cọc nhà pha, trưng cọc nhà thương, bó thầu quần áo linh khố cả xanh lắn đò. Thế rồi người ta trưng xia “thu thiên hạ chi nhân tâm” vào riêng của mình. Thầu cút, thầu cọc, thầu rượu, thầu tất, cái gì có người gọi một cái là xin thâu ngay. Có anh lại lấy ngay mạng người đồng chùng ra mà thầu mà làm một cái vốn, và mộ phu đi Nam Kỳ đi Tân Thế Giới cho những Công ty Đất đẻ, trước cửa sờ mộ phu lại cho cắm lên một ngọn cờ màu vàng (!). Có anh còn âm mưu với Tây để làm độc quyền mắm tôm, mắm cá, muối biển cà ven biển thành địa ngục nhân gian... Chiến tranh thứ hai.

Liên nỗi lén không biết bao nhiêu là vua chợ đen. Cảm cắp da lúc này không phải là người trí thức làm nghề tự do mà lại toàn là các thứ mại bán. Phòng lên các thứ cắp da ống thuộc Đadênhang, cắp da kim máy khâu Nhật Bản, cắp da đá lửa, cắp da vân vân... Nhiều anh chuyển ra chạy xe camiong chờ étsang đường Lạng Sơn - Nam Ninh, mỗi công - voa đi và về mà thoát bom Nhật, thì sâm banh lại nổ bom bõp dưới xóm Khàm Thiên. Có những anh chỉ mạnh xin được toa xe lửa chờ các thứ máy tháo ra từ cảng Phòng đi Vân Nam, chỉ ăn vào cái tiền chạy hàng xách xin toa xe thôi mà cũng đủ thanh tên tuổi trong thế giới vàng bạc.

Cứ kể mà điểm cho hết được những diện mạo các thứ người lam giàu, điểm vào thầu cho đến Nam Kỳ Nam Bộ nữa, thì còn nhiều lắm. Cứ kể ra mà điểm cả đến những hình thù tư sản mại bản làm giàu trong hồi tạm chiếm (ví dụ như thầu xây cả hệ thống boong-ke Đờ Tátxinhì nửa chìm nửa nổi, thầu đắp sân bay, ví dụ như tàu chung tàu bay Đacôta với giặc để tiếp tế cho các đồn địch) thì còn nhiều, nhiều lắm. Cho nên, hãy xin trở lại với nhân vật triệu phú của vở *Kim tiễn*.

Tư sản Trần Thiết Chung trong bi kịch cũng như các thứ đầu người tư bản vừa điểm ở trên, có chỗ giống nhau: tất cả, họ đều là cái đám tiêu biểu cho một thứ kinh tế Việt Nam của một giai đoạn mất nước. Nhưng cái chỗ Trần Thiết Chung khác họ, tức là không phải chỉ buôn bán, mà còn sản xuất, có vai trò trong sản xuất than đá. Khác với bọn trên, Trần Thiết Chung không găm tiền lại thành cái tiền chết mà phải làm cho tiền đó thành cái vốn sống, và đã bảo người vợ là “đừng mua nhà, tậu đất, đặt lãi làm gì nữa. . . để tiền lại làm mò...” và quyết chí: “... Cả cái cơ nghiệp mất hết đi nữa, tôi cũng vui lòng hả dạ rằng đã làm được một công việc mà người An Nam chưa ai dám làm...”. Như ta vẫn thường nói, thì nó là vào cái cõi tư sản dân tộc loại chạy tàu ven biển như Ký Bưởi (Bạch Thái Bưởi) chi đó. Tư sản Trần Thiết Chung trước khi làm mò, đã làm tự vị Bách khoa (mặc dầu chưa in ra) và sau đó chuyển hướng rất mạnh sang làm tiền bằng trưng thuế đồ thuế chợ, cân ngũ cốc, kinh doanh về đài tái giao thông, và mờ phu cho hãng Wall Cock, “suốt ngày suốt đêm, mấy người ký mấy người cai và tôi, lúc nào cũng phải giặt súng lục ở trong lung mà tay thì cầm roi... nó nhốn nháo quá, tôi phải dựng hẳn một tóp nhà ở trên một cái bãi ở

giữa sông rồi đem tất cả chúng nó ra đây. Thuyên bè  
cấm hết không cho cái nào lại gần... Mất ngót một  
tháng giờ mới có tàu đến... Ây thế mà nó chỉ tìm cách  
chuồn. Có đứa đương leo lên cầu thang tàu nó nhảy  
đại xuống sông...”<sup>(1)</sup>

Trần Thiết Chung là một nhà tư sản có chữ nghĩa  
cho nên đối với những vấn đề thời cục, lão cũng có  
được cái nhìn rộng, (rộng, hiểu theo cái nghĩa doanh  
lợi) và đã đem những cái nhìn ấy mà soi vào mọi việc  
kinh doanh. “Than xuất cảng mỗi tháng một tăng...  
Thì cứ xem thời cục Viễn Đông, bể nào người Nhật

(1) Khoảng thời gian Trần Thiết Chung làm mò (tính theo ngày  
tháng hoàn thành tác phẩm *Kim tiên* và tính theo niên hiệu  
sự việc nêu trong tác phẩm) là vào khoảng những năm nước  
ta đang con hậu quả nạn kinh tế khủng hoảng, người nông  
dân vẫn tiếp tục bỏ làng mà ra tinh, ra các vùng có phát  
triển kỹ nghệ để bán rẻ nhân công. Có người đi kéo xe,  
người đi ở, có người đi phu đòn điện, có người đi phu mò  
v.v... Theo tài liệu các kỹ yếu kinh tế hồi ấy, con số phu mò  
năm 1937 lên tới 4 vạn 0538 người và tiền than đá hàn ra  
hồi ấy thu được gần 9 triệu đồng. Năm ấy cũng là năm vỡ  
đường, nước lụt tràn 8 tỉnh đồng bằng miền Bắc, 45 vạn  
mẫu ruộng ngập, gần 12 vạn dân quê phải đi ở và di ẩn  
máy. Nông dân đổi khổ không có cái ăn, mặc dầu chính tay  
họ làm ra ngũ cốc; nhưng mà năm 1937 ghé góm ấy, cũng  
lại là năm người ta xuất cảng ngô gạo rất nhiều. Trong cái  
số gọi là “người ta” đây, khỏi náo không có bàn tay nhân vật  
Trần Thiết Chung. Những ban nào đi tham gia phát động  
nông thôn, giờ số tay ghi tó khổ của rẽ của chuỗi, không  
nhiều thì ít, khỏi náo mà không có những đoạn thảm tình  
thương có quan hệ đến niên hiệu và sự việc trên. (Ng.T).

Bản cũng phải mua than, mỗi ngày một nhiều hơn lên. Nước Nga đã hoàn thành công việc kiến thiết ấy ở Tây Bá Lợi Á cả hai bāi bāng tuyết ấy ngày nay đã thành ra một khu vực công nghệ thì phía bên này là Mân Châu Quốc, nước Nhật cũng phải có một sự kiến thiết tương đương... Than Mân Châu than Sơn Đông không thể nào đủ dùng được, vì tôi đoán quyết như vậy, nên...”.

Trần Thiết Chung đã thuộc hẳn vào cái loại người mà “tiền là cái lò xo vĩ đại của sự sống” (Balzac), và lão đã tuyên bố lên rằng “tiền của tôi, không phải là của tôi, nó là của công việc của tôi đương làm”. Cho nên nó đã xử sự đúng với cái phương châm đề ra từ vạn cổ: vì phú bất nhàn, vì nhàn bất phú. Nó dám chống lại mọi thứ tình cảm có thể xảy đến cho nó. Hắn đã tự đắc mà triết lý rằng “Tôi nói thật, ấy hè minh mà vấp ngã là ho xéo bứa ngay lên lưng lên đầu minh lập tức. Họ ngã, minh cũng làm như thế. Cái bí thuật là giữ thế nào cho đừng có ngã...”. Đồng tiền đã là người cố vấn tối cao bồi dưỡng cho hắn có bạo lực trong cái nhân sinh quan người chủ. Cái giá trị của ngòi bút Vi Huyền Đắc là đã vạch được ra cái bản chất tàn bạo của Triệu phú Trần Thiết Chung nó cũng là cái tính chất chung của giai cấp tư sản. Và kịch tác gia đã đem cái bản chất bất nhân ấy ra mà đối chiếu với nhiều trường hợp, để cho cái chất Trần Thiết

Chung hiện rõ hết lên. Đối với công nhân mỏ, tức là những người nai lưng oằn xương ra mà đáp cho cơ nghiệp chủ mỏ, thì Trần Thiết Chung tráng tron bảo rằng: “Một tên phu không thể coi là một người được... cũng chỉ là một cái khỉ cụ thô”. Đúng hệt cái giọng cái chữ của những tướng tá quân đội đế quốc tư bản, trong việc sử dụng vũ khí, trong mọi việc điều động con người binh sĩ, vẫn gọi người lính là nhân cự (metériel humain).

Và lão đã bảo luôn với người thư ký trung thành của lão: “Không, không, không, ông không nhớ rằng: tôi không cần dư luận hay sao... - Nếu làm việc gì cũng sợ dư luận, thì không còn dám làm việc gì nữa...”.

Ngoài cái quan hệ giữa chủ và thợ ra, Trần Thiết Chung còn tàn ác và trơ tráo hơn nữa ở các mặt tình cảm khác. Như là những phía đối đãi với vợ con, với bạn làm ăn cũ, bạn kinh doanh mới. Trần Thiết Chung đã hiện lên đầy đủ dưới cái hình thù tàn nhẫn nhất, cạn tàu ráo máng nhát đối với Cự Lợi, - cái người cố tri đã giúp hắn lúc hắn còn nghèo đói, cái người đã tích cực giải thích cho Trần Thiết Chung: “Tiền là huyết mạch. Không có tiền, không thể sống được”, cái người mà trước đây, Trần Thiết Chung đã mỉa là “một nhà thi sĩ của kìm tiền”. Thầu khoán Cự Lợi lúc sa sút, đến nhờ vả Trần Thiết Chung lại, đã

bị bạn cũ tuyệt đường ân tình nhân nghĩa bằng những lời nhục mạ có hẩn cái tác dụng bức tử được người nghe: "... Giả nợ bác tôi đã già rồi, giúp lại bác, tôi đã giúp rồi, thế là bác với tôi thanh khoản... - Cái số trời quá áy, tôi cho vào tiền lãi. Thế là thanh khoản... - Tôi ở vào cái cảnh ngộ của bác, tiền nong không có, lại thêm bệnh não đây người, thì thà một chén thuốc độc, một sợi dây thừng, chứ tôi không chịu ngửa tay cầu người này cứu người kia giúp, hay kể tình cũ nghĩa xưa, quấy rầy người khác...".

Đối với một ông Nguyễn Văn Hòa nào đó ở Hải Phòng định sẽ kết thúc đời mình bằng tự sát nếu Trần Thiết Chung không cho khất nợ, thì Trần Thiết Chung trả lời như thế nào? Đây là cả cái đều già của một cái bản chất tàn bạo mang đủ cái tính chất giai cấp của nó: "Hừ, ông áy tự tử thì thiệt thân ông áy, khổ cho vợ con ông áy, chứ tôi cần gì. Tôi chỉ cần ông áy già nợ cho tôi". Thấy những mẫu người kinh tỤ này thò mặt ra giữa cuộc sống để buông ra những lời táng tận lương tâm như trên, mà lại càng sáng lên cái văn rất hay của bản Tuyên ngôn của Đảng cộng sản: "Giữa người và người, giai cấp tư sản chỉ "còn để lại có mỗi một thứ quan hệ, cái quan hệ "của lai lời lạnh giá, của đồng tiền mặt khắc nghiệt...".

Đối với con cái, Trần Thiết Chung đòi bỏ tù, vì đứa con đã phạm vào cái nguyên tắc tiền của của đứa bố.

Đối với người vợ ba mà Trần Thiết Chung biêt đai nhất, cũng vẫn chuyện buôn bán trên cơ sở tiền bạc; và với họ y như lời Balzac tố cáo, hôn nhân rồi cũng chỉ là sự hùn phẫn của hai cái túi bạc. Và trong việc buôn bán lẩn nhau này, con mụ vợ ba quái ác kia, vẫn không quên cái quy luật tàn nhẫn của giai cấp tư sản mà mụ đã nắm chắc cái đó. Chồng già gạ vợ trẻ canh ty, vợ trẻ sợ người chung phần chết trước mình, rồi mình sẽ tay không mà bước ra, nên bà vợ đã bắt ông chồng ký hợp đồng lấy mỏ ra mà bầu chủ cho tiền vay, sau này vạn nhất có gì, thì cái con vợ biết chơi nhau ấy sẽ tịch ký cái mỏ của một người con nợ mà có một lúc trước đây nó đã gọi là chồng. Nhân vật vợ ba này phát triển rất đúng cái quy luật của xã hội tư bản (mà đây là cái ưu trong cái nhìn của nhà soạn kịch *Kim tiền*), cho nên lúc màn sấp hạ, cái thể xác người chồng bị đạn vừa vật xuống, thì cái phản ứng đầu tiên của mụ ba là thọc tay vào túi xác chết để đoạt nhanh chùm chìa khóa tủ két. Cái xác phút ấy máu còn tươi và vẫn còn ấm ấm mềm mềm.

\*

\* \* \*

Từ xưa tới nay, ở khắp nhiều nơi trên thế giới, tiền bạc là một cái chủ đề của cuộc sống con người, và do

đó tiền bạc cũng thành luôn một trong những chủ đề lớn của sáng tác văn học và nghệ thuật. Trong trật tự luân lý của sự sống, tiền cũng đã trở thành một cái thứ luân lý đặc biệt. Nó trở nên một tình cảm, nó cũng là một cái chuẩn cho sự sống của một số lớn. Nhiều lúc, nó lại được bình hạng ở trên cả ván đề yêu thương trai gái, cả ván đề chết sống con người. Có rất nhiều tác phẩm đã được cảm xúc và hình thành do đê tài tiền bạc, mỗi tác giả, cảm thông một cách, một mức độ riêng, nhưng nói chung thì xuyên qua đồng tiền phân bạc, đều thấy đưa ra một bài học gì về luân lý làm người ít nhiều có bàn tới cái đạo sống. Thật ra, đồng tiền không đảm bảo cho hạnh phúc chân chính, bất kể đồng tiền ấy đến bằng cách nào nguồn nào. Có tiền nhiều, không nhất thiết là được nhiều phúc, là có nhiều đạo đức. Có nhiều tiền nhiều khi thực tế lại chứng minh cho thấy rằng nhiều như thế chỉ có nghĩa là nhiều tội ác. Có tiền chưa hẳn là sung sướng, mà không có tiền thì lại càng thành ván đề, thành ván đề cho thể xác cho tâm hồn, cho cái cấp bách trước mắt và cho cái cần thiết lâu dài suốt đời mình và đời thân nhân mình. Nói tóm lại, tiền bạc không là chân hạnh phúc; nhưng, với trình độ tổ chức xã hội hiện nay, không có tiền (ở tay, ở túi, ở tủ, ở chìm trong các hiện vật sở hữu, hoặc giàu cát kỵ lưỡng ở đâu đó) cũng

không phải là đã có hạnh phúc - hạnh phúc hiểu theo một cái nghĩa thông thường của con người trung bình.

Cũng trên cái hướng triết lý ấy về tiền bạc, Vi Huyền Đắc dùng phương tiện của sân khấu kể cho ta biết cái lai lịch một cuộc làm giàu và cho ta thấy giàu có theo cái kiểu ấy là không những đã không sống vui mà lại còn chết thảm chết xấu. Cái cách trình diễn, cũng không có gì là mới là lạ, bởi vì chuyện tiền nong thì nó vốn vẫn cũ kỹ như nhân loại như lịch sử vậy mà thôi. Nhưng cái đáng chú ý là trong cái hồi ấy, Vi Huyền Đắc đã có một lối nhìn thuộc vào lối nhìn tiến bộ và do đấy, đã đi được - tuy chưa thâu đáo - vào cốt bản của vấn đề. Vả chăng, lấy tiền bạc làm chủ để chính cho nghệ phẩm, trong cái xã hội văn chương cũ của ta, cũng ít người luận giải đến và đạt được. Thời ấy, trong văn học in ra, người ta bàn đến tình nhiều hơn là bàn về tiền.

Duy có một điều này, tôi chưa được thông: tại sao Vi Huyền Đắc lại bắt cái ông chủ mò ấy phải có một cái tiền thân là một nhà văn? Không rõ ở các nước kỵ nghệ khác thì như thế nào, chứ cứ dựa lên thực tế nước nông nghiệp lạc hậu chúng ta mà phân tích và tổng hợp, thì đem cái hậu thân chủ mò triệu phú mà ghép vào một cái tiền thân văn sĩ, thấy nó không được ổn lăm (tôi chưa nói đến vấn đề điển hình). Có phái thâm ý tác giả là muốn trong một con người Trần

Thiết Chung, đem ra thống nhất được cái mâu thuẫn thanh cao nhiều tình cảm (nhà văn) với cái mâu thuẫn tiền bạc thô bạo (ông chủ) không? Nếu quả là muốn nêu vấn đề như thế, thì sao suốt màn giáo đấu và bốn hồi kịch, không thấy lời và động tác nhân vật - nhất là nhân vật chính - diễn biến theo cái chiều hướng ấy? <sup>(1)</sup>

*Kim tiền* diễn lần thứ nhất ở Hải Phòng năm 1938, mãi đến 1943, tức là sau năm năm, mới diễn lần thứ hai ở Nhà hát lớn Hà Nội; thực dân Cousseau, nhân danh kiểm duyệt Pháp, bắt phải thay cái đoạn cuối ở hồi IV, sợ đề cao công nhän mò, tức là phải cắt đi cái cảnh phu mò biếu tình. Tôi là người được Ban kịch Thế Lữ giao cho làm vai Trần Thiết Chung ở Hà Nội (lần đầu ở Hải Phòng, thi sĩ Lê Đại Thanh đóng).

Nay đứng về mặt diễn xuất mà nhận định về vở, thì kịch *Kim tiền* có phần nặng. Nặng, không phải có nhiều hồi, mà nặng ở chỗ ít động tác, đối thoại hay bị vướng nhiều vào các cuộc nói chuyện chỉ tay đổi thôi. Thêm nữa, triết luận nhiều. Tác phẩm văn nghệ đều ít nhiều mang một luận lý một triết lý gì. Nhưng nó phải lẩn đi, lẩn như thế nào, đó là cả cái công việc của tác giả. Nhất là lại đưa nó lên sân khấu. (Cần nói, thì cứ phải nói đầy thôi; chứ tôi tin rằng ông Đắc còn

(1) Ông Vi Huyền Đắc có thể cứ lên tiếng ở báo chí Sài Gòn đi.

biết hơn tôi nữa kia...). Trong *Kim tiền* vai chính nặng quá. Với một tài tử kịch nói hiểu biết công việc của họ, thực ra, dồn lời vào riêng vai chính nặng đến thế, chứ có dồn hơn nữa, họ cũng cứ tôn trọng được cái sở thích của kịch tác gia. Nhưng mà đây là đúng về cái khía cân đôi nhẹ nhôm hòa điêu của kiến trúc cả vở kịch mà bàn về vai chính Trần Thiết Chung. Tôi cho rằng có thể bàn với tác giả rồi đề nghị tác giả, phân phôi lại trong cái bảng danh sách nhân vật *Kim tiền*. Và điều chỉnh lại một đôi chỗ trong từng hồi, từng xen, từng vai, và từng câu và từng chữ nữa kia đó (có những tiếng lúc nói nhanh ở sân khấu, cũng dễ thành ra nói nhitches ấy!)

... Nhưng mà lúc này máy sắp lên khuôn sách, và người “chơi” *Kim tiền* phải nghiên cứu việc đạo diễn và diễn viên đang khắp vở cho kịp vào mùa kịch năm nay. Mà tác giả thì lại ở xa. Chẳng nhẽ lại đi dùng hình thức bưu thiếp, và phải viết bao nhiêu “bưu thiếp” vào Sài Gòn mà bàn với ông Vi Huyền Đắc về những chuyện phức tạp tết vi, tổng quát và chi tiết, và dài dòng như thế này!..

## CON NGƯỜI XÔ VIẾT CON NGƯỜI NGA TRONG MỘT SỐ PHIM LIÊN XÔ

Dịp kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười Nga năm nay, (1959) tại Thủ đô Hà Nội có rất nhiều phim Liên Xô chiếu ra khắp các rạp lớn nhỏ. Riêng tôi, tôi quan tâm đến bộ phim: *Chàng Ngốc*, - *Con đường khổ thống*; - *Số phận một con người*; và *Bài thơ biển*. Bốn bộ phim này đều dựng theo bốn tác phẩm lớn của bốn nhà văn lớn. *Chàng Ngốc* của Dostoevsky; *Con đường khổ thống* của Alexéi Tolstoi; *Số phận một con người* của Cholokhov; và *Bài thơ biển* của Dobjenkô. Bốn phim đều hay cả, mỗi phim hay một cách, phim nào cũng đều có những cái riêng biệt của nó và ta đều thích được cả. Nếu đòi hỏi so sánh xem phim nào hơn phim nào, tôi nghĩ làm như thế cũng là giàn đơn ván đê và cũng không trúng cách. Bởi vì nội dung bốn phim khác nhau, bút pháp và ánh pháp bốn tác phẩm lớn này đều là khác nhau. Nhưng ở bốn phim này, nói gì thì nói nó vẫn có một cái cơ sở chung một cái đầu mối để mà bàn được. Cái đầu mối ấy là con người. Con

người trong phim chiếu; con người trong tác phẩm văn học đem thể hiện lên màn ảnh; con người Nga con người Xô viết qua tình tiết của truyện phim sự việc.

Bốn phim truyện, mỗi phim đều có một câu chuyện riêng một nội niêm riêng và những con người đương sự riêng biệt. Bốn câu chuyện ngắn dài khác nhau, bối cảnh xã hội khác nhau, giai đoạn lịch sử khác nhau, cái thiện cái ác ở mỗi phim đều khác nhau, sự chiến đấu nội tâm khác nhau, nhưng nói chung, nhân vật của bốn phim đều phải khổ não rất nhiều trước khi đi tới được chiến thắng. Cái khổ đau con người đó, ở chỗ này con người đã vượt được lên ở chỗ kia còn chưa tự vượt được, nhưng chính nó là cái *đại công ước số* (*le plus grand commun diviseur*) thấy chung ở bốn phim vậy. Xin lần lượt đi vào từng phim. Trình tự của phim là do tôi xếp sắp lấy theo giai đoạn lịch sử của sự việc. Và trước hết xin nói về phim *Chàng Ngọc*.

\*

\* \* \*

Dostoievsky sáng chế ra tạo ra *Chàng Ngọc* vào năm 1868, tức là vào cái giai đoạn xã hội Nga đang mạnh nha nền kỹ nghệ tư bản, sau khi vua Nga vừa bãi bỏ chế độ nô lệ nông dân. Các thứ quý tộc địa đia đang nhốn nháo vì chiếu chỉ bãi nô và nhốn nháo

hơn nữa trong mọi thủ pháp làm tiền buôn tiền. Đồng tiền đồng bạc đồng vàng lúc bấy giờ là lương tâm của thời đại. Truyện *Chàng Ngọc* loáng lên cái ánh tiền bạc đó trên một cái cơ sở nhân tâm đang tối tăm mắt mũi lại vì đồng tiền. Thiên hạ của vua Nga cứ tit cù đèn đi vì tiền, xã hội Nga hoàng cứ mè lú đi vì tiền. Vậy mà có một vị hoàng thân lại rất tinh táo trên cả một cái khói đảo điên áy. Chỉ có hoàng thân Mychkine là không thích tiền, là không búi lên trong cái mớ tiền trong cái đồng người hệ lụy với tiền nong. Áy bởi thế cho nên vị hoàng thân dị dạng và trái đời kia mới được mang tên là *Chàng Ngọc*. Trong một cái xã hội mà trái tim con người chỉ nghe có tiếng xủng xoảng duy nhất của xu hào, trong một cái triều đình ở một nơi kinh kỳ mà mọi người đang trưởng thành lên vì tiền bạc bằng tiền bạc, thấy hiện ra một con người ngày thơ. Con người ngày thơ đến cái mức độn áy dám xem nhẹ cái phú quý của vàng bạc, dám tìm lý do sự sống ở ngoài tiền trên tiền. Đối với tiền, thiên hạ đều khôn cả, đều ngoan cả, duy chỉ có hoàng thân đây là dại, là ngốc là ngọc nghêch. (Cách đặt tên người cách mang tên mình, cũng giống như ở ta có cụ lang Nghệ Hải Thương Lân Ông tự xưng mình là *Lão Lười*, lười với con đường tiền thân lười với phú quý, giữa một cái thời Lê mạt vốn rất nhiều tước quan

công và kinh kỳ biến thành một cái chợ công danh phẩm tước).

Chàng “Ngôc” cũng là một kiểu anh hùng Đông Ký Sốt, cũng là một thứ Chúa Cứu Thế, muốn cứu người ra khỏi cái biển tiền đắm người. Biển tiền đắm chìm những chúng sinh tiêu biểu cho lợi nhuận đê hạ như địa chủ quý tộc Totski, như lão tướng Epantchine, như thư ký Gania, như lái buôn Rogojine. Trên đầm bùn ấy, lá lay một đóa hoa sen: nàng Nastassia. Nastassia nguyên là một trẻ mồ côi nhà quê. Quý tộc Totski về thăm áp, bèn đem về nuôi. Nó vốn thiếu gì tiền, nên tung tiền ra mà bồi dưỡng cho Nastassia đủ các môn cầm kỳ thi họa. Nastassia sẵn có sắc, cái sắc ấy mặc dầu mới mười sáu tuổi lem luốc đã không lọt khỏi con mắt quen buôn người của địa chủ Totski. Nay nó bồi thêm cho các sắc nghèo đó một số tài nghệ. Ấy cũng là một cách của tư bản phong kiến phát triển vốn, một cái vốn bắt được giữa trời, một cái vốn “trời cho”. Thế rồi bé Nastassia thành một người đàn bà của xã hội thượng lưu. Thế rồi Totski làm cái trò mà Nguyễn Du trong tiểu thuyết lục bát của mình đã cho Mã Giám Sinh làm với Kiều cách đó chừng nửa thế kỷ. Nastassia đã biến thành một trà hoa nữ. Rồi Totski định đá Nastassia đi, cho Nastassia một số tiền làm của hồi môn. Rồi anh nào mê cái số tiền hồi môn ấy thì sẽ làm chồng Nastassia. Có anh thư ký Gania

cũng định “buôn” nàng, lấy nàng và lấy chó hồi môn đó để cho vay lãi và ngoi lên bằng cái vốn Nastassia và những lợi tức của nó. Có anh lái buôn thị của lại mang hẳn một số tiền môt trăm ngàn đồng rúp đến “mua” Nastassia về làm vợ. Và chung quanh cái sự bỉ ổi mua đi bán lại trên cái vốn sắc đẹp Nastassia ấy, còn có một số nhàn-vật-đen-cù nữa nó làm tăng thêm cái thối inh của xã hội tiền. Anh hãy vứt hộ tôi vào giữa cái đồng chó sói ấy một hiệp sĩ mà những kè khôn ngoan vừa đếu ác vừa phong nhã kia đều gọi là “thằng ngốc”. Giữa cái đám chúng sinh chó sói ăn thịt lẫn nhau ấy, chỉ có hai nhân vật là có bộ mặt con người và có cái từ tâm của con người *chân chính*. Ấy là “Chàng Ngốc” và nàng Nastassia Philippovna kiêu hãnh. Hình ảnh Nastassia, theo lời một số nhà phê bình văn học trú danh Xô viết hiện nay, thì đó là một trong những chân dung đàn bà Nga càn kích nhất của văn học Nga cổ điển và văn học thế giới. Cái thiên tài trữ tình, bi thống và đà biếm Dostoevsky nổi lên cùng một phần có dựa vào những sáng tạo nhu kiều chân dung Nastassia này.

Phim màu *Chàng Ngốc* không những chỉ trung thực một cách sinh động với tiểu thuyết văn học *Chàng Ngốc* mà còn giúp thêm cho Dostoevsky tố cáo và lên án đồng tiền của xã hội chạy theo tiền với mọi thứ tâm trạng phu tung của nó. Kế tục những truyền

thống tốt đẹp của điện ảnh xô viết, phim *Chàng Ngốc* đã trung thực mà phát triển lên mà đúc lại cuốn tiểu thuyết Dostoevsky, và đã vượt lên hết tất cả những phim và kịch dựng trên cơ sở tiểu thuyết *Chàng Ngốc*.

*Chàng Ngốc* vốn là một tác phẩm văn học kịch tính có rất nhiều, cũng như nhiều phần nhiều chương khác trong toàn bộ trữ tác của Dostoevsky. Trong phim *Chàng Ngốc*, đạo diễn đã phát huy cao độ những đặc tính đó. Có những cảnh xem đến là khó quên được, có những đoạn xem đến càng muốn xem lại nhiều lần. Cái thảm kịch đồng tiền làm mất nhân phẩm người, hủy hoại giá trị con người, bán buôn con người và cuối cùng cuộc sống già dối lừa gạt ấy đã bị lật tung lên giữa một bữa tiệc, một cách rất là kịch. Những con người it-sì thương lưu đã bị lật cái tẩy xát lên. Trong một phút say rượu và đau khổ nhất biết mình sắp rời khỏi tay thằng quyền quý giàu có này để sang tay một thằng khác “mua” mình về làm vợ để rồi sẽ giết mình, trà hoa nữ Nastassia đã lần lượt gỡ hết mặt nạ bọn người giả nhân giả nghĩa giả danh giá kia. Mặt nạ rụng xuống, chỉ còn trơ ra những cái mặt thú, những cái diện mạo chó sói mắt ánh lên cái chớp đục của tiền bạc có rồi hoặc mong đang mưu cầu. Nếu Dostoevsky có một chút nào tái sinh lại được để xem hậu thế một trăm năm sau tạo hình cho nhân vật chính của mình, hẳn Dostoevsky cũng phải yên tâm

nhắm mắt mãi mãi với sự chỉ đạo nghệ thuật chắc tay của đạo diễn Pyriev, và nhất là bằng lòng với Yakolev đem máu xương cốt tủy thật đến cho hoàng thân Mychkine - chàng-Ngốc, với Borissova đóng Nastassia Philippovna. Tất cả những tri thức văn nghệ này của kịch viễn Vactangov đã yêu quý tác phẩm văn học *Chàng Ngốc*, đã yêu thương tác giả nó, đã cảm thông sâu sắc với đau khổ của một chế độ tiền bạc đã qua đi rồi, đã phản ánh lên tất cả những gì cần ghi lại của một thời khủng khiếp đã lùi hẳn vào dĩ vãng xã hội Xô viết ngày nay.

Và đây cũng là một thành công trong những thành công tốt đẹp nhất của nghệ thuật màn ảnh Xô viết những năm gần đây nhất.

\*

\* \* \*

Sau phim *Chàng Ngốc*, cái tôi muôn nói luôn và nối liền vào đây là phim *Con đường khổ thống* rút từ pho tiểu thuyết cùng một nhan đề ấy của Alexei Tolstoi. Pho tiểu thuyết *Con đường khổ thống* gồm ba cuốn viết tiếp nhau thành ba chặng niên hiệu. Cuốn đầu *Hai chị em* hoàn thành năm 1921; cuốn sau *Cái năm Mười Tám* viết xong vào 1928; và cuốn cuối *Bình minh ám trầm* viết xong năm 1941, và đến năm 1943

thì được tặng thưởng giải thưởng Văn học Xô viết. Dựa theo pho tiểu thuyết, Boris Tchirskov đã viết thành kịch bản phim truyện cho một bộ phim màu gồm ba hồi dài.

Phim *Con đường khổ thống* có nhiều người rất chú ý đến vì một số đông đã đọc qua bộ tiểu thuyết này, nhất là các tầng lớp trí thức. Thêm nữa, nội dung tiểu thuyết cũng là một vấn đề quan thiết đến trí thức tiêu tư sản khá phức tạp sôi nổi và hấp dẫn. Có thể tóm tắt gọn gàng cái chủ đề của pho truyện dài của bộ phim này là: trí thức Nga đi với Cách mạng Tháng Mười vô sản; hoặc là: những gian khổ của trí thức cải tạo mình và phục vụ cách mạng.

Sự việc kéo dài qua một giai đoạn lịch sử từ chiến tranh thứ nhất, qua Cách mạng tư sản Tháng Hai, qua Cách mạng vô sản Tháng Mười rồi nội chiến rồi chiến thắng. Nhân vật công nông binh và nhân dân nói chung thì khó mà tính lén đưa lên cho hết được. Giữa một cái quảng đại quần chúng nhân vật ấy, lọt thỏm bốn con người trí thức trẻ tuổi đang ngợp lên vì những cái chói chang ban đầu của Cách mạng. Nhân vật chính của pho truyện của bộ phim là hai chị em Katia Dacha, một chuyên gia kỹ thuật ở một nhà máy tại Pétécuba, và một sĩ quan cũ. Hai nhân vật kỹ sư và sĩ quan này trở nên anh em rể. Dacha kết duyên với kỹ sư Téléguine và Katia với sĩ quan Rochtchine.

Nhưng mà trước khi họ trở nên hai cặp vợ chồng có hạnh phúc cá nhân ấy, thì họ đã là những con người hết sức đau khổ. Trong bốn con người nhân vật chính, đi vào cách mạng tương đối nhẹ nhõm hơn, có lẽ vợ chồng trẻ Dacha Téléguine. Còn cặp Katia Rochtchine thì nặng nghiệp nặng cǎn thì vất vả hơn, và Rochtchine có lúc đã chạy sang hàng ngũ địch. Rochtchine là một sĩ quan cũ có ra tiền tuyến đánh Đức; ở mặt trận Rochtchine thấy rõ những già dỗi trăng trộn của bọn vua quan và tư sản luôn mồm kêu gọi cứu vớt hô hào cho một nước Nga mục ruỗng. Rochtchine chán nản, thấy khó mà tin được vào một tương lai nào của Tổ quốc Nga. Đi vào đám đông công nông binh, có ..vung lúc Rochtchine ngất ngưởng chơi với như một anh cuồng chữ say rượu trên mép một cái vực thẳm, trông rất là hồi hộp. Còn Katia, tức là cô chị, thì nguyên là một người thị thành nhởn nhơ ăn chơi sống với những cái phù phiếm hào nhoáng của thời trang thời thượng, rất đẹp rất duyên nhưng cũng rất là vô tâm vô tính. Ở cái sa lông ở những cái phòng khách thính nhung gấm rủ của những người trí thức hay tụ họp ở đây, tiếng động của Cách mạng vang hưởng vào được, cũng thật là bị giảm nhẹ pha loãng đi nhiều quá, nếu không là bị ngừng lại. Riêng Téléguine làm ở nhà máy Pétécuba sống gần gũi với công nhân, thì có điều kiện để chan hòa tình cảm với

công nhân, nhưng vì không quan tâm đến phong trào công nhàn, cho nên ngoài cái việc quý trọng tài và đức lao động chung chung như vậy đối với những con người thợ thuyền, Téléguine chưa biết chút gì về cái ý nghĩa thâm thúy vĩ đại và chính đáng của cuộc chiến đấu của giai cấp công nhân. Còn Dacha, tức là cô em, tức sau này là vợ Téléguine thì lại càng không được biết gì đến Cách mạng đang rung chuyển nước Nga, càng không được biết gì về cơn bão lớn đang thổi trên đất nước Nga báo hiệu một cuộc đổi đời chưa từng bao giờ có trong lịch sử nước Nga. Dacha là một tâm hồn đa cảm, nhưng cũng là một cái tuổi thật là hồn nhiên nhất của một cô thiếu nữ kinh thành. Nay làn sóng Cách mạng cuốn theo bốn con người ấy đi. Giữa một cái biển người nổi sóng Cách mạng, bốn con người nhân vật chính ấy gợi đến những cái gì của phiêu lưu gian khổ của bốn cánh bèo dạt trôi. Nhưng bốn con người ấy vốn là bốn cái từ tâm bốn cái thiện chí. Cho nên cái đau khổ riêng của họ cùng đã phản ánh được cả một quá trình hình thành một cuộc đời mới, một cuộc đời cứ dần dần hướng theo cái ánh sáng của Cách mạng.

Trên màn ảnh, theo dõi hành tung của nhân vật mình đã thuộc qua những lần đọc ở tiểu thuyết *Con đường khổ thông*, thấy có một cái điều này: hè đoạn nào có hình ảnh cô chị, hoặc cô em, nhất là khi có cá

hai chị em thì, ở sách cũng vậy mà ở phim cũng vậy, đều sinh động hẳn lên. Roufina Nifontova đóng cô chị đáng để cho người xem nhắc nhớ luôn, nhưng người ta còn nhớ đến người đóng cô em nhiều hơn nữa. Nina Vesselovskaia là sinh viên kịch viện lần đầu tiên ra màn ảnh trong vai Dacha đã diễn tả được cái phẩm chất thơ ngô cái tâm hồn thơ ca của một nhân vật ch襍 ch襍 lại điểm vài nét nỗi loạn lên với những cái bất công vô lý ở quanh mình. Trong tiểu thuyết thấy rõ Tolstoi phải lao động nghệ thuật rất nhiều khi tạo ra hai chị em. Ở phim, tạo ra hình ảnh hai chị em, cũng thấy rõ cái công phu nghệ thuật ấy.

Xem sách và xem phim *Con đường khổ thống*, lại cứ thấy như bên cạnh mình đang có người cứ hỏi gặng mình nho nhò bên tai: “Đi với cách mạng thì người tri thức “mất” những gì và “được” những gì?”.

\*

\* \* \*

Cũng như *Con đường khổ thống*, phim *Sô phật một con người* cũng là dựng trên cơ sở một tác phẩm văn học của một nhà văn Xô viết tên tuổi. Nếu phim trên cho người xem thấy những khổ đau của con người tiến lên được sau các cuộc chiến đấu nội tâm thì phim *Sô phật một con người* cho thấy hết cái tàn khốc của chiến tranh phát xít và xuyên qua chiến tranh, thấy

cái phẩm chất yêu đời của con người Xô viết bất chấp tất cả những gì đã xảy đến với đích thân mình. *Số phận một con người* là một nghệ phẩm mản ảnh tiếp thêm sức cho các lực lượng hòa bình thế giới trong công cuộc chống chiến tranh và bảo vệ hạnh phúc cá nhân hạnh phúc toàn nhân loại. Tác phẩm văn học *Số phận một con người* của Cholokhov viết ra ngắn, nhưng cái tâm lòng của Cholokhov gùi gắm vào đó thật là mênh mông. Cái tình âu yếm sự sống trong *Số phận một con người* thật là không hạn độ. Càng thấy rõ ràng cái lớn trong nghệ thuật không cứ nhất thiết phải là kềnh càng lẽ mề, mà ăn nhau là cái chất chứ không phải là cái số.

Truyện và phim *Số phận một con người* mới nghe thì như là một cái thứ người và việc gì của định mệnh ấy. Thực ra anh bộ đội phục viên Sokolov nhân vật trọng tâm duy nhất của truyện đã cho ta thấy cái gì? Thấy rằng sống là một niềm tin. Tin, hiểu theo cái nghĩa của yêu. Mà muốn yêu tin thì phải có lượng. Độ lượng, bao dung rộng rãi được sự sống, bất kể mọi cái bất trắc bất công cứ tìm minh mà xảy đến, có được cái đức độ ấy tức là nó đòi hỏi mình phải dũng cảm tri tuệ nữa đấy.

Phim *Số phận một con người* rất được số đông khán giả chờ đợi nhiệt tình. Để tìm hiểu thêm Cholokhov quý mến và xuyên qua tác phẩm, sẽ hiểu thêm về phẩm chất con người Xô viết, Bondartchouk

vừa chỉ đạo nghệ thuật vừa thủ vai, tiếp nhận được cảm tình đông đảo. Và đó cũng là một phần thưởng công bằng và cần thiết đối với một tài năng như Bondartchouk mười năm diễn viên và nay lần đầu đạo diễn thành công.

\*

\* \* \*

Phim *Bài thơ biển* dựng theo kịch phim truyện của Dobjenko được giải thưởng Lénine. Dùng phim để biểu hiện đời sống Xô viết và để phản ánh con người của xã hội Xô viết, Dobjenko đã có rất nhiều kinh nghiệm. Dobjenko là một bậc thầy, cùng lớp với cái thế hệ đàn anh như Eisenstein, Poudovkine. Một điều đáng tiếc là lúc dựng và quay tác phẩm *Bài thơ biển* của mình, thì nhà biên kịch đã qua đời rồi. Cũng như vợ Tchekhov đã kế tục chồng mà thủ vai kịch do chồng tạo ra cho mình từ lúc chồng còn sống; cũng như vợ Bertolt Brecht tiếp tục dựng các vở kịch của chồng sau khi Brecht từ trần, vợ Dobjenko tiếp tục sự nghiệp của chồng và dựng phim *Bài thơ biển*. Theo chủ quan tôi, phim có hay đáy nhưng người xem vẫn cảm thấy kịch bản còn hay hơn nữa. Không phải vì là coi thường đàn bà làm nghệ thuật khó mà bằng được đàn ông - theo một cái dớp thói tục cổ lỗ - , nhưng quả là như vậy, sáng tác của bà Julia Solntzeva vẫn chưa đạt được cái mực trữ tình vĩ đại, cái mực anh hùng ca

hàm súc trong cốt kịch của chồng mình. Mặc dù thế nhiều đoạn của phim *Bài thơ biển*, đã rất là truyền cảm, phim đã truyền được vào người xem một cái gì lớn lao của “người mới, việc mới, nếp sống mới”.

Câu chuyện của cốt kịch phim truyền hay thật đất, lớn thật đáy. Cái đau khổ cũng như cái yêu đời trong *Bài thơ biển* đều thật là lớn. Và cái cách nhìn cách chọn đề tài cách đặt vấn đề cũng thật là lớn. Lớn theo cái quan niệm bình sinh của Dobjenko, như ông đã có ghi trong nhật ký: “Trong mỗi cuốn phim của tôi, đều có những cảnh biệt ly. Các nhân vật chia tay nhau họ vội vã đi xa, bước chân vào cuộc đời mới, la lùng nhưng đầy hấp dẫn và tốt đẹp hơn”.

*Bài thơ biển* ca ngợi một công cuộc kiến thiết trong thời kỳ tiến lên chủ nghĩa xã hội, con người Xô viết vừa cải tạo sông Dniepr vừa cải tạo mình. Con người Xô viết trong *Bài thơ biển* dựng một cái đập thủy điện, dựng một cái biển nhân tạo chứa nước, dựng một cái thành phố mới, dựng một cái làng mới sau khi đánh chìm cả cái làng cũ xuống đáy biển nhân tạo kia. Nhịp sống ở đây ầm ầm máy chuyển người bước, nhân vật chính phụ cứ tính theo hàng ngàn hàng ngàn. Không khí xây dựng thật là đại quy mô, không khí sinh hoạt thật là đại tập thể. Trên bãi cát xưa và ruộng nho cũ, người ta dựng lên thành phố Tân Cacópca, cái thành phố mới của hai mươi nhăm ngàn nam nữ công nhân mà số khai sinh đã ghi được hơn

một ngàn em bé vừa ra đời chào cuộc đời đang mọc lên trên khúc sông mới. Quanh vùng đó, là một khu vực bao la dăm cát bồi cây đầm lầy sê tháo nước vào dùng làm hồ chứa nước. Cái biển nhân tạo ấy rộng tới 35.000 mẫu. Cái đáy biển nhân tạo phải dùng sức lao động con người và máy móc làm cho nó phẳng nhẵn đi, phải đánh đi phải chặt đi bảy mươi vạn gốc cổ thụ. Có những nhân vật tích cực tiến bộ, nhưng lúc phải cầm cán dao chặt vào gốc cây giữa nhà mình cũng thấy chùng tay. Ở giữa cái làng cũ sắp đánh đắm xuống biển cả kia, là một gốc lê cổ thụ bóng lá đã rủ che cho năm đời của gia tộc ấy. Bố già bắt nhẫn tự tay mình chém vào gốc lê, đã đưa dao cho con. Con là một vị thương tướng hồi chiến tranh thứ hai đã từng chiến đấu dũng cảm ngoan cường vùng quanh sông này. Vậy mà cầm dao cũng ngần ngừ trước một gốc lê già có cái chùm bóng gia truyền. Sau nhân vật đó phải tự mình giải quyết lấy tư tưởng mình: "Cây lê nhà ta, mái nhà chúng ta, tất cả vẻ đẹp ấy có đáng kể gì khi mà giờ đây mọi người đang định đoạt cho tương lai của đất nước chúng ta tính cho hàng ngàn năm tới?".

Có người lận đận mãi trong nhớ tiếc rồi mới dỡ nổi cái mái nhà cũ. Có người vừa cất nhà mới vừa hát, bố hát con hát. Cũng như có gia đình khác dỡ nhà cũ cũng lâm li và cất nhà mới cũng lâm li. Có những nhà nhất định không muốn rời chốn cũ, đấy, muốn dỡ thì

ban chỉ huy công trường cho xe tăng đến mà phá. Cái xe tăng liền húc vào, tường đất nứt ra và bục vỡ, bụi bay mù lên rồi bụi đậu xuống như đậu lên những vết thương mới mè xót xa. Trong cái xe tăng dội tường nhà, nó vẫn cứ nhói vào tim như một hình ảnh của chiến tranh của tổng càn, mặc dầu đã biết rõ ràng đây là phá đi để mà kiến thiết hòa bình.

Cái làng cũ vo vo những tiếng động. Nó không khác một cái bộng ong khổng lồ vỡ tổ, vỡ đi một cái tổ cũ để làm nên một cái tổ mới ở chỗ cao ráo hơn, đẹp hơn. Rồi chân làng rìa làng, nước sê vỗ sóng, sê có những cái bờ mới, cái bến mới, chân trời rộng ra, cánh buồm sê phồng cảng lượt, cánh chim nước sê vỗ trên một vùng mà bây giờ chỉ mới lem nhem có đáy đá mầu gỗ... Cái đẹp mới rồi đây tất nhiên phải đến phải có, nhưng chỉ phiền một nỗi là rất nhiều người chưa hình dung nổi cái tươi đẹp cao sáng của làng mới của nông trường mới. Mà trước mắt chỉ thấy mắt dần đi những cái đẹp cố hữu.

Phim bùng bùng lên cái nhiệt tình lao động tập thể và xây dựng quy mô, máy móc cuồn cuộn, con người vun vút. Cái đau khổ của cái mắt đi chen cài vào những cái tươi mới đang sinh thành không ngừng. *Bài thơ biển* kết bằng cái cảnh mọi người lại ra đi. Trên cái biển nhân tạo nước đã mênh mông dâng lên sát những bến bờ mới, là một chuyến tàu thủy đầu tiên xuất hiện chỗ chòm cây mòn núi này. Người làng làm ăn xa, về thăm làng, nay lại ra đi. Những ký sự

kiến thiết cũng lên đường đi tới những khu xây dựng khác. Biển nhân tạo rạng lên những nước mây mới tại một cuộc làm ăn mới của một thời đại cộng sản chủ nghĩa.

*Bài thơ biển* đưa nước biển bao la vào một vùng xưa nay chỉ có cằn khô. Cái tình xã hội chủ nghĩa cộng sản chủ nghĩa đã chuyển dòng Dniepr thiên nhiên thản nhiên kia thành một thứ nước hữu tình đem lại tươi sáng vui mát cho con người. Cuốn phim cứ chạy theo lia theo một dòng nước đang về, như là kiểu ta xây Bắc Hưng Hải và ta quay Bắc Hưng Hải vậy. Cái hôm nay ta xem của Liên Xô trên màn ảnh, tại sao sê không là cái sê có trong thực tế tương lai kiến thiết của ta nhỉ! *Bài thơ biển* kích thích sự tưởng tượng của tôi rất nhiều. Và tôi không khỏi không liên hệ đến những công trình xây dựng cơ bản của chúng ta hiện nay. Tôi ngồi trước màn ảnh phim Xô viết mà mong cái ngày *Bài thơ biển* của phim Việt Nam nói về tri thùy miền Bắc Việt Nam trong kế hoạch năm năm tới.

\*

\* \* \*

Xem qua một số phim vừa kể trên, tôi có cái cảm xúc như vừa dự một buổi thuyết minh của viện bảo tàng Con Người qua các thời kỳ. Trước hết là con người chó sói của thời kỳ sùng bái Thần Tiên (phim *Chàng Ngốc*). Kế đến là con người tự giác tự ngộ về

nhân phẩm minh mạc dù lúc ấy Cách mạng mới là những năm phôi thai (phim *Con đường khổ thông*). Rồi đến con người bảo vệ đời sống nhân loại hạnh phúc nhân loại, con người chống chiến tranh và vô cùng lạc quan (*Số phận một con người*). Và cuối cùng ở phim *Bài thơ biển* thì con người đã là con người đại tập thể đại công hữu, cứ thế mà tiến vào chủ nghĩa cộng sản của cái thế hệ biết đến đau, thì đó mồ hôi thật sự đến đây, và cần tới mức nào thì cứ dùng cho thật là đây đủ rồi. Đời chúng ta rồi là đều có thấy đều được cả đây. Nhưng, tới cái lúc ấy, ta đừng vội quên những chặng đường tối tăm cũ của nhân loại, với thời kỳ giá người còn tinh theo tiền bạc và xã hội tiên đã thoát thai ra *Chàng Ngốc* để phản ứng lại. Thời đại sáng sủa ngày nay của chúng ta hãy nhận lấy *Chàng Ngốc* kia là có phần nào đó và trong lúc nào đó, đã là cái tiền thân của giấc mộng đẹp chúng ta ngày nay!

Phim ảnh vốn dĩ là một nghệ thuật hiện thực hơn bất cứ bộ môn nghệ thuật nào hết. Nó đã phản ánh về bước đi lên của con người Xô viết. Phim ảnh Xô viết tiến theo với con người Xô viết và càng khẳng định truyền thống hiện thực lành mạnh tươi đẹp của mình.

## TRUYỆN NGẮN LỖ TẤN

(Trích)

Lỗ Tấn dựng truyện ngắn, gồm tất cả hai mươi lăm truyện xếp làm ba tập. Nhiều truyện có thể chuyển sang truyện phim để quay. Một truyện ngắn đã được dựng thành kịch bản điện ảnh và phim truyện cũng mang đúng cái tên nguyên thủy của nó: phim *Chúc phúc*. Ở chương này, tôi muốn bàn về truyện ngắn *Thuốc* của Lỗ Tấn mà theo chủ quan tôi, tôi cho là rất có khả năng thành truyện phim và phim truyện. Trước khi bàn về truyện *Thuốc*, hãy xin nói về *Chúc phúc* của Lỗ Tấn đã dựng lên thành phim màu.

Tôi vốn là một độc giả trọng và mến Lỗ Tấn và đối với một số truyện của Lỗ Tấn, tôi rất thích, có thể đọc đi đọc lại nhiều lần mà vẫn thấy hứng thú, như kiểu người ta đọc đi đọc lại nhiều lần một đoạn thơ. *Chúc phúc* để lại ở tôi một ấn tượng có cạnh góc. Cho tới lúc phim màu *Chúc phúc* ra đời, tôi đã xem ba lần, và sau đó lại về đọc lại truyện. Và cảm thấy tiểu thuyết

văn học và điện ảnh, ra mỗi bộ môn nghệ thuật nó cũng có những cái đặc tinh và cái khả năng riêng biệt của mỗi ngành thật. Cũng một đề tài ấy, cũng một chủ đề ấy, cũng một câu chuyện đó với những tình tiết éo le khúc mắc, ra văn chương vẫn có cách thể hiện riêng biệt của nó, cũng như điện ảnh vẫn có một nghệ pháp riêng để đưa cái thực tế đó lên màn ảnh. Có người xem xong phim *Chúc phúc* bảo rằng phim vượt hẳn tiểu thuyết, vì câu chuyện rành rọt hơn, nhân vật đậm nét hơn về cái hướng đi tới, lập trường rõ hơn. Có người thì cho rằng phim chưa đạt được cái sâu thẳm và cái bao la của tiểu thuyết nguyên thủy *Chúc phúc*. Họ vừa kêu vừa bào chữa cho điện ảnh: "Tiếng nói của điện ảnh, bản chất nó không phải là nồng nỗi hời hợt, nặng ngoại cảnh và nhẹ nội tâm. Trong những cảnh ngộ nhất định nào đó, điện ảnh có những cái sâu sắc và khỏe mạnh hơn văn chương. Cũng như ngược lại, thì hình thức văn chương lại có dư ba và tác động tinh vi bao quát hơn hình thức xinêma".

Chuyển một truyện văn học sang thành một vở kịch bản xinêma để quay phim, thực ra có nhiều cách. Có khi kịch tác gia điện ảnh tôn trọng từng chi tiết từng trình tự sự việc, từng câu đối thoại của nhân vật, từng chi tiết về đoạn gói câu chuyện. Ví dụ như trường hợp Bondartchouk Loukine dựng *Số phận một con người* của Cholokhov. Có khi thì kịch tác gia làm

khác đi, đánh nhòe mảng này, tô đậm mảng kia, đảo lên lộn xuồng phớt mặt này của truyện mà nhấn mạnh vào yếu tố kia của truyện, nó cũng là tùy theo cái quan điểm nghệ thuật của người dựng xêneriô. Như trường hợp *Chúc phúc* đây.

Ở tiểu thuyết, ngoài nhân vật chính là Tường Lâm, còn có một nhân vật chính nữa mà trong phim không thấy đưa ra. Ấy là nhân vật - tác giả, tức Lô Tân. Nhân vật - tác giả ở tiểu thuyết nguyên thủy rất có quan hệ với nhân vật trung tâm Tường Lâm. Những mẩu đối thoại giữa Tường Lâm và tác giả, mặc dầu là vắn tắt, nhưng có một giá trị đặc sắc trong cái cơ cấu của truyện ngắn *Chúc phúc*. Chính những câu đó tác động mâu nhiệm đến nhỡn quan đến nhân sinh quan của người đọc sách, và chính cái đó tạo một cái khí hậu riêng biệt cho những phong cảnh và tâm tình do Lô Tân cấu tạo nên. Ở truyện phim và phim truyện trên màn ảnh màu, cái ống thu hình caméra (phối hợp chốc lát với phần thuyết minh) đã thay thế cho vai trò nhân vật - tác giả. Và chính vì thế mà phim đã phản nào làm mất đi cái ý vị sâu sắc của văn chương *Chúc phúc*. (Nhắc tới điểm này, cũng là để bật lên khả năng của văn chương, khả năng của điện ảnh nó có những cái khác nhau, mỗi bộ môn nghệ thuật đều bị lệ thuộc vào những điều kiện diển tả riêng biệt của nó).

Ở tiêu thuyết *Chúc phúc*, chính những câu đối thoại giữa Tường Lâm và Lô Tân đã có một vang hưởng thống thiết vào lòng người đọc. Sách gập lại rồi, mà vẫn văng vẳng dư âm những lời của Tường Lâm. Không riêng gì tác giả Lô Tân phải lúng túng giải đáp cho Tường Lâm, mà ba câu hỏi của Tường Lâm kia cũng là cho tất cả độc giả chân chính của Lô Tân phải bồn chồn. *Chúc phúc* là loại truyện đọc không phải “để giải trí để mua vui”, mà nó là loại truyện đọc để mà không thể cầu an trong sự sống, để mà không thể cầu thả tạm bợ với cuộc sống hàng ngày. Đọc *Chúc phúc*, thay bồn chồn, muốn tìm thêm một điều gì quan hệ, muốn làm thêm một việc gì có nghĩa lý có tác dụng. Cái giá trị của *Chúc phúc* là thổi cái nghĩa khí vào những tâm hồn yêu sống, lay thức mọi thiện chí, và mớm cái hơi phần nộ nó dẫn tới hành động cách mạng.

*Chúc phúc* theo nghĩa hẹp của nó, là tên một ngày lễ cuối năm, mọi nhà, và nhất là những nhà giàu phong kiến đều cầu quỷ thần giáng phúc cho họ, mặc dầu họ đã vơ vét xí đoạt hết mọi hạnh phúc của chung quanh. Lễ chúc phúc pháo nổ rền trong nhà địa chủ chú Tư chủ nuôi Tường Lâm, pháo nổ ran trên sự chịu đựng đau khổ của số đông nông dân Trung Quốc trước đây, và “giời đất quỷ thần đã hâm hưởng những rượu thịt và hương khói, đều say gật gù đi khệnh khạng

giữa khoảng không, sẵn sàng ban phát cho mọi người ở Lỗ Tân những hạnh phúc vô ngần". Phim ảnh đã nhấn mạnh vào những cảnh nổ pháo lấp liếm của một thứ hạnh phúc giả tạo này. Và ba lần hành lễ Chúc phúc khét lẹt inh tai và khói mù pháo tan xác, cũng là bật lên ba cái đoạn đời tôi đòi Tường Lâm lộn ra lộn vào cửa nhà địa chủ ác nghiệt. Cái mảng này, tôi cảm thấy cái ưu thế của khả năng điện ảnh trong việc phản ánh thực tế *Chúc phúc* hơn hẳn câu văn của truyện nguyên thủy. Ở phim, cũng thấy bật rõ lên cái phẩm chất của Tường Lâm, một người đàn bà nghèo, thiết tha với lao động, thiết tha với đời sống có hạnh phúc. Ở phim cũng bật tóe lên cái dơ bẩn và tàn khốc của phong kiến đối với tất cả những người đàn bà nghèo của Trung Quốc phong kiến: người phụ nữ lao động chỉ là một hóa phẩm dùng chưa hỏng đã vứt bỏ, một thứ hiện vật bán đi mua lại. Người ta bán đi một người con dâu trưởng để đi mua một người con dâu thứ cho em chồng Tường Lâm, người ta bóc lột một người đầy tớ gái cho tới lúc Tường Lâm đó kém sức lao động thì tống ra khỏi cửa cho nó phải trở nên một người ăn mày chết đường.

Ở truyện, cái đoạn người ăn mày Tường Lâm hỏi thẳng tác giả ba câu hỏi, nó chính là cái bi thống cao độ của văn chương *Chúc phúc*. Và đây cũng là cái chỗ phải nói tráng ra là điện ảnh thua hẳn văn chương,

ánh pháp của điện ảnh có cao tay đến bực nào đi nữa cũng khó mà thể hiện được.

Lỗ Tân vốn là người đinh ninh rằng văn nghệ là thuốc cứu bệnh, và muốn lấy văn nghệ chữa cái bệnh tinh thần của dân tộc mình. Ông thầy thuốc Lỗ Tân đã gặp con bệnh nặng Tường Lâm, và cái kè ăn mày đòi khát hạnh phúc ở cuộc đời thực tại áy liền chụp lấy mà hỏi luôn nhà kỹ sư tâm hồn Lỗ Tân: "Sau khi một con người chết đi rồi, thực ra còn có linh hồn hay là không có?". Nhà kỹ sư tâm hồn phải miễn cưỡng trả lời một cách khẳng định, thì Tường Lâm lại hỏi dồn: "Vậy thì cũng phải có địa ngục chứ?". Rồi lại dồn nữa: "Vậy thì những người cùng trong một nhà mà chết đi thì có thể gặp mặt nhau chứ?". Sau khi hỏi xong thì mụ Tường Lâm yên tâm mà đi ra khỏi cuộc sống. Sau khi trả lời gượng gạo xong thì Lỗ Tân cũng vội bứt đi khỏi cái nhà có kè vừa giết người vừa nổ pháo ăn mày phúc đức với quỷ thần. Chỉ có những người độc giả chúng ta là không an tâm chút nào, là không bò đi đâu được, vì những câu hỏi của nạn nhân Tường Lâm day dứt đuổi theo mình như những lời giối gi้าง để lại cho người đọc cứ ám ảnh mãi không thôi. Cái hay của truyện, cái lớn của truyện, cái ý vị của truyện cũng là ở đó. Theo tôi, ở phim, vắng hẳn cái ý vị của cái ám ảnh tích cực đó. Và đây cũng là cái chỗ vừa giống nhau vừa khác nhau giữa một cái

truyện ngắn *Chúc phúc* và một cái phim truyện *Chúc phúc*.

Nếu mà cho phép đi sâu vào chi tiết trong quan hệ giữa tiểu thuyết *Chúc phúc* nguyên thủy và truyện phim phát triển ra, thì có một vài điểm thứ yếu mà nhân đây tôi cũng muốn động tới. Có những chỗ phim tô đậm lên như cảnh hạnh phúc Tường Lâm Hạ Lục làm ăn và vui cái vui, mong cái mong của người dân lao động bình thường; như cảnh ghép hai cái chết Hạ Lục và A Mao dồn dập vào một lúc để tăng thêm mật độ cho cảnh ngộ oan trái: tôi cũng đồng tình với cách đó. Nhưng có những chỗ phát triển mà tôi phân vân tự hỏi xem ta có nên phát triển như vậy không. Chẳng hạn như cái đôi câu đối kèm hai bên bức đại tự chữ "Thọ" treo ở nhà địa chủ chủ nuôi chí Tường Lâm. Trong tiểu thuyết, Lô Tấn nói rành rọt là *"hai bức liền con thi một đã rơi xuống, cuốn lại phồng phồng trên chiếc bàn dài, một thi còn treo, nó là "Sự lý thông đạt tâm khí hòa bình"*. Trong phim thì lại cả hai bức cùng treo, rành rọt cả hai vế đối và theo kịch bản phim thì vế đối sau có những chữ *"Phẩm tiết tường minh đức tính kiên định"*. Đây là Hạ Diên phát triển ra, sáng tạo ra vế này, hay là tìm thấy vế đó ở trong bản thảo cũ nào của Lô Tấn? Cho là ở nguyên cảo *Chúc phúc* Lô Tấn có làm cả hai vế câu đối, thì có nên cho treo lên đủ cả đôi liền, khi mà ở văn bản đã ấn định, Lô

Tân đã chua rõ “một bức đã rời xuống cuộn phồng phồng lại”. Sự thật đây chỉ là một chi tiết nhỏ nhưng cái chi tiết ấy lại do chính tay Lỗ Tân ghi vào văn kiện. Lỗ Tân thường nói rằng tiên sinh không bối cảnh, không tả ti mỉ, đối thoại không dài dòng. Và tiên sinh dẫn chứng rằng đó là cái truyền thống dân tộc Trung Quốc: ở kinh kịch, chẳng là như vậy sao? Sân khấu không có bài trí phông cảnh, chỉ có vai tuồng là cái chính<sup>(1)</sup>. Một người đã chủ trương như thế, đã có ý thức như thế về phương pháp diễn tả tân hiện thực, một khi phải sử dụng chi tiết cụ thể, hẳn là phải có một dụng ý nào đó.

Ở rạp chiếu bóng ra, tôi tìm đến một hiệu cao lầu nhỏ của Hoa kiều Hà Nội. Ngồi trong hiệu ăn, lại cứ thấy phảng phất cái không khí truyện của Lỗ Tân. Cái bà đi đi lại lại ở bếp than lò xèo xèo khói mỡ kia, trông hình thù sao cứ gọi gọi một cái gì của Tường Lâm nhỉ! Cái ông già bán phá sang ở ngoài phố chạy vào đây bán cho khách đang nhấm rượu, dáng điệu sao cũng cứ gọi gọi đến một Khổng Ất Kỷ Khổng Ất Dĩ nào! Đù thấy cái bút lực của Lỗ Tân thừa sức đưa nhân vật mình qua mọi thời gian và qua nhiều biên giới, biên giới của bất tử. Hiệu cao lầu ồn ào, nhưng

(1) Theo Vladimir Dneprov, bài “Phương pháp và những bút pháp” ở Tập chí Văn học Xô viết.

trong đêm lạnh tôi tưởng như vẫn còn nghe nổ rền những tràng pháo *Chúc phúc* bắt đầu châm ngòi từ ban nãy, từ trong bóng tối của các rạp chiếu bóng Thủ đô đang chiếu *Chúc phúc*. Chao ôi, những tràng pháo của dì vắng, những tiếng pháo *Chúc phúc* đã thuộc về lịch sử! Tiếng pháo ấy nổ ở Thiệu Hưng Hàng Châu quê Lỗ Tán cách đây gần nửa thế kỷ, nhưng tại sao tôi cũng thấy nó như là rền kêu trong cái tuổi trẻ của tôi nó cũng đã từng có nhiều mảng xám xám và nhạt nhẽo một cách đen tối. Tôi cầm chén rượu nhìn đêm lạnh ồn ào, thấy nhớ Lỗ Tán như là trước đây chính mình đã có lần nắm vào bàn tay của đích thân Lỗ Tán.

Văn phẩm Lỗ Tán gồm nhiều mặt thể tài văn học. Riêng về tiểu thuyết, thì những truyện này thường mang cái hình thù truyện ngắn. Song le có những truyện của Lỗ Tán - theo chỗ thiển nghĩ của tôi - về danh và hình thì gọi là truyện ngắn nhưng bản chất đúng là cái cốt của truyện dài. Không phải cứ đem tāi rộng ra hoặc đem pha loãng ra như cái kiểu bỏ một quả lê Trương Công Nghệ vào nồi ba mươi đầy nước ninh, thì nó sẽ thành ra truyện dài, mà thu gọn nó về đem cô nó lại thì nó thành truyện ngắn. Ở đây tôi muốn nói rằng có một số truyện ngắn rất đúc của Lỗ Tán có thể gọi đến không khí truyện dài, nó tiềm tàng một sinh lực đòi hỏi sự phát triển, nó gợi đến bút

pháp truyện dài và kích thích kỹ thuật truyện dài. Cũng như một số truyện ngắn khác của Lô Tấn lại rất nhiều chất liệu về kịch nói, về điện ảnh, về các môn nghệ thuật tạo hình. Dưới một hình thái khiêm tốn nhưng bùng bùng nhiên lượng dưới cái danh từ nhẹ nhõm truyện ngắn, tiếng nói của Lô Tấn có sức dội tới và kích động những bộ môn nghệ thuật khác. Có lẽ đây cũng là một cái chuẩn nếu không là một cái dấu hiệu để nhận chân những thiên tài văn nghệ. Và đây cũng là khía để kính yêu thêm Lô Tấn. Nội dung tư tưởng của một số truyện ngắn Lô Tấn hình như đang chờ tiếng hòa điệu của các thể tài các bộ môn văn nghệ khác, nhất là chờ ở sân khấu và màn ảnh. Tôi không biết lúc viết ra cái truyện ngắn *Chúc phúc* cách đây ba mươi lăm năm cho tới lúc Lô Tấn vinh biệt phần đời để bước lên phần Bất Diệt cách đây hai mươi ba năm, không biết lúc học thuốc ở Nhật và xem chiếu bóng ở trường thuốc chiếu lèn những con vi trùng bệnh, có khi nào Lô Tấn nghĩ rằng sau này, từ tờ giấy, văn của mình sẽ chuyển thành bóng người cù động hành động trên màn ảnh để phát triển cụ thể và linh hoạt hơn nữa cái phẫn nộ cái khí tiết của mình gửi gắm vào cuộc sống Trung Quốc? Điều ấy tôi không được rõ, nhưng cái mà tôi thấy được rõ ở tiểu thuyết Lô Tấn là một số truyện ngắn Lô Tấn có rất nhiều kịch và tính điện ảnh. Tôi muốn bàn sang cái truyện

ngắn khác của Lỗ Tân. Một cái truyện ngắn Lỗ Tân khác mà tôi cho là phẩm chất nó chứa đựng nhiều chất liệu điện ảnh. Truyện ngắn *Thuốc* (hoặc *Vị thuốc*) trong tập “*Nột hám*” của Lỗ Tân. Ví đem dựng truyện *Thuốc* lên thành phim, thì phim truyện *Thuốc* sẽ thành công không kém gì *Chúc phúc*. Mà tôi tin nó còn có thể tác động quần chúng mạnh hơn *Chúc phúc* về ý thức về tất yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa, bồi dưỡng thêm phẩm chất chính trị và phát huy thêm nữa những cảm tình cách mạng.

Truyện *Thuốc*, như tên truyện đã trực tiếp gợi lên, là câu chuyện của một số người tìm thuốc bán thuốc và uống thuốc (đúng với truyện, thì là ăn thuốc). *Thuốc* chữa bệnh lao. Con bệnh là một đứa nhỏ bị lao. Người bán thuốc là một thằng cha đao phủ. Vị thuốc lấy ở máu tim một chính trị phạm vừa bị thi hành án tử hình. Mới nghe tưởng đâu như *Thuốc* là một truyện của văn phái siêu thực kỳ quái hoặc của một trường phái tượng trưng nào, nhưng chính là một truyện hiện thực phản ánh thực tế Trung Hoa cách đây nửa thế kỷ. Đọc xong nó, ví người độc giả kia có là một anh cầu an yên thân, cũng cứ thấy nó day dứt thế nào ấy. *Thuốc*, đọc xong gấp lại, càng thấy bồn chồn cái bồn chồn của loại truyện *Chúc phúc*.

Trước khi đi thêm vào cơ cấu và phẩm chất truyện *Thuốc*, ta cũng nên nhớ lại một chút về con người và

những hoài bão sinh bình của tác giả tiểu thuyết *Thuốc*. Hắn những độc giả của Lô Tân kính yêu, hắn những người nghiên cứu nhiều ít về tiểu sử văn hào Lô Tân đều nhớ rằng lúc sống, trước khi chọn nghề văn, Lô Tân đã đi vào một nghề khác nó cũng rất gần gũi với sự sống như nghề văn. Lô Tân đã từng học thuốc, đã học trường thuốc ở Nhật Bản, mong rằng sau này về nước, sẽ mang cái nghề ấy ra mà cứu người mà chưa chạy cho đời sống quanh mình. Về mặt này thấy đời Lô Tân có một cái gì đáng yêu quý nó giống như cuộc đời văn hào Nga Tchekhov vậy.

Nhưng Lô Tân đã bỏ y tế một cách có ý thức, mà chạy sang văn nghệ cũng rất là có ý thức. Đành thôi không đi theo con đường của Hoa Đà, Lô Tân có bảo rằng: "... Tôi thấy học thuốc cũng không phải là việc cần kíp: hễ là thứ quốc dân hèn yếu, thì dù cho thân thể có mạnh mẽ đến đâu, vạm vỡ đến đâu, cũng chỉ có thể làm tài liệu và khán giả của cuộc thị chung không có ý nghĩa gì hết, đau và chết đi bao nhiêu kẻ, cũng không cần cho đó là sự đáng buồn. Thế thì cái điều cần kíp thứ nhất của chúng ta là ở sự biến đổi tinh thần của họ, mà muốn biến đổi được tinh thần, bây giờ tôi nghĩ không gì bằng dùng văn nghệ...". Nhìn ra chung quanh một cái xã hội Trung Quốc trước và sau Cách mạng Tân Hợi, trước và sau phong trào Ngũ Tứ (4-5-1949), Lô Tân thấy không biết bao nhiêu là con bệnh thời đại, người nước và thế nước đều đắm

chìm trong u mê oan trái. Bóng tối lẽ giáo phong kiến trùm lên thời bệnh. Xã hội nấu nung một áng khổ, buồn, cái môi trường ấy cứ ngày tây lên như một nhọt bọc khổng lồ, như một ung thư gan ruột. Ông thầy thuốc Lô Tấn đã cầm bút. Lòng sôi lên yêu dấu nhưng tay lạnh lùng, óc tinh táo. Lô Tấn giải phẫu. Nghệ thuật và phẫu thuật. Đoán thiên tiểu thuyết *Thuốc* là một chặng của một quá trình giải phẫu ấy. Truyện *Thuốc* nằm trong một tập tiểu thuyết mang một nhan đề thật là hàm dưỡng thật là kích động nhất là đối với số độc giả Trung Quốc nào mà lòng chưa tuyệt đối đứng vững với mọi bệnh trạng mình. Ấy là tập “Hò reo”. Hò reo lên cùng người đồng bệnh đồng điệu, hò reo làm hậu thuẫn cho các lực lượng chính trị mới, hò reo mà chấn mạch, hò reo mà gọi bệnh mà kê đơn cho một nước Trung Hoa phong kiến nửa thuộc địa và mại bàn. Trong cái khí hậu ẩm ướt một thứ máu lạnh len mốc như thế, trong cái không khí lịch sử ấy, ta đọc truyện *Thuốc*. Truyện *Thuốc*, rất có tính kịch và theo chủ quan tôi, đưa lên màn ảnh rất có triển vọng. Cũng là thể truyện ngắn như *Chúc phúc...* nhưng lại còn ngắn hơn nữa. Nó ngắn, vì chất nó đúc lại, nó hội tụ lại những cái gì là sự sống bị trùm bí và phủ lấp đi. Truyện *Thuốc* là thứ truyện có tính chất phát động quần chúng nổi lên, và như tôi hằng nghĩ và nói, nó có tác dụng xô nhào các thứ tượng đá tượng đồng xây trên vô lý trên bất công và trên áp bức bưng bít. Nó

giông gióng cái kiều thơ - mìn nổ chậm của Bertold Brecht. Truyện chia thành bốn đoạn. Tôi tạm tóm tắt câu chuyện lấy thuốc xin thuốc bán thuốc ấy.

Ấy là một đứa trẻ bị ho lao. Bố mẹ con bệnh lao mở tiệm trà và cung mè tín như số đông ở nước Tàu hồi ấy. Chủ tiệm tin rằng máu người sẽ chữa được bệnh lao phổi. Những dịp có án chém tù là cơ hội có một không hai để mua thứ thuốc máu. Đao phủ đã chốc lát trở nên một thứ ông lang có người đặt thuốc từ trước.

Không hiểu tại sao cứ đến mùa thu người ta mới đem chém người. Gọi là thu quyết. Vậy là một buổi sớm mùa thu, chủ tiệm ra pháp trường mua “thuốc” từ tay đao phủ, đem về cho con. Nhưng máu người chết chém vẫn không chữa khỏi chứng lao như họ mè tưởng. Cho nên mặc dầu có dùng đến thuốc máu, đứa bé lao vẫn chết.

Ấy là truyện xảy ra trong một mùa thu tử hình. Kế đến một ngày mùa xuân tiếp thừa cái mùa thu đó. Lại cũng vẫn cảnh buổi sớm. Cuối cảnh là một bãi tha ma. Nhân vật nếu không kể cả những người chết trong mà dưới mà, thì vẫn ven chỉ có hai người. Hai bà mẹ. Bà mẹ thứ nhất chính là người đã tin và đã mua máu tử tù làm thuốc hoàn sinh cho đứa con đang nằm trong cái mả mới kia. Bà mẹ thứ hai, chính là người đã sinh ra người con bị chết chém, chính là mẹ cái người mà máu mêt đầu đã được bán đi làm thuốc

chống lao. Hai bà mẹ. Hai nấm mồ trong một ngày tết Thanh Minh mà một thì có bó hoa. Một mẫu đối thoại ngắn giữa hai người mẹ. Một đoạn độc thoại của bà mẹ từ từ tự hỏi sao mộ con mình lại có hoa tươi, thân thích bạn bè sợ liên lụy, còn ai dám thăm viếng đưa hoa: “Vậy thì, thế là thế nào?”. Hết.

Nét lớn câu chuyện có vậy, mạch lạc truyện dung dị, nhưng sự việc bên trong rất phiền phức. Phải nói luôn ra rằng người bị chém trong truyện đây là một người hoạt động cách mạng mà để tránh kiểm duyệt, Lô Tân đã phải thay đổi tên họ và kín đáo bồng giò mà biểu hiện. Máu chiến sĩ cách mạng, sự mê muội đương thời đã biến thành ra thuốc nước, thành bánh bao, thành thứ nước chấm, chấm cái bánh bao vào (như ta thì có thể nói: chan máu vào bát cơm và và úa đi) mà nuốt để chống lao. Cái bánh bao còn nóng máu người ấy “đầy rẫy một mùi thơm quái lạ” đến nỗi những người đói bụng chung quanh phải kêu lên “Thơm quá! Món điểm tâm gì thế?”. Cái bánh bao tắm máu cách mạng, vỏ cháy sém, trong tay những người nghèo khổ lạc hậu, “phụt ra một luồng hơi trắng” và con bệnh thiểu nhi cầm lấy cái bánh bao đính máu “như là tóm được tánh mạng mình”. Từ cái bánh-bao-vị-thuốc-máu, truyện lại hết ở một cái nghĩa địa mà mồ mả kè chết chém kè nghèo hèn đều san sát như “bánh bao của nhà sang trong khi làm lễ chúc thọ”.

(tôi gạch dưới câu này. Ng.T) Chua thay! Khích nô thay! Dữ thay! Cái nhìn tạo hình của Lỗ Tấn, tôi phải gọi là bậc thầy, cái nhìn tạo hình của Lỗ Tấn, ở một vài cái chấm phá, y hệt lối khắc bản gỗ và hao hao một cái gì của Cổ Nguyên Như dựng thêm không khí cho những cái-mà-bánh-bao. Lỗ Tấn khắc nét gỗ mộc bản vào cái nghĩa địa của người bất đắc kỳ tử: “cỏ khô đứng thẳng như những sợi tơ băng đồng”, hoặc “giữa cành trơ trọi, rụt cỏ con quạ trông như là băng sắt đúc”. Rồi “trên nấm, cỏ còn chưa khô”, lại thấy “rõ ràng có một vòng hoa đò và trắng trùm lên”, cho đến nỗi chính bà mẹ hiền người nằm dưới đó cũng phải lêu lên rằng: “Hoa này không có gốc, không phải tự nó nở ra... Trè con cũng không đến chơi. Còn bà con họ mạc cố nhiên là không đến rồi. Vậy thì thế là thế nào?”. (Tôi gạch chữ cố nhiên. Ng.T). Cái câu “như thế là thế nào”, trong đoạn cuối truyện lấy đi lấy lại như là một điệp khúc nó cũng tác động đến cảm nghĩ của người đọc y như điệp khúc kể khổ trong *Chúc phúc*: “... Tôi thật khờ, khờ quá... Tôi chỉ biết lúc sa tuyêt, những thú rừng không có gì ăn trong hốc núi, nó mới xuống đến làng. Tôi có ngờ đâu qua mùa xuân rồi...”. Trong *Chúc phúc*, cũng là một bà mẹ đau khổ, băng khuâng mà tự trách. Trong *Thuốc*, lại một bà mẹ đau khổ khác, cũng vấn vương mà tự hỏi “như thế là thế nào?”. Người đọc yên sao được trước những câu hỏi

như thế của nhân vật truyện. Hình như nhân vật truyện hỏi thẳng ngay vào chính mình. Có những câu hỏi của nhân vật nó ám ảnh độc giả rất là bền lâu. Tôi đọc truyện *Thuốc* cách đây lâu và tồn tại mãi trong đầu một câu hỏi đó của bà mẹ nước Tàu cũ. Cho tới một ngày gần đây, tôi đọc một bài thơ ta gửi từ miền Nam Việt Nam ra đăng ở tạp chí Văn nghệ miền Bắc. Bài thơ *Mộ anh hoa nở* của Thanh Hải. Tự nhiên, tôi cảm thấy như có mối liên quan thiêng liêng gì giữa hai sự kiện văn học rất là xa cách nhau trong không gian thời gian. Tôi cảm thấy như lời và ý thơ *Mộ anh hoa nở* (làm ra trong năm 1956) là để giải đáp trực tiếp cho một bà mẹ Trung Quốc khoảng năm Tân Hợi thấy vòng hoa đỏ và trắng trên mộ con mình mà cứ tự hỏi mãi rằng “như thế là thế nào? Sao lại còn có ai dám đến tận đây mà đặt hoa?”. Tôi trích bài thơ *Mộ anh hoa nở*, coi đó như trả lời câu hỏi của bà mẹ ở truyện *Thuốc* nọ:

....  
 - *Thằng này là công sản  
 Không được đưa náo chôn!*

.....  
*Mộ anh trên đồi cao  
 Cành hoa này em hái  
 Vòng hoa này chỉ dom*  
 ...

*Bông hồng nở và nở*

*Hương thơm bay và bay*

...

*Bông hồng đỏ và đỏ*

*Như máu nở thành hoa*

Trong một truyện ngắn của Lỗ Tấn, thường thấy rằng cái ngắn ấy chứa chất bao nhiêu sự sống, bao nhiêu là cuộc đời nhân dân lao động Trung Hoa úa héo đi như đám cỏ bốn nghìn năm bị đè dưới đá tảng lịch triều. Lỗ Tấn viết truyện ngắn, đúng vào chỗ cái đám cỏ úa ấy mà viết, và muốn đem sinh khí sự sống nguyên chất đến cho cỏ kia xanh tươi lại thổi lùa cái chất sống tiềm tàng vào cho đám cỏ hắt hòn đá kia đi mà vồng ngọn lên. Truyện *Thuốc*, theo tôi nghĩ đã đem được cái xanh rất khỏe vào đám cỏ úa, cái đám cỏ lui của nước Tàu cũ, của nước Tàu xưa mà quần chúng đồng đảo còn bị sống trong u tối và mê tín. Truyện *Thuốc* cũng như những truyện khác trong các tập *Hò reo* và *Bàng hoàng*, mới đọc, thấy nó như u uất bi phẫn suông, nhưng thực ra nó phát động ý thức cách mạng và báo hiệu một bình minh, cái bình minh sau mỗi lần đêm sầm tối hàn lại. Trong truyện *Thuốc*, cái người bị chém đầu kia, thật ra vẫn không chết, cái tinh thần người ấy vẫn còn sống trong chung quanh, vì hoa vẫn tươi trên mộ, đúng như Lỗ Tấn vẫn thường

nói: "Người chết chỉ thật là chết, khi nào họ chết hẳn trong lòng người sống".

Trở lại cái phần tinh nghệ thuật của truyện *Thuốc* viết ra từ trước ngày Ngũ Tứ một tháng. *Thuốc* tuy là phong cách truyện, nhưng phẩm cốt thật là của sân khấu và màn ảnh. Thời gian và không gian của *Thuốc* rất được lọc chọn công phu. Ở *Thuốc* có cả một ngày mùa thu và một ngày mùa xuân. Có ba buổi sáng sớm. Mỗi buổi sáng nằm ở một bài trí khác nhau. Một buổi sớm pháp trường. Một buổi sớm tiệm trà. Một buổi sớm bãi tha ma. Buổi sớm pháp trường mở đầu cho buổi sớm tiệm trà, đông người và đều ôn ào hơn buổi sớm nghĩa trang. *Thuốc* dựng cái không khí tiệm trà Trung Quốc thật là độc đáo. Tôi chắc chắn không phải là do ngẫu nhiên mà Lô Tấn lồng truyện vào cái khung tiệm trà điển hình của cuộc sống Trung Quốc. Giữa cái tiệm nước, - cái nơi tụ họp hàng ngày của nhiều thứ người đủ các tầng lớp xã hội, - nghênh ngang một anh đao phủ đang dương dương tự đắc về chõ máu đem tù pháp trường vào đây.

Với tất cả những điều kiện tạo hình sẵn như thế trong truyện *Thuốc*, với tất cả một nội dung tư tưởng mà tôi cho là đựng được người đọc lên mạnh hơn cả *Chúc phúc*, tôi thấy thèm làm phim truyện cho truyện *Thuốc* quá. Bởi vì tôi vẫn tin rằng trong một số trường hợp nhất định, điện ảnh có khả năng hỗ trợ cho tác

phẩm văn chương. Và điện ảnh có một cách để diễn tả được một số khía cạnh của vấn đề của câu chuyện mà ở văn học nó chưa bật lên thật là cụ thể, thật là trực tiếp bằng khối hình và ảnh động. Tôi rất tin ở cái chất tốt của truyện *Thuốc* về tính liệu điện ảnh. Và song song với truyện văn học, phim *Thuốc* rồi sẽ làm cái việc truyền cảm về tư tưởng và nghệ thuật của Lô Tân một cách có hiệu lực.

Tôi cũng chỉ mới được đọc Lô Tân một phần nào thôi, và am hiểu Lô Tân cũng mới có bấy nhiêu thôi. Nhưng, về tiểu thuyết Lô Tân, tôi có thể tự nhận gọn ghê ngay rằng tôi không bỡ ngỡ chút nào với nhân vật truyện Lô Tân. Có lúc tôi đã tự nhủ rằng hình như mình đã từng chung chạ va đụng với những nhân vật này ở quanh quắt đâu đây. Hình như tôi cũng đã phần nào sống quen thuộc lám với cái không khí tòa lên ở các truyện Lô Tân. Phải chăng đây là cái lớn và cái tài tình của người sáng tạo Lô Tân? Mắt đọc, mà lòng mà chân mình cứ bước theo mãi vào cái thế giới Lô Tân - một cái thế giới thức gợi sự khám phá thêm nữa của xinêma.

Văn học, tháng 10-1959

## LỦY HOA

Mấy năm gần đây, Nguyễn Huy Tưởng và tôi hay trao đổi với nhau cảm nghĩ của mỗi người về tình hình chính trị về tình hình nghệ thuật. Của ta, của bạn. Cả của kẻ thù nữa. Có câu gì, có đoạn nào lấy được ra ở tài liệu nào, ở sách nào, thường hay chuyền lại cho nhau. Trao đổi xong, rồi phê phán, phát triển lên một cách say sưa lý thú; có khi cả hai im đi mà mỉm cười; có khi cùng lịm đi trước những đột ngột của tài liệu.

Một dạo đó, tôi và Tưởng lại hay bàn tán về cái chết, cái chết của một thằng người cũng như cái chết của một số đấng người. Tưởng hay đọc sử, những gì về sử, những con người lịch sử, sự kiện lịch sử, những câu nói lịch sử. Tôi rút sổ tay đọc cho Tưởng nghe một câu vừa ghi được ở một cuốn luận về một nhà thơ lăng mạn Âu châu: "... Ngay cả đích thân cái chết cũng không thể làm ngừng đập trái tim những nhà thơ lớn. Cho nên những thi hào là thuộc cả về hiện tại và cả

của quá vãng. Chính chỗ đó là cái cơ sở để phân biệt sự khác nhau giữa một sự kiện văn học với một sự kiện lịch sử...". Tưởng định lấy bút chép vào sổ riêng để làm quà cho một bạn phê bình, nhưng trời đẹp, buổi tối ngoài đường, buổi tối trên trời đang đẹp quá, chúng tôi vội rủ nhau xuống đường.

Hãy để đó câu văn, đêm Hà Nội trên vòng hồ đang nhiều vẻ như thế kia, văn chương nào sánh bằng. Mà đi bộ thôi, vứt xe đạp đó, đi bộ thôi, cà ngày đạp mãi rồi. Đi vào những ngõ ngách phố cũ, đi quanh ven hồ. Có buổi hai người chà lên tiếng nào. Tôi lặng lẽ đuổi theo những hình ảnh Tây Bắc vẫn đem theo luôn mình; tôi biết chắc Tưởng cũng đang lặng lẽ mà cấu tạo thêm quan hệ cho nhân vật tiểu thuyết *Sông mai* với Thủ đô dựng lại không khí chiến đấu của Trung đoàn Thủ đô giữa Hà Nội 1946-47. Để đổi không khí, Tưởng đang đi, dừng lại, chỉ bóng cây, trêu tôi: "Ông là tác giả bài *Cây Hà Nội* đây nhỉ?". Tôi trả miếng luôn: "Ông có định in lại *Một ngày chủ nhật* của ông nữa không? Cũng là tình hình chung cả đây thôi mà!". Hai thằng cười bù khú; giá mà chúng tôi là hai cô gái làng quê, thì phút lý thú đó, phải chồm vào nhau mà đầm thùm thụp vào lưng nhau như hai người đàn bà nông dân chân chính vẫn hay đầm yêu nhau!

Đi chơi suông chơi chay với nhau giữa phố vắng Thủ đô, chúng tôi vẫn thỉnh thoảng nói đến cái chết

trong cõi văn thơ. Thơ *Thần Chết và cô gái* của Goocki, truyện Sêkhôp viết về cái chết của lão bảo thủ Bélicôp mang áo bao mà Staline rất thích, mà Staline có nhắc tới ở cuộc họp Đảng bộ vào thời kỳ sắp tiến hành kế hoạch năm năm. Rồi đến truyện Thụy Điển *Xe bò của thần chết và anh say rượu* của nữ sĩ Selma Lagerloff. Rồi hình ảnh cái sọ dừa Häm-lét của Séchxpia, vân vân. Nguyễn Huy Tưởng chặc lưỡi: “Cái câu của Lỗ Tấn mà chả gồm à: Người chết chỉ thật là chết khi nào hoàn toàn không còn sống trong lòng người sống nữa”. Tôi liền khoe luôn thơ Bồ Đào Nha cho Tưởng nghe, có những bài thơ Bồ Đào Nha nói về cái chết cũng nghênh ngang lăm. Như bài thơ Việt, tức là chiến thắng cái chết đại ý nói rằng: “Độp một cái hoặc chậm trễ, một hôm nào đó, cái chết sẽ dẫn xác tới. Nhưng có một hiện vật, có một thứ mà cái chết không bê đi nổi, không nghiền được ra tro bụi, bàn tay giá lạnh cái chết không có quyền lực gì cả. Ta biết cái chết sẽ đè bại ta, nhưng mi không thể hủy diệt được trang giấy trên đó ta đang viết đến tên mi đây. Nghệ phẩm chân chính đều không phải là sở hữu của mi. Có những đời sống không khuất phục mi, ấy là những đời sống do chúng tạo tao tạo ra bằng nhạc luật tiếng nói, bằng những con sốt rét thương trận hạ trận của tâm tư...”.

Một buổi tối khác, định đến rù Tường đi tua Hồ Kiếm như mọi ngày, thì Tường đã đi bệnh viện rồi. Bác sĩ hạ giọng, bảo cho tôi biết rằng Tường bị ung thư. Mà lại ung thư gan. Nghĩa là khó còn được làm người để mà chứng sống.

Tôi vẫn chờ sự hiển linh của khoa học, nhưng tôi vẫn cầm bằng là Tường hỏng tới nơi rồi. Bị ung thư, tức là con bệnh đã cho một chân mình vào áo quan rồi. Tường vẫn còn cười còn nói được, nhưng tôi thấy rằng tư phút này trở đi, Hà Nội đã hụt thiêu hẳn đi rồi một người vẫn yêu các góc phố cổ, các ven hồ, ngã ba ngã tư ngã năm Thủ đô.

\*

\* \* \*

Truyện phim *Lũy hoa* của Nguyễn Huy Tường dựng lại một cuộc chiến đấu trong lòng Thủ đô Hà Nội những ngày đầu kháng chiến toàn quốc.

Cuộc chiến đấu giữa các khu phố Hà Nội của Trung đoàn Thủ đô dài 60 ngày. Những ngày cuối cùng của tác giả *Lũy hoa* bị ung thư gan, cũng là một cuộc chiến đấu dài ngày, dài bốn tuần lễ, tính từ đêm mổ gan. Nguyễn Huy Tường rất hiểu tình hình mình nguy khốn, nhưng vẫn bình tĩnh, vẫn tin vào khoa học y học sẽ phá được cái án tử hình treo trên cơ thể

mình. Buồng bệnh Nguyễn Huy Tưởng luôn luôn có người ra vào thăm hỏi chuyện văn, đôi khi phạm cả nội quy bệnh viện Việt Xô hữu nghị. Những chị y tá vẫn tươi tinh đưa cho mượn thêm bình cắm hoa. Giữa những người bạn thân của con bệnh án treo tử hình, có những bàn tán về những bó hoa tươi gửi cho Nguyễn Huy Tưởng: "Thứ coi lại coi có nên gửi hoa cho nó không? - Làm sao? - Nó tinh lăm, đưa hoa vô nhiều, sợ nó thấy rằng mình biết rõ mà mình giấu nó. - Nó biết đấy, chả phải giấu nó cũng biết. Nhưng nó gan đây thôi. Thêm nữa, nó vẫn lạc quan tin tưởng khoa học và tin vào sự săn sóc của Đảng - Nếu thật như vậy, thì ta cứ mua hoa đưa vào bệnh viện. Và nếu sự kỳ diệu của y học chưa xảy được ra cho Tưởng như lòng mong mỏi của tất cả chúng ta, thì đem hoa vào hôm nay cho Tưởng nó trông thấy, cũng được. Tại sao lại cứ phải đợi cho người ta chết rồi thì anh mới đưa hoa? Có cái sáng kiến đưa hoa sớm một tí cũng được chứ sao! - Các anh làm như tuồng chỉ có người chết mới là được nhận hoa thôi! Cũng là một cơ hội để phá cái công thức vòng hoa tang. Còn làm được bất kỳ điều gì cho Nguyễn Huy Tưởng lúc này, thì cứ tranh thủ mà làm đi. Kề cả mấy cành hoa tươi này đưa vào viện...".

Cứ vài ngày, Nguyễn Hồng, Kim Lân và tôi lại một lần vào viện thay hoa cho Nguyễn Huy Tưởng. Chợ

hoa bờ hồ có một cô hàng hoa không lấy gì đẹp bằng những bó hoa cô bán mỗi buổi sớm, nhưng tôi trông cứ thấy nó hao hao giống cái cô Nhân trong *Lüy hoa* của Nguyễn Huy Tưởng. Cô Nhân, người yêu của anh công nhân, nhân vật chính trong phim, cô tiểu thương nhân, giữa cái Tết năm đánh Tây giữa Thủ đô, đã gánh quà Tết và cành đào vào nội thành cho chiến sĩ Trung đoàn Thủ đô, rồi sau đó làm liên lạc cho Ban chỉ huy, rồi sau ở trong tiểu đội chuẩn bị thuyền nan cho Trung đoàn vượt sông Cái rút lên Việt Bắc ấy mà! Chắc cô hàng hoa cũng chả có thời giờ để mà thấy rằng có những người đi chọn hồng tươi vì lòng họ đang nặng nặng một nỗi buồn vì lòng họ đang có điều thương vong. Giá muôn một trong năm nghìn mà chuyến này Tường qua khỏi được, Tường còn được chứng sống, thế nào tôi cũng đưa Tường đến xem mặt cô hàng hoa buổi sớm mưa lâm thâm này, đến xem mặt một cô hàng hoa có thể đóng vai “cô Nhân Lüy hoa” của mình. Trong Xénariô, chẳng đã có một câu “Trong đám các cô hàng hoa, có ai hao hao như Nhân” là gì! Trong số nhân vật “Lüy hoa”, Nguyễn Huy Tường nuôi dưỡng ý tình minh nhiều nhất đối với ba nhân vật Nhân, Dân và Thắng. “Nhân dân thắng”, Nguyễn Huy Tường phào phào trên giường bệnh mà bảo nhỏ tôi như thế.

Về truyện phim *Lũy hoa*, tôi là một người tích cực trong số những người động viên Nguyễn Huy Tưởng viết truyện phim này. Vui miệng, có lần tôi đã bảo Tưởng: “Ông cứ viết đi. Lúc nào quay, tôi xin đóng một vai. Ông là một người Hà Nội, ông làm phim về đề tài Hà Nội bảo vệ Thủ đô; tôi là một người của Hà Nội, tôi cũng có cái thích thú muốn đóng một vai trong đó. Đóng vai chính hay vai phụ, đóng vai trung hay vai nịnh, tôi không chú trọng lắm. Miễn là góp mặt vào đó, góp mình vào một cái sáng tác của bạn mình. Có lẽ tôi sẽ chọn một vai nào đó trong số quần chúng nhân dân Hà Nội tham gia chiến đấu hồi đó. Tên ông lên áp phích, ông cho tôi một dòng chữ con gọi là ké vào đây”. Nguyễn Huy Tưởng mỉm cười, sau cái cười đó là *Lũy hoa* hoàn thành bản thảo. Mặc dù chưa biết bao giờ sẽ quay phim *Lũy hoa*, nhà xuất bản đã liệt luôn truyện phim vào tác phẩm in năm 1960. Tác giả *Lũy hoa* vào viện, tôi đem theo tay sách đầu tiên vào, tôi đem vào bệnh viện cho Nguyễn Huy Tưởng xem cái trang đầu in tên sách mình. Nguyễn Huy Tưởng mỉm cười, và tỏ ý muốn tìm cỡ chữ in khác thanh tú hơn để thay cho những chữ cái LŨY HOA. Lúc ấy Nguyễn Huy Tưởng thì cười nhẹ nhõm, còn tôi thì muốn quay mặt đi mà khóc. Tôi quá, có nên can đảm bảo thằng cho Tưởng biết rằng đích Tưởng bị ung thư gan và Tưởng chết, sẽ chết, đang

chết, Tưởng hỏng rồi. Trang sách ẩm mực in run run trong tay tác giả nó, tôi nghẹn ngào thấy rằng nó đang rung lên cái hơi thở cuối cùng của một nhà văn sung sức, của một quả trái đang nung mập mà lại đã nâu cuống. Tôi phải nói ngay một chữ một câu gì để trấn áp xúc động, nếu không thì nước mắt sẽ trào ra mắt. "Tưởng này! Ông thử đoán xem tôi muốn đóng vai gì trong LÚY HOA? Mình muốn đóng cái ông già Hoa kiều bán lạc rang đó. Vai này hiện ra vài lần giữa đám đông Liên khu Một Hà Nội, và chỉ có một lần là ông ta nói, mà chỉ nói có một câu. Đóng một vai phụ, chỉ nói vèn vẹn có một câu mà người xem vẫn còn nhớ được hình ảnh anh, đó mới là cái chõ kích thích sự sáng tạo nghệ thuật. Nếu có điều kiện cộng tác thoải mái với những người làm phim, mình sẽ chơi ông già phá-sang đó. Cảm tình với tác phẩm và tác giả cũng có; mà cũng có phần lưu luyến với một thứ bóng người rồi đây không bao giờ có ở Hà Nội nữa. Anh thử nghĩ mà xem! Hà Nội còn có bao giờ nghe lại cái tiếng rao đặc biệt của người bán lạc rang nóng xoáy vào cái thăm thăm của phố vắng ngô cùng, những đêm đông lạnh của một thời đã qua đi trên Hà Nội ấy". Tưởng gật gật. Chị y tá vào thay băng.

Hôm khác vào bệnh viện, lại vẫn nói tiếp chuyện LÚY HOA với tác giả nó. Tưởng bảo: "Nhược điểm của Xénariô mình là vướng nhiều đoạn nhân vật đang

hoạt động lại ngừng lại mà hồi tưởng lại chuyện này chuyện nọ. Tiếng nhà nghề gọi là phục hiện phải không nhỉ! Ú, truyện phim mình vướng nhiều đoạn phục hiện". Tôi thảnh thét bảo Tường: "Mình cũng thấy thế. Nhưng chưa cũng không khó. Một đạo diễn vững nghề sẽ giải quyết cho tác giả truyện phim. Hoặc nâng lên hạ xuống, hoặc dồn lại, hoặc cắt phăng đi một số phục hiện xét ra không cần thiết".

Buồng Nguyễn Huy Tưởng lúc nào cũng có một bó hoa tươi. Tôi nhìn hoa bệnh viện, nhớ đến một câu quảng cáo của một cô đầm lai bán hoa cho kẻ chử vào tấm kính 6 ly ở cửa hàng phố Tràng Tiền Hà Nội cách đây hơn 20 năm: "Hãy lấy hoa mà nói ra cái điều ấy". Để át đi cái chết mỗi ngày một vây lấy giường bệnh Nguyễn Huy Tưởng, chúng tôi bắc nhau đưa hoa vào viện. Và nói chuyện nghệ thuật với người chết -, mỗi ngày qua đi là càng thấy Nguyễn Huy Tưởng là dần về cái chết, và càng chứng tỏ rằng thời gian không bao giờ ủng hộ con bệnh ung thư. Đồng chí Đảng và đồng nghiệp và khoa học y học đều cố níu Nguyễn Huy Tưởng lại, nhưng cái chết vẫn co kéo đi. Tường vẫn tin vào sự sống: "Mong về nhà được. Khỏi rồi, rồi được đi chơi phố".

Tường lại trở về câu chuyện sáng tác: "Mình cũng thấy nhân vật *Lũy hoa* còn ít nội tâm. Sự việc còn rườm. Những vai công nhân còn yếu". Tôi lại cứ phải

nói thảng với người bạn sắp chết: “Thực ra, *Lũy hoa* không diễn tả tâm tính nhân vật, không dựng tâm trạng. Mà nó chỉ là một bài ca chiến đấu của Thủ đô. Bút pháp ở *Lũy hoa* khác, mà bút pháp *Sông mai với Thủ đô* khác. Cũng một đề tài, nhưng xê-na-ri-ô của ông khác tiêu thuyết của ông. Tôi chưa đọc bản thảo *Sông mai với Thủ đô*, nhưng tôi ngờ rằng ông để dành những vấn đề nhân tình, những vấn đề con người cho tiểu thuyết đó. Phải thế không?”. Nguyễn Huy Tưởng lại mím cười. Không ai nghĩ rằng cái cười ấy lại có thể héo được, không ai dám bảo rằng người cười một cách tự tin đó lại là một người chết đến nơi rồi.

Buồn nhất là những buổi tối vào thăm mà Nguyễn Huy Tưởng lại ngủ. Kính trọng giác ngủ người bệnh, chúng tôi ra ngồi ở hành lang. Những chị y tá áo bơ lu trắng dài đi nhẹ nhẹ dưới ánh sáng điện mờ mờ. Trước kia, đây gọi là nhà thương Đồn Thủy. Quân đội Viễn chinh Pháp bị thương nặng ở Điện Biên Phủ là chuyển tàu bay thẳng về đây, Nguyễn Huy Tưởng cảm xúc với đề tài Điện Biên Phủ, viết *Bốn năm sau*. Ư, Nguyễn Huy Tưởng đúng là một nhà văn nhiều xúc động về chiến đấu võ trang. Đầu kháng chiến, dựng kịch *Những người ở lại*, lấy Hà Nội làm bài trí. Trong kháng chiến viết *Ký sự Cao-Lạng*. Sang hòa bình, lồng một đoạn tình vào Điện Biên “bốn năm sau” kháng chiến tắt tiếng thần công lịch sử. Và cuối cùng, lộn về

Thủ đô một lần nữa, lấy Thủ đô chiến đấu làm chủ luận cho truyện phim *Lúy hoa* và tiểu thuyết *Sông mai với Thủ đô*. Hai tác phẩm cuối cùng đời mình đều là tập trung cảm nghĩ vào Thủ đô Hà Nội. Trong số những nhà văn quê hương ta hăng tha thiết với Hà Nội kinh kỳ có lẽ Nguyễn Huy Tưởng là người có một nét sống hao hao cái kiểu anh thanh niên Hà Nội tự vệ thành đeo sao vuông: “Sông với Hà Nội, chết với Hà Nội”. Sông làm người Hà Nội, chết rồi cũng làm ma của Hà Nội.

Một chút nữa thì tôi quên mất rằng tác phẩm Nguyễn Huy Tưởng viết về Hà Nội, còn một vở kịch năm màn viết năm 1941 và in ra trước ngày Toàn quốc Kháng chiến ba tháng. Kịch Vũ Như Tô, dựng lại một câu chuyện lịch sử xảy ra giữa Hà Nội khoảng đầu thế kỷ mười sáu, và sự việc của thảm kịch áy cút bám lấy hơi cỏ bóng bèo chõ ven Hồ Tây áy mà diễn biến quẫn quai. Vua Lê muốn xây đài Cửu trùng. Nhà kiến trúc Vũ Như Tô khởi công. Cung nữ Đan Thiêm khích lệ và giúp đỡ Vũ Như Tô. Lửa loạn cung nội đốt cháy chín tầng đài đang dựng, cung nữ và kiến trúc sư cũng thành hai nấm tro tàn trong một khói tro lịch sử. Đám cháy bốc lên giữa Thăng Long từ 1526 đến 1527. Nguyễn Huy Tưởng ở lời tự tựa kịch Vũ Như Tô đã thốt lên: “Đài Cửu trùng không thành, nên mừng hay nên tiếc (...) Cầm bút chǎng qua cùng một bệnh

với Đan Thiêm...”. Chẳng riêng gì Nguyễn Huy Tưởng mới cùng một bệnh với Đan Thiêm yêu kiến thiết thích xây dựng, mà một người độc giả như tôi (một người độc giả mong được có dịp thành một khán giả vở kịch Vũ Như Tô đó) cũng thấy mắc cái bệnh ấy. Bởi vì đã có những lần vòng quanh Hồ Tây, nghe chuông chùa Trấn Quốc, tôi bồi hồi muốn bóng hồ trả lại cho Hà Nội hôm nay cái bóng mái cong những chín tầng đài ngày nọ. Cầm đến kịch Vũ Như Tô, thấy vẫn vương một nỗi niềm gì về vốn kiến trúc của ta xưa. Lại mang bó hoa vào bệnh viện để thăm thì với Nguyễn Huy Tưởng. Nhưng Nguyễn Huy Tưởng đã không nói gì nữa rồi. Cái đài phát thanh văn nghệ ấy không trả lời nữa rồi.

Đám tang tác giả *Lũy hoa* không biết bao nhiêu là vòng hoa. Hoa Đảng, hoa quân, hoa dân, hoa chính. Túc trực bên cữu anh bạn không may, nước mắt tôi giọt xuống nhiều nhất là lúc chuyển tôi bên bàn thờ một vòng hoa của Trung đoàn Thủ đô. Nhớ lại ngày đầu về tiếp quản Thủ đô, Nguyễn Huy Tưởng và tôi đã nhiều lúc sững lại bên lề phố, mỗi lần có camiong của Trung đoàn lướt qua, trên xe vải điếu phủ lên những tiểu sành đựng cốt các chiến sĩ *Lũy hoa* bốc lên ở các góc phố mười lăm năm về trước đây là chiến lũy.

Một lần xuống viếng mộ tác giả *Lũy hoa*, anh bạn kiến trúc cùng đi thăm mộ nhìn bao quát khu nghĩa

trang mới, nói khẽ: "Nghĩa trang cần có nhiều cây để lấy bóng cho mọi người nằm ở đây đỡ mưa đỡ nắng. Riêng với Nguyễn Huy Tưởng, ta cũng nên trồng cho anh ấy một gốc cây. Một thứ cây rẽ không đậm thẳng xuống mà chỉ ăn ngang...". Tôi thêm: "Một thứ cây lá không to lấm, lá lắn tăn, cho bóng nó nhẹ nhõm chứ không đè dì xuống trái tim người nằm ngủ".

Hà Nội giờ nhiều bóng mới của những khóa cây đợt cây mới trồng tập thể. Bóng mới chen bóng cũ. Có những bóng cũ cây cũ còn làm chứng cho Thủ đô hồi dựng chiến lùy hoa. Những gốc cây đục lỗ để gài mìn gôm vào mà giật đổ xuống lòng phố chiến đấu trong đêm mười chín tháng chạp 1946. Có những gốc không đổ, vết thương hàn khâu lại từ lâu và nay vẫn ra bóng, những cái bóng che mưa che nắng cho những lớp người mới của Hà Nội hôm nay.

\*

\* \* \*

Về Xénariô Lüy hoa, thấy nó nhiều sự việc mà nhẹ về chân dung cùng là nội tâm nhân vật. Chính tác giả cũng cảm thấy những nhược điểm ấy và có nói với tôi trên giường bệnh. Nhưng cũng cần bàn thêm với tác giả - mặc dù tác giả đã đi xa rồi, đã tuyệt đối không chịu nói thêm một lời nào nữa - về cách biểu hiện

thực tế lịch sử của cuộc chiến đấu vô trang 60 ngày trong lòng Thủ đô Hà Nội. Cùng một đế tài cùng một thực tế ấy, có thể có những cách khác nhau khi phản ánh lại. Có người chuyên chú vào những tâm trạng những cảnh ngộ, tức là muốn nêu ra và muốn nêu đúng một số vấn đề về con người, trên cái cơ sở của điều kiện chiến đấu trong không gian nơi đó và thời gian lúc ấy. Có người chỉ muốn kể lại một câu chuyện, lấy những chi tiết của sự tình góp lại mà làm chất liệu câu chuyện kể, dùng bút pháp gây không khí và sinh lực cho cái hơi kể chuyện và hút người xem vào. Và lại dùng thể tài xé-na-ri-ô điện ảnh để kể lại câu chuyện ấy. Câu chuyện ấy đã kể bằng con chữ rồi, chưa đủ; còn cần phải tiếp tục việc kể chuyện ấy bằng ảnh hình; ghép nhiều ảnh hình diễn biến liên tục trên một cái màn trắng đã tắt hết đèn sáng chung quanh, trừ ra cái ánh sáng của câu chuyện xuyên qua phim chiếu.

Cho nên, chuyện kể *Lúy hoa* có cuốn hút người xem hay không, còn là chờ ở cái phần chỉ đạo thu ảnh và chờ ở nhơn lực của đạo diễn tinh lượng cho đúng mực về nhịp độ phim. Trong buồng tối, tôi nhận ra tiếng nói một số bạn quen: "A, nhưng mà kinh nghiệm đã cho chúng ta thấy rằng một cuốn phim chỉ quay tốt khi nào kịch bản đó là tốt". Tôi không bao giờ chống lại cái chân lý thông thường đó của xinê nghệ

thuật tập thể. Đúng lăm, đúng lăm. Thế thì bây giờ ta xem kỹ lại xem truyện phim *Lũy hoa* có là một xénariô tốt không, nếu chúng ta muốn sớm sớm có được một cái gì bằng nhựa Việt Nam để tăng thêm tình yêu Tổ quốc và Thủ đô anh dũng, vào dịp Chín-trăm-năm-chục năm của Hà Nội thân yêu đây.

Mặc dù *Lũy hoa* chưa có phần thu cảnh thu ảnh thành hẳn phim đem chiếu được, mặc dù nó mới chỉ là chữ và ý của một kịch bản văn học, tôi đã hình dung trước được những quang cảnh Thủ đô chiến đấu dựng lên trên cơ sở Xénariô *Lũy hoa*. *Lũy hoa* như là một bài ca, *Lũy hoa* như là một bức phù điêu trên đó chi tiết và chân dung người không chạm tìa nhiều mà chỉ dựng lên mảng lớn, những mảng lớn nổi lên trên nhiều lửa nhiều khói. Bức phù điêu ấy cũng là cái phù hiệu của một Thủ đô Việt Nam có truyền thống chống xâm lăng từ phương Bắc phong kiến ngày xưa dồn xuống hoặc sau này từ phương Tây thực dân thúc sang. *Lũy hoa* có nhiều không khí của chiến đấu không phải là chung chung mà là cuộc chiến đấu cụ thể ngóc ngách trong lòng phố Hà Nội. Tạo hình cho không khí đó, gây được không khí cho câu chuyện lịch sử Thủ đô kháng chiến năm đầu ấy, đó là cái ưu của văn bản *Lũy hoa* nó đang đợi hoàn chỉnh nốt bằng một công trình đạo diễn đã được phác trước ra rồi. Cái

cốt đắp lên rồi, nhưng còn phần tráng men nữa, nhưng còn việc vào lò ra lò lấy cho đúng được độ lửa.

Xênariô *Lúy hoa* có nhiều mảng rất tạo hình, nhiều mảng tạo hình đượm hương thơ của một nhịp thơ trữ tình lồng vào cái chất thê tráng. Nhiều mảng dựng lên ngôn ngữ những sinh động của đám đông tàn cư, những đám đông riêng biệt của một thành phố, của một Thủ đô dưới cái sắc thái năm đầu của kháng chiến lâu dài.

“Một buổi chiều trong đình Phát Lộc. Nơi tập trung đồng bào tàn cư. Hồn độn ôn ào. Tiếng trẻ khóc. Tiếng súng chóc chốc lại nổi lên (...). Trong cái đình cũ kỹ, người chật ních (...). Những cây nến đổ, giá cờ quạt lồng chổng... Trước bàn thờ, một khẩu hiệu *Tàn cư là yêu nước* viết tay.

“Hai bên gian đình xây thành bệ cao, mỗi gia đình trong một cái ô nhỏ, gia đình nọ ngăn với gia đình kia bằng những đayette, những cắp, những va li, những bọc, những gói lớn gói nhỏ. Trên đầu mọi người treo la liệt các thứ quần áo tã lót. Cảnh tàn cư của những người Hà Nội còn quá bỡ ngỡ với chiến tranh. Nhiều người chạy tháo thân chẳng đem được gì, chỉ có bộ quần áo đang mặc. Người pijama choàng bađờxuy, người quốc phục không khăn, người quần áo diện như sắp đi chơi, người chân giầy chân dép, người phụ nữ đi giầy đàn

ông... Nhưng cũng có người ở gần hay liều trở về nhà lấy thêm đồ đạc, nên có nhiều thứ hơn. Ô cửa những người này nhiều bọc nhiều gói, có cả hòm cưới, có cả đồng hồ, có cả xe đạp. Đây là Hà Nội thu hẹp lại. Hà Nội lầm than, Hà Nội lao động, Hà Nội phù hoa. Những người thợ thuyền với những quần áo rách rưới, tã lót cho con bẩn thỉu. Chị nhà thổ, anh nghiện ngồi ngáp dài, người thây bói kinh đèn, gã lưu manh răng vàng, anh kép cài lương đóng bộ quần áo võ màu đen, nhà sú cao lớn, những cô con gái cầm cung e thẹn, mặt xanh röt vì không đánh phấn. Ông cụ già đạo mạo với những móng tay dài. Những người giàu có thì giàu của (...). Tất cả hồn độn như hành khách trên một boong tàu thủy dưới thời Pháp thuộc. Một người nào cũng bóng nhãy vì không có nước rửa, nhiều người bịt mũi bịt mồm, vì hơi cút đái ở ngoài sân đưa vào. Cái sân nhơ nhốp, nước tiểu thành rãnh.

“Chỗ này, một người đàn bà kêu thảm thiết, vì có ai lấy mất túi gạo. Chỗ kia một em bé khóc đòi về nhà. May người đàn ông đang dỡ cánh cửa đình. Ngoài sân, một người đang bổ một cánh cửa chậm, áng chừng để làm cùi”.

Thật là không còn gì quý giá hơn, khi phải hình dung một cách cụ thể đến những đám đông để mà bố trí đàn người đàn cảnh mà quay. Tài liệu lịch sử tài liệu con người ở đây thật là nhiều khối nhiều hình, và

đông đảo đủ các thứ khôi thứ hình rất là tạo hình. Có những mảng quý như những chữ của thơ cẩn dì sát ngay máy quay vào mà thể hiện.

Những cái chậu rau cái ở bao lớn gác nhô ra lòng phố. Mùa xuân chiến đấu, đào cẩm trên lũy phố. (Một cách thật là bắt chót, tôi vội nhớ đến gốc anh đào Paris của Bertolt Brecht ở góc chiến lũy trong vở kịch *Những ngày của Công xã*). Gác vẹo đi, cột đèn gục xuống. Những sợi dây không biết mắc vào đâu. Và những cái thau đồng bếp, trên đó mưa phun xuân đang cho nhu lén những mầm cài nón xanh, mát mãi lên cái chất diệp lục của hy vọng, của sự sống, của lạc quan chiến đấu. Chậu than nõn cài mưa xuân :m à như tranh tĩnh vật, nhưng dat dao ý sống giữa nơi tiêu tho. “Trong khói, vẫn thấp thoáng những chậu rau và cành đào”. “Chớp đai bắc làm sáng len chất đồng bạch dập phù hiệu Tháp rùa”. Ánh chớp đai bắc soi rõ những hàng chữ viết bằng than: Hẹn ngay về lấy lai Thủ đô.

Đây là một mảng rất quý nữa, một mảng về những cái giếng giữa lòng phố Thủ đô, những cái giếng của những con thiều nước máy chỉ có Hà Nội cũ mới có như thế, “một thứ giếng mà ta con thấy ở một số nhà cổ Hà Nội. Cái sân nhỏ chung quanh lát gạch. Có vườn hoa dài như một cái luống. Vườn hoa xây gạch quét vôi trắng. Hai bên sân là nhà, như kiều nhà thờ,

tru nhà là câu đố". Mắt giếng “lều bèu xác mây con mèo, con chó, con chuột (...). Đạn rít trên mái nhà cổ... Ba người phụ nữ chui xuống bên thành giếng... Họ quay thùng chui ra một lỗ đục tường... Tiếng đạn mócchiê. Cả cái giếng tung lên, mù mịt trong khói bụi”. Thật là tạo hình! Phân cảnh mỹ thuật này gần như là phân cảnh kỹ thuật cho ống máy cứ đúng như thế mà lấy gần lấy xa độ quay.

Dến những mảng phim khác về những cái ngõ Hà Nội, những cái góc phố Hà Nội. Nó như kiểu Bùi Xuân Phái thích vẽ phố, vẽ góc phố, tường phố, mặt nhà. Những cảnh chia ly trong lòng phố trong lòng ngõ. Mưa phun trên sống lũy của những ngày Trung đoàn rút ra khỏi Ha Nội, bảo toàn cho bằng được lực lượng chiến đấu mà đưa lên chiến khu. “Đây là cái ngõ cuối cùng của thành phố. Đây là bắt đầu một cuộc trường chinh”. “Họ nhìn lại thành phố hông hồng chớp giật. Câu Long Biên sừng sững với những nhịp nháy nhô, dài dằng dặc, đó như nung”. “Những đám khói như tóc xoa, những cột khói vật vờ như cánh tay vẫy gọi”. Đọc cứ như là dư vị hơi van Vũ Như Tô và chạy dài chín đốt trong tác phẩm “mối tình đâu” của Nguyễn Huy Tưởng đối với đất cũ Hà Nội nhiều cảm khái.

Và phải là một người thiết tha với Hà Nội khang chiến mới dựng lên mới ghi lại được những góc phố những lòng ngõ như thế. Phai là một người yêu Hà

Nói như Nguyễn Huy Tưởng, yêu đất nước yêu cuộc chiến đấu anh dũng của Thủ đô với cái Trung đoàn đáng mến của nó, phải là một nhà văn say với đề tài chiến đấu hôm qua với đề tài kiến thiết Thủ đô hôm nay, say với nhân vật mình thì mới gây được không khí cho bài ca *Lũy hoa*, và tạo thành hình khá đầy đủ cho không khí *Lũy hoa* truyện phim này. Xêneriô *Lũy hoa* là một cơ sở phong phú và chắc chắn để quay một phim truyện. Người thợ cả đào móng đắp nền cho phim đã mất rồi, không còn bàn thêm gì với những anh chị em điện ảnh mỗi khi có muôn cần örêm cửa sổ cửa chính để thêm ánh sáng cho lâu dài, hoặc cần đến sự gia giảm nào đó. Nhưng truyện phim *Lũy hoa* đây vẫn là một cái cơ sở chắc và đẹp, đồ án rõ nét, để trên cái cốt đó ta hình thành được một phim hay, biểu hiện những ý tốt bằng những cảnh hình đẹp và khỏe.

1960

## TÔNXTÔI

Nếu chúng ta ví văn học Nga như một cái rừng đại ngàn, thì văn học Nga thế kỷ XIX có những đỉnh chót vót mà ngày nay mỗi lần ngược lên cao và trông ra xa, hình như ta không bao giờ cạn hết được lời yêu mến quý trọng. Tính theo trật tự ngày sinh thì Đôxtôiépxki ra đời năm 1820; Tônxtôi năm 1828; Sêkhôp năm 1860; Gorki năm 1868. Mỗi người một nhỡn quan riêng, một phong cách riêng, một cuộc phong ba riêng trong ý ăn nết ở cách làm, không ai dấn nhưng hình như họ chia nhau mà chạy tiếp sức cho tới cái tận cùng của thế kỷ XIX ở nước Nga và chạy lán cả sang thế kỷ sau nữa.

Trong rừng văn đại ngàn nước Nga, Tônxtôi sừng sững và chót vót như một đỉnh Thái Sơn trường tồn cho đến ngày nhân loại du hành vũ trụ đi hết lên các tinh cầu khác.

Văn Tônxtôi không bốc nhung mà ngầm dần, cứ bình bình mà dâng lên như nước triều biển đại dương.

Một nhà văn trú danh nước Áo có so độ Tônxtôi với Đôxtôiépxki (cũng lại là một cái đình Thái Sơn nữa!). Hai văn hào cùng một nước một thời này đều là những bậc tư tưởng tận tụy cả đời vì chân lý, hai người đều là những người hành hương đi tìm chân nhân, đi tìm chân lý để cứu thế độ nhân. Ở mỗi người, sự linh hôi chân lý có khác nhau, cái đúng cũng khác nhau, cái lầm cũng khác nhau, nhưng đều là tha thiết với cuộc sống thiên hạ. Tônxtôi và Đôxtôiépxki tâm tính và tài năng khác nhau. Bên này là một người thừa tiền bạc thừa lực cơ thể, cứ tuần tự mà lao động nghệ thuật, với sự kiên trì với cách nghĩ cách làm rất lôgich. Bên kia là một người thanh bạch, bệnh hoạn kinh niên nan y, ngặt ngưỡng như con lật đật mà viết, cảm xúc như nhân vật ốp đồng vào ngòi bút. Một người thì rất tinh, lấy cái tinh táo ngũ quan mà phản ánh thực tế. Một người thì hay mê sảng với nhân vật, tạo những trận mơ dữ dội cho tác phẩm, dựa lên não cân mà phát triển khí hậu văn. Tônxtôi viết văn (cho truyền ngắn cũng vậy, cho tiểu thuyết trường giang cũng vậy) cứ đều đều bước như người Mèo leo núi leo dốc, thong thả đều đặn và liền bước, đi ra đi nghỉ ra nghỉ, không bị mỏi, không tỏ vẻ mệt, hơi thở và tim đập đều đều cho tới đỉnh; và khi tới đỉnh thì mới thấy cái bao quát vĩ đại chưa thấy được lúc bắt đầu leo. Còn như Đôxtôiépxki thì khác hẳn, hoàn toàn khác

hắn. Vào truyện của Đốt là thấy tối mật xẩm mày lại ngay. Thấy nhân vật vát và, thấy tác giả nó cũng khốn khổ vì đám người mình đè ra kia, và ngay cả người đọc cũng ù tai nước mắt nước mũi giàn giụa theo với hành trình vào đêm tối của nhân vật Đốt! Nhân vật Đốt thở hổng hộc, Đốt như lên chứng động kinh, hơi truyện vụt lóe như tia chớp đêm đông, rồi người đọc giả Đốt cùng lăn ènh ra chiếu với những nhân vật bất đắc kỳ tử của Đốt...

Nghệ thuật của Tônxtôi rất nhiều tưởng tượng rất nhiều nội tư nhưng cũng rất nhiều quan sát. Mỗi con người nhân vật của Tônxtôi là sự tập thành của nghìn cái chi tiết, và mỗi cái chi tiết đó là kết quả của sự quan sát hàng biết bao nhiêu cái vi ti khác. Nét bình dị kỳ diệu của truyện Tônxtôi là sự thành công tổng hợp lại mọi quan sát về mọi mặt sống quanh mình. Tônxtôi hành văn chính xác như soi kính hiên vi để tìm cái sâu sắc cho những chi tiết báo hiệu những chất tâm lý. Đã có biết bao người đàn bà trên thế giới, người lôi thôi cũng như người bình dị, đã phải sợ phải phục người đàn ông Tônxtôi đó sao lại tài đến thế, biết cả đến (mà lại biết rất sâu) những cái mà tưởng rằng chỉ trong giới nữ mình biết với nhau thôi. Chính tài và trí quan sát này đã giúp Tônxtôi phát triển những tài liệu lịch sử dùng trong *Chiến tranh và Hòa bình*; bên cạnh những sự kiện lịch sử von cục, Tônxtôi

đã đưa vào mọi chi tiết tâm lý cần dùng để sinh hóa và nâng cái tài liệu đó thành hòn máu sống. Thế giới tạo hình của Tônxtôi là một kho tàng nhân tình tích lũy sau một quá trình quan sát cả rộng cả sâu.

Con người tài hoa quán thế Tônxtôi cũng là một con người đau khổ không bờ bến, có những lúc tự mình phải chôn khóa súng đi săn của mình lại cho thật kỹ, đề phòng cho những lúc phải lấy quyên sinh ra mà giải quyết đấu tranh tư tưởng trong mình. Rồi phân phổi hết đi ruộng đất, rồi cho đi tiền bạc, cũng đi tiền tác giả vào hội thiện (lúc bấy giờ có đến nửa triệu rúp). Rồi cày lấy ruộng, may lấy áo vải, khâu lấy giày da, tuyệt đối không ăn đến thịt vì sợ tội sát sinh. Trong tập *Sám hối*, có những trang như: "... Trong chiến tranh, tôi đã giết nhiều người; tôi đánh kiếm, tôi phá tán tiền bạc đã lột ở tay nông dân, tôi đánh đập hình phạt nông dân, tôi ăn nấm với những phụ nữ nhẹ dạ và gạt lừa chồng họ. Lừa đảo, trí trá, ăn cắp, hủ hóa, rượu chè cờ bạc, thô bạo hết cách nói...". Rồi cùng xuống với nhân dân, vào làng ở với những nông nô vừa được bãi bỏ luật nô lệ, mở trường dạy con em họ học chữ v.v...

Đọc tác phẩm Tônxtôi mà đọc đến *Chiến tranh và Hòa bình* cùng là tiểu thuyết *Anna Karênenin* đó là cần, nhưng chưa đủ để thấy cái giày vò tâm khảm và thấy cái ác liệt thảm kịch của nhà tư tưởng Tônxtôi. Có lẽ

thấy điều đó rõ nhất trong vở kịch 5 màn *Ánh sáng lóe trong tâm tôi* Tônxtôi viết chưa xong hẳn năm mình gần 60 tuổi, tức là hơn hai chục năm trước lúc chết. Sau này, Tônxtôi trốn nhà ra đi rồi chết ở một cái ga xép. Nhưng cái cảnh tượng khủng khiếp đó đã được phản ánh một cách tiên tri vào vở kịch *Ánh sáng lóe trong tâm tôi*, trong đó nhân vật lãnh chúa Nicolas Sarint Zeff lại cũng vẫn là đích thân Tônxtôi thôi, cũng như trước đây Pie và Angđorê đã thay tác giả mà ngôn mà hành trong *Chiến tranh và Hoà bình*, cũng như Lêvin đã là hóa thân của tác giả trong *Anna Karênenin*. Trong vở kịch năm màn, nhân vật chính kêu la lên rằng: "... Không được giữ ruộng đất, chờ có sống bám vào sức lao động của những người nông dân. Nhưng mà tổ chức tất cả những cái đó, tôi chả biết làm ra sao cả..." Rồi y xuống cùng làm việc với ông phó mộc, vừa bào vừa tâm sự: "Trước kia, tôi không thấy xấu hổ vì đã sống như thế đó".

Muốn hiểu Tônxtôi tài, luy, lầm, khổ như thế nào, và vẫn đáng quý như thế nào, có lẽ chúng ta xem ngay vào 6 bài báo của Lênin viết vào dịp Tônxtôi thương thọ 80 tuổi và nhát là lúc chết sau ngày thương thọ đó. Tôi trích ra ở đây mấy đoạn (không theo đúng trật tự của từng bài). Lênin đã giảng cho ta về trường hợp Tônxtôi:

*“Một cách kỳ diệu, Tônxtôi am hiểu nước Nga nông thôn, đời sống của tên địa chủ và của người nông dân. Trong tác phẩm văn chương của ông, đã có những thiên mô tả đời sống ấy ngày nay đã trở thành những thiên kiệt tác trong văn học thế giới. Sự biến đổi kịch liệt của tất cả các “nền móng cũ” của nước Nga nông thôn đã kích thích sự chú ý của ông, làm cho ông quan tâm sâu sắc đến các biến cố xảy ra chung quanh ông, khiến toàn bộ thế giới quan của ông thay đổi. Do nguồn gốc xuất thân và giáo dục của ông, Tônxtôi thuộc về tầng lớp đại quý tộc địa chủ Nga; ông đã đoạn tuyệt với tất cả các quan niệm thịnh hành trong giới đó, và trong những tác phẩm cuối cùng của ông, ông đã kịch liệt phê phán chế độ đương thời về các mặt: Nhà nước, giáo hội, xã hội và kinh tế, dựa trên sự cung khổ của họ, trên sự phá sản của nông dân và của các tiểu chủ nói chung, trên bạo lực và giả nhân giả nghĩa là những cái suốt từ trên xuống dưới đều thâm sâu vào toàn bộ cuộc sống đương thời (...). Sự phê phán của Tônxtôi không phải là mới lạ. Ông không nói điều gì mà, trong văn học châu Âu cũng như trong văn học Nga, những người đứng về phía những người lao động lại không nói trước ông từ lâu. Những cái độc đáo trong sự phê phán của Tônxtôi và tầm quan trọng lịch sử của sự phê phán đó là ở chỗ nó diễn tả được một cách mạnh mẽ - mà chỉ riêng*

*những nghệ sĩ thiên tài mới làm nổi - sự chuyển biến trong tâm trạng của quần chúng nhân dân hết sức rộng lớn ở nước Nga, trong thời kỳ nói trên, tức là ở nước Nga nông thôn nước Nga nông dân. Vì sự phê phán của Tônxtôi đối với chế độ đương thời khác với sự phê phán của những đại biểu của phong trào công nhân hiện đại đối với cùng một chế độ đó, là ở chỗ Tônxtôi đứng trên quan điểm người nông dân chất phác thời gia trưởng. Tônxtôi đem tâm lý người nông dân đó vào trong sự phê phán của mình, trong học thuyết của mình (...) Sự phê phán đó thực sự phản ánh được sự chuyển biến trong quan điểm của hàng triệu nông dân là những người thoát khỏi ách nông nô vừa mới được hưởng tự do thì đã thấy tự do đó có nghĩa là những khủng khiếp mới, là phá sản, là chết đói, là sống không nhà cửa giữa bọn xoay xở quyết liệt ở thành thị v.v... Tônxtôi phản ánh tâm trạng của họ trung thực đến nỗi chính ông đã đưa vào trong học thuyết của ông sự ngây thơ của họ, sự xa rời chính trị của họ, chủ nghĩa thần bí của họ, ý muốn xa lánh người đời, "không chống điều ác", những lời nguyền rủa bất lực đối với chủ nghĩa tư bản và "quyền lực đồng tiền".*

Lại nghe nữa đi những lời Lênin phân tích những mâu thuẫn trong con người Tônxtôi, một con người có công lớn phản ánh tất cả những mâu thuẫn của thế

kỳ XIX ở Nga “(...) Nhưng đồng thời, nhà phản kháng nhiệt liệt, nhà tố cáo hăng say, nhà phê bình vì đại lại tỏ ra, trong những tác phẩm của mình, là không am hiểu gì về những nguyên nhân của cuộc khủng hoảng đang xảy ra trên nước Nga và về những phương sách để thoát khỏi cuộc khủng hoảng đó; không am hiểu như thế, chỉ có anh nông dân ngày thời gia trưởng mà thôi, chứ một nhà văn có học vấn châu Âu thì sao lại như thế được.

*Dấu tranh chống Nhà nước phong kiến và cảnh sát, chống chế độ quân chủ, đối với Tônxtôi, rút lại chỉ là phủ nhận chính trị, là đưa tới chỗ tuyên truyền “không chống lại điều ác” (...).*

*Dấu tranh chống Giáo hội nhà nước thì lại kèm theo việc thuyết giáo một tôn giáo mới, được tinh lọc, tức là một món thuốc độc mới, tinh lọc, tinh khiết dùng để đầu độc quần chúng bị áp bức.*

*Phủ nhận chế độ tư hữu về ruộng đất thì lại là dẫn đến chỗ không phải là tập trung tất cả cuộc đấu tranh chống kẻ thù thực sự là chế độ sở hữu ruộng đất của bọn địa chủ và công cụ thống trị chính trị của nó là chế độ quân chủ, mà là thở dài mơ mộng, mơ hồ và bất lực.*

*Tố cáo chủ nghĩa tư bản và những tai họa do nó đưa đến cho quần chúng, thì lại kèm theo thái độ*

*hoàn toàn thờ ơ với cuộc đấu tranh giải phóng thế giới mà giai cấp vô sản xã hội chủ nghĩa quốc tế đang tiến hành (...). Nhưng những mâu thuẫn đó, trong quan niệm và những lời thuyết giáo của Tônxtôi, thì không phải ngẫu nhiên mà có, đó là biểu hiện của những điều kiện đầy mâu thuẫn chi phối đời sống ở Nga trong khoảng thời gian hơn 30 năm cuối thế kỷ XIX. Nông thôn dưới chế độ gia trưởng vừa được thoát khỏi chế độ nông nô thi lại rơi ngay vào tay tư bản và sở thuế nên bị rút ria đến cùng cực (...)".*

\*

\* \* \*

Trừ những tập *Nhật ký* và các tập *Xung tôi*, kể về những truyện dài truyện ngắn và kịch nói của Tônxtôi mà nhiều người trên thế giới và ở nước ta đều có đọc cả, thì phải kể đến tiểu thuyết *Chiến tranh và Hòa bình* và tiểu thuyết *Anna Karênenin*<sup>(1)</sup>

*Anna Karênenin* bàn về hạnh phúc gia đình. Cốt chuyện nổi rõ hai đường gân chính. Một bên là một đôi vợ chồng thấy được hạnh phúc, một bên là một cặp vợ chồng của thứ luyến ái bất hạnh. Nàng Anna có

(1) *Anna Karênenin* đã được dịch ra tiếng Việt Nam từ trước Cách mạng, do ông Vũ Ngọc Phan dịch và phiên âm tên sách là "An Na Kha Lê Ninh".

một người chồng tốt và Anna ngoại tình với một người khác bay bướm lịch sự, và kết thúc đoạn đời cảm giác vị kỷ của mình bằng một tẩm thâm kịch: con như cắp vợ chồng Lévin thì tối được bờ hạnh phúc. Thực ra, cũng sau nhiều phen bao táp tâm tư ma Lévin mới thấy được hạnh phúc. Có những lúc Lévin đã muốn tự tử, luôn luôn tự hỏi rằng mình sống để làm gì? "Và Lévin quả quyết rằng mình không thể sống như thế được. Hoặc mình tìm ra được một ý nghĩa cho đời sống, hoặc là mình sẽ tự vẫn". Lévin muốn đi sâu vào ý nghĩa sự sống và thấy rằng ý nghĩa sự sống là lòng tin, tin vào một tôn giáo, vào một đức Thương ái. Địa chấn Lévin là một trong những nhân vật chủ chốt truyện dài. Lévin đây cũng là hóa thân của tác giả Tônxtôi. Cuộc sống nội tâm của nhân vật Lévin chàng qua cũng chỉ là cái tâm tư của đích thân Tônxtôi. Tônxtôi đã mượn bụng mượn miệng Levin mà nói ra cái thắc mắc của mình, nói ra cái băn khoăn của mình trước sự khủng hoảng của cuộc sống lúc bây giờ.

Cuộc đời 82 năm, Tônxtôi có được 16 năm yên ổn, yên ổn nếu đem so với những năm sau đó, càng về sau càng dần vất, bao táp trong tâm trạng tri "ngôi không yên ổn đứng không vững vàng". Và lấy ngay nội tâm và tư tưởng mình ra làm một chốn đoạn trang mà đêm đêm tìm đến, vừa tìm vừa ghi vào tập *Nhật ký* và tập *Xưng tội*. Những nhà nghiên cứu Tônxtôi

thường nói đến cái năm 1874 bước rè ngoặt của Tônxtôi, của nhà nghệ sĩ và nhất là nhà tư tưởng Tônxtôi! Tiểu thuyết *Chiến tranh và Hòa bình* cũng là tiểu thuyết *Anna Karênenin* đều sáng tác vào thời kỳ tác giả nó có cái vẻ bình yên, nhưng thực ra cũng đã mang những cái dấu hỏi, hỏi chung quanh, tự hỏi mình để xác định một thái độ sống. Thời kỳ khủng hoảng xã hội và khủng hoảng cá nhân Tônxtôi này cũng là cái thời kỳ hoạt động của chủ nghĩa dân túy của những nhà báo nhà văn dân túy. Đúng vào giai đoạn những người dân túy tham nhập xuống nhân dân Nga <sup>(1)</sup> thì cũng là cái năm 1874 bước ngoặt của Tônxtôi. Sau thời kỳ bước ngoặt này, suốt ba mươi năm, Tônxtôi không lúc nào ngớt cái tiếng kêu khùng khiếp: "Tôi sống thế nào đây? Ta tư cứu ta ra sao đây". Những băn khoăn tư tưởng của Tônxtôi bắt đầu

(1) Những người dân túy chống chè độ Nga hoang, cho nông dân là lực lượng chủ yếu của cách mệnh chứ không phải là công nhân; cho chủ nghĩa tư bản ở Nga chỉ là một hiện tượng ngẫu nhiên, cho lịch sử không phải là do quân chung làm ra, không phải là do đấu tranh giai cấp tạo ra, mà lịch sử là do một số cá nhân anh hùng làm nên. Họ tin tưởng vào "cuộc cách mệnh xã hội chủ nghĩa nông dân". Họ cho rằng lực lượng nông dân đó là phải do những tri thức như họ đứng ra lãnh đạo. Đến khi thấy nông dân không theo họ, không hiểu họ mà theo, thì họ dựa vào lực lượng riêng của tầng lớp tri thức, họ không cần tổ chức đấu tranh của quần chúng, họ không cần đến nông dân, họ chống Nga hoang bằng những vũ khí bạo cá nhân.

chóm lên thì đồng thời cũng được gửi vào tiểu thuyết và gửi vào nội tâm nhân vật Lêvin trong truyện *Anna Karénin*. Lo cho những điều trông thấy về kinh tế xã hội, nhân vật Lêvin thốt lên: “Ở ta hiện nay, một khi mà tất cả những điều đó đã bị đảo lộn và chỉ mới đang được sắp xếp”.

Lêvin đã đem phân tích câu nói đó của nhân vật Lêvin: “Ở ta hiện nay, một khi mà tất cả những điều đó đã bị đảo lộn và chỉ mới đang được sắp xếp”, - thật khó mà tưởng tượng được một sự nhận định nào đúng hơn về thời kỳ từ 1861 đến 1905. Cái đã bị “đảo lộn” thì bất cứ người Nga nào cũng đều biết rõ hay ít ra cũng thấy là hoàn toàn quen thuộc. Đó là chế độ nông nô và toàn bộ “chế độ cũ” phù hợp với nó. Cái chỉ mới đang được sắp xếp thì tôi quảng đại quên chúng nhân dân đều hoàn toàn không biết, nó là xa lạ đối với họ, và không thể hiểu được (...).

*Chủ nghĩa bi quan, sự không kháng cự, việc viễn đến “tinh thần”, là một hệ tư tưởng nhất định phải xuất hiện trong một thời đại mà toàn bộ chế độ cũ “đã sụp đổ”, mà quần chúng là những người đã từng được nuôi dạy dưới chế độ cũ đó và đã hấp thụ được cùng với sữa mẹ, những nguyên tắc, tập quán, truyền thống, tín ngưỡng của chế độ đó, thì nay họ không nhìn thấy và cũng không thể nhìn thấy được cái chế độ mới được “sắp đặt ra” là chế độ gì, những lực lượng xã hội nào “đang sắp đặt ra nó” và sắp đặt như thế*

nào, những lực lượng xã hội nào có khả năng để giải thoát họ khỏi những đau khổ không sao kể xiết được và đặc biệt là sâu sắc, mà chỉ những thời kỳ “chuyển biến dữ dội” mới có”.

Đốtxtôiépxki là một người đồng thời và đồng nghiệp của Tônxtôi, cũng đã cảm thấy cái tư tưởng của Tônxtôi xuyên qua nhân vật Lêvin, Đốt đã viết: “Những người như Lêvin, có thể ăn ở với nhân dân lâu dài cho đến mây đi nữa, cũng không bao giờ trở thành nhân dân: sự hụt hẫng và cái ý chí đó, dù có là đột hóa đến đâu, cũng không đủ để mà ôm lấy và thể hiện được lòng muốn chan hòa vào nhân dân”.

Tiểu thuyết *Anna Karênin*, sau này chính Tônxtôi cũng lại phủ nhận luôn nó và gọi nó là “những sự đều già dâm bỗn được chế biến và tưới bằng một thứ nước chấm văn chương ngon miệng”.

Phân tích tác phẩm Tônxtôi, Lênin đã phân tích tư tưởng Tônxtôi và hoàn cảnh lịch sử của nó:

“Tônxtôi bắt đầu hoạt động trước tác, dưới chế độ nông nô, nhưng thời kỳ ấy đã là một thời kỳ mà rõ ràng chế độ đó đang sống những ngày tàn. Hoạt động chính của Tônxtôi là ở vào thời kỳ lịch sử Nga nằm vào giữa hai bước ngoặt, 1861 và 1905. Trong thời kỳ đó, những dấu vết của chế độ nông nô, những tàn dư trực tiếp của chế độ đó, ăn sâu vào toàn bộ sinh hoạt kinh tế (nhất là ở nông thôn) và chính trị trong nước. Đồng thời, chính thời kỳ đó lại có đặc điểm là chủ

*nghĩa tư bản phát triển nhanh chóng ở dưới và thâm nhập vào ở bên trên.*

*Những tàn dư của chế độ nông nô biểu lộ ra ở chỗ nào? Trước hết và rõ ràng nhất là trong truyện này nước Nga là nước chủ yếu nông nghiệp, thì nông nghiệp thời đó lại ở trong tay những nông dân phá sản, bần cùng hóa, dùng những phương pháp canh tác lỗi thời cổ lỗ, trên những mảnh đất cũ của thời nông nô, đã bị cắt xén cho địa chủ năm 1861. Một khác, nông nghiệp lại ở trong tay bọn địa chủ, bọn này, ở trung bộ nước Nga, dùng nông dân, cày của nông dân, ngựa của nông dân để canh tác ruộng đất, ngược lại chúng cho nông dân được sử dụng “đất nhượng lại” cho quyền được cắt cỏ, quyền được cho súc vật đến uống nước v.v... Thật ra, đó là chế độ kinh tế cũ của thời nông nô. Chế độ chính trị của nước Nga suốt trong thời gian đó cũng thế, hoàn toàn thám sâu tinh thần chế độ nông nô. Điều đó, người ta thấy rõ cả ở tổ chức của Nhà nước cho đến khi có những toan tính đầu tiên năm 1905 định sửa đổi tổ chức đó, cả ở ảnh hưởng chiếm ưu thế của bọn quý tộc địa chủ trong các công việc Nhà nước, lẫn toàn quyền thao túng của bọn quan lại mà phần lớn - nhất là ở bên trên, - đều xuất thân từ giai cấp quý tộc địa chủ.*

*Nước Nga gia trưởng cũ, sau 1861, bắt đầu tan rã mau chóng dưới ảnh hưởng của chủ nghĩa tư bản thế*

*giới. Nông dân đói khổ, chết chóc, phá sản, từ trước tới nay chưa từng thấy bao giờ cả, đã bỏ ruộng đất, trốn ra thành thị. Nhờ "nhân công rẻ tiền" của các nông dân phá sản, người ta kiến thiết mạnh mẽ đường xe lửa, công xưởng và nhà máy. Đại tư bản tài chính, đại thương nghiệp và đại công nghiệp đều phát triển ở nước Nga".*

\*

\* \* \*

Giới văn học nước ta gần đây nhiều bạn đồng nghiệp hay bàn tán đến chất lượng của sáng tác và dùng tới danh từ định. "Làm sao cho văn học Việt Nam chúng ta phải có được định này định khác nó vút lên trên cái bình nguyên của cánh đồng phong trào thơ truyện v.v..." Nhân đây tôi cũng muốn nói đến một ít chi tiết về một cái định văn học sừng sững mấy năm sáu trên địa dư văn học thế giới. Tức là pho tiểu thuyết *Chiến tranh và Hòa bình* của Tônxtôi mà, theo ý kiến của những nhà bình luận văn học quốc tế, chưa có tác phẩm nào đó được trong lĩnh vực dựng chủ đề hòa bình trên cơ sở đề tài lịch sử về chiến tranh.

Pho truyện ấy dài 2.000 trang, bao gồm một cái thiên hạ 559 con người nhân vật do Tônxtôi chế tạo ra vì mục đích bảo vệ hòa bình, nhất là để chửi bới

chiến tranh và phản đối nó với tất cả trí tuệ của một nhà tiểu thuyết của một nhà tư tưởng. Tônxtôi, trong bốn năm ròng nghiên cứu, đã ngồi tháo tất cả bánh xe dây cót bộ máy chiến tranh, tháo ra, lắp lại, tháo ra, bắn tháo chữa tới bảy lần. Chưa có bản cáo trạng nào chống chiến tranh xâm lăng dài đến thế, hay đến thế, lớn đến thế. Gần một thế kỷ sau, loài người mới nghĩ ra được và tổ chức được Phong trào Bảo vệ Hòa bình Thế giới, nhưng năm 1869 Tônxtôi đã hoàn thành bản án đó, đem tất cả cái tinh hoa ở tài nghệ tri minh ra mà chống đối chiến tranh. Hãy nghe đây trang đầu Tônxtôi vào truyện: “Ngày 24 tháng sáu, những binh đoàn Tây Âu vượt biên giới Nga và chiến tranh đã nổ ra. Nghĩa là đã xảy ra một sự biến nó trái cả với đạo lý và cả với bản tính con người. Vì dối lừa, vì phản phúc, vì trộm cướp, thiêu cháy, hủy giết, hàng triệu con người bắt đầu làm hại lẫn nhau tới cái mức đủ cho mọi tòa án khắp trái đất họp xử ròng rã hàng thế kỷ”.

Nghệ thuật tiểu thuyết cao siêu của *Chiến tranh và Hòa bình* đã hút cuốn ngàn ngàn vạn vạn độc giả châu Âu. Có những độc giả hậu sinh của Tônxtôi như Roger Martin du Gard phải thốt lên rằng trường đại học duy nhất của nhà văn trẻ viết tiểu thuyết là tìm đọc Tônxtôi. Người độc giả nói câu đó là một nhà văn trú danh nước Pháp được giải thưởng văn chương

Nôben và là tác giả pho tiểu thuyết *Dòng họ Tibô* kết thúc bằng lên án chiến tranh thế giới lần thứ nhất.

Nhân vật của Tônxtôi và đời sống của Tônxtôi là một cảm xúc lớn dư vang đến ngay cả trong tiểu thuyết Xô viết hiện nay. Trong một tiểu thuyết bộ ba của Constantin Féidine, một nhân vật của Féidine trong cảnh ngộ Liên Xô bị phát xít Đức tấn công 1941, lúc sắp tản cư về hậu phương, còn cố gắng thăm viện bảo tàng Tônxtôi ở Isnaia-Poliania mà suy nghĩ giữa viện bảo tàng đang đóng hòm chuyển đi những sách và bản thảo và mọi hiện vật về Tônxtôi: “Tônxtôi có thể bớt bỏ đi bất cứ một tác phẩm nào trong toàn tập trù tác của ông mà danh ông vẫn toàn vẹn. Nhưng nếu không sáng tác ra *Chiến tranh và Hòa bình* thì ôngắt sẽ trở thành một tác giả khác. Bởi cái lẽ rằng pho sách đó đề cập đến từng người Nga, và vì thế mà nó mật thiết với cả thế giới”. Nhân vật kịch tác giả năm 1941 đó của Féidine lại còn tần ngần trước mặt chí thuyết minh nhà bảo tàng, nhớ lại những đoạn trong tiểu thuyết *Chiến tranh và Hòa bình* mà liên hệ thêm: “Trong những cái người ta bỏ lại, có Mạc Tư Khoa... Cháy... Mạc Tư Khoa giờ đây lại làm mồi cho khói lửa một lần nữa chăng? Có nộp Thủ đô cho giặc nữa không? Mọi sự đều tái diễn: bọn thanh niên ra trận, bọn già rời xa mặt trận mà khóc cho những thứ phải bỏ lại. Nước mắt vẫn chưa ráo cạn hết. Trong các

gia đình người ta khóc than, in hêt như dòng họ Rôstôp đã khóc than. Nhưng, nếu mọi việc đều là diễn lại, thì ta phải cầm cự được, ta phải chiến thắng chứ lại?”. Trong khi đó, vẫn có một số binh sĩ đóng ở rừng quanh khu bảo tàng và họ cũng nắn nè bà giám đốc bảo tàng Tônxtôi cho họ vào xem, mặc dù là hiện vật bảo tàng đã đóng hòm sắp chuyển lên xe cam nhông hết. Chị nhân viên vội vã và có vẻ bức:

“- Ở đây chả có gì mà xem nữa, chỉ còn có mấy bức tường”.

Mấy anh binh sĩ trả lời:

“- Thì xem mấy bức tường! Cái người đã từng ở trong tường đó, không phải là một kẻ xoàng xĩnh nào”.

Chị nhân viên:

“- Có thể, không phải là một kẻ tầm thường nào! Những bức tường trong đó Tônxtôi đã sống, không phải là chỉ đứng ngó bức tường, mà nay phải bảo vệ lấy!”.

*Chiến tranh và Hòa bình* là một tiểu thuyết dài dựa hẳn vào thực tế lịch sử mà dựng nên. Dựa vào thực tế lịch sử, nhưng Tônxtôi lại còn tưởng tượng nữa, lại còn vận dụng tột độ cái quyền lực hư cấu cần phải có ở mỗi nhà văn, nhất là nhà văn viết tiểu thuyết, nhất là nhà tiểu thuyết ấy lại là nhà văn lớn Tônxtôi. Đối với thiên tài Tônxtôi, thực tế lịch sử là

cần, nhưng lịch sử vẫn là một cái bê phóng để phóng lên cái tên lửa hư cấu lớn lao của mình. Trong cơ cấu tác phẩm *Chiến tranh và Hòa bình*, có những nguyên liệu chuyển tới bằng lịch sử với những tiền đề của nó; lại có cả những nguyên liệu của riêng Tônxtôi tự mình xe đến. Những nguyên liệu do hai nguồn cung cấp khác nhau đó, Tônxtôi đem hồn hợp lại, tỷ lệ pha trộn tính theo những yêu cầu xây dựng nhất định của nhà kiến trúc Tônxtôi. Công thức chế biến đó cũng là đặc điểm riêng của kỹ thuật của nghệ thuật kiểu Tônxtôi, một thứ nghệ thuật của hiện thực phê phán áp dụng đặc địa vào cõi tiểu thuyết vào thế giới Tônxtôi. Có thể nói rằng Tônxtôi đã phân bố lực lượng nhân vật của mình theo hai tuyến nhất định. Một tuyến gồm những nhân vật lịch sử, những con người thật mang theo những việc thật của họ. Một tuyến khác gồm những nhân vật không dính dáng mảy may đến lịch sử đương thời; những con người này là do tác giả tùy tiện huy động tới. Nói giọng nhà nghề thâm niên, tức là trong *Chiến tranh và Hòa bình*, có cả người thật có cả người bịa, có cả tuyến nhân vật hiện diện của lịch sử cung cấp cho, lại có cả một tuyến nhân vật do hư cấu mà bịa nắn ra. Hai dòng người thật và người bịa ra áy, đều cho tiến lên một cách song hành. Thường là hai bên đối chọi nhau nhưng vì cần thiết của diễn

bíen câu chuyện, nhiều lúc hai đám người thật và giả áy lại lèo vào nhau mà nghĩ mà nói mà hành.

Lúc khởi thuỷ, *Chiến tranh và Hòa bình* không mang cái hình thù văn chương như ta đọc hiện nay. Thoạt kỳ thủy Tônxtôi định viết về nhóm Tháng Chạp chống Nga hoàng năm 1825 và muốn viết về phong trào và nhân vật này, phải nghiên cứu các trận đánh quân sự, nhất là những trận mạc Nã Phá Luân. Tônxtôi cứ bám xoáy mãi vào tài liệu, ngừng lại quanh những đề tài trận mạc Nã Phá Luân. Và bắt đầu hình thành cái chủ đề chiến tranh cùng là hòa bình.

Tônxtôi muốn đưa ra cảnh sinh hoạt của những gia thế thương lưu quý tộc xã hội Nga và thái độ họ khi họ phải đứng trước những sự biến lớn của lịch sử. Trong bản nháp bỏ đi của một cái tự tựa tác giả định mào cho tiểu thuyết *Chiến tranh và Hòa bình*, Tônxtôi đã nói rõ là chỉ khung vào cái đám gia thế quý tộc đó mà thôi bởi vì “tôi không quan tâm và cũng không biết gì về đời sống đám quan lại, con buôn, tăng lữ và nông dân”. Lúc đầu là cũng chỉ định dựng nên cung cách sinh sống của hai gia đình quý tộc Bôncônski và Rôstóp và lấy lịch sử giai đoạn Nã Phá Luân và Nga hoàng Aléchxăng tương tranh làm bức màn hậu cho tập ký sự có tính chất của các dòng họ. Ý Tônxtôi là muốn vẽ nên bức tranh sinh hoạt Nga tại gia và tại

ngữ trong thời kỳ những năm đầu của thế kỷ XIX. Từ chỗ đó, rồi *Chiến tranh và Hòa bình* chuyển sang thành tiểu thuyết lịch sử, rồi cuối cùng trở thành một bản hùng ca của dân tộc.

Dụng xong *Chiến tranh và Hòa bình* Tônxtôi mất vào đó trên bốn năm ròng. Trước khi cầm bút bắt đầu viết, Tônxtôi đọc sách này sách nọ, như là để luyện để tập dượt tâm trí trước khi vào thi võ đọ nghệ với trang giấy trắng lạnh. Có khi vì một chi tiết quân sự, Tônxtôi ngồi trên mình ngựa, tay cầm bút mà đi đi lại lại mấy ngày liền để xem xét đổi chiếu lại với thực địa chiến trường. Công trình nghiên cứu và sưu tầm tài liệu của Tônxtôi chuẩn bị vào trận viết dài hơi, cũng là một công việc phức tạp. Vào viện bảo tàng nghiên cứu chân dung các tướng tá Nga hoàng. Đọc các sử gia quân sự. Đến các thư viện. Đọc những già phà những thư tín riêng của các nhà quý tộc. Đi thăm và hỏi chuyện các nhà sử học. Rồi lấy ngay người nhà, lấy ngay thân thích họ hàng, họ gần cũng như họ xa ra mà làm mẫu người. Lấy máu mủ ruột rà lấy người nhà còn sống ra làm mẫu nhân vật, lấy cả đến những bậc đã quá cố đi rồi. Bản thảo *Chiến tranh và Hòa bình* chép đi chép lại đến nỗi người chép không còn sức chép nữa, đến nỗi rá rời cả tay vợ cả tay con gái. Thợ nhà in ở Mạc Tư Khoa luôn luôn nhận được những bức điện dài ngoằng bắt phá đi những bát chữ

in đã lén khuôn và thay vào những trang *Chiến tranh và Hòa bình* mới, khác hẳn.

Trong tiểu thuyết dài trường giang *Chiến tranh và Hòa bình*, Tônxtôi đã đem ánh sáng của hiện thực phê phán ra mà soi vào kẻ thù. Dưới ánh sáng hiện thực Tônxtôi, danh tướng bách chiến bách thắng châu Âu Nã-phá-luân chỉ là một tội nhân, một tù binh. Và ngòi bút sắc sảo Tônxtôi cứ vây lấy kẻ thù, mà phá dần cái tượng, hạ dần bệ cái tượng lịch sử đó xuống cho tới lúc thần tượng chiến tranh đó lăn nhào trên bùn cát sa trường. Bức tranh trận mạc điểm lên những mảng đám đống nhân dân chiến tranh và những chân dung du kích. Bức tranh chiến tranh cuốn lên những đám lửa khói Mạc Tư Khoa tiêu thổ. Trong phần đầu pho tiểu thuyết, nhân vật nghĩ lấy nói lấy, tự thân họ hành động; phần sau *Chiến tranh và Hòa bình*, hình như 559 nhân vật của nó nói vẫn chưa đủ mà chính Tônxtôi cũng chấp cả luật lệ xưa nay của hiến pháp trong tiểu thuyết mà chen vào mà xông ra giữa tiểu thuyết để triết lý, để chứng minh thêm cho luận để chiến tranh và hòa bình của mình.

Nhân vật chính của truyện dài có hai nam một nữ Pie, Angđorê, và cô nữ hầu tước Natasa, Natasa lúc đầu là đính hôn với Angđorê, rồi lại thoái hôn, Angđorê chết trận, Natasa thành ra vợ của Pie.

Angđorê không tin thần quyền, tâm tính khi thì ngạo mạn nghi ngờ khi thì ích kỷ táo tợn; Pie thì hay tự lự một cách tri trệ về lẽ thiện điều ác, và muốn lấy đó mà tìm thêm nữa cho một thứ giáo lý cơ đốc. Cả hai nhân vật chính Angđorê và Pie này cũng đều là đích thân Tônxtôi cả mà thôi. Angđorê là hóa thân của tác giả cũng ngang hàng với Pie phân thân của Tônxtôi. Con người Tônxtôi có hai mặt : một mặt thiết thực và một mặt lý tưởng. Angđorê đại diện cho con người Tônxtôi thiết thực cũng như Pie đại diện cho mặt lý tưởng của Tônxtôi. Ở những vị trí đối lập nhau, hai nhân vật chính ấy đều chống gây lên đường mà đi tìm chân lý của sự sống. Angđorê lao vào đời hoạt động. Pie thì trầm ngâm suy tưởng. Có những đoạn *Chiến tranh* và *Hòa bình* mà Angđorê và Pie gặp nhau chuyện trò luận bàn thế sự, và dĩ nhiên là tác giả Tônxtôi phải theo sát những cuộc đối thoại này giữa hai cái phân thân của mình. Càng về cuối truyện, càng thấy nhân vật Pie tìm dần được ra phía sáng và tìm được bình an cho tâm hồn mình. Cũng là nhờ ở Carataép.

Theo ngụ ý của Tônxtôi, cuộc gặp gỡ giữa người lính nông dân Carataép và Pie, chính là sự bắt tay giữa nhân dân Nga và nhà quý tộc Pie. Tônxtôi muốn cho nhân vật lính nông dân Carataép là hình ảnh của tính nhân trước súc ép của số phận, cái hình ảnh của

tinh thần chịu đựng, bình dị mà nhận lây cái chõ của mình đã được an bài trong cái sống trong cái chết, không cần phải suy nghĩ gì lầm. Chính vì thấy được cái triết lý ấy tỏa ra từ phong thái và cách nói cách nghĩ của Carataép đang hành quân kia mà Pie tìm thấy được lối thoát, thoát khỏi chiến tranh và trở về với hạnh phúc gia đình.

*Chiến tranh và Hòa bình* là một cái đinh văn học tiêu thuyết dựng nên để biểu dương cái nhẹ sống cái ý sống trong đó những con người yêu hòa bình bảo vệ hòa bình như tất thảy chúng ta đều xúc động trước mọi cảnh đau khổ đem lại bởi chiến tranh, trong đó chúng ta đều xúc động trước mọi tiếng than và mọi bài hát của những con người trầm lặng và hùng dũng nước Nga thời cũ, dưới cái bầu trời mênh mông những câu hỏi giữa thảo nguyên một nước Nga chưa có cách mạng.

\*

\* \* \*

*“Tôi đã mất rồi, và nước Nga trước Cách mạng đã chìm vào đì vắng, nước Nga mà tinh chất yếu đuối và bất lực đã được biểu hiện trong triết học, cùng là diễn tả trong các tác phẩm của nhà nghệ sĩ thiên tài. Nhưng trong di sản của ông để lại, có cái không chìm vào đì vắng, có cái thuộc về tương lai”* (Lênin).

Tônxtôi là một cái tài lớn nay thuộc về di sản chung của nhân loại chúng ta. Và đúng như Lênin đã nói đó, trong cái di sản vốn cũ ấy, có những cái không chìm vào dĩ vãng mà lại còn thuộc về tương lai. Cái tài lớn của Tônxtôi nghệ sĩ thì rõ rồi. Nhưng còn phải thấy Tônxtôi lớn ở những điều nghĩ về nhân loại, vì nhân loại cho nhân loại. Trong một lúc tối tăm của nhân loại mà cuộc sống chưa biết nói thẳng chưa dám nói thật ở nước Nga, thì Tônxtôi đã là một trong những người dám đứng lên và nhân danh cái sống có lý lẽ mà nói. Trong nhiều điều Tônxtôi nói qua dòng sách qua miệng nhân vật, có những điều không ổn và có những cái sai mà Lênin đã phân tích kỹ lưỡng chứ không hề đồ máy móc như Plékhanov. Mặc dầu những vụng về bạc nhược lầm lẫn của Tônxtôi, Tônxtôi vẫn lớn, lớn ở cái tài, nhất là còn lớn ở cái tâm nữa. Nó đúng như cái cách nhân định giá trị con người của một nhà thơ lớn nước ta. Trong khi châu Âu khói lửa không có biên thùy và cuộc giết chém đó sau này đem chế biến vào tiểu thuyết *Chiến tranh và Hòa bình* thì Nguyễn Du của văn học Việt Nam thung dung đi sứ sang Bắc Kinh. Rồi Nguyễn Du đưa về nước ta một nàng Kiều kèm theo 3.254 câu thơ. Và hai câu lục bát cuối cùng của *Truyện Kiều* lại như là làm ra để cho ai sau này muốn tập Kiều về cái thiện cẩn trong lòng Tônxtôi. Đúng thế, Tônxtôi đã lớn về văn tài mà lại còn những là “chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài”

## LỜI BẠT

Viết cho *Sóng mài với Thủ đô*

Tôi gấp lại *Sóng mài với Thủ đô* đáng lý chưa phải gấp lại, vì đây mới chỉ là xong một quyển đầu, còn phải có một quyển nữa tiếp vào đó thì tác phẩm về chiến đấu trong lòng Hà Nội mới gọi là hoàn thành. Trong bó giấy khởi thảo tiểu thuyết mang tự tích Nguyễn Huy Tưởng, tờ rời cũng có, vở viết và sổ tay cũng có, tôi đọc ở một trang phác thảo của tác giả: “Tập tiểu thuyết (chưa đặt tên) này chia ra làm hai quyển. Quyển thứ nhất lấy tên là QUYẾT TỬ. Quyển thứ hai là QUYẾT SINH. Đây là quyển thứ nhất”. Quyển thứ nhất QUYẾT TỬ đó, viết xong năm 1958 và vừa in xong, sau khi tác giả khuất bóng gần được một năm. Còn quyển QUYẾT SINH, thì không có, chỉ bởi cái lẽ giản đơn là tác giả đã đem nó theo xuống dưới nhà mồ rồi, để ai còn tìm được. Tôi gấp lại *Sóng mài với Thủ đô*, cửa sổ tôi đang vọng vào tiếng kèn

một đám ma chưa đòi sống mới. Tôi lơ đãng nhìn xuống đám ma, xe tang cầm toàn ngù trăng bảo cho biết rằng người chết nếu là nam thì là chưa có vợ, và nếu là gái thì là chưa có chồng. Các cụ trước đây thường gọi đó là bà cô và ông mãnh. Và theo mê tín cũ bao giờ bà cô ông mãnh vẫn hiện về dữ dội hơn các thứ hồn linh thỏa thuê khác, vì đó là những linh hồn thắc mắc nhiều với sự chưa được ném mùi đòi, với sự làm người chưa trọn vẹn của mình. Cái xe ma bất mãn đã qua hết khòi khung cửa sổ buồng sách tôi. Cái chết yếu ớt kia vừa bay linh hồn qua tác phẩm lở dở tôi gấp lại kia, xem ra như tuồng có dính gì đến cảnh ngộ nửa đường gãy gánh tư lương của lũ nhân vật hữu sinh vô dưỡng ở *Sóng mây* với Thủ đô. Và nhất là với cái cảnh cụt hứng của người đọc sách. Tôi đọc dở dang, thấy sự ám ức như một cuộc giao hoan nửa vời. Tôi tin rằng tất cả bạn đọc tiểu thuyết cuối cùng của Nguyễn Huy Tưởng đều có cái thòm thèm muốn đi cho hết cuộc đời của nhân vật *Sóng mây* với Thủ đô, đi cho thấu cái chõi cùng đường của chúng nó.

Theo những bản nháp, những dàn ý những dàn bài có đủ chi tiết của tác giả bày trận địa cho hệ thống nhân vật *Sóng mây* với Thủ đô đang tra cứu kia kia, thì tổng số chương tiết là 47 chương, nay mới hoàn thành xong được 36 chương đem in ra đó. Không rõ nếu còn sống thì Nguyễn Huy Tưởng sẽ ra quân đến

mức nào, nhưng qua sơ thảo dàn bài và hồ sơ nhân vật ghi ra đồ án, thì cũng thấy đến dăm chục vị. Trong cuốn vở kè các đề mục chương tiết, về chương 46, thấy ghi những tiêu mục: "Rút. - Đốt kinh thành. - (...) Trần Văn từ biệt thương binh. - Loan khiêng Vi Dân. - (...) Trần Văn nghĩ về Trinh ra ngoài sẽ làm gì?". Ở trang vở tiếp theo, ở chương 47 tức là chương cuối cùng của toàn bộ tiểu thuyết *Sông mai với Thủ đô*, lại thấy những tiêu đoạn ghi ra: "Kinh thành bốc cháy. - Tiểu đội cuối cùng bị tiêu diệt. - Lời thề trên Sông Hồng. - Trần Văn và Sinh. Loan cảng Vi Dân ra".

*Sông mai với Thủ đô* từ cái chương 37 đến chương 47 đã phác sẵn chi tiết và đường lối cho nhân vật rồi, mà lại không phát triển được thành lời văn, mà lại chưa đắp da đắp thịt được cho bộ xương đã lên khung, là tại vì sao? Tác giả bỏ cuộc, vì khó khăn chăng? Tác giả đuối sức xin ngừng đánh chăng? Chờ viện nữa của thời gian chăng? Điều là những câu hỏi sai hết. *Sông mai với Thủ đô* ngừng ở nửa chừng, vì ngòi bút truyện ấy đã đổi sang ngòi bút kịch phim *Lũy hoa*, cũng trên cái cơ sở căn bản và phương hướng chính của tiểu thuyết mà dựng ra phim truyện. Giao lại xong kịch bản *Lũy hoa* cho xưởng phim định quay nó ngay, giao xong cái bản thảo đột xuất đó cho người đặt viết là tác giả nó đi luôn vào nhà thương, từ đó không có dịp

quay lại với nhân vật *Sóng mài với Thủ đô* (Tôi biết những điều này rõ lắm). Bởi thế mà tiểu thuyết dựng lại 60 ngày đêm đánh trong lòng phố Thủ đô đã phải ngừng lại ở cái đêm thứ hai thôi của cả cuộc chiến đấu. Chương 36 tức là chương chót đang tả những là vang vang tiếng đàn xếp của một anh nhạc công tiệm nhảy nay lón lên thành chiến sĩ đã thử lửa trong trận đánh nhà Morliere chỉ huy Pháp, đang tả những là chú Thắng đang phung phiu với Dân không cho mình theo đi đánh, và tiếng đại bác phía Xuân Tảo vỗn nổ vào thành ình ình.

Mà có đến đó thôi mà đã hết cả cái tiểu thuyết in ra. Một cách thật là chính đáng, người ta nha nho lên là tác giả phải kể tiếp nữa đi chứ! Thực ra tác giả có kể tiếp đấy, dưới một thể tài văn học khác. Cứ xem lại kịch phim *Lüy hoa* thì thấy thôi. Này đây là những séquence (đoạn) cuối cùng của kịch phim *Lüy hoa* kể tiếp về những cuộc đời nhân vật của *Sóng mài với Thủ đô*, từ lúc chuyển chiến lược đánh phố sang chiến thuật rút quân ra ngoài Hà Nội, và sau đó họ lại về giải phóng Thủ đô của họ của chúng ta:

“Họ tàn ngần. Chân chưa muôn bước.

“Tất cả chiến sĩ đều kiêng chân lên để nhìn Hà Nội một lần nữa trước khi đi xa. Kiên chống gậy. Nhưng chân lành cũng kiêng lên. Thắng nói với Dân:

- Anh cho em nhìn một tí nữa thôi!

“(...) Lời thề vang lên như trong ngày lê quyết tử. Tiếng vang vang trong gió, tiếng vang vang trên sóng nước. Những ngón tay trỏ in bóng dưới lòng nước đỏ như máu.

“Loan và Quyên hát, các chiến sĩ hát theo. Và Ben La chạy chồ này chồ khác. Anh tìm một chồ đứng để chụp các chiến sĩ đang chì dòng sông thề. Và anh bấm máy.

“(...) Dân chì dãy núi và nói:

- Đây là Tam Đảo. Đây là bình phong của chiến khu Việt Bắc. Chúng ta sẽ ở sau dãy núi ấy. Chúng ta bắt đầu ở Hà Nội, cuối cùng chúng ta lại trở về Hà Nội.

“Mọi người đều nhìn ngọn Tam Đảo trước mặt. Mắt họ long lanh chói chói vì ánh sáng chan hòa. Họ bước đi trong tiếng đàn, tiếng hát. Một bối rối. Khói lên cao. Khói liền với khói Hà Nội như trời sắp bão. Các chiến sĩ giờ mũ giờ súng, vẫy khăn tay chào Hà Nội một lần cuối cùng.

“(...) Những đoàn xe cuối cùng của quân Pháp lui rút khỏi cầu Long Biên. Các chiến sĩ Trung đoàn Thủ đô hùng dũng tiến vào thành phố thân yêu của mình. Con đường Hàng Đào, Đồng Xuân của Liên khu một khói lửa năm nào, nay rực rỡ và lộng lẫy với những cổng chào, hoa và cờ rợp đường và phố.

“Đoàn xe của các chiến sĩ chảy đi, lớp lớp như không bao giờ hết. Họ ngồi nghiêm không chì trỏ.

Nhưng mắt họ nhìn những phố, những nhà, phố nào, nhà nào, cũng gợi lại những cảnh chiến đấu năm xưa.

“Thắng không còn là chú bé đánh giày nữa. Thắng là trung đội trưởng trong trung đoàn oanh liệt. Thắng ngồi trên xe, hiên ngang nhìn ra phố đèn nghịt người, màu sắc đẹp như hoa. Hoa lân với màu sắc của áo quân.

“Mặt Thắng xám nắng gió. Nhưng mắt Thắng sáng trưng. Muôn lá cờ bay. Muôn bàn tay vẩy. Muôn bó hoa giờ lên. Thắng reo như sóng. Thắng nhìn lên cái hiên gác, nơi mà trước kia ra đi, Thắng ghi mây hàng chữ hẹn ngày về. Nước mắt Thắng trào ra. Nhòe nhòa trong chậu rau cải, cành hoa đào, cái hào giao thông, nay không còn nữa. Mà chỉ thấy rực rỡ cờ hoa và cổng chào.

“Trước cửa chợ Đồng Xuân, người đông như nêm cối. Trong đám hàng nghìn, hàng vạn đồng bào đón mừng quân đội, một bà cụ già lánh ra và chạy xô xuống đường. Bàn tay vẩy. Tiếng gọi:

- Thắng đen ơi! U đây!

“Tiếng gọi chìm đi trong muôn vạn tiếng hoan hô của sóng người. Trên xe, chỗ Thắng ngồi bỏ trống. Các chiến sĩ nhìn một đám đông đang xúm xít bên hè. Thắng đã nhảy xuống ôm người mẹ. Người mẹ ngất đi trong cánh tay của đứa con dong dòng cao. Hai mẹ con đều khóc. Nhiều người chung quanh sa nước mắt. Đoàn xe út lại.

"Dân ngồi trên một xe *dip* cướp được của giặc. Anh đã là cán bộ cấp trung đoàn. Sau bao nhiêu trận đánh, mặt anh lì ra. Cương vị chỉ huy làm cho anh nghiêm nghị. Lúc này, anh đang phải lo cho đội ngũ của đơn vị thật nghiêm minh. Nhưng trông thấy hai mẹ con Thắng mắt anh sáng bừng; đôi mắt sáng ấy làm cho anh trẻ như hồi đầu Kháng chiến. Mỗi anh nở một nụ cười hồn nhiên.

"Mắt anh rưng rưng. Anh như nhớ lại những trận đánh ở đây. Không biết bao nhiêu bó hoa chia vào xe anh. Anh ngập vào trong rừng hoa muôn sắc của rất nhiều cô gái hàng hoa ngoại thành. Người nào cũng ăn mặc như Nhân. Anh xuýt kêu lên một tiếng. Trong đám các cô hàng hoa, có ai hao hao như Nhân...".

Đang bàn tán về một tiểu thuyết đứt quãng, thì đây lại nhăng sang một cái phim *Luffy hoa*, một cái phim mà chiếu ra thì tôi tin là sẽ thỏa mãn được phần nào những thòm thèm của độc giả *Sông mai với Thủ đô* đang bị *pan* ở cái mốc 36 của tiểu thuyết này.

Nhân đó mà cũng lại nói tí về việc *xinêma* nước người và *xinêma* nước ta. René Clair, một nhà làm phim viết phim liệt ngang hàng với các nghệ sư điện ảnh như Eisenstein như Chaplin Charlot ở Đại hội quốc tế những sứ gia điện ảnh họp năm 1958 để lọc ra những phim hay nhất của bất cứ thời đại nào, René Clair đó đã có lần phát biểu ý kiến về tính chất của

kịch bản phim viết ra: “Tác phẩm của nhà thơ của họa sĩ của nhạc sĩ có thể cứ chờ đó mà giao lại cho tương lai cái việc công nhận giá trị mình. Ở kỹ nghệ điện ảnh thì không như thế, và quả là một điều kinh dị khi có một tác giả viết ra tất cả những chi tiết một kịch bản phim truyện và hoàn chỉnh cho công trình mình, thì lại đi ký thác cho hậu thế”. Nghĩa là nói toạc ra rằng kịch bản phim có người đặt thì mới viết, mà người viết đã xong thì người đặt nó phải cho đóng đi cho quay đi ngay, chứ không phải là om lại. Ấy cái quy luật phổ biến của điện ảnh là như vậy.

Chắc anh bạn đọc giả thòm thèm của tiểu thuyết *Sóng mài với Thủ đô* muốn tìm cách thỏa mãn hiểu biết về hậu thân nhân vật đứt quãng bằng cách đi xem ngay sang phim *Lùy hoa*, chắc anh bạn đó sẽ hỏi dồn luôn tôi: “Thế bao giờ thì đóng xong và vào tuần lễ phim nào trong năm nay sẽ đem chiếu cho chúng tôi xem?” Xin lỗi anh bạn đọc nhiệt tình của Nguyễn Huy Tưởng, anh đòi tôi trả lời gấp quá đó về một cái việc không thuộc vào sự quản lý và chỉ đạo trực tiếp của tôi.

Bản thảo tiểu thuyết đọc xong rồi, người đọc giả viết bài giới thiệu *Sóng mài với Thủ đô* này cứ thấy bằng khuâng với những sinh hoạt trước đây của Hà Nội. Một tác phẩm hội họa một tác phẩm văn học bao giờ cũng gợi một cái gì. Tôi không thể đọc *Sóng mài với Thủ đô* dựng lại cuộc chiến đấu trong lòng phố cũ

Hà Nội mà lại không tưởng tượng miên man đến ngọn thành dây thành Thăng Long cũ.

Lối kiến đô xưa, cái phố bao giờ cũng gọi đến một cái thành, như là âm phủ dương, như đực đòi cái, phố và thành như hai vế của một câu đối vàng son sơn then vậy. Cái thành mà ngày nay chúng ta vẫn vẹn giữ lại được một cổng Cửa Bắc cũng là một cái thành mới xây từ 1805, và trước đó là mấy dặm thành nhà Lý độc đáo Việt Nam kia. Cột cờ gạch ta vẫn thấy hằng ngày bây giờ cũng là mới dựng từ 1812 đó thôi, sau khi Gia Long dập mâu thành Tây mà xây thành ta từ Nam chí Bắc vắt qua Thuận Hóa (Huế).

Nói về nội loạn và ngoại xâm lấy đất Thăng Long Hà Nội làm chiến trường, sử sách ghi lại 5 nội loạn và 9 xâm lăng. Cuối thế kỷ XIII, quân Nguyên phạm vào Thủ đô những năm 1285, 1287 và ta kết liễu nó bằng chiến thắng Trần Hưng Đạo. Cuối thế kỷ XIV, cũng hai lần quân Chiêm Thành vào Thủ đô. Mở đầu thế kỷ XV, quân nhà Minh xông vào Thủ đô năm 1406 và Lê Lợi đã giải phóng Thăng Long. Sau đó gần bốn trăm năm, quân nhà Thanh lại kéo vào Thăng Long, và một ngày mùng năm Tết năm đó (1789) vua Quang Trung đã thắn tóc và oanh liệt mà giải phóng Thăng Long. Rồi sau đó là Pháp xâm lăng ta, hai lần thất thủ thành Hà Nội những năm 1873 và 1882. Cái thành gạch xây năm 1805 do vua "Gia Long - công ran

- rước voi" cóp lại kiểu Tây thì nay lại giờ lưng ra mà ăn đạn Pháp.

Cung đình nhà Lý, nhất là nhà Lê, Gia Long làm tan hoang cả đi để dựng một dãy tòa thành lai căng, cái cũ cái mới của Hà Nội hôm đó vẫn còn được chứng sống trong một câu thơ chữ Hán của ông Hoàng chữ nôm Nguyễn Du “*Nhất phiến tân thành một cổ cung*”.

Pháp chiếm xong thành Hà Nội, đi dần vào các cuộc “bình định Bắc Kỳ” và ngày 23 tháng bảy 1893 Pháp ra nghị định phá thành Hà Nội. Thành Hà Nội óm lấy một diện tích 150 mẫu đất nội thành. Ngày rằm tháng hai 1894, Toàn quyền ký với Tây Badanh hợp đồng phá thành, trả công cho Badanh 6 vạn đồng bạc con gái hoa xòe. Và chiếu hợp đồng ba năm phải phá xong thành, nhát cuốc đầu tiên đã bỗ vào thân thành một buổi sớm mùa thu 10-8-1894. Song song với việc bạt thành lấp hào là cái việc chôn sống con sông Tô Lịch. Thơ nhớ cũ và yêu nước ngày ấy nhoi nhói những dòng:

*“Chót vót Thăng Long một ngọn cờ  
Kinh thành ngày trước tình bây giờ*

(...)

*Non Ăn phết phơ chùm cỏ áy  
Duyênh Tô lai láng bóng giăng xưa”.*

Nước mắt thành tan sông đìu cợt không là điều khuây khỏa cho sĩ phu lúc ấy nhưng vẫn là nguồn vui

cho một số thầu khoán hồi đó. Tự nhiên, nhà thầu Bazin trở thành địa chủ: theo hợp đồng thì ngoài tiền công 6 vạn bạc, y còn được hưởng 90 mẫu đất trong thành. Y còn gọi thầu khoán ta đến để mua bán đầu thú. Gạch hộp thân thành gạch men gốm trên vong lầu thủ lâu cổng thành, đá xanh đá tổ ong xây thành, Tây Bazin cho đầu thầu tất. Át được tiếng giày đinh xâm lăng át được tiếng cuốc phá thành, có chăng là những tiếng xe tay bánh gỗ và tiếng xe cút kit chờ gạch phá thành. Phố phường Hà Nội, đêm tối mờ mờ mà vẫn còn nghe tiếng gạch rơi. Sáu tháng sau phố Hà Nội mới bắt đầu thấp đèn điện, thì vẫn thấy dài ra cái bóng gạch rụng hoài trên những lối đi. Cái năm phá thành đó, cũng là năm “cụ Quận” Hoàng Cao Khải được Tây mời lên Lạng Sơn uống sâm banh dự tiệc khánh thành đường sắt đầu tiên đặt ở miền Bắc nước ta. Bữa tiệc thông xe Hà Nội-Lạng Sơn xảy ra đúng hai tháng sau khi Pháp xin đình chiến lần thứ nhất (ký ngày 25-10-1894) với quan Đề Hoàng Hoa Thám, cốt để làm xong con đường sắt chiến lược này quang thì rộng một thước quang thì chỉ rộng có sáu tấc mét. Mà cái lần thứ hai Pháp xin đình chiến với Đề Thám cũng vẫn có liên quan đến việc xe lửa của đế quốc Pháp. Mãi đến năm 1902, Pháp mới làm xong cầu sắt xe lửa qua Sông Hồng (cầu Long Biên ngày

nay) và mời vua Thành Thái ra Hà Nội khánh thành cầu và xem hội chợ.

Thành phá vào cuối năm, nhưng đầu năm dương lịch 1894 ấy, có một đoàn 153 người Nga đến thăm Hà Nội lúc đó vẫn nguyên vẹn dây cổ thành. Ấy là thủy thủ và sĩ quan tuần dương hạm Zabiaca của hạm đội Nga hoàng đậu ở bến Vạn Hoa. Đế quốc Pháp hồi này đang ve vãn đế quốc Nga hoàng, mấy ngày liền ở Hà Nội đều bày tiệc rượu thết thủy thủ chiến hạm Nga, chúc “Vua Nga thánh thọ vô cương” rồi ngựa Tây chạy đua trên vòng Quần Ngựa, bờ Hồ Kiếm thấp đèn xếp và thi bơi sải. Pháp sức cho phó phường Hà Nội treo cờ Nga, trên ngọn thành cũng cắm cờ vua Nga, và đèn đuốc thấp ra thấu bãi cát bến tàu ngoài bờ sông đậu sẵn tàu thủy Phi Long chở thủy thủ Nga từ Hải Phòng lên thăm Hà Nội.

Năm phá thành Hà Nội cũng là năm Tây tính những chuyên bóc lột ta cho có quy mô hệ thống hơn. Và tu sửa một số hình thức cho Hà Nội. Như là dựng nhà kèn sau khi dựng tượng Pônbe (cạnh Bưu điện ngày nay); dựng tượng Bà Đầm Xòe Tự Do. Lúc đầu họ định đặt tượng này trên đỉnh Tháp Rùa giữa hồ (!) sau đưa ra vườn hoa Cửa Nam. Trước khi tượng Bà Đầm Xòe và tượng Pônbe Toàn quyền bị thanh niên Hà Nội năm 1945 quăng thòng lọng giật đổ xuống, tôi

vẫn còn nhớ những câu nghịch của các trẻ em bán báo Hà Nội đùa hóm hỉnh với nhau: “Lão Pônbe ngày nào cũng nghển qua Bờ Hồ chim con Đầm Xèo Cửa Nam”. Xưa, Tổng đốc Hà Nội mới còn làm vui cho quan Pháp tổ chức những cuộc voi thát xé xác phanh thây những con hổ giả và những thằng bù nhìn rơm, dân 36 phố phường Hà Nội cũng được đi xem. Hồi này, ở Ngõ Huyện (huyện Thọ Xương), bà Bông, trước khi trở nên bà vợ quan Kinh lược Bắc Kỳ Hoàng Cao Khải để rồi buôn quan bán tước và ban phát chức vị cho quan lại Bắc Kỳ, bà Bông còn là một mụ hàng xáо đỗ gánh gạo trước cổng huyện cạnh cái Nhà thờ lớn bây giờ. Ông tư sản dân tộc Bạch Thái Bưởi hồi này cũng đang sắp đóng tàu thủy mua tàu thủy của hãng Xô-va, lúc ấy những người bị ông bóp nặn đều gọi là Ký Bưởi, và khách đi tàu thủy trên Sông Hồng Sông Bờ đã dựng lên thành điển hình: “ác như Ký Bưởi”. Thời kỳ này, có một người đàn bà lấy Tây mà làm giàu, tức là cô Tư Hồng. Cô Tư Hồng lấy cả nhà binh Pháp lấy cả cha cố Tây rồi lại khuân cả gạch nhà vua về làm nhà riêng của mình.

Cô Tư Hồng bỏ thâu gạch thành Hà Nội, cất lên hàng dãy nhà lầu cho thuê mướn như kiểu Chú Hoa ở Sài Gòn Nam Bộ. Những nhà gác phố Quán Sứ gần đền đình Hội Vũ bây giờ là dựng nên bằng những

viên gạch của Hà Nội lịch sử ấy. Trước Cách mệnh, trong một căn nhà Tư Hồng đó, có người đã cho tôi uống rượu say rồi đọc thơ tù và ngâm cho nghe đôi câu đối thời nhàn làm có động đến tên chủ nhà kia.

“Có hay chi công rắn cắn gà nhà; phong lưu dương Bưởi, phú quý dì Hồng, mây nổi đã từng qua trước mắt.

“Thôi đừng tưởng hò voi bắn súng sậy; sự nghiệp bà Bông, thư từ ông Húng, gió giăng đánh nhẹ gác ngoài tai”.

Về việc phá bạt thành Hà Nội, ở cuốn *Đông Dương của nước Pháp*, Toàn quyền Dume có than tiếc rầm lên rằng lúc y tới cung chức thì Hà Nội đã bạt đi gần hết thành, y tới đã châm, không còn cách gì ngăn được việc phá thành này: “... Riêng về mấy cổng thành, thấy cần phải giữ lại. Cửa thành đáng hùng mạnh, thêm nữa những cổng thành này còn như quên lấy những kỷ niệm lịch sử nó đòi hỏi sự ngưỡng mộ của chúng ta<sup>(1)</sup> (...) Để nguyên dây thành lại, có nhiều

(1) Tây khảo cổ Bodátxiê, trong sách *Nghệ thuật Việt Nam* của ông ta, sợ người đọc không nhớ lại lịch sử chiếm đóng Bắc Kỳ và thành Hà Nội nên Bodátxiê, khi trích dẫn Dume đã chú thích thêm rằng lần đánh thành Hà Nội lần thứ nhất năm 1873, quan tư Francis Garnier đã tiến vào thành do Cửa Nam; và lần đánh thành Hà Nội lần thứ hai năm 1882, quan năm Henri Rivière đã tiến vào thành do Cửa Bắc.

Thực ra những người Việt Nam chân chính và những người Hà Nội chính cống, có ai quên những điều ấy đâu.

cái lợi. Có thể tập trung vào đó toàn bộ cơ quan quân sự (...) và trong mọi tình thế xảy ra, tòa thành còn giúp cho tất cả người Pháp có nơi trú ẩn; tôi nghĩ rằng những sự biến này vị tất đã xảy đến, nhưng dù

Những điều khó khuây áy lại còn được ghi vào ván tư, được lưu lại bằng áng văn làm chứng cho buổi giao thời áy. Hãy nghe đây bài văn tế của Cụ Tam nguyên Yên Đổ Nguyễn Khuyển tế mấy vỗ quan thực dân kia tiến vào thành Hà Nội để rồi ngay sau đó trở thành những tên chết trận cựt đâu:

"Nhớ ông xưa:  
 Tóc ông quăn  
 Mui ông lõ  
 Dít ông cuối lùa  
 Mõm ông huýt chó  
 Nhà ông bày toàn những chai  
 Vườn ông trồng toàn những cỏ  
 Ông vào làng Mật Đỗ  
 Để dẹp cờ Đen  
 Cho yên con đò  
 Ai ngờ nó chém cổ ông mất  
 Đầu ông nó mang đi  
 Xác ông nó để đó  
 Chúng tôi vâng lệnh triều đình  
 Tế ông: chuỗi mót buồng  
 Rượu một tuần, trứng một ổ  
 Ông ăn cho no  
 Ông nằm cho yên  
 Khốn nạn thán ông!  
 Đéo mẹ cha nó!"

Người Việt Nam chân chính và người Hà Nội chính công không những nhớ lại bằng văn in sách mà lai còn ghi nhớ mãi những việc này bằng cách dựng bia ghi tội ác thực dân Pháp bắn phá Cửa Bắc còn in sâu vết đai bác, và bia kỷ niệm phố Yên Ninh gần Cửa Bắc còn ghi rõ những tội ác địch trước ngày 19 tháng Chạp 1946 Thủ đô Hà Nội nổ pháo lệnh cho Toàn quốc Kháng chiến.

sao vẫn phải đề phòng những cái có thể diễn ra trong một ngày mai xa xôi..."<sup>(1)</sup>

Nghĩ về Hà Nội lịch sử, thấy có nhiều nét nó buộc mình phải nghĩ thêm nghĩ nhiều hơn nữa gợi lên nhiều hơn nữa. Tôi không được tường tận hết về có sự Thăng Long về tất cả mọi việc trong sử, và không phải là vơ vào theo một thói địa phương chủ nghĩa, nhưng tôi ngờ hình như hầu hết danh nhân anh hùng cổ kim nước ta đều đã là những con người Hà Nội. Các bậc ấy có thể quê quán gốc tích ở "ngũ tỉnh đàng trong, tứ tỉnh đàng ngoài" nhưng cái đoạn trội nhất của các bậc ấy, vẫn là diễn ra trên miếng đất Thủ đô. Hà Nội vẫn đượm ngát những lưu hương của Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung... Hồ Xuân Hương, Thanh Quan,

(1) Về những lo xa của Toàn quyền Dume này, Bodátxié chú thích thêm: "Những sự biến mà Pôn Dume đề cập tới thì đã xảy ra trong năm 1945 và 1946".

Cũng cần nói thêm về cuốn *Nghệ thuật Việt Nam* này của Bodátxié. Lần in thứ nhất năm 1944, chưa có những cước chủ trên. Ở lần in thứ nhất, Bodátxié mệnh danh sách là *Tiểu luận về nghệ thuật An-nam-mít*. Năm 1954 tái bản lần thứ hai, tác giả không gọi là nghệ thuật "An-nam-mít" nữa mà lấy tên sách là *Nghệ thuật Việt Nam*, lời tự述 của Bodátxié ghi rõ "Pari ngày 15 tháng tư 1954", tức là viết trước ngày thực dân đại bại Điện Biên Phủ được ba tuần lễ. Mười năm trời, một cuộc chiến đấu vô trang lâu dài gian khổ, nhân dân ta bao nhiêu là chuyện - trong ấy có cả cái chuyện thực dân phải thay tên một cuốn sách nghiên cứu về ta. Nội dung sách có những nhận xét hàm đồ đây không bàn đến, mà ta hãy tạm thấy rằng cách đặt lại tên sách cũng là cái cách của một người làm sách Tây muốn thức thời vậy.

Nguyễn Trãi, Nguyễn Du... Cũng là một điều đúng vậy khi mọi người bảo rằng Thủ đô là cái nơi kết tinh lại mọi phong vị mọi nhân tài của một dân tộc đời này qua đời khác. Cho nên những con người Thủ đô bao giờ cũng bén nhạy sắc cạnh hơn những nơi khác, với tất cả những ưu và nhược điểm của nó, với tất cả cái trí cái dũng cái tài và cái tật của nó. Ở ta cũng vậy, mà ở Thủ đô các nước cũng thế. Tất cả những tâm tính thô ngời mọi nơi đều hút về trung tâm Thủ đô, và chung đúc nên cái không khí chung và riêng cho Thủ đô. Thủ đô là cái đại tập thành của cả đất nước tú khí non sông tụ lại. Không bàn tán về những thành phố khác, mà nói về Hà Nội thì không ai không nhớ đến bài ca chính khí của nó. Bài *Chính khí ca* ấy đã viết lên từ trước khi Ba Giai soạn, và sau đó vẫn viết tiếp.

Hà Nội không phải là một đất thánh, theo cái nghĩa tín đồ hành hương, nhưng Hà Nội là một đất thiêng, kè ngoài nào mà xúc phạm vào nó là phải đền tội. Xem lại những việc gần đây, những việc khoảng trăm năm trở lại đây thì biết. Đánh thành Hà Nội năm 1873, Tây chém tên chủ tướng Francis Garnier. Đánh thành Hà Nội lần thứ hai năm 1882, Tây lại ngoèo nốt chủ tướng Henri Rivière. Đánh thành Hà Nội những năm Toàn quốc Kháng chiến, để quốc Pháp lại chém nốt hai danh tướng Leclerc và De Tassigny, xác bọn này Hà Nội không nhận mà lại đẩy vê cho

nghĩa địa bên Pháp. Nói về Hà Nội nổi lên bản chính khí ca 1946, lại càng thấy cái tài hoa trí dũng của Hà Nội. Bộ chỉ huy Pháp tuyên bố là “sau 24 giờ sẽ quét sạch mọi sự đe kháng ở Thủ đô”. Phía ta chủ trương chôn chân quân đội Viễn chinh Pháp tại giữa Hà Nội để ta xây dựng mọi lực lượng ở các nơi. Giữ nó lại trong Hà Nội đã, ít nhất là cũng phải được một tuần lễ. Bằng cái giá máu xương đổ ra trên ụ và trong lòng phố, Hà Nội đã giữ một tuần rồi một tháng. Hà Nội buộc chân hùm beo Pháp lại không phải trong một tháng mà lại giữ được hai tháng đúng sáu mươi ngày đêm. Và tất cả những người Hà Nội trí dũng đó đã rút hết ra ngoài, tất cả súng đánh phố đó lại thành ra súng đánh rừng, bỏ lại cho địch một cái thành không. Rồi sau đó 2694 ngày, tất cả quân dân ta lại hoàn toàn đánh bẹp đế quốc thực dân ở Điện Biên Phủ. Gọi Điện Biên Phủ là một cửa ô Hà Nội cũng có cái lý của nó, vì ở Điện Biên ta đã tập trung lại hầu hết quân dân rồi cùng tiến thẳng vào Thủ đô giải phóng ngày 10-10-1954. Thời gian có dài, không gian có rộng (tiếng đại bác Điện Biên Phủ dội cà vào lòng Thủ đô Giơneor đang hội nghị và hiệp ước), nhưng sự việc diễn biến nó đi nét lớn và hẳn một mạch như vậy.

Đọc bản thảo *Sóng mai với Thủ đô*, tôi cảm thấy cảm tình minh vốn sẵn có với Nguyễn Huy Tưởng nay lại được tăng hơn lên nữa. Yêu tác giả tiểu thuyết, vì

tiểu thuyết *Sông mai với Thủ đô* đã làm cho tôi yêu thêm thương thêm quý thêm Hà Nội, - Hà Nội cái mảng thịt xương đầu não của tất cả đất nước Tổ quốc, Hà Nội trung tâm tim óc của cả nước. Qua bao triều đại chế độ cái tim óc bền bỉ vì đại áy đã đập đều trên chín thế kỷ rưỡi.

*Sông mai với Thủ đô* là một cuốn tiểu thuyết lịch sử, một đoạn lịch sử gần đây nhất. Thủ đô Hà Nội 950 tuổi. Và *Sông mai với Thủ đô* dựng lại những sự biến lịch sử thâm thoát đã mười lăm năm. Và lịch sử lại gọi đến lịch sử, cái tiếng gọi gần và cái tiếng gọi xa của đời sống dân tộc ta vốn nhiều sinh lực. Kịch bản phim *Lụy hoa lọc từ xương sườn Sông mai với Thủ đô* đã dựng lại một trời khói lửa khi Trung đoàn Thủ đô rút ra khỏi phố để đánh tiếp ở rừng cao: "... Họ hướng về Hà Nội xa xa chìm trong bể khói hãi hùng. Khói bốc lên cùng với trăm ngàn tiếng nổ đang tiếp tục tàn phá cái thành phố mới hôm qua còn ở trong tay họ, và bây giờ đang tự chống đỡ lấy mình. Những đám khói mù mịt như những mờ tóc xõa đau thương. Những cột khói vật vờ như những cánh tay vãy gọi".

Hà Nội với 5 lần nội loạn với 9 cuộc xâm lăng, biết bao nhiêu là đống khói lịch sử mà đống khói đốt cung phủ chúa Trịnh chỉ là một đống tội của vua Lê cuối cùng Lê Chiêu Thống: "... khói lửa bốc ngất trời hơn mươi ngày chưa tắt. Thế là một đám lâu đài cung

khuyết hai trăm năm giờ, phút chốc thành ra bãi đất cháy xém..." (*Hoàng Lê Nhất Thông chí*). Trời Hà Nội hôm nay rực sáng trong vắt như pha lê của chế độ mới, nhưng đọc lại những tiểu thuyết lịch sử kể cả *Sông mài với Thủ đô*, người đọc vẫn thấy gáy gaye mùi khói vẫn vương ngàn năm Thăng Long chốn cũ. Mỗi lần qua phô Ngõ Huyện, cứ nhớ lại trăm năm trước đây đám kiêu binh dây loạn nổi lửa cồng phủ chúa, lấy đá gạch thành nội ném vào đàn voi trận, voi voi tung xác kiêu binh, kiêu binh dùng câu liêm giật đầu quàn tượng quận công xuống và, trong đám khói chưa tan, cả "Hà Nội nghỉ chợ để đi xem mặt chúa mới". Và cái sân khuya lá bàng rơi giữa Thư viện Trung ương này, có phải đúng là lối đi về xưa của cụ lang ngự y Lân Ông cách đây gần hai thế kỷ vẫn cầm cái thé "nội sai" của ban bảo vệ cung cấm cho phép người cầm cái thè bit bạc hai đầu dài năm thước đó được ra vào tự do chẩn mạch bốc thuốc cho chúa. Thời ấy Hà Nội có Trường Tiễn, có Trường Thi, có Trường Bắn và mỗi cái trường ấy là một cửa ô vòng thành. Thời ấy cũng là một cái thời mà quận công loạn tặc gỡ hết xuống chuông đồng khánh đồng và tượng đồng của năm trăm ngôi chùa lớn nhỏ quanh Hà Nội để đem đúc tiền, khói lò đúc tiền cũng chỉ là những cột khói tội ác của phong kiến đối với những công trình nghệ thuật dân tộc bị hủy diệt. Tôi lần trong lòng phố cũ,

qua khu phố Hạ Hồi mà cứ thấy ván vương với cái ngày mùng ba Tết xưa ừng ừng tiếng trống quân, rồi ván cứ ba tấm ghép một làm mộc quấn rơm tấm bùn nhão, đánh tan đồn Hạ Hồi quân Tầu, rồi cứ đà chiến thắng ấy mà quân vua Quang Trung dàn hàng chữ nhất qua áp Thái Hà mà tiến vào Thăng Long ngày mùng năm Tết. Rồi đêm Tết ấy, cầu phao giữa Sông Hồng của quân Mân Thanh cháy, tre nứa nổ như vạn chai đốt pháo trên sông Cái, khói lửa rực mặt sông chiếu xuống những xác quân thù. Tôi đi trên đường Cột cờ, trong tôi lại nỗi lên cái đám khói cháy kho thuốc súng của quan Tổng đốc Hoàng Diệu thất thủ thành Hà Nội lần thứ hai. Rồi đến những đám khói đuốc ban đêm bặt chân thành Hà Nội lúc ấy chưa thấp điện đèn.

Một lần đi xem đấu bóng quốc tế ở sân vận động Hàng Đẫy, sân bóng sáng trưng như sân bay Gia Lâm có tàu đêm liên tiếp hạ cánh, tôi để tâm vào sự hụt hụt của quả bóng chì có một phần mà lại thả hẵn cảm nghĩ của mình vào những cảnh cũ diễn ra trước đây ở ngay cái miếng đất thể dục thể thao hiện đại này. Đây, trước là ria pháp trường, bắt đầu từ chỗ này là nơi vinh biệt của một số người ái quốc bị địch hành hình. Lại nhớ đến một bài thơ cảm khái của thứ nam quan Đốc học Hà Nội năm 1887. Thơ chữ Hán, tôi xin dịch nghĩa:

*Nát đá mây tầng thành  
 Trơ vơ miêu cõi còn đây  
 Ngợp mắt những là hoa cỏ rợ  
 Hồn có linh thiêng há chàng râu  
 Kia gió lồng lên gò Kim Mā  
 Dưới áy vùi xương người trung nghĩa  
 Bat ngàn chuyển bể lực dù kiệt  
 Tám son để lại khôn mờ khuây  
 Nguyệt hóa làm chim núi Thục  
 Nãm lại nãm tiếng máu đóng bên rừng  
 Cõi đâu như nõm đá trên lối bước  
 Cõi leo bùn vây ngán cho đời*

(Thơ Nguyễn Thượng Hiền:  
*Đạo phia Tây thanh Thành Long*)

Đây cũng là nơi anh học trò si tình Tú Uyên ngày  
 ngày lau bát đũa mới một người đàn bà trong bức  
 tranh mua được ở Cầu Đông sông Tô Lịch ra mà cùng  
 ăn bữa cơm rau với mình. Cách sân bóng chân này vài  
 quả bóng sút, là một hình thức câu lạc bộ của trí thức  
 các triều đại xưa. Chỗ Văn Miếu đó, đời Lê cứ tháng  
 hai kỳ rằm mừng một có giáng hoặc tối giờ, sĩ phu  
 họp nhau bình thơ phú và sinh hoạt văn học, cơm  
 rượu của buổi họp mặt lại lấy ngay vào tiền tôm cá  
 đánh được ở Hồ Giám. Hồ Giám kia cũng là nơi  
 Nguyễn Du nghe cô Cầm cõi nhân hát lại cho nghe

một lần thứ hai. Lần nghe hát thứ nhất cô Cầm còn lặng lẫy trong nhạc phủ phú chúa Trịnh, “ý khi hào hoa các quan lúc này lán cả bậc vương hau”. Lần nghe hát thứ hai này và biết đâu chàng là lần nghe cuối cùng của tác giả Kiều, bông hoa đệ nhất của xã hội thanh sác của Thăng Long cố đô lại tóc hoa râm lười xười ngồi ở cuối tiệm ma, bình xưa rượu mới, “khúc ca ngày nọ, lỗ tai bây giờ”. Va trong bài *Long thành cầm giả ca*, tác giả Kiều phải nắn lên thành thơ cổ phong mà tôi xin trích dịch:

*Cơ nghiệp Tây Sơn tan chim tát  
Đứng lại còn chàng một con hát...*

Tôi ngồi trên gác một hiệu chả cá. Có hôm ngồi với anh bạn Liên Xô, có hôm ngồi với những bạn Ba Lan, Hung, Đức, Tiệp. Quanh cái hỏa lò than hồng bùng bùng khỏi mỡ chả cá, tôi kể chuyện cổ tích Hà Nội cho các bạn quốc tế muôn tim hiếu lý lịch của cai thành phố Thủ đô thân yêu của tôi. “Căn gác chúng ta ngồi thường thức một món ăn dân tộc hôm nay, chính nó cũng là một cái gì làm chứng cho Hà Nội đã từ hơn nửa thế kỷ. Ngày đó những nhà nhỏ và những học trò chữ Hán hay cải trang làm thầy bói phổ biến những câu sám do mình đặt ra để tuyên truyền vận động khở khó xanh, bói bếp phu xe phu cảng để cùng nói dậy chống Pháp ở Hà Nội. Có những người là tùy tướng của Đề Thám phái từ rừng Bắc Giang Yên Thế về đê

phối hợp trong và ngoài cùng nỗi lửa. Họ thường gặp nhau ở mấy quán cơm nhà chờ Cửa Nam và sau đó lại còn gặp nhau ở cái gác chả cá này mọc lên mười lăm nam sau khi Tây bặt thành Hà Nội. Theo lời các cu sinh trường không gián đoạn ngày nào với cuộc sống Thủ đô, thì ở hang chả cá này cũng đã phảng phát cái mùi thời thế. Hà Nội 1908 có cuộc đầu độc binh lính Pháp đao binh Thuộc địa, và sau cuộc đầu độc đó, Pháp khủng bố chém một số người yêu nước tại ô Cầu Giấy và vườn hoa Chi Lăng. Vườn hoa Chi Linh lúc đó còn lù lù cái tượng Toàn quyền Pônbe. Một số nhà nhỏ làm thơ chí sĩ đã từng quây quanh hòa lò cửa hàng chả này... Nơi đây cũng là chỗ mật thám rình chộp người các tinh tú chiêng về hoạt động trong lòng Hà Nội. Nơi đây là nơi lui tới của cái xã hội giang hồ cuồng ngông văn tự của Hà Nội tài ba kiều cũ và, ở đây cũng là nơi hẹn hò của nhiều người đàn bà mắt phượng nổi tiếng sắc tài của một thời Hà Nội đã qua đi. Có thể nói rằng cửa hiệu xinh xinh này là một cái góc độc đáo của Hà Nội và là một ngôi hàng duy nhất của cả nước tôi. Khắp từ Nam chí Bắc, không đâu nương cá như ở đây. Hải Phòng xưa cũng có mở nhưng không thọ. Hà Nội cũng có thêm một hai nhà nữa, nhưng vẫn phải lấy nhà này làm bậc tiền bối. Cửa hàng này mà sụp xuống tức là vui đi một tài liệu gì về Ha Nội cổ tích. Cửa hàng không có tên, chỉ có

cái hình Khương Tử Nha đợi thời cơ dây lên, và bao giờ bà cụ ngồi quay hàng cũng đưa khách một khầu trầu vàng têm cánh phượng. Trong những năm Kháng chiến ở rừng, những lúc trời quang mày mà nhìn vọng về Hà Nội, những người Hà Nội chúng tôi đi kháng chiến, bên cái bếp nhà sàn lùi cù sắn mà ôn lại chuyện “anh hùng mọc lên từ các ngõ tối của Hà Nội”, ôn lại những chuyện đánh phố luôn gác đánh nóc nhà luôn cầu của Trung đoàn Thủ đô mà nay lên rừng “đầu súng trắng treo” (thơ Chính Hữu), thường là hay leo thêm vào đó một cái gác nướng cá không vẩy này...”.

Về tiếp quản Hà Nội được một thời gian, giữa Hà Nội mà tôi càng nhớ Thủ đô một cách day dứt. Bạn ăn quà đình Hàng Vải thâm của tôi sớm hôm đó là một người lính cũ của Hà Nội kháng chiến. Đình Chân Thiên Quán đây là một nơi thờ vọng ông thần Chân Võ bảo vệ thành Thăng Long từ vua nhà Lý. Đình ngày đầu Kháng chiến là nơi hoạt động của tự vệ khu Đông Thành, những ngôi sao vuông lố nhố lom khom trong đình và gần đó là Pháp tiến ra từ Cửa Đông và đánh phố Hàng Thiếc. Đình Chân Thiên Quán mở hướng ra phía Hàng Vải thâm, và gần cổng đình là cái mẩu phố ngộ nghĩnh riêng bán bia mà, thớt gỗ nghiến, cán cuốc gỗ tát, lao mìn sào tre. Đình vắt từ hè phố Hàng Vải thâm qua phố Hàng Bút rồi

thông sang đến phố Hàng Phèn, vẫn còn vết đục tường luồn qua các nhà dọc phố. Chao ôi, những cái phố cũ Hà Nội! Với lối kiến trúc của nó, những cái ruột khu phố mà lướt xe qua phố ngoài không ai ngờ rằng trong đó là một thế giới riêng có giếng xây thành, có hoa bốn mùa vườn lan giàn lý, ngào ngạt hương ngâu hương sói hương mộc, có gác tầu mả gạch men hoa mai ngôi trồ ô kính, và những cái hành lang thăm thẳm hàng con tiện, và những hàng cầu đồi thúc ngay vào tường sân bên bể cạn chữ múa lên như rồng lấy nước. Chao ôi, những cái Cựu Hà Nội này rồi hết sè hết giữa Tân Hà Nội, con người không phá thì cũng thời gian phá mòn. Có ai giữ lại hộ tôi những cái mặt phố gác cũ trồ một con mắt vuông xuống đường, những cái hòn đầu trên hồi nhà, những cái cổng xinh bé hình như làm riêng cho cô bé lướt qua xin nước giếng. Hà Nội thấy còn thiếu một Victor Hugo Việt Nam , một Balzac Việt Nam để làm chứng cho nó về sau này mỗi ngày Thủ đô một đổi mới không ngừng.

Vẫn như mười lăm năm trước đây, Thủ đô hôm nay vẫn còn tiếng đồng vọng “trái tim của Hà Nội cùng đập theo với tiếng đục tường” trong tiểu thuyết Nguyễn Huy Tưởng. Lùi trong dĩ vãng gần nhất của Thủ đô là những tiếng đục tường phá máy phá điện của mùa đông 1946. Và quanh mình Hà Nội hôm nay là khói kiến thiết của thành phố kiến thiết, ống khói

các khu công nghiệp ngoại thành cồng ồ mọc lên nhanh như cột thu thanh galen trên các ngọn tre. Cái phố xưa kia là khu thi cử “người ta đạp nhau chết ở cổng trường thi” (Lê Quý Đôn) ừn lên sì tứ và voi ngựa tiến trường lúc trời chưa mờ sáng, cái phố trước đây là cổng nhà Kinh Lược Bắc Kỳ, cái phố Trường Thi mười lăm năm trước đây đoàn cơ giới Pháp ru máy đóng tư Cột Cờ xuống Đôn Thùy định úp đình vít lại cuộc Kháng chiến giữa Thủ đô, cái phố ấy ngày nay là cái phố thường ngày lễ lớn hay vút qua một đoàn xe hòm kính, đoàn xe cầm đầu mười mây thử quốc kỳ của đoàn ngoại giao đủ mặt Đại sứ các nước bạn xã hội chủ nghĩa. Cái phố Trường Thi ấy ngày nay là khu Thư viện và lầu Tàng thư Trung ương. Cái phố cũ nhất ấy của Cửu Hà Nội hôm nay là công hậu của Bộ Công nghiệp nặng thiết bị cho cá miên Bắc tiến lên đời sống gang thép hiện kim và điện lực.

Và không phải chỉ người Hà Nội ở lại giữa Hà Nội và người Hà Nội hoảng chạy vào Sài Gòn, không phải chỉ những người Hà Nội trở về và người Hà Nội từ tập kết, không phải chỉ riêng người Việt Nam mới biết quý yêu Thủ đô của mình. Mà cả đến những người bạn ta ở chỗ chân trời Âu voi tí kia cũng thấy quý yêu Hà Nội có lẽ không kém gì người chôn nhau cắt rún ở đây. Tôi muốn nói ngay đến một chiếc tàu bể Ba Lan mười ngàn tấn được đặt tên là tau “Ha

Nội". Người Ba Lan đã nhiều lần khởi nghĩa giữa Thủ đô Vácsava, người Ba Lan vốn yêu biển cả tự do, người Ba Lan lúc hạ thủy chiếc tàu chở hàng trên các đại dương, đã lấy tên của Thủ đô anh dũng chúng ta mà đặt làm tên hiệu một tàu thủy của hàng hải Ba Lan. Tàu *Hà Nội* đã ghé bến ta chuyến đầu đúng vào giữa năm Hà Nội kỷ niệm 950 năm sinh nhật của mình. Thuyền trưởng tàu bể *Hà Nội* vốn là đồng chí Xiêlêvich (R. Cielevicz) rất quen thuộc của người Việt Nam từ sau hiệp định Giomeo. Thuyền trưởng tàu bể *Hà Nội* vốn là thuyền trưởng cũ tàu "Kilinski" chở quân dân miền Nam chúng ta ra tập kết miền Bắc, chở liên hồn 24 chuyến ghé bến Hải Phòng những năm 1954, 1955. Hôm lên thăm đất Thủ đô, thuyền trưởng tàu *Hà Nội* đã nói với người Hà Nội: "Hà Nội là nhà của chúng tôi và tôi đã nói với các bạn hôm vừa rồi xuống thăm con tàu chúng tôi rằng các bạn hãy coi đó là mảnh đất của các bạn và coi nó như nhà mình, vì con tàu ấy đã mang tên Thủ đô của các bạn". Tàu *Hà Nội* quay mũi về biển Ba Lan, rồi ngày 17 tháng hai 1961, tàu *Hà Nội* lại cắp bến miền Bắc lần thứ hai. Văn người thuyền trưởng Ba Lan cố tri ấy cùng bộ tham mưu và thủy thủ nó lên thăm Hà Nội, đem theo chiếc mô hình tàu *Hà Nội* làm quà tặng thành phố anh dũng và nhiêu tuổi của chúng ta. Tôi nghĩ rằng Hà Nội đáng hân diên của chúng ta từ

nay không những vang dội trong lòng người Hà Nội trong lòng mọi người Việt Nam mà còn dội xa trên sóng mọi trung dương. Lại càng thấy nhớ tiếc con người Hà Nội Nguyễn Huy Tưởng không còn chứng sống mà rộn ràng thêm với sự nghiệp tên tuổi của một thành phố mật thiết gắn liền với sự nghiệp mình.

Hà Nội chiến đấu của Nguyễn Huy Tưởng đánh nhau với Pháp “trong lòng phố cũ” 1946-47, cái Hà Nội đó ngày nay đã quang đi rồi những chân ụ những dấu vết chướng ngại vật giữa các ngã ba ngã tư ngã năm Thủ đô, cũng như đã bít lại rồi quét vôi lại rồi những lỗ đục tường cũ đánh luồn qua các khu phố, cũng như đã lèn da non đã đầy thịt rồi tất cả những cây to bóng cá. Thân cây ngày đó đục lỗ cài mìn gồm chặn xe tăng Pháp. Cuộc sống Hà Nội thiêng hình vạn trạng cứ như những lớp sóng cạn mỗi ngày mỗi dồn lên nhau, những cái cụ thể đó rồi ai biết đây là đấu, rồi ai biết nó hình thù ra sao, nếu không có văn chương ghi lại, - ví không là ghi lại bằng gỗ, bằng đất nung, bằng đá xanh, bằng đồng đen. Có những cái cổ hữu của Thủ đô vẫn còn cho đến hôm nay và tồn tại mãi với đời sống dân tộc trường tồn. Ví dụ như hồ Hoàn Kiếm. Nhưng con hồ đó hôm nay không giống như con hồ Thủ đô giữa đêm Hà Nội nổ súng cắt đèn nổi lửa dẫn đầu cho cuộc Kháng chiến toàn quốc. Xin

trích ra một đoạn tiêu thuyết *Sông mai với Thủ đô* dựng lại một đêm hồ:

“... Sóng im một lúc rồi lại nổi lên, như mưa lại đổ xuống sau một khoảnh khắc yên tĩnh. Hồ Gươm nằm rüz rụi trong bóng tối. Trần Văn chỉ cảm thấy nó thôi, như một bài thơ thuộc lòng từ thuở bé mà mình nhớ ra với cả cái âm hưởng của điệu nhạc và cái dư vị của thời đã qua. Bên kia bờ Hàng Trống đèn như làng xóm trong đêm khuya. Nhưng nước hồ bên này thì rực lên vài mảng đỏ ngầu, sóng lăn tăn. Vài con đom đóm lần đầu tiên anh trông thấy ở đây, bay trong các lùm cây. Nơi quen thuộc này chỉ còn là một cái gì rộng rỗng, trống trống lành lạnh mà gió thổi nhiễu, dặt dờ bốn phía. Thân cây quặn queo vặn veo, lá thít lên đổ xuống lao xao, đất rùng rùng, động đậy.

(...) Bãi ô tô gần nhà Bưu điện, lố nhỏ hai bóng người. Anh định thần nhìn thì thấy họ đang lúi húi mỗi người chặt một cây (...). Người kia nói:

- Min gõm như muỗi đốt voi. Mười cây thì mười một cây không đổ. Lại phải xoay ra chặt. Đến sáng có xong được cây này không?

(...) Bóng có tiếng reo hò ở phía công an Hàng Trống, từ lúc này vẫn đánh nhau dữ, tiếng súng và tiếng lựu đạn nổ không ngớt. Một cái xe cao lênh khênh đang phừng phừng bốc cháy.

"Trần Văn đang ngán ngẩm cho cách phả hoại ở đây, thì lại trào lên vui sướng vì cái thắng bên kia. Văn có người. Có một cái gì làm cho anh ấm áp, dịu dàng. Anh tĩnh dần dần. Gió ở hồ lạnh buốt. Lá rụng rào rào. Sương gieo nặng. Anh thấy có cái say xưa của sự thay đổi, cái bồi hồi nhẹ nhõm của một việc đã xảy ra rồi. Anh rưng rưng nước mắt quay lại nhìn những cái bóng đang lùi húi làm việc. Cái vô tư của họ làm cho anh cảm động. Anh tiếc tiếc những cái cây rách mát làm đẹp cho thành phố của anh. Anh thở dài. Việc phải làm thì cứ phải làm.

(...) Hồi lâu anh định thần. Một cái cột đèn đổ. Anh cuống quýt gỡ mài không ra khỏi những dây điện giết người. Nhưng anh không bị giật gì cả. Anh còn sống. Điện của thành phố chết rồi. Anh ngồi thở. Lá cây quét vào mặt anh. Anh gạt ra, lá lại quét vào. Nhìn kỹ thì là một cái cây bị ngã chắn ngang đường. Hà Nội đã đỗ nát nhiều rồi. Anh nhìn về phía hồ. Cái tháp bút vẫn nghiêng nghiêng dưới lùm cây, hai cái trụ cổng vào cầu Thê Húc sừng sững cao vút lên như cửa một ngôi đền nhà quê vắng vẻ. Lần đầu, giữa Hà Nội, anh nhìn trời, cả một khoảng trời đen, chung quanh ánh lèn một màu hồng nhạt nhạt, đục ngầu như máu, chớp chớp nháy nháy...".

Hồ Hoàn Kiếm đêm 19 tháng chạp 1946 là như thế này. Với hình ảnh một nhân vật chính Trần Văn của *Sông mai với Thủ đô*. Cũng như cảnh hồ trước đó mấy

tháng là một đêm rằm Tết Trung thu tất cả thiếu nhi Hà Nội phá cỗ ném bưởi xuống một mỏ hình chiến hạm Đá giăng lưới. Tất cả những cái đó, nếu vẫn còn chương không có dịp ghi lại dựng lên thì con ai biết đây là đâu. Cảnh còn lại chỉ có nghĩa khi nó có cái tình để lại qua sự qua việc được ký tạo lại. Sóng hồ Hoàn Kiếm hôm nay cũng như sóng hồ Hoàn Kiếm năm nào của Thăng Long mỗi khi có gió mùa Đông Bắc thổi qua thành phố. Nhưng quanh Hồ Kiếm đêm giao thừa vừa qua, là đèn ngũ sắc là pháo là múa là ca hát của tất cả Hà Nội đón một giờ đầu năm mới kế hoạch năm năm xã hội chủ nghĩa lần đầu. Nhưng sóng hồ hôm nay lấn tần những gợn lạc quan lảng man mới của những cặp thanh niên lao động yêu Thủ đô mình, yêu xây dựng mài cho thành phố mình cũng đẹp mài lên như tình ái của mình. Và, tối giờ được buổi thong dong, lại cùng người đẹp vỗ nhíp thuyền bơi giữa hồ mình. Nguyễn Huy Tưởng không biết lái thuyền không biết khiến bơi chèo, nhưng có lần anh đã muôn cùng tôi thử làm ông đò cạn giữa cái biển Hà Nội chủ nhật. Các anh các chị từ các công trường ngoại thành về ngồi tìm hiểu nhau trên ghế đá quanh Hồ Kiếm một buổi chiều xanh lơ và nhiều buổi tối tím lắc kia, tôi muốn chen vào giữa mà hát lên một bài hát của những người Hà Nội biết thương yêu cái thành phố lịch sử và trẻ tráng của mình, thương yêu

ngang với cái tình minh đối với đối tượng luyến ái  
đang tính việc tương lai với mình kia.

Tôi thấy Aragon thiệt là một nhà thơ đa cảm công  
tâm và đôn hậu khi ông nhắc tới công lao của thi hào  
Victor Hugo đã lấy văn thơ ra mà góp vào cho tất cả  
những hoa lệ diễm huyền của Thủ đô Pari. Pari và thi  
sĩ nó là Victor Hugo cài răng lược vào nhau trên trang  
lịch sử dã sử của thế kỷ XIX. Pari là một nguồn cảm  
xúc của thơ truyện Victor Hugo cũng như thi hào đó  
là cái hồi quang của Thủ đô nọ. Cho nên giữa ngay  
sinh nhật Pari lịch sử ngàn đời, thi sĩ Aragon đã nổi  
đóa lên giữa những mặt b'on Mỹ hống hách trên đất  
nước Pari, trảng tráo bẹp bợp rót một lọ nước sông  
Hoa Kỳ vào lòng nước sông Xen ngũ ý kết nghĩa, và  
rồi bưng tượng Victor Hugo đi, dựng lên cái bệ đó một  
mẫu xe ô tô Ford. Và Aragon đã làm cho bọn Mỹ phải  
vô vọng khi ông nói rằng Pari còn thì Victor Hugo vẫn  
còn trong lòng người Pari người Pháp, không có thứ  
Ford nào điền vào đáy được. Ở đây, về đề tài Thủ đô  
Hà Nội không phải tôi muốn ví công lao văn chương  
của Nguyễn Huy Tưởng với lại sự nghiệp Victor Hugo,  
mà tôi chỉ muốn nêu lên một điều hình như tôi thấy  
được là: Thủ đô Hà Nội ta thọ gần ngàn tuổi, nhưng  
đã được bao nhiêu trang quốc văn kể cả chữ Hán viết  
về nó, cho nó, vì nó? Tôi không khi nào phủ nhận công  
ơn những nhà thơ những nhà ký sự tiền bối nữ cùng

như nam đã phản nào truyền thần lại cho tôi cái diện  
sắc của Hà Nội chúng ta, nhưng tôi vẫn phải nhận  
định rằng tất cả những giấy mực những vần những  
chương ấy còn là giản lược gầy guộc lám. Gần đây  
nghiên và cứu cho Thủ đô, đã có sách dày và những  
tập có hệ thống. Nhưng đó là một điều đáng vui hay  
không đáng vui, khi đọc đến nhiều đoạn lại thấy đó  
như là những cái chi chi ở đâu đâu chứ không phải là  
những điều của thành phố của tôi, - một cái thành  
phố bắc nhất của Tổ quốc nó có cái phong độ đặc sắc  
của nó với tất cả những ưu điểm như được khuyết điểm  
của những con người của nó, nó có những thói quen  
phố phường của nó, nó có những thói tục những tập  
truyền của nó, nó có những tang hỷ hưng vong riêng  
của nó, nó có khí hậu riêng biệt của nó, tóm lại là cái  
tâm hồn của nó. Xin lỗi, anh đừng tưởng người làm  
sứ người tra sứ là người không cần đến nhữn lực và  
bút lực của một nhà thơ nhá! Nói thật đât, Thủ đô Hà  
Nội vẫn thấp đèn điện chờ một nhà thơ trữ tình của  
nó.

Cho nên trở lại tiểu thuyết *Sông mai* với Thủ đô  
bị đứt đoạn ngoài ý định của Nguyễn Huy Tưởng, tôi  
vẫn thấy quý tác giả nó đã gây lại cho tôi phần nào  
cái khí hậu của Thủ đô cũ, cái khí hậu khí tượng của  
Hà Nội chúng ta cách đây mười lăm năm.

Viết về đề tài Thủ đô, Nguyễn Huy Tưởng có hai vở kịch, một tiểu thuyết và một kịch bản phim truyện. Kịch *Vù Như Tò* viết ra năm 1941, lấy Thăng Long đầu thế kỷ XVI làm nền. Kịch *Những người ở lại* viết ra năm 1948 lấy Thủ đô năm đầu Toàn quốc Kháng chiến làm nền. Tiểu thuyết *Sông mai với Thủ đô* và kịch bản phim truyện *Lùy hoa đều* trực diện tả cuộc chiến đấu quyết tử của Hà Nội vùng lên đêm 19 tháng chạp 1946. Trong năm 1958 truyện dài viết xong một nửa, gác lại đây mà đi viết sang kịch phim xong năm 1959. Tức là kịch bản phim truyện viết chen vào tiểu thuyết cũng trên cái cơ sở dàn bài cấu tạo nhân vật của tiểu thuyết *Sông mai với Thủ đô*. Bốn tác phẩm kịch nói kịch phim truyện dài đều bùng bùng cháy lên cái lửa lịch sử của Hà Nội, và cũng bùng bùng cháy theo lên cái tình của một con người văn sĩ Thủ đô. Ở một nhà văn nhát là văn ta, đây cũng là một điều đáng biết đến, khi chúng ta thấy rằng Nguyễn Huy Tưởng đã nhiều lần hoài bão đề tài Thủ đô. Mang nặng một đề tài và chủ đề mỗi lần có khác đi, Nguyễn Huy Tưởng đã thai nó sinh hạ nó lên giấy, có lần đẻ non, có lần đẻ tháng, lại có lần đẻ rơi, chết rồi mà đứa con tinh thần vẫn lọt lòng và có đứa lại nửa đòn nửa đoạn như truyện *Sông mai với Thủ đô* đây. Tôi có lúc phải nghĩ vớ vẫn rằng giá ma Nguyễn Huy Tưởng được như cái anh trong truyện thần thoại tự mình rút

dây ở cuốn chì số mệnh mình, rút đến đâu là thêm sự giảm thọ đến đây và sẽ rút cho đến cái đầu mối cuối cùng tức là chết, giá ma Nguyễn Huy Tưởng biết là mình đang rút đến gần cái đầu mối cuối cùng cuốn chì, thì tôi tin rằng nhà văn Nguyễn Huy Tưởng không bao giờ lại đi qua sang truyện phim mà bỏ tro lại đây lũ nhân vật *Sông mai* với Thủ đô hữu sinh vô hậu của mình.

Tôi gấp lại tiểu thuyết *Sông mai* với Thủ đô chưa đáng phải gấp lại. Thấy túi túi cho lũ nhân vật tiểu thuyết kia đang ngạc nhiên giữa cái ngã tư nghệ thuật như là đang ngóng chờ sự chỉ đường nào của một bạn công an cảnh giới trật tự. Bên ngọn đèn đêm mà để tựa sách cho một nhà văn đã lên đường rồi, nghe rúc nhịp còi dồn toa tàu ga Hàng Cỏ, tôi như nghe thấy những tiếng lao xao của một đám hành khách bị nhỡ tàu. Mà những linh hồn nhỡ tàu đó nhìn lại thì cũng chỉ là cái bọn nhân vật đã lấy vé rồi của Nguyễn Huy Tưởng.

Tôi biết rằng một số nhà tiểu thuyết trong văn học thế giới hay có một lời tự bạt sau tác phẩm mình, và có người đặt tên cho tự bạt là “Lời giới giang cùng những nhân vật tôi tạo ra”. Lúc vĩnh biệt đó, con người tác giả kia thật sự có một cái trống rỗng man mác của một người vừa kết thúc cho một cái gì, thật sự có một nỗi bâng khuâng như anh địa chất giao lại

mỗi mình tìm ra cho người khác kinh doanh và mình thì lại từ hôm nay đi sang một vỉa sông khác, thật sự có một nỗi chán hằng lặng tờ trên giấy lạnh, sau bao nhiêu mè nheo xâu xé, và than vãn ngờ sợ, và hứng khởi tin yêu đời của một lũ nhân vật túi bụi hùng hục vào một cuộc ồn ào mấy trăm trang sống. Lúc chia tay với nhân vật mình ở tự bạt, cái anh soạn tiểu thuyết tự cho mình là một gia trưởng nào dặn dò lũ cháu con từ phút đó phải lập lấy thân trong cõi văn học, hay do khen chê là do công luận của thiên hạ, và trách nhiệm sinh dưỡng của mình đối với chúng đến đó có thể coi như là đoạn hết. Để cho chúng chuyển sang những thử thách của trường đời của trận bút. Viết đến dòng chia tay nhân vật tức là cái giọt tơ cuối cùng của ruột tăm, lúc đó nhà tiểu thuyết có cái chua xót của mọi cuộc giã từ, nhưng cũng có cái lý thú hồi hộp của những người từng được làm vợ làm chồng làm bố làm mẹ của cái lũ nhân tình lũ cháu con ra đi tìm cửa văn học kia. Thật cũng là một điều ám ức thay cho Nguyễn Huy Tưởng không kịp ra viện mà về tác thành nốt cho những con người *Sông mai với Thủ đô* và bảo ban chúng một lần cuối cùng. Nguyệt san *Nghiên cứu văn học* số 10-1960 trong bài đánh giá văn nghiệp Nguyễn Huy Tưởng có những câu: “Kịch phim *Lý hoa đã viết xong, nhưng Hà Nội liên khu Một*”<sup>(1)</sup>

---

(1) *Hà Nội liên khu Một* là một trong những tên cũ của truyện dài *Sông mai với Thủ đô*.

chưa hoàn thành. Sự nghiệp sáng tác của anh như bài thơ dài chưa kết thúc, bài thơ đầy tình nghĩa giàu sức chiến đấu, cất lên cùng một nhịp với những bước đi của Cách mạng". Thơ bà Hằng Phương lại có những dòng:

*Trung đoàn in dấu LỦY HOA*

*Hồ Gươm ngắn nước chưa nhòa bóng anh!*

Và trong bài thơ gửi hương hồn Nguyễn Huy Tưởng của nhà tiểu thuyết Nguyễn Hồng, lại còn day dứt và gợi trêu hơn nữa:

*Đường ta đi hôm nay*

*Chim trắng bay ròn trước sóng khơi*

*Chim trắng mang trời xa biển cả*

*Và những nụ cười hé nở*

*Những nụ cười vẫn còn máu rõ*

*Của những dòng thơ lên chữ lia đời*

*Của những ngàn trang tiểu thuyết*

*buông rơi*

Cầm bút viết nhời giới thiệu tiểu thuyết Nguyễn Huy Tưởng bị đứt quãng như tất cả mọi công trình nghệ thuật dở dang bao giờ cũng để lại cho người sau một nỗi thòm thèm, một nỗi tám tức trong tiếc thương, riêng về phần tôi, tôi chưa làm được cái việc phân tích và nhận xét nhân vật của lũ người mới sơ sinh trong *Sóng mây với Thủ đô*. Công việc chua sinh chua tử đó, tôi tin rằng có những Nam Tào Bắc Đẩu

văn truyện sẽ có những lời phán xét thiệt là hùng hồn. Phấn tôi viết bạt, tôi coi tiểu thuyết này như một bức tranh nhiều khả năng gợi cảm mà tôi chỉ mong được làm một người thợ mộc cõi tìm cho tác giả nó một bộ khung tương xứng bằng gỗ tốt gỗ quý. Nếu có ai quá yêu Nguyễn Huy Tưởng mà còn ví những lời lời của 36 chương truyện đã viết xong kia là một chuỗi hạt tơ điểm thêm cho cái cổ còm gáy của văn chương về Thủ đô Hà Nội, thì tôi cho rằng tôi cũng vừa gó xong được một hộp nhung hồng may ra vừa mắt vừa lòng anh bạn đọc kia vậy.

Theo bản in cuối tập  
*Sông mai với Thủ đô*  
NXB Văn học 1961

## TRUYỆN “TẮT ĐÈN” CỦA NGÔ TẤT TỐ

Ngô Tất Tố tuyệt đối buông hẳn tay bút vào mùa hè 1954. Có lẽ cái buồn nhất tiếc nhất của nhà văn Ngô Tất Tố là rũ áo ra đi hơi vội vàng một chút. Mất vào tháng 4-1954 hay vào tháng nào của năm 1954 đó, thì tuổi thọ Ngô Tất Tố vẫn cứ là 62 tuổi. Nhưng cố nán lại được dăm bảy tuần nữa, mà để kịp nghe cái tin Tây đế quốc hoàn toàn đại bại ở Điện Biên Phủ ngày 7-5-1954, thì nó cũng mát vạy thay cho vong linh một nhà thơ yêu nước không lúc nào nguôi về tiền đồ nghề văn nước mình, về triết vọng Tổ quốc mình!

Sự nghiệp văn học của Ngô Tất Tố gồm nhiều mặt: sáng tác, luận bình, bút chiến, và dịch thuật. Dịch thơ Đường, truyện Trung Quốc, truyện Liên Xô, viết báo, viết đoán thiênh, viết phóng sự, viết truyện dài (*Tắt đèn*, *Việc làng*, *Lều chõng...*). Nói chung so với đồng nghiệp mình cùng sống cùng viết trong cùng một thời với mình, thì sự nghiệp trứ tác Ngô Tất Tố không đến nỗi gầy guộc gì về số lượng. Đã thế, lại còn có chất

lượng, còn có cái chất để lưu lại về sau này. Theo tôi tiên tri, thì cuốn *Tắt đèn* vẫn còn phái sống lâu, thọ hơn cả một số văn gia đương kim hôm nay. Sau này mà thôn xã miền Bắc miền Nam nước Việt Nam thống nhất kinh tế, thống nhất chính trị, thống nhất văn hóa và đã điện khí hóa nông thôn toàn quốc, điện sáng lóe từ núi Tây Bắc núi Trường Sơn ra biển, từ cổng thành Nam Quan thâu vô vùng bãi được Cà Mau, sau này rất lâu, người ta vẫn còn đọc *Tắt đèn*. Càng có điện mà tháp cháy khắp nơi suốt ngày suốt đêm, người ta càng thường thức *Tắt đèn*. Lúc mà càng dương thịnh, thì càng ngoài lại cái chặng âm suy, để mà so chặng đường vượt được, đó cũng là một cái thường tình của thói đời. Và chặng truyện *Tắt đèn* tự đích thân nó, đã săn cái khả năng hấp dẫn của nó. Về mặt văn chương, rõ ràng là nó có chất, nó có nghệ. Và cả mấy thứ chất thứ nghệ đó đảm bảo sự tồn tại của nó. Và Ngô Tất Tố, dù muốn hay không muốn, sẽ theo nó mà trường sinh thêm như người đã từng được thụ bàn đào thiên tiên.

Hãy xin cho phác ra đây ít đường nét chính của truyện *Tắt đèn*. Truyện xảy ra ở một cái làng đói, ở những cái làng đói nơi đồng bằng Bắc bộ. Nhân vật *Tắt đèn* có lúc bị bắn lên đến phủ đền tỉnh, nhưng gốc sống của nó, chính ra vẫn là cái làng An Nam tối om hôi thối ngày xưa. Thời gian của *Tắt đèn* cũng là thời

kỳ những người cộng sản Việt Nam ở trong bóng tối (có ra hoạt động công khai ít nhiều, có lúc tranh tối tranh sáng, nhưng, theo chô tôi nghe được, thì hoạt động bóng tối vẫn là nhiều hơn).

Nhân vật của *Tắt đèn* cũng dễ nhớ thôi. Nhân vật có cả người có cả chó (nhân vật này chỉ hiện hình chứ không đánh tiếng lên trong truyện). Có cả người sống ra trò, và có cả người chết, chết nhưng có vai trò giữ nhịp cho hơi truyện ở đoạn mấu chốt nhất của truyện. Có tên lý trưởng, có lão tri phủ ba que ba dọi, có bố lão quan tinh dê cụ. Và cả một tràng nhân vật cầm cờ chạy hiệu, nó nguyên là cái đám cai lệ tay sai phong kiến ở cấp xã. Trên đầm bùn ấy, ngoi lên một đài hoa sen dã ngoại. Tên cái thứ sen quê ấy là chị Dậu. Dậu là tên người chồng. Tên thật chị là Thị Đào mà đám lính lệ quen thói xéch mé bắt chước quan thầy chúng, thường gọi là “con mẹ Đông Xá” (tên cái làng nguyên quán của chị Dậu). Mụ đưa người thì đỡ xéch mé hơn một tý, và gọi là “nhà chị Đông Xá”.

Chị nhân vật chính ấy có ba con: Tý, Tiu, Dân, và sau bán mất con Tý 7 tuổi lấy tiền đóng thuế thân cho anh Dậu. Cả một chương X của *Tắt đèn* là dành cho cái Tý đó. Con bé ngoan quá, hiếu thảo quá. Ngõ Tất Tố đã dành cho cái Tý những lời những ảnh quý giá nhất trong từ vị từ ngữ mình. Văn xuôi, thể truyện, nói về trẻ em Việt Nam, cái chương X đó phải được

xếp vào loại những trang đẹp tốt và cảm kích nhất viết cho thiếu nhi. Thêm nữa, cả chương X này dồn dồn cái không khí kịch. Củ khoai, mấy em nhỏ. Một bà mẹ đau khổ, không muốn cho trẻ con thấy sự thật của người lớn. Một cuộc sinh ly (giống như tử biệt) bên một cái rá khoai nghèo và khói cứ loãng dần trên củ khoai nguội. Với bao nhiêu câu lục văn của lù trẻ.

Chị Dậu lành mạnh cơ thể và hồn nhiên trong cách nghĩ trong việc làm, hồn nhiên hiểu theo cái nghĩa của sự thẳng thắn tự nhiên ở một tâm tính người.

Con mẹ đìa chủ Quέ mê tín đều già ấy đã gạ mua con chị Dậu cho con gái hân vui hiếm hoi “phải nuôi con nuôi thì mới đứng số (...) tao muốn mua cho cô ấy một đứa, để nó gánh vác đỡ đì”. Nghĩa là cái Tý sè ôm thay chết thay, thế mạng cho cháu con nhà đìa chủ! Tâm đìa mụ độc tối như thế, và tiền nong thì mua ép tinh thiêú như thế; lúc biết đến, chị Dậu cũng chỉ hạ một câu “cái bà Nghị, giàu thế mà còn làm điêu”.

Cái thẳng phong kiến khốn nạn bẩn thù là thế, không khỏe chân khỏe tay ấy được quan ra, chỉ một suýt nữa là nó đổ tim la vào đời mình, đối với con thứ bẩn đó, chị Dậu đã “ô hay, nhà ông này mới hay chứ” và sau này chị Dậu cũng chỉ bảo cho người làng biết qua rằng “lão phủ Tư Ân đều quá”.

Đến cả cái việc mà hơn cả nhiêu đàn ông khác, chị Dậu đã dám làm, đến cả cái việc mà sau khi làm, bà cụ người làng đã liệt chị vào cái bắc “đàn bà ngỗ nghịch” ấy, ngay cả về việc đánh một lúc hai tên sai nha đó, khi nói thêm với các vị có tuổi ở làng, chị Dậu cũng chỉ nói là “cháu phải liều với chúng nó”. Và như là còn phảng phất chút ân hận nữa: “Đàn bà đi đánh nhau như thế, là hư thân lầm, chứ không hay gì (...). Cháu đã cố nhịn mà không nhịn được”.

Chị Dậu là một cái tâm tinh mộc mạc, mộc mạc ngay cả trong sự thù ghét. Cái mộc mạc ngay thẳng đó cắt nghĩa nhiều cho mọi cái bột phát và tự phát ở người nữ quân chúng đó. Trên lầy bun ruộng cũ, những thứ “cỏ nội hoa hèn” đó vẫn hàng có để tăng thêm cho cái thơm cổ hữu của lúa trổ bông. Trên bãi ruộng oan khiên, chị Dậu là một gốc mọt nhánh của thiện căn, của dưỡng khí cánh đồng kết tụ lại.

Nhân vật trong *Tắt đèn*, đậm nét nhất vẫn là chị Dậu. Trong *Tắt đèn* lũ người ác đại biểu cho các kiểu bất nghĩa bất lương, cũng khá đông đáy. Những cái mồm cái giọng phản diện cũng khá ồn ào. Nhưng chúng vẫn không bịt được miệng chị Dậu. Tiếng nói chị Dậu vẫn nhiều dư vang. Qua lời qua việc người đàn bà nhân vật chính, thấy cái ý chính của người đàn ông Ngô Tất Tố. Chị Dậu đây, nếu tôi không sai lầm, đích là tác giả Ngô Tất Tố hóa thân ra mà thôi.

Và sự phán thân ấy có tính tư tưởng, có tính nghệ thuật.

Chị Dậu là tất cả cuốn *Tắt đèn*. Có những lúc tôi muốn xin phép tác giả, và nếu tác giả đồng tình, (qua lớp đất nghĩa địa mà tìm được cách nào nhắn lên cho), thì tôi lấy tên chị Dậu làm luôn tên gọi của cuốn truyện *Tắt đèn*. “CHỊ DẬU”! Chị Dậu là cái đốm sáng đặc biệt của *Tắt đèn*. Nếu ví toàn truyện *Tắt đèn* là một khóm cây, thì chị Dậu là cỏ gốc cỏ ngọn, cỏ cành, và chính chị Dậu đã nối gió lên mà rung cho cả cái cây dạ hương *Tắt đèn* đó lên.

Sáng tác Ngô Tất Tố, trội nhất vẫn là cuốn *Tắt đèn*. Và trong tiểu thuyết *Tắt đèn*, trội nhất lại là cái chương XIII. Lời sắc sảo, ý súc tích, cách diễn đạt thi linh hoạt mà bô cục thì lại chặt. Lời nói của nhân vật và cái cách Ngô Tất Tố khiến lời cho nhân vật, nó hệt như là ở kịch nói. Nếu trích văn *Tắt đèn* để lấy ra cái mảng đẹp nhất, đọng nhất, quý nhất, đại diện nhất, thì cứ một chương XIII ấy mà trích ra là đích đáng.

Quà có thể, chương XIII *Tắt đèn* như là một hồi hai cảnh của kịch nói. Cảnh I xảy ra ở nhà Nghị Quê; cảnh II xảy ra tại nhà lý trưởng. Cốt cách một chương văn xuôi tiểu thuyết XIII ấy, đem dọn lại thành đối thoại thì là hoàn toàn kịch nói, vì nó hàm súc chất kịch tinh kịch. Và càng rất có thể chuyển thành kịch

bản truyện phim điện ảnh, nếu điện ảnh ta định làm hồi ký về “Việt Nam nông thôn tiên Cách mệnh”.

Nói chung cho *Tắt đèn* thì toàn truyện là một đêm tối mò, truyện mở ra tối tối, càng đọc vào càng thấy tối, và cuối cùng, truyện đóng lại bằng một tấm màn đen đặc. Trên cục tối và trong đồng tối áy, lũ nhán vật cả chính cả phụ, cả thiện lẫn ác, đều thao thao giọng tiếng của lũ bóng ma. Nếu nói toàn truyện *Tắt đèn* là một diên tích rộng của sự đen kịt, thì chương XIII này là một điểm đọng cô nhất của bóng đêm vón cục lại, đặc quánh lại. Cái tối ở đây rất ken đầy, rất căng thẳng. Chỉ có hồn ma thì mới bơi được trong bầu tối áy, chứ phàm đã là con người có ít nhiều trọng lượng nhân kiếp, thì không thể không sa lao xuống như thằng mù không tim. Hoặc là phải rú lên mà tạt ngang ra một cái ngách nào. Giống như loài cỏ loài rêu hang lạnh vẫn cố hướng ra cái phía nào có luồng đường khí của hơi ấm của tia sáng.

Chương XIII *Tắt đèn* không khác gì một cái lòng chảo đã nguội đi, đã vắng đọng lại một thứ bùn đen lưu niêm, trên đó oằn lên một số sinh vật. Sinh vật Nghị Quế chồng, sinh vật Nghị Quế vợ, mà lòng tham đã phá hết tính người. Sinh vật lý trưởng và lũ sai nha đốc thuế người, đã tan hoang đi cái tâm người. Và trên cái sa mạc nhân tâm đó, không còn tia nước nguồn thương nào, mà chỉ còn vương vãi lại ít thường

trời, ít roi mây, ít vò rượu ty, và một cái bìa thẻ sưu in sẵn. Ở chương này, cả đến chị Dậu quý mến của tác giả của độc giả cũng chỉ còn là một con sinh vật mà thôi. Thật được làm người với tối thiểu phẩm cách làm người, thì có đời nào chị Dậu lại phải đi đọa lạc nhân phẩm mình đến cái mức phải đưa con bán đi như một hiện vật cũ ở chỗ chợ giời chợ người. Tiền bán đưa con dứt ruột lại đem ra chuộc cho mạng chồng mình, giữa cái thế kỷ áp bức hai tầng, và mạng người bị thiến đi dễ dàng quá cái sinh mạng côn trùng ngút đầu cầu cánh. (Có cần phải nói thêm rằng nếu không có Cách mạng 8.1945, thì trước mắt để quốc và thực dân, tất cả Việt Nam vẫn chỉ là lũ sinh vật do họ lùa vào các đồn điền, các sở công sở tư, các hầm mỏ, các nhà lao, lúc cần thiết?).

Tôi không là một người đi đạo, nhưng nếu tôi đã bị người ta đeo vào cổ tôi một cái thập ác mạ vàng tây, thì khi đọc chương XIII *Tắt đèn* này, tôi không thể không tóm lấy chòm râu ông cố đạo mà rên lên rằng: "Lạy Chúa! Tôi không dám mong gì cái Thiên đàng của Người, mà chỉ mong sao cho trân gian hây quang què đi mọi thứ xấu hổ kia kia...".

Chị Dậu sợ hãi đến sân nhà giàu Nghị Quê, một tay cầm tay con gái nhỏ, một tay ôm một ố bốn chó con đèo một cho mẹ nữa. Cả chó, cả trẻ con, đều đưa đến bán cả, và bán gộp vào thành một mớ, như là mớ

củi mớ tép chợ chiều nõi bāi làng. Giá trị của sáu thứ hàng hóa khác loại ấy (con chó cái, con Tý, bốn chó cún) tính thành tiền là hai đồng (2\$70), nghĩa là đủ để cứu một mạng người (anh Dậu) đang bị gông cùm vì thiêu sưu.

Chỗ tiền ấy, người viết hộ vân tự (người bán con là chị Dậu mù chữ của một thời không cần chống mù chữ!) bắt đầu khâu ngay 2 hào tiền công viết. Ngay lúc giao tiền, Nghị Quê ông không giao bằng tiền giấy mà giao bằng tiền chinh, là nó đã có sẵn mèo tinh của nó. Cái mèo của nhà giàu ăn bân bêng cách đếm thiêu đi chuỗi tiền chinh là bốn xu. Tiền chinh nộp sưu cho người đó, lúc đưa nộp lại chịu một nắc thuế nữa. Thuế đổi tiền chinh ra tiền giấy, cứ 1 đồng là 3 xu tiền các. Lại còn tiền riêng “chè lá” cho ông lý áp triện vào vân tự bàn con, cái triện đồng mà ông lý bao rắng: “Triện ông có phải đâu là củ khoai” mà đem đồng không cho không! Chị Dậu không còn tiền để lê lý trường, chị Dậu phải xin khất lý trường là chị sẽ trả bằng sức lao động, “con xin cây hâu ông một mẫu”. Lý trường còn so kè “đồng bạc một mẫu, thế ra một hào một sào (cây trù) kia à? Không được! Phải (cây trù) một mẫu ruồi”. A-men! Giời ôi là giời! Sống làm sao được đây! Quanh chị Dậu, quanh cái thè sưu thuế người, cà một hệ thống thiền la địa vông bóc lột sự sống, ăn hiếp sự sống, bức tử sự sống! Chao ôi, tôi đã hiểu tại sao trước

kia ở nhà quê có vô khói đám “cướp” đã nổi lên. Nỗi lên một mồi lửa cho nó cháy vèo mẹ nó đi cái thứ làng An Nam ngọt ngạt đó.

Làm sao trong đêm tối ngay xưa đó, Ngô Tất Tố đã mò ra được những thực tế đó và trong đêm tối, ông lui hui thấp được bó hương mà tự mình soi đường cho nhân vật mình đi? Lúc đó, không phải là không ai nói về làng xóm dân cày, nhưng người ta nói năng khác ông, người ta bàn cái lương hương ẩm, người ta xoa xoa mà ngư ngư tiêu tiêu canh canh mục mục. Còn Ngô Tất Tố thì xui người nông dân nổi loạn. Cái cách viết lách như thế, cái cách dựng truyện như thế, không là phát động quần chúng nông dân chống quan Tây chống vua ta thì còn là cái gì nữa! Ở đây, cũng không phải là tôi tiếc cho kiểm duyệt Pháp (tiếc một cách quá chậm) đã để lọt đè sòng *Tắt đèn*. Ở đây tôi chỉ muốn nhấn vào cái khía này: những oan trái và đau đớn *Tắt đèn*, nó hao hao cái không khí mười bốn năm mười lăm năm sau đó, các thành phần cơ bản ở nông thôn đều ám ám tố khổ và vạch mặt cường hào ác bá. Tôi sợ Ngô Tất Tố đây.

*Tắt đèn* in năm 1939 tức là in ra 9 năm trước khi Ngô Tất Tố được đứng hẳn vào trong tổ chức Đảng; tức là in ra 14 năm trước khi Quốc hội khóa II thông qua luật cải cách ruộng đất và chính sách phát động nông dân. Chưa được kếp nạp, nhưng trước những

thực tế nông thôn Việt Nam, Ngô Tất Tố đã có cái nhìn tự phát của người tri thức quần chúng cảm tình Đảng, chưa sâu sắc chưa hệ thống hóa, nhưng là một cái nhạy cảm khỏe mạnh và gắn bó với quần chúng lao động nông thôn. Chưa được đi học các lớp phát động của đoàn uỷ, nhưng Ngô Tất Tố đã có cái nhiệt tình của người đội viên, của người đội trưởng phát động giám tô, cài cách ruộng đất không tố điêu cho ai, mà đã tố thì không khoan nhượng với kẻ thù.

*Tắt đèn* (nhất là chương XIII) thật là có chất lượng. Nội dung có chất lượng tư tưởng, hình thức có chất lượng nghệ thuật. Bút pháp Ngô Tất Tố, nhất là ở chương XIII *Tắt đèn* cũng là tiêu biểu cho một khát vọng thực phê phán khá độc đáo. Càng thù ghét địch, càng yêu thương giai cấp. Vừa hiện thực phê phán, vừa nhân đạo nhân văn.

Ở màn đầu chương XIII, cảnh nhà vợ chồng địa chủ Nghị Quế, Ngô Tất Tố cho bưng vào đầy một cái rổ nhún nhín 4 chó con. Vợ chồng địa chủ Nghị Quế “bị” hiện nguyên hình vì lũ chó con này của Ngô Tất Tố đây. Phải có cái liều lượng 4 chó con này pha vào truyện, thì mới xộc lên cho kỳ hết mùi đồng rác hồn cơ địa chủ đã biến chất người mà thói khám đến phải nôn thốc nôn tháo ra hết. Ngô Tất Tố hạ đến cái “kỹ thuật dàn chó”, đưa chất chó vào, để cho người đọc nhận cho rõ thêm về cái chất người bất nhân của vợ

chồng tháng nhà giàu Nghị Quê. Cái đáng khuyên chuỗi thường khen cho bút pháp Ngô Tất Tố là tác giả vẫn cứ cho kẻ thù giai cấp (Nghị Quê) ít nhiều cái nét gọi là nhân tính. Cho nó phảng phất tí nhân tính, thế nó mới càng chết cha nó. Quái thay là Ngô Tất Tố. Mới xem, ai cũng thấy vợ chồng địa chủ cũng chỉ là như mọi người khác thích chó, yêu gia súc, tưởng người lành hoặc kẻ bất lương cũng không khác nhau gì lầm trong việc nuôi chó con. Thằng chồng le te cho chó ăn cơm, ón tồn hỏi về chó, rồi xem tướng chó. Hắn sung sướng. Vợ hắn và hắn bù khú đùi đòn với nhau trên câu chuyện chó con. Ấy thế rồi là đúng đúng giờ giọng chó má ngay với mẹ con chị Dậu đứng đây. Đoạn này, khá lầm. bác Tố ạ! Cho thằng nhà giàu rước chó vào nha, nó mới càng hiện chất chó đều của giai cấp nó ra

Mà thực ra, đã có những tên kẻ thù giai cấp ở khắp gầm giời rất thích nuôi chó, yêu chó, quý chó, đặt bánh đặt thịt, đặt đất nghĩa trang cho chó, coi con chó nó nuôi, quý hơn mọi mạng người khác nó đang hành hạ và bóc lột; và cái vô nhân đạo của chúng chính cũng bật rõ lên từ cái “tình” chó của chúng. Đã có sẵn rồi những chuyện chó nhà giàu, chứ ở đây không phải là cố quăng chó vào nhà địa Quê, cố tình bắt quả tang nó đang gây chó, để mà dẽ lén án nó, theo một cái hướng đánh nó đã định sẵn.

Địa chủ An Nam mà độc ác thì nó nhiều cái khác đều giả khôn nạn vượt hết cả sự tưởng tượng của những người lành mạnh. Đỉnh cao của tội ác nó là nợ mau giết người, chán tháp làm nền cho bản chất tham ác nó là nhiều thứ chi chiết cấu veo khác rất phong phú về hình thù và diễn biến.

Trong *Tắt đèn*, con mụ địa Quế nói toạc ra là “nuôi chó còn hơn là nuôi đứa ở”. Nó đã nuôi rồi 14 con, nay lại còn nuôi 5 mẹ con con chó vừa mua ép của chị Dậu. Và nó bảo thằng vào mặt chị Dậu là “cơm chó nhà tao cũng tốt bằng mấy cơm người của nhà mày đây”. Thằng địa Quế liền bắt cái Tý (nó vừa mua xong của chị Dậu) ăn nốt ngay rá cơm thừa của đàn chó bở dở: “Con bé kia! Cầm lấy rá cơm ăn đi, kèo phi của trời. Ăn bốc cũng được, không phải đũa bát”. Thằng chồng quát: “Mày không ăn thừa cơm chó phải không?” thì con mụ vợ lại cảng thét “Này bà bảo cho mày biết: mày ăn cơm chó nhà bà bà cũng chưa đáng đâu. Con chó nhà bà bà còn được mấy chục, con người như mày, bà chỉ mua có một đồng thôi đấy”. Trời thầm đất dày ôi! Như thế còn cho là chưa đủ ác, mụ đàn bà địa chủ còn nghiến răng: “Từ giờ đến mai, phải ăn hết cái rá cơm ấy, rồi mới được ăn cơm khác!”.

Cái Tý 7 tuổi, buổi đầu bị bán vào cửa nhà địa chủ, như một chồi cây bị lũ ác cắn cụt ngọn, tối đó, mặc dầu không xuất hiện ra như thế, tội cứ nghỉ Ngô

Tất Tố đã như là một ông Bụt của cái Tý - một thứ ông Bụt hao hao thứ Bụt đã vô về cái Tâm trong cỗ tích Tâm Cám.

Rời cái nhà địa chủ Quế, chị Dậu cầm sổ tiền bán con và bán chó đi chuộc chồng tại một cái nhà khác. Nhà lý trưởng, mà “đàn ông đàn bà chờ đợi nộp thuế còn lố nhố suốt một bậc cửa”.

“Lính cơ, cai lệ vẫn nằm chầu chánh tổng ở bên bàn đèn, thủ quỹ, thư ký, chánh hội phó hội và các chức dịch ngắn ngang “ngồi ở cạnh những cuốn sổ sách bể bô”.

Đã tưởng đến đây nộp xong suất sưu cho chồng rồi vợ chồng cùng trở về cái túp nhà của mình. Nhưng mà không phải chỉ một suất sưu của chồng. Bây giờ hương lý mới tời thêm ra một suất nữa. Suất của người em chồng. Mà Hơi, em chồng, thì đã chết rồi. Xin trích ra đây cái đoạn đối thoại khủng khiếp giữa hương lý và chị Dậu:

“- Thưa ông, chú nó chết từ tháng Giêng rồi mà! Nhà con vẫn chưa “khai tử” hay sao? (...)

“- Khai tử rồi cũng phải đóng sưu? Ai bảo nó không chết ngay từ tháng Mười năm ngoái? (...)

“- Thưa ông, người chết đã gần năm tháng, sao lại còn phải đóng sưu?

“Lý trưởng quát:

“- Mày đi mà hỏi ông Tây, tao không biết.

“Thư ký dōng đặc cắt nghĩa:

“- Chết cũng không trốn được sưu Nhà nước! Là vì thằng em chồng chị mới chết tháng Giêng An Nam, mà sổ “thông qui” của làng đã làm từ đầu năm tây, tức là tháng Một An Nam năm ngoái. Sổ ấy có tên thằng Hợi lúc chưa chết. Khi đệ lên tỉnh, tòa sứ cứ theo sổ định trong sổ mà làm bài chỉ đưa sang sở kho bạc. Rồi đến kỳ thuế, sở kho bạc lại cứ theo đúng sổ thuế ghi trong bài chỉ mà thu. Nó chết tháng Giêng chứ đâu nó chết tháng Chạp cũng vậy, bài chỉ làm rồi (...) khai tử hay chẳng khai tử mặc kệ (...) Nó chết, vợ con chưa có, ông lý cứ lấy vào thân nhân, chồng chị không nộp cho nó thì ai nộp?”.

Chị Dậu chỉ còn có tru tréo lên: “Ôi giờ ôi! Tôi bán cả con lân chó và hai gánh khoai mới được hai đồng bảy bạc. Tưởng rằng đủ tiền nộp sưu cho chồng (...) Ai ngờ lại còn suất sưu của người chết nữa! Khốn nạn thân tôi! Trời ơi! Em tôi chết rồi còn phải đóng sưu, hở trời!”.

Tôi thấy cần phải nói thêm về cái suất sưu, cái thẻ sưu này, cái thứ thuế bất nhân đánh trực diện vào thân con người này, đánh cả vào người đang sống, đánh cả vào người đã chết. Nó là một cái thẻ kỳ dị mà trong thời cũ ai cũng phải mang luôn trên mình

mình. Từ ngày có chính quyền cách mạng, mới xóa được cái thứ thuế đã man đánh vào đầu và thân người. Nhắc lại cái vết nhơ ấy của ngày cũ, hẩn nhiên độc giả thế hệ hai mươi tuổi nay không khỏi cho đó là một cái quái dị vị tất đã có như thế, hoặc hỏi nhau rằng sao cái sự xấu hổ đó lại có thể xảy đến cho con người!!! Thưa vâng ạ, sự xấu hổ ấy đã có, đã xảy ra cho xã hội An Nam đấy, và ta càng nên cảm ơn ông già Ngô Tất Tố đã ghi nó lại cho chúng ta. Để làm gì? Để mà có cái mà so sánh giữa đời sáng sủa bữa nay với cái đời tối tăm trước đây.

Đến Cách mạng 8-1945; chính quyền cộng hòa dân chủ của ta lén, thiêu ra tro tất cả bằng sắc mù áo do quan Tây vua ta ban phát, và cho cháy vèo luôn cái thẻ sưu. Và vĩnh viễn chấm dứt chế độ thuế định vốn đánh vào tuổi người tên người Việt Nam. Nhiều người đọc hồi ký cách mạng của lãnh tụ, còn nhớ đến những cái thẻ sưu mà tù chính trị mượn của người khác để dùng làm thẻ tùy thân những lúc vượt ngục để quốc (như cái chuyến vượt ngục Sơn La đó).

Ngày nay có nhiều người chỉ còn nhớ mang máng hình thù mặt mũi cái thẻ sưu của thời kỳ mất nhân cách đó. Có lẽ, lại phải chạy vào Viện Bảo tàng Cách mạng thì mới thấy lại cái thẻ sưu của thời kỳ phi nhân văn chủ nghĩa đó! Chế độ ta xé biến cái thẻ sưu, tội cho đó là một việc cụ thể để chứng tỏ phẩm chất

nhân đạo nhân tình của chế độ ta; (nhưng, theo chồ tôi biết, thì hình như sách báo cũng ít nhấn vào nét này, phải chăng là vì coi nó chỉ là một chi tiết xoàng của chính thể?). Không, không xoàng đâu! Nó kinh khủng, nó xấu xa đến đều! Và lại cũng chỉ có những người đã từng phải hàng năm về làng “xin ông lý cái thè sưu” thì mới thấy hết cái sỉ nhục mang thè, thì mới thấy hết cái hả hê khoan khoái khi Nhà nước ta đốt hǎn thè sưu.

Tôi nghĩ rằng nếu cần cho thêm một cái nhan đề thứ hai nữa cho *Tắt đèn*, thì riêng tôi, tôi sẽ gọi nó là cuốn CÁI THÈ SUU. Nó là cái đối tượng của sự kháng cáo của sự tố cáo. Vì nó mà anh Dậu bị nhục hình, vì nó mà chị Dậu bán con. Vì nó mà chị Dậu phải đi ở để trả nốt suất sưu nữa cho một người em chồng “chết dở năm Tây (...) nếu chết chẵn năm Tây thì mới được trừ”. Chính vì cái thè sưu đó mà chị Dậu hai lần bị cưỡng dâm ở mấy cái tư-thất-công-đường-nhà-thổ. Cái thè sưu chính là một cái chủ đề cụ thể trên cái đề tài mênh mông đau xót của nông dân ta chưa có Cách mạng cứu thoát. Cái thè sưu có thể coi như một hiện vật, một tang vật cực kỳ phản diện của mặt sống cũ. Nếu lại cho tôi vẽ tinh vật hoặc vẽ bìa *Tắt đèn*, thì tôi sẽ trang trí hóa một khuôn mặt thôn nữ vuông chữ điền, bên cạnh đó là một miếng thè sưu. Hình bìa thè, đủ triện đồng chữ nhật cộp vào, và hǎn lên những

chấm điểm chỉ. Hoặc xoắn lên cái vân da tay đốt ngón tay cái, nó là cái chữ ký thê thảm của người bị mù chữ, trong suốt một thời mù đó.

Thứ phải nói thêm về cái thuế thân đó.

Thuế thân có từ Chúa Trịnh. Chúa Trịnh đặt ra thuế thân từ năm Quý mão (1723) niên hiệu Bảo Thái thứ tư. Mỗi năm, mỗi suất định phải đóng 1 quan 2 tiền (tôi không rõ là tiền đồng hay tiền kẽm, và so với thời giá đồng bạc thì nay là bao nhiêu). Các triều vua ta sau đó, vẫn bắt đóng thuế thân. Tây sang cũng vẫn đánh thuế thân, lại càng đánh thuế thân. Thuế thân từ năm 1897, mỗi người dân Bắc Kỳ tăng từ 5 hào lên 2 đồng rưỡi, gọi là thuế định (!). Chúng gọi là trực thu, chúng còn bày ra nào là nội tịch, ngoại tịch. Lại còn thuế vô sản, thê bần cùng 1 đồng. Giữa thời đế quốc Pháp đã cấm cờ tam tài trên nước ta để thu thuế thân, thì đặc biệt có 4 tổng của tỉnh Bắc Giang, Pháp không dám động đến. Nhân dân Bắc Giang, ở 4 tổng đó không phải đóng sưu, mà mang giấy thuế thân. Ấy là những người dân trên “đất Đê Thám” trong thời kỳ Hoàng Hoa Thám ngừng bắn Pháp lần thứ hai. Đất 4 tổng quanh Nha Nam (Bắc Giang) coi như khu căn cứ giữa một xứ Bắc Kỳ đã chiếm đóng từ hồi cuối thế kỷ XIX bắc cầu sang đầu thế kỷ XX. Dân “4 tổng Quan Đê” sống như trên một hòn đảo tự do, không biết gì thuế định mà Hoàng Hoa Thám đã xóa hẳn.

Được 11 năm. Và quý đẹp vây thay, cái cù chì xóa sưu  
của Đề Thám! Cho tới 1909, Pháp trở mặt đánh vào  
đất riêng Đề Thám, và lại đặt lại thuế đinh và thu  
vết thuế đinh thuế tiền.

Để làm tài liệu tham khảo thêm về sưu thuế thời  
cũ, xin trích dẫn ít đoạn văn xuôi của nhà thơ yêu  
nước Nguyễn Thuượng Hiền, trốn sang Nhật Bản và  
viết ra vào hồi đại chiến thế giới lần thứ nhất. Những  
đoạn này rút ở bài *Rơi nước mắt mà bàn về cuộc bể*  
*dâu* (trong THO VĂN NGUYỄN THUỢNG HIỀN của  
Lê Thước, Vũ Đình Liên). (Những đoạn trích in chữ  
nghiêng dưới đây, là do tôi. Ng.T.).

*"Về thuế đinh, thì từ 18 tuổi trở lên mỗi năm phải  
nộp tiền thuế ba đồng. Chúng cấp cho một miếng giấy  
gọi là thẻ thuế thân, ai không có thẻ ấy gọi là lậu  
đinh, bị phạt rất nặng. Chúng chọn những kẻ hung ác  
làm cảnh binh, dùng kháp trên ngả đường khắp nơi,  
để khám thé thuế thân của những người qua lại, ai  
không có thẻ liền bắt giam vào ngục làm tù, mân hạn  
được tha thì phải chịu tiền phạt gấp đôi tiền thuế  
thân. Về phần cảnh binh, hễ trong một tuần lễ mà  
không bắt được một người trái phép thì cũng bị phạt  
nặng, nên họ phải tìm cách buộc tội cho người, để khỏi  
tội đến mình. Vì thế, có một người lái buôn đi qua  
đường trong một tinh kia, cảnh binh khám thẻ thuế  
thân xong, liền vò nát thẻ ra, bỏ vào miệng chực nuốt.*

*Lái buôn hoảng sợ với bóp chặt lấy cổ để cho khỏi nuốt trôi, cảnh binh không chịu nhả, lái buôn sợ mất thẻ bị tù, cũng không chịu buông tay. Hồi lâu chú cảnh binh tắc hơi rồi chết. Việc này đem ra Tòa xử, lái buôn cứ thẳng thắn khai đúng sự thực. Tòa sai mở thi thể cảnh binh ra, khám thấy trong cuồng họng còn nguyên những mảnh thẻ”.*

*“Những người ở thành phố, ngoài thuê thán ra mỗi năm còn phải nộp hai đồng, gọi là thuê vãng lai. Có nộp thuế ấy thì hàng ngày mới được tự do đi lại trên đường phố. Sau khi đã nộp hai đồng, chúng cấp cho một cái thẻ dán ảnh mình vào, cảnh binh khám thẻ thấy người đúng với hình trong ảnh mới cho đi, chứ không thể người nọ mượn thẻ của người kia được. Người ở các làng mà có việc gì phải ra thành phố ở quá ba ngày, thì phải nộp tiền linh thẻ, không thì bị phạt cực nặng (...), ngay đến tiểu tiện, đại tiện cũng phải trả thuê mỗi tháng sáu hào (...). Chẳng những thuê người còn thuê chó nữa. (Lại vẫn chuyện chó! - Ng.T.). Ở thành phố, ai nuôi chó, mỗi con mỗi năm phải nộp một đồng, sẽ được một mảnh thẻ đeo vào cổ chó. Hễ chó chạy ra đường mà không có thẻ đeo thì chủ nuôi phải phạt ngay. (...) Tóm lại ở trên mặt đất, một ngọn cỏ, một gốc cây, một viên ngói hòn đá, nếu có thẻ dùng được việc cho người, đều ghi vào trong sổ thuê của chúng cá (...). Trên các đường đi thì thuê xe,*

thuế ngựa (...). Còn thuế đờ, so với các thuế khác lại là một khoản thuế to nhất, vì nước tôi, đường sông chằng chịt như mắc cùi (...)

“Công ty thuế rượu, đã được chính phủ Pháp giúp đỡ, nên không còn sợ sét gì, hàng ngày sai bọn tuẫn định đi lùng khắp các làng, hoặc vào tìm sục tận trong buồng từng nhà, hoặc theo dò từng người đi. Quanh năm âm ý như đi bắt giặc. Hễ bắt được ai nấu rượu, dù một hũ, cũng phạt tối ba bốn trăm đồng. Ai nghèo không nộp được tiền phạt thì bắt thân thuộc phải nộp. Thân thuộc không nộp thì bắt xóm làng nộp thay (...). Thuộc huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, một thôn nhỏ có hơn 100 nóc nhà mà phạm về tội nấu rượu tới hàng trăm người, vì dân thôn ấy xưa nay phần đông làm nghề nấu rượu bán. Viên Công sứ Pháp sức cho viên Tri huyện bắt những người nấu rượu và xóm làng phải nộp phạt chung. Bắt giam lần lượt suốt năm (tức là đi tù tập thể và luân lưu - Ng.T.) số tiền nộp phạt vẫn không đủ. Dân thôn ấy phải lên cầu viên Tri huyện: xin nộp hết ruộng nương của mọi người trong thôn, để thay tiền phạt và tha cho sự bắt bớ, giam cầm. Viên Tri huyện trình lên, Công sứ cho chiết giá bán ruộng, lấy tiền nộp vào công ty rượu. Thành ra thôn đó sau này chỉ có người mà không có ruộng nữa”.

“(...) Quảng Nam, một tỉnh ở phía Nam kinh thành nước tôi, dân bị đánh thuế quá nặng, mới kéo nhau đến dinh Công sứ, xin tha số thuế mới tăng. Công sứ không nghe, lại sai quân lính ra xua đuổi, bị đáy sa xuống sông, chết đuối mất ba người. Nhân dân căm giận, đem ba xác chết đặt trước cửa dinh Công sứ, rồi mấy nghìn người bận khăn áo trắng, xúm quanh kêu khóc vang trời dậy đất, đến một tuần lễ không thôi. Họ còn ném ngổn ngang trên khắp các đường phố. Viên Công sứ phải đánh điện trình viên Khâm sứ. Khâm sứ đến hỏi: “Vì sao chúng bay làm loạn?” Dân đáp: “Chúng tôi không có một mẩu sắt trong tay, sao gọi là làm loạn? Chỉ vì thuế khóa quá nặng, không thể nộp được, cho nên chúng tôi phải cùng nhau đến kêu”. Khâm sứ nói: “Chúng bay nghèo nàn đến nỗi không nộp được thuế cho Nhà nước thì chết đi còn hơn”. Nói xong liền sai lính Pháp vây bắn, chết đến mấy trăm người, máu chảy thành vũng, bây giờ dân mới chịu tan...”.

\*

\* \* \*

Trong *Tắt đèn*, có một nhân vật chết. Nhân vật đó chết, nhưng rất cần cho không khí tối đèn. Nhân vật ấy sinh sôi với cái trật tự ngày đó của sự sống. Nó

sinh sụ và sự (của truyện) cũng sinh ra thêm từ cái đầu mối chìm đó. Nhân vật chết kia làm cho các nhân vật sống khác có mặt nơi truyện được hoàn bị hơn trong mọi xử sự hoặc thiện hoặc ác. Ấy là vai Hợi, em chồng chị Dậu. Hợi hoàn toàn là nhân vật cách mặt khuất lời. Chỉ thấy chị Dậu nói về Hợi “cánh tay phải của cả nhà. Còn chú nó, chúng cháu đâu đến nỗi khổ sở như thế này!”. Hắn Hợi là một trong những lao động chính của gia đình Dậu. Hợi chết, nhưng mà chuyện của người nghèo Hợi chưa chịu chết. Hợi thì xanh cỏ mò rồi, nhưng số thuế định lý trường vẫn chấm lấy tên. Quan Tây và vua quan ta dựng cái xác chết Hợi dậy, đòi cho kỳ được cái suất sưu “món nợ Nhà nước” đó. Cái người chết Hợi như một thứ tang trùng làm chết lây đến người trong nhà. Chị Dậu đã bán hết tất cả mọi thứ có thể phát mại được để trang xong cái thuế định cho chồng. Nhà đương chức mới cho hay thêm rằng còn suất sưu của người chết Hợi nữa. Chị Dậu lại lân đùng ngã ngửa ra, vứt cả chồng cá con lại, đâm bỗn ra tinh, bán sửa mình cho cửa quan, để xong nốt thẻ sưu cho người chết.

Người nghèo chết ai la thiệt cho sự lao động làm ăn nhà này. Nhưng người nghèo chết còn có nghĩa là chưa hết tội, chưa hết nợ. Người sống đóng thuế định, mà người chết rồi vẫn đóng thuế định cũng như ai. Người ta thường nói rằng dưới thời cũ, nông dân chịu

những hai tầng áp bức. Tôi muôn hiểu câu đó ở cá cái khía thuế thân này nữa. Chông thêm người chết lên người sống mà đánh hai tầng thuế. Thuế định là “món nợ Nhà nước” và những người sống thân nhân của người chết, phải trả nợ đây cho người chết, nếu họ còn muôn được sống để mà hit thở ti khí trời chưa ai đánh thuế tới.

Tôi không thể không liên tưởng tới một cuốn tiểu thuyết Nga; của nhà tiểu thuyết hiện thực Gô Gôn, cũng có đoạn nói đến những nông dân đã chết rồi mà vẫn chưa yên chôn dưới má đất. Trong truyện dài *Những linh hồn chết* của Gô Gôn<sup>(1)</sup> cũng thấy kể sống đào bới lên những nông dân đã chết rồi. Trong *Tắt đèn*, một linh hồn murich An Nam cũng làm nền nhạc u trâm để đệm cho một đoạn bì ca về làng cũ An Nam.

Ở *Những linh hồn chết*, nhân vật Sitsicóp của Gô Gôn, bằng một giá mua rất rẻ, đã đi vơ vét những tá điền nông nô chết rồi tại các trại áp những địa chủ thời Nga hoàng nông nghiệp lạc hậu. Nó mua lại tất cả những nông nô chết này, đem danh sách ra cầm cho nhà băng lấy tiền. Ngân hàng bị nó lừa, vì tưởng

(1) Nghe nói đang dịch *Những linh hồn chết*. Tôi lấy làm hoan nghênh việc này. Và mong sớm được thấy kiệt tác văn học Nga đó trong tủ sách Việt Nam, nhất là ở tủ sách những bạn không đọc được ngoại ngữ nào.

nó có vốn thật nông nó là một vốn tiền lưu động của địa chủ Nga. Còn ở *Tắt đèn* thì có những người nông dân đã chết rồi, cái thịt nghèo của mình đã thành phân bón cho cây lúa cùm mọc trên mảnh đất mình vỡ ra và bon khác xỉ đoạt mắt - đã chết rồi, mà thực dân và phong kiến vẫn còn dựng dây để bóc lột tiền một lần nữa. Ở nông thôn Nga hoàng xưa kia và ở nông thôn Việt Nam trước đây, người nông dân đều là một sự chết mòn. Và qua hai cuốn *Những linh hồn chết* và *Tắt đèn*, đều thấy rằng người nông dân, sống đã không sống được, cho đến lúc đã chết rồi mà vẫn chưa yên thân, mà chết. Ở đây, không phải là cái chuyện đem đụ Ngô Tất Tố với Gô Gòn; hai tài văn khác nhau: không so đố cao thấp sâu rộng của văn tài hai bậc ấy, nhưng tôi không khỏi ván vương về cái chỗ gấp nhau, giữa hai thanh khí văn học đó.

Gô Gòn chết trước Ngô Tất Tố được một trăm linh hai năm. Vậy mà tôi cứ nghĩ rằng hai người đó là cùng một thời, có cách nhau chàng thì chí là xa nhau trong không gian: giữa hai tổ quốc hai nhà văn yêu nước, có cả một cái Xiberi ngày nay đang cơ giới hóa, điện khí hóa nông nghiệp. Nếu người ta thật là có linh hồn, thi hai con người bất tử đó phải tìm tới nhau ở dưới đó, mà ban thêm về cái chết bình phương nhân gấp lên của nhân vật mình. Và cả vé cái sống cùng bình phương ma bội tāng của nông dân xã hội chủ

nghĩa và cộng sản chủ nghĩa hôm nay ở quê mỗi người.

*Tắt đèn* là một câu chuyện buồn của người nông dân lao động diễn biến ngay ở nông thôn. Có bi buồn, nhưng không phải là trát nhẹ nỗi vào thực tế. Câu chuyện nông dân đây không diễn ra ở mặt ruộng đất, mà lại chỉ diễn ra ở một vài nơi công đường tư thát, loáng thoảng qua một cái phố phủ có hàng quán, qua nhà một tên nghị viên dân biểu địa chủ, và nhất là ở một cái đình làng. Nghé vào cái đình làng, thấy bộ mặt quan lại và thực dân, và những cái râu ria tổng lý kỵ lê của nó. Nó chính là thứ rắn hổ mang, rắn cạp nong có hai đầu, và đầu nào cũng đốt chết người cá. Tội ác của phong kiến ta thông lưng với đế quốc Tây có nhiều mặt nhiều nét. Cướp nước, cướp núi, cướp sông, cướp biển, cướp rừng, cướp phố, cướp đồng ruộng và đoạt hôn người, đoạt những linh hồn người đã sống dơi trên những mảnh đất nước ấy. Sự áp bức bóc lột cả hai thằng kè cướp ngày, thật là đủ cách. Nó lột người bằng thuế đánh vào cái này cái kia, nó còn lột truồng người ra và dán lên sự lõa lồ thân hình ấy một cái thẻ hai đồng bảy hào Đông Dương. Mà “thẻ vô sản” thì cũng phải đóng một đồng. Tổ khổ cho nông dân. *Tắt đèn* không nói ruộng đất tò; *Tắt đèn* xoáy vào cái thứ thuế định bất nhân đánh vào đầu người hang năm. *Tắt đèn* là câu chuyện khốn khổ của người

làm ruộng nghèo phải bán con, lìa nhà, đi ở vú (nếu chưa là đi ở thồ, đi ăn mày, đi chét đường chét chợ) để chạy cho xong một cái thẻ sưu. Cái thẻ thuế người thì vĩnh viễn ra tro rồi, nhưng *Tắt đèn* vẫn sống ở một thời đại đánh thuế vào mạng người, đánh thuế vào hồn người sống và cả vào xác người chết. Phải nói ngay ra là chúng ta đang sống giữa một chế độ tuyệt đối không có sưu thuế gì đánh trực diện vào con người. Thế hệ trẻ không trực tiếp sống cái thời kỳ tối tăm tráng特朗 kinh tỤm đó. Nhưng tại sao tuổi trẻ thuần khiết lại xúc động được với những con người "ngày xưa" đau khổ phức tạp như thế? Người độc giả trẻ tuổi không trực tiếp sống cái thống khổ của những nồng dân tiền khởi nghĩa đó, nhưng đọc *Tắt đèn*, họ xúc động với những nhân vật ngat thở của nó. Trong *Tắt đèn*, cái gì đã làm cho họ xúc động? Cái cốt truyện ư? Câu chuyện ư? Người trong truyện ư? Cai cách kể lại dựng lại câu chuyện ư? Mới hay cai cách kể chuyện, cái cách dựng truyện thật là quan trọng. Cũng trong nội dung *Tắt đèn* đó, người khác kể hoặc dựng thì có thể là rung động kém đi, hoặc không rung không động gì cả. Mà Ngô Tất Tố kể thì xúc động như thế đó. Và tôi tin rằng khi tất cả những người nồng dân nước ta được nâng cao mãi văn hóa, thi rồi đây họ càng thường thức *Tắt đèn*, như bắt cứ ai có trình độ tinh tế về mỹ lý, mỹ học, về văn chương, về văn

học. Nông thôn Việt Nam rồi sẽ cơ giới hóa mãi lên, rồi sẽ không bón phân người một cách tự nhiên chù nghĩa nữa, rồi sẽ hóa học hóa phân bón, rồi sẽ điện khí hóa. Tôi muốn vẽ phác trước ra cái ngày hạnh phúc chung đó. Và trong cái vui ấm đó, ở nông thôn xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tôi nghĩ rằng chị thôn nữ và anh trai làng xã hội chủ nghĩa đến thư viện nhà văn hóa xã, ngoài những tiểu thuyết mới nhất, vẫn thích mượn cuốn *Tắt đèn*, mặc dầu những hình ảnh *Tắt đèn* rất là xa lạ với họ, xa lạ hàng thế kỷ chính trị, hàng thế kỷ kỹ thuật canh tác. Quanh họ, quanh họ hợp tác xã quanh nông trường, họ biết rằng không còn có anh Dậu, chị Dâu nào nữa. Nhưng người đọc già tại thư viện hợp tác xã ở nông thôn mặc điện sau nay vẫn cảm thông với thàm kịch *Tắt đèn*. Quanh họ, là ánh sáng, ánh sang do Đảng đem tới và cho tỏa ra trên khắp đồng ruộng. Cái bong tối của lang cū đã xua tan rồi. Chính vì cuộc sống nay đã có ánh sáng mà họ càng xót thương cho giai cấp mình đã có một lúc - một lúc dài hàng bao nhiêu triều đại phong kiến và cả một thế kỷ Tây chiêm đóng - sống trong cảnh tắt đèn thường trực. Họ biết rằng từ chỗ tối đát đó họ đã đi ra. Đảng đã đưa họ ra chỗ sáng giờ. Vợ chồng chị Dậu cũng là những con người túng đát tối đát đó. Dựng *Tắt đèn*, Ngô Tất Tố chưa nói được Đảng, nhưng

đã nói được về quần chúng, những con người quần chúng cơ bản, những con người nông dân nghèo mà tốt. Chi Dậu tiêu biểu cho cái lẽ phải thông thường của những con người nông dân lành mạnh. Cây lúa thèm ánh sáng như thế nào thì chị cũng tuông ra khói bóng tối như thế. Trong thời cũ, văn học và văn chương chỉ diễn tả những tâm trạng phụ nữ thi dân, và thần hoặc có châm phá đến phụ nữ làng thì chỉ đưa ra những nét thôn nữ dịu dịu, Ngô Tất Tố đã đưa ra, đã dám đưa ra một nhân vật đàn bà nông thôn khỏe khoắn lành mạnh như chị Dậu. Tôi cho đó là một bằng chứng có giá trị mà Ngô Tất Tố đã góp được vào Viện bảo tàng con người Việt Nam tiến lên, tiến lên dưới cờ Đảng. Tôi nghĩ rằng nếu tôi còn trong cái tuổi cấp sách đều đèn trường đại học, thì tôi phải có luận án văn khoa ở đại học về "Người đàn bà trong Văn học Việt Nam", và tôi không thể không tán bàn đến chị Dậu của đoàn thiên Ngô Tất Tố. Trên cái tôi giới tôi đất của đồng lúa ngày xưa, thấy sừng sững cái chân dung lạc quan của chị Dậu. Chân dung chị Dậu con thiếu cai ánh sáng Đảng chiếu vào, nhưng mặc dầu thế, tôi vẫn quý tấm tranh phụ nữ này. Dòng cuối cùng của Tất đèn: "Trời tôi như mực và như cái tiên đồ của chi". Tôi thật, tôi quá lầm, sự sống đến như đời sống chị Dậu thì tôi xâm cả mặt người đọc truyện hai mươi năm sau này. Nhưng câu kết của Tất đèn không hẳn là một câu tiêu cực. Nó có hiện tượng bí quan,

nhung không là tiêu cực về bản chất. Bản chất của nhân vật chị Dậu rất khỏe, cư thấy lân xả vào bóng tối mà phả ra. Một nhân vật khỏe và mạnh như chị Dậu, có thể ngừng cuộc đời mình ở đây không? Hay là nó phải tuông ra khỏi cái tôi như mực? Vì cái tiền đồ tôi như mực ấy mà không tuông ra khỏi thì sao có sống được? Tôi ngờ câu kết này cũng mới chỉ là cái chấm hết một thiên của truyện dài. Với một cái tiền thân ngay thẳng lành mạnh như vậy, tôi nghĩ rằng chị Dậu thế tất phải có một hậu thân trong các đoàn thể cách mạng; và tôi nhớ như đã có lần nào, tôi đã gặp chị Dậu ở một đám đông phá kho thóc Nhật, ở một cuộc cướp chính quyền huyền kỳ Tổng khởi nghĩa; và nếu không thì, chí ít, tôi cũng đã gặp chị vào những ngày địch hậu o ép, chị tài thương hoặc dậy nấp hầm bờm cho cán bộ cơ sở. Đúng thế đấy, Tất đèn chỉ là một đoán thiêng. Lúc bấy giờ chưa có cách mạng ruộng đất, ma đã có những ngôi bút dồn nhân vật nông dân mình vào chỗ chán tương, dồn đến cái mức người độc giả có suy nghĩ phải ý thức ngay được cái tuông ra tất nhiên của nhân vật. Tôi cho đó là dư vị chính trị của Tất đèn.

Đọc xong rồi cả tập *Tất đèn*, mà trong cảm quan trong lô gich mình, không thấy lóe ra ít nhiều dư vị chính trị đó, thì cũng nên tự phê bình nhiều hơn là đi phê người, - phê người ta sao không vặn to lên tí nữa cái bắc đèn nơi mình ít chịu hút dầu.

## THỜI VÀ THƠ TÚ XƯƠNG

“...còn tưởng tiếng ai gọi đó”

1. Quê Nam Định của Tú Xương
2. Thơ Tú Xương vừa hiện thực vừa trữ tình
3. Giọng cười trong tiếng nói Tú Xương
4. Thực tế thi cử chữ Hán trong thơ Tú Xương.
5. Cải lầm của Tú Xương là đã đánh vào  
chữ Quốc ngữ
6. Nếu Tú Xương đồ Cử nhân

**D**ọc thơ Tú Xương, thấy bát lên một địa phương. Về địa lý cả nước ta được phản ảnh vào phú và thơ Tú Xương hình như cũng chỉ thây mỗi một địa phương đó mà thôi. Ấy là vùng Nam Định. Trong thơ Tú Xương, trong phu Tú Xương, chỉ rất có cảnh Nam

Định, sự Nam Định, lời Nam Định, người Nam Định, nhất là cái đám quan to lại bé, tiểu thương tiểu chủ. Nói chung là cái đám gai cắp tiểu tư sản vào lúc dở giáng dở đèn Tây về mờ rộng tinh. Toàn là thực tiễn Nam Định, Nam Định đã quán triệt toàn tập thơ phú Tú Xương (Trừ ra mấy câu dưới đây là vượt ra ngoài phạm vi địa lý Nam Định :

*"Hay minh thấy tờ nay Hoàng Thao  
mai Phố Giấy ma bụng mình ghen..."*  
*"Nay đi Phố Giấy, mai đào hát,  
Khi ở Sóng Thương, lúc tinh Hà..."*

Câu trên, ở bài văn té sống vợ. Câu dưới ở một bài thơ cảm hoài. Chỉ ở hai câu đó, là có nói đến những địa danh ngoài khu vực Nam Định, là thay nói đến Hà Nội, như cái phố nhà hát à đào Hàng Giày; thay nói đến con sông Thương của tỉnh Bắc Giang).

Ở đồi sông hàng ngày, không rõ nhà thơ ngông Tu Xương đã giang hô phiêu bạt tới những đâu, nhưng ở thơ Tú Xương, chỉ thấy toàn một màu Nam Định. Co cái ve như Tú Xương khoanh riêng ra cái vùng Nam Định đó mà cấy thơ mình vào. Tính địa phương trong thơ Tú Xương nó độc đáo và nó đã tạo chiều sâu, tạo thêm nét sắc cho phong cách hiện thực của nhà thơ. Tính địa phương đó (nó không phải tư tưởng địa phương chủ nghĩa) đã có gop phần vào tính dân tộc của thơ Tú Xương.

Trước khi đặt chân vào miền thơ Tú Xương, ta hãy cung nhau lướt qua cái vùng Nam Định ấy. Hiểu thêm một thành phố sinh quán trú quán đó của nhà thơ, để càng hiểu thêm thơ Tú Xương, và hiểu thêm một con người thơ của tỉnh Nam Định.

\*

\* \* \*

Thói thường, mỗi khi diễn ra một tình nào, người ta hay hô sòng hó núi vùng đó ra. Tên sông tên núi gần như là tên hèm của một tình. Nhắc đến người của Nam Định, trước đây người ta hay gọi một cách văn hoa là khách Non Cội Sông Vị<sup>(1)</sup>. *Sông Vị* là Sông Vị Hoàng sau này bị lấp đi. *Non Cội* là núi Gôi ở ngay chỗ ga Gôi cạnh đường xe lửa Nam Định đi Ninh Bình. Núi Gôi không có rừng rậm, không làm tuyên, nó rộng khoảng một cánh ruộng, nó to như một quả gò, cao bằng một quả đồi. Người chủ một vườn hoa cá thể ở một vung bao la đất thịt quý một hòn non bộ như thế nao, thì cả tỉnh Nam Định quý cái núi Gôi như vậy. Trên một vùng bình địa mà những cái nhỏ lên theo chiều cao hâu hết là những nóc chuông nhà

(1) Thơ Tu Xương mừng người trong họ cải nhà mới ở tỉnh Nam, cũng có câu: Nhà gỗ nằm giàn lớp lá gối - Trồng đồng Sông Vị tua con Cội

thờ đạo, nhất định người ta phải quý cái cao điểm Non Côi (Gò) đó. Thêm nữa, Non Côi lại là nơi hang nấm hay có hội hè. Nó là cái địa điểm tập kết của mua xuân cũ trên đất Nam Định. Quanh Núi Gò, đã trẩy hội bao nhiêu thế hệ trai thanh gái lịch của tỉnh Nam và của cả mọi người từ chiêng miền Bắc. Người ta *rước*, người ta *thi vật*, người ta *kéo chữ múa cờ*; những người trai trung các giải thi thường được thiếu nữ 9 huyện Nam Định kén làm chồng. Ngày hội vui quanh núi Nam Định này, còn là một cái hội chợ bán mua nông cụ đầu năm của gần 60 vạn nông dân tỉnh Nam (nay đến trên trăm vạn). Cái tẩm lịch xuân tươi của vùng Gòi đã được cá thơ dân gian ghi lại:

*Mùng một chơi cửa chơi nhà  
Mùng hai chơi chợ, mùng ba chơi đình  
Mùng bốn chơi chợ Quả Linh  
Mùng năm chơi Trinh  
Mùng sáu Non Côi  
Qua ngày mùng bảy nghỉ ngơi  
Bước sang mùng tám đi chơi chợ Viềng  
Chợ Viềng một năm mới có một phiên  
Cái non em đội cung tiền anh mua.*

Non Côi, Sông Vị thành ra một đôi câu đối của Nam Định, một vế đôi sơn, một vế đối thuỷ. Vế của núi thi vui như ca dao vừa nói đó. Còn vế sông thi... hơi buồn. Cái Sông Vị ấy lấp đi lâu rồi!

Sông Vị mất tích ấy ở về phía Đông phố Minh Khai (tên mới của phố Hàng Nâú cổ truyền). Hàng Nâú là một cái phố cũ, nhiều nhà gác cửa mắt cáo, cái nhô ra cái lùi vào như hàm răng khẽnh của một cô gái không đẹp nhưng rất có duyên. Phố có nhiều kiểu nhà lối kiến trúc cổ, trông dễ bồn chồn vương vít. Khi còn con Sông Vị ở ngay sau lưng phố, thuyền lái nâu vào sát nách phố Minh Khai này. Những cái cót nâu, bích nâu lù lù trên bến và trong nhà. Những dáng người tung nâu từ mạn thuyền tung lên, những tiếng đếm nâu, đếm từng củ một, nó không như tung gạch cắp díp đếm từng đôi một. Đúng với cái tên nâu sông của nó, phố Hàng Nâú xưa là một cái phố lam lũ của người lao động chân tay. Nó cũng là cái phố của những nhà nhỏ thanh bạch. Phố “thượng lưu” ngày xưa của thành Nam thì phải là những phố hiện đại lúc ấy như phố Carô Cửa Đông hoặc phố Bónbe nhiều ký phán, và quan tất và mọi thứ phụ tùng bốn xứ của bộ máy Pháp. Phố Hàng Nâú, cứ tan chợ chiều, là thấy diều qua những quang, gành, thúng, mèt của những người bán tôm tép rau cỏ nhì nhằng. Nó là một cái phố ngoại ô, cái phố bìa bao tĩnh, giống như xóm nghèò vẹo bắn ra ở tận chân luỹ tre làng. Nó rất đúng với cảnh trong thơ Tú Xương:

“Trời kia khiến vây sông nên bái  
Ai khéo xoay ra phố cá làng”.

Nam Định ít núi mà nhiều sông. Con Sông Vị lấp đi, nhưng con sông đào vẫn chảy cạnh thành phố công nghiệp, con sông đào Nam Định vẫn nối liền sông Đáy với sông Hồng, trung tâm phố cũ cách sông Hồng khoảng dăm cây số. Kế hoạch mở rộng Nam Định trong mươi lăm năm tới đây là sẽ dịch nó ăn ra mé sông Hồng. Ngày vui đó đang tới dần. Ờ, ngày đó, bên cạnh một số tượng vĩ nhân dựng lên cho Nam Định, có một pho tượng Tú Xương ở bờ sông, nghỉ cung hay. Tú Xương không gọi đò nan bên sông lấp nữa, mà nay ra hẵn cửa sông Hồng mà gọi thuyền máy. Trên bến mới, gợi lại một tiếng đò xưa của người cũ, thành phố chỉ càng đầm đà thêm!

Trong thời đế quốc Pháp chiếm nước ta, tỉnh Nam Định bị Tây đánh đi đánh lại hai lần.

Lần thứ nhất, vào năm 1873, ngày 12 tháng 12. Thành Nam Định ba cổng thành (cửa Nam, cửa Tây, cửa Đông) cùng bị đánh luôn một lúc, và thăng quan tư Gac Nhe (Francis Garnier) liền bắc thang leo vào thành. Lúc tai biến đó của cả tỉnh và thành Nam Định, Tú Xương được ba tuổi thơ. Mười năm sau, Tú Xương lên mươi ba, thì Tây lại đánh thành Nam Định lần thứ hai.

Thành Nam Định mất vào ngày 27-3-1883, dưới sự chỉ đạo quân sự của quan tư Rivie (Henri Rivière). (Có

phải đó là một cái duyên cái nợ gì giữa hai thành phố Hà Nội và Nam Định, khi hai tháng quan tư đánh Thủ đô Hà Nội đó lại vẫn là hai tháng tư lệnh Tây đánh Nam Định, để rồi hai tướng Tây đó cùng bị mất đầu dưới mả tầu Cờ Đen!).

Trước ngày Nam Định thất thủ lần thứ hai, quan tư Rivie gửi thư cho quan Tổng đốc Nam Định :

“... Vì sự tôn kính và lề độ trong quan hệ với chúng tôi, vì sự tu do đi lại của chúng tôi trên sông nước, vì sự an ninh của chúng tôi tại Bắc Kỳ, và để cho các vị khôi phục phá sự yên tĩnh, chúng tôi buộc thành Nam Định phải trả nên vô hại đối với chúng tôi từ nay. Va do các lẽ đó, quan lớn phải thân chinh trao lại thành đó cho chúng tôi!). Nếu 8 giờ sáng mai, ngài không thân hành tới pháo thuyền sơn trắng của tôi, tôi sẽ buộc tôi xử sự với ngài như là đối với kẻ địch”.

Thư nó gửi ngay 25. Ngày 26 nó bố trận, và ngày 27 nó đánh luôn ta. Tàu chiến một đoàn nó gồm những chiếc mang tên là *Cac bin*, *Gươm Thủ Nhì Kỳ*, *Lưỡi tầm sét*, *Chop*, *Tò te* (tôi dịch những tên Carbine, Yatagan, Hache, Surprise, Fanfare) cộng thêm một số tau thuỷ và thuyền gỗ. Đạo thuỷ quân đánh bộ cho đổ bộ đại bác từ pháo thuyền lên bờ. Nó đánh từ lúc sớm đã rõ mặt người, cho cột mìn vào thành, cột phá cửa Đông. Tên trung tá Carô (Carreau) ham phá cửa Đông

nên gầy chán, cưa chàm rồi chết. Tên thằng chết trân này, trùng với tên một thứ bài hoa bài ít xì (con rô), sau thành tên cho trai khố đô Nam Định, thành tên cho trường học Pháp Việt thành Nam, rồi thành tên cho một đường phố buôn bán chính của thành phố Nam Định. Nhưng mặc cho Tây gọi là phố Carô, cho đến mãi sau này, ta vẫn cứ gọi là phố Cửa Đông. (Cũng như Tây muốn lưu danh một thực dân quan văn Harmand đã bình định tỉnh Nam, đặt tên phố Hác Măng, nhưng người Nam Định vẫn cứ gọi phố đó là Cửa Trường - (trường thi).

Ha xong thành Nam Định được 9 ngày, Tây đặt luôn sở Đoan thu thuế (để vét cho nhanh về kinh tế!) và sau đó liền thiết lập luôn đồn quan binh. Và lính Pháp liền đi đốt Trường Thi. Bộ máy đàn áp của nó lúc bấy giờ danh nghĩa chỉ có 28 văn võ Pháp, nhưng tay sai bốn xứ của nó đã đông như giòi chồ, ghê nhát là một tên cha cố ta mang tên thánh Phao Lô (Paulus Trinh).

Cũng cần biết thêm rằng Nam Định có 75 cây số ven biển, là đất phát triển đạo, thường niên lễ Xang ty, rước to hơn cả Hà Nội. Tỉnh Nam Định, cứ năm người dân thì có một người tin đạo Thiên chúa. Thiên chúa giáo Nam Định, phần lớn là các dòng Tây Ban Nha, có chủng viện đào tạo mỗi khóa tới 500 kê giảng. Sáu huyện miền Hạ trong tổng số 9 huyện tỉnh Nam

là rất vô khôi gác chuông nhà thờ. Những cái nóc chuông nhọn hoắt, xa trông chân giời cứ như là rừng cột buồm trên ngần bể. Tên cổ Váckiê là tay sai đặc lực của đế quốc, đầu độc thanh niên công giáo, và nhất là dụ dỗ người đi làm phu Tân Thế Giới và làm cu ly cao su Đất đỏ Nam Kỳ. Sau kháng chiến thắng lợi, bọn phản động du đồ và bức ép nông dân có đạo phải bỏ ruộng đi Nam tới ba vạn rưỡi người trong số mươi chín vạn giáo dân; từ trước ngay tiếp quản đã có 137 cha cụ phản động bỏ con chiên và đào ngũ thánh đường miền Bắc. Theo nguyệt san *Missi* chữ Pháp của giáo hội thì riêng địa phận Bùi Chu có 120 cha đạo bỏ lại con chiên mà vù chạy đi Nam.

Tỉnh Nam Định vừa là một đất van học, vừa là một đất có truyền thống chống Pháp, đóng góp tri днг vào các phong trào và các cuộc vận động chung trong nước. Phong trào văn thán, nhiều bậc khoa bảng và sĩ phu cùng nhân dân đều tham gia vào. Nhiều thanh niên ưu tú có dự vào các luồng xuất dương ra nước ngoài để vận động cách mạng. Lúc tổng khởi nghĩa, Nam Định giành chính quyền chỉ sau Hà Nội có hai ngày. Và lúc Toàn quốc Kháng chiến, quân và dân Nam Định giam chấn quân đội Viễn chinh Pháp trong thành phố Nam Định suốt ba tháng ròng. Thời chiếm đóng, thành tích du kích 9 huyện hậu dịch Nam Định đã góp nhiều vào việc tổng kết chiến tranh

du kích trong chiến tranh ái quốc vừa qua. Và hoa bình trở lại trên miền Bắc, Nam Định cũng là một trong những thành phố được giải phóng đầu tiên.

Thành phố Nam Định có cái thê và có cái sức lực của một thành phố tưa hàn vào một bên sông đào. Lúc còn Sông Vị Hoàng đổ ra sông đào, và sau này lắp Sông Vị Hoàng đó rồi, Nam Định vẫn là một cửa khẩu của một khu vực kinh tế. Dọc sông là chợ, là kho hàng, là các mỏ cát nhà buôn lớn, là gác nhà trọ, quán cơm, và những xe phò nghênh ngang cái hình tàu thuỷ có ống khói! Chạy song song với kè đá bờ sông là đường sắt nối liền ga chính ra tận bến tàu. Và trên đường xe lửa cạp láy bờ sông, những chuỗi dài chuỗi dài toa xám đòi ăn hàng đòi bốc hàng. Bên tàu lúc nào cũng dồn toa, đầu xe lửa xịch xịch xúplê cả ngày cả đêm. Và chao ôi, quên sao được cái tiếng còi tàu thuỷ và nhị hát xẩm Đà Quan Đà Chè!

*"Hồi cò thắt dài lưng xanh  
Có về Nam Định với anh thì về  
Nam Định có bến Đà Chè  
Có tàu Ngô Khach có nghề ướm tơ".*

Tiếng còi tàu thuỷ ngày đêm quanh năm vang vang trên sông đào. Hình như lúc nào cũng vô khôi người về người đi Hưng Yên, Hà Nội, Hải Phòng. Bên Nam Định như là một cái địa điểm sinh lý của đất tăng bo, luôn luôn nối tiếp lù lì những người vai tay

nải, nách chiếc chiếu, mà bước chân lên tàu, mà bước chân xuống tàu. Trước năm có phong trào Bình dân, ở cửa khẩu Nam Định, tàu thủy ăn bến nhà bến có tời gần bến ngan chiếc, nghĩa là tính đỗ đồng, tàu đi, tàu về bến mỗi ngày khoảng mười chuyến nhà bờ áp bờ. Nhìn vào số cuống vé, mỗi năm cứ trên dưới một triệu vé tau thuỷ.

Đoc sông và lùi sâu vào các phố rặng bừa, là những bích, những bô, những cột, những tràn, những mò càn, những kho. Kho chai, kho chǎn, kho chiếu, kiện soi, con tơ, thập trà Tàu, những dây giăng ra bao nhiêu là tầng cao ban long, cao quy bản, hàng gác thuốc bắc, hàng gian khô dầu, hàng dây nhà gác hươu, mai rúa, vây té té. Và các lầm thóc, đụn gạo, kho thóc, quầy ngô. Nước mắm và ruốc đặc, chum và kiệu cao bằng đầu người bằng cổ người cứ xếp hàng mà lập chính giữa các sân gạch. Mùi hồi quế lẫn với mùi mắm muối trà hương, mùi bao tải gạo hấp hơi. Túi bụi mà cản, mà ghi sổ, mà cho ra tàu thủy tàu hoả. Có già đình cả ngày chỉ cầm chổi quét theo mọi thứ rơi rụng trên hè, ở cầu tàu, ở bức toa, là đủ sống rồi.

Từ cái bến tàu thuỷ tới lắp, giờ ta đào vào một cái chợ tinh lắp nắp. Chợ Rồng. Đầu thứ miếng sông miếng chín. Hoa, lá, quả, tươi cũng đủ mà phai khô rồi cũng có. Đầu các mặt hàng của núi của sông của

bển, cửa đồng rừng của đồng xuôi, như bát cứ cái chợ lớn tự trong nào của những khu vực phồn vinh cả thật sự và già tạo. Nhưng đặc sắc nhất của Chợ Rồng mà không nơi chợ tinh nào sánh được là tơ tằm và chuối ngự. Tơ chín vàng, chuối chín vàng, lụa choé vàng. Màu hoa hoè nở rộ vào giữa mùa nhập trường thi chữ Hán ngày xưa, cũng kho ma đọ được với vàng chuối vàng tơ của Chợ Rồng chói lợi. Cái màu vàng giầy này lên ấy, tưởng chỉ có được trong nghệ thuật và tranh màu, chứ không ngờ nó lại ê hề giữa thiên nhiên và gian chợ tinh Nam. Tơ, lụa, chuối làm cả chợ rực sáng lên như nhuộm tăm trong một cái ráng trời óng lộng cuối mùa thu. Nó vàng một cách vừa êm mịn vừa nhộn nhịp, đồng đáo như mấy sân áo cà sa vàng sải Miên Lao. Tỉnh Nam là đất cũ vua nhà Trần<sup>(1)</sup> cung nữ đại Trần có truyền thống lao động, cai giông chuối thành ra tên là ngự ây, không biết có dính gì đến những ban tay cung nữ nhà Trần không? Chỉ biết rằng cả thiên hạ đều khen chuối ngự Nam Định là ngon thơm, và lành. Vỏ mỏng tang, ruột chuối ngọt ánh lên chất cát đường. Có những buồng chuối khi mình vén những tua lá chuối khô phù lén nò như những tấm áo nau cũ màu, thì thấy, leo ôi! Nó xếp tầng gác lên tới hai chục nải. Có người vì buồng chuối

(1) Cung Trung Quang, cung Trung Hoa này không còn nữa. Phù Thiên Trường cũ của nhà Trần nằm giữa thành phố Nam Định mở rộng ngày nay, chính là cái chỗ đang đào 32 vạn thước khói đất để làm hố bơi Vị Xuyên đó.

ngự mang từ Nam Định lên Thủ đô làm quà, mà đành đi tàu thuỷ; nó lâu thời giờ hơn tàu hoả ô tô, nhưng cho chuối đi tàu thuỷ nó đỡ bị lác, gãy, rụng, đảm bảo hơn. Tôi đã từng nghe một số bà con Nam Định hay nói: “Đọc thơ Xương, ăn chuối ngự”. Ý muốn khoe hai thứ “thổ ngời” quý giá của tinh Nam Định mình.

Nếu muốn thưởng thức cái thật ngọt thât lành, ngọt lành đến cái mức gái đẻ ngày xưa cũng không nỡ kiêng khem, thì xin mời nếm chuối ngự; còn mà muốn nếm sang cái vị chua mặn, mặn chát đi như ruộng đồng bể Nam Định, thì xin mời nếm vào thơ Tú Xương thành Nam chúng tôi!

Trước đây, thời đế quốc, Nam Định là một cửa khẩu thương nghiệp. Nay, thời cộng hòa dân chủ và xã hội chủ nghĩa ta, Nam Định là một khu công nghiệp to của miền Bắc. Nhà máy liên hợp không ngừng làm ra vài khổ rộng, khăn mặt, voan, xátxi, lụa kẻ, nhung ké. Hoàn toàn thay đổi khác hẳn ngày xưa là đời sống người thợ dệt nay đi làm có xe cơ giới, và ơ thi ở nhà lầu. Người ta thường nhắc đến cái khéo tay nên nếp của những nghệ thủ công tinh Nam thành Nam<sup>(1)</sup>. Người thơ ngõa, thơ mộc Nam Định. Người thơ tiễn, người thơ chạm, người thơ thêu Nam Định. (Những phương thơ chắc tay và hoa tay ấy đóng lại ở phố nào thành Nam thì tên phương tên nghệ họ

(1) Toàn tỉnh Nam Định có năm vạn thơ thủ công làm 72 nghệ khác nhau.

bóng chõc chuyển thành tên cái phố của Nam Định). Ngày nay, người ta nói đến tài năng trí dũng của người thơ dệt Nhà máy dệt liên hiệp Nam Định. Đại hội anh hùng lao động toàn quốc vừa rồi, hai anh thư là của nhà máy dệt Nam Định : Chị thơ sợi Nguyễn Thị Thạc và chị thơ dệt Nguyễn Thị Hiếu đều là chiến sĩ thi đua ba năm liền, đều là Huân chương Lao động hạng nhất. Bên cạnh nữ anh hùng của nhà máy dệt là anh hùng lao động Nguyễn Hữu Quyền của nòng trường Rạng Đông với những thành tích “đẩy lùi biển Đông”.

Tinh và thành phố công nghiệp nhẹ Nam Định đồng vui, rồi cang đồng vui hơn nữa, nhà máy ngày càng mở rộng thêm nhiều mải. Nông trường Rạng Đông sẽ thêm mải cõi ăn và chiêu nằm cho mọi người; nhà may dệt sẽ càng thêm mải vải vóc cho mọi người. Khoi các ống khói nha máy xày rồi và sắp xáy kia, sẽ cao hơn tất cả nóc chuồng mọi gác thiên đường trữ tượng. Va sự no lành ngon đẹp của Nam Định ngày càng đi vào cụ thể. Lúc này, nghĩ càng thấy thương nhớ tới anh thi sĩ kiết thiêu áo Tú Xương ngày xưa vẫn đụp cái áo bóng rạch giữa cái mùa hè. “*Bức sợi nhưng mình vẫn áo bóng*”, “*Một tuồng rách rưới con như bô*” và bố thí ốm đóng áo bóng đụp ra tiếp khách.

Tôi nghĩ rằng kinh tế Nam Định phát triển thì nên vinh hoa của đất van học Nam Định ngày lại càng mở

mang. Và tới một lúc nào đó, những người thợ máy dệt Nam Định sẽ đòi cho Tú Xương phải có một pho tượng dựng ngay giữa thành phố Nam Định giàu có cả về vật chất lẫn tinh thần. Họ có thể sẽ trích ngay quỹ phúc lợi của họ ra mà đổ vào cái khuôn tượng nhà thơ Nam Định tinh họ.

Pho tượng ấy nay còn đang hình thành trong lòng người này người nọ, nhưng hôm nay đây, chúng ta đã có bia cho Tú Xương rồi. Mặc dầu nó mới chỉ là một tấm biển sắt treo lên tường vôi, chứ chưa phải là bằng đá trắng đá xanh bia cổ truyền, hoặc sơn mài dân tộc, mặc dầu thế, tôi vẫn cứ thấy cảm động. Tấm bia ấy dựng tại giữa nhà ông Tú ở phố Hàng Nâu Nam Định. Trong một mai nha gạch cổ, kiểu rất cổ, giữa một cái phố cổ thật la đúc đáo, một ngày mùa đông 1961, tôi tân ngán trước một tấm bia:

“Nơi đây, nhà thơ Trần Tế Xương tức Tú Xương (1870 - 1907) đã sống với gia đình, đã ngâm vịnh văn thơ và trao đổi tâm sự với bạn bè, trong đó có cụ Phan Bội Châu và một số nhà nhò nhè nước khác.

“Nơi đây nhà thơ Trần Tế Xương đã sản sinh<sup>(1)</sup> và lưu lại cho kho tàng văn học Việt Nam những kiệt tác

(1) Cái sơ sơ ra ơ thơ Tu Xương là ít dung tại chữ Hán. Nay tôn trọng và kỷ niệm cái tài thơ nòm đó, có nên đưa vào long bia nhưng cái thứ ma chinh nhà thơ ấy vốn không ưa thích không?

có tinh chất thơi thê và đặc biệt có tinh chất đá kích mạnh mẽ vào chế độ xã hội đương thời, một xã hội phong kiến suy tàn dưới triều Nguyễn, một xã hội lỗ láng bì ối của thời kỳ đầu thực dân Pháp xây dựng nền đô hộ trên đất nước ta”.

Tôi không thêm lời về cái lối văn bia đó. Mà ở đây, tôi chỉ muốn toàn tâm vào sự quý mến tấm lòng của những người sống đang biết ơn kịp thời tới một người thơ. Một người thơ, một nhà thơ vốn nhiều công đức trong cuộc trường kỳ xây dựng tiếng nói văn học của dân tộc Việt Nam.

## 2

Chữ thơ Tu Xương rất nôm na, nghĩa là rất ít chữ Hán. Tiếng thơ chân chất rõ ràng, ít dùng điện cò. Và lúc cần тор, thi cũng rất la bay bướm, lâm ly. Nó đủ mùi vị ngọt chua, đắng chát, nghịch ngợm, trang trọng và nhiều khi trong bốn cột lại đong nhiều thiện ý. Phong cách hiện thực, trao phúng của Tu Xương kèm theo một phong cách trữ tình. Nói chung thơ Tu Xương rất ít chữ ngoài, ưu điểm thơ nôm Tu Xương cũng là ưu điểm một phái thơ nhiều tinh thần tộc.

Ở đây, không nói hết được cái gian sang của phương pháp hiện thực Tú Xương<sup>1)</sup> mà tạm lọc ra ít nét ít bài, gọi là rao lên một số đức tính của tiếng nói Tú Xương. Trước hết xin nói về tai đối trong thơ Tú Xương.

Thơ bảy chữ tam câu, câu 3 và câu 4, câu 5 và câu 6, phải đối với nhau, mới là trùng cách. Đối ý, đối lời, đối chữ, đối câu. Cái khó ở đó và cái hay cũng ở đó. May câu có đối này lại là cái xương sống của bài thơ.

Đọc thơ tam câu của Tú Xương, ở nhiều bài bất cứ Tú Xương, thấy nhiều câu đối nhau chan chát, mà chữ dung xem ra như là không phải tìm kiêm vát vã, không phải chọn lọc công phu gì cả. Но đáp nhau hơn là đối nhau, nó vẫn đối nhưng đức tính của nó là nói nhau hơn là đối nhau. Nó cứ tròn èm đi thôi.

*“... An mac vẫn ra người thiếp thẻ  
Giang hồ cho biết bạn tương tri...”*

(Tư đặc)

*“... Tương mai ngờ hạnh tuy như cũ  
Lá bướm cành chim vẫn thè nau...”*

(Cảm xuân)

1) Về but pháp hiện thực của Tu Xương, xem tiếp ở chương 4 .  
*Thực tế thi cử chủ Hán trong thơ Tu Xương.*

*"Công nợ bóp bợp hình chúa Chóm  
Phong lưu dài các tua ông Hoàng..."*

(Bốm già)

*"...Khôn nghe cờ bạc là khôn dài  
Dài chòn ván chương ấy dài khôn..."*

(Dai khôn)

*"... Lây ánh khắp người ai chẳng tốt  
Làm gương trên đất đẻ soi chung..."*

(Trông giằng)

*"... Cơ lúc vênh râu vai phụ lão  
Cùng khi lên mặt dâng vân thân..."*

(Tự trào)

*"... Tròn tròn khuyết khuyết sao ra thê  
Xuông xuông lên lên mài vạy a..."*

(Hồi giang)

Hai câu cứ kẽm nhau mà đối nhau, như bắt cứ những câu nào phải đối nhau trong mọi bài hát cũ tam câu chân chính. Nhưng cái đặc biệt của những câu thơ đối của Tú Xương là, lâm khi nó như là một câu vần xuôi nói liền một hơi. Nó như một câu nói dung dị nao, nó như một câu vần xuôi bình thường nao, gộp cả hai về 14 tiếng lại làm một. Va cả hai về

dính nhau mà kéo đi một lèo. Thoải mái, nhẹ nhõm, êm lướt. Đây là một nét bản linh dốc đáo của tiếng nói Tu Xương. Ngay cả những từ đa âm, những chữ ghép nhịp ba, Tú Xương vẫn cho đổi nhau một cách khoái hoat sướng tai:

*"Con tự không coi mùtitmit  
Giống người có lè sách sành sanh".*

Lam thơ khi phải đổi, cái mạch thơ của nhiều người thường dễ bị mất tự nhiên, đâm ra go, lèn gân chữ. Nhịp câu đó ra, hoặc kẽm buông nói êm mềm. Nó dễ bị câu nệ, quá nẹ về đổi, biến thành một cai kiểu trán trán lắp chữ, mà các cụ thơ xưa gọi là lối đổi chán chường. Tú Xương vẫn tồn trong thi pháp, nhưng rất chu đáo được lời tiếng mình mỗi lúc phải đổi, và cang ứng đổi cang lưu loát. Khác với những người non tay thơ, mỗi khi đổi thì thấy như là vật nhau huynh huyech với tung tiếng thơ đem vào. Tú Xương cũng mồ hôi va ra, cũng lao động như ai mỗi khi tìm vân mỗi khi gieo chữ, nhưng không giống ai, ở chỗ lời đổi thơ của Tu Xương nghe nhiều lúc lại như là không đổi đáp gì cả. Hai vẻ đổi trong câu thơ đổi Tú Xương, nói nhau mà có một quan hệ bình thường, mặc dầu vẫn chơi tư chơi ý. Cai thanh thoát đó trong nghệ thuật đổi của Tu Xương, đã tăng thêm sức hấp dẫn cho phong cách hiện thực Tú Xương.

Lời đổi của Tu Xương nói chung là mềm dẻo tự nhiên, và có những lúc rất tao bạo. (Ví dụ : *vòng điệu*

vòng thâm đối với khô đở khô xanh, lọng cầm đối với vây lè; đâu rồng đối với đít vịt). Cũng trong một bài thơ về thi cù, Tú Xương đối câu *Té đối lam Cao, mà chó thè với câu Kiện trông ra Tiệp, ời giờ ơi*. Tú Xương bạo đối đèn nỗi một người quen lờm chởm sự sống như Tam Nguyên Yên Đô<sup>11</sup>, mà cũng còn phải kêu lén rang : “Rắng hay thì thật là hay, - Giờ đêm đối Chó lão này không ưa!”.

Một đặc điểm nữa của phương pháp hiện thực Tú Xương là dùng những hình tượng thanh thoát khi phản ánh một số sự việc u nặng hoặc bí đọng. Kể đến nỗi nỗi một người quen bị đi tù, thơ Tú Xương gọi cái bất hạnh đó là “bỗng đâu gặp những chuyện đâu đâu”. Những u hoài trong cảnh buồn tinh khi nhơ tinh nhân, cũng chỉ thoảng nhẹ như thế mà vào thơ Tú Xương : “Nhán hỏi người kia cái chuyện này”.

Những chữ *dâu, đâu đâu, kia, nay* rất nhẹ (về thanh tư) nhưng mà cũng rất la nặng (về động cảm). Mật mỷ học đó của thơ hiện thực Tú Xương có lúc đã bị hiểu lầm thành ra giọng lười khinh bỉ của một nhà thơ kém sĩ hành(!).

Cách nhin phóng khoáng bờn cợt của Tu Xương làm giàu thêm cho cách cảm của người đọc thơ Tu

(11) Yên Đô Nguyên Khuyên mện tiệc tại trao phung Tu Xương, nên có câu đối phung Tú Xương,

*Kia ai chun suối xương không nat  
At han nghin thu tiếng vẫn con.*

Xương. Nghĩ về một người chưa hoang đè hoang giữa  
một xã hội Khổng Tử chau may nghiên rắng, Tú  
Xương cười cười:

*"Chưa cười nhung mà hây đè chơi  
(...) Bà mu lâm trao nam bột rời".*

Nghì thay và cảm đè hộ cho một người dàn ba  
buôn vỉ chông đi tu “một ngay nàm trong tù dài tơ ba  
năm ở ngoài hè!”, Tú Xương vẫn ôm ở trong cách án  
nói hiện thực kiều Tú Xương và, vẫn không quên mắng  
vào song sát nhà tù nọ một vái sợi máy trữ tình.

*"(...) Con cớ làm sao đến nỗi này  
Bỗng chốc xui nên con và gió  
Vì đâu mà phải cái tai bay  
Nhắc xa một bước như ngàn dặm  
Thương nhớ ba thu khac một ngày (...)"*

Giọng trữ tình Tú Xương có lúc cũng âm ỹ như ai,  
nhưng cái ôn ào đó vẫn không phải là thứ ôn ào ré  
tiền mật giá:

*"Đang ta trò nguyệt bên bờ liêu  
Đổi bóng thể hoa trước cửa lâu"*

(Xuân tình)

*"Non nước thê bối thời xuy xoa  
Quý thần nào chưng ở hai vai"*

(Thương tiếc)

*"Non non nước nước tinh tinh  
Vì ai ngờ ngắn cho mình ngắn ngờ"*

(Áo bông che mưa)

Có những vang hương trữ tình của Tú Xương như còn ngân tới hôm nay:

*"... Tương tự lợ phái là trai gái  
Một ngọn đèn xanh trong điểm thùng"*

(Nhớ bạn phương trời)

Dây là một cái đệm dai của hai người đàn ông ma nó day dứt hơn bất cứ nỗi niềm trai gái vạn cổ nao. Tiếng trống đêm tương tư như ngân nga hộ cho một tiếng chuông chiều. Và dựa vào bút lực trữ tình của Tú Xương mà chuông trống ấy đã đồng vọng qua mươi mấy ngàn buổi chiều thơ rồi. (Tú Xương chết trên nưa thế kỷ rồi, và sở dĩ không chết đi trong tiếng nói ta, cũng là ăn nhơ vào những tiếng sóng ngân âm như thế đó).

\*

\* \* \*

Trong vốn dân tộc ta, về đồ chơi trẻ em, có một cái đèn, thường gọi là đèn keo quàn (có nơi gọi là đèn

chạy quân). Trong thơ Tú Xương cũng có một cái đèn kéo quân:

*"Tiết rằm chẳng biết hán vậy ai?  
Bốn mặt quanh co kéo dài dài  
Đứt nhạc ngựa ô dong nước dài  
Ngậm tâm quân đội kéo hàng hai  
Hán rằng chúng nó cùng quên chết  
Nên chẳng thằng mô chịu tháo lui  
Động địa chừng còn chờ tướng lệnh  
Cờ chưa thấy phái, trống chưa hồi".*

Đây là một cái đèn hiên lành của thiếu nhi chơi cỗ rằm tháng tám Tết Trung Thu. Mà đây cũng lại là một thứ đèn cu, trong đó thời và thế lúc ấy đã được phản ánh vào. Từ một nhà thơ nôm yêu nước Tú Xương, thấy hiện ra một người thấp đèn, một người chiếu đèn rất lành nghệ. Giữa một thiên lịch sử tối mịt lúc ấy, người thấp áo đăng Tu Xương mượn cái đèn đám trẻ, mà gửi vào ánh sáng kim đồng kia tất cả nỗi u hoài tri lụy của một người tri thức bực dọc. Và đây cũng là một nét độc đáo về nghệ thuật ẩn dụ trong văn học cổ điển của ta, lấy một cái đèn chơi của con nít đưa ra và, nhân đó, nói sang chuyện người lớn. Đây là một nét tài tình của phép hiện thực Tú Xương; lấy cái trước mắt bé bỏng mà phản ánh cái xa cái to, lấy đồ chơi con trẻ phản ánh lịch sử, lấy mắt hồn

nhiên mà nhìn ra, mà dung đến việc người tráng sĩ đương thời.

Ở Nam bộ, Trương Định chống Pháp liên bốn năm (1861 - 1864). Ở Trung bộ, thực dân tưới dầu lửa đốt thanh Ba Định năm 1887. Phan Đình Phùng người Hà Tĩnh đánh Tây ròng rã mười một năm (1885 - 1896), và cuối cùng bị tên Nguyễn Thân tàng công với Tây, đào di hài Phan Đình Phùng, trộn lẩn vào thuốc súng ma bắn ra bốn phương tám hướng trời Nam. Ở Bắc, bốn năm khởi nghĩa Bãi Sậy (1885 - 1889) đã tac tên tuổi Tân Thuật vào tâm tư si phu. Rồi ngọn cờ chống Pháp ấy bắt đầu chuyển sang tay Hoàng Hoa Thám. Và riêng tỉnh Nam Định quê hương Tú Xương, cũng vong lai dư âm của nhiều cuộc khởi nghĩa non của quan Nghè Rao Cù, của cụ phó bảng Lã Xuân Uy sau tịch ngoài Côn Đảo. Và nhất là cuộc khởi nghĩa hụt của Kỳ Đồng lan rộng ra ba tỉnh Nam Định, Thái Bình, Hải Dương. Người làm thơ là một cái càn điện ángten nhảy cảm, và thơ *Vịnh đèn kéo quân* đã nhảy nhảy mãi lên những cái chớp xanh thu thanh đó về những thời sự chiến sự xa gần.

\*

4

\*

*"Cô Kỳ sao mà đã chết ngay!*

*Ô hay, trời chẳng nể ông Tây!*

*Gái tờ đi lấy làm hai nợ  
 Năm mới vừa sang được một ngày  
 Hàng phố khóc bàng câu đòi đó  
 Ông chồng thương đèn cái xe tay"*

Trong bài thơ *Mồng hai Tết*, viêng có Ký khóc mướn thương vay đó, người làm thơ điều có nhắc đến một "ông Tây" và một "cái xe tay". Tôi cho rằng hai cái hình ảnh đó mới là cái hưng vị chính của cả bài thơ hiện thực một cách mỉa mai này. Còn cái chuyện mât Tết của ông Ký và chuyện trăm năm đứt gánh giữa đường của một cô Ký trẻ đi lấy lê người ta, tất cả đều là cái phụ. Hiện thực của Tú Xương sáu sắc ở chỗ như gọi được ra cả một chặng đường kinh tế thuộc địa, và lối được từ cái chết Tết ấy ra một chiếc xe tay, và một ông Cầm Tây (cầm túc là cò, cò mítxe, một ngạch quan lại trật tự an ninh của thực dân Pháp). Ba con thành Nam khóc cô Ký bàng câu đòi đó; và bàng một nụ cười hiện thực tinh táo, Tú Xương đã ai điều cô cai xe đó. Phải, cô vợ lê thày Ký sở Cầm tinh Nam Định kia là một cô cai xe. Phải, người đàn bà chết đó là vợ một thày Ký kiêm cai xe. Không hơn không kém, mụ cai xe đó còn là một mẹ Tây chính thức của viên Cầm. Trong cái quan hệ nam nữ này, trong cái quan hệ Pháp Nam này, trong cái quan hệ bô ba này cơ sở chính là cái gì? Là tình thương ư? Là tình yêu ư? Không, động cơ chính là cái xe tay.

thứ mày vẫn tài thô sơ chạy bằng sức người. Đóng cơ la tiên, là đồng tiền buôn bán giữa lúc Tây mở tinh. Thầy Ký mở hiêu xe tay hàng ngày thu thuế cai xe; quan Cấm hàng ngày khám xe, rút đi số xe chạy hoặc cho tăng thêm xe chạy. Thầy Ký cho cô Ký vào chài ông Cấm, vợ chồng thay Ký tinh nhò cung coi đó như một thứ thuê đóng một cách trắng trợn cho một ông Tây cai xe có quyền lực tối cao đối với tất cả bao nhiêu xe tay trong cả tỉnh. Vì có cai xe tay mà thầy Ký làm bạn với cô Ký hai. Vì có cái xe tay mà quan Cấm được sống soái lén cô Ký. Vì có cái xe tay do cô Ký keo vào cửa sau sờ Cấm, mà quan hệ chủ tớ giữa quan Cấm và thầy Ký sờ Cấm ngay càng được thêm khăng khít. Cai xe tay là hạnh phúc vật chất của bộ ba này. Nay thiêu cô Ký, cô Ký chết tức là cả cái cơ nghiệp xe tay ông Ký cũng lán kẽm ra. Theo chỗ tôi biết, có một số tư sản nước ta đã xuất thân từ con đường cai xe, thầu xe, trưng xe, đóng xe, chạy cạnh tranh với xe tay lùn OMIC của Tây. Tôi tin rằng những vị tư sản đó, hẳn là rất thâm cầu thơ “ông chóng thương đèn cái xe tay” đây lắm!

Tú Xương đi dạy học ở tỉnh Thái Bình. Thiết trướng cảng man tại các tư gia tinh Thái để "cho chữ" thành hiền, không rõ thấy đồ Tú Xương đã đào tạo ra được bao người tài đức sau này, và trong đám môn sinh thấy Xương, không rõ đã có bao nhiêu người hiền đạt? Cái này, cũng không thấy ai kể lại cho biết. Chỉ biết có một bài thơ Tú Xương, ghi lại những ngày gõ đầu trẻ:

*"(...) Có cá hòn son có cá roi  
Mô phạm tiên sinh quần đinh đít  
Bó xu tiểu tử khô cong bòi  
Thôi thôi tưứm chán con chi nữa  
Đem cai xuân đi cùng du mài".*

Bài thơ, hiện thực lên tất cả nỗi thày đồ kiết và cảnh trò nghèo. Nó hiện thực bằng giọng tư trao, mia minh, mia tro, mia đời. Trong những từ dùng làm nguyên liệu bài thơ, tôi lọc ra những từ "hòn son", - "đít quân", "bòi khô", - "xuân", - "mài". Trong mấy tiếng chỉ vật chỉ việc lọc ra đó, tôi muốn nêu lên giá trị thân hiệu và đức tính kiên thiết của động từ *mài*.

Trong một lớp học tư dạy chữ Hán thiết tại hàng hiên hoặc nơi đầu chái nha tro, thầy nào buc, hoặc phán, hoặc chõng, hoặc trang ký, ghế đầu, án thư. Nhưng thường là cả thảy cả trò đều bò nhoài ra trên gõ van trên tre кат mà giằng, mà chép, mà tó, mà châm. Thày đồ mai son, hoc tro mai mục. Những cái

nghèo áy đang phủ phục xuống mà học mà dạy học. Ông thầy nghèo quá, cái quần ta cổ truyền có chán que, gân như mát đung, nó cứ dán vào cái mông đít hè tiện vải đang nằm phục xuống kia. Phục xuống hơn nữa, la lú tro đồng khổ, cái khổ ngắn quá thít vào rốn vào bẹn. (Chú ý Tu Xương dùng chữ rất chính xác về liêu lượng già lên hoặc giảm nhẹ đi. Những từ chỉ bộ phận sinh dục đàn ông, có cả một bảng cập, từ cái của con nít đến cái của người bạc đầu. Vào cái tuổi đi học vỡ lòng tam thiên tự đó, Tu Xương dung tiếng *bòi*, khác chi gọi được tuổi cho sự sinh dục của một đám thơ dại con đế chom kia).

Trong cá mót lớp học của hai lớp người hai lớp tuổi đó, xén vào tiếng e a ngàn nga doc to học to là những tiếng mài mực. Không những chỉ mài mực mài son, mà còn mài cái khô của quần. Họe là một sự khô luyện, một sự cẩn lao, một sự dui mài kính sứ, và tuổi xanh của người học tro cũng coi như là một thời mực thơm đem tới do mà mài. Cà đến thầy đồ ăn cái thư chu cấp “*thầy khóa tư lương nhập nhòm ngồi*” của người ta đó, cà đến ông đồ tre như Tu Xương cũng phải đem cái tuổi xuân của mình ra mà mài một cách trứ tình thật là quá ngao ngán vậy. Đè con có thể tiếp tục mài tuổi mình ở khắp các khoa thi, anh đồ Xương đem cái xuân đi mài nó ở chỗ thiên ha; đôi cái xuân

mai đó lấy cỏm lấy áo độ nhật mà ngóng chờ ngày mở hội khoa thi.

Bài thơ đi dạy học tư đây, ý và ảnh và chữ đều mang những đức tính hiện thực. Trên những chất hiện thực đó, người thơ Tú Xương tha đưa vào một động từ *mài*. Động từ *mài* làm sống động lên những nguyên liệu tập hợp lại để dựng bài thơ. Ở bài thơ đây, giả thử không có cái biểu tượng *mài* đó, nhất định các nguyên liệu rời rạc kia không kết nối đâu lên thành một công trình gì đáng kể. *Mài* cái gì ở bài thơ? *Mài quần thây, mài khố trò* khi cùng dùi *mài* kinh sú, *mài mực mài son*. Nhưng nếu chỉ có mai có bấy nhiêu thứ thôi, thì cái công trình văn vần đó vẫn chỉ mới là một cái nha chữ một tầng xoàng xoàng nho nhỏ thế thôi, ở tạm thì vẫn cứ được, nhưng no vẫn chưa hút được người chọn nhà. Câu thơ cuối bài, “*Đem cai xuân đi cùng dùi mài*”, đã thêm lầu gác cho cái nha một tầng. Cái *xuân* *mài* đưa vào, còn như thêm cửa kính cửa chớp cho lầu thơ giờ mới thấy lộng khi thơ và gió sáng. Và nha tam tạm một tầng một cách thực tha ban này của anh, nay trở thành một công trình kiến trúc duyên dáng ý nhị, làm vừa lòng người ở và làm nức lòng thơ những khách qua nhà.

Trở lại một số từ *hỏn son*, *quần*, *khố*, *xuân*, *mài* dùng trong bài “đi dạy học” đó, thấy người làm thơ Tú Xương như đã giao cho mỗi từ đó một vị trí và một chức năng riêng. (Thấy nó khác hẳn với cái cách của những nhà thơ tối hay mắc bệnh bình quán, san bằng chữ nào cũng như chữ nào). Những từ *hỏn son*, *quần*,

*khô* coi như là những chữ quẩn; từ *mài* coi như là chữ chủ tướng (những bậc nghệ sĩ thơ xưa, thường gọi là chữ cồng chữ gánh), và từ *xuân* coi như là chữ chỉ đạo. Những người trong nghề thơ đã bảo rằng khiến chữ khiến câu khi làm thơ, không khác gì động binh điều tướng lúc xung trận. Những trận địa giấy trắng hòa bình, nhưng tổn rất nhiều tám huyết mới hạ nổi vật chất nó cưỡng lại, mới chinh phục được từng con chữ một mà khuôn nó vào cái trật tự tạo nên bởi lý mỹ học!

Bài thơ đi dạy học vừa hiện thực một cách mỉa mai, vừa trữ tình một cách yêu đời. Nó được câu “mình còn có cả một cái xuân đem theo đi để mà mài ở đây ở đó”, phải là một người còn tin sự sống lắm. Va mặc dù thế nào đi nữa trong cái đời ông đồ dạy thuở, ta vẫn tự tin xuân lòng ta mai đi nhưng không mon hết, và lòng xuân ta vẫn là một hòn sơn không chịu phai.

Hình như qua bài thơ dạy học, Tú Xương để lại được một kinh nghiệm của người làm hiện thực. La trữ tình không phá chủ nghĩa hiện thực. Biết đưa trữ tình vào chủ nghĩa hiện thực, thì nhà chữ với cửa thơ của anh không những đã có cái mái vừa tiện nghi vừa đẹp, mà còn ngõ cao trên toàn cảnh đam nhà thơ ụp xụp chung quanh.

\*

\* \* \*

Bài *Lạc đường* dưới đây man mác một nỗi trữ tình của một tâm hồn lẻ chiếc:

*"Một mình đứng giữa quãng đường xa  
Có gặp ai không để đợi chờ  
Nước biếc non xanh coi vắng vẻ  
Kẻ đi người lại dang bơ vơ  
Gọi người chỉ thấy mây xanh ngắt  
Soi nước càng thêm tóc bạc phờ  
Đường đất xa khơi ai mách bảo  
Biết đâu mà ngóng đến bao giờ".*

Bài thơ lá xuống như một cái lá trôi buồn. Và buồn như một cuộn lá trôi chỉ một mình trên cả một dòng trữ tình. Nói theo giọng người tin đao say kinh Thiên chúa, thì nó buồn như một trang *Sáng thế* ký lúc sự sống chỉ mới có một mình ông A Dong mà chưa có bà E Va. Giáng đến bài *Lạc đường*, thường có những ý kiến cho rằng Tú Xương mượn lối ẩn dụ để kín đáo bộc bạch chút lòng ái quốc của mình. Tôi không biết có thật chắc là như vậy không, khi Tú Xương làm bài đó. Ở đây, cái tôi cầm chắc được, là một cái chất buồn, một cái kiểu buồn nên thơ trong thời đó của Tú Xương. Buồn trên tinh thần cà bài, buồn trong từng tiếng của chữ thơ. Nó là cái buồn của một người có ý thức về cái buồn của mình. Nó là cái khổ não của một người bộ hành vẫn bước đi nhưng

chưa biết rồi đi tới đâu. Một người bộ hành không muốn đơn độc, nhưng chưa biết là sẽ đồng hành với những ai đây! Cùng muốn chờ bạn đường, nhưng phân vân không biết có nên chờ không? Tâm trạng nửa tin nửa ngờ của người làm thơ, đã khuôn cho nhịp thơ cái dáng dấp của một ông khách nhỡ độ đường, bước đi một bước một chờ. Nói đến phong cách trữ tình, ta thường hình dung tới những cái gì sải dài sải dài, những bước lớn câu dồn. Nhưng phong cách trữ tình, cũng có những cái chuyển chỗ ngắn ngắn, chân như còn nghe đất rời mới đặt xuống. Âu cũng là một tư thế trữ tình của Tú Xương, nhất là ở bài *Lạc đường* đó.

\*

\* \* \*

Lại trở lại thi pháp Tú Xương phối hợp cả hiện thực cả trữ tình, lấy cái hơi trữ tình mà làm sống động lên những đồ vật thường dùng và sự việc hàng ngày. Như trong bài *Đi hát mất ô*:

“Đêm qua anh đến chơi đây  
Giày dôn anh dận, ô tây anh cầm  
Rạng ngày sang trồng canh nấm  
Anh dậy em hay còn nằm tro tro”

*Hỏi ô, ô mát bao giờ*

*Hỏi em, em cứ ờm ở không thưa*

*Chỉn e rày gió mai mưa*

*Lấy gì đi sớm về trưa với tình<sup>(1)</sup>..*

Ở tám câu lục bát này thi 42 tiếng trác băng của sáu câu đầu, tôi gạt sang cho phản hiện thực, với những tiếng choang choang lên chất tả thực: giày dôn,

(1) Bài thơ *Đi hát mát* ở đây, “nghe” rằng con có 6 câu lục bát trả lời cho tám câu hỏi trên kia:

“Mưa thời mưa cũng có khi  
Nắng thời nắng cũng có kỳ mà thôi  
Vì dù anh có thương tôi  
Thi anh hãy cư đợi giờ mà lên  
Vì dù anh bắt em đến  
Thi em đến cái hơn tiền bǎng ba”

Sáu câu đầu, hỏi tôi con nho tuổi, ngồi hẫu dóm hẫu tra các bạn của cha tôi, nghe các cụ bảo là của Tú Xương. Lớn lên, những lục di hat ở một vài giao phương, lại thấy các cụ nhà nho bảo à đào ngâm 6 câu đó lên, và không hết lời khen Tu Xương đã khéo mượn lời chú nha hát mà trả lời ông khách thật tai. Vậy như thế là toàn bài *Đi hát mát* ó có những 14 câu: 8 câu vẫn đang và 6 câu phát biến kia, nó là hai vè của một cuộc đối thoại tình tư. Sau câu của người trả lời, thật là xứng đáng quá, ăn giọng quá với 8 câu của người hỏi ô mát. Gần đây, ông ban Chu Thiên, cho biết rằng σ Nam Định, cũng nhiều người nhắc đến 6 câu đó của Tú Xương. Thực hư ra sao, tôi chưa dám khẳng định, và chỉ xin ghi ra đây, để những bạn yêu thơ Tu Xương rộng thêm đường tham cứu. Riêng tôi, tôi cũng cho 6 câu đó rất có thể là của chính Tú Xương. Vẫn một hơi trữ tình đó, vẫn một giọng ôn ở dễ thương dể luyện dó, vẫn cai phong cách còi mò ra dó của một thứ thi nhọn hay đùa chữ mà cợt người, ý tốt mà lời nhả.

- ô tây, - nầm trơ, - hỏi ô mắt, - ôm ờ không thưa. Sáu câu đầu, nói rành rọt về một chuyện mắt ô, mắt ờ đâu, mắt trong trường hợp nào, và có thể đoán được người ăn cắp và thấy hiển hiện nỗi ấp úng lúng túng của kẻ gian đó. Câu chuyện kể lai bằng thơ ít lời, nhưng đủ sự việc tình tiết không kém gì lời văn xuôi, có thể làm thỏa mãn được một ông quan tòa dự thẩm, và có thể làm mẫu cho một cách giảng văn ở một lớp văn nào. Có thể ngừng ở đó. Nếu làm văn xuôi (làm một cách xuôi xuôi), được phép ách lại đó. Nhưng đây là làm thơ, chưa ngừng được, chưa thấy gì là mùi thơ tiếng thơ, chưa thấy ló ra thi sĩ. Cho nên phải đi bước nữa, nếu thật sự muốn làm thơ. Chỉ thêm có hai câu nữa mà cứu được đoạn văn xuôi xuôi dễ dàng đó, và chuyển tất cả sang phạm vi thơ. Chuyển thể tài, chuyển đề tài và chuyển cả chủ đề. Bài thơ nỗi gió lên từ hai câu cuối cùng. Từ một chuyện ăn cắp đồ vật, đáng lý chỉ gây nổi một chút tiếc của, Tú Xương trang trọng nàng nó lên thành một nỗi niềm hối hộp xót thương của những cắp tình nhân muôn thuở. Văn trên cái cơ sở thực tế đề hạ ấy mà nâng lên, vẫn từ cái vòng bo bieu khổn khổ đó mà mở rộng nó ra, cho nó có được ít nhiều chân giờ. Bên cái lụy tục, Tú Xương lồng vào một nét thanh tám, Tú Xương lấy một cái trong trắng mà gạn lọc cái văn đục, và hút nó theo

lên với thơ mình. Nếu ta có soạn san lại *Tinh sử* của ta, tôi nghĩ rằng ta há nên không để bài thơ này vào?

Thơ là mở ra một cái gì mà trước câu thơ đó trước nhà thơ đó, vẫn như là còn bị phong kin. Bài *Sông láp* dưới đây càng rõ cái điệu “mở vào mở ra” đó:

“*Sông kia rày đã nền đồng*  
*Chỗ làm nhà cửa, chỗ giồng ngô khoai*  
*Dêm nghe tiếng éch bên tai*  
*Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi dò*”

Tôi không được tường về năm sinh tháng đẻ chính xác của bốn câu lục bát này, nhưng theo ý riêng tôi, đây là ngữ ảnh của những thanh điệu chín nhất, tròn nhất, viên mǎn nhất ở tiếng thơ Tú Xương của cả đời thơ Tú Xương.

Nếu chúng ta cùng thỏa thuận rằng nói chung trong thơ Tú Xương có cả hiện thực có cả lăng mạn, thì trong riêng bài *Sông láp* này, lại càng rõ cả hai cái phần thể phách hiện thực và linh hồn lăng mạn ấy. Hai câu đầu không có gì là “mở cửa sổ thấy núi” cả, bình thường thế thôi, các bạn làm về bình thường và tôi làm văn nhặt trình tường thuật đưa tin, mọi người chúng ta đều làm được cả. Nhưng đó mới chỉ là điểm việc kể việc, như cái kiểu đi thực tế mà nô lệ chi tiết thực tế, chưa biết nâng thực tế lên, còn lệ thuộc vào nét vặt mà chưa có tí gì là sự hòa sinh do tâm

hồn mình thổi vào. Nếu con sông lấp Vị Hoàng mà chỉ có hai câu đầu lục bát ấy thôi, thì con sông Tây láy đi kia có thể coi là tuyệt tự rồi và tên tuổi nhà thơ của nó cũng có thể phân nào lấp theo đi với con sông cạn. Nước “con sông thời thế” Vị Hoàng bất chấp mọi sự cạn lấp, đến ngày nay vẫn còn chảy tới thế hệ chúng ta, hợp lưu được với lòng chúng ta, chính là do cái nguồn mạch trữ tình của hai câu thơ sau tiếp đẩy nó đi. Và mạch nước ngầm ấy còn chảy xa lắm. Tôi nghĩ đến một tương lai Việt Nam mà sông cái sông con, suối chị, suối em, trên khắp Tổ quốc ta sẽ hết cà đò ngang mà chỉ còn có toàn là cầu sắt cầu bê tông, hoặc cùng già lấm là phà máy. Cho là mười kế hoạch năm năm nữa thì căn bản có thể tuyên bố là đã hết đò ngang chứ gì! Và lúc ấy đò ngang không còn là hình ảnh của vận tải quốc doanh, mà chỉ còn là những vốn dân tộc giữ lại cho những cặp tình nhân nhàn tản trên mặt sông hồ sau những đợt dài lao động vì mọi người. Tôi cho rằng tới ngày đó và sau đó nữa, trong lòng những người Việt Nam của năm 2.000, của năm hai nghìn lẻ mấy chục chi đó, càng vang hưởng cái tiếng u hoài Tú Xương gọi đò trên sông lấp. Những thế hệ sau này thật là không thể nào dung được đầy đủ cái thảm kịch gọi đò đêm sông vắng và cái thảm kịch đợi nước gọi đò -hiểu theo cả nghĩa đen kinh tế lạc hậu, hiểu theo cả nghĩa bóng chính trị của

những người yêu nước trước đây nói bóng gió về thời cục bằng hình tượng thơ. Nhưng tôi tin rằng những thế hệ sau đây được nâng cao vật chất và tinh thần, được học nhiều học rộng gấp mấy mươi chung ta bây giờ, họ có một quan niệm rộng rãi hơn về xử sự xử thế của những con người đợi nước ngóng đò trước đây, và họ cảm thông nhiều hơn là lên án. Cái học lực của họ sẽ tạo cho họ nhiều độ lượng nhàn ái hơn, tình cảm rộng rãi và trong lắng hơn, và họ có thể còn cảm thông thâm thúy và xúc động sâu sắc hơn nữa với hiện tại gần đây của lớp chúng ta. Thực ra cái lớp chúng ta đây, cũng là một lớp người còn xơi mới thoát đò ngang, cũng là vừa sang xong một vài chuyến, có những chuyến thuận chèo trót lọt, bến đông rộn lên như hội mùa, nhưng cũng có chuyến gian nan, tay lái mà không dẻo không cứng, thì cũng dễ đắm con đò có lúc đã thấy chiềng hản đi.

Tú Xương là người trong quá trình lao động nghệ thuật, đã thừa kế được cái cười dân tộc.

Thừa kế và phát triển. Ở nhiều bài, chữ thơ, tiếng thơ, văn thơ, hơi thơ của Tú Xương có giá trị bổ sung

thêm cho tiếng cười dân tộc. Thêm cái điệu cười Tú Xương vào, tiếng cười dân tộc như là thêm ra âm sắc, như là thêm ra nhiều đốt nhiều khớp. Do đó, trong mọi tiếp xúc với đời sống để phản ánh lại sự sống, tiếng cười duỗi ra co vào có sự thoái mái hơn.

Trong tiếng thơ, tiếng nói Tú Xương có một giọng cười một lối cười đặc biệt của Tú Xương. Xin mời các bạn cùng tôi bước vào chốn vườn hoa Tú Xương đang nở nhiều hương cười sắc cười. Nơi đó nhiều bông nẫu cánh lá cành mà vẫn có cái dư hương của vui sống. Cũng không cần phải đi theo trình tự trật tự gì, mà thấy cây nào ra hoa mà tiện mắt, tiện tay, tiện chõ, thì ta nên xem trước.

\*

\* \* \*

Trong mờ tấp tục xã hội cũ, còn gì nghiêm cẩn, trang trọng và phải kiêng cữ bằng những quan hệ xã giao vào ngày Tết đầu năm. Không ai không chúc nhau một điều gì. Và càng những người không ra gi về đức tài lại càng mang những cái đó ra mà tặng nhau một cách thật là xa xỉ om sòm. Nghe mà lộn ruột lên được, Tú Xương phải làm luôn năm bài tứ tuyệt, gọi là có ý kiến chút đỉnh với cái Tết bữa bã như thế của thiên hạ.

*“Lảng lảng mà nghe nó chúc nhau”*

Cả trong năm bài chúc Tết, thì bốn bài đều dùng đại danh từ *nó*. *Nó* đây là ai? Nếu tôi hiểu không sai lầm, thì *nó* đây tức là cái bọn rởm, cái lũ họt, cái đám hách, cái tầng lớp hành tiến, cái mặt trái của khẩu hiệu “phú, quý, thọ, khang, ninh” đương thời. Cho nên, có vị độc giả nào thích chấm điểm cho hạnh kiểm thi nhơn, cũng không nên máy móc mà kêu Tú Xương là khinh bạc. Không khinh bạc với cái đám điêu bạc áy thì rồi ra dành cái phần trung hậu với ai đây!

Cái cười Tết của Tú Xương, Tú Xương bèn rao to nó lên. Để cho cái đám đa thọ (mà không thấy là đa nhục) kia phải chạy ra mà nhận lấy cái cười ấy. Tú Xương tự cho mình là một ông bán cối thô, và cái cười Tú Xương trở nên một thứ vôi của miếng trầu lõm mà đang “thiên hạ bao nhiêu đứa già...”.

*“Nó lại chúc nhau cái sự sang  
Đứa thời mua tước đứa mua quan”*

Tú Xương liền nhập cái cười của mình sang một cái lọng. Cái lọng xoè lên một đống nhơ, và cái cười của ông lái lọng văng ra thành một câu chửi. Vừa chửi khách vừa rao hàng, không những đã không ai đánh tên bán hàng mà thiên hạ lại còn cứ lăn vào mà mua, vì cầu nhiều cung ít, vì quan nhiều lọng ít. Nói chung bốn bài tứ tuyệt trong năm bài chúc Tết, cảnh tình

khác nhau, nhưng đều chung một cái cười trùm lên của Tú Xương. Một cái cười không cất lên thành tiếng. Cái cười ấy không hiện trực tiếp ở chữ, ở từ. Mà nó lẩn vào trong sự kiện. Nó có tí chua tí chát, và cũng thuộc vào loại vỡ khì nổ chậm.

Tiếp đến bài tứ tuyệt thứ năm chúc Tết, hình như Tú Xương vừa cho thu hồi lại một cái cười chẳng được đừng. Vừa bảo với tất cả: Thôi, không đùa nữa. Bây giờ bàn vào cái chính tang của vấn đề nhân phẩm. Thị với các người, ta có mấy lời răn:

*“Sao được cho ra cái giống người (!)”.*

Đến bài tứ tuyệt thứ năm, vì tất cái cười, mà hơi thở nhịp thở đều chuyển hết. Cái cười héo hết trên miệng cợt, và nơi khéo mắt cũng sa thâm mây giọt thương.

Một cô me Tây, chán chồng Pháp cô-lô-nhân cô xoay ra đi ở chùa. Tú Xương cười.

*“Rút cái mề day ném xuống sông  
Thôi thôi tôi cũng mét xi ông!”.*

Loại cười này dễ hiểu nhất. Đọc bằng mắt hay nghe bằng tai, đều cười được ngay. Kiểu cười này không có gì sâu sắc, thâm thúy, nhưng ưu điểm của nó, là nó có ngay, nó đến ngay, không phải thông qua sự giải thích nào. Đáp móng xây tường cho cái cười này, không tốn công nhiều, chỉ cần ông phó cà áy biết

chọn lấy những viên gạch cẩn thiết. Những âm chữ lai cảng ngoại ngữ “mề đay” “mét xì” đó, chính là những viên gạch được chọn đưa vào. Những viên gạch này, đối với nhà khảo cổ, còn có cái đặc tính đánh dấu lại một giai đoạn lịch sử lúc Tây mới chiếm nước ta.

Đưa một cô gái hàng phố khác làm ra bộ ta đây  
đoan trang lấm, Tú Xương vẫn cười bằng cái cười đã  
dùng với cô me Tây vứt mề đay:

*“Hầu lố Khách đã ba bảy chú  
Mét xì Tây cũng bốn năm ông”*

Cười ở đây, cũng vẫn dễ cười thôi. Cách thao diễn của Tú Xương ở trường hợp này vẫn là lối kỹ thuật dễ dàng, đưa ra tới đâu, liền kết quả ngay tới đó. Nhưng muốn cho cái cười đó trở nên ý nhị hơn, từ người bạn thơ trung bình của Tú Xương phải hình dung ra cái môi trường “ông Tây chú Khách” nhõ nhăng của tiếng cười đó. Thủ bằng miệng mình nhại lên mấy tiếng trợn ngoại lai xi xô xì xô kia, thì càng thấy chữ nghĩa nó thật là buồn cười!

Cũng vẫn lấy từ láy chữ ra mà cười bằng từ bằng chữ, nhưng cái cười Tú Xương đã đi dần vào chỗ tinh vi của ngôn ngữ. Ví dụ như vịnh đi thi, có hai người giành nhau đỗ cao đỗ đầu:

*“Hai đưa tranh nhau cái thủ khoa”*

Những từ những chữ vốn thường dùng, nay trải qua một cách luyện kim của Tú Xương, đã tạo hẳn một quan hệ mới. Câu thơ tả trường thi, hóa ra phản ánh những thực phẩm. Và hai người học trò công danh kia đang xuy chữ Hán ra, lạm danh kè sĩ mà đòi mà nhận phần thịt, sao cho người nọ nhanh tay hơn người kia. Trên quầy dính máu và mỡ, cái thủ khoa chỉ còn là một cái thủ lợn. Anh đang định xem cái trật tự của một nơi học hành thi đua, thơm phức mùi mực tàu giấy lệnh, thì người ta lại cho ông thấy một cái trật tự của cá thịt ôm tội. Cái cười hiện ra từ chỗ đột xuất đó, và người được cười không hề thấy mình bị đánh lừa gì cả.

Đi lẩn lẩn vào sự tinh tế của chữ nghĩa, tức là càng đi vào cái thế giới tiếng cười của Tú Xương, Tú Xương khen để mà chê ngay những người trúng cử nọ:

*“Năm nay đỗ rất phuòng hay chữ  
Kia bác Lê Tuyên cũng thứ ba”.*

Nếu thật tình là khen, thì phải nói là "... đỗ toàn những người hay chữ", chứ tiếng *rất* và tiếng *cũng* đó, chỉ là mỉa mai. Cái cười mỉa, tạo nên do biết đặt chữ, đặt nó khớp đúng vào chỗ đích đáng của nó.

Cũng cái cách lọc chữ luyện chữ đó để đánh cái hù cái hỏng, Tú Xương than cho một người đàn bà hú hoác:

*“Mới biết hồng nhan là thế thê  
Trăm năm trăm tuổi lại trăm thằng”*

Nếu hai câu này, tôi lấy tay bít đi 3 tiếng cuối, để cho anh chỉ đọc thấy “hồng nhan là thế thê - Trăm năm trăm tuổi...” thôi, thì anh thấy đó chỉ là câu mào đầu tâm thường nào của một sự tuyên bố nhạt nhẽo nào đó thôi. Nhưng tôi lại mở chỗ tay bít ra, anh đọc liền một hơi “trăm năm trăm tuổi lại trăm thằng”, thì anh thấy ở anh đang trở lại một tiếng cười. Một tiếng cười quen thuộc. Tiếng cười Tú Xương đó, xếp ra một cách toán pháp như thế này: năm=tuổi=thằng. Tưởng 100 năm (trong cõi người ta) thì thành ra cái gì, đưa cho ta cái gì, chứ 100 năm là 100 tuổi thì có gì mà trình trọng bằng lời thơ như vậy? Nhưng thôi, 100 năm 100 tuổi rồi sao nữa: Rồi đến “100 thằng”! Theo dõi thực tế sự sống trong câu thơ, ít ai chờ đợi sự phát hiện này! Và trên cái đống gạch đá không ăn thua gì với nhau kia, chữ *lại* đã là một thứ vừa xi măng, quyện chúng nó lại. Có cái chất vừa hồ *lại* đó, mới xây nên được tiếng cười, 100 năm, 100 tuổi, 100 thằng, hay là mấy trăm thằng? Cái cười kéo rần như một câu về của cả hàng phố làm ra để cười cái sự “bao nhiêu tuổi, bao nhiêu năm tháng, bao nhiêu đêm ngày là bấy nhiêu thằng”.

Dùa sang một ông chàng điếm có tuổi, tức là một con đì đực bệ vệ râu bạc tóc bông, cái cười của Tú Xương loãng hơn nhẹ hơn:

*"Lắng tai non nước nghe chừng nặng  
Chớp mắt trãm hoa giả cách nhèm"*

Cần lắng kỹ hơn, mới nghe thấy tiếng cười nó cười một người đui điếc, giả điếc giả đui một cách có lợi cho riêng mình, cho riêng cái tuổi mình.

Và lý thú thay, khi Tú Xương đem cái cười mà soi vào một anh tiểu tư sản thành thị lúc Tày bắt đầu mở mang thị trường. Cái ông nhà nho này xoay xở đủ cách, chạy chọt đủ khoé, trưng thuế trưng thầu, nho, y, lý, số, thầy dùi, thầy cò, nguồn kinh tế trong đời sống toàn là nghi vấn.

*"Bụng ông rặt những máy đồng hồ  
Múa lộn vòng quanh đủ mọi trò"*

Một đám nhà nho biến chất và tâm thuật đã giống như cái kiểu đồng hồ bị anh chữa đồng bất lương thay đổi chân kính khác, đổi đổi dây cót khác. Nay đem cái cười-máy-đồng-hồ ra mà đá con người phúc tạp đó, đã khá hiện đại thay và linh hoạt thay cái cười của Tú Xương!

Sẵn có một cách nhìn nó này ra chất cười, Tu Xương bật buồn cười khi người khác trọng khinh áo nhang khói... mà lạy múa, mà lên đồng, mà khiêu vũ tôn giáo.

*"Khen ai khéo tạc sự lên đồng  
Một lúc lên ngay sáu bảy ông"*

Đem cái cười này vào giữa điện, đèn, phủ thì, trừ những con đồng định đùa dai quá, còn nói chung các con đồng khác mà thánh thần chỉ nhập ốp đến mức nào, thày đều thấy có thể thăng được rồi. Trong bài *Lên đồng*, cái cười Tú Xương có được tính khử độc dã độc. Từ chỗ làm mất thiêng đi những gì là tôn nghiêm giả tạo trong cái đèn thờ, cái cười Tú Xương đánh bồi luôn vào con đồng cho nó thăng hẳn đi:

*“Đồng giỏi sao đồng không giúp nước  
Hay là đồng sợ súng ca nồng!”*

Từ một ngôi đèn lăng nhăng, cái cười sắc cạnh của Tú Xương nhảy sang chiếu thư xuân của một tao đàn tắm bảy; nơi đây hồn thơ thì ít mà bã rượu bã thịt thì nhiều, nói tăm hồn mà chỉ thấy có lòng tràng cổ hũ:

*“Ý hẳn thịt xôi lèn chặt dạ  
Cho nên con tự mới thời ra”.*

Cái cười ở đây phút lên từ một thùng hồn độn rượu thịt tọng vào những cái bụng xuân đình ninh là chưa chấp thơ. Trên cái đồng thương thỏ hạ tả quá dung tục ấy, thơ (con tự) đã xuống hết chất, và đặc lại thành một khúc dồi lợn thiu. Nó đã có mùi hôi, nó lại xấu ở cái dáng nó thời ra, như là mọi sự tục tĩu vẫn thời ra giữa lúc vô ý của người ta. Người ta liền trông thấy cái buồn cười, sau khi đánh hơi phải cái buồn cười.

Các bậc triết nhân thường nói rằng cái cười là đặc tính của con người đã được tách ra khỏi loài vật. Nay Tú Xương chơi khăm, lại lấy cái cười của mình ra mà bắt một người đồng loại của ông phải “đầu thai” lộn vòng lại mà làm một con vật. Con vật này nguyên là một ông Cử nhân chính tên là Ba, và Tú Xương hóa nó thành ra một sinh vật thuộc loại rùa. Ông Cử Ba mặc dù dốt quá mà cứ được đỗ đó, đã thành ra một con ba ba.

*“Ai ngờ mũ áo đến ba ba  
... Tuy rằng cổ rụt mà không ngóng  
Hết cắn ai thì sét mới tha”*

Bài thơ Ông Cử Ba gài cười ở cái cách Tú Xương làm ngược lại cái kiểu lạm cổ truyền của những nhà thơ ngũ ngôn hay nhân cách hóa loài vật, cho con chim con thú nói, nghĩ, làm như giống người. Tú Xương bắt quẹo lại, cho kiếp người dốt đỗ to kia trở về kiếp vật. Mũ đẹp, thân danh nó không có tội lỗi gì nhưng khi nó đặt lèn cổ rụt ba ba, đặc thù của nó là cắn rất phàm, đợp được ngón tay ai, thì trong nó buồn cười: nó đè nặng xuống, không cho cái bát tài đó ngóng lên. Cái giống ba ba, đặc thù của nó là cắn rất phàm, đợp được ngón tay ai, liền thụt đầu vào mu vò, có bát bụi nhùi vào đít cũng không chịu nhả. Bà con nông dân có kinh nghiệm bị ba ba cắn, là chỉ còn có chờ giông gió lớn, hễ sấm động thì nó mới chịu nhả

ra. Ở câu cuối bài thơ ngũ ngôn trái khoáy, Tú Xương muốn nói rằng “cái giống học dốt, đỗ được vì sự cát nhắc bất công ấy mà bập được vào công danh, thi chỉ có giới họa chặng mới gỡ nổi!”. Thật đây, con ba ba nghe sét nghe sấm còn nhả ra, chứ đến thứ “người-dốt-ba-ba” thì sét có đánh chặng nữa, hắn ta cũng cứ xin chết luôn tại trận, nghĩa là có phải chết, thì cũng xin cho được chết trên ghế sở ghế tòa cho nó được trọn một kiếp!

Cái cười kiểu “ngụ ngôn con ba ba” đó muốn liệt nó vào loại tai ác cũng được. Và bên cạnh cái cười quái ác đó, Tú Xương vẫn nhiều những nét cười thật là lành hiền, hành hiền của những cái gì hồn nhiên thơ ngây. Ví dụ, khi nhặt được của rơi, Tú Xương đã lấy một vè cười hồn nhiên ra mà nghĩ về cái đồng tiền Tự Đức bắt được lúc đầu năm Tết vừa xuất hành ra khỏi ngõ nhà mình.

“*Ý hắn nhà nho sang vận đở  
Hay là con tạo thử người tiên  
Muốn đem trả nợ đòi nhà lại  
Hay để làm lương giúp chúa hiền*”.

Ai cũng thừa biết rằng cái đồng tiền đồng, cái đồng tiền kẽm nhặt được giữa đường kia, không có được bao lăm giá trị mua bán trên thị trường hiện vật. Từ cơ sở một giá trị vầy hến tiền tệ đó, Tú Xương nghĩ và bàn đến nhiều thứ chuyện to ích nước lợi nhà! Về tiết

tháo! Vé số phận! Nhìn vào bấy nhiêu chữ thơ, thì không có chữ gì trực tiếp gây ra cười cả. Nhưng nó buôn cười ở cái cách tính toán và khuếch đại của người nhặt được của rơi. Cái cười không nở ra. Cái cười chỉ mới là một cái nụ của một thứ hoa muôn thơm thảo.

Tú Xương đã đem cái cười thơ lành ấy ra mà cười với một cỗ đồ chơi Tết rầm tháng tám của trẻ em: ông Tiến sĩ giấy.

*“Ông đồ khoa nao ở xứ nào  
(...) Mỗi năm một Tết Trung thu đến  
Tôi gặp ông nhưng chẳng muôn chào”*

Thơ đùa này, truy cho cùng, vẫn có dính dấp đến cái tâm sự một người đồ tháp mà lại còn công khai thường những anh đồ cao, coi phần nhiều thiên hạ chẳng qua cũng là Tiến sĩ giấy rỗng ruột cả đó thôi. Nhưng cái điều bức bối vốn có ở Tú Xương ấy, trong bài thơ này, không thấy bật ra lời. Mà lời đây chỉ là một cái cười hồn nhiên góp vào một ngày vui của thiếu niên vui trăng chín trăng tròn. Nhìn cái ông Tiến sĩ làm bằng giấy bồi, Tú Xương như quên đi mọi Tiến sĩ giấy đang thật sự sống lù lù quanh đám hội.

Tú Xương dừng lại trước một đám cỗ trước một ông Tiến sĩ đồ chơi, đối thoại thầm với đồ chơi như mọi trẻ em khác. Nhưng dù muôn hay không muốn, cái tính nghịch đùa lại vẫn bật ra: “Tôi gặp ông, nhưng

chẳng muốn chào". Cái cười nằm trong một câu hỏi. Hỏi như thế, thì đến cái đồ chơi kia không đáp lại được lời chào (nếu Tú Xương muốn chào thật), đến nó cũng phải bật cười!

Những kiểu hồn ngây như thế, không cẩn thận thì cũng dễ thành ra lầm cảm và rẻ tiền. Những câu thơ về chuyện bán thực phẩm thừa cho Tây cũng là nằm trong cái mạch buồn cười hồn nhiên bất ngờ và mát mẻ đột ngột đó:

“... Trồng ngô lại trồng đậu  
Cây chiêm lại cây mùa  
Ăn không hết thì bán  
Bán đã có Tây mua!”

Nói về xúc cảm và tình cảm, cổ nhân lọc ra bảy tình: 1- Tình mừng, 2- Tình giận, 3- Tình thương, 4- Tình vui, 5- Tình yêu, 6- Tình ghét, 7- Tình muối (dục). Khi bàn đến cái cười, tức là ta đang vào hai tiết mục thứ nhất và thứ tư của bảng tình cảm trên. Trong cái cười, thường là có hỷ (mừng) có lạc (vui). Nhưng cái cười Tú Xương lại có cả ố nộ nữa (ghét, giận). Như bài than cho sự thi:

“(...) Ôi thi ôi là thi!  
Ôi khỉ ôi là khỉ!”

Tôi như hình dung thấy tiếng cười sảng sặc này. Tôi muốn dàn cảnh và đạo diễn cho tiếng cười này: sau khi trường thi yết lên những người dót lại được đỗ, thì ở một cái sân nhà nho nào đó, có một mâm

rượu để mạn đàm tiểu đàm vê thi thiếc tài tiếc. Những tửu đồ bát mǎn này, người nói, người chéo, người chửi, người lặng thính mà tức giận chán ghét. Bùng lên hai câu than “Ối thi ơi! Ối khỉ ơi!”. Tú Xương sắng sặc, tiếng cười Tú Xương như tống kết bữa rượu bát đác chí của cả bọn. Tiếng cười như phá. Tiếng cười tung hê đi mâm rượu, tung hê đi cả cái sự khen thưởng của triều đình. Trong lòng ngõ sâu, cả bọn chán tài say rượu ra vẻ, rền lên tiếng cười ngặt nghẽo mà phẫn nộ, cái tiếng cười dây loạn của Tú Xương.

Thời của Tú Xương là cái thời mà người ta cũng hay cười. Tình hình nhiều mặt trong một xã hội mêt nước còn có gì là vui, nhưng không phải tắt hết giọng cười. Những cái cười dân gian và cười sĩ phu ấy nó vẫn nằm trong cái mục thanh nghị cổ truyền. Nó là cái tiếng phê phán của một dư luận đối với một trật tự luân lý cũ song song tồn tại một cách vật vờ cạnh một trật tự mới nhập cảng vào. Làm sao mà lại không phì được cười vào cái giao thời đó, vào cái thời đó. Cái thời mà có những vị:

“(...) Tống đốc khéo tính ngầm  
Chiều bố cu Tây công mẹ đầm  
Đôi vú vắt vai đầu nghển nghén  
Hai tay bưng đít mặt hầm hầm”

(Yên Đồ Nguyễn Khuyến)

Cái cười của cái thời ấy thường phải rút vào bóng tối<sup>(1)</sup>. Và những cái cười bí mật đã đóng góp vào văn thơ bí mật thời ấy. Nó không được đồng và nhiều như thơ văn yêu nước làm suốt thời kỳ đi tù đế quốc, nhưng nếu các nhà sưu tầm đi sâu vào via than này, tôi cho rằng sẽ lọc được ra nhiều về nhiều thơ quý. Trong số những loại cười bị vùi kín đi đó, nhân một buổi đẹp giờ uống rượu, có người cho tôi được mấy câu dưới đây (mà tôi rất tiếc là chưa kịp hỏi được ra tên người chủ nó):

*"Chẳng phải chó cũng chẳng phải mèo  
Cái mặt phèn phẹt đuôi cong queo  
Ngày ngày hai buổi cháu quan Sứ  
Kiều mẫu cụ Tuần thật khó theo".*

Để thấy cho đầy đủ ý nhị của cái cười nhà nho này, cho phép tôi thuật lại điển tích của bài thơ. Hồi đó, ở một tỉnh miền Bắc nọ, quan Tuần phủ cứ phải ngày ngày sang làm việc ngay tại dinh quan Công sứ Pháp. Sau này quan Tuần mới có dinh riêng. Một hôm

(1) Tú Xương mới chết cách đây 55 năm. Vậy mà toàn bộ trứ tae Tú Xương không lưu lại một tư tích gì, chỉ toàn là truyền khẩu lại. Người truyền ra thế này, người truyền ra thế khác, mạnh ai thì nấy truyền. In thơ Tú Xương, nơi in 64 bài, nơi thi in 128, rồi 140, rồi 193, có nơi thi đến 199. Cái sự lộn xộn đau đớn ấy của một nền văn học cận đại rõ ràng đã co văn tư từ lâu, có lẽ cũng lại phải vin vào thứ hoan cảnh nói chung giấu giếm bí mật đó mà tìm cho nó một lý giải gì.

nào đó quan Sứ sang đáp lễ quan Tuân tại dinh quan Tuân. Lúc ra về, ngài Sứ lịch thiệp vẫn chưa tìm được ra câu gì để ban khen cho quan Tuân phủ ngoan ngoãn. Xuống hết tam cấp, gần ra đến cổng dinh, quan Sứ bỗng nhìn thấy hai con nghê nơi trụ cột đắp bằng vữa và mảnh sứ. Ngài sú xoa đầu con nghê tam cấp, tươi tình và thích thú mà bảo quan Tuân: "Máy con này đẹp quá lăm". Thế rồi ngài lên xe ra về, bụng hân hoan vì con nghê đã gợi ngài úy lạo được quan Tuân. Quan Tuân tưởng là quan Sứ thích giống nghê, bữa sau liền sai một hiệp thơ nè sang đắp nghê bên tòa sứ. Chỗ nào có cấp xi măng lên xuống, là cho đắp nghê hết. Quan lưu trú Pháp không có ý kiến gì. Chỉ có thời nhân thấy ngứa miệng, nên phải vịnh cái mặt quan Tuân nịnh thần qua cái mặt máy con nghê phi nghê đó.

\*

\* \* \*

Trở lại cái cười của Tú Xương, thấy có lúc Tú Xương dựa hẳn vào con chữ trong từ ngữ mà rắc gieo tiếng cười. Có lúc chữ thơ không trực tiếp làm ra tiếng cười, mà ý cười lại lẩn vào cái cảnh ngộ tình tiết dẫn ra. Có cái cười tức khắc, có cái cười mai phục, cái cười cốt mìn nô châm, có cái cười "làm giặc". Có khi cười

số sàng, và khi không cần b้อง bẩy té nhị, thì Tú Xương như xin lỗi người nghe mà vắng luôn ra, cho nó tiện và cho nó trực diện hơn. Có khi cười thoảng, hiểu nhau thì cùng cười, mà không hiểu để không cười, thì cũng coi như là không có gì cả. Tú Xương có một kiểu cười mà bà con Trung bộ thường gọi là cái kiểu tung tưng của những bợm nghè về hí hước, nội dung hài đàm sục sôi, mà hình thức kể thì như một thứ nước lạnh vô tình chảy qua đi bên tai trước mặt. Trong tiếng cười Tú Xương, có cái ung dung tự tại, độ lượng dung tha của một người từng trải thói đời, và lại có cả cái nhiệt huyết của một người muốn xông ra chặn lại một vài thứ gì đang đọa lạc quá đỗi. Cười hồn nhiên như trẻ, nhưng có khi cái cười Tú Xương chồm dậy đá một cú điểm huyệt cho nó chết ngay đi một cái xấu đang cầm cân nảy mực cho sự sống nhơm tiềng. Nghĩ cho cùng, thì tiếng cười Tú Xương có ưu điểm này ưu điểm khác và ít sa vào cái cười dễ dãi hề mỏi hề gậy.

Cười Tú Xương, là một tiếng cười có dư âm. Dư vang tiếng cười ở một số câu, còn là cái tiếng đồng vọng của một lối cười “nói cười trước mặt, rồi chau vắng người”.

Từ vua Minh Mạng (1820-1840) trở đi, toàn quốc có 7 trường thi. Tính từ trong ra, tính từ Nam đến Bắc, thì 7 trường thi đó là những trường:

1. Trường thi Gia Định (Sài Gòn)
2. Trường thi Bình Định
3. Trường thi Thừa Thiên
4. Trường thi Nghệ An
5. Trường thi Thanh Hóa
6. Trường thi Nam Định
7. Trường thi Hà Nội.

Mỗi trường thi coi như một khu vực chiêu sinh chiêu hiền, bao gồm nhiều tỉnh. Ví dụ trường Hà Nội thì chiêu sinh những sĩ tử gồm trong tám tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hưng Hóa, Sơn Tây, Ninh Bình và Hà Nội. Ví dụ trường Nam Định thì gồm học trò bốn tỉnh Quảng Yên, Hải Dương, Hưng Yên và Nam Định.

Những lúc bình thường thì trọng điểm địa điểm của nhà vua xưa tuyển mộ nhân tài là như vậy, và học trò của tỉnh nào thi thi ở khu vực trường thi đó. Nhưng từ khi Pháp đánh Hà Nội, đánh Nam Định, và

nói chung là mưu chiếm Bắc Kỳ Trung Kỳ, thì một số trường thi cũng “trải qua một cuộc bể dâu”.

Ví dụ như chuyện mất trường thi Hà Nội. Ví dụ như chuyện sĩ tử bị treo giò (bút), học trò Bắc Kỳ mất thi năm Nhâm Ngọ 1882 (cứ những năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu thì mở khoa thi; nhưng năm Ngọ 1882 đó, Tây đánh thành Hà Nội lần thứ hai) Tất cả sĩ tử thuộc hai trường Hà Nội Nam Định nghĩa là học trò mươi mấy tinh Bắc Kỳ, phải chờ mất thêm hơn hai năm nữa mới được triều đình Huế cho vào Thanh Hóa phụ thi vào trường Thanh Hóa. Lý do của sự thi ghép đó? Là vì Hà Nội thất thủ, thì trường thi Hà Nội cũng “thất thủ” và sĩ tử Thủ đô bị chiếm hãy đi tìm nơi khác mà thi. Hà Nội mất trường thi, thế còn trường thi Nam Định thì sao? Thi lính Tây cũng vừa đốt cháy rụi cả trường thi Nam Định vào năm 1883 đó. Trường thi Nam định cũng là một trường đặc biệt. Lúc thi, vì cháy trường thi, mà sĩ tử trường Nam phải lưu vong mãi vào trong Thanh Hóa mà ghé ống quyến thi nhờ. Đến lúc Nam Định đã dựng lại được trường thi, thì từ đó lại được nhận cả học trò Hà Nội dồn về. Cũng như mấy khoa trước, khoa Đinh Dậu đó (1897), anh Hà Nội bị Tây đuổi trường, lại vẫn phải chạy xuống Nam Định, chuyển cái không khí kinh kỳ xuống vùng quê hương Tú Xương, “trường Nam thi lắn với trường Hà”.

Riêng cái trường thi Hà Nội (nay là chỗ khu Thư viện Trung ương và Bộ Công nghiệp nặng) cũng đã bị đóng trường thi, ngay từ trước cái năm 1882 Hà Nội

mất thi đó, lính Tây chiếm trường thi làm trại lính trong bốn năm (theo lời ghi của Mát-xông). Trường thi Hà Nội lúc đó tự nhiên thành ra một cái địa điểm tập kết của lính Tây từ đó tấn công thẳng vào mây mặt thành Thăng Long, trong dịp Hà Nội thất thủ lần I (1873). Bọn lính kéo tất cả đi đánh thành, và chỉ để có 8 tên ở lại trong trường thi trông coi đồ đạc hậu cần. Nó chiếm xong thành, nó lại trở về cái trường thi chiếm đóng. Liền mấy năm, cái chỗ trang nghiêm thi đua giấy bản mực tầu tú thư ngũ kinh đó, nay làm chỗ chuồng phân ngựa Tây, hố tiêu lính đen lính trắng. Bọn lính Pháp giặt giũ quần áo trước trại họ, và đào rất nhiều giếng ăn. Xưa kia là hố cọc trồng cột nhà thập đạo và lỗ cột nhà các quan chấm trường, thì nay là hố giặt và giếng ăn của bọn lính kiết ly.

Trường thi bị chiếm làm trại lính Tây, cũng như nửa thế kỷ sau, trường học Pháp Việt con gái con trai đều trở thành bẩn doanh lê dương, đạo binh thuộc địa, và trại lính Nhật. Võ cứ dẫm vào văn, hồ như đã sẵn cái nếp cũ đó của trường thi Hà Nội xưa chăng? Giữa bãi trường thi, kéo lên chiếc cờ tam tài. Ông quan Huế làm chức kinh lược Bắc Kỳ trợ trẻ xun xoe dàn ra một ngàn lính áo nẹp, nón dấu, đón ông Lãnh sự Pháp vào trường thi. Trường thi lại trở thành hành dinh của Lãnh sự Pháp.

Ta vẫn cần trường thi Hà Nội, mà Tây thì ý ra giữa trường thi, lấy cớ là khu Đồn Thùy hai mẫu rưỡi

ta cắt cho họ, thì chưa xong gì cả. Nó vòi ta, vừa vòi vừa áp lực, đòi tăng diện tích nhượng địa Đồn Thủy phía bờ sông lên thành 18 mầu lè mấy sào máy thước gì đó. Ta cần lấy trường sớm, nên nó có bắt bì hơn thế nữa, cũng phải nhận. Bấy giờ nó mới chịu giả trường thi, vào ngày 16-10-1876.

Một tháng sau đó, ta mở lại khoa thi. Khoa thi trường Hà Nội năm 1876 có 5.000 thày khóa. Khóa thi sau 1879, có 7.000 sĩ tử (dân số Hà Nội lúc ấy là 56.000 ở sổ định). Trong suốt thời gian chấm trường, quan ta cấm bán rượu, nhưng rượu bán cán văn lũ lì xuyên các cửa ô mà vào. Khóa thi 1879, người đi thi, người không thi cử gì, tất cả Hà Nội trí thức năm ấy đều uống rượu nhiều hơn những năm thi cũ. Vì khóa thi 1897 đó là khóa thi cuối cùng của trường thi Hà Nội. Từ đó trở đi, anh học trò Hà Nội mất trường thi, lưu lạc đi các địa phận khác mà trổ tài. Và trường thi Hà Nội dùng vào việc khác. Những năm đói năm loạn, đến mấy chục vạn ăn mày từ tinh đàng ngoài đều kéo về Hà Nội, và trường thi biến thành nơi ăn mày lín chẩn. Chín cửa trường thi trước đây mở ra cho học trò len vào, thì nay lại mở ra để đổ gạo phát chẩn vào những bàn tay xoè ra nhận nửa cân gạo một. Sau đó, thì Tây dùng nền trường thi làm nền cho Nha Kinh lược Bắc Kỳ, làm nền cho nhà Đấu xảo đầu tiên của Pháp. Nói về trường thi Hà Nội hồi đó, Tây còn giờ

giọng ba rọi mà bị bơ viết trong *Tạp chí địa dư* năm 1883 rằng "... trường thi bị coi như ô uế đì vì chúng ta đóng tại đó, và nó không xứng đáng mà đón tiếp những cử tử và quan trường sau này. Có thể vì lẽ đó, có thể vì họ cho rằng nhả nho sẽ bị hư hỏng vì xúc tiếp với chúng ta, có thể vì họ muốn hạ giá đi một thành thị nay có đại diện chính quyền Pháp, mà từ đó trở đi, thi cử đều chuyển về Nam Định...".

Áy là chuyện râu ria về trường thi Hà Nội. Thủ đô Hà Nội đã có lúc mất trường thi, thì Kinh đô Huế cũng đã có lúc vỡ trường thi.

Năm 1885 đó (năm Trần Tế Xương lếu chông lần đầu tiên trong đời cử tử của mình tại trường thi Nam Định), cũng là năm vỡ khóa thi hội thi đình, vỡ ngay giữ sân rồng triều đình Huế. Khoa thi ở sân rồng năm mở đầu đời vua Hàm Nghi đó, nhà thơ Nguyễn Thượng Hiền (sau này làm Đốc học tỉnh Nam Định) đã hụt Tiến sĩ. Loa vua sắp xướng danh thi đại bác lính Tây nổ vào Kinh thành Huế thất thủ năm Dậu đó. Các vị Tiến sĩ hụt đều hoang mang ly loạn, và nhân dân tỉnh Thừa Thiên thì làm giỗ tập thể. "Ngày quây cờ chung" đó không ai là không có thân nhân chết trong binh lửa vỡ thành.

*"Cờ quạt rái rác bỏ khắp đường  
Bên đường xương chất qua bâu đặc"*

*Sông Hương bóng xé nước ủn ủn  
Mùi máu xông, người không qua được..."*

(Bài từ của Nguyễn Thượng Hiền  
do Lê Thước và Vũ Đình Liên dịch)

Ở dọc phố Lân Ông Hà Nội, nơi đồng giấy lộn trong thúng một bà đồng nát bán rong sách báo Tây cũ làm giấy gói hàng, thấy có những tờ sách cũ *Bắc Kỳ cố sự* của Buaranh nói về khóa thi hương Giáp Ngọ (1894):

"Trường thi Nam Định năm 1894 đông như kiến cỏ. Năm 1891, Nam Định chỉ có 9.000 sĩ tử, năm 1894 con số người đi thi lên tới 11 ngàn. Từ giữa trường thi, chỗ đường thập đạo trông ra, trùng trùng điệp điệp những mu rùa bằng tre, những tấm mui luyện nhà đò (ý nói những thi cụ lều chông). Kỳ đệ nhất vào ngày 25-10-1894, kỳ đệ nhì, ngày 15-11. Kỳ đệ tam 25-11. Và kỳ phúc hạch đệ tứ là ngày 2-12-1894. Ngày 8-12-1894 là lề xướng danh những người đỗ. Tiếng loa ran lên, ôm ôm lanh lanh. Tiếng i ói gọi nhau lạc đường của người nhà các thầy khóa, của tiểu đồng lão bộc quản gia nhổ lều đội chông ra về trong đêm tối lập loè ánh đuốc. Đám đông lên tới hai mươi nhăm ngàn người. Lễ xướng danh từ sớm cho đến chiều. Ghế hành của các quan chấm trường dự lễ tại ghế cao đến bốn thước mét. Quan Toàn quyền bận không đến, có

quan cai trị Moren thay mặt dự lễ. Cứ xong mỗi tên ông tân khoa xướng lên là mất năm phút - tính từ lúc cất tiếng loa gọi tên, xoáy sang phía phải xoáy sang phía trái, cho tới lúc người trúng thi thích cánh lách được lên chỗ đệ trình căn cước. Khoa thi 1894 lấy 60 Cử nhân và 200 Tú tài (lệ triều đình đặt ra thường lấy theo tỷ lệ nhát cử tam tú, cứ chấm lấy một Cử nhân thì lấy được ba Tú tài). Xướng xong tên 60 ông Cử tân khoa, mất ba tiếng đồng hồ, thi quan sứ Moren về. Các ông tân khoa phục xuống lạy. Ở tinh đường quan Tổng đốc, quan Kinh lược Bắc Kỳ ban mũ, ban áo tác xanh, ban ô, ban tráp sơn nô là những huân hiệu cụ thể của người men chân lên cái thang hoạn lộ. Vân vân...". Ngày yết bàng ấy được kết thúc nhốn nháo la đà ở tòa sứ Nam Định bằng một tiệc rượu nhảy đầm đủ mặt các thứ tai họng tai mũi thực dân nứt mắt cũng như xồm xoàm.

Những đoạn sách Tây nói về khóa sinh ta thi chữ Hán, lại có kèm cả ảnh. Ảnh chụp trường thi Nam Định. Một chu vi hàng rào tre đánh đai lấy một diện tích lều và chông. Lều, trong ảnh, toàn hình mui luyên. Không nhìn được chú dưới ảnh, cũng dễ lầm với một bến đò cạn nước, hoặc một cánh đồng lởm ngổm những mu rùa.

(Truyện ngắn *Bão oán* trong VANG BÓNG MỘT THỜI (1940) của Nguyễn Tuân cũng có dựng lại

phân nào về những khóa thi của trường thi Nam Định).

\*

\* \* \*

Thơ và đời Tú Xương định liên khít với thiết chế trường thi và sự thi cử ở trường Nam Định. Có thể nói một cách khác: Tú Xương là một sự đi thi; hoặc: thơ và phú Tú Xương là những hồi quang tê tái về sự thi cử lúc nó sắp tàn cục.

Tính lại mà xem về cả đời Tú Xương vèn vẹn có 37 tuổi, thì Tú Xương đi thi liền một hơi suốt 22 năm, không khóa nào không lặn đận trường ốc. Mới 15 tuổi, đã đeo lên người một cái ống quyển và không ngoa ngoắt tí nào, khi chúng ta nói rằng cái người Tú Xương ấy lêu chông từ khi còn để chòm.

Này nhá:

Tú Xương sinh năm 1870, đến năm 1885 đã bắt đầu làm quen với cái tiếng loa kinh hãi nơi cửa trường, nơi nhà thập đạo giữa trường. Khoa Ất Dậu 1885, không đỗ. Và chúng ta cũng không lấy làm lạ vì cái sự hỏng thi của cậu Xương 15 tuổi đó. Mà chỉ coi đây như là một cuộc thực tập của cậu khóa Xương, đi chuyến đầu đò, chưa đặt ra thi là phải đỗ, mà chỉ coi lần đó như là đi cho nó quen đi đỗ.

Năm Mậu Ti 1888, lại đi thi. Cái lêu và cái chông ai đóng ai phát cậy cho Trần Tế Xương khá lắm,

không một khôn rách gì cả. Lâu chong năm xưa, chỉ phái đi lớp bụi dày, Tú Xương nhập trường lần thứ hai, với cái tâm lý là thi thật, chứ không thi thử như năm 1885 nữa. Nhưng lại hỏng. Khoa Tân Mão 1891 lại đi và lại vẫn hỏng.

Khoa Giáp Ngọ 1894, mới đỗ. Nhưng chỉ đỗ Tú tài. Trần Tế Xương năm đó 24 tuổi và từ đó đã chính thức thành tên là Tú Xương.

Thời bấy giờ khôi người hỏng hoài hỏng mãi, mà vẫn đi thi suốt đời. Huống chi đã đỗ Tú tài, lại càng đi thi mạnh. Có người đỗ hai lần Tú tài gọi là Tú kép. Nếu đỗ Tú tài lại đến những ba lần, thì gọi là Tú mền, Tú đụp, vân vân. Có những ông Tú đi thi trọn đời mà chung thân chỉ là Tú tài, không bao giờ trở nên Cử nhân, hoặc hơn nữa, đại khoa đại khiết.

Từ sau khoa Ngọ 1894, đỗ Tú tài rồi, Tú Xương còn lều chong một lèo 12 năm nữa, tức là 4 khoa thi nữa: Khoa Đinh Dậu (1897), khoa Canh Tí (1900) khoa Quý Mão (1903) và khoa Bình Ngọ (1906). Thế rồi Tú Xương mất vào đầu năm sau. Tức là Tú Xương thi chết thôi, thi cho đến chết mới thôi.

Nếu Tú Xương không mất vào năm 1907, tôi tin rằng Tú Xương còn lều chong cho đến cái năm 1915 bỏ hẳn chữ Hán. “Nhà nước còn thi, hãy cứ thi” kia mà! Với một người như Tú Xương, còn sống mà lại không đi thi nữa, thì là một việc không thể quan niệm như thế được. Tôi vẫn cho rằng nếu Tú Xương còn sống quá cái năm 1907 ông mất, thì ông còn thường

trực có mặt nơi cửa trường và có lều trong vi thi. Và chỉ ít, thể nào khoa thi vào lớp cuối chầu chữ Hán là khoa năm 1912 đó, thể nào Tú Xương cũng lại đi. Để mà được xem nốt những chuyện lạ lúc giao thời Tây. Toàn quyền Pháp là Xarô tự tay phát mū áo cho những ông Cử nhân khoa thi sắp thi vét. Chỉ một chút nữa thôi, thì Toàn quyền Xarô đã tan xác nổ giữa trường thi Nam Định do một trái đạn của chiến sĩ Quang Phục hội<sup>(1)</sup>.

- (1) Bom này đưa từ Trung Quốc về, cốt để giết thực dân cao cấp Pháp tai giữa trường thi Nam Định, và kích động thêm giới trí thức nhà nho yêu nước chống Pháp mạnh hơn nữa. (Theo *Cách mạng cận đại Việt Nam* của Trần Huy Liệu, Nguyễn Công Bình, Văn Tạo). Không tạo được điều kiện khách quan để nổ đúng vào tháng 11-1912 tại giữa trường thi Nam Định, tạc đạn ấy đầu năm sau đã nổ tại phố Tràng Tiền Thủ đô Hà Nội, giết một số vō quan cao cấp Pháp tại khách sạn Hà Nội. Tạc đạn nổ giữa Hà Nội, và nổ luôn ở phố tỉnh Thái Bình, cho ngoéo luôn một tên quan ta đại ninh Tây. Về cái chết của tên Tuần phủ Nguyễn Duy Hân đó, thời nhân (tôi xin lỗi chưa tìm được ra tên họ nhà thơ nhân dân này) đã “vịnh” rằng.

*Bỗng đâu tiếng sét đánh ngang trời  
Tình Thái quan Tuấn mắt mang to  
Bia tạc ngàn thu từ đây nhỉ  
Sấm kêu một tiếng ôi giờ ôi  
Mê day Bắc Đầu deo chưa đoạn  
Tập án Đông Du kết chưa rồi  
Cậu Kép là tay trinh thám giỏi  
Thảm ra cho kỹ nó la ai.*

Bài thơ này hay ở chỗ “nhất điểm lương diện” đánh luồn một lúc cả hai bối con thằng nịnh Tây. Cậu Kép (câu thơ thứ 7) là con thằng chết bom, và nó đã sớm noi gương bố nó mà làm mặt thảm rồi.

Tóm lại, trong cuộc đời 37 năm của mình, Tú Xương đã đi thi liền 8 khoa, như Tú Xương đã tự mỉa rằng “tám khoa chưa khỏi phạm trường quy”.

Hầu hết những phú và thơ Tú Xương có dính đến chủ đề thi cử, thường thấy trùm lên một màu ám đạm của những cảnh ngộ nửa buồn nửa bức. Thoát ra cái thông lệ đó, có lẽ là bài *Đi thi nói ngông*<sup>(1)</sup>

*Ông trông lên bảng thấy tên ông  
 Ông tớp rượu vào, ông nói ngông  
 Trên bảng năm mươi thầy cử đội  
 Bốn kỵ mười bảy cái ưu thông  
 Xương danh tên gọi trên minh tượng  
 Ăn yến xem ra có thịt công  
 Cụ xúi có cô con gái đẹp  
 Lăm le xui bố cưới làm chồng*

Bài này không rõ Tú Xương làm vào năm tháng nào, nhưng có thể khẳng định được rằng nó được hình thành ra vào thời kỳ thi đỗ năm 24 tuổi. Trước khóa thi đỗ năm Giáp Ngọ, Tú Xương khó mà có được cái giọng tự tin đó, mặc dầu đây cũng chỉ là một kiểu ngông đùa của một thi sĩ ngông. Trước đó, cũng không được, và sau thời kỳ 24 tuổi tin minh tin đời đó cũng

(1) Không rõ những nhan đề từng bài thơ (bài này, và tất cả những bài khác nữa của Tú Xương) là do chính Tú Xương tiêu nó lên như thế, hay là do người đồng thời đặt hô cho Tú Xương, và cứ thế mà “truyền khẩu” tới chúng ta! Tác phẩm Tú Xương vốn không có bản thảo và tự tích, hời ôi!

không được; bởi vì càng về sau này, càng thi càng cay cứ về lều chõng, hơi thơ Tú Xương càng nẫu đi, màu thơ Tú Xương càng úa sắc, chất thơ Tú Xương có nhiều gia vị hơn, nhưng cũng có mất nhiều đi cái hồn nhiên đó.

Cái hồn nhiên của một người tân khoa trẻ tráng, tin rằng có tài có học có thi thì phải có đỗ, khoa này đỗ Tú tài thì khoa sau khắc đỗ Cử nhân, và càng thi càng đỗ cao, cao cho tới Tiến sĩ ông nghè thì có chăng mới chịu buông tay bút và ống quyển ra. Cái tự tin của thời hồn nhiên đó tạo cho Tú Xương một nhỡn quan an lạc về trường ốc và cuộc đời sĩ tử.

Ừ, thiên hạ giỏi lắm thì bốn kỹ chỉ đến tổng cộng 16 điểm, thông luôn 16 chấm ưu, vậy mà mình lại được những 17! Bên cái ngông, còn nổi nhọn lên cái tâm lý của một nhà nho trẻ sung sức yêu hiện tại và tin hẳn vào bản mệnh mình, tự cho mình phải đột xuất lên trên cái số 50 vị Cử nhân thường lệ của mỗi khoa thi Hương. Linh mū linh áo vua ban giữa một cái sân đá hoa mènh mông có ngựa có cờ “Phụng chi cầu hiền”. Có tàn vàng, có lọng tía, có voi ngà bit bạc nạm vàng. Và người ta lại phải nghển trên bành voi mà loa đi thật cái họ cái tên mình, nghĩ mà thấy cũng đã “thỏa lòng mẹ cha”, trong đạo hiếu. Thế rồi nhà vua tú yến. Cỗ yến ban xuống có nhiều hương vị mà ở mâm giữa đình làng Vị Xuyên phong vận nhiều quan cung không bao giờ biết tới. Chả phượng thịt

công. Bất nhẫn mà hường thu lấy một mình, phải kín đáo bọc những miếng chín đó vào vuông khăn điếu, lấy phần đem về trao cho bố mẹ già đã có công sinh dưỡng mình!

Tất cả hào quang vinh quang đó quý thì quý thật, nhưng vẫn chưa quý bằng cái cặp mắt xanh của cô con gái thầy học, của con gái cụ đầu xứ tinh minh, của người giai nhân đã ngấp nghé mình, dám phá cả công thức luân lý một thời mà “lâm le xui bố cười lâm chồng”. Đại đăng khoa như thế! Tiêu đăng khoa như thế! Gọi bài thơ đó là ngông cũng được, và gọi đó là một cái mộng lành mộng đẹp của tất cả những người học trò chán phương thời cũ, cũng là đúng vậy thay.

Cái lòng yêu đời ấy, tự tin về tài học ấy, Tú Xương đem nó cá vào trong văn tế bạn: “... dẽ văn hay, làm cho thị táo chết tươi...” ý nói rằng đời phải ngả gõ xuống nhiều hơn nữa đi, phải cưa xẻ gõ thị táo nhiều nữa đi, phải khắc nhiều mộc bàn nữa đi, cho những bài thơ Tú Xương có tài này.

Lòng tin cậy của một thời hôn nhiên như nắng sớm mai ấy, còn lóe hẳn trong một đôi câu đối Tết, lồng vào một bài ca trù hát à đào:

“... Cực nhân gian chi phàm giá,  
phong nguyệt tinh hoài;  
Tôi thế thượng chi phong lưu, giang hồ  
khi cốt.

*Viết vào giấy dán ngay lên cột  
Hỏi mẹ máy rằng đỗ hay hay?  
- Rằng hay thì thực là hay,  
Không hay sao lại đỗ ngay Tú tài!  
Xưa nay em vẫn chịu ngài!".*

Trước khi hạ những câu tự tin trên, dưới hình thức đối thoại với một người đàn bà yêu mình trọng tài mình, Tú Xương đã túm tìm một cách mẫn nguyện hơn bao giờ hết “huống chi mình đã đỗ Tú tài” (!). Ngày thơ một cách biết bao dễ thương! Và từ đó trở đi, cái hồn nhiên ấy đối với khoa cử cứ mỗi ngày mỗi giảm sắc đi. Nó giống như cành hoa cứ úa nâu dần trên án thư. Thực tế khách quan của thi cử lúc giao thời thêm mãi vào thơ Tú Xương đủ các vị mặn, chát, chua, cay, và biến hẳn đi cái hương vị tươi mát buổi sơ đầu.

Lúc đầu, Tú Xương ngông vì đỗ một lần Tú tài, về sau, chẳng khoa nào đỗ thêm gì nữa, Tú Xương vẫn ngông và càng ngông nghênh. Dúng như cái kiểu Tân Đà (người đồng thời với Tú Xương, tuy không đồng tuổi) đã làm thơ tự trào:

*“(...) Bởi ông hay quá! Ông không đỗ  
Không đỗ ông càng tốt bộ ngông!”*

Ngơ vực dần dần thay thế hẳn cho tâm lòng hồn hậu trai trẻ, theo với cái đà thi hỏng vê sau:

*“Thi là thế, học hành là thế  
Trò chuyện cùng ai!*

*Sách vở mập mờ.  
Văn chương lóng ngóng (...)"*

*"(...) Khăn khăn áo áo thêm rày chuyện  
Bút bút nghiên nghiên khéo giờ tuồng..."*

Buồn về thi hỏng, Tú Xương lòng nô vào cái đời  
thầy đồ dạy học, và đưa cái bực ấy vào hơi phú:

*"Vài quyển sách nát  
Dám thằng trẻ ranh  
Văn có hay đã đồ làm quan, vông điếu  
vông tía  
Võ có giỏi đã ra giúp nước, khố đồ  
khố xanh"*

Lại còn tủi mình và thấy thương cho chữ hiếu:

*"Deo tiếng văn chương cho thê mia  
Cực lòng cha mẹ đẻ con ra"*

Buồn bực, rồi tự an ủi:

*"(...) Đỗ dành may khỏi tiếng cha cu..."*

Rồi trở nên tiêu cực:

*"(...) Một việc văn chương thôi cũng nhảm  
Trăm năm thân thê có ra gì..."*

Vào cuối thời chúa Hán tàn cục ấy, có một người  
hỗn thi khác cũng chán chường với khoa cử. Ấy là  
một nhà thơ nữa: Tân Đà Nguyễn Khắc Hiếu, cũng  
thi ở trường Nam (những khoa Hà Nam hợp thi gộp  
cả học trò Nam Định và học trò trường thi Hà Nội đã

bị giải tán trường thi). Trường Nam năm đó mưa bão to, bài trường thi úng nước, nhiều chiếc lều thi phát cây rách bục, nhiều chiếc chõng thi bị ngập nước, phải lấy tráp mà kê quyền lên; nhiều anh quyền bị tì ố không đổi kịp. Và có anh học trò phuc trên bản nháp mà chết gục, tay cứng vẫn không rời cái bút thuỷ, và cả khu trường ấy nồng lên mùi tử khí của khói chổi xể và bồ kếp. Tân Đà hỏng thi và bị tình phụ, đã mượn lời anh xẩm mù mà hát về *Kiếp học trò* rằng:

“(...) Văn không hay, chẳng đồ thì đừng  
Gió mưa (anh) khỏi chết, nửa mừng  
(anh lại) nửa thương.

Cái nghiệp bút nghiên cay đắng đủ  
trăm đường.

Bảng vàng mù bạc (thôi) anh nhường  
mặc ai.

Muôn lén bà (nà) khóc lầm! Em ơi !”

Tú Xương ngán mỏi cho mình, và trông ra chung quanh, càng thấy mệt mỏi thêm vì những diên mạo và tâm địa các vị tân khoa đương thời. Có những anh dốt một cách thật là quá công khai, mà lại đỗ Tiến sĩ. Vịnh những thứ Tiến sĩ oan áy, Tú Xương thay mặt cho những con người “học tài thi phận”, đã phải kêu lên rằng:

“Nghe văn mà góm cho ông mai  
Cờ biến vua ban cùng lợ đỡ !”

(Những câu thơ Tú Xương về ông Tiến sĩ đương thời, sao nó như là họ hàng đáng dấp với thơ vịnh *Tiến sĩ giấy* của Yên Đổ:

*Cũng cờ cũng biển cũng cân đai  
Cũng gọi ông Nghè có kém ai  
Mảnh giấy làm nên thân giáp bǎng  
Nét son điểm rõ mặt văn khôi  
Tấm thân xiêm áo sao mà nhẹ  
Cái giá khoa danh ấy mới hời  
Ghế cheo lọng xanh ngồi bảnh chọe  
Tường rǎng đồ thật hóa đồ chơi*

Đi thi, trúng thi, không lấy tài học làm tiêu chuẩn chính. Thi đỗ lại sở cứ vào những thứ không tiện nói (thẳng) ra, mà Tú Xương tam liệt nó vào cái tiêu chuẩn phúc (đức) rất là eo giàn:

*Người ta thi chữ ông thi phúc,  
Dù dở dù hay ông cũng vào”.*

Cửa trường mở ra không khác gì rạp tuồng lúc tháo khoán. Mà dã như thế thì

*Nhà nước còn thi hãy cứ thi  
Việc gì mà chẳng rủ nhau đi”.*

Cho đến cái “đức vua” Minh Mạng là người đã bày ra các tổ chức 7 trường thi từ Sài Gòn ra Hà Nội đi qua Huế, cũng đã từng phái nói rằng: “Lâu nay khoa cử làm cho người ta sai làm, Trẫm nghĩ văn chương vốn không có quy củ nhất định, mà nay văn cử nghiệp

chỉ câu nệ cái hú sáo (...). Học như thế thì trách nào mà nhân tài chẳng mỗi ngày một kém đi". (*Việt Nam sử lược*, Trần Trọng Kim).

Cái điều mà ông vua đó phải nói đến, lại vẫn chưa nguy hiểm bằng những cái điều Tú Xương phải thấy bằng đôi mắt đôi tai mình hằng ngày. Thấy gì? Thấy những đứa dốt đặc dốt lóng, và nghe người ta đọc tên đám dốt đó trúng tuyển "phụng chỉ cầu hiền" đúng như cờ vua thêu chỉ kim tuyển đang phe phẩy ở sân và công trường thi gọi loa. Kết quả của một khóa thi, hai khóa thi, ba khóa thi, chỉ là sự hoành hành của cái dốt đã được tráng tráo đề cao bằng mũ và áo cờ biển nhà vua ban cho và đày lên. Những tám hòn ngay thẳng ở phố Nam Định ở làng tình Nam, không thể không đồng tình với những câu hời ơi của Tú Xương:

*"Ơi thi ơi là thi!  
Ơi khi ơi là khỉ!"*

Than sự thi, đến thế là đã hết cả chữ, ráo hết cả mực và cạn cả nghĩa chữ rồi. Câu thứ tư của bài thơ ngũ ngôn vẫn trắc, khác chi một chữ xoắn cộc lốc của thể thơ yết hậu nó đánh đánh chát một cái vào những cái điều tiêu lên mà vịnh mà đè. "Ơi khi ơi là khỉ!". Buồn cười như anh không biết bơi bị uống nhiều ngum nước mùn thớt! Đồ con khỉ nhẹ ráng cười khi bị giội nước sòi! Khi mà công lý công luân bị nhục mà thì hay sảng sặc lên cái hơi cười uất ức đó. Giữa bài thơ mình đọc cho chung quanh, chẳng nhẹ lại văng ra đầy một con giục túi hơn cà moi sư lõa lồ! Con khỉ

đây là một biểu tượng thế phẩm cho cái (cái hay là con?) hình tượng mà một nhà nho tự trọng đã vừa kìm nó lại kịp thời. Con khỉ đây chính là muôn nói cái con đó mà lại không chịu dùng cái tiếng đó! “Ój khỉ ơi là khỉ!”. Vừa cười, vừa chửi, vừa thét gào, vừa mếu cho mọi trò bú dù đang xảy ra chung quanh những cuộc đánh giá văn chương của một thời bô láo lợm mưa! Cân phải nôn thốc vào, cần phải cho ọe ọc ra cho kỹ hết.

Trong bấy nhiêu khoa thi mà Tú Xương đã đưa lều đưa chông và đưa tâm trí mình vào, phúc tạp nhất, có lẽ là khoa thi năm Đinh Dậu 1897. Chưa khi nào lại ba lăng nhăng, lại nhốn nháo đến thế. Đúng là một khóa thi của buổi giao thời xáo ngầu cả ba môn Ta (học trò) Tàu (văn bài chữ Hán) và Tây (sự có mặt quan Pháp chủ lề, và các bà đầm vợ họ). Quan văn, quan võ, lính ta lính Tây, súng đại bác, tàu chiến, đầm thật, me Tây. Thôi thì đủ cả. Cả hàng mấy ngàn học trò giữa trường thi, quanh trường thi, cả nhân dân khắp phố thành Nam và các làng ngoại vi thị xã Nam Định, đều như chờ đợi một biến cố gì sắp xảy ra. Một không khí khủng bố trùm lên cả một cái tinh văn học. Cho đến nỗi:

*“Câu văn đặc ý đừng ngâm ngợi  
Chén rượu mềm môi chờ gặt gù”*

Tú Xương dặn thế chưa cho là đủ lầm rồi, lại còn dặn thêm người đi thi “ra phố khăn quàng quá trán”. Nhưng, bất chấp cả sự cẩn thận giữ gìn kiêu làm thơ ẩn dụ, bất chấp cả sự bao vây theo dõi bit mồm bit

miệng của thống trị Pháp, những tin tức về phong trào khởi nghĩa Kỳ Đồng vẫn được xì xào trong bóng tối, và bàn tán trong những nhóm lè té kín đáo<sup>(1)</sup>

(1) Kỳ Đồng, tên thật là Nguyễn Văn Cẩm, thông minh từ nhỏ. Nhiều thư “thần thoai” hồi đó loan đi khắp nơi rằng Kỳ Đồng có tài đi trên mặt nước, và đạn bắn không xuyên được vào người Kỳ Đồng. Người trẻ tuổi kỹ dí đó bỗng chốc trở thành là cơ tập hợp những người săn óc ghét Pháp và đánh Phap. Pháp liền cho tàu bể đưa luôn Kỳ Đồng sang Bắc Phi. Nghị định Thống sứ Bắc Kỳ năm 1887 đưa Kỳ Đồng sang học trường trung học Angiê. Kỳ Đồng ở Angiê 9 năm và vẫn có dịp lui tới chỗ vua Ham Nghi đang bị an trí ở đó.

Kỳ Đồng trở về nước năm 1896. Thời Toàn quyền Dumez, Kỳ Đồng vở mờ chung đồn điền ở Bắc Giang với Tây thực dân. Nhưng cốt là để gần với Đề Thám ở vùng Nhâ Nam - Yên Thế. Kỳ Đồng liên lạc khập nới và mô người nhiều tinh len lam đồn điền. Có đến 3000 người len lấp ấp, ai cũng mang theo tiền lén góp cho Kỳ Đồng. Đồng nhất là người Hải Dương, Thái Bình, Nam Định. Họ đi phu gì mà lai không mang gia đình theo? Tây đâm nghi và theo sát (theo tài liệu của Paul Chack trong cuốn sách y viết về Hoang Hoa Thám). Thiếu tá Phap đóng quanh vùng Yên Thế, một đêm áp tới bắt Kỳ Đồng đưa về Phù Lang Thương, đưa luôn thẳng xuống thuyền đi Hải Phòng. Con quán áp va hương ky quanh vùng thi đưa xuống đòn Nhâ Nam ma phát tu.

Từ Hải Phòng, Kỳ Đồng bị đưa ra giữa Thái Bình Dương. Chuyến đi lần thứ hai này, cũng là chuyến đi bể dài ngày, nhưng không phải là đi học như chuyến trước mà là đi đầy. Theo Georges Reyer (đảng bài ở tuân bao Paris Match) thì Nguyễn Văn Cẩm (Kỳ Đồng) lúc bị đầy ở đảo Tahiti, đã là bạn thân của họa sĩ nổi tiếng Thế giới Gôganah (Gauguin) từ lúc họa sỹ mới, tới đảo năm 1901. Lúc ấy Kỳ Đồng đang làm công ở mây hiêu cao lâu bánh mỳ của Hoa kiều mờ ở đảo. Văn theo Georges Reyer thuật lại, thì Kỳ Đồng là một người nhiều tài năng, và có óc làm lớn. Kỳ Đồng có làm giúp cho họa sĩ Gôganah cải nhà sàn-xưởng họa. Gôganah vốn là một người Pháp ghét thực dân ra mặt.

Khoa thi Giáp Ngọ cách đây ba năm trước, cũng có Tây về chủ lê. Nhưng chỉ là Tây xoàng. Lần này lại có Tây to về kia. Toàn quyền Đume về thị oai (một số nhà nho bài Pháp hồi ấy còn gọi là thằng *Đù mẹ*). Toàn quyền “*Đù mẹ*” đang bắt đầu bòn rút đủ cách. Bày ra đủ mặt sưu thuế nặng. Muối đánh nặng. Thuế thuốc phiện, ai nghiện thì mới tức. Chứ muối thì tinh nào cũng chửi. Không ai không chửi. Cờ bài rượu lại để là RA. Ông thông ngôn Sài Gòn lại còn đi dịch đưa ra là “Cộng hòa An Nam Mít viết tắt đó! *Đù mẹ!*”. Có cả Công sứ Đắc cũng tới dự lễ. Công sứ Darles này là một trong số bốn tên quan cai trị Pháp loại hiềm ác mà thời nhân vẫn gọi là “Bắc Kỳ tứ hung”. Pháp điều động một số pháo thuyền về bờ sông Nam Định, ca nồng đã lấy săn góc độ bắn cầu vòng vào những mục tiêu định sẵn. Trường thi Nam Định được nằm trong tầm súng đại bác.

Thành và phố Nam Định đông ăm áp hẳn lên. Không phải cái đông đúc của tháng mở hội, cũng không phải cái đông đảo bình thường của những năm vua mở khoa thi để chọn hiền tài mọi lần. Cái đông đúc này được người phố phường thấp giọng xuống mà nhận định là “hình như sắp có loạn gì”. Đường hoa thị xóm Mỹ Trọng, người như kiến cỏ. Chẳng ai biết ai. Sao tự nhiên ủn về nhiều người lạ mặt đến thế đông đến thế, mà phu cảng phu thuê lại mắt cả làm án,

không ai dám nghèn ngang cái đòn ống. Khám kỹ lăm, xem có giấu súng đạn dao mác gì không xuể, họ cấm. Khổ xanh khổ đỏ đầy đường. Mật thám như rươi. Nhà hát à đào Hàng Thao lúc nào cũng kìn kìn người ra vào như gian hàng hội chợ đấu xảo, nhưng chẳng ra cái chau hát gì cả. Các thầy khóa trường Hà Nội xuống thi chung với các thầy khóa Nam Định khăn áo vẫn có vẻ nền hơn bất cứ nơi nào. Nhưng cũng khó mà phân biệt người buồn tình đi nghe đàn hát thật sự với kè nào già vờ đi nghe hát cốt để mòng tin. Một số đào nương nhờ nhơ quen, nay cũng trở thành người ít nhiều có suy nghĩ, vừa suy nghĩ vừa chửi thầm quan Tây và lính Tây. Tình Nam Định, những gốc hoè ra hoa vàng, nấm áy hình như xuống sắc, và vàng nâu, nó không tươi như những mùa thi trước.

Trường thi Nam định khoa Đinh Dậu đó, cái mà các thầy khóa hay bàn bạc nhiều nhất với nhau, chính là mấy cái món thay đổi mới, mấy cái món mới thêm thắt vào. Ví dụ như rồi sẽ bò hẳn chữ Hán (thực ra việc này Tây định làm ngay đây, nhưng mãi đến 18 năm sau, họ mới bỏ được chữ Hán). Ví dụ như món bốn bài toán viết bằng con chữ số A Rập. Nhất là cái món chữ quốc ngữ. Ngữ âm vẫn như tiếng nôm ta, nhưng văn tự thì lại dùng chữ La Mã (nay gọi là La tinh hóa) thứ chữ viết của những người nước ngoài

đến đánh chiếm nước ta. Va từ khóa thi này, chữ gọi là quốc ngữ đó sẽ dần dần thay thế hẳn chữ Hán.

Chao ôi, việc thi cử thì rắc rối bày trò như thế, mà việc nước việc thời thế thì như thế! Bụng người đi thi thật là một mớ bòng bong. Lại còn vọng ra, từ trường thi hương Nghệ An, cái tin Phan Bội Châu bị án chung thân không được thi cử bất cứ ở đâu<sup>(1)</sup>

Bài tám câu dưới đây của Tú Xương không đem tất cả ngọt ngạt và nhốn nháo khoa Đinh Dậu đó vào thơ nhưng, dưới một góc độ nhồn quan cũng thật là hiện thực kiểu Tú Xương cũng đã khắc lại cho đời sau những nét tranh gỗ đặc biệt của cái năm thi đặc biệt đó.

*Nhà nước ba năm mở một khoa  
Trường Nam thi lấn với Trường Hà  
Lôi thôi sĩ tử vai deo lợ  
Âm ợe quan trường miệng thét loa  
Lọng cầm rợp trời, quan sứ đến  
Vây lê quét đất, mụ đầm ra  
Nhân tài đất Bắc nào ai đó  
Ngohanh cổ mà trông cảnh nước nhà*

(1) Sau vụ án đó, Phan Bội Châu vào Kinh (Huế) già danh vào xin với Bộ xét lại án cầm thi, nhưng chính là để tìm gấp Nguyễn Thương Hiên (THƠ VĂN NGUYỄN THƯỢNG HIÊN của Lê Thước, Vũ Đình Liễn).

Tú Xương, ngậm ngùi mà thương cho cả cái trường thi, thương cho cả đám sĩ phu đang bị một nhục hình chưa bao giờ xảy đến cho họ. Những con người đạo nho vốn trọng nam miệt nữ đó, thì lại bị một lũ đàn bà, một lũ đám ngoại lai tới thì mà xúc phạm lăng mạ thẳng vào chính cái nhân sinh quan của họ. Không đỗ cũng cực, mà đỗ để phải phù phục xuống mà lạy Tây, lạy cả đám, thì càng quá là nhục. "Ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà", "Và một đàn thằng hỏng đứng mà trông", thì đã trông thấy thêm những gì nữa? Thấy thêm:

*"Trên ghê, bà đám ngoi đít vit  
Dưới sân, ông cứ ngồi đầu rồng"*

Những mụ đàn bà đó, - mặc dù nó là bà đám, mặc dù nó là Toàn quyền phu nhân, là công sứ phu nhân hoặc là gì gì phu nhân đi nữa - hỏi xem ai cho phép nó bén mảng đến cái chỗ trường thi tôn nghiêm của nhà vua cầu hiền, và phép nước, từ thượng cổ, chỉ dành riêng cho nam nhi? Ai dám cho nó vào đây? Không, chả ai cho cả. Nó là sự bắt buộc phải mời họ tới, mời vợ chồng họ tới. Cũng là sự bất đắc dĩ cả đấy thôi. Mà không mời, họ cứ ập vào, phòng thủ ta ngăn nổi được chăng? Đại bác ca nồng pháo thuyền nó đã héch cả mũi lên thành tinh lén trường thi kia kia. Khi mình đã là người thua ở lịch sử, khi đã mất nước, thì còn khôi là cái sự nhục. Đến vua thiên tử đây, mà còn phải mở cửa chính Ngọ môn cho nó, nó mới chịu lộp

cộp giày xăngđá đi vào nữa là. Còn là nhiều sì nhục chả riêng gì việc Tây đâm lọt vào trường thi. Cơn nó lên, chả thấy nó đốt beng cả trường thi Nam Định, nó đuối bắn mất cả trường thi Hà Nội đi đây ư ? Người ta mạnh, thuốc đạn đầy, người ta muốn gì, mặc cho họ; khi mà ta chưa đủ thuốc súng, hăng mặc kệ họ! Mụ đâm “váy kéo lê quét đất”, “trên ghế, ngoi đít vịt”, thôi nó muốn đến, nó muốn vào, nó muốn ngồi ghế, thôi thì nó muốn gì thì nó cứ việc làm cái việc nó muốn. Chứ còn mình, sao mình lại đi mà lạy đàn bà! Những mụ đàn bà vợ nọ vợ kia của đám Tây xâm lăng! Mà lại đội mũ mặc áo tân khoa vào mà lạy! Ô kia, chữ nghĩa và nhân cách, đem vứt cho lợn cho chó cả rồi sao! Từ thuở khai thiên lập địa trên đất ta, chưa có những sự đó bao giờ. Trước mặt Tú Xương, quả là một cuộc lộn phèo giá trị, đúng là loạn, loạn đến sau lưng rồi, loạn ở trước mặt rồi. Thôi thì có đưa lạy, nhưng cũng phải có người biết đường mà bảo họ đừng có lạy thôi nữa. Không cầm được quả nổ vứt dàoัง được vào trường thi, thì Tú Xương làm thơ vậy, và vẫn làm cái thứ thơ nửa cười nửa mếu đó.

Đương thời, hiệu lực bài thơ hiện thực phê phán đó ra sao và được bao nhiêu kết quả, tôi không rõ. Nay chỉ biết rằng trường thi đã xa vắng như cái mùi ẩm mốc của thứ giấy bản chưa rách cháy hết. Và trên những trang giấy bản ẩm nhè ấy, thơ nói về trường thi của Tú Xương giống như những lời thanh nghĩ của

một lớp sĩ phu thời đó. Không đánh được ai bằng khí giới, thì ít nhất cũng phải lấy bút ra mà vẩy cái mực sĩ khí vào những Nghè những Cử bịt mũi xu thời! Vẩy vào, và than một đôi lời.

Thời đại của ta hôm nay ngồi luận bình về thơ Tú Xương, là một thời đại khoa học mà cách mạng đã rõ cái khí thế của sự tất thắng (ở trong nước cũng như ở trên thế giới), thời đại hôm nay chỉ có hứng chử không than, và nó không dung thứ những người ngồi than suông bàn vã về thời cục. Nhưng cũng không nên quên rằng cách đây trên nửa thế kỷ, cuộc sống trên khắp sông núi Việt Nam hầu như là chỉ có tiếng than. Có người vừa than vừa chống Pháp. Có người chỉ than không thôi. Tiếng nói Tú Xương cũng là nằm trong cái bối cảnh chung đó của than thở, và nó đòi có sự cảm thông của hậu sinh, hơn là sự thương hại hoặc sự buộc tội rẻ tiền và đơn điệu của một kiểu người hanh tiến.

Cái tiếng than ấy của Tú Xương về trường thi xưa, cũng không ngoài cái đau buồn về một đạo học dã nhạt dần sức hấp dẫn cuối chầu của nó:

“(...) Mười người đi học chín người thôi  
Có hàng bán sách lim dim ngủ  
Thầy khóa tư lương nhập nhổm ngồi  
Si khi rụt rè gà phải cáo  
Văn chương liều lĩnh đâm ăn xôi”.

Càng về cuối, những khoa thi trường Nam Định càng bày ra những tàn tật của chữ Hán, của đạo nho. Chữ Hán rút lui dần, chữ ta La mã hóa La tinh hóa lấn dần chữ Hán. Chữ quốc ngữ loang ra đến đâu thì những phán, những ký, những thông ngôn cũng ngày càng nhiều nhiều. Không cần thông báo với nhau, không cần có một tổ chức một nghiệp đoàn nhất định, mà tất cả phán thông ký ấy đã trở thành một đẳng cấp xã hội. Lúc giao thời này, Pháp đã căn bản “dẹp” xong phong trào Văn Thân khởi nghĩa, và bước đầu bóc lột kinh tế. Nhiều giá trị tinh thần trải qua một cuộc bể dâu đạo đức. Nho sĩ, đồ nho chẳng khác gì những váng nước thoái triều, mà Tây thì cứ như con nước lên. Ngân nước ngoại xâm dâng vào đến đâu thì bọt bèo cũng được nâng theo mà tràn vào các ngách sự sống thị thành. Những cái bèo dập dờn ấy, sinh sôi nảy nở mau và đông hơn cả bèo Nhật Bản, chính là những cái mảng lớn phán ký thông.

Trong bài thơ vịnh lụt của Tú Xương có câu:

*“Trâu bò buộc cảng coi buồn nhỉ  
Tôm tép khoe mình đã sướng chưa!”*

“Trâu bò buộc cẳng” đây, không là cái số những nhà nho không biết chữ quốc ngữ La tinh hóa (hoặc không muốn học tập nó) thì còn là ai vào đây nữa? “Tôm tép khoe mình” đây, không là cái đám thông ký phán, thì còn là ai vào đây nữa?

Thơ lụt đây không hẳn là thơ ẩn dụ như những lúc cần nói bóng nói gió đến để quốc thống trị. Nhưng nó vẫn ám chỉ bọn người cộng tác với Pháp, và đám tiểu nhân đắc chí này cũng khôi anh hống hách có thể làm hại tới những người dám đương diện đụng tới họ, - họ, những thứ tôm tép đắt hàng lên nước trong một trận lụt văn hoá! Nhìn họ và nhìn vào đạo nho suy bai trông thấy nhỡn tiền, Tú Xương ngứa mắt, râm mắt. Những hột bụi bặm ký phán áy đã ít nhiều là cǎn nguyên của bệnh đau mắt ở Tú Xương. Thơ “đau mắt” Tú Xương hình thành nên cũng là bởi tại cái bọn phán ký này.

*“... Muốn mù giờ chẳng cho mù nhỉ  
Giương mắt coi chi buổi bạc tình”.*

Bạc tình với ai, với cái gì?

Bạc với nền học cũ đó! Bạc với chữ Hán đó!

Tú Xương vịnh cẩm Tây hay phạt, hết bài vịnh có nói đến cái việc:

*“Ngờ ngắn đi xia may vớ được  
Chuyên này ắt hẳn kiếm ăn to”.*

Ai binh ra đường thì cứ phạt, thì cứ nộp phạt, đó là việc người büyü bà, và nhất là việc rình mò của

cút-lit của cẩm cò nai bóp. Nhưng trên những đồng uέ kia thảm mục thương tâm cho người cũ chữ cũ là phải trông thấy giấy bản chữ thánh hiền vo nát lại thành giấy vệ sinh. Đôi với một ông đồ nho, đó là một cử chỉ vô nhân luân không thể nào tha bở được. Ngày xưa ra đường, cái điểm danh sự tối thiểu của bậc nho giả chân chính là, mỗi khi thấy chữ thánh vương xuống đất, phải cúi mình xuống, nhặt lên, và để vào những cái bô nhất định (nếu tôi không nhớ lầm danh từ, thì những bồ đó, các cụ gọi là kính tích tự chỉ). Nay họ sinh nhai bằng thứ chữ mới do Tây đưa vào, những con người thông ngôn thông phán bội bạc chữ nho, miệt thị chữ Hán chưa đủ, họ lại còn đọa lạc họ vào những việc hôi bẩn hạ đẳng ấy, chao ôi!

*"Con tự không coi mù tịt mít  
Giống người có lẽ sạch sành sanh"*

Thôi, sự nó đã bày ra như thế ấy, thì chữ Hán, và những nho sĩ chung thủy với nó, sẽ chỉ còn là hủy diệt "sạch sành sanh". Và cuối cùng, chỉ còn lại có cái đám ký phán thông ấy mà thôi!

Tây mở kinh tế, Tây cung cống và phát triển cuộc "bình định Bắc Kỳ Trung Kỳ". Những đầu tay thuồng luồng vươn ra tới đâu, thì phán ký thông cũng túa ra tới đó. Việc kín việc hở, tòa quan văn, dinh quan võ, sở hộ, sở hình, sở công, sở tư, nhà buôn, đồn, ga, trại, thành, tỉnh, đại lý, phân tinh, nhan nhản là thông

ngôn ký phán. Thời ấy, trừ ra một số nào, còn thì ở thị thành, hình như con người ta cũng dễ biến thành một thứ ký kiếc gì của cái bộ máy lớn đó. Và từ đó, từ vựng tiếng ta tự nhiên rồi thêm ra không biết bao là tiếng gọi cho những cái chức vụ tiểu lại mới đó. Tiếng ký còn dính luôn với tên cúng cơm mỗi người làm việc Tây đó mà trở nên một thứ đại danh từ.

Trên hết là các thứ phán sự Toàn quyền, Thống sứ, Khâm sứ, Công sứ. Thứ đến là các thứ biện, thứ tham. Rồi là đến những binh đoàn các thứ ký.

Ký nhà thương, Ký cầm, Ký doan, Ký kiểm lâm kho bạc, Ký muối, Ký nóng giang, Ký rượu, Ký kho, Ký nhà bàng, Ký nhà tắm (nhà tắm ông Bảy, tức là quan Toàn quyền). Ký Bôđa<sup>(1)</sup>. Ký thịt bò. Ký nhà xéc, Ký máy đèn (có bao nhiêu thứ nhà máy công nghiệp nhẹ, thì có bấy nhiêu thứ ký). Ký tài (vận tải). Ký (trạm) ét xăng. Ký (la) ga. Ký lục lộ. Ký nhà. Ký phà đò. Ký vân vân.

Để quốc thực dân “làm ăn” nơi thuộc địa vẫn có một thứ tổ chức quy mô của nó. Muốn cho được có đủ một đạo quân hành chánh cầm bút sắt cầm bút chỉ để thỏa mãn cái nhu cầu sai bảo và cai trị của nó, Tây bèn mở ngay trường Thông ngôn từ năm 1886. Đến 1887, mở trường Hậu bổ. Lại còn gọi là trường Sĩ

(1) Tức là cửa hàng Tổng hợp bách hóa Hà Nội.

hoạn cho nó xâm trù thêm. Lại còn phát triển các lớp gọi là trường Tân quy (!). Ở đây, sách vở giấy bút, đã có Nhà nước lo cho. Quý vị chỉ cần mang đến đây cái linh hồn tinh thường của các vị thôi. Học ba năm chữ quốc ngữ và ít tiếng Pháp “maxuen” bồi bồi chấp chữ một. Tập làm tờ bẩm, tờ trình, tập làm biên bản, dịch nó từ chữ Hán ra chữ quốc ngữ, rồi dịch sang tiếng Pháp thống trị. Dịch lối thuận, rồi lại dịch lối nghịch, dịch ra, dịch vào. Có lớp dự bị, có lớp chính ngạch, xong ba năm rồi là xuất chính. Cái không khí chuẩn kí áy (chuẩn bị thành phán kí thông) có được ghi lại trong thơ Tân Đà:

*“Cử, Tú, Ấm sinh vài chục kè  
Tây, Ta, Quốc ngữ bốn năm kỵ”.*

Cái buồn của Tú Xương than đạo học (“thôi có ra gì cái chữ nho-ông Nghè ông Cống cũng nằm co”), cũng là sự bất bình của Tú Xương đối với những bệ rạc tinh thần ở đám phán kí áy. Câu “Sao băng đi học làm ông phán - Tối rượu sám banh sáng sửa bò” đó, không khi nào là một sự thèm thuồng của Tú Xương, mà trái lại, là một câu chửi mát mẻ chì chiết, khinh khô đi! Người làm thơ tự mỉa mình rằng đau khổ tâm hồn để mà làm gì, trong khi có nhiều người đã già quyết thảm kịch đời sống lúc áy bằng cái cách tớp ngay vào cái cốc, và bú ngay vào cái vú của Tây chìa cho.

*“Ông có đi thi ký lục không  
 Nghe ông quốc ngữ học chưa thông  
 Vì rằng Nhà nước cho ông đồ  
 Thị hạng lương ông được mấy đồng”*

Tây chưa đến, thì chỉ gọi là ơn vua, phán vua, lộc nước. Nay mất nước, thì lại gọi là lương tháng. Về cái lương phận một thời đó, người ngang tàng Cao Bá Quát cũng đã lấy thơ mình ra mà nghĩ về nó rằng “Đinh chung chiếc rưỡi cái lương vàng”. Cho nó lên hết cái nghĩa rẻ rúng của lương tháng do Tây ban phát, lại phải mượn đến thơ của Yên Đổ: “Bè cò, tính lại cái lương vàng” hoặc câu “ăn tiêu, nhờ được chiếc lương Tây” cũng của Yên Đổ gửi một ông bạn làm quan mới. Và xin dẫn thêm Tân Đà ra (bài *Thuật büt*):

*“Mười mấy năm xưa ngọn bút lông  
 Xác xơ chẳng bọn chút hơi đồng  
 Bay giờ anh đổi lông ra sắt  
 Cách kiếm ăn đời có nhọn không”.*

Về cái đẳng loại phán ký thông, mọc ra từ ngày lịch sử buộc ta phải chung sống một cách không bao giờ hòa bình với Tây thực dân, về cái thế giới ký phán đó, thảm hại nhất, thảm hại một cách kinh khủng, có lẽ chưa có câu nào vượt qua được hai câu dưới đây của Tú Xương:

*“Biết thân, thuở trước đi làm quách  
Chẳng ký, không thông, cưng cậu bồi”<sup>(1)</sup>*

Vẫn cái kiêu vờ vờ thèm cái địa vị “... làm ông phán, tối rượu... sớm sửa...” đó để lập tức tát trái ngay vào mặt cái địa vị đó. Vừa đánh tát, vừa rơm rớm một thứ nước mắt u hoài.

Đọc lại một số thơ Tú Xương, thấy bút pháp hiện thực của Tú Xương đã đóng đinh ký phán vào một cái tủ triển lâm lịch sử. Và cái đám ấy, chắc không bao giờ họ nghĩ ra rằng chính họ đã là những kẻ phần nào đẩy Tú Xương vào cái thế của một người mắc cái bệnh ghét chữ quốc ngữ và cái bút chì đại biểu của chữ quốc ngữ. Cái mẫu người ký phán ấy đã sống một thế kỷ ở nước ta đây. Cũng như tổng lý lệ lại, ký phán đã khắc hàn nét lên sự sống của cái triện đồng có những chữ ký thay mặt thay lời và ủy thác ủy quyền. Nó đã thành một thứ cảm nghĩ ký phán, xử sự ký phán, khôn ngoan ký phán, vui buồn ký phán, vân vân... Thực dân Pháp, ta chấm dứt toàn bộ ở trận lớn Điện

(1) Làm bồi bếp nấu nướng cho quan Tây, ngoài nghĩa đen, nó còn có cái nghĩa bóng của nó nữa. Ví dụ chuyện một ông quan ta ăn mừng thăng chức. Một nhà nho hồn mừng hai chữ đại tự cho bức hoành phi. Hai chữ “Quần Thần” mừng đó, cả tiệc khao đều cho là khen chủ nhà làm quan to. Nhưng chính nó là một câu chửi độc của nhà nho thâm. Ông quan đó nguyên làm bồi bàn cho một viên Công sứ, sau nó cho làm quan. “Quần Thần” dịch ra là bầy tôi. Nói lai là, thì bây tôi=bồi Tây!

Biên Phủ rồi, mà những râu ria chân rét đời cũ đó, cho đến hôm nay, vẫn còn phải coi chừng. Đứng về tổ chức mà nói, thì cách mạng xã hội chủ nghĩa đã hoàn toàn giải tán thanh toán những sự ký rồi, nhưng tàn dư của nó, chưa phải là không chút gì còn lưu lại. Tàn dư nọc ký phán ấy, có còn tí nào, nếu nó không dám đương diện hâm hại được con người mới đã lớn khoẻ, nhưng nếu không tiếp tục tìa nó, nó vẫn cứ làm vướng được bước đi đây. Cái cỏ may trên lối rừng vẫn đủ làm cho ngựa anh vấp ngã, khi anh đang vội đi, đang lao miết về mặt trước.

\*

\* \* \*

Thời kỳ quốc biến cuối thế kỷ XIX ăn lèo sang đầu thế kỷ XX, cũng là cái vận hội bờ béo nhất của mẫu người phán ký hành tiến. Tách lè ra, thi từng người ký, người thông, người phán chưa thành ra một sự kiện xã hội, nhưng đem cộng lại, cả cái lượng xấu ấy đã hiển nhiên chuyển thành chất, một cái chất xấu nó hết sức hoành hành. Bên cạnh nó, bên cạnh họ, nhà nho thuần túy chỉ là những người thát thế.

*“Đô đâu hết cá nhà thông ký  
Phán của nhà nho có một ly”*

Người thất thế Tú Xương không màng gì cái chân kỵ thông viết lách toàn bằng kiểu chữ mới ấy, nên cũng dễ hiểu tại sao Tú Xương đênh đoảng với chữ quốc ngữ La tinh hóa.

*“Ông có đi thi ký lục không?*

*Nghe ông quốc ngữ học chưa thông”*

Tú Xương mỉa mình, mỉa đời, và mỉa mẻ hờn hận mà đả luân sang cả phía những anh nhà nho có vẻ bá卜 bênh về lập trường chữ Hán, và có vẻ chung chiêng sang phía chữ mới:

*“Nghe nói khoa này sắp đổi thi*

*Các thầy đồ cổ đồ mau đi*

*Nếu không bia đá còn bia miệng*

*Vứt bút lông đi, giắt bút chí”*

Tú Xương mỉa mai những bạn đồng song nào đó, những ông đồ cổ nào đó, và khay nhau hãy đi thi mau lên (như là chớp lấy bát cháo thi). Tú Xương còn dọa họ rằng ví có thể nào mà không được lưu tên vào sù xanh bia đá, thì chí ít, cũng được miệng thế nó réo lên cho. Chớ có lo rằng không ai nhìn thấy mình, không ai nói tới mình. Cứ đi thi chữ quốc ngữ đi, cứ đi theo Tây đi, nếu không “nghìn thuở còn giữ thơm” thì ít ra cũng được “bỏ cái thối lại sau cho trăm năm” chứ có làm sao. Còn riêng về phần mình, thì Tú Xương đã có biện pháp rồi:

*"Hán tự chǎng biết Hán  
Tây tự chǎng biết Tây  
Quốc ngữ cũng mù tịt  
Thôi thì về đi cày"*

Thơ Tú Xương về trường thi giai đoạn sau, lòn vởn những từ ký phán, từ quốc ngữ, từ bút chì. Những từ và ảnh này đã trở thành một ám ảnh. Một ám ảnh chành chạnh đủ ba góc theo: phán ký-quốc ngữ-bút chì.

*"Muốn sống phải chăm mài bút sắt  
Cho mau chờ chậm đỡ hòn chì"*

Cái biểu tượng bút chì<sup>(1)</sup> ở Tú Xương có lúc đã thành một cơn mê sảng nặng.

*"Ba kỳ trọn vẹn thêm kỳ nữa  
"Ú, ó, u, σ, ngọn bút chì".*

Đọc lên nghe nó hãi hãi như phải nghe một ông dở người cầm đầu bút vào mõm thâm nước bọt cho đậm thêm nét bút chì, và lấy quá tay hóa ra hóc thòi chì. Nghe nó còn ghê ghê như người cảm xúc quá khích vì

(1) Những tay chơi và ăn cướp ngày trước ở quê vùng Nam Định Ninh Bình và phía Đông Bắc Thanh Hóa, có một thứ vũ khí làm bằng lưỡi mai và cán mai. Cán mai có đoạn dây buộc một đầu vào chuôi vỏ khí, một đầu vào cổ tay. Thứ bạch binh này, những tay chơi gọi là bút chì. Phóng bút chì là một ngọn đòn giáp công lợi hại. Tôi không hiểu nghĩa đen nghĩa bóng nó có liên quan gì với cây bút chì chữ quốc ngữ không? Hay chỉ là một sự đồng âm tình cờ thôi.

bút chì, máu uất bốc lên, đàm cám khẩu, giãy đành  
đạch và ú ớ be be, như có sự oan khiên càng cần nói  
ra lời thì lại càng thất thanh đi.

Nghe còn thảm thương một cách buồn cười như  
người hay chữ nằm mơ mơ, cuốn sách áp vào ngực,  
bỗng bị ma dốt bóp cổ và bịt mồm không cho cầu cứu.

Nghe như truyện dị đoan nói về anh học trò đêm  
đầu hỏng thi bị bóng ma mộc đè nại quán tro.

Cái tài của câu thơ Tú Xương còn ở cái cách nó  
nhại được cả cái thứ văn tự mới mà nó không cảm  
tinh một tí nào. Nó nhại, để nó trả thù cho chữ Hán có lẽ nhạc thánh hiền! Nó nhại vẫn trắc nó nhại  
vẫn bằng, ở đây nó nhại cả mẫu tự mẫu âm quốc ngữ  
và cho nó hiện lên như cái lối treo giọng của kè méo  
mõm méo miệng. Kè sĩ chân chất thì phải bình phái  
ngâm phải chi hồ già dã nó nền nã bống trầm, chứ  
đâu lại đi ê a, uốn éo treo giọng, ú ơ ú úy như cái đám  
bời bếp phán ký ấy! Nói lên thì thế viết ra thì lại  
không dùng bút thùy mà đi dùng ngòi chì, viết không  
dọc mà chỉ có ngang, lại đi bút từ trái sang phải. Ôi  
cha sinh mẹ đẻ ơi! Thật là “cái má nhè tôi thiếu bút  
chì”.

Cái thời thi chữ Hán mà lại ghép các trò ngoại lai  
như cái kiều “Toán pháp thêm bài hội Trí tri” đó, Tú  
Xương đứng giữa sân khấu trường thi mà dàn dội như

thế. Thị từ trong hậu trường thi cử, sau này lại xa xa vang lên cái tiếng đồng vọng của Tân Đà đè vào *Khôi tinh con*:

*"Chữ nghĩa Tây Tàu trót dở dang  
Nôm na phá nghiệp kiếm ăn xoàng  
Nửa ngòi bút ngõng ba sinh luy  
Một môi tơ tầm mây đoạn vương  
Có kẹo có câu là sách vở  
Chẳng lẽ chẳng lối cũng văn chương..."*

Cũng là người một hội một phường với Tú Xương, cũng đi thi chữ Hán vào lúc trường thi ghép thêm quốc ngữ như Tú Xương, cũng bực bội với thi cử linh tinh, nhưng Tân Đà còn thích ứng được dần dần với văn tự mới, - mặc dầu Tân Đà cũng đã mỉa sǎn mình rằng “nôm na phá nghiệp kiếm ăn xoàng”. Còn như Tú Xương thì cho đến lúc chết vẫn là không có điều đình nhượng bộ gì với quốc ngữ.

Quốc ngữ, ký phán, bồi bếp, bút chì đều là những biểu tượng liên hoàn cùng xuất xứ ở một nguồn duy nhất: Tây dương thực dân. Tất cả bốn cái món ấy (phán thông, bồi bếp, bút chì, quốc ngữ) là cùng nằm trong một hệ thống, cái hệ thống của địch. (Chao ôi phải được nhìn ảnh Tây chụp cái lũ thông ngôn Sè Goòng (ngòi xe nhà, ngậm ống đốt, cầm batoong) nịnh bợ quan thầy thực dân, hách địch quát mắng hăm dọa

người An Nam, thì mới thấy hết cái khả ố của bọn tay sai tàn trào này)! Không được như một ông Đề, ông Đốc, ông Lãnh đương thời nào đó dãy quân mà bình Tây, thì Tú Xương vận dụng thơ mà đánh, không đánh đầu sò thì đánh quân tá nó. Mà đã đánh thì cũng không cần phân biệt đối xử. Chữ quốc ngữ bị nầm chung vào cái diện đánh mạnh đó. Chữ quốc ngữ vì có mật thiết với đời sống ký phán thông mà đã trở thành một đối tượng oan uổng của thơ đả kích Tú Xương.

Tú Xương đánh phán thông và phong cách phán thông trong một thời, tôi tán đồng, vì tôi nghĩ rằng trong một số bài thơ về phán ký, Tú Xương đã cho chung quanh thấy thế nào là thanh nghị của sĩ phu một thời. Nhưng đến lúc Tú Xương lại đánh cả chữ quốc ngữ nữa thi, tôi phải nói thật, là Tú Xương đã làm cái điều không nên, đã làm cái điều không phải, đối với một thứ văn tự có liên quan chặt chẽ với tương lai ngôn tự văn hóa nước ta. Gọi nó là cái thành kiến, cái non cái hở, cái bậy, cái khuyết của Tú Xương, gọi là cái gì cũng được. Gọi bằng tiếng này hay chữ kia. đều thấy mình bức bức với Tú Xương. Bức hơn nữa là cái người mình quý mến đó, lại chết mất rồi. Vạch ra cái thiếu sót sai lầm của người nào, mà có người ta

đối diện với mình vẫn thoải mái thỏa đáng hơn là nói  
vắng mặt chứ!

Ai ai ngày nay cũng đều biết thừa đi rằng chữ quốc ngữ là của cố đạo thực dân nặn ra. (Cuốn sách đầu tiên viết bằng chữ quốc ngữ, sau cuốn tự vị La tinh-Việt, là một cuốn sách dạy người ta đi đạo. Ấy là cuốn *Phép giảng tám ngày cho kẻ muốn chịu phép rửa tội* in tại La Mã năm 1651). Họ bày ra thứ chữ nôm La Mã hóa đó, La tinh hóa đó, để làm cái việc truyền đạo của họ. Họ dùng chữ đó, không phải để đem ánh sáng tới, mà chính là vì cái mục đích làm tối tăm thêm sự sống ở nước ta. Âm mưu nguyên thủy của chữ quốc ngữ cố đạo là cốt làm mù óc người An Nam kể cả người đi đạo lẫn người không theo đạo. Nhưng, cái hình thức văn tự mới ấy có làm được hay không cái sứ mạng ngu dân mà cố đạo định giao cho nó, đó là một chuyện khác. Tất cả những gì do đối phương, do đối địch chế tạo ra, không phải là ta tuyệt đối từ chối hết. Nếu cái họ chế ra đó mà tiện lợi cho phía ta, thì ta phải dùng. Ngay như chữ quốc ngữ cố đạo đưa ra, ta tinh táo mà dùng, và đã có biết bao nhiêu trang sách báo in ngay bằng chữ quốc ngữ để phê phán vai trò Giáo hội, và lật mặt nạ những cha cố làm mật thám cho địch, làm Việt gian bán nước. Nói rộng thêm

ra, thì súng địch bút máy Mỹ thường có nhiều thứ tốt, cũng như đế quốc Mỹ hiếu chiến toàn là kẻ xấu. Và súng Mỹ <sup>(1)</sup> có tốt thì ta mới cướp lấy ở trận địa, để bắn lại nó cho thật lanh và thật chính xác. Tôi không bao giờ nói Tú Xương là hủ nho, nhưng đứng trước sự thành kiến đối với quốc ngữ của Tú Xương, tôi phải thẳng thắn mà nói rằng ông Tú của tôi, không còn nghi ngờ gì nữa, đã là một con người thủ cựu, bạo thủ, và có phần nào là hủ nho thật đấy.

Cái đáng tiếc nữa cho Tú Xương là chưa nhận rõ được thế nào là tiếng nói và văn tự trong tiếng nói dân tộc. Nếu Tú Xương, ngoài tài thơ mà lại rộng có những kiến thức về khoa học tiếng nói, thì nhất định Tú Xương lúc đánh đấm thơ lại quốc ngữ xu thời theo Tây, đã không đánh hồi lùng cả sang văn tự quốc ngữ. Một nhà thơ lớn quốc ngữ nôm lại đi đánh vào quốc

(1) Vì hoàn cảnh lịch sử của dân tộc mình mà nhiều nhà văn Da Den yêu nước ở châu Phi ngày nay vẫn viết và phát ngôn bằng tiếng Pháp hoặc tiếng Bồ Đào Nha. Trả lời một cuộc phỏng vấn, thi sĩ và kịch tác gia người An Giê Ri là Kateb Yacine đã nói về cái tiếng Pháp và chữ Pháp mình vẫn dùng: “Giữa nước Pháp và chúng tôi, đã xảy ra chiến tranh. Được rồi! Nhưng mà cái người đang chiến đấu không khi nào lại tự hỏi xem khẩu súng mình đang dùng là súng Pháp, súng Đức hay súng Tiệp. Nó là súng của mình, nó là vũ khí của mình. Ấy là mình phụng sự cuộc chiến đấu của mình (...) Đặt vấn đề ở một phương diện cao hơn thì, viết bằng tiếng Pháp, tức là giống như giành lấy súng từ tay tên lính nhảy dù xuống”.

ngữ La tinh! Trước khi Tú Xương mất thì đã có nhiều nhà nho yêu nước dùng quốc ngữ mới để khai thông dân trí ta.

Tú Xương “rõ thực nôm hay...” áy, tưởng lầm rằng mất chữ Hán, mất chữ nôm, Tây đưa quốc ngữ thay vào, là ta mất luôn cả hồn nước. Sự thực là thực dân đã làm hại được ta nhiều thứ, cái áy rõ quá, nhưng tiếng ta vẫn vững như bàn thạch. Tiếng ta vẫn lớn khoẻ, bất kể sự trải qua dâu bể của văn tự, và mặc dẫu văn tự nôm (cấu tạo trên cơ sở chữ Hán) phải rút đi trước sự lan tràn của văn tự ta La tinh hóa đi. Mới hay lịch sử tiếng nói dân tộc ta có lúc thay đổi hình thức văn tự, mà không ai và không bao giờ thay đổi được tiếng nói dân tộc. Hình như đó cũng là một quy luật khoa học về ngữ ngôn học.

Lúc Tú Xương chết, nhà thơ Yên Đổ Nguyễn Khuyến có phúng:

*“Kia ai chín suối XUONG không nát  
Có lẽ nghìn thu tiếng vẫn còn”*

Không rõ lúc phúng điều, câu đối này viết bằng chữ nôm gốc văn tự Hán hay là bằng thứ chữ gì khác. Nhưng đối đối áy đã đến với tôi bằng con đường của chữ quốc ngữ, và nay tôi đọc lại câu đối áy là trên bản in bằng thứ chữ quốc ngữ La tinh hóa đó. Bằng cái thứ chữ quốc ngữ càng ngày càng lưu lại tên tuổi cho

tuổi thơ Tú Xương, và ngày càng làm sáng thêm danh nhà thơ đấy!

Nếu Tú Xương của chúng ta lại đồ cao hơn? - không cần đồ to đến mức Trạng, đến mức Tiến sĩ đại khoa, chỉ cần nhích lên một mức trên cái Tú tài cổ hữu đó thôi!

Nếu Tú Xương đồ Cử nhân?

Khi đã giả thử được một câu như vậy về đời Tú Xương, thì đồng thời cũng có thể có những câu giả thử khác quanh quanh thân thế một ông Tú riêng giữa làng thơ ngồi hẩn một chiểu điếu hoa - nửa cạp hiện thực nửa cạp trữ tình.

Nếu Tú Xương đồ Cử nhân?

Nếu Tú Xương mà không chết năm 1907 ? Mà lại vẫn còn kéo dài tuổi thọ cho tới hôm nay ? (thì cũng 92 tuổi thôi mà! Tuổi thọ các cụ ta, nay vẫn có cụ sống lâu trên 100 tuổi đó).

Nếu Tú Xương đồ Cử nhân mà lại làm quan, được triều đình An Nam cho đi làm kinh lịch, tri huyện tri hiếc, hoặc Tây bổ cho làm huân đao đốc điếc gì đó, nếu giả thử vạn nhất mà lại có những sự ấy xảy tới cho Tú tài Xương, thì có gì đổi thay vẩn lệch hẩn thơ Tú Xương sang một dòng phái khác không ?

Trước khi giải đáp cho câu giả thử này, tôi muốn được bàn về câu giả thử trên đây: “Nếu Tú Xương không chết năm 1907 đó?”.

Năm 1907 là năm tử của một nhà thơ yêu nước bằng chữ nôm, và cũng là năm binh lính khổ đói ta rục rịch khởi nghĩa giữa Nam Định. Cũng trong cái năm 1907 mà thời nhân gọi là năm “cha con phế đế” ấy, Tây hạ bệ vua Thành Thái xuống, đặt lên bệ đó vua Duy Tân, để rồi sau cùng cho cả hai cha con gặp lại nhau ở một hòn đảo phát vãng Rê Uy Ni Ông xa lắc, mỗi năm chỉ còn có rừng mía là còn gợi lại ít nhiều phong cảnh cố quốc biệt tích. Phong trào khởi nghĩa Văn thân lúc đó coi như là Tây “bình định” xong về cẩn bản. Và lá cờ khởi nghĩa đang rung phát ở tay nông dân Yên Thế. Và năm 1907 đó, cũng là năm Hoàng Hoa Thám phát triển căn cứ Phồn Xương. Sửa chữa cái hẹp hòi đổi với sĩ phu trí thức, lần đầu Đề Thám đã mở rộng căn cứ đón nho sĩ. Trong các trại nghĩa quân và tướng lĩnh tham tán quân cơ, mở thêm một trại mới. Trại lập riêng trên một quả đồi. Quả đồi không tên tuổi giữa rừng Yên Thế bao la ấy được có tên từ đó: đồi Tú Nghệ. Đồi Tú Nghệ gần ngay chỗ Đề Thám đóng áy, là dành riêng cho tất cả nghĩa sĩ Trung Kỳ lưu vong mất đất hoặc ra Bắc bàn tính phối hợp chiến trường Trung Bắc lưỡng kỳ.

Về chính trị quân sự thì năm 1907 đại khái là nhu vậy. Nhưng năm 1907, về chính trị và văn hóa, có một sự kiện khá đặc biệt: áy là sự ra đời của phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục. Nói rộng ra là cả một phong

trào, nói cụ thể thu hẹp lại là một trường tư thục mở tại Thủ đô Hà Nội, có thầy giáo, có học trò, có giáo trình. Các nơi từ chiêng Đông Nam Đoài Bắc nhiều tinh xin chương trình, mở trường địa phương, tư coi như những chi nhánh của trường trung ương Hà Nội. Xu hướng của Đông Kinh Nghĩa Thục là muốn làm cách mạng nặng về văn hóa. Trường Nghĩa Thục tho được chín tháng, nhưng đã có một tác dụng và ấn tượng chính trị sâu đậm với sĩ phu đương thời: thức tỉnh hồn nước, và đổi mới hơn lên cái lòng yêu nước cũ đó. Không rõ công việc chuẩn bị mở trường khởi công từ bao giờ, nhưng nhà trường chính thức khai giảng vào tháng 3-1907. Tức là sau “năm mươi ngày Tú Xương” chỉ đó (Tú Xương mất 20-1-1907). Tôi muốn người bạn đọc của tôi lưu ý giùm cho tôi hai niên hiệu khai sinh (nhà trường) khai tử (nhà thơ) cùng trong một năm đó.

Tôi vẫn còn nhớ dân gian ta trước đây lưu hành cái giai thoại: ai đánh vỡ chén ngọc nơi Thiên cung, thì bị đày xuống hạ giới làm một anh học trò hay chữ, với điều kiện chỉ được thi đỗ đến Tú tài. Lại còn buộc thêm điều kiện nữa là số phải đông con. Nếu giai thoại ấy là đúng như thế, thì ý ác đó cũng thật nghiêm khắc thay luật Trời và cũng tinh vi thay hình phạt của nhà giời. Hay chữ mà cho hỏng tuột đi, thế nó lại đi một cái nhẽ rõ rệt về “học tài thi phận”.

Đăng này lại cho ném một tí mùi bǎng phán, và bắt ngừng ngay ở nǎc thang đó. Tú tài là gì, nếu không là me mé ghe ghé bể hoạn, mà lại chưa đủ tiêu chuẩn bǎng cấp để vào quan ché vua. Tú tài chưa được là một chức năng hành chính phong kiến. Nó dở quan, dở dàn, dở thầy đồ, dở thầy khóa, dở ông dở thằng. Tức là một hạng bát đắng trong cái xã hội đã có một trật tự biên chế lâu đời như thế. Với đủ các thứ dở dang đó, lại bồi thêm vào máu anh một chút vi trùng của thiên tài, vừa đủ cho anh hóa ra một nhà nho vô chính phủ, một nhà thơ ngông hoặc một người cuồng chữ. Nếu chỉ mới có thế thôi, anh Tú ngông đó chưa thấy được cho kỳ hết mọi khoe khổ đau. Cho anh thêm một đòn con nữa để hoàn chỉnh nốt hộ anh cái nhục lụy của sự sống: "Mấy khoa hương thí không đâu cả - ba thước vườn hoang bán sạch rồi - gạo cứ lè ăn ba bữa một - vợ quen dạ đẻ cách năm đôi".

Đời Tú Xương về tinh thần như thế, về vật chất như thế, còn xiên cho Tú Xương kéo dài thêm tuổi thọ ra để làm gì? Để đi thi thêm vài ba khoa nữa, kỳ cho hết thi chữ Hán ư? Để làm gì? Để đỗ Cử nhân ư? Ai tin tài phận Tú Xương sẽ phải đỗ Cử nhân, nếu Nhà nước còn mở mãi khoa thi, thì xin cứ mà tin. Không, chả bao giờ Tú Xương đỗ Cử nhân đâu. Tôi cho rằng Trần Tế Xương đỗ đến Tú tài đã là một sự lợt lưới rồi, đối với các quan châm trường hồi đó. Nếu châm

trường nhận ra được văn bài đích là của cái anh làm thơ không nghiêm túc cợt nhả tinh Nam thành Nam Trần Tế Xương đó, e mà họ đã đánh hỏng luôn cả cái Tú tài của Tú Xương nữa kia đó. Khéo không mà lại suốt đời ông Tú lại chỉ là một ông Tam trường, chung thân Tam trường! Thơ như thế, phú như thế, khẩu khí như thế, quan trường nào mà cho là hay được!

Nghĩ đến cuộc đời Tú Xương và nghĩ về cái lúc Tú Xương chết năm 1907 đó, tôi lấy làm tiếc cho Tú Xương sao không sống thêm ít năm nữa, hoặc mươi tháng nữa thôi. Để làm gì? Để cho Tú Xương được gặp phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục chính thức ra đời sau hai tháng Tú Xương từ trần.

Tú Xương là người ghét chữ quốc ngữ. Trường Đông Kinh Nghĩa Thục làm cách mạng văn hóa, và chủ trương dùng chữ quốc ngữ làm thứ chữ phổ thông đặc lực nhất trong dân chúng để đầy rộng mạnh công cuộc khai thông dân trí. Nay mong muốn một người ghét cay ghét đắng chữ quốc ngữ tìm đến chữ quốc ngữ của Đông Kinh Nghĩa Thục, liệu cuộc gặp có dẫn tới kết hợp tích cực gì không?

Tú Xương ghét chữ quốc ngữ vì chỉ thấy cái đám ký phán thông dùng nó để cho Tây sai khiến mình và làm hại mình. Nó là thứ chữ nghĩa của đám bát lương, đám bát lương từ bể ngoài đến, đám bát lương

từ trong nước mọc lên, do Tây vừa đào tạo ra. Vua quan phong kiến giết đạo buộc con chiên họ dãm qua thập tự mà chết như thế nào, thì Tú Xương ghét ký thông phán như thế. Tú Xương cho đám thơ lại tân thời đó, đám ký phán đó chẳng qua cũng lại là một thứ đi đạo nữa mà thôi. Chữ quốc ngữ họ viết ra, cũng vẫn là một thứ chữ mật mà gì đó của đám chỉ điểm cho giặc. Cho nên thơ Tú Xương giương cung giương nỏ lên mà bắn sá vào đám văn thư ký phán nhị tâm và, mỗi câu ngày nay xem lại, vẫn còn thấy rung lên như những mũi tên tre vừa mới cầm pháp vào điểm đen. Trong lúc bắn để lùi để cố thủ cho chữ Hán, Tú Xương bắn bừa cả vào chữ quốc ngữ. Chê trách Tú Xương thiếu nhỡn quan chính trị, không nhìn xa rộng về tiền đồ ngôn tự và văn hóa là đúng quá đi thôi.

Nhưng chữ quốc ngữ do Đông Kinh Nghĩa Thục đưa ra, do chính những nhà khoa bảng những bậc tiêu biểu cho sĩ phu yêu nước viết ra và đọc lên, để cảnh tỉnh hồn nước cũ, nhất định Tú Xương phải nhận định nó có khác đi, nếu Tú Xương còn được sống nốt cả cái năm 1907 đó.

Chữ quốc ngữ của Đông Kinh Nghĩa Thục vang vọng khắp các tỉnh miền Bắc, đâu đâu cũng xin giáo trình và tham gia công cuộc duy tân bằng văn tự quốc ngữ. Tỉnh Nam Định cũng nhận làm một phân hiệu

của Đông Kinh Nghĩa Thục. Nếu mấy tháng sau đó mà Tú Xương còn sống ở thanh Nam Định, tôi tin Tú Xương sẽ có những hoạt động như mọi nhà nho chân chính của phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục. Bỏ lối học từ chương sáo hủ, bỏ lối từ thư ngũ kinh đúng như chủ trương của Đông Kinh Nghĩa Thục, Tú Xương ký cả mươi ngón tay chứ còn gì nữa!

Trong những bài học của nhà trường, Đông Kinh Nghĩa Thục soạn ra bằng văn vần để giảng dạy, bài tụng chữ quốc ngữ có những đoạn rất cụ thể:

“... *Chữ quốc ngữ là hồn trong nước  
Phải đem ra tinh trước dân ta  
Sách các nước, sách China<sup>(1)</sup>  
Chữ nào nghĩa áy dịch ra cho tường...*”

Tôi nghĩ rằng nếu Tú Xương còn có mặt ở đời lúc Đông Kinh Nghĩa Thục ra đời, Tú Xương sẽ hưởng ứng văn tự mới, và một cách cũng rất biện chứng, Tú Xương cũng sẽ có thơ cổ động cho chữ quốc ngữ. Với những đức tính hiện thực và trữ tình sẵn có, Thơ Tú Xương phục vụ tuyên truyền lúc đó có thể còn mạnh hơn, dẻo hơn, phong phú và réo rắt hơn những đoạn những câu như trên kia đó.

---

(1) Tức là Trung Quốc, phiên âm qua tiếng Pháp.

## 6

Nếu lúc đi thi, Tú Xương đồ Cử nhân?

Trên kia tôi đã dám khẳng định rằng chả bao giờ Tú Xương đồ Cử nhân đâu. Nhưng thôi, chiều lòng một số người cứ muốn Tú Xương phải đồ ít ra là Cử nhân, ta cũng thử cứ cho Tú Xương đã đồ Cử nhân, cái đó không quan trọng lắm. Cái đáng bàn, có cái chiều quan trọng của nó là: có vì cái Cử nhân thèm thắt vào đời mình đó, mà Tú Xương làm thơ khác đi không? Có vì đồ Cử nhân mà thơ Tú Xương biến chất hoặc mất hẳn chất đi không? Có thể Cử Xương sẽ duyệt lại tất cả những bài thơ của Tú Xương đã làm ra trước đó không? Có thể Cử Xương sẽ cải chính hoặc công khai từ bỏ những bài thơ Tú Xương đã được truyền tụng không?

Muốn trả lời được những câu hỏi này, tôi thấy cần nhớ lại một số nhận định của một số độc giả Tú Xương. Về Tú Xương, thường vẫn lưu hành một kiểu dư luận. Rằng, Tú Xương là một tay chơi không được toại nguyện về vật chất, và là một nhà nho thèm khát địa vị xã hội. Trước mắt số độc giả này, thì tất cả chùm thơ Tú Xương chỉ là kết quả của một thứ cây bất mãn, bất mãn hiểu theo cái nghĩa rất xoàng xinh

thông tục của nó. Chỉ vì đồ thấp mà Tú Xương bắt mẫn về vật chất đời tư, bất mẫn về sự công danh một thời, và cuối cùng viết ra những câu phá đám, những dòng những chữ không có tí gì xây dựng cho chung quanh. Cả đời và cả sự nghiệp Tú Xương chỉ là cái vòng luẩn quẩn của một anh thích hành lạc, thích công danh, càng hành lạc càng thèm công danh, và chưa có được sự công danh thì còn là nói đồng, còn là chửi bới mãi cuộc đời. Tất cả Tú Xương chủ yếu là có bấy nhiêu thôi, còn ngoài ra, câu thơ câu phú có còn khuyên được câu nào, thì chẳng qua cũng chỉ là cái phụ ở một tay có kỵ xảo thơ nôm.

Trên cái cơ sở nhận định thông tục đó về Tú Xương, nay chúng ta thử mặc cho Tú Xương một cái áo tấc Cử nhân màu lơ da trời, và chính thức đun Tú Xương vào hẳn cái lớp người quan lại hối đó. Có thể phân phối cho “Cử” Xương, theo quy định quan lại triều đình, một cái chức hành tẩu ở Lục bộ trong Kinh, một chức kinh lịch ở tỉnh, hoặc một chức giáo thụ ở phủ huyện nào. Được vào quan chế vua, được ăn cái lương vua, không rõ “Cử” Xương đã hết “cao lâu, thổ đĩ, tổ tòm, à đào” chưa? Đã nắn lại cái sinh hoạt bừa bãi của một ông Tú bất mẫn chưa? Cái đòn tôi chưa dám phác vẽ ra như thế nào, nhưng tôi có thể dứt khoát mà nói rằng, khi Tú Xương đã thành Cử Xương và đi làm quan nằm trong quan chế nhà vua,

thì đời sống vật chất dù có bao bênh béo ít ỏi đến đâu, vẫn cứ là đỡ báp bênh hơn cái hồi chỉ là Tú tài sống bằng cái lương gạo lắn hồi của người vợ tần tảo hàng ngày. Nhưng thôi, tất cả những điều đó, vẫn chưa là cái điều chính yếu chúng ta cần biết về “Cử” Xương. Nếu giả tì Tú Xương đã Cử nhân, rồi vì thế mà được xuất chính, thì cái thắc mắc ghê gớm của mọi người là muốn hỏi xem vậy thì, thơ Tú Xương có thay đổi gì về nội dung tư tưởng và về hình thức nghệ thuật không?

Theo tôi nghĩ, dù có đã Cử nhân, dù có được bổ nhậm chức gì quan gì, “Cử” Xương vẫn lại làm thơ như Tú Xương mà thôi. Đây không phải là đem một thứ định mệnh ra mà cắt nghĩa cho con đường thơ của một nhà thơ độc đáo. Mà đây là vấn đề nhìn cho rõ cái bản chất của Tú Xương. Chuyện Cử nhân cứ nhiếc đem ra làm giả thuyết kia, chẳng qua cũng chỉ là vấn đề hiện tượng vật thêm vào cho một cuộc đời đã săn một bán linh. Cái hiện tượng, cái sự kiện Cử nhân áy thêm vào cho Tú Xương, vẫn không thể lái nổi và buộc Tú Xương rẽ sang một đường thơ khác, một dòng thơ khác. Thơ Tú Xương biếm họa và trữ tình, là cái phát tiết của một con người Tú Xương vừa phóng khoáng vừa khát nhớ một nếp trật tự trong sự sống. Cái nếp trật tự áy đã không còn nữa từ lúc Tú Xương vào đời. Càng lớn lên, Tú Xương càng thấy thêm những phức

tập mới do xâm lăng Pháp đem thêm vào một trật tự cũ vốn đã biến chất đi nhiều.

Nếu nói rằng một cái Cử nhân có thể chuyển được phẩm chất người và phẩm chất thơ của một người, nếu cứ khu khu nói rằng Tú tài Trần Tế Xương làm thơ chống đối (chống đối sự sống hàng ngày, phủ nhận mọi giá trị của sự sống đó) vì đồ thấp vì bất mãn, nếu kết luận như vậy, thì trong cái thời đó, còn làm gì có những sự việc, những con người để tên cho mai sau văn học như là Cao Bá Quát, như là Nguyễn Thượng Hiền, như là Nguyễn Khuyến?

Cao Bá Quát chả là Cử nhàn của trường hương thi Hà Nội đấy ư? Tại sao “Cử” Quát vẫn nổi “loạn” cầm đầu “giặc Châu cháu”, tại sao ông quan giáo dục Cao Bá Quát tinh Sơn Tây, phủ Quốc Oai đó lại đi làm tham mưu cho nông dân hai tỉnh Bắc Ninh Sơn Tây chống lại sự áp bức của đời vua Tự Đức?

Nguyễn Thượng Hiền không phải là đồ thấp, mà đồ rất cao, đồ Tiến sĩ, rồi cuối cùng Tây bổ nhiệm cho làm Đốc học chữ Hán tại Nam Định. Theo cái nghĩa thông thường, thì đời ông Nghè đó, không còn có gì đáng bất mãn nữa về danh về lợi. Thế thì tại sao, ông Nghè Nguyễn Thượng Hiền đó lại gói tất cả chô bắc lương bấy lâu làm Đốc học, hoàn trả lại cho Tây, và treo án tù quan và cuối cùng, bỏ ra nước ngoài?

Yên Đô Nguyễn Khuyến đi thi hương, đi thi hói, vào thi đình, ở đâu cũng đỗ đầu. Triều đình Tây thuộc địa, triều đình vua quan ta đều mời ra làm quan. Quan Kinh lược nọ mời về làm gia sư, quan Khâm sai kia mời ra chấm thi văn học, rồi lại còn được giao cho làm văn tế tướng Tây Gạc Nhe, Ri Vi E chết trận. Danh vọng Nguyễn Khuyến có thiếu đâu, tại sao thơ văn ấy vẫn bằng bạc cái cười phủ nhận mọi thực tế chung quanh?

Cho nên tôi vẫn tin rằng cuộc đời lúc bấy giờ có quàng vào cổ Tú Xương mấy thứ bằng sắc Cử nhân, Tiến sĩ, và mấy thứ quan chức bổng lộc gì đi nữa, thì thơ Tú Xương vẫn là thơ Tú Xương và có khi, lại càng Tú Xương hơn nữa.

\*

\* \* \*

Nghĩ về kiếp người Tú Xương và nghiệp thơ Tú Xương, tôi cho rằng ở Tú Xương, thật sự có một thàm kịch, thật sự có những mâu thuẫn trong nội tại một con người thơ ấy.

Trong lớp nhà nho cũ có tên tuổi ở sử văn thơ ta, người để lại cho hậu sinh chúng ta nhiều ấn tượng sâu sắc nhất về thi cử chữ Hán, có lẽ không ai bằng Tú Xương, cả về mặt lượng, cũng như về mặt chất. Tú

Xương là một người rất tin vào nguyên tắc thi cử (thi cử chữ Hán là phương pháp chính thống để lọc tài chọn hiền ra giúp chúa phò vua), nhưng lại rất nghi ngờ mỉa mai đến sự tổ chức thi cử. Thơ phú Tú Xương về thi cử, thường gài vào đáy cái quan niệm hiếu (đền ơn cha mẹ sinh thành), cái quan niệm trung (phò vua giúp nước) của mình. Tú Xương đi thi liền liên mấy chục năm, và đến lúc chết, buông tay lều tay ch่อง ra, vẫn chưa giải quyết được cho đích thân mình cái tâm sự của một người thi. Suốt đời lui hui lóc cóc với trường thi, mà cuối cùng vẫn không trang xong chút nợ công danh: cái luân lý thông thường đương đời coi công danh là một món nợ danh dự mình mắc vay của đời sống, và phải lấy đõ đạt trường ốc ra để trả ơn nhà và đền nợ nước. Cái tiếng Tú tài ấy vẫn chỉ là một cái danh, có danh mà không có phận (cái phận của người muôn được phân công gánh vác xã hội tổ chức theo lúc đó).

Cái tiếng Tú tài ấy là một cái có tiếng mà không có miếng (sinh kế gieo neo). Con người Tú tài ấy vui tin đạo học, lạc đạo nhưng cũng khó bề an bần. Cùng trà, rượu, lâu ca, thuyền hát, cũng trai gái thư đi thư về nhưng có chơi mà không hẳn là thú, con người Tú Xương hành lạc một cách thật là sục sặc, lòng hậu mà lời thì bạc khinh ra mặt.

Nhưng theo tôi nghĩ, cái khía đau xót nhất trong thảm kịch Tú Xương, là con người chuyên thơ nôm ấy (tôi chưa từng nghe ai đọc thơ chữ Hán Tú Xương. Thường thường các nhà thơ hối đó làm cả thơ nôm, làm cả thơ chữ Hán, rồi có khi lại tự mình dịch thơ Hán của chính mình thành ra thơ nôm. Trong cái tình hình chung đó trường hợp chuyên thơ nôm của Tú Xương cũng là một trường hợp đặc biệt)- lại là một người không hòa minh được vào với chữ quốc ngữ (như những nhà nho Đông Kinh Nghĩa Thục cùng thời) và vì thế, càng làm nặng nề thêm cái phần thương tiếc của người thức giả lớp sau, mỗi lần đọc lại thơ Tú Xương, và nghe lại cái tiếng “gọi đò” xưa đó.

\*

\* \* \*

Về nhà thơ Tú Xương, một số sách thường hay đưa ra một số tên tuổi những bậc ái quốc và những nhà hoạt động cách mạng lúc bấy giờ, hoặc là dẫn ra một số sự việc riêng Tú Xương có quan hệ ít nhiều với các bậc chí sĩ ấy. Mặc dù tất cả tấm lòng kính trọng của tôi đối với các bậc yêu nước tiên bối ấy, tôi thấy nhiều dẫn chứng dẫn việc đó là không cân. Mà nó chỉ tạo cho người đọc các sách nghiên cứu tiểu luận kia một ấn tượng khó chịu: hình như sự nghiệp thơ của một thi sĩ đó chưa đủ thành trọng lượng rồi sao mà thuộc

thang còn cứ phải gia thêm bốc thêm vị này vị khác vào!

Không khi nào tôi lại đi nói rằng chờ có đưa các bậc chí sĩ cách mạng vào trong sách đang nói về nhà thơ Tú Xương. Chúng ta hoan nghênh những dân chúng dân việc đó, nếu những cái dân đó làm cho ta thấy được cách mạng hồi đó (xuyên qua sự việc đã dân ra) có trực tiếp gián tiếp ảnh hưởng như thế nào đến tư tưởng và nhỡn quan Tú Xương, đến thi thuật đến mỹ học Tú Xương, đến cách cảm nghĩ diễn tả của riêng từng thời kỳ sáng tạo của nhà thơ. Nhưng khi mà tất cả mọi cái dân đó không mảy may dính líu gì đến cơ cấu, đến bút pháp thủ pháp thơ Tú Xương, đến phần hậu trường của mỹ lý mỹ học trong thơ Tú Xương, thì tôi cho mọi cái dân đó chỉ là những thứ việc có tính chất vơ vẩn. Tôi nghĩ rằng nếu thơ Tú Xương mà đã không hay, thì có đưa thêm gì gì đi nữa vào đời Tú Xương, cuối cùng vẫn không vực nổi được Tú Xương. Thơ Tú Xương và con người Tú Xương không cần đến những thứ viện trợ không cần thiết đó. Những ý tứ và tinh cảm, những từ, những âm, những ảnh, những vần, những nhịp trong thơ Tú Xương, cả tập thơ nôm Tu Xương độc đáo ấy, tự nó đủ để bảo vệ khá vĩnh cửu rồi cho tất cả những gì gọi là giá trị Tú Xương.

## NHÂN ĐỌC TIẾU LÂM\*

Vốn dàn tộc ta gồm nhiều mặt. Tiếng nói dân gian, tiếng nói văn học. Tranh gỗ. Tượng gỗ, đá đồng. Tuồng, chèo, múa nhạc. Kiến thiết đình đài, nấu nướng mặn ngọt, vân vân. Và nhất là một cái vốn cười nó không khác gì hơn là một cái vốn triết lý thực dụng trong đời sống. Vốn cười tích lũy qua nhiều đời ấy, gồm những truyện vui cười vừa dí dòm, vừa đốp chát, vừa thanh vừa thô. Cụ thể và phổ biến là truyện (ngắn) *Tiểu lâm*.

Cái kho tàng truyện ngắn của Việt Nam vui và cười đó là một công trình khuyết danh của đại tập thể dân gian sáng tạo nó ra vì nhu cầu bức thiết của sự sống Việt Nam từ cổ đại tới cận đại. Nhân dân ta từ xưa xưa đã thấy rõ tác dụng của tiếng cười: nó bồi bổ thêm cho tinh thần lạc quan đi tới các chặng lịch sử mở nước dựng nước, và nó làm mềm dẻo bền dai hơn

---

Với nhan đề cũ CẨN CUỐI, bài này đã được đọc trước Đại hội Văn học Việt Nam lần thứ II, ngày 11 tháng giêng 1963.  
Ha Nội

cho cuộc sinh tồn của một dân tộc luôn luôn phải tránh khó phải vượt lên đầu mọi cái khó.

Ông già làm ruộng vừa làm đồng vừa kể chuyện vui với chị thợ gặt. Ông tiều vừa đắn cây rừng, vừa nói chuyện cổ tích với người gánh cùi, cũng như ông chài chuyện vui với ông câu, gọi sự việc và sự vật bằng chính cái sự thật của nó, cái tên hèm của nó. Ông phó nề, phó mộc, phó ngõa vừa coi tường, vừa lên hộ khung cột, vừa cắt nóc thượng lương, vừa “tiếu lâm” với nhau. Thầy khóa ông đồ cũng chung miệng chung lời vào cái cười từ dân sĩ công nông thương áy. Ngày xưa, xem ra ai có lao động là đều có cười, và có góp vào vốn cười dân tộc.

Có lẽ chỉ có các thứ vua là không cười và không góp gì vào vốn cười chung của cả nước đó. Theo chỗ tôi được biết, thì chưa có tài liệu nào thống kê và khẳng định cho cái tiếng cười của đám vua chúa ta trong đời cũ.

Sau mỗi ngày làm ăn vất vả, người Việt Nam cổ xưa cố tìm lấy những việc mắt thấy tai nghe, lọc ra một ý cười, một nét cười. Họ quan sát về những điều đáng nên buồn cười trong nhân tình thế thái. Họ dựa trên người thật việc thật mà cười. Cao hơn nữa, họ nghĩ thêm, họ tưởng tượng họ bịa ra, và họ dựng lên những điển hình để cười. Ngày này ngày khác, mùa này mùa khác, đời này đời khác, bao nhiêu thế hệ Việt Nam nông nghiệp xưa đã tiếp sức nối nhau mà

cười cái cười của một dân tộc nhiều khổ nhưng vốn rất nhiều lạc quan.

Cái kho cười chung tổ tiên để lại cho ta đó, thực ra phải coi đó là những giá trị trí tuệ của một thứ triết học thực hành. Nó còn là một kho kinh nghiệm về vui sống, yêu cái đẹp, cái phải của một sự sống do mồ hôi cánh tay mình tạo ra. Cái kho tàng ấy của nhân dân lao động Việt Nam thật là súc tích. Kho cười đó mà không phong phú, thì sao từ vị ta lại nhiều được về chữ cười, về những từ có liên quan đến cái cười. Tổ tiên ta thiệt là những nghệ sĩ đã tạo hình cho tiếng cười Việt Nam, tạo cho tiếng cười bao nhiêu là bóng dáng, và có cả một cái gì như là một biên chế đầy đủ thang bậc về tiếng cười. Tôi xin dẫn chứng. Nay nhé:

Cười nheo mắt, - cười mép, - cười mũi, - cười ngựa.  
 - cười dê, - cười trâu, - cười ruồi, - cười rè, - cười phào.  
 - cười rõ, - cười vang, - cười khà, - cười ngắt, - cười góp,  
 - cười trừ, - cười gằn, - cười mỉa, - cười đế, - cười nhả,  
 - cười tình, - cười nhạt, - cười khan, - cười khì, -  
 cười bò, - cười duyên, - cười lăn, - cười khẩy, - cười xòa,  
 - cười túm, - cười gương, - cười khê, - cười vụng,  
 - cười phá, - cười thâm, - cười cợt, - cười đòn, - cười  
 đưa, - cười theo (dạ hót), - (đàn ông) cười hoa, (đàn  
 bà) cười nụ.

Cười động cồn, - cười nôn ruột, - cười xúy xóá, - cười hip mắt tắt hờ, - cười vải dài, - cười nheo mắt, - cười ba lợn, - cười bóng pheng, - cười cầu phong, - cười ra nước mắt, - cười bồng tai, - cười trích thương, - cười phồng mũi, - cười bốc rơm, - cười thái sư, - cười Đống Trác, - cười tuồng, - cười cầu tài, - cười lấy lòng, - cười bù khú, - cười xâ giao, - cười hở lợi, - cười giữ nhịp.

Cười hế hé, - cười hì hì, - cười ngọt nghéo, - cười the thé, - cười hô hố, - cười ha hả, - cười khanh khách, - cười chuột rúc, - cười pháo ran, - cười vỡ bụng, - cười nhí nhảnh, - cười khèng khèc, cười giòn dã, - cười cộc lốc, cười thon thót, - cười hà hè, - cười hơm hĩnh, - cười chua chát, - cười chum chím, - cười khinh khinh, - cười sảng sặc, - cười ngạo nghễ, - cười hênh hêch, - cười đú đớn, - cười nhăn nhó, - cười hà hả, - cười khúc khích, - cười ngả ngôn;

Mim cười, - cả cười, - cười nửa miệng, - cười đồ quán xiêu đình, - cười tit cung thang, - cười như con tinh xé lụa, - cười như nắc nè, - cười rì ám, - cười như đười ươi, - cười hở mồm cái rảng.

Hơn một trăm mẫu cười khác nhau! Cũng là mới khui ra để lập danh sách cho tiếng cười ta, và thống kê này cũng chỉ là bản thống kê bước đầu. È phải làm từ vựng tư điển Việt Nam đến nơi rồi cho tiếng cười giàu có của chúng ta! Đến như cái cười Tiếu lâm, thì tôi rất lấy làm suy nghĩ về cái triết lý của nó. Vâng, cái cười ấy mang trong mình nó một cái triết học nào đó về sự sống Việt Nam. Có thể là người xưa chỉ cười

thôi, không nêu nó thành hè thống thành lý luận gì cả. Có thể như thế đây, nhưng tôi, tôi vẫn tin rằng trên cái rung cười góp lại do rất nhiều cây cười nhiệt đới đó, phải toát ra một cái gì thiêng liêng, thiêng liêng như mọi kinh nghiệm về sự sống con của một tập đoàn con người. *Tiểu lâm* làm cho ta cười. Bên trong cái cười hồn nhiên và tinh nghịch đó, bên trên cái cười vệ sinh và khoái chí đó, phải có một lý lẽ đúng đắn gì co tính luân lý kia nữa.

Tôi nghĩ rằng con người Việt Nam vốn có một tập truyện vui *Tiểu lâm* đó, cũng chẳng khác chi đất nước Việt Nam vẫn có một vườn hoa không lồ quanh năm nở hoa, bất kể mưa gì, nắng gì, gió gì, mùa gì. Tiếng cười đó rất cần thiết cho cuộc sống tinh thần của con người Việt Nam, cũng như hoa nở bốn mùa trên cỏ ta, trên cây ta, là rất cần thiết cho một đất nước Việt Nam dữ dội phải luôn luôn chống bão, chống hạn, chống sâu, chống lũ, chống lụt. Thiên nhiên ta quái ác như thế, xã hội cũ xưa ở ta tàn khốc như thế, nếu không có hoa nở trường kỳ như vậy, nếu không có tiếng cười rền như vậy, thì cũng khó mà tồn tại được như thế này cho đến hôm nay.

Hôm nay đây, đất nước Việt Nam đã được ba mươi ba tuổi Đảng, ta có nhiều bạn bè bốn biển năm châu, có chủ nghĩa xã hội đánh bại con người lang sói và, bước đầu chiến thắng cõi tự nhiên hùm beo, nhưng ở

Việt Nam, đang cần thiết vượt nhiều gian khổ mới. Tôi nghĩ rằng mọi con người Việt Nam làm chủ tập thể trên cõi quê này tôi nghĩ rằng những người trí giả thức giả Việt Nam không ai nỡ từ chối cái gian khổ đó, ai ai cũng đều ít nhiều có cái tinh thần chịu khó và muốn vượt khó đó. Tôi không tránh cái phần khổ và khổ chung đó, nhưng chỉ xin thêm rằng: chịu đựng gian khổ muốn tiến lên hạnh phúc thì phải vượt khó, nhưng đừng có *khó đăm đăm*. Nhà thì nghèo, việc thì nhiều, máy thì còn ít, thịt còn thiếu, nhưng hãy cười lên. Không hề gì lầm, nếu ta biết cười. Ta cùng leo dốc, cùng lên thác, nhưng phải cười lên... Lạc quan xã hội chủ nghĩa. Lạc quan, có nghĩa là cái vui đó phải công khai ra thành tiếng cười. Từ nghìn xưa phong kiến Tàu và thực dân Tây, từ những thuở nhân dân lao động ta chưa nám được chính quyền, con người Việt Nam chân chính ta vẫn áp ủ một tiếng cười dân tộc. Nay ta đã giành được chính quyền, ta lại càng phát huy cái cười truyền thống đó. Chế độ ta có rất nhiều tiếng hát. Nhưng tiếng hát còn phải kèm vào đây nhiều câu cười tiếng cười nữa. Cười tủm tỉm nửa miệng, hoặc là phá cười rõ lên, cái đó xin cứ tùy cái sở thích của mỗi người.

Nếu các bạn nhà văn đồng nghiệp của tôi cùng nhận định với tôi rằng tiếng cười bây giờ đây là một nhu cầu của sự sống đang có khó khăn của trường

thành, nếu các bạn vẫn xuôi của tôi cũng thấy như thế, thi tôi xin có một đề nghị. Là xin các bạn đưa cái cười vào những trang viết của các bạn. Đưa cười vào kịch, vào ký, vào truyện, truyện ngắn, truyện dài, truyện phim. Tiếng cười áy, cho đến nay, chỉ mới loáng thoáng trên mặt tờ báo, ở một góc trang, hoặc cuối một trang. Tôi muốn từ nay thấy nó nằm ở giữa lòng sách in, bàng bạc giữa những cuốn sách đứng đắn nhất của ta. Tiếng cười áy không những chỉ có mặt ở cuốn sách mà còn cần phải hiện ra đậm đà ở dài, ở màn ảnh, ở sân khấu. Khi mà những người tạo hóa trong lĩnh vực văn nghệ có ý thức về cái cười vui sống, thì hình tượng nghệ thuật của chúng ta sẽ cười, nhân vật ta sẽ cười, độc giả của ta sẽ cười. Tiếng cười của những bạn đọc lao động chân tay và trí óc sẽ vang vọng và ảnh hưởng trở lại chúng ta. Những ảnh hưởng qua lại của tiếng cười.

Trước đây, người ta lập luận rằng tiếng cười là vũ khí của kẻ yếu. Đó là một quan niệm lỗi thời rồi về tiếng cười. Nếu trong sự sống ngày nay vẫn còn ít nhiều tiếng cười thiếu vệ sinh của những người nhát và yếu, thì cái đó không có nghĩa là tiếng cười không có tính chất tích cực. Tiếng cười, thực chất nó là một cái gì của cách mạng. Tiếng cười là một cái gì thuộc về sinh lý và tâm lý của những con người lạc quan và lanh man cách mạng. Cho nên bên cạnh những bản

*hùng ca*, càng phải thêm những bản *hài ca* nữa. Tiếng cười của ta như một nén nhạc đệm cho những bản anh hùng ca của thời đại gian nan, nhưng rất lớn lao của lớp lớp quần chúng lao động đang tiến lên theo Đảng, với cái khí thế của những con người quyết tâm cải tạo xã hội và thay đổi thiên nhiên, hình thành một bộ mặt mới cho đất nước quê hương.

Mỗi thời đại có một lối cười riêng của nó. Thời đại ta là của những con người lao động tận dụng chân tay trí óc mình, cùng với máy móc cơ giới của viện trợ quốc tế, để bát bánh cho xe lịch sử mới. Và nói như cách của Mác đã nói, chúng ta quyết tâm vĩnh biệt đi vắng với một tiếng cười. Tiếng cười của chúng ta là câu hò, là điệp khúc dô ta của những con người quyết chí kiến thiết. Nơi bản báo cáo tổng quát của Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ ba, tôi nhất trí với nhà văn Đăng Thai Mai nhận định về cái cười của nhà văn hài hước trong chế độ ta. “(...) Nhà văn hài hước của chúng ta ngày nay không phải là vai hề của chế độ phong kiến bôi nhọ mặt mũi để cho bọn quý tộc mua vui, cũng không phải là lối cười xỏ xiên (...) và chán chường của xã hội tư bản”.

Chúng ta tạo lấy cái cười của chúng ta. Kể thừa cái cười vui sống của dân tộc, chúng ta sẽ cười bằng cái cười của những người đã từng quăng liêng đi cái ngai của ông vua, và đã từng dồn thực dân Pháp từ

núi Diên Biên bang luôn ra biển Đông." Trên cơ sở vồn cười dân tộc, ta sáng tạo cái cười mới. Không nệ cổ, không nô lệ cái cười cũ, nhà văn Việt Nam hài hước và dí dỏm ngày nay không rập khuôn lại cái cười cũ đúng nguyên xi như trong *Tiêu lâm*. Nhưng cái vòn *Tiêu lâm* đó, ta nghiên cứu được, và khai thác được. Nhất là về mặt cấu tạo truyện và nhân vật truyện của truyện dân gian *Tiêu lâm*.

Tập truyện ngắn dân gian *Tiêu lâm* của ta có đến một trăm bốn mươi tám truyện (theo bản in năm 1957 của Nhà xuất bản Văn Sứ Địa), truyện nào cũng đượm một tiếng cười, mỗi truyện một vẻ cười, ở truyện này thì tiếng cười bát lò xo tung lên, ở truyện kia thì tiếng cười như cốt mìn nổ chậm, và vân vân. Tìm ở *Tiêu lâm* một khóc cười, một nét cười, một khía cạnh của cái cười nhiều tính vệ sinh và vui sống. Nhưng, theo tôi nghĩ, còn tìm ở *Tiêu lâm* có một cái gì có tính chất kỹ thuật và nghệ thuật viết truyện ngắn thật ngắn nữa. Nhiều truyện *Tiêu lâm* chỉ ngắn không tới mươi dòng. Như truyện kể lại việc anh nhà nghèo phải đứng quạt h้าu thăng nhà giàu. Lập trường giai cấp rất vững, và trong nghệ thuật cười Việt Nam, lại phảng phát một cái gì rất là umua (humour) Âu châu. Nó rất hồn nhiên mà cũng rất là trí tuệ. Sê-khôp (Tchêkhov) nổi tiếng vì những truyện ngắn hom hỉnh viết rất ngắn. Nhưng, nói chung, so

với truyện vui *Tiêu lâm*, thì Sêkhôp vẫn cứ còn là người dài dòng về truyện ngắn.

Truyện ngắn *Tiêu lâm* viết ngắn, đọng, nhưng vẫn đủ chỗ để đi vào tâm lý, vào cái lôi của nhân vật. Như trong truyện số 60 đó chẳng hạn. Chỉ vỏn vẹn có 18 dòng (khổ trang in tiểu thuyết) mà phần lớn lại là đối thoại, tức là lời của mỗi dòng lại còn bị xén bớt đi nữa. Khuôn khổ truyện ngắn số 60 ấy (tức là truyện một cái rắn, đầu tiên không thôi, rồi cuối cùng mới thật là thôi hoặc) đã chật hẹp như vậy, mà vẫn chưa nỗi ba nhân vật, mỗi nhân vật đều có một căn bản tâm lý, có diễn biến tâm lý, có chuyển cảnh, có chuyển tình, có phát triển, có vận động. Và nơi cuối truyện, bục ra một cái cười đích đáng, một cái cười thâm thuý, một cái cười lành mạnh. Lành mạnh vì nó nói ra được cái điều mà mọi người lành mạnh cần nói, vì nó cười vào cái điều mà mọi người thẳng thắn phải chê cười. Nó đúng là cái cười cổ hưu ở ca dao ta:

“Con người có miệng có môi  
Khi buồn thì khóc khi vui thì cười”  
“Khi vui thì muốn sống dai  
Khi buồn thì muốn chết mai cho rồi”.  
“Chẳng tham nhà ngói rung rinh  
Tham về một nỗi anh xinh miệng cười”

Người xưa thì san *Kinh Thi*. Tôi nghĩ rằng nay ta san lại *Tiêu lâm*, thi số lượng có thể còn hơn con số

148 truyện ngắn, và chất lượng *Tiêu lâm* sẽ trong trèo hơn nữa, mặc dầu nó luôn luôn đúng phải cái bạo cái thô, và sự đời ở đây thường là cứ tò hò tênh hênh cà ra như thế.

Bàn về nội dung tư tưởng *Tiêu lâm* của những trang cười khuyết danh, thấy cuốn sách đó là một thái độ lạc quan trước sự sống thấy đó là cuốn sách những người yêu đời.

Đứng về nghề nghiệp mà bàn tới *Tiêu lâm* thì đó là một số kinh nghiệm thành công về kỹ thuật và nghệ thuật dựng truyện ngắn rất kiệm lời, và ý ở ngoài lời thì rất nhiều.

Ta nên tiếp thu cái tinh thần yêu sống băng bạc trong khắp tập truyện dân gian *Tiêu lâm*, tiếp tục và vượt hơn nó. Về kỹ thuật dựng truyện ngắn, đó cũng là một số kinh nghiệm nghệ thuật có thể phát triển tốt được.

Theo tôi nghĩ, vui cười, hài hước, và phong cách dí dỏm hóm hỉnh không làm hại câu văn và chất văn của một nhà văn. Một cây bút biết cười với nhân vật truyện mình, nhất định sẽ có đóng góp vào tiếng nói chung, và mở mang thêm được cách nói tiếng nói chung tức là tiếng cười có duyên trong tiếng nói văn học sẽ nâng cái tiếng nói dân gian lên một tầng cao nữa. Nói một cách thật là đúng đắn, tiếng cười ý nhị

sẽ làm cho lời văn của nhà văn lồng lẫy thêm về hình tượng. Câu văn có tiếng cười, là một lối văn nhiều khớp xương, co duỗi vô tận: nó bay bướm nhưng cũng thát là chát chê. Cái cười, cái di dòm, khi mình biết đưa vào lời văn mình nó còn giúp mình chữa bệnh cho van mình, nhất là các thư bệnh như thô sơ, đơn điệu, té thấp, cùng đờ tư ngữ, hoặc bại liệt về động từ, về hình dung từ, trợ từ, trạng từ. Một nhà văn di dòm và biết cười qua các nhân vật con đẻ của mình, tôi nghĩ nhà văn đó có công lao đóng góp thát sự cho gia tài chung tiếng nói Việt Nam. Và ho đóng góp thát sự, hơn là những câu hò hét sáo ngữ hoặc lên gân một cách duy tâm của một vài nhà văn “duy vật” một cách thần bí!

Nhìn lại vốn dân tộc về tiếng cười Việt Nam, thấy nó thật là khá giàu có. Đó là một cái vốn quý. Được làm một nhà văn ăn thừa tự cái phần hương hỏa tiếng nói dân tộc cũng là tiếng cười dân tộc đó, chúng ta có cái trách nhiệm không những không được bỏ sót nó, mà con là phải không ngừng làm dậy lên cái vốn đó. Phát triển nó ở văn văn, ở văn xuôi (...).

Trong cái cười, có cả thường có cả phạt. Cười, để mà khen, nhưng khi chê một việc gì, một người nào, người ta càng dùng đến cái cười. Cười để phạt, để thi hành một thứ kỷ luật của sự sống. Ví dụ cái cười của châm biếm. Cái cười đó rất càn. Nhưng cái cười tôi

nêu ở đây, cái cười này không phải là thứ cười vô tội và, thứ cười vô phạt, vô thường, mà chủ yếu là một thứ cười đê thường, khen thường cho sự sống. Vì sự sống lớn lao cần khích lệ đó mà thấy cần phải tăng thêm nhiều hơn nữa cho tiếng cười. Tiếng cười tội kêu gọi ở đây không phải là để tố hồng (chế độ ta không cần những thứ ông thợ vôi, thợ sơn rè tiền). Kêu gọi tiếng cười đây, chính là kêu gọi đến sự đóng góp thêm nữa của nhà văn chúng ta. Vì chủ nghĩa xã hội thân mến, tiếng nói văn xuôi hiện đại ta hãy thêm vào thời đại mình một cái cười yêu sống và quyết tâm đầy mạnh cuộc sống xã hội chủ nghĩa - một cái cười của những người chiến đấu cho cái mới.

## ĐỌC VÀ XEM A PHỦ

**XÊNARIÔ** *Vợ chồng A Phủ* dựa hẳn lên cốt truyện đoàn thiêng *Vợ chồng A Phủ*<sup>(1)</sup> mà viết ra để quay phim.

Đoàn thiêng tiêu thuyết *Vợ chồng A Phủ* là của nhà văn Tô Hoài. Truyện phim *Vợ chồng A Phủ* nay lại vẫn nhà văn áy dựng, vẫn lại do một tác giả đó soạn ra. Tôi thấy nó cũng tiện. Vì cuộc sinh hoạt văn học, từ một cuốn sách tiến tới cái màn ảnh sau khi chuyển qua một kịch bản điện ảnh, trong trường hợp đây, thấy bót đi được một người trung gian: nhà soạn xénariô.

Thường thường vẫn là hai người, một người làm ra cái tiểu thuyết nguyên thủy, và có một người khác lấy đó mà xoay ra mà dựng nên truyện phim cho phim truyện. Cũng thường thường lại thấy rằng: những phim ảnh mượn cốt truyện ở tiểu thuyết và mượn

---

(1) Trong tập *Truyện Tây Bắc* in 1953.

nhân vật của tiểu thuyết săn có, ít khi truyện phim ăn đứt được truyện sách nguyên thủy. Đã có nhiều tác phẩm phim không những không vượt được tác phẩm sách mà lại còn tụt, còn đuối hơi, bất cập, không đạt. Nó gần như là cái kiểu tiên thiên hữu dư, mà hậu thiên bất túc, khi đem so cuốn phim chiếu ra với sách nguyên thủy. Ví dụ như đoàn thiêng tiểu thuyết *Số phận một con người*, của Cholokhov có nói đến mùa xuân tuyết tan. Trong phim cũng nhắc lại những cảnh tuyết tan và mùa xuân. Cả ảnh cả thuyết minh cả nhạc đệm theo mùa xuân đang tới. Tức là xiné rõ ràng là nhiều phương tiện hơn cuốn sách chỉ trơ ra với dòng chữ động cứng. Vậy mà sao tôi lại thấy mùa xuân nơi trong đoàn thiêng Cholokhov gợi thức tôi nhiều hơn là đoạn này ở phim ảnh xem. Mặc dù có ảnh động có nhạc chảy theo, tôi thấy mùa xuân cụ thể nơi màn ảnh lại đậm ra nhạt nhẽo và thua hẳn cái xuân “văn chương” nơi cuốn sách nó thống thiết một cách đậm đà với toàn những con chữ trừu tượng: đây là một mùa xuân của kiếp người, đây là mùa xuân của lòng tin nhân loại, đây là một mùa xuân của lịch sử đang tiến tới.

Hình ảnh của xiné là động là hành. Chữ ở sách là một cái gì bất động trên giấy. Chữ in là dấu hiệu mang cái ý tức là mang lấy cái trừu tượng. Hình trên màn chiếu động chuyển những dòng ảnh cụ thể. Trở

lại cái mùa xuân tuyết tan quanh số phận một con người nhân vật thè thì nên kết luận ra sao đây? Chữ sách gợi cảm đặc lực hơn hình phim chàng? Anh xiné cụ thể linh hoạt mà lại bất lực thua hình tượng văn tự lặng tờ ở sách? Có khi quýnh lén, người ta đồ vầy cho cái này cái khác và thường là quy tội cho người biên soạn kịch phim, nếu không là đổ tất lên đầu người đạo diễn.

Thực ra điện ảnh có cách nói riêng, cũng như văn chương vẫn có cái lối riêng của nó, mặc dầu hai bộ môn nghệ thuật đó cùng đê cập đến một số sự việc trùng nhau, giống nhau. Cho nên, mỗi khi có một tác phẩm phim rút ra từ một cuốn truyện nào đó, người ta cho đó là hai sự kiện nghệ thuật mang những giá trị tự tại độc lập, và nên đứng trên cơ sở quan niệm ấy mà đánh giá thì nó mới thấu đáo.

Nay trở lại tiêu thuyết và truyện phim *Vợ chồng A Phủ* do một nhà văn đã dùng cả chữ và đã dùng cả ảnh ở hai địa hạt văn chương in sách và điện ảnh quay phim. Vậy thì mặt nào hơn mặt nào? Tiêu thuyết Tô Hoài đạt, hay là xénariô Tô Hoài đạt?

Trong cuốn phim nay, ai cũng thừa biết rằng ngoài cái công việc người biên kịch truyện phim còn có cái phần không thê thiêu được của nhà đạo diễn *Vợ chồng A Phủ*. Ưu điểm của nó muôn phát triển được lên con

phải có sự đảm bảo của phần thể hiện, của phần đạo diễn.

Nay tôi hãy căn cứ vào xénariô mà bàn tán thêm vào, nhất là về mặt văn học nói chung, về văn chương điện ảnh nói riêng của truyện phim *Vợ chồng A Phủ*.

Tôi đã đọc *Vợ chồng A Phủ* lúc nó mới là đoàn thiên tiểu thuyết. Nay nó lại còn là một xénariô vừa dựng xong. Và tôi vừa đọc nó vừa thấp thỏm thay cho tác giả. Tô Hoài viết tiểu thuyết cả ngắn cả dài, có thể có những người không thích một cách có hệ thống, nhưng cũng đều phải nhận rằng Tô Hoài có những kinh nghiệm của một người có nghề, cái nghề nhào nặn thực tế chế tạo nó thành ra nhân vật tiểu thuyết. Nhưng Tô Hoài viết truyện phim xinê, đó là một khu vực mới, một cái tuyển nghệ thuật mới mà giữa cái mènh mông đó, Tô Hoài chỉ là một anh lính tròn, một người tân binh. Nhưng theo chủ quan tôi, cái cú Tô Hoài vừa làm thử này, nó cũng là cái công phu của một người vào nghề đã có ngón. Hầu như là tác giả truyện phim đã phân nào tinh thông tất cả chính tả, ngữ pháp, từ vựng, ánh pháp của điện ảnh. Tôi sốt sắng nói cái điều này, vì sự khấp khởi với tác giả xénariô chỉ là phụ thôi, mà cái chủ yếu là muốn đề cao môn văn học điện ảnh. Nhất là môn này còn rất mới đối với chúng ta.

Xênariô *Vợ chồng A Phủ* là một truyện phim tốt. Nó không bị những sáo ngữ văn chương những hư tự trooke lượng (rất dễ phạm vào nếu ta chưa tạo được một thói quen nhìn sự việc bằng con mắt điện ảnh) mà nó súc tích những hình ảnh cụ thể, những đường nét luôn luôn tiến triển, những khói hình liên tiếp di động. Nó có cái mặt tạo hình rất đặc tính của tiếng nói điện ảnh. Viết xénariô này Tô Hoài đã làm giúp anh bạn đạo diễn nào đó một cái phần rất quan trọng. Cái phần phân cảnh. Về phân cảnh của chuyên môn (quay gần, quay xa, quay đặc tả v.v...) thì vẫn là của đạo diễn thôi, nhưng trong xénariô Tô Hoài cũng đã làm một phần công việc của phần phân cảnh đó. Tô Hoài đã làm việc phân cảnh mỹ thuật nó là một điều rất quan trọng trước khi bước vào phân cảnh kỹ thuật. Một cái xénariô tốt chỉ làm cho nhà đạo diễn nhẹ nhàng và lý thú cũng như vở kịch tốt chỉ càng làm cho diễn viên tự tin và phát huy hiệu suất thanh điệu của vai mình được phân công.

Sự thành công của xénariô *Vợ chồng A Phủ* là một sự khẳng định về phẩm chất văn chương nội tại của văn học điện ảnh. Đồng thời cũng có thể là một sự khích lệ đối với những anh em viết tiểu thuyết còn dè dặt với truyện phim xinê. Nó chứng tỏ rằng môn nghệ thuật nào cũng là cao quý, không thể lấy cái này thay cái kia. Nó chứng tỏ rằng bất cứ ở môn nghệ thuật

nào cái quan trọng là mình có đạt được không. Cứ văn xuôi mà đạt thi còn là làm thầy được cho cái anh làm thơ cà-là-mèng đem vân về ra mà lộn sòng. Nó chứng tỏ rằng dụng truyện xinê không phải là một số meo mình nắm được, mà cái chính là mình có cái nhìn của nghệ thuật điện ảnh, cái chính là mình có những cảm xúc chân chính của khoa điện ảnh.

Chính điện ảnh đã làm giàu thêm cho cuộc đời cảm xúc con người, trái hẳn với một số quan điểm lạc hậu vẫn còn cho xinê là hời hợt, và do đó, cho văn học điện ảnh là không sâu sắc bằng văn học chung chung.

Đứng trước sự vật và sự việc, nhà triết học nhà kinh tế nhà chính trị đều có lối nhìn riêng biệt của họ, và nghệ sĩ cũng có cách nhìn đặc sắc của mình. Nhưng trong thế giới văn học nghệ thuật trước sự vật, lại còn phân chia ra nhiều cách nhìn nô chi tiết hơn nữa, tinh vi hơn nữa. Thơ nhìn một cách, truyện và kịch nhìn một kiểu. Nhạc lại sang một lối khác. Tranh và tượng và kiến trúc, nó đòi hỏi một lối nhìn tạo hình triệt để. Khoa học phát minh ra nghiệp rồi điện ảnh, lại tăng cho đời sống thêm được một cách nhìn mới nữa. Điện ảnh là nghệ thuật tổng hợp, nhưng điện ảnh không tranh quyền tiếm vị, không hất cẳng môn nghệ thuật nào cả, mà nó chỉ là tăng cường cho cuộc sống sắc nhậy thêm nhơn lực xúc cảm của mình.

Và những nhà văn chúng ta, biết thêm được tiếng nói điện ảnh, thì càng là một sự trang bị thêm để tiến sâu hơn nữa vào đời sống khoa học kỹ thuật. Biết góc độ nhìn của nghệ thuật điện ảnh để mà dùng nó ngay vào xénariô như Tô Hoài đã làm một cách có kết quả đó, thì là càng tốt. Nhưng nếu không định xoay vào viết truyện phim thì cũng cứ tốt. Vì diễn tả phản ánh cuộc sống hiện đại, có những góc cạnh sự việc dựng lên, cần phải dùng đến kỹ thuật điện ảnh lồng nó vào truyện dài truyện ngắn, kịch dài kịch ngắn, thơ dài thơ ngắn của mình. Cách nhìn điện ảnh, khi anh biết nắm vững thủ pháp đó, làm trẻ lại hơi văn tiểu thuyết làm tươi thêm câu thơ ý thơ, làm cho đoạn văn thêm gân thêm khớp. Biết dùng cho nó đặc địa, thì cốt cách hành văn càng hiện đại hóa thêm. Không nhất thiết phải luôn luôn bệ ống ảnh xiné vào truyện vào thơ mình, nhưng biết ngữ pháp xiné mà cài vào văn mình cho đúng lúc đúng chỗ, thì càng thêm sự uyển chuyển hoặc sự đanh thép cho phong cách diễn tả của mỗi người. Một nhà văn không cần phải biết vẽ biết soạn nhạc, nhưng nên có thêm những cách xúc cảm của họa sĩ nhạc sĩ. Với điện ảnh cũng vậy.

Đọc truyện phim *Vợ chồng A Phủ* tôi thấy thích nó. Thích hơn cái thời kỳ nó còn ở hình thù truyện đoàn thiêng viết ra hồi 1953. Cùng vẫn đôi thanh niêm lao động Mèo gái trai áy, nhưng ở truyện phim, đôi

nhân vật áy sinh động hơn ở tiểu thuyết cũ. Nó lại có những đoạn có chiều sâu hơn ở tiểu thuyết. Ai dám bảo văn chương điện ảnh ta nội tâm thua văn tiểu thuyết? Nó đã rành rành hiển nhiên rằng khi mà ta nắm vững ảnh pháp xinê thì vẫn tha hồ đi vào ngóc ngách tâm tư nhân vật, càng vào sâu lại càng mở rộng ra được.

Khác với tiểu thuyết cũ, truyện phim *Vợ chồng A Phủ* có thêm một số nhân vật chạy hiệu. Chính diện cũng thêm người, phản phái cũng thêm người. Thêm đàn ông, thêm cả đàn bà. Trước một thống lý, giờ thành hai thống lý. Trước một cán bộ địch hậu nay là hai. Trước không có đế quốc, nay lại thấy xì xô một thằng quan đồn Pháp cũng nhам hiểm uống máu ăn thịt rồi mất mạng trong trận ta diệt đồn, nhân vật A Phủ cứu thoát vợ mình khỏi tay phong kiến và đế quốc.

Tức là bước chân vào làng xinê, việc rõ nhất của Tô Hoài là bịa thêm ra một số nhân vật phụ. Bịa thêm ra một số rồi lại chém luôn tại trận một số nhân vật đó. Có người sẽ hỏi: "Có cần huy động nhiều người vào truyện phim như thế không? Và có cần giết người đa sát đến như thế không" Có phải là vì xinê có nghĩa là tôn người là phi người hơn bên văn học tiểu thuyết không? Có phải là lương tâm người làm xinê hay bị cấn rút bởi nhân vật hiên về đời mạng không?".

Tôi nghĩ rằng vẫn đề không phải là những thắc mắc thông tục đó và không đúng cách đó. Anh làm nghệ thuật, có nghĩa là anh làm một thứ tạo hóa trong cái phạm vi nhất định của địa bàn sáng tác đó. Bố trí tương quan lực lượng thiện và ác như thế nào là do anh định lấy, anh bảo đứa nào (nhân vật) chết, nó sẽ chết, anh cho ai sống thì người đó sống. Không phải là chuyện tránh phi máu và tiết kiệm nước mắt như ở cuộc đời thật. Độc giả của anh không có mặc cảm với anh về những mạng người đem ra dùng, sự thiết kế cho tác phẩm cần đến bao nhiêu thì anh cứ lấy. Làm xong kiểm kê lại, sao cho hợp tình hợp lý. Điều đồng và thanh toán ai, phải có lý do, chờ có tùy tiện một cách chết oan nhân vật. Và nhất là sau một cuộc xô xát tốn của tốn người như thế, phải có một cái gì còn lại, cái gọi là sáng tạo nghệ thuật kia phải để lại được một cái gì lưu lại trong lòng mọi người vẫn chờ xem mình. Quan hệ là cái đó. Anh mà đạt được, anh mà tạo được cho người xem cái xúc cảm mỹ học đó, thì ngay cả cái đám nhân vật bị bút pháp anh già hình kia chính họ cũng lấy làm được ngậm cười nơi chín suối nghệ thuật và họ còn thấy mình cũng vè thay một chút thơm lây!

Điểm lại xác chết trong xénariô, tôi nghĩ chả có tên nào oan cù, đáng đời chúng nó thôi. Riêng về nhân vật sống Tô Hoài thêm vào, tôi vẫn vương với một ông lái

đò người Xá chờ thuyền gỗ trên Sông Đà, chờ người đi du kích sang ngang Sông Đà.

Không rõ có đúng như vậy trong cái tâm khảm của người làm phim Tô Hoài không, nhưng tôi ngờ rằng ở đây Tô Hoài định lồng vào phim một cái ý thơ của bài trường ca Tây Bắc. Ở khách quan núi sông Tây Bắc vẫn bằng bắc cái ý thơ ấy. Tôi hài lòng với hình ảnh ông đò người Xá, tôi xúc động trước cái ý thơ kia đang trôi lướt trong phim truyện. Một cái ý thơ đẹp, khỏe, lành, đem sự cân đối nhịp nhàng vào cuộc sống Tây Bắc nhiều màu nét. Cái hình ảnh chờ đò ấy còn trả lại sự công bằng chí lý chí tình cho thực tế vĩ đại nhiều dân tộc của Tây Bắc. Trong cuộc sống địch hậu Tây Bắc chiến đấu vũ trang, không phải chỉ có người Mèo người Kinh người Thái mà còn có người Xá nữa. Những người lái đò Xá bí mật chở bộ đội và cán bộ qua sông gây cơ sở Tây Bắc. Những người Xá trên sông Nậm U, trên sông Đà v.v... Trong cuộc sống hòa bình làm ăn tu tạo người Xá còn là một dân tộc có hoa tay trong thủ công nghiệp, nhưng hay bị chìm mờ đi.

Thêm một người lái đò Xá vào phim, còn thêm được vào đây một dải sông nữa. Tiểu thuyết *Vợ chồng A Phủ* trước đây không có sông chỉ toàn là núi, là triền núi. Dựng nhân vật Mèo, đưa ra phong cảnh núi non là đúng thôi, đúng quá rồi còn gì nữa. Người Mèo kèm bên quả núi vặt núi triền núi. Mèo và núi là một

đôi câu đối trong thiên nhiên cũng như những đôi câu đối khác trong thực tế Tây Bắc: con đò con cá, cánh chim cánh mây. Tây Bắc lồng lộng núi Mèo, nhưng mà Tây Bắc cũng âm âm sóng nước. Trên núi Mèo, vẫn có mạch nước. Nhưng mạch nước ấy bé lầm gầy lầm không đủ để trôi đò để thả thuyền. Từ vạn cổ chưa bao giờ nước Mèo đập tiếng bơi chèo. Nước trên nguồn Mèo chưa bao giờ phồng lên một cánh buồm.

Đưa cảnh và người Tây Bắc vào nghệ thuật, chuyến này Tô Hoài cho núi Mèo nghĩa khí soi bóng minh vào dòng sông Đà trữ tình. Nhờ có ông Đò người Xá mà cái tứ thơ này được lồng vào truyện, cho nó vẹn cả nghĩa núi tình sông.

Tây Bắc là một khúc hành trầm hùng. Tây Bắc là một bản tình ca. Từ lòng xêngariô, từ lòng vợ chồng A Phủ bừng lên cái ý thơ cắp kè đó.

*Tái bút - Xêngariô A Phủ* đã quay thành phim chiếu ra. Nói một cách thật là chịu trách nhiệm về lời nói của mình, thì tôi thấy đọc *A Phủ* thú hơn là đi xem *A Phủ*. Đọc thì thấy được chất thơ, mà lúc đi xem thì thấy nó hơi quá nôm na. Chất vắn xuôi là rất cần cho phim truyện, nhưng vắn xuôi không có nghĩa là nôm tạp.

**TẢN MẠN  
XUNG QUANH MỘT ÁNG “KIỀU”**

**HÀ NỘI** 1939. Một nhà xuất bản người Sài Gòn tính ngông định in một bản *Kiều* không chữ mà chỉ toàn tranh phụ bản cả màu, cả đen chì, cả đen mực. Một anh bạn họa sĩ giải thích về phác thảo của mình vừa trao tay nhà xuất bản: “ – In được hay không, tùy ông. Nhưng ông hỏi, thì tôi cũng cứ phải nói thêm, bên cạnh cái cách nói độc lập tự lực của hội họa. Phụ bản tôi vẽ hai người đàn bà đã hết tuổi con gái. Một béo, một gầy. Một cái đẹp đôn hậu phúc phận đứng bên một cái đẹp bạc mạng mây bèo. Cả *Truyện Kiều*, theo tôi chỉ là câu chuyện hai cô gái nhà lành. *Truyện* hai chị em. Em, phúc hậu, cho nên mặc dù không biết bơi, nhưng động xuống nước thì nổi. Còn chị, bơi giỏi, nhưng nhẹ thịt nặng xương, càng bơi càng chìm; vì đau nghẽn nhiều, quẩy lầm, nặng mải mình ra. Tôi dùng bút pháp chân dung toàn thân để tả tâm tính nhân vật. Bức chân dung sóng đôi này tôi không cho một tí xiêm áo nào cả. Có thể vẽ người ta có đầy đủ

quần áo, nhưng lấy da thịt khὸa thân mà tả tim óc  
người mình vẽ đó, tôi tưởng cùng dễ hiểu, nếu mình  
nhìn cho thật đến nơi đến chốn. Thêm nữa, quần áo  
nhiều khi vướng cho sự diễn tả của người tạo hình.  
Quần áo là vật ngoài của thân, nó già, nó không thật  
như làn da thờ bắp bàn thân. Vả chăng, áo quần suốt  
gây trời này lại hay luôn luôn thay đổi mỗi này một  
nọ."

Trong *Kiều* có câu “Đạm Thanh một bức tranh  
tùng treo trên” và lại có câu “Trên treo một tượng  
trắng đôi lông mày”. *Treo trên* ý nghĩa khác với *Trên*  
*treo* như thế nào? Trên treo, tức là hành văn lối điên  
đảo thể, nhưng sao lại không dùng dùng thể thuận mà lại  
dùng thể nghịch? Trang từ *Trên* đặt trước hoặc đặt  
sau một động từ *Treo*, có cái gì là dụng ý của tác giả  
không? (chữ *Trên* và chữ *Treo* đều là loại phù bình  
thanh cả, cho nên ở đây ta gạt ngay được ra cái lý do  
nhu cầu về nhạc luật bằng trắc của thơ lục bát).

Một số bậc sành sỏi *Kiều* ở ta có thể coi cái điểm  
tôi gợi lên đây chỉ là một chi tiết vụn vặt. Tôi cũng  
đồng ý là vụn là vật, nhưng không có chi tiết thì sao  
có làm được ra đại cục (mà ta thì ta lại đang nói về  
một đại cục văn học của ta, thế giới sê kỷ niệm nay  
nay). Riêng tôi nghĩ rằng trong cái chi tiết *Treo trên*  
cùng là *Trên treo*, nó không phải chỉ là một sự vô tội  
vụ không có dụng ý gì của người làm thơ viết thơ. Mà

ở đây, có vấn đề mỹ học. Mỹ học gắn liền với vấn đề đức học (tôi tạm dịch chữ éthique). Và từ chi tiết đó, thử soi ra các câu khác ở *Kiều*, các chi tiết khác ở các câu *Kiều*; có như thế, sự thường thức *Kiều* mới thêm rộng thêm sâu. Cứng cáp mà uyển chuyển, mạnh mẽ mà vui hòa. Sáng sủa mà đẹp đẽ. Nội dung mà hình thức vậy. Và nói đến nghệ phẩm, không thể không nói đến hình thức - cái hình thức sát cánh của nội dung. Không thể tách nội dung, hình thức phái khuôn vào nội dung. Và nội dung lại cũng nhờ vào hình thức. Tôi là người biết hái sơ chủ nghĩa hình thức trong nghệ thuật, nhưng tôi xin trộm nghĩ rằng: ví không có thứ nhịp sáu tám lối lạc lัง lăng ấy của Nguyễn Du thì cũng khó mà truyền mai cho hậu sinh cái tiếng đồng vọng của Thúy *Kiều*, dù cái tiếng ấy có là gì gì đi nữa.

Người sành *Kiều*, lấy ra khỏi sách từng mảng đàn, từng mảng thơ về *Kiều* đàn. Nói chung, thường bảo là có 4 buổi đàn. Cho Kim Trọng buổi đầu và buổi thứ tư, buổi I từ câu 465 tới 496; buổi IV từ câu 3192 tới 3214. Buổi thứ hai dành cho Hoạn Thư và Thúc Sinh, từ câu 1849 tới câu 1864. Buổi thứ ba, đàn hầu Hồ Tôn Hiến “nửa đám ma chồng, nửa tiệc quan” (Tản Đà), đoạn này từ câu 2568 tới 2582 (tất cả bộ thơ *Kiều* có 3254 câu sáu tám).

Áy nhắc về những đoạn *Kiều* đàn, thường chỉ nói là 4. Theo tôi thấy thì nó là 7 kia. Và trong 7 chỗ, thì

có chỗ diễn tả cụ thể nhiêu lời: chỗ 32 câu, chỗ 23 câu, chỗ 16 câu, chỗ 15 câu. Còn 3 chỗ khác, chỉ đá động thoáng qua, chung chung. Như lúc đàn cho Mã Giám Sinh đang “đặt giá” Kiều, để Kiều chuộc cha: “*Ép cung cảm nguyệt, thử bài quạt thơ*” (câu 640). Như lúc ở nhà đàn hát cho Thúc Sinh (câu 1298): “*Bàn tay điểm nước, đường tơ họa đàn*”. Như lúc đàn riêng cho Hoạn Thư (từ câu 1777 tới câu 1781): năm câu này cũng tính chất chung chung, nhưng đã đi dẩn vào cụ thể để chao ôi! Nói đến cái sự nghệ thuật Thúy Kiều khi bị đem ra mà hành hạ, đọa dày. Năm câu thơ, để nói một cách nôm na như thế này: Hoạn Thư bèn thét: “Con kia, ra đây đàn cho bà lớn nghe!” - Kiều bèn sợ quá mà “linh lời nàng mới lừa dây” - Sau đó bề trên “... Xem cũng thương tài” và có thể ban khen chi đó. Trong 7 buổi biểu diễn dài ngắn khác nhau, dĩ nhiên đẹp nhất vẫn là hai buổi dành cho “người tình” và cho “người cũ” mình nể lòng. Khen cái tài Nguyễn Du ở chặng đàn này, Tân Đà phê: “Nghe văn kém chi nghe đơn”. Cái buổi đàn chung cho Thúc Sinh Hoạn Thư rất nhiều tinh kịch, đem ra làm được một màn sân khấu không lời, chỉ cần chiếc đèn điểm huyền xoáy soi vào hai bàn tay hầu đàn, và đôi mắt vợ cả thâm ác và anh chồng hèn nhát kia.

Về Kiều đàn, lại đơn những hai lần trong Kim Trọng, thấy rõ cái chí tình của Nguyễn Du trong sự

phân phối chương trình biểu diễn đàn; chắc ai ai hiểu sự đời cũng đều thấy hai lần, chứ có đến bao nhiêu lần cũng cứ được đi, đó là cái quyền của những cặp tình nhân muôn thuở. Nhưng tại sao Kiều lại không đàn cho Từ Hải một câu nào? Không cho Từ Hải một câu nào, mặc dù đó là một đáng đường đường “gươm đan nửa gánh, non sông một chèo”? Từ Hải ăn ở ăn nằm với Kiều như vậy, lại còn để nàng “...cùng dự quân trung luận bàn”, tại sao không có một tí đàn nào? Nếu đây không phải là một sự sơ suất lớn, thì lại là một cao kiến gì của Nguyễn Du. Tôi vẫn chưa tìm được ra cái lẽ cái lý của những cái đó.

\*

\* \* \*

Tiếng nói của Nguyễn Du có nhiều chỗ thật là tiếng nói của điện ảnh, mặc dù lúc sinh bình Nguyễn Du chưa có kỹ thuật và cách nói của xinêma<sup>(1)</sup>. Tôi không nói Nguyễn Du đã biết làm xinê, nhưng tôi muốn nói về một số nét hiện đại của tiếng nói Nguyễn Du. Nếu cho tôi quay *Kiều* thành phim, tôi nghĩ rằng cứ giờ trang *Kiều* ra, như thấy ở đây đã ghi chú sẵn

(1) Nàng Kiều của thơ Nguyễn Du ra đời năm 1813. Nguyễn Du mất năm 1820, và 75 năm sau nền điện ảnh thế giới mới bắt đầu hoàn chỉnh cái máy chiếu ảnh - mỗi giây xơ-gông chiếu liên hồi được 16 ảnh tạo ra cái ấn tượng vận động cho các ảnh đã nhiếp được.

sang cách quay, sau khi đã có sự bố cảnh đầy đủ. Ví dụ đoạn Kiều bị gán làm vợ một anh địa phương vùng Tiên Đường: *Kiều hoa áp thẳng xuồng thuyền - Lá màn rủ thấp, ngọn đèn khêu cao.* Câu trên đối với đạo diễn và ống ảnh xiné là một câu kịch bản điện ảnh với lời dặn phải quay thành ra *toàn cảnh*. Câu dưới thi đấu câu là *trung cảnh*, và cuối câu là *cận cảnh*, ngà hẳn sang *đặc tả*. Một ví dụ nữa: đoạn (tả cảnh kiêm kể chuyện) Từ Hải cho tướng sĩ và thể nữ cung nga đi đón Kiều về nội doanh mình để sánh đôi mà thường tướng khao binh. Từ câu 2257 đến câu 2272 đó, sao thấy nó hiện thực sống động như phim chiếu đến thế. (Tiếng nói của Pouchkine cũng biểu hiện những dòng rất tạo hình theo cách làm phim và rất nhiều phẩm sắc theo cách tô tranh của phái vị sắc). Và trong cuốn *Kiều* thân mến ấy, có bao đoạn phục hiện mờ chông đích đáng, nó chuyên cảnh một cách thật là mơ thơ.

Tiếng nói Nguyễn Du thực đến cái mức của điện ảnh lại còn lượng khôi góc cạnh tạo hình đến cả cái mức của kiến trúc nữa. Đọc những câu Kiều như câu “*Bóng tàu vừa nhặt vỏ ngân*” thì cả người mình khoái hoạt, như lúc đứng trước những công trình đẹp lớn của một thời kỳ gạch đá gỗ chạm của Việt Nam ở triều đại Lý Trần Lê gì đó.

Cái lý thú của tiếng nói Nguyễn Du lại còn ở chỗ đa sắc nó ngôn ngữ dù các mẫu câu vồng, chữ cứ óng

ánh cát lên như múa bằng hối quang của hào quang. Thật là “cỏ lợt màu sương”, “thưa hồng râm lục”, “một gian nước biếc...”, “mặn phán tươi son”, “bạc phau cầu già, đen râm ngàn mây”, “non phơi bóng vàng”, “thành xây khói biếc”, và “xơ xác vàng” cho liêu cùng là “trôi giạt thảm” cho hoa, vân vân. Cứ bảo tư tưởng Nguyễn Du nhiễm màu đạo và thuyết luân hồi Phật, tức là chiên già sắc sác không không. Tư tưởng không sắc sác không nhưng lời nói câu thơ thì phản hẳn lại, và sự mâu thuẫn hiện lên thành đù màu. Màu chữ của Kiều thỏa thuê mà tươi chóp như màu các họa sĩ vi sắc phái Coloriste.

Trong Kiều có 7 lần nói đến liêu và 51 lần nói đến trảng - nếu tôi không sót lầm. Từ nay trở đi, khoa học thiên văn và bay vào vũ trụ khám phá mặt sau của mặt trảng, ta sẽ có nhiều hình ảnh, hình tượng về mặt trảng. Nhưng trước đây, cách nói của Nguyễn Du về giăng Kiều kể cũng đã là phong phú. Hơn năm chục lần. Giăng khuyết <sup>(1)</sup> giăng tròn giăng già giăng non - Giăng ngàn, Giăng thề, Giăng đèn. Giăng chân dung (Thúy Vân), Giăng giao mùa chuyển mùa, Giăng lìa chia, Giăng nhàn sầu, Giăng nhà chứa, Giăng cửa chiên, Giăng tị nạn, Giăng bù khú, Giăng tụng niệm, Giăng cố nhân, Giăng nhớ quê, Giăng “phải gió”, Giăng biên thùy... Có khi trong liền một hơi 4 câu, mà

<sup>(1)</sup> Nhữ nguyên chữ “giăng” ở đây, không đổi sang “trảng”.

2 lần nói đến giăng (như đoạn đi trốn khỏi nhà Hoạn Thư). Có khi liền một hơi 5 câu, cùng hai lần có giăng (như đoạn ở chùa với Giác Duyên).

Có khi lại lấy hẳn tên chữ Hán ra mà gọi giăng. Bóng *nguyệt*, điểm *nguyệt*, “đứng điều *nguyệt* nọ hoa kia” và lại còn như là phong cách siêu thực: “ngọn đèn khêu *nguyệt* tiếng chày nện sương”. Có khi gọi giăng bằng ảnh khác từ khác. Gọi là thỏ bạc, gọi là gương Nga, gọi là “gương giọi”, gọi là “vàng gieo ngân nước”, là “thỏ ngậm gương”, gọi là “vẻ ngân” (Bóng tàu vừa nhạt vẻ ngân). Ở đoạn Kiều đánh đàn đóng kết truyện, lại còn gọi giăng là “duênh quyên” (trong sao châu rỏ duênh quyên).

Người ta đã làm riêng một cuốn từ điển về tiếng nói Séchxpia. Tự điển cho Séchxpia về Séchxpia, bởi Séchxpia. Để thấy hết sự phồn vinh về cách nói của một nhà thơ.

Ở cuốn tự điển về từ ảnh và tiếng nói Nguyễn Du, tôi tin nhất định phải có trong tương lai gần đây, tôi nghĩ rằng cái tiết mục giăng này cũng thật là đậm đà ê hè.

*Mạc Tư Khoa - Hà Nội  
Thu đông 1965*

## VỀ TIẾNG TA

*Gửi chị N.*

Nghĩ về sự đầy đủ, trong trẻo, đẹp đẽ, sáng sủa, và sang giàu của tiếng nói Việt Nam, có những lúc tôi ngừng lại đó trang sách đọc, tôi ngừng lại đó câu viết chưa xuống dòng... mà nhìn trân trân tờ giấy bò dở. Tôi nhìn trân trân vào giữa khoảng không ngoài cửa sổ lộng trời xanh, mà lòng thấy dào dạt lên những lời cảm ơn. Tôi lặng cúi xuống mặt trăng giấy trắng tinh đang om sòm những tiếng mời chào kia mà nói bật lên những lời biết ơn đối với đất nước ông bà tiên tổ. Thấy chịu ơn rất nhiều đối với quê hương ông bà đã truyền cho tôi thứ tiếng nói đậm đà tôi hăng nói từ những ngày mới ra đời. Mà rồi cho đến cái phút cuối cùng không được chứng sống nữa, thì câu cuối đời của tôi cũng vẫn lại cứ nói lên vẫn chỉ bằng cái thứ tiếng nói ruột thịt tuy xương đó mà thôi. Tôi biết rằng cái ngôn ngữ thừa tự tôi đang nói đang diễn việt ra đây, chính nó là kết tinh bởi nhiêu trăm nghìn năm công sức lao

động của tổ tiên lưu truyền lại. Trong hương hỏa thừa hưởng đây, lần vào với vô số thanh âm từ điệu, thấy như hiển hiện lên không biết bao nhiêu là mồ hôi và máu huyết của đời đời ông bà khai rừng, vỡ ruộng, mở cõi, giữ nước, chống giặc, tiến lên tới đâu là xây dựng ngôn ngữ tới đó. Nay mỗi lần đụng tới di sản nhiệm mầu ấy, thấy bồi hồi bồi hồi, như vấn vương với một cái gì thiêt là thiêng liêng vô giá, mà tất cả trữ kim trữ ngân của tất cả ngân hàng thế gian cũng không sao đánh đổi được. Có những lúc lại lẩn thẩn nghĩ dại dột rằng bây giờ tự nhiên mình lại mất trí, mà quên hết mà bay hết khỏi đầu mình chỗ kho tàng tiếng nói Việt Nam này, thì có lẽ mình... mình sẽ phải chết mất. Nhưng không, không thể nào quên được cái tiếng Việt Nam hữu cơ, cái tiếng nói Việt Nam linh diệu ấy được. Có đến chết cũng không quên được. Có chết, càng vẫn nhớ.

Sự tinh vi linh diệu trong ngôn ngữ thần diệu có hữu của ta, nó có nhiều vẻ, càng chịu khó tìm, càng thấy. Ở đây tôi hãy tạm dẫn ra một số từ liên quan đến cái chết, đến sự truyền chung trong đời sống chúng ta.

Nói về cái chết của con nhỏ tuổi, của người lớn, thì nói: “Cám ơn ông hỏi thăm. Em nó *đi* (hoặc em nó *ngủ*) được gần tháng nay”. “Cụ tôi về từ năm ngoái”.

“Ông áy mà năm xuống thì anh em nhà kia loạn to...”. Nói về cái chết của nhà chùa thì phải dùng chữ *tịch* “nhà sư áy tịch” rồi, có nghĩa là đã được thoát khỏi sự sống náo động để hoàn toàn trở lại cái chỗ *tịch mịch tuyệt đối*. Có khi vì muốn trang trọng hóa cái chết của thân quyến mình, mặc dù người chết đó không là nhà tu hành, nhiều người cũng dùng chữ tịch (người Việt Nam, nếu không đi đạo, thì hình như ai cũng theo Phật cả, phải không!). Người có vị trí xã hội thời cũ, hoặc cao hoặc thấp mà chết đi thì gọi là *hết lộc* (lộc trời). Tránh đi tên thật của cái sự chết đáng buồn, và cho nó có vẻ “đáng vui” hơn, ông bà chúng ta lại gọi nó là “trâm tuổi”, lấy cái sống trung bình tối đa ra mà gọi cái chết. Có khi tuổi người chết mới chỉ bốn năm mươi, mà người ta cũng nói “nhân dịp thấy mẹ chúng tôi được trâm tuổi...” và đối với những trường hợp chết già thòe đáng vì dù từ đại đồng đường người ta tự cho phép coi đó là một điều vui mà gọi cái việc áy là “ăn xôi nghe kèn”, hoặc gọi cái trâm tuổi đó bằng một giọng vui ghen tị, bằng một câu nó hàm cái nghĩa rằng chết như thế không oan buồn gì đâu: “Về việc hai năm mươi (2 x 50) cụ nhà tôi, tôi thiển nghĩ nên sắm sửa nhiều vào cho các cháu...”. Những cách nói giàu có của ta về cái chết, tôi

nghì rằng đó cũng là một nét có hồn về sự thần diệu của ngôn ngữ Việt Nam<sup>(1)</sup>. Nay cá đến cái việc bốc mà cũng dung chữ *thay áo* cho nó nhẹ đi.

Đối với sự chết, ngôn ngữ ta đã có những tiếng dùng và cách nói đại khái là như thế. Nay ta thử xoay sang nhìn phia khác của sự sống (chẳng hạn như vấn đề truyền chủng qua cá, khâu giao hợp sinh lý) thì tiếng Việt Nam cũng chứng tỏ sự giàu có của mình bằng cách dùng nhiều tiếng nhiều từ, và phân ra thứ chữ nào thì chỉ cái việc ấy ở con người, thứ chữ nào thì dùng cho loài cầm thú. Ví dụ người ta nói con gà sống *đẹp* con gà mái, con vật gì đó *phùi* con gì đó. Trường hợp chó lợn, đã dành riêng ra một tiếng:  *leo*. Và chữ leo dùng cho gia súc đó lại lấy ra từ loài thực vật, khi cái cây nào ra quả sinh đái, làm cho hai quả không tách ra trên cành mà lại dính vào nhau: “quả đào leo”. Với con người thì trang trọng mà dùng hai tiếng “*ăn nấm với nhau*”. Lấy tiếng thanh mà chỉ cái việc thô, áy cũng là cái tài tinh cổ truyền của tiếng ta vậy. Mà đến ngay cả cái việc áy ở con người, cái vật áy cũng có chữ riêng, tùy theo lứa tuổi. Ví dụ như ở cái tuổi hồn nhiên được có quyền ở trường hoặc mạc

(1) Về những uyên tư (euphémisme) quanh cái chết, tôi cho tiếng ta giàu có hơn hẳn cả tiếng Pháp. Hình như tiếng Pháp chỉ có vài cách nói thôi (ví dụ a vecu, nghĩa là đã sống xong, trọn).

quân hở, thì cái quý vật kia phải gọi là *chim*, là *vịt* thì mới là người sành sỏi tiếng Việt.

Phân biệt cái gì là dành cho vật, và từ gì là dành cho con người, sự tinh diệu bàn sắc của ngôn ngữ ta lại với tới cả mặt giải phẫu và thân hình sinh vật. Ở con vật (nhất là con vật để ăn thịt) thì không gọi là phổi, thận, máu, huyết mà gọi là *bắc*, *bô dục*, *tiết* (hoặc *son*, *hồng hoa*)<sup>(1)</sup>.

Khen những cái hay trong ngôn từ một nhà thơ, ta thường dùng tới hai tiếng *câu thần*. Cái được nêu lên thành một thứ thần thường tạo nên bởi sự tinh luyện về hình tượng, bởi sự hợp kim tài tình về tử âm. Trong *Chinh phụ ngâm* và *Kiểu* rất nhiều chữ thần câu thần mà càng đọc đi đọc lại nhiều lần, càng như đi vào những cuộc phát minh hùng thú khó lòng chấm dứt. Sáng khoái và lâng lâng biết bao khi đọc khi ngâm: “Trống tràng thành lung lay bóng nguyệt”, “Bóng trăng đã xế, hoa lê lại gần”, “Có lan mặt đất, rêu phong dấu giày”.

Hồi còn nhỏ, đứng hầu đóm và thay bã trà trong các cuộc bẻ thơ tán thơ, cả cỗ kim cà nôm chữ giữa cha tôi và các cụ nhà nho, tôi đã từng nghe lòm được

(1) Tiếng Pháp cũng có những cách nói tinh vi như thế, để gấp nhau với tiếng ta về mặt này: poumon-mou; estomac-tripes; rein-rognon.

những lời phảm binh sang sáng về những câu vừa dồn ở trên. Đến mấy câu *Chinh phu ngâm* và *Kiểu* (dẫn ra trên đó) thì các cụ đều lớn tiếng mà đồng thanh: “Thi trung hữu quỷ!”. “Ra trong những câu thơ này, đều có quỷ, thưa các cụ!”. Chữ ma quỷ đây dùng với cái nghĩa thánh thần, tức là những thứ ẩn ẩn hiện hiện ghê gớm tài quái, người trần phàm như các cụ cảm thấy khó mà đạt được. Ấy cũng là một cách khen của một lớp các cụ sống ở một cái thời mà khoa học chưa phát triển ở nước ta. “Trong thơ có ma quỷ thánh thần xui khiến!”. Tỏ vẻ khoái hoạt hả hê về câu quỷ câu thần, có cụ vỗ đùi đèn đết, có cụ nhấp rượu chép miệng, có cụ vuông vai đột ngột đứng lên khỏi chiếu thơ, ra võng nằm mà ngâm nga nho nhỏ giọng, hoặc đi lại ngoài sân cuội, vừa đi vừa tummings gật gù.

Nay ở nước ta khoa học đã có, ý thức về khoa học cũng là kỹ thuật đã được phổ biến thấu tới huyện tới xã, tôi đọc đến những câu thần *Chinh phu* và *Kiểu*, tôi vẫn như tiếp tục kéo dài thêm nữa những xúc động nghệ thuật ấy của các cụ nhóm tao đàn ngày xưa. Đúng thế, những câu thần kia vẫn mang trong nó một thứ “ma lực”, một thứ “quỷ”, một thứ “thiên”, một thứ “tài” gì tạo nên bởi sự lành nghề, bởi sự thần thông của những người thợ cả về tiếng nói Việt Nam.

Chiều hôm hoặc đêm về sáng, một mảnh trăng treo trên lưng một cái thành dài. Rồi tiếng hịch quốc phòng, rồi là tiếng trống động quân. Câu thơ thần không chịu nói trống giục vào lòng người, mà lại đi nói đến vàng trăng động lay trên thành gạch. Trống trận rung càng mau càng rền nhịp, trăng càng méo càng nhoè càng di động. Bóng nguyệt lung lay mà chiếu vào những tâm lòng nao động của một đêm truyền hịch. Chữ “động” ở nguyên bản chữ Hán của Đặng Trần Côn mà Đoàn Thị Điểm chuyển thành “lung lay” ở bản dịch nôm, càng chứng minh sự tài tình sinh động của tiếng ta. Tai tôi chưa nghe người nào chê câu *Chinh phụ* đó, bởi cái lè giản dị rất dễ hiểu: nó hay quá (cả về lời, ý, ảnh, âm, nhịp) thì còn chê cái... cái gì! Và về những lời khen nó, cũng nên phải lọc ra một số lời khen có mang tính phân tích thật là đời sống mới. Tôi đã nghe một anh bạn trẻ ở ngành địa chất mang khoa học ra mà đánh giá cái hay của câu thơ tiếng trống vẫn vò bóng trăng cũ trên mặt thành xưa. Văn còn văng vẳng bên tai tôi cái giọng hùng hực hấp tấp của anh nói vào một buổi đó ở rừng Tây Bắc, đồng cùi cháy suốt đêm cách bờ sông Đà hàng ngày đường: “Nghề của cháu (!) là đi rừng đi núi chở đầu sông ngọn suối, cháu càng coi văn thơ là người bạn đường của cháu. Cho nên cháu rất thích tìm hiểu văn học, bên cạnh cái thích dĩ nhiên của sự

tìm hiểu đất nước. Câu *tróng tràng thành lung lay bóng nguyệt* thấy nó thỏa mãn cách nhìn của những người làm công tác khoa học tự nhiên như chúng cháu. Đây là cách nhìn của người có kiến thức khoa vật lý, nhìn mặt trăng một cách tinh tế, nhìn mặt trăng qua một lớp không khí đang bị xô đồn bởi nhiều vòng sóng âm phát tỏa ra từ một nhạc cụ trầm hùng. Thời ấy ta chưa giảng dạy gì lám về môn học vật lý, nhưng sao đã có những câu thơ nhiều tinh khoa học như thế. Câu thơ *Chinh phu* đó, nghĩa rộng nghĩa bóng nó rất hay, mà nghĩa đen nghĩa hẹp thì thật là chật chẽ - chật chẽ của tính khoa học, khoa học vật lý. Câu thơ cổ mà lại đầy vẻ hiện đại. Thấy các cụ ta xưa cũng tài giỏi thật. Chả bù với bây giờ, thấy có một số câu thơ tả gió nhất là tả mây thì lại bất chấp cả quy luật khí tượng...”.

Đến như câu kiểu “bóng trăng đá xế, hoa lê lại gần” thì càng rõ cái tính khoa học gửi vào động từ *xế* và *lê*. Nó đẹp một cách thật là vật lý, rất vận động và tạo hình. Một bóng hoa tinh tại và một nguồn sáng chuyển chỗ; bóng trăng càng tà xuống thì bóng hoa càng lết trên mặt đất vườn mà nhích thêm về phía nền nhà. Nó như dưới trăng suông, ngồi buồn tình mà nhìn một cái đòn cân, đầu đòn này là bóng nguyệt, đầu kia là bóng hoa. Nguyệt nặng hơn hoa, bóng trăng càng trึu xuống thì bóng hoa càng bồng, càng

bóng bệnh lén, từ vườn thấp mà bệnh lén thèm cao. Bởi câu thơ có cái nghĩa đen tinh vi thấu đáo về vật lý như thế mà nghĩa bóng của nó càng nhiều hấp dẫn về mỹ học.

Cũng như nhiều vị, tôi cầm chắc rằng các cụ ta làm ra *Chinh phu ngâm* và *Kiều* không được học vật lý, âm học, quang học như thế hệ trẻ ngày nay tiến quân vào khoa học. Nhưng tôi phải hiểu rằng những câu thơ hay đó phải là kết quả của một trí quan sát thiệt là mẫn tuệ tinh tế ở những nghệ sĩ về tiếng nói. Mà sự quan sát lại là một đức tính dính liền với cả người làm khoa học, cả người làm nghệ thuật. Nhiều định luật, định lý khoa học cổ kim, nhiều sáng chế phát minh Đông Tây đã bắt nguồn từ trí quan sát của con người đứng trước tự nhiên. Nhìn mãi và nghĩ mãi về trái táo rụng xuống, nghe mãi và suy mãi về hơi nước sôi đội nắp ám lên, mà các bậc bác học ấy làm cho sự sống con người thêm tốt thêm sáng. Cũng như nhà thơ bậc thầy nước ta nhìn mãi, nghĩ mãi về cái bóng trắng kia cùng là cái bông hoa nở, mà đời sống văn hóa mình mới có được thêm sự giàu sang và nó vui đẹp hơn hẳn lên.

Chỉ quan sát không thôi, không thể trở nên một nhà thơ. Nhưng ở trong nhiều câu thơ thần sầu tám của Nguyễn Du bậc thầy, phải thấy cái bút lực ấy đã dựa vào một sự quan sát qua là sắc nhạy thông tuệ.

Không thể, thì không thể có được cái tính cách hiện thực trữ tình như thơ Kiều. Trong vô số câu tài tình ấy, ta hãy lấy vội ra hai câu “*Xập xè én liệng lầu khồng - Cỏ lan mặt đất, rêu phong dâu giày*” mà thủ “bình công chấm điểm” cho người thơ Nguyễn Du (người thơ cả được tôn lên làm bậc thầy đã cơi cất thêm mấy tầng cho lâu đài ngôn ngữ Việt Nam) và thử xem xem cái người thơ ấy đã lao động nghệ thuật như thế nào. Trong hai câu sáu tám đó, tôi nghĩ rằng phải chấm điểm rất nhiều cho động từ PHONG. Ở đoạn cuối truyện này, chàng Kim tìm đến chốn cũ của người xưa, giữa cái sân Kiều đó, ta có thể hình dung ra được một thứ ngoại cảnh mà sự vật cũng tâm thường vậy thôi, - nếu không là ám đạm gầy nghèo. Một khoảnh sân đất, mấy vết chân in trùng xuống từ một trận mưa nào... Và trên những vết đọng của dì vắng, ẩm ướt đã sinh nở một thứ rêu lưu cữu. Hoàn toàn là một tấm tranh tĩnh vật: sân móc và vệt xanh của sự vắng mặt. Sự vật ở ngoài cảnh thì nghèo lạnh như thế, nhưng tiếng nói đặc sắc của người thơ đã làm cho nó ám cùng hàn lên. Mà cũng nên vận dụng thêm đến cái lối nói của điện ảnh ra mà tìm hiểu tinh kỹ càng về phẩm chất tạo hình của ngôn ngữ Nguyễn Du nhé. Khoi đầu là những miếng phim toàn cảnh thu cả cái sân rộng, rồi ống máy đi dần vào chi tiết trên điện sân, và cuối cùng di máy vào một cái

khuôn đất in hình một cái đế giày. Trên thành vết hài, ống máy soi thật sát vào những mảng rêu ròn ròn lên một điều hy vọng nào. Cái hy vọng của chàng dò la tung tích nàng, - nàng mà rêu thương rêu nhớ vẫn “phong” lại gót hài. Rêu trong tiếng nói tình diệu Nguyễn Du đã thành hàn một thứ phong bì xanh của bức thư tình bỏ quên lại giữa trời. Trong quá trình lao động nghệ thuật, để tìm cho ra được cái hình tượng nghệ thuật “phong bì rêu niêm phong lại hương thơm hài xưa” này, không rõ Nguyễn Du đã mất bao nhiêu ngày giờ độc thoại trong chiếc cáng, trong lòng đờ, trên lưng ngựa, và trên những tấm gỗ bộ ngựa có hưu của gia đình Việt Nam. Chỉ biết rằng Nguyễn Du đã đặt cả tâm lòng mình vào cái phong bì xanh rêu kia với tất cả sự trân trọng của một người tình nhân, của một nhà ngôn ngữ đa tình đa cảm. “Lòng thành” ấy “đã thấu đến trời”, trời đây hiểu theo cái nghĩa lồng lộng một bầu trời sáng lành đang ngàn hương những lời trong lọc, - hiểu theo cái nghĩa là định vút của ngôn ngữ, là cái vẻ ngất trời của cách nói Nguyễn Du nhiệm màu nó gop rất nhiều công của vào cái thần diệu bản sắc của ngôn ngữ Việt Nam.

\*

\* \* \*

Sự trong sáng về ngôn ngữ ở mỗi người viết văn là một vấn đề đã dành của tấm lòng và khôi óc (tâm minh thành, tri minh thông thì lời minh sáng đẹp). Nó còn là cái vấn đề của tai của mắt mỗi người viết văn nữa.

Cái điêu minh nghĩ được và cái điêu minh cảm thấy, nay đều đã viết ra xong, đúng như mình đã cảm nghĩ, và lại viết ra bằng một thứ ngôn ngữ mình tin là khá nhiều hiệu năng. Đã nghĩ kỹ rồi mới cầm vào bút mà viết ra. Nhưng khi đã viết ra rồi, chưa có nghĩa là đã xong hẳn. Viết ra, nhưng mà đọc lại. Đọc lại để mà hoàn chỉnh cái đã viết tối. Đọc lại bằng mắt, đọc lại bằng tai. Đọc thẩm bằng mắt, và đọc to lên bằng miệng để cho tai nó cùng đọc (tức là nghe) với. Tự mình duyệt lấy lời văn lời viết của mình, tự mình thẩm tra lại cái ý tốt cái lời trong của mình, trong năm giác quan đem ra làm công cụ để kiểm nghiệm, cặp mắt soi xuống dòng trang vẫn là giữ vai trò cẩm trích trong việc nhận dạng và đánh giá từng bước cho bộ điêu của đoạn văn. Nhưng cặp mắt chưa đủ để lọc hết mọi bụi bặm vẫn còn bám theo cái tiếng vừa mới phát biểu của mình. Cho nên phải dùng cả cái tai mình nữa. Và để phát huy tốt cùng hiệu năng của tiếng nói mình, có khi phải dùng tới cá năm giác quan. Ngoài việc soi lăng, hình như còn phải người lại, ném lại cái lời mình viết ra kia, trước khi tung nó ra

cho người khác thường thức (theo chỗ tôi biết, hình như câu gì trang gi mà mặn - dù có mặn đắng hoặc mặn chát - cũng vẫn chưa dễ hơn là những câu nhạt và những trang nhạt - khác hẳn với sự cấp cứu chữa cháy trong việc nhà bếp). Có khi lại như chính lòng bàn tay mình phải sờ lại những góc cạnh câu viết của mình, xem lại xem có nên cứ gõ ghê chân chát như thế, hay là nên gọt nó tròn trĩnh đi thì nó dễ vào lỗ tai người tiêu thụ hơn.

Tự mình kiểm tra về tính trong sáng của văn minh, cặp mắt vẫn là ở hàng đầu, rất cần, nhưng một mình nó, riêng tôi cho là chưa đủ. Có những tiếng những chữ mỗi lần vác từ trong kho dân tộc ra mà dùng, cần phải gieo nó xuống, cần phải gõ nó lên mà đo lai cả những vòng ngán vang hưởng của nó. Người đã làm nổi thơ, thì rất hiểu sự quan trọng của tai, cái tai nhạc của nhà thơ giúp việc đắc lực cho sự trong trẻo của lời nhà thơ. Mà người làm văn xuôi càng phải hiểu điều này. Những bạn dịch sách nghiệp dư mà định chuyển văn học ngoài thành văn ta, bên cạnh cái việc tinh thông về chữ và nghĩa, càng cần phải luyện cái thứ tai thầm âm này. Bởi không thấy được cái tiềm lực kín đáo của chất nhạc trong mọi cái hơi của văn xuôi, cho nên đã bực ra một số hiện tượng tê thấp và thấp khớp tại chỗ văn xuôi này, tại chỗ văn xuôi kia. Và quan niệm về chất nhạc của văn xuôi, hãy khá

đừng lẫn nó với cái kiểu văn xuôi biến ngẫu con hoang của thế phú! (Cái thứ nhạc biến ngẫu ấy đã từng phá đám mất bao nhiêu là trang văn xuôi có thể là hay).

Cho đến nay tôi vẫn là một kẻ thèm khát về sự trong sáng trong tiếng nói Việt Nam. Thèm được xem (nghe thì đúng hơn là xem) một vở kịch nói thật trong sáng về ngôn ngữ. Mà những trang văn xuôi ấy lại được “nói lên” bằng những cách nói nhiều sáng tạo âm nhịp và dấu chấm dứt của những diễn viên cùng bậc thầy về ngôn ngữ Việt Nam. Chao ôi, quý vây thay cái sân khấu! Cái sân khấu mới là chỗ đọ tài cuối cùng của một nền văn xuôi xum xuê và trong lắng. Thứ văn xuôi nào đã đưa lên sân khấu mà không tú tốt tú đep, mà lỗi nhịp lép lời thì nó hiện nguyên hình ngay (ở cuốn sách chỉ đọc bằng mắt, còn xuề xòa nhạt nhàng được!). Mà trang nào đã nhuần nhị trong trèo thì cái thứ văn xuôi ấy còn ngàn mãi cho tới sáng hôm sau, cho tới những buổi sáng mãi mãi của sau này.

Những lúc bàn về sự trong sáng của ngôn ngữ Việt Nam, bên cạnh cái ý nghĩa trong trèo trong lắng, tôi phải nghĩ tới ngay một mặt khác nữa của câu chuyện. Ấy là sự giàu có. Tôi nghĩ rằng trong sáng không khi nào lại có nghĩa là đạm bạc, là nghèo cùm trong tự vựng đem ra dùng, trong cách cảm trong cách nghĩ, và nhất là trong cái cách nói ra những cảm nghĩ đó. Trong sáng càng không có nghĩa là đơn điệu. Bởi vì có

nhiều vẻ trong: nước mưa, nước lọc, nước cất, giấy kính, cát nung cháy rồi ép bằng đi để lấp khuôn cửa sổ, rồi tới pha lê gợt, tất cả đều trong, nhưng không giống nhau về chất trong. Và sáng cũng có những nguồn khác nhau: sáng của dầu cá, của lạc, của dầu than đá, dầu ô liu, của điện bóng tròn và của điện ống dài màu sáng xanh. Lại có cái sáng nháy nháy của đèn biển, lại còn có cái sáng lồng lánh của ngôi sao trên đỉnh đầu. Trên cơ sở cộng đồng của ngôn ngữ Việt Nam càng ngày càng phải giàu có phần chấn lên nữa, mỗi người viết văn chuyên nghiệp phải có lấy cái phong cách, cái vẻ riêng của mình về sự trong sáng. Mỗi người như một cây nến thấp lên, sáp ong cũng thấp sáng, mỡ bò cũng thấp sáng, và ánh cháy của nhiều thứ nến vàng đỏ trắng cháy nhanh cháy chậm đều hòa kết lại thành cái tỏa chói chung của một lâu đài tiếng nói mà tầng dưới tầng trên đều sáng trưng.

Sự giàu có dĩ nhiên bao giờ cũng là một sự bế bộn. Bế bộn các thứ các cái, các cái “nhiều”, cái “lắm”. Nhưng phúc tạp thường lại là dấu hiệu của sự làm ăn khấm khá mãi lên. Đời sống không phải là một sự thu mình lại trong giản đơn, mà nó càng ngày càng bành trướng lên vì những của cải vật chất, nhưng của cải tinh thần do chính tay và đầu mình chế tạo ra. Muôn hình vạn vẻ vật chất tinh thần ấy phản ánh vào ngôn ngữ ta. Sự sống bên ngoài càng mở ra càng dâng lên

ùn ùn, ngôn ngữ, vụ vụ. Tiếng nói của nhà văn phải là tiếng nói của thời đại. Thời đại mình càng có tố chức càng giàu về sự đời và tinh người. Tiếng nói ta cũng phải giàu theo. Trên cái cơ sở cũ vốn đã phong phú của ngôn ngữ, nay ta phải dậy cái vốn đó lên nữa mà đầu tư nó vào thời đại. Quần chúng lao động sản xuất và chiến đấu để bảo vệ sự sản xuất, sản xuất chiến đấu tới đâu, lại đóng góp thêm tới mức đó vào kho tàng tiếng nói. Phía người làm nghề văn, càng phải đẩy mạnh và nâng cao lao động nghệ thuật, càng phải góp nhiều. Muốn hay không muốn, ngôn ngữ chung của chúng ta rồi sẽ là một triệu phú.

Ta không sợ nghèo, bàn nghèo nữa. Mà nay ta lại lo về cái sự giàu, cái sự đã giàu và đang giàu thêm mãi về cả chữ dùng, về cả cách nói của ngôn ngữ Việt Nam. Làm thế nào để cứ giàu có mãi hơn lên, mà càng giàu lại càng đẹp. Nói một cách khác: bằng lòng và gắng sức cho thành một người giàu có vô kể trong sự phồn vinh chung của tiếng Việt Nam. Nhưng hết sức chống lại mọi thứ “trọc phú” trong đời sống ngôn ngữ ta. Giàu có, mà không vẫn đục - vẫn về tinh duy, đục về mỹ lý.

## TÁN VỀ NGÔN NGỮ

Có người thường bảo tiếng ta là độc âm đơn âm, có người lại bảo nó là đa âm liên âm. Tôi không là một nhà ngôn ngữ học, nhưng trong một lúc nhàn hạ, tôi tìm ra được một số từ trong những nhóm trạng từ (locution adverbiale) xin ghi ra đây để các bạn yêu tiếng ta tham khảo. Ở bảng A tôi ghi những nhóm trạng từ 3 tiếng; Ở bảng B tôi ghi những nhóm trạng từ 4 tiếng. Nói nôm na là những chữ đíu ba, và những chữ đíu tư.

Đĩ nhiên là đưa ra hai bảng từ này, tôi chưa cho là đã hoàn chỉnh rồi. Mong các bạn bổ cứu thêm cho.

### BÀNG A

- Quay cu lơ
- Gọn thon lòn
- Tít cung thang
- Tít cù lèo

Tít thò lò  
Tít cù đèn  
Khai mò mò  
Khô không khóc  
Khét lèn lẹt  
Khám lầm lầm  
Rót mùng tơi  
Tràn quý tỳ  
Cặp bà lời  
Cổ lỗ sĩ  
Đứ đừ đư  
Lăn lông lốc  
Liền tù tì  
Lóc bóc xoảng  
Lùng tung xoèng  
Lung tung beng  
Ba lăng nhăng  
Toác toàng toang  
Mù tịt mít  
Béo núc ních  
Béo nung núc  
Tí tì ti  
Sát sàn sạt  
Sạch sành sanh

Sánh sành sạn  
Lộn tùng phèo  
Cụt thun lùn  
Lứ cò bợ  
Ngang phè phè  
Ngẩn tò te  
Tinh bình sinh  
Khuốt cù lì  
Tang tính tình  
Tình tính tang  
Tôi mò mò  
Vé vè ve  
Đỏ hon hòn  
Đỏ lòm lòm  
Thâm xì xì  
Rét cảm cảm  
Thối hoãng hoắc  
Trọc lồng lốc  
Mát rượi rượi  
Tơ lơ mơ  
Tắt tần tật  
Nhūn nhùn nhùn  
Xoắn củ tôi  
Tráng lồm lộp

Thắng tăm tắp  
Thơm phưng phức  
Im thin thít

### BẢNG B

Dáp da dáp dinh  
Ngắt nga ngắt ngưởng  
Lẩm ca lẩm cảm  
Lập cà lập cập  
Ông à öng eo  
Bô lô ba la  
Ông Ninh ông Ninh  
Ông giăng ông giăng  
Rối rit tit mù  
Lăng nhăng lít nhít  
Giăng hờ giăng há  
Nhân ngái nhân nghì  
Bê tha la cà  
Đúng đà đúng đinh  
Đồng đà đồng đánh  
Nhí nha nhí nhành  
Khập khà khập khiêng  
Cà rịch cà tang

Lử khử lử khử  
Lủi thà lủi thủi

Riêng trong bảng nhóm trạng từ này, có bạn bảo tôi có những nhóm trạng từ hai tiếng là đủ rồi, không cần đến tiếng thứ ba.

Ví dụ: *Ngang phè* và *ngang phè phè*. Theo chõ tôi biết *ngang phè* khác với *ngang phè phè*. Thêm một “điệp” âm “điệp” tự nữa, cái ý *ngang* đó nó nặng nhẹ có khác đi. Và tôi cho đó là cái diệu kỳ của tiếng mình. Chẳng hạn như từ *xanh* nói màu xanh. *Xanh* đứng một mình là nghĩa khác, tùy theo từng chõ từng chữ, mà khi *xanh xanh* thì nó khác hẳn, không còn giống nguyên cái màu cũ đã có phần pha loãng đi. Thêm vào một điệp từ điệp âm, nghĩa nó nhạt đi, có khi nó lại đậm đặc hơn lên.

\*  
\*        \*

Về những từ mở ra bằng phụ âm kép Khờ (KH), tôi lọc ra được một số từ, động từ, trạng từ, nhóm trạng từ dưới đây:

Khé, - Khè, - Khan, - Kham, - Khổ, - Khối! - Khẹo,  
- Khi (hư), - Khử, - Khủng, - Khuyu, - Khuót, - Kháu,  
- Khờm (bưa răng), - Khem, - Khóe (ngón), - Khén

(xém), - Khὸn (kêch, sợ), - Khὲ (khὲ đồng, khὲ bát họ, khὲ giọng, khὲ cơm), - Khủng, - Khẩy, - Khét, - Khệ (nệ), - Khển, - Khi, - Khịa (cà), - Khich, - Khiu, - Khit, - Khoáng, - Khoét, - Khom, - Khom, - Khúm, - Khuáy (rối), - Khốn, - Khõng (trả thuế), - Khờ, - Khu, - Khiu - Khục, - Khu, - Khὰn, - Khὰn, - Khành, - Khoành, - Kháo, - Khảo, - Khạc, - Kháy, - Khăm, - Khát, - Khất, - Khoẹo, - Khuyu, - Khều, - Khán (một số tiền), - Khiên, - Khiếp, - Khuất, - Khoáy (trái), - Khuynh (đảo), - Khung (lén), - Khí (gió);

Khắc nghiệt, - Khát khe, - Khǎn khoǎn, - Khéo khỉ!, - Khụt khịt, - Khặc khừ, - Khi khu, - Khạng nạng, - Khệnh khạng, - Khuéch khoác, - Khư khư, - Khu khu, - Khù khù, - Kháp khěnh, - Khập khiěng, - Khò khè, - Khủng khiếp, - Kheo khư, - Khinh khinh, - Không khốc, - Khù khờ, - Khoác lác, - Khurom lượm;

Khú, - Khai, - Khám, - Khǎn, - Kháng, - Khua (bọ trong mắm, tương; trong *Tự điển Văn Tân* chỉ nói đến cái khua, mà không nhắc đến con khua).

Khǎm lăm lặm, - Khò không khốc, - Khét lèn lẹt, - Khai mò mò.

Những từ mở ra bằng phụ âm kép Khờ (KH) nói chung đều phản ánh đều chỉ ra những vật, những việc, những dạng, những hiện tượng những lối chất của mọi thứ, kể cả những thứ tích cực kể cả những

thứ tiêu cực, kể cả cái khá cái hay cùng là cái dở cái hỏng và cái bình thường. Nhưng khi lọc được ra cái bảng phụ âm kép trên đó, thì tôi có cái ăn tượng là phụ âm kép KH hay nhán vào khía tiêu cực của những biểu hiện sự sống, thông qua tiếng nói của lớp lớp thế hệ lao động nước ta, và thông qua ký hiệu của văn tự Việt Nam. Bảng phụ âm kép trên đó, tôi không hờ gì mà đi khẳng định rằng nó đã thật là đầy đủ, và tôi nghĩ rằng cứ khiêm tốn mà làm học trò giỏi của tiếng nói nhân dân thì mình còn gấp được nhiều thấy được nhiều hơn nữa, để mà góp được hơn nữa và nâng mãi lên nữa. Cái bảng kê khai sơ bộ trên, mặc dù mới chỉ bấy nhiêu, nhưng tôi thấy nó cũng là khá giàu có rồi. Không rõ các bạn văn xuôi hơn tuổi đời tôi hoặc bằng tuổi nghề với tôi, không rõ các bạn viết tiểu thuyết tràng thiêng trong sách in của mình đã dùng hết sạch sành sanh cái bảng phụ âm kép KH đó chưa, chứ riêng tôi thì tôi thấy trong ba mươi nhăm năm hành nghề, tôi chưa “xài” được cho trọn bấy nhiêu phụ âm kép bấy nhiêu từ trong những trang của mình đã được in được ra. Tôi không biết gì lăm về ngữ âm học, nhưng tôi thấy những từ ở bảng trên đó rất liên quan đến ngũ giác của người Việt Nam bình thường và lành mạnh. Những từ ấy nhắc đến gọi đến những vật những việc những trạng thái không được vừa mắt, vừa mũi, vừa tai, không được vừa lòng; nó khiến

người trông thấy nghe thấy, dờ phải ngửi phải nếm phải, đều phải thấy không đẹp lòng, phải thấy khó chịu, đều phải phản đối bằng.. một số từ mở ra bởi phụ âm kép KH rất chi là chói cho những cặp tai sành thẩm âm. Có thể nói như thế này được không; những phụ âm kép KH đó báo cáo những cái không hay, và nó là những tín hiệu cụ thể giữ gìn cho lý tính và cảm tính ta được trong sáng lành vững trước sự đánh giá cái này cái kia.

Chao ôi, nghe đến những âm từ *khai, khú, kháng, khắm, khắn, khai mò mò, khắm lầm lạm, khét lèn lẹt*, người Việt Nam yêu nước chân chính nào (yêu nước hiểu theo nghĩa cơ bản yêu tiếng nói dân tộc và ngôn ngữ văn tự của mình) mà không nổi da gà lên, mà da mình không nổi gai lên. Ấy là sự kỳ diệu của ngôn ngữ. Tiếng nói dân tộc nào nói chung cũng đều có cái linh diệu của nó. Và tiếng ta lại càng có cái linh diệu rất đáng quý đáng yêu của tiếng Việt. Có lẽ vì thế nữa mà mặc dầu vô vàn khó khăn (nghề nào phát triển mà chả có cái khó khăn của nó) chúng ta vẫn đầm đuối với nghề làm văn, ngày càng chuốt thêm văn tự, ngày càng làm óng tốt đèo bền hơn lên nữa cái tiếng nói Việt Nam cổ truyền của mình.

## CON NGƯỜI NGUYỄN HỒNG

**NGUYỄN HỒNG** vào cửa văn xuôi trước tôi một số năm, đã có truyện in ra từ lúc còn mười sáu. Về tuổi nghề thì hơn tôi, nhưng về tuổi đời thì lại thua tôi gần chục năm. Vậy mà hai anh em chúng tôi lại được Hội nhà văn cùng một lúc “giải phóng” cho tuyệt đối không vướng bận gì về mọi việc hành chính và tổ chức và các thứ họp hành sự vụ của Hội nhà văn. Mà chỉ còn chuyên tâm vào việc sáng tác, ghê khôn! Muốn đi đâu thì đi (đi vào thực tế đời sống), muốn đọc gì, muốn nói lên cái gì, muốn viết ra theo kiểu gì, cái đó cho tùy hứng tùy thích. Miễn sao cho viết được, viết tốt viết hay, mà lại viết cho đều tay nữa thì còn gì quý bằng.

Phải nói rằng Nguyễn Hồng là một người kiên trì trong công việc sáng tác, có những ngày có những buổi anh không hứng thú gì lăm -nói một cách văn hoa thì chúng tôi gọi là “đầu ngòi bút không thấy động gió” - nhưng Nguyễn Hồng vẫn cặm cui viết, tự coi mình

như một người thợ của ngôn ngữ phải hàng ngày đứng máy cho đủ giờ. Riêng tôi những lúc gấp phải khóc khấn về mặt phản ánh thực tế tờ giấy trắng cứ như hất ngang ngoài bút minh đi, cứ lặng tờ mà khước từ bất cứ ý tình câu cú nào định ướm ướm thả xuống - thì tôi lại phải nghĩ đến Nguyên Hồng, lấy cái chịu thương chịu khó ở anh ra mà tự động viên mình. Đêm thanh vắng còn gì dễ sợ bằng trang giấy trắng cứ trắng nguyên như thế cho tới gần hết đêm. Mà canh này nối tiếp canh khác đêm cứ trôi đều trên cái trắng băng ấy. Mà thế nào thì sáng mai cũng phải sang được bờ bên kia cũng đang nhở nhơ trắng một nỗi niềm toát bệch mồ hôi. Thấy nguyên rùa bè lú hình tượng chữ nghĩa nó hè nhau từ già mình, mình bỗng chốc là kè cùng đường bên sông chữ quanh trắng thê lương. Ấy chính lúc khốn cùng ấy là hình ảnh Nguyên Hồng thình linh hiện ra in hệt một ông chờ đò tận tình đưa mình sang ngang cho kịp tới bến tinh sương. Bên kia bờ vẫn đã thấp thoáng cái người thợ typô già đang ngóng bài mình.

Nguyên Hồng hơn tôi nhiều, vì có rất nhiều nhiệt tâm với sự sống, sống hiểu theo cái nghĩa là phải viết nó ra thành sách. Lần ấy cùng vừa mới đi tù về, cùng được bãi bỏ cái án quản thúc, cùng ra được cuốn truyện đầu lòng, sau khi cùng đọc lẫn nhau, cho tới nay Nguyên Hồng vẫn khoe là hãy còn giữ được cái

thư hồi áy tôi viết cho anh có những dòng dặn vặt hết lời: "... Tôi là một thằng thích phá đình phá chùa, mà anh thì đúng là một người ưa chuyện tò tượng đúc chuông...".

Ngoài việc đam mê viết, cái thích thứ hai của Nguyên Hồng là được truyền nghề cho bạn trẻ. Trong những năm ở rừng căn cứ chống Pháp, Nguyên Hồng đã làm giám đốc của trường bồi dưỡng lực lượng viết văn trẻ, kéo dài cả năm. Về sau này Hội Nhà văn Việt Nam vẫn giữ vững và phát triển cái truyền thống tốt đẹp đó, và ít có khóa thường niên nào mà lại vắng sự phụ đạo về viết truyện của "ông đốc Hồng". Vừa nghe lý thuyết vừa đi vào thực tế đời sống, như xông vào chiến trường miền Nam mà không học sinh nào bỏ cuộc. Có những khóa có nhiều "học trò" viết đăng báo nào thơ nào ký nào truyện thiệt là hay, nó đem lại nhiều triển vọng cho công việc xây dựng lực lượng trẻ viết văn, nó đem lại khá nhiều an ủi đèn bù cho tất cả những ai đóng góp công sức vào các khóa mở lớp văn. Nguyên Hồng tinh xuề xòa, rất gần gũi những bạn trẻ, có những trường hợp gần như là bạn tâm giao. Trong số cây bút trẻ của những khóa đào tạo được Nguyên Hồng phụ đạo môn truyện, có nhiều bạn trẻ nay đã nhận thẻ hội viên chính thức Hội Nhà văn Việt Nam. Và đồng nghiệp mới cũng như cũ, ai ai

cũng đều thân mật gọi bạn Nguyễn Hồng tôi là “Gôrôki Việt Nam”. Có phần nào cũng đúng thôi.

Trong cư xử, Nguyễn Hồng xuề xòa, và càng xuềnh xoảng về ăn mặc. Một người bạn tôi, trước là chủ hiệu may và giờ là xã viên đứng đắn của hợp tác xã may mặc Hà Nội đã nói trộm với tôi về nhà văn Nguyễn Hồng mà ông ta thích đọc: “Nguyễn Hồng có tính lạp dị không? Đi ra nước ngoài không biết mấy lần rồi, mà sao giày mũ quần áo ông ta trông cứ như là một người mu-gich Nga trước Cách mạng Tháng Mười ấy! Ai ở Thủ đô mà cũng cứ quần áo như thế thì chúng tôi thất nghiệp hết sao. Không phải nhà văn phải mặc theo thời trang mốt nọ mốt kia, mà ý tôi muốn là được cắt cho ông ấy một bộ quần áo gọn gàng, ông nói ông ấy cứ đưa mấy thước hàng lại, tôi không tính tiền công may đâu, chính tay tôi đo lấy cắt lấy may lấy, gọi là tông cái tình của một người độc giả cũ ngày nay vẫn còn mê văn Nguyễn Hồng. - Thời ông ạ, ông bạn đồng nghiệp của tôi không bận tâm về quần áo, mặc thế nào cũng xong, xuềnh xoảng quen đi rồi. Tính ông ta thế, ông tốt thực đấy, nhưng không nên dung vào chuyện này”. Lần nọ một đồng chí nhà văn Pháp, chử biên một tờ tạp chí văn học in ở Pari sang thăm Hà Nội theo lời mời của ta và nghỉ tại khách sạn Métropole - Thông Nhất. Nguyễn Hồng đã tới phòng riêng trong buổi “tương kiến” và đã nói về nhà văn

Rômanh Rôlăng. Nhà văn chủ biên tạp chí Pháp, một cách thật là có cảm tình đã cho in vào nguyệt san, tôi không nhớ rõ từng chữ, nhưng đại khái nói rằng Nguyên Hồng đã đưa vào phòng khách sạn thành phố tất cả phù sa quý giá của đồng ruộng ven sông Hồng.

Nguyên Hồng diễn tả người thành phố khá tài, nhất là các tầng lớp dân nghèo, nhưng lại là người không thích ở chen vào chốn phồn tạp của phố phường. Ba chục năm nay anh vẫn đóng ở quả đồi vùng Đề Thám Bắc Giang, vừa viết vừa làm vườn, đánh gọc rừng bồ cát, quẩy nước từ suối lên, quần quật cả ngày. Đêm vùng đồi rừng, lấy tiếng gà sang canh làm đồng hồ báo thức để chồm dậy đọc sách xen kẽ vào viết sách và ào ra sân, chào ngày đang bắt đầu bằng những buổi tập thở tập thể dục để giữ lấy sức mà viết trong ngày hôm nay và mai mai. Nguyên Hồng làm việc nhọc nhằn và cần cù, tỉ mỉ, công phu và trân trọng. Thấy Nguyên Hồng làm việc thì không còn ai dám nghĩ rằng nghề nghiệp này thuộc loại nhàn hạ thành thạo, mà nghệ thuật đúng là một sự lao động nó kết hợp với đủ các thứ mà thứ nào cũng phải cật lực.

Năm nay Nguyên Hồng đã xong được một phần tư bản thảo truyện Hoàng Hoa Thám và núi rừng Yên Thế. Chưa viết xong tiểu thuyết lịch sử này, nhưng Nguyên Hồng đã tin chắc là rất hay. "A, rồi ông sẽ

được đọc những đoạn hấp dẫn về lãnh tụ nông dân Hoàng Hoa Thám vừa đánh Tây vừa làm ruộng, vừa đánh vừa hòa rồi lại đánh. Lại còn làm công xã nữa. Xin lỗi, đây là thứ công xã vô trang, tướng cũng cày ruộng như lính quan Đề, quản cũng như dân đều cày cuốc chăn nuôi để lấy đó mà trữ lương sắm súng". Nguyễn Hồng cười hô hố rung tóe cả chén rượu vừa rót ra. Tôi liền chen luôn vào: "Này nhé, bán súng cho quan Đề đánh Tây là mấy ông Tầu. Rồi cắt đầu Đề Thám nộp cho đồn Pháp ăn tiền thưởng của Tây cũng vẫn là mấy thằng Tầu Chợ Chu chứ gì..." Nguyễn Hồng lại cười hô hố!

Nguyễn Hồng bảo rằng đang viết mà thấy mồi quá như là hết mất chữ rồi, thì lại lấy con ngựa sắt ra (cái xe đạp, theo cách gọi của người bình dân) mà phóng đi một chập. Ủ, ra chợ để thấy cái không khí trao đổi của vùng núi đồi quê Đề Thám; chạy vào các làng quanh đấy, hỏi chuyện các bô lão xem còn bòn đai thêm được tí gì về thời cũ Đề Thám không. "A, mà lúc đạp xe đạp, là lúc tôi hay làm thơ đấy. Viết truyện, đầu dẽ bõc khói, thỉnh thoảng làm thơ ít câu, cho người nó dịu đi". Tôi sực nhớ đến một vài nhà phê bình văn học chỗ này chỗ kia phàn nán Nguyễn Hồng là chúa đang tử trong bõ cục tiểu thuyết, đang dựng xây nhân vật thì lại dẹp chúng ra một bên, rồi nhảy đại vào mà cao hứng ngâm thơ của mình. Tôi thì chưa dám nghiệt ngã với các nhà viết truyện về kỹ thuật

tiểu thuyết hàn lâm viện hoặc văn trào mới, nhưng nghĩ rằng tuôn thơ vào dòng truyện văn không sao cả, miễn là nó hay, mình nói hay, mình ngâm nga cũng được, cẩn nhất là nó lọt được vào tai người ta. Nguyên Hồng đột ngột bảo: “Này hôm nào ông xách cái xe đẹp theo tôi ra Hải Phòng đi”. Phải đây, hôm nào cũng ra Phòng cũng là vui đấy. Ra chơi Phòng, thành phố của công nhân và của Nguyên Hồng từ khi Nguyên Hồng chưa thành Nguyên Hồng. Lại có cảng quốc tế, mà lại đi với ông Nguyên Hồng thì còn gì thú bằng.

“Này, đi Hải Phòng nhá. Hồi này sự giao thông đường bộ nghẽn nhiều ở mặt Bắc, hoạt động của cảng Hải Phòng trỗi mạnh hẳn lên. Lúc nào cũng có tàu Liên Xô ăn bến nhà bến, không ở Hải Xâm Ủy Vladivostoc sang thì lại ở Hắc Hải tối. Ta ra cảng rồi xuống tàu biển Liên Xô gặp các thuyền trưởng và thủy thủ ôn lại ít nét mới cũ Mạc Tư Khoa, rồi uống một tí, mà chả lý thú à!”.

Hà Nội, 30-8-1978

(Bài viết cho Tuyển tập Nguyên Hồng  
xuất bản tại Liên Xô)

## TRUYỆN THIẾU NHI CỦA VÔ QUẢNG

**T**ÁNG SÁNG của Vô Quảng, dằng dặc và cuồn cuộn một con sông Thu Bồn. Tuổi nhở của tôi đã có những ngày đi đò và những tối nằm đò trên đồi ba khúc Thu Bồn. Thấy nhớ nhớ quê Quảng qua những trang *Tảng sáng* viết về cuộc sống làm ăn cẩn cù của người ven sông, thuyền neo đậu nơi bến bãi mướt dầu xanh, và rộn rã tiếng gieo thoi đậm lụa. Chợ Quảng Huế, vạn Hòa Phước, làng Hòa Phước óng ánh lên cái tình đất nước. Thế rồi giặc Pháp “chiếm Hòa Phước (...)” Chúng lấy sông Thu Bồn làm phòng tuyến sau cùng bảo vệ cho Đà Nẵng...” Chao ôi... nhưng mà không sao. Truyện *Tảng sáng* đã kết thúc bằng những cảnh nhỏ đồn, diệt bốt, hai chú nhân vật bé nhỏ (nhưng là nhân vật chính, nháy nhöm reo hò cùng bước với mọi người lớn tuổi thắng trận bèn con sông quê hương mà súng giặc tắt bắt thì cả bờ Thu Bồn chỉ còn tiếng đậm lụa và dòng êm loang loáng những nhịp chèo thanh bình.

Nhà xuất bản Kim Đồng nhắc tôi viết lời giới thiệu *Tảng sáng* coi *Tảng sáng* như một cái điểm để xoáy vào mà viết. Nhưng hãy cho tôi mở rộng diện ra. Tại một hội thảo về các chuyến đi thực tế để viết bao viết sách, một nhà văn xuôi lão thanh nước ta dày công đi (vào) thực tế (đời sống) đã tổng kết kinh nghiệm như thế này: "Xoáy vào điểm để mà tìm hiểu sâu là cần như thế. Nhưng muốn cho điểm được rõ hơn, cũng rất cần phải có diện được mở rộng quanh nó. Và dĩ nhiên là diện điểm không cách nhau...". Cho phép tôi được dùng kinh nghiệm của nhà văn Ng.T. đó vào dịp "đề tựa" đây. Nhán nói đến điểm *Tảng sáng* tôi muốn được nói đến diện Võ Quảng, tức là tất cả những sách đã in ra của Võ Quảng, nhà văn chính cống của bạn đọc nhỏ. Cái diện chung Võ Quảng đó chỉ có làm tôn thêm và nhất định hoàn chỉnh thêm cái điểm *Tảng sáng* tái bản này.

Mời nghe nhan đề quyển sách *Tảng sáng* tôi cứ tưởng đó là một tập thơ của Võ Quảng vẫn tiếp tục viết thơ cho các bạn đọc nhỏ tuổi. Ý như năm 1971 đã cho in tập thơ *Măng Tre* mà tôi yêu thích nhiều bài, - mặc dù tôi đã không còn cái tuổi quàng khăn đỏ. (Ô hay, Đông Tây cổ kim, về văn học nói chung, đã có ai dám nói rằng thơ và truyện viết riêng cho bạn đọc nhỏ tuổi thì chỉ là viết riêng cho thứ tuổi đó! Thơ, kịch,

truyện chủ yếu là in riêng cho đối tượng các bạn đọc nhỏ tuổi mà đúng mà *hay*, thì càng là bà già ông già đọc đến, càng thấy vui thích chứ sao. Tôi nghĩ rằng thơ và truyện *Kim Đồng* mà cả đến người lớn tuổi vẫn xúc động hào hứng, ấy mới là cái đỉnh cao của người làm văn học cho bạn đọc nhỏ. Người già là ai là gì, nếu không là những người đã từng có một tuổi *Kim Đồng* mà nay đang tummings hoặc trầm ngâm nhớ lại cái buổi thơ nhiên đó của chính mình.

Trở lại truyện *Tảng sáng*, khá nhiều sự việc và tình tiết, thấy cái vui của Võ Quang đã lấy lại đôi nhân vật trước đây của mình từ trong *Quê nội*. Ấy là hai em Cục và Cù Lao. Đôi trẻ tốt đã lớn dần lên theo truyện kể tiếp *Tảng sáng*. Nói một cách khác, ví dụ cả hai *Quê nội* - *Tảng sáng* mà gộp lại, thì ta có thể đặt cho nó cái tên là *Truyện hai anh em Cục và Cù Lao*, cuộn đầu là phần một để giới thiệu; và cuộn sau là phần hoạt động của nhân vật nhỏ đã dần dần chuyển lên gần thành một công dân. Có bạn đọc lớn tuổi, cả bạn đọc nhỏ tuổi bảo tôi rằng *Tảng sáng* kể lể đậm đà, mà *Quê nội* thì thầm thiết tình người. Tôi đây cũng là cái thích của mỗi người đọc. Nó cũng như cõm thì có người thích nó phải khô rồi từng hạt, có người lại ưa thứ hơi nhao nhão. Nó cũng như mặc,

người thích áo đỏ, người thích áo xanh. Nói ra không cùng. Và chớ nên ép nhau thích cái sự đồng loạt (về ăn mặc chẳng hạn).

Riêng về phần tôi, ngoài truyện *Tảng sáng* tôi lại thích truyện *Quê nội*. Và cuốn *Những chiếc áo ấm* nó chỉ có 4 truyện ngắn nhưng có một truyện *Những câu chuyện* mà tôi cho là quý, quý vì nó có vấn đề. Nhưng đây là vấn đề vui. Vui vì nó đúng, nó tốt, nó lành mạnh và tươi đẹp. Đẹp như thơ, mặc dù nó chỉ là một cái truyện ngắn văn xuôi. Càng chứng tỏ rằng không cứ là phải có văn và dài dài trường ca thì mới là thơ.

Truyện ngắn *Những câu chuyện* chỉ là câu chuyện của một bầy chim bay qua bay lại trên một con sông xã hội chủ nghĩa, ta thấy sừng sững hai cột điện cao thế giáp mặt nhau từ bờ này trước bờ nọ. Thế là lũ chim có ý kiến. Con thế này, con thế kia, nói chung thì đúng là ý kiến của bầy chim nghĩ cảm về chuyện thằng người chúng ta hiện nay. Cái quan trọng không phải ở chỗ bầy chim trời cổ lai tối giờ đụng đầu vào cột cao thế hình cẳng cua hiện đại. Mà cái đáng kể là Võ Quang đã biết đưa cái hình thù hình thái đôi trụ điện cao thế đó vào chuyện mình kể cho em thơ. Rất cân đưa những thứ đó vào thơ, truyện, kịch thanh thiếu nhi. Bởi vì đời sống ở ta hôm nay, ngoài gốc tre

Thánh Gióng, ngoài cây đa một đời trăm năm, ngoài cái mái nhà tranh dáng yêu đến quen mắt, ngoài con đò ngang thân thuộc, ta còn cần đến nhiều cái bóng dáng hình thù rất là tươi mới tới mức bỡ ngỡ nữa. Bên cạnh nhiều thứ cũ đáng quý, có nhiều thứ mới đáng yêu và đáng diễn tả đến chứ. Thấy như là có phần trách nhiệm của nhà văn viết cho thanh thiếu nhi ở ta nay càng phải đem thêm những hình ảnh của khoa học kỹ thuật vào cái nhỡn quan cảm riêng của bạn đọc nhỏ tuổi bây giờ. Và cho các em nó làm quen dần đi với những các hình thức hình dạng mới. Cảnh đồng Việt Nam ở Bắc cũng như ở đồng bằng thung lũng miền Nam nay thiếu gì những cái gióng cột cao thế càng cua mà Võ Quảng đã cho bầy chim xem. (Bạn đọc nhỏ của chúng ta cũng là những thứ chim nhiều kiểu cách bay chứ gì!) Dễ thương tác giả ở chỗ đó đây.

Nếu tôi nhớ đúng thì Võ Quảng bắt đầu nói chuyện với độc giả nhỏ bằng tập thơ *Măng Tre*. Thơ măng có những bài đẹp như tranh tinh vật. Tranh vẽ những hình dáng tình, ma lại sống động, vì Võ Quảng đã thổi vào đấy cái tâm hồn trong trắng của mình. Nhưng theo tôi nghĩ, cái câu chuyện văn xuôi có đài trụ cột cao thế càng cua đó, ấy mới là thơ mới.

Trong *Tảng sáng* tôi ngờ rằng Võ Quang mai miết  
kẻ lè, bị động về chuyện mình kể khá xóm mà đã  
quên đi mất cái duyên dáng của người biết làm thơ.  
Và quên đi mất là thường những ký, truyện kịch bằng  
văn xuôi mà có giá trị (đối với bạn đọc thơ nhỏ cũng  
như đối với bạn đọc đứng tuổi) đều là có *chất thơ* cả.  
Bạn đọc nhỏ, ưa nghe chuyện kể, nhưng đồng thời  
cũng thích nghe thơ lẫn trong truyện. Cái tuổi gọi là  
tuổi thơ, tôi cho rằng ngoài cái thần tình của tiếng Ta,  
nó còn phải hữu cơ dinh đến thơ.

Hà Nội năm 1979  
(Lời tựa cho lần in thứ hai  
của truyện *Tảng sáng*)

## KỂ CHUYỆN VĨ TUYẾN MUỜI BÂY

Cuốn *Ký sự miền đất lửa* của Vũ Kỳ Lan, Nguyễn Sinh viết về Vĩnh Linh anh dũng kiên cường chống Mỹ thắng lợi do Nhà xuất bản Tác Phẩm Mới (Hà Nội) cho in ra cuối năm ngoái, phải nói ngay rằng đó là một quyển sách tốt, khá tốt. Từ lâu định mách với nhiều bạn đọc nên đọc nó mà tôi cứ lẩn lấp mãi. Cho tới mới đây mới cầm nổi cây viết. Chả là gấp lại chị Năm cùng chồng mới vừa đó ở thành phố Hồ Chí Minh trở ra bằng xe lửa Thống Nhất, hôm vào Sài Gòn chị Năm đi nhờ xe con của cơ quan anh ấy. Vợ chồng chị vứt vội cho ít thịt rừng và trái vườn đàng trong rồi bứt đi ngay, chì nói mấy câu “Chà uổng quá, xe qua cầu Hiền Lương vĩ tuyến 17 một quãng rồi mới được biết. Chỉ nhớ đó là một cái cầu bê tông mới đàng hoàng, chứ không phải là cái cầu sắt dã chiến như anh tả tỉ mỉ hồi nào. Lượt về, xe lửa rầm rầm qua xong cầu sắt ga Tiên An rồi mới có người cung toa cho hay là mình vừa đi qua khúc sông nhỏ vì tuyến 17 rồi đó. Phải chi mình được biết trước mà dọn mình ngầm

cánh cho kỹ càng! Đi vô đi ra, cả hai lần qua lại mà như là không trông thấy gì, thiệt là cắp mắt vô duyên". Vậy thì chị Năm càng nên đọc sách *Ký sự miền đất lửa* tôi đang nói tới đây. Và nhân đây, cũng xin thêm vào một ít niềm riêng của tôi đối với đất cũ Vinh Linh.

Trước ngày ta tái thống nhất đất nước, Vinh Linh chỉ là một đơn vị huyện như nhiều huyện nghèo nơi đất Bắc, nhưng lại là một đặc khu trực thuộc Trung ương. Tôi vào ra Vinh Linh cả tới chục lần. Có lần ở lâu mấy tháng liền, ban tuyên huấn khu ủy Vinh Linh cho tôi một phòng riêng để làm việc, đi đâu vắng thì khóa lại. Lên rú, xuống biển hoặc xuống các xã dọc sông tuyến, mỗi lần lộn vê khu ủy đóng tại phố Hồ Xá, ngồi lặng lẽ ghi ghi chép chép, thấy nó ấm cúng như nhà mình. Ngoài trời, nóng nắng lồng lộng và tất cả người ta đều đen cháy như một cây gió Lao hiếu động (người quê Quảng Trị còn gọi thứ gió cháy này là gió Tây Ô).

Làm quen dần dần với Vinh Linh (địa linh nhân kiệt) tôi mới hiểu được nhiều điều mà trước đó mình chưa biết tí gì cả. Ví dụ như cái chuyện khó khăn về thóc gạo. Lần ấy tôi về nhà một bà má nghèo, bát cơm độn có đủ cả sắn ngò, khoai ngô và còn gia thêm ít nhiều xơ mít non nữa. Thấy tôi có nhiều cố gắng cho nó quen dần được với cách nấu nướng đó, bà má liền

hỏi luôn tôi là quê ở mô và vô đây để làm chi. Tôi trả lời là quê gốc tại Hà Nội tít ngoài nớ thì bà má như có vẻ giận một cách đã bắt đầu thân thân: "Nghe nói Hà Nội gạo trắng nước trong và vui lám. Ở đây thì còn cực. Vậy chờ eng vô đây để làm chi ?". Định bụng trả lời bà má là mình làm cái thứ nghề làm sách làm báo nghĩa là một thứ nghề lưu động phải lân lộn và dấn thân vào nhiều thứ chuyện, nhưng tôi chỉ tóm tóm như một kè thiệt tình đang nhận ra mình có phạm một lỗi lầm gì rồi. Đạo đó còn có vùng ven sông bờ Bắc bờ Nam sông tuyến vẫn gọi là khu đệm phi quân sự. Tôi hay ra vào khu phi quân sự, có lần để thấy được ti mỉ lòng sông, bờ sông, mặt sông, tôi xuống cả thuyền máy tổ quốc tế kiểm soát dọc sông tuyến, và sĩ quan Gia Nã Đại trong phân ban Quốc tế đóng tại bờ bên kia hỏi tôi là ai thì đồng chí bộ đội thuyền trưởng đỡ lời nói tôi phụ máy nổ của đồng chí ấy. Có lần tôi đưa P.A. (Cố chủ nhiệm tạp chí *Châu Âu* từ Pari sang, theo lời mời đồng nghiệp của đồng chí ở Hà Nội) vào quan sát khu đệm để viết tập phóng sự cho *Châu Âu*. Thì hôm sau loa bù nhìn Mỹ nguy bờ Nam liền phóng thanh "tố cáo cộng sản miền Bắc hôm qua lại một lần nữa vi phạm và đưa cố vấn Nga Xô (!) vào khu phi quân sự"... (Và sau này Hoa Kỳ bắn đại bác từ ngoài khơi và bom B.52 vào bờ Bắc khu đệm thì, mỗi khi quen miệng mà dùng lại mấy chữ

*khu phi quân sự* ai ai cũng thấy phải buồn cười). Bà má nghèo đã từng cho “eng Hà Nội làm báo” ăn cơm độn xơ mít non, có gặp lại tôi lần sau cùng tại chợ Do, mẹ thì đi bán mây bắp hoa chuối hột, tôi thì tới mua vài lạng hột (hô) tiêu sọ đem về Bắc tặng bà bạn hay dùng để bỏ vào và lì quần áo len chống ẩm, chống nhảy thay vì những viên long não khó ưa vì nó quá nồng, gắt át cà những mùi hương quê hương trầm. Bà má cơm xơ mít đó nay chắc khó mà còn được chứng sống ở trên mặt vết sẹo giới tuyến đang lên da non của tái thiết Vĩnh Linh giờ gọi tên là huyện Bến Hải của tỉnh Bình Trị Thiên. Có lẽ lần gặp tình cờ ở chợ Do đó cũng là lần hết gặp mãi mãi. Vì cứ vào trang sách *Ký sự miền đất lửa* tôi đánh dấu bằng bút chì kia, thì vùng quê bà má nó bom ác quá, đủ thứ bom rải thảm B.52, bom xuyên bom phá, đánh đi đánh lại bao nhiêu trận ở ngay giữa cái vùng vốn gọi là phi quân sự này; nó bom chưa kể bắn cầu vòng tới 156 trận liền trong hơn một năm xuống cái xã rộng chỉ có hai cây số vuông, sự mất mát của mình nói ra cũng khôn cùng. Hơn một năm mà hy sinh liền liên hai đồng chí bí thư đảng ủy cùng là năm đảng ủy viên khác; một vùng xanh rờn nọc tiêu cọc gỗ mắc với ba ngàn rưỡi gốc hồ tiêu, nó đốt, phá chỉ còn lại có một trăm gốc là không sao cá. Ở cuộc sống Mỳ đã cút đi này từ mấy niên khởi đất nước ta, chắc gì bà má đó

còn nguyên lành. Chao ôi, giới tuyến là một nỗi niềm, xóa nó rồi, nhưng nó vẫn chạnh lòng đôi phen. Chào, tiếng là suông thế nhưng ở tôi vẫn canh cánh trong nỗi nhớ một số đêm trăng giới tuyến. Nhớ lại mấy đêm trăng suông ở vùng đạo rừng, ở vùng đạo biển và ở khu bộ khu ủy Vinh Linh.

Hai đêm trăng ở tại ngôi nhà thờ Di Loan mà người ở đây gọi là đạo biển và tại nhà thờ Phước Sơn thường gọi là đạo rừng, cả hai nhà thờ đều ở ven sông tuyến của bờ Bắc. Người trong bốn đạo, cả những bậc gọi là tiến bộ đời sống mới rồi, vẫn bảo là ở đó đều có ma, và ma đạo lại còn dữ hơn ma lương. Vùng đạo biển Di Loan đông vui, còn nhà thờ Phước Sơn của đạo rừng thì rú râm và biệt tích xa khuất hơn. Nhà thờ đạo rừng của dòng tu Ép xác, có hồi ta đã bắt gọn tại đó một ổ gián điệp có cá cốt Tây lẩn cha ta. Và thằng cha phản động Lê Hữu Từ chính là thụ chúc tai tu viện Ép xác đó.

Đêm trăng tại nhà thờ Ép xác thiệt là buồn nhức xương. Từ ngày dòng sông dưới chân nhà thờ dòng Ép xác thành vết thương nó chém vào chỗ thắt lưng nơi mình mẹ Việt Nam thì đã có bao nhiêu nước chảy suông dưới gầm cầu Hiền Lương, cầu tuyệt đối không có chiếc ô tô nào qua lại, sông không có bóng đò, trên sông tịnh không câu hò yên ổn nào. Đêm thanh vắng, gió ngàn lùa về tới đây cả tiếng tru tiếng sủa trăng

của bầy chó sói dây lên từ phía Cây Tăm, Bến Tắt. Chao ôi, tôi thật là cái anh hay vê chuyện. Năm ở nhà thờ Phước Sơn để nhìn những túi sách Kinh La bụi bặm và bước đi mình toàn là tiếng lạo xạo trên cơ man là mảnh vỡ cửa kính giáo đường hoang vắng...

Đêm có gió lửa Tây Ô mà sao lại thấy rùng mình và rờn rợn khi nhìn vào mảng tối chen với ánh trăng suông. Không, không phải tôi có thoáng thấy gì là bóng ma đạo rừng, nhưng thôi tôi tội và gi mà nǎm chờ (mà chờ cái gì kia chứ) thèm nữa, trên cái nền kính vỡ lắp lánh trăng lặn về núi Tây này. Tôi vọt ra, nǎm lắn vào tổ dân quân thanh niên thanh nữ tuần canh bờ sông ngoài kia. Và thấy nó phái hơn, nhiều sinh khí hơn.

Lại cái đêm trăng suông ở trong khu nhà thờ Di Loan đạo biển. Từ trong chuồng bò tôi om, có tiếng thở dài của một vài con bò mát ngủ. Ngoài sân trăng giãi rộng, gần về sáng thoáng có bóng đèn lướt nhanh qua sân. Đó là chị M. đến thăm bò. Không có gì cả mà sao cũng cứ rờn rợn. Có phải đó là cái rờn rợn dễ có của những vùng giáp địch? Tôi đã kể lại những độc thoại nội tâm về hai đêm trăng rợn này với một anh bạn trẻ say sưa viết truyện vừa.

Trăng suông giới tuyến để lai nới tôi những ấn tượng sâu rộng khác khoái là mấy đêm canh cái giếng

thời trong sân khu uỷ. Liên mấy đêm đó, cứ quang hai ba giờ sáng là nghe có tiếng động ngoài phía giếng. Tiếng gáu đội nước rất khé, nhưng vẫn nghe được. Chỉ có một người tám. Mỗi đêm lại một người khác. Đêm thì người thấp đậm, đêm thì người gầy nhô, đêm thì người cao to tầm vóc. Đêm nào cũng chỉ một người đàn ông. Tôi khó ngủ mấy đêm đó nhìn qua khe cửa sổ, thấy trăng suông lần lượt soi vào những cái đầu bù xù như là để tóc một kiểu. Đúng rồi đây là những đồng chí ta nằm vùng nằm hầm bên bờ Nam đây (hồi đó bờ Bắc chưa xây hầm lè và hầm địa đạo, nhưng giữa lòng địch bên bờ Nam phi quân sự và cả trong sâu đất địch đều có hầm của bên ta, có đồng chí đến hàng chục hàng trăm hầm khắp nơi) chắc là các đồng chí về bên này họp để phối hợp và thống nhất những gì gì đây. Máy phòng đặc biệt khu khu ủy mà nguyên tắc là không được lai vãng quanh quanh, máy phòng đó máy bữa rày có vẻ khang khác. Và chị Th. làm việc ở văn phòng khu uỷ, máy hôm đây xem ra cũng không giống lối án nón đi đứng mọi khi. Có người nói nhỏ từ lâu với tôi rằng chồng chị hoạt động và xây dựng lực lượng mình bên bờ Nam đó. Chị Th. đèn tròn mạnh mảnh kiểu tiểu tư sàn nửa thôn xóm, nửa phố phường, cả cơ quan khu ủy ai cùng quý mến và thích gần gũi. Tôi định các đêm sau thì ngầm kỹ hơn để đoán thầm xem ai dưới trăng suông đó là bạn đồng

chí trãm nãm của chị Th. Mấy đêm trãng sau thât là suông. Không có ai ra tắm hai ba giờ sáng nữa. Và cũng không thấy chí Th. ở văn phòng nữa. Dám bảy ngày từ bên Tuyên huân tôi lên mượn tài liệu mới về tình hình bờ này bờ kia, tôi hỏi thăm chí Th. thì không ai trả lời, làm như không nghe rõ câu hỏi. Thế rồi trãng lận, rồi hết trãng. Sau vai tuần trãng nữa, tôi lộn về Hà Nội, ngãm suông trãng Hồ Trà Gươm càng thấy bồi hồi với những vừng trãng trong.

\*

\* \* \*

Xin được trich ra đây hai đoạn *Ký sự miền đất lửa* gợi nhiều cảm nghĩ, rất nhiều giá trị của văn học phản ánh chân thực và hùng hồn những thực tế chiến đấu bảo vệ lấy sự sống còn của nơi chiến trường vùng giới tuyến.

“Cháu chưa đầy nửa nãm (...) Mỗi tuần lè trước B.52 còn dội bom xuống đây, cách chỗ cháu nãm chừng ba mét, một cái hố bom tãm rộng đến vài sào đất đỏ lòm (...) Đồng chí Giỏi, bí thư chí bộ Vĩnh Mốc nói:

- Thằng nì đẻ trong đĩa đao.
- Tên cháu là gì? Tôi hỏi.

- Thằng Đạo - Chị Thái, mẹ cháu trả lời. Đường như sợ tôi không tin, chị nói thêm:

- Thiết đó, đè trong địa đạo thì đặt là thằng Đạo mà (...) Mỹ huy động 130 lần chiếc máy bay B.52 dội xuống Vinh Linh ngót 3.000 tấn bom trong hai ngày 1 và 2.7.1968 chính đêm chi Thái trở dạ đè, năm tàu khu trục một tàu tuần dương cùng các trận địa pháo địch bên bờ Nam bắn sang bờ Bắc 15.000 quả đại bác (...). Không có đèn, cô Hiệp cầm bó đuốc giơ lên soi sáng cho cô Lắt đỡ đè (...)

- Nhà trẻ cũng ở trong địa đạo?

Chị Thái gật đầu (...) Vô vào chiếc bàn có phủ vài nhụa ở nhà hộ sinh, anh Giới nói tiếp:

- Đồng chí có biết máy cháu bé ra đời ở đây không? Mười bảy đứa, hai tiêu đỏi, mẹ tròn con vuông hết!".

\*

\* \* \*

"Cứ mỗi lần khói bom tan đi là mấy sao lúa lại hiện ra, màu vàng như vẩy goi. Hết loạt bom thứ hai, Thoại đi thật nhanh ra ruộng. Lúa tốt quá, trùi hạt, đã chín khô. Anh chọn vài bông mẩy nhất ngắt lấy cầm về để làm tin. Thoại cho một tổ thanh niên ra đào sâu thêm đường hao, bảo mỗi người đi gặt bên lấy một tấm liếp dày, băng rơm rá, chuẩn bị liềm, đòn xóc, lạt

đầy đủ. Ở cuộc họp, số xã viên nhận đồng ý với anh là 12 người nhưng hôm đi gặt lại chỉ có mười. Hai người đến phút cuối cùng đã ở lại. Giờ gặt định vào lúc đứng bóng, quăng ấy những loạt bom thường thua hơn buổi sáng và buổi chiều. Mười một giờ đội quân đi gặt tập hợp mang theo túi thuốc, băng ca. Sáu tay súng trường được góp thành một tổ chiến đấu để, nếu cần, bắn máy bay tầm thấp. Thoại dẫn một tổ đi trước, hai đội phó dẫn hai tổ đi sau. Họ ào xuống ruộng, gặt hối hả. Ông Bạng vừa quơ liềm vừa lầu bầu chửi Mỹ: “Của mồ hôi nước mắt miếng làm ra mà như đi ăn trộm của cha của ông nhà hắn không bằng”.

Hai giờ chiều, thấy đã gặt đủ mỗi người một gánh lúa nặng, Thoại ra lệnh toàn bộ rút lui. Đoàn người vừa đi khuất vào đường hào, những tiếng rít chọt xé không gian. Một loạt bom nổ... Ông Bạng tức quá quay lại nhổ toẹt một bãi nước miếng: “Mai gặt nốt, nhất định không thua thằng Giônxơ”.

Có người nói rằng: “Một càn thóc ở Vĩnh Linh nặng hơn càn thóc ở nơi khác”.

\*

\* \* \*

*Ký sự miền đất lửa* nói chung là một cuốn sách đúng, đúng theo nghĩa là tốt. Không những chỉ tốt,

mà còn hay nữa. Trong 223 trang đúng và tốt đó, có nhiều đoạn hay, hay như hai đoạn trích ở trên và hay một cách khác như những mảng diễn tả về vượt sông đánh địch, về xây dựng tổ chức sự sống trong lòng đất lửa, đát thép v.v...

*Ký sự miền đất lửa* của một tập thể tác giả díu đôi. Có nhiều bạn đọc muốn được biết cụ thể là giữa hai tác giả thì tiết mục nào là của ai và nên ký tắt vào dưới từng chương để tiện bê theo dõi sau này, qua sách báo về từng tác giả một mà họ có chú ý. Ở các nước, viết chung sách, các tác giả tay đôi người ta cũng hay làm như thế, thật là sòng phẳng và cũng tiên cho bạn đọc. Bình lèn cái tốt của *Ký sự miền đất lửa* (bình chữ không phê, vì phê không phải nghề chuyên của tôi) xin thêm một nhận xét nữa là tập ký sao nó vào một cách còn yếu yếu. Đọc tới phần mười cuốn sách mà chưa thấy chõ hay để bắt hứng cho tâm tư, làm cho người đọc đậm hồi hộp chờ đợi cho mình đến tới công đọc của mình. Viết thể loại gì thì tùy mình chọn lấy cung cách, nhưng chờ nên quên cái bút pháp có hưu “mở cửa ra là thấy núi ngay” của thơ Đường, từ ngay câu phá đầu tiên của thơ đã muốn đọc hết cả bài.

## KÝ HOÀNG PHỦ NGỌC TUỜNG CÓ RẤT NHIỀU ÁNH LỬA

Tập truyện và ký *Rất nhiều ánh lửa*<sup>(1)</sup> của Hoàng Phủ Ngọc Tường gồm chín tiết mục và mờ đầu bằng một truyện ngắn về lớp học bình dân. Đề tài và chủ đề này viết không chắc tay thì cũng dễ nhạt và khô. Truyện *Rất nhiều ánh lửa* dựng lại câu chuyện một ông giáo Huế tạm chiếm gấp lại một trò lười cũ nay là giáo viên lớp xóa mù chữ giữa Huế giải phóng. Trò lười cũ hồi đó rớt thi Tú tài và phải học đúp lại để mà vẫn trễ nại, vào lớp là cứ ngủ gật. Ông thầy vừa thất vọng vừa lo cho người học trò lười này không khéo rồi nó tới bắt làm lính đi trận mất thôi. Thời Mỹ nguy, ngụy quyền thường hay xông vào các trường để bắt thanh niên vào lính. Nó làm đúng như ở Hoa Kỳ nhà binh cũng xộc vào các trường đại học để chấm lính viễn chinh, chấm người lái phản lực. Cho nên mới có những chuyện giáo sư Mỹ tiến bộ cứu sinh viên

(1) Nhà xuất bản Tác phẩm mới - 1979.

khỏi tay thân chết Mỹ hiếu thắng bằng cách cho cả những sinh viên kém cỏi nhất cũng được đỗ. Có những vị giáo sư già Hoa Kỳ thường động viên các sinh viên lười và đuối: “Các cậu hãy coi chừng! Học kỳ này phải cố gắng thêm nữa lên thì tôi mới cứu nổi các anh không phải đi chiến trường Việt Nam”.

Thì té ra cái tên học trò lười đó của mình lại là một chàng trai của cách mạng, ngày nó ngủ gật giữa lớp vì... đêm qua và nhiều đêm qua, nó phải làm nhiều việc của cách mạng giao cho nó, chứ không phải là nó không chịu học. Ông thầy thấy mình cần phải xét lại cái sự giáo điều ở mình. Rồi ông thầy cũng bỏ đi, đi theo người học trò bỏ trường. Ông thầy đã tinh ra bởi người học trò lười đó. Trò thành ra giặc ngô thầy mình. Vậy mà vẫn còn có người cứ khăng khăng rằng viết về thầy giáo và học trò khó mà hay được.

Khung cảnh của câu chuyện là một cái xóm nỗi trên sòng Hương đêm đêm đò đèn để truyền bá quốc ngữ cho bà con lao động nghèo và mu chữ. Và truyện, chỉ mới đọc qua 13 dong đầu, đã thấy Ngọc Tường thật là người yêu thương và gắn bó với cái thành phố của mình. Trên màu sắc độc đáo ấy của Huế nỗi lên chân dung của thầy giáo vừa đánh xong giặc xâm lăng, thì lao luộn vào việc đánh giặc dốt; và nỗi lên cái sinh khí lớp tôi vang nhịp của tuổi nhù, tuổi già đang được vờ lòng.

Bố cục ở truyện này khá chặt chẽ, nhiều mảng có đặc tính của thể văn kịch nói. Cách đây ít chục năm, tôi nhớ được đọc kịch nói *Lớp học vùng tề*. Nay đọc truyện *Rất nhiều ánh lửa* thấy càng thích cái chủ đề thấy giáo cô giáo trong đè tài bao la của giáo dục.

Đất nước ta không thiếu gì cát, nhưng vẫn thường ta dựng đến cát, chừng như cũng không nhiều lắm. Bài ký *Ché ngự cát* phần đầu khá đậm đà. Đọc cát, thấy khát, thấy cái khát vọng tổ chức đời sống yên lành no đủ giữa một vùng quê có những dạng ác liệt về đấu tranh với thiên nhiên. Vâng, vùng này tên cũ của nó là Đại trường sa (phía trên nó là Tiểu trường sa). Đầu Kháng chiến, có một tập ký *Trận Thanh Hương* được thường hàn là quanh nơi này đây. Cái mà nhà báo nhà giáo Pháp Bee-na Fôn (Bernard Fall) mô tả là “cái phô mắt vui” của lính thủy đánh bộ Hoa Kỳ đóng ở vùng này, đích thị là quang quốc ló 1 đi sát vào mép vùng này đây chứ gì! Chiếc xe con chúng tôi qua cả một vùng Đại trường sa này để vào Sài Gòn đã giải phóng. Cát trắng, cát trắng lấp nhấp các xác xe xác súng và vỏ hộp ăn Mỹ. Mέp đường nhựa trống trải, chốc chốc lại nhú lên một cái am nhỏ như chuồng chim bồ câu bị rang cháy khô. Chỉ có cát, không có bóng cây. Nhìn các đồng sắt gi, vát vừa bện trên cat trắng lại nhớ tới thời chúa Nguyễn rước thực dân vào để đặt ngai vàng, rồi cùng mở khoa thi hội thi đình

tại Huế để tạo cho mình một lớp trí thức tò điểm son phấn cho chế độ; thầy Tú thay Cử các nơi miền Bắc đã xéo lám đi bộ qua Đại trường sa này để lai Kinh ứng thi. Trảng cát có những quán nhò bán dép mo cau mo nang cho những người lặn lội qua cát để tìm đường tiến thân. Và quả là con đường tới công danh là một con đường cháy bồng gan lòng chán và xạm mặt con người. Đã có bao nhiêu đôi dép mo vứt lại trên cát này. Mới khoảng gần hai trăm năm đó thôi, chứ đã xa gì. Thấy như dưới ánh nắng oi và trên cát dại, thèm vẽ tranh tĩnh vật. Trên nền cát, đặt một đôi dép mo rách có chữ nôm chữ Hán; và cạnh nó là một cái mũ sắt USA thủng cùng là một lũ vỏ bia hộp.

Đại trường sa qua rồi mới lại nhớ tới Tiểu trường sa ngoài Quảng Bình. Nhớ ngoài Tết năm đó, Giòn-xon vừa hôm trước ném bom súng tuyến sập trường sập phố Hồ Xá, và chúng tôi đang đi đò ngang của mẹ Suốt về thăm làng Bảo Ninh đối diện với Đồng Hải (Đồng Hới). Bảo Ninh đang nở rộ mai vàng. Và xa và gần là những cồn cát vàng rộm. Nguyễn Du nói “cát vàng cồn nọ bụi hồng đậm kia” là cát Tiểu trường sa quanh Bảo Ninh chứ không phải là Đại trường sa trong kia toàn cát trắng. Một ông chài nước da đồng hun bảo tôi thế.

Về cảnh và người Cà Mau có hai bài ký *Rừng nước mặn* và *Đất mũi*. Cả hai bài đều toát lên cái hào khí

của một vùng đất mới chô hết đất cuối trời. Nói bùn non bùn già nói cây đước và những con người ở đó chưa anh hùng thì cũng thừa là hảo hớn. Nó rất phong phú về mặt thông tin. Sức quan sát của người viết thật là tế vi và sức cảm nghĩ hết sức tinh tường. Cũng đã nhiều người nói về Cà Mau, Minh Hải nhưng chưa ai đưa ra cái nhận xét về rừng đước là rừng đước âm u mà sao ở đây lại nhiều sáng chóe, nhiều ánh sáng. Là vì cấu trúc của lá của đước của rừng. Cái chi tiết này quả là quý giá. Và xin cảm ơn anh Ngọc Tường đã dày công cảm nghĩ và kể lại cho người đọc anh chăm chú.

\*

\* \* \*

“(...) Đó là chuyến đi đầu tiên của tôi và Hát lên thăm Lạng Sơn (...) nơi kết nghĩa máu thịt với Mũi đất cực Nam, tôi đã hái tặng Hát một bông hoa cỏ mọc dưới chân cột cây-số-không biên giới (...) Hát vẫn đứng cạnh tôi lặng im không cười đùa, hình như đang chờ tôi nói một điều gì với núi đá” (Câu này ở bài ký *Đất mũi* viết cuối năm 1977)...

Thì đầu năm nay 1980 Hoàng Phú Ngọc Tường đã “nói một điều gì” với đá Lạng Sơn đó. Tôi muốn nói tới mấy trang ký *Rừng hồi* của Hoàng Phú Ngọc Tường

đang nơi tuần báo *Văn Nghệ* (ngày 15-3-1980), và nếu năm nay có làm tuyển tập về Ký Việt Nam, tôi cho phép tôi được giới thiệu ký *Rừng hổi* đó với tiêu ban tuyển tập. Tiếc một nỗi là tập *Rất nhiều ánh lửa* không kịp in *Rừng hổi* vào. Nhưng thôi, cái nay cũng dễ bổ sung thôi, thế nào lúc tái bản *Rất nhiều ánh lửa* tác giả và Nhà xuất bản Tác phẩm mới chả đưa nó vào chương cuối tập ký. Có *Rừng hổi* thêm vào thì cuốn sách hoàn chỉnh hơn. *Rất nhiều ánh lửa* có nói đến đánh giặc xâm lăng Mỹ, đánh giặc dốt, có nói đến cát, đến bão cát, đến phù sa, đến bùn mặn chồ cuối trời tốt đất, có nói đến rừng được cực Nam, nay lại thêm vào đó cái hương của một rừng hổi biên ái Bắc vừa diệt xong sáu mươi vạn quân lính Tàu phạm vào đất ta - trên đó vẫn vương hương ngát hối biển thuỷ. Xưa, về chiến thắng Đồng Đa, văn *Hoàng Lê nhất thống chí* nói rằng quân Tàu bại tầu dầm lên nhau mà chết mà qua sông Hồng để rút về Tàu “xác ngập sông, lòng sông Hồng bị nghẽn lại”. Nay, mùa xuân 1979, Tàu lại kìn kìn kéo sang để rồi lại ùn ùn rút về, cái biển người Tàu đó xác buồi chiều úp lên xác buồi sớm, xác tuần mới phủ lên xác tuần trước và chao ôi, trên cái đống thịt Tàu rữa thiu đó lại day dứt cai mùi đại hương hổi. Một mùa xuân nẫu mùi Tàu.

Ta đại thắng quân nhà Đặng (Tàu Bình) nơi sáu tỉnh biên giới phía Bắc, văn thơ của ta phản ánh vô

công chiến công quân dân khá nhanh và thật nhiều. Và phải công nhận *Rừng hói* Hoàng Phù Ngọc Tường là những trang ký sác sảo một cách thiệt là độc đáo. Đã đánh giặc thì lúc lâm trận, có gì đánh bắng cái áy. Người yêu nước Hoàng Phù Ngọc Tường đã lấy luôn gốc hói sở tại ái Bắc làm vũ khí ma bối luôn cho bành bá Tầu một đòn chí mạng. Tự nhiên thấy nhớ lại những truyện kiếm hiệp feuilleton đọc lúc thiếu thời - có những bậc sư tổ truyền võ cho môn đồ về kiếm, khi, về chi, chưởng, quyền, cước. Một bậc thầy võ thượng thặng áy đã bảo học trò rằng phải luyện nội lực cho thật thâm hậu và, lúc lâm trận thì "hoa bay lá rụng giữa trời cũng là vũ khí để đánh", mình phải truyền nội lực nội công ở mình và lá rụng hoa bay quanh mình, hoa lá đó trở thành vũ khí lao thẳng vào đối phương như tên như đao phóng ra tự bàn tay mình.

Trong bài ký *Rừng hói*, Hoàng Phù Ngọc Tường đã đưa luôn cây hói hương ra làm một đường võ "hói mà thương" để đánh Tầu bành trướng chúa hay dùng chiến thuật vu hối đó. Được lâm. Chả là hối ta nhiều tinh dầu hơn hối Tầu nên chúng nó âm mưu ám hại rừng hói nước ta, để rồi một mình chúng nó bành trướng trên thị trường hói quốc tế. Nó dùng người Việt Nam đánh cây Việt tươi quý. Đều hết sẩy. Nó ve vãn gã già đồng bào miền núi biên giới bóc vỏ chặt rẽ hối (để cho cây sẽ chết héo chết dần) và nó trả bằng

hiện vật hiếm khan như phích nước, dài Mẫu Đơn. Đã có bao nhiêu gốc hồi quý của rừng thuốc ta bị chết khô vì cái mèo hiếm của “thầy Tầu”.

Các cụ chúng ta vẫn thường nói là Tầu hiếm lám. Cái bản chất nham hiếm ấy nay bày rõ ở thị trường chính trị và hàng hóa. Người ta thời cũ vẫn không quên những tên phong thùy thầy Tầu đi khắp nước ta để để của cùng là chôn sống người mình phong thần giữ của cho nó, và để tìm những vùng “địa linh” mà yểm huyệt để cho “nhân kiệt” ở ta phải tuyệt diệt. Dọa trẻ con khóc, thời còn thầy Tầu hoành hành thường người lớn hay dọa là chõ áy chõ áy có ma Khách đây.

Nay chõ biên thuỳ, đã có nhiều xác thằng Tầu, và lũ ma Khách thì đông có cả ngàn ngàn. Nhưng chả có ai sợ nó cả. Chỉ có cảnh giác và căm thù bành trướng. Đến cây rừng như cây hồi cũng căm thù nó kia mà.

*Văn nghệ số 25 (21-6-1980)*

## PHIM “CHỊ ĐẬU” CÙNG LÀ CẢM NGHĨ TẤT NIÊN VỚI BÁC “ĐẬU” XÚ TỐ

Lúc nhà văn Ngô Tất Tố viết và in *Tắt đèn* thì tôi mới là lúc bắt đầu viết đều đều, coi đó như là nghề của mình-bởi vì mình lúc đó chẳng có ngón nghề gì khác nữa. Bác Tố sống ở nhiều tòa soạn Sài Gòn và Hà Nội, nhưng lần đầu tiên tôi thức đêm ở tòa soạn với Ngô Tất Tố thì khó mà quên đó. Bác ở làng Cói sang Hà Nội thường trọ ở phố Hàng Thiếc, nhưng nhiều đêm bác ngồi viết ở cái góc phố Hàng Da của một tờ tuần báo nọ. Bác Tố là người thỉnh thoảng cũng tham gia các cuộc vui đêm nhưng bác chính là người cần cù làm việc. Tôi thì đêm nào cũng đi chơi bậy. Nhiều đêm bấm chuông tòa báo, bác Tố lại xuống mở cửa cho, vẫn gọi tôi là bác (bác hơn tôi chục tuổi lè) “- Có vui và đông lắm không? Thôi, bác thức, tôi đi ngủ đây. Ngủ có đèn, càng đầy giấc”. Nhiều đêm về oí á quá, tôi cũng chỉ muốn ngủ, còn viết gì thì viết, mai hãy hay. Nhìn những trang viết dở của bác Tố trên bàn, tự nhiên trong người thấy đứng đắn trở lại. Và

ngồi vào trước tờ giấy trắng, vừa ngáp vừa nhìn ông bạn vong niên ngon giấc sau khi đã viết một số trang kia.

Cho đến khi Toàn quốc đánh Pháp, được tin Ngô Tất Tố đi kháng chiến, tôi thấy vui và tin quá. Ở rừng căn cứ, mỗi lần có dịp đi “hạ sơn” về trung du và vùng Yên Thế để đón bác Tố “lên” họp, lại càng thấy vui. Nhìn Ngô Tất Tố áo vải vai deo chéo cái chǎn bông cũng nhuộm nâu chống gậy qua Đèo Khé, có anh ban đi sau đã bỏ nhỏ vào tai tôi, giọng anh nghịch “Trông kém gì năm đó! chạy đói vùng xuôi để lén khát thực ở thượng du”.

\*  
\* \* \*

Truyện *Tắt đèn* đã chuyển thành phim *Chi Dậu* chiếu buổi ra mắt tại Cung thiếu niên. Lũ nhân vật tí nhau khốn khổ của bác Tố có mặt ở câu lạc bộ to đẹp hiện đại của tuổi trẻ. Vẫn Ngô Tất Tố cứ đọc không thôi cũng thấy nó khỏe rồi. Nay chuyển thử văn học hiện thực phê phán đó sang điện ảnh càng thấy nó ghê, nó dữ dội. Có người đã nói rằng hồi Pháp thuộc nó cho in *Tắt đèn* chứ dứt khoát là nó không thể “cho” đóng và chiếu *Tắt đèn*. Tôi không nói rằng văn học thua hẳn điện ảnh - mỗi thứ nó có cái cách,

cái kiểu biểu hiện và thể hiện của nó chứ - nhưng phải nhận rằng văn *Tắt đèn* khi chuyển được sang hình và ảnh ở chí *Dậu* thì nó kích động người xem (cả người đã đọc nữa) một cách thật là cụ thể đối với cảm quan và tư duy người ta. Nhiều người xem đã rơi的眼, đã khóc. Nó gợi nhớ lại những đợt ôn nghèo nhớ khổ của nông dân ta. Phim tố khổ này lại cho chiếu vào giữa lúc mà phong trào khoán sản phẩm từ Bắc thấu Nam làm nức lòng mọi người, càng làm cho giai cấp nông dân thấy rõ thêm công ơn của Đảng Cộng sản Việt Nam mình.

Trước khi chiếu ra mắt *Chị Dậu*. Hội Điện ảnh, Xưởng phim truyện và đạo diễn Phạm Văn Khoa trao tặng bác Tố gái một bó hồng tươi, bó hồng vinh quang trên tay một bà cụ nông dân khắn mỏ quặ, trông rất la và rất vui. Bác Tố già ạ, xưa chúng ta sống và làm việc giữa Hà Nội, làm gì có những buổi sớm vui như thế nay nhỉ.

Báo cáo thêm với nhà văn Ngô Tất Tố là năm 1962 tôi có viết một số trang giới thiệu *Tắt đèn* tái bản. Tiền nhuận bút được trả tôi năm trăm đồng, giới xuất bản nói đó là cái trần tuyệt cao của loại văn đê tựa đó. Mà cao thật bác Tố ạ. 1972 phờ chỉ có 3 hào một bát, năm hào thì đã tươm quá. Nay ở Sài Gòn phờ leo thang lên 12 đồng và gần đây đã bò tới cái giá 17 đồng. Về phờ, nhớ xưa bac cùng như tôi lấy no làm

một thứ bản vị để tính toán, như kiểu các nhà băng thế giới lấy vàng làm kim bản vị.

Sách của bác đã làm tôi được thơm lây. Rồi tôi càng thêm nhiều quần chúng vì vai chánh tổng. Đi trên hè phố, nhiều người tôi không quen nhưng nhìn tôi với nụ cười cảm tình với một nhân vật màn ảnh họ vừa nhận ra. Tôi bước sang cái ngã tư thứ nhất, càng thấy Ngô Tất Tố xa xa mà như rất gần. Cạnh tôi như có thêm một cây gậy nữa của bác Tố. Hai chúng tôi cộng lại gần trăm sáu chục tuổi chống mỗi người một gậy, lại qua cái ngã tư thứ hai. Và tôi nói: "Qua một ngã tư nữa, thì chúng ta tới một quán rượu quen, rượu tăm. Tôi mời bác, rồi tôi thuê xích lô cho bác về: giờ tôi cũng có đồng ra đồng vào rồi. Lâu lắm chúng ta không có dịp nói gì với nhau".

\*  
\*      \*

Tết mặt trăng này là năm con chó Nhâm Tuất - trong *Tết đèn*. Tết này chị Dậu (tôi muốn nói đến cuốn phim truyện) thêm một tuổi nữa của màn bạc xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trong cái thế giới hành chính của *Chị Dậu*, trong cái bộ máy tiêu lại ác bá áy, tôi nhận đóng vai một tên chánh tổng; đóng chưa giỏi vì chưa biểu hiện ra cái xấu cái ác của thứ cường hào

này. Vậy mà nay trong cái không khí độc hại được mệnh danh là tiêu cực, lại thấy xuất hiện bọn ăn kiêng chánh tông và đám cường hào mới. Chúng không đến nỗi đông, nhưng vẫn hách lầm. Ngày xưa thì chúng xoay xở làm ăn ở cái đình làng, ở cái cổng phủ. Nay thì là cửa hàng, cái lỗ bán vé tàu bay tàu bò, ban này, kho nọ vân vân.

Tôi có được dự một khóa học tất niên để góp bàn về giữ gìn đất nước và sinh sống làm ăn ra sao đây từ xuân tới. Lớp học khá đông đủ các trình độ. Không thấy một ai bạo miệng dám khẳng định rằng ta hoàn toàn đánh gục các kiểu “chánh tông lý trường” ăn hiếp và làm hại dân đó, nghĩa là dù chỉ là còn ít, nhưng chúng nó vẫn còn lần quắt đó đây để làm khổ mình.

Cụ Hồ của chúng ta có nói đến ba thứ giặc chúng ta phải đánh. Thứ tự của giặc bộ ba ấy thế này:

Một là giặc xâm lăng - Hai là giặc đói - Ba là giặc dốt.

Xâm lăng là giặc số một, điều này thì mọi người dè và đã nhất trí rồi và nay càng phải cảnh giác nó, nhất là hành trường Trung Quốc. Còn cái giặc hai và giặc ba thì nói chung nó vẫn ở vào cái diện giặc mà ta phải đánh mạnh (Tất nhiên “giặc đói” ngày nay không như hồi năm 45 và với chế độ ta, không thể như thế được. “Giặc dốt” không còn là mù chữ mà làm

án không khoa học, thiếu kiên thức!. Thời thuộc Pháp, đói sinh ra dốt, vị trí nó là số hai. Nhưng thời này là thời Ta, ta có chính quyền gần bốn chục năm, thế thì xếp loại mấy thứ “giặc đói” và “giặc dốt” như thế nào đây? Có ý kiến cho rằng hai thứ này ánh hưởng qua lại nhau và nên xếp là đồng hạng. Tóm lại cả ba giặc này đều là thuộc hệ thống bóng tối và chúng đều hăm dọa và đe dọa sự sống ở ta (co thứ bóng tối bắt nguồn từ trong *Tắt đèn* và trước nữa).

Mùa xuân “thiếu quang chín chục” là mùa xuân của ánh sáng, ánh sáng xua tan đi bóng tối. Người Việt Nam có truyền thống mùa xuân đánh giặc xâm lăng. Mùa xuân Nhâm Tuất này, ta sẵn sàng đẩy lui cả giặc xâm lăng, cố gắng diệt gọn “giặc dốt” “giặc đói”.

Bao Văn nghệ số xuân, 1982

## PHỐ PHÁI

Ở một quán nước ven thành Hà Nội mà một chén nước trắng một xu nay trả giá một đồng, chuyện giữa mấy người uống suông đã thấy bốc dần. Từ những linh tinh hạ tầng, họ dồn nhau tới thượng tầng: “Thé nào thì mới được làm người Hà Nội - Thé nào là cái giọng Hà Nội - Tại sao nhiều Thủ đô có văn hóa trên thế giới, kể cả ta nữa, lại lấy giọng của một Thủ đô để làm chuẩn cho phát âm cá nước. - Tai sao, thé nào, vân vân”. May miêng, muốn vui góp ngay một vài câu, nhưng tôi đã hoàn lại bà quán cái chén tống khô mui men mong được trở về ngay với tờ giấy trắng cỏ hữu của mình.

Vâng, thưa anh, họa sĩ Bùi Xuân Phái đúng là một người Hà Nội “ngàn năm văn hiến” của chúng ta. Va, mặc dầu không ở Hội Âm nhạc (không ở Hội sân khấu, không ở Hội Nhà văn) Bùi Xuân Phai có cái giọng đầy âm sắc của Hà Nội. Màu sắc khôi hình, trong cái tương phản và hài hòa của cấu trúc bức

tranh, nhiều khi cứ lảng lặng mà “nói lên” át cả giọng nhạc giọng thơ, có phải thế không khi nói chung về hội họa?

Riêng Bùi Xuân Phái, chưa mấy ai nghe anh tuyên ngôn này tuyên ngôn nọ về trường phái gì gì, mà chỉ thấy anh vẽ và vẽ. Vẽ ở toan (toile) cảng khung to, vẽ trên giấy cỡ nhỏ hơn bìa tiểu thuyết, vẽ trên giấy bìa hộp mứt bỏ đi, có bạn tò vè am tường tiếng Pháp, con gọi là *minipeinture*, vẽ cả trên những miếng giấy cứng nhỉnh hơn bao diêm. Sơn dầu, thuốc nước, bột màu, đủ cả. Anh vẽ như con người ta phải hít thở, như người ta phải uống nước đun sôi nước nguội men nồng. Số tay của Bùi Xuân Phái ghi và ghi những nét của vật, của việc của người lúc động lúc tĩnh lại. Cái miệng cái cổ cái cánh tay bàn tay ai đó đang phát ngôn giữa một buổi họp. Cái dáng một cô áo đỏ một bà áo xanh đang dấn thân vào tim một ngã tư ầm ầm xe máy xe đạp. Nhất định những số tay tùy thân này đã giúp cho họa sĩ minh họa cho các tuần báo đến ánh chụp nhưng lại còn cần đến vẽ để khắc gỗ hoặc vào bàn kẽm. Tôi nghĩ rằng nhà văn lúc non tay diễn tả, có lúc tưởng như mình tuột hết vốn chữ rồi, thì nên tìm ma xem những số tay ghi chép bằng nét vẽ của các họa sĩ sẽ gợi nhiều cho mình và hồi sinh cho mình nhiều chữ tư tưởng rơi rụng rồi.

Bùi Xuân Phái vẽ rừng vẽ núi vẽ sông vẽ biển, bãi cát, đường rừng, đường làng, hậu trường sân khấu chèo, nhưng nhiều nhất vẫn là phố. Phố Thủ đô, góc phố Hà Nội, Hà Nội nội thành. Chả thế mà người quen, - cả những bạn mới quen - đều gọi anh là Bùi Xuân Phố. Người thường thức hội họa hay nhắc luôn đến *phố Phái* cũng như thường nói đến *đĩa Sáng* (Nguyễn Sáng thi công sơn mài ở mặt bằng tranh, ở mặt trũng lòng đĩa).

\*

\* \* \*

Tôi quen Bùi Xuân Phái từ hồi còn làm báo, các thứ báo. Cách mạng tháng Tám thanh công giành chính quyền, tờ "Văn hóa" ra khổ to bằng cả cái chiếu đóng người nǎm, có tranh Bùi Xuân Phái. Hà Nội bị chiếm đóng lại, Phái vẽ phố - phố Hàng Thiếc, lòng phố nghênh ngang một cam nhông nhà binh Pháp đi bắt lính, bạt che kín bưng. Tranh đề niêm hiệu 1952 Hà Nội, tên ký của họa sĩ còn dài dòng cả tên cả họ cả chữ đệm (nay, họa sĩ đã giàn dì hóa chữ ký thu gọn nét, ý chứng là muốn dành chỗ cho khôi và nét vẽ và chi ký gọn thon lớn Phái). Và Phái càng vẽ phố. Phái ta ít vẽ phố mới có những "mái buôn nghe sáu rụng" (thơ Chính Hữu). Cũng như mọi người vẽ phong cảnh,

ngoài chuyện về phố, Phái cũng vẽ bờ cát sông, bãi cát biển, đường làng, đường rừng. Về chân dung, vẽ hoa Tết, vẽ con Ngựa nếu âm lịch là năm Ngọ và con Dê năm Mùi, vân vân. Về chèo, có nữ phuơng chèo, những bộ áo dài màu tươi dân tộc của chèo, và cả cái hậu trường y phục chèo; nhưng ngắm cho cùng, thì cả cái gian áo hậu trường chèo ấy cũng chỉ là những ngóc ngách để ra trò, những con hẻm những lối ngoặt. Gì thì gì, Phái vẫn trở về với phố của mình. Cho đến trường nam của họa sĩ Phái cũng vẽ phố Hà Nội (một số tranh vẽ thấy dễ thương) cho đến nỗi có nhà báo đã đưa: “Chả biết bức nào là của bố, chẳng rõ tranh nào là của con”. Thế là tranh *gia truyền* à. Bút pháp *gia pháp* ấy là nghề nhà à! (*Nhà hiểu theo nghĩa vẽ, hiểu theo cả nghĩa kiến thiết kiến đô Hà Nội*).

Tranh Bùi Xuân Phái cho ta thấy mặt nhà, phố cũ và những mái những góc phố cũ. Những đầu hồi, những cái dâu, những cửa lùa, những mái chông diêm. Nhưng theo lời một số bậc già Hà Nội kể lại cho vãn sinh này, thì thấu qua mặt tiền phố Phái, ta hình dung ra biết bao cái bên trong của lòng nhà Hà Nội xưa. Cứ hiển hiện ra sân trong có giếng thơi, những tẩm cửa bức bàn, các gác lửng, những tẩm cửa đằng, và lan can gác tầu mả của những ngôi nhà ăn thông từ phố mặt nhà trước ra tới cổng hậu ở phố nhà sau. Chao ôi, phố cũ Hà Nội nó là như vậy. (Cácbottan bưu

thiép kiểu Dieu le Fils thời toàn quyền thống sứ đã chụp lại nhưng nó cũng không phải là như vậy!).

Nhớ về Hà Nội xưa từ thuở còn mang danh là Thăng Long, ta đều cùng biết với nhau rằng Hà Nội có phường có phố từ các nhà Lý Trần và từ nhà Trần, đã “Hà Nội 36 phố phường”! Vào cái thuở ban đầu ấy của một cố đô, nhà cửa Kinh kỳ chỉ có đất trát, đất nung (gạch). Loại tường kiên cố và nhà kè sang, thì vôi vữa có thêm giấy bồi giấy moi (giấy bàn dành cho sách vở) muối mòi muối biển, và mật mía. Đến Tây sang mới thời ra cái anh xi măng. Có lẽ trong những nếp thành cũ kiểu Vô-băng (Vauban) của cái ông “vua công rắn cắn gà nhà” Gia Long đó, đã có pha xi măng Phú Lãng Sa rồi.

“Thế những ngôi nhà những mảng nhà những phố Bùi Xuân Phái vê kia, đã có pha xi măng chưa?” một ông uống cà phê cả buổi sớm cả buổi chiều đã đập luôn một ông cùng uống. Tường quán cà phê, loáng thoảng vài tấm sơn dầu phố Phái. Phải nói rằng Bùi Xuân Phái là một họa sĩ bình dân, tranh của Phái có mặt cả ở những gian lộng gió xóm nghèo.

Một vài người bạn trí thức mình ở các đô ngoài về ăn Tết Tổ quốc thấy các quán giải khát cà phê đều đầy đủ treo tranh thật (dĩ nhiên là có cà Phố Phái) đều gật gù: “Hữu ngạn Sông Hồng (ý nói Hà Nội) kém

gì tà ngạn sông Xen (ý nói Pari)". Một vài khách tỏ ý thích tranh Bùi Xuân Phái nhưng có vẻ kêu là nhiều mái nhà hay góc phố không được giống với thực địa ở phố. Cũng lại trong số bạn hàng quen của quán, có người cả tiếng bênh họa sĩ: "Có thể có một số chi tiết không giống. Nhưng đây là người ta vẽ. Vẽ khác hoàn toàn chụp ảnh. Sáng tạo hội họa không có nghĩa là chụp ảnh, chụp ảnh kiểu phó nhòm tầm thường".

Rồi chuyện cà phê tranh ảnh kéo sang chuyện như phố mới khu mới của Hà Nội mở mang thêm từ đây. Đúng, - có người lên giọng - xây dựng Hà Nội mới, không ai lại đi dập theo nhà cũ phố cũ (Tây thuộc địa ngày xưa gọi là *quartier indigène* - khu vực người bản địa, chật chội và thiếu đủ mọi thứ tiện nghi). Nhưng nên nhớ rằng sau Thế chiến Hai, một số thành phố và thủ đô bị san bằng, nay xây dựng lại như cũ, từng phố từng nhà cất đúng lại như cũ. Mặt ngoài như cũ, và bên trong thì thiết bị và tiện nghi rất chi là hiện đại.

Ở ta, không có vấn đề tái thiết như thế. Nhưng phải bảo quản lấy một số góc phố cũ, một số nhà cũ nhất là ở Thủ đô Hà Nội. Ví dụ, nên cắm những tấm biển "cả khu ngõ Phát Lộc này đã được Bảo tồn Bảo tàng xếp hạng". Kiến thiết Hà Nội, mở mang phố mới khu mới với nguyên liệu mới và kiểu nhà theo lối kiến trúc tân kỳ. Nhưng còn giữ được hình dáng khói góc

của phố cũ nhà cũ, cái mảng mới của Tân Hà Nội càng được thêm kích thước không gian thời gian.

\*  
\*      \*

Tranh Bùi Xuân Phái nhất là phố cũ Hà Nội có một giai đoạn dùng những màu ấm nóng, nâu đậm nâu nhạt. Màu gạch tường kinh niên, màu ngôi già, trăm năm mưa nắng. Gần đây tranh Bùi Xuân Phái, màu nhẹ nhõm. Nó khắc nịch cái màu đá, xanh xanh cái màu cựu thạch khí, lờn lợt cái màu tân thạch khí và thanh thoát cùng vô cùng. Phải chăng nét bút xuống tay càng già thì màu càng bay lên.

Thủ đô chưa có những tập san có tranh, phụ bản, bài khảo cứu về Hà Nội xưa (trước đây có tập ký yếu *Amis du Vieux Hué*). Thường thức tranh phố Phái, người Hà Nội - Hà Nội hiểu theo nghĩa Thủ đô toàn quốc tái thống nhất - người ở trong nước cũng như lênh đênh bốn biển, đều thèm những tập san về Hà Nội cả xưa cả giờ, kèm nhiều phiên bản tranh phố Phái.

Theo *Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi*  
NXB Hà Nội, 1983

## BĂM SÁU CÁI NÔN NUỜNG XUÂN HƯƠNG

Này, anh này, trong cái nghề chúng ta, nay bắt được quả tang có những vị đã có sách in rồi hẳn hoi mà từ vị (vocabulaire) rất yếu hèo, thậm chí còn nhảm chữ nọ ra chữ kia nữa. Đúng thế anh ạ, ví dụ sói và ngâu làm gì hoa nó có cánh mà khi nó chín, ‘người ta lại viết nó nở’. Ví dụ từ kép “nôn nướng” thì lại hiểu nhầm thành từ kép “nôn nà”, thật tình mà nói, khi đôi đưa trẻ tráng thương yêu nhau, thì có lúc cũng thấy cái nôn nướng thành ra một sự nôn nà. Nhưng mà nó thật khác nhau. Nôn nà chỉ là cái tươi đẹp chung chung, còn nôn nướng đi vào những cái những con rất chi là cụ thể. “Muốn băm sáu cái nôn nướng ấy a! Khéo nôn nướng chưa!”.

Xin phép được chép ra đây một đoạn của *Từ điển tiếng Việt* của nhóm Văn Tân về *nôn nướng*. “Từ chỉ vật làm bằng gỗ, tượng trưng dương vật (*nôn*) và âm hộ (*nướng*) do nhân dân ở miên Dị Nậu và Khúc Lạc (Phú Thọ) xưa làm ra để rước thần. Khi rước những

người khiêng kiệu vừa đi vừa hát: “Ba mươi sáu cái nõn nướng, cái để đầu giường, cái để đầu tay”. Khi kiệu đến chõ thờ thần, người ta tung nõn và nướng cho mọi người cướp, con trai cướp được nướng, con gái cướp được nõn là điêm tốt. *Ba mươi sáu cái nõn nướng*, thành ngữ dùng để nói mìa những người đòi hỏi những điều quá đáng”.

Trong kháng chiến chống Pháp, tôi có thồ xe đạp qua mấy vùng Hiền Quan ả đào, và vùng Dị Nậu có trò nõn nướng đó. Gần đây, chiều chiều có dịp nâng cốc rượu mạnh xinh xinh, đồng chí Tây và Đầm bạn bè lại hỏi tôi về những chuyện ấy. Thật là vui mà cũng khá vất vả. Ngoại ngữ của mình chỉ có chừng đó thôi, mà nay lại phải nói ra về *ba mươi sáu cái thứ đó* (Lại xin phép mở cái dấu ngoặc mấy chữ *băm sáu* ta vẫn dùng như *băm sáu* phố phường, Pháp cũng hay nói ba mươi sáu, vậy thì ai dùng trước, xin các bậc cao minh chỉ giùm cho). Giảng cho người nước ngoài hiểu sao cái cửa nử lại gọi là *cửa minh* và cái cửa nam giới lại gọi là *gãy thằng ăn mày*, ô là là, khó thay cho kè giảng về “sự đời như cái lá đa...”.

Lại nhớ hồi nhỏ được nghe lóm các cụ quá chén cao hứng nói về những cái đó và đã hiện thực cái đó theo kiểu đố thanh giảng tục - trái với lối thông thường đố tục giảng thanh: “múi bưởi, hạt hồng, rẽ củ ấu - trông

thì thèm, cho ăn thì giận” ấy là chưa kể những câu toàn nói lái!

Về thành ngữ “Muốn gì muôn băm sáu cái nõn nướng ấy à!” Tôi có hỏi kỹ một anh bạn ở Tổng cục đường sắt quê ở làng Trúc Phê gần sát vùng sinh ra cái trò nõn nướng đó. Thì được biết nõn và nướng là cái hèm của Thành hoàng làng đó, dịp cúng bái là phải cúng rồi tung nó lên cho mọi người tranh nhau cướp cho bằng được. Đàn ông cướp được cái nướng, đàn bà con gái cướp được cái nõn thì coi là hạnh phúc sẽ tới với họ năm đó. Thời cũ của người An Nam xưa là lập gia đình rồi mà mãi chưa có con thì coi như là vô phước vô phúc. Cho nên giữa ngày hội làng, phải ném được nõn nướng. Nướng là một cái mo cau đâm thủng một lỗ, nõn là khúc ngắn gỗ xoan (làm nhà). Đèn nến cúng tế tới một lúc thì tắt phứt cho gái trai chung dụng nhau, rồi lúc trở lại có ánh sáng, chủ tế mới tung cao đôi nõn nướng ra trong tiếng vui nhộn mọi người, kể cả những anh á tay không.

Thế giới quan, nhân sinh quan của Xuân Hương (Cô Nguyệt) là một nhỡn quan nõn nướng. Bất cứ cái gì, bất kể lúc nào và ở đâu, vẫn vang ngân lên chỉ nõn và nướng. Câu nào, chữ vần nào cũng chỉ có mỗi cái sự như thế của cái ấy và cái nọ. Thơ Xuân Hương là một thứ hiện thực sâu sắc. Gọi nổ ra như chụp ảnh, như chĩa máy quay phim vào. Đừng có tay nào nói

nhảm gọi đó là lối hiện thực của chúng ta bây giờ - mặc dù đã có một ông Văn Tân (theo lời vạch ra của Xuân Diệu) kêu Hồ Xuân Hương chả có gì là tiến bộ, chỉ có cái dâm tục (cụ thể là bài thơ *Ông chồng bà chồng* vịnh hòn đá phong cảnh nọ đè lên hòn đá cảnh kia).

Chao ôi, Xuân Hương, người đàn bà độc đáo, nhà thơ vô song hiện thực trữ tình! Cái hiện thực của sự sống, đa âm đa dương. Có anh bạn uyên bác liền cười cười hỏi luôn “Vậy chờ ông, khi nói về bà đó, có định nói thêm về những libidō của Phorôi (Freud)? Và ông có nghĩ bà Đẹp hay không Đẹp?”.

Có, đã có nghĩ tới những khía cạnh này ở Hồ Xuân Hương. Nhưng thôi, hãy tạm chấm dứt ở đây.

Hà Nội, Thủ đô 1986

## CHUYỆN NGHỀ

### ĐI VÀ VIẾT (I)

**N**gày xưa có một nhà văn đi rất dữ (dữ, hiểu theo nghĩa tốt) và viết cũng rất tợn (t tợn hiểu theo nghĩa tốt). Đúng về thời gian mà nhìn lùi, thì người bộ hành ấy đã đi trước lũ chúng ta những hơn hai ngàn năm, lúc ấy tuyệt đối nhân loại chưa có một tý ô tô, tàu thuỷ, tàu hỏa, tàu bay nào. Thời gian xa lăng lắc là như vậy, nhưng đúng về không gian mà nói thì nhà văn kiêm đại sứ gia Tư Mã Thiên thật là rất gần với chúng ta. Ở Trung Quốc nước ông thời ấy cùng là trước hồi ấy, nghĩa là trước khi chúa Giu Xe ra đời, có rất nhiều người cũng đi khắp Trung Quốc bao la vĩ đại. Cái đám “quá Tam Giang vượt Ngũ Hồ” này, đúng là những người mưu sĩ cứ đi vung cà lênh hoặc những kè giang hồ nhàn tản ưu du theo một phong cách có cả Trang Lão có cả Phật. Tư Mã Thiên cũng đi như họ, đi nhiều hơn họ, nhưng không làm như họ. Ông đi để được làm người nhân chứng cho thời ông.

Ông đi cốt để viết và chỉ để viết. Đó là một “khách giang hồ” có chủ định đóng góp cho văn học bằng những trang sử mình chép lại. “Người thủy thủ nước ngọt” Tư Mã Thiên chỉ đi trong nước mà nói mà viết chỉ về nước mình, nhưng danh ông đã vượt các trùng dương nước mặn, và người ta đã mệnh danh ông là Hérôđốt Trung Quốc (Herodote là tổ của ngành sử học, người Hy Lạp, đã đi khắp Ai Cập, Ba Tư, và các nước Trung Cận Đông). Vừa rồi Nhà xuất bản Văn học cho tái bản bộ *Sử ký Tư Mã Thiên*, đó là một niềm vui cho những người thèm đọc sách tốt sách hay. Văn tài của nhà bộ hành chép sử đó quả là bậc thầy, nhiều việc ở đâu ở đây mà càng đọc lại, càng thấy cứ như là chuyện nhỡn tiền.

Bài học của Tư Mã Thiên để lại cho lũ hậu sinh sáng tác chúng ta có thể tóm tắt như thế này: “Muốn viết cho được tốt được hay thì phải đi, mà phải đi đúng và đi nhiều”. Cái sự thật có tính châm ngòi này cả người già đời văn ở ta và cả anh chị em trẻ mới vào nghề, không còn ai bày giờ dở hơi đi bàn ngược lại, mà chỉ có bàn sâu thêm vào thôi.

Đi về thì viết ngay hay vừa đi vừa viết? Đi mãi rồi mà chưa viết được thì làm sao? Đi điểm hay là đi diện? Đi dàn hay là đi lè? Đi về các cơ sở sản xuất chiến đấu nên đi vào lúc người ta tối mặt lại vì khói lượng công việc, hay là đi vào lúc sơ kết tổng kết mờ

hội mừng? Hoặc là: đi miền núi, nên đi vào mùa đông hay đi vào mùa hè? Nhà phê bình văn học có cần đi không, và có nhất thiết phải đi giống như đám sáng tác không? Đi thì sự ăn uống tiêu pha những kỳ lưu động nhất định là tổn, nhưng cần phải tiết kiệm thì đã có những kinh nghiệm cụ thể chưa? Vâng vâng. Xin tạm gọi ra đây, để các bạn trong nghiệp văn bàn thêm và gợi thêm nữa.

Riêng trong bài này, tôi muốn xin ý kiến về chữ “đi thực tế”. Có phải vì tránh chữ “đi vào thực tế đời sống” mà ta phải xén bớt đi không? Theo thiển ý tôi, hiểu theo nghĩa trên và muốn cho khỏi lê thê lòng thòng thì chỉ nói ĐI là đủ rồi. ĐI và VIẾT, đủ và rõ quá rồi.

Tạp chí *Tác phẩm mới*, 1972 số 17

## ĐI VÀ VIẾT (II)

Đông Tây cổ kim, xem ra đã được gọi là danh sĩ thường đều là những vị đã đi khá nhiều. Đi dọc đi ngang, đi lên đi xuống, đường đi nước bước của họ cứ như là kè bàn cờ trên sông hồ trong nước, và kéo dài ra khắp đó đây ở ngoài quê hương họ. Nói người đi

nhiều là người lịch sự, quả là đúng vậy ôi (chữ lịch sự không hiểu theo cái nghĩa ăn nói ăn mặc nhã nhặn mỹ miều, mà là hiểu theo cái nghĩa gốc của nó tức là tầng trải việc đời). Đì (vào thực tế đời sống) để được tầng trải sự đời chuyện đời người đời. Nói một cách khác thì gọi là để tích lũy vốn sống. Không có cái vốn sống cái tầng trải thực tế ấy thì làm sao mà tưởng tượng được, làm sao mà hư cấu được ?!? (ở trong nghề chúng ta, chắc mọi người đều đã nhận thức rằng hư cấu không khi nào tách rời thực tế sự sống, và vốn thực tế càng nhiều thì sức hư cấu càng cao sâu; - mà có hư cấu được thì cái văn cái thơ ấy mới vượt được mức “nhật trình” mà thật sự đi vào cửa giữa của văn học).

Cho nên đì (vào thực tế đời sống) là một nhu cầu có tính nghề nghiệp của bất cứ ai định làm ăn một cách chính đáng bằng con đường văn. Nên đì, phải đì, phải có cái kỷ luật đì, gọi như thế cũng cứ cho là được đì. Nhưng nếu có “kỷ luật” thì đây cũng là một thứ kỷ luật tự giác. Chẳng ai cưỡng bức anh phải đì cả. Anh yêu công việc của anh, anh quý cái nghề của anh, anh tự trọng anh từng trang từng chữ từng hình tượng dân qua khâu sự vật sự việc thì anh chủ động mà khăn gói lên đường thanh thản đàng hoàng. Có một đạo một số người in trên báo chí Sài Gòn nói rằng “Đảng và Chính phủ Bắc Việt đầy một số văn nghệ sĩ

lên mạn ngược ma thiêng nước độc". Còn có sự xuyên tạc nào kinh tởm đến mức áy không! Chúa Giúp Xe sao lại nỡ ban cho lũ quỷ dữ đó cái lưỡi con người để chúng thở ra những câu quá đỗi xàm bậy! Đúng, có những đợt rất đông văn nghệ sĩ đi thương du vì ở đây đang có những vấn đề lớn về cài thiện quan hệ xã hội và đấu tranh với thiên nhiên. Họ lên những chỗ cửa rừng lạ chỗ thương nguồn đầu sông cuối núi, cũng như họ đi ra những nơi cát trôi rốn biển đảo xa cũng như họ đi ngay trong lòng năm cửa ô Hà Nội đi ngay giữa băm sáu phố phường quen thuộc của họ. Ai muốn đi đâu thì đi, ai cần đi đâu thì được đi tới nơi ấy. Họ đi khắp nơi trên đất nước với tư cách hiên ngang của người chủ nhân ông tấp thế mỗi chuyến đi là một lần văn thơ lại rộn ràng thêm về việc quản lý chung tài sản Nhà nước mình.

Ít lâu nay người ta hay nói đến mấy chữ "đại sứ lưu động". Nhà văn chân chính, hiểu theo một khía nào đó, cũng là một thứ đại sứ mà sự lưu động thật quả là không còn nghi ngờ gì nữa. Cuộc đời con người làm văn có cái vẻ như chỉ có hai việc: chân thì đi mà tay thì viết. Có người dừng chân rồi tay mới bắt đầu viết. Có người đang viết thấy như hết chữ dùng buông bút đó bỏ đi một chặp, lúc trở về lại lái xuống bút đều đều. Cũng có kẻ vừa đi vừa viết, lại cũng có những tay đi đến đâu thì là viết được ngay đến đấy. Đi và

viết, một nhà văn lớp cũ ở ta trong một cuốn sách in ra năm 1943, đã nói một cách vui vui và chí lý: “Đi để lấy cái mà viết; viết để lấy cái mà đi”. Nghề văn hình như không cho phép người ta được mỏi tay được mỏi chân (tôi chưa nói tới lòng, tim, óc). Ngay cả lúc anh đâm đăm ngồi trước trang giấy trắng lạnh phau giữa phòng văn, anh cũng vẫn là một người đang đi. Đi vào cái đêm làm việc của mình. Đi cho đến chõ tận cùng của đêm mình. Của một đêm, của trăm của ngàn đêm của ngàn lẻ đêm, -mỗi bước đi đêm là một nhích tới vầng sáng của tái tạo.

Tạp chí *Tác phẩm mới*, 1972, số 18

## ĐI ĐỂ RỒI VIẾT

Anh bạn đồng nghiệp của tôi đi gần hết vùng Tây Bắc. Cán bộ khắp các huyện miền núi Tây Bắc không ai là không biết đến Kh. Ph. Người ta đọc Kh.Ph. khá nhiều, nhưng cái điều đó chưa quan trọng bằng cái việc người ta thấy Kh.Ph. luôn luôn xuất hiện tại các huyện miền núi. Năm nào anh cũng đi Tây Bắc, có năm đi tới vài lần. Cái cách anh đi thường du đó, chưa đúng là cách đi của Kh.Ph. Thường là chỉ lùi tha lùi thuỷ một mình. Có lần, có những chuyến đi Tây

Bắc rất đông anh em, chị em, cùng nghề chắt ních  
chiếc ô tô đít vuông rời Hà Nội. Kh.Ph. lặng lẽ lọt  
thòm trong cái số đông đang hào hứng mà thằng chị  
non Tây. Nhưng ngay cả trong những dịp đi đó,  
Kh.Ph. vẫn là một người bộ hành đơn độc. Vì mọi bạn  
đồng hành đều đã trở lại Thủ đô thân mến, riêng chỉ  
còn Kh.Ph. là tụt lại, có khi hàng nửa năm sau mới  
lại thấy Kh.Ph. soi bóng mình xuống mặt Hồ Gươm.  
Có người châm chọc Kh.Ph. một cách thân mật của  
con nhà nghè: "Có phải anh định làm một thứ sư tử  
đi ăn thì chỉ đi ăn một mình, chứ không bao giờ chịu  
đi đàn đi lũ!". Thì Kh.Ph. cũng vui đùa trả lời: "Nếu  
thật ra, trong việc đi thực tế có hiện tượng sư tử đi  
lẻ, thì mình cũng chỉ là một thứ sư tử bất đắc dĩ thôi.  
Lúc đầu, đi thành một tổ, tới địa điểm, chia ra thành  
phân tổ, mình cũng là một tổ viên như tất cả mọi hội  
viên rời Hà Nội. Thế rồi các anh lè té về trước mình  
cả, vứt mình ở lại giữa rừng giữa núi. Sư tử sư tiếc  
gì thì cũng chưa biết ai trong chúng ta xứng đáng  
danh hiệu đó, nhưng ở miệt trên núi, có những buổi  
minh cũng thấy mình như một con mèo rừng bỗng  
nhớ một mảnh giăng về sáng chênh chêch trên một  
hồi nhà ngoại thành. Quả thật cũng có những chuyến  
mình rẽ ngang trước các anh. Các anh thi ngồi trên  
xe hai ba chục ngựa máy mà đi tiếp con đường trực  
cấp phôi, còn mình thì phải rẽ tắt con đường mòn".

Kh.Ph. thỉnh thoảng lại hay có khách miền núi ăn cơm ở nhà. Mỗi lần họ về tham quan Thủ đô, thế nào cũng dành ra một vài buổi tối chơi với Kh.Ph. Ông già có, bà nã dòng có, cô xòe, cô nữ sinh đều có. Lúc ăn cơm nhà, lúc ăn cơm hiêu. Kh.Ph. giới thiệu với tôi: “Những bạn mới vừa kết nghĩa với tôi trong chuyến đi năm trước”. Tôi cố gắng trong những buổi cùng tiếp khách với Kh.Ph. Và lòng tôi rộn hẳn lên, mỗi khi xoay được đủ vé đi xem hát cho đoàn bạn mới của Kh.Ph. hay luôn miệng kêu ca một cách thật thà đáng yêu “đi bộ phố Thủ đô nó chóng mỏi vì Hà Nội không có một quãng núi đá nào cả”.

Kh.Ph. và tôi có những buổi 17 giờ chiều Hà Nội hai đứa cùng bất giác nhớ tới một con suối Tây Bắc, một cái bến đò Tây Bắc, một đám bông lau trong mây Tây Bắc. Những kỷ niệm miền núi sông Tây Bắc bên lề những chuyến đi (vào) thực tế (đời sống) thương du lịch được tái hiện dưới dạng những câu nói câu hát nhiều hình tượng thơ ngợi. Kh.Ph. bỗng hạ giọng, như là sợ có ai nghe trộm: “Ông và tôi là hai thằng tự coi mình như là người của Tây Bắc, không thuộc biên chế trên ấy, nhưng hình như cán bộ nhiều huyện cao, huyện thấp trên ấy đều đã gắn tên bọn mình vào đèo dốc, ghênh bến của Tây Bắc. Mỗi người một kiểu một cách, ta đâm mê với thực tế Tây Bắc, lâu lâu mà lên chưa kịp, thì lại có khôi người nhắc, lầm hóm đang

nuốt dở miếng cơm là cứ sặc khốn sặc khổ lên. Nói cho ông biết rằng thời Pháp bảo hộ Bắc Kỳ mà tôi với ông cứ đi khắp Tây Bắc với cái nhịp độ ấy, thì thế đ.. nào Tây cũng bắt rồi, đại lý Pháp, tri châu, bang tá, thổ quan cũng bỏ tù rồi". Ừ có thể, lâu nay mình là người tự do trong quê hương mình, muốn ca ngợi gì thì mặc sức mà nói năng, muốn đi đâu, thì tha hồ mà đi, đi tới đâu thì địa phương lại còn giúp đỡ thêm nữa, thành thử quên khuấy hẳn cái điều ghê gớm mất tự do đi lại cũng nơi đó hơn hai chục năm nay. Kh.Ph. chen vào rượu nhớ rừng những lời chê trách tôi viết ít, nhất là về Tây Bắc càng ít.

"Theo chỗ tôi biết, vốn sống của ông không đến nỗi thiếu, sao ông không viết truyện? Cũng không phải là ông không có tí kinh nghiệm bản thân nào về môn truyện nhất là truyện ngắn. Vốn của ông tích lũy sau bao lần đi Tây Bắc kể cũng đã khá. Cuốn *Sông Đà* cũng mới chỉ là báu ra một mảng vốn đó thôi. *Sông Đà* in ra đã mười hai năm nay, từ đó có hàng sách hầu như đã quên mất tên ông... Ông nên nhớ rằng chỉ có những khách du lịch máy bay quốc tế là có quyền đi vung lên mà không cần viết lách gì cả, còn chúng ta thì phải vừa đi và vừa viết nữa. Và viết là chủ yếu. Nếu đời văn phải dành ra nhiều tháng nhiều năm cho đi, thì cái cuối cùng của chuyến đi ấy, vẫn là viết. Phải viết ra cho được".

“Mình vốn viết chậm, so với ông thì càng là chậm nữa. Vả chăng, những chuyến đi thực tế của mình, mình cũng chưa sơ kết tổng kết được. Cách sơ kết, tổng kết tốt nhất vẫn là in ra được một cuốn gì đó. Mình chưa in thêm được gì, nhưng mình vẫn chưa nguội cái lòng đi. Đi rồi để viết, đúng thế. Vợ tôi cũng bảo tôi là “Bao giờ cũng thấy ông rối rít lên đi nào là tỉnh này, huyện kia, nào lên rừng, nào xuống biển, ai ở một cái là ông lao theo ngay. Ông đi khỏi ra đây, mà có thấy ông in ra cái gì đâu. Chả bù với người ta”. Ủ thì địch thế nào được với mọi người. Thưa ông, tôi muốn nói một cách nghiêm túc rằng tôi chưa viết được nhưng tôi cứ tiếp tục đi thì sao? Bây giờ đứng trước đất nước lớn lên và rộng ra, tôi là một thành viên của cái tập thể chủ nhân ông ấy. Với cái tư cách sang trọng có trách nhiệm đó, tôi đi vào các mặt sống của sự sống khắp nơi để tập làm người chủ giỏi, cố giỏi về mặt quản lý đất nước mình. Ai quản lý giỏi, ai quản lý chưa giỏi, nhất định tôi phải có ý kiến rõ ràng và độc lập. Đức lại những ý kiến đó, lúc này tôi chưa nghĩ tới, nhưng sớm muộn rồi cũng phải làm. Nhưng trước mắt, là qua cái khâu đi, và các chuyến đi ngắn dài rừng xa, biển gần, tôi đang luyện cho tôi một cách thẩm mỹ học. Thẩm mỹ học này không tách đao đức

học của những người có ý thức về vai trò của ngòi bút mình góp phần vào sự nghiệp cải tạo thế giới. Nói thì nó to chuyện như vậy; thực ra tôi thấy rằng đi đến đâu lại viết luôn được đến đây thì còn gì hạnh phúc bằng. Nhưng mặc dù chưa viết nổi mà vẫn không chịu bỏ anh em trong mọi dịp đi, trong người vẫn giữ đúng được nhiệt độ của nhiệt tâm, đó vẫn là một cái gì đáng nhân cho mặt đương thịnh chư ông?".

"Mỗi người có những điều kiện cụ thể và môi trường cá thể để thể nghiệm đời viết của mình. Riêng tôi thì tôi chỉ công nhận tôi bằng những trang tôi đã viết được ra. Còn hay hay không hay, tùy ở sự phẩm bình công bằng của người khác. Tôi cố gắng phát triển một cái tập tục đáng yêu của người mình. Là đi đâu về, bắt cứ ở đâu về, là tôi cũng đều có quà. Cái quà cõm của tôi có thể hợp khẩu vị người này mà người khác lại không ưa. Cái đó không hề gì. Lòng tôi thành, bút lực của tôi chỉ mới có bằng ấy, xin hãy cứ cầm lấy cho tôi vui lòng".

Quả có như vậy, mỗi chuyến đi về là Kh.Ph. đều có quà. Hình như tỏ ra là mình không thèm khướm lượm với sự đời, Kh.Ph. có đi là có viết ngay, ăn đâu tới đâu là tằm ta trả nợ ngay tối đó. Nhát là đi Tây Bắc về thì lại càng sòng phẳng. Lúc một vài trang báo

lúc có hẵn cả một cuốn. Trong khi người khác đi miên ngược về, thì lẽ mẽ nào là mộc nhĩ, măng khô măng tươi, cao gấu, cao hổ, cao khỉ, nấm hương, mật ong, thì quà của Kh.Ph mang về là những dòng văn xuôi đậm thăm một chút tâm lòng thả ngược về chốn mây cao vào nguồn xa trên áy.

Tạp chí *Tác phẩm mới*, 1972, số 19

### ĐI, ĐỌC VÀ RỒI VIẾT

Người làm nghiệp văn thấy hình như đời mình nghề mình chỉ thâu tóm lại có ba việc cơ bản: đi; đọc; viết. Ba việc ấy liên quan chặt chẽ với nhau. Trong ba mặt đi đọc viết của hoạt động liên tục nghề văn, có những thời kỳ người ta làm được cả ba việc ấy một cách đều đặn. Vừa đi, vừa đọc, vừa viết! Ví dụ trong một chuyến đi “thực tế” ngắn độ một tuần hoặc mươi ngày: khởi hành, đêm la nhà nơi khách xá hoặc quán trọ, mệt nỗi đọc đường mà lại không yên giấc. Bèn nhòm dậy, đốt cây nến tuy thân, đọc một cuốn địa lý lịch sử hoặc một tác giả thân tín mang theo, coi đó như thêm một chút gia vị cho bữa cơm đầu xênh nhà.

Và giờ sốt tay cù về vùng mình đang tới, mà ghi chép tiếp. Có khi lại nổi gió lên mà viết ngay một bài đã trót hẹn với “quý báo” nào mà vì vội đi nên chưa kịp trao bản thảo. Hôm sau thật sớm, xếp lại đồ mây trang dở dang, để lên đường tiếp cái chặng cuối của chuyến đi. Coi như trong thời gian mười ngày đó kể cả đi kể cả về, mình vừa đi để nghe và thấy tại chỗ những gì mình cần thấy tận mắt cần nghe bằng chính tai mình chứ không phải bằng cái lỗ tai người khác nào; mình vừa đi vừa bỏ ngủ mà đọc hết chỗ sách đồng hành; vừa đi vừa đọc được, và vừa ghi chép đủ tư liệu, cùng là hoàn thành kịp cái bài viết đã lờ hứa với một nơi nào đặt mình.

Có những lúc lại mang theo trên mình một tấm hộ chiếu mà đi. Những lúc lữ thứ quê người, nhà văn đại sứ lưu động áy vẫn vừa đi vừa đọc vừa viết. Trên phản lực, trong toa xe xuyên Xibéri mà đọc *Kiều* thấy thú vị không cung. Tôi không chủ trương rằng phải xa nước ra ngoài thì mới nhập thâm hết văn Nguyễn Du, nhưng thật tình mà nói, hình như vào những phút cách ly với quê hương gốc đó, mới càng thấy tiếng nói của ta quả là nhiều đức tính. Có những ảnh những hình những từ *Kiều* đến phút tha hương đó mới lồ lô hết mặt chữ và âm vang. Đêm vò vĩnh phòng trọ ô-ten,

lui hui viết nốt những điều hăng thông tần bạn hỏi về sự minh chất chịu xây dựng chủ nghĩa xã hội, và nổi lửa thiêu tàn quân Mỹ. Phòng bên, bạn đồng hành của tôi, người làm bài thơ tuyết sa trên tượng Lênin, người viết thèm một chương mới cho tiểu thuyết về bầu trời Việt Nam. Đêm đát khách có lúc viết cảm thấy như mình hết chữ hoặc quên mất mặt chữ, lại mang *Kiều* ra đọc. Rót một chén rượu quê mang theo, mỗi ly chỉ một tớp, nửa vì chống tuyết sa ngoài cửa kính đúp, nửa như thảm thường cô *Kiều* đang đối thoại với mình bằng cái cách nói sáu tám trác tuyệt của Nguyễn Du. Đọc lại vài vần *Kiều*, thấy bút lại chạy đều đều trên trang giấy mang nhân hiệu khách sạn. Ở trong nước cũng vậy, ở ngoài nước cũng thế, hạnh phúc vậy thay là những người làm nghiệp văn mà lại đều đều làm được song song cả ba việc đi, đọc và viết! Nhưng có những thời kỳ chỉ làm được hai việc đi và viết. Còn việc đọc, tự mình phải lược bỏ nó đi, vì thì giờ phải dồn hết nó vào việc viết, viết bất cõi tà hữu. Nhưng lại có những lúc đã không đi nổi mà viết lại cũng chả ra. Thì danh đọc, đọc suông vậy (một dịp tới, xin trao đổi thêm với các bạn về sự đọc, - đọc hiểu theo nghĩa tu dưỡng nghề nghiệp của một người coi việc viết là lao động chính).

Nói tóm lại đi đọc viết là ba mặt hoạt động quan trọng của người làm nghề văn. Lúc mà giờ chiêu lòng (giờ=khách quan; lòng= chủ quan), người văn đều chán, đều mắt, đều tay mà làm cả ba việc. Lúc căng thì chỉ làm hai hoặc một. Có lúc bỏ cả đọc, bỏ cả đi, mà phải ngồi mà viết ra cho hết. Vậy thì vào trường hợp ốm yếu không đi lại cũng không viết được, thì sao? Thì đọc. Dồn vào đọc. Đọc để nuôi dưỡng cái chí viết. Đến thế mà lại không chịu đọc (đọc=học) nữa, thì nhà văn ấy xem như đã dành lòng xếp bút nghiên để chẳng có theo bất cứ cái gì nữa rồi đấy.

Tạp chí *Tác phẩm mới*, 1972, số 20

## LỜI BÌNH CỦA NGUYỄN TUÂN VỀ “BÀN THỜ TỔ CỦA MỘT CÔ ĐÀO”

Giữa mấy chén rượu thuốc chống lạnh, mấy đứa viết sách làm báo chúng tôi bèn kháo nhau: “Ông tổ của đám viết văn xuôi ở nước ta là ông gì nhỉ? Ông thầy bà cốt, thơ mộc thơ nề, “thằng hè con hát” vân vân, nghề nào cũng thờ tổ mà”. Một người cắt ngang: “Cái truyện ngắn Quang Sáng nói cô đào cải lương Thanh Sa có những hai bàn thờ tổ. Truyền diễn là được đây. Duy chỉ có cái đáng tiếc là nhân vật đàn ông là kép Châu thì đuối tay. Dồn hết bút lực vào vai nữ, hình như tay bút cuống lên, nên Sáng ta giết thằng cha này chết mau quá, và chết kỳ cục nữa...”. Diễn hôm đó đạt hay là không hay, gọi là được “tổ trát”, hay bị “tổ trát”, xin hỏi Quang Sáng, có phải mấy tiếng nhà nghề này là phiên âm từ tiếng Pháp là tờ-rác (trac) ra tiếng ta không. Tờ-rác tức la cái nỗi hối hóp thông thường khi mở màn mặc dù tôi đã dạn với lửa sân khấu.

Thấy nhớ lại cái đoạn đời đam mê hát xuống ở tôi. Năm tháng vào cái quãng giữa Nhật đảo chính Pháp thực dân và Cách mạng ta Tháng Tám. Liên mấy năm, lấy nhà hát này nhà hát nọ làm nhà mình. Tây xuống nhà thật để bắt đi tù, không thấy, liền đến bắt tại một nhà hát Khâm Thiên lúc đêm gần về sáng.

Nhớ nhất là cái ngày hôm ấy bà Chu gặng nhắc tôi: "Hôm nay giỗ tổ mình ạ", tôi làm như không nghe ra. Bà Chu liền bảo các cô con em trong nhà lấy cái mâm đồng và chai rượu cùng lá thè nhang ra đây. Bà Chu để vào lòng mâm một cái đình (tiền nhà băng Đông Dương một trăm đồng hồi đó) và đặt thè hương lên tờ bạc. Lại dặn các cô là hai bác cũng sắp sang, "Các bà của phủ ta đều đã sang cả. Số chẵn sang đủ cả rồi! Ông sang trước đi rồi tôi sang ngay đây". Tôi khăn đóng áo đoạn huyền, vẫn còn chần chờ, bà Chu giọng sắc hơn "ông buồn cười nhỉ, hát lót cửa đình hay gì gì đi nữa thì cũng không ngoài được khuôn khổ của đàn đáy sênh phách, có cái gì mà phải bận tâm quá. Thêm nữa, tôi ngồi bên cạnh có khổ nào lạ tai, tôi sẽ ra hiệu bấm cho". Thế là trong một hẻm cụt của ngõ chợ Khâm Thiên, sênh phách ríu ran, tôi đã gặp nhiều vị rể giáo phường vào bậc đàn anh về tuổi chơi và nhất là về tiền tung ra. Thế rồi bùng nổ chiến tranh.

Sau bảy tám năm ở rừng, nay về tiếp quản Hà Nội  
giải phóng, liền đi hỏi thăm về tung tích cố nhân. Thì  
các bà bạn cùng lứa cùng phường đều hạ giọng mà chỉ  
cho chõ nằm cuối cùng của bà Chu. Chao vây ôi. Hỡi  
ơi.

Mà này ông Sáng ạ, làm thêm mươi cái ngắn công  
phu như thế về đào kép cài lương và điện ánh rồi ra  
hắn một tập mà chả vui cho tất cả mọi người sao!

**MỤC LỤC**  
**NGUYỄN TUÂN TOÀN TẬP**  
**V**

Trang

PHẦN I:	
TÁC PHẨM NGUYỄN TUÂN TỪ 1976 – 1984	
TÙY BÚT – BÚT KÝ	
I.	1) Suối quặng 7
	2) Nhật ký lên Mèo 17
	3) Một bài thơ Đường 35
	4) Tây Bắc và Lào Cai 56
II.	5) Cẩm cột mốc giới tuyến 65
	6) Cầu ma 87
	7) Thi bơi 113
	8) Bưu điện Thanh đánh Mỹ 121
	9) Chỗ đâu cầu đó, chỗ bờ sông đó, chỗ biển cát đó 133
	10) Giữa chiến tranh và hòa bình là một bãi biển Cửa Tùng 148
	11) Về thăm đất lửa Quảng Trị 157
III.	12) Cô Tô 169
	13) Hôm nào Bắc Nam đã được quan hệ bình thường, anh sẽ vô thăm đâu trước hết? 186
	14) Huyện đảo 204
	15) Vẫn cái tiếng dội Cà Mau ấy 224
	16) Từ Tân Thế Giới mà về 250
	17) Mõm Lũng Cú cực Bắc 266
IV.	18) Odétxa 276
	19) Lêningrat tuyêt dầu mùa 288
V.	20) Hà Nội ta diệt B52 301
VI.	21) Hương hồng Bun (gari) 307

22) Thăng Long cầu mới 15 nhịp	317
<b>PHẦN II:</b>	
<b>NGUYỄN TUÂN, NHÀ PHÊ BÌNH VĂN HỌC</b>	
• <i>Lời giới thiệu của Nguyễn Đăng Mạnh:</i> “ <i>Nguyễn Tuân đọc sách, bình văn, dụng chán dung văn học</i> ”	325
• Những bài phê bình văn học của Nguyễn Tuân (từ 1938 đến 1987)	349
1) Cuộc trưng bày tranh lụa của họa sĩ Nguyễn Phan Chánh – 1938	349
2) Chén rượu vĩnh biệt – 1939	355
3) Tân Đà, một kiếm khách – 1939	366
4) Tân Đà tửu điểm – 1939	374
5) Một đêm họp đưa ma Phụng – 1939	385
6) Cảm xúc diễn viên - 1950	398
7) “Du kích về làng” 1952	410
8) “Lý Thới” – 1952	416
9) Quay và chiếu phim Việt Nam kháng chiến – 1952	423
10) Nhìn rõ sai lầm – 1953	437
11) Thư gửi Nguyễn Khải	454
12) Vài ý kiến về khai thác vốn dân tộc – 1954	459
13) Truyện ngắn Andécxen – 1955	470
14) “Sổ tay văn nghệ” – 1955	481
15) Đôxtôi	499
16) Đọc lại truyện “Giông Tô”	520
17) Hiệu triệu của BCH T/U Hội Văn nghệ VN hưởng ứng kế hoạch Nhà nước – 1956	524
18) Diễn văn khai mạc của ông Nguyễn Tuân, Tổng Thư ký Hội Văn nghệ Việt Nam – 1957	528
19) Thạch Lam – 1957	533
20) Đọc Sêkhôp – 1957	544

21) Phê bình nhất định là khó - 1957	581
22) Lời giới thiệu vở kịch “Kim Tiễn” của Vi Huyền Đắc – 1957	588
23) Con người Xô Viết, con người Nga trong một số phim Liên – 1959	603
24) Truyện ngắn Lỗ Tấn – 1959	621
25) “Lũy Hoa” – 1960	641
26) Tônxtôi – 1960	661
27) Lời bạt viết cho “Sóng mãi với Thủ đô” - 1961	686
28) Truyện “Tắt đèn” – 1962	725
29) Thời và thơ Tú Xương – 1962	755
30) Cần cười (hay Nhân đọc truyện Tiếu lâm) - 1963	865
31) Đọc và xem phim A Phủ	878
32) Tàn mạn xung quanh một áng “Kiều” – 1965	889
33) Về tiếng ta – 1966	897
34) Tán về ngôn từ – 1972	913
35) Con người Nguyễn Hồng – 1978	921
36) Truyện thiếu nhi Võ Quảng – 1979	928
37) Kể chuyện Vi tuyến 17 – 1979	934
38) Ký Hoàng Phù Ngọc Tường – 1980	945
39) Phim <i>Chị Dậu</i> cùng là cảm nghĩ tất niên với bác (Đầu) Xứ Tố – 1982	953
40) Phố Phái – 1983	959
41) Bầm sáu cái nôn nutherford Xuân Hương – 1986	966
42) Chuyện nghè - Đì và viết (I)	970
- Đì và viết (II)	972
- Đì để rồi viết	975
- Đì, đọc và rồi viết	981
43) Lời bình của Nguyễn Tuân về “Bàn thờ tổ của một Cô Đào” – 1987	985

---

- Đì để rồi viết	975
- Đì, đọc và rồi viết	981
43) Lời bình của Nguyễn Tuân về “Bàn thờ tổ của một Cô Đào” – 1987	985

# **NGUYỄN TUÂN TOÀN TẬP**

## **V**

*Chịu trách nhiệm xuất bản:*

**NGUYỄN VĂN LƯU**

*Biên tập: NGUYỄN THỊ HẠNH*

*Bìa: VĂN SÁNG*

*Sửa bản in:*

**PHÒNG VĂN HỌC**

**HIỆN ĐẠI VIỆT NAM**

**TÁC GIẢ GIỮ BẢN QUYỀN  
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC  
GIỮ QUYỀN SỬ DỤNG**

*In 1000 cuốn, khổ 14.5 x 20.5 cm, tại Xí nghiệp In Phan Văn Mảng.*

*Số đăng ký KHXB: 29/CXB-63/VH ngày 14/01/1999. Trích ngang  
KHXB: 76/GP ngày 31/3/2000. In xong và nộp lưu chiểu quý II/2000.*

# NGUYỄN TUÂN

## TOÀN TẬP

TẬP V

"Nghề văn là nghề của chữ. Chữ với tất cả mọi nghĩa mà mỗi chữ phải có được trong một câu, nhiều câu. Nó là cái nghề dùng chữ nghĩa mà "sinh sự" mà sinh sự thì sự sinh"

---

*Nguyễn Tuân. Trích bài giảng bồi dưỡng  
người viết trẻ.  
(Nguyễn Tuân sửa lại ngày 5-6-1984)*

**NHÀ SÁCH TRẺ**  
186 Nguyễn Thị Minh Khai - Q.3 - Tp. HCM  
☎ 8228452 - 9301022 Fax : (84.8) 9301022

Giá: 100.000 đ